

***BẠN CÓ THỂ HIỂU ĐƯỢC KINH THÁNH!***

***Tin Lành Theo Phi-e-rơ:  
Sách Mác và I & II Phi-e-rơ***

***BOB UTLEY  
GIÁO SƯ CHUYÊN NGÀNH GIẢI KINH  
(CHÚ GIẢI KINH THÁNH)***

***CHUỖI BÀI HỌC HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU GIẢI  
KINH TÂN ƯỚC, TẬP 2***

MARSHALL, TEXAS: BIBLE LESSONS INTERNATIONAL 2001

# MỤC LỤC

Lời của tác giả: Tập tài liệu giải kinh này có thể giúp ích gì cho bạn?	i
Hướng dẫn cách đọc Kinh thánh hiệu quả: xác nhận chân lý một cách cá nhân	iii
<b>Giải kinh:</b>	
Nhân Vật Phi-e-rơ .....	1
Giới thiệu sách Mác .....	4
Mác 1 .....	9
Mác 2 .....	41
Mác 3 .....	53
Mác 4 .....	69
Mác 5 .....	83
Mác 6 .....	91
Mác 7 .....	103
Mác 8 .....	115
Mác 9 .....	127
Mác 10 .....	142
Mác 11 .....	167
Mác 12 .....	177
Mác 13 .....	201
Mác 14 .....	227
Mác 15 .....	253
Mác 16 .....	271
Giới thiệu sách 1 Phi-e-rơ .....	277
1 Phi-e-rơ 1 .....	282
1 Phi-e-rơ 2 .....	306
1 Phi-e-rơ 3 .....	323
1 Phi-e-rơ 4 .....	342
1 Phi-e-rơ 5 .....	355
Giới thiệu sách 2 Phi-e-rơ .....	366
2 Phi-e-rơ 1 .....	371
2 Phi-e-rơ 2 .....	392
2 Phi-e-rơ 3 .....	409
Phụ lục 1 Các định nghĩa ngắn gọn về cấu trúc ngữ pháp Hy-lạp .....	423
Phụ lục 2 Phê bình văn bản .....	432
Phụ lục 3 Lập trường tín lý .....	435

## MỤC LỤC CÁC CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT.

ARCHÊ, Mác 1:1 .....	11
SỰ ẶN NẶN TRONG CỤU ƯỚC, Mác 1:4 .....	14
SỰ XUNG NHẶN/CÔNG BỐ , Mác 1:5.....	15
THUYẾT NHẶN LÀM CON NUÔI (một tà giáo thời kỳ đầu), Mác 1:5.....	18
TRÍ HUỆ GIÁO (xuất phát từ từ Hy Lạp <i>gnosis</i> , vốn có nghĩa là "tri thức," theo I Ti-mô-thê 6:20), Mác 1:5.....	18
BA NGÔI ĐỨC CHÚA TRỜI, Mác 1:11.....	20
NHỮNG CON SỐ BIỂU TƯỢNG TRONG KINH THÁNH, Mác 1:13.....	22
CHỮ “THỬ NGHIỆM” TRONG TIẾNG HY LẠP VÀ NHỮNG CHỮ CÓ NGHĨA TƯƠNG TỰ, Mác 1:13.....	23
SA-TAN , Mác 1:13.....	24
GIA ĐÌNH CỦA VUA HÊ-RỐT ĐẠI ĐẾ, Mác 1:14.....	26
NƯỚC ĐỨC CHÚA TRỜI, Mác 1:15.....	28
ĐỨC TIN ( <i>PISTIS</i> [danh từ], <i>PISTEUŌ</i> , [động từ], <i>PISTOS</i> [tính từ]), Mác 1:15.....	28
NGÀY SA-BÁT, Mác 1:21.....	30
CÁC THẦY THÔNG GIÁO, Mác 1:22.....	32
MA QUỶ (TÀ LINH), Mác 1:23.....	33
ĐÁNG THÁNH, Mác 1:24.....	34
SỰ ĐUỐI QUỶ, Mác 1:25.....	35
TẮM LÒNG, Mác 2:6.....	44
NHỮNG NGƯỜI PHA-RI-SI, Mác 2:16.....	47
SỰ KIỀNG ẶN, Mác 2:18-20.....	49
ĐẢNG HÊ RỐT, Mác 3:6.....	56
SỰ HỦY DIỆT ( <i>APOLLUMI</i> ), Mác 3:6.....	56
CON ĐỨC CHÚA TRỜI, Mác 3:11.....	58
SỐ MƯỜI HAI, Mác 3:14.....	59
BIỂU ĐỒ TÊN CỦA CÁC SỨ ĐỒ, Mác 3:16.....	60
CHỮ ‘AMEN’, Mác 3:28.....	64
NGÔI VỊ CỦA ĐỨC THÁNH LINH, Mác 3:29.....	65
ĐỒI ĐỒI ( <i>aiōnios</i> ), Mác 3:29.....	66
giải kinh “TỘI KHÔNG THỂ THA THỨ” theo phương cách giải kinh, Mác 3:29.....	67
GIẢI NGHĨA CÁC ẶN DỤ, Mác 4:1.....	71
SỰ HUYỀN NHIỆM TRONG CÁC PHÚC ẶM, Mác 4:11.....	75
SỰ CẶN THIẾT PHẢI BỀN ĐỒ, Mác 4:17.....	77
THÌ CỦA CÁC ĐỘNG TỪ HY LẠP DỪNG CHO SỰ CỨU RỒI, Mác 4:27-29.....	80
SỰ XỨC DẦU TRONG KINH THÁNH (BDB 603), Mác 6:13.....	96
SỰ GIẢ HÌNH (Trong sách Ma-thi-ơ), Mác 7:6.....	106
LỜI NÓI CON NGƯỜI, Mác 7:20.....	109
SỰ ĐẶT TAY TRONG KINH THÁNH, Mác 7:32.....	113
SỰ SỐNG LẠI, Mác 8:31.....	122
SAI PHÁI ( <i>apostellō</i> ), Mác 9:37.....	136
NGƯỜI CHẾT Ở ĐẬU?, Mác 9:43.....	138
KTISIS, Mác 10:6.....	145
MƯỜI ĐIỀU RẶN (Xuất 20:1-17; Phục 5:6-21), Mác 10:19.....	150

SỰ GIÀU CÓ, Mác 10:23.....	153
SỰ VINH HIỂN (DOXA), Mác 10:37.....	159
GIÁ CHUỘC, CỨU CHUỘC, Mác 10:45.....	161
ĐỨC CHÚA GIÊ-XU Ở NA-XA-RÉT, Mác 10:47.....	164
ĐÒI ĐÒI (THÀNH NGŨ HY LẠP), Mác 11:14.....	171
LỜI CẦU NGUYỆN HIỆU QUẢ, Mác 11:23-24.....	174
VIÊN ĐÁ GÓC NHÀ, Mác 12:10.....	180
TÒA CÔNG LUẬN, Mác 12:13.....	182
NGƯỜI SA-ĐU-SÊ, Mác 12:18.....	186
TÁC QUYỀN CỦA MÔI-SE TRÊN NGŨ KINH, Mác 12:26.....	188
CÁC DANH XŨNG CỦA ĐÁNG THÁNH, Mác 12:36.....	193
MỨC ĐỘ THƯỜNG PHẠT, Mác 12:40.....	197
ĐỒNG TIỀN XU ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG THỜI CHÚA JESUS Ở PALESTINE, Mác 12:42..	199
NHỮNG LỜI TIÊN BÁO VỀ TƯƠNG LAI TRONG CỰU ƯỚC VÀ TÂN ƯỚC, Mác 13:1.....	202
THỂ LOẠI VĂN CHƯƠNG TÂN THỂ, Mác 13:1.....	208
NHỮNG TRẢ LỜI CHO HAI CÂU HỎI CỦA CÁC MÔN ĐỒ LIÊN QUAN ĐẾN SỰ TÁI LÂM CỦA ĐÁNG CHRIST TRONG MA-THI-Ô 24:3, Mác 13:4.....	210
ĐÒI NÀY VÀ ĐÒI SẮP ĐẾN, Mác 13:8.....	212
SỰ HOANG TÀN KINH KHIẾP, Mác 13:14.....	214
SỰ LỰA CHỌN/TIỀN ĐỊNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CÂN BẰNG THẦN HỌC, Mác 13:20.....	216
SỰ CẦU THAY, Mác 13:20.....	217
BỐN MƯƠI HAI THÁNG (từ sách Đa-ni-ên), Mác 13:20.....	219
NGŨ ĐẾN TRÊN CÁC ĐÁM MÂY (Từ một vài thuật ngữ Hê-bơ-rơ nhưng chủ yếu là <i>anan</i> , BDB 777, KB 857), Mác 13:26.....	221
NHỮNG CON SỐ BIỂU TƯỢNG TRONG KINH THÁNH, Mác 13:27.....	221
ĐỨC CHÚA CHA, Mác 13:32.....	224
LÀM TỪ THIÊN, Mác 14:5.....	232
LỄ VƯỢT QUA (TRÌNH TỰ CỦA LỄ), Mác 14:22.....	237
LỄ TIỆC THÁNH TRONG GIĂNG 6, Mác 14:22.....	237
GIAO ƯỚC, Mác 14:24.....	239
ĐÓ RA (TÂN ƯỚC), Mác 14:24.....	240
“GIỜ” ( <i>hōra</i> ), Mác 14:35.....	243
SỰ NGUYÊN RỬA ( <i>ANATHEMA</i> ), Mác 14:71.....	251
BÔNG-XƠ PHI-LÁT, Mác 15:1.....	255
PHỤ NỮ TRONG KINH THÁNH, Mác 15:40.....	266
NHỮNG NGƯỜI PHỤ NỮ THEO CHÚA GIÊ-SU, Mác 16:1.....	273
DƯỢC LIỆU ƯỚP XÁC, Mác 16:1.....	274
SỰ LỰA CHỌN/TIỀN ĐỊNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CÂN BẰNG THẦN HỌC, 1 Phi-e-rơ 1:2....	284
GIA SẢN CỦA TÍN ĐỒ, 1 Phi-e-rơ 1:4.....	288
THÌ CỦA CÁC ĐỘNG TỪ HY LẠP DÙNG CHO SỰ CỨU RỖI, 1 Phi-e-rơ 1:5.....	289
CHỨA GIÊ-SU VÀ THÁNH LINH, 1 Phi-e-rơ 1:11.....	293
CÁC BÀI GIẢNG (KERYGMA) CỦA HỘI THÁNH ĐẦU TIÊN, 1 Phi-e-rơ 1:11.....	294
CÁC QUAN ĐIỂM CỦA PHAO-LÔ VỀ LUẬT MÔI SE, 1 Phi-e-rơ 1:12.....	295
SỰ THÁNH KHIẾT/ NÊN THÁNH TRONG TÂN ƯỚC, 1 Phi-e-rơ 1:15.....	298
SỰ THÁNH KHIẾT, 1 Phi-e-rơ 1:16.....	298
GÂY DỰNG, 1 Phi-e-rơ 2:5.....	308
CƠ ĐỐC GIÁO LÀ MỘT ĐOÀN THỂ, 1 Phi-e-rơ 2:5.....	309
SỰ ĐẦU PHỤC (HUPOTASSŌ), 1 Phi-e-rơ 2:13.....	314
CHÍNH QUYỀN DO CON NGƯỜI, 1 Phi-e-rơ 2:13.....	314
Ý MUỐN( <i>thelēma</i> ) CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI, 1 Phi-e-rơ 2:15.....	316
PHAO LÔ KHUYẾN VỀ NÔ LỄ, 1 Phi-e-rơ 2:18.....	319
SỰ CÔNG BÌNH, 1 Phi-e-rơ 3:14.....	329

SỰ TRÔNG CÂY(HY VỌNG) ( elpis), 1 Phi-e-rơ 3:15.....	333
NGƯỜI CHẾT Ở ĐÂU?, 1 Phi-e-rơ 3:18.....	335
TRÍ HUỆ GIÁO (từ từ Hy Lạp gnosis, vốn có nghĩa là "kiến thức," I Ti-mô-thê 6:20), 1 Phi-e-rơ 3:22.....	339
CÁC THÓI XẤU VÀ NẾT TỐT TRONG TÂN ƯỚC, 1 Phi-e-rơ 4:3.....	344
CÁI NHÌN CỦA KINH THÁNH ĐỐI VỚI RƯỢU (CHẤT CÓ MEN) VÀ SỰ SAY RƯỢU (SỰ NGHIỆN NGẬP), 1 Phi-e-rơ 4:3.....	345
VÌ SAO CƠ ĐỐC NHÂN CHỊU KHỔ?, 1 Phi-e-rơ 4:12.....	351
SỰ THÔNG CÔNG (KOINŌNIA), 1 Phi-e-rơ 4:13.....	351
MA QUỶ, 1 Phi-e-rơ 5:8.....	359
SỰ CÀN THIẾT PHẢI BỀN ĐỒ, 1 Phi-e-rơ 5:9.....	361
SI-LA/SIN-VANH, 1 Phi-e-rơ 5:12.....	363
SỰ TĂNG TRƯỞNG CỦA CƠ ĐỐC NHÂN (những đặc tính (phẩm hạnh)), 2 Phi-e-rơ 1:5.....	378
SỰ ĐẢM BẢO, 2 Phi-e-rơ 1:10.....	380
ĐƯỢC KÊU GỌI, 2 Phi-e-rơ 1:10.....	381
SỰ BỘI ĐẠO (APHISTĒMI), 2 Phi-e-rơ 1:10.....	382
(KHÁI NIỆM) "SỰ THẬT" TRONG NHỮNG SÁCH CỦA GIĂNG, 2 Phi-e-rơ 1:12.....	385
(THUẬT NGỮ) "THẬT" TRONG NHỮNG TÁC PHẨM CỦA GIĂNG, 2 Phi-e-rơ 1:12.....	385
SỰ TÁI LÂM, 2 Phi-e-rơ 1:16.....	388
“CÁC CON TRAI CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI” TRONG SÁNG THỂ KÝ ĐOẠN 6, 2 Phi-e-rơ 2:4..	398
HỦY PHÁ, LÀM HOANG TÀN, HƯ HỒNG (phtheirō), 2 Phi-e-rơ 2:12.....	404
LỬA, 2 Phi-e-rơ 3:7 .....	413
KẾ HOẠCH CỨU CHUỘC ĐỜI ĐỜI CỦA YHWH, 2 Phi-e-rơ 3:9.....	415

# LỜI CỦA TÁC GIẢ: TẬP TÀI LIỆU GIẢI KINH NÀY CÓ THỂ GIÚP ÍCH GÌ CHO BẠN?

Sự giải nghĩa Kinh thánh là một tiến trình mang tính thuộc linh và lý trí nhằm hiểu được các trước giả ngày xưa được linh cảm với mục đích giúp chúng ta hiểu và áp dụng được sứ điệp của Đức Chúa Trời trong thời đại ngày nay.

Tiến trình mang tính thuộc linh là quan trọng nhưng khó có thể định nghĩa. Nó gồm có sự đầu phục và mở lòng ra trước mặt Chúa. Cần phải có một sự khao khát (1) chính Chúa, (2) được biết Ngài và (3) khao khát được phục vụ Ngài. Tiến trình này cần có sự cầu nguyện, xưng tội và sự bằng lòng thay đổi lối sống của mình. Mặc dù biết rằng Đức Thánh Linh đóng vai trò quan trọng trong tiến trình giải nghĩa, nhưng thật khó hiểu là tại sao cũng là các Cơ-độc nhân chân thật, yêu mến Chúa, nhưng họ lại hiểu Kinh thánh một cách khác nhau.

Tiến trình mang tính lý trí thì dễ diễn tả hơn. Chúng ta phải nhất quán và công bằng đối với mọi bản văn và không được để cho những thành kiến cá nhân hay giáo phái chi phối mình. Chúng ta đều ít nhiều bị ảnh hưởng bởi quá khứ của mình. Không ai là người giải nghĩa Kinh thánh hoàn toàn khách quan và trung dung. Tập tài liệu giải kinh này cung cấp một tiến trình theo lý trí một cách cẩn thận gồm ba nguyên tắc giải nghĩa để giúp chúng ta vượt qua các thành kiến của mình.

## Nguyên tắc thứ nhất

Nguyên tắc thứ nhất là để ý đến bối cảnh lịch sử khi sách được viết ra và các dịp tiện mang tính lịch sử đặc biệt liên quan đến tác giả. Tác giả nguyên thủy có một mục đích, một sứ điệp muốn truyền đạt. Bản văn không thể có ý nghĩa mà nó chưa bao giờ có đối với tác giả nguyên thủy, từ ngày xưa được thần cảm. Ý định của tác giả đó – chứ không phải nhu cầu thuộc về lịch sử, cảm xúc, văn hóa, cá nhân và giáo phái- chính là chìa khóa. Việc áp dụng là người anh chị em đi chung với việc giải thích, nhưng sự giải nghĩa thích hợp phải luôn luôn đi trước việc áp dụng. Cần phải nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại rằng mỗi bản Kinh văn đều chỉ có một ý nghĩa và chỉ một mà thôi. Ý nghĩa này là ý nghĩa mà tác giả nguyên thủy đã có ý định truyền đạt cho thời đại của họ dưới sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh. Ý nghĩa duy nhất này có thể có nhiều áp dụng khác nhau cho các văn hóa và tình huống khác nhau. Những áp dụng này phải được nối kết với lẽ thật trọng tâm theo tác giả nguyên thủy. Vì vậy, tập tài liệu này được thiết kế bằng cách cung cấp phần giới thiệu cho mỗi sách trong Kinh thánh.

## Nguyên tắc thứ hai

Nguyên tắc thứ hai là xác định các đơn vị ngữ văn. Mỗi sách trong Kinh thánh là một văn bản hợp nhất. Người giải nghĩa không có quyền lấy riêng ra chỉ một khía cạnh của lẽ thật bằng cách bỏ qua các khía cạnh khác. Vì vậy, chúng ta phải cố gắng tìm hiểu mục đích của Toàn sách trước khi phân tích các đơn vị ngữ văn riêng lẻ. Các đơn vị riêng lẻ- đoạn, phân đoạn, hay câu- không thể mang ý nghĩa mà tổng thể của sách đó không có. Việc giải nghĩa phải đi từ phương pháp suy diễn từ tổng thể đến phương pháp quy nạp của từng phần. Do đó, tập tài liệu hướng dẫn này được thiết kế bằng cách giúp người học phân tích cấu trúc của mỗi đơn vị ngữ văn theo từng phân đoạn. Mặc dù các phân đoạn và chia đoạn không được thần cảm nhưng nó giúp chúng ta xác định được các ý tưởng theo từng đơn vị.

Giải nghĩa theo cấp độ từng phân đoạn- không phải từng câu, từng vế, từng cụm từ, hay từng chữ- là chìa khóa để lần theo ý nghĩa mà tác giả Kinh thánh đã định. Các phân đoạn dựa vào một chủ đề hợp nhất, thường gọi là chủ đề hay câu chủ đề. Từng chữ, vế, cụm từ và câu trong các phân đoạn này bằng cách nào đó liên hệ với chủ đề hợp nhất này. Chúng giới hạn chủ đề bàn đến, mở rộng nó, giải thích thêm hoặc chất vấn nó. Chìa khóa thật sự để đi đến cách giải nghĩa đúng đắn là theo sát ý tưởng của tác giả nguyên thủy trên cơ sở từng phân đoạn một thông qua các đơn vị ngữ văn cấu thành nên Toàn bộ sách. Tập tài liệu hướng dẫn này được thiết kế nhằm giúp người học có thể làm được điều này qua việc đối chiếu các bản dịch Anh ngữ hiện đại. Các bản dịch này được chọn ra bởi vì chúng có những lý thuyết khác nhau về cách dịch:

A. Bản Hy Lạp của Hội Kinh thánh Liên hiệp (United Bible Society) là bản hiệu đính lần thứ tư (Thánh

Kinh Liên hội UBS<sup>4</sup>). Bản dịch này được chia đoạn bởi các học giả phê bình bản văn hiện đại.

- B. Bản King Gia-cơ mới (NKJV) là bản dịch sát nghĩa theo từng chữ dựa trên bản thảo truyền thống gọi là bản tiêu chuẩn (the Textus Receptus). Các phân đoạn của nó dài hơn so với các bản dịch khác. Các đơn vị dài hơn này giúp người học thấy được các chủ đề mang tính hợp nhất.
- C. Bản hiệu đính tiêu chuẩn (the New Revised Standard Version) là bản dịch theo từng chữ có bổ sung. Nó nằm ở điểm giữa so với hai bản hiện đại sẽ trình bày sau đây. Cách phân chia đoạn của nó giúp góp phần xác định được các chủ đề.
- D. Bản tiếng Anh ngày nay (the Today's English Version) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển được xuất bản bởi Hội Kinh thánh Liên Hiệp (the United Bible Society). Nó cố gắng dịch sao cho người đọc và nói tiếng Anh ngày nay có thể hiểu được bản văn tiếng Hy Lạp. Đặc biệt trong các sách Phúc âm, thông thường nó chia đoạn theo người nói chứ không phải theo chủ đề, cũng giống như bản NICAU Nếu dùng để giải nghĩa, nó không có lợi. Đề ý thấy thật thú vị khi cả hai bản dịch Thánh Kinh Liên hội UBS<sup>4</sup> và TEV đều được xuất bản bởi một cơ quan nhưng cách chia đoạn của nó lại khác nhau.
- E. Bản Giê-ru-sa-lem Bible (JB) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển dựa trên bản dịch tiếng Pháp của Công giáo. Nó giúp ích rất nhiều cho việc đối chiếu các cách phân đoạn từ quan điểm của Âu châu.
- F. Bản in sử dụng trong tập sách này là bản NASB được cập nhật năm 1995, là một bản dịch sát theo từng chữ. Các chú giải từng câu đều theo cách chia đoạn của bản dịch này.

### **Nguyên tắc thứ ba**

Nguyên tắc thứ ba là đọc Kinh thánh qua nhiều bản dịch khác nhau để nắm được tâm ý nghĩa rộng nhất (thuộc lĩnh vực ngữ nghĩa) mà từng chữ hoặc từng cụm từ có thể có. Thông thường một chữ hay một cụm từ tiếng Hy Lạp có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Các bản dịch này cho thấy được những chọn lựa này và giúp xác định và giải thích một số khác biệt trong các bản thảo tiếng Hy Lạp. Những điều này không ảnh hưởng đến tín lý nhưng nó giúp chúng ta trở về với nguyên bản viết bởi các tác giả từ xưa được thần cảm.

Tập tài liệu này cung cấp cho người học một cách tiện lợi để kiểm tra các giải nghĩa của họ. Nó không nhằm đưa ra cách giải nghĩa cuối cùng, nhưng chỉ nhằm cung cấp thông tin và gợi suy nghĩ. Thông thường, các cách giải nghĩa khác giúp chúng ta không quá địa phương cục bộ, quá giáo điều, hay theo tinh thần hệ phái quá mức. Người giải nghĩa cần có một phạm vi giải nghĩa rộng đủ để nhìn nhận sự không rõ ràng mà các bản cổ có thể có. Thật là một cú sốc khi thấy trong vòng các Cơ-đốc nhân không có sự đồng ý với nhau trong khi họ đều cho rằng Kinh thánh là nguồn của lẽ thật.

Các nguyên tắc này đã giúp tôi vượt qua được khá nhiều điều kiện lịch sử quá khứ của cá nhân tôi vì nó đã buộc tôi phải trấn trở với bản văn cổ. Tôi hy vọng nó cũng sẽ là một điều phước hạnh cho quý vị.

Bob Utley  
*Trường đại học East Texas Baptist*  
*University Ngày 27 tháng 6 năm 1996*

# HƯỚNG DẪN THÓI QUEN ĐỌC KINH THÁNH HIỆU QUẢ: CUỘC TÌM KIẾM LỄ THẬT KIẾM CHỨNG ĐƯỢC CỦA CÁ NHÂN

Chúng ta có thể biết lễ thật được không? Nó ở đâu? Làm thế nào để xác minh nó một cách hợp lý? Có một thẩm quyền tối hậu hay không? Có những giá trị tuyệt đối hướng dẫn đời sống chúng ta, thế giới chúng ta đang sống hay không? Có ý nghĩa cho cuộc đời này không? Tại sao chúng ta lại ở trên thế giới này? Rồi chúng ta đi đâu? Những câu hỏi này- những câu hỏi mà mọi người có lý trí đều phải suy nghĩ đến- đã ám ảnh các nhà trí thức của nhân loại ngay từ buổi ban đầu (Truyện đạo 1:13-18; 3:9-11). Tôi nhớ lại cuộc tìm kiếm của cá nhân tôi về một trung tâm kết nối tất cả mọi sự cho cuộc đời tôi. Tôi tin Chúa khi còn rất nhỏ, nhờ vào sự làm chứng của những người có vai vế trong gia đình tôi. Khi tôi lớn lên, những câu hỏi về chính tôi và thế giới xung quanh tôi cũng lớn dần. Những câu sáo ngữ xưa cũ trong văn hóa và tôn giáo không đem lại ý nghĩa gì đối với những kinh nghiệm cuộc sống tôi biết đến hoặc từng đối diện. Có lúc tôi cảm thấy rối bời, tìm kiếm, ngóng trông và cảm thấy vô vọng trước một thế giới quá khắc khổ, lạnh nhạt mà tôi đang sống.

Nhiều người tuyên bố có câu trả lời cho những câu hỏi trên, nhưng sau khi tự nghiên cứu và suy nghĩ lại, tôi thấy những câu trả lời của họ dựa vào (1) các triết lý sống cá nhân, (2) các huyền thoại xa xưa, (3) những kinh nghiệm cá nhân, hay là (4) các ý nghĩ ảnh hưởng bởi tâm lý. Tôi cần một mức độ có thể kiểm chứng được, tôi cần bằng chứng, cần lý luận để có thể đặt lên nó Toàn bộ thế giới quan của tôi, một trung tâm kết nối tất cả, một lễ sống cho cuộc đời.

Tôi tìm thấy những điều này qua việc học Kinh thánh. Tôi bắt đầu tìm kiếm những bằng chứng về sự đáng tin cậy của nó và tôi đã tìm thấy nó trong (1) sự đáng tin cậy về lịch sử của Kinh thánh xác nhận bởi khảo cổ học, (2) sự chính xác của những lời tiên tri trong Cựu ước, (3) sự thống nhất của Toàn bộ sứ điệp Thánh Kinh qua hơn 1.600 năm hình thành và (4) những lời làm chứng cá nhân của những con người mà cuộc đời đã được thay đổi vĩnh viễn bởi tiếp xúc với Kinh thánh. Cơ-đốc giáo, một hệ thống hợp nhất trong đức tin và niềm tin, có khả năng đối diện với các câu hỏi hóc búa nhất về cuộc sống của con người. Điều này không những đem lại cho tôi một bộ khung lý trí, nhưng phương diện thực nghiệm của đức tin theo Kinh thánh cũng đã đem lại cho tôi niềm vui và sự vững vàng không lay động trong cảm xúc.

Tôi nghĩ tôi đã tìm thấy được cái trung tâm kết nối mọi sự của đời tôi- Đấng Christ, như đã trình bày trong Kinh thánh. Đó là một kinh nghiệm nóng nảy, một sự giãn xả cảm xúc. Tuy vậy, tôi vẫn còn nhớ đã bị sốc và đau khi tôi bắt đầu thấy ra có quá nhiều sự giải thích cho chỉ một cuốn Kinh thánh này, có khi ngay cả trong cùng một hội thánh hay cùng một trường phái. Việc xác minh sự thần cảm và đáng tin cậy của Kinh thánh không phải là hết, đó chỉ là sự bắt đầu. Làm thế nào để tôi xác minh hay bác bỏ những sự giải nghĩa khác nhau và kinh chống nhau về những phân đoạn khó trong Kinh thánh bởi những người tuyên bố tin vào thẩm quyền và tính đáng tin cậy của nó?

Nhiệm vụ này trở thành mục tiêu của đời tôi và cũng là hành trình đức tin của tôi. Tôi biết rằng đức tin nơi Đấng Christ đã đem lại cho tôi niềm vui và sự bình an không kể xiết. Tâm trí tôi mong tìm thấy được các giá trị tuyệt đối giữa một thế giới theo chủ thuyết tương đối và chủ nghĩa giáo điều trong các hệ thống tôn giáo kình chống nhau cũng như những sự kiên cố về hệ phái của mình. Khi tôi đi tìm một phương pháp thích hợp để giải nghĩa các thể loại văn chương xa xưa, tôi ngạc nhiên phát hiện ra những thành kiến của riêng tôi xuất phát từ quá khứ của mình, từ văn hóa, hệ phái và kinh nghiệm riêng của tôi. Tôi đã từng đọc Kinh thánh để củng cố quan điểm riêng của tôi. Tôi đã từng lấy nó làm cơ sở cho những giáo điều để tấn công người khác trong khi tự trấn an mình về những sự bất an và thiếu hụt của chính mình. Rất đau đớn khi tôi nhận ra những điều này!

Mặc dù tôi không bao giờ có thể hoàn toàn khách quan, nhưng tôi có thể trở nên một người đọc Kinh thánh đúng nghĩa hơn. Tôi có thể hạn chế những thành kiến của mình bằng việc xác định được chúng và công nhận sự hiện diện của chúng. Tôi chưa thể hoàn toàn dứt khỏi những điều này, nhưng tôi đã đối diện với những khiếm khuyết của mình. Người giải nghĩa thường là kẻ thù số một trong nỗ lực đọc Kinh thánh hiệu quả!

Tôi sẽ liệt kê ra một số giả định khi tôi tiếp cận việc học Kinh thánh, để anh chị em, người đọc, có thể cùng kiểm điểm theo với tôi:



## I. Các giả định

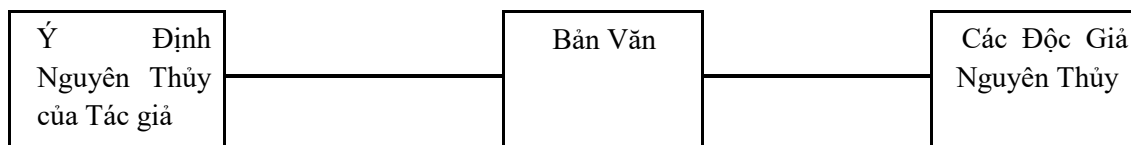
- A. Tôi tin Kinh thánh là sự tự mặc khải duy nhất từ một Đức Chúa Trời chân thật. Vì vậy, nó phải được giải nghĩa trong ánh sáng của ý định từ tác giả nguyên thủy thông qua các trước giả loài người trong bối cảnh lịch sử cụ thể.
- B. Tôi tin Kinh thánh được viết ra cho người bình dân- cho tất cả mọi người! Đức Chúa Trời đã tự hạ xuống để có thể trò chuyện với chúng ta một cách rõ ràng qua một bối cảnh lịch sử và văn hóa nhất định. Chúa không giấu giếm lẽ thật- Ngài muốn chúng ta hiểu biết lẽ thật! Vì vậy, Kinh thánh phải được giải nghĩa trong sự soi sáng của thời kỳ Kinh thánh, chứ không phải của chúng ta. Kinh thánh không nên có những ý nghĩa mà nó chưa từng bao giờ có đối với những người ngày xưa đã đọc hoặc nghe nó lần đầu tiên. Nó có thể dễ hiểu đối với một trí óc con người trung bình và nó sử dụng các loại truyền thông hoặc kỹ thuật bình thường của con người.
- C. Tôi tin Kinh thánh có một sứ điệp và mục đích thống nhất. Nó không tự mâu thuẫn, mặc dù nó có những đoạn khó hiểu hoặc nghịch lý. Vì vậy, người giải nghĩa số một của Kinh thánh là chính Kinh thánh.
- D. Tôi tin mỗi phân đoạn (ngoại trừ các lời tiên tri) có một và chỉ một ý nghĩa mà thôi dựa vào ý định của tác giả nguyên thủy được thần cảm. Mặc dù chúng ta không bao giờ chắc chắn rằng chúng ta biết được đích xác ý định của tác giả, nhưng có nhiều dấu hiệu chỉ về hướng đó:
  1. Thể loại văn chương được chọn để diễn tả sứ điệp đó
  2. Bối cảnh lịch sử hoặc/và trường hợp cụ thể khiến viết lên một cuốn sách nào đó
  3. Bối cảnh ngữ văn của Toàn sách cũng như từng đơn vị ngữ văn một
  4. Cách sắp xếp bản văn của những đơn vị ngữ văn khi nó cùng liên hệ đến một sứ điệp tổng thể
  5. Các đặc điểm văn phạm cụ thể dùng để chuyển tải sứ điệp
  6. Những từ ngữ dùng để trình bày sứ điệp

Việc nghiên cứu từng khía cạnh như thế này trở thành đối tượng của việc nghiên cứu từng phân đoạn của chúng ta. Trước khi tôi giải thích phương pháp đọc Kinh thánh hiệu quả, tôi xin phác họa một vài phương pháp không thích hợp đang được sử dụng ngày nay dẫn đến tính muôn màu muôn vẻ trong cách giải nghĩa, là điều rất lại cần phải tránh:

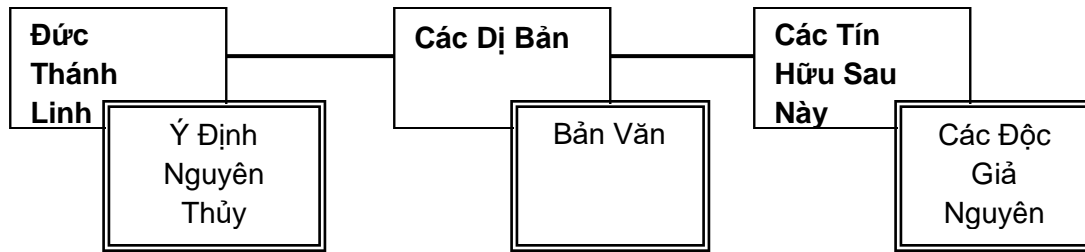
## II. Các phương pháp không thích hợp

- A. Lờ đi bối cảnh ngữ văn của các sách trong Kinh thánh và sử dụng các câu, cụm từ, hoặc ngay cả từng từ ngữ riêng lẻ và kể nó là các lời tuyên bố của lẽ thật nhưng không liên hệ đến ý định hoặc bối cảnh rộng hơn của tác giả. Cách này thường được gọi là “dò bản văn” (proof-texting).
- B. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này bằng cách thay thế nó bằng một bối cảnh lịch sử khác không có hoặc chỉ có rất ít hậu thuẫn từ bản văn.
- C. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của các sách này và đọc nó như một tờ báo địa phương buổi sáng viết cho các Cơ-đốc nhân ngày nay.
- D. Làm ngơ bối cảnh lịch sử của sách này bằng cách ngụ ngôn hóa bản văn thành một sứ điệp thuộc về triết lý hay thần học hoàn toàn không liên hệ đến những thánh giá ban đầu cũng như ý định nguyên thủy của tác giả.
- E. Làm ngơ sứ điệp nguyên thủy bằng cách thay thế nó bằng một hệ thống thần học riêng của mình, một giáo lý được ưa chuộng, hay một vấn đề đương thời không liên hệ đến mục đích và sứ điệp của tác giả nguyên thủy. Hiện tượng này thường theo sau việc lấy việc đọc Kinh thánh để thiết lập thẩm quyền cho mình. Người ta thường gọi nó là “theo phản ứng của độc giả” (lỗi giải nghĩa “bản văn có ý nghĩa gì đối với tôi”).

Ít nhất có ba yếu tố liên hệ với nhau trong bất cứ một thông tin viết tay nào của con người:



Trong quá khứ có nhiều phương pháp đọc khác nhau tập trung vào chỉ một trong các yếu tố này. Nhưng để thật sự công nhận tính thần cảm đặc biệt của Kinh thánh, biểu đồ được bổ sung sau đây có thể thích hợp hơn:



Thật sự ba yếu tố này cần phải có trong quá trình giải nghĩa. Để kiểm chứng lại tiến trình giải nghĩa này, tôi tập trung vào hai yếu tố đầu: ý định nguyên thủy của tác giả và bản văn. Tôi thật sự có phản ứng với những cách giải nghĩa kiểu lạm dụng mà tôi thường bắt gặp: (1) ngụ ngôn hóa hay thuộc linh hóa các bản văn và (2) kiểu giải nghĩa “theo phản ứng độc giả” (bản văn này có ý nghĩa gì đối với tôi). Sự lạm dụng có thể xảy ra ở cả hai chạng. Chúng ta phải kiểm tra động cơ, thành kiến, phương pháp và cách áp dụng của mình. Nhưng làm thế nào để kiểm tra nếu không có một giới hạn này, một tiêu chuẩn nào, một đường ranh nào cho việc giải nghĩa? Ý định của tác giả và cấu trúc bản văn cung cấp cho tôi một số tiêu chuẩn để giới hạn phạm vi giải nghĩa hợp lý của bản văn.

### III. Các phương pháp khả dĩ dẫn đến việc đọc Kinh thánh có hiệu quả

Tại đây tôi không bàn đến các phương pháp khác nhau để giải nghĩa từng thể loại văn chương nhưng chỉ đưa ra các nguyên tắc giải kinh tổng quát thích hợp cho tất cả các thể loại văn bản. Một cuốn sách rất tốt giúp ích cho việc tiếp cận các thể loại văn chương khác nhau là cuốn *How to Read the Bible for All Its Worth*, của Gordon Fee và Douglas Stuart, xuất bản bởi nhà xuất bản Zondervan.

Phương pháp của tôi tập trung đầu tiên vào người đọc, là người để cho Đức Thánh Linh soi sáng lẽ thật Kinh thánh qua bốn chu kỳ đọc cá nhân. Điều này làm cho Đức Thánh Linh, bản văn và người đọc trở nên yếu tố chính, không phải là yếu tố phụ. Điều này cũng bảo vệ người đọc khỏi những ảnh hưởng thái quá từ các nhà giải kinh.

Tôi đã từng nghe nhiều người nói: “Kinh thánh làm cho tôi hiểu các sách giải kinh nhiều hơn.” Đây không phải là câu nói hạ thấp giá trị của các phương tiện trợ giúp cho việc nghiên cứu, nhưng đúng hơn là lời khấn nài sử dụng nó một cách đúng thời điểm.

Chúng ta phải có khả năng hỗ trợ những giải nghĩa của mình từ chính bản văn. Năm phương diện sau đây cung cấp ít nhất một sự kiểm chứng có giới hạn:

1. Tác giả
  - a. Bối cảnh lịch sử
  - b. Bối cảnh văn chương
2. sự lựa chọn hình thức văn chương
  - a. Cấu trúc ngữ pháp
  - b. Cách dùng từ ngày nay
  - c. Thể loại văn chương
3. sự hiểu biết của chúng ta về
  - a. Các phân đoạn song song có liên quan
  - b. Mối liên hệ giữa các giáo lý thần học (nghịch lý)

Chúng ta cần có khả năng đưa ra lý lẽ và lập luận ủng hộ cho cách giải thích của mình. Kinh thánh là nguồn duy nhất của chúng ta trên phương diện đức tin và thực hành. Đáng buồn thay, nhiều Cơ-đốc nhân thường bắt đồng những điều Kinh thánh dạy hay xác nhận.

Bốn chu kỳ đọc Kinh thánh được thiết kế nhằm cung cấp một số ý cho việc giải nghĩa như sau :

- A. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ nhất
  1. Đọc qua hết sách trong một lần đọc. Đọc lại lần nữa từ một bản dịch khác, hy vọng đây là một bản dịch theo một triết lý khác
    - a. Dịch sát từng chữ (bản NKJV, NASB, NRSV)
    - b. Dịch tương đương, uyển chuyển (TEV, JB)
    - c. Dịch theo lối diễn ý (Living Bible, Amplified Bible, Bản Diễn Ý)

2. Tìm mục đích trọng tâm của Toàn bộ sách. Xác định chủ đề chính.
  3. Tách (nếu có thể) các đơn vị ngữ văn ra, từng chương, từng đoạn, hay từng câu là những đơn vị phản ánh rõ ràng trọng tâm hay chủ đề chính này.
  4. Xác định thể loại văn chương chủ yếu
    - a. Các sách Cựu Ước
      - (1) Văn tường thuật Hy bá lai
      - (2) Văn thơ Hy bá lai (các văn chương khôn ngoan, thi thiên)
      - (3) Lời tiên tri Hy bá lai (văn xuôi, văn vần)
      - (4) Các luật lệ
    - b. Các sách Tân Ước
      - (1) Văn tường thuật (Các sách Phúc âm, Công Vụ)
      - (2) Các ví dụ (Các sách Phúc âm)
      - (3) Thư tín
      - (4) Khải thị
- B. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ hai
1. Đọc Toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định các chủ đề hay vấn đề chính
  2. Lập dàn ý các chủ đề chính và ghi lại một số nội dung chính trong một câu ngắn gọn
  3. Kiểm tra lại câu chủ đề và dàn ý tổng quát trong các sách nghiên cứu khác
- C. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ ba
1. Đọc Toàn bộ sách một lần nữa, cố gắng xác định bối cảnh lịch sử và các dịp tiện đặc biệt làm lý do để viết sách này
  2. Liệt kê ra các mục thuộc về lịch sử trong sách đang đọc
    - a. Tác giả
    - b. Thời điểm
    - c. Người nhận
    - d. Lý do cụ thể viết sách này
    - e. Các bối cảnh văn hóa liên hệ đến mục đích của việc viết sách này
    - f. Các đối chiếu trong lịch sử liên quan đến con người và các sự kiện
  3. Mở rộng dàn ý bằng cách viết lại thành đoạn văn hoàn chỉnh cho phân đoạn Kinh thánh mà anh chị em sẽ giải nghĩa. Luôn luôn xác định và lập dàn ý cho các đơn vị ngữ văn. Nó có thể là vài chương hay vài phân đoạn. Cách này giúp anh chị em theo dõi được lập luận và cách trình bày văn bản của tác giả nguyên thủy.
  4. Kiểm tra lại bối cảnh lịch sử từ các sách nghiên cứu khác
- D. Chu kỳ đọc Kinh thánh thứ tư
1. Đọc lại đơn vị ngữ văn đang nghiên cứu từ nhiều bản dịch khác
    - a. Dịch sát từng chữ (bản NKJV, NASB, NRSV)
    - b. Dịch tương đương, uyển chuyển (TEV, JB)
    - c. Dịch theo lối diễn ý (Living Bible, Amplified Bible, Bản Diễn Ý)
  2. Tìm kiếm các cấu trúc ngữ pháp và văn chương
    - a. Các cụm từ lặp đi lặp lại, Êphêsô 1:6, 12, 13
    - b. Các cấu trúc ngữ pháp lặp đi lặp lại, Rôma 8:31
    - c. Các khái niệm tương phản
  3. Liệt kê những mục sau đây
    - a. Các từ ngữ quan trọng
    - b. Các từ ngữ bất thường
    - c. Các cấu trúc ngữ pháp quan trọng
    - d. Các từ ngữ, về câu, hay câu văn khó hiểu
  4. Tìm các phân đoạn song song tương đương
    - a. Tra xem phân đoạn Kinh thánh dạy rõ ràng nhất về chủ đề anh chị em đang nghiên cứu
      - (1) Các sách “thần học hệ thống”
      - (2) Các Kinh thánh đối chiếu
      - (3) Kinh thánh phù dẫn
    - b. Tìm một cặp nghịch lý (paradoxical pair) trong chủ đề anh chị em nghiên cứu. Nhiều lẽ thật Kinh thánh được trình bày theo các cặp biện chứng (dialectical pairs); các mâu thuẫn trong các hệ phái

thường đến từ cách dò bản văn (proof-texting) chỉ phân nửa vấn đề được trình bày trong Kinh thánh. Vì Toàn bộ Kinh thánh đều được linh cảm, chúng ta phải tìm kiếm sự điệp trọn vẹn của nó để cung cấp một sự cân bằng về Kinh thánh trong cách giải nghĩa của mình.

- c. Tìm xem các phân đoạn tương đương trong cùng một sách, cùng một tác giả, hay cùng một thể loại văn chương; Kinh thánh tự nó là người giải nghĩa số một bởi vì nó có một tác giả duy nhất đó là chính Đức Thánh Linh.
5. Dùng sách nghiên cứu kiểm tra lại quan sát của anh chị em về bối cảnh lịch sử và các dị tiện
- a. Các Kinh thánh có phần nghiên cứu
  - b. Các tự điển bách khoa Kinh thánh, cầm nang Kinh thánh hay tự điển Kinh thánh
  - c. Các sách nhập môn Kinh thánh
  - d. Các sách giải kinh (trong tiến trình nghiên cứu của anh chị em đến thời điểm này, anh chị em nên cho phép cộng đồng đức tin thời quá khứ và hiện tại, tham gia vào việc trợ giúp và chỉnh sửa công trình nghiên cứu cá nhân của anh chị em).

#### IV. Phần Áp Dụng Sau Khi Giải Nghĩa

Tại đây chúng ta xoay qua phần áp dụng. Anh chị em đã dành thì giờ để tìm hiểu bản văn trong bối cảnh nguyên thủy của nó; bây giờ anh chị em phải áp dụng nó trong cuộc sống của anh chị em, văn hóa của anh chị em. Tôi định nghĩa thẩm quyền của Kinh thánh là “nhận biết điều mà tác giả nguyên thủy muốn nói cho thời của ông và áp dụng lẽ thật đó cho thời chúng ta.”

Phần áp dụng phải theo sau phần giải nghĩa ý định nguyên thủy của tác giả cả xét về thời điểm lẫn cách lập luận. Chúng ta không thể áp dụng một phân đoạn Kinh thánh cho thời của chúng ta ngày nay khi chúng ta chưa hiểu nó nói gì cho thời đại của nó! Một phân đoạn Kinh thánh không thể có ý nghĩa mà nó chưa bao giờ có từ trước!

Dàn ý chi tiết của anh chị em và phần dàn ý viết thành đoạn (chu kỳ đọc thứ ba) sẽ là người dẫn đường cho anh chị em. Phần áp dụng phải được rút ra từ cấp phân đoạn chứ không phải từ từng chữ riêng lẻ. Từ ngữ chỉ có nghĩa trong bối cảnh riêng của nó mà thôi. Người được linh cảm duy nhất trong tiến trình giải nghĩa là chính tác giả nguyên thủy. Chúng ta chỉ theo sự dẫn đường của người này dưới sự soi sáng của Đức Thánh Linh. Nhưng sự soi sáng không phải là linh cảm. Để có thể nói, “Đức Chúa Trời có phán như vậy,” chúng ta phải buộc mình theo ý định của tác giả nguyên thủy. Phần áp dụng phải liên hệ cụ thể đến ý tưởng chung của Toàn bộ sách, của từng đơn vị ngữ văn và từng ý tưởng phá triển ở cấp phân đoạn.

Đừng để các vấn đề của thời đại chúng ta xen vào giải nghĩa Kinh thánh; hãy để tự Kinh thánh nói! Điều này đòi hỏi chúng ta phải rút ra các nguyên tắc từ bản văn. Nếu bản văn hỗ trợ cho nguyên tắc đó, thì điều đó là hợp lý. Thật không hay chút nào vì nhiều khi các nguyên tắc của chúng ta chỉ là ‘của chúng ta,’ mà không phải là của Kinh thánh.

Khi áp dụng Kinh thánh, cần phải nhớ rằng một và chỉ một ý nghĩa duy nhất tương ứng với một phân đoạn Kinh thánh cụ thể (trừ các lời tiên tri). Ý nghĩa nó liên hệ đến ý định của tác giả nguyên thủy khi người này đề cập đến một vấn nạn hay một nhu cầu của thời đại ông ta. Nhiều áp dụng có thể được rút ra từ một ý nghĩa này. Phần áp dụng sẽ dựa vào nhu cầu của người nhận nhưng phải liên hệ đến ý nghĩa của tác giả nguyên thủy.

#### V. Yếu Tố Thuộc Linh Của Việc Giải Nghĩa

Những phần trước cho đến giờ, tôi bàn đến tiến trình lô-gích trong việc giải nghĩa và áp dụng Kinh thánh. Bây giờ tôi sẽ đề cập ngắn gọn đến phương diện thuộc linh của việc giải nghĩa Kinh thánh. Những mục kiểm tra sau đây đã giúp ích cho tôi:

- A. Cầu xin sự giúp đỡ của Đức Thánh Linh (xem I Cô-rinh-tô 1:26-2:16).
- B. Cầu xin Chúa tha tội và tẩy rửa những tội lỗi biết được (I Giăng 1:9).
- C. Cầu xin sự khao khát biết Chúa càng hơn (Thi thiên 19:7-14; 42:1 và tiếp theo; 119: 1 và tiếp theo).
- D. Áp dụng những ý tưởng sâu sắc vào cuộc sống của anh chị em ngay lập tức
- E. Luôn khiêm nhường và chịu học hỏi

Khó mà giữ được sự quân bình giữa tiến trình lô-gích và sự hướng dẫn thuộc linh của Đức Thánh Linh. Những câu nói sau đây đã giúp tôi giữ được sự quân bình này:

- A. Trích từ sách *Scripture Twisting*, của Gia-cơ Sire, trang 17-18:  
“Sự soi sáng đến với trí óc của dân sự Đức Chúa Trời- nó không chỉ đến với những người được tuyển lựa thuộc linh. Không có thành phần bậc thầy trong Cơ-đốc giáo theo Kinh thánh, không có những người đặc biệt được soi sáng, không có những người mà tất cả các sự giải thích hợp lý phải thông qua

họ. Và vì vậy, mặc dù Đức Thánh Linh ban các ân tứ đặc biệt về sự khôn ngoan, tri thức và phân biệt thuộc linh cho một số người, Ngài không giao cho các Cơ-đốc nhân tài năng này quyền làm những người duy nhất có thẩm quyền giải nghĩa lời của Ngài. Điều này hoàn toàn tùy thuộc vào dân sự của Ngài muốn học, muốn xem xét và phân biệt các vấn đề chiếu theo Kinh thánh là quyền sách đúng làm thẩm quyền ngay cả đối với những người Chúa cho có những khả năng đặc biệt. Tóm lại, giả định mà tôi muốn nêu ra trong Toàn bộ tập sách này là Kinh thánh là mặc khải thật của Đức Chúa Trời cho Toàn thể nhân loại, Kinh thánh là thẩm quyền tuyệt đối của chúng ta trên tất cả các vấn đề mà nó nói đến và nó không phải là một điều gì đó hoàn toàn huyền bí nhưng những người bình dân ở mọi văn hóa đều có thể hiểu được.”

- B. Trích từ *Protestant Biblical Interpretation*, của Bernard Ramm, khi nói về Kierkegaard, trang 75:  
Theo Kierkegaard việc nghiên cứu Kinh thánh trên phương diện ngữ pháp, từ vựng và lịch sử là điều cần thiết nhưng đó chỉ là mở đầu cho việc thật sự đọc Kinh thánh. “Để đọc Kinh thánh như là lời Đức Chúa Trời một người phải đọc nó với tâm lòng nơi cửa miệng, với sự hớn hở trông mong, trong cuộc đối thoại với Đức Chúa Trời. Đọc Kinh thánh một cách vô ý, cầu thả, theo kiểu học giả hay nhà nghề thì không phải là đọc lời Đức Chúa Trời. Khi một người đọc lời Chúa như đọc bức thư tình, người đó đang đọc lời Đức Chúa Trời.”
- C. Trích từ *The Relevance of the Bible*, của H.H. Rowley, trang 19:  
“Không có một sự hiểu biết Kinh thánh đơn thuần theo trí thức nào, cho dù có đầy đủ đến đâu, có thể sở hữu được tất cả các châu báu của nó. Nó không khinh thường những sự hiểu biết này, vì đây là điều cần để có thể hiểu một cách hoàn chỉnh. Nhưng nó phải dẫn đến sự hiểu biết thuộc linh của các châu báu thuộc linh trong sách đó nếu nó muốn trở nên hoàn chỉnh. Và để có thể hiểu các vấn đề thuộc linh như vậy, thì điều gì đó cao hơn sự nhạy bén về tri thức là cần thiết. Các vấn đề thuộc linh được nhận biết theo cách thuộc linh và mỗi người học Kinh thánh đều cần có thái độ đón nhận thuộc linh, một sự ham thích tìm thấy Chúa dẫn đến việc người đó tự đầu phục Ngài, nếu người đó muốn vượt qua tầm nghiên cứu theo tính chất khoa học của mình để đi đến một sự thừa hưởng giàu có hơn về điều cao quý nhất trong tất cả các sách này.”

## VI. Phương Pháp Sử Dụng Trong Tập Sách Này

*Tập Hướng Dẫn Nghiên Cứu Giải Kinh* được thiết kế nhằm giúp anh chị em trong quá trình giải nghĩa Kinh thánh qua các cách sau:

- A. Một dàn ý lịch sử ngắn được giới thiệu ở mỗi sách. Sau khi anh chị em đã thực hiện “chu kỳ đọc thứ ba” anh chị em nên kiểm tra lại thông tin này.
- B. Các nhận xét sâu sắc về bối cảnh được trình bày ở đầu mỗi chương. Điều này giúp anh chị em thấy các đơn vị ngữ văn nối kết nhau như thế nào.
- C. Ở đầu mỗi chương hay ở các đơn vị ngữ văn chính, các phân chia đoạn và tiêu đề được trình bày từ nhiều bản dịch khác nhau:
1. Bản United Bible Society, bản Hy Lạp, hiệu đính lần thứ tư (Thánh Kinh Liên hội UBS<sup>4</sup>)
  2. Bản New American Standard Bible, cập nhật năm 1995 (NASB)
  3. Bản New King Gia-cơ Version (NKJV)
  4. Bản New Revised Standard Version (NRSV)
  5. Bản Today’s English Version (TEV)
  6. Bản the New Giê-ru-sa-lem Bible (NJB)

Các cách chia đoạn không được linh cảm. Chúng phải được xác nhận từ bối cảnh của nó. Bằng cách đối chiếu các bản dịch hiện đại từ các lý thuyết dịch và quan điểm thần học khác nhau, chúng ta có thể phân tích được cấu trúc ý tưởng giả định là đúng từ tác giả nguyên thủy. Mỗi phân đoạn có một lẽ thật chính. Điều này còn được gọi là “câu chủ đề” hay “ý tưởng trọng tâm của bản văn.” Ý tưởng hợp nhất này là chìa khóa dẫn đến sự giải nghĩa hợp lý về mặt lịch sử và văn phạm. Không một người nào nên giải nghĩa, giảng hay dạy dựa trên một đơn vị ít hơn là một phân đoạn! Cũng nên nhớ rằng mỗi phân đoạn đều liên hệ đến các phân đoạn xung quanh nó. Điều này giải thích tại sao việc lập dàn ý ở cấp độ phân đoạn

cho Toàn bộ sách là quan trọng. Chúng ta phải có khả năng theo dõi được sự phát triển ý tưởng một cách lôgic về một chủ đề do tác giả nguyên thủy được sự linh cảm trình bày.

- D. Các chú thích của Bob đi theo phương pháp giải nghĩa theo từng câu. Điều này buộc chúng ta phải đi theo ý tưởng của tác giả nguyên thủy. Các chú thích này cung cấp thông tin thuộc về các lãnh vực sau:

1. Bối cảnh ngữ văn
  2. Các nhận xét sâu sắc về lịch sử và văn hóa
  3. Các thông tin ngữ pháp
  4. Các nghiên cứu theo từ
  5. Các đoạn Kinh thánh tương ứng
- E. Ở một số chỗ trong tập giải nghĩa này, phần bản văn in theo bản New American Standard Version (cập nhật năm 1995) sẽ được bổ sung bằng các bản dịch hiện đại khác:
1. Bản King James mới (NKJV) là bản dịch dựa trên bản thảo truyền thống gọi là bản tiêu chuẩn (the Textus Receptus).
  2. Bản hiệu đính tiêu chuẩn (the New Revised Standard Version) là bản dịch theo từng chữ được xuất bản bởi National Council of Churches of the Revised Standard Version.
  3. Bản tiếng Anh ngày nay (the Today's English Version) là một bản dịch tương đương và uyển chuyển xuất bản bởi American Bible Society.
  4. Bản Giê-ru-sa-lem Bible (JB) là một bản dịch tiếng Anh dựa trên bản dịch tiếng Pháp của Công giáo.
- F. Đối với những người không biết tiếng Hy Lạp, việc đối chiếu các bản dịch Anh ngữ giúp xác định được một số vấn đề trong bản văn:
1. Các dị bản
  2. Cách sử dụng từ
  3. Các bản văn và cấu trúc ngữ pháp khó
  4. Các bản văn không rõ ý
  5. Ở cuối mỗi chương đều có các câu hỏi thảo luận liên quan đến vấn đề, được cung cấp để hướng đến một số vấn đề giải thích chính trong đoạn đó.

# NHÂN VẬT PHI-E-RO

## GIA ĐÌNH ÔNG

- A. Gia đình của Phi-e-rơ sống tại khu vực của Người Ngoại, Ga-li-lê, tại thành phố Bết-sai-đa nơi bờ phía bắc của Biển Ga-li-lê (hoặc Biển Ti-bê-ri-át theo Giăng 1:44), nhưng có lẽ họ đã di chuyển đến Ca-pê-na-um vào một thời điểm nào đó (Mác 1:21,29).
- B. Cha của Phi-e-rơ có tên là Giô-na (theo Ma-thi-ơ 16:17) hoặc Giăng (theo Giăng 1:42; 21:15-17).
- C. Tên riêng của ông là Si-môn (theo Mác 1:16,29,30,36), vốn là một tên rất phổ biến tại khu vực vào thế kỷ thứ nhất. Đây là hình thái từ trong tiếng Do Thái của Symeon (theo Công Vụ 15:14; 2 Phi-e-rơ 1:1), vốn là tên của một trong Mười Hai Chi Phái của Y-sơ-ra-ên (theo Sáng Thế Ký 29:33; Xuất 1:1).  
Chúa Jesus đặt lại tên cho ông là Phi-e-rơ (Petros, có nghĩa là "đá," vốn để mô tả sức mạnh và sự vững vàng của ông) trong Ma-thi-ơ 16:18; Mác 3:16; Lu-ca 6:14; và Giăng 1:42. Hình thái từ trong A-ram là Sê-pha (Theo Giăng 1:42; 1 Cô-rinh-tô 1:12; 3:22; 9:5; 15:5; Ga-la-ti 1:18; 2:9,11,14). Thông thường trong Tân Ước có hai tên được đặt cùng với nhau (Ma-thi-ơ 16:16; Lu-ca 5:8; Giăng 1:40; 6:8,68; 13:6,9,24,36; 18:10,15,25; 20:2,6; 21:2-3,7,11,15).
- D. Anh trai của Phi-e-rơ có tên là Anh-rê (theo Mác 1:16). Ông vốn là môn đồ của Giăng Báp-tít (Theo Giăng 1:35,40) và sau này là một người tin và đi theo Chúa (Theo Giăng 1:36-37). Ông đem Si-môn đến với Chúa Jesus (Theo Giăng 1:41). Một vài tháng sau, Chúa Jesus đã đổi chất với họ bên bờ Biển Ga-li-lê và gọi họ để trở thành những môn đồ chính thức trọn thời gian của Ngài (theo Ma-thi-ơ 4:18-20; Mác 1:16-18; và Lu-ca 5:1-11).
- E. Ông đã lập gia đình (theo Mác 1:30; 1 Cô-rinh-tô 9:5), nhưng không có bất cứ sự đề cập nào đến con cái.

## NGHỀ NGHIỆP CỦA ÔNG

- A. Gia đình Phi-rơ sở hữu một vài thuyền đánh cá và thậm chí còn có thuê mượn những người giúp việc.
- B. Gia đình Phi-e-rơ có thể hợp tác với Gia-cơ, Giăng và cha của họ, Xê-bê-đê (theo Lu-ca 5:10).
- C. Phi-e-rơ đã quay lại với nghề đánh cá trong một khoảng thời gian ngắn sau sự chết của Chúa Jesus (Theo Giăng 21).

## TÍNH CÁCH CỦA ÔNG

- A. Những điểm mạnh của Phi-e-rơ
1. Ông là một người đi theo cách hết lòng, tận tụy nhưng cũng khá hấp tấp, bốc đồng (theo Mác 9:5; Giăng 13:4-11).
  2. Ông thử những hành động đức tin, nhưng thường thất bại (ví dụ, lần bước đi trên mặt nước, theo Ma-thi-ơ 14:28-31).
  3. Ông rất dũng cảm và sẵn sàng chịu chết (theo Ma-thi-ơ 26:51-52; Mác 14:47; Luca 22:49-51; Giăng 18:10-11).
  4. Sau sự sống lại của Ngài, Chúa Jesus nhắc đến ông cách cá nhân như là một lãnh đạo bị mất uy tín của nhóm Mười Hai Môn Đồ trong Giăng 21 nhưng Ngài đã cho ông có một cơ hội để ăn năn và phục hồi lại sự lãnh đạo của ông.
- B. Những điểm yếu của Phi-e-rơ
1. Ông có khuynh hướng khởi đầu với chủ nghĩa luật pháp Do Thái.
    - a. Trong việc ăn với Người Ngoại (Ga-la-ti 2:11-21)

- b. Các luật về thức ăn (Công Vụ 10:9-16)
- 2. Ông, cũng như mọi Sứ Đồ khác, đã không hoàn toàn hiểu những sự dạy dỗ tươi mới có tầm quan trọng then chốt của Chúa Jesus và sự ân ý chỉ đến của chúng
  - a. Mác 9:5-6
  - b. Giảng 13:6-11; 18:10-11
- 3. Ông đã bị sửa phạt một cách cá nhân và khất khe bởi Chúa Jesus (Mác 8:33; Ma-thi-ơ 16:23)
- 4. Ông đã bị bắt gặp khi ngủ gục thay vì cầu nguyện trong thời giờ cần thiết quan trọng Chúa Jesus tại Vườn Ghết-sê-ma-nê (Mác 14:32-42; Ma-thi-ơ 26:36-46; Lu-ca 22:40-60)
- 5. Ông đã chối bỏ rằng mình biết Chúa Jesus lặp đi lặp lại nhiều lần (Mác 14:66-72; Ma-thi-ơ 26:69-75; Lu-ca 22:56-62; Giảng 18:16-18,25-27)

## VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA NHÓM SỨ ĐỒ

- A. Có bốn danh sách của nhóm Các Sứ Đồ (theo Ma-thi-ơ 10:2-4; Mác 3:16-19; Lu-ca 6:14-16; Công Vụ 1:13). Phi-e-rơ luôn luôn được liệt kê đầu tiên. Nhóm Mười Hai Môn Đồ được phân chia thành ba nhóm bốn người. Tôi tin rằng điều này cho phép họ có thể thay phiên nhau để kiểm tra, chăm sóc cho gia đình của nhau.
- B. Phi-e-rơ thường đóng vai trò phát ngôn viên cho nhóm Sứ Đồ (theo Ma-thi-ơ 16:13-20; Mác 8:27-30; Lu-ca 9:18-21). Những đoạn Kinh Thánh này thường được dùng để khẳng định thẩm quyền của Phi-e-rơ ở giữa nhóm (theo Ma-thi-ơ 16:18). Tuy nhiên, trong văn mạch cụ thể này ông bị khiển trách bởi Chúa Jesus như là một công cụ của Sa-tan (theo Ma-thi-ơ 16:23; Mác 8:33).  
  
Cũng như vậy, khi các môn đồ tranh cãi với nhau về việc ai là người lớn nhất ở giữa họ, Phi-e-rơ đã không được thừa nhận gánh vác vai trò này (theo Ma-thi-ơ 20:20-28, đặc biệt trong câu 24; Mác 9:33-37; 10:35-45).
- C. Phi-e-rơ đã không phải là lãnh đạo của hội thánh Giê-ru-sa-lem. Trọng trách này đặt trên Gia-cơ, em cùng mẹ khác cha với Chúa Jesus (theo Công Vụ 12:17; 15:13; 21:18; 1 Cô-rinh-tô 15:7; Ga-la-ti 1:19; 2:9,12).

## CHỨC VỤ CỦA ÔNG SAU SỰ PHỤC SINH CỦA CHÚA JESUS

- A. Vai trò lãnh đạo của Phi-e-rơ được nhìn thấy rất rõ ràng trong những đoạn đầu của Công Vụ
  - 1. Ông lãnh đạo cuộc bầu chọn thay cho vị trí của Giu-đa (theo Công Vụ 1:15-26).
  - 2. Ông chia sẻ trong bài giảng đầu tiên trong Lễ Ngũ Tuần (theo Công Vụ 2).
  - 3. Ông đã chữa lành cho người què và chia sẻ bài giảng thứ hai được ghi chép (theo Công Vụ 3:1-10; 3:11-26).
  - 4. Ông đã tuyên bố cách mạnh mẽ trước Tòa Công Luận trong Công Vụ 4.
  - 5. Ông đã chủ tọa trong lần kỷ luật A-na-ni-a và Sa-phi-ra trong Công Vụ 5.
  - 6. Ông đã phát biểu trong sự kiện Giáo Hội Nghị Giê-ru-sa-lem trong Công Vụ 15:7-11.
  - 7. Một vài sự kiện và phép lạ khác được gắn liền với ông trong Công Vụ.
- B. Phi-e-rơ, tuy nhiên, đã không luôn luôn thể hiện những cốt lõi của phúc âm
  - 1. Ông vẫn giữ lại một tâm trí, cách suy nghĩ của Cựu Ước (theo Ga-la-ti 2:11-14).
  - 2. Ông đã nhận được một sự mặc khải đặc biệt để bao gộp Cột-nây (theo Công Vụ 10) và những Người Ngoại khác.

## NHỮNG NĂM YÊN LẶNG

- A. Có rất ít hoặc hoàn toàn không có thông tin về Phi-e-rơ sau sự kiện Giáo Hội Nghị Giê-ru-sa-lem trong Công Vụ 15
  - 1. Ga-la-ti 1:18
  - 2. Ga-la-ti 2:7-21
  - 3. 1 Cô-rinh-tô 1:12; 3:22; 9:5; 15:5
- B. Theo truyền thống hội thánh để lại
  - 1. Phi-e-rơ đã tuận đạo tại Rô-ma được nhắc đến trong lá thư gửi cho hội thánh tại Cô-rinh-tô của Clement of Rome vào năm 95 SC.
  - 2. Tertullian (SC 150-222) cũng ghi chép về sự tuận đạo của Phi-e-rơ tại Rô-ma trong thời của



Nê-rô (SC 54-68).

3. Clement of Alexandria (SC 200) cho biết Phi-e-rơ đã bị giết tại Rô-ma.

4. Theo Origen (SC 252), Phi-e-rơ đã tuận đạo do bị đóng đinh, đầu dốc ngược xuống, tại Rô-ma.

# DẪN NHẬP VÀO SÁCH MÁC

## THÔNGIỆP MỞ ĐẦU

- A. Hội thánh đầu tiên thường bỏ qua việc sao chép, nghiên cứu và dạy dỗ sách Mác trong sự ưu tiên hơn dành cho sách Ma-thi-ơ và Lu-ca bởi vì cái nhìn của họ về Mác giống như là một phiên bản "tóm tắt cho người đọc" (Phúc âm tóm lược), một quan điểm mà sau này được đề cập cụ thể bởi Augustine.
- B. Sách Mác không thường được trích lại bởi các giáo phụ hội thánh Hy Lạp hoặc những nhà biện giải thần học (những người biện luận bảo vệ cho đức tin).
- C. Từ sự dấy lên của cách tiếp cận lịch sử-ngữ pháp hiện đại của chú giải Kinh Thánh, sách Phúc Âm theo Mác đã chiếm một tầm quan trọng mới bởi vì nó được xem như là sách Phúc Âm được viết đầu tiên. Cả Ma-thi-ơ và Lu-ca sử dụng dàn ý của sách Mác trong sự trình bày về cuộc đời và ý nghĩa quan trọng của Chúa Jesus. Và bởi vì thế, Mác trở thành tài liệu nền tảng của hội thánh, tài liệu viết chính thức đầu tiên về cuộc đời của Chúa Jesus.

## THỂ LOẠI VĂN HỌC

- A. Các Sách Phúc Âm không phải là những bộ sách tiểu sử hoặc lịch sử hiện đại. Chúng là những tác phẩm tuyển lựa thần học được sử dụng để giới thiệu về Chúa Jesus đối với những đối tượng độc giả khác nhau và mang họ đến với đức tin nơi Ngài. Chúng là những tài liệu "tin lành" về cuộc đời của Chúa Jesus với mục đích rao giảng đức tin (Theo Giảng 20:30-31).
- B. Mác đề cập đến bốn khía cạnh biệt lập lịch sử và bốn mục đích thần học
  1. Cuộc đời và những sự dạy dỗ của Chúa Jesus
  2. Cuộc đời và chức vụ của Phi-e-rơ
  3. Những nhu cầu của hội thánh đầu tiên
  4. Mục đích truyền giáo của Giảng Mác
- C. Bốn Sách Phúc Âm là độc nhất trong văn học Cận Đông và Hy-La (Hy Lạp-La Mã). Các tác giả được thần cảm đã có nhiệm vụ được dẫn dắt bởi Thánh Linh trong việc tuyển lựa những sự dạy dỗ và hành động của Chúa Jesus vốn bày tỏ cách rõ ràng đặc tính và/hoặc mục đích của Ngài.

Họ đã sắp xếp những câu chữ và các hành động trong những cách khác nhau. Một ví dụ chính là sự so sánh Bài Giảng Trên Núi trong sách Ma-thi-ơ (Ma-thi-ơ 5-7) với Bài Giảng nơi Đồng Bằng của Lu-ca (theo Lu-ca 6:20-49). Nó sẽ trở nên rất rõ ràng rằng Ma-thi-ơ có khuynh hướng thu thập những sự dạy dỗ của Chúa Jesus thành một bài giảng dài, trong khi Lu-ca trải đều những sự dạy dỗ tương tự nhau xuyên suốt trong cả Phúc Âm của ông. Cũng một cách tương tự này có thể nói về việc Ma-thi-ơ đã xếp các phép lạ của Chúa Jesus cùng với nhau, trong khi Lu-ca trải đều chúng xuyên suốt trong sách Phúc Âm của ông.

Điều này ngụ ý về khả năng rằng các tác giả Phúc Âm không chỉ tuyển lựa và sắp xếp những sự dạy dỗ Chúa Jesus, nhưng còn làm cho chúng phù hợp với mục đích thần học của chính họ (hãy đọc quyển *How to Read the Bible For All Its Worth*, được viết bởi Fee and Stuart, ở trang 113-134). Khi đọc các Sách Phúc Âm cần bắt buộc phải hỏi cách liên tục rằng luận điểm thần học then chốt nào tác giả đang cố gắng thiết lập ra trong sách. Tại sao lại bao gộp sự kiện, phép lạ, bài học cụ thể này tại luận điểm này trong sự trình bày về Chúa Jesus của họ?
- D. Phúc âm theo Mác là một ví dụ hay về ngôn ngữ Hy Lạp Koine được sử dụng như là ngôn ngữ thứ hai của thế giới Địa Trung Hải. Ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ của Mác là tiếng A-ram (cũng như Chúa Jesus và tất cả mọi người Do Thái khác tại Palestine trong thế kỷ thứ nhất). Mùi vị (văn hóa, ngôn ngữ) Sê-mít thường xuyên là bằng chứng trong Phúc Âm theo Mác.

## QUYỀN TÁC GIẢ

- A. Giảng Mác đã được nhận diện theo truyền thống (hội thánh) cùng với Sứ Đồ Phi-e-rơ trong việc thực hiện Phúc Âm này. Công trình này chính bản thân nó (cũng giống như các Sách Phúc Âm khác) là khuyết danh.

B. Một bằng chứng khác về sự chứng kiến tận mắt của Phi-e-rơ chính là sự kiện mà Mác đã không ghi chép lại ba sự kiện đặc biệt mà trong những sự kiện đó Phi-e-rơ đã liên quan một cách cá nhân trực tiếp.

1. Việc ông bước đi trên mặt nước (theo Ma-thi-ơ 14:28-33)
2. Việc trở thành người phát ngôn đức tin cho nhóm Mười Hai Môn Đồ tại thành Sê-sa-rê Phi-líp (theo Ma-thi-ơ 16:13- 20), chỉ duy nhất trong Mác 8:27-30 và phần Kinh Thánh "trên đá này" và "chìa khóa nước thiên đàng" bị lược bỏ.
3. Sự kiện được nhận thuê đền thờ cho ông và Chúa Jesus (theo Ma-thi-ơ 17:24-27)

Có lẽ sự khiêm tốn của Phi-e-rơ đã thúc đẩy ông nhấn mạnh những sự kiện này trong những bài giảng của ông tại Rô-ma.

C. Truyền thống từ hội thánh đầu tiên

1. I Clements, viết từ Rô-ma vào khoảng SC 95, ám chỉ về Mác (cũng như *Shepherd of Hermes*).
2. Papias, giám mục Hi-ê-ra-bô-li (vào khoảng SC 130), đã viết trong tác phẩm *Interpretation of the Lord's Sayings*, vốn sau đó được trích lại bởi Eusebius (SC 275-339) trong tác phẩm *Ecclesiastical History* 3:39:15. Ông đã nhấn mạnh rằng Mác chính là người phiên dịch của Phi-e-rơ là người đã ghi chép lại cách chính xác, nhưng không theo trình tự thời gian, những hồi ức của Phi-e-rơ về Chúa Jesus. Hiên nhiên Mác đã lấy và làm cho phù hợp những bài giảng của Phi-e-rơ và sắp xếp chúng vào trong một sự trình bày Phúc Âm. Papias công bố rằng ông đã nhận được thông tin này từ "trưởng lão", vốn có thể chỉ đến Sứ Đồ Giăng.
3. Justin Martyr (SC 150), khi trích dẫn Mác 3:17, đã cho biết thêm rằng câu này đến từ hồi ức của Phi-e-rơ.
4. Phần Dẫn Nhập Chống Lại (Tà giáo) Marcion của sách Mác (The Anti-Marcionite Prologue to Mark), được viết vào khoảng năm SC 180, nhận diện Phi-e-rơ chính là nhân chứng của Phúc Âm Mác. Tác phẩm này cũng đề cập rằng Mác đã viết ra Phúc Âm từ Ý và viết sau cái chết của Phi-e-rơ (theo truyền thống tại Rô-ma vào khoảng năm SC 65).
5. Irenaeus, đã viết vào khoảng NĂM SC 180, đề cập đến Giăng Mác chính là người phiên dịch của Phi-e-rơ và là người đã tổng hợp lại những hồi ký của ông sau cái chết của ông (*Contra Haereses* 3:1:2).
6. Clement of Alexandria (NĂM SC 195) khẳng định rằng những ai đã nghe Phi-e-rơ giảng tại Rô-ma đã yêu cầu ghi chép lại những bài giảng này.
7. Bộ Kinh Điển Muratorian Fragment (một danh sách của những sách được chấp nhận đưa vào Kinh Thánh), được viết vào khoảng NĂM SC 200 từ Rô-ma, mặc dù văn bản chưa hoàn tất, nhưng có vẻ đã khẳng định về việc Giăng Mác ghi chép lại những bài giảng của Phi-e-rơ.
8. Tertullian (NĂM SC 200) trong tác phẩm *Against Marcion* (Chống lại Tà giáo Marcion) (4:5) cho biết Mác đã viết về những hồi ức của Phi-e-rơ.
9. Trong bộ *The Expositor's Bible Commentary* Tập 8, trang 606, Walter Wessel đã có một bình luận thú vị rằng những truyền thống để lại từ hội thánh đầu tiên có nguồn gốc từ sự đa dạng về mặt địa lý của các trung tâm khác nhau của hội thánh
  - a. Papias từ Tiểu Á
  - b. Anti-Marcion Prologue và Muratorian Fragment đều đến từ Rô-ma
  - c. Irenaeus (theo *Adv. Haer.* 3:1:1) từ Lyons tại Pháp. Truyền thống theo Irenaeus cũng được tìm thấy trong quan điểm Tertullian (theo *Adv. Marc.* 4:5) từ Bắc Phi và Clement of Alexandria, Ai Cập (*Hypotyposes* 6, được trích bởi Eusebius, trong *Eccl. His.* 2:15:1-2; 3:24:5-8; 6:14:6-7). Sự đa dạng địa lý này đem lại lòng tin vào sự đáng tin cậy của sự chấp nhận truyền thống cách rộng rãi trong cộng đồng Cơ Đốc đầu tiên.
10. Theo Eusebius *Eccl. His.* 4:25, và Origen (SC 230) trong *Commentary on Matthew* (không có bất cứ bộ giải kinh sách Mác bởi bất cứ người nào cho đến tận thế kỷ thứ năm) cho rằng Mác đã viết Sách Phúc Âm theo cách Phi-e-rơ đã trình bày về nó cho ông.
11. Eusebius chính ông đã bình luận về sách Phúc Âm theo Mác trong *Eccl. His.* 2:15 và cho biết rằng Mác đã ghi chép lại những bài giảng của Phi-e-rơ theo chỉ thị của những người đã nghe chúng để rồi chúng sẽ được đọc lại trong tất cả các hội thánh. Eusebius đã dựa trên truyền thống này trên những tác phẩm của Clement of Alexandria.

D. Chúng ta biết gì về Giăng Mác

1. Mẹ ông là một tín đồ nổi tiếng tại Giê-ru-sa-lem là người mà tại nhà của bà là nơi mà hội thánh nhóm lại (có lẽ vào đêm của Bữa Tiệc Ly của Chúa, theo Mác 14:14-15; Công Vụ 1:13-14; Công Vụ 12:12). Ông có lẽ chính là người nam vô danh đã trốn chạy "trần truồng" từ Vườn Ghết-sê-ma-nê (Mác 14:51-

52).

2. Ông đã đồng hành cùng với chú mình là Ba-na-ba (theo Cô-lô-se 4:10) và Phao-lô quay trở lại An-ti-ốt từ Giê-ru-sa-lem (Công Vụ 12:25).
3. Ông đã là bạn đồng hành cùng với Ba-na-ba và Phao-lô trong chuyến hành trình truyền giáo thứ nhất (Công Vụ 13:5), nhưng đã đột ngột bỏ về (Công Vụ 13:13).
4. Sau này, Ba-na-ba muốn mang Mác theo trong chuyến hành trình truyền giáo thứ hai, nhưng việc này đã gây ra một sự mâu thuẫn trầm trọng Ba-na-ba và Phao-lô (Công Vụ 15:37-40).
5. Sau này ông đã đoàn tụ lại với Phao-lô và đã trở thành một người bạn và người đồng lao (của Phao-lô) (Cô-lô-se 4:10; 2 Ti-mô-thê 4:11; Phi-lê-môn 24).
6. Ông đã trở thành bạn đồng hành và đồng lao cùng với Phi-e-rơ (1 Phi-e-rơ 5:13), có lẽ ở tại Rô-ma.

E. Kiến thức cá nhân của Mác về cuộc đời của Chúa Jesus có lẽ như đã được xác nhận trong Mác 14:51-52, nơi nói về một người nam đã trốn chạy cách trần trường khỏi Vườn Ghết-sê-ma-nê ngay sau khi Chúa Jesus bị bắt. Điều này là bất thường và những chi tiết hoàn toàn không được trông đợi có vẻ như đã phản chiếu những kinh nghiệm cá nhân của Mác.

## THỜI ĐIỂM VIẾT SÁCH

- A. Sách Phúc Âm này là một tác phẩm làm chứng tận mắt và giải nghĩa về cuộc đời, những hành động và những sự dạy dỗ, hiển nhiên được rút ra từ những bài giảng của Phi-e-rơ. Chúng được tổng hợp lại và phát hành sau cái chết của, cũng như cách mà tác phẩm Anti-Marcionite Prologue và Irenaeus (là người cũng đã cung cấp thêm thông tin sau cái chết của Phao-lô) cũng cho là như vậy. Cả Phi-e-rơ và Phao-lô đều đã tuôn đạo dưới thời của Nê-rô (SC 54-68) tại Rô-ma (theo truyền thống của hội thánh). Thời điểm chính xác của những sự kiện này là không rõ, nhưng nếu đúng, thì có lẽ sách Mác ở vào khoảng giữa thập niên sáu mươi.
- B. Có khả năng rằng Anti-Marcionite Prologue và Irenaeus đã không đề cập đến cái chết của Phi-e-rơ, nhưng là sự rời bỏ (một cuộc trốn chạy) khỏi Rô-ma của ông. Có một vài bằng chứng trong truyền thống Hội Thánh (Justin và Hippolytus) rằng Phi-e-rơ đã viếng thăm Rô-ma trong khoảng thời gian cai trị của hoàng đế Cơ-lôt (SC 41 đến 54), (quyển *Eccl. His.* được viết bởi Eusebius, 2:14:6).
- C. Có vẻ rằng Lu-ca đã chấm dứt sách Công Vụ với việc Phao-lô vẫn ở tù vào khoảng đầu những năm 60. Nếu việc Lu-ca sử dụng sách Mác trong Phúc Âm của mình thì Mác phải được viết trước sách Công Vụ và, vì vậy, sớm hơn là đầu những năm sáu mươi.
- D. Tác quyền và thời điểm viết sách của Mác đã không hề ảnh hưởng trong bất cứ cách nào đến những lẽ thật lịch sử/ thần học/ truyền giáo của sách Phúc Âm này (hoặc bất cứ sách nào khác). Chúa Jesus, chứ không phải tác giả là con người, mới là nhân vật then chốt!
- E. Thật đáng ngạc nhiên rằng không có một sách Phúc Âm nào (ngay cả sách Giăng, được viết vào những SC 95-96) nhắc về sự ngụ ý chỉ đến sự sụp đổ thành Giê-ru-sa-lem (theo Ma-thi-ơ 24; Mác 13; Lu-ca 21) vào SC 70 bởi tướng người Rô-ma, sau đó trở thành Hoàng Đế, Titus. Mác có lẽ là tác phẩm duy nhất được viết trước sự kiện này. Thậm chí có khả năng rằng Ma-thi-ơ và Lu-ca đã được viết trước khi xảy ra sự đoán phạt trọng yếu này trên Chủ Nghĩa Do Thái. Đơn giản cần phải nhớ rằng những thời điểm chính xác của việc tổng hợp lại những Sách Phúc Âm Cộng Quan là không xác định được trong giai đoạn này (cũng như là mối quan hệ văn học giữa chúng với nhau).

## NGƯỜI NHẬN CỦA TÁC PHẨM

- A. Mác liên hệ với Rô-ma bởi một vài tác giả thuộc hội thánh đầu tiên
  1. 1 Phi-e-rơ 5:13
  2. Anti-Marcionite Prologue (ở Ý)
  3. Irenaeus (ở Rô-ma, theo *Adv. Haer.* 3:1:2)
  4. Clement of Alexandria (ở Rome, theo *Eccl. Hist.* của Eusebius 4:14:6-7; 6:14:5-7)
- B. Mác không đề cập cách cụ thể những mục đích của ông cho việc viết lên Phúc Âm. Có một vài những giả thuyết.

1. Một luận văn truyền giáo (theo Mác 1:1) được viết gửi đặc biệt cho người Rô-ma (theo Mác 1:15; 10:45)
  - a. Những chi tiết mang phong cách Do Thái được giải thích rõ (theo Mác 7:3-4; 14:12; 15:42)
  - b. Những từ trong tiếng A-ram được dịch ra (theo Mác 3:17; 5:41; 7:1,34; 10:46; 14:36; 15:22,34)
  - c. Sử dụng nhiều từ La-tinh (executioner (đao phủ), Mác 6:27; sextanus (chén, bình đựng), Mác 7:4; census (thuế), Mác 12:14; quadrans (một phần tư xu), Mác 12:42; praetorium (trường án), Mác 15:16; centurio (thầy đội), Mác 15:39; flagellare (roi da), Mác 15:42)
  - d. Ngôn ngữ bao gộp trong mỗi liên hệ với Chúa Jesus
    - (1) Ngôn ngữ bao gộp với những người ở khu vực Palestine (theo Mác 1:5,28,33,39; 2:13; 4:1; 6:33,39,41,55)
    - (2) Ngôn ngữ bao gộp trong sự liên hệ với tất cả mọi (theo Mác 13:10)
2. Sự bắt bớ theo sau trận hòa hoãn tại Rô-ma vào năm 64 SC, mà Nê-rô đã đổ thừa cho những Cơ Đốc Nhân, đã khởi đầu một làn sóng bắt bớ kinh khiếp hướng đến các Cơ Đốc Nhân. Mác thường đề cập đến sự bắt bớ (sự chịu khổ của Chúa Jesus 8:31; 9:39; 10:33-34,45 và sự chịu khổ của những kẻ đi theo Ngài 8:34-38; 10:21,30,35-44).
3. Sự trì hoãn của Lần Đền Thứ Hai
4. Sự chết của những nhân chứng tận mắt của Chúa Jesus, đặc biệt là Các Sứ Đồ
5. Sự dấy lên của các tà giáo ở giữa sự lan rộng của những hội thánh Cơ Đốc
  - a. Giáo Giu-đa (dạy phép cắt bì, giữ luật pháp Cựu Ước để được xưng công bình) (Ga-la-ti)
  - b. Trí Huệ Giáo (1 Giăng)
  - c. Sự kết hợp giữa a. và b. (Cô-lô-se và Ê-phê-sô; 2 Phi-e-rơ 2)

## DÀN Ý CẤU TRÚC

- A. Mác lập dàn ý trong cách mà tuần lễ cuối cùng của cuộc đời của Chúa Jesus chính là sự tập chú của hơn một phần ba sách. Tâm quan trọng thần học của Tuần Lễ Thương Khó thật rõ ràng.
- B. Bởi vì sách Mác chính là, theo truyền thống của hội thánh đầu tiên, được lấy ra từ những bài giảng của Phi-e-rơ, (có lẽ tại Rô-ma) đã trở thành bằng chứng tại sao không có những phần tường thuật về sự giảng sinh được bao gộp vào. Mác bắt đầu từ khi sự trải nghiệm của Phi-e-rơ bắt đầu, khi Chúa Jesus đã là một người trưởng thành, và có sự liên hệ thần học với sứ điệp của Giảng Báp-tít về sự ăn năn và đức tin trong sự chuẩn bị cho công việc của Đấng Mê-si.
 

Những bài giảng của Phi-e-rơ bắt buộc đã phải sử dụng khái niệm "Con Người" và "Con Đức Chúa Trời." Sách Phúc Âm đã phản ánh thần học của chính Phi-e-rơ về thân vị của Chúa Jesus. Đầu tiên Ngài đã là một giáo sư vĩ đại và là Đấng Chữa Lành, nhưng sau cùng, sứ điệp đã trở nên rất rõ ràng rằng Ngài chính là Đấng Mê-si! Chính Đấng Mê-si ấy đã không phải là vị tướng quân đội chinh chiến, nhưng là một Tội Tố Chịu Khổ (theo Ê-sai 53).
- C. Dàn ý cấu trúc theo địa lý đơn giản theo sách Mác này đã được chia sẻ bởi những Sách Phúc Âm Cộng Quan khác (Ma-thi-ơ and Lu-ca)
  1. Một Chức Vụ Ga-li-lê (Mác 1:14-6:13)
  2. Chức Vụ ngoài Ga-li-lê (Mác 6:14-8:30)
  3. Hành trình lên Giê-ru-sa-lem (Mác 8:31-10:52)
  4. Tuần lễ cuối tại khu vực Giê-ru-sa-lem (Mác 11:1-16:8)
- D. Thậm chí có khả năng rằng cấu trúc của sách Mác tác động đến cấu trúc cơ bản của những bài giảng của giai đoạn sớm của thời kỳ Sứ đồ (Công Vụ 10:37-43, theo *New Testament Studies* trang 1-11 được viết bởi C. H. Dodd). Nếu điều này là đúng thì Các Sách Phúc Âm chính là đỉnh điểm của một giai đoạn của những truyền thống truyền miệng (kerygma). Do Thái Giáo xem những sự dạy dỗ truyền miệng cao trọng hơn những tác phẩm viết.
- E. Mác được mô tả bằng một nhịp điệu lưu động nhanh chóng ("tức thì," theo Mác 1:10) về cuộc đời của Chúa Jesus. Mác không ghi chép lại những phân dạy dỗ dài, nhưng di chuyển nhanh chóng từ những sự kiện đến sự kiện (ví dụ, cách sử dụng lặp đi lặp lại của từ "tức thì"). Phúc Âm theo Mác bày tỏ về Chúa Jesus qua những hành động của Ngài. Tuy nhiên, nhịp điệu vội vàng nhanh chóng này được trải đều với

những chi tiết sống động của sự làm chứng của một nhân chứng chứng kiến tận mắt (Phi-e-rơ).

### **CHU KỶ ĐỌC THỨ NHẤT (từ tài liệu " Hướng Dẫn một Cách Đọc Kinh Thánh Tốt ")**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả sách của Kinh Thánh trong một lần đọc. Đưa ra chủ đề trung tâm của cả sách bằng từ ngữ của chính bạn.

1. Chủ đề của cả sách
2. Thể loại văn học (loại)

### **CHU KỶ ĐỌC THỨ HAI (từ tài liệu " Hướng Dẫn một Cách Đọc Kinh Thánh Tốt ")**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả sách của Kinh Thánh lần thứ hai trong một lần đọc. Đưa ra dàn ý những chủ đề chính và diễn tả chủ đề đó trong một câu đơn.

1. Chủ đề của đơn vị văn học thứ nhất
2. Chủ đề của đơn vị văn học thứ hai
3. Chủ đề của đơn vị văn học thứ ba
4. Chủ đề của đơn vị văn học thứ tư
5. V.v...

# MẮC 1

## NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI\*

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự rao giảng của Giảng Báp-tít	Giảng Báp-tít Chuẩn Bị Một Con Đường	Những Công Việc Của Giảng Báp-tít	Sự Rao Giảng của Giảng Báp-tít	Sự Công Bố của Giảng Báp-tít
1:1-8	1:1-8	1:1-8	1:1-3 1:4-5 1:6-8	1:1-8
Sự Chịu Báp-tem của Chúa Jesus	Giảng Báp-tít làm Báp-tem cho Chúa Jesus	Sự Chịu Báp-tem của Chúa Jesus	Sự Chịu Báp-tem và Cám Dỗ của Chúa Jesus	Chúa Jesus Chịu Báp-tem
1:9-11	1:9-11	1:9-11	1:9-11	1:9-11
Sự Chịu Cám Dỗ của Chúa Jesus	Sa-tan Cám Dỗ Chúa Jesus	Chúa Jesus Chịu Cám Dỗ		Sự Thử Thách Trong Hoang Mạc
1:12-13	1:12-13	1:12-13	1:12-13	1:12-13
Sự Bắt Đầu Chức Vụ ở Ga-li-lê	Chúa Jesus Bắt Đầu Chức Vụ của Ngài ở Ga-li-lê	Sự Bắt Đầu Công Việc của Chúa Jesus ở Ga-li-lê	Chúa Jesus Gọi Bốn Kẻ Đánh Cá	Chúa Jesus Bắt Đầu Công Bố Thông Điệp
1:14-15	1:14-15	1:14-15	1:14-15	1:14-15
Sự Kêu Gọi Bốn Kẻ Đánh Cá	Bốn Kẻ Đánh Cá Được Gọi Thành Những Môn Đồ			Bốn Môn Đồ Đầu Tiên Được Kêu Gọi
1:16-20	1:16-20	1:16-20	1:16-18 1:19-20	1:16-18 1:19-20
Người Đàn Ông Bị Uế Linh Ám	Chúa Jesus Đuổi Một Uế Linh		Người Đàn Ông Bị Tà Linh Ám	Chúa Jesus Dạy Dỗ Tại Ca-bê-na-um và Chữa Lành Cho Người Bị Tà Linh Ám
1:21-28	1:21-28	1:21-28	1:21-22 1:23-24 1:25 1:26-27 1:28	1:21-22 1:23-28
Sự Chữa Lành cho Nhiều Người	Bà Gia Phi-e-rơ Được Chữa Lành		Chúa Jesus Chữa Lành Nhiều Người	Sự Chữa Lành Bà Gia Si-môn
1:29-34	1:29-31 Nhiều Sự Chữa Lành Sau Khi Mặt Trời Lặn Trong Ngày Sa-bát	1:29-31	1:29-31	1:29-31 Những Sự Chữa Lành
	1:32-34	1:32-34	1:32-34	1:32-34

Một Chuyến Đi Rao Giảng 1:35-39	Sự Giảng Dạy Tại Ga-li-lê 1:35-39	Chúa Jesus Giảng Dạy Tại Ga-li-lê 1:35-37	Chúa Jesus Bí Mật Rời Khỏi Ca-bê-na-um và Di Chuyển Khắp Ga-li-lê 1:35-39
Chúa Jesus Chữa Lành Người Phung 1:40-45	1:40-45	1:38 1:39 Chúa Jesus Chữa Lành Một Người Nam 1:40 1:41-44 1:45	Sự Chữa Lành Người Nam Khỏi Bệnh Da Liễu Chết Người 1:40-45

\* Mặc dù không được thần cảm, những chỗ chia phân chia đoạn chính là chìa khóa để hiểu được và dõi theo ý định của tác giả nguyên thủy. Mỗi bản dịch hiện đại đã chia và tổng hợp lại những chỗ chia phân đoạn. . Mỗi phân đoạn có một ý chính, lẽ thật và ý tưởng trung tâm. Mỗi bản dịch lồng ý tưởng đó theo cách riêng biệt của chính bản dịch đó. Khi bạn đọc phần Kinh Thánh, hãy tự hỏi chính mình rằng bản dịch nào phù hợp với cách hiểu của bạn về chủ đề và những chỗ chia câu.

\* Trong mỗi đoạn, bạn phải đọc Kinh Thánh trước và cố gắng xác định các chủ đề (các phân đoạn). Sau đó, hãy so sánh cách hiểu của bạn với các bản dịch hiện đại. Chỉ khi chúng ta hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy bằng cách dõi theo lập luận và cách trình bày của họ ở mức độ phân đoạn, chúng ta mới có thể hiểu được Kinh Thánh. Chỉ có một mình tác giả nguyên thủy được thần cảm-những người đọc không có bất cứ thẩm quyền nào để thay đổi hoặc bổ sung cho sứ điệp. Những người đọc Kinh Thánh có trách nhiệm phải áp dụng những lẽ thật được thần cảm đó mỗi một ngày và cả cuộc đời của họ.

Chú ý rằng tất cả những thuật ngữ và chữ viết tắt đều được giải thích đầy đủ trong những tài liệu sau: Những Thuật Ngữ về Ngữ Pháp Hê-bơ-rơ và Bảng Thuật Ngữ.

### **CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu " Hướng Dẫn một Cách Đọc Kinh Thánh Tốt ")**

#### ***THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN***

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

### **NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ**

#### **DOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1:1**

#### **1 Khởi đầu Tin Lành của Đức Chúa Jêsus Christ, Con Đức Chúa Trời.**

**1:1 " Khởi đầu"** Cụm từ dẫn nhập này chỉ đến điều gì

1. Sự khởi thủy ban đầu cũng như trong Sáng. 1:1 và Giảng 1:1
2. Sự khởi đầu của sự nhập thể hóa thân thành người của Chúa Jesus (Jesus' incarnation) như được chép trong 1 Giảng 1:1



3. Sự khởi đầu của chức vụ được bày tỏ trước cộng đồng của Chúa (theo những trải nghiệm cá nhân của Phi-e-rơ)

Đoạn văn đầu tiên này đặc biệt chỉ về lời tiên tri Cựu Ước chỉ Đấng Mê-si trong sách Ê-sai. Câu chuyện phúc âm bắt đầu với lời tiên tri truyền thống của Y-sơ-ra-ên. Phần Kinh Thánh trích trong Mác 1:2 và 3 là một sự kết hợp giữa Ma-la-chi 3:1 and Ê-sai 40:3.

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: *ARCHĒ*

Từ trong tiếng Hy Lạp *archē* có nghĩa là "sự khởi đầu" hoặc "nguồn cội" của một điều gì đó.

1. Sự bắt đầu của trật tự được sáng tạo nên (Giăng 1:1; Hê-bơ-rơ 1:10)
2. Sự khởi đầu của phúc âm (Mác 1:1; Phi-líp 4:15; 2 Tê-sa 2:13; Hê-bơ-rơ 2:3; 1 Giăng 1:1)
3. Những chứng nhân đầu tiên (Lu-ca 1:2)
4. Sự khởi đầu của những dấu lạ (những phép lạ, Giăng 2:11)
5. Những nguyên tắc sơ khởi (Hê-bơ-rơ 5:12)
6. Khởi đầu của sự đảm bảo chắc chắn của những lẽ thật phúc âm (Hê-bơ-rơ 3:14)
7. Sự khởi đầu, Cô-lô-se 1:18; Khải Huyền 3:14

Từ này trở thành có thể được sử dụng cho "sự cai trị" hoặc "thẩm quyền"

1. Của những người cầm quyền là con người
  - a. Lu-ca 12:11
  - b. Lu-ca 20:20
  - c. Rô-ma 13:3; Tít 3:1
2. Của những quan trưởng thiên sứ
  - a. Rô-ma 8:38
  - b. 1 Cô-rinh-tô 15:24
  - c. Ê-phê-sô 1:21; 3:10; 6:12
  - d. Cô-lô-se 1:16; 2:10,15
  - e. Giu-đe 1:6

Những giáo sư giả trong sách Giu-đe khinh miệt thẩm quyền, cả dưới đất, và trên trời. Họ là những kẻ có tư tưởng tự do, phóng đảng chống nghịch chân lý. Họ đặt chính mình và những tham muốn lên trên Đức Chúa Trời, các thiên sứ, các thẩm quyền dân sự và các lãnh đạo hội thánh.

▣ "**Tin Lành của**" Với sách Mác có lẽ chính là Sách Phúc Âm viết đầu tiên, đây chính là lần sử dụng đầu tiên của từ *euangelion* (theo Mác 1:14,15; 8:35; 10:29; 13:10; 14:9) bởi một trước giả Phúc Âm (hai lần sử dụng của Phao-lô trong Ga-la-ti 2:2 và 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:9 sẽ là sớm hơn về mặt thời gian). Nó có nghĩa đen là "tin tức tốt lành" hoặc "thông điệp tốt lành." Cụm từ này rõ ràng phản ánh Ê-sai 61:1 và có lẽ cả 40:9 và 52:7. *Jerome Biblical Commentary* cho rằng "Cách sử dụng từ 'phúc âm' của Mác khá tương tự với Phao-lô nơi mà nó có thể có nghĩa cả là hành động của sự công bố hoặc nội dung của điều được công bố" (trang 24).

▣ "**của Đức Chúa Jê-sus Christ, Con Đức Chúa Trời**" Về hình thái ngữ pháp cụm từ này có thể hiểu như (1) thông điệp được truyền rao bởi Chúa Jesus hoặc (2) thông điệp về Chúa Jesus. Điểm số 2 có lẽ là ý nghĩa trong ý định (của tác giả). Tuy nhiên, *Dictionary of Jesus and the Gospels*, được xuất bản bởi IVP, cho rằng "Sở hữu cách" (từ 'của') có lẽ mang cả tính chủ quan và khách quan: Chúa Jesus công bố phúc âm và nó (phúc âm) công bố câu chuyện của Ngài" (trang 285).

Câu 1 không phải là một câu hoàn chỉnh. Nó chỉ là một tựa đề của sách. Bản tiếng Hy Lạp cổ ông-xi-an (tức bản chép tay bằng dạng chữ viết hoa, to và rời của thế kỷ thứ tư) Ⲛ, A, B, D, L, và W thêm vào cụm từ "Con (của) Đức Chúa Trời" được đi theo bởi bản dịch NKJV và các bản NRSV, TEV, cũng như bản NIV, trong khi nó không xuất hiện trong các bản (1) (2) ;\*Ⲛ, Palestinian Syriac; (3) một cổ bản tiếng Coptic (Ngôn ngữ phổ biến trong Giáo hội Ai Cập); (4) Bản Georgian (the Georgian Version); cũng như trong các bản sau (5) bản dịch Armenian (Armenian translation) và (6) một trích dẫn của câu này trong quyển giải kinh sách Giăng của Origen (Origen's commentary on John). UBS<sup>4</sup> cho sự thêm vào này một đánh giá điểm "C" (khó để quyết định). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt về "Con Đức Chúa Trời" tại Mác 3:11.

Thật khó cho những Cơ Đốc Nhân hiện đại là những người yêu mến và tin cậy Kinh Thánh có thể xác định theo lý trí với những sự khác biệt của những cổ bản Hy Lạp này, nhưng cũng như sự khó khăn dành cho những sự giả định của chúng ta về sự thần cảm và bảo tồn của sự tự-thân-khải-thị (self-revelation) của Đức Chúa Trời, chúng là những thực. Sự thêm vào ngay cả khi có vẻ là có ý đồ, không phải là một sự tình cờ. Những người sao

chép Kinh Thánh chính thống đã rất lưu ý đến những quan điểm tà giáo về Chúa Jesus, ví dụ như thuyết nhận làm con (adoptionism), vốn cho rằng Chúa Jesus đã (từ một con người bình thường) trở thành Con của Đức Chúa Trời. Những người sao chép Kinh Thánh thời kỳ đầu tiên này thường sửa đổi những từ tiếng Hy Lạp mà họ sao chép để làm cho chúng trở nên chính thống về mặt thần học (1 Giăng 5:7-8). Để đọc thêm về sự sửa đổi có ý những cô bản Hy Lạp bởi những người sao chép Kinh Thánh chính thống hãy xem quyển *The Orthodox Corruption of Scripture*, được viết bởi Bart D. Ehrman. Ông thảo luận cụ thể về Mác 1:1 tại trang 72-75.

▣ **"của Chúa Jesus"** Thường trong Do Thái Giáo thế kỷ thứ nhất, người cha đặt tên cho con mình. Trong trường hợp này Cha thiên thượng, thông qua một thiên sứ, đã đặt tên cho con. Những tên Hê-bơ-rơ thường mang theo một ý nghĩa hình bóng; trường hợp này cũng không ngoại lệ. Jesus là một sự kết hợp của hai danh từ tiếng Hê-bơ-rơ: (1) YHWH và (2) sự cứu rỗi. Sự quan trọng đáng chú ý đã được nhắc đến trong Ma-thi-ơ 1:21. Jesus là từ Hy Lạp được của tên tiếng Hê-bơ-rơ Giô-suê. Ngài đã được xác nhận chính là một Môi-se mới, Giô-suê mới, và Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm mới.

▣ **"Christ"** Đây là từ dịch Hy Lạp của thuật ngữ Hê-bơ-rơ "Đấng Mê-si," vốn có nghĩa là "kẻ được xức dầu." Trong Cựu Ước sự xức dầu của Đức Chúa Trời trên những lãnh đạo (những tiên tri, thầy tế lễ, và các vị vua) biểu tượng cho sự kêu gọi và trang bị của Ngài cho một nhiệm vụ được giao.

Từ "Đấng Mê-si" không được sử dụng thường xuyên trong Cựu Ước (ví dụ, trong Đa-ni-ên 9:25,26 để chỉ về một vị vua trong thời kỳ cuối rốt (the eschatological king)), nhưng về ý tưởng thì thật rõ ràng. Nó được sử dụng song hành với Ma-thi-ơ 1:1, "con của vua Đa-vít," vốn chỉ về một dòng dõi hoàng tộc của vị vua lý tưởng của Y-sơ-ra-ên "Đa-vít." Đức Chúa Trời đã hứa với vua Đa-vít trong 2 Sa-mu-ên 7 rằng một hậu duệ của dòng dõi ông sẽ luôn cai trị trên Y-sơ-ra-ên. Lời hứa này dường như đã bị nghiền nát bởi sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem và lưu đày tất cả những cư dân của thành này bởi người Ba-by-lôn (586 T.C). Tuy nhiên, các tiên tri bắt đầu nhìn thấy một hậu tự tương lai từ dòng dõi nhà Đa-vít (Ê-sai, Mí-chê, Ma-la-chi). Chúa Jesus chính là "Con vua Đa-vít," "Con người" (theo Đa-ni-ên 7:13), và "Con Đức Chúa Trời" (được sử dụng năm lần trong sách Mác) đã được hứa từ trước.

Thật ấn tượng rằng lần sử dụng duy nhất trong cả Phúc Âm này sự định danh "Chúa Jesus Christ" đã được sử dụng trong câu kinh thánh mở đầu (chỉ hai lần trong Ma-thi-ơ và Giăng và không hề được sử dụng trong Luca). Thường, Mác chỉ sử dụng "Chúa Jesus." Cách sử dụng này phù hợp với sự nhân mạnh thần học của Mác về nhân tính của Chúa Jesus, khi mà thần tính của Ngài còn bị ẩn giấu (Đấng Mê-si ẩn giấu) cho đến khi sứ mạng Đấng Mê-si của Ngài được hoàn tất (Tôi Tớ Chịu Khô). Cho đến tận sách Công Vụ, danh xưng "Chúa Jesus Christ" mới trở thành một danh xưng định kỳ được sử dụng thường xuyên.

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1:2-8

<sup>2</sup> Như đã chép trong sách tiên tri Ê-sai:

"Này, Ta sai sứ giả Ta đi trước mặt Con,  
Người sẽ dọn đường cho Con.

<sup>3</sup> Có tiếng người kêu lên trong hoang mạc:  
Hãy dọn đường cho Chúa,  
Làm thẳng các lối Ngài;"

<sup>4</sup> Giăng đã đến trong hoang mạc, vừa rao giảng vừa làm báp-têm về sự ăn năn để được tha tội. <sup>5</sup> Dân chúng khắp miền Giu-đê và thành Giê-ru-sa-lem đều đến với ông, xưng nhận tội mình và được ông làm báp-têm dưới sông Giô-đan. <sup>6</sup> Giăng mặc áo lông lạc đà, thắt dây lưng da, ăn châu chấu và mật ong rừng. <sup>7</sup> Ông giảng dạy rằng: "Đấng đến sau tôi, uy quyền hơn tôi, tôi không đáng cúi xuống mở quai dép cho Ngài. <sup>8</sup> Tôi làm báp-têm cho các người bằng nước, nhưng Ngài sẽ làm báp-têm cho các người bằng Đức Thánh Linh."

**1:2 "Như đã chép"** Từ "chép" trong thể hoàn thành, vốn là một thành ngữ Do Thái được sử dụng để chỉ về sự mặc khải đời đời của Đức Chúa Trời (Kinh Thánh (Lời)).

▣ **"trong sách tiên tri Ê-sai"** Sự trích dẫn này là một sự kết hợp giữa Ma-la-chi 3:1 và Ê-sai 40:3. Nó không phải trong bản tiếng Hê-bơ-rơ Masoretic Text hoặc bản Tiếng Hy Lạp Bảy Mươi (Septuagint) của Ê-sai 40:3. Vì lý do này một số nhà chép kinh đã đổi thành cụm từ "chép trong các sách tiên tri" (trong phần Các Sách Tiên Tri của bộ kinh điển Cựu Ước). Thể số ít được tìm thấy trong cô bản chữ Hy Lạp ông-xi-an (tức bản chép tay bằng dạng chữ viết hoa, to và rời của thể ký thứ tư) ϰ, Β, Λ và Δ, nhưng thể số nhiều trong MSS A, và W.

Ê-sai 40-66 có hai sự nhấn mạnh lai thế học chủ đạo: (1) Người Tôi Tớ Chịu Khô (đặc biệt trong Ê-sai 52:13-53:12) và (2) thời đại mới của Thần Linh (đặc biệt Ê-sai 56-66). Trong sự mở đầu ngắn gọn theo sau của Mác có một số chỗ có thể ngụ ý chỉ đến Ê-sai.

▣ **"sai sứ giả Ta đi trước mặt Con"** Từ "sứ giả" có thể chỉ đến một thiên sứ (Xuất 23:20a, vốn có thể là một sự ngụ ý khác chỉ đến Cuộc Xuất Hành), nhưng ở đây nó chỉ đến một "sứ giả" (Ma-la-chi 3:1). Đây có thể là một cách chơi chữ trên thuật ngữ phúc âm (tin lành). Đây là một trong một vài sự trích dẫn Cựu Ước trong sách Mác vốn được viết trước tiên cho người Rô-ma. Nó chỉ đến chức vụ của Giăng Báp-tít (theo Mác 1:4). Nó chỉ ra rằng lời tiên tri Cựu Ước truyền thông đã được ứng nghiệm (điều này cũng được phản chiếu trong sự chữa lành và đuổi quỷ của Chúa Jesus, vốn chính là những sự tiên tri về Đấng Mê-si trong Ê-sai). Chức vụ của Giăng Báp-tít được đề cập đến trong cả bốn sách Phúc Âm.

**1:3 "tiếng người kêu lên trong hoang mạc"** Cụm từ này được trích trong Ê-sai 40:3 từ một nguồn không rõ. Từ "hoang mạc" có nghĩa là đồng vắng không có người ở hơn là một sa mạc đầy cát, lộng gió và khô hạn.

▣ **"Hãy dọn đường cho Chúa"** Đây là một thể mệnh lệnh bất định chủ động, vốn chỉ về sự khẩn cấp. Trong bản MT, từ Chúa (*adon*) được đọc, nhưng YHWH (Chúa) hiện diện trong bản chép tiếng Hê-bơ-rơ. Cụm từ nguyên gốc chỉ về sự chuẩn bị về mặt vật chất cho một cuộc viếng thăm hoàng gia (Ê-sai 57:14; 62:10). Nó xuất hiện để chỉ theo nghĩa bóng về chức vụ thuộc linh của Giăng Báp-tít: chuẩn bị một con đường cho Chúa Jesus-Đấng Mê-si-là Đấng được gọi là "Chúa" (*kurios*).

▣ **"Làm thẳng các lối Ngài"** Bản MT và LXX dùng "làm thẳng các lối của Đức Chúa Trời chúng ta." Mác (hoặc Phi-e-rơ) hiệu đính lại phần Kinh Thánh (hoặc trích dẫn từ một hình thái từ không xác định) để khiến nó liên hệ cụ thể với Chúa Jesus, không phải YHWH.

**1:4 "Giăng Báp-tít"** Tại sao Giăng lại làm phép báp-tem bằng nước?

1. Tiền lệ Cựu Ước để biểu thị về ý nghĩa của nghi lễ của "giao ước mới" (Xuất 19:10,14; Ê-sai 1:16; Giê-rê-mi 31:34; Ê-xê-chi-ên 36:25)
2. Một hành động tẩy rửa từ sự ô uế về mặt lễ nghi tôn giáo (Lê-vi Ký 15).
3. Một ẩn dụ mang tính tiên tri về thời kỳ cuối rốt của nước-mang-sự-sống từ Đức Chúa Trời (Ê-sai 12:2-3; Giê-rê-mi 2:13; 17:13; Ê-xê-chi-ên 47:1; Xa-cha-ri 13:1; 14:8; Khải Huyền 22:1)
4. Sự mô phỏng theo sự báp-tem người cải đạo như một lễ nghi khởi thủy để trở nên một phần của tuyển dân của Đức Chúa Trời
5. Một cách chuẩn bị ra-bi Do Thái của mọi cuộc hành hương để ra mắt YHWH nơi đền thờ Ngài (có lẽ bằng cách nhúng mình ngập vào nước, bài luận Miqvaot trong bộ Mishnah). Nghi lễ nhúng mình vào nước này vẫn được thực hành bởi người Hồi Giáo trước khi bước vào một nhà thờ Hồi Giáo.

▣ **"đến (xuất hiện)"** Từ này có lẽ là cách ngụ ý của Mác chỉ đến lời tiên tri về sự xuất hiện kinh ngạc của Ê-li trước sự xuất hiện bất ngờ của Đấng Mê-si (Ma-la-chi 3:1).

▣ **"rao giảng"** Đây chính là từ "đưa tin" (*kērussō*), vốn có nghĩa là "công bố một cách rộng rãi và công khai trước công chúng một thông điệp" (theo Mác 1:4,7,14,38,39,45). Mác không sử dụng thể động từ của phúc âm (*euaggelizō*).

Giăng đến để rao giảng một phép báp-tem của sự ăn năn (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây). Cùng một thông điệp được tiếp nối bởi Chúa Jesus, nhưng với sự nhấn mạnh thêm vào của "đức tin" (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 1:15). Giao ước song hành cần sự ăn năn và đức tin được bày tỏ bởi phép báp-tem đã trở thành những yếu tố của những bài giảng Sứ Đồ trong Công Vụ (*kerygma*)

1. Phi-e-rơ
  - a. Bài giảng cho hội thánh (Công Vụ 2:37-39)
    - (1) Ăn năn
    - (2) Nhận báp-tem
  - b. Bài giảng thứ hai cho hội thánh (Công Vụ 3:16,19)
    - (1) Đức tin
    - (2) Ăn năn
2. Phi-líp (Công Vụ 8:12)
  - a. tin
  - b. nhận báp-tem
3. Phao-lô
  - a. Cho người cai ngục tại thành Phi-líp (Công Vụ 16:31,33)
    - (1) tin

- (2) nhận báp-tem
- b. lời từ biệt các trưởng lão Ê-phê-sô (Công Vụ 20:21)
  - (1) ăn năn với Đức Chúa Trời
  - (2) đức tin nơi Đấng Christ
- c. lời chứng trước mặt vua A-c-ríp-ba (Công Vụ 26:18)
  - (1) quay khỏi sự tối tăm (Sa-tan), ăn năn
  - (2) qua sự sáng (Đức Chúa Trời)

Đối với tôi những điều kiện của Giao Ước Mới chính là

- 1. ăn năn
- 2. tin nhận
- 3. vâng lời
- 4. kiên trì (bền đỗ)

Mục đích của Giao Ước mới giờ đây là sự trở nên giống như Đấng Christ để rồi những người khác sẽ nhìn thấy sự biến đổi và sẽ bị thu hút bởi đức tin nơi Đấng Christ!

■ **"báp-têm về sự ăn năn"** Phép báp-tem không phải là cơ cấu máy móc của sự tha thứ, nhưng là cơ hội của sự xưng nhận công khai về đức tin của các tín đồ. Đây không phải là một hành động thánh lễ, nhưng là một thái độ mới đối với tội lỗi và một mối quan hệ tươi mới với Đức Chúa Trời. Nó là một dấu chỉ bên ngoài của một sự thay đổi bên trong.

### CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĂN NĂN TRONG CỰU ƯỚC

Khái niệm này là then chốt nhưng khó để có thể định nghĩa. Hầu hết chúng ta đều có một định nghĩa đến từ quan điểm hệ phái của chúng ta. Tuy nhiên, thường để "thiết lập" một định nghĩa thần học là sử dụng dựa trên một vài từ Hê-bơ-rơ (và Hy Lạp) vốn không chỉ cách cụ thể về định nghĩa được "thiết lập" này. Phải ghi nhớ rằng những tác giả Tân Ước (ngoại trừ Lu-ca) đã là những nhà tư tưởng Hê-bơ-rơ sử dụng những thuật ngữ Hy Lạp Koine, do vậy xuất phát điểm chính là những thuật ngữ Hê-bơ-rơ, mà từ đó cốt yếu có hai điều.

- 1. *nhm* (BDB 636, KB 688)
- 2. *swb* (BDB 996, KB 1427)

Điều đầu tiên, *nhm*, vốn ban đầu có vẻ như đã có nghĩa là hít vào một hơi thở sâu, được sử dụng trong một vài nghĩa khác nhau.

- a. "sự nghỉ ngơi" hoặc "an ủi" (ví dụ, Sáng 5:29; 24:67; 27:42; 37:35; 38:12; 50:12; thường được sử dụng trong các tên, II Các Vua 15:14; I Sứ ký 4:19; Nê-hê-mi 1:1; 7:7; Na-hum 1:1)
- b. "than khóc" (ví dụ, Sáng 6:6,7)
- c. "đổi ý" (ví dụ, Xuất 13:17; 32:12,14; Dân Số Ký 23:19)
- d. "sự thương xót" (ví dụ, Phục 32:36)

Chú ý rằng những điều này liên quan sâu sắc đến cảm xúc! Đây chính là chìa khóa: những cảm nhận sâu sắc dẫn dắt đến hành động. Sự thay đổi của hành động thường nhằm vào những người khác, nhưng cũng hướng đến Đức Chúa Trời. Đây là một sự thay đổi thái độ và hành động hướng đến Đức Chúa Trời vốn truyền cho từ này một sự đáng chú ý thần học. Nhưng ở đây, sự cần trọng cần phải được tập chú. Đức Chúa Trời được mô tả rằng Ngài "hối hận" (Sáng 6:6,7; Xuất 32:14; Các quan xét 2:18; ISa-mu-ên 15:11,35; Thi 106:45), nhưng điều này không gây ra kết quả từ sự hối tiếc về tội lỗi hoặc một sự sai trật, nhưng là một cách nói theo nghĩa đen về cách Đức Chúa Trời bày tỏ sự thương xót và quan tâm (Dân Số Ký 23:19; ISa-mu-ên 15:29; Thi 110:4; Giê-rê-mi 4:27-28; Ê-xê-chi-ên 24:14). Dựa vào hình phạt dành cho tội lỗi và sự phản nghịch được tha thứ nếu như tội nhân thực sự quay lại khỏi tội lỗi của ông ta/ cô ta/họ và quay lại với Đức Chúa Trời.

Từ này có khoảng nghĩa rất rộng. Văn mạch là then chốt để xác định ý nghĩa được dự định trước.

Từ thứ hai, *swb*, có nghĩa là "quay lại" (quay lại khỏi, quay về, quay đến). Nếu nó là chính xác rằng hai yêu cầu của giao ước là "sự ăn năn" và "đức tin" (ví dụ, Ma-thi-ơ 3:2; 4:17; Mác 1:4,15; 2:17; Lu-ca 3:3,8; 5:32; 13:3,5; 15:7; 17:3), khi đó *nhm* rchi về những cảm xúc mãnh liệt của việc nhận ra tội lỗi của một cai đó và quay đi khỏi nó, trong khi *swb* sẽ chỉ đến sự quay lại khỏi tội lỗi đến với Đức Chúa Trời (một ví dụ của hai hành động thuộc linh là A-môt

4:6-11, "người đã không quay trở lại với Ta" [năm lần] và A-môt 5:4,6,14, "hãy tìm kiếm Ta. . .hãy tìm kiếm

Đức Giê-hô-va. . . hãy tìm điều lành và đừng tìm điều dữ”).

Ví dụ tuyệt vời đầu tiên của năng quyền của sự ăn năn chính là sự phạm của Đa-vít đối với Bát-sê-ba ( II Sa-mu-ên 12; Thi 32, 51). Đã có những hậu quả liên tiếp dành cho Đa-vít, gia đình của ông, và cho Y-sơ-ra-ên, nhưng Đa-vít đã được phục hồi trong mối quan hệ với Đức Chúa Trời! Ngay cả vị vua tàn ác Ma-na-se cũng có thể ăn năn và được tha thứ ( II Sử ký 33:12-13).

Cả hai từ này được sử dụng song hành với nhau trong Thi 90:13. Phải có một sự nhận biết tội lỗi và một sự quay lại cách cá nhân và cố chủ ý khỏi nó, cũng như là một sự khao khát tìm kiếm Chúa và sự công chính của Ngài ( Ê-sai 1:16-20). Sự ăn năn bao gồm một khía cạnh về sự nhận thức, một khía cạnh cá nhân, và một khía cạnh đạo đức. Cả ba điều đều được đòi hỏi, tất cả để bắt đầu một mối quan hệ mới với Đức Chúa Trời và duy trì mối quan hệ mới đó. Cảm xúc hối hận sâu sắc chuyển thành một sự cam kết gắn chặt với Đức Chúa Trời và vì Đức Chúa Trời!

▣ **"về sự ăn năn để được tha tội"** Từ "ăn năn" có nghĩa đen là "cắt đi." Đây là một trong một vài nghĩa theo Kinh Thánh dành cho sự tha thứ. Nó có sự liên hệ theo nghĩa bóng với Ngày Đại Lễ Chuộc Tội của Cựu Ước (Lê-vi Ký 16) nơi mà một trong hai con dê đặc biệt được đuổi khỏi trại Y-sơ-ra-ên, mang nghĩa bóng của việc mang tội lỗi đi khỏi (Lê-vi Ký 16:21-22; Hê-bơ-rơ 9:28; 1 Phi-e-rơ 2:24).

Cụm từ "của những tội lỗi" là một sở hữu cách chủ động.

**1:5 "Dân chúng khắp miền Giu-đê và thành Giê-ru-sa-lem đều đến với ông"** Đây là một cách cường điệu phương đông (thậm xưng), nhưng nó chỉ về sự tác động to lớn mạnh mẽ của sự rao giảng của Giảng. Ông đã là một tiếng kêu mang tính tiên tri kể từ thời Ma-la-chi khoảng 400 năm trước đó. Thề chưa hoàn thành vốn có nghĩa rằng dân chúng vẫn tiếp tục đến bởi vì họ đã nhận ra Giảng là một vị tiên tri.

▣ **"được ông làm báp-têm"** Đây cũng là thề chưa hoàn thành vốn nói lên một hành động tiếp diễn trong thời điểm quá khứ. Nhiều người Do Thái đã cảm nhận được một thời đại mới của sự hành động của Đức Chúa Trời và họ đã chuẩn bị cho nó

▣ **"xưng nhận tội mình"** Đây là một phân từ (động tính từ) trung cấp thì hiện tại (present middle participle), vốn có nghĩa đen là "nói cùng một điều giống nhau." Cụm từ này chính là sự xưng nhận công khai của một nhu cầu của họ cho một sự tha thứ thuộc linh.

Có một sự ngụ ý rằng nếu như những người Do Thái này ăn năn và thay đổi lối sống của họ, YHWH sẽ tha thứ hoàn toàn những tội lỗi của họ (theo Mác 1:4; Ma-thi-ơ 3:6; Lu-ca 3:3). Đây chắc chắn là kiểu mẫu của Cựu Ước. Nó liên hệ với sự tha thứ trọn vẹn thông qua sự ăn năn, đức tin, sự thay đổi đời sống, và giờ đây là phép báp-têm như là dấu chỉ bề ngoài! Đây chính là kiểu mẫu Cựu Ước được bổ sung bởi chức vụ Mê-si của Chúa. Cùng những yếu tố này vẫn có hiệu quả, nhưng giờ đây một đức tin cá nhân Chúa Jesus là Đấng Christ chính là nhân tố trung tâm (theo Công Vụ 2:38; 3:16,19; 20:21). Bốn sách Phúc Âm hình thành nên một giai đoạn chuyên giao. Mác 1:14-15 chính là giai đoạn của Giảng Báp-tít, nhưng nó báo trước về mặt thần học về một thông điệp phúc âm hoàn chỉnh (ăn năn, tin nhận, và sống đời sống mới). Nhân tố chính giờ đây chính là Chúa Jesus là ai! Ngài chính là Đấng đại diện, Đấng mặc khải, và sứ giả của sự cứu chuộc và đoán phạt của YHWH. Đây chính là nguyên do của Bí Mật Đấng Mê-si (Đấng Mê-si Ẩn Giấu) trong sách Mác. Chúa Jesus chính là Đức Chúa Trời đây đủ ngay từ khởi nguyên (sự thụ thai trinh nữ (virgin conception)), nhưng điều này chưa được mặc khải đầy đủ cho đến tận sau sự phục sinh và thăng thiên của Ngài.

## **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ XƯNG NHẬN/CÔNG BỐ**

A. Có hai hình thái từ gốc tiếng Hy Lạp giống nhau được sử dụng cho "sự xưng nhận" hoặc "sự công bố," *homologeō/exomologō*. Từ ghép này được ghép từ từ *homo*, giống; *legō*, nói; hoặc *ex*, xuất phát từ. Nghĩa căn bản của nó là nói cùng một điều, đồng ý với. GIỚI TỪ (PREPOSITION) tiếng Hy Lạp, *ex*, thêm vào hàm ý của một sự công bố công khai rộng rãi trước cộng đồng.

B. Những cách dịch tiếng Anh của nhóm từ này là

1. Ngợi khen
2. Đồng ý
3. Tuyên xưng (Ma-thi-ơ 7:23)

4. công bố
5. xưng nhận (Hê-bơ-rơ 4:14; 10:23)

C. Nhóm từ này có vẻ có hai cách sử dụng đối ngược nhau

1. Ngợi khen (Đức Chúa Trời)
2. Xưng nhận tội lỗi

Hai cách sử dụng này có lẽ đã được phát triển từ sự nhận biết sự thánh khiết của Đức Chúa Trời bởi nhân loại và tội lỗi của chính họ. Nhận biết một lẽ thật cũng chính là sự nhận biết cả hai.

D. Những cách sử dụng trong Tân Ước của nhóm từ này là

1. Hứa (Ma-thi-ơ 14:7; Công Vụ 7:17)
2. Đồng ý hoặc tán thành một điều gì đó (Giăng 1:20; Lu-ca 22:6; Công Vụ 24:14; Hê-bơ-rơ 11:13)
3. Ngợi khen (Ma-thi-ơ 11:25; Lu-ca 10:21; Rô-ma 14:11; 15:9; Hê-bơ-rơ 13:15)
4. Sự chấp nhận
  - a. Một người (Ma-thi-ơ 10:32; Lu-ca 12:8; Giăng 9:22; 12:42; Rô-ma 10:9; Phi-líp 2:11; 1 Giăng 2:23; Khải Huyền 3:5)
  - b. Một lẽ thật (Công Vụ 23:8; 1 Giăng 4:2)
5. Thực hiện một sự tuyên xưng công khai (theo một nghĩa hợp pháp được phát triển thành một sự khẳng định tôn giáo, Công Vụ 24:14; 1 Ti-mô-thê 6:13)
  - a. không đi với sự xưng nhận tội lỗi (1 Ti-mô-thê 6:12; Hê-bơ-rơ 10:23)
  - b. đi cùng với sự xưng nhận tội lỗi (Ma-thi-ơ 3:6; Công Vụ 19:18; Hê-bơ-rơ 4:14; Gia-cơ 5:16; 1 Giăng 1:9)

**1:6 "Giăng mặc áo lông lạc đà"** Đây chính là cách phục trang hàng ngày của (phân từ (động tính từ) trung cấp tuyệt đối (perfect middle participle)). Đây không phải là da của một con lạc đà, nhưng một mảnh vải được dệt từ lông của nó (2 Các Vua 1:8; Ma-thi-ơ 3:4). Ông đã là một người của hoang mạc và một tiên tri (Xa-cha-ri 13:4). Giăng phục sức giống như Ê-li, người mà Ma-la-chi 3:1 và 4:5 nói rằng sẽ là người chuẩn bị trước Đấng Mê-si.

▣ **"châu chấu và mật ong rừng"** Đây chính là thức ăn phổ biến của người dân nơi hoang mạc. Châu chấu là tinh sạch và là thức ăn được chấp nhận theo luật Lê-vi (Lê-vi Ký 11:22). Ông đã ăn những gì có sẵn trong tự nhiên.

**1:7** Câu kinh thánh này và Mác 1:8 chỉ về chủ đề sự chuẩn bị mở đầu trong của thông điệp của ông. Ông đã nhận ra vị trí và vai trò của mình trong sự liên hệ với Đấng Sẽ Đến của Đức Chúa (Theo Giăng 3:30). Ông cảm nhận chính mình là một tôi tớ, một nô lệ (chỉ có những nô lệ mới cởi giày cho người khác). Sự tự hạ mình xuống của Giăng đều được ghi chép lại trong cả bốn sách Phúc (theo Ma-thi-ơ 3:11; Lu-ca 3:16; và Giăng 1:27; cả trong bài giảng của Phao-lô trong Công Vụ 13:25). Điều này có lẽ được cho vào bởi các trước giả Phúc Âm bởi vì một tư tưởng tà giáo phát triển sau này xung quanh Giăng Báp-tít (theo Công Vụ 18:24-19:7).

**1:8 "Tôi làm báp-têm cho các người bằng nước"** Hãy nhớ rằng, Phép báp-têm của Giăng đã là một sự chuẩn bị khởi đầu. Nó không chỉ đến phép báp-têm của Cơ Đốc Nhân. Giăng chính là tiên tri Cựu Ước cuối cùng (theo Lu-ca 16:16), một người rao giảng chuyên tiếp, không phải là một người rao giảng phúc âm đầu (theo Lu-ca 16:16; Công Vụ 19:17). Ông, như sự trích dẫn từ sách Ê-sai, kết nối giao ước cũ và giao ước mới.

▣ **"Ngài sẽ làm báp-têm cho các người bằng Đức Thánh Linh"** Đây chính là sự tương phản với phép báp-têm của Giăng. Đấng Mê-si sẽ mở đầu cho một thời đại mới của Thánh Linh. Phép báp-têm của Ngài sẽ đi cùng (hoặc "ở trong" hoặc "bởi") Đức Thánh Linh. Đã có quá nhiều sự thảo luận giữa các hệ phái về sự kiện nào trong sự trải nghiệm Cơ Đốc mà điều này chỉ về. Một vài người cho rằng nó chỉ về một kinh nghiệm được ban quyền năng sau sự cứu chuộc, một loại phước hạnh thứ hai. Cá nhân tôi nghĩ rằng nó chỉ về việc trở nên một Cơ Đốc Nhân (1 Cô-rinh-tô 12:13). Tôi không chối bỏ sự độ đầy và trang bị sau này, nhưng tôi tin rằng chỉ có duy nhất một sự báp-têm thuộc linh khởi đầu vào trong Đấng Christ mà trong đó các tín hữu nhận diện chính mình với sự chết đi và sự sống lại của Chúa Jesus (Rô-ma 6:3-4; Ê-phê-sô 4:5; Cô-lô-se 2:12). Hành động khởi đầu này của Đức Thánh Linh được mô tả trong Giăng 16:8-11. Trong sự hiểu biết của tôi về những sự hành động của Đức Thánh Linh chính:

1. cáo trách về tội lỗi
2. bày tỏ lẽ thật về Đấng Christ

3. dẫn dắt để tin nhận phúc âm
4. báp-tem vào trong Đấng Christ
5. cáo trách các tín đồ về những tội lỗi tiếp diễn
6. hình thành sự trở nên giống như Đấng Christ trong các tín đồ

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1:9-11**

<sup>9</sup> Trong những ngày ấy, Đức Chúa Jê-sus từ thành Na-xa-rét thuộc miền Ga-li-lê đến, và được Giăng làm báp-têm dưới sông Giô-đanh. <sup>10</sup> Khi vừa lên khỏi nước, Ngài thấy các tầng trời mở ra, và Thánh Linh tựa như chim bồ câu ngự xuống trên Ngài. <sup>11</sup> Rồi có tiếng từ trời phán: "Con là Con yêu dấu của Ta, đẹp lòng Ta hoàn toàn!"

**1:9 "Đức Chúa Jê-sus từ thành Na-xa-rét thuộc miền Ga-li-lê đến"** Chúa Jesus được sinh ra tại Bết-lê-hem xứ Giu-đê, Ngài đã sống một vài năm tại Ai Cập, và sau đó định cư tại Na-xa-rét, quê nhà của Giô-sép và Ma-ri, vốn là một vùng định cư nhỏ và mới của những người Giu-đê ở khi vực phía bắc. Chức vụ ban đầu của Chúa Jesus ở tại khu vực phía bắc xung quanh Biên Ga-li-lê, vốn ứng nghiệm lời tiên tri trong Ê-sai 9:1.

■ **"Chúa Jesus. . . được Giăng làm báp-têm"** Các sách Phúc Âm có sự khác biệt về thứ tự thời gian ban đầu của chức vụ Chúa Giê-xu tại xứ Ga-li-lê và Giu-đê. Có vẻ rằng đã có một chức vụ sớm ở tại xứ Giu-đê và một chức vụ muộn sau này, nhưng trình tự thời gian của cả bốn sách Phúc Âm chắc chắn đều hài hòa với nhau trong góc nhìn về lần đến khu vực xứ Giu-đê sớm này (Giăng 2:13-4:3).

Tại sao Chúa Jesus phải chịu phép báp-tem luôn là một suy nghĩ đối với các tín hữu bởi vì sự báp-tem của Giăng là một phép báp-tem của sự ăn năn. Chúa Jesus không cần sự tha thứ bởi vì Ngài không phạm tội (2 Cô-rinh-tô 5:21; Hê-bơ-rơ 4:15; 7:26; 1 Phi-e-rơ 2:22; 1 Giăng 3:5).

Một vài giả thuyết là:

1. đó là một gương mẫu dành cho các tín đồ noi theo
2. đó chính là sự nhận diện của Ngài cùng với nhu cầu của các tín đồ
3. đó chính là sự sắp đặt và trang bị của Ngài cho chức vụ
4. đó là một dấu chỉ cho nhiệm vụ cứu chuộc của Ngài
5. đó là sự chấp thuận của Ngài đối với chức vụ và thông điệp của Giăng Báp-tít
6. đó là một sự báo trước mang tính tiên tri về sự chết, bị chôn và phục sinh của Ngài (Rô-ma 6:4; Cô-lô-se 2:12). Dù cho lý do có là gì, đây cũng là một phút giây định nghĩa cuộc đời của Chúa Jesus. Dù cho nó không ngụ ý chỉ rằng Chúa Jesus trở thành Đấng Mê-si ngay tại điểm này, vốn là sự dạy dỗ tà giáo nghĩa từ thuyết (adoptionism-tà giáo này cho rằng Chúa Giê-xu chỉ là con nuôi của Đức Chúa Trời) trong thời kỳ đầu (*The Orthodox Corruption of Scripture* được viết bởi Bart D. Ehrman, trang 47-118), nó nắm một tầm quan trọng to lớn đối với Ngài.

**1:10**

**NASB, NKJV**  
**NRSV**  
**TEV**  
**NJB**

"tức thì"  
 "ngay khi"  
 "ngay sớm khi"  
 "ngay cùng lúc"

Đây là một từ rất phổ biến trong sách Mác. Nó mô tả sách Phúc Âm của ông. Ở đây từ euthus được dịch là "tức thì" hoặc "ngay lập tức" (theo Mác 1:10,12,18,20,21,20,28,42; 2:2,8,12; 3:6; 4:5,15,16,17,29; 5:5,29,42; 6:25,27,45, 50,54; 7:35; 8:10; 9:15,20,24; 10:52; 11:3; 14:43,45; 15:1).

Đây là một từ mang lại cho sách Phúc Âm theo Mác một cảm giác nhịp điệu gấp gáp, thúc giục hành động, vốn là sự kêu gọi với người Rô-ma. Từ này được sử dụng 47 lần trong sách Mác (theo quyển *A Translator's Handbook on the Gospel of Mark* được viết bởi Robert Bratcher và Eugene Nida, trang 29).

■ **"lên khỏi nước"** Đây có lẽ là một sự ngụ ý chỉ đến Ê-sai 63:11, nơi mà nguyên gốc lẽ ra phải chỉ đến Biển Đỏ (một cuộc xuất hành mới trong Chúa Jesus, Đấng sẽ sớm bị cám dỗ trong bốn mươi ngày cũng Y-sơ-ra-ên đã chịu trong bốn mươi năm). Câu này không thể được sử dụng như là một bằng chứng về mặt từ ngữ cho sự rửa tội. Trong văn mạch nó có thể ngụ ý về sự ra khỏi dòng sông, không phải lên khỏi từ dưới nước.

■ **"Ngài thấy"** Cụm từ này có thể ngụ ý rằng chỉ có duy nhất Chúa Jesus đã nhìn và nghe thấy sự khẳng định Mê-si này. Nếu vậy, điều này sẽ phù hợp với chủ đề thường xuyên của sách Mác về Bí Mật Đấng Mê-si Ẩn Giấu. Tuy nhiên, các sách Phúc Âm khác cũng ghi chép về sự kiện này trong cùng một cách tương tự như (theo

Ma-thi-ơ 3:13-17; Lu-ca 3:21-22).

▣ **"các tầng trời mở ra"** Cụm từ này có thể là một sự ngụ ý chỉ đến Ê-sai 64:1. Từ này có nghĩa là xé mở ra, vốn là một ẩn dụ cho sự mở ra của vòm trời phía trên mặt đất (theo Sáng Thế Ký 1:6).

▣ **"Thánh Linh tựa như chim bồ câu"** Nguồn gốc của ẩn dụ này có thể là

1. Thần Linh vận hành trên mặt nước trong Sáng 1:2
2. Những con chim Nô-ê đã thả đi từ Con Tàu trong Sáng 8:6-12
3. Cách sử dụng của các thầy ra-bi Do Thái về nó như là một biểu tượng của nước Y-so-ra-ên (Thi 68:13; 74:19)
4. Một biểu tượng của sự hiền dịu và hòa bình (theo Ma-thi-ơ 10:16)

Một lý do mà cá nhân tôi rất trung thành với phương pháp giải kinh theo bối cảnh lịch sử-văn mạch ngữ pháp (historical-grammatical method of biblical interpretation), vốn tập chú vào ý định của tác giả được mô tả trong văn mạch, chính là sự khéo léo và lấu lỉnh của những sự giải nghĩa cổ xưa (cũng như hiện đại) đã thao túng phần Kinh Thánh để phù hợp với cấu trúc thần học đã định trước của họ. Bằng cách cộng lại giá trị số học của các ký tự trong từ Hy Lạp "bồ câu" (*peristera*), vốn có kết quả là 801, cũng bằng với giá trị số học của từ Hy Lạp *alpha* (bằng 1) và *omega* (bằng 800), vì vậy (theo họ) chim bồ câu tương đồng với Thánh Linh Đấng Christ đời đời. Điều này khá thông minh, nhưng nó lại là sự áp đặt nghĩa vào trong văn mạch, chứ không phải là giải kinh!

▣ **"trên Ngài"** Đây chính là tiền tố *eis* vốn có nghĩa là "vào trong." Nó không có nghĩa ngụ ý Chúa Jesus vốn chưa có Đức Thánh Linh, nhưng là một dấu hiệu đặc biệt có thể thấy bằng mắt của sự trao quyền phép cho chức vụ Mê-si được giao của. Cụm từ này cũng có thể là một sự ngụ ý chỉ đến sự ứng nghiệm của lời tiên tri (Ê-sai 63:11).

Mác sử dụng tiền tố "vào trong" (*eis*), nhưng Ma-thi-ơ và Lu-ca sử dụng "trên" (*epi*). Lý do bởi vì Phúc Âm của Mác, vốn không có những phân trường thuật về sự giáng sinh hoặc viêng thăm, bắt đầu chức vụ của Chúa Jesus với sự kiện báp-tem. Sự khúc chiết, ngắn gọn này đã bị lợi dụng bởi các nhóm tà giáo, Nghĩa Từ Phái (Adoptionists) và Trí Huệ Phái (Gnostics), để khẳng định rằng Chúa Jesus, một con người bình thường, đã được ban quyền phép cách siêu nhiên với "Thần Linh Đấng Christ" tại thời điểm nói liền này và vì thế sau đó có khả năng để làm những phép lạ phi thường. Sau này, những nhà ghi chép Kinh Thánh, vì thế, đã chuyển giới thành "đến" (*pros*).

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THUYẾT NHẬN LÀM CON NUÔI (một tà giáo thời kỳ đầu)**

Đây là một trong những quan điểm từ thời kỳ đầu về mối quan hệ của Chúa Jesus với Đấng Thánh như là Đức Chúa Trời trọn vẹn nhưng cũng là con người trọn vẹn (1 Giăng 4:1-3). Nó căn bản khẳng định rằng Chúa Jesus đã là một con người bình thường trong mọi mặt và đã được "nhận làm con," "khiến trở thành" trong một nghĩa đặc biệt bởi Đức Chúa Trời trong sự chịu phép báp-tem của Ngài (Ma-thi-ơ 3:17; Mác 1:11) hoặc là trong sự phục sinh của Ngài (Rô-ma 1:4). Chúa Jesus đã sống một đời sống gương mẫu đến nỗi Đức Chúa Trời, tại một thời điểm nào đó (khi chịu phép báp tem, khi chịu phục sinh), đã [1] nhận Ngài (Chúa Jesus) trở thành "con" của Ngài (Đức Chúa Trời) (Rô-ma 1:4; Phi-lip 2:9) hoặc [2] "khiến trở thành," Thi 2:7, được trích lại trong Hê-bơ-rơ 1:5; 5:5, như một sự chỉ đến Chúa Jesus. Đây là một tà giáo trong thời kỳ hội thánh đầu tiên và trong thế kỷ thứ tám. Thay vì Đức Chúa Trời trở thành người (Sự Nhập Thể), tà giáo này đã đảo ngược điều này và giờ đây biến nó thành con người trở thành Đức Chúa Trời! Nó chối bỏ sự hiện hữu từ trước của Chúa Jesus (Giăng 1:1-2; 8:56-59; 16:28; 17:5; 2 Cô-rinh-tô 8:9; Phi-lip 2:6-7; Cô-lô-se 1:17; Hê-bơ-rơ 1:3; 10:5-8).

Thật khó để diễn tả được bằng lời cách Chúa Jesus, Con của Đức Chúa Trời, Đấng Thánh hiện diện từ trước vô cùng, đã được ban thưởng hoặc tán dương vì một đời sống gương mẫu. Nếu Ngài đã là Đức Chúa Trời, thì làm thế nào Ngài lại được ban thưởng? Nếu như Ngài đã có được sự vinh hiển Đấng Thánh từ trước vô cùng (Giăng 1:1-2; Phi-lip 2:6) thì làm thế nào để Ngài có thể được tôn vinh hơn nữa? Dù cho khó để chúng ta có thể thấu hiểu được điều này, Đức Chúa Cha cũng vẫn tôn vinh Chúa Jesus trong một nghĩa đặc biệt cho sự ứng nghiệm hoàn hảo ý muốn của `Cha.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TRÍ HUỆ GIÁO (xuất phát từ từ Hy Lạp *gnosis*, vốn có nghĩa là "tri thức," theo I Ti-mô-thê 6:20)**

I. Bối cảnh của thế kỷ thứ nhất



Thế giới La Mã trong thế kỷ thứ nhất đã là một giai đoạn của thuyết chiết trung (tìm cách dung hòa) giữa những tôn giáo Phương Đông và Phương Tây. Các hệ thống bách thần Hy Lạp và La Mã không có được tiếng tốt. Những tôn giáo Huyền Bí trở nên rất phổ biến bởi sự nhấn mạnh về mối liên hệ cá nhân với thế giới thần linh và những tri thức bí mật. Triết học thế tục Hy Lạp đã rất phổ biến và họ đã kết hợp với những quan điểm thế giới quan khác. Từ trong thế giới chiết trung tôn giáo này, đức tin Cơ Đốc đã đến (Chúa Jesus là con đường duy nhất để đến với Đức Chúa Trời, Giăng 14:6). Dù cho bối cảnh chính xác của tà giáo này là gì, nó chính là một sự cố gắng để khiến cho sự độc nhất của Cơ Đốc Giáo (Giăng 14:6; 1 Giăng 5:12) trở nên có vẻ hợp lý và trí tuệ có thể chấp nhận được với một đối tượng người nghe Hy Lạp- La Mã rộng rãi. Có lẽ rằng tư tưởng Trí Huệ Giáo khởi nguyên từ một nhánh Do Thái Giáo cực đoan (một ví dụ: Nhánh Giáo Phái DSS (Cuộn Biên Chết)). Điều này có thể giải thích được một vài yếu tố Do Thái Giáo trong các sách Tân Ước liên quan đến Trí Huệ Giáo.

II. Một vài nguyên lý căn bản của tà giáo này bởi những bằng chứng từ sách 1 Giăng.

- A. Sự chối bỏ sự nhập thể của Đức Chúa Jesus Christ
- B. Một sự chối bỏ vai trò trung tâm của Đức Chúa Jesus Christ trong sự cứu rỗi
- C. Một sự thiếu vắng một đời sống Cơ Đốc thích đáng
- D. Một sự nhấn mạnh về tri thức (thường là bí mật)
- E. Một khuynh hướng cá biệt, chỉ dành riêng cho một số đối tượng và tập chú vào các tầng lớp ưu tú trong xã hội

III. Trí Huệ Giáo Trong Thời Kỳ Phôi Thai (Mới Khởi Phát) của thế kỷ thứ nhất

- A. Những dạy dỗ căn bản của Trí Huệ Giáo Thời Kỳ Phôi Thai ở thế kỷ thứ nhất có vẻ đã nhấn mạnh đến thuyết nhị nguyên bản thể luận (đời đời) giữa thần linh và vật chất. Thần Linh (vị thần tối cao) được xem như là tốt lành, trong khi vật chất vốn bản chất là xấu xa. Sự phân chia này tương đồng với
  - 1. Tư tưởng Plato chống lại vật chất
  - 2. Những điều thuộc về trời nghịch lại những gì thuộc trên đất
  - 3. Những điều không nhìn thấy được nghịch lại điều thấy được. Cũng có một sự nhấn mạnh quá mức về tầm quan trọng của những tri thức bí mật (mật khẩu hoặc những mật mã bí mật cho phép một linh hồn có thể vượt xuyên qua những phạm vi thiên sứ [aeons] để vươn đến thần tối cao) cần thiết cho sự cứu rỗi.
  - 4. Có lẽ một sự ảnh hưởng từ Bái Hỏa Giáo (Zoroastrianism)
- B. Có hai hình thái của Trí Huệ Giáo Phôi Thai vốn có vẻ có thể xuất hiện trong bối cảnh của 1 Giăng
  - 3. Trí Huệ Giáo Hình Như Thuyết (Docetic Gnosticism), vốn chối bỏ nhân tánh thật sự của Chúa Jesus bởi vì vật chất là xấu xa
  - 4. Trí Huệ Giáo Cerinthian (Cerinthian Gnosticism), vốn nhận diện Đấng Christ là một trong nhiều aeons hay là cấp bậc thiên sứ nằm giữa thần linh tối cao và vật chất xấu xa. "Thần Linh Đấng Christ" này ngự trên con người Jesus tại lễ báp-tem của Ngài và rời bỏ Ngài trước khi Ngài chịu đóng đinh.
  - 5. Hai nhóm này thực hành chủ nghĩa khắc kỷ khổ hạnh (nếu cơ thể muốn, thì nó là xấu xa), hoặc chủ nghĩa tự do phóng túng (antinomianism) (nếu cơ thể muốn, hãy thực hiện nó)
- C. Không có bất kỳ bằng chứng bằng tài liệu nào của một hệ thống Trí Huệ Giáo đã phát triển trong thế kỷ thứ nhất. Những bằng chứng bằng tài liệu này vẫn chưa xuất hiện đến tận giữa thế kỷ thứ hai chúng mới bắt đầu xuất hiện (Hãy xem thư tập Nag Hammadi). Để biết thêm thông tin về "Trí Huệ Giáo" hãy đọc những tài liệu
  - 1. *The Gnostic Religion* được viết bởi Hans Jonas, xuất bản bởi Beacon Press
  - 2. *The Gnostic Gospels* được viết bởi Elaine Pagels, xuất bản bởi Random House
  - 3. *The Nag Hammadi Gnostic Texts and the Bible* được viết bởi Andrew Helmbold

IV. Tà Giáo Ngày Hôm Nay

- A. Tinh thần của tà giáo này vẫn hiện diện cùng với chúng ta khi con người vẫn cố để kết hợp lẽ thật Cơ Đốc với những hệ tư tưởng khác.
- B. Tinh thần của tà giáo này vẫn hiện diện cùng với chúng ta khi con người vẫn nhấn mạnh giáo lý "đúng đắn" cùng với sự loại bỏ một mối quan hệ cá nhân và một lối sống đức tin.
- C. Tinh thần của tà giáo này vẫn hiện diện cùng với chúng ta khi con người biến Cơ Đốc Giáo trở nên một sự ưu việt trí tuệ chọn lọc dành riêng cho chỉ một số người.
- D. Tinh thần của tà giáo này hiện diện cùng với chúng ta ngày hôm nay khi những người sùng đạo xoay

sang tư tưởng khắc kỷ khổ hạnh hoặc tự do phóng túng như là cách tốt nhất để tìm được sự chấp nhận với Đức Chúa Trời.

**1:11 "có tiếng từ trời"** Những ra-bi Do Thái gọi tiếng phán từ trời là một *Bath Kol* (theo Mác 9:7), vốn là một phương cách để xác nhận ý muốn của Đức Chúa Trời trong suốt cả khoảng thời gian chuyển giao giữa Cựu Ước và Tân Ước lúc mà không hề có tiên tri nào ở giữa họ.

Đây thật sự là một sự xác quyết thiên thượng đầy mạnh mẽ đối với những ai thân thuộc với sự dạy dỗ ra-bi Do Thái Giáo.

▣ **"Con là Con yêu dấu của Ta"** Hai danh xưng này hợp nhất trong khía cạnh hoàng gia Đấng Mê-si (Thi 2:7) với Đấng Tôi Tớ Chịu Khổ của sách tiên tri Ê-sai (Ê-sai 42:1). Từ "con" trong Cựu Ước có thể chỉ về (1) quốc gia Y-sơ-ra-ên; (2) Vua của Y-sơ-ra-ên; hoặc (3) Vị Vua Mê-si từ Dòng Dõi Đa-vít sẽ đến. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 3:16.

Hãy chú ý ba thân vị của Đức Chúa Trời Ba Ngôi tại Mác 1:11: Đức Thánh Linh, tiếng phán từ trời, và Đức Chúa Con, Đấng nhận cả hai.

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BA NGÔI ĐỨC CHÚA TRỜI

Đề ý đến công tác của cả Ba Ngôi Đức Chúa Trời. Tertullian là người đầu tiên dùng chữ "Ba ngôi," không phải là chữ Kinh thánh dùng, nhưng khái niệm này lan tỏa rộng khắp.

1. Các sách Phúc âm
  - a. Ma-thi-ơ 3:16-17; 20:19 (và những câu tương ứng)
  - b. Giăng 14:26
2. Công-vụ 2:32-33, 38-39
3. Phao-lô
  - a. Rô-ma 1:4-5; 5:1,5; 8:1-4,8-10
  - b. I Cô-rinh-tô 2:8-10; 12:4-6
  - c. II Cô-rinh-tô 1:21; 13:14
  - d. Ga-la-ti 4:4-6
  - e. Ê-phê-sô 1:3-14,17; 2:18; 3:14-17; 4:4-6
  - f. I Tê-sa-lô-ni-ca 1:2-5
  - g. II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13
  - h. Tít 3:4-6
4. Phi-e-rơ trong I Phi-e-rơ 1:2
5. Giu-đe trong câu 20,21

Một khái niệm số nhiều cũng được gọi ý trong Cựu ước

1. Sử dụng số nhiều để chỉ Đức Chúa Trời
  - a. Danh hiệu *Elohim* là số nhiều, nhưng khi dùng cho Đức Chúa Trời nó luôn có động từ ở số ít
  - b. Chữ "chúng ta" trong Sáng-thế-ký 1:26-27; 3:22; 11:7
  - c. Chữ "Một" trong kinh *Shema* trong Phục truyền 6:4 ở số nhiều (cũng như trong Sáng-thế-ký 2:24; Ê-xê-chi-ên 37:17)
2. Thiên sứ của Chúa là đại diện thấy được của thần linh
  - a. Sáng-thế-ký 16:7-13; 22:11-15; 31:11,13; 48:15-16
  - b. Xuất Ê-díp-tô ký 3:2,4; 13:21; 14:19
  - c. Các quan xét 2:1; 6:22-23; 13:3-22
  - d. Xa-cha-ri 3:1-2
3. Đức Chúa Trời và Thánh Linh riêng biệt nhau, Sáng-thế-ký 1:1-2; Thi thiên 104:30; Ê-sai 63:9- 11; Ê-xê-chi-ên 37:13-14
4. Đức Giê-hô-va (YHWH) và Đấng Mết-si-a (*Adon*) riêng biệt nhau, Thi thiên 45:6-7; 110:1; Xa-cha-ri 2:8-11; 10:9-12
5. Đấng Mết-si-a và Thánh Linh phân biệt với nhau, Xa-cha-ri 12:10
6. Cả ba đều được nói đến trong Ê-sai 48:16; 61:1

Thần tánh của Chúa Jêsus và thân vị Đức Thánh Linh đã gây vấn đề cho những người tin Chúa cách nghiêm

nhất, chỉ theo độc thần thời kỳ đầu:

1. Tertullian cho rằng Đức Chúa Con ở dưới Đức Chúa Cha
2. Origen hạ thấp bản chất thần linh của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh
3. Arius không chấp nhận thần tính của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh
4. Monarchianism tin vào sự bày tỏ lần lượt của Đức Chúa Trời

Khái niệm Ba Ngôi là một mô thức được phát triển qua lịch sử dưới sự soi sáng của dữ liệu Kinh thánh

1. Thần tính đầy đủ của Chúa Jêsus, ngang bằng với Đức Chúa Cha, được xác nhận trong Giáo hội nghị Nicea vào năm 325.
  2. Thân vị và thần tính đầy đủ của Đức Thánh Linh bằng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con được xác nhận trong Giáo hội nghị Constantinople năm 381.
  3. Giáo lý Ba Ngôi được trình bày đầy đủ trong tác phẩm *De Trinitate* của Augustine
- Thật sự ở đây là một sự huyền diệu. Nhưng Tân ước dường như xác nhận một bản chất thần linh (tư tưởng độc thần) với thể hiện với ba thân vị đòi đòi được bày tỏ (Cha, Con, và Thánh Linh).

▣ **"yêu dấu của Ta"** Cụm từ này có thể là (1) một danh xưng cho Đấng Mê-si như trong bản NRSV, NJB, và những bản dịch Williams hoặc (2) một cụm từ mô tả như trong bản NASB, NKJV, và TEV. Trong bản dịch Cựu Ước tiếng Hy Lạp, Bản Bảy Mươi (Septuagint), cụm từ này được hiểu như là "yêu thích" hoặc ngay cả "duy nhất" tương tự với Giăng 3:16.

▣ **"đẹp lòng Ta hoàn toàn"** Cụm từ mô tả này song hành với Ma-thi-ơ 3:17 và 17:5 (Sự Hóa Hình). Tuy nhiên, cụm từ mô tả này không xuất hiện trong Mác 9:7 và Lu-ca 9:35.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1:12-13**

<sup>12</sup> Ngay lúc ấy, Thánh Linh thúc giục Ngài vào trong hoang mạc. <sup>13</sup> Ngài ở trong hoang mạc bốn mươi ngày, chịu Sa-tan cám dỗ, sống giữa loài dã thú, và có các thiên sứ phục vụ Ngài.

**1:12-13** Phần tường thuật về sự cám dỗ Chúa Jesus thật quá ngắn gọn khi so sánh với Ma-thi-ơ 4:1-11 và Lu-ca 4:1-13. Trong những phần tường thuật này, mục đích của sự cám dỗ là rất rõ ràng: Chúa Jesus sẽ sử dụng quyền năng Đấng Mê-si của Ngài như thế nào để hoàn thành nhiệm vụ cứu chuộc của Ngài (theo *The Life and Teaching of Jesus Christ*, được viết bởi James Stewart, ở trang 39-46)?

Nhưng sự tường thuật ngắn gọn của Mác có thể có ý nghĩa gì? Có thể rằng Phi-e-rô đã nhìn sự kiện này như một dấu chỉ của việc Chúa Jesus đánh bại điều ác (với sự trao quyền phép của Thánh Linh), một sự báo trước của Tuần Lễ Thương Khó. Nhưng đây đơn thuần chỉ là một sự suy đoán mà thôi. Chính phần Kinh Thánh không đưa ra một gợi ý nào ngoại trừ về yếu tố đúng thời điểm của sự kiện—chỉ ngay sau khi Chúa Jesus (1) được ngự xuống bởi Đức Thánh Linh và (2) được xác quyết bởi Cha, nhưng trước chức vụ công khai của Ngài. Đây là một trong ba sự kiện được đề cập trước chức vụ công khai của Chúa Jesus ([1] Chức vụ của Giăng; [2] phép báp-tem của Giăng; và [3] sự cám dỗ bởi Sa-tan).

**1:12 "Ngay lúc ấy"** Hãy xem ghi chú tại Mác 1:10.

▣ **"Thánh Linh thúc giục Ngài vào trong hoang mạc"** Từ "thúc giục" là một từ mạnh mẽ "quăng ra ngoài" (thường được sử dụng trong những sự đuổi quỷ, Mác 1:34,39; 3:15,22,23; 6:13; 7:26; 9:18,28,38). Sự cám dỗ Con được thực hiện bởi tác động của ma quỷ, nhưng trong sự định trước bởi Thánh Linh (theo Ma-thi-ơ 4:1-11; Lu-ca 4:1-13). Đó chính là ý muốn của Đức Chúa Trời để Chúa Jesus sẽ bị thử thách! Tôi muốn giới thiệu hai quyển sách hay nói về chủ đề này, *The Life and Teaching of Jesus* được viết bởi James S. Stewart và *Between God and Satan* được viết bởi Helmut Thielicke.

Trong Cựu Ước thời gian trong hoang mạc chính là thời gian chịu thử thách dành cho Y-sơ-ra-ên, nhưng cũng là thời gian của mối tương giao thân mật. Những ra-bi gọi thời gian lang thang trong hoang mạc chính là tuần trăng mật giữa YHWH và Y-sơ-ra-ên. Tiên tri Ê-li và Giăng Báp-tít cũng đã lớn lên trong hoang mạc. Đó chính là một nơi tách biệt dành cho sự huấn luyện, suy gẫm, và chuẩn bị cho chức vụ thực sự. Giai đoạn này là quan trọng thiết yếu cho sự chuẩn bị của Chúa Jesus (Hê-bơ-rơ 5:8).

**1:13 "bốn mươi ngày"** Cụm từ này được sử dụng cả theo nghĩa đen và nghĩa bóng trong Kinh Thánh. Nó chỉ về một khoảng thời gian không xác định (dài hơn một chu kỳ của mặt trăng, nhưng ngắn hơn một sự chuyển mùa).

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG CON SỐ BIỂU TƯỢNG TRONG KINH THÁNH

- A. Một vài con số gồm có hai chức năng là số đếm và biểu tượng:
1. Một - Đức Chúa Trời (Phục truyền Luật lệ Ký 6:4; Ê-phê-sô 4:4-6.)
  2. Sáu - con người không hoàn hảo (7 thiếu đi một, Khải huyền 13:18)
  3. Bốn-toàn bộ mặt đất (bốn góc đất, bốn hướng gió)
  4. Bảy - hoàn hảo thiên thượng (bảy ngày sáng tạo). Chú ý cách sử dụng biểu tượng trong sách Khải huyền:
    - a. bảy chân đèn, 1:13,20; 2:1
    - b. bảy ngôi sao, 1:16,20; 2:1
    - c. bảy hội thánh, 1:20
    - d. bảy thân linh của Đức Chúa Trời, 3:1, 4:5; 5:6
    - e. bảy cây đèn, 4:5
    - f. bảy ấn, 5:1,5
    - g. bảy sừng và bảy mắt, 5:6
    - h. bảy thiên sứ, 8:2,6; 15:1,6,7,8; 16:1; 17:1
    - i. bảy tiếng kèn, 8:2,6
    - j. bảy tiếng sấm, 10:3,4
    - k. bảy ngàn, 11:13
    - l. bảy đầu, 13:1; 17:3,7,9
    - m. bảy tai vạ, 15:1,6,8; 21:9
    - n. bảy bát, 15:7
    - o. bảy vị vua, 17:10
    - p. bảy cái bát, 21:9
  5. Mười - sự trọn vẹn
    - a. được dùng trong các sách Phúc Âm:
      - (1) Ma-thi-ơ 20:24; 25:1,28
      - (2) Mác 10:41
      - (3) Lu-ca 14:31; 15:8; 17:12,17; 19:13,16,17,24,25
    - b. được dùng trong sách Khải huyền:
      - (1) 2:10, mười ngày hoạn nạn
      - (2) 12:3; 17:3,7,12,16, mười sừng
      - (3) 13:1, mười mào triều
    - c. Bội số của 10 trong sách Khải huyền:
      - (1) 144.000 = 12x12x1000, xem 7:4, 14:1,3
      - (2) 1.000 = 10x10x10, xem 20:2,3,6
  6. Mười hai - tổ chức theo loài người
    - a. mười hai con trai của Gia-cốp (mười hai chi phái Y-so-ra-ên, Sáng thế Ký 35:22; 49:28)
    - b. mười hai trụ cột, Xuất Ê-díp-tô Ký 24:4
    - c. mười hai viên đá đeo trên ngực của Thầy Tế Lễ Cả, Xuất Ê-díp-tô Ký 28:21; 39:14
    - d. mười hai ổ bánh mì, đặt trên bàn trong Nơi Thánh (biểu tượng cho sự chu cấp của Chúa dành cho mười hai chi phái), Lê-vi Ký 24:5; Xuất Ê-díp-tô Ký 25:30
    - e. mười hai thám tử, Phục-truyền Luật-lệ Ký 1:23; Giô-suê 3:22, 4:2,3,4,8,9,20
    - f. mười hai sứ đồ, Ma-thi-ơ 10:1
    - g. sử dụng trong sách Khải huyền:
      - (1) mười hai ngàn người được đóng dấu, 7:5-8
      - (2) mười hai vì sao, 12:1
      - (3) mười hai cửa, mười hai thiên thần, mười hai chi phái, 21:12
      - (4) mười hai nền đá, tên của mười hai sứ đồ, 21:14
      - (5) Giê-ru-sa-lem mới hình khối mỗi chiều mười hai ngàn ếch-ta-đơ, 21:16
      - (6) mười hai cửa được làm từ mười hai loại ngọc, 21:12
      - (7) cây sự sống có mười hai loại trái, 22:2
  7. Bốn mươi - con số biểu tượng thời gian
    - a. đôi khi có nghĩa đen (ra khỏi Ai-cập và lang thang trong đồng vắng, Xuất Ê-díp-tô Ký 16:35); Phục truyền Luật lệ Ký 2:7; 8:2

- b. có thể là nghĩa đen hoặc biểu tượng
- (1) lũ lụt, Sáng thế Ký 7:4,17; 8:6
  - (2) Môi-se ở trên núi Si-nai, Xuất Ê-díp-tô Ký 24:18; 34:28; Phục-truyền Luật-lệ Ký 9:9,11,18,25
  - (3) những giai đoạn trong cuộc đời của Môi-se:
    - (a) bốn mươi năm ở Ai Cập
    - (b) bốn mươi năm trong sa mạc
    - (c) bốn mươi năm dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên
  - (4) Đức Chúa Giê-xu kiêng ăn bốn mươi ngày, Ma-thi-ơ 4:2; Mác 1:13; Lu-ca 4:2
- c. Hãy chú ý (bởi công cụ Thánh Kinh Phù Dẫn) số lần con số này xuất hiện về thời gian được xác định bởi Kinh Thánh
8. Bảy mươi – con số trọn vẹn chỉ về dân sự:
- a. dân Y-sơ-ra-ên, Xuất Ê-díp-tô Ký 1:5
  - b. bảy mươi trường lão, Xuất Ê-díp-tô Ký 24:1,9
  - c. theo ý nghĩa lai thế, Đa-ni-ên 9:2,24
  - d. nhóm truyền giáo, Lu-ca 10:1,17
  - e. sự tha thứ (70x7), Ma-thi-ơ 18:22

**B. Các tài liệu tham khảo hay**

1. “*Biblical Numerology*” của John J. Davis
2. “*Plowshares and Pruning Hooks*” của D. Brent Sandy

▣ **"chịu cám dỗ"** Đây là một dạng nói tránh thể bị động chưa hoàn thành (imperfect passive periphrastic) liên kết với một động từ chủ động chưa hoàn thành (imperfect active verb) "chịu". Từ "cám dỗ" (*peirazō*) có một nghĩa rộng của "sự thử thách với một quang cảnh sự hủy diệt." Từ những câu điều kiện bậc một (the first class conditional sentences) trong Ma-thi-ơ 4 (Mác 4:3,6) chúng ta học được rằng sự cám dỗ đã trôi qua để sử dụng quyền năng Đấng Mê-si của Ngài để hoàn thành ý định cứu chuộc của Đức Chúa Trời.

**CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHỮ “THỬ NGHIỆM” TRONG TIẾNG HY LẠP VÀ NHỮNG CHỮ CÓ NGHĨA TƯƠNG TỰ**

Có hai thuật ngữ Hy-lạp với ý nghĩa thử nghiệm con người hoặc dụng ý .

**1. *Dokimazō, Dokimion, Dokimasia***

Thuật ngữ dùng trong việc tôi luyện kim loại, một ẩn dụ về xác định tính thực chất của một chất liệu qua lửa. (xem chủ đề đặc biệt ‘Lửa’. Lửa bày tỏ kim loại thực và đốt cháy chất dơ. Một quá trình vật lý hùng mạnh được dùng bởi Đức Chúa Trời và Sa-tan và con người để thử thách. Thuật ngữ này được dùng với ý nghĩa tích cực, tìm kiếm điều tốt và sự chấp nhận. (Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Chúa thử thách con người trong Cựu-ước.

Thuật ngữ này được sử dụng trong Tân-ước:

- a. thử bò – Lu-ca 14:19
- b. thử bản thân chúng ta – 1 Cô-rin-tô 11:28
- c. thử niềm tin chúng ta – Gia-cơ. 1:3
- d. thử Đức Chúa Trời – Hê-bơ-rơ 3:9

Kết quả thử nghiệm theo thuật ngữ này thường là tốt ( Rô-ma. 2:18; 14:22; 16:10; 2 Cô-rin-tô 10:18; 13:3,7; Phi-líp 2:27; 1 Phi-ê-rơ 1:7), vì vậy thuật ngữ này bao gồm ý tưởng một người được thử nghiệm và chấp nhận.

- a. là người thành tín, đáng tin
- b. là người thiện
- c. là người thực
- d. là người đáng tôn trọng
- e. là người đáng giá

**2. *Peirazō, Peirasmus***

Thuật ngữ này mang ý nghĩa thử nghiệm để tìm ra điều xấu và không đáng chấp nhận. Nó được dùng ngay cả đối với Chúa Giê-su bị thử thách trong đồng vắng.

- a. bao gồm sự cố gắng cải bầy Chúa Giê-su ( Ma-thi-ơ. 4:1; 16:1; 19:3; 22:18, 35; Mác 1:13; Lu-ca 4:2; Hê-bơ-rơ 2:18).

b. Danh hiệu (*peirazōncó* gốc từ thuật ngữ này là ‘kẻ căm dỗ’ kẻ thù thách’ được gán cho Sa-tan , Ma-thi-ơ. 4:3; I Tê-sa 3:5

c. Cách sử dụng

(1) Chúa Giê-su cảnh cáo việc thử nghiệm Đức Chúa Trời ( Ma-thi-ơ. 4:7; Lu-ca 4:12, [hoặc Đấng Christ 1 Cor 10:9]).

(2) cũng mang ý nghĩa thử làm một việc khi việc đó đã từng thất bại ( Hê-bơ-rơ 11:29).

(3) đồng thời mang ý nghĩa ‘căm dỗ’ và ‘thử thách’ Tín Đồ( 1 Cô-rin-tô 7:5; 10:9, 13; Ga-la-ti 6:1; I Tê-sa 3:5; Hê-bơ-rơ 2:18; Gia-cơ. 1:2, 13, 14; 1 Phi-ê-rơ 4:12; 2 Phi-e-rơ 2:9).

▣ **"bởi Sa-tan"** Kinh Thánh khẳng định nhắc đi nhắc lại về một năng lực siêu nhiên mang tính thân vị của điều ác.

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SA-TAN

Đây là một chủ đề khó, vì một số lý do:

1. Kinh thánh Cựu ước không bày tỏ một kẻ thù đầu tiên của điều thiện, nhưng là một tội tớ của Đức Giê-hô-va, kẻ đã đưa ra một lựa chọn khác cho con người và tố cáo sự không công bình của họ.

2. Khái niệm hiện thân của một kẻ thù của Đức Chúa Trời phát triển trong các văn chương xuất hiện khoảng giữa hai giao ước (không được kinh điển) dưới ảnh hưởng của tôn giáo Ba-tư (Zoroastrianism). Điều này đến lượt nó lại ảnh hưởng lớn trên Do thái giáo.

3. Tân ước phát triển một số chủ đề Cựu ước một cách rất thẳng thắn nhưng có chọn lọc.

Nếu chúng ta tiếp cận vấn đề về điều ác từ cái nhìn của thần học Thánh kinh (theo mỗi sách hoặc trước giả hoặc thể loại được nghiên cứu và sắp xếp riêng biệt), thì sẽ thấy có rất nhiều quan điểm về điều ác.

Tuy nhiên, nếu tiếp cận nó từ các tài liệu không phải là Kinh thánh hoặc các tài liệu thêm vào Kinh thánh từ các tôn giáo của thế giới hoặc tôn giáo Đông phương, thì chúng ta sẽ thấy sự phát triển Tân ước hầu hết bị bao trùm trong thuyết nhị nguyên của Ba-tư (Persian) và thuyết thông linh (spiritism) của thế giới Hy Lạp-La mã.

Nếu chúng ta chấp nhận thẩm quyền thiêng liêng của Kinh thánh, thì sự phát triển trong Tân ước phải được xem như một sự mặc khải tiệm tiến (progressive revelation). Người Cơ đốc phải cảnh giác, không để cho những truyền thống dân gian của người Do thái hay các tác phẩm văn chương phương Tây (như Dante, Milton) định nghĩa thay cho họ các ý niệm Kinh thánh. Rõ ràng rằng có một sự huyền bí và không rõ ràng trong lãnh vực khái thị này. Chúa quyết định không bày tỏ ra mọi khía cạnh của điều ác, xuất xứ, mục đích của nó, nhưng Ngài đã bày tỏ cho chúng ta biết rằng nó đã bị đánh bại!

Trong Cựu ước chữ Sa-tan hay kẻ kiêu căng có lẽ liên quan đến ba nhóm riêng biệt:

1. Những kẻ kiêu căng là con người (I Sa-mu-ên 29:4; II Sa-mu-ên 19:22; I Các vua 11:14, 23, 25; Thi-thiên 109:6)

2. Những kẻ kiêu căng là thiên sứ (Dân số ký 22:22-23; Xa-cha-ri 3:1)

3. Những kẻ kiêu căng là ma quỷ (I Sử ký 21:1; I Các Vua 22:21; Xa-cha-ri 13:2)

Chỉ có sau này trong thời kỳ giữa hai giao ước thì con rắn trong Sáng thế ký 3 mới được cho là Sa-tan (Sách khôn ngoan 2:23-24; II Hê-nóc 31:3), và mãi sau này điều này mới trở thành một cách giải thích của các thầy ra-bi (*Sot* 9b và *Sanh.* 29a). Các “con trai của Đức Chúa Trời” trong Sáng thế ký 6 trở thành các thiên sứ trong I Hê-nóc 54:6. Tôi đề cập đến điều này, không phải để khẳng định tính chính xác về mặt thần học của nó, nhưng chỉ để cho thấy tiến trình phát triển của nó. Khi vào trong Tân ước thì các hành động trong Cựu ước này thường được gán cho thiên thần ác, điều ác được nhân cách hóa (Sa tan) trong II Cô-rinh-tô 11:3; Khải huyền 12:9.

Nguồn gốc điều ác được nhân cách hóa thật khó, thậm chí không thể xác định rõ ràng được (tùy theo quan điểm của bạn) từ Cựu ước. Nguyên do là bởi tính độc thần rất mạnh của Y-sơ-ra-ên (I Các Vua 22:20-22; Truyền đạo 7:14; Ê-sai 45:7; A-mốt 3:6). Mọi nguyên nhân đều thuộc về Đức Giê-hô-va để chỉ sự độc nhất và cao cả nhất của Ngài (Ê-sai 43:11; 44:6, 8, 24; 45:5-6, 14, 18, 21, 22).

Một số nguồn thông tin có được thường tập trung vào (1) Gióp 1-2 ở đây Sa-tan là một trong những “con trai Đức Chúa Trời” (tức là thiên thần) hoặc là (2) Ê-sai 14; Ê-xê-chi-ên 28 là nơi các vua kiêu căng vùng Cận đông (Ba-by-lôn và Ty-rơ) được dùng để minh họa sự kiêu ngạo của Sa-tan (I Ti-mô-thê 3:6). Tôi có những cảm xúc lẫn lộn về cách tiếp cận này. Ê-xê-chi-ên dùng hình ảnh Vườn Ê-đen không những cho vua của Ty-rơ là Sa-tan (Ê-xê-chi-ên 28:12-16), nhưng ông cũng dùng hình ảnh này cho Vua của Ai-cập để chỉ cây biết điều thiện và

điều ác (Ê-xê-chi-ên 31). Tuy vậy, Ê-sai 14, đặc biệt là câu 12-14, dường như mô tả sự nổi loạn của các thiên thần qua sự kiêu ngạo. Nếu Đức Chúa Trời muốn bày tỏ cho chúng ta biết bản chất và xuất xứ đặc biệt của Sa-tan qua những câu này, thì Ngài đã đặt nó ở một chỗ không rõ ràng và đề cập đến một cách rất gián tiếp. Chúng ta cần phải cảnh giác không theo xu hướng của thần học hệ thống gom góp một số câu ít ỏi, lờ mờ từ cả hai giao ước, các tác giả, sách vở, các thể loại văn chương khác nhau và kết hợp chúng lại thành những miếng xếp hình có vẻ thiêng liêng và được ráp lại không rõ ràng

Học giả Alfred Edersheim (*The Life and Times of Jesus the Messiah*, tập 2, phụ lục XIII [trang 748-763]) và XVI [trang 770-776] cho rằng Do thái giáo đã bị ảnh hưởng quá mức của thuyết nhị nguyên Ba-tư và các suy đoán về ma quỷ. Các thầy ra-bi không phải là nguồn đáng tin cậy trong lãnh vực này. Chúa Jê-sus đã hoàn toàn tách xa khỏi các lời dạy của các thầy ra-bi trong các nhà hội. Tôi nghĩ rằng khái niệm trung gian và chống đối của các thiên thần theo các thầy ra-bi qua việc ban luật Mô-i-se trên núi Si-nai đã mở đường cho khái niệm cho rằng trong giới thiên thần có một kẻ thù của Đức Giê-hô-va và con người. Hai vị thần cao cả của thuyết nhị nguyên của người I-ran (Zoroastrian) là *Ahkiman* và *Ormaza*, thiện và ác, và thuyết nhị nguyên này đã phát triển thành quan điểm nhị nguyên có giới hạn trong Do thái giáo giữa Đức Giê-hô-va và Sa-tan.

Chắc chắn là có một sự mặc khải tiệm tiến trong Tân ước về sự phát triển của khái niệm điều ác, nhưng không quá chi tiết như các thầy ra-bi tuyên bố. Một ví dụ điển hình cho sự khác biệt này là “cuộc chiến trên thiên đàng.” Sự sa ngã của Sa-tan cũng chỉ là một điều cần phải có theo cách lô-gích, nhưng chúng ta không có các chi tiết của sự kiện này. Ngay cả những điều được cho biết thì chỉ được thấy qua bức màn của thể loại văn chương lai thể (apocalyptic genre) (Khải huyền 12:4, 7, 12-13). Mặc dù Sa-tan bị đánh bại và bị đày xuống trần gian này, nó vẫn có chức năng như một dây tở của Đức Giê-hô-va (Ma-thi-ơ 4:1; Lu-ca 22:31-32; I Cô-rinh-tô 5:5; I Ti-mô-thê 1:20).

Chúng ta phải ngăn chặn sự tò mò của chúng ta trong lãnh vực này. Có một quyền lực hiện thân của sự căm dỗ và gian ác, nhưng cũng có một và chỉ một Đức Chúa Trời và con người phải chịu trách nhiệm đối với những điều mình chọn lựa. Có một trận chiến thuộc linh cả trước và sau sự cứu rỗi. Sự chiến thắng chỉ có thể đến và tồn tại trong và qua Đức Chúa Trời Ba ngôi. Sự ác đã bị đánh bại và sẽ bị loại bỏ (Khải Huyền 20:10)!

■ **"loài dã thú"** Đây có lẽ chỉ đơn giản là một sự chỉ về một khu vực không có người sinh sống. Tuy nhiên, bởi vì những dã thú được sử dụng như là những ẩn dụ được dùng cho hoặc những tên của những quỷ trong Cựu Ước (NEB) cụm từ này cũng có thể chỉ về một nơi của những hành động của ma quỷ (Thi 22:12-13,16,21; Ê-sai 13:21-22; 34:11-15).

Những dã thú này cũng có thể là một sự ngụ ý liên tục chỉ đến một cuộc xuất hành mới, một thời đại của mối liên hệ được phục hồi giữa con người và những loài động vật (Ê-sai 11:6-9; 65:25; Ô-sê 2:18). Kinh Thánh thường mô tả về thời đại mới như là một sự hồi phục của Vườn Ê-đen (Sáng Thế Ký 2; Khải Huyền 21-22). Hình ảnh nguyên thủy của Đức Chúa Trời trong con người (theo Sáng Thế Ký 1:26-27) được phục hồi thông qua sự chết thể hy sinh của Chúa Jesus. Một mối tương giao trọn vẹn, vốn đã tồn tại trước Sự Sa Ngã (Sáng Thế Ký 3), lại có thể xảy ra một lần nữa.

■ **"các thiên sứ phục vụ Ngài"** Đây là một thể Chưa hoàn thành vốn có nghĩa (1) một hành động tiếp diễn trong quá khứ hoặc (2) sự bắt đầu của một hoạt động trong quá khứ. Các thiên sứ phục vụ cho (1) Ê-li trong hoang mạc trong cùng một cách như vậy (cung cấp thức ăn, 1 Các Vua 18:7-8). Câu này cũng có thể ngụ ý rằng Chúa Jesus như một sự phán dạy tiên tri mới (Phục 18:18-22) và (2) Y-sơ-ra-ên ở trong hoang mạc, thì cũng như vậy, cho Chúa Jesus khi Ngài ở trong hoang mạc. Câu này có thể ngụ ý rằng Chúa Jesus như là một Mô-i-se mới song hành với phép báp tem và sự chịu thử thách của Ngài (1 Cô-rinh-tô 10:1-13).

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1:14-15

<sup>14</sup> Sau khi Giảng bị bỏ tù, Đức Chúa Jê-sus đến Ga-li-lê, rao giảng Tin Lành của Đức Chúa Trời. <sup>15</sup> Ngài phán: "Giờ đã trọn, vương quốc Đức Chúa Trời đã đến gần, các ngươi hãy ăn năn và tin nhận Tin Lành."

**1:14-15** Hai câu Kinh Thánh này là một mệnh đề tóm lược. Mác thường sử dụng kỹ thuật này (Mác 1:14-15,21-22,39; 2:13; 3:7b-9; 6:7,12-13). Những sự tóm lược này truyền đạt một vài lẽ thật thần học

1. Chúa Jesus đã rất được mến mộ và nhiều người đã đến để lắng nghe Ngài giảng/ dạy
2. Chúa Jesus rất có quyền năng, Ngài đuổi nhiều quỷ và chữa lành nhiều người
3. Ngài chuyển giao quyền năng của Ngài cho các môn đồ Ngài (những chuyến đi sứ mạng của Mười Hai

Môn Đồ và nhóm bảy mươi người)

4. Mục đích của sự công bố của Chúa Jesus chính là sự ăn năn và đức tin

**1:14 "Giăng bị bỏ tù"** Giăng đã bị bỏ tù (*paradidōmi*, được sử dụng mười hai lần trong sách Mác cho "bị nộp cho nhà cầm quyền") bởi Hê-rôt An-ti-pát (Herod Antipas) bởi vì ông tiếp tục công bố công khai trước công chúng sự định tội về hôn nhân của Vua Hê-rôt với người vợ cũ của anh mình (Mác 6:16-17).

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIA ĐÌNH CỦA VUA HÊ-RÔT ĐẠI ĐẾ**

#### **A. Vua Hê-rôt Đại Đế**

1. Vua xứ Giu-đê (từ năm 37-4 TC), một người xứ Y-đu-mê (xuất thân từ người Ê-đôm), là người bởi sự vận động mưu mẹo chính trị và ủng hộ của Mark Antony, đã được sắp xếp để trở thành kẻ cầm quyền được bổ nhiệm của một khu vực rộng lớn Palestine (Ca-na-an) bởi Viện Nguyên Lão (một tổ chức như thượng viện) La Mã vào năm 40 TC.

2. Ông được nhắc đến trong Ma-thi-ơ 2:1-19 và Lu-ca 1:5

3. Các con trai của ông

a. Hê-rôt Phi-líp (con trai của Mariamne of Simon)

(1) Chồng của Hê-rô-đi-a (4 B.C. – A.D. 34)

(2) Được nhắc đến trong Ma-thi-ơ 14:3; Mác 6:17

b. Hê-rôt Phi-líp I (con của Cleopatra)

(1) Vua Chư Hầu của khu vực phía bắc và phía tây của Biển Ga-li-lê (4 TC – 34 SC)

(2) Được nhắc đến trong Lu-ca 3:1

c. Hê-rôt An-ti-pát

(1) Vua Chư Hầu của khu vực Ga-li-lê và Pê-rê (4 TC – 39 SC)

(2) Được nhắc đến trong in Ma-thi-ơ 14:1-12; Mác 6:14,29; Lu-ca 3:1,19; 9:7-9; 13:31; 23:6-12,15; Công Vụ 4:27; 13:1

d. A-chê-la-u, Vua Hê-rôt Lãnh Chúa (Herod the Ethnarch)

(1) Nhà cầm quyền trên xứ Giu-đê, Sa-ma-ri và Y-đu-mê and Idumea (4 TC – 6 SC)

(2) Được nhắc đến trong Ma-thi-ơ 2:22

e. A-rít-tô-bu (con trai của Mariamne)

(1) Được nhắc đến là cha của Hê-rôt A-c-ríp-ba I là người đã là

(a) Vua xứ Giu-đê (37-44 TC)

(b) Được nhắc đến trong Công Vụ 12:1-24; 23:35

(i) Con ông là Hê-rôt A-c-ríp-ba II

– Vua Chư Hầu của lãnh địa phía bắc (50-70 SC)

(ii) Con gái ông là Bernice

– vợ của anh trai bà

– được nhắc đến trong Công Vụ 25:13-26:32

(iii) Con gái là Drucilla

– Vợ của Phê-lít

– được nhắc đến trong Công Vụ 24:24

#### **B. Những Trích Dẫn Kinh Thánh liên quan đến Hê-rôt**

1. Hê-rôt Vua Chư Hầu, được nhắc đến trong Ma-thi-ơ đoạn 14: từ câu 1 trở đi; Lu-ca 3:1; 9:7; 13:31, và 23:7, chính là con trai của Hê-rôt Đại Đế. Sau cái chết của Hê-rôt Đại Đế, vương quốc của ông ta được phân chia giữa các con trai ông. Thuật ngữ "Vua Chư Hầu (Tetrarch)" có nghĩa là "kẻ cai trị một phần tư lãnh địa." Hê-rôt này được biết đến với tên gọi Hê-rôt An-ti-pát, vốn là dạng viết ngắn của Antipater. Ông cai trị xứ Ga-li-lê và Pê-rê. Điều này có nghĩa là phần lớn chức vụ của Chúa Giê-xu được thi hành trên lãnh địa của kẻ cai trị người Y-đu-mê thế hệ thứ hai này.

2. Hê-rô-đi-a là con gái của anh em trai của Hê-rôt An-ti-pát, A-rít-tô-bu. Bà trước đây đã cưới Phi-líp, anh em trai cùng cha khác mẹ của Hê-rôt An-ti-pát. Đây không phải là Vua Chư Hầu Phi-líp là người đã cai trị khu vực phía bắc xứ Ga-li-lê, nhưng là một anh em trai Phi-líp khác, là người đã sống tại Rô-ma. Hê-rô-đi-a đã có một con gái với Phi-líp. Tại chuyến thăm Rô-ma của Hê-rôt An-ti-pát, ông đã gặp và bị quyến dụ bởi Hê-rô-đi-a, là kẻ đang tìm cách leo cao về mặt chính trị. Do vậy, Hê-rôt An-ti-pát đã ly dị vợ của mình, là một công chúa người Nabatean, và Hê-rô-đi-a đã ly dị Phi-



líp để bà và Hê-rôt An-ti-pát có thể cưới nhau. Bà cũng là chị em họ của Hê-rôt Ạc-ríp-ba I (Công Vụ 12).

3. Chúng ta biết được tên của con gái của Hê-rô-đi-a, Sa-lôm, bởi Flavius Josephus trong quyển sách của ông, *The Antiquities of the Jews* 8:5:4. Bà phải ở độ tuổi mười hai đến mười bảy tuổi tại thời điểm này. Bà rõ ràng đã bị kiểm soát và thao túng bởi mẹ mình. Sau này bà đã cưới Vua Chư Hầu Phi-líp, nhưng đã sớm trở nên góa bụa.
4. Khoảng mười năm sau khi chém đầu Giăng Báp-tít, Hê-rôt An-ti-pát đã đến Rô-ma bởi sự xúi giục của vợ mình, Hê-rô-đi-a để theo đuổi tước vua, bởi vì Hê-rôt Ạc-ríp-ba I, anh em trai của bà đã nhận được tước hiệu này. Nhưng Ạc-ríp-ba I đã viết thư cho người La Mã và cáo buộc An-ti-pát cấu kết với người Parthians, một kẻ thù bị căm ghét của người La Mã tại khu vực Bình Nguyên Màu Mỡ Hình Trăng Liềm (Fertile Crescent (Mesopotamia)). Hoàng Đế hiển nhiên tin Ạc-ríp-ba I và Hê-rôt An-ti-pát, cùng với vợ Hê-rô-đi-a, đã bị lưu đày sang Tây Ban Nha.
5. Có lẽ dễ nhớ hơn về những vua Hê-rôt khác nhau này qua cách giới thiệu trong Tân Ước của họ bằng cách nhớ rằng Hê-rôt Đại Đế đã giết những em bé tại thành Bết-lê-hem; Hê-rôt An-ti-pát đã giết Giăng Báp-tít; Hê-rôt Ạc-ríp-ba I đã giết Sứ Đồ Gia-cơ; và Hê-rôt Ạc-ríp-ba II đã nghe sự khiêu nại của Phao-lô được chép trong sách Công Vụ.

C. Để xem những thông tin về bối cảnh gia đình của Hê-rôt Đại Đế, hãy tham khảo danh sách của Flavius Josephus trong quyển *Antiquities of the Jews*.

▣ **"Đức Chúa Jê-sus đến Ga-li-lê"** Sách Phúc Âm đã chép lại về chức vụ của Chúa Giê-xu theo vị trí địa lý tại Ga-li-lê, tại Giu-đê, tại Ga-li-lê, và tại Giu-đê. Chúa Jesus rời khỏi phía nam xứ Palestine khi Giăng đã bị bắt (theo Ma-thi-ơ 4:12; Lu-ca 4:14-15; Giăng 1:43). Chức vụ Ngài chủ yếu ở khu vực của Người Ngoại phía Nam xứ Palestine chính là sự ứng nghiệm của lời tiên tri trong Ê-sai 9. Không có bất cứ người nào đã mong đợi bất kỳ điều gì quan trọng đáng chú ý về mặt thuộc linh có thể khởi đầu từ khu vực này, nơi rất xa cách khỏi Đền Thờ (Giăng 1:46) và là nơi bị đánh bại và lưu đày trước tiên bởi các cường quốc Mê-sô-bô-ta-mi (Người A-si-ri và đế chế Tân Ba-by-lôn).

▣ **"rao giảng Tin Lành của Đức Chúa Trời"** Cụm từ này sử dụng thuật ngữ "tin lành" phải đạt đủ điều kiện. Đầu tiên thông điệp của Chúa Jesus giống với Giăng. Phúc âm trọn vẹn của Chúa Jesus sẽ không hoàn chỉnh cho đến sau cuộc đời, sự chết, sự chôn, sự phục sinh và thăng thiên của Ngài. Câu 15 cho biết nội dung của sự giảng dạy ban đầu của Chúa Jesus. Những gì Giăng rao giảng đã là hiện thân cách cá nhân trong chính Đức Chúa Jesus người Na-xa-rét (Giăng 14:6).

**1:15 "Giờ đã trọn"** Cụm từ này được dẫn vào bởi từ *hoti*, vốn là từ thường chỉ về một sự trích dẫn và là một từ rất phổ biến trong Mác. Điều này phản chiếu hồi ức của Phi-e-rơ về những lời phán của Chúa Jesus. Đây là thể chỉ định thụ động hoàn thành (perfect passive indicative), vốn có một tầm quan trọng mang tính tiên tri/ về Đấng Mê-si (Ê-phê-sô 1:10; Ga-la-ti 4:4; 1 Ti-mô-thê 2:6; Tít 1:3). Thể bị động phản chiếu hành động và sự kiểm soát trên thời gian và lịch sử.

▣ **"vương quốc Đức Chúa Trời"** Cụm từ này chỉ về sự trị vì của Đức Chúa Trời. Nó bao gồm cả hiện thực trong hiện tại và sự trọn vẹn trong tương lai. Trong Phúc Âm theo Ma-thi-ơ điều này thường được nhắc đến là "vương quốc thiên đàng." Những cụm từ này là đồng nghĩa với nhau (hãy so sánh Ma-thi-ơ 13:11 với Mác 4:11 và Lu-ca 8:10). Vương quốc đã đến khi Chúa Jesus được sinh ra. Nó được mô tả và hiện thân trong cuộc đời và những sự giảng dạy của Chúa Jesus. Nó sẽ trở nên trọn trong sự trở lại của Ngài. Nó chính là chủ đề của những bài giảng và ẩn dụ của Chúa Jesus. Nó chính là chủ đề trung tâm của những thông điệp được phán dạy của Ngài.

## **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NƯỚC ĐỨC CHÚA TRỜI**

Trong Cựu ước người ta cho rằng Đức Giê-hô-va là Vua của Y-sơ-ra-ên (I Sa-mu-ên 8:7; Thi-thiên 10:16; 24:7-9; 29:10; 44:4; 89: 18; 95:3; Ê-sai 43:15; 4:4, 6) và Đấng Mê-si là vị Vua lý tưởng (Thi-thiên 2:6). Qua sự giảng sinh của Chúa Jê-sus tại Bết-lê-hem, vương quốc Đức Chúa Trời đã bước vào lịch sử nhân loại đem theo quyền năng và sự cứu rỗi (Giao ước mới, Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:27-36). Giăng Báp-tít công bố

nước Đức Chúa Trời đã đến gần (Ma-thi-ơ 3:2; Mác 1:15). Chúa Jê-sus dạy rõ ràng rằng nước Trời ở trong Ngài và trong lời dạy của Ngài (Ma-thi-ơ 4:17, 23; 9:35; 10:7; 11:11-12; 12:28; 16:19; Mác 12:34; Lu-ca 10:9, 11; 11:20; 12:31-32; 16:16; 17:21). Tuy nhiên, nước Trời cũng ở trong tương lai (Ma-thi-ơ 16:28; 24:14; 26:29; Mác 9:1; Lu-ca 21:31; 22:16, 18).

Trong các sách Tin lành cộng quan Mác và Lu-ca, chúng ta thấy cụm từ “nước Đức Chúa Trời.” Chủ đề thường xuyên này trong các lời dạy của Chúa Jê-sus bao gồm sự cai trị trong hiện tại của Đức Chúa Trời trong tâm lòng của con người mà trong một ngày nào đó sẽ hoàn tất trên cả trái đất. Điều này thể hiện trong lời cầu nguyện của Chúa Jê-sus trong Ma-thi-ơ 6:10. Vì viết cho người Do thái, Ma-thi-ơ muốn dùng cụm từ không đụng đến tên của Đức Chúa Trời (cho nên ông viết là ‘Nước Trời,’ trong khi Mác và Lu-ca viết cho người ngoại, thì dùng cách chỉ định phổ biến cho danh xưng của thần thánh).

Đây là cụm từ chìa khóa quan trọng trong các Phúc âm Cộng quan. Bài giảng đầu tiên và bài giảng cuối của Chúa Jê-sus, và hầu hết các ẩn dụ của Ngài, đều xoay quanh chủ đề này. Nó chỉ quyền cai trị của Đức Chúa Trời trong tâm lòng con người ngay bây giờ! Điều ngạc nhiên là Giảng chỉ dùng cụm từ này hai lần mà thôi (trong các ẩn dụ của Chúa Jê-sus thì không hề có cụm từ này). Trong Phúc âm Giảng “sự sống đời đời” là từ chìa khóa và là hình ảnh chính.

Sự căng thẳng liên quan đến chủ đề này xảy ra bởi hai lần đến của Đấng Christ. Cựu ước chỉ chú trọng đến một lần đến của Đấng Mê-si của Đức Chúa Trời—lần đến trong huy hoàng kèm theo sự phán xét và binh đao—nhưng Tân ước cho biết Chúa Jê-sus đến lần đầu làm một Đầy tớ chịu khổ theo Ê-sai 53 và một vị Vua khiêm nhường theo Xa-cha-ri 9:9. Hai thời kỳ của người Do thái, thời kỳ gian ác và thời kỳ công bình, trùng lặp nhau. Chúa Jê-sus đang trị vì trong tâm lòng những người tin Chúa, nhưng một ngày nào đó sẽ cai trị toàn cả cõi sáng tạo. Ngài sẽ đến như Cựu ước đã tiên đoán! Những người tin Chúa sống trong tình trạng “đã rồi” nhưng “chưa” của vương quốc Đức Chúa Trời (xem Gordon D. Fee và Douglas Stuart *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 131-134).

**NASB, NKJV** "đã ở trong tâm tay"

**NRSV** "đã đến gần"

**TEV** "đã gần"

**NJB** "đã gần trong tâm tay"

Đây chính là một thể chỉ định chủ động hoàn thành (perfect active indicative), vốn ngụ ý về vương quốc đã là hiện thực trong quá khứ (Mác 1:1-3) cũng như là một thực tế trong hiện tại (Ma-thi-ơ 12:28; Lu-ca 11:20; 17:21). Cụm từ "thời gian đã được trọn" song hành với cụm từ này và nhấn mạnh vào tính chất hiện thực của thuật ngữ mang tính chất tiên tri giờ đây đã trở thành một sự kiện lịch sử. "Thời Đại của Sự Công Chính" đã được khai mở tại sự giáng sinh của Chúa Jesus, nhưng vẫn chưa được biết cách đầy đủ cho đến Tuần Lễ Thương Khó và chưa được trọn vẹn quyền năng cho đến Lễ Ngũ Tuần.

Mặc dù Vương Quốc thực sự đã đến, vẫn có những phần Kinh Thánh Tân Ước ngụ ý về sự bày tỏ trọn vẹn của nó trong tương lai (Mác 9:1; 14:25; Ma-thi-ơ 26:29; Lu-ca 22:18; Công Vụ 1:11; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18). Những gì chúng ta làm trong Đấng Christ giờ đây xác quyết niềm hy vọng lai thế của chúng ta (Mác 8:38).

▣ **"ăn năn"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt về Sự Ăn Năn tại Mác 1:4.

▣ **"và tin nhận Tin Lành"** Những đoạn song hành trong Ma-thi-ơ 4:17 và Lu-ca 4:14-15 không có những phần tóm lại tương tự.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC TIN (*PISTIS* [danh từ], *PISTEUŌ*, [động từ], *PISTOS* [tính từ])**

A. Đây là chữ rất quan trọng của Kinh Thánh (xem Hê-bơ-rơ 11:1,6). Nó là chủ đề cho những bài giảng lúc ban đầu của Đức Chúa Giê-xu (xem Mác 1:15). Có ít nhất hai đòi hỏi của giao ước mới: sự ăn năn và đức tin (xem 1:15; Công-vụ 3:16,19; 20:21).

B. Từ nguyên (nguồn gốc của từ ngữ)

1. Chữ “đức tin” trong Cựu ước có nghĩa là trung thành, trung thực hay là đáng tin cậy là sự mô tả bản tính của Đức Chúa Trời, chứ không phải con người chúng ta.
2. Nó phát xuất từ chữ Do thái (*emun, emunah*) có nghĩa là “chắc chắn” hay là “ổn định”. Đức tin cứu rỗi là sự tán thành trong tâm trí (những chân lý, lẽ thật), đời sống đạo đức (lối sống) và hơn nữa là sự cam

kết liên hệ (sẵn sàng tiếp đón) với một người nào đó, một cam kết tự nguyện (một quyết định) dành cho một người nào đó.

C. Cách sử dụng trong Cựu ước

Cần phải nhấn mạnh rằng đức tin của Áp-ra-ham không đặt nơi Đấng Mê-si sẽ đến trong tương lai, nhưng là nơi những lời hứa của Đức Chúa Trời rằng ông sẽ có một đứa con và dòng dõi (xem Sáng-thể Ký 12:2; 15:2-5; 17:4-8; 18:14). Áp-ra-ham đáp ứng với lời hứa này bằng cách tin cậy nơi Đức Chúa Trời. Ông vẫn có những nghi vấn và trở ngại về lời hứa này, phải chờ đợi mười ba năm để hoàn thành. Đức tin của ông không trọn vẹn, tuy vậy vẫn được Đức Chúa Trời chấp nhận. Đức Chúa Trời sẵn sàng đồng công với con người sa ngã đáp ứng với Ngài và những lời hứa của Ngài bởi đức tin, ngay cả khi đức tin chỉ bằng hột cải (xem Ma-thi-ơ 17:20).

D. Cách sử dụng trong Tân ước

Chữ “tin” phát xuất từ chữ Hy Lạp (*pisteuō*) được dịch là “tin”, “đức tin” hay là “tin cậy”. Ví dụ, dạng danh từ không xuất hiện trong Phúc âm Giăng, nhưng dạng động từ lại được thường sử dụng. Trong Giăng 2:23-25 có sự mơ hồ về tính chân thật của đám đông xác nhận Giê-xu người Na-xa-rét là đấng Mê-si. Những ví dụ khác về cách sử dụng chữ “tin hời hợt” là Giăng 8:31-59 và Công-vụ 8:13,18-24. Đức tin chân thật theo như Kinh Thánh thì nhiều hơn chỉ là đáp ứng ban đầu. Nó cần phải được tiếp tục bằng một quá trình môn đệ hóa sau đó (xem Ma-thi-ơ 13:20-22,31-32).

E. Cách sử dụng như là GIỚI TỪ (PREPOSITIONS)

1. *eis* có nghĩa là “vào trong”. Cấu trúc độc đáo này nhấn mạnh những tín hữu đặt sự tin cậy/đức tin trong Đức Chúa Giê-xu
  - a. vào trong danh Ngài (Giăng 1:12; 2:23; 3:18; I Giăng 5:13)
  - b. vào trong Ngài (Giăng 2:11; 3:15,18; 4:39; 6:40; 7:5,31,39,48; 8:30; 9:36; 10:42; 11:45,48; 17:37,42; Ma-thi-ơ 18:6; Công-vụ 10:43; Phi-líp 1:29; I Phi-e-rơ 1:8)
  - c. vào trong Ta (Giăng 6:35; 7:38; 11:25,26; 12:44,46; 14:1,12; 16:9; 17:20)
  - d. vào trong Đức Chúa Con (Giăng 3:36; 9:35; I Giăng 5:10)
  - e. vào trong Đức Chúa Giê-xu (Giăng 12:11; Công-vụ 19:4; Ga-la-ti 2:16)
  - f. vào trong Sự sáng (Giăng 12:36)
  - g. vào trong Đức Chúa Trời (Giăng 14:1)
2. *en* có nghĩa là “trong” giống như tại Giăng 3:15; Mác 1:15; Công-vụ 5:14
3. *epi* có nghĩa là “trong” hay là ở trên, giống như tại Ma-thi-ơ 27:42; Công-vụ 9:42; 11:17; 16:31; 22:19; Rô-ma 4:5,24; 9:33; 10:11; I Ti-mô-thê 1:16; I Phi-e-rơ 2:6
4. dạng TẶNG CÁCH không có GIỚI TỪ (DATIVE CASE with no PREPOSITION) giống như trong Ga-la-ti 3:6; Công-vụ 18:8; 27:25; I Giăng 3:23; 5:10
5. *hoti*, có nghĩa là “tin rằng”, cho biết điều tin cậy.
  - a. Đức Chúa Giê-xu là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời (Giăng 6:69)
  - b. Đức Chúa Giê-xu là Ta Là (Giăng 8:24)
  - c. Đức Chúa Giê-xu ở trong Đức Chúa Cha và Đức Chúa Cha ở trong Ngài (Giăng 10:38)
  - d. Đức Chúa Giê-xu là Đấng Mê-si (Giăng 11:27; 20:31)
  - e. Đức Chúa Giê-xu Con của Đức Chúa Trời (Giăng 11:27; 20:31)
  - f. Đức Chúa Giê-xu được Đức Chúa Cha sai đến (Giăng 11:42; 17:8,21)
  - g. Đức Chúa Giê-xu là một với Đức Chúa Cha (Giăng 14:10-11)
  - h. Đức Chúa Giê-xu đến từ Đức Chúa Cha (Giăng 16:27,30)
  - i. Đức Chúa Giê-xu xác nhận chính Ngài trong danh hiệu giao ước của Đức Chúa Cha, “Ta Là” (Giăng 8:24; 13:19)
  - j. Chúng ta sẽ sống với Ngài (Rô-ma 6:8)
  - k. ĐỨC CHÚA GIÊ-XU ĐÃ CHẾT VÀ ĐÃ SỐNG LẠI (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:14)

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1:16-20**

<sup>16</sup> Khi đi dọc theo bờ biển Ga-li-lê, Ngài thấy Si-môn và em là Anh-rê đang thả lưới dưới biển, vì họ vốn làm nghề chài lưới. <sup>17</sup> Đức Chúa Jê-sus phán với họ: "Hãy theo Ta, Ta sẽ khiến các ngươi trở nên tay đánh lưới người." <sup>18</sup> Họ lập tức bỏ lưới mà theo Ngài. <sup>19</sup> Đi một quãng nữa, Ngài thấy Gia-cơ, con của Xê-bê-đê, và em là Giăng đang vá lưới trên thuyền. <sup>20</sup> Ngài liền gọi họ. Họ để cha mình là Xê-bê-đê ở lại trên thuyền

**1:16 " theo bờ biển Ga-li-lê "** Hồ nước này được nhắc bởi một vài tên khác nhau trong Kinh Thánh.

1. Biển Ki-nê-rét (Dân Số Ký 34:11; Giô-suê 12:3; 13:27)
2. Hồ Ghê-nê-xa-rét (theo Lu-ca 5:1)
3. Biển Ti-bê-ri-át (Theo Giăng 6:1; 21:1)
4. Biển Ga-li-lê (phổ biến nhất, Mác 1:16; 7:31; Ma-thi-ơ 4:18; 15:29; Giăng 6:1)

▣ **"Si-môn và em là Anh-rê. đang thả lưới"** Chú ý rằng Phi-e-rơ chính là người đầu tiên chính thức được kêu gọi trong sách Mác, trong khi trong Giăng 1:35-42 người đó chính là Anh-rê. Biển Ga-li-lê cung cấp cá cho cả xứ Palestine. Lưới này chỉ về những lưới cầm tay, có kích thước khoảng 10x15 thước Anh. Cá chính là thức ăn chính cho bữa ăn hàng ngày của người Do Thái.

**1:17 " Hãy theo Ta "** Đây là một trạng từ thực hiện chức năng của một Thể mệnh lệnh bất định (Aorist imperative). Câu này nhất định không phải là lần tiếp xúc đầu tiên giữa Chúa Jesus và những người đánh cá này (Theo Giăng 1: từ câu 35). Đây chính là lời kêu gọi dành cho họ để trở thành những người đi theo một thầy ra-bi cách chính thức và vĩnh viễn (theo Mác 1:17 và 20).

▣ **" Ta sẽ khiến các ngươi trở nên tay đánh lưới người "** Đây là một sự chơi chữ trên thiên hướng khả năng của họ. Đánh cá trong Cựu Ước thường là một sự ẩn dụ dùng cho sự đoán phạt (Giê-rê-mi 16:16. Ê-xê-chi-ên 29:4-5; 38:4; A-mốt 4:2; Ha-ba-cúc 1:14-17). Đây là một ẩn dụ của sự cứu rỗi.

**1:18** Câu này được lặp lại trong Ma-thi-ơ 4:18-22, nhưng có một sự tương thuật khác biệt nhẹ được thấy trong Lu-ca 5:1-11.

**1:19-20 " thuyền "** Đây là những con thuyền đánh cá rộng lớn. Gia-cơ và Giăng, những người con của Xê-bê-đê, là những người đánh cá thuộc tầng lớp trung lưu giàu có (có những người tôi tớ làm thuê). Giăng có lẽ có những hợp đồng thương mại để bán cá cho những gia đình thầy tế lễ tại Giê-ru-sa-lem (Giăng có quen biết với họ, Giăng 18:15-16).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1:21-28**

<sup>21</sup> Đức Chúa Jê-sus cùng các môn đồ đến thành Ca-bê-na-um. Nhân ngày sa-bát, Ngài liền vào nhà hội và bắt đầu giảng dạy. <sup>22</sup> Mọi người đều kinh ngạc về sự dạy dỗ của Ngài, vì Ngài dạy một cách có thẩm quyền, chứ không như các thầy thông giáo.

<sup>23</sup> Ngay lúc đó, trong nhà hội có một người bị uế linh ám, <sup>24</sup> la lớn: "Jê-sus người Na-xa-rét ơi, việc của chúng tôi liên can gì đến Ngài? Ngài đến để diệt chúng tôi sao? Tôi biết Ngài là ai, là Đấng Thánh của Đức Chúa Trời." <sup>25</sup> Nhưng Đức Chúa Jê-sus nghiêm trách nó: "Im ngay! Hãy ra khỏi người này!" <sup>26</sup> Uế linh vật mạnh người ấy, thét lên một tiếng rồi ra khỏi. <sup>27</sup> Mọi người đều kinh ngạc đến nỗi họ bàn tán với nhau: "Chuyện gì vậy? Một giáo huấn mới đầy thẩm quyền! Ngài ra lệnh cho cả tà linh, và chúng cũng phải tuân theo!" <sup>28</sup> Danh tiếng Đức Chúa Jê-sus lập tức lan truyền ra khắp vùng phụ cận Ga-li-lê.

**1:21 " thành Ca-bê-na-um "** Chúa Jesus, bởi vì sự kém thiếu đức tin của thành Na-xa-rét (theo Lu-ca 4:16-30) cũng như là một sự ứng nghiệm của lời tiên tri (theo Ma-thi-ơ 4:13-16), đã chọn thành này như một trung tâm của chức vụ của Ngài (theo Mác 2:1). Chức vụ tại thành Ca-bê-na-um (theo Mác 1:21-3:6) được sử dụng để khắc họa sự hành động kiêu mẫu của Chúa Jesus. Những sự kiện này mặc khải cách rõ ràng thẩm quyền, quyền năng và đặc tính Đấng Mê-si của Ngài. Điều này cũng giống như là một cái nhìn báo trước thoáng qua về cuộc sống và hoạt động hàng ngày của Chúa Jesus trong suốt giai đoạn chức vụ công khai của Ngài.

▣ **" Ngay lúc đó "** Hãy xem ghi chú tại Mác 1:10.

▣ **" ngày sa-bát "** Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

**CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NGÀY SA-BÁT**

Từ này xuất phát từ một từ gốc tiếng Hê-bơ-rơ (BDB 992, KB 1409) có nghĩa là "yên nghỉ" hoặc "dừng." Nó

gắn liền với ngày thứ bảy của sự sáng tạo thế giới (hãy xem quyển *The Lost World of Genesis One* được viết bởi John H. Walton) nơi Đức Chúa Trời dừng lại công việc Ngài sau khi chấm dứt sự sáng tạo khởi thủy của Ngài và nghỉ ngơi (Sáng 2:1-3). Đức Chúa Trời không nghỉ ngơi bởi vì Ngài mệt mỏi nhưng bởi vì (1) sự sáng tạo đã hoàn tất và tốt lành (Sáng 1:31) và (2) ban cho nhân loại một khuôn mẫu của sự thờ phượng và nghỉ ngơi đều đặn, thường xuyên. Cách sử dụng như một ngày của sự thờ phượng bắt đầu từ Sáng 2:2-3, nơi mà YHWH sử dụng sự nghỉ ngơi của Ngài như một khuôn mẫu cho các loài vật (Xuất 23:12) và con người (con người cần một kế hoạch đều đặn của công việc, nghỉ ngơi, và sự thờ phượng). Ngày Sa-bát bắt đầu cũng giống như tất cả mọi ngày khác trong Sáng Thế Ký 1, vào lúc hoàng hôn; vì vậy; chiều tối lúc chạng vạng Thứ Sáu cho đến chiều tối Thứ Bảy; đã trở thành khoảng thời gian chính thức (của ngày Sa-bát). Tất cả chi tiết của sự vâng giữ nó đều được ban ra trong Xuất Ê-díp-tô Ký (đặc biệt trong những đoạn 16,20,31, và 35) và Lê-vi-ký (đặc biệt là những đoạn 23-26). Sự sử dụng cách đặc biệt lần đầu của ngày này bởi người Y-sơ-ra-ên chính là Xuất 16:25-26 trong việc thu lượm ma-na. Nó sau đó trở thành một phần của "Mười Điều Răn" (Xuất 20:8-11; Phục 5:12-15). Đây là một ví dụ nơi mà Mười Điều Răn trong Xuất Ê-díp-tô Ký khác biệt nhẹ với Mười Điều Răn trong Phục Truyền Luật Lệ Ký 5. Phục Truyền Luật Lệ Ký chính là sự chuẩn bị cho Y-sơ-ra-ên cho một đời sống định cư, nông nghiệp tại Ca-na-an.

Người Pha-ri-si đã lấy những luật lệ này và, bởi những cuộc thảo luận truyền miệng của họ đã giải nghĩa chúng (Lời Truyền Khẩu) để thêm vào nhiều điều luật. Chúa Jesus thường thực hiện những phép lạ, với sự biết rõ rằng sẽ vi phạm những luật lệ nhỏ mọn của họ để rồi có thể khởi đầu những sự đối thoại thần học với họ (ví dụ: Ma-thi-ơ 12). Không phải đối tượng Chúa Jesus chối bỏ và xem thường giá trị là ngày Sa-bát, nhưng chính là chủ nghĩa tự xưng công chính bởi luật pháp, và thiếu vắng tình yêu thương của họ (Mác 2:27-28).

Hội thánh đầu tiên thờ phượng trong cả ngày Sa-bát và ngày đầu tiên trong tuần lễ (Chúa Nhật, ngày phục sinh, theo Giăng 20:1,19; Công Vụ 20:7; 1 Cô-rinh-tô 16:2). Nhà Hội xem làn sóng phát triển Cơ Đốc Giáo bằng cách ra lệnh cho những tín đồ thành viên của họ chối bỏ Chúa Jesus như là Đấng Mê-si (theo tài liệu *The Eighteen Benedictions*). Tại thời điểm này (vào khoảng năm 70 SC) Các Cơ Đốc Nhân bắt đầu nhóm lại riêng biệt vào ngày Chúa Nhật.

Đây chính là từ Hê-bơ-rơ có nghĩa là "sự nghỉ ngơi" hoặc "sự ngừng lại." Từ này kết nối với ngày thứ bảy của sự sáng tạo lúc mà Đức Chúa Trời ngừng lại công việc Ngài sau khi kết thúc sự sáng tạo khởi thủy (theo Sáng Thế Ký 2:1-3). Đức Chúa Trời không nghỉ ngơi bởi vì Ngài mệt mỏi, nhưng bởi vì (1) sự sáng tạo là trọn vẹn và tốt lành (theo Sáng Thế Ký 1:31) và (2) để ban cho con người một khuôn mẫu thường xuyên cho sự thờ phượng và nghỉ ngơi. Ngày Sa-bát bắt đầu cũng giống như những ngày trong Sáng 1, vào hoàng hôn; vì thế, lúc hoàng hôn vào ngày Thứ Sáu cho đến hoàng hôn vào ngày Thứ Bảy chính là khoảng thời gian chính thức của ngày Sa-bát. Tất cả những chi tiết về sự vâng giữ ngày Sa-bát được ban ra trong Xuất Ê-díp-tô Ký (đặc biệt trong những đoạn 16,20,31, và 35) và Lê-vi Ký (đặc biệt những đoạn 23-26). Những người Pha-ri-si đã lấy những quy định này và, bởi sự thảo luận truyền miệng của họ, giải nghĩa chúng để thêm thắt vào chúng nhiều luật lệ khác. Chúa Jesus thường thi hành những phép lạ, với sự biết rõ rằng sẽ vi phạm những luật lệ kén cá chọn canh của họ để rồi có thể bước vào những cuộc đối thoại với họ. Nó không có nghĩa rằng Chúa Jesus chối bỏ, cự tuyệt hoặc xem thường ngày Sa-bát nhưng chính là chủ nghĩa luật pháp tự xưng công chính của chính họ và thiếu vắng đi tình yêu thương.

▣ " **nhà hội** " Đây chính là từ ghép vốn có nghĩa là "đến cùng với nhau." Đây chính là thói quen của Chúa Jesus trong sự tham dự sự thờ phượng một cách đều đặn thường xuyên. Nhà hội được phát triển tại khu vực Mê-sô-bô-ta-mi trong suốt thời kỳ Lưu Đày bởi người Ba-by-lôn. Nó chính là nơi thờ phượng, giáo dục và bảo tồn văn hóa. Nó là một sự biểu lộ đức tin Do Thái, cũng giống như Đền Thờ đã là sự biểu hiện của dân tộc. Có ít nhất một nhà hội trong mỗi thành với ít nhất mười người nam Do Thái.

▣ " **bắt đầu giảng dạy** " Đây là tập tục tại đó một người trong cộng đồng hoặc một thượng khách được lựa chọn để hướng dẫn phân dạy dỗ về hoạt động thờ phượng. Thông thường một đoạn Kinh Thánh Từ Ngũ Kinh (Torah) (Sáng Thế Ký – Phục Truyền) được đọc và một đoạn từ Bộ Các Sách Tiên Tri (từ Giô-suê – Các Vua và từ Ê-sai – Ma-la-chi).

**1:22,27 " kinh ngạc "** Nguyên văn từ này là "bị đánh để chú ý." Phong cách và nội dung của sự dạy dỗ của Chúa Jesus là khác biệt triệt để với sự dạy dỗ của các ra-bi. Họ nêu ra một người khác để lấy thẩm quyền, nhưng Ngài phán với thẩm quyền của Đức Chúa Trời (theo Ma-thi-ơ 5:17-48). Những sự dạy dỗ và hành động của

Chúa Jesus đã gây ra sự sùng sốt, kinh ngạc và thậm chí khiếp sợ (theo Mác 1:22,27; 2:12; 5:42; 6:2,51; 7:37; 9:6,15; 10:26,32; 11:18; 14:33).

**1:22 " không như các thầy thông giáo "** Chúa Jesus không trích lời truyền khẩu (oral tradition) (ví dụ như, Kinh Talmud). Người Do Thái rất chú ý và quan tâm về việc họ có thể phá vỡ những mạng lệnh của Đức Chúa Trời, vì vậy mỗi câu của Ngũ Kinh (Kinh Torah- những sách của Môi-se, Sáng Thế Ký - Phục Truyền) đều được giải nghĩa bởi những sự thảo luận của các ra-bi. Sau này chúng được phát triển thành các trường phái, một trường phái tự do (Hillel) và một trường phái bảo thủ (Shammai). Những ra-bi dẫn dắt của hai trường phái cổ xưa này thường được trích dẫn như là những thẩm quyền. Các thầy thông giáo đã là những giáo sư chuyên nghiệp của Do Thái Giáo là những người đã giải nghĩa những lời truyền khẩu cho những tình huống và nhu cầu mang địa phương. Hầu hết các thầy thông giáo trong thời của Chúa Jesus chính là những người Pha-ri-si.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC THẦY THÔNG GIÁO**

Danh xưng này đến từ DANH TỪ tiếng Hê-bơ-rơ (BDB 706, KB 767) vốn có nghĩa là "một thông điệp được nói," "một tài liệu/ sắc lệnh được chép" (KB 766). Cách dịch trong tiếng Hy Lạp *grammateus* (LXX (Bản Bảy Mươi) thường chỉ về một thông điệp được chép xuống. Nó có thể chỉ về

1. Người dạy dỗ (Nê-hê-mi 8)
2. Những nhà cầm quyền (2 Các Vua 22:3-13)
3. Những người ghi chép/thư ký (1 Sứ Ký 24:6; 2 Sứ Ký 34:13; Giê-rê-mi 36:22)
4. Những quan trưởng quân đội (Các Quan Xét 5:14)
5. Những lãnh đạo tôn giáo (ví dụ, Ê-xơ-ra, Ê-xơ-ra 7:6; Hê-hê-mi 12:12-13)

Trong Tân Ước họ thường được gắn liền với những người Pha-ri-si (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những Người Pha-ri-si). Trong một nghĩa, họ là những người được dạy dỗ về Cựu Ước và Những Lời Truyền Khẩu (Kinh Talmud). Họ giúp giải nghĩa và áp dụng những lời truyền khẩu Do Thái vào trong cuộc sống hàng ngày (Sirah 39:6). Rõ ràng những thầy thông giáo này cũng được gọi là "thầy dạy luật" (Mác 12:28; Lu-ca 7:30; 10:25; 11:45; 14:3). Tuy nhiên, sự công chính của họ (chủ nghĩa nghi lễ tôn giáo và luật pháp Do Thái) không thể đem lại sự phục hòa với Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 5:20; Rô-ma 3:19-20; 9:1-5,30-32; 10:1-6; Cô-lô-se 2:20-22).

Họ thường được mô tả trong các sách Tin Lành Cộng Quan (Giăng không bao giờ nhắc đến họ, Giăng 8:3 không có trong bản gốc), như là một nhóm đối địch với Chúa Jesus, và rõ ràng đã trở thành những kẻ cai trị tại Giê-ru-sa-lem (Mác 3:22; 7:1). Tuy vậy, một vài người đã đáp ứng với Ngài (Ma-thi-ơ 8:19).

1. Sự tranh cãi về việc Ngài ăn uống với các tội nhân và những người thu thuế, Mác 2:16; Ma-thi-ơ 9:9-13
2. Sự mâu thuẫn về nguồn gốc của thẩm quyền trong những sự đuổi quỷ của Chúa Jesus, Mác 3:22
3. Sự mâu thuẫn về việc Chúa Jesus tha tội, Ma-thi-ơ 9:3; Lu-ca 5:21
4. Yêu cầu một dấu lạ, Ma-thi-ơ 12:38
5. Sự tranh cãi về việc rửa tay (những nghi thức thanh tẩy tôn giáo), Ma-thi-ơ 15:1-2; Mác 7:1-5
6. Sự mâu thuẫn về sự công nhận của những đám đông về sự tiến vào Giê-ru-sa-lem cách khải hoàn, Ma-thi-ơ 21:15
7. Sự cáo buộc của Jesus về những động cơ của họ (tìm kiếm danh tiếng và sự đặc quyền), Mác 12:38-40
8. Sự cáo buộc của Jesus dành cho họ về sự giả hình và những hướng dẫn mù lòa của họ trong vai trò của Môi-se, Ma-thi-ơ 23:1-36

Bởi vì kiến thức Kinh Thánh của họ, họ lẽ ra phải là những người đầu tiên nhận thấy và chấp nhận Chúa Jesus, nhưng bởi những truyền thống của họ (theo Ê-sai 29:13; 6:9-10) đã khiến họ trở nên mù lòa! Khi ánh sáng trở nên sự tối tăm, sự tối tăm lớn là đường nào!

**1:23 " một người bị uế linh ám "** Đây là một trường hợp bị quỷ ám (theo Mác 1:34). Chú ý rằng ông vẫn tham gia thờ phượng, giữ hình thức bên ngoài. Tân Ước đưa ra một sự phân biệt rõ giữa sự đau ốm về mặt cơ thể và sự quỷ ám, mặc dù chúng có cùng những triệu chứng. Trong những trường hợp này quý kiểm soát người này. Người ấy mất đi ý chí của mình. Thế giới quan Do Thái thừa nhận sự hiện diện của các thực thể thuộc linh, tốt lành (Mác 1:13; Ma-thi-ơ 18:10; Công Vụ 12:15; 2 Các Vua 6:17) và xấu xa, gian ác (Mác 1:23,26,27; 3:11,20; 5:2,8,13;6:7; 7:25), những kẻ tác động đến đời sống của con người.

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: MA QUỶ (TÀ LINH)

- A. Con người trong thời cổ đại tin theo thuyết vật linh. Họ gán ghép nhân tính và những đặc điểm giống người vào những sức mạnh thiên nhiên, các vật thể thiên nhiên. Sự sống được giải thích qua những tương tác giữa những thể linh này với con người.
- B. Sự nhân cách hóa này phát triển thành đa thần giáo. Thông thường tà linh (*genii*) được xem là những thần linh cấp thấp hay là nửa thần nửa người (thiện hoặc ác) tác động đến đời sống cá nhân con người.
1. Mê-sô-pô-ta-mi, hỗn loạn và xung đột
  2. Ai-cập, thứ tự và vận hành
  3. Ca-na-an, xem *Archaeology and the Religion of Israel* của W. F. Albright, Fifth Edition, trang 67-92
- C. Cựu ước không chú tâm hay khai triển chủ đề những thần linh cấp thấp, thiên thần hay là tà linh bởi vì đặc tính độc thần nghiêm ngặt (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 8:10; 9:14; 15:11; Phục-truyền Luật-lệ Ký 4:35,39; 6:4; 33:26; Thi-thiên 35:10; 71:19; 86:6; Ê-sai 46:9; Giê-rê-mi 10:6-7; Mi-chê 7:18). Nó có đề cập đến những thần hư không của những ngoại giáo (*Shedim*, xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:17; Thi-thiên 106:37) và cho biết tên của một số.
1. *Se'im* (thần rừng hay là những quỷ có lông, tóc, xem Lê-vi Ký 17:7; II Sứ-ký 11:15)
  2. *Lilith* (giống cái, quỷ cám dỗ, xem Ê-sai 34:14)
  3. *Mavet* (chữ “sự chết” trong tiếng Do thái cũng dùng cho các tà linh trong âm phủ của người Ca-na-an, *Mot*, xem Ê-sai 28:15,18; Giê-rê-mi 9:21; có thể Phục-truyền Luật-lệ Ký 28:22)
  4. *Resheph* (tai va, xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 33:29; Thi-thiên 78:48; Ha-ba-cúc 3:5)
  5. *Dever* (bệnh dịch, xem Thi-thiên 91:5-6; Ha-ba-cúc 3:5)
  6. *Az'azel* (không rõ ý nghĩa của tên này, nhưng có lẽ là một quỷ sa mạc hay là một địa danh, xem Lê-vi Ký 16:8,10,26)

(Những ví dụ này lấy từ *Encyclopaedia Judaica*, vol. 5, trang 1523.)

Tuy nhiên, không có thuyết nhị nguyên hay những thiên thần độc lập với Đức Giê-hô-va trong Cựu ước. Sa-tan là một đầy tớ của Đức Giê-hô-va (xem Gióp 1-3; Xa-cha-ri 3), chứ không phải là kẻ thù (xem A. B. Davidson, *A Theology of the Old Testament*, trang 300-306).

- D. Sự phát triển của Do-Thái-Giáo trong thời kỳ lưu đày tại Ba-by-lôn (năm 586-538 trước Chúa), thần học của nó bị ảnh hưởng bởi thuyết nhị nguyên được nhân cách hoá của Ba-tư từ Bái-hóa giáo, một thần cao cấp thiện lành gọi là *Mazda* hay là *Ormazd* và một thần đối nghịch độc ác gọi là *Ahriman*. Sự ảnh hưởng này khiến Do-Thái-Giáo sau thời kỳ lưu đày trở thành một dạng nhị nguyên thuyết được nhân cách hóa, một bên là Đức Giê-hô-va và các thiên thần của Ngài và phía đối địch là Sa-tan và những tà linh của nó.

Thần học nhân cách hóa ma quỷ của Do-Thái-Giáo được giải thích và tường trình chi tiết trong *The Life and Times of Jesus the Messiah*, vol. 2, của Alfred Edersheim phần Phụ lục XIII (trang 749-863) và XVI (trang 770-776). Do-Thái-Giáo nhân cách hóa ma quỷ theo ba cách.

1. Sa-tan hay là Sammael
2. Xu hướng tội lỗi (*yetzer hara*) bên trong con người
3. Thần Chết

Edersheim trình bày ba phương cách này bằng (1) Kẻ kiện cáo; (2) Kẻ cám dỗ; và (3) Kẻ trừng phạt (quyển 2, trang 756). Có sự khác biệt thần học rõ rệt trong cách trình bày và giải thích về ma quỷ giữa Do-Thái-Giáo sau thời kỳ lưu đày và trong Tân ước.

- E. Trong Tân ước, đặc biệt trong các sách Phúc âm, khẳng định sự hiện hữu và chống nghịch của những tà linh với con người và Đức Giê-hô-va (trong Do-Thái-Giáo, Sa-tan là kẻ thù với con người, nhưng với Đức Chúa Trời thì không). Chúng chống nghịch với ý định, sự cai trị và vương quốc của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Giê-xu đã đương đầu và đuổi những tà ma này cũng gọi là (1) những uế linh, xem Lu-ca 4:36; 6:18, hay là (2) tà linh, xem Lu-ca 7:21; 8:2 khỏi con người. Đức Chúa Giê-xu phân biệt rõ ràng giữa những bệnh tật (thể chất, tâm trí) và những người bị quỷ ám. Chúa Giê-xu bày tỏ quyền năng và sự nhận biết thiêng liêng của Ngài bằng việc nhận diện và đuổi những quỷ này. Các quỷ này cũng thường nhận biết Ngài và cố gắng tôn xưng Ngài, nhưng Đức Chúa Giê-xu khước từ sự xác nhận của chúng, ra lệnh cho chúng im lặng và đuổi chúng.

Trong những thư tín của các Sứ đồ trong Tân ước, có sự “thiếu hụt nghiêm trọng” thông tin đề cập đến chủ đề này. Sự đuổi quỷ không bao giờ được đề cập như là một ân tứ thuộc linh cũng như không có phương pháp hay là cách thức nào được để lại cho những thế hệ tín hữu, mục sư về sau.

- A. Ma quỷ có thật; ma quỷ có nhân cách; ma quỷ hiện diện. Cả nguồn gốc hay là chủ đích của ma quỷ không được bày tỏ. Kinh thánh khẳng định sự thực hữu của ma quỷ và chống đối mạnh mẽ ảnh hưởng của nó. Không hề có sự nhị nguyên tốt cùng giữa Đức Chúa Trời và Sa-tan. Đức Chúa Trời hoàn toàn kiểm soát mọi sự, ma quỷ đã bị đánh bại, bị đoán xét và sẽ bị xô đuổi khỏi công trình sáng tạo.
- B. Dân sự của Đức Chúa Trời phải chống cự với ma quỷ (xem Gia-cơ 4:7). Họ không thể bị nó kiểm soát (xem I Giăng 5:18), dù cho họ có thể bị cám dỗ và lời làm chứng cũng như ảnh hưởng của họ bị tổn hại (xem Ê-phê-sô 6:10-18). Ma quỷ là một phần được Kinh thánh tiết lộ trong thế giới quan của Cơ-Độc-Nhân. Những Cơ-Độc-Nhân hiện đại (nhóm Tân phái) không có quyền để định nghĩa lại về ma quỷ (như những cố gắng loại bỏ tính huyền thoại của Rudolf Baltmann); loại bỏ nhân cách khỏi ma quỷ (những cấu trúc xã hội của Paul Tillich), hay là cố gắng giải thích ma quỷ hoàn toàn theo phương diện tâm lý (như Sigmund Freud), tuy vậy ảnh hưởng của chúng lại tràn lan khắp nơi, nhưng đã bị đánh bại. Các tín đồ cần phải bước đi trong sự chiến thắng của Đấng Christ

1:24

NASB

"Chúng ta có việc gì với nhau chẳng "

NKJV

"Chúng ta có việc gì với Ngài "

NRSV

"Ngài làm gì với chúng tôi "

TEV, NJB

"Ngài muốn gì từ chúng tôi"

Câu này nguyên văn là "việc gì với chúng tôi và với Ngài." Trong quyển *A Translator's Handbook on the Gospel of Mark* được viết bởi Bratcher và Nida viết rằng "Trong tiếng Hy Lạp cổ điển cụm từ có thể có nghĩa là 'điều gì chúng ta có chung với nhau?' Ở đây, tuy nhiên, nó phù hợp với câu trong tiếng Hê-bơ-rơ 'Tại sao Ngài lại can thiệp vào tôi'" (trang 49). Câu thành ngữ này được minh họa trong Các Quan Xét 11:12; 2 Sa-mu-ên 16:10; 19:22; 1 Các Vua 17:18; 2 Sử Ký 35:12.

▣ " **Jêsus người Na-xa-rét** " Hãy xem ghi chú tại Mác 10:47.

▣ " **Ngài đến để diệt chúng tôi sao** " Về mặt ngữ pháp câu này có thể vừa là câu hỏi hoặc một sự khẳng định. Đây là một thành ngữ Cựu Ước của sự thù địch (Các Quan Xét 11:12; 2 Sa-mu-ên 16:10; 19:22; 1 Các Vua 17:18; 2 Các Vua 3:13; 2 Sử Ký 35:21). Ma quỷ biết rằng một ngày nó sẽ bị đoán phạt!

▣ " **Đấng Thánh của Đức Chúa Trời** " Đây là một danh xưng Cựu Ước của Đấng Mê-si. Đây đã là một sự xưng nhận có chủ ý nhưng với một sự tấn công có tính toán vào Chúa Jesus. Chúa Jesus sau này đã bị cáo buộc về sự nhận quyền năng từ Sa-tan (theo Ma-thi-ơ 9:34; 12:24; Mác 3:22; Lu-ca 11:15).

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐÁNG THÁNH

- I. "Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên" là danh hiệu thường thấy trong Ê-sai ( Ê-sai. 1:4; 5:19; 10:17,20; 12:6; 17:7; 29:19,23; 30:11,12,15; 31:1; 37:23; 40:25; 41:14,16,20; 43:3,14,15; 45:11; 47:4; 48:17; 49:7; 54:5; 55:5; 60:9,14). Bởi Ngài là thánh, con dân của Ngài phải nên thánh. ( Lê-vi-ký 19:2; Ma-thi-ơ. 5:48; 1 Phi-ê-rơ 1:16).

Danh hiệu này, trong một khía cạnh, bày tỏ một nghịch lý giữa việc phạm nhân tội lỗi tiếp nhận tiêu chuẩn thánh khiết. Luật Mô-se không thể đạt được (xem Giô-suê 24:19; Công-vụ 15; Galatians 3; book of Hê-bơ-rơ). Giao ước cũ là công cụ cho con người thấy con người không thể đạt được tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời, (Galatians 3), Mặc dầu vậy Ngài vẫn ở cùng với họ, chuẩn bị cho họ tiếp nhận giải pháp của Ngài qua giao ước Chúa Giê-su Ngài không hạ thấp tiêu chuẩn thánh khiết, nhưng giúp họ đạt được qua Đấng Mê-si-a ( Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-38). Giao ước mới là giao ước đức tin và sự ăn năn, không qua công việc của con người, mặc dầu công việc cũng là một đòi hỏi trong tính cách giống Chúa Giê-su ( Gia-cơ 2:14-26). Đức Chúa Trời muốn con dân Ngài phản chiếu tính cách của Ngài cho mọi dân tộc. ( Ma-thi-ơ. 5:48).



## II. "Đấng Thánh" Đấng Thánh có thể ám chỉ

1. Đức Chúa Cha (có nhiều câu trong Cựu-ước nói về Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên)
2. Đức Chúa Con ( Mác 1:24; Lu-ca 4:34; Giăng 6:69; Công-vụ 3:14; 1 Giăng 2:20)
3. Đức Chúa Thánh Linh (Danh Hiệu Ngài: Đức Thánh Linh, "Holy Spirit" Giăng 1:33; 14:26; 20:22). Công vụ 10:38 cho thấy cả Ba Ngôi đều tham gia trong sự xúc dầu. Chúa Giê-su được xúc dầu ( Lu-ca 4:18; Công-vụ 4:27; 10:38). Khái niệm này được mở rộng ra cho mọi Tín Đồ. ( 1 Giăng 2:27). Đấng Được Xúc Dầu trở nên nhiều người được xúc dầu. Ở đây chúng ta cũng thấy sự bắt chước: Kẻ Chống Chúa trở nên nhiều kẻ chống Chúa. ( 1 Giăng 2:18). Cựu-ước dùng biểu tượng xúc dầu trong hành động cụ thể đối với những người được gọi làm chức vụ: Thầy tế lễ, tiên tri, vua. Thuật ngữ Mê-si-a' chính là 'Đấng Được Xúc Dầu' ( Xuất. 29:7; 30:25; 37:29).

**1:25 " Đức Chúa Jêsus nghiêm trách nó "** Mác sử dụng động từ này cách thường xuyên: (1) đôi khi chỉ về các quỷ (Mác 1:25; 3:2; 9:25); (2) đối với gió và biển (Mác 4:39); và (3) đối với chính những môn đồ của Ngài (theo Mác 8:30,33; 10:13).

▣ **" Im ngay "** Đây là một thể mệnh lệnh thụ động bất định (aorist passive imperative) có nghĩa là "hãy khóa miệng lại" (theo Mác 4:39). Hai mạng lệnh trực tiếp Chúa Jesus đối với ma quỷ là những từ rất nặng với nghĩa rộng tiêu cực.

▣ **" Hãy ra khỏi người này "** Đây là một thể mệnh lệnh chủ động bất định (aorist active imperative).

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĐUỐI QUỶ

Sự đuối quỷ trở nên rất thông dụng trong thời của Chúa Jesus, nhưng những phương pháp của Jesus rất khác biệt đáng chú ý (Ma-thi-ơ 8:16; Mác 1:27). Những sự đuối quỷ của Ngài là một dấu chỉ của Ngài đã trở nên dấu chỉ của một Thời Đại Mới (Lu-ca 9:1). Các ra-bi Do Thái (Ma-thi-ơ 12:27; Công Vụ 19:13) đã sử dụng những công thức ma thuật (hãy xem bộ *The Life and Times of Jesus, The Messiah*, tập 2, Phụ Lục XIII, trang 748-763; và Phụ Lục XVI, trang 770-776 được viết bởi Alfred Edersheim), nhưng Chúa Jesus đã sử dụng thẩm quyền của chính mình Ngài. Có rất nhiều thông tin mơ hồ và không tốt được lưu truyền ngày hôm nay về sự đuối quỷ và ma quỷ. Một phần của nan đề này xảy ra bởi vì Tân Ước đã không thảo luận về những vấn đề này. Là một mục sư tôi ước gì tôi đã có nhiều thông tin hơn về chủ đề này. Đây là một vài sách mà tôi tin cậy.

1. *Christian Counseling and the Occult*, được viết bởi Kurt E. Koch
2. *Demons in the World Today*, được viết bởi Merrill F. Unger
3. *Biblical Demonology*, được viết bởi Merrill F. Unger
4. *Principalities and Powers*, được viết bởi John Warwick Montgomery
5. *Christ and the Powers*, được viết bởi Hendrik Berkhof
6. *Three Crucial Questions About Spiritual Warfare* được viết bởi Clinton Anton

Tôi đã thực sự ngạc nhiên rằng sự đuối quỷ đã không được liệt kê trong những ân tứ thuộc linh và chủ đề này đã không được nhắc đến trong các thư tín Sứ Đồ. Tôi tin rằng thế giới quan Kinh Thánh vốn bao trùm một thế giới thuộc linh (cả tốt và xấu xa), thế giới vật chất hoạt động hiện tại (Gióp 1-2; Đa-ni-ên 10; Ê-phê-sô 6:10-18). Tuy nhiên, Đức Chúa Trời đã không chọn để mặc khải những điều cụ thể này. Là những tín đồ, chúng ta đã có đủ tất cả những thông tin để sống những đời sống tin kính, kết quả cho Ngài! Nhưng một số chủ đề vẫn chưa được mặc khải và phát triển đầy đủ. Các tín đồ cần phải nhớ rằng sự đuối quỷ là một bằng chứng có thể nhìn thấy được của sự đắc thắng của Chúa Jesus trên ma quỷ (Lu-ca 10:17-20). Tân Ước đã đưa ra một sự phân biệt rõ ràng giữa sự đuối quỷ và chữa lành (Ma-thi-ơ 8:16; Mác 1:32; Lu-ca 4:40-41).

Hãy xem những Chủ Đề Đặc Biệt:

1. Chủ Đề Đặc Biệt: Sa-tan
2. Chủ Đề Đặc Biệt: Thân Vị của Điều Ác
3. Chủ Đề Đặc Biệt: Ma Quỷ Trong Cựu Ước
4. Chủ Đề Đặc Biệt: Ma Quỷ Trong Tân Ước

**1:26** Một vài sự hiện hình vật lý của của sự rời đi của một uế linh khỏi một người đã được ghi lại (theo Mác 1:26; 9:26; và Lu-ca 9:39). Đây đã là một cách xác nhận rằng linh đó đã thật sự rời khỏi.

Đây là dấu hiệu đầu tiên của quyền năng được bày tỏ một cách rõ ràng về những sự ngụ ý về Đấng Mê-si thuộc về Chúa Jesus. Danh xưng Cựu Ước (Thi 16:10) mà bởi đó các quý đã nhận diện Ngài và quyền năng Ngài để kiểm soát và đoán xét chúng đã phản ánh cách rõ ràng về thẩm quyền thuộc linh của Chúa Jesus ở Na-xa-rét (Mác 1:27c). Phần tường thuật này song hành với Lu-ca 4:31-37.

**1:27 " Chuyện gì vậy? Một giáo huấn mới đầy thẩm quyền "** Từ Hy Lạp này dùng cho "mới" (*kainos*) có nghĩa là "mới trong phương diện phẩm chất," chứ không phải "mới về phương diện thời gian." Cụm từ "với thẩm quyền" có thể chỉ về sự dạy dỗ của Chúa Jesus (theo Ma-thi-ơ 7:29; NASB, NRSV, NJB) hoặc về mạng lệnh của Chúa Jesus (theo Lu-ca 4:36; NKJV, TEV). Bởi vì Lu-ca 4:36 chính là một phần song hành trực tiếp, lựa chọn thứ hai có vẻ như là sự lựa chọn tốt nhất.

Nguồn gốc của thẩm quyền của Chúa Jesus sẽ trở thành vấn đề tiêu điểm giữa Chúa Jesus và những lãnh đạo Do Thái Giáo (theo Mác 11:28; Ma-thi-ơ 21:23; Lu-ca 20:2). Họ không thể chối bỏ quyền năng Ngài và vì vậy họ đã công kích nguồn gốc của nó. Đây là một tội lỗi không thể tha thứ!

**1:28 " lập tức "** Hãy xem ghi chú tại Mác 1:10.

▣ **" Danh tiếng Đức Chúa Jê-sus lập tức lan truyền ra khắp vùng "** Thật là một sự đuổi quý công khai vốn sẽ được kể và đồn ra cách lan rộng.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1:29-31**

**<sup>29</sup> Vừa ra khỏi nhà hội, Đức Chúa Jê-sus cùng với Gia-cơ và Giăng vào nhà của Si-môn và Anh-rê. <sup>30</sup> Bà gia của Si-môn đang bị sốt nằm trên giường. Họ liền thưa với Ngài về bệnh trạng của bà. <sup>31</sup> Ngài đến gần, cầm tay đỡ bà dậy; bà hết sốt và bắt đầu phục vụ mọi người.**

**1:30 " Bà gia của Si-môn "** Câu này chỉ ra rằng Phi-e-rơ đã lập gia đình. Vợ ông chưa bao giờ được nhắc đến trong Tân Ước. Bà có thể đã qua đời, nhưng 1 Cô-rinh-tô 9:5 ngụ ý rằng bà cũng cùng đi với Phi-e-rơ. Phần tường thuật này song hành với Lu-ca 4:31-37 và Ma-thi-ơ 8:14-17.

▣ **" đang bị sốt nằm trên giường "** Đây là một thì chưa hoàn thành vốn chỉ về một hành động tiếp diễn trong quá khứ. Bà đã bị bệnh trong một khoảng thời gian.

▣ **" bị sốt "** Từ này nguyên văn là "bị đánh bởi cơn sốt." Đây là thì hiện tại, vốn ngụ ý về một nan đề tiếp diễn. Chú ý sự đau ốm này không có sự liên quan với sự quý ám (theo Mác 1:32). Quyền năng của Chúa Jesus ở trên bệnh tật chính là một dấu chỉ khác cho thân vị và sứ mạng Đấng Mê-si của Ngài. Thường xuyên trong các Sách Phúc Âm, những phép lạ của Chúa Jesus dành cho các môn đồ cũng thường xuyên như cho người khác được nhận. Chúa Jesus đang bày tỏ cách rõ ràng về Chính Mình Ngài với những Sứ Đồ mà Ngài vừa mới lựa chọn. Ở đây, Ngài hành động trong sự thương xót trong ngày Sa-bát. Đây thật sự là một sự sùng sốt đối với những người Do Thái.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1:32-34**

**<sup>32</sup> Chiều tối, khi mặt trời vừa lặn, người ta đem tất cả những người bệnh tật và bị quý ám đến với Đức Chúa Jê-sus. <sup>33</sup> Cả thành tụ họp trước cửa. <sup>34</sup> Ngài chữa lành nhiều người đau yếu mặc dù các chứng bệnh khác nhau, và đuổi nhiều quý nhưng không cho phép quý lên tiếng vì chúng biết Ngài là ai.**

**1:32 " Chiều tối "** Rõ ràng đây là đời điểm sau hoàng hôn, vì vậy ngày Sa-bát đã chính thức đã trôi qua và sự chữa lành vật lý đã trở nên hợp lệ theo luật ra-bi

▣ **" đem đến với Ngài "** Đây là thì chưa hoàn thành vốn có nghĩa là "đang tiếp tục mang đến." Chúa Jesus không muốn được biết như là một người thì hành phép lạ, nhưng là một người công bố lẽ thật (theo Lu-ca 4:43), nhưng giờ đây lời đồn đã lan ra (theo Mác 1:28).

▣ **" bệnh tật "** Câu 32 ngụ ý rằng "tất cả" những ai bị đau ốm hoặc bị quý ám trong cả thành đều được mang đến với Chúa Jesus. Câu 34 khẳng định rằng Ngài đã chữa lành và giải cứu "nhiều người" trong họ, nhưng không phải tất cả mọi người. Thật thú vị rằng những từ "tất cả" và "nhiều" thường được sử dụng trong cách

đồng nghĩa với nhau trong Kinh Thánh (Ê-sai 53:6 và 53:11,12 cũng như Rô-ma 5:18 và 19). Không rõ có phải Chúa Jesus đã chữa lành tất cả mọi người được mang đến với Ngài hoặc chỉ nhiều người trong số họ. Tại ạo Bết-sai-đa ở Giê-ru-sa-lem, câu chuyện được ghi lại rằng Chúa Jesus chỉ chữa duy nhất một người ở giữa nhiều người bị đau ốm. Chúa Jesus không đi trọn hết con đường của Ngài để chữa lành, nhưng nếu như một tình huống xảy ra (một giây phút dạy dỗ dành cho các môn đồ cộng thêm với sự thương xót của Chúa Jesus dành cho những kẻ thương tổn và có nhu cầu) Ngài hành động cách năng quyền. Ngài đã đi hết trọn con đường Ngài với mục đích truyền giảng tin lành (người đàn bà Sa-ma-ri, Giảng 4, đặc biệt là Mác 1:4). Sự chữa lành là một dấu hiệu, nhưng sự truyền giảng tin lành chính là mục đích và là sự tập chú của chức vụ của Ngài.

Có một sự bối rối đối với phương pháp luận về chữa lành của Chúa Jesus; đôi khi nó phụ thuộc vào sự đáp ứng đức tin của người bị ốm, nhưng đôi khi là đức tin của những người bạn hoặc những người yêu quý của họ và thường thường với mục đích bày tỏ quyền năng của Ngài, không liên quan đến đức tin của người được nhận lành. Sự cứu rỗi không tự động đi cùng với sự giải cứu vật lý hoặc chữa lành.

▣ " **những người bị quỷ ám** " Chú ý sự phân biệt giữa bệnh tật và sự quỷ ám.

**1:33** Những người trong thành rất tò mò và một vài người đã tìm kiếm cách vô vọng cho sự chữa lành trọn vẹn về cơ thể và thuộc linh.

**1:34 " Ngài chữa lành nhiều người "** Câu Kinh Thánh này là một trong nhiều câu trong sách Mác (Mác 1:34,43-44; 3:12; 4:11; 5:43; 7:24,36; 8:26,30; 9:9) vốn thường chỉ về "Bí mật về Đấng Mê-si Ân Giấu của sách Mác." Chúa Jesus phán với các môn đồ và những người Ngài chữa lành không được kể về những hành động chữa lành của Ngài. Chúa Jesus không muốn được biết đến đơn thuần như một người chữa lành hoặc một người thực hiện phép lạ. Chúng chỉ là những dấu lạ để chỉ đến với cương vị Đấng Mê-si của Ngài, vốn tại điểm này trong cuộc đời của Ngài vẫn chưa được bày tỏ bộc lộ cách hoàn toàn. Chúa Jesus đến để (1) bày tỏ về Cha; (2) phó Chính Mình Ngài như là một của lễ chuộc tội; và (3) ban cho các tín đồ một khuôn mẫu để noi theo. Những sự chữa lành và giải cứu chính là những dấu hiệu cho sự thương xót của Ngài dành cho người yếu đuối, bệnh tật và bị ruồng bỏ. Đây cũng là một dấu hiệu Cựu Ước đã được tiên tri về chức vụ của Đấng Mê-si (Ê-sai 61:1).

▣ " **không cho phép quỷ lên tiếng** " Đây là thì chưa hoàn thành, ngụ ý về một vài sự đuổi quỷ (theo Mác 1:24). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt về Ma quỷ tại Mác 1:24.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1:35-39**

<sup>35</sup> Sáng hôm sau, khi trời vẫn còn tối, Ngài đã thức dậy, bước ra, đi vào nơi thanh vắng và cầu nguyện tại đó. <sup>36</sup> Si-môn cùng các bạn đi tìm Ngài. <sup>37</sup> Khi đã gặp được Ngài, họ thưa: "Mọi người đang tìm Thầy." <sup>38</sup> Nhưng Ngài phán với họ: "Chúng ta hãy đi nơi khác, vào những làng quanh đây để Ta còn giảng dạy ở đó nữa; vì đây chính là lý do mà Ta đã đến." <sup>39</sup> Ngài đi khắp miền Ga-li-lê, rao giảng trong các nhà hội và đuổi quỷ.

**1:35 " Sáng hôm sau, khi trời vẫn còn tối "** Câu này chỉ về canh giờ cuối của đêm, trong khoảng đâu đó giữa 3 cho đến 6 giờ sáng.

▣ " **cầu nguyện tại đó** " Đây là thể chưa hoàn thành vốn chỉ về đời sống cầu nguyện đều đặn, thường xuyên của Chúa Jesus. Trong sách Phúc Âm Lu-ca sự nhấn mạnh này thường xuyên được lặp đi lặp lại. Trong sách Mác chỉ có duy nhất ba gương mẫu nói về sự cầu nguyện của Chúa Jesus: ở đây, hóa bánh cho năm ngàn người ăn (theo Mác 8:6), và tại Vườn Ghết-sê-ma-nê (theo Mác 14:32-42).

**1:37-39** Mọi người đang tìm kiếm Chúa Jesus bởi vì Ngài chữa lành cho họ, chứ không phải bởi vì sự dạy dỗ của Ngài (Lu-ca 4:43). Chúa Jesus vẫn tiếp tục hành động bởi vì (1) Ngài muốn tất cả mọi người đều được nghe sứ điệp của Ngài và (2) sứ mạng của Ngài đã bị hiểu nhầm.

**1:38**

**NASB**

"bởi vì điều đó ta đã đến "

**NKJV**

"bởi vì mục đích này ta đã xuất hiện"

**NRSV**

"bởi vì đó là điều ta đã đến để thực hiện "

**TEV, NJB**

"bởi vì đó là lý do vì sao ta đã đến "

Chúa Jesus cảm nhận thật sâu sắc rằng Ngài đã được sai đến (theo Lu-ca 4:43) để công bố phúc âm của Đức

Chúa Trời (theo Mác 1:14-15). Ngài cảm nhận rằng Ngài không được sai đến như một người thực hiện phép lạ hoặc chữa lành, nhưng là một người thiết lập một kỷ nguyên mới, một mối quan hệ tươi mới với Cha, sự khai mở vương quốc của Đức Chúa Trời! Tâm điểm của thân vị của Ngài, nội dung của thông điệp của Ngài, hành động cứu chuộc của Ngài, và sự phục sinh và sự thắng thiên vinh hiển của Ngài chính là sự tập chú của thông điệp của Ngài. Bí Mật Đấng Mê Si Ẩn Giấu của sách Mác chính là một phương cách văn học để nhấn mạnh những điều này vốn không thể được hiểu hoặc bày tỏ một cách trọn vẹn cho đến nhiều năm sau này trong tương lai.

**1:39** Có một sự khác biệt về văn bản chép tại Mác 1:39. Một vài bản thảo cổ Hy Lạp có chép "Ngài đi" (cf. 8, B, L, bản Palestinian Syriac, và các bản dịch Coptic, cũng như bản NASB, NRSV, TEV, NJB), trong khi bản thảo ông-xi-an (tức bản chép tay bằng dạng chữ viết hoa, to và rời của thế kỷ thứ tư) tiếng Hy Lạp (Greek uncial manuscript) A, C, D, W, bản Vulgate, và những bản dịch Peshitta cũng như là bản tiếng Hy Lạp được dùng bởi Augustine đều chép là "Ngài đã ở" (NKJV). *The Textual Commentary on the Greek New Testament* được viết bởi Bruce Metzger, trang 75-76 đã khẳng định rằng một người chép Kinh Thánh đã đổi cụm từ "Ngài đi" để phù hợp với Lu-ca 4:44. Đây là một ví dụ hay cho sự thật rằng hầu hết những sự khác biệt của các bản thảo Hy Lạp không hề tạo nên sự khác biệt thần học hoặc lịch sử đáng kể cũng như là về mặt ý nghĩa rộng của cả phần tường thuật.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1:40-45**

**40** Có một người phong hủi đến với Đức Chúa Jê-sus, quỳ xuống và khấn xin: "Nếu Ngài muốn, Ngài có thể khiến con được sạch." **41** Đức Chúa Jê-sus động lòng thương xót, đưa tay chạm vào người ấy và phán: "Ta muốn, hãy sạch đi." **42** Lập tức phong hủi biến mất, người ấy được sạch. **43** Đức Chúa Jê-sus bảo anh ta đi ngay, và nghiêm giọng căn dặn: **44** "Hãy cẩn thận, đừng nói gì với ai, nhưng hãy đi trình diện thầy tế lễ, và dâng tế lễ về việc con được sạch theo điều Môi-se dạy, như một lời chứng cho họ." **45** Nhưng người ấy đi, loan truyền tin này khắp nơi, kể hết mọi chuyện, đến nỗi Đức Chúa Jê-sus không thể công khai vào thành được mà phải ở những nơi hoang vắng bên ngoài thành. Dân chúng từ khắp nơi kéo đến với Ngài.

**1:40** " một người phong hủi " Cụm từ này song hành với Ma-thi-ơ 8:2-4 và Lu-ca 5:12-16. Do Thái Giáo nhìn một người phong hủi như là một tật bệnh bị gây ra bởi Đức Chúa Trời (2 Sử Ký 26:16-21). Liên hệ với một người bị phong hủi sẽ gây nên một sự ô uế theo lễ nghi. Bệnh này cũng đồng nghĩa với một sự ghê lạnh toàn bộ về mặt xã hội! Thật đáng ngạc nhiên rằng người bị ruồng bỏ, ghê lạnh bởi xã hội này tiến đến với Chúa Jesus và rằng Chúa Jesus lại chạm vào người (theo Mác 1:41). Bệnh tật mà Cựu Ước gọi là phong hủi, được trình bày trong Lê-vi Ký 13-14, được mô tả là nhiều loại bệnh về da khác nhau, tất cả các loại bệnh này đều loại bỏ cá nhân đó khỏi sự thờ phượng.

▣ " **quỳ xuống** " Trong Lu-ca 5:12 chép rằng ông sấp mình xuống phủ phục trước Chúa Jesus. Chúa Jesus không như những ra-bi Do Thái khác. Ngài dành thời gian để chăm sóc cho những người bị ruồng bỏ và ghê lạnh trong xã hội.

▣ " **Nếu Ngài muốn, Ngài có thể khiến con được sạch** " Đây là một câu điều kiện bậc ba (third class conditional sentence) vốn có nghĩa là một hành động tiềm năng. Ông không nghi ngờ về quyền năng của Chúa Jesus (người phung hủi gọi Chúa Jesus là "Chúa" trong Ma-thi-ơ 8:2), nhưng sự mong muốn hành động của Ngài.

**1:41** " **động lòng thương xót** " Chúa Jesus quan tâm đến nhân loại được dựng nên trong hình ảnh của Đức Chúa Trời. Bản Western Text, MS D, dùng từ "căm phẫn," nhưng bản MSS 8, A, B, và C dùng từ "thương xót." Cụm từ là tương tự trong tiếng A-ram. Mặc dù bản thảo cổ và tốt nhất dùng từ "thương xót" nhưng cách đọc đáng chú ý nhất sẽ là "căm phẫn" hoặc "giận dữ." Hãy xem Phụ Lục Hai về Phê Bình Văn Bản. Có một vài nơi khác trong sách Mác nơi mà sự giận dữ của Chúa Jesus đã được chép lại trong những văn mạch không ngờ (Mác 1:43; 3:5 và 10:14; cũng trong một chỗ khác trong Giảng 11:33, 38). Con giận của Ngài có thể trực tiếp đối với căn bệnh hoặc sự gian ác, xấu xa của thời đại này.

Mác mô tả Chúa Jesus như một con người hoàn toàn, với cảm xúc và sự bộc lộ trong phạm vi đầy đủ của những cảm xúc của con người, đối với chính Ngài cũng như những người khác.

1. Sự thương xót hoặc giận dữ (Mác 1:41; 3:5)
2. Con đói của cơ thể (Mác 2:25)
3. Thờ sâu (Mác 7:34, 8:12)

4. giận giữ/cứng rắn (Mác 10:14)
5. yêu (Mác 10:21)
6. than khóc/khó khăn (Mác 10:33-34)
7. cảm thấy bị bỏ rơi (Mác 15:34)
8. khát (Mác 15:36)

▣ "**chạm vào người ấy**" Đây là một sự "ôi, không! không!" mang tính nghi lễ. Chúa Jesus chạm vào mọi người là một việc xảy ra hết sức phổ biến trong các Sách Phúc âm (theo Mác 7:33; 8:22; 10:13; cũng một vài lần người ta chạm vào Ngài, Mác 3:10; 5:22- 28,30,31; 6:56) như là một cử chỉ của sự chăm sóc và quan tâm cách cá nhân.

▣ "**hãy sạch đi**" Đây là một thể mệnh lệnh thụ động bất định (aorist passive imperative). Chúa Jesus đã chữa lành với cùng một thẩm quyền cá nhân mà bởi đó Ngài đã trục xuất các quỷ.

**1:43 "nghiêm giọng căn dặn"** Nguyên văn cụm từ này là this is "thờ phì," vốn có nghĩa là một sự làm bầm không rõ ràng. Cụm từ này phản ánh Bí Mật Đấng Mê-si Ẩn Giấu của sách Mác. Sách Phúc Âm vẫn chưa kết thúc, và thông điệp vẫn chưa hoàn tất. Chúa Jesus không muốn được biết như là một người thi hành phép lạ.

▣ "**bảo anh ta đi ngay**" Đây là cùng một từ rất mạnh được sử dụng cho sự thúc giục của Thánh Linh đưa Ngài vào nơi hoang mạc (Mác 1:12).

**1:44 "dâng tế lễ về việc con được sạch theo điều Môi-se dạy"** Yêu cầu này liên quan với sự chữa lành của một người bị bệnh phong (Lê-vi Ký 13, 14; Phục Truyền 24:8). Chúa Jesus không hề chối bỏ Cựu Ước (Ma-thi-ơ 5:17-19), nhưng những lời truyền khẩu được phát triển trong Do Thái Giáo (Ma-thi-ơ 5:21-48). Có lẽ điều này cũng được làm chứng lại các thầy tế lễ.

**1:45 "loan truyền"** Đây là một động từ nguyên mẫu hiện tại (present infinitive). Đây là một sự không vâng lời trực tiếp đối với sự yêu cầu đầy mạnh mẽ của Chúa Jesus (theo Mác 1:43-44).

▣ "**ở những nơi hoang vắng**" Cụm từ này chỉ đến một vùng đất đồng hoang không có người cư trú giống như Mác 1:3.

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Tại sao sách Mác lại bắt đầu với chức vụ của Giăng Báp-tít? Ai là người ông giới thiệu về?
2. Có phải phép báp-tem truyền đạt hay biểu tượng cho sự tha thứ?
3. Tại sao Chúa Jesus phải chịu phép báp-tem? Phải chăng Ngài đầy tội lỗi và cần sự ăn năn?
4. Nơi nào trong phần này là bằng chứng cho sự ngụ ý về Ba Ngôi Đức Chúa Trời?
5. Tại sao Chúa Jesus lại bị cám dỗ? Sự cám dỗ đến trên lĩnh vực nào trong cuộc đời của Ngài?
6. Vương quốc của Đức Chúa Trời đang ở đây hay sẽ ở trong tương lai?
7. Mác 1 mô tả gì về lần tiếp xúc đầu tiên giữa Chúa Jesus và những người đánh cá?
8. Tại sao những người trong nhà hội tại thành Ca-bê-na-um lại quá kinh ngạc về sự dạy dỗ của Chúa Jesus?
9. Có phải sự quý ám là một thực tế hay là một sự mê tín mang tính văn hóa?

10. Tại sao các quý lại bộc lộ về Chúa Jesus thật sự là ai?
11. Tại sao việc chữa lành cho người phong hủi lại rất quan trọng và đáng chú ý?
12. Tại sao Chúa Jesus lại ra lệnh cho người phong hủi không được nói với ai về những gì đã xảy ra với ông?

## MÁC 2

### NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS4	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự chữa lành một Người Bại	Chúa Jesus Tha Thứ và Chữa Lành một Người Bại	Sự Chữa Lành một Người Bại	Chúa Jesus Chữa Lành một Người Bại	Sự Chữa Lành một Người Bại
2:1-12	2:1-12	2:1-12	2:1-5 2:6-7 2:8-11 2:12	2:1-12
Sự Kêu Gọi Lê-vi	Ma-thi-ơ kể Thâu Thuế	Sự Kêu Gọi Lê-vi	Chúa Jesus Kêu Gọi Lê-vi	Sự Kêu Gọi Lê-vi
2:13-17	2:13-17	2:13-14 2:15-17	2:13-14 2:15-16 2:17	2:13-14 Ăn Uống với Kẻ Tội Lỗi 2:15-17
Những Câu Hỏi về Sự Kiêng Ăn	Chúa Jesus bị Tra Vấn về Sự Kiêng Ăn	Sự Kiêng Ăn	Câu Hỏi về Sự Kiêng Ăn	Thảo Luận về Sự Kiêng Ăn
2:18-20 2:21-22	2:18-22	2:18-20 2:21-22	2:18 2:19-20 2:21-22	2:18-22
Bút Bông Lúa Trong Ngày Sa-bát	Chúa Jesus là Chúa của Ngày Sa-bát	Chúa Jesus và Luật Pháp về Ngày Sa-bát	Câu Hỏi về Ngày Sa-bát	Ngắt Ngủ Cốc trong Ngày Sa-bát
2:23-28	2:23-28	2:23-28	2:23-24 2:25-26 2:27-28	2:23-26 2:27-28

### CHU KỶ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

#### THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

#### 1. Đoạn thứ nhất

2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

## Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Mác 2:1-3:6 liên hệ với bốn sự kiện xảy ra trong suốt chuyến đi giảng dạy chia sẻ trong Mác 1:38-39.
1. Một sự chữa lành (Mác 2:1-12)
  2. Một sự vuron đến với một nhóm người bị ghẻ lạnh (Mác 2:13-17)
  3. Một câu hỏi về sự kiêng ăn (Mác 2:18-20)
  4. Một sự tranh luận về lời truyền khẩu (Mác 2:23-38)
- B. Mác 2:1-3:6 là một đơn vị văn học bày tỏ về sự đối nghịch lan rộng với Chúa Jesus từ những giá trị hiện trạng tôn giáo (religious status quo). Chính Chúa Jesus đã hành động trong sự đối nghịch với Lời Truyền Khẩu (Kinh Talmud) với mục đích mở ra một cuộc đối thoại với những lãnh đạo tôn giáo. Chú ý sự lặp đi lặp lại của "tại sao" (Mác 2:7,16,18,24).
- C. Những đoạn Kinh Thánh song hành
1. Mác 2:1-12 — Ma-thi-ơ 9:1-8; Lu-ca 5:12-26
  2. Mác 2:13-17 — Ma-thi-ơ 9:9-13; Lu-ca 5:27-32
  3. Mác 2:18-22 — Ma-thi-ơ 9:14-17; Lu-ca 5:33-39
  4. Mác 2:23-25 — Ma-thi-ơ 12:1-8; Lu-ca 6:1-5
- D. Chúa Jesus đến để bày tỏ về Cha. Do Thái Giáo đã ẩn giấu Ngài trong một bức màn của những nghi lễ và luật lệ. Chúa Jesus làm phơi bày ra những thiên kiến và khuynh hướng của các lãnh đạo tôn giáo trong những sự mâu thuẫn của Ngài với họ trong Mác. Những vấn đề này đã định nghĩa nên sự khác biệt giữa Do Thái Giáo dưới sự dạy dỗ của các ra-bi và giao ước mới của sự tự do và tôn giáo thật của Chúa Jesus.
1. Thảm quyền của Chúa Jesus để tha thứ tội lỗi (Mác 2:1-12)
  2. Sự cần thiết của việc kiêng ăn (Mác 2:18-22)
  3. Sự cần thiết của việc giữ các luật lệ về ngày Sa-bát (Mác 2:23-28)
  4. Sự cần thiết của các luật lệ về nghi lễ tôn giáo (Mác 7:1-8)
  5. Vấn đề ly dị (Mác 10:2-9)
  6. Nộp thuế cho chính quyền Rô-ma (Mác 12:13-17)
  7. Bản chất của sự sống lại (Mác 12:18-27)
  8. Điều răn quan trọng nhất (Mác 12:28-34)

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 2:1-12

<sup>1</sup> Vài ngày sau, Đức Chúa Jê-sus trở lại thành Ca-bê-na-um, dân chúng nghe tin Ngài ở trong nhà <sup>2</sup> nên tụ họp lại rất đông, đến nỗi ngay trước cửa cũng không còn chỗ trống. Ngài giảng đạo cho họ. <sup>3</sup> Bấy giờ có bốn người khiêng đến Ngài một người bại liệt. <sup>4</sup> Vì đám đông, họ không thể đem người ấy đến gần Ngài được nên đã dỡ mái nhà ngay trên chỗ Ngài đang ngồi; rồi từ lỗ trống đó họ dùng giường người bại xuống. <sup>5</sup> Thấy đức tin của họ, Đức Chúa Jê-sus phán với người bại: "Hỡi con, tội lỗi con đã được tha." <sup>6</sup> Nhưng có mấy thầy thông giáo ngồi đó thắc mắc trong lòng rằng: <sup>7</sup> "Sao người này nói như vậy? Thật là phạm thượng! Ngoài Đức Chúa Trời, còn ai có thể tha tội được?" <sup>8</sup> Tâm trí Đức Chúa Jê-sus đã nhận biết ngay những gì họ đang nói với nhau nên phán: "Tại sao trong lòng các người lại thắc mắc như vậy?" <sup>9</sup> Theo các người, giữa việc bảo người bại liệt rằng: 'Tội con đã được tha,' và việc bảo: 'Hãy đứng dậy vác giường mình mà đi' thì việc nào dễ hơn? <sup>10</sup> Nhưng, để các người biết rằng Con Người ở thế gian có thẩm quyền tha tội

"Ngài phán với người bại liệt: <sup>11</sup> "Ta bảo con, hãy đứng dậy, vác giường và đi về nhà!" <sup>12</sup> Người bại liệt đứng dậy, lập tức vác giường đi ra trước mặt mọi người đến nỗi ai nấy đều kinh ngạc và tôn vinh Đức



**2:1 " thành Ca-bê-na-um "** Tên này có nghĩa là "làng của Nahum." Bởi sự vô tín của người Na-xa-rét, Chúa Jesus đã chọn thành này tại xứ Ga-li-lê (theo Ma-thi-ơ 4:13) như địa điểm trung tâm của chức vụ của Ngài. Nó nằm trên một tuyến đường lữ hành chính từ thành Đa-mách đến Ai Cập. Để xem phân thảo luận sâu hơn hãy xem quyển *Cities of the Biblical World* được viết bởi Moine F. DeVries, tại trang 269-275.

▣ **" nghe tin "** danh tiếng của Chúa Jesus khiến nhiều người đến và gặp Ngài (những người đau ốm, những kẻ to mò, những người thật sự tìm kiếm, và những lãnh đạo tôn giáo). Những lời phán của Chúa Jesus thường đề cập đến những nhóm người khác nhau trong khán giả, nhưng nhóm cụ thể nào thì thường không được chép lại.

▣ **" Ngài ở trong nhà "** Đây là nhà của Phi-e-rơ hoặc Ma-ri hay là một căn nhà được thuê mượn thì không xác định được.

**2:2 " tụ họp lại rất đông "** Trong những xã hội phương đông một cánh cửa rộng mở có ý nghĩa là "hãy đến vào," và họ đã đến.

▣ **" ngay trước cửa cũng không còn chỗ trống "** Có lẽ đã có một mảnh sân nhỏ, nhưng dầu vậy căn nhà đó có lẽ cũng không thể chứa quá nhiều người.

▣ **" Ngài giảng đạo (lời) cho họ "** Đây là một thể chỉ định chủ động chưa hoàn thành (imperfect active indicative), vốn có thể được hiểu như là (1) sự bắt đầu một hành động hoặc (2) sự lặp lại một hành động. Từ "lời" chỉ về thông điệp được nhắc đi nhắc lại của Chúa Jesus được trình bày trong Mác 1:14-15. Những dấu hiệu và hành động của Ngài thay đổi, nhưng cốt lõi trung tâm của thông điệp của Ngài thì luôn luôn vẫn giống như cũ.

**2:3 " một người bại liệt "** Đây là một cụm từ ghép của "buông lỏng" và "đọc bên." Có lẽ đây là một bệnh nhân đột quỵ, bị liệt một nửa người. Những hành động của Chúa Jesus có hai mục đích song song: (1) để ứng nghiệm lời tiên tri về Đấng Mê-si trong sách Ê-sai 61:6 và (2) công bố thần tánh và thẩm quyền của Ngài bằng cách tha thứ tội lỗi. Đối với những ai có đôi mắt thuộc linh, đây rõ ràng là một dấu hiệu thật rõ ràng và không hề mơ hồ!

**2:4 " dỡ mái nhà "** Cụm từ này nguyên văn là "họ tháo mái nhà." Các mái nhà có thể tiếp cận đến từ đường phố và thường là nơi tụ tập xã hội. Chúng thường bằng phẳng và làm bằng bùn cùng với các nhánh cây và cỏ. Lu-ca 5:19 dùng từ "ngói" vốn ngụ ý chỉ về một khoảng sân nhỏ. Bạn có thể hình dung ra hình ảnh Chúa Jesus đang cố gắng dạy dỗ trong khi những mảnh vụn mái nhà rơi xuống trên họ?

▣ **" giường "** Đây là một tấm nệm rom được sử dụng để ngủ.

**2:5 " đức tin của họ "** Chúa Jesus nhìn thấy đức tin của những người bạn cũng như đức tin của người bại liệt và hành động trên đức tin của họ.

▣ **" tội lỗi con đã được tha "** Đây có lẽ và có thể là một sự khiêu khích có tính toán dành cho những lãnh đạo tôn giáo đang có mặt tại đó. Chúa Jesus cũng khích lệ đức tin của người đàn ông này. Người Do Thái tin rằng có sự liên hệ giữa bệnh tật và tội lỗi (Gióp; Giảng 9:2; Gia-cơ 5:15-16). Người đàn ông này có lẽ đã rất băn khoăn về tội lỗi của ông liên hệ với sự bại liệt của mình trong một cách nào đó.

Bản UBS4 dùng một thể chỉ định thụ động hiện tại (dạng chỉ định thụ động thì hiện tại (present passive indicative)). Một vài bản tiếng Hy Lạp dùng một thể chỉ định thụ động hoàn thành (perfect passive indicative) (P88, x, A, C, D, L, W), vốn giống với Lu-ca 5:20. Tuy nhiên, Ma-thi-ơ 9:2 và MS B lại dùng một thể chỉ định thụ động hiện tại (dạng chỉ định thụ động thì hiện tại (present passive indicative)). Thật khó để lựa chọn cách dùng nào giữa hai lựa chọn trên là nguyên bản.

**2:6 " mấy thầy thông giáo "** Đây là những chuyên gia về lời truyền khẩu và Luật Pháp được chép. Họ bao gồm cả (1) nhóm những người được cử đi cách chính thức từ Giê-ru-sa-lem để theo dõi Chúa Jesus hoặc (2) những người giải nghĩa những lời truyền khẩu Do Thái Giáo cho dân chúng trong thành. Họ phải đến rất sớm để vào bên trong nhà hoặc họ có thể kỳ vọng được cho phép đứng phía trước nhờ vào địa vị xã hội của họ. Hãy xem CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC THẦY THÔNG GIÁO tại Mác 1:22.

**NRSV**

**"tự hỏi trong lòng họ "**

**TEV, NJB**

**"tự mình suy nghĩ "**

Câu hỏi thần học rằng phải chăng Chúa Jesus đã đọc được suy nghĩ của họ, qua đó chỉ ra một bằng chứng khác về thần tánh của Ngài (1 Sa-mu-ên 16:7; Thi 7:9; 139:1-4; Pro. 16:2; 21:2; 24:12; Giê-rê-mi 11:20; 17:10; 20:12; Lu-ca 16:15; Công Vụ 15:8; Hê-bơ-rơ 4:12), hoặc rằng Ngài biết về những truyền thống của họ và nhìn thấy những biểu cảm trên khuôn mặt họ?

Chính câu này (Mác 2:8) đã là một dấu chỉ khác. Các ra-bi Do Thái giải nghĩa Ê-sai 11:3 theo nghĩa là Đấng Mê-si có khả năng nhận biết những tư tưởng, suy nghĩ của con người.

**CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TÂM LÒNG**

Chữ *kardia* trong tiếng Hy Lạp được dùng trong bản Bảy Mươi và trong Tân ước diễn tả ý nghĩa chữ *leb* trong tiếng Hê-bơ-rơ. Nó được dùng trong một số cách sau đây (xin xem Bauer, Arndt, Gingrich và Danker, *A Greek-English Lexicon*, trang 403-404):

1. Trung tâm của một cuộc sống thuộc thể, hình ảnh về một con người (Công vụ 14:17; II Cô-rinh-tô 3:2-3; Gia-cơ 5:5)
2. Trung tâm của một cuộc sống thuộc linh (đạo đức)
  - a. Đức Chúa Trời nhìn biết tâm lòng (Lu-ca 16:15; Rô-ma 8:27; I Cô-rinh-tô 14:25; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:4; Khải huyền 2:23)
  - b. Để chỉ đời sống thuộc linh của con người (Ma-thi-ơ 15:18-19; 18:35; Rô-ma 6:17; I Ti-mô-thê 1:5; II Ti-mô-thê 2:22; I Phi-e-rơ 1:22)
3. Trung tâm của cuộc sống lý trí (tức là tri thức, Ma-thi-ơ 13:15; 24:48; Công vụ 7:23; 16:14; 28:27; Rô-ma 1:21; 10:6; 16:18; II Cô-rinh-tô 4:6; Ê-phê-sô 1:18; 4:18; Gia-cơ 1:26; II Phi-e-rơ 1:19; Khải huyền 18:7; tâm lòng đồng nghĩa với trí óc trong II Cô-rinh-tô 3:14-15 và Phi-líp 4:7)
4. Trung tâm của ý chí (Công vụ 5:4; 11:23; I Cô-rinh-tô 4:5; 7:37; II Cô-rinh-tô 9:7)
5. Trung tâm của tình cảm (Ma-thi-ơ 5:28; Công vụ 2:26,37; 7:54; 21:13; Rô-ma 1:24; II Cô-rinh-tô 2:4:7:3; Ê-phê-sô 6:22; Phi-líp 1:7)
6. Nơi đặc biệt để Đức Thánh Linh hành động (Rô-ma 5:5; II Cô-rinh-tô 1:22; Ga-la-ti 4:6 [Đấng Christ sống trong lòng của chúng ta, Ê-phê-sô 3:17])
7. Tâm lòng là cách nói tượng hình để chỉ toàn bộ một con người (Ma-thi-ơ 22:37, lấy từ Phục truyền 6:5). Những tư tưởng, động cơ, và hành động thuộc về tâm lòng bày tỏ rõ ràng loại người. Cựu ước có một số cách sử dụng ẩn tượng về từ ngữ này:
  - a. Sáng thế ký 6:6; 8:21, "Đức Chúa Trời buồn trong lòng" (cũng để ý xem Ô-sê 11:8-9)
  - b. Phục truyền 4:29; 6:5 "bằng cả tâm lòng, cả linh hồn"
  - c. Phục truyền 10:16, "tâm lòng không cắt bì" và Rô-ma 2:29
  - d. Ê-xê-chi-ên 18:31-32, "tâm lòng mới"
  - e. Ê-xê-chi-ên 36:26, "tâm lòng mới" so với "tâm lòng bằng đá"

**2:7 " Thật là phạm thượng "** Hình phạt cho tội phạm thượng chính là xử tử bằng cách ném đá (Lê-vi Ký 24:16). Chúa Jesus đã bị cáo buộc phạm tội trọng này ngoại trừ khi Ngài chính là Đấng Thánh. Sự tha tội của Chúa Jesus cũng không phải là một sự công bố không quá khó thấy về thần tánh hoặc ít nhất là một sứ giả đại diện của quyền năng và thẩm quyền thiên thượng.

▣ **" Ngoài Đức Chúa Trời, còn ai có thể tha tội được "** Thông điệp về sự ăn năn và đức tin của Chúa Jesus (theo Mác 1:14-15) đã được khẳng định trên tiền đề về sự ô tội của toàn bộ nhân loại (bao gồm cả tuyến dân Cựu Ước, Rô-ma 3:9-18). Tội lỗi là nghiêm trọng và không chỉ mang khía cạnh liên hệ tạm thời, nhưng cả khía cạnh lai thế học đời đời. Tội lỗi, với năng lực và hậu quả của nó, chính là lý do vì sao Chúa Jesus đã đến (theo Mác 10:45; 2 Cô-rinh-tô 5:21).

Chỉ duy nhất mình Đức Chúa Trời mới có thể tha tội bởi vì tội lỗi chính là sự chống nghịch trước tiên với Ngài (theo Sáng Thế Ký 20:6; 39:9; 2 Sa-mu-ên 12:13; Thi 41:4; 51:4). Bởi vì sách Ê-sai chính là một nguồn dẫn thường xuyên đều đặn (hoặc ngụ ý) trong Phúc Âm theo Mác nên tại đây có một vài câu Kinh Thánh trong Ê-sai trình bày về kỷ nguyên mới và sự tha thứ: Ê-sai 1:18; 33:24; 38:17; 43:25; 44:22. Đây là một dấu chỉ khác của Đấng Mê-si.

**2:8,12 " lập tức "** Hãy xem ghi chú tại Mác 1:10.

▣ " **Đức Chúa Jêsus đã nhận biết ngay** " Hãy xem ghi chú tại Mác 2:7.

▣ " **Tâm trí (trong tâm linh Ngài)** " Bản thảo tiếng Hy Lạp ông-xi-an (tức bản chép tay bằng dạng chữ viết hoa, to và rời của thể kỹ thứ tư) (Greek uncial manuscript) của Tân Ước không có

1. Khoảng cách giữa các từ
2. Các dấu câu
3. Chữ viết hoa (tất cả các ký tự đều viết hoa)
4. Chỗ chia câu và đoạn

Vì vậy, chỉ duy nhất văn mạch có thể xác định được nhu cầu cho những chữ viết hoa. Thường những chữ viết hoa được sử dụng cho

1. Danh xưng của Đấng Thánh
2. Tên của các địa điểm
3. Các tên riêng

Từ "tâm linh" có thể chỉ về:

1. Đức Thánh Linh (Mác 1:5)
2. Khía cạnh có ý thức, suy nghĩ của con người (Mác 8:12; 14:38)
3. Một vài bản thể trong thế giới thuộc linh (ví dụ, những uế linh, Mác 1:23). Trong văn mạch này nó có thể chỉ về Chúa Jesus như một con người.

Cá nhân tôi chối bỏ ý tưởng thần học về con người có ba phần (cơ thể, hồn, và linh dựa vào 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:23). Thường thường những người khẳng định tư tưởng này đã chuyển sự giả định thần học trở thành một hệ thống giải kinh bởi đó tất cả các phần Kinh Thánh được giải nghĩa. Những phần này trở nên những phần cách biệt kín khó liên thông với nhau mà qua đó Đức Chúa Trời liên hệ với con người. Con người là một sự hiệp nhất (theo Sáng Thế Ký 2:7). Để xem một sự tóm lược về con người như một sự phân thành ba phần (trichotomous), hai phần (dichotomous), hoặc là một sự hiệp nhất, hãy xem's *Polarities of Man's Existence in a Biblical Perspective* của tác giả Frank Stagg và *Christian Theology* (ấn bản thứ hai) của tác giả ở trang 538-557.

**2:9,11 "" Hãy đứng dậy vàc giường mình mà đi ""** Ở đây có hai Thể mệnh lệnh bất định (Aorist imperatives) được theo sau bởi một thể mệnh lệnh hiện tại (present imperative). Đây là một sự chữa lành ngay tức thì và bền vững, lâu dài. Nó được thực hiện với ba lý do.

1. Bởi vì Chúa Jesus quan tâm đến con người đang có nhu cầu và ban thưởng cho đức tin của ông và những người bạn của ông
2. Tiếp tục dạy cho các môn đồ phúc âm như cách nó liên hệ với bản thân và sứ mạng của Ngài
3. Tiếp tục đối chất và đối thoại với các lãnh đạo tôn giáo

Những lãnh đạo tôn giáo chỉ có thể có duy nhất hai lựa chọn: tin vào nơi Ngài hoặc giải thích cách lấp liếm về quyền năng và thẩm quyền của Ngài.

**2:10 "" Con Người ""** Đây là một cụm tính từ từ Cựu Ước. Nó được sử dụng trong Ê-xê-chi-ên 2:1 và Thi 8:4 trong ý nghĩa chính xác từ nguyên học của nó là "con người." Tuy nhiên, nó được sử dụng trong Đa-ni-ên 7:13 trong một văn mạch độc nhất vốn ngụ ý cả về nhân tánh và thần tánh của một người được đề cập đến bởi danh xưng mới hoàng gia lai thể học này (Mác 8:38; 9:9; 13:26; 14:26). Bởi vì danh xưng này không được sử dụng bởi sự dạy dỗ ra-bi Do Thái Giáo và vì thế đã không có những sự ngụ ý mang tính dân tộc, bao gộp và quân sự, Chúa Jesus đã chọn nó như là một danh xưng hoàn hảo cho cả sự ẩn giấu và bày tỏ về bản chất song song của Ngài, trọn vẹn nhân tính và trọn vẹn thần tính (1 Giăng 4:1-3). Nó là một sự tự định danh yêu thích của Ngài. Nó được sử dụng mười ba lần trong sách Mác (thường trong sự liên hệ với những sự chịu khổ khác nhau của Chúa Jesus, Mác 8:31; 9:12,31; 10:33,45; 14:21,41).

▣ "" **ở thế gian có thẩm quyền tha tội** "" Chúa Jesus thi hành phép lạ này với mục đích làm chứng cho các thầy thông giáo. Vấn đề về thẩm quyền (*exousia*) sẽ trở nên vấn đề được tập chú. Họ không thể chối bỏ quyền năng của Ngài, vì vậy họ sẽ khẳng định rằng cả quyền năng và thẩm quyền của Ngài đều đến từ ma quỷ hoặc Sa-tan về mặt nguồn gốc (theo Ma-thi-ơ 10:25; 12:24-29; Lu-ca 11:14-22).

**2:12 " ai nấy đều kinh ngạc "** Đây không phải bởi vì sự chữa lành; họ đều đã nhìn thấy Ngài thi hành trước đó, nhưng bởi vì sự tha tội! Họ (những thầy thông giáo và người Pha-ri-si) đã có dấu hiệu của họ. Chúa Jesus bày tỏ quá rõ ràng quyền năng và thẩm quyền của Ngài. Tôi tự hỏi phải chăng những lãnh đạo này cũng "ngợi

khen Đức Chúa Trời" trong trường hợp này hay không.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 2:13-14**

**<sup>13</sup> Đức Chúa Jê-sus lại đi về phía biển; cả đám đông đến với Ngài, và Ngài dạy dỗ họ. <sup>14</sup> Trên đường đi, Ngài thấy Lê-vi, con A-phê, đang ngồi tại phòng thuế thì phán với ông: "Hãy theo Ta." Lê-vi đứng dậy đi theo Ngài.**

**2:13 " cả đám đông đến với Ngài, và Ngài dạy dỗ họ "** Có hai động từ thì chưa hoàn thành (Imperfect tense verbs). Chúa Jesus luôn có thời gian để dạy dỗ phúc âm và chăm sóc cho dân chúng. Đây là lý do vì sao mà những người bình thường yêu mến Ngài quá đỗi. Ngài quá khác biệt với những lãnh đạo tôn giáo đoán xét, độc quyền.

**2:14 " Lê-vi "** Tên trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là "một người bạn đồng hành." Tên này chính là tên của chi phái tế lễ của Y-sơ-ra-ên. Chúa Jesus có thể đã đổi tên người đàn ông này thành "Ma-thi-ơ," vốn có nghĩa là "món quà của YHWH" (theo Mác 3:18; Ma-thi-ơ 9:9) hoặc, giống như Phao-lô, cha mẹ ông đã đặt cho ông hai tên vào lúc sinh ra.

▣ **" ngồi tại phòng thuế "** Thâu thuế là một nghề mà dân chúng Do Thái khinh ghét bởi vì nó có thể mua được từ các thẩm quyền Rô-ma. Người thâu thuế cần phải thu một lượng thuế nhất định trên tất cả các loại hàng hóa cho chính quyền Rô-ma. Hê-rốt An-ti-pát cũng sẽ lấy một phần thuế thu được. Bất cứ số tiền nhiều hơn trên hạn mức được giao mà họ thu được, họ sẽ giữ như là thu nhập lương của họ. Sự thu thuế đã rất tai tiếng về sự gian trá lan rộng của nó. Lê-vi có lẽ là người thu thuế của việc xuất khẩu cá.

▣ **" Hãy theo Ta "** Đây là một thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative). Đây là một sự kêu gọi chính thức trở thành môn đồ (Mác 1:17,20). Cần phải nhớ rằng các ra-bi kêu gọi các môn đồ phải cột chặt mình với Luật Pháp, nhưng Chúa Jesus kêu gọi những người này gắn chặt mình với chính Ngài. Chúa Jesus, không phải những sự thực hiện của con người những luật lệ của Môi-se (Kinh Talmud), chính là con đường của sự cứu rỗi. Sự ăn năn không phải là quay trở lại với Luật Môi-se, nhưng là quay lại với Chúa Jesus, Đấng Mê-si của YHWH. Chúa Jesus không chối bỏ Luật Pháp, nhưng đặt Chính Mình Ngài vào trong vị trí truyền thống của Luật Pháp và cũng như là sự giải nghĩa thích đáng của Luật Pháp (theo Ma-thi-ơ 5:17-48). Sự cứu rỗi là một con người, không phải là một bài giáo điều hoặc là sự thực hiện một công thức. Vấn đề này căn bản chính là lý do mà Chúa Jesus đã bước vào trong một sự xung đột cố ý với các lãnh đạo tôn giáo.

Trong quyển *The Method and Message of Jesus' Teachings*, được viết Robert H. Stein, ông đã đưa ra một điểm rất hay về thông điệp này này:

"Mặc dù từ 'chuyên quyền' có rất nhiều nghĩa rộng tiêu cực, cách sử dụng từ này của Archibald M. Hunter là một cách chính xác cũng như mô tả rất tốt về sự kết ước toàn bộ mà Chúa Jesus đã yêu cầu dành cho những người theo Ngài. Trên môi miệng của bất cứ ai khác, những sự công bố của Chúa Jesus sẽ chính là bằng chứng của sự ích kỷ cách hiển nhiên, riêng đối với Chúa Jesus, rõ ràng ngụ ý rằng cả thế giới quay xung quanh chính mình Ngài và rằng vận mệnh của tất cả mọi người đều phụ thuộc vào sự chấp nhận hay chối bỏ Ngài... Theo Chúa Jesus, vận mệnh của con người tập trung xung quanh Ngài. Sự chối bỏ Ngài đồng nghĩa với sự đoán phạt đời đời; sự tin nhận Ngài đồng nghĩa với sự được chấp nhận bởi Đức Chúa Trời. Điểm then chốt của lịch sử và sự cứu rỗi, Chúa Jesus công bố, là chính Ngài. Vâng lời Ngài là khôn ngoan và lối thoát khỏi sự đoán phạt, nhưng chối bỏ lời của Ngài là ngu dại và hư mất, bởi vì lời Ngài là nền tảng chắc chắn và duy nhất để có thể xây dựng trên nền đó (Ma-thi-ơ 7:24-27)" (trang 118).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 2:15-17**

**<sup>15</sup> Đang khi Đức Chúa Jê-sus ngồi ăn tại nhà Lê-vi, có nhiều người thu thuế và kẻ có tội ngồi cùng bàn với Ngài và các môn đồ Ngài, vì trong số đó có nhiều người đã theo Ngài. <sup>16</sup> Các thầy thông giáo thuộc phái Pha-ri-si thấy Ngài ăn chung với những kẻ có tội và người thu thuế thì nói với các môn đồ Ngài rằng: "Tại sao Ngài lại ăn chung với phường thu thuế và bọn người tội lỗi?" <sup>17</sup> Nghe vậy, Đức Chúa Jê-sus nói: "Người mạnh khỏe không cần đến thầy thuốc đâu, nhưng là người đau ốm. Ta đến không phải để gọi người công chính, nhưng gọi kẻ có tội."**

**2:15 " Đức Chúa Jê-sus ngồi ăn tại nhà Lê-vi "** Đây là nhà của Levi (theo Lu-ca 5:29). Chúa Jesus ăn với những người bị ruồng bỏ về mặt xã hội và tôn giáo như là một cách khởi đầu những cuộc trò chuyện tôn giáo với họ. Họ quay quần với Ngài bởi vì Ngài hành động quá khác với những lãnh đạo Do Thái Giáo tự xưng mình là

công chính. Ăn là một sự kiện đặc biệt tại khu vực Cận Đông Cổ Đại vốn bày tỏ tình bạn và sự chấp nhận. Họ sẽ tựa khuỷu tay trái của mình quanh một chiếc bàn hình móng ngựa với chân để phía dưới (điều này bị nghi ngờ bởi J. Jeremias trong quyển sách của ông *The Eucharistic Words of Jesus*, trang 20-21. Ông cho rằng người Do Thái không thường xuyên làm theo những tập tục nương dựa Địa Trung Hải, ngoại trừ trong những ngày lễ hội). Tại khu vực Cận Đông, những người không được mời đến bữa ăn cũng có thể đến khu vực phòng ăn và đứng quanh tường hoặc tại cửa chính và cửa sổ để lắng nghe theo cuộc nói chuyện.

Một sự tự hỏi rằng quan điểm biểu tượng lai thế học có thể được đọc đến mức nào trong văn mạch này. Có phải bữa ăn này báo trước về bữa tiệc của Đấng Mê-si sẽ bao gồm những người bị ruồng bỏ (Ma-thi-ơ 8:11; Luca 13:29 có lẽ phản chiếu Ê-sai 59:15b-21)? Nếu như vậy, thì có những ý tưởng thần học rằng những mối liên hệ tạm thời với Chúa Jesus phản chiếu về mối liên hệ vương quốc lai thế học. Những kẻ tội nhân sẽ được phục hồi giờ đây và trong cõi đời đời! Tất cả các tội nhân đều được chào đón (và tất cả mọi người đều là những tội nhân, ngay cả tuyến dân giao ước Cựu Ước, Rô-ma 3:9-18).

▣ " **kẻ có tội** " Cụm từ này chỉ về những người không vâng giữ tất cả những chi tiết của Lời Truyền Khẩu (kinh Talmud). Họ thường bị chỉ đến trong một nghĩa không xứng đáng với "dân sự của xứ." Họ không hoàn toàn được chào đón tại các nhà hội.

▣ " **và các môn đồ Ngài** " Đây là những người được lựa chọn được riêng tư chia sẻ tất cả những lời dạy phán và hành động của Chúa Jesus. Trong lễ thật chúng trước tiên được giải nghĩa cho họ. Họ sẽ ghi nhớ và giải thích về Chúa Jesus cho toàn nhân loại.

▣ " **vì trong số đó có nhiều người đã theo Ngài** " Cấu trúc ngữ pháp rất mơ hồ, nhưng có vẻ chỉ đến những "tội nhân" và không chỉ đến môn đồ của Ngài.

**2:16 " Các thầy thông giáo thuộc phái Pha-ri-si "** Các thầy thông giáo không thuộc riêng một đảng phái tôn giáo/ chính trị, dù cho hầu hết trong số họ trong thời của Chúa Jesus là những người Pha-ri-si. Những người Pha-ri-si đã là một phái đặc biệt của Do Thái Giáo là nhóm đã phát triển trong thời kỳ Mạc-ca-bê. Họ là những người rất tận tụy và nhiệt thành tôn giáo là những người làm theo một cách nghiêm ngặt Những Lời Truyền Khẩu (Oral Traditions) (ví dụ: Kinh Talmud).

### CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG NGƯỜI PHA-RI-SI

I. Từ gốc này có một trong những nguồn gốc có khả năng sau đây:

- A. "trở nên phân rẽ ra." Nhóm này phát triển trong thời kỳ Mạc-ca-bê (đây là quan điểm được chấp nhận rộng rãi nhất), và phân biệt họ với quần chúng với mục đích giữ những lời truyền khẩu về Luật Môi-se (*Hasidim*).
- B. "phân chia." Đây là một nghĩa khác của từ gốc tiếng Hê-bơ-rơ (BDB 827, BDB 831 I, KB 976); cả hai đều có nghĩa là "phân chia." Một vài học giả cho rằng nó có nghĩa là một người giải nghĩa (Nê-hê-mi 8:8; 2 Ti-mô-thê 2:15).
- C. "Người Ba Tư." Đây là một nghĩa khác của cùng một từ gốc tiếng A-ram (BDB 828, KB 970). Một vài giáo lý của người Pha-ri-si rất giống với thuyết nhị nguyên của Bái Hỏa Giáo Ba Tư (Persian Zoroastrian dualism) (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thân Vị của Điều Ác).

II. Có một vài thuyết về những người đã hình thành nên Những Người Pha-ri-si.

- A. Một giáo phái thần học nhánh của Do Thái Giáo thời kỳ sớm (theo Josephus)
- B. Một nhóm chính trị xuất phát từ giai đoạn Hasmonean và Herodian)
- C. Một nhóm những nhà giải nghĩa Kinh Môi-se giúp cho quần chúng phổ thông có thể hiểu được Giao Ước Môi-se và những lời truyền khẩu xung quanh nó
- D. Một phong trào được lập nên của những thầy thông giáo, giống như Ê-xơ-ra và Nhà Hội Vĩ Đại (Great Synagogue), trong sự cạnh tranh với vai trò của lãnh đạo bởi thầy tế lễ trong đền thờ  
Họ được hình thành từ sự mâu thuẫn với
  1. Những lãnh chúa cai trị mà không có nguồn gốc Do Thái (Đặc biệt là Antiochus IV)
  2. Tầng lớp quý tộc và những người thế tục
  3. Những người kết ước để sống một đời sống theo giao ước và những người Do Thái bình thường tại khu vực Palestine

III. Những thông tin của chúng ta về họ đến từ

- A. Josephus, vốn cũng là một người Pha-ri-si
  1. *Antiquities of the Jews*

## 2. Wars of the Jews

- B. Tân Ước
  - C. Những nguồn tài liệu Do Thái Giáo sau này
- IV. Những giáo lý quan trọng chính yếu của họ là.
- A. Tin vào một Đấng Mê-si sẽ đến, vốn được ảnh hưởng bởi những tác phẩm văn học lai thể học trong thời kỳ chuyển giao giữa Cựu Ước và Tân Ước như I Enoch.
  - B. Tin rằng Đức Chúa Trời vẫn hành động trong đời sống hàng ngày. Điều này mâu thuẫn trực diện với những người Sa-đu-sê (Công Vụ 23:8). Nhiều tín lý của Người Pha-ri-si chính là sự đối nghịch thần học với giáo lý của Những Người Sa-đu-sê.
  - C. Một niềm tin vào một cuộc sống mang khuynh hướng cơ thể xác thịt sau khi chết, vốn liên hệ đến phần thưởng và sự hình phạt (Đa-ni-ên 12:2).
  - D. Niềm tin vào thẩm quyền của Cựu Ước cũng như là Những Lời Truyền Khẩu (Kinh Talmud). Họ ý thức về việc vâng phục những mạng lệnh Cựu Ước của Đức Chúa Trời trong cách họ giải nghĩa và áp dụng trong những trường phái học giả ra-bi Do Thái ((Shammai, trường phái bảo thủ và Hillel, trường phái tự do). Những sự giải nghĩa ra-bi dựa trên những cuộc đối thoại giữa những ra-bi thuộc hai luồng triết lý khác nhau, một bảo thủ và một tự do. Những cuộc thảo luận truyền miệng này về ý nghĩa của Kinh Thánh cuối cùng đã được chép xuống trong hai hình thức khác nhau: Bản Kinh Talmud Ba-by-lôn và Bản Kinh chưa hoàn chỉnh Palestinian Talmud. Họ tin vào Môi-se đã nhận được những lời truyền khẩu này tại Ngọn Si-nai. Sự bắt đầu lịch sử của những cuộc thảo luận này bắt đầu với Ê-xo-ra và những người nam của "Nhà Hội Vĩ Đại (Great Synagogue)" (sau này được gọi là Tòa Công Luận).
  - E. Niềm tin vào một thuyết về thiên sứ được phát triển cao độ. Điều này liên quan đến cả những bản thể thuộc linh tốt lành và xấu xa. Niềm tin này được phát triển từ thuyết nhị nguyên và văn học trong Do Thái trong thời kỳ chuyển giao giữa Cựu Ước và Tân Ước.
  - F. Niềm tin vào sự toàn năng của Đức Chúa Trời, nhưng cũng tin vào sự thực hành ý chí tự do của con người (*yetzers*).
- V. Những ưu điểm của phong trào Pha-ri-si.
- A. Họ yêu quý, tôn trọng và tin cậy sự mặc khải của Đức Chúa Trời (tất cả chúng, bao gồm Các Sách Luật Pháp, Các Sách Tiên Tri, Các Tác Phẩm Truyền Thống Viết, và Truyền Miệng (Những Lời Truyền Khẩu)).
  - B. Họ kết ước trở nên như những người bước đi trung tín theo (đời sống và đức tin hàng ngày) sự mặc khải của Đức Chúa Trời. Họ đã muốn là "những người Y-sơ-ra-ên công chính" để ứng nghiệm những lời hứa tiên tri của một thời đại mới thịnh vượng.
  - C. Họ biện hộ cho một xã hội Do Thái công bằng, vốn bao gồm mọi tầng lớp dân chúng. Trong một nghĩa, họ chối bỏ vai trò lãnh đạo và thần học thầy tế lễ (Những Người Sa-đu-sê) (Công Vụ 23:8).
  - D. Họ đã thúc đẩy một bộ phận nhân loại cho Giao Ước Môi-se. Họ đã khẳng định đầy đủ sự toàn năng của Đức Chúa Trời, nhưng vẫn nắm giữ nhu cầu thực hành của ý chí tự do của con người (ví dụ, hai *yetzers*).
  - E. Những sự đề cập trong Tân Ước dành cho Những Người Pha-ri-si đáng được kính trọng (ví dụ, Ni-cô-đem, và Giô-sép người A-ri-ma-thê).
- VI. Họ là nhóm người Do Thái Giáo duy nhất còn sống sót sau sự hủy diệt thành Giê-ru-sa-lem và đền thờ bởi người La Mã vào năm 70 SC. Họ đã trở thành Do Thái Giáo hiện đại.

**2:16 " Ngài ăn chung với những kẻ có tội "** Đây chắc chắn phải là một sự kiện thường xuyên, không phải là một ngoại lệ (theo Lu-ca 5:29; 7:34; 15:1-2). Thật đáng kinh ngạc đối với những người ưu tú tôn giáo, tự cho mình là công bình!

**2:17 "' người đau ốm "'** Họ có một sự nhạy bén về nhu cầu vốn là điều cốt yếu của đức tin (Ma-thi-ơ 5:3-4) và Chúa Jesus chính là Đấng chữa lành và là bạn của họ (theo Lu-ca 7:34; 19:10).

▣ **" Ta đến không phải để gọi người công chính, nhưng gọi kẻ có tội "** Câu này thật là mỉa mai, hài hước, có lẽ là một lời châm biếm giống như tại 7:19. Lời tuyên bố này không ngụ ý rằng những lãnh đạo tôn giáo là công chính (Ma-thi-ơ 5:20) và vì thế không cần phải ăn năn, nhưng rằng thông điệp của Chúa Jesus (Mác 1:14-15) sẽ tác động nhiều hơn với những người cảm nhận được nhu cầu thiếu thôn thuộc linh của chính mình họ. Chúa Jesus thường sử dụng những thông điệp thành ngữ trong bài giảng dạy của Ngài (Mác 2:17,21,22,27; 3:27; 4:21,22,25; 7:15; 8:35,36,37; 9:40,50; 10:25,27,31,43-44). Không một ai mù lòa hơn những kẻ mà họ nghĩ rằng mắt mình sáng!

Bản Textus Receptus thêm vào "để ăn năn" vào cuối câu này và được đi theo bởi phần sòng hành trong sách Lu-ca (Mác 5:32) và bản Byzantine, nhưng sự khác biệt này thậm chí còn không được nhắc đến trong bộ phê bình thâm định UBS4 (UBS4 critical apparatus) như một khả năng.

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 2:18-20

<sup>18</sup> Bấy giờ các môn đồ của Giăng và người Pha-ri-si đều kiêng ăn, có người đến thưa với Đức Chúa Jê-sus rằng: "Tại sao các môn đồ của Giăng và môn đồ của phái Pha-ri-si đều kiêng ăn, còn các môn đồ của Thầy lại không kiêng ăn?" <sup>19</sup> Đức Chúa Jê-sus trả lời: "Có thể nào khách dự tiệc cưới lại kiêng ăn khi chàng rể còn ở với họ? Chàng nào chàng rể còn ở với họ, thì họ không thể kiêng ăn được. <sup>20</sup> Nhưng đến khi chàng rể được đem đi khỏi họ thì trong ngày ấy họ sẽ kiêng ăn."

**2:18-20 "kiêng ăn"** Những người Pha-ri-si và môn đồ của Giăng theo văn hóa đã quen với việc ăn kiêng hai lần trong một tuần, vào ngày Thứ Hai, và ngày Thứ Năm (theo Lu-ca 18:12). Luật Môi-se chỉ có một ngày kiêng ăn duy nhất một năm, ngày Đại Lễ Chuộc Tội (Lê-vi Ký 16). Sự kiêng ăn hai-ngày-một-tuần này là một ví dụ tốt cho của chủ nghĩa truyền thông được mở rộng phát triển (Xa-cha-ri 7-8). Sự kiêng ăn mất đi giá trị thuộc linh khi nó trở nên bắt buộc và thu hút sự chú ý về chính mình nó (Ma-thi-ơ 6:16-18).

#### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ KIÊNG ĂN

Sự Kiêng Ăn, ý tưởng chưa bao giờ là mạng lệnh trong Tân Ước, đã được trông đợi vào thời gian phù hợp dành cho các môn đồ của Chúa Jesus (Ma-thi-ơ 6:16,17; 9:15; Mác 2:19; Lu-ca 5:35). Sự kiêng ăn thích đáng được mô tả trong Ê-sai 58. Chúa Jesus đã đặt Chính Ngài trở thành tiên lệ (Ma-thi-ơ 4:2). Hội Thánh Đầu Tiên đã kiêng ăn (Công Vụ 13:2-3; 14:23; 2 Cô-rinh-tô 6:5; 11:27). Động cơ và nguyên có là quan trọng then chốt; thời điểm; kéo dài bao lâu và tần suất được tùy chọn. Sự kiêng ăn Cựu Ước không phải là một yêu cầu cho những tín đồ Tân Ước (Công Vụ 15:19-29). Sự kiêng ăn không phải là cách phô diễn về sự thuộc linh của một người (Ê-sai 58; Ma-thi-ơ 6:16-18), nhưng là sự tiến gần đến với Đức Chúa Trời và tìm kiếm sự hướng dẫn của Ngài (ví dụ: Chúa Jesus, Ma-thi-ơ 4:2). Nó có thể có ích lợi về mặt thuộc linh.

Khuynh hướng khắc kỷ khổ hạnh của hội thánh đầu tiên khiến những nhà sao chép Kinh Thánh thêm vào "sự kiêng ăn" trong một vài câu Kinh Thánh (ví dụ, Ma-thi-ơ 17:21; Mác 9:29; Công Vụ 10:30; 1 Cô-rinh-tô 7:5). Để biết thêm thông tin về những phần Kinh Thánh gây nên những thắc mắc này, hãy tham khảo *A Textual Commentary on the Greek New Testament*, được viết bởi Bruce Metzger và xuất bản bởi United Bible Societies.

NASB, NKJV	"họ đến"
NRSV	"nhiều người đến"
TEV, NJB	"vài người đến"

Câu 18 bắt đầu với ghi chép về những môn đồ của Giăng và người Pha-ri-si đã kiêng ăn trong một vài dịp. Một vài người bắt đầu chú ý điều này và đến hỏi Chúa Jesus lý do vì sao các môn đồ của Ngài không kiêng ăn trong lần này.

**2:19** Về mặt ngữ pháp câu hỏi này trông đợi một câu trả lời tiêu cực.

▣ **"chàng rể"** Có rất nhiều những hình ảnh từ Cựu Ước liên hệ với khái niệm "chàng rể." Trong Cựu Ước YHWH chính là chàng rể hoặc chồng của Y-sơ-ra-ên. Trong văn mạch này, Chúa Jesus là chàng rể và hội thánh chính là nàng dâu (Ê-phê-sô 5:23-32). Trong Mác 2:20 "chàng rể được đem đi khỏi" chỉ về một thời điểm khi sự chia ly sẽ xảy ra.

Giờ đây, là những người giải nghĩa Kinh Thánh, chúng ta có hai lựa chọn. Lựa chọn đầu, chúng ta có thể xem đây như là một ẩn dụ mang tính văn hóa về thời gian vui vẻ liên hệ với một đám cưới. Không ai kiêng ăn trong một đám cưới! Lựa chọn thứ hai, chúng ta có thể xem nó như là một ngụ ngôn về khoảng thời gian của Chúa Jesus trên đất và sự chịu đóng đinh của Ngài đang đến. Mác (người phiên dịch của Phi-e-rơ) vốn đã biết rõ sự ngụ ý đầy đủ của những từ trĩu nặng tính nghĩa bóng này (trong Do Thái Giáo, chàng rể là một ẩn dụ, không phải

chỉ về Đấng Mê-si, nhưng là của Vương Quốc Đức Chúa Trời sẽ đến). Đây có phải là một sự tiên tri trước về sự chết của Chúa Jesus? Ngài đã mặc khải rõ ràng về vai trò là Đấng Mê-si và thân tánh của Ngài qua những sự dạy dỗ và hành động của Ngài (đuổi quỷ, chữa bệnh, tha tội). Tuy nhiên, Bí Mật về Đấng Mê-si Ẩn Giấu của sách Mác khiến mọi người thắc mắc! Nhưng ngôn ngữ ngụ ngôn và những ngụ ý của nó trong Mác 2:21-22 khiến tôi xem toàn bộ văn mạch trong một bối cảnh gián tiếp nhưng mang tính lai thể học (chàng rể chết, nhưng Con Đức Chúa Trời đã trở lại và sẽ ở lại.) Giữa sự chết và sự trở lại (bữa tiệc của Đấng Mê-si), những người theo Ngài sẽ kiêng ăn trong một cách thích hợp và vào một thời điểm thích hợp.

**2:20 " được đem đi khỏi "** Cụm từ này có thể là một sự ngụ ý chỉ đến Ê-sai 53:8 theo bản Bảy Mươi (Septuagint). Sau sự chịu đóng đinh, phục sinh và thăng thiên, Phi-e-ơ đã hiểu rõ cách trọn vẹn tầm quan trọng của Ê-sai 53.

▣ **" họ sẽ kiêng ăn "** Đây là một thể chỉ định chủ động tương lai (future active indicative) (một tuyên bố về sự kiện), chứ không phải một thể mệnh lệnh (chỉ thị điều khiển).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 2:21-22**

**<sup>21</sup> Không ai vá miếng vải mới vào áo cũ; nếu làm vậy thì miếng vá sẽ chằng rách áo cũ, và chỗ rách sẽ càng tệ hơn. <sup>22</sup> Cũng không ai đổ rượu mới vào bầu da cũ; nếu làm vậy, rượu sẽ làm nứt bầu, rượu mất mà bầu cũng chẳng còn; nhưng rượu mới phải đựng trong bầu da mới."**

**2:21** Câu này phản ánh một lẽ thật mang tính văn hóa, được biên thành một thành ngữ.

**2:22 " bầu da "** Từ này chỉ về dê bị lột da trong cách có thể sử dụng da này để làm một bầu đựng chất lỏng. Những mảnh da mới thuộc sẽ có những đặc tính đàn hồi mềm dẻo chất lượng. Khi những bầu da này cũ đi, tiền trình lên men và sự nở ra của rượu mới sẽ khiến chúng bị nứt. Do Thái Giáo không thể nhận được những tư tưởng và sự sửa dạy của Chúa Jesus và vì thế, sẽ trở nên vô nghĩa và vô ích. Giao ước mới (Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-38) đã đến qua Chúa Jesus! Không có bất cứ điều gì có thể giữ nguyên không thay đổi.

Có một vài sự khác biệt trong tiếng Hy Lạp liên hệ với câu Kinh Thánh này. Một vài sự khác biệt đến từ những đoạn Kinh Thánh song hành trong Ma-thi-ơ 9:17 và Lu-ca 5:37-38. Sự ghi chép lại những sự kiện cách cô đọng súc tích của sách Mác khiến những nhà sao chép Kinh Thánh phải cố gắng để giải thích rõ ngôn ngữ của ông.

Chú ý những danh hiệu ẩn dụ được dùng cho Chúa Jesus trong văn mạch này: (1) thầy thuốc, Mác 2:17; (2) chàng rể, Mác 2:19; (3) rượu mới, Mác 2:21-22; và (4) Chúa của ngày Sa-bát, Mác 2:28.

▣ **" mất "** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: *Apollumi* tại Mác 3:6.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 2:23-28**

**<sup>23</sup> Vào ngày sa-bát Đức Chúa Jê-sus đi ngang qua cánh đồng lúa mì. Khi đang đi, các môn đồ Ngài bắt đầu ngắt mấy bông lúa. <sup>24</sup> Những người Pha-ri-si nói với Ngài: "Kìa, tại sao môn đồ của Thầy làm điều không được phép làm trong ngày sa-bát?" <sup>25</sup> Ngài đáp: "Các ngươi chưa từng đọc về chuyện Đa-vít đã làm khi người cùng những người đi theo lâm vào cảnh túng đói sao? <sup>26</sup> Trong thời A-bi-a-tha làm thầy tế lễ thượng phẩm, Đa-vít đã vào nhà Đức Chúa Trời ăn bánh cung hiến và cho những người đi theo ăn nữa, dù bánh ấy chỉ có những thầy tế lễ mới được phép ăn." <sup>27</sup> Rồi Ngài phán: "Ngày sa-bát được tạo nên vì loài người, chứ không phải loài người được tạo nên vì ngày sa-bát. <sup>28</sup> Vậy Con Người cũng là Chúa của ngày sa-bát."**

**2:23 " Vào ngày sa-bát Đức Chúa Jê-sus đi ngang qua cánh đồng lúa mì "** Từ này chỉ về con đường mòn đi bộ xuyên qua cánh đồng ngũ cốc vốn bao quanh các làng mạc và các thành. Những "cánh đồng ngũ cốc" này có thể chỉ về bất cứ loại hạt ngũ cốc nào (lúa mạch, lúa mì).

**2:24 "' tại sao môn đồ của Thầy làm điều không được phép làm trong ngày sa-bát "'** Người Pha-ri-si xem những hành động của các môn đồ như là (1) sự thu hoạch mùa vụ; (2) sàng lựa ngũ cốc; và (3) chuẩn bị thức ăn trong ngày Sa-bát, vốn là không phù hợp theo luật dựa trên những lời truyền khẩu của họ dựa trên nền tảng Xuất 34:21. Các môn đồ của Chúa Jesus không làm gì phá vỡ luật pháp dựa trên hành động của họ chiếu theo luật về sự lượm lặt những gì còn sót lại (mót các sản phẩm nông nghiệp) của Cựu Ước (Phục Truyền 23:25); nan đề ở đây là ngày nào (Sáng Thế Ký 2:1-3; Xuất 20:8-11; 23:12; 31:15; Phục Truyền 5:12-15) họ đã thực hiện điều đó! Có vẻ như những tác giả Phúc Âm đã chép lại những hành động của Chúa Jesus trong ngày Sa-bát để bày tỏ về (1) sự tranh cãi họ đã gây ra hoặc (2) rằng Chúa Jesus đã thực hiện những loại hành động này



mỗi một ngày và không loại trừ cả ngày Sa-bát.

**2:25-28** Lời tuyên bố nổi tiếng này (Mác 2:27) bởi Chúa Jesus chỉ có duy nhất trong sách Mác. Nó mô tả thẩm quyền của Ngài để giải nghĩa lại những cách hiểu truyền thống Cựu Ước và đưa ra những sự hướng dẫn (Ma-thi-ơ 5:17-48). Đây thật sự là một dấu chỉ khác rằng Chúa Jesus đã công bố rằng Ngài thật sự là Đấng Mê-si của Đức Chúa Trời.

**2:25** Theo cấu trúc ngữ pháp câu hỏi này trông đợi một câu trả lời mang tính tiêu cực. Nó chỉ về một câu chuyện được ghi chép lại về cuộc đời của Vua Đa-vít trong 1 Sa-mu-ên 21. Chúa Jesus thường sử dụng Cựu Ước để minh họa về những sự dạy dỗ của Ngài (Mác 2:25-26; 4:12; 10:6- 8,19; 12:26,29-30,36).

**2:26** "' nhà Đức Chúa Trời "' Cụm từ này chỉ về Đền Tạm di động được đặt tại Nod.

▣ " **A-bi-a-tha** " Có một vấn đề mang tính lịch sử giữa 1 Sa-mu-ên 21:từ câu 1 trở đi, khi so sánh với 2 Sa-mu-ên 8:17 và 1 Sử Ký 18:16 về tên A-bi-a-tha hoặc A-bi-mê-léc: (1) cả người cha và người con đều được gọi là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm và (2) Chúa Jesus sử dụng một giới từ, *epi*, với một sự sở hữu trong nghĩa của "trong những ngày của" vốn có nghĩa là "trong suốt thời kỳ của ông" (theo Công Vụ 11:28; Hê-bơ-rơ 1:2). Chúng ta biết rằng chỉ một thời gian ngắn sau sự kiện ngày xảy ra Vua Sau-lơ đã giết A-bi-mê-léc và A-bi-a-tha đã chạy trốn đến với Đa-vít (1 Sa-mu-ên 22:11-23) và trở thành một trong hai thầy tế lễ thượng phẩm được ghi nhận (A-bi-a-tha và Xa-đốc).

Đây là một ví dụ về những loại nan đề vốn đơn giản không thể giải thích được. Đây không phải là một sự khác biệt về bản thảo Hy Lạp. Nếu nó thực sự là vậy thì cần phải giả định về một lỗi sao chép rất sớm trước cả khi những bản thảo trên giấy cói từ cây sậy (papyri manuscript) đã được chép tay (vốn bị nghi ngờ). Nó làm bối rối mọi giáo sư Kinh Thánh rằng Chúa Jesus đã trích sai một phần của lịch sử Cựu Ước, đặc biệt trong văn mạch Chúa Jesus đang khiển trách những người Pha-ri-si không chịu đọc Kinh Thánh.

Có một vài sách có thể giúp với những sự lựa chọn bảo thủ về việc giải nghĩa những phần Kinh Thánh khó.

1. *Hard Sayings of the Bible* được viết bởi Walter C Kaiser, Jr., Peter H. Davids, F. F. Bruce và Manfred T. Branch.
2. *Encyclopedia of Bible Difficulties* được viết bởi Gleason L. Archer.
3. *Answers to Questions* của F. F. Bruce.

▣ " **bánh cung hiến** " Những ổ bánh này nặng khoảng 6 cân Anh mỗi ổ! Có 12 ổ bánh được thay mỗi tuần và những ổ bánh của tuần cũ đã qua tượng trưng cho sự chu cấp của YHWH cho mười hai chi phái của Y-sơ-ra-ên vốn chỉ có thể được ăn duy nhất bởi những thầy tế lễ (Xuất 25:23-28; Lê-vi Ký 24:5-9). Đức Chúa Trời đã thực hiện một sự ngoại lệ với luật này trong trường hợp này. Chúa Jesus đang công bố một thẩm quyền giống với Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm và cùng một quyền giống như người-sẽ-sớm-trở-thành-vua, Đa-vít!

**2:27** Sự giữ ngày Sa-bát đã trở nên ưu tiên. Những truyền thống đã trở thành vấn đề của tôn giáo, chứ không còn là tình yêu dành cho con người được dựng nên trong hình ảnh của Đức Chúa Trời. Sự ưu tiên cho những luật lệ đã thế chỗ cho sự ưu tiên dành cho mối quan hệ.

Giá trị đã thế chỗ cho tình yêu thương. Những truyền thống tôn giáo (Lời Truyền Khẩu) đã thay chỗ cho ý định của Đức Chúa Trời (Ê-sai 29:13; Cô-lô-se 2:16-23). Làm thế nào để một người có thể làm đẹp lòng Đức Chúa Trời? Một sự tương đồng Cựu Ước hay có thể là sự dâng sinh tế. Đức Chúa Trời đã có ý định để nó trở thành một phương cách để con người tội lỗi, cần giúp đỡ có thể đến với Ngài và phục hồi mối liên hệ đã bị gãy đổ, nhưng nó đã bị biến thành một tiến trình nghi lễ, tôn giáo. Và luật về ngày Sa-bát cũng như vậy! Nhân loại đã trở nên kẻ phục vụ thay vì những đối tượng này (nguyên nhân của luật pháp).

Ba sự công bố trong Mác 2:27-28, trong một nghĩa, chính là một sự song hành (tất cả đều sử dụng những từ chung chung dành cho con người). Từ "con người" trong Mác 2:28 là một thành ngữ Sê-mít "con loài người" (Thi 8:4; Ê-xê-chi-ên 2:1). Nó đã trở thành sự tự định danh của Chúa Jesus. Chúa Jesus, Con Người, đã bày tỏ phẩm hạnh cao quý nhất và sự ưu tiên của nhân loại! Đức Chúa Trời đã trở nên một Đấng của chúng ta và cho chúng ta! Con người cần phải được đặt trước những truyền thống tôn giáo. Đức Chúa Trời đứng cho chúng ta cách cá nhân và cả tập thể.

**2:28** " **Con Người** " Hãy xem ghi chú tại Mác 2:10.

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh

sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Hãy liệt kê những ẩn dụ mà Chúa Jesus đã sử dụng để mô tả về Chính Ngài trong 17, 19, 21-22, 28.
2. Tại sao những lãnh đạo tôn giáo lại quá căm ghét những sự dạy dỗ của Chúa Jesus?
3. Tại sao Chúa Jesus lại kêu gọi một người quá bị căm ghét và xa lánh như Lê-vi để trở thành môn đồ của Ngài?
4. Những sự dạy dỗ của Chúa Jesus liên hệ với những lời truyền khẩu của Người Do Thái như thế nào?
5. Tại sao sự kiêng ăn không trở thành một phần thường xuyên đều đặn trong sự thờ phượng của chúng ta dành cho Đức Chúa Trời?
6. Lễ thật trung tâm của những ẩn dụ của Chúa Jesus trong Mác 2:19-22 là gì?
7. Có phải Chúa Jesus đã không quan tâm đến những Luật Pháp về nghi lễ hay là có một khả năng nào khác về những hành vi của Ngài trong Mác 2:23-28?
8. Bạn suy nghĩ như thế nào về những lỗi về lịch sử trong Mác 2:26?
9. Câu Kinh Thánh trong Mác 2:27 liên hệ với ngày hôm nay như thế nào?

## MÁC 3

### NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Người Đàn Ông bị Teo Tay	Sự Chữa Lành trong ngày Sa-bát	Chúa Jesus và những Luật Lệ về ngày Sa-bát  (2:23-3:6)	Người Đàn Ông với Bàn Tay bị Bại Liệt	Sự Chữa Lành Người Đàn Ông bị Teo Tay
3:1-6	3:1-6		3:1-4a 3:4b-6	3:1-6
Một Đám Đông Bên Bờ Biển	Một Đám Đông Rất Lớn Đi Theo Chúa Jesus	Thi Hành Sự Chữa Lành	Một Đám Đông bên Hồ	Đám Đông Đi Theo Chúa Jesus
3:7-12	3:7-12	3:7-12	3:7-11 3:12	3:7-12
Sự Lựa Chọn Mười Hai Môn Đồ	Mười Hai Sứ Đồ	Mười Hai Môn Đồ Được Lựa Chọn	Chúa Jesus Lựa Chọn Mười Hai Sứ Đồ	Sự Bổ Nhiệm Nhóm Mười Hai Môn Đồ
3:13-19	3:13-19	3:13-19a	3:13-15 3:16-19	3:13-19
Chúa Jesus và Bê-ên-xê-bun	Một Nhà Bị Chia Rẽ Không Thể Đứng Vững	Câu Hỏi về Quyền Năng của Chúa Jesus  3:19b-27	Chúa Jesus và Bê-ên-xê-bun	Gia Đình Chúa Jesus Lo Ngại về Ngài
3:20-30	3:20-27		3:20-21 3:22 3:23-26 3:27	3:20-21  Sự Bao Biện của Các Thầy Thông Giáo 3:22-27
	Tội Không Thể Tha Thứ 3:28-30	3:28-30	3:28-30	3:28-30
Mẹ và Các Em Trai của Chúa Jesus	Mẹ Và Các Em Trai của Chúa Jesus Đến Tìm Ngài		Mẹ và Các Em của Chúa Jesus	Những Người Thân Thật Sự của Chúa Jesus
3:31-35	3:31-35	3:31-35	3:31-32 3:33-35	3:31-35

## CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

### THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thân cảm, nhưng chìa khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

### NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 3:1-6

<sup>1</sup> Lần khác, Đức Chúa Jêsus vào nhà hội; ở đó có một người đàn ông bị teo một bàn tay. <sup>2</sup> Họ theo dõi xem Ngài có chữa cho người đó trong ngày sa-bát không, để tố cáo Ngài. <sup>3</sup> Ngài bảo người teo tay: "Hãy ra đứng giữa đây!" <sup>4</sup> Rồi Ngài hỏi họ: "Trong ngày sa-bát được phép làm việc lành hay việc dữ, nên cứu người hay giết người?" Nhưng họ đều im lặng. <sup>5</sup> Ngài đưa mắt nhìn họ, vừa giận vừa buồn vì lòng họ cứng cõi, rồi phán với người teo tay: "Hãy giơ tay ra." Người ấy giơ ra, thì tay được lành. <sup>6</sup> Các người Pha-ri-si đi ra, lập tức bàn mưu với những người thuộc phe Hê-rốt chống Ngài để tìm cách giết Ngài.

**3:1 " vào nhà hội "** Sự kiện này được chép song hành trong Ma-thi-ơ 12:9-14 và Lu-ca 6:6-11. Nhà hội được phát triển trong suốt thời kỳ Lưu Đày Ba-by-lôn. Nó trước tiên là một nơi chôn của giáo dục, sự cầu nguyện, thờ phượng, và liên hệ. Nó là một sự biểu đạt địa phương của Do Thái Giáo cũng như Đền Thờ đã là tiêu điểm tập chú mang tính dân tộc.

Chúa Jesus tham dự nhà hội cách thường xuyên đều đặn. Ngài học Kinh Thánh và các lời truyền khẩu tại các trường học nơi nhà hội tại Na-xa-rét. Ngài tham gia cách trọn vẹn những buổi thờ phượng Do Thái trong thế kỷ thứ nhất.

Cũng thật thú vị rằng Chúa Jesus, rõ ràng một cách cố ý, đã hành động cách khiêu khích trong ngày Sa-bát và trong nhà hội. Ngài vi phạm một cách cố ý Lời Truyền Khẩu (Kinh Talmud) của các trường lão để rồi có thể bước vào một cuộc đối thoại/ chất vấn thần học với những lãnh đạo tôn giáo (cả khu vực và quốc gia, cả những Người Pha-ri-si và Sa-đu-sê). Cuộc thảo luận mở rộng hay nhất về thần học của Ngài khi nó chệch hướng khỏi những quy phạm truyền thống chính là Bài Giảng Trên Núi (Ma-thi-ơ 5-7, đặc biệt phần 5:17-48).

▣ **" bị teo một bàn tay "** Đây là một phân từ thụ động hoàn thành (perfect passive participle). Lu-ca 6:6 cho biết nó là bàn tay phải của người đàn ông này, vốn sẽ ảnh hưởng đến khả năng làm việc của ông ta.

**3:2 " Họ theo dõi xem Ngài "** Từ này ở thì chưa hoàn thành (imperfect tense). Nó chỉ về sự hiện diện theo dõi quan sát rất cẩn thận của những lãnh đạo tôn giáo.

▣ **"(có) nếu"** Đây là một câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence), vốn giả định sẽ trở thành hiện thực. Chúa Jesus đã chữa lành trong Sa-bát trong nhà hội ngay trước mắt của họ!

▣ **" để tố cáo Ngài "** Đây là một mệnh đề *hina*, hoặc mục đích. Họ đã không hề quan tâm, bị thu hút bởi người đàn ông tàn tật này. Họ muốn bắt Chúa Jesus trong một sự vi phạm về luật pháp để rồi làm mất thể diện, uy tín và loại bỏ Ngài. Chúa Jesus hàn động từ sự thương xót dành cho người đàn ông, để tiếp tục dạy dỗ những môn đồ Ngài, và tiếp tục chất vấn những lãnh đạo tôn giáo cứng nhắc về luật lệ, bị trói buộc bởi truyền thống và tự cho mình là công chính.

#### 3:3

NASB

"Hãy đứng dậy và tiến lên phía trước!"

NKJV	"Hãy bước lên phía trước"
NRSV	"Hãy tiến lên phía trước"
TEV	"Hãy đến đây về phía trước "
NJB	"Hãy dậy và đứng ở chính giữa "

Cụm từ ngày nguyên văn là "Hãy trở dậy vào chính giữa." Đây là một thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative). Câu này cũng với mục đích để tất cả mọi người có thể nhìn thấy.

**3:4** Các ra-bi có một hệ thống Lời Truyền Khẩu đã phát triển quá cao độ (Kinh Talmud) vốn giải nghĩa Luật Môi-se (Mác 2:24). Họ đã đưa ra những lời tuyên bố chính thức cách cứng nhắc về những gì hợp lệ có thể được làm hoặc không được làm trong ngày Sa-bát. Một người có thể giúp ổn định một người bị thương trong trường hợp khẩn cấp, nhưng không được cải thiện tình trạng của người đó. Sự chất vấn của Chúa Jesus làm bộc lộ ra nan đề của sự ưu tiên dành cho sự yêu mến những truyền thống tập tục truyền khẩu của họ đặt trên sự cần giúp đỡ của người khác. Đây luôn luôn thật sự là những kẻ giáo điều luật pháp!

▣ "**cứu**" Đây là thuật ngữ trong tiếng Hy Lạp *sōzō*. Nó được sử dụng trong hai cách riêng biệt trong Tân Ước: (1) nó đi theo cách sử dụng trong Cựu Ước của sự giải cứu khỏi một nan đề về mặt vật chất và (2) nó được sử dụng cho sự cứu rỗi thuộc linh. Trong các sách Phúc Âm, nó thường được sử dụng theo nghĩa thứ nhất (Mác 3:4; 8:35a; 15:30-31; ngay cả sự chữa lành, Mác 5:23,28,34; 6:56; 10:52), nhưng trong Mác 8:35b; 10:26; 13:13 nó có thể chỉ về ý nghĩa thứ hai. Một cách sử dụng với hai nghĩa tách biệt tương tự trong Gia-cơ (nghĩa #1 trong 5:15,20, nghĩa #2 trong 1:21; 2:14; 4:12).

▣ "**mạng (sự sống)**" Đây là từ trong tiếng Hy Lạp *psuchē*. Nó rất khó để định nghĩa. Nó có thể nói về

1. Sự sống về mặt cơ thể xác thịt của chúng ta (theo Mác 3:4; 8:35; 10:45)
2. Những cảm xúc và sự có ý thức (theo Mác 12:30; 14:34)
3. Tình trạng có ý thức, nhận biết về mặt thuộc linh, đời đời linh (Mác 8:36,37)

Sự khó khăn để dịch từ này đến từ cách sử dụng về mặt triết học Hy Lạp, rằng con người có linh hồn, thay vì tư tưởng Hê-bơ-rơ về con người chính là một linh (có sự sống) (theo Sáng Thế Ký 2:7).

**3:5 " đưa mắt nhìn họ, vừa giận "** Phúc Âm của Mác là sách rõ ràng nhất trong việc ghi chép lại những cảm xúc của Chúa Jesus (Mác 1:40-42,43; 3:1-5; 10:13-16,17-22; 14:33-34; 15:34). Sự im lặng cách cam điếc và chủ nghĩa vượt trội đạo đức của những lãnh đạo tôn giáo tự cho mình là công chính đã làm cho Chúa Jesus giận dữ! Sự kiện này tiếp tục giải thích 2:27- 28.

▣ "**buồn vì lòng họ cứng cõi** " Đây là một hình thái tăng cường nhấn mạnh ý nghĩa của từ đau buồn (*lupē*) với giới từ *sun*. Đây là lần sử dụng duy nhất trong Tân Ước. Chúa Jesus đã nhận diện chính mình với nan đề và sự cần được giúp đỡ của người đàn ông này và Ngài đã phản ứng cách cự tuyệt đối với sự chối bỏ của những lãnh đạo tôn giáo. Họ đã không muốn nhìn thấy lẽ thật bởi vì sự tận tụy của mình với truyền thống (Ê-sai 29:13; Cô-lô-se 2:16-23). Điều này thường xuyên xảy ra đối với chúng ta thường xuyên như thế nào?

Từ "cứng cõi" có nghĩa là bị vôi hóa (hóa đá) (Rô-ma 11:25; Ê-phê-sô 4:18). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tấm lòng tại Mác 2:6.

▣ "**được lành (được phục hồi)**" Từ này (phục hồi lại tình trạng nguyên gốc của nó) ngụ ý rằng bàn tay bị teo này là một tai nạn, không phải một dị tật bẩm sinh. Sách ngoài kinh điển *Phúc Âm của Người Hê-bơ-rơ (Gospel of Hebrews)* chép về lời truyền lại rằng người này là một người thợ xây đã đến xin Chúa Jesus phục hồi bàn tay của ông để ông có thể quay lại với công việc.

**3:6 " Các người Pha-ri-si đi ra "** Lu-ca 6:11 cho biết "trong một sự giận dữ." Cụm từ này nguyên văn là "vượt ra khỏi tâm trí " (2 Ti-mô-thê 3:9). Hãy xem ghi chú về những người Pha-ri-si tại Mác 2:16.

▣ "**lập tức** " Hãy xem ghi chú tại Mác 1:10.

▣ "**bàn mưu** " Đây là một thể chỉ định chủ động chưa hoàn thành (imperfect active indicative) được sử dụng trong nghĩa của một sự khởi đầu của một hành động trong thời điểm quá khứ. Trong Mác 3:11 ba thể chưa hoàn thành được sử dụng để bày tỏ một hành động lặp đi lặp lại trong quá khứ. Hai cách sử dụng này là chức năng ngôn ngữ chính yếu của thì này.

▣ "**với những người thuộc phe Hê-rốt** " Thông thường những người Pha-ri-si cực kỳ bảo thủ và theo khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa không có bất cứ sự liên hệ nào với những người theo khuynh hướng chính trị thuộc phe Hê-rốt là những người ủng hộ sự cai trị của Vua Hê-rốt và sự chiếm đóng của người Rô-ma.

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐẢNG HÊ RÓT

Đảng Hê-rốt là một nhóm người riêng biệt tại xứ Palestine thế kỷ thứ nhất trong sự liên hệ với gia đình Hê-rốt cầm quyền (Hãy xem *Antiq.* 14.15.6 của Josephus).

Các Hê-rốt là một gia đình kẻ cầm quyền người Y-đu-mê (Ê-đôm) khởi đầu với Hê-rốt Đại Đế. Khi ông chết, các con trai ông phân chia vương quốc của ông. Mọi Hê-rốt đều là những kẻ ủng hộ cho chính quyền La Mã. Những người đi theo họ luôn muốn giữ tình trạng ngưng trệ về chính trị (trì hoãn sự thay đổi). Họ thích sự cai trị của Hê-rốt hơn là sự cai trị trực tiếp của người La Mã. Nhóm này là một nhóm nghiêm ngặt về chính trị. Họ không chính thức nhận diện chính mình với thần học của Những Người Pha-ri-si hay Sa-đu-sê.

■ " để tìm cách giết Ngài " Những lãnh đạo này đã bị xúc phạm bởi sự chữa lành trong ngày Sa-bát, nhưng không thấy bất kỳ vấn đề gì với sự mưu sát cố ý! Họ có lẽ đã quyết định dựa trên Xuất 31:13-17. Điều lạ ở đây là những việc này đã được hợp thức hóa trong danh của Đức Chúa Trời. Đây rõ ràng báo trước về sự chết của Chúa Jesus bởi tay của những lãnh đạo Do Thái.

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ HỦY DIỆT (*APOLLUMI*)

Thuật ngữ này gây ra cuộc tranh luận lớn trong nghĩa ngữ học giữa hai khái niệm “phán xét” hay “hủy diệt” Nghĩa đen xuất phát từ thuật ngữ ghép *apo* và *ollumi*, có nghĩa phá hủy và làm tan hoang.

Nạn đề ở đây là tác giả có thể dùng nghĩa bóng, tham khảo Louw and Nida's *Greek-English Lexicon of the New Testament, Based On Semantic Domains*, vol. 2, p. 30. Có vài liệt kê ý nghĩa như sau:

1. phá huỷ, sát hại (e.g., Ma-thi-ơ . 10:28; Lu-ca 5:37; Giăng 10:10; 17:12; Công-vụ 5:37; Ro-ma 9:22 from vol. 1, p. 232)
2. không đạt được (e.g., Ma-thi-ơ . 10:42, vol. 1, p. 566)
3. làm mất (e.g., Lu-ca 15:8, vol. 1, p. 566)
4. không tìm được (e.g., Lu-ca 15:4, vol. 1, p. 330)
5. chết (e.g., Ma-thi-ơ . 10:39, vol. 1, p. 266)

Gerhard Kittel, *Theological Dictionary of the New Testament*, vol. 1, p. 394, cố gắng mô tả cách dùng chữ qua danh sách bốn ý nghĩa sau:

1. phá huỷ hay sát hại (e.g., Ma-thi-ơ . 2:13; 27:20; Mác 3:6; 9:22; Lu-ca 6:9; 1 Cô-rin-tô. 1:19)
2. mất và chịu mất mát (e.g., Mác 9:41; Lu-ca 15:4,8)
3. hư mất, chết (e.g., Ma-thi-ơ . 26:52; Mác 4:38; Lu-ca 11:51; 13:3,5,33; 15:17; Giăng 6:12,27; 1 Cô-rin-tô. 10:9-10)
4. mất đi (e.g., Ma-thi-ơ . 5:29-30; Mác 2:22; Lu-ca 15: 4,6,24,32; 21:18; Công-vụ 27:34)

Kittel cho rằng nói chung giả thiết 2 và 4 hướng về thời nay (theo Phúc Âm Đồng quan) và giả thiết 1 và 3 liên hệ tới tương lai (theo Phao-lô và Giăng) (p. 394).

Như vậy có sự hiểu lầm. Một thuật ngữ với nhiều ý nghĩa khác nhau như vậy được sử dụng bởi các tác giả Tân Ước qua nhiều cách. Tôi thích cách giải thích của Robert B. Girdlestone, *Synonyms of the Old Testament*, pp. 275-277, cho rằng thuật ngữ này nói về những người đã bị phá huỷ về thuộc linh và đang chờ đợi sự phán xét đời đời bị cách ly với Đức Chúa Trời – so với những người biết được Chúa Giê-su và có sự sống đời đời trong Ngài. Họ được cứu trong khi nhóm đầu tiên bị diệt vong

Robert B. Girdlestone, *Synonyms of the Old Testament*, p. 276, chỉ ra một vài câu Kinh thánh không thể dịch với ý nghĩa “phá hủy” nhưng vô hiệu hóa “mục đích sử dụng đầu tiên”

1. làm phí dầu thơm, Ma-thi-ơ . 26:8
2. làm hư túi da cũ, Ma-thi-ơ . 9:17

3. làm mất tóc, Lu-ca 21:18
4. làm hỏng thức ăn, Giăng 6:27
5. làm hư vàng, 1 Phi-ê-rơ. 1:7
6. tàn phá (bởi Hồng thủy), 2 Phi-ê-rơ. 3:6
7. hủy hoại thân thể, Ma-thi-ơ . 2:13; 8:25; 12:14; 21:41; 22:7; 26:52; 27:20; Ro-ma. 2:12; 14:15; và 1 Cô-rin-tô. 8:11)

Không bao giờ có sự gọi ý về sự hủy diệt một cá nhân, nhưng sự chấm dứt tồn tại thuộc thể. Nó cũng thường mang ý nghĩa tinh thần. "Tất cả mọi người đều bị hủy diệt về tinh thần vì không thể thực hiện sứ mạng mà con người được giao" (p. 276). Sự trả lời của Đức Chúa Trời đối với nan đề này chính là Chúa Giê-su (Xem Giăng 3:15-16 and 2 Phi-ê-rơ. 3:9). Người từ chối Phúc Âm sử bị tiếp tục hủy diệt cả về thuộc linh và thuộc thể. (Xem 1 Cô-rin-tô. 1:18; 2 Cô-rin-tô. 2:15; 4:3; 2 Thê-sa-lô-ni-cas. 2:10). Tham khảo ý kiến phản nghịch, Xem tham luận của Fudge, "The Fire That Consumes".

Tôi tin một cách cá nhân rằng thuật ngữ này không ám chỉ sự hủy diệt (Xem R. B. Girdlestone, *Synonyms of the Old Testament*, p. 276) (Xem E. Fudge, *The Fire That Consumes*). Thuật ngữ đời đời nói về cả sự trừng phạt và sự sống trong Ma-thi-ơ . 25:46. Xem nhẹ trường hợp này sẽ phải nhượng bộ trường hợp kia!

### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 3:7-12**

<sup>7</sup> Đức Chúa Jê-sus cùng các môn đồ lánh ra phía biển; một đoàn người rất đông từ Ga-li-lê kéo đến theo Ngài. Ngoài ra còn nhiều đoàn người đông đúc khác từ Giu-đê, <sup>8</sup> thành Giê-ru-sa-lem, miền Y-đu-mê, vùng bên kia sông Giô-đanh, khu vực chung quanh thành Ty-rơ và thành Si-đôn, khi nghe về mọi việc Ngài làm, đã lũ lượt đến với Ngài. <sup>9</sup> Vì quá đông người nên Ngài bảo các môn đồ chuẩn bị sẵn cho Ngài một chiếc thuyền, để Ngài khỏi bị họ lấn ép. <sup>10</sup> Ngài đã chữa lành nhiều bệnh nhân; vì vậy, ai có bệnh đều cố áp sát Ngài để được chạm vào Ngài. <sup>11</sup> Mỗi khi ướm linh thấy Ngài, chúng đều sắp mình trước mặt Ngài và kêu lên: "Thầy là Con Đức Chúa Trời!" <sup>12</sup> Nhưng Ngài nghiêm cấm chúng tiết lộ Ngài là ai.

**3:7-8** Sự nổi tiếng và được quần chúng yêu mến của Chúa Jesus chính là một lý do khác cho sự chống nghịch của các lãnh đạo tôn giáo (theo Ma-thi-ơ 12:15-16; Lu-ca 6:17-19).

**3:8 " miền Y-đu-mê "** Từ này chỉ về những lãnh thổ quốc gia của Ê-đôm cổ xưa vốn là quê nhà của Vua Hê-rốt.

▣ **" vùng bên kia sông Giô-đanh "** Cụm từ này chỉ về khu vực được gọi là Bê-rê ở khu vực bên kia sông Giô-đanh. Đây là một trong ba khu vực được xác định có trách nhiệm với Luật Pháp Môi-se (Giu-đa, Ga-li-lê, và vùng đất phía bên kia sông Giô-đanh [Bê-rê, *Baba Bathra* 3:2]). Nó được định nghĩa cách chính thức là vùng đất ở giữa hai sông Gia-bốc và Ạc-nôn (Jabbok and Arnon rivers) (trong Cựu Ước, Am-môn và Mô-áp).

▣ **" khu vực chung quanh thành Ty-rơ và thành Si-đôn "** Cụm từ này chỉ về quốc gia cổ đại Phê-nê-xi.

▣ **" nhiều đoàn người đông đúc "** Rõ ràng đã có một sự pha lẫn giữa người Do Thái và Người Ngoại.

**3:9 " một chiếc thuyền "** Từ này chỉ về một chiếc thuyền chèo nhỏ.

▣ **" chuẩn bị sẵn cho Ngài "** Chiếc thuyền này luôn sẵn sàng cho trường hợp đoàn dân đông chèn ép đẩy Ngài xuống biển (Mác 1:45).

**3:10 " đều cố áp sát Ngài "** Nguyên văn là "ngã ngược lại." Tất cả mọi người ồm đều muốn chạm vào Ngài (Mác 5:25-34). Đoàn dân đông này trông giống như phòng chờ của một khu cấp cứu của một bệnh viện khu vực.

**3:11** Có một chuỗi ba động từ chưa hoàn thành trong câu này vốn chỉ về sự đối nghịch luôn luôn của Chúa Jesus với các quý. Hãy xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĐUỔI QUÝ tại Mác 1:25.

▣ **" Con Đức Chúa Trời "** Các quý này không làm chứng vì lợi ích của Chúa Jesus, nhưng để kích động những sự trông đợi ngộ nhận sai trật của đoàn dân đông. Điều này dẫn đến sự buộc tội trong Mác 3:22 rằng quyền năng của Chúa Jesus đến từ Sa-tan (theo Ma-thi-ơ 9:34; 10:25; 11:18). Những lãnh đạo Do Thái không thể chất vấn về quyền năng của Chúa Jesus, vì vậy họ bài bác về nguồn gốc của thẩm quyền Ngài.

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CON ĐỨC CHÚA TRỜI

Đây là một trong những danh hiệu chính của Đức Chúa Giê-xu trong Tân-ước. Nó chắc chắn mang ý nghĩa thiêng liêng. Nó bao hàm ý nghĩa Đức Chúa Giê-xu là “Con” hay “Con Ta” và Đức Chúa Trời là Cha. Từ này xuất hiện 124 lần trong Tân-ước. Ngay cả danh hiệu tự xưng của Đức Chúa Giê-xu “Con Người” cũng có ý nghĩa linh thiêng rút ra từ Đa-ni-ên 7:13-14.

Trong Cựu-ước, từ “con trai” có thể chỉ ba nhóm khác nhau:

- A. Thiên sứ (thường dùng SỐ NHIỀU, xem Sáng-thế Ký 6:2; Gióp 1:6; 2:1)
- B. Vua của Y-sơ-ra-ên (xem II Sa-mu-ên 7:14; Thi-thiên 2:7; 89:26-27)
- C. Cả quốc gia Do Thái (xem Xuất 4:22-23; Phục-truyền 14:1; Ô-sê 11:1; Ma-la-chi 2:10)
- D. Các quan xét của Y-sơ-ra-ên (Thi 82:6)

Ý nghĩa thứ hai trong nhóm này liên hệ đến Chúa Giê-xu. Như vậy “con Đa-vít” và “con Đức Chúa Trời” đều liên hệ đến II Sam. 7; Thi 2 và 89. Trong Cựu-ước từ ngữ “con Đức Chúa Trời” không bao giờ được chỉ cụ thể đến Đấng Mết-si-a, trừ trường hợp vị vua trong thời cuối cùng (eschatological king) chức vụ được xúc dầu của Y-sơ-ra-ên. Tuy nhiên, trong Cuộn Biển Chết danh hiệu chỉ đến Đấng Mết-si-a là rất thông thường (xem cuốn *Dictionary of Jesus and the Gospels*, trang 770). Từ “Con Đức Chúa Trời” cũng là một danh hiệu của Đấng Mết-si-a trong các tập sách ngụ kinh của người Do thái (xem II Esdras 7:28; 13:32,37,52; 14:9 và I Hê-nóc 105:2).

Nền tảng Tân-ước của danh hiệu này khi chỉ đến Chúa Giê-xu được tóm tắt lại theo các mục sau:

1. Sự hiện hữu từ trước của Ngài (Giăng 1:1-18)
2. Sự sanh ra đặc biệt bởi nữ đồng trinh (Ma-thi-ơ 1:23; Lu-ca 1:31-35)
3. Báp-têm (Ma-thi-ơ 3:17; Mác 1:11; Lu-ca 3:22. Tiếng phán của Đức Chúa Trời từ trời đã kết hợp danh hiệu vua trong Thi thiên 2 với danh hiệu đầy tớ chịu khổ nạn trong Ê-sai 53).
4. Chịu ma quỷ cám dỗ (Ma-thi-ơ 4:1-11; Mác 1:12,13; Lu-ca 4:1-13. Ngài bị cám dỗ để sanh nghi ngờ về địa vị làm con của Ngài hay ít ra hoàn thành mục đích bằng một con đường khác hơn là thập tự giá).
5. Sự xác nhận danh hiệu của Ngài bởi những kẻ tuyên xưng không được chấp nhận
  - a. Ma quỷ (Mác 1 :23-25 ; Lu-ca 4 :31-37 ; Mác 3 :11-12)
  - b. Những kẻ không tin Chúa (Ma-thi-ơ 27 :43 ; Mác 14 :61 ; Giăng 19 :7)
6. Sự xác nhận danh hiệu của Ngài bởi các môn đồ
  - a. Ma-thi-ơ 14 :33 ; 16 :16
  - b. Giăng 1 :34, 49 ; 6 :69 ; 11 :27
7. Sự tự xác nhận của Ngài
  - a. Ma-thi-ơ 11 :25-27
  - b. Giăng 10 :36
8. Cách dùng hình ảnh quen thuộc của Chúa Giê-xu chỉ Đức Chúa Trời là Cha
  - a. Chúa dùng chữ ‘*abba*’ để chỉ Đức Chúa Trời
    - 1) Mác 14 :36
    - 2) Rô-ma 8 :15
    - 3) Ga-la-ti 4 :6
  - b. Chúa thường dùng chữ Cha (*pater*) để diễn tả mối liên hệ với Đấng Thần linh

Tóm lại, danh hiệu “Con Đức Chúa Trời” có ý nghĩa thần học lớn lao đối với những người am tường Cựu-ước, các lời hứa và các cách chỉ định, nhưng những người viết Tân-ước cố phần lúng túng về cách dùng của nó đối với người ngoại bởi vì theo cách hiểu thông thường của họ ‘các thần’ lấy phụ nữ rồi sanh con cháu là những ‘người tài giỏi’ hay ‘người không lồ.’

**3:12** Đây là sự nhấn mạnh liên tục về chủ đề "Bí Mật Đấng Mê-si Ẩn Giấu" trong sách Mác. Chúa Jesus, bởi lời phán và hành động, đã hoàn toàn bộc lộ rằng Ngài là Đấng Mê-si từ rất sớm trong sách Mác, nhưng bởi vì sự ngộ nhận của (1) những lãnh đạo Do Thái Giáo (Đấng Mê-si là một anh hùng dân tộc sẽ phục hồi tình trạng của Y-sơ-ra-ên quay lại là một cường quốc thế lực nổi bật của thế giới) và (2) đoàn dân đông (Đấng Mê-si là một người thi hành phép lạ), Chúa Jesus nghiêm cấm một vài người khác nhau không được đồn ra những sự nhận biết của họ về Ngài. Phúc âm chỉ thực sự hoàn tất sau sự sống, sự chết, phục sinh và thăng thiên của Ngài.



### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 3:13-19

<sup>13</sup> Đức Chúa Jêsus đi lên núi, gọi những người Ngài muốn, và họ đến với Ngài. <sup>14</sup> Ngài lập mười hai người, gọi là sứ đồ, để ở với Ngài, sai họ đi truyền giảng, <sup>15</sup> và ban cho họ thẩm quyền đuổi quỷ. <sup>16</sup> Đây là mười hai sứ đồ mà Ngài đã lập: Si-môn, Ngài đặt tên là Phi-e-rơ; <sup>17</sup> Gia-cơ con Xê-bê-đê, và Giăng em Gia-cơ, Ngài đặt tên hai người là Bô-a-nết, nghĩa là con trai của sấm sét; <sup>18</sup> Anh-rê, Phi-líp, Ba-thê-lê-my, Ma-thi-ơ, Thô-ma, Gia-cơ con A-phê, Tha-đê, Si-môn người Ca-na-nê-an, <sup>19</sup> và Giu-đa Ích-ca-ri-ốt là kẻ phản Ngài.

**3:13 " Đức Chúa Jêsus đi lên núi "** Câu này có thể được hiểu theo 2 cách: (1) Chúa Jesus rời khỏi khu vực ven Biển Ga-li-lê và đi về phía khu vực đồi núi hoặc (2) đây là một sự dẫn nhập vào bối cảnh của Bài Giảng Trên Núi (Ma-thi-ơ 5-7), mà vốn Mác không chép lại.

**3:14 " lập mười hai người "** Câu chuyện này song hành với Bài Giảng nơi Đồng Bằng, Lu-ca 6:12-16. Mác không chép lại Bài Giảng Trên Núi trong sách Ma-thi-ơ (Ma-thi-ơ 5-7).

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỐ MƯỜI HAI

Số mười hai luôn là biểu trưng cho các sự sắp xếp

1. Ngoài Kinh thánh:
  - a. Mười hai ký hiệu hoàng đạo (Zodiac)
  - b. Mười hai tháng trong một năm
2. Trong Cựu ước
  - a. Các con của Gia-cốp (chi phái Y-sơ-ra-ên)
  - b. Biểu hiện qua:
    - (1) Mười hai cột trụ bàn thờ (Xuất Ê-díp-tô ký 24:4)
    - (2) Mười hai viên ngọc trên áo của thầy tế lễ thượng phẩm (tượng trưng cho các chi phái) (Xuất Ê-díp-tô ký 28:21)
    - (3) Mười hai ô bánh trong nơi thánh tại đền tạm (Lê-vi-ký 24:5)
    - (4) Mười hai thám tử sai đi do thám Ca-na-an (Dân số ký 13) (một người đại diện cho một chi phái)
    - (5) Mười hai cây gậy (tiêu chuẩn của mỗi chi phái) trong sự nổi loạn của Cô-rê (Dân số ký 17:2)
    - (6) Mười hai hòn đá của Giô-suê (Giô-suê 4:3, 9, 20)
    - (7) Mười hai quận hành chính trong hệ thống hành chính của Sa-lô-môn (I Các Vua 4:7)
    - (8) Mười hai hòn đá nơi bàn thờ của Ê-li dâng cho Đức Giê-hô-va (I Các Vua 18:31)
3. Trong Tân ước:
  - a. Mười hai sứ đồ được chọn
  - b. Mười hai giỏ bánh (mỗi sứ đồ một giỏ) (Ma-thi-ơ 14:20)
  - c. Mười hai ngôi cho các môn đồ thời Tân ước ngồi cai trị (chỉ 12 chi phái Y-sơ-ra-ên) (Ma-thi-ơ 19:28)
  - d. Mười hai đạo thiên sứ giải cứu Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 26:53)
  - e. Biểu tượng trong Khải huyền:
    - (1) 24 trưởng lão trên 24 ngai (4:4) (2) 144,000 (12x12) (7:4; 14:1,3)
    - (3) 12 ngôi sao trên vương miện của người đàn bà (2:1)
    - (4) 12 cửa, 12 thiên sứ tượng trưng cho 12 chi phái (21:12)
    - (5) 12 viên đá tảng của thành Giê-ru-sa-lem mới và trên đó có tên 12 Sứ đồ (21:14)
    - (6) 12 ngàn êch-ta-đơ (21:16) (kích thước thành mới Giê-ru-sa-lem)
    - (7) Tường thành 144 cu-đê (21:17)
    - (8) 12 cửa bằng hột châu trong 21:21
    - (9) Cây trong Giê-ru-sa-lem mới có 12 loại trái (mỗi tháng một loại) (22:2)

**3:14** Có một cụm từ được thêm vào câu này trong các Bản thảo cổ tiếng Hy Lạp ông-xi-an (tức bản chép tay bằng dạng chữ viết hoa, to và rời của thể ký thứ tư) (ancient Greek uncial manuscript) K, B, và một sự thay đổi nhẹ, trong bản C. Cụm từ được thêm vào là "những kẻ mà ngài gọi là các sứ đồ" (hãy xem phần ghi chú ở cuối trang trong bản NRSV). Nhiều sự phê bình văn bản cho rằng sự thêm vào này chính là một sự làm cho tương đồng với Lu-ca 6:13.

▣ " **đề ở với Ngài** " Chúa Jesus đã liên hệ cách mật thiết với sự huấn luyện cho nhóm Mười Hai Người. Robert Coleman là tác giả của hai quyển sách rất có ích về phương cách của Chúa Jesus: quyển *The Master Plan of Evangelism* và *The Master Plan of Discipleship*, cả hai đều nói về sự phát triển của hội thánh đầu tiên đều sử dụng cùng những nguyên tắc của Chúa Jesus.

▣ " **sai họ đi truyền giảng** " Chúa Jesus đến để giảng tin lành về vương quốc (thiên đàng). Ngài huấn luyện các môn đồ của Ngài để làm cùng một điều: (1) Nhóm Mười Hai Người (Sứ Đồ) (Mác 6:7-13; Ma-thi-ơ 10:1,9-14; Lu-ca 9:1-6) và (2) sau này, nhóm bảy mươi môn đồ (Lu-ca 10:1-20).

**3:15 "(các) quỷ"** Từ này có lẽ chỉ đến các thiên sứ sa ngã, hoạt động nhân danh Sa-tan. Tuy nhiên, Kinh Thánh im lặng về nguồn gốc của ma quỷ. Thâm quyền của Chúa Jesus trên chúng thiết lập nên quyền năng và sứ mạng Đấng Mê-si của Ngài.

Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 1:24.

**3:16 "mười hai sứ đồ mà Ngài đã lập"** Nhóm Mười Hai Người đã được đề cập trong Tân Ước bốn lần (Ma-thi-ơ 10:2-4; Mác 3:16-19; Lu-ca 6:14-16; và Công Vụ 1:13 [giống với Ma-thi-ơ 10:2-4]). Danh sách luôn xuất hiện theo bốn nhóm ba người. Danh sách thường thay đổi với các nhóm (nhưng Phi-e-rơ luôn luôn ở đầu và Giu-đa Ích-ca-ri-ôt luôn ở cuối cùng). Có khả năng rằng các nhóm này phản ánh một cách quay vòng cho phép những người này có thể về nhà trong những lần khác nhau để kiểm tra về những trách nhiệm với gia đình của họ.

Thật đáng ngạc nhiên về sự hiểu biết ít hỏi của chúng ta về đa phần của những Sứ Đồ đầu tiên. Truyền thống từ hội thánh đầu tiên thương là tất cả chúng ta có thể dựa vào.

#### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT:

#### BIỂU ĐỒ TÊN CỦA CÁC SỨ ĐỒ (Ma-thi-ơ 10:2-4 Mác 3:16-19 Lu-ca 6:14-16 Công vụ 1:12-18)

	Ma-thi-ơ 10:2-4	Mác 3:16-19	Lu-ca 6:4-16	Công vụ 1:12-18
Nhóm 1	Si-mon (Phi-ê-rơ) Anh-rê (anh em Phi-ê-rơ) Gia-cơ (Con của Zê-bê-đê)	Si-mom (Phi-ê-rơ) Gia-cơ (Con Zê-bê-đê) John (anh em Gia-cơ)	Si-mom (Phi-ê-rơ) Anh-rê (anh em Phi-ê-rơ) Gia-cơ	Phi-ê-rơ John Gia-cơ
Nhóm 2	John (anh em Gia-cơ) Phi-líp Ba-thô-lô-my hô-ma	Anh-rê Phi-líp Ba-thô-lô-my Ma-thi-ơ	John Phi-líp Ba-thê-lê-my Ma-thi-ơ	Anh-rê Phi-líp Thomas Ba-thô-lô-my
Nhóm 3	Ma-thi-ơ (thu thuê) Gia-cơ (con A-phê) Tha-đê Si-mon (Người Ca-na-an) Giu-đa (Ich-ca-ri-ôt)	Thô-ma Gia-cơ (con A-phê) Tha-đê Simon (Người Ca-na-an) Giu-đa (Ich-ca-ri-ôt)	Thô-ma Gia-cơ (con A-phê) Si-mon (Xê-lôt) Giu-đa (con Gia-cơ) Giu-đa (Ich-ca-ri-ôt)	Ma-thi-ơ Gia-cơ (con A-phê) Si-mon (Xê-lôt) Giu-đa (con Gia-cơ)

▣ Si-môn, người Chúa cũng gọi là Phi-ê-rơ. Được ghi tên ba lần trong vòng các môn đồ. Phi-ê-rơ luôn đứng đầu và Giu-đa (Ich-ca-ri-ôt) luôn đứng cuối. Trong 3 nhóm 4 người, tên không thay đổi nhưng thứ tự thay đổi.

▣ Anh-rê, nghĩa tiếng Hy-lạp là nam-tính. Từ Giăng 1:29-42, chúng ta được biết ông là môn đồ của Giăng Báp-tít và là người giới thiệu Phi-ê-rơ cho Chúa Giê-su.

▣ Gia-cơ, tương ứng với Gia-cốp trong Hê-bơ-rơ, BDB 784, có nghĩa "kẻ chiếm chỗ". Có hai Gia-cơ trong danh sách, một người (ở đây) là anh em của Giăng, Mác 3:17 và là thành phần nhóm kẻ cận Chúa (Phi-ê-rơ, Giăng và Gia-cơ)

▣ Giăng, anh em của Gia-cơ, thành viên nhóm kẻ cận Chúa Giê-su, viết 5 sách trong Tân Ước và sống lâu hơn bất cứ sứ đồ nào khác.

- Phi-líp, nghĩa Hy-lạp là “người thích ngựa”. Được kêu gọi trong Giăng 1:43-51
  - Ba-thô-lô-my, có nghĩa là con của Ptolemy. Ông có thể là Na-tha-na-en trong Giăng (1:45-49, 21:20)
  - Ma-thi-ơ, tương ứng Mathias trong Hê-bơ-rơ, (1 Sử ký. 9:31; 15:18,21; 16:5; 25:3,21; Nê-hê-mi 8:4), có nghĩa là quà của Đức Giê-hô-va. Cũng có thể đây là Lê-vi (Mác 2:13-17)
  - Thô-ma, Tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là sinh đôi, hoặc Didymus, Giăng 11:16; 20:24; 21:2
  - Gia-cơ con của A-phê, tương ứng với Gia-cốp tiếng Hê-bơ-rơ. Ông này còn được gọi là Gia-cơ “nhỏ Mác 3:17
  - Si-môn Xê-lốt. Phúc âm Mác mô tả ông là người Ca-na-an, có lẽ vì được viết bằng tiếng La-mã nên tác giả không muốn dùng từ kích động Xê-lốt (quá khích) như trong Lu-ca. Si-mon là một thành viên của nhóm võ trang tìm cách lật đổ ảnh hưởng trị của Rô-ma bằng bạo lực. Từ “người Ca-na-an” có vài ý nghĩa
    1. Đến từ xứ Ca-na ở Ga-li-lê
    2. Người buôn bán, được gọi vậy trong Cựu Ước.
    3. Người Ca-na-an bản gốc (từ thời Giô-suê)
- Nếu danh hiệu “người Ca-na-an” trong Lu-ca có lý, từ Xê-lốt trong tiếng A-ram có thể có ý nghĩa “người nhiệt tình” (Công vụ 1:17), Chúa Giê-su kêu gọi 12 môn đồ từ các nhóm khác nhau. Vì thuộc nhóm chống đối chính quyền Rô-ma, Si-mon Xê-lốt chắc không ngồi chung phòng với quan thuế Lê-vi (Ma-thi-ơ).
- Giu-đa con của Gia-cơ, cũng được gọi là Tha-đê Lebbeus (Ma-thi-ơ 10:3) hay Giu-đa (Giăng 14:22) Cả hai từ Tha-đê và Lebbeus đều mang ý nghĩa “con yêu dấu”.
  - Giu-đa Ích-ca-ri-ốt. Có hai Si-mon, hai Gia-cơ, hai Giu-đa. Tên Ich-ca-ri-ốt có thể mang ý nghĩa:
    1. Một người từ thành Kerioth xứ Giu-đa (Giô-suê 15:23) vậy ông này là người Giu-đa
    2. Tên cha của ông
    3. “Người sử dụng dao găm, kẻ ám sát”. Vậy ông này cũng thuộc đảng “quá khích” như Si-mon.

▪ " **Si-môn, Ngài đặt tên là Phi-e-rơ** " Hầu hết Người Do Thái ở khu vực Ga-li-lê đều có cả một tên Do Thái (Si-môn hoặc Symeon, có nghĩa là "lắng nghe") và một tên tiếng Hy Lạp (vốn chưa bao giờ được cho biết). Chúa Jesus đặt cho ông một tên hiệu "đá." Trong tiếng Greek nó là *petros* và trong tiếng A-ram là *cephas* (Giăng 1:42; Ma-thi-ơ 16:16).

Phi-e-rơ là nguồn thông tin sứ đồ, nhân chứng tai nghe mắt thấy đứng phía sau Phúc Âm theo Mác. Hãy xem phần Dẫn Nhập để đọc bài viết hoàn chỉnh.

**3:17 " Bô-a-ner, nghĩa là con trai của sấm sét "** Mác dịch nghĩa của tên tiếng A-ram cho những độc giả Người Ngoại của mình (có lẽ là người Rô-ma.) Những đôi anh em (Gia-cơ and Giăng) sống với những tên hiệu theo Lu-ca 9:54.

**3:18 " Anh-rê "** Từ Hy Lạp này có nghĩa là "nam tính." Từ Giăng 1:29-42 chúng ta biết được rằng Anh-rê đã là môn đồ của Giăng Báp-tít và rằng ông đã giới thiệu em của mình, Phi-e-rơ, với Chúa Jesus.

▪ " **Phi-líp** " Từ Hy Lạp có nghĩa là "những con ngựa được yêu mến." Sự kêu gọi của ông được kể chi tiết trong Giăng 1:43-51.

▪ " **Ba-thê-lê-my** " Từ này có nghĩa là "con của Ptolemy." Ông có thể là Na-tha-na-en trong Phúc Âm Giăng (Giăng 1:45-49; 21:20).

▪ " **Ma-thi-ơ** " Từ Hê-bơ-rơ có nghĩa là "món quà của YHWH." Tên này chỉ về Lê-vi (Mác 2:13-17).

▪ " **Thô-ma** " Từ Hê-bơ-rơ có nghĩa là "sinh đôi" hoặc Đi-đim (Giăng 11:16; 20:24; 21:2).

▪ " **Gia-cơ** " Đây là tên Hê-bơ-rơ "Gia-cốp." Có hai người được đặt tên là Gia-cơ trong danh sách của Nhóm Mười Hai Người. Một người là anh của Giăng (Mác 3:17) và là một thành viên của nhóm thân thiết bên trong (Phi-e-rơ, Gia-cơ, và Giăng). Người này được biết với tên là Gia-cơ nhỏ.

▪ " **Tha-đê** " Ông cũng được gọi là "Lebbeus" (theo Ma-thi-ơ 10:3 (bản tiếng Anh)) hoặc "Giu-đa" (Giăng 14:22). Cả hai từ Tha-đê và Lebbeus đều có nghĩa là "đứa con được yêu mến."

NASB, NJB

"Si-môn Xê-lốt"

NKJV

"Simon Người Ca-na-an"

**NRSV**  
**TEV**

**"Simon Người Ca-na"**  
**"Si-môn Người Yêu Nước"**

Từ Hy Lạp của sách Mác chép là "Người Ca-na" (also Ma-thi-ơ 10:4). Mác, tác giả của Phúc Âm được viết cho người Rô-ma, có thể không muốn sử dụng thuật ngữ "phím-nóng" chính trị "xê-lốt," vốn chỉ đến phong trào du kích Người Do Thái chống Rô-ma. Lu-ca đã gọi ông bằng từ này (Lu-ca 6:15 và Công Vụ 1:13). Từ Người Ca-na có một vài từ phát sinh.

1. Từ khu vực tại vùng Ga-li-lê được biết với tên là Ca-na
2. Từ cách sử dụng Cụm Ước của Người Ca-na-an như những người thương buôn
3. Từ một sự định danh chung của những người gốc Ca-na-an (cũng được gọi là Palestine)

Nếu sự tự định danh của Lu-ca là chính xác, thì từ "xê-lốt" xuất phát từ từ A-ram dùng cho "người nhiệt huyết" (theo Lu-ca 6:15; Công Vụ 1:17). Mười hai môn đồ được lựa chọn của Chúa Jesus đến từ một vài nhóm khác biệt và cạnh tranh với nhau. Si-môn là thành viên của một nhóm dân tộc chủ nghĩa vốn ủng hộ những cuộc lật đổ bạo lực chính quyền Rô-ma. Thông thường Si-môn này và Lê-vi (Ma-thi-ơ người thu thuế) không ở cùng một nhóm với nhau.

**3:19 "Giu-đa Ích-ca-ri-ốt"** Có hai Si-môn, Hai Gia-cơ, và hai Giu-đa. "Ích-ca-ri-ốt" có thể có hai từ phát sinh: (1) người ở Kerioth tại Giu-đa (Giô-suê 15:23) hoặc (2) "người dao găm" hoặc kẻ ám sát, vốn có thể có nghĩa rằng ông là một người xê-lốt, cũng giống như Si-môn.

▣ **"là kẻ phản Ngài"** Động từ này được tô thêm màu sáu bởi mô tả của Phúc Âm Giảng về Giu-đa (Giăng 6:71; 12:4; 13:2,26-27; 18:2-5). Nguyên gốc nó chỉ đơn giản có nghĩa là "giao nộp cho nhà cầm quyền" (Mác 1:14). Động cơ tâm lý học và thần học của sự phản bội Chúa Jesus của Giu-đa luôn là một sự bí ẩn.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 3:20-27**

<sup>20</sup> Đức Chúa Jesus về nhà; cả một đám đông lại tụ họp tại đó đến nỗi Ngài và các môn đồ không thể dùng bữa được. <sup>21</sup> Người nhà của Ngài nghe vậy liền tìm đến để giữ Ngài lại, vì người ta nói rằng "Ngài đã bị mất trí." <sup>22</sup> Các thầy thông giáo từ thành Giê-ru-sa-lem xuống lại nói: "Người này bị Bê-ên-xê-bun ám, và nhờ quyền của quỷ vương mà đuổi quỷ." <sup>23</sup> Đức Chúa Jesus gọi họ đến, dùng ẩn dụ mà nói: "Sa-tan có thể tự đuổi Sa-tan được sao? <sup>24</sup> Nếu một nước tự chia rẽ thì nước ấy không thể đứng vững được; <sup>25</sup> nếu một nhà tự chia rẽ, thì nhà ấy không thể đứng vững được. <sup>26</sup> Cũng vậy, nếu quỷ Sa-tan tự chống lại chính mình và chia rẽ nhau thì nó không thể đứng vững được mà đã tận số rồi! <sup>27</sup> Không ai có thể vào nhà một người có sức mạnh để cướp tài sản mà không lo trói người ấy trước; phải trói người đó lại, rồi mới cướp nhà người được."

**3:20 "Đức Chúa Jesus về nhà"** Câu này phải chỉ đến cùng một căn nhà như trong Mác 2:1 và có lẽ cả Mác 7:17; 9:38.

▣ **"đám đông"** Đây là một kết quả của chức vụ chữa lành và giải cứu của Chúa Jesus (theo Mác 1:45; 2:2,13; 3:7,20).

▣ **"đến nỗi ...không thể dùng bữa được"** Đây là một sự quan ngại nghiêm trọng của gia đình của Ngài. Chúa Jesus luôn có thời gian cho những người cần được giúp đỡ. Ngài đã phó Chính Mình Ngài cho họ.

**3:21**

**NASB, NKJV**  
**NRSV, TEV**  
**NJB**

**"những người của Ngài"**  
**"gia đình Ngài"**  
**"những người thân của Ngài"**

Nguyên văn cụm từ này là "những người bên cạnh Ngài." Bản KJV dịch là "những bạn bè," nhưng rõ ràng đây là mẹ và những anh em Ngài.

**NASB**  
**NKJV**  
**NRSV**  
**TEV, NJB**

**"giam giữ Ngài"**  
**"cầm giữ Ngài"**  
**"ngăn cản Ngài"**  
**"cáo buộc Ngài"**

Đây là một động từ rất mạnh trong Ma-thi-ơ (Ma-thi-ơ 14:3; 18:28), nhưng thường không bạo lực trong Mác.

Nó thường chỉ đến việc giúp những người ốm đứng dậy bằng cách nắm lấy tay họ. Gia đình Ngài cố gắng để mang Ngài về nhà bằng sự ép buộc bởi vì họ nghĩ rằng Ngài hành động cách phi lý (theo Mác 3:31-35).

NASB	"Người này đã mất sự tỉnh táo "
NKJV, NJB	"Người này bị mất trí"
NRSV	"Người này không còn kiểm soát được tâm trí"
TEV	"Người này bị điên rồ "

Từ Hy Lạp khá mơ hồ về người đã đưa ra lời tuyên bố này. Có phải là gia đình (theo bản NASB, NKJV, NJB, NIV) hoặc một thông tin mà gia đình đã nghe lại từ người khác nói (theo bản NRSV, TEV)?

Thuật ngữ trong văn mạch có nghĩa là "bị chia cắt khỏi sự quân bình về mặt tâm trí" (2 Cô-rinh-tô 5:13). Nó thường được sử dụng trong Mác cho người đang "kính ngạc" (Mác 2:12; 5:42).

Từ này chỉ ra rằng mặc dù Chúa Jesus rất nổi tiếng với đám đông, nhưng Ngài lại bị hiểu nhầm bởi (1) những môn đồ của chính Ngài; (2) những lãnh đạo tôn giáo; (3) chính gia đình Ngài; và (4) bản thân đám đông.

**3:22 " Các thầy thông giáo từ thành Giê-ru-sa-lem xuống "** Câu này có thể chỉ đến những người được nhắc đến trong Mác 2:6,16, là những người rõ ràng đã được ủy nhiệm từ Tòa Công Luận (Sanhedrin) sai đến để thu thập thông tin về những sự dạy dỗ và hành vi của Chúa Jesus.

▣ **" Người này bị ám "** Câu này có nghĩa rằng Ngài đã bị kiểm soát với một quỷ và từ đó suy ra rằng quyền năng của Ngài đến từ Sa-tan (Ma-thi-ơ 9:34; Giăng 7:20; 8:48-52; 10:20). Cùng một cáo buộc được nói về Giảng Báp-tít (Ma-thi-ơ 11:18). Họ không thể chối bỏ những phép lạ của Chúa Jesus vì vậy họ đã bài bác nguồn gốc của quyền năng và thẩm quyền của Ngài.

▣ **"Bê-ên-xê-bun"** Danh từ không biến cách này được đọc là Beelzebub trong bản dịch KJV, nhưng Bê-ên-xê-bun (Beelzebub) trong hầu hết những bản dịch hiện đại. Từ "beel" phản chiếu một từ gốc Sê-mít *ba'al*, vốn có nghĩa là "chúa," "chủ sở hữu," "chủ nhân," hoặc "chồng." Nó là tên của vị thần bảo hộ của sự sinh sản và màu mỡ của đất đai của người Ca-na-an.

Từ "zebub" có thể có nghĩa là (1) chiều cao (núi hoặc thiên đàng); (2) quan trưởng (Zabul); hoặc (3) phân. Người Do Thái thường chuyển các ký tự của các thần ngoại bang để hình thành một sự chơi chữ làm giảm giá trị.

Nếu nó là từ "zebub" thì có thể chỉ về

1. baal của Ekron (2 Các Vua 1:2,3,6)
2. một vị thần của người Phi-li-tin, Zebaba
3. một cách chơi chữ tiếng A-ram hoặc chơi chữ trên cụm từ "chúa của sự thù địch" (*be'el debaba*)
4. "chúa của những loài biết bay" (từ A-ram "bay" *dibaba*)

Cách phát âm này, *Beelzebub*, là không rõ trong sự dạy dỗ ra-bi Do Thái Giáo.

Để biết thêm thông tin sâu hơn về tên của thần vị của điều ác hãy xem bộ *The New International Dictionary of New Testament Theology*, tập 3, trang 468-473.

▣ **" quỷ vương "** Danh xưng Bê-ên-xê-bun không phải là tên thông dụng nhất dành cho Sa-tan trong Do Thái Giáo. Chúa Jesus sử dụng nó như một từ đồng nghĩa với Sa-tan trong Mác 3:23.

**3:23-26** Chúa Jesus chỉ ra sự ngu dốt về mặt lập luận của sự gán ghép năng lực của Ngài với thuộc tính ma quỷ của Sa-tan. Rõ ràng một lãnh đạo chống lại những tội tớ của mình là một thảm họa!

**3:23 " Đức Chúa Jêsus gọi họ đến "** Hành động này để chỉ cho họ (những thầy thông giáo trong Mác 3:22) rằng Ngài cố thể đọc những suy nghĩ của họ (Hãy xem ghi chú tại Mác 2:6b). Nó cũng để ban cho họ thêm cơ hội để có thể lắng nghe rõ ràng thông điệp của Ngài.

▣ **" ẩn dụ "** Nguyên văn của từ này (*parabolē*, được sử dụng 13 lần trong Mác) là "rải ra dọc theo." Một việc xảy ra phổ biến của cuộc sống được sử dụng để minh họa cho một lẽ thật thuộc linh.

**3:24 " Nếu "** Đây là một Câu điều kiện bậc ba (Third class conditional sentence) có nghĩa chỉ về một hành động tiềm năng xảy ra.

**3:27 "không lo trời người ấy trước "** Đây là một sự trưng dẫn Đấng Mê-si bộc lộ (vén màn bí mật) đến Ê-sai 49:24-25. Nó cũng chỉ ra sự nhận biết của Chúa Jesus rằng Ngài mạnh hơn Sa-tan.

Hành động đui quỉ là rất thông dụng trong Do Thái Giáo (Mác 9:38; Công Vụ 19:14). Nhưng điều không phổ biến là quyền năng và thẩm quyền được thực thi bởi Chúa Jesus so với những loại thuốc huyền bí và công thức được sử dụng bởi các ra-bi. Chúa Jesus chỉ ra cách rõ ràng rằng bởi Ngài đã đến, Sa-tan đã bị đánh bại! Augustine thậm chí trích Mác 3:24 như một bằng chứng về thiên hy niên được hứa đã đến trong hiện tại (quan điểm vô thiên hy niên).

Câu này được sử dụng khá thường xuyên ngày hôm nay như là một câu Kinh Thánh bằng chứng cho việc "cột trối" Sa-tan trong các buổi nhóm Cơ Đốc. Câu Kinh Thánh này không thể thực hiện chức năng như một tiền lệ cho sự cầu nguyện của các Cơ Đốc Nhân chống lại ma quỷ. Các tín đồ chưa bao giờ được hướng dẫn để đề cập đến Sa-tan. Câu Kinh Thánh này đã bị biến thành một câu niệm chú cách mê tín vốn hoàn toàn nằm ngoài đặc điểm của Tân Ước.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 3:28-30**

**<sup>28</sup> Thật, Ta bảo các ngươi, mọi tội lỗi sẽ được tha cho con cái loài người, kể cả những lời phạm thượng mà chúng nói ra. <sup>29</sup> Nhưng ai xúc phạm đến Đức Thánh Linh thì sẽ chẳng bao giờ được tha, mà phải mắc tội đời đời.” <sup>30</sup> Ngài phán như vậy vì họ nói rằng: “Người này bị uế linh ám.”**

**3:28 " Thật "** Từ này nguyên văn là "amen." Cách sử dụng mở đầu trước tiên với từ "quả thật" của của Chúa Jesus là độc nhất. Nó thường đứng trước một thông điệp quan trọng.

**CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHỮ ‘AMEN’**

**I. CỰU ƯỚC**

- A. Chữ “Amen” lấy từ chữ Hê-bơ-rơ có nghĩa là
  - 1. lẽ thật (*emeth*) hay
  - 2. tính chân thật (*emun, emunah*), và
  - 3. đức tin hay
  - 4. sự thành tín.
- B. Gốc của chữ này lấy từ hình ảnh của một người có thể đứng vững chắc. Đối lập với nó là một người không vững vàng, bị trượt ngã (Phục truyền 28:64-67; 38:16; Thi thiên 40:2; 73:18; Giê-rê-mi 23:12) hay là vấp ngã (Thi thiên 73:2). Từ cách dùng theo nghĩa đen này, từ ngữ này đã phát triển mở rộng theo cách trừ tượng hơn với ý nghĩa thành tín, trung thành, đáng tin cậy (Sáng thế ký 15:16; Ha-ba-cúc 2:4).
- C. Các cách dùng đặc biệt khác:
  - 1. Một cột trụ, II Các Vua 18:16 (I Ti-mô-thê 3:15)
  - 2. Sự xác nhận, Xuất Ê-díp-tô ký 17:12
  - 3. Sự vững chãi, Xuất Ê-díp-tô ký 17:12
  - 4. Sự vững bền, Ê-sai 33:6; 34:5-7
  - 5. Tin cậy (luật pháp) Thi thiên 119:43, 142, 151, 168
  - 6. Sự thật, I Các Vua 10:6; 17:24; 22:16; Châm ngôn 12:22
  - 7. Sự vững vàng, II Sử ký 20:20; Ê-sai 7:9
- D. Trong Cựu ước, hai từ ngữ Hê-bơ-rơ khác được dùng để chỉ một đức tin sống động:
  - 1. *Bathach*, tin cậy
  - 2. *Yra*, kính sợ, kính trọng, thờ phượng (Sáng thế ký 22:12)
 Từ ý nghĩa tin cậy hay đáng tin đã phát triển cách dùng trong nghi lễ chỉ sự xác tín một lời nói thật hay đáng tin của một người (Phục truyền 27:15-26; Nê-hê-mi 8:6; Thi thiên 41:13; 70:19; 89:52; 106:48).
- E. Chìa khóa thần học để hiểu ý nghĩa từ ngữ này không nằm ở sự trung thành của con người mà là ở sự thành tín của Đức Chúa Trời (Xuất 34:6; Phục truyền 32:4; Thi thiên 108:4; 115:1; 117:2; 138:2). Niềm hy vọng duy nhất của con người sa ngã là sự trung thành trong giao ước thành tín thương xót của Đức Giê-hô-va và lời hứa của Ngài. Những người nhận biết Đức Giê-hô-va sẽ trở nên giống Ngài (Ha-ba-cúc 2:4). Kinh thánh là lịch sử và là quyển sách ghi lại thể nào Chúa phục hồi lại ảnh tượng của Ngài nơi con người (Sáng thế ký 1:26-27). Sự cứu rỗi phục hồi khả năng kết nối mỗi tương giao mật thiết với Đức Chúa Trời nơi con người. Đó là lý do tại sao chúng ta được tạo dựng nên.

## II. TÂN ƯỚC

- A. Cách sử dụng chữ 'amen' như là lời kết xác tín sự đáng tin cậy của một câu nói trong nghi lễ là cách dùng thông thường trong Tân ước (I Cô-rinh-tô 14:16; II Cô-rinh-tô 1:20; Khải huyền 1:7; 5:14; 7:12).
- B. Cách sử dụng từ ngữ này để kết thúc lời cầu nguyện là cách dùng thông thường trong Tân ước (Rô-ma 1:25; 9:5; 11:36; 16:27; Ga-la-ti 1:5; 6:18; Ê-phê-sô 3:21; Phi-líp 4:20; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:18; I Ti-mô-thê 1:17; 6:16; II Ti-mô-thê 4:18).
- C. Chúa Jê-sus là người duy nhất sử dụng từ ngữ này (thường là lặp lại) để mở đầu một câu nói quan trọng (Lu-ca 4:24; 12:37; 18:17, 29; 21:32; 23:43).
- D. Từ ngữ này được dùng làm danh hiệu cho Chúa Jê-sus trong Khải huyền 3:14 (Có thể là danh hiệu Đức Giê-hô-va trong Ê-sai 65:16).
- E. Khái niệm sự thành tín hay đức tin, sự đáng tin cậy hay tin cậy được diễn tả qua từ ngữ Hy-lạp *pistos* hay *pistis*, là chữ được dịch sang tiếng Anh là tin cậy, đức tin, tin tưởng (trust, faith, believe).

▣ " mọi tội lỗi sẽ được tha cho con cái loài người, kể cả những lời phạm thượng mà chúng nói ra " Câu này chỉ ra một cơ hội về ân điển của Đức Chúa Trời nơi Đấng Christ. Cụm từ "con cái loài người " là một thành ngữ Sê-mít thông thường chỉ về con người (Thi 8:4; Ê-xê-chi-ên 2:1).

**3:29 " ai xúc phạm đến Đức Thánh Linh "** Câu này phải được hiểu trong bối cảnh lịch sử trước-Lễ Ngũ Tuần của nó. Nó được sử dụng trong nghĩa lẽ thật của Đức Chúa Trời đã bị chối bỏ. Sự dạy dỗ của câu này thường được gọi cách thông dụng là "tội không thể tha thứ." Nó phải được giải nghĩa trong ánh sáng của các tiêu chuẩn dưới đây:

1. Sự phân biệt trong Cựu Ước giữa "tội cô ý" và "tội vô ý"," (Dân Số Ký 15:27-31)
2. Sự vô tín của chính gia đình Chúa Jesus trái ngược với sự vô tín của những người Pha-ri-si trong văn mạch này
3. Những lời tuyên bố về sự tha thứ trong Mác 3:28
4. Sự khác biệt giữa các phần Kinh Thánh song hành Phúc Âm, đặc biệt là sự thay đổi của "con người" (Ma-thi-ơ 12:32; Lu-ca 12:10) được đổi thành "các con cái của nhiều người," (Ma-thi-ơ 12:31; Mác 3:28).

Trong ánh sáng của các tiêu chuẩn phía trên, tội này được phạm bởi ai, trong sự hiện diện của sự soi sáng và hiểu biết vĩ đại, vẫn cứ chối bỏ Chúa Jesus là phương cách mặc khải và cứu rỗi của Đức Chúa Trời. Họ rời khỏi ánh sáng của phúc âm bước vào trong sự tối tăm của Sa-tan (Mác 3:30). Họ chối bỏ sự dẫn dắt và cáo trách của Thánh Linh (Giăng 6:44,65). Tội không thể tha thứ không phải là chối bỏ Đức Chúa Trời bởi một hành động hoặc lời nói đơn lẻ, nhưng là một sự chối bỏ tiếp diễn liên tục Đức Chúa Trời ở trong Đấng Christ bởi một sự vô tín cố ý (của các thầy thông giáo và người Pha-ri-si).

Tội lỗi này chỉ có thể bị vi phạm bởi những ai đã được sáng tỏ với phúc âm. Những ai đã nghe thông điệp phúc âm về Chúa Jesus cách rõ ràng là những người phải chịu trách nhiệm nhiều nhất về sự chối bỏ nó của họ. Điều này đặc biệt đúng với những nền văn hóa hiện đại đã có sự tiếp cận cách liên tục với phúc âm, nhưng lại chối bỏ Chúa Jesus (văn hóa Hoa Kỳ, phương Tây).

Để xem về Đức Thánh Linh như là ngôi thứ ba của Ba Ngôi Đức Chúa Trời hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NGÔI VỊ CỦA ĐỨC THÁNH LINH

Trong Cựu Ước có cụm từ "Thần Linh của Đức Chúa Trời" (*ruach*) là một linh lực thực hiện mục đích của Đức Giê-hô-va, như không có sự gợi ý Ngôi Vị. (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Nhất Thần Luận trong Cựu Ước). Tuy nhiên, trong Tân Ước, bản tánh và ngôi vị của Đức Thánh linh được bày tỏ một cách trọn vẹn

1. Ngài có thể bị xúc phạm (một cách phạm thượng) (Xem Ma-thi-ơ. 12:31; Mác 3:29)
2. Ngài dạy (Xem Lu-ca 12:12; Giăng 14:26)
3. Ngài làm chứng (Xem Giăng 15:26)
4. Ngài hướng dẫn, và cáo trách (Xem Giăng 16:7-15)
5. Ngài được gọi "Đấng" (, *hos*, Xem Ê-phê-sô. 1:14)
6. Ngài có thể bị làm phiền lòng (Xem Ê-phê-sô. 4:30)

7. Ngài có thể bị ‘đập tắt’ (Xem 1 Thê-sa-lô-ni-cas. 5:19)
8. Ngài có thể bị chống trả (Công Vụ 7:51)
9. Ngài biện hộ cho các Cơ Đốc Nhân (Giăng 14:26; 15:26; 16:7)
10. Ngài làm vinh hiển Con (Giăng 16:14)

Ngưng câu Kinh thánh về Ba Ngôi (Chủ Đề Đặc Biệt: Ba Ngôi) nói về Ba Cá Nhân.

1. Ma-thi-ơ. 28:19
2. 2 Cô-rin-tô. 13:14
3. 1 Phi-ê-rơ. 1:2

ĐứcThánh Linh liên hệ tới sự vận hành của nhân loại.

1. Công-vụ 15:28
2. Rô-ma. 8:26
3. 1 Cô-rin-tô. 12:11
4. Ê-phê-sô. 4:30

Ngay từ đầu sách Công vụ, vai trò của ĐứcThánh Linh được nhấn mạnh. Lễ Ngũ Tuần không phải là sự bắt đầu công việc của Đức Thánh Linh, nhưng là công việc của Ngài trong một chương sách mới. Chúa Giê-su luôn có ĐứcThánh Linh. Sự báp-tem của Ngài không phải là sự bắt đầu công việc của Đức Thánh Linh, nhưng là công việc của Ngài trong một chương sách mới. ĐứcThánh Linh là Tác Nhân trong chương trình của Đức Chúa Cha nhằm hồi phục nhân loại trong hình bóng của Ngài (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Chương Trình Cứu Chuộc Của Đức Giê-hô-va)!

▣ " **chẳng bao giờ được tha** " Lời tuyên bố này có thể được giải nghĩa trong ánh sáng của Mác 3:28.

▣ " **mà phải mắc tội đời đời** " Đây là một sự chối bỏ phúc âm cách cố ý (con người và những công việc của Chúa Jesus) trong sự hiện diện của ánh sáng vĩ đại!

Có nhiều sự khác biệt liên hệ đến cụm từ "một tội đời đời." Một số bản thảo cổ tiếng Hy Lạp

1. Đổi nó trở thành một cụm từ sở hữu cách (*hamartias*) – C\*, D, W
2. Thêm vào "sự đoán xét" (*kriseōs*) – A và C2 (KJV)
3. Thêm vào "sự đau đớn" (*kolaseōs*), chữ thường 1234

Thật đáng kinh ngạc đối với những thầy thông giao trong thời kỳ đầu tiên khi nói về "tội lỗi đời đời." UBS4 đánh giá "một tội đời đời" một điếm B (gần như chắc chắn).

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỜI ĐỜI (*aiōnios*)**

Robert B. Girdlestone, trong quyển sách của ông *Synonyms of the Old Testament*, đã đưa ra một bình luận thú vị về từ "đời đời":

"Tính từ *aiōnios* được sử dụng hơn bốn mươi lần trong Tân Ước với sự liên hệ với sự sống đời đời, vốn xem một phần như là một món quà ở hiện tại, phần khác như là lời hứa dành cho tương lai. Nó cũng được áp dụng cho sự tồn tại không bao giờ chấm dứt của Đức Chúa Trời trong Rô-ma 16.26; và cho sự hiệu lực không bao giờ chấm dứt của sự chuộc tội của Đấng Christ trong Hê-bơ-rơ 9.12; 13.20; và cho những thời đại quá khứ trong Rô-ma 16.25; 2 Ti-mô-thê 1.9; Tít 1.2.

Từ này được sử dụng để chỉ đến ngọn lửa đời đời, Ma-thi-ơ 18.8; 25.41; Giu-đe 1:7; hình phạt đời đời, Ma-thi-ơ 25.46; hình phạt hoặc sự định tội đời đời, Mác 3.29; Hê-bơ-rơ 6.2; sự hư mất đời đời 2 Tê-sa 1:9. Từ trong những đoạn Kinh Thánh này hàm ý chỉ về sự cuối cùng, và dường như biểu hiện rằng những sự đoán phạt này sẽ bị giáng xuống, và thời gian của sự thử thách, thay đổi hoặc cơ hội được sự cứu thoát của số phận của một người, sẽ trôi qua cách hoàn toàn và mãi mãi. Chúng ta hiểu rất ít về tương lai, về sự liên hệ với cuộc sống loài người với phần còn lại của thực tại, và về áp lực đạo đức trên sự vô tín, được xem như là ánh sáng của cõi đời đời. Nếu, về một mặt, thật sai lầm khi chúng ta thêm vào lời của Đức Chúa Trời, thì mặt khác, chúng ta không



được lấy bớt đi từ lời Chúa; và nếu chúng ta phân vân, dao động dưới tín lý về hình phạt đời đời như nó đã được trình bày trong Kinh Thánh, thì chúng ta phải kiên trì, bền bỉ để chờ đợi, dính chặt với tình yêu trong Đấng Christ của Phúc Âm của Đức Chúa Trời, trong khi nhận biết rằng ngoài kia có một màn tối mà chúng ta không có khả năng để thấu hiểu" (trang 318-319).

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: giải kinh "TỘI KHÔNG THỂ THA THỨ" theo phương cách giải kinh**

- I. Xin nhớ rằng các Phúc Âm phản ánh bối cảnh Do-thái
  1. Có hai loại tội lỗi (xem Lê-vi-ký 4:2,22,27; 5:15,17-19; Dân Số Ký 15:27-31; Phục Truyền 1:43; 17:12-13)
    - a. không chủ ý
    - b. có chủ ý
  2. Bối cảnh Do-thái trước Ngũ tuần (tức là thời điểm giữa sự hoàn tất Phúc Âm và sự giáng trần của Thánh Linh)
- II. Đề ý ngữ cảnh của Mác 3:22-30
  1. sự bất tin của chính gia đình Chúa Giê-su (xem. 3:31-32)
  2. sự bất tin của người Pha-ri-si (xem 2:24; 3:1,6,22)
- III. So sánh những đoạn tương tự chứa đựng chi tiết: "Con Người" thay đổi thành "con cái loài người"
  1. Ma-thi-ơ. 12:22-37 (i.e., 12:32, "nói nghịch với Con Người")
  2. Lu-ca 11:14-26; 12:8-12 (i.e., 12:10, "nói nghịch với Con Người")
  3. Mác 3:28 (i.e., "mọi tội lỗi sẽ được tha cho con cái loài người")

**Tội lỗi không thể tha thứ chính là một sự chối bỏ liên tục Chúa Jesus trong sự hiện diện của ánh sáng bày tỏ vĩ đại. Những người Pha-ri-si đã hiểu rõ nhưng chối bỏ tin nhận. Trong nghĩa này nó liên hệ với "tội đến nỗi chết trong 1 Giăng (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tội Đến Nỗi Chết (Dẫn Đến Sự Chết)).**

### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 3:31-35**

<sup>31</sup> Mẹ và các em Đức Chúa Jê-sus đến, đứng bên ngoài và cho người vào gọi Ngài. <sup>32</sup> Đám đông đang ngồi quanh Ngài, thưa với Ngài: "Kìa, mẹ và anh em Thầy ở ngoài kia, đang tìm Thầy." <sup>33</sup> Ngài đáp: "Ai là mẹ Ta, ai là anh em Ta?" <sup>34</sup> Rồi Ngài đưa mắt nhìn những người ngồi chung quanh mình và nói: "Đây là mẹ Ta và anh em Ta!" <sup>35</sup> Ai làm theo ý muốn Đức Chúa Trời ấy là anh em, chị em, và mẹ Ta vậy."

**3:31-35** Những câu này liên hệ với Mác 3:21. Có một sự tương phản rõ ràng giữa sự vô tín chối bỏ, nhưng đầy sự thương cảm của gia đình của Chúa Jesus (Giăng 7:5) và sự vô tín cố ý, thù địch của các lãnh đạo tôn giáo. Chúa Jesus tuyên bố cách đặc biệt rằng ý muốn của Đức Chúa Trời chính là đức tin nơi Chính Ngài (Giăng 6:40; 14:6).

**3:33** " Ai là mẹ Ta, ai là anh em Ta " Đây là một câu hỏi đáng kinh ngạc bày tỏ về sự tự mình hiểu rõ của Chúa Jesus và bản chất rất quan trọng của đức tin theo kinh thánh chỉ có thể mô tả được trong cụm từ một sự hạ sinh mới, một gia đình mới.

Đời sống gia đình là một khía cạnh quan trọng của đời sống Do Thái và rằng việc sử dụng những từ chỉ gia đình cho những bạn đồng đức tin là rất quan trọng. Các tín hữu liên hệ với Đấng Thánh như là thành viên của gia đình; Đức Chúa Trời là Cha, Chúa Jesus là con Một và Đấng Cứu Rỗi, nhưng chúng ta, cũng là con cái của Đức Chúa Trời.

**3:35** " Ai làm theo ý muốn Đức Chúa Trời " Đức Tin nơi Đấng Christ chính là ý muốn của Đức Chúa Trời cho toàn bộ nhân loại (Giăng 1:12; 3:16; 6:40; 14:6; 1 Giăng 5:12,13). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Ý Muốn của Đức Chúa Trời tại 1 Phi-e-rơ 2:15. Chú ý sự mời gọi bao gộp, toàn cầu hãy đáp ứng lại trong đức tin nơi Chúa Jesus và sự rao giảng của Ngài.

### **NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh

sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Tại sao cách bố cục của Lu-ca lại khác với Mác? (Mác 3:22-30)  
Sự tường thuật trong Ma-thi-ơ đã thêm gì vào phần tường thuật trong sách Mác?
2. Tại sao những lãnh đạo tôn giáo lại đưa ra những lời buộc tội chống lại Chúa Jesus trong đoạn này? Họ có biết tốt hơn hay không?
3. Tại sao Chúa Jesus lại cố gắng tranh luận với họ?
4. "Tội lỗi không thể được tha thứ" là gì?
5. Trong văn mạch tội không thể được tha thứ có thể bị vi phạm ngày hôm nay hay không? Một người có thể biết được nếu anh ta/ cô ta đã phạm nó hay không?
6. Trong đoạn Kinh Thánh về tội lỗi không thể được tha thứ liên hệ với 1 Giăng 5:16 hoặc Hê-bơ-rơ đoạn 6 và 10?
7. Tội lỗi liên hệ với sự cứu rỗi như thế nào? Tội lỗi này có liên hệ với sự vô tín của gia đình Chúa Jesus như thế nào?
8. Sự xúc phạm chống lại Chúa Jesus có thể được tha thứ nhưng xúc phạm chống lại Đức Thánh Linh lại không được? Sự khác biệt ở đây là gì (hãy so sánh Ma-thi-ơ 12:31-32 với Lu-ca 12:10 và Mác 3:28)?

## MÁC 4

### NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS4	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Ăn Dụ Người Gieo Giống 4:1-9	Ăn Dụ Người Gieo Giống 4:1-9	Sự Dạy Dỗ Qua Các Ăn Dụ 4:1-9	Ăn Dụ Người Gieo Giống 4:1-2 4:3-8 4:9	Ăn Dụ Người Gieo Giống 4:1-9
Mục Đích của Các Ăn Dụ 4:10-12	Mục Đích của Các Ăn Dụ 4:10-12	4:10-12	Mục Đích của Các Ăn Dụ 4:10-12	Vì Sao Chúa Jesus lại Dạy Dỗ Qua Các Ăn Dụ? 4:10-12
Ăn Dụ Người Gieo Giống Được Giải Thích 4:13-20	Ăn Dụ Người Gieo Giống Được Giải Thích 4:13-20	4:13-20	Chúa Jesus Giải Thích về Ăn Dụ Người Gieo Giống 4:13-20	Ăn Dụ Người Gieo Giống Được Giải Thích 4:13-20
Ngon Đền Đẻ Dưới Thùng Đong Lúa 4:21-23	Ngon Đền Đẻ Dưới Cái Thùng 4:21-25	4:21-25	Ngon đền đẻ dưới Cái Chậu 4:21-23	Nhận Lãnh Và Đáp Ứng Những Sự Dạy Dỗ của Chúa Chúa Jesus 4:21-23
4:24-25	4:24-25	4:24-25	4:24-25	4:24-25
Ăn Dụ về Hạt Giống Lớn Lên 4:26-29	Ăn Dụ về Hạt Giống Lớn Lên 4:26-29	Hạt Giống Tăng Trưởng Cách Bí Mật 4:26-29	Ăn Dụ Về Hạt Giống Lớn Lên 4:26-29	Ăn Dụ Về Hạt Giống Tự Minh Lớn Lên 4:26-29
4:30-32	4:30-32	4:30-32	4:30-32	4:30-32
Sự Sử Dụng Các Ăn Dụ 4:33-34	Cách Chúa Jesus Sử Dụng Các Ăn Dụ 4:33-34	4:33-34	4:33-34	Sự Sử Dụng Các Ăn Dụ 4:33-34
Sự Dẹp Yên Con Bão 4:35-41	Sóng Và Gió Vâng Lời 4:35-41	Sóng Và Gió Phải Yên Lặng 4:35-41	Chúa Jesus Dẹp Yên Con Bão 4:35-38 4:39-40 4:41	Sự Dẹp Yên Con Bão 4:35-41

**CHU KỶ ĐỌC THỨ BA** (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

## THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

## NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

A. Một vài đoạn tiếp theo trong Mác phản ánh sự chống nghịch gia tăng của các lãnh đạo tôn giáo. Mác khắc họa sự tương phản giữa sự được mến mộ của Chúa Jesus bởi đoàn dân đông với sự căm ghét của các lãnh đạo tôn giáo.

B. Chúa Jesus đã di chuyển khỏi nhà hội và bắt đầu giảng dạy trong những buổi nhóm ngoài trời. Đây là một cách giảm đi sự ảnh hưởng của các lãnh đạo tôn giáo và làm nổi bật cơ hội cho đại chúng có thể lắng nghe lời Ngài!

C. Sự thấu hiểu các ẩn dụ đã và đang liên hệ với một kết ước đức tin ưu tiên. Ngay cả Các Sứ Đồ khởi đầu cũng không hiểu được những sự dạy dỗ bằng các ẩn dụ của Chúa Jesus. Trong nhiều cách, sự thấu hiểu phụ thuộc vào

1. Sự lựa chọn
2. Quyền năng soi sáng của Đức Thánh Linh
3. Sự sẵn lòng ăn năn và tin nhận

Sự thấu hiểu liên quan đến một quyền năng thiên thượng và sự một đáp ứng đức của con người!

D. "Ẩn dụ" là một từ ghép trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là "rải ra dọc theo." Những sự kiện thông dụng xảy ra được sử dụng để minh họa cho những lẽ thật thuộc linh. Tuy nhiên, cần phải nhớ rằng đối với các tác giả Phúc Âm từ Hy Lạp này phản chiếu từ Hê-bơ-rơ *mashal* (BDB 605), vốn có nghĩa là "điều bí ẩn (câu đố)" hoặc "châm ngôn," một từ của sự khôn ngoan. Một điều cần phải sẵn lòng để suy gẫm lại về vấn đề và trông đợi những kết quả suy gẫm trong ánh sáng của bản chất đầy bất ngờ của vương quốc Đức Chúa Trời vốn giờ đây đã hiện diện trong chính Chúa Jesus. Đối với một vài loại người nghe, các ẩn dụ ẩn giấu lẽ thật (Mác 4:10-12).

E. Những ẩn dụ trong Mác 4 có những phần song hành trong Ma-thi-ơ và Lu-ca

<u>Mác</u>	<u>Ma-thi-ơ</u>	<u>Lu-ca</u>
Bốn loại đất 4:3-20		
Ngọn đèn bị ẩn giấu 4:21-25	13:3-23	8:5-15
Hạt giống mọc lên 4:26-29		8:16-18
Hạt cái 4:30-32	13:31-32	
Cách sử dụng các ẩn dụ 4:33-34 (theo Mác 4:10-12)	13:33-35	

F. Ấn dụ về Các Loại Đất hay là Ấn Dụ Người Gieo Giống, được tìm thấy trong Các Sách Tin Lành Công Quan, chính là chìa khóa giải nghĩa cho các Ấn Dụ Khác. Chúa Jesus dành thời gian để giải nghĩa chúng nơi riêng tư cho các môn đồ. Cho đến khi đó, họ đã không thể hiểu gì, thì như vậy còn có cơ hội nào cho những người khác để hiểu? Ấn dụ này có những khía cạnh kiểu hình học (typological) và/hoặc khía cạnh phúng dụ (allegorical aspect), vốn phải được xác định hoặc ý nghĩa được định trước đã bị mất đi.

G. Mác 4:21-25 được lặp lại trong Ma-thi-ơ trong những văn mạch khác nhau: Mác 4:21 – Ma-thi-ơ 5:15

Mác 4:22 – Ma-thi-ơ 10:26

Mác 4:24 – Ma-thi-ơ 7:2

Mác 4:25 – Ma-thi-ơ 13:12; 25:29 Có ít nhất hai cách giải thích

1. Chúa Jesus lặp lại và tái áp dụng những sự dạy dỗ và minh họa của Ngài cho những nhóm người khác nhau vào những thời điểm khác nhau.
2. Những tác giả Phúc Âm đã chọn lọc, sắp xếp và đưa những lời phán của Chúa Jesus cho mục đích văn học và thần học của họ (theo quyển *How to Read the Bible for All Its Worth* được viết bởi Gordon Fee và Doug Stuart, ở trang 113-134).

H. Mác ghi chép lại một chuỗi của những phép lạ vốn bày tỏ về quyền năng và thẩm quyền của Chúa Jesus trong Mác 4:35-8:26. Những phép lạ có mục đích ấn chứng sự đúng đắn, chân thật của những sự dạy dỗ tươi mới cách triệt để của Chúa Jesus. Ngài đã khiến Chính Mình Ngài trở nên vẫn đề!

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIẢI NGHĨA CÁC ẤN DỤ**

Các Sách Tin Lành Công Quan được viết nhiều năm sau thời gian Chúa Jesus sống trên đất. Các tác giả Sách Phúc Âm (với sự giúp đỡ của Đức Thánh Linh) đã quen thuộc về mặt văn hóa với các truyền thống truyền miệng. Các ra-bi Do Thái đã dạy bởi những sự trình bày qua lời nói. Chúa Jesus đã làm theo cách truyền khẩu này để tiếp cận với sự dạy dỗ. Với tri thức của chúng ta Ngài chưa bao giờ viết xuống bất cứ sự dạy dỗ hay bài giảng nào của Ngài. Để giúp đỡ cho việc ghi nhớ, những sự trình bày của sự giảng dạy giảng luôn được lặp lại, tổng kết và minh họa. Các tác giả Phúc Âm giữ lại những sự trợ giúp ghi nhớ này. Các Ấn Dụ, vốn rất khó để định nghĩa, là một trong những kỹ thuật đó.

"Các ấn dụ được định nghĩa tốt nhất như là những câu chuyện với hai lớp nghĩa; mỗi lớp chuyện cung cấp một tấm gương bởi đó hiện thực được thấu hiểu và nắm được, "Theo quyển *Dictionary of Jesus and the Gospels*, (Trang 594).

"Một ấn dụ là một lời nói hoặc một câu chuyện tìm kiếm để dẫn dắt một vấn đề về tâm điểm mà người kể chuyện mong muốn nhấn mạnh bằng cách minh họa nó bằng một tình huống quen thuộc của cuộc sống hằng ngày," Theo *The Zondervan Pictorial Bible Encyclopedia* (trang 590).

Thật khó để định nghĩa chính xác những gì được hiểu qua từ "ấn dụ" trong thời của Chúa Jesus

3. Một số người cho rằng nó phản ánh từ Hê-bơ-rơ *meshal* vốn là bất cứ loại câu đố (Mác 3:23), lời nói khôn ngoan (Châm Ngôn, Lu-ca 4:23), câu nói súc tích (Mác 7:15), hoặc những lời nói đầy bí ẩn ("câu nói thâm sâu").

4. Những người khác lại giữ định nghĩa theo quan điểm giới hạn hơn của một câu chuyện ngắn.

Phụ thuộc vào cách một người định nghĩa từ này, hơn một phần ba những sự dạy dỗ của Chúa Jesus được ghi chép lại ở hình thái theo nghĩa bóng. Đây đã là một thể loại văn học của Tân Ước. Các ấn dụ chắc chắn là những lời phán đích xác của Chúa Jesus. Nếu một người chấp nhận sự định nghĩa thứ hai, vẫn còn một vài loại khác của những mẫu chuyện ngắn:

- a. những câu chuyện đơn giản (Lu-ca 13:6-9)
- b. những câu chuyện phức tạp (Lu-ca 15:11-32)
- c. những câu chuyện trái ngược nhau (Lu-ca 16:1-8; 18:1-8)
- d. những câu chuyện ngụ ngôn mang tính chất kiểu mẫu/biểu tượng (typological/allegorical) (Ma-thi-ơ 13:24-30, 47-50; Lu-ca 8:4-8, 11-15; 10:25-37; 14:16-24; 20:9-19; Giảng 10; 15:1-8)

Để xử lý với sự đa dạng về những tài liệu mang tính ngụ ngôn cần phải giải nghĩa những lời phán này trên một vài cấp độ khác nhau. Cấp độ thứ nhất sẽ là những nguyên tắc giải kinh có thể áp dụng được cho mọi thể loại viết của Kinh Thánh. Một vài hướng dẫn:

1. xác định mục đích viết của toàn bộ sách hoặc ít nhất là đơn vị văn học lớn hơn
2. xác nghĩa người đọc nguyên thủy là ai. Rất đáng chú ý rằng thường những ẩn dụ giống nhau được phân cho nhiều nhóm người khác nhau, ví dụ:
  - c. con chiên bị mất đang đề cập đến các tội nhân.
  - d. con chiên lạc mất trong Ma-thi-ơ 18 đề cập đến các môn đồ
3. cần chắc chắn nhớ rằng phải để ý đến văn mạch trực tiếp của ẩn dụ. Thường Chúa Jesus hoặc tác giả Phúc Âm luôn nói lên điểm chính (thường vào cuối ẩn dụ hoặc ngay sau nó).
4. mô tả những ý định trung tâm của ẩn dụ trong một câu tuyên bố. Các ẩn dụ thường có hai hay ba nhân vật chính. Thường có một lẽ thật, mục đích hoặc, tiêu điểm được ngụ ý (cốt chuyện) dành cho mỗi nhân vật (Lu-ca 15:11-22 có 3 nhân vật nhưng ẩn dụ Người Sa-ma-ri nhân lành thì không phải như vậy, theo Lu-ca 10:25-37).
5. hãy kiểm tra những đoạn Kinh Thánh song hành trong các Sách Phúc Âm khác, và sau đó đến những sách Tân Ước và Cựu Ước.

Cấp độ thứ hai của những nguyên tắc giải kinh rằng nguyên tắc liên hệ cụ thể với những tư liệu dụ ngôn.

1. Hãy đọc (và nghe nếu có thể) ẩn dụ cách lặp đi lặp lại. Những ẩn dụ được kể với mục đích cho sự tác động truyền miệng, chứ không phải những sự phân tích được biết xuống.
2. Phần lớn các ẩn dụ có một lẽ thật trung tâm vốn liên hệ đến những văn mạch và bối cảnh lịch sử của thời Chúa Jesus và nhà truyền giáo (tác giả Phúc Âm)
3. Hãy cẩn thận trong việc giải nghĩa những chi tiết. Chúng thường chỉ là những bộ phận của kết cấu câu chuyện. Hãy nhớ rằng các ẩn dụ không phải là sự thật. Chúng là những sự tương đồng giống như cuộc sống, nhưng với sự phóng đại, để dẫn dắt vấn đề về tâm điểm (lẽ thật).
4. Hãy xác định những điểm chính của câu chuyện mà khán giả Do Thái của thế kỷ thứ nhất sẽ hiểu (theo *Jesus Through Middle Eastern Eyes* được viết bởi Kenneth E. Bailey). Sau đó tìm chỗ bước ngoặt hoặc yếu tố gây kinh ngạc. Nó thường đến ở phần cuối câu chuyện (Theo A. Berkeley Mickelsen trong *Interpreting the Bible*, trang 221-224).
5. Mọi ẩn dụ đều được đưa ra để bộc lộ ra một sự đáp ứng. Sự đáp ứng này thường liên hệ với khái niệm "Vương Quốc Đức Chúa Trời." Chúa Jesus chính là người mở đầu của Vương Quốc của Đấng Mê-si tươi mới (Ma-thi-ơ 21:31; Lu-ca 17:21). Những ai lắng nghe Ngài giờ đây phải đáp ứng với Ngài
6. Vương Quốc cũng nằm ở tương lai (Ma-thi-ơ 25). Tương lai của một người phụ thuộc vào cách mà ông ta đáp ứng với Chúa Jesus tại thời điểm đó. Những ẩn dụ về vương quốc mô tả một vương quốc mới đã đến trong Chúa Jesus. Chúng mô tả những yêu cầu đạo đức và triệt để cho tiến trình môn đồ hóa. Mọi điều không thể vẫn y nguyên như cũ. Tất cả đều tươi mới cách triệt để và tập chú vào nơi Chúa Jesus!
7. Các ẩn dụ thường không bày tỏ vấn đề hoặc lẽ thật trung tâm. Người giải nghĩa cần phải tìm kiếm ngữ cảnh chìa khóa của bối cảnh và văn mạch mà nó bộc lộ ra những lẽ thật văn hóa hiển nhiên trung tâm cho người nghe nguyên thủy mà giờ đây là những sự học búa, mờ mịt đối với chúng ta.

Một lớp thứ ba thường gây tranh cãi chính là sự ẩn giấu của những lẽ thật ẩn dụ. Chúa Jesus thường phán về sự ẩn giấu của những ẩn dụ (Ma-thi-ơ 13:9-15; Mác 4:9-13; Lu-ca 8:8-10; Giăng 10:6; 16:25). Điều này liên hệ với lời tiên tri trong Ê-sai 6:9-10. Tấm lòng của người nghe xác định mức độ thấu hiểu của họ (Ma-thi-ơ 11:15; 13:9,15,16,43; Mác 4:9,23,33-34; 7:16; 8:18; Lu-ca 8:8; 9:44; 14:35).

Tuy nhiên, cần phải đề cập rằng thường đoàn dân đông (Ma-thi-ơ 15:10; Mác 7:14) và những Người Pha-ri-si (Ma-thi-ơ 21:45; Mác 12:12; Luke 20:19) đã hiểu chính xác những gì Chúa Jesus đã nói nhưng chối bỏ một sự đáp ứng thích đáng đối với nó bằng một đức tin và sự ăn năn. Trong một nghĩa thì nó chính là lẽ thật của Ẩn Dụ về Các Loại Đất (Ma-thi-ơ 13; Mác 4; Lu-ca 8). Các ẩn dụ có mục đích để che đậy hoặc bày tỏ lẽ thật (Ma-thi-ơ 13:16-17; 16:12; 17:13; Luke 8:10; 10:23-24).

Grant Osborne, trong quyển *Hermeneutical Spiral*, trang 239, đã đưa ra luận điểm "các ẩn dụ là một 'công cụ tác động' và thực hiện chức năng khác nhau phụ thuộc vào chính khán giả... Mỗi một nhóm (các lãnh đạo, đám đông, các môn đồ) được tác động khác nhau bởi những ẩn dụ." Thường rằng ngay cả các môn đồ cũng không hiểu cả những ẩn dụ và sự dạy dỗ của Ngài (Ma-thi-ơ 15:16; Mác 6:52; 8:17-18,21; 9:32; Lu-ca 9:45; 18:34; Giăng 12:16).

Một cấp độ thứ tư cũng gây tranh cãi. Nó xử lý với lẽ thật trung tâm của các ẩn dụ. Hầu hết các nhà giải kinh hiện đại đều đáp ứng (một cách chính đáng thôi so) theo một sự giải nghĩa mang tính chất biểu tượng cho những ẩn dụ. Sự biểu tượng hóa biến những chi tiết thành một hệ thống lẽ thật phức tạp. Phương pháp giải nghĩa này không tập chú vào bối cảnh lịch sử, văn mạch, hoặc ý định của tác giả nhưng lại bày tỏ ý tưởng của nhà giải kinh, chứ không phải là phần Kinh Thánh.

Tuy nhiên, cần phải thừa nhận rằng các ẩn dụ mà Chúa Jesus giải nghĩa cũng khá gần với sự biểu tượng hóa (allegorical) hay ít nhất là mô hình hóa (typological). Chúa Jesus sử dụng những chi tiết để chuyển tải lẽ thật (ví dụ: người gieo giống, Ma-thi-ơ 13; Mác 4; Lu-ca 8 và những tá điền gian ác, Ma-thi-ơ 21; Mác 12, Lu-ca 20).

Một vài những ẩn dụ khác cũng có một vài lẽ thật chính. Một ví dụ tốt chính là ẩn dụ Người Con Trai Hoang Đàng (Lu-ca 15:11-32). Đó không chỉ là tình yêu của Người Cha và sự ương ngạnh, bướng bỉnh của người con trai út nhưng chính là thái độ của người con trai cả và đó mới chính là điều không thể thiếu được để dẫn đến ý nghĩa trọn vẹn của ẩn dụ.

Một phần trích rất có ích từ quyển *Linguistics and Biblical Interpretation* được viết bởi Peter Cotterell và Max Turner:

"Chính Adolf Julicher, hơn hết tất cả ai hết, là người dẫn dắt sự nghiên cứu học thuật Tân Ước đến với một nỗ lực quyết định để có thể hiểu được vai trò của các ẩn dụ trong sự dạy dỗ của Chúa Jesus. Sự biểu tượng hóa triệt để những ẩn dụ đã bị bỏ rơi và sự kiếm tìm một chiếc chìa khóa mà có thể kích hoạt chúng ta nhìn xuyên suốt qua ý nghĩa thật của chúng. Nhưng như Jeremias đã làm rõ, 'Những nỗ lực của ông để giải phóng các ẩn dụ khỏi những sự giải nghĩa kỳ lạ và tùy tiện của tất cả các chi tiết đã khiến ông rơi vào trong một lỗi lầm chí tử.' Lỗi lầm ở đây đã là sự khẳng khẳng nhấn mạnh không chỉ đơn thuần rằng ẩn dụ nên được hiểu như là một sự chuyển tải một ý tưởng đơn lẻ, nhưng rằng ý tưởng đó phải khái quát nhất trong khả năng có thể " (p. 308).

Một trích dẫn có ích khác từ quyển *The Hermeneutical Spiral* được viết bởi Grant Osborne:

"Và tôi đã nhận thấy nhiều dấu hiệu chỉ rằng những ẩn dụ quả thật là những những chuyện ngụ ngôn biểu tượng, mặc dầu bị điều khiển bởi ý định của tác giả. Blomberg (1990) trên thực tế đã tranh luận rằng có bao nhiêu vấn đề thì cũng có bấy nhiêu nhân vật trong các ẩn dụ và rằng họ quả thật chúng chính là những sự biểu tượng hóa. Trong khi điều này trong khía cạnh nào đó được nhấn mạnh quá mức, nó gần hơn lẽ thật với "cách tiếp cận 'một vấn đề'" (trang 240).

Các ẩn dụ có nên được sử dụng để dạy dỗ các lẽ thật giáo lý hay soi sáng những lẽ thật giáo lý? Hầu hết các nhà giải kinh đều đã bị ảnh hưởng bởi sự lạm dụng của phương pháp biểu tượng hóa của sự giải nghĩa các ẩn dụ vốn cho phép sử dụng chúng (các ẩn dụ) để thiết lập những tín lý mà không hề có quan hệ với ý định nguyên thủy của Chúa Jesus cũng như là tác giả phúc âm. Ý nghĩa phải được liên kết với ý định tác giả. Chúa Jesus và tác giả phúc âm ở dưới sự thần cảm, nhưng nhà giải kinh thì không.

Dẫu cho các ẩn dụ đã bị lạm dụng đến mức nào đi chăng nữa thì chúng vẫn thực hiện chức năng như là một công cụ giảng dạy chuyển chở lẽ thật, lẽ thật tín lý. Hãy lắng nghe Bernard Ramm về điểm này.

"Các ẩn dụ dạy dỗ giáo lý và sự công bố rằng chúng không nên được sử dụng trong các tác phẩm tín lý là không phù hợp. . . chúng ta phải kiểm tra những kết quả của chúng ta với sự dạy dỗ đơn thuần, có bằng chứng của Chúa chúng ta, và với phần còn lại của Tân Ước. Các ẩn dụ với sự cẩn thận thích đáng có thể được sử dụng để minh họa cho tín lý, soi sáng những kinh nghiệm Cơ Đốc và dạy dỗ những bài học thực hành." Theo *Protestant Biblical Interpretation* (trang 285).

Trong phần kết luận, hãy để tôi đưa ra ba sự trích dẫn phản ánh những sự cảnh cáo về sự giải nghĩa những ẩn dụ của chúng ta:

- a. Trích từ quyển *How to Read the Bible For All Its Worth* bởi tác giả Gordon Fee và Doug Stuart, "Những ẩn dụ đã chịu nhiều đau khổ của một số phận bị giải nghĩa sai lạc trong hội thánh nhiều thứ hai sau sách Khải Huyền " (trang 135).
- b. Trích từ quyển *Understanding and Applying the Bible* được viết bởi J. Robertson McQuilkin,

"Những ẩn dụ đã là nguồn gốc của phước hạnh không kể xiết trong sự soi sáng dân sự của Đức Chúa Trời liên quan đến lẽ thật thuộc linh. Cùng lúc, những ẩn dụ cũng là nguồn cội của những sự rối loạn không kể xiết của cả mặt giáo lý và thực hành trong hội thánh " (trang 164).

c. Trích từ quyển *The Hermeneutical Spiral* được viết bởi Grant Osborne,

"Các ẩn dụ ở nằm giữa những tác phẩm được viết về nhiều nhất nhưng lại bị lạm dụng về mặt giải kinh nhiều nhất của Kinh Thánh... sống động nhất nhưng cũng khó để thấu hiểu về thể loại văn học nhất. Tiềm năng của ẩn dụ cho việc truyền thông cực kỳ to lớn, bởi vì nó tạo ra sự so sánh hoặc bởi vì câu chuyện dựa trên những kinh nghiệm hàng ngày. Tuy nhiên, chính câu chuyện đó đã có thể có nhiều ý nghĩa rồi, và những độc giả hiện đại cũng có cùng một sự khó khăn giải nghĩa nó cũng giống những độc giả xa xưa" (trang 235).

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 4:1-9

<sup>1</sup> Đức Chúa Jêsus lại bắt đầu giảng dạy bên bờ biển. Có một đoàn người rất đông tụ họp quanh Ngài nên Ngài phải xuống ngồi trên một chiếc thuyền, còn tất cả dân chúng thì đứng trên bờ. <sup>2</sup> Ngài dùng ẩn dụ dạy dỗ họ nhiều điều. Trong khi dạy, Ngài phán: <sup>3</sup> "Hãy nghe đây! Có một người đi ra gieo giống. <sup>4</sup> Trong khi gieo, một số hạt rơi dọc đường, chim đến ăn hết. <sup>5</sup> Một số khác rơi trên đất đá, chỉ có ít đất, vì lớp không sâu nên liền mọc lên. <sup>6</sup> Nhưng khi mặt trời mọc lên, bị nắng thiêu đốt thì chúng khô héo vì không có rễ. <sup>7</sup> Một số khác rơi giữa bụi gai; gai mọc lên làm cho nghẹt ngòi và không kết quả được. <sup>8</sup> Một số khác nữa rơi trên chỗ đất tốt nên kết quả, lớn lên và nảy nở, một hạt ra ba chục, hạt khác sáu chục, hạt khác một trăm." <sup>9</sup> Ngài lại phán: "Ai có tai để nghe, hãy nghe!"

**4:1 " Đức Chúa Jêsus lại bắt đầu giảng dạy bên bờ biển "** Câu này không phải là một điều gì hoàn toàn mới (Mác 2:13; 3:7) nhưng giờ đây nhà hội đã trở nên càng lúc càng đóng cửa với Ngài. Ngài tiếp tục những sự phục vụ nơi ngoài trời. Chúa Jesus muốn những người bình thường có thể tiếp cận với Ngài và những sự dạy dỗ của Ngài.

▣ **" Có một đoàn người rất đông tụ họp "** Có một đám đông lớn, nhưng ẩn dụ ngụ ý rằng chỉ có ít sự phản hồi. Sự hiện diện của đám đông rất lớn là một chủ đề thường xuyên trong Mác (Mác 2:13; 3:9; 4:1,36; 5:31; 7:33; 8:1,2; 9:14,17; 14:43; 15:8).

▣ **" một chiếc thuyền "** Từ trong tiếng Hy Lạp này chỉ về một con thuyền buồm. Trong Mác 3:9 Chúa Jesus yêu cầu một con thuyền chèo được chuẩn bị sẵn trong trường hợp sự lấn ép của đám đông trở nên quá lớn. Nó khi đó sẽ trở nên một thêm giảng dạy. Tất cả mọi người đều muốn chạm vào Ngài. Thật là một sự chèn ép bất buọc sẽ xảy ra.

▣ **" ngồi trên "** Một sự tự hỏi rằng phải chăng Chúa Jesus ngồi (thay vì đứng) phản ánh một tiêu chuẩn văn hóa của những thầy dạy dỗ Do Thái (các ra-bi ngồi để dạy) hay là việc này xảy ra bởi vì sự thiếu ổn định, vũng vằng của chiếc thuyền.

▣ **"trên bờ"** Chúa Jesus có thể đã phải sử dụng tiếng cộng hưởng tự nhiên của mặt nước để phán dạy cho một đám đông lớn.

**4:2 " Ngài ... dạy dỗ họ "** Đây là một thể chỉ định chủ động chưa hoàn thành (imperfect active indicative) có ý nghĩa rằng Ngài giảng, và lại tiếp tục giảng lại ("nhiều điều").

▣ **" ẩn dụ "** Hãy Xem Vấn Đề Đặc Biệt: Giải Nghĩa Các Ẩn Dụ phần dẫn nhập vào Mác 4.

**4:3 "' Hãy nghe đây "'** Đây là một Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative). Hãy nhớ rằng, các ẩn dụ đã được ban ra cách truyền miệng. Những ra-bi Do Thái sẽ dạy dỗ, sau đó tóm lại, và minh họa. Chúa Jesus đi theo khuôn mẫu này (theo William L. Blevin trong quyển sách của ông *Birth of a New Testament*, trang 1-13).

▣ **" một người ...gieo giống "** Đây là một quang cảnh rất thông dụng tại miền Ga-li-lê. Ẩn dụ này quá dễ hiểu khi một người nhận ra cách những người dân tại các làng cây bừa những mảnh đất xung quanh làng mạc của



họ. Những luống cây này nằm dọc theo đường đi, các khu cỏ dại, v.v... Sau đó họ gieo giống trên toàn bộ mảnh đất bằng tay. Chúa Jesus sử dụng tập quán rất thông dụng này để minh họa cho sự tiếp nhận thuộc linh (bốn loại đất).

**4:4 " đọc đường "** Từ này chỉ về những lối đi công cộng đi qua những cánh đồng tập thể của những làng mạc. Khi những cánh đồng cây cấy các lối đi này biến mất cách nhanh chóng, nhưng chúng xuất hiện lại ngay để sử dụng.

**4:5 " đất đá "** Từ này chỉ về một nền đá, chỉ dưới một vài in-sơ (tác Anh (inches), bằng 2,54 cm) đất, là đá xem lẫn trong cánh đồng. Sự nông cạn của lớp đất là rất rõ ràng với những người đang nghe giảng dạy.

**4:7 " giữa bụi gai "** Cụm từ này chỉ về những bụi gai đan xem rất dày đến nỗi không nhìn xuyên qua sau khi cày cấy.

**4:8 " kết quả, lớn lên và nảy nở, một hạt ra ba chục, hạt khác sáu chục, hạt khác một trăm "** Những kiểu mẫu đất và địa điểm khiến những lượng kết quả khác nhau. Có một vài những sự khác biệt trong các bản thảo cổ liên hệ với giới từ *en*. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa những bản thảo tiếng Hy Lạp thật sự không làm thay đổi ý nghĩa của phần Kinh Thánh.

Có lẽ cả ba nên là *en*, vốn đi theo một hành hướng của tiếng A-ram.

**4:9, 23 " Ai có tai để nghe, hãy nghe "** Đây là một thành ngữ Sê-mít. Nó chỉ ra nhu cầu cần phải suy nghĩ cẩn thận và áp dụng cách cá nhân (theo Ma-thi-ơ 11:15; 13:9,43; Lu-ca 8:8; 14:35; Khải Huyền 2:7,11,17,29; 3:6,13,22; 13:9). Đây có lẽ là một sự phản chiếu lời cầu nguyện Hê-bơ-rơ, *Shema* (Phục Truyền 6:4), vốn hai có nghĩa là "lắng nghe để làm theo." Sự lắng nghe bắt buộc phải đem lại kết quả trong hành động (Gia-cơ 2:14-26).

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 4:10-12

<sup>10</sup> Khi Đức Chúa Jêsus còn lại một mình, những người ở quanh Ngài cùng với mười hai sứ đồ đến hỏi Ngài về các ẩn dụ. <sup>11</sup> Ngài phán: "Sự mầu nhiệm về vương quốc Đức Chúa Trời đã được ban cho các con; nhưng đối với người ngoài, thì mọi sự đều nằm trong các ẩn dụ, <sup>12</sup> để họ:

Xem thì vẫn xem, mà không thấy,  
Nghe thì vẫn nghe, mà không hiểu;  
E rằng họ hỏi cải mà được tha tội chẳng."

**4:10 " Khi Đức Chúa Jêsus còn lại một mình "** Cụm từ này có nghĩa là ở riêng với các môn đồ. Họ hiển nhiên cảm thấy xấu hổ khi hỏi những câu hỏi nơi đông người. Rõ ràng họ không hiểu ẩn dụ.

**4:11 " đã được ban cho các con "** Đây là thể chỉ định thụ động hoàn thành (perfect passive indicative). Chúng ta là những người quản lý có trách nhiệm về những lẽ thật thuộc linh chúng ta sở hữu. "Ai được ban cho nhiều, thì sẽ bị đòi lại nhiều" (theo Lu-ca 12:48).

Sự dạy dỗ riêng tư này, có vẻ như là một sự kiện xảy ra rất phổ biến, có thể giải thích những sự khác biệt giữa các Sách Tin Lành Công Quan và Sách Tin Lành Giảng. Chúa Jesus phán dạy rất khác trong Giảng. Có thể rằng những sự dạy dỗ ẩn dụ, vốn rất phổ biến trong các Sách Tin Lành Công Quan, đã được thực hiện trước những đám đông và một phong cách hoàn toàn khác (những tuyên bố khẳng định "Ta Là") đã được thực hiện nơi riêng tư với những môn đồ và đó chính là những gì mà sách Tin Lành Giảng đã ghi chép lại.

Đây chỉ là một khả năng của cả vấn đề về sự hướng dẫn đặc biệt dành cho Nhóm Mười Hai Người, để họ có thể thực hiện trọng trách đối với hội thánh đầu tiên, như là một phương cách nhấn mạnh về thẩm quyền Sứ Đồ của họ. Họ, và chỉ riêng họ, biết được sự giải nghĩa "thật" về những lời giảng dạy của Chúa Jesus. Tất cả mọi sự mặc khải đến từ những môn đồ được chọn và thân cảm.

▣ **"Sự mầu nhiệm"** Đây là từ trong tiếng Hy Lạp *mustērion*. Nó được sử dụng trong Tân Ước trong một vài nghĩa khác nhau. Trong văn mạch này, nó bày tỏ lẽ thật mà những lãnh đạo và đám đông không thể thấu hiểu. (Ê-sai 6:9-10).

#### SỰ HUYỀN NHIỆM TRONG CÁC PHÚC ÂM

- I. Trong Phúc Âm Đồng Quan, thuật ngữ điều huyền nhiệm ám chỉ tri thức thuộc linh tiếp nhận bởi giáo huấn và ngụ ngôn của Chúa Giê-su.
1. Mác4:11
  2. Ma-thi-ơ 13:11
  3. Lu-ca 8:10
- II. Phao-lô sử dụng sự huyền nhiệm theo vài cách như sau:
1. Sự cứng lòng một phần của Y-sơ-ra-ên để dân ngoại được tham gia Nước Trời. Sự tham gia của dân ngoại là cơ chế kích lệ Y-sơ-ra-ên tiếp nhận Chúa Giê-su là Đấng Christ được tiên tri. ( Rô-ma 11:25-32).
  2. Phúc Âm được truyền giảng tới các dân tộc để họ biết mình được tiếp nhận trong Đấng Christ và bởi Đấng Christ. ( Rô-ma 16:25-27; Cô-lô-se 2:2).
  3. Nói về thân thể mới của tín đồ tại thời điểm Tái Lâm. ( I Cô-rinh-tô 15:5-57; I Tê-sa 4:13-18).
  4. Sự tông kết và chung kết mọi sự trong Đấng Christ. ( Ê-phê-sô 1:8-11).
  5. Dân ngoại và Y-sơ-ra-ên đều chung gia sản của Cha. ( Ê-phê-sô 2:11-3:13).
  6. mối liên hệ giữa Đấng Christ và Hội Thánh được miêu tả như tình vợ chồng. ( Ê-phê-sô 5:22-33).
  7. Dân ngoại tham gia dân tuyển theo giao ước mới, đồng thời sự ngự trị bởi Thánh Linh khiến tín đồ trở nên trưởng thành, hình ảnh Đức Chúa Trời được hồi phục trong họ. ( Sáng 1:26-27; 5:1; 6:5,11-13; 8:21; 9:6; Cô-lô-se 1:26-28).
  8. Nói về Kẻ Nghịch Đấng Christ trong thời Tận Thế. ( II Tê-sa 2:1-11).
  9. Một bài thánh ca của hội thánh đầu tiên về sự huyền nhiệm của phúc âm trong 1 Tim 3:16)
- III. Trong Khải Huyền của Giăng, với các biểu tượng Khải thị.
1. Khải Huyền 1:20
  2. Khải Huyền 10:7
  3. Khải Huyền 17:5,6
- IV. Những huyền nhiệm con người không thể tự khám phá, nhưng được mặc Khải bởi Đức Chúa Trời. Những lẽ thật này là quan trọng thiết yếu cho một sự hiểu biết chân thật về chương trình cứu chuộc đời đời cho toàn nhân loại (Sáng 3:15). Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Chương trình Cứu chuộc đời đời của Đức Giê-hô-va.

▣ " **vương quốc Đức Chúa Trời** " Hãy xem ghi chú tại Mác 1:15.

▣ " **nhưng đối với người ngoài** " Đức Thánh Linh và sự nhận biết cá nhân đều cần thiết để có thể hiểu được những lẽ thật thuộc linh. Những ai chối bỏ Đức Thánh Linh phạm tội được chép trong Mác 3:29. Những ẩn dụ có mục đích song hành của việc che giấu lẽ thật (Ma-thi-ơ 11:25-27) và bày tỏ lẽ thật cách rõ ràng (theo Lu-ca 10:29 và ẩn dụ kèm theo). Tâm lòng của người nghe chính là điều then chốt.

**4:12** Câu này được trích trong tiếng A-ram của Ê-sai 6:9. Phần Kinh Thánh song hành trong sách Ma-thi-ơ được trích từ trong bản Bảy Mươi (Septuagint) cả Ê-sai 6: 9,10. Sự giảng dạy của Ê-sai đã bị chối bỏ bởi những người Y-sơ-ra-ên ông phán với trong thế kỷ thứ tám T.C và giờ đây những khán giả của Chúa Jesus trong thế kỷ thứ nhất SC cũng chối bỏ những sự giảng dạy của Ngài trong một cách tương tự như vậy. Những động từ thể cầu khẩn (subjunctive verbs) vượt trội chi phối phần trích dẫn Cựu Ước này, vốn chỉ về một sự nguyện ý bất ngờ trong một bộ phận của những người nghe.

Dù cho sách Mác được viết cho Người Ngoại, có lẽ là người Rô-ma, ông thường ngụ ý về những đoạn Kinh Thánh Cựu Ước (theo Mác 1:2-3; 2:25- 26; 4:12; 10:6-8,19; 12:26,29-31,36).

▣ " **e rằng họ quay lại (e rằng họ hối cải)** " Đây là một từ Cựu Ước (*shub*, BDB 996) chỉ về sự ăn năn.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 4:13-20**

<sup>13</sup> Rồi Ngài nói: "Các con không hiểu ẩn dụ này sao? Vậy thì làm sao hiểu được tất cả các ẩn dụ khác? <sup>14</sup> Người gieo giống, tức là gieo đạo. <sup>15</sup> Những hạt ở dọc đường là những kẻ đã chịu nghe đạo được gieo ra, nhưng họ vừa nghe xong thì Sa-tan lập tức đến, cất đi đạo đã gieo trong lòng họ. <sup>16</sup> Cũng vậy, những hạt gieo nơi đất đá là những người khi nghe đạo liền vui mừng tiếp nhận; <sup>17</sup> nhưng đạo không đâm rễ trong lòng, chỉ tồn tại nhất thời; nên khi vì đạo mà gặp hoạn nạn hay bắt bớ, họ liền vấp ngã. <sup>18</sup> Những hạt rơi

giữa bụi gai giống như những người nghe đạo,<sup>19</sup> nhưng sự lo lắng về đời này, sự quyến rũ của giàu sang, và sự tham muốn những thứ khác xâm chiếm lòng họ, làm cho đạo bị nghẹt ngòi, không kết quả được.<sup>20</sup> Còn những hạt được gieo trên đất tốt giống như những người nghe đạo thì tiếp nhận và kết quả, hạt này ra ba chục, hạt khác sáu chục, hạt khác nữa một trăm.”

**4:13** " Các con không hiểu ẩn dụ này sao? Vậy thì làm sao hiểu được tất cả các ẩn dụ khác?" Lời tuyên bố này chỉ có duy nhất trong sách Mác, nhưng nó chỉ ra rằng Chúa Jesus đã trông đợi các môn đồ có thể hiểu được. Gia đình của Ngài đã không hiểu, đám đông cũng đã không hiểu, các lãnh đạo tôn giáo đã không hiểu, và ngay cả các môn đồ, nếu không có những sự chú ý đặc biệt và sự giải thích, cũng không hiểu.

Ẩn dụ này chính là một kiểu mẫu cho các ẩn dụ khác. Có một vài nguyên tắc then chốt cho việc giải nghĩa các ẩn dụ:

1. Ghi chép lại bối cảnh lịch sử và văn mạch
2. Nhận diện ra lẽ thật trung tâm
3. Đừng áp đặt ý nghĩa cho những chi tiết
4. Hãy kiểm tra những đoạn Kinh Thánh tương đồng (song hành) trong các Phúc Âm
5. Hãy tìm những điểm bước ngoặt bất ngờ hoặc những thông điệp gây kinh ngạc về mặt văn hóa vốn sẽ là sự kêu gọi hành động dựa trên chuẩn mực đạo đức mới của vương quốc

w

**4:14** Hạt giống chỉ về sự công bố phúc âm. Đoạn Kinh Thánh song hành trong Ma-thi-ơ (Ma-thi-ơ 13:19) gọi nó là "đạo nước thiên đàng."

**4:15** "Sa-tan" Kẻ cướp lẽ thật này được mô tả rất rõ ràng trong 2 Cô-rinh-tô 4:4. Câu Kinh Thánh song hành trong Ma-thi-ơ (Ma-thi-ơ 13:19) thêm vào rằng "(người nào nghe...) mà không hiểu," thì Sa-tan lấy nó khỏi tâm trí và tâm lòng của họ để họ không còn suy nghĩ gì về nó nữa. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 1:13.

▣ " **cát đi** " Từ Hy Lạp *airō* này có thể có nghĩa là (1) hủy diệt (Giăng 11:48) hoặc (2) lấy đi mạng sống một người (Lu-ca 23:18; Công Vụ 12:19); không có lời (đạo), không có sự sống!

**4:16** "  **khi nghe đạo liền vui mừng tiếp nhận** " Sự chấp nhận khởi đầu tiêu chuẩn duy nhất (Mác 4:17 và 19). Đức tin theo Kinh Thánh không chỉ dựa trên một quyết định cảm xúc trong quá khứ, nhưng là một mối tương giao tiếp tục tăng trưởng. Sự cứu rỗi không phải là một chính sách bảo hiểm cháy nổ hay là một vé đi thiên đàng, nhưng là sự phục hồi "hình ảnh của Đức Chúa Trời," vốn cho phép một mối tương giao mật thiết, hằng ngày với Đức Chúa Trời. Một sự này niềm vui mừng không thể thay thế được cho một mối quan hệ kết quả (theo Mác 4:20).

**4:17** "  **không đâm rễ trong lòng** " Những phần Kinh Thánh song hành trong Giăng sử dụng những tín hữu trong Mác 8:từ câu 30 trở đi.

▣ " **hoạn nạn hay bất bớ** " Sự kiên trì chịu đựng (bền đỗ) là một bằng chứng của một đức tin thật.

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CẦN THIẾT PHẢI BỀN ĐỖ

Các tín lý Kinh thánh liên quan đến đời sống Cơ đốc nhân rất khó giải thích vì chúng được trình bày trong những cặp biện chứng rất Đông phương. Những cặp này dường như mâu thuẫn nhau, nhưng chúng đều có nền tảng Kinh thánh. Những Cơ đốc nhân phương Tây thường có khuynh hướng chọn một lẽ thật và bỏ qua hoặc không xem trọng lẽ thật đối lại. Tôi minh họa như sau:

1. Sự cứu rỗi là một quyết định ban đầu tin cậy nơi Đấng Christ hay là một cam kết trọn đời làm môn đồ của Ngài?
2. Có phải sự cứu rỗi là một sự lựa chọn bởi ân điển từ một Đức Chúa Trời chí cao hay là đáp ứng tin cậy và ăn năn của con người trước một món quà thiêng thượng?
3. Sự cứu rỗi, một khi đã nhận được, thì không thể mất được, hay là phải có sự chuyên cần liên tục?

Vấn đề về sự kiên trì đã gây nhiều tranh cãi trong lịch sử Hội thánh. Vấn đề khởi sự từ những phân đoạn rõ ràng mâu thuẫn với nhau trong Tân ước:

1. Các phân đoạn về sự chắc chắn

- a. Câu nói của Đức Chúa Giê-xu (Giăng 6:37; 10:28-29)
  - b. Câu nói của Phao-lô (Rô-ma 8:35-39; Ê-phê-sô 1:13; 2:5,8-9; Phi-líp 1:6; 2:13; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:3; II Ti-mô-thê 1:12; 4:18)
  - c. Câu nói của Phi-e-rơ (I Phi-e-rơ 1:4-5)
2. Các phân đoạn về sự cần thiết phải kiên trì
- a. Câu nói của Đức Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 10:22; 13:1-9, 24-30; 24:13; Mác 13:13; Giăng 8:31; 15:4-10; Khải huyền 2:7,17,20; 3:5,12,21)
  - b. Câu nói của Phao-lô (Rô-ma 11:22; I Cô-rinh-tô 15:2; II Cô-rinh-tô 13:5; Ga-la-ti 1:6; 3:4; 5:4; 6:9; Phi-líp 2:12; 3:18-20; Cô-lô-se 1:23)
  - c. Câu nói của tác giả thư Hê-bơ-rơ (2:1; 3:6,14; 4:14; 6:11)
  - d. Câu nói của Giăng (I Giăng 2:6; II Giăng 9)
  - e. Câu nói của Đức Chúa Cha (Khải huyền 21:7)

Sự cứu rỗi theo Kinh thánh xuất phát từ tình yêu, sự thương xót, và ân điển của Đức Chúa Trời Ba Ngôi chí cao. Không một ai có thể được cứu mà không nhờ vào sự khởi đầu của Đức Thánh Linh (Giăng 6:44,64). Trời đến trước và lập kế hoạch, nhưng đòi hỏi người đáp ứng bằng đức tin và ăn năn, từ lúc ban đầu và tiếp tục về sau. Chúa làm việc với con người trong mối liên hệ giao ước. Vì vậy có cả đặc ân và trách nhiệm.

Sự cứu rỗi được ban cho tất cả mọi người. Sự chết của Đức Chúa Giê-xu đã giải quyết vấn đề tội lỗi của muôn vật bị sa ngã. Đức Chúa Trời đã ban cho một con đường và Ngài muốn mọi người được dựng nên theo ảnh tượng của Ngài đáp ứng lại tình yêu và sự ban tặng của Ngài trong Đức Chúa Giê-xu.

Nếu bạn muốn đọc thêm về chủ đề này theo quan điểm không theo phái Calvin, thì bạn có thể xem:

1. Dale Moody, *The Word of Truth*, Eerdmans, 1981 (trang 348-365)
2. Howard Marshall, *Kept by the Power of God*, Bethany Fellowship, 1969
3. Robert Shank, *Life in the Son*, Westcott, 1961

Kinh thánh cho thấy hai vấn đề trong lãnh vực này (1) tin vào sự cứu rỗi chắc chắn được xem như giấy phép để sống cuộc đời không kết quả, ích kỷ và (2) khích lệ những người đang tranh đấu với tội lỗi cá nhân và trong mục vụ. Vấn đề ở đây là những nhóm sai lầm đã đi theo sứ điệp sai lầm và xây dựng hệ thống thần học trên một số phân đoạn Kinh thánh giới hạn. Một số Cơ đốc nhân thật sự cần sứ điệp về sự cứu rỗi chắc chắn, trong khi một số khác thì cần được cảnh cáo nghiêm minh. Bạn ở trong nhóm nào?

▣ " **về đời này** " Chú ý rằng sự bắt bớ liên hệ với phúc âm (Ma-thi-ơ 5:10-12; 1 Phi-e-rơ 2:11-12,21; 3:14-17; 4:12-16). Con của Đức Chúa Trời, lời của Đức Chúa Trời, và dân sự của Đức Chúa Trời chính là mục tiêu của một thế giới sa ngã.

**4:18** Loại đất thứ ba chỉ về những kẻ nghe lời, nhưng những nan đề bên ngoài (Mác 4:19) đã khiến nó (hạt giống – lời dạy đạo) chết đi. Chú ý sự khác biệt rõ ràng giữa sự nảy mầm và kết quả! Một sự khởi đầu tốt không làm nên chiến thắng nhưng phải là sự kết thúc tốt (Giăng 15; Hê-bơ-rơ 11).

**4:19** " **sự lo lắng về đời này, sự quyến rũ của giàu sang** " Cụm từ này chỉ về những cám dỗ của thế giới (hoặc thời đại) sa ngã".

**4:20** " **ba chục, hạt khác sáu chục, hạt khác nữa một trăm** " Lượng không quan trọng như bản thân của sự kết quả!

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 4:21-25

<sup>21</sup> Đức Chúa Jê-sus lại hỏi họ: "Có ai đem đèn đặt dưới cái thùng hoặc dưới gầm giường, thay vì đặt trên chân đèn không?" <sup>22</sup> Vì chẳng có điều gì giấu kín mà không phải lộ ra, chẳng có điều gì bí mật mà không bị đưa ra ánh sáng. <sup>23</sup> Nếu ai có tai để nghe, hãy nghe!" <sup>24</sup> Ngài lại phán: "Hãy suy xét điều mình nghe. Các con lường cho người ta mục nào thì họ cũng sẽ lường cho các con mục ấy, và còn được cho thêm nữa. <sup>25</sup> Vì ai có sẽ được cho thêm; còn ai không có sẽ bị cất luôn điều mình đang có."

**4:21** " **đèn** " Hai câu hỏi đầu của Mác 4:21 về mặt ngữ pháp trông đợi một câu trả lời "không." Ánh sáng có mục đích để soi sáng. Đức tin có mục đích để kết quả. Đoạn Kinh Thánh này giải thích vì sao nhiều người không

hiểu những ẩn dụ của Chúa Jesus. Các ẩn dụ có mục đích để soi sáng, nhưng những tấm lòng và động cơ xấu xa của con người, chứ không phải Đức Chúa Trời, đã khóa chặt ánh sáng. Đức Chúa Trời luôn muốn truyền thông, bày tỏ (theo Mác 4:22).

Chúa Jesus, trong ánh sáng của văn mạch tức thì, chắc chắn đang nói về sự công bố tương lai của phúc âm trọn vẹn ngay sau sự phục sinh và thăng thiên của Ngài. Bí Mật về Đấng Mê-si lập lại thường xuyên trong Mác, sự che đậy lẽ thật bị gây ra bởi sự sử dụng những ẩn dụ, và thiếu vắng sự hiểu biết của nhóm môn đồ thân thiết đã đưa ra nhu cầu đề vấn đề này có thể xem trong một văn mạch tương lai (sau Lễ Ngũ Tuần).

▣ " **cái thùng** " Đây là một thùng chứa được khoảng một đấu hoặc hai ga-lông (khoảng 9 lít) của việc đong lường khô. Đây là một từ theo phong cách La-tinh, có lẽ là một sự xác nhận dành cho Phúc Âm Mác được viết cho người Rô-ma.

▣ " **dưới gầm giường** " Nguyên văn từ này là "tấm nệm rom." Vật này không chỉ sử dụng cho việc ngủ (theo Mác 7:30), nhưng cho một tấm nệm được dùng khi ăn trong một tư thế nằm tựa.

▣ " **chân đèn** " Từ này có thể chỉ đến một vài cách khác nhau để đèn có thể được cố định trong một tư thế để có thể mang lại sự chiếu sáng nhiều nhất: (1) một chỗ lồi ra trên tường; (2) một giá treo trên tường; hoặc (3) một vài loại chân đế.

**4:23 " nếu "** Đây là một câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence). Chúa Jesus giả định rằng một vài người (cuối cùng) cũng sẽ hiểu được con người, sứ mạng, và những lời hứa của Ngài.

**4:24-25** Phần Kinh Thánh này đề cập đến một nguyên tắc thuộc linh. Thông điệp phúc âm sẽ được rải ra đến khu vực dân ngoại; chìa khóa then chốt của sự tăng trưởng chính là loại đất nào mà nó rơi xuống. Sự mở lòng của nhân loại với lẽ thật thuộc linh là điều then chốt. Điều này không chỉ chỉ về sự đáp ứng khởi đầu nhưng là sự đáp ứng tiếp nối. Một sự đáp ứng nông cạn, cảm xúc sẽ bị chối bỏ.

**4:24 " Hãy suy xét điều mình nghe "** Câu này chỉ về một sự chấp nhận hoặc chối bỏ cá nhân dành cho Chúa Jesus. Những ra-bi tin rằng tâm trí chính là một mảnh vườn được cày cấy để sẵn sàng cho hạt giống. Những gì chúng ta cho phép đôi mắt chúng ta nhìn hoặc đôi tai chúng ta nghe (Mác 4:9,23) sẽ đâm rễ. Chúng ta sẽ trở thành những gì chúng ta sống trên, tập chú vào và dành ưu tiên!

▣ " **lường cho người ta mực nào thì họ cũng sẽ lường cho các con mực ấy** " Câu này không có bất cứ sự liên quan gì với việc ban cho về mặt tài chính, nhưng là sự nhận thức thuộc linh sâu sắc. Lẽ thật này cũng được trình bày trong Ma-thi-ơ 5:7; 6:14-15; 18:21-35; Mác 11:25; Lu-ca 6:36-37; Gia-cơ 2:13; 5:9. Đây không phải là một sự công chính bởi việc làm, nhưng sự thật rằng một hành động bày tỏ về tấm lòng của một người biết bao nhiêu. Những tín đồ cần có một tấm lòng mới và một gia đình mới.

**4:25** Khi lẽ thật đến với phúc âm, nó tiếp tục ban cho và ban cho những ai đáp ứng với nó, nhưng đối với những ai chối bỏ nó, nó chỉ để lại một sự trống không mà thôi! Chúa Jesus đang sử dụng một châm ngôn mang tính nghịch lý (Mác 4:22,25; 6:4; 8:35; 10:43-44). Đây là một loại kiểu mẫu (dạy dỗ) của các thầy giảng dạy cận đồng.

Câu Kinh Thánh này sử dụng một cấu trúc câu thụ động (passive construction), vốn có lẽ là một cấu trúc giải thích (circumlocution) dùng cho Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời chính là tác nhân không được bày tỏ của hành động.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BAN RVV11 (BAN TIẾNG ANH NASB) 4:26-29**

<sup>26</sup> Ngài tiếp tục phán: "Vương quốc Đức Chúa Trời cũng tựa như một người vãi hạt giống xuống đất; <sup>27</sup> dù ngủ hay thức, dù đêm hay ngày, hạt giống vẫn cứ nảy mầm và mọc lên mà người ấy chẳng biết thể nào. <sup>28</sup> Vì đất tự sinh sản hoa màu, lúc đầu là cây mạ, rồi làm đòng và kết hạt. <sup>29</sup> Khi lúa chín, người ấy liền đem lưỡi hái ra gặt, vì mùa thu hoạch đã đến."

**4:26 " hạt giống "** Ẩn dụ này là độc nhất trong Mác. Do câu 14 chúng ta biết rằng câu này chỉ về thông điệp phúc âm. Sự tăng trưởng là kết quả của một hạt giống tốt và một mảnh đất tốt. Đây là những khía cạnh thiên thượng và con người của giao ước.

**4:27-29** Phần Kinh Thánh này có thể phản ánh về sự cứu rỗi giống như một tiến trình (1 Cô-rinh-tô 1:18; 15:2; 2 Cô-rinh-tô 2:15; 2 Phi-e-rơ 3:18). Ẩn dụ này mô tả về sự tăng trưởng kỳ diệu bí ẩn của đức tin trong đời sống của những con cái sa ngã của A-đam. Mục tiêu của nó chính là bông trái!

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THÌ CỦA CÁC ĐỘNG TỪ HY LẠP DÙNG CHO SỰ CỨU RỖI

Sự cứu rỗi không phải là một sản phẩm, nhưng là một mối liên hệ. Nó chưa kết thúc cho đến khi một người đặt lòng tin cậy vào Đấng Christ; nó chỉ mới bắt đầu (một cánh cửa và sau đó là một con đường, Ma-thi-ơ :13-14)! Nó không phải là bảo hiểm cháy nhà, cũng không phải là vé vào thiên đàng, nhưng là một cuộc sống lớn lên càng giống với Đấng Christ càng hơn (Rô-ma 8:28-29; 2 Cô-rinh-tô. 3:18; 7:1; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; 4:13; 1 Tê-sa 3:13; 4:3,7; 5:23; 1 Phi-e-rơ 1:15). Chúng tôi có một câu châm ngôn tại Hoa Kỳ rằng một cặp đôi sống với nhau càng lâu, họ nhìn càng trở nên giống nhau. Đó là mục đích của sự cứu chuộc!

### SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT HÀNH ĐỘNG HOÀN TẤT (QUÁ KHỨ)

- Công-vụ 15:11
- Rô-ma 8:24
- II Ti-mô-thê 1:9
- Tít 3:5
- Rô-ma 13:11 (kết hợp thì QUÁ KHỨ với thì khuynh hướng TƯƠNG LAI)

### SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT TRẠNG THÁI HIỆN TẠI (HOÀN THÀNH) (PERFECT)

- Ê-phê-sô 2: 5, 8

### SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT TIẾN TRÌNH TIẾP DIỄN (HIỆN TẠI)

- I Cô-rinh-tô 1:18; 15:2
- II Cô-rinh-tô 2:15

### SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT SỰ ĐẠT ĐẾN ĐIỂM ĐỈNH TRONG TƯƠNG LAI (TƯƠNG LAI trong THÌ CỦA ĐỘNG TỪ hoặc trong ngữ cảnh)

- Rô-ma 5:9, 10; 10:9, 13
- I Cô-rinh-tô 3:15; 5:5
- Phi-líp 1:28;
- I Tê-sa-lô-ni-ca 5:8-9
- Hê-bơ-rơ 1:14; 9:28
- I Phi-e-rơ 1:5

Do vậy, sự cứu rỗi bắt đầu với một quyết định đức tin (Giăng 1:12; 3:16; Rô-ma 10:9-13), nhưng nó phải là sản sinh ra một đời sống đức tin (Rô-ma 8:29; Ga-la-ti 2:19-20; Ê-phê-sô 1:4; 2:10), mà vào một ngày kia sẽ được trọn vẹn có thể nhìn thấy được (I Giăng 3:2). Tình trạng cuối cùng này được gọi là sự biến đổi vinh hiển (Rô-ma 8:28-30). Điều này được minh họa như là

1. Sự cứu rỗi khởi nguyên – sự xưng công chính (được cứu chuộc khỏi hình phạt của tội lỗi)
2. Sự cứu rỗi theo tiến trình – sự nên thánh (được cứu khỏi quyền năng của tội lỗi)
3. Sự cứu rỗi cuối rốt – sự làm vinh hiển (được cứu khỏi hiện tại của tội lỗi)

**4:29 "liền đem luới hái ra gặt"** Đây là một (phép tu từ) ẩn dụ (metaphor) được dùng cho sự thu hoạch trong thời kỳ cuối rốt. Nó chỉ về ngày phán xét (Giô-ên 3:13; Ma-thi-ơ 3:12; 13:30).

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 4:30-32

<sup>30</sup> Ngài lại phán: “Chúng ta có thể lấy điều gì để so sánh hoặc dùng ẩn dụ nào để nói về vương quốc Đức Chúa Trời? <sup>31</sup> Vương quốc ấy giống như một hạt cải, khi đem gieo, nó nhỏ nhất trong tất cả các hạt giống trên đất; <sup>32</sup> nhưng khi gieo rồi, nó mọc lên, trở thành lớn nhất trong các loại rau, cành lá sum suê đến nỗi chim trời có thể làm tổ dưới tàng nó được.”

**4:30** Câu này song hành với Ma-thi-ơ 13:31-32.

**4:31 "một hạt cải"** Những ra-bi nói rằng nó chính là hạt giống nhỏ nhất. Tuy vậy bụi cây lớn lên cao hơn mười hai thước Anh (3,66 mét). Ẩn dụ này song hành với ẩn dụ phía trên. Sự tăng trưởng thuộc linh có thể bắt đầu cách nhỏ bé, nhưng những kết quả thì thật là không lồ! Cũng như hạt giống phúc âm trong tâm lòng của

những cá nhân trong sự trở nên giống như Đấng Christ (Christlikeness), cũng như vậy, vương quốc Đức Chúa Trời tăng trưởng thành một vương quốc toàn thế giới (Ma-thi-ơ 13:33).

**4:32** Kết thúc câu kinh thánh này có thể là một sự ngụ ý chỉ đến những cây khổng lồ trong những phần Kinh Thánh Cựu Ước trong Ê-xê-chi-ên 17:22-24 và Đa-ni-ên 4:11-12 vốn đại diện cho một vương quốc.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 4:33-34**

**<sup>33</sup> Ngài dùng nhiều ẩn dụ tương tự để giảng đạo, tùy theo khả năng tiếp thu của họ. <sup>34</sup> Ngài không bao giờ giảng cho họ mà không dùng ẩn dụ; nhưng khi ở riêng với các môn đồ, Ngài giải thích tất cả cho họ.**

**4:33** " Ngài dùng nhiều ẩn dụ tương tự để giảng đạo " Chúng ta ghi chép được một phần nhỏ bé của chức vụ giảng dạy truyền miệng của Chúa Jesus (Theo Giảng 21:25). Tất cả chúng ta đều ao ước rằng chúng ta sẽ có nhiều hơn những sự dạy dỗ và hành động của Chúa Jesus (Giăng 20:30), nhưng chúng ta cần nhận ra được rằng chúng ta đã có tất cả những gì chúng ta cần để biết về Đức Chúa Trời, tội lỗi, sự sống, sự chết... (Giăng 20:31). Chúng ta cần phải hành động dựa trên những gì chúng ta đã được ban cho. Hai câu Kinh Thánh này song hành với Ma-thi-ơ 13:33-35.

▣ " tùy theo khả năng tiếp thu của họ " Cụm từ này chỉ về khả năng tiếp nhận, linh hội thuộc linh của họ (Mác 4:9,23). Những tín hữu ngày hôm nay có được lợi ích của Đức Thánh Linh sống trong lòng chúng ta giúp đỡ chúng ta có thể hiểu về những lời dạy dỗ của Chúa Jesus.

**4:34** Câu này phản chiếu về những thông điệp trước đó trong Mác 4:10-12 và 13.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 4:35-41**

**<sup>35</sup> Chiều tối hôm ấy, Đức Chúa Jêsus bảo các môn đồ: "Chúng ta hãy qua bờ bên kia." <sup>36</sup> Sau khi lia đoàn dân, Ngài vẫn ở trong thuyền và các môn đồ đưa Ngài đi; có một số thuyền khác cùng đi nữa. <sup>37</sup> Một cơn bão lớn nổi lên, sóng ập vào thuyền đến nổi thuyền đầy nước; <sup>38</sup> nhưng Ngài đang ở đằng sau lái, tựa trên chiếc gối mà ngủ. Môn đồ đánh thức Ngài và thưa: "Thầy ơi, Thầy không lo chúng ta chết sao?" <sup>39</sup> Ngài thức dậy, quở gió và truyền cho biển rằng: "Hãy yên đi, lặng đi!" Gió liền ngưng bật và biển lặng như tờ. <sup>40</sup> Rồi Ngài bảo các môn đồ: "Sao các con sợ hãi đến thế? Không có đức tin sao?" <sup>41</sup> Các môn đồ vô cùng kinh hãi, nói với nhau: "Người này là ai mà ngay cả gió và biển cũng phải vâng lệnh người?"**

**4:35-41** Phần Kinh Thánh này bắt đầu một văn mạch mở rộng của những phép lạ, Mác 4:35-8:26. Chúa Jesus xác nhận những sự giảng dạy của Ngài bằng việc bày tỏ quyền năng Ngài. Sự kiện đặc biệt này được tường thuật song hành trong Ma-thi-ơ 8:18,23-27 và Lu-ca 8:22-25.

**4:36** Câu này có một vài đặc trưng lạ không tìm được thấy trong những phần tường thuật song hành khác.

1. Cụm từ "Ngài vẫn ở" có nghĩa là gì? TEV dịch cụm từ này là "các môn đồ bước vào trên thuyền vốn là nơi Chúa Jesus đã đang ngồi trước đó." Đây có lẽ là lựa chọn tốt nhất.
2. Cụm từ "một số con thuyền khác cùng với Ngài" chỉ về điều gì? Có phải đây là một nhóm sứ đồ khác trong một vài chiếc thuyền nhỏ hay đây là những con thuyền cũng gặp bão giống như họ?

Đây rõ ràng là những chi tiết của sự chứng kiến tận mắt (của Phi-e-rô), nhưng mục đích và sự ngụ ý của nó là không xác định được).

**4:37** " Một cơn bão lớn nổi lên " những trận bão dữ dội đột ngột là một sự bình thường trên Biển Ga-li-lê bởi vì những đồi núi bao quanh và địa thế thấp hơn mực nước biển của nó. Đây chắc chắn phải là một trận bão đặc biệt tồi tệ bởi vì ngay cả những ngư phủ dày dạn ở giữa họ cũng trở nên sợ hãi.

**4:38** Sự kiện này rõ ràng để khắc họa hình ảnh Chúa Jesus dẹp yên và sự sợ hãi của các môn đồ đối với hoàn cảnh đương lúc đó. Câu hỏi về sự quan tâm của Chúa Jesus là một câu hỏi mang tính toàn cầu. Nếu Đức Chúa Trời yêu thương và đầy quyền năng, tại sao các tín hữu phải đối diện với những sự thử thách đầy sự đe dọa của cuộc sống?

▣ "chết " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: *Apollumi* tại Mác 3:6.

**4:39** Đây là một sự bày tỏ quyền năng và thẩm quyền đầy mạnh mẽ của Chúa Jesus—ngay cả những thế lực vô

tri của thiên nhiên cũng vâng lệnh Ngài.

▣ " **Hãy yên đi, lặng đi** " Đây là một Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative) được theo sau bởi một Thể mệnh lệnh bị động hoàn thành (perfect passive imperative). Chúa Jesus, như là Đại Diện của Sự Sáng Tạo của Đức Chúa Cha (Giăng 1:3,10; 1 Cô-rinh-tô 8:6; Cô-lô-se 1:16; Hê-bơ-rơ 1:2), đã có, đang có quyền năng trên nó (Thi 33:7; 65:2; 147:18).

**4:40** Đây là một câu hỏi hay dành cho mọi tín đồ trong tất cả mọi tình huống. Chúa Jesus đang dạy các môn đồ của Ngài bởi lời nói và hành động.

**4:41** Câu này bày tỏ rõ ràng sự non nớt về mặt thần học của Các Sứ Đồ. Văn mạch làm nổi bật tương phản một vài loại vô tín khác nhau: (1) của gia đình Ngài; (2) của các lãnh đạo tôn giáo; và (3) của các môn đồ Ngài. Điểm số 1 và 3 là sự tăng trưởng thuộc linh. Sự không tin của một sự tăng trưởng thuộc linh. Sự vô tín của họ dựa trên sự thiếu hiểu biết, ngộ nhận, nhưng điểm số 2 chính là một sự cố ý. Họ đã được ban cho những dấu hiệu tiếp nối dấu hiệu, lẽ thật theo sau lẽ thật, nhưng bởi vì những sự định kiên cố từ trước, các lãnh đạo tôn giáo không chỉ chối bỏ không tin mà còn cáo buộc những hành động và sự dạy dỗ của Chúa Jesus với quyền năng của Sa-tan! Thật là một tội lỗi không được tha thứ!

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Tại sao ẩn dụ này (Mác 4:3-5) lại quá quan trọng để giải nghĩa các ẩn dụ khác?
2. Làm thế nào để có thể giải quyết mối liên hệ giữa sự toàn năng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người trong đoạn Kinh Thánh này?
3. Hãy đưa ra lẽ thật trung tâm cho những đoạn Kinh Thánh sau:
  - a. Mác 4:21-23
  - b. Mác 4:24-25
  - c. Mác 4:28-29
  - d. Mác 4:30-32
4. Lẽ thật căn bản của tất cả mọi ẩn dụ này là gì? (Hãy nhớ lại văn mạch)
5. Hãy liệt kê ba nhóm trong văn mạch này là những người không tin.



## MÁC 5

### NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TE V	NJB
Sự Chữa Lành Người Bị Quỷ Ám Tại Giê-ra-sê	Người Đàn Ông bị Quỷ Ám Được Chữa Lành	Người Bị Quỷ Ám ở Giê-ra-sê	Chúa Jesus Chữa Lành Người Đàn Ông bị Uế Linh	Người Bị Quỷ Ám Tại Giê-ra-sê
5:1-10	5:1-20	5:1-13	5:1-5 5:6-8 5:9a 5:9b-10	5:1-20
5:11-20		5:14-20	5:11-13 5:14-16 5:17 5:18 5:19 5:20	
Con Gái của Giai-ru và Người Đàn Bà Chạm Vào Vạt Áo Chúa Jesus	Một Bé Gái Sống Lại và Người Đàn Bà Được Chữa Lành	Sự Sống Lại của Con Gái Giai-ru	Con Gái của Giai-ru và Người Đàn Bà Chạm Vào Áo Choàng của Chúa Jesus	Sự Chữa Lành Người Đàn Bà Bị Bệnh Mất Huyết và Con Gái của Giai-ru Sống Lại
5:21-24a	5:21-43	5:21-24a	5:21-23 5:24	5:21-24
5:24b-34		5:24b-34	5:25-28 5:29-30 5:31 5:32-34	5:25-34
5:35-43		5:35-43	5:35 5:36-39 5:40-41 5:42-43	5:35-43

**CHU KỶ ĐỌC THỨ BA** (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

*THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN*

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đổi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

## NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH DÀNH CHO 5:1-43

Đoạn này được phác thảo với mục đích trình bày về một ngày điển hình trong cuộc đời của Chúa Jesus trong suốt giai đoạn được mên mộ của chức vụ của Ngài. Quyền năng và thẩm quyền của Chúa Jesus được biểu lộ bởi

- A. Sự Đuổi Quỷ ở Giê-ra-sê, song hành với Ma-thi-ơ 8:28-34 và Lu-ca 8:26-39 Câu 1-20 (Bày tỏ quyền năng của Chúa Jesus trên thế giới thuộc linh)
- B. Con Gái của Giai-ru, song hành với Ma-thi-ơ 9:18-19,23-26 và Lu-ca 8:40-42,49-56 Câu 21-24, 35-43 (Bày tỏ về quyền năng của Chúa Jesus trên sự chết)
- C. Người Đàn Bà bị Bệnh Mất Huyết, song hành với Ma-thi-ơ 9:20-22 và Lu-ca 8:43-48 Câu 25-34 (Bày tỏ về quyền năng của Chúa Jesus trên bệnh tật)

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) MÁC 5:1-13

<sup>1</sup> Đức Chúa Jêsus cùng các môn đồ sang đến bờ biển bên kia, trong miền Giê-ra-sê. <sup>2</sup> Khi Ngài bước ra khỏi thuyền, lập tức có một người bị uế linh ám từ nghĩa địa chạy đến trước mặt Ngài. <sup>3</sup> Người này sống giữa các mồ mả, dù dùng xiềng cũng không ai giữ anh ta được. <sup>4</sup> Nhiều lần bị cùm chân, xiềng tay, nhưng anh ta đều bẻ xiềng tháo cùm, không ai đủ sức chế ngự được. <sup>5</sup> Cả ngày lẫn đêm anh ta cứ lang thang hết nghĩa địa đến đồi núi, la hét, rồi lấy đá đánh bầm mình. <sup>6</sup> Khi thấy Đức Chúa Jêsus từ đằng xa, anh ta chạy đến, sấp mình trước mặt Ngài <sup>7</sup> và kêu lên: “Lạy Jêsus, Con Đức Chúa Trời Chí Cao, tôi có liên can gì với Ngài? Nhân danh Đức Chúa Trời tôi xin Ngài đừng làm khổ tôi.” <sup>8</sup> Vì Đức Chúa Jêsus vừa phán: “Hỡi uế linh, hãy ra khỏi người này.” <sup>9</sup> Rồi Ngài lại hỏi: “Người tên gì?” Uế linh đáp: “Tên tôi là ‘Quần đoàn’ vì chúng tôi đông lắm.” <sup>10</sup> Uế linh lại van xin Ngài đừng đuổi chúng ra khỏi miền đó. <sup>11</sup> Bấy giờ có một đàn heo rất đông đang ăn trên sườn đồi. <sup>12</sup> Các uế linh van nài: “Xin Ngài cho chúng tôi nhập vào đàn heo kia.” Đức Chúa Jêsus cho phép. <sup>13</sup> Các uế linh ra khỏi người ấy và nhập vào đàn heo. Cả đàn khoảng hai nghìn con, từ triền dốc lao xuống biển và chết chìm trong đó.

**5:1 " Đức Chúa Jêsus cùng các môn đồ sang đến bờ biển bên kia "** Có lẽ trời lúc này vẫn còn đang tối (Mác 4:35). Các môn đồ phải chèo thuyền từ khi Chúa Jesus vừa mới dẹp yên cơn bão.

▣ **" trong miền Giê-ra-sê "** Đây là góc phía đông bắc của Biển Ga-li-lê, được gọi là Đê-ca-bô-lơ. Khu vực này phần đông là Người Ngoại và rất Hy Lạp Cổ hóa (Hellenistic). Các Sách Phúc Âm Cộng Quan phụ thuộc vào cách phát âm: Gerasa (Giê-sa-rê) (MSS  $\aleph^*$ , B, D, và Lu-ca 8:26), Gergesa (MSS  $\aleph^2$ , L), Gergusta (MS W), hoặc Gadara (Ga-đa-ra) (MSS A, C, và Ma-thi-ơ 8:28). Tất cả đều là những thành trong khu vực này.

**5:2 " Khi Ngài bước ra "** Có thể các môn đồ đều nghe tiếng thét (Mác 5:5) và rất vui mừng để Chúa Jesus đi trước!

▣ **" lập tức "** Hãy xem ghi chú tại Mác 1:10.

▣ **" một người "** Ma-thi-ơ 8: từ câu 28 trở đi chép là hai người. Ma-thi-ơ cũng chép là hai người mù ở ngoài

thành Giê-ri-cô (theo Ma-thi-ơ 20:29; Mác 10:46; Lu-ca 18:35). Đây là một đặc điểm của Phúc Âm Theo Ma-thi-ơ. Mác và Lu-ca đồng ý với nhau trong điểm này rằng chỉ có một người bị quỷ ám (theo Lu-ca 8:từ câu 26 trở đi). Để xem phần thảo luận sâu hơn hãy xem quyển *Hard Sayings of the Bible* ở trang 321-322.

▣ " **từ nghĩa địa chạy đến trước mặt Ngài** " Đây là một phần tường thuật rất rõ ràng hiển nhiên về một trường hợp bị quỷ ám. Tân Ước không thảo luận về nguồn gốc của sự quỷ ám và tiến trình cụ thể làm thế nào để có thể xử lý với nó. Đuôi Quỷ chưa bao giờ được liệt kê như là một ân tứ Thánh Linh. Hãy xem những Chủ Đề Đặc Biệt: Ma Quỷ và Sự Đuôi Quỷ tại Mác 1:25.

**5:3 " sống giữa các mồ mả "** Họ đã cập bến tại một khu vực nghĩa trang địa phương. Cư dân bản xứ đã đuổi một người mất trí bị quỷ ám vào trong nơi xa xôi biệt lập này. Nó đã trở thành nhà của anh ta.

▣ " **cũng không ai giữ anh ta được** " Anh có sức mạnh siêu nhiên.

**5:4 " Nhiều lần bị cùm chân, xiềng tay "** Đây là một nguyên mẫu thụ động hoàn thành (perfect passive infinitive). Rõ ràng dân cư trong thành đã cố gắng xiềng xích anh. Anh là một nạn đề nổi tiếng của địa phương.

▣ " **đều bẻ xiềng tháo cùm** " Câu này cũng chỉ về một sức mạnh siêu nhiên.

**5:5 " la hét, rồi lấy đá đánh bầm mình "** Hành vi này có thể lên hệ với sự hủy hoại thân thể của những tập tục thờ phượng ngoại bang Cựu Ước (1 Các Vua 18:28). Thông tin đầy sống động về hành vi hàng ngày của người đàn ông này hẳn đã phải đến từ dân làng.

**5:6 " anh ta chạy đến, sắp mình trước mặt Ngài "** Từ đầu tiên hàm ý sự thù địch. Từ thứ hai hàm ý tôn trọng và thừa nhận thẩm quyền của vị trí và thẩm quyền của Chúa Jesus (Mác 5:4b).

**5:7 " kêu lên: "Lạy Jêsus, Con Đức Chúa Trời Chí Cao, tôi có liên can gì với Ngài "** Một trong các quỷ đã gọi đến Chúa Jesus. Chúng đã biết Ngài là Ai (Mác 1:23; Gia-cơ 2:19). Chúng thậm chí còn gọi Ngài với một cụm từ danh xưng Mê-si. Trong trường hợp này, động cơ thúc đẩy là bởi sự sợ hãi (không giống như trong 1:23).

▣ " **Nhân danh Đức Chúa Trời** " Đây là một thành ngữ Hê-bơ-rơ có nghĩa là "thề bởi danh Đức Chúa Trời."

▣ " **xin Ngài đừng làm khổ tôi** " Đây là một cấu trúc ngữ pháp hoặc là một dạng cầu khẩn chủ động thì bất định (aorist active subjunctive) của sự ngăn cấm hoặc một dạng cầu khẩn chủ động thì bất định (aorist active subjunctive) thực hiện chức năng của một thể mệnh lệnh chủ động bất định (aorist active imperative), vốn hàm ý "đừng bao giờ bắt đầu một hành động" (Theo quyển *Analytical Greek New Testament*, của Barbara and Timothy Friberg trang 120). Ma quỷ biết rằng sự phán xét sắp sửa đến (Mác 1:23-24; Ma-thi-ơ 25:41; Khải Huyền 12:9; 20:10). Những phần tường thuật song hành trong Ma-thi-ơ 8:29 và Lu-ca 8:28 và 31 cũng hàm ý về một sự đoán phạt lai thế học. Các quỷ này có vẻ không biết về hai lần đến của Đấng Mê-si. Ngay cả "các linh" cũng khôn khờ!

**5:8,9 " vừa phán "** Thì chưa hoàn thành được sử dụng trước tiên trong hai cách: (1) hành động được lặp lại trong thời điểm quá khứ hoặc (2) sự bắt đầu của một hành động trong thời điểm điểm quá khứ. Trong văn mạch này chỉ có lựa chọn #2 là phù hợp. Tuy nhiên, nếu như thứ tự của các thông điệp của Chúa Jesus đối với các quỷ nằm ngoài một trật tự theo thời gian, thì khi đó lựa chọn #1 cũng có thể áp dụng được. Mác có thể sử dụng thì động từ trong một cách theo thông tục bởi vì cùng một thì như vậy cũng được dùng trong Mác 5:10.

**5:9 " Ngươi tên gì "** Câu hỏi này là một thành ngữ Hê-bơ-rơ và chỉ đến những đặc tính của chúng.

▣ " **Quân đoàn** " Trong Quân Đội Rô-ma lúc ấy có 6000 lính tạo nên một Quân Đoàn. Đây là một trong nhiều từ La-tinh được sử dụng trong Mác. Đây có thể là một phép tu từ ẩn dụ chỉ về một mức độ kiểm soát trên người đàn ông. Tuy nhiên, bởi vì Mác 5:13, vốn mô tả rằng các quỷ đã gây ra cai chết của 2000 con heo, nó có thể có nghĩa đen.

**5:10 " ra khỏi miền đó "** Cụm từ này có thể chỉ về (1) khu vực của nghĩa trang; (2) khu vực xứ Ê-ca-bô-lô; hoặc (3) có lẽ chỉ về Abyss (vực sâu), vốn được chép trong ẩn dụ trong Lu-ca 8:31. Phần tường thuật tương đồng trong Ma-thi-ơ chép là "trước thời gian được ấn định" (theo Ma-thi-ơ 8:29).

**25:11** Bầy heo chỉ ra rằng đây là khu vực của Người Ngoại.

**5:12 " cho chúng tôi nhập vào đàn heo kia "** Chú ý rằng các quý đã đưa ra một sự thỉnh cầu dành cho Chúa Jesus. Đoạn Kinh Thánh không nói cho chúng ta biết vì sao Chúa Jesus lại cho phép các quý này nhập vào bầy heo và tại sao chúng muốn làm như vậy. Có lẽ rằng các quý rời khỏi người đàn ông và nhập vào bầy heo là một cách có thể nhìn thấy bằng mắt để khích lệ người đàn ông rằng ông đã được giải cứu (sự giúp đỡ có thể nhìn thấy được, tương tự với việc bôi nước miếng và bùn vào đôi mắt bị mù.) Các quý có thể đã xin điều đó bởi vì (1) chúng thích bầy heo hơn là vực sâu (abyss) hoặc (2) hành động này sẽ khiến cho dân thành sẽ thỉnh cầu của Chúa Jesus rời khỏi đó. Ma quý không làm gì để giúp đỡ Chúa Jesus!

**5:13 " chết chìm "** Đây là một thể chỉ định thụ động chưa hoàn thành (imperfect passive indicative). Chúng nhảy khỏi mỏm đá lần lượt từng con một

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 5:14-20**

<sup>14</sup> Những người chăn heo chạy trốn và đồn tin ấy ra khắp thành thị, thôn quê; dân chúng kéo đến để xem điều gì đã xảy ra. <sup>15</sup> Khi đến chỗ Đức Chúa Jêsus, họ thấy người đã từng bị quỷ "Quần đoàn" ám đang ngồi đó, mặc quần áo và tâm trí tỉnh táo thì họ sợ hãi lắm. <sup>16</sup> Những người đã chứng kiến sự việc thuật cho họ nghe chuyện gì đã xảy đến cho người bị uế linh ám và cho đàn heo. <sup>17</sup> Họ nài xin Ngài rời khỏi địa phận mình. <sup>18</sup> Khi Ngài xuống thuyền, người vốn bị quỷ ám xin được theo Ngài. <sup>19</sup> Nhưng Đức Chúa Jêsus từ chối và bảo: "Hãy về nhà, đến với những người thân và thuật lại cho họ những điều lớn lao mà Chúa đã làm cho con, và Ngài đã thương xót con như thế nào." <sup>20</sup> Người ấy đi khắp miền Ê-ca-bô-ly thuật lại những điều lớn lao mà Đức Chúa Jêsus đã làm cho mình; ai nấy đều kinh ngạc.

**5:14 " dân chúng kéo đến để xem điều gì đã xảy ra "** Sự tò mò và sợ hãi đã thúc đẩy dân cư trong thành đến, ngay cả vào ban đêm.

**5:15 " đang ngồi đó "** Đây là một trong chuỗi những điều kiện mô tả sự bình an và bình tĩnh của người đàn ông giờ đây.

▣ **" mặc quần áo "** Điều này hàm ý rằng bình thường ông không mặc quần áo (Lu-ca 8:27).

▣ **" tâm trí tỉnh táo "** Sự quỷ ám được bày tỏ qua nhiều cách

1. Không thể nói được (Mác 9:17,25; Ma-thi-ơ 9:32)
2. Không thể nói hoặc nhìn (Ma-thi-ơ 12:22)
3. Động kinh (Ma-thi-ơ 17:15,18)
4. Có sức mạnh to lớn (Mác 5:3-4)
5. Co giật (Mác 1:26; 9:20)
6. Liệt (Công Vụ 8:17)

Tuy nhiên, không phải mọi nan đề về mặt cơ thể đều có nguồn gốc ma quỷ. Trong Các Sách Phúc Âm, sự đau ốm và bị quỷ ám thường được phân biệt (Mác 1:32,34; 6:13; Ma-thi-ơ 4:24; 10:8; Lu-ca 4:40-41; 9:1; 13:32).

**5:17 " nài xin Ngài rời khỏi địa phận mình "** Đây là một dạng chỉ định trung cấp thì bất định (aorist middle indicative) và một nguyên mẫu chủ động hiện tại (present active infinitive). Sự chối bỏ này có lẽ có một lý do có khả năng là các quý muốn nhập vào bầy heo! Cư dân trong thành muốn Đấng là người đã đem lại sự bình yên cho người đàn ông mà không ai trong số họ có thể làm phải rời khỏi. Thật khác biệt xiết bao so với những dân làng trong Giảng 4. Có vẻ như những sự quan ngại về kinh tế đã nặng hơn là sự phục hồi cho người đàn ông này.

**5:19 " đến với những người thân "** Đây là một Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative). Chúa Jesus đã phán với ông hãy quay trở về nhà. Chúa Jesus biết được sự hiện diện của một người rõ ràng là một người ngoại đi theo Ngài sẽ khiến một số người Do Thái xa lánh Ngài. Bằng cách để người đàn ông ở lại, Chúa Jesus giờ đây đã có một nhân chứng trong khu vực của Người Ngoại này. Ngài vẫn quan tâm đến những kẻ theo chủ nghĩa vật chất này!

▣ **" và thuật lại cho họ "** Đây là một thể mệnh lệnh chủ động bất định (aorist active imperative). Chia sẻ với người thân của người về những gì Đức Chúa Trời. Có vẻ như ông đã làm rất tốt việc này (Mác 5:20). Mệnh lệnh này cho thấy sự quan tâm của Chúa Jesus dành cho các Dân Ngoại.

**5:20 " miền Ê-ca-bô-ly "** Từ Hy Lạp này có nghĩa là "mười thành phố." Đã có một liên nôi dậy để quay lại với Alexander Đại Đế. Vùng này là phía bắc của Perea và phía đông của Biển Ga-li-lê. Nó là một nơi trú ẩn an

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 5:21-24**

<sup>21</sup> Đức Chúa Jêsus lại xuống thuyền vượt qua bờ bên kia. Một đoàn người rất đông tụ họp chung quanh Ngài lúc Ngài đang ở bên bờ biển. <sup>22</sup> Bấy giờ, một trong những viên quản lý nhà hội tên là Giai-ru đến. Khi thấy Đức Chúa Jêsus, ông liền phủ phục dưới chân Ngài, <sup>23</sup> nài xin rằng: “Con gái nhỏ của tôi sắp chết. Xin Thầy đến và đặt tay trên cháu, để cháu được chữa lành và sống.” <sup>24</sup> Đức Chúa Jêsus đi với Giai-ru. Một đoàn người rất đông cùng đi theo và lấn ép Ngài.

**5:22 " một trong những viên quản lý nhà hội tên là Giai-ru "** Tên của ông có nghĩa là "YHWH yêu thích." Đây là một người có trách nhiệm cho những nhiệm vụ điều hành ví dụ như bảo trì những tòa nhà của nhà hội. Ông có lẽ là là một người đàn ông khá có chỗ đứng về mặt tôn giáo trong xã hội.

▣ **" phủ phục dưới chân Ngài "** Đây là một cử chỉ của sự tôn kính cũng như là thờ phượng (Mác 5:6,22,33 nơi những từ khác được sử dụng nhưng với cùng một cử chỉ). Một lãnh đạo Phương Đông nằm phủ phục trên đường phố trước một ra-bi không chính thức thật sự rất bất ngờ!

▣ **" Con gái nhỏ của tôi sắp chết "** Ma-thi-ơ 9:18 cho biết rằng cô bé đã chết. Người đàn ông này tin rằng sự xuất hiện và chạm vào Chúa Jesus sẽ chữa lành/hồi phục cho con gái của ông.

**5:23**

**NASB, TEV**

**"nó sẽ khỏe lại "**

**NKJV**

**"nó sẽ được chữa lành "**

**NRSV**

**"nó sẽ khỏe lại"**

**NJB**

**"nó sẽ được cứu"**

Đây là một thể cầu khẩn thụ động bất định (aorist passive subjunctive) của từ *sōzō*, được sử dụng trong nghĩa theo Cựu Ước của một sự giải cứu về mặt cơ thể, vật lý (Gia-cơ 5:15). Trong Tân Ước, nó có ý nghĩa của một sự giải cứu thuộc linh. Về mặt thần học, không rõ ràng có phải mọi được Chúa Jesus chữa lành đều được sự giải cứu thuộc linh hay không. Những hành động của Ngài có thể là sự bắt đầu một tiến trình mà sau này lên đến đỉnh điểm trong đời sống thuộc linh của một người và nó không được chép lại trong Kinh Thánh.

Một ví dụ có thể xem trong đoạn này là đức tin của người bị quỷ ám đã được nhìn thấy sau khi ông được chữa lành chứ không phải trước đó. Em bé gái được giúp đỡ bởi vì đức tin của cha của em và người đàn bà bị bệnh mất huyết đã sẵn lòng để làm cho Chúa Jesus trở nên ô uế về mặt nghi lễ trong một hành động chạm vào một ra-bi có động cơ ích kỷ (thậm chí là mê tín). Đây là nơi sự tập chú vào bản thân chấm dứt và đức tin bắt đầu?

**5:24 " lấn ép Ngài "** Lu-ca 8:42 thêm vào rằng sự lấn ép của đám đông lớn đến nỗi đã có thời điểm rất khó khăn để có thể thờ.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 5:25-34**

<sup>25</sup> Trong số đó có một phụ nữ bị rong huyết đã mười hai năm. <sup>26</sup> Lâu nay bà đã khốn khổ trong tay nhiều thầy thuốc, hao tốn hết tiền của, nhưng bệnh không thuyên giảm mà ngày càng nặng thêm. <sup>27</sup> Bà đã nghe nói về Đức Chúa Jêsus nên lấn vào giữa đám đông, tiến đến phía sau Ngài và chạm vào áo Ngài. <sup>28</sup> Vì bà tự nhủ: “Chỉ cần chạm được áo Ngài, thì ta sẽ được lành.” <sup>29</sup> Lập tức, máu cầm lại. Bà cảm nhận ngay rằng mình đã được chữa lành. <sup>30</sup> Đức Chúa Jêsus liền nhận biết có một năng quyền vừa ra từ Ngài nên Ngài quay sang phía đám đông và hỏi: “Ai đã chạm vào áo Ta?” <sup>31</sup> Các môn đồ thưa: “Thầy thấy đám đông chen lấn Thầy, sao Thầy còn hỏi: ‘Ai chạm đến Ta?’ ” <sup>32</sup> Ngài nhìn chung quanh để xem ai đã làm điều đó. <sup>33</sup> Người phụ nữ biết điều gì đã xảy đến cho mình nên run sợ, đến phủ phục dưới chân Ngài và trình bày với Ngài tất cả sự thật. <sup>34</sup> Đức Chúa Jêsus phán: “Hỡi con gái Ta, đức tin của con đã cứu con; hãy đi bình an và được lành bệnh.”

**5:25 " rong huyết đã mười hai năm "** Cụm từ này đã khiến cho bà trở nên ô uế về mặt nghi lễ (Lê-vi Ký 15:25-27) và, vì vậy, sẽ bị loại trừ ra khỏi tất cả mọi hình thức thờ phượng của người Do Thái (nhà hội và đền thờ).

**5:26 " trong tay nhiều thầy thuốc "** Lu-ca, là bác sĩ, đã loại câu này khỏi Lu-ca 8:43.

▣ **" hao tổn hết tiền của, nhưng bệnh không thuyên giảm "** Sự điều trị Do Thái cho nan đề này được chép lại Kinh Talmud là (1) mang tro của một quả trứng đã điều trong một miếng giẻ bằng vải lanh vòng quanh cổ một người vào mùa hè và giẻ bằng vải bông vào mùa đông hoặc (2) mang cây lúa mạch mọc từ phân của một con lừa cái màu trắng (Shabb. 110 A & B).

**5:27 " chạm vào áo Ngài "** Có lẽ bà đã chạm vào khăn choàng cầu nguyện của Ngài, vốn được sử dụng bởi những người nam để che đầu lại khi thờ phượng. Vật này được gọi là Tallith (Dân Số Ký 15:38-40; Phục Truyền 22:12). Một người phụ nữ ô uế về mặt nghi lễ chạm vào một ra-bi là một hành động không phù hợp. Người đàn bà này đã tuyệt vọng!

**5:30 " Lập tức "** Hãy xem ghi chú tại Mác 1:10.

▣ **" Đức Chúa Jêsus liền nhận biết có một năng quyền "** Bản chất chính xác của quyền năng này là không rõ. Rõ ràng nó đến từ Đức Chúa Trời (Lu-ca 5:17). Chúa Jesus cảm thấy tác động của nó. Chúa Jesus có khả năng ban nó cho người khác trong chức vụ của Nhóm Mười Hai Người và bảy mươi người.

▣ **" vừa ra từ Ngài "** Ma-thi-ơ 8:17 trích Ê-sai 53:4 rằng Đấng Mê-si sẽ chữa lành chúng ta bởi vì Ngài đã mang sự yếu đuối của chúng ta.

▣ **" Ai chạm đến Ta "** Đây là một đám đông rất lớn (theo Mác 5:31). Ma-thi-ơ 9:20 chép là "tua áo." Khăn choàng cầu nguyện có mười ba tua áo màu xanh dương để tưởng nhớ về Luật Môi-se.

**5:32 " Ngài nhìn chung quanh "** Thì chưa hoàn thành ngụ ý rằng Ngài bắt đầu nhìn qua đám đông. Trong sự kiện này, Chúa Jesus đã không cho biết cách siêu nhiên về người nào và điều gì đã xảy ra. Có lẽ câu hỏi này có ý dành cho người phụ nữ (một cơ hội để bày tỏ công khai đức tin của bà).

**5:33 " run sợ "** Phụ nữ có một địa vị rất thấp trong xã hội Bà đã bắt đắ dĩ phải nói trước đám đông. Bà cũng biết rằng bởi vì bà không tinh sạch về mặt nghi lễ, nên bà không được phép chạm vào một ra-bi.

**5:34 " con gái Ta "** Những dạy dỗ của Chúa Jesus mặc khải một lẽ thật nên tảng rằng con người, bởi đức tin nơi Jesus, có thể nở nên thành viên gia đình của Đức Chúa Trời. Sự giải cứu được mô tả trong từ ngữ của sự sinh đẻ hoặc luật pháp, chỉ về mối quan hệ gia đình. Thật là những phép ẩn dụ đầy quyền năng chỉ về sự trải nghiệm của Cơ Đốc Nhân!

▣ **" đức tin của con đã cứu con "** Không phải là sự chạm vào của bà, nhưng là hành động của đức tin vào nơi Ngài chính là chìa khóa. Đức tin chính nó không phải là vấn đề, nhưng là đối tượng của đức tin đó (Chúa Jesus). Không hề có ma thuật gì ở đây, cũng không phải là quyền năng của sự suy nghĩ tích cực, nhưng là quyền năng Chúa Jesus. Đây là một sự sử dụng khác của từ Hy Lạp *sōzō* trong nghĩa Cự Ước (Mác 5:23). Ở đây, nó là một thể chỉ định chủ động hoàn thành (perfect active indicative), vốn ngụ ý rằng bà đã được chữa lành và sẽ tiếp tục ở trong sự chữa lành về bệnh tật cơ thể đó.

▣ **" hãy đi bình an và được lành bệnh "** Cả hai đều là những Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperatives). Từ bình an (*eirēnē*) có nghĩa rộng của một sự toàn bộ và khỏe mạnh trọn vẹn, không chỉ là sự vắng mặt của những nan đề. "đau khô" có nguồn gốc từ từ "đánh roi."

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 5:35-43

<sup>35</sup> Khi Ngài còn đang nói, có người từ nhà của Giai-ru đến nói với ông: “Con gái ông đã chết rồi, còn phiền Thầy làm gì nữa?” <sup>36</sup> Chẳng bận tâm đến những lời ấy, Đức Chúa Jêsus bảo viên quản lý nhà hộ: “Đừng sợ, chỉ tin mà thôi.” <sup>37</sup> Ngài không cho ai theo mình ngoài Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng, em Gia-cơ. <sup>38</sup> Đến nhà Giai-ru, thấy mọi người đang làm om sòm, kẻ khóc người than inh ỏi, <sup>39</sup> Ngài bước vào nhà và nói với họ: “Sao các người làm ồn ào và khóc lóc vậy? Không phải cháu bé chết đâu, nhưng nó đang ngủ.” <sup>40</sup> Họ nhạo cười Ngài. Ngài đuổi mọi người ra ngoài, rồi đưa cha mẹ đứa trẻ cùng ba môn đồ đến chỗ cháu bé đang nằm. <sup>41</sup> Ngài cầm tay cháu bé và phán: “*Ta-li-tha-cum*”; nghĩa là: “Này bé gái, Ta truyền cho con hãy trỗi dậy.” <sup>42</sup> Lập tức cháu gái trỗi dậy và bước đi, vì cháu đã lên mười hai tuổi. Mọi người đều kinh ngạc. <sup>43</sup> Ngài nghiêm giọng ra lệnh cho họ không được cho ai biết việc này, và bảo họ cho đứa trẻ ăn.

**5:35 "" đã chết rồi ""** Đây là thể chỉ định chủ động thì bất định (aorist active indicative). Tôi chắc rằng Giai-ru đã phải rất nôn nóng ! Có vẻ như đây là một sự thử thách dành cho đức tin của ông hoặc một ví dụ khác về quyền năng và thẩm quyền Chúa.

**5:36**

<b>NASB</b>	<b>"tinh cờ nghe được những gì đã được nói "</b>
<b>NKJV</b>	<b>"ngay khi Chúa Jesus nghe về những lời đã được nói"</b>
<b>NRSV, NJB</b>	<b>"tinh cờ nghe họ nói"</b>
<b>TEV</b>	<b>"Chúa Jesus không quan tâm đến những gì họ nói "</b>
<b>NIV</b>	<b>"không để ý những gì họ nói "</b>

Từ gốc Hy Lạp có nghĩa là "nghe một cách không chú ý." Nó có thể được hiểu là "không quan tâm" hoặc "tinh cờ nghe." Nghĩa của từ này thật là mơ hồ nên từ rất sớm những nhà sao chép Kinh Thánh đã đổi nó thành từ "nghe" (MSS  $\alpha$ , A, C, D, và K), vốn được thấy trong phần song hành trong sách Lu-ca, 8:50.

▣ **" ĐỪNG SỢ (nỮA) "** Đây là một thể mệnh lệnh thì hiện tại (present imperative) với một phân từ (động tính từ) thụ động (negative particle) vốn thường có nghĩa chấm dứt một hành động trong một tiến trình. Sự trái ngược của sự sợ hãi là đức tin!

▣ **" chỉ tin "** Đây là một Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative) khác. Thật là một lời tuyên bố giản đơn, nhưng thực sự quan trọng thiết yếu (Công Vụ 16:31).

**5:37 " Ngài không cho ai theo mình "** Tại sao Chúa Jesus lại có một nhóm những môn đồ thân thiết (Mác 1:29; 5:37; 9:2; 13:3; 14:33) là không rõ. Phúc Âm theo Mác là sự tường thuật của sự chứng kiến tận mắt Phi-e-rơ. Nhóm môn đồ thân thiết này không hề được một sự đặc ân đặc biệt nào bởi Gia-cơ đã bị giết từ rất sớm.

Chúa Jesus không muốn danh tiếng như là một người chữa bệnh và thậm chí một người có thể khiến người chết sống lại Ngài được đồn ra. Đây là một trong sự tuyên bố kiểu mẫu như thế này trong sách Mác, vốn những nhà thần học gọi là "Bí Mật Đấng Mê-si" (theo Mác 5:43). Ngài đã có những nan đề mang tính chuẩn bị hậu cần với những đám đông lớn.

▣ **" Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng "** Đây là nhóm môn đồ thân thiết của Chúa (theo Mác 9:2; 14:33; Ma-thi-ơ 17:1; 26:37; Lu-ca 9:28).

**5:38 " mọi người đang làm om sòm, kẻ khóc người than inh ỏi "** Đây là những tập tục thông thường, ngay cả còn được trông đợi, trong đám tang của người Do Thái. Nó bày tỏ rằng gia đình đã đoán trước về cái chết của cô bé gái nhỏ và đã có những sự chuẩn bị.

**5:39 "" Không phải cháu bé chết đâu, nhưng nó đang ngủ ""** Ngủ là một cách nói tránh (uyển ngữ) Cựu Ước cho sự chết. Chúa Jesus dùng nó để chỉ về La-xa-rơ trong Giăng 11:11. Ở đây, nó tương phản với sự chết. Một câu hỏi rằng nếu Mác 5:37 được xem là một sự chỉ đến "Bí Mật về Đấng Mê-si của sách Mác " thì tại sao Ngài lại nói về điều này với đám đông, trừ khi Ngài đang cố gắng làm giảm nhẹ sự tác động (gây ra kết quả là những lời đồn thổi) của sự gọi người chết sống lại?

**5:40 " Họ nhạo cười Ngài "** Đây là một thì chưa hoàn thành vốn ngụ ý về những kẻ ngoài cuộc tiếp tục nhạo cười trong một khoảng thời gian kéo dài hoặc họ bắt đầu cười kể từ thời điểm đó.

▣ **"những kẻ đồng đi với Ngài (cùng ba môn đồ)"** Cụm từ này chỉ về Phi-e-rơ, Gia-cơ, và Giăng. Trong nhiều cách, những phép lạ Chúa Jesus phần nhiều có mục đích cho sự huấn luyện các môn đồ và cho đức tin những người được giúp đỡ!

**5:41 " Ta-li-tha-cum "** Đây là một cụm từ trong tiếng A-ram. Người Do Thái trong thời của Chúa Jesus nói tiếng A-ram, chứ không phải tiếng Hê-bơ-rơ. Đây chính là ngôn ngữ tiếng mẹ đẻ của Chúa Jesus. Có một vài cụm từ trong tiếng A-ram được chép lại trong Các Sách Phúc Âm (*Sabbata*, Mác 3:4; *Boanerges*, Mác 3:17; *Sa-tan*, Mác 3:23,26; 8:33; *Talitha cumi*, Mác 5:41; *Ephphatha*, Mác 7:35; *Gehanna*, Mác 9:43,45,47; *pascha*, Mác 14:14; *Abba*, Mác 14:36; *Eloi, Eloi, lama sabachthani*, Mác 15:34). Thật sự rằng việc Mác đã dịch những từ này chỉ ra rằng độc giả ông hướng đến chính là Người Ngoại.

**5:42 " Lập tức. . .liền"** Hãy xem ghi chú tại Mác 1:10.

▣ **" cháu đã lên mười hai tuổi "** Câu này có nghĩa là cô bé đã có trách nhiệm phải giữ luật pháp (*bath*

*mitzvah*) và ở độ tuổi có thể kết hôn. Những cậu bé trở nên có trách nhiệm phải giữ Luật Pháp và bước vào độ tuổi kết hôn vào mười ba tuổi (*bar mitzvah*). Cuộc sống được ước tính là ngắn ngủi hơn rất nhiều và nhiều thế hệ trong một gia đình sống cùng với nhau, vì vậy, họ kết hôn sớm hơn ngày hôm nay

**5:43 " nghiêm giọng ra lệnh cho họ không được cho ai biết việc này "** Chúa Jesus không muốn được biết đến như làm một người chữa lành hay thi hành phép lạ. Ngài thực hiện những điều đó để mặc khải về sự thương xót Đức Chúa Trời và xác nhận giá trị của thông điệp và thẩm quyền của Ngài (Mác 1:44; 3:12; 5:43; 7:36;8:26,30; 9:30; Ma-thi-ơ 8:4; 9:30; 12:16; 17:9).

▣ **" Ngài bảo họ cho đứa trẻ ăn "** Đây là một chi tiết được chứng kiến tận mắt khác. Chúa Jesus bày tỏ về sự chu đáo, quan tâm đến em bé gái nhỏ. Điều này chứng tỏ rằng cô bé đã được hồi phục một cách hoàn toàn trở lại với sự sống về mặt cơ thể

## **NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Tại sao lại có sự quỵ ám ? Nó có thể xảy ra ngày hôm nay hay không ? Các Cơ Đốc Nhân có bị ảnh hưởng hay không?
2. Tại sao Chúa Jesus lại cho phép bầy heo bị tiêu diệt ?
3. Tại sao những cư dân trong thành lại nài xin Chúa Jesus rời khỏi đó?
4. Tại sao người bị quỵ ám phải ở lại?
5. Cụm từ "quyền năng ra từ Ngài" có ý nghĩa là gì ?
6. Tại sao Chúa Giê-xu lại gọi người chết là, "đang ngủ?"
7. Tại sao Chúa Jesus lại muốn giữ việc Ngài gọi con gái Giai ru sống lại như một bí mật?
8. Tại sao Chúa Jesus lại có một nhóm môn đồ thân thiết?



## MẮC 6

### NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự chối bỏ Chúa Jesus tại Na-xa-rét 6:1-6a	Chúa Giê-xu bị chối bỏ tại Na-xa-rét 6:1-6	Bị Chối Bỏ Tại Quê Nhà 6:1-6a	Chúa Giê-xu bị chối bỏ tại Na-xa-rét 6:1-3 6:4 6:5-6a	Một Chuyến Thăm Na-xa-rét 6:1-6a
Chức Vụ Của Nhóm Mười Hai Người 6:6b-13	Sự Sai Đi Nhóm Mười Hai Người 6:7-13	Sự Bỏ Nhiệm Và Dẫn Cho Nhóm 6:6b-13	Chúa Jesus Sai Đi Mười Hai Môn Đồ 6:6b-11 6:12-13	Chức Vụ Của Nhóm Mười Hai Người 6:6b-13
Sự Chết của Giăng Báp-tít 6:14-29	Giăng Báp-tít bị Chém Đầu 6:14-29	Cái Chết của Giăng 6:14-16 6:17-29	Sự Chết của Giăng Báp-tít 6:14 6:15a 6:15b 6:16-18 6:19-20 6:21-23 6:24a 6:24b 6:25 6:26-29	Chúa Jesus và Vua Hê-rốt 6:14-16 Giăng Báp-tít bị Chém Đầu 6:17-20 6:21-29
Cho Năm Ngàn Người Ăn 6:30-44	Cho Năm Ngàn Người Ăn 6:30-44	Cho Năm Ngàn Người Ăn 6:30-44	Chúa Jesus Cho Năm Ngàn Người Ăn 6:30-32 6:33-36 6:37a	Phép Lạ Hóa Bánh Lăn Đầu Tiên 6:30-44

			6:38b	
			6:39-44	
Bước Đi Trên Mặt Nước	Chúa Jesus Bước Đi Trên Mặt Biển	Chúa Jesus Bước Đi Trên Mặt Nước	Chúa Jesus Bước Đi Trên Mặt Nước	Chúa Jesus Bước Đi Trên Nước
6:45-52	6:45-52	6:45-46 6:47-52	6:45-50a	6:45-52
			6:50b-52	
Sự Chữa Lành Người Đau ở Ghê-nê-xa-rét	Nhiều người chạm vào Ngài và Được Lành	Đức Tin Nơi Quyền Năng Chúa Jesus Được Chữa Lành	Chúa Jesus Chữa Lành Người Đau ở Ghê-nê-xa-rét	Sự Chữa Lành ở Ghê-nê-xa-rét
6:53-56	6:53-56	6:53-56	6:53-56	6:53-56

### CHU KỶ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

#### THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thân cảm, nhưng chia khóa đề dõ theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

#### NHỮNG ĐOẠN KINH THÁNH SONG HÀNH TƯƠNG ĐỒNG TRONG CÁC SÁCH PHÚC ÂM CỘNG QUAN

- A. Những câu 1-6a song hành với Ma-thi-ơ 13:54-58.
- B. Những câu 6b-13 song hành với Ma-thi-ơ 9:35-11:1 và Lu-ca 9:1-6.
- C. Những câu 14-29 song hành với Ma-thi-ơ 14:1-12 và Mác 6:14-16 và Lu-ca 9:7-9.
- D. Những câu 30-44, kể về câu chuyện cho năm ngàn người ăn, được tìm thấy trong tất cả bốn Sách Phúc Âm (Mác 6:30-44; Ma-thi-ơ 14:13-21; Lu-ca 9:10-17; Giăng 6:1-13).
- E. Những câu 45-52 song hành với Ma-thi-ơ 14:22-23 và Giăng 6:14-21.
- F. Những câu 53-56 song hành với Ma-thi-ơ 14:34-36.

#### NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

##### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 6:1-6a

<sup>1</sup> Đức Chúa Jêsus rời nơi đó, trở về quê hương mình; các môn đồ cùng đi theo. <sup>2</sup> Đến ngày sa-bát, Ngài bắt đầu dạy dỗ trong nhà hội. Nhiều người nghe Ngài giảng thì kinh ngạc và nói: "Do đâu ông này có được

**những điều ấy? Sự khôn ngoan mà ông ta được ban cho là gì? Làm sao tay ông ta có thể làm được nhiều việc quyền năng như thế?** <sup>3</sup> **Chẳng phải ông này là người thợ mộc, con trai Ma-ri, anh của Gia-cơ, Giô-sê, Giu-đe, và Si-môn đó sao? Các em gái ông chẳng phải đang ở đây với chúng ta sao?** <sup>4</sup> **Và họ vấp phạm vì Ngài.** <sup>5</sup> **Nhưng Đức Chúa Jê-sus phán: "Nhà tiên tri không bị khinh dể, ngoại trừ giữa quê hương, bà con và gia đình mình."** <sup>6a</sup> **Ở đó Ngài không thể làm một việc quyền năng nào ngoài việc đặt tay trên một vài người đau ốm và chữa lành cho họ.** <sup>6a</sup> **Ngài ngạc nhiên vì lòng vô tín của họ.**

**6:1 " Đức Chúa Jê-sus rời nơi đó "** Từ này chỉ về Thành Ca-bê-na-um , vốn đã trở nên một trung tâm của chức vụ của Ngài tại Ga-li-lê.

▣ **" trở về quê hương mình "** Nguyên văn cụm từ này là "địa điểm quê hương của Ngài" và chỉ đến Na-xa-rét (Mác 1:9,24), nơi Ngài đã lớn lên. Nó nằm cách Thành Ca-bê-na-um khoảng hai mươi dặm về phía đông nam . Có vẻ nó là một nơi định cư của những người Giu-đe trong một khoảng thời gian gần.

▣ **" các môn đồ cùng đi theo "** Chúa Jesus huấn luyện các môn đồ của Ngài bằng cách đưa họ đi cùng với Ngài mọi thời điểm (hãy xem quyển *The Master Plan of Evangelism* của Robert Coleman). Phần lớn những sự dạy dỗ và phép lạ của Chúa Jesus thi hành là vì lợi ích cho họ.

**6:2 " dạy dỗ trong nhà hội "** Chúa Jesus tham gia nhà hội một cách đều đặn, thường xuyên. Ngài thường được mời để giảng dạy như một thầy ra-bi khách mời, vốn là một thông lệ thông dụng.

▣ **" Nhiều người nghe Ngài giảng thì kinh ngạc "** Họ không phải bất đồng với những sự dạy dỗ của Ngài, nhưng lại nghi ngờ về tiêu chuẩn trình độ và học vấn của Ngài. Điều này tương đồng với sự chất vấn của những người Pha-ri-si về thẩm quyền của Ngài.

▣ **" Do đâu ông này có được những điều ấy?"** Sự khôn ngoan, quyền năng và thẩm quyền của Chúa Jesus đã làm tất cả mọi người kinh ngạc. Khi là một cậu bé, Chúa Jesus cũng giống như tất cả những trẻ em nơi làng quê khác. Những nhóm người khác nhau tiếp tục nghi vấn về tất cả những điều thuộc về Ngài đến từ đâu? Thật quá rõ ràng đối với tất cả rằng Chúa Jesus đã có một sự khôn ngoan và thẩm quyền vĩ đại!

▣ **" tay ông ta có thể làm được nhiều việc quyền năng như thế "** Thành Ca-bê-na-um cách Na-xa-rét chỉ 20 dặm nên những lời đồn về những phép lạ Ngài đã làm đã lan rộng ra.

**6:3 "' Chẳng phải ông này là người thợ mộc "'** Từ thợ mộc có nghĩa là "người thợ thủ công" vốn có thể có nghĩa là một người thợ làm việc với gỗ, kim loại hoặc đá. Justin cho rằng nó chỉ về một người làm cày và ách (*Dial.* 88:8). Có vẻ Chúa Jesus đã trở thành một người thợ mộc trong thành sau sự qua đời sớm của Giô-sép.

▣ **" con trai Ma-ri "** Cũng giống như "ông này" của Mác 6:2, từ này có thể là một sự cố gắng bày tỏ sự khinh miệt. Dân cư trong thành vốn đã biết về sự hoải thai của Ma-ri. Origen cho rằng nguyên bản chép là "con của người thợ mộc và Ma-ri" bởi vì thật rất bất thường khi người mẹ được đề cập. Do Giảng 8:41, một vài người xem cụm từ này liên quan đến một lời đồn thổi lan rộng về Chúa Jesus là con hoang của một tên lính Rô-ma. Hầu hết các bản MSS đều có nền tảng dựa trên sự thiên kiến thần học của nhữn nhà sao chép Kinh Thánh vốn sợ hãi rằng tín lý Sự Hạ Sinh Bởi Nữ Đồng Trinh (Virgin Birth) sẽ bị ảnh hưởng bởi cụm từ trong phần Kinh Thánh song hành trong Ma-thi-ơ "con của người thợ mộc và Ma-ri " (theo Ma-thi-ơ 13:55).

▣ **" anh của "** Cụm từ này chỉ về thời thơ ấu bình thường của Chúa Jesus (Lu-ca 2:40,52). Nó cũng chỉ ra rằng Ma-ri đã có các người con khác. Từ trong danh sách của các em trai và em gái của Ngài (theo Ma-thi-ơ 13:55-56), đã có hai người là tác giả của các sách trong Tân Ước, Gia-cơ và Giu-đe.

NASB	" họ bất bình về Ngài "
NKJV	"họ bị xúc phạm bởi Ngài"
NRSV	"họ bất bình về Ngài "
TEV	"họ chối bỏ Ngài"
NJB	"họ không chấp nhận Ngài "

Đây là từ *skandalon*, vốn có nghĩa là một que bẫy có mồi. Chúng ta có từ trong tiếng Anh "xì căng đan-scandal (vụ tai tiếng)" từ từ gốc tiếng Hy Lạp này.

Khái niệm này có tầm quan trọng thu hút rất lớn về Đấng Mê-si Cựu Ước (Thi 118:22; Ê-sai 8:14; 28:16). Cũng giống với như những lãnh đạo tôn giáo, dân thành đã không thể vượt qua những định kiến của họ (Mác

6:4).

**6:4 " Nhà tiên tri "** Câu 4 là một câu châm ngôn thông dụng trong thời của Chúa Jesus. Chúa Jesus chắc chắn lớn hơn là một nhà tiên tri, nhưng đây là một trong những danh xưng được sử dụng cho Đấng Sẽ Đến đặc biệt của Đức Chúa Trời được sử dụng bởi Môi-se (Phục Truyền 18:15,18).

**6:5 " Ngài không thể làm một việc quyền năng nào "** Câu này không ngụ ý về sự yếu đuối về phía của Chúa Jesus, nhưng là sự cố ý giới hạn chức vụ của Ngài. Phần Kinh Thánh song hành trong Ma-thi-ơ 13:58 chép là "đã không làm" thay vì "đã không thể." Chúa Jesus đối xử với tất cả mọi người như nhau; Ngài không thiên vị ai cả. Lu-ca 7:11-14 chỉ ra rằng Chúa Jesus không phải luôn luôn đòi hỏi một sự đáp ứng đức tin, nhưng nó thường là một điều kiện tiên quyết. Đức tin nơi Đức Chúa Trời và nơi Chúa Jesus mở ra cánh cửa đến với thế giới thuộc linh. Đức tin mạnh mẽ như thế nào không quan trọng bằng việc đức tin đó được đặt ở nơi ai!

▣ " Ngài ... đặt tay trên một vài người đau ốm " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 7:32.

**6:6a**

**NASB**

"Ngài tự hỏi về sự vô tín của họ "

**NKJV**

"Ngài kinh ngạc bởi vì sự vô tín của họ "

**NRSV**

"Ngài ngạc nhiên về sự vô tín của họ "

**TEV**

"Ngài đã rất ngạc nhiên, bởi vì dân chúng đã không có đức tin "

**NJB**

"Ngài ngạc nhiên về sự thiếu đức tin của họ "

Đây là một thể chỉ định chủ động chưa hoàn thành (imperfect active indicative), ngụ ý chỉ về một hành động lặp lại. Chúa Jesus đã kinh ngạc bởi sự mù lòa và cứng cõi của dân chúng (Chúa Jesus đã bị chối bỏ hai lần tại Na-xa-rét, Lu-ca 4:16-31). Trong sự hiện diện của lễ thật vĩ đại, thậm chí với những dấu chỉ phép lạ (theo Mác 6:2), họ vẫn từ chối tin vào (Ê-sai 6:9-10).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 6:6b-13**

<sup>6</sup> Rồi Ngài đi giảng dạy khắp các làng gần đó. <sup>7</sup> Ngài gọi mười hai sứ đồ, bắt đầu sai đi từng đôi, và ban cho họ thẩm quyền trên ưế linh. <sup>8</sup> Ngài truyền cho họ khi đi đường, ngoài cây gậy, đừng đem theo gì hết, không bánh, không bao bị, không tiền túi; <sup>9</sup> chỉ mang dép, không mặc hai áo. <sup>10</sup> Ngài dặn họ: "Khi các con vào một nhà nào, hãy cứ ở đó cho đến lúc ra đi. <sup>11</sup> Nếu có nơi nào người ta không tiếp và cũng không nghe các con thì hãy đi khỏi đó, phủ bụi nơi chân mình như một bằng chứng nghịch lại họ." <sup>12</sup> Vậy, các sứ đồ ra đi, rao giảng rằng mọi người phải ăn năn. <sup>13</sup> Họ đã đuổi nhiều quỷ, xức dầu và chữa lành nhiều người bệnh.

**6:7 " bắt đầu sai đi từng đôi "** Từ này có thể phản ánh một chức vụ cụ thể chứ không phải trách nhiệm toàn cầu.

▣ " từng đôi " từ này chỉ về sự cần thiết có hai nhân chứng để xác nhận một sự việc (Phục Truyền 19:15). Nó cũng có thể bởi vì cả khía cạnh xã hội của dững khí nơi số lượng. Hai nhân chứng này đã đối diện với thế giới thù địch về mặt thuộc linh và văn hóa.

▣ " và ban cho họ thẩm quyền trên ưế linh " Phần Kinh Thánh song hành trong Lu-ca 9:1 thêm vào "và chữa lành các tật bệnh." Phần Kinh Thánh song hành trong Ma-thi-ơ 10:8 thêm vào " chữa lành kẻ đau, khiến sống kẻ chết, làm sạch kẻ phung, và trừ các quỷ." Những hành động này chính là những dấu chỉ về Đấng Mê-si, những dấu chỉ về sự quan tâm của Đức Chúa Trời, những dấu chỉ về quyền năng của Đức Chúa Trời và vương quốc tương lai của Ngài. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 1:25.

Quyền năng và thẩm quyền của Chúa Jesus có thể được ban cho cho những Kẻ Theo Ngài. Chắc chắn rằng đã có một sự chia sẻ được xức dầu mạnh mẽ giữa Nhóm Mười Hai Người và Chúa Jesus sẽ không thể được lặp lại, nhưng quyền năng của Đức Chúa Trời luôn sẵn sàng đối với hội thánh Ngài.

Quyền năng trong thời đại của chúng ta ở đâu? Có vẻ rằng những dấu lạ quyền năng được sử dụng để xác nhận thông điệp phúc âm và ban lòng tin cho những người rao giảng tin lành. Điều này vẫn đúng trong ngày hôm nay. Tuy nhiên, trong những nền văn hóa nơi mà sứ điệp phúc âm đã đâm rễ, thì khi đó, những tín đồ phải bước đi bằng đức tin, chứ không phải bởi mắt nhìn; tin cậy nơi Đức Chúa Trời, chứ không phải bởi việc đòi hỏi những phép lạ (Giăng 4:48). Những phép lạ không phải là câu trả lời cho những nan đề về đức tin! Rất có thể rằng sự

đoán phạt của Đức Chúa Trời Trên một hội thánh hăm hăm chính là tư tưởng nghĩ là mình thành công, nhưng thực tế lại là sự không kết quả.

Các dấu kỳ và phép lạ cũng như là những hoạt động trên ma quỷ và thiên sứ gia tăng trong thời kỳ của Chúa Jesus và Các Sứ Đồ. Hoạt động thuộc linh này chắc chắn vẫn hiện diện trong mọi thời kỳ, nhưng được gia tăng tại lần đến thứ nhất của Chúa Jesus và sẽ lại được gia tăng một lần nữa khi lần đến thứ hai của Ngài đến gần.

Tôi vui mừng trong những sự bày tỏ bởi những dấu hiệu của tình yêu thương và quyền năng của Đức Chúa Trời (các ân tứ vẫn hoạt động), nhưng tôi tin cậy vào những lẽ thật phúc âm, không phải là sự hiện diện hay thiếu vắng những sự xác nhận vật lý thuộc thể. Những dấu kỳ và phép lạ cũng có thể được làm giả (Ma-thi-ơ 24:24; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:9; Khải Huyền 13:13; 16:14; 19:20). Các tín đồ bắt buộc phải không được dựa dẫm, đòi hỏi sự xác quyết! Đức tin giống như con trẻ chính là sự vượt trội thuộc linh với những dấu kỳ phép lạ siêu nhiên.

**6:8 " Ngài truyền cho họ khi đi đường, ngoài cây gậy, đừng đem theo gì hết "** Các sách Phúc Âm Công Quan đều chép lại câu này, nhưng trong những cách hơi khác biệt với nhau. Ma-thi-ơ 10:9-11 ngụ ý về việc "đừng mua thêm một cây gậy đi đường." Lu-ca 9:3 thì giống với Ma-thi-ơ 10:10, nhưng bỏ qua cụm từ "đừng kiếm thêm" trong Ma-thi-ơ 10:9. Mọi người đi đường đều mang theo một cây gậy để tự vệ. Điểm chính của những lời phán này là những người giáo sĩ này phải phụ thuộc hoàn toàn vào sự chu cấp của Đức Chúa Trời (cả về mặt thuộc thể và thuộc linh) chứ không phải chính mình.

Để xem một bài viết thảo luận đầy đủ về những sự khác biệt giữa Ma-thi-ơ, Mác, và Lu-ca về những gì các môn đồ được đem và không được đem trong những chuyến đi truyền giáo của họ hãy xem quyển *Hard Sayings of the Bible*, ở trang 422-24.

▣ " **bao bì** " Đây có lẽ là một túi đeo sau lưng.

▣ " **tiền túi** " Đây có lẽ là túi tiền.

**6:9 " không mặc hai áo "** Cụm từ này chỉ về một chiếc áo khóa ngoài vốn cũng có thể được sử dụng để đắp khi ngủ. Từ này cũng có thể có nghĩa là đừng đem thêm trang phục (đừng cố gắng chuẩn bị cho mọi trường hợp bất ngờ).

**6:10 " hãy cứ ở đó cho đến lúc ra đi "** Họ không được kiếm tìm chỗ trú tốt hơn và tốt hơn. Chỗ đầu tiên mở cửa nhà họ bởi đức tin chính là nơi họ sẽ ở.

**6:11 " Nếu có nơi nào người ta không tiếp và cũng không nghe các con "** "bất cứ nơi nào " có thể chỉ về một thành hoặc một nhà hội. Từ nguyên gốc là "tiếp nhận," nhưng với hàm ý của sự chào đón.

▣ " **phủ bụi nơi chân mình như một bằng chứng nghịch lại họ** " Cụm từ này liên hệ với một biểu tượng có thể nhìn thấy của sự xét đoán và chia cắt sắp xảy đến (Công Vụ 13:51; và một hành động tương tự với Mác 18:6). Đây là một tập tục thông dụng của Người Do Thái khi bước lại vào Giu-đa từ Sa-ma-ri.

▣ Có một câu được thêm vào trong Mác 6:11, bản NKJV, "Quả thật ta nói cùng các ngươi, trong ngày đoán xét, Sô-đôm và Gô-mô-rơ sẽ được dung thứ nhiều hơn thành đó." Nó được thấy trong bản thảo cổ tiếng Hy Lạp A và nhiều bản thảo tiếng Hy Lạp cổ nhỏ sau này. Câu này không phải nguyên gốc trong sách Mác, nhưng có vẻ là một sự tương đồng với Ma-thi-ơ 10:15.

**6:12 " các sứ đồ ra đi, rao giảng rằng mọi người phải ăn năn "** Sự ăn năn là quan trọng thiết yếu cho một mối tương giao đức tin với Đức Chúa Trời (theo Ma-thi-ơ 3:2; 4:17; Mác 1:15; 6:12; Lu-ca 13:3,5; Công Vụ 2:38; 3:19; 20:21). Từ nguyên trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là một sự thay đổi những hành động, trong khi từ nguyên trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là sự thay đổi tâm trí. Sự ăn năn là một sự nguyện ý để thay đổi từ một trình trạng tập chú vào bản thân của một người thành một đời sống được bày tỏ và hướng dẫn bởi Đức Chúa Trời. Nó kêu gọi một sự biến đổi từ sự ưu tiên và bó buộc của cái tôi. Căn bản nó là một thái độ mới, một thể giới quan mới, một chủ mới. Sự ăn năn chính là ý muốn của Đức Chúa Trời dành cho tất cả mọi người, được dựng nên theo hình ảnh của Ngài (Ê-xê-chi-ên 18:21,23,32; Lu-ca 13:1-5; và 2 Phi-e-rơ 3:9).

Đoạn Kinh Thánh Tân Ước phản ánh tốt nhất những từ nguyên trong tiếng Hy Lạp cho sự ăn năn chính là 2 Cô-rinh-tô 7:8-12

1. *lupe*, "sầu khổ" hoặc "đau buồn" câu 8 (hai lần), 9 (ba lần), 10 (hai lần), 11
2. *metamelomai*, "đổi ý (với sự quan tâm)," câu 8 (hai lần), 9
3. *metanoēō*, "ăn năn," "đổi tâm trí (với tâm trí),"câu 9, 10

Sự tương phản giữa một sự ăn năn giả [*metamelomai*], Giu-đa, Ma-thi-ơ 27:3 và Ê-sau, Hê-bơ-rơ 12:16-17 và sự ăn năn thật [*metanoēō*].

Sự ăn năn thật liên hệ về mặt thần học với

1. Sự giảng dạy của Chúa Jesus về những điều kiện của Giao Ước Mới (Ma-thi-ơ 4:17; Mác 1:15; Lu-ca 13:3,5)
2. Những bài giảng sứ đồ trong (*kerygma*, Công Vụ 3:16,19; 20:21)
3. Món quà tối cao của Đức Chúa Trời (Công Vụ 5:31; 11:18 và 2 Ti-mô-thê 2:25)
4. Sự hư mất (2 Phi-e-rơ 3:9). Sự ăn năn không phải là một lựa chọn

Hãy xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĂN NĂN TRONG CỰU ƯỚC tại Mác 1:4d.

**6:13 " Họ đã đuổi nhiều quỷ, xức dầu và chữa lành nhiều người bệnh "** Chú ý Tân Ước đã phân biệt rõ giữa sự đau ốm và sự quỷ ám. Hãy xem ghi chú tại Mác 1:25c.

▣ " **xức dầu** " Sự xức dầu được sử dụng trong những ý nghĩa khác nhau: (1) như là một loại thuốc (Gia-cơ 5:14); (2) như một biểu tượng của Đức Thánh Linh, đặc biệt dành cho các vị vua, các thầy tế lễ và các tiên tri Cựu Ước; và (3) như một sự trợ giúp tâm lý học để nhận biết được sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Chúa Jesus đã sử dụng dầu trong một vài kiểu hình mẫu khác nhau của sự giúp đỡ thuộc thể trong sự chữa lành.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ XỨC DẦU TRONG KINH THÁNH (BDB 603).**

- A. Dùng để trang điểm (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 28:40; Ru-tơ 3:3; II Sa-mu-ên 12:20; 14:2; II Sử-ký 28:1-5; Đa-ni-ên 10:3; A-mốt 6:6; Mi-chê 6:15)
- B. Dùng cho khách (xem Thi-thiên 23:5; Lu-ca 7:38,46; Giảng 11:2)
- C. Dùng chữa bệnh (xem Ê-sai 6:1; Giê-rê-mi 51:8; Mác 6:13; Lu-ca 10:34; Gia-cơ 5:14) [sử dụng trong ý tiết trùng trong Ê-xê-chi-ên 16:9]
- D. Dùng trong việc chuẩn bị an táng (xem Sáng-thế Ký 50:2; II Sử-ký 16:14; Mác 16:1; Giảng 12:3,7; 19:39-40)
- E. Dùng trong mục đích tôn giáo (như là một đồ vật, xem Sáng-thế Ký 28:18,20; 31:13 [trụ đá]; Xuất Ê-díp-tô Ký 29:36 [bàn thờ]; Xuất Ê-díp-tô Ký 30:36; 40:9-16; Lê-vi Ký 8:10-13; Dân-số Ký 7:1 [đền tạm])
- F. Dùng trong việc bổ nhiệm những lãnh đạo
  1. Các thầy tế lễ
    - a. A-rôn (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 28:41; 29:7; 30:30)
    - b. Các con trai của A-rôn (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 40:15; Lê-vi Ký 7:36)
    - c. Cụm từ hay là Danh hiệu tiêu chuẩn (xem Dân-số Ký 3:3; Lê-vi Ký 16:32)
  2. Các vua
    - a. Bởi Đức Chúa Trời (xem I Sa-mu-ên 2:10; II Sa-mu-ên 12:7; II Các Vua 9:3,6,12; Thi-thiên 45:7; 89:20)
    - b. Bởi các tiên tri (xem I Sa-mu-ên 9:16; 10:1; 15:1,17; 16:3,12-13; I Các Vua 1:45; 19:15-16)
    - c. Bởi các thầy tế lễ (xem I Các Vua 1:34,39; II Các Vua 11:12)
    - d. Bởi các trưởng lão (xem Các Quan Xét 9:8,15; II Sa-mu-ên 2:7; 5:3; II Các Vua 23:30)
    - e. Đức Chúa Giê-xu như là vị vua Mê-si-a (xem Thi-thiên 2:2; Lu-ca 4:18 [Ê-sai 61:1]; Công-vụ 4:27; 10:38; Hê-bơ-rơ 1:9 [Thi-thiên 45:7])
    - f. Những người tin theo Đức Chúa Giê-xu (xem II Cô-rinh-tô 1:21; I Giảng 2:20,27 [Chrisma])
  3. Có thể cho các thầy tiên tri (xem Ê-sai 61:1)
  4. Các công cụ "không tin" được dùng cho sự giải cứu thiên thượng
    - a. Vua Si-ru (xem Ê-sai 45:1)
    - b. Vua Ty-ơ (xem Ê-xê-chi-ên 28:14)
  5. Chữ, hay danh hiệu "Mê-si-a" có nghĩa là "Đấng Được Xức Dầu" (BDB 603), cf. Ps. 2:2; 89:38; 132:10

Công Vụ 10:38 là một câu Kinh Thánh nơi mà cả Ba Ngôi Đức Chúa Trời đều dự phần trong sự xức dầu. Chúa Jesus đã được xức dầu (Lu-ca 4:18; Công Vụ 4:27; 10:38). Khái niệm này được mở rộng để bao gộp tất cả các

tín đồ (1 Giăng 2:27). Từ Đấng Được Xức Dầu đã dẫn đến những kẻ được xức dầu! Đây cũng là một sự song hành với Kẻ Chống Đấng Christ và những kẻ chống Đấng Christ (1 Giăng 2:18). Biểu tượng Cự Ước của sự xức dầu (Xuất 29:7; 30:25; 37:29) liên hệ đến những người được kêu gọi bởi Đức Chúa Trời cho một nhiệm vụ đặc biệt (các tiên tri, các thầy tế lễ, và các vị vua). Từ "Đấng Christ" là một sự phiên dịch của thuật ngữ Hê-bơ-rơ "người được xức dầu" hoặc Đấng Mê-si.

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 6:14-16

<sup>14</sup> Vua Hê-rốt nghe nói về Đức Chúa Jê-sus, vì danh tiếng Ngài đã được nhiều người biết đến. Một số người nói: “Giăng Báp-tít đã từ cõi chết sống lại nên mới thực hiện được các phép lạ này.” <sup>15</sup> Một số khác thì bảo: “Đó là Ê-li.” Một số khác nữa thì nói: “Đó là nhà tiên tri, như một trong các nhà tiên tri đời xưa.” <sup>16</sup> Nhưng khi nghe vậy, Hê-rốt nói: “Đây chính là Giăng, người mà ta đã chém đầu, nay sống lại.”

**6:14 " Vua Hê-rốt "** "Vua" không phải là tước hiệu chính thức của Hê-rốt An-ti-pát. Ông được gọi là Một Trong Bốn Kẻ Cai Trị Chư Hầu (Vua Chư Hầu-Tetrarch), vốn có nghĩa là "sự cai trị được chia tư." Ông là con trai của Hê-rốt Đại Đế và một người đàn bà Sa-ma-ri. Ông cai trị vùng Bê-rê và Ga-li-lê giữa năm thứ 4 T.C và năm thứ 39 SC khi ông bị lưu đày bởi đời hỏi Sê-sa bỏ nhiệm ông trở thành Vua.

Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt về Gia đình của Hê-rốt Đại Đế tại Mác 1:14.

▣ **Một số người nói: Giăng Báp-tít đã từ cõi chết sống lại** "Câu này phản ánh đức tin của người Pha-ri-si về một sự sống lại thuộc thể (Công Vụ 23:6; 24:21; Hê-bơ-rơ 6:2). Đây là một nỗ lực khác để giải thích khác đi về quyền năng và thẩm quyền của Chúa Jesus (các lãnh đạo tôn giáo gán ghép nó với Sa-tan hoặc ma quỷ; những cư dân quê nhà đã chối bỏ nó bởi vì sự quen thuộc của họ với thời thơ ấu của Chúa Jesus; những người này đã gán nó với Giăng Báp-tít hoặc một vài tiên tri Cự Ước khác).

**6:15 "Ê-li"** Đây chỉ về những hàm ý chỉ về Đấng Mê-si của chức vụ của Chúa Jesus. Câu này liên hệ với sự bao trước cụ thể trong Ma-la-chi 3:1-2 và 4:5-6.

▣ **Đó là nhà tiên tri, như một trong các nhà tiên tri đời xưa** "Câu này chỉ về sự cảm nhận của dân chúng về một thẩm quyền mới mẻ trong sự dạy dỗ của Ngài vốn đã không xuất hiện trong Y-sơ-ra-ên qua hàng trăm năm kể từ thời Ma-la-chi (hoặc tác giả của Sử Ký). Đây cũng phản ánh lời tiên tri về Đấng Mê-si của Môi-se trong Phục Truyền 18: từ câu 15 trở đi về một vị tiên tri sẽ đến giống như Môi-se.

**6:16 " người mà ta đã chém đầu "** Câu này chỉ về sự định tội lương tâm của Vua Hê-rốt (Ma-thi-ơ 14:10; Lu-ca 9:9) và sự thiếu kiên thức về mối liên hệ giữa Giăng và Chúa Jesus.

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 6:17-29

<sup>17</sup> Số là Hê-rốt đã sai người bắt Giăng, trói lại và giam trong ngục nhân việc vua đã cưới Hê-rô-đi-a, vợ Phi-líp em vua, làm vợ. <sup>18</sup> Vì Giăng đã can rằng: “Bệ hạ lấy vợ của em mình là điều trái luật pháp” <sup>19</sup> nên Hê-rô-đi-a căm ghét Giăng và muốn giết đi. Nhưng bà không thể giết được, <sup>20</sup> vì Hê-rốt sợ Giăng, biết ông là một người công chính và thánh thiện, nên vẫn che chở ông. Vua thích nghe Giăng nói, dù mỗi lần nghe xong lòng vua thường bối rối. <sup>21</sup> Vào dịp sinh nhật, Hê-rốt mở tiệc chiêu đãi các cận thần, các sĩ quan, và những nhân vật quan trọng trong miền Ga-li-lê. <sup>22</sup> Con gái Hê-rô-đi-a vào nhảy múa, làm hài lòng Hê-rốt và khách dự tiệc, nên vua nói với cô gái: “Hãy xin bất cứ điều gì con muốn, trẫm sẽ cho.” <sup>23</sup> Vua lại thề: “Bất kỳ điều gì con xin, trẫm cũng sẽ cho, dù một nửa vương quốc của trẫm.” <sup>24</sup> Cô gái đi ra hỏi mẹ: “Con nên xin điều gì?” Mẹ nàng nói: “Cái đầu của Giăng Báp-tít.” <sup>25</sup> Lập tức, nàng vội vàng trở vào và tâu với vua: “Con muốn bệ hạ cho con cái đầu Giăng Báp-tít để trên mâm ngay bây giờ.” <sup>26</sup> Vua đau lòng lắm; nhưng vì lời thề và vì khách dự tiệc, vua không muốn thất hứa. <sup>27</sup> Vua liền sai một đao phủ đi và truyền đem đầu Giăng đến. <sup>28</sup> Người ấy vào ngục chặt đầu Giăng, rồi để đầu trên mâm và trao cho cô gái. Cô gái trao cho mẹ mình. <sup>29</sup> Các môn đồ của Giăng nghe tin, đến lấy xác người, và chôn trong mộ.

**6:17-29** Phần này không theo trình tự về thời gian. Nó được thêm vào để giải thích cho Mác 6:14.

**6:17 " Hê-rô-đi-a "** Bà trước đây đã là vợ của Philip, em của Hê-rốt An-ti-pát (Ma-thi-ơ 14:3). Họ đã sống tại

Rô-ma. Bà cũng là cháu gái của An-ti-pát bởi Aristobulus. An-ti-pát đã ve vãn bà khỏi Philip và cưới bà.

Theo Josephus (*Antiquities of the Jews* 18.5.4), Hê-rô-đia đã cưới con trai của Hê-rôt Đại Đế, Hê-rôt (là người có mẹ tên là Marianne, là con gái của thầy tế lễ thượng phẩm). Ông cũng cho biết con gái của Hê-rô-đia, Salome, sau này cưới Philip. Có khả năng rằng Hê-rôt được biết này là Hê-rôt Philip.

**6:18** Đây là mối liên hệ vi phạm Lê-vi Ký 18:16; 20:21.

**6:19 " Hê-rô-đia căm ghét Giăng "** Đây là thi chưa hoàn thành. Bà phải mang chủ đề này ra nói trước Hê-rôt An-ti-pát hết lần này đến lần khác. Hê-rôt vẫn giữ an toàn (thi chưa hoàn thành) cho ông khỏi bà ta (Mác 6:20).

**6:20 " Hê-rôt sợ Giăng "** Sự sợ hãi này bởi vì Giăng là một người thánh khiết. Ma-thi-ơ 14:4 cho biết ông sợ sự nổi tiếng của Giăng trước dân chúng. Hê-rôt là một người đầy sợ hãi. Ông sợ Giăng, Hê-rô-đia, và những khách khứa của mình—quá tệ hại rằng ông đã không kính sợ Đức Chúa Trời!

**6:21** Đây là ba nhóm khách mời: (1) những nhà cầm quyền dân sự; (2) những lãnh đạo quân sự; và (3) những lãnh đạo giàu có và có tầm ảnh hưởng.

▣ **" dù mỗi lần nghe xong "** Hê-rôt vừa gọi Giăng vừa đến với xà lim của ông tại Machaerus (nằm tại phía đông của Biển Chết, theo Josephus trong *Antiquities* 18.5.2).

▣ **" Vua thích nghe Giăng nói, dù mỗi lần nghe xong lòng vua thường bói rối "** Câu này chỉ ra một nghịch lý của một người đàn ông bị thu hút bởi lẽ thật, nhưng lại chối bỏ lẽ thật (Theo Giăng 3:19-21).

▣ Hê-rô-đia đã chờ đợi đến đúng thời điểm—một sự tụ họp rộng rãi, một buổi tiệc say sưa, một điệu nhảy đầy nhục dục, và một lời hứa bốc đồng—để ép buộc tay Hê-rôt phải thực hiện yêu cầu của bà ta.

**6:22 " Con gái Hê-rô-đia "** Người này được gọi là Salome bởi Josephus, là con gái của Philip.

▣ **" nhảy múa "** Thật không phổ biến đối với phụ nữ ở địa vị xã hội của bà ta khi nhảy múa trong những kiểu tụ tập như thế này. Những điệu nhảy gợi dục thường được thực hiện bởi gái mại dâm hoặc vũ nữ chuyên nghiệp.

▣ **" Bất kỳ điều gì con xin, trẫm cũng sẽ cho "** Hê-rôt đã nói điều này trong sự chứng kiến của tất cả các quan chức hành chính của mình và không thể rút lại lời của mình (Mác 6:21,26).

**6:23 " Vua lại thề "** Ông sử dụng danh của Đức Chúa Trời để đảm bảo cho sự đáng tin cậy của mình.

**6:24** Câu này xác nhận lại những động cơ và âm mưu kín đáo tiếp sau của bà (Mác 6:28b).

**6:26** Nhu cầu gây ấn tượng với bạn bè và gia đình của Hê-rôt đã làm lu mờ đi sự sợ hãi của ông (*perilupos*, vốn ngụ ý chỉ về sự phiền muộn quá đỗi, Ma-thi-ơ 26:38; Mác 14:34).

**6:27 " đao phủ "** Đây là một từ trong tiếng La-tinh chỉ về những cận vệ đặc biệt của ông. Từ này lúc đầu chỉ về một gián điệp, nhưng sau đó được sử dụng cho một đao phủ (Seneca). Mác sử dụng nhiều từ và cụm từ La-tinh hơn bất cứ Sách Phúc Âm nào khác. Có lẽ sách này được viết đặc biệt riêng cho người Rô-ma.

▣ **" vào ngục "** Trong *Antiquities* 18.5.2 Josephus cho chúng ta biết lâu đài của Hê-rôt có tên là Machaerus, vốn nằm gần Biển Chết tại Mô-áp.

**6:29** Giăng Báp-tít rõ ràng nằm trong ý muốn của Đức Chúa Trời. Dầu chức vụ của ông chỉ kéo dài vồn vện trong mười tám tháng. Mặc dù nguyên nhân cái chết của ông bởi vì mưu đồ của một người đàn bà xấu xa, nhưng Đức Chúa Trời vẫn đang tôn trọng trên lịch sử cho những mục đích của Ngài. Câu này cũng phản ánh sự quan tâm của Người Do Thái cho một sự chôn cất thích đáng.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) MÁC 6:30-44**

<sup>30</sup> Các sứ đồ tụ họp chung quanh Đức Chúa Jê-sus, tường trình với Ngài mọi việc họ đã làm và dạy dỗ. <sup>31</sup> Ngài bảo các sứ đồ: "Các con hãy đi về nơi thanh vắng, nghỉ ngơi một lúc." Vì kẻ qua người lại quá đông, nên Ngài và sứ đồ không có thì giờ để ăn. <sup>32</sup> Vậy, Thầy trò cùng xuống thuyền đi về nơi thanh vắng. <sup>33</sup> Nhiều người thấy thì nhận ra Đức Chúa Jê-sus và các môn đồ nên từ khắp các thành, họ chạy bộ theo và đã đến đó trước. <sup>34</sup> Vừa ra khỏi thuyền, Đức Chúa Jê-sus thấy đoàn dân đông thì cảm thương họ,



vì họ như chiên không có người chăn. Ngài bắt đầu dạy dỗ họ nhiều điều.<sup>35</sup> Khi trời về chiều, các môn đồ đến thưa với Ngài: "Nơi này hoang vắng mà trời đã chiều rồi;<sup>36</sup> xin Thầy cho dân chúng về để họ đi vào các vùng quê, làng mạc lân cận mua thức ăn."<sup>37</sup> Nhưng Ngài bảo: "Chính các con hãy cho họ ăn." Môn đồ thưa rằng: "Chúng con phải đi mua đến hai trăm đơ-ni-ê bánh cho họ ăn sao?"<sup>38</sup> Ngài bảo: "Hãy đi xem các con có bao nhiêu bánh?" Sau khi xem xét, các môn đồ thưa: "Có năm cái bánh và hai con cá."<sup>39</sup> Ngài bảo các môn đồ sắp xếp dân chúng ngồi thành từng nhóm trên cỏ xanh.<sup>40</sup> Họ ngồi xuống thành từng nhóm, nhóm một trăm, nhóm năm chục.<sup>41</sup> Đức Chúa Jê-sus lấy năm cái bánh và hai con cá, ngước mắt lên trời, tạ ơn, rồi bẻ bánh và trao cho các môn đồ để phân phát cho dân chúng. Ngài cũng chia hai con cá cho mọi người.<sup>42</sup> Ai nấy đều ăn no nê.<sup>43</sup> Họ thu lại được mười hai giỏ đầy những mẫu bánh và cá thừa.<sup>44</sup> Số người ăn bánh là năm nghìn người.

**6:30 " Các sứ đồ "** Đây là lần sử dụng duy nhất của từ này trong sách Phúc Âm Mác. Thường ông gọi họ là "các môn đồ." "Sứ Đồ" đến từ một từ Hy Lạp có nghĩa là " sai đi" (*apostellō*). Chúa Jesus đã lựa chọn mười hai người môn đồ của Ngài với một ý nghĩa đặc biệt và gọi họ là "những sứ đồ" (Lu-ca 6:13). Từ này thường được sử dụng cho Chúa Jesus được sai đi từ Cha (theo Ma-thi-ơ 10:40; 15:24; Mác 9:37; Lu-ca 9:48; Giăng 4:34; 5:24,30,36,37,38; 6:29,38,39,40,57; 7:29; 8:42; 10:36; 11:42; 17:3,8,18,21,23,25; 20:21). Trong những nguồn tư liệu Do Thái, từ này đã được sử dụng cho một ai đó được sai đi để làm một người đại diện chính thức cho một người khác, tương tự với "đại sứ." Họ thực hiện vai trò của một chuyên đi chức vụ như những người đại diện cho Chúa Jesus. Quyền năng và thẩm quyền của họ đã được ban cho.

▣ **" tường trình với Ngài "** Đây là một phần của sự huấn luyện của Chúa Jesus. Ngài đã dạy dỗ họ, chỉ bày cho họ cách làm thế nào, sai họ đi và lượng giá lại với họ. Đây là cách họ học hỏi. Hãy xem quyển sách của Robert Coleman *The Master Plan of Evangelism*, vốn đưa ra những dẫn chứng bằng tài liệu và bổ sung của phương pháp huấn luyện của Chúa Jesus dành cho những môn đồ của Ngài /các sứ đồ.

**6:31** Cũng như cách Chúa Jesus cần sự giải thoát khỏi áp lực của đám đông (Mác 3:20), giờ đây các môn đồ của Ngài cũng có nhu cầu này. Dân chúng đã đến để được giúp đỡ hai mươi bốn giờ một ngày. Sự huấn luyện của họ chưa hoàn tất. Họ cần có một ít riêng tư và thời gian!

**6:32 " thuyền "** Từ này thường chỉ về một tàu đánh cá bằng lưới lớn, có thể chứa được mười ba người nam (Ma-thi-ơ 4:21-22; 823; Công Vụ 21:2-3), nhưng cũng được sử dụng cho những loại thuyền nhỏ hơn (Lu-ca 5:2).

**6:33 " từ khắp các thành, họ chạy bộ theo "** Bạn có thể nào tưởng tượng ra được một đám đông khổng lồ của những người bệnh, què, và những người tò mò chạy dọc theo bờ biển? Những người này đã tuyệt vọng.

**6:34 " Đức Chúa Jê-sus thấy đoàn dân đông thì cảm thương họ "** Chúa Jesus luôn luôn có thời gian cho những người đang có nhu cầu (theo Ma-thi-ơ 9:36).

▣ **" như chiên không có người chăn "** Phép ẩn dụ này có một nền tảng Cựu Ước (Dân Số Ký 27:17; Ê-xê-chi-ên 34:5; Xa-cha-ri 13). Nó có thể chỉ về một sự ngụ ý được che giấu chỉ đến những lời của Chúa Jesus trong Giăng 10.

▣ **" Ngài bắt đầu dạy dỗ "** Chúa Jesus đáp ứng với những nhu cầu của đám đông bằng sự dạy dỗ của Ngài. Họ cần một sự trọn vẹn thuộc linh, chứ không chỉ sự phục hồi thuộc thể. Chúa Jesus đã đáp ứng cả hai nhu cầu (theo Ma-thi-ơ 14:14).

**6:35 "" Nơi này hoang vắng ""** Đây là một "nơi hẻo lánh" của Mác 6:31.

**6:37 "" các con hãy cho họ ăn ""** Chúa Jesus đã thử thách đức tin các môn đồ. Họ chính xác đã ước định nan đề, và giờ đây đã gặp nó!

▣ **" hai trăm đơ-ni-ê "** Một đơ-ni-ê là tiền công của một ngày làm việc của một người lao động phổ thông (Ma-thi-ơ 20:2) hoặc một người lính.

**6:38 "" năm cái bánh và hai con cá ""** Họ thậm chí còn không có đủ cho số họ. Chúa Jesus đã sử dụng cơ hội này để chỉ cho các môn đồ rằng họ đã có đủ và thậm chí nhiều hơn nếu nó được dâng cho Ngài và nêu họ tin cậy nơi Ngài!

**6:39 " ngồi thành từng nhóm "** Thành ngữ này (nguyên văn là *sumpinō, sumpinō*, đi theo nhóm, đi theo nhóm) ngụ ý rằng "hãy chuẩn bị để ăn!" Chúa Jesus có vẻ đưa ra mạng lệnh cho các môn đồ chuẩn bị đám đông cho một sự phân phát thức ăn theo cách sắp xếp thông thường.

▣ **" trên cỏ xanh "** Đây là một chi tiết được chứng kiến tận mắt của Phi-e-rơ. Điều này cũng chỉ đến một thời gian gần với Lễ Vượt Qua vào mùa xuân.

**6:41 " ngược mắt lên trời "** Tư thế cơ thể thông thường cho một lời cầu nguyện Do Thái là đứng với đôi tay và đầu hướng lên và mắt mở ra. Chúa Jesus đã bày tỏ nguồn gốc của thâm quyền của Ngài chính là Cha thiên thượng.

▣ **" bẻ bánh và trao "** Đây là một thì bất định (aorist tense) và một thì chưa hoàn thành (imperfect tense). Phép lạ của sự hóa bánh ra nhiều đã xảy ra trong tay của Chúa Jesus.

Phần Kinh Thánh tương đồng trong Giăng 6 tạo nên một sự trông đợi thần học của đám đông thẳng thừng này. Người Do Thái trong thời của Chúa Jesus trông đợi Đấng Mê-si chu cấp thức ăn cho họ giống như Môi-se đã làm trong thời kỳ lang thang trong hoang mạc (Giăng 6:30-40). Chúa Jesus ban cho họ dấu hiệu rõ ràng mà họ đã đòi hỏi, nhưng họ đã không thể, hoặc không muốn, nhìn thấy nó.

**6:42** Thông điệp được sử dụng trong bản Bảy Mươi (Septuagint) (bản dịch Cựu Ước tiếng Hy Lạp) cho dân sự Cựu Ước Đức Chúa Trời với sự đồ đầy ma-na và chim cút (Thi 78:29; 105:40). Chủ đề Cựu Ước này được mở rộng trong Giăng 6:30-40, nơi Chúa Jesus đã đáp ứng những sự trông đợi ra-bi của sự cung cấp thức ăn giống như cách Môi-se đã làm. Chúa Jesus chính là Môi-se mới; Sự giải cứu của Ngài chính là cuộc xuất hành mới; và Ngài đã mang lại thời đại mới của sự dư dật (Thi 132:15; Ê-sai 49:10).

**6:43 " mười hai giỏ đầy những mẩu bánh và cá thừa "** Cụm từ này chỉ ra rằng Chúa Jesus đã không thi hành những phép lạ cho thức ăn hàng ngày của họ. Họ phải tự cung cấp với khả năng của mình cho những bữa ăn trong tương lai.

Một số nhà giải kinh (William Barclay) chối bỏ yếu tố phép lạ và cho rằng cậu bé đã chia sẻ thức ăn của mình (Giăng 6:9) và những người khác trong đám đông đã nhìn thấy và chia sẻ những bữa trưa của họ. Nếu vậy, thì mười hai giỏ đầy còn thừa đến từ đâu? Những sự giải kinh bị tác động bởi định kiến của chúng ta cũng đi cùng phương cách với những định kiến của dân chúng trong thời của Chúa Jesus đã ảnh hưởng đến họ!

**6:44 " năm nghìn người "** Đây là một quãng chạy bộ dài (Mác 6:33) và một nơi hoang vu (Mác 6:32). Có lẽ không có nhiều phụ nữ và trẻ em. Chúng ta không biết chính xác độ lớn của đám đông. Nhưng đó là một đám đông khổng lồ!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 6:45-46**

<sup>45</sup> Ngay sau đó, Đức Chúa Jê-sus giục các môn đồ xuống thuyền đi trước qua bờ bên kia, hướng về thành Bết-sai-đa, trong khi Ngài cho dân chúng ra về. <sup>46</sup> Sau khi từ biệt họ, Ngài đi lên núi để cầu nguyện.

**6:45 " Bết-sai-đa "** Tên của thành phố này có nghĩa là "nhà của sự sáng." Nó nằm ở phía tây của hồ.

▣ **" Ngài cho dân chúng ra về "** Phần Kinh Thánh tương đồng trong Giăng 6 cho chúng ta rất nhiều thông tin về sự đáp ứng của đám đông. Những điểm chính của sách Mác chính là sự huấn luyện các môn đồ và sự thương xót của Chúa Jesus, trong khi câu chuyện trong Giăng ghi chép lại cách làm thế Chúa Jesus đáp ứng lại những sự trông đợi của Người Do Thái về sự nuôi nấng Người Do Thái của Đấng Mê-si giống như Môi-se đã làm (ma-na). Họ cố gắng biến Ngài thành vua. Việc ấy chỉ ra sự ngộ nhận của họ về chức vụ của Chúa Jesus (cũng như là sự hiểu sai của các môn đồ của Ngài, gia đình của Ngài, và các lãnh đạo tôn giáo).

**6:46 " Ngài đi lên núi để cầu nguyện "** Chúa Jesus đã có một sự cầu nguyện thường xuyên, đều đặn. Đây rõ ràng là một lần cầu nguyện định kỳ. Điều này đặc biệt rõ ràng trong Sách Phúc Âm Gospel theo Lu-ca. Chúa Jesus biết rõ phép lạ này sẽ bị hiểu lầm. Và cũng như Ngài không muốn trở này một người chữa bệnh, Ngài cũng không muốn trở thành một người ban thức ăn (Giăng 6:15). Ngài đến để bày tỏ về Cha, nhưng đám đông không thể hoặc không muốn nhìn thấy. Trong một nghĩa, đây là sự ứng nghiệm đối với sự cám dỗ của Sa-tan trong đồng vắng với sự thử thách dân chúng với bánh (sự ban thức ăn cách siêu nhiên, Ma-thi-ơ 4:3-4).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 6:47-52**

<sup>47</sup> Tới đến, thuyền ở giữa biển, còn Ngài thì ở một mình trên đất liền. <sup>48</sup> Ngài thấy các môn đồ chèo chông vát vả vì gió ngược nên khoảng canh tư đêm ấy, Ngài đi trên mặt biển mà đến với môn đồ. Ngài muốn vượt lên trước họ. <sup>49</sup> Nhưng khi thấy Ngài đi trên mặt biển, các môn đồ tưởng là ma nên la lên, <sup>50</sup> vì tất cả đều thấy Ngài và hoảng sợ. Nhưng Đức Chúa Jê-sus liền phán với họ: “Hãy yên lòng, Ta đây, đừng sợ!” <sup>51</sup> Rồi Ngài bước lên thuyền với các môn đồ, và gió yên lặng. Họ vô cùng kinh ngạc, <sup>52</sup> vì không hiểu ý nghĩa của phép lạ hóa bánh, do lòng họ còn cứng cõi.

**6:48** " Ngài thấy " Không rõ đây bởi vì (1) tầm nhìn vật lý hoặc là (2) kiên thức siêu nhiên.

▣ " **chèo chông vát vả vì gió ngược** " Từ này đến từ tiếng Hy Lạp được dịch sang tiếng Anh là "tra tấn, đau đớn ghê gớm." Thật khó để chèo thuyền ngược gió.

▣ " **khoảng canh tư đêm ấy** " Trong giờ Rô-ma thời gian này khoảng 3:00 giờ sáng. đến 6:00 giờ sáng.

▣ " **Ngài đi trên mặt biển mà đến với môn đồ** " Đây là một phép lạ khác trên tự nhiên của Chúa Jesus với mục đích làm mạnh mẽ đức tin của các môn đồ. Họ chứng kiến quyền năng và thẩm quyền của Ngài trong rất nhiều cách khác nhau. Nhưng họ không thể hiểu; họ quá sợ hãi (Mác 6:49-50) và kinh ngạc (Mác 6:51).

Có lẽ rằng phép lạ này là để ứng nghiệm Gióp 9:8; 38:16; Thi 77:19; and Ê-sai 43:16. Chúa Jesus đã thực hiện hành động thiên thượng (của Đức Chúa Trời) Cựu Ước (theo Mác 6:52).

▣ " **Ngài muốn vượt lên trước họ** " Câu này có vẻ không phù hợp với văn mạch ngoại từ khi nó có nghĩa để kết nối với Gióp 9:8 và 11! Trong bản TEV ghi chú, nó được chép là "gia nhập họ." Động từ này không có nghĩa rộng này trong Lu-ca 12:32 và 17:7.

**6:49** " **ma** " Từ này nguyên văn là "hồn ma" Ma-thi-ơ 14:26. Đây là một từ có nghĩa mạnh được sử dụng cho "sự lộn xộn và hỗn loạn về mặt tâm lý và thuộc linh" (theo *The Greek-English Lexicon* của Bauer, Arndt, Gingrich, và Danker, trang 805).

**6:50** " **Hãy yên lòng** " Đây là một Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative) được sử dụng rất thường xuyên bởi Chúa Jesus (Ma-thi-ơ 9:2,22; 14:27; Mác 6:50; 10:49; Giảng 16:33; Công Vụ 23:11).

▣ " **đừng sợ** " Đây là một thể mệnh lệnh trung cách (biến thể) hiện tại (present middle (deponent) imperative) được sử dụng khá thường xuyên bởi Chúa Jesus (theo Ma-thi-ơ 14:27; 17:7; 28:10; Mác 6:50; Lu-ca 5:10; 12:32; Giảng 6:20; Khải Huyền 1:17). Điều này cũng có thể liên hệ Chúa Jesus một lần nữa với Môi-se (Xuất 14:13; 20:20). Chúa Jesus đã là một Môi-se mới hoặc một Đấng phát ngôn thiên thượng mới (Sáng Thế Ký 15:1; Giô-suê 8:1).

**6:51** Sự vắng mặt rất đáng chú ý phần tường thuật về câu chuyện Phi-e-rơ bước đi (và bị chìm) trên mặt nước (Ma-thi-ơ 14:28-31). A. T. Robertson's *Word Pictures in the New Testament*, tập 1, trang 319, cho là "Có lẽ Phi-e-rơ không thích kể về chuyện này."

**6:52** " **vì không hiểu ý nghĩa** " Họ là những người học hỏi chậm chạp. Chúa Jesus thật sự kiên nhẫn với họ. Điều này thật khích lệ đối với tôi!

▣ " **lòng họ còn cứng cõi** " Đây là một phân từ thụ động hoàn thành (perfect passive participle). Đây cũng là một khái niệm thần học khó. Có phải nó ngụ ý (bởi thể bị động) rằng Đức Chúa Trời hoặc Đức Thánh Linh đã đóng tâm trí của họ? Có lẽ nó là một câu nói mang tính thành ngữ được dùng cho những định kiến của chính họ và những lời truyền khẩu Do Thái đã làm cho họ mù lòa với lẽ thật quá rõ ràng trong những hành động và sự dạy dỗ của Chúa Jesus (Mác 8:17-18). "Người đàn ông" này đơn giản chỉ đã không phù hợp với bất kỳ phạm trù nào mà họ đã biết (Mác 4:13,40; 7:18). Đây là một chủ đề lặp đi lặp lại thường xuyên của sách Mác. Hãy xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TÂM LÒNG** tại Mác 2:6.

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 6:53-56

<sup>53</sup> Khi đã qua đến bờ bên kia, Đức Chúa Jê-sus và các môn đồ đến đất Ghê-nê-xa-rét, neo thuyền tại đó. <sup>54</sup> Vừa ra khỏi thuyền, dân chúng liền nhận ra Ngài. <sup>55</sup> Họ chạy khắp vùng, để nghe Ngài ở đâu thì kiêng những người bệnh nằm trên giường đến đó. <sup>56</sup> Bất cứ nơi nào Đức Chúa Jê-sus đến, hoặc làng

**mạc, thành thị hay thôn quê, người ta đều đem những người bệnh đặt tại các chợ, và nài xin Ngài cho họ ít ra cũng được chạm vào gấu áo của Ngài; những ai đã chạm đến đều được lành bệnh.**

**6:55** Câu này chỉ ra nhu cầu, sự hỗn loạn, và sự thương xót, quyền năng của Chúa Jesus. Đây cũng là một bài học về sự ưu tiên cho dân chúng. Chúa Jesus luôn luôn có thời gian dành cho họ.

**6:56 " chạm vào gấu áo của Ngài "**Cụm từ này chỉ về "vạt áo cầu nguyện" của Ngài (Dân Số Ký 15:38-40; Phục Truyền 22:12). Những người này đã tuyệt vọng, mê tín và ích kỷ.

## **NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích dấy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Làm thế nào để bạn có thể giải quyết những sự mâu thuẫn giữa các Sách Phúc Âm?
2. Tại sao có một sự đa dạng khác biệt giữa những ý kiến về Chúa Jesus là ai đến như vậy?
3. Sự sống lại có phải là một khái niệm không phổ biến trong thời của Chúa Jesus?
4. Tại sao Đức Chúa Trời lại cho phép một phụ nữ ác độc, xấu xa như vậy gây ra cái chết của một con người vĩ đại như Giăng?
5. Tại sao Chúa Jesus đã thu hút một đám đông lớn đến như vậy?
6. Tại sao Chúa Jesus lại cung cấp thức ăn cho 5,000 người ăn?
7. Chức vụ giảng dạy của Chúa Jesus đã liên hệ với những sự chữa lành của Ngài như thế nào?

# MÁC 7

## NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Lời Truyền Khẩu của Cô Nhân	Sự Không Tinh Sạch Đến Từ Bên Trong	Lời Truyền Khẩu của Người Xưa	Những Sự Dạy Dỗ của Tổ Tiên	Lời Truyền Khẩu của Những Người Pha-ri-si
7:1-13	7:1-23	7:1-8	7:1-2 7:3-4 7:5 7:6-7 7:8 7:9-13	7:1-13
			Điều Khiển Một Người Trở Nên Không Tinh Sạch	Sự Tinh Sạch và Không Tinh Sạch
7:14-23		7:14-16 7:17-23	7:14-16 7:17-19 7:20-23	7:14-16 7:17-23
Người Phụ Nữ Sy-rô-Phê-ni-xi	Một Người Ngoại Bày Tỏ Đức Tin của Bà	Người Phụ Nữ Sy-rô-Phê-ni-xi	Đức Tin Của Người Phụ Nữ	Con Gái của Người Phụ Nữ Sy-rô-Phê-ni-xi Được Chữa Lành
7:24-30	7:24-30	7:24-30	7:24-27 7:28 7:29 7:30	7:24-30
Một Người Điếc và Câm Được Chữa Lành	Chúa Jesus Chữa Lành Một Người Câm Điếc	Những Sự Chữa Lành	Chúa Jesus Chữa Lành Một Người Câm Điếc	Sự Chữa Lành Một Người Điếc
7:31-37	7:31-37	7:31-37	7:31-34 7:35-37	7:31-37

### CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

#### THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đối theo ý định của tác

giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

## NHỮNG PHẦN KINH THÁNH SONG HÀNH TƯƠNG ĐỒNG TRONG CÁC SÁCH PHÚC ÂM CỘNG QUAN

- A. Mác 7:1-23 song hành với Ma-thi-ơ 15:1-20
- B. Mác 7:24-30 song hành với Ma-thi-ơ 15:21-28
- C. Mác 7:31-8:9 song hành với Ma-thi-ơ 15:29-38

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 7:1-8

<sup>1</sup> Bấy giờ có mấy người Pha-ri-si và thầy thông giáo từ thành Giê-ru-sa-lem đến, tụ họp chung quanh Đức Chúa Jê-sus; <sup>2</sup> họ thấy một vài môn đồ Ngài dùng bữa mà tay không sạch, nghĩa là chưa rửa tay. <sup>3</sup> (Theo truyền thống của người xưa, người Pha-ri-si và người Giu-đa đều không ăn nếu chưa rửa tay; 4 khi ở chợ về, nếu chưa rửa họ cũng không dùng bữa. Họ lại còn giữ nhiều điều khác nữa như tẩy rửa chén tách, bình lọ và các đồ dùng bằng đồng). <sup>5</sup> Vì thế, những người Pha-ri-si và các thầy thông giáo hỏi Ngài: "Tại sao môn đồ Thầy không sống theo truyền thống của người xưa, cứ để tay bẩn mà dùng bữa vậy?" <sup>6</sup> Ngài đáp: "Ê-sai đã nói tiên tri về bọn đạo đức giả các ngươi thật là đúng:

'Dân này lấy môi miệng tôn kính Ta,  
Nhưng lòng chúng nó cách xa Ta lắm.

<sup>7</sup> Việc chúng thờ phượng Ta là vô ích,  
Giáo lý chúng dạy chỉ là những luật lệ của loài người.'

<sup>8</sup> Các ngươi bỏ điều răn của Đức Chúa Trời mà giữ tập tục của loài người!"

**7:1 "mấy người Pha-ri-si"** Đây là những người cuồng tín chân thành nhất trong những ngày đó. Về mặt văn hóa, họ là những người tốt nhất của những người tốt nhất. Những cuộc đối thoại giữa Chúa Jesus và họ được ghi chép lại khá thường xuyên (Mác 7:5-8; 11:27-33; 12:13-17). Hãy xem ghi chú đầy đủ hơn tại Mác 2:6.

▣ **"mấy... thầy thông giáo... từ thành Giê-ru-sa-lem đến"** Những lãnh đạo tôn giáo luôn luôn theo sát Ngài để bới lông tìm vết ra những lỗi lầm (Mác 3:22; Giăng 1:19). Họ có về một hội đồng chính thức tìm kiếm những dữ kiện đến từ Tòa Công Luận (Sanhedrin) (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 12:13) đến từ Giê-ru-sa-lem. Tòa Công Luận được hình thành từ 70 người đến từ

1. Những gia đình thầy tế lễ cầm quyền (Những Người Sa-đu-sê, Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 12:18)
2. Những lãnh đạo tôn giáo địa phương (Những người Pha-ri-si)
3. Những địa chủ giàu có địa phương

**7:2 "tay không sạch, nghĩa là chưa rửa tay"** Đây không phải là vấn đề vệ sinh, nhưng là tôn giáo (Mác 7:4). Sự tinh sạch theo nghi lễ là một vấn đề cực kỳ nghiêm trọng đối với họ (Lu-ca 11:38; Ma-thi-ơ 15:2). Nó được đọc ra trong những từ chính xác cụ thể trong Kinh Talmud. Sự tranh cãi về Những Lời Truyền Khẩu, vốn giải nghĩa Những Phần Kinh Thánh Cựu Ước.

▣ **"không sạch"** Từ tiếng Hy Lạp này là *koinos*, vốn có nghĩa là "phổ thông" hoặc "có thể tiếp cận bởi tất cả." Nos là tên mà những người hiện đại đặt cho những người Hy Lạp phổ thông trong thời đại của Chúa Jesus. Từ La-tinh "vulgate (phổ thông)" có cùng một nghĩa rộng (có thể tiếp cận bởi tất cả (mọi người)). Trong văn mạch này nó chỉ đến một sự không tinh sạch theo nghi lễ bởi vì nó tiếp xúc với những điều không tinh sạch khác.

**7:3**

**NASB**

**"ngoại trừ khi họ rửa tay mình một cách cẩn thận"**

<b>NKJV</b>	<b>"ngoại trừ khi họ rửa tay của họ trong một cách đặc biệt"</b>
<b>NRSV</b>	<b>"ngoài trừ khi họ rửa tay mình một cách kỹ lưỡng "</b>
<b>TEV</b>	<b>"ngoại trừ khi họ rửa tay mình trong một cách thích hợp "</b>
<b>NJB</b>	<b>"mà không rửa cả cánh tay mình đến tận khuỷu tay "</b>

Có một sự khác biệt bản thảo tiếng Hy Lạp cổ trong cụm từ này. Cách đọc kém thông dụng nhất là *pugmē*, vốn có nghĩa là "nắm tay," được thấy trong các bản thảo ông-xi-an (tức bản chép tay bằng dạng chữ viết hoa, to và rời của thể ký thứ tư) A, B, và L, trong khi từ *pukna*, có nghĩa là "thường xuyên," được thấy trong bản  $\aleph$ , W, và những bản Vulgate và Peshitta. Một vài bản thảo cổ khác đơn giản chỉ bỏ qua phần trong hai dấu ngoặc đơn của Mác 7:3-4 (bản thảo chép tay vào thế kỷ thứ 9 037, được biết đến như là bản chữ cái viết hoa tiếng Hy Lạp, và một vài bản dịch Coptic Syriac cũng như là Diatessaron). Dự án UBS<sup>4</sup> cho lựa chọn #1 một điểm "A" đánh giá (chắc chắn).

Có khả năng rằng từ khó Hy Lạp này phản ánh một sự phiên dịch sang tiếng Hy Lạp của cụm từ trong tiếng A-ram "trừ khi họ rửa tay mình trong một chiếc bình (đặc biệt) " (theo *Theological Dictionary of the New Testament*, được hiệu đính bởi Gerhard Friedrich và Geoffrey W. Broomiley, tập 6, trang 916). Những người Pha-ri-si lấy những tiêu chuẩn cho các thầy tế lễ khi thực hiện nhiệm vụ trong Đền Thờ và mở rộng chúng cho tất cả những người Do Thái "thật" trong mọi lúc. Họ đã thêm vào Luật của Môi-se.

Một lựa chọn khác sẽ là xem nó như một phương pháp của các ra-bi về việc rửa đôi bàn tay và cánh tay của một người với một bàn tay nắm chặt lại, nhưng điều này không được chứng minh bởi bất cứ tài liệu lời truyền khẩu ra-bi được chép lại nào, ngoại trừ khi nó chỉ đến khái niệm của việc nắm tay vốc nước đổ lên phía trên những khuỷu tay trở xuống (cùng với những bàn tay ở phía dưới) với một bàn tay chụm lại thành dạng cái chén để nó có thể cọ rửa khuỷu tay một lần nữa.

Từ "rửa " (*niptō*, Ma-thi-ơ 15:2) thường được dùng để chỉ về một bộ phận của cơ thể chứ không phải cho một sự tắm rửa hoàn toàn bằng cách nhúng mình vào nước (*louō*, Giăng 13:10).

▣ **" Theo truyền thống của người xưa "** Những lời truyền khẩu này (Ga-la-ti 1:14) được hệ thống hóa trong Kinh Talmud (bộ Mishna). Có hai phiên bản của những lời truyền khẩu này. Phiên bản hoàn chỉnh hơn từ bộ Babylon Talmud và chưa hoàn chỉnh bằng đến từ Palestine. Việc nghiên cứu hiện đại của thể loại văn học này đã bị cản trở, khó khăn bởi vì không ai có thể chắc chắn về khi nào những sự thảo luận này đã được nói hoặc ghi chép lại. Hai trường phái giải nghĩa ra-bi Do Thái sau này được phát triển, một trường phái bảo thủ (*Shammai*) và một trường phái tự do (*Hillel*). Mọi vấn đề được tranh luận dựa trên những cuộc thảo luận mang tính chất ra-bi Do Thái này. Các ra-bi sẽ trích dẫn những tiên nhân của họ như là minh chứng căn cứ thẩm quyền của họ.

**7:4 " nếu chưa rửa "** Người Do Thái mở rộng những luật lệ liên hệ với việc bước vào đền tạm dành cho những thầy tế lễ để bao gộp cho tất cả mọi người Giu-đa (Do Thái) (Xuất 30:19). Những tục lệ này liên hệ với sự tinh sạch theo nghi lễ tôn giáo. Họ đã phát triển nó trong một khoảng thời gian dài bằng cách chỉ ra và loại suy từ những luật lệ Lê-vi.

Đây là một sự khác biệt về bản thảo tiếng Hy Lạp cổ trong cụm từ này. Một vài bản tiếng Hy Lạp khác chép là:

1. dạng câu khẩn trung cách thì bất định (aorist middle subjunctive) của từ *baptizō* (bản MSS A, D, W cũng như là bản Vulgate và những bản dịch Syriac)
2. dạng chỉ định thụ động thì hiện tại (present passive indicative) của từ *baptizō* (bản MSS F, L)
3. dạng câu khẩn trung cách thì bất định (aorist middle subjunctive) của từ *rantizō* "rưới" (MSS  $\aleph$ , B và bản dịch Coptic). Hầu hết những bản dịch hiện đại đều đi theo lựa chọn #1. Những nhà sao chép Kinh Thánh có thể đã thêm vào lựa chọn #3 bởi vì từ *baptizō* đã trở thành một khái niệm về mặt kỹ thuật cho sự báp-tem Cơ Đốc.

UBS<sup>4</sup> đánh giá lựa chọn #1 một điểm "B" (gần như chắc chắn).

<b>NASB</b>	<b>"và những chậu bằng đồng "</b>
<b>NKJV</b>	<b>"những bình và ghé dài bằng đồng "</b>
<b>NRSV</b>	<b>"những ấm bằng đồng "</b>
<b>TEV</b>	<b>"những chậu và giường bằng đồng "</b>
<b>NJB</b>	<b>"những chén đĩa bằng đồng "</b>

Từ "chậu" là một thuật ngữ La-tinh. Mác đã sử dụng nhiều từ La-tinh nhất so với bất kỳ tác giả Tân Ước nào. Điều này phản ánh rằng nó được viết tại Rô-ma cho những người Rô-ma..

Đây là một sự khác biệt về từ ngữ Hy Lạp vốn thêm vào từ *klinōn* (giường hoặc ghế dài) trong bản thảo A, D, và W, trong khi bản P45, 8, B, và L bỏ trống nó. Có lẽ những nhà sao chép Kinh Thánh, vốn biết Lê-vi Ký 15, đã thêm vào cụm từ này, và các nhà sao chép Kinh Thánh sau này, vốn không quen thuộc với Cựu Ước, nghĩ rằng nó không nằm trong văn mạch và bỏ đi từ này. Những sự suy xét, nghiên cứu là rất thú vị, nhưng không quan trọng về mặt thần học

**7:5 " hỏi Ngài "** Đây là một thì chưa hoàn thành (imperfect tense) vốn ngụ ý rằng họ đã hỏi Ngài hết lần này đến lần khác hoặc bắt đầu để hỏi Ngài.

▣ **" không sống theo truyền thống của người xưa "** Đây là một vấn đề nghiêm trọng về mặt tôn giáo đối với họ. Nó thậm chí còn có một sự kiện được chép lại trong văn học Do Thái về một ra-bi đã bị dứt phép thông công bởi vì không rửa tay cách thích đáng. Kinh Talmud, vốn chép lại những sự thảo luận mang tính ra-bi Do Thái về cách hiểu và sự ngụ ý của những phần Kinh Thánh Cựu Ước, đã trở nên một "thảm quyền."

**7:6 " Ngài đáp: "Ê-sai đã nói tiên tri về ...các ngươi "'** Chúa Jesus tin rằng đây là những phần Kinh Thánh liên hệ cụ thể về mặt lịch sử từ thời của tiên tri Ê-sai với thế hệ những người Pha-ri-si này vào bảy trăm năm sau. Điều này chỉ ra sự phù hợp tương thích của Kinh Thánh đối với mỗi thế hệ mới. Những lẽ thật của Đức Chúa Trời bị tác động bởi nền văn hóa, nhưng chúng cũng ưu việt vượt trội qua thời gian và văn hóa! Chúa Jesus đã trích Ê-sai 29:13.

▣ **" bọn đạo đức giả "** Đây là một từ ghép của hai từ "dưới" và động từ "phán xét." Nó là một từ được sử dụng để mô tả về những diễn viên đang diễn một vai dưới một mặt nạ. Chúa Jesus cáo buộc họ về sự sốt sắng quá mức về một vài những vấn đề, nhưng hoàn toàn coi thường những điều khác (Ê-sai 29:13; Cô-lô-se 2:16-23). Không phải tình cờ từ "đạo đức giả" và sự rửa tay xuất hiện cùng nhau trong Thi Thiên 26:câu 4 và 6!

#### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ GIẢ HÌNH (Trong sách Ma-thi-ơ)**

Từ ghép này có nguyên văn được dịch ra có nghĩa là "phán xét từ phía dưới." Nó có thể có nghĩa (1) một sự chỉ đến một từ về sân khấu kịch nghệ dùng cho việc nói lời thoại dưới một mặt nạ (thực hiện diễn xuất) hoặc (2) cách sử dụng sớm hơn trước đó là "giả hình quá mức."

Người Pha-ri-si đã "diễn" những nghi thức và lễ nghi tôn giáo này (thường ở nơi công cộng) với mục đích để nhận được sự khen ngợi bởi những người khác chứ không phải để làm vui lòng Đức Chúa Trời (mặc dù tôi chắc rằng đó chỉ là một trong nhiều động cơ):

1. bỏ thí, không chỉ để giúp người nghèo, nhưng là để được khen ngợi bởi những người khác, Ma-thi-ơ 6:2
2. cầu nguyện nơi nhà hội và ở nơi công cộng để được người khác nhìn thấy, Ma-thi-ơ 6:5
3. khi họ kiêng ăn họ nhìn rất có vẻ rất ốm yếu, nhếch nhác để những người khác sẽ ấn tượng với thuộc linh của họ, Ma-thi-ơ 6:16
4. họ nói một điều nhưng làm một điều khác (Ma-thi-ơ 15:7-9; Mác 7:1-7; Ê-sai 29:13)
5. họ cố gắng gài bẫy Chúa Jesus với những câu hỏi đánh lừa, không phải thật sự tìm kiếm sự khôn ngoan thật, Ma-thi-ơ 22:15-22
6. họ ngăn cản người khác bước vào Vương Quốc (Thiên Đàng), Ma-thi-ơ 23:13-15
7. họ dâng phần mười những thức ăn trong nhà bếp, nhưng bỏ mất những điều quan trọng của Luật Pháp, Ma-thi-ơ 23:23
8. họ rửa phía bên ngoài của chén bát, nhưng không rửa bên trong, Ma-thi-ơ 23:25
9. họ như mô mã tô trắng bên ngoài nhưng đầy những sự ô uế, Ma-thi-ơ 23:27-28 (*Dictionary of Biblical Imagery*, trang 415)
10. họ tự cho mình là công chính, Ma-thi-ơ 23:29-30
11. họ có một chỗ đặc biệt nơi địa ngục, Ma-thi-ơ 24:51

▣ **"Nhu lời có chép"** Đây là thì hoàn thành (perfect tense) có nghĩa là "nó đứng trên việc được chép lại." Đây là một thành ngữ tiêu chuẩn Do Thái chỉ về Kinh Thánh được thần cảm (Mác 9:12-13; 11:17; Ma-thi-ơ 4:4,7,10). Sự trích dẫn từ Bản Bảy Mươi của Ê-sai 29:13, vốn mô tả về sự tự xem mình là công chính của con người. Chúa Jesus đưa ra một ví dụ về điều này trong Mác 7:9-19 và phần Kinh Thánh tương đồng của nó trong



Ma-thi-ơ 15:4-6.

▣ "**lòng**" Đối với người Do Thái đây chính là trung tâm của hoạt động tâm trí, vì vậy, là nền tảng của hành động. Họ sử dụng những nghi lễ tôn giáo như là một phương tiện để đạt được sự chấp nhận với Đức Chúa Trời. Những lời truyền khẩu đã trở nên tối thượng! Đây luôn luôn là một sự nguy hiểm với những người sùng đạo. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 2:6.

▣ "**cách xa**" Từ này có nghĩa là "giữ một khoảng cách." Những sự thực hành tín ngưỡng thường được sử dụng cách thường xuyên để phá vỡ sự kết ước tin kính với Đức Chúa Trời. Thường tôn giáo lại là một rào cản chứ không phải là một cầu nối với Đức Chúa Trời.

7:7 Thật là một sự định tội hủy diệt đối với chủ nghĩa hình thức và đạo đức giả tôn giáo.

7:8 "**bỏ (xao nhãng)**" Từ này có nghĩa là "gởi đi xa" (mạng lệnh của Đức Chúa Trời) và nó tương phản trực tiếp với "giữ," vốn có nghĩa "nắm," "ghì chặt," hoặc "bám chặt" những sự truyền khẩu.

▣ "**điều răn của Đức Chúa Trời mà giữ tập tục của loài người**" Vấn đề của sự mặc khải (của Đức Chúa Trời) (Cựu Ước) đối nghịch với truyền thống (Kinh Talmud). Đây là một vấn đề dành cho tất cả mọi người trong tất cả các nền văn hóa (hoặc hệ phái). Thâm quyền tôn giáo là một vấn đề quan trọng thiết yếu!

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 7:9-13

<sup>9</sup> Ngài cũng nói với họ: "Các ngươi khéo bỏ điều răn của Đức Chúa Trời để giữ lấy truyền thống của mình!" <sup>10</sup> Vì Môi-se đã nói: 'Hãy hiếu kính cha mẹ ngươi' và 'Ai nguyện rửa cha mẹ thì phải bị xử tử'; <sup>11</sup> nhưng các ngươi lại bảo: 'Nếu ai nói với cha mẹ rằng những gì con có thể giúp cha mẹ là co-ban' (nghĩa là lễ vật đã dâng cho Đức Chúa Trời). <sup>12</sup> Vậy các ngươi không cho phép người ấy làm gì cho cha mẹ mình nữa. <sup>13</sup> Như thế, các ngươi cố bám giữ truyền thống của mình mà chối bỏ lời Đức Chúa Trời. Các ngươi còn làm nhiều việc khác tương tự như vậy."

7:9

NASB "Các ngươi là những chuyên gia bỏ qua một bên"

NKJV "Tất cả các ngươi quá giỏi chối bỏ "

NRSV "Các ngươi có một cách rất hay để chối bỏ "

TEV "Các ngươi có một cách rất tài giỏi để chối bỏ "

NJB "Các ngươi tránh né thật khéo léo biết bao "

Đây là một sự châm biếm thật sắc bén, cũng giống như Giăng 3:10.

7:10 "**Môi-se đã nói**" Phần Kinh Thánh song hành trong Ma-thi-ơ 15:4 chép là, "Đức Chúa Trời đã phán." Điều này chỉ về sự thân cảm của Đức Chúa Trời phía sau những lời của Môi-se.

▣ "**hiếu kính**" Đây là một từ trích từ Mười Điều Răn được chép trong Xuất 20:12 và được lặp lại trong Phục Truyền 5:16. Nó đến từ một từ trong lĩnh vực thương mại trong tiếng Hê-bơ-rơ "đưa ra tùy theo cân nặng" (BDB 457), which có nghĩa là sự ghi nhận giá trị của một điều gì.

7:11 "**nếu**" Đây là một Câu điều kiện bậc ba (Third class conditional sentence), vốn nói về một hành động tiềm năng. Chúa Jesus đang chỉ đến những phương cách đương thời của việc phá vỡ Luật Pháp của Đức Chúa Trời (Mác 7:12).

▣ "**cha mẹ ngươi**" Cụm từ này chỉ ra sự kính trọng được yêu cầu dành cho cả cha mẹ.

▣ "**Ai nguyện rửa cha mẹ**" Đây là một câu trích từ Xuất 21:17. Không kính trọng cha mẹ đem lại một sự đoán phạt nghiêm khắc. Những ra-bi Do Thái đã đặt câu này qua một bên bằng những phương cách của những lời truyền khẩu của họ.

▣ "**co-ban**" Đây là một sự chuyển tự (transliteration) Hy Lạp của từ Hê-bơ-rơ (chứ không phải A-ram) "món quà" được dâng cho Đức Chúa Trời (hoặc cho Đền Thờ, bản NKJV). Chúa Jesus chỉ ra một ví dụ về việc những người Do Thái theo chủ nghĩa tôn giáo trong thời đại của Ngài đã xuyên tạc và phá vỡ ý định và những luật pháp được bày tỏ của Cựu Ước bằng những Lời Truyền Khẩu của họ. Họ đã lập ra nhiều sự nguy hiểm trong Lời Truyền Khẩu của họ (Ma-thi-ơ 5:33-34; 23:16-22).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 7:14-16**

**14** Sau đó, Ngài lại gọi dân chúng đến và phán: **“Tất cả hãy nghe Ta và hiểu rằng: <sup>15</sup> Không có vật gì từ bên ngoài vào trong con người có thể làm ô uế người được; nhưng những gì ra từ bên trong con người mới làm ô uế người. <sup>16</sup>[Nếu ai có tai để nghe, hãy nghe! ”]**

**7:14 " Ngài lại gọi dân chúng đến "** Chúa Jesus bộc lộ công khai sự đạo đức giả của những thầy thông giáo và những lời truyền khẩu của họ.

Bản NKJV dùng từ *panta* (tất cả) thay vì từ *palin* (lại).

▣ **" hãy nghe. . . và hiểu "** Cả hai đều là những thể mệnh lệnh chủ động bất định (aorist active imperatives). Cụm từ này giới thiệu một ví dụ quan trọng và đáng kinh ngạc.

**7:15** Đây là một ví dụ kinh điển về sự tái giải nghĩa Cựu Ước của Chúa Jesus (Ma-thi-ơ 5:17-48). Ngài hủy bỏ luật về thức ăn trong Lê-vi Ký 11. Đây cũng là một cách đầy quyền năng để khẳng định thẩm quyền của Ngài (Ngài có thể thay đổi hoặc phủ định Cựu Ước, nhưng họ không thể). Đây cũng sẽ là một từ cảnh cáo dành cho những ai muốn tạo ra một chủ đề tôn giáo về đồ ăn thức uống (Rô-ma 14:13-23; 1 Cô-rinh-tô 8:1-13; 10:23-33). Những lời của Chúa Jesus bày tỏ sự tự do đầy khác biệt của Giao Ước Mới (Rô-ma 14:1-15:13; 1 Cô-rinh-tô 8-10).

**7:16** Câu này được bao gồm vào trong nhiều Bản thảo tiếng Hy Lạp ông-xi-an (tức bản chép tay bằng dạng chữ viết hoa, to và rời của thế kỷ thứ tư) (A, D, K, W, θ), bản Diatessaron, và những bản Kinh Thánh tiếng Hy Lạp được Augustine sử dụng (NKJV và NJB). Tuy nhiên, nó bị bỏ qua trong bản MSS x, B, và L. Có lẽ nó là một sự thêm vào khi sao chép từ Mác 4:9 hoặc 23. Bản NASB (1995 Update) bao gồm nó trong ngoặc kép để chỉ ra có một số nghi vấn về nguồn gốc của nó. Dự án USB4 đánh giá sự bỏ qua của nó một điểm "A" (chắc chắn).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 7:17-23**

**17** Khi Ngài đã vào trong nhà và cách xa dân chúng rồi, các môn đồ hỏi Ngài về ẩn dụ ấy. **18** Ngài phán: **“Vậy các con cũng không hiểu sao? Các con không biết rằng chẳng có vật gì từ bên ngoài vào có thể làm ô uế con người được sao? <sup>19</sup> Vì vật đó không đi vào lòng người, nhưng vào bụng, rồi bị thải ra nơi kín đáo.”** Như vậy, Ngài ngụ ý rằng mọi thức ăn đều tinh sạch. **20** Ngài lại phán: **“Điều gì ra từ con người mới làm ô uế con người. <sup>21</sup> Vì từ bên trong, từ lòng người mà sinh ra những ác ý như: tà dâm, trộm cướp, giết người, <sup>22</sup> ngoại tình, tham lam, độc ác, dối trá, phóng túng, ganh tị, vu khống, kiêu ngạo, ngông cuồng. <sup>23</sup> Tất cả những điều xấu ấy đều xuất phát từ bên trong và làm cho con người ô uế.”**

**7:17 " các môn đồ hỏi Ngài "** Ma-thi-ơ 15:15 cho biết đó là Phi-e-rơ. Những lời của Chúa Jesus thật quá đáng kinh ngạc đối với những người Do Thái ở thế kỷ thứ nhất này! Chúa Jesus đã hủy bỏ lời của Môi-se! Người thầy ra-bi không được công nhận này công bố mình là ai?

**7:18 "' các con cũng không hiểu sao "'** Chúa Jesus kinh ngạc trước sự chậm hiểu của các môn đồ. Thông điệp của Ngài quá khác biệt với những gì họ đã nghe trong toàn bộ cuộc đời mình (thần học của người Pha-ri-si). Lời Truyền Khẩu thật khó để sửa lại (Mác 4:13,40; 6:52; 8:21). Tin cậy nơi Chúa Jesus như là Đấng Mê-si được hứa trước có nghĩa là một sự phá vỡ quan trọng thiết yếu đối với những lời truyền khẩu và những sự trông đợi mang tính văn hóa yêu quý của họ. "Lời Hằng Sống" ưu việt hơn "lời chép"! Các tín hữu thờ phượng Chúa Jesus, chứ không phải Kinh Thánh.

Thông thường những nhà giải kinh cho rằng Chúa Jesus chối bỏ lời truyền khẩu của người Do Thái, nhưng luôn luôn khẳng định luật pháp Cựu Ước. Tuy nhiên, sự chối bỏ luật về thức ăn và sự chối bỏ sự dạy dỗ của Môi-se về sự ly dị của Ngài trong Ma-thi-ơ 5:31- 32 (Mác 10:2-12) chỉ ra một cách rất rõ ràng rằng Chúa Jesus nhìn thấy Chính Mình Ngài như là một người giải nghĩa thích đáng và thậm chí là Chúa trên Cựu Ước (Ma-thi-ơ 5:38-39). Ngài chính là sự mặc khải tối thượng của Đức Chúa Trời. Không có bất cứ ai trong chúng ta vốn yêu quý Kinh Thánh cảm thấy thoải mái với điều này. Chúng ta nhìn vào Kinh Thánh với thẩm quyền và sự thích đáng. Tuy nhiên, có bao nhiêu phần Kinh Thánh Cựu Ước mà Chúa Jesus đã xem nó như là một sự bày tỏ không rõ ràng về ý định của Cha? Đây không chỉ gây kinh ngạc các thầy thông giáo, mà thậm chí còn gây kinh ngạc cách mở rộng đến cả với tôi! Nó nhắc tôi rằng Cựu Ước không phải là một sự bắt buộc đối với các tín đồ Tân Ước (Công Vụ 15; Ga-la-ti 3). Cựu Ước chắc chắn là Lời Kinh Thánh và cũng chắc chắn mặc khải về Đức

Chúa Trời, nhưng tôi không bị trói buộc với những nghi lễ tôn giáo hoặc những thủ tục của nó (Công Vụ 15:6-11,19). Tôi bị trói buộc với thể giới quan và sự mặc khải của Đức Chúa Trời và những mục đích và lời hứa của Ngài của Cựu Ước (Ma-thi-ơ 5:17-20)!

7:19

NASB, NRSV

"(Vì vậy Ngài công bố rằng mọi thức ăn là tinh sạch)"

NKJV

"vì thế làm cho tất cả các thức ăn là trở nên tinh sạch"

TEV

"(. . .Chúa Jesus công bố rằng mọi thức ăn đều phù hợp để ăn)"

NJB

"(Vì Vậy Ngài công bố rằng mọi thức ăn đều tinh sạch)"

Phần trong ngoặc đơn phản ánh quan điểm của người phiên dịch rằng nó chính là một sự bình luận được biên tập (có lẽ bởi kinh nghiệm của Phi-e-rơ trong Công Vụ 10). Nó thật là một lễ thật Tân Ước quan trọng (Rô-ma 14:13-23; 1 Cô-rinh-tô 8:1-13; 10:23-33). Con người không thể được xem là công chính dựa trên những gì họ ăn hoặc không ăn! Giao ước mới thì không dựa trên những luật lệ Cựu Ước (Lê-vi Ký 11; Công Vụ 15). Đức Chúa Trời nhìn vào tâm lòng, không phải nơi dạ dày!

7:20 Những ra-bi Do Thái Cựu Ước cho rằng tâm trí là luống gieo hạt màu mỡ, được chuẩn bị và rằng đôi mắt và đôi tai chính là cửa sổ của tâm hồn. Những gì mà một người cho phép bước vào, sẽ đâm rễ. Tội lỗi bắt đầu từ trong ý tưởng sống và phát triển thành những hành động. Lời nói của con người bày tỏ về tâm lòng!

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LỜI NÓI CON NGƯỜI

### I. NHỮNG TƯ TƯỞNG MỞ ĐẦU TỪ SÁCH CHÂMNGÔN

- A. Lời nói là một phần trong hình ảnh của Đức Chúa Trời nơi con người (Bởi lời phán của Đức Chúa Trời mà tạo vật mới được hiện hữu, Đức Chúa Trời phán với con người là tạo vật của Ngài). Nó là một phần sống động trong tính cách con người của chúng ta.
- B. Ngôn ngữ con người cho phép chúng ta truyền thông với người khác về những cảm nhận từ cuộc sống. Do đó, nó bày tỏ con người thật của chúng ta (Châm ngôn 18:2; 4:23 [20-27]). Lời nói là sự trải nghiệm xác thực về một người (Châm-ngôn 23:7).
- C. Chúng ta là những tạo vật trong cộng đồng. Chúng ta chú tâm đến sự chấp nhận và công nhận. Chúng ta cần điều đó từ Đức Chúa Trời và từ con người. Ngôn từ có sức mạnh đáp ứng những nhu cầu đó trong cả sự tích cực (Châm-ngôn 17:10) và tiêu cực (Châm-ngôn 12:18).
- D. Có sự mạnh mẽ khác thường trong lời nói của con người (Châm-ngôn 18:20-21)—mạnh mẽ để chúc phước và chữa lành (Châm-ngôn 10:11,21) và mạnh mẽ để rửa sả và hủy diệt (Châm-ngôn 11:9).
- E. Chúng ta gạt lấy điều chúng ta gieo (Châm-ngôn 12:14).

### II. NHỮNG NGUYÊN TẮC VỀ LỜI NÓI TỪ CHÂMNGÔN

- A. Sự tiêu cực và tiềm năng hủy diệt trong lời nói con người
  1. Lời của người độc ác (1:11-19; 10:6; 11:9,11; 12:2-6)
  2. Lời của kẻ tà tâm (5:2-5; 6:24-35; 7:5ff; 9:13-18; 22:14)
  3. Lời của kẻ dối trá (6:12-15,19; 10:18; 12:17-19,22; 14:5,25; 17:4; 19:5,9,28; 21:28; 24:28; 25:18; 26:23-28)
  4. Lời của kẻ ngu dại (10:10,14; 14:3; 15:14; 18:6-8)
  5. Lời của kẻ chứng dối (6:19; 12:17; 19:5,9,28; 21:28; 24:28; 25:18)
  6. Lời của kẻ ngồi lê đôi mách (6:14,19; 11:13; 16:27-28; 20:19; 25:23; 26:20)
  7. Lời mau nói (6:1-5; 12:18; 20:25; 29:20)
  8. Lời nịnh bợ (29:5)
  9. Nhiều lời (10:14,19,23; 11:13; 13:3,16; 14:23; 15:2; 17:27-28; 18:2; 21:23; 29:20)
  10. Lời xuyên tạc (17:20; 19:1)
- B. Sự tích cực, năng lực nâng đỡ, chữa lành trong lời nói của con người
  1. Lời của người công chính (10:11,20-21,31-32; 12:14; 13:2; 15:23; 16:13; 18:20)
  2. Lời của người sáng suốt (10:13; 11:12)
  3. Lời hiểu biết (15:1,4,7,8; 20:15)
  4. Lời chữa lành (15:4)

5. Câu trả lời nhã nhặn (15:1,4,18,23; 16:1; 25:15)
6. Câu trả lời vừa ý (12:25; 15:26,30; 16:24)
7. Lời của luật pháp (22:17-21)

### III. KHUÔN MẪU CỰU ƯỚC TIẾP TỤC TRONG TÂN ƯỚC

- A. Ngôn ngữ con người cho phép chúng ta truyền thông với người khác về những cảm nhận từ cuộc sống. Do đó, nó bày tỏ con người thật của chúng ta (Ma-thi-ơ 15:1-20; Mác 7:2-23).
- B. Chúng ta là những tạo vật sống tập thể. Chúng ta chú tâm tới sự chấp nhận và công nhận. Chúng ta cần điều đó từ Đức Chúa Trời và từ con người. Ngôn từ có sức mạnh đáp ứng những nhu cầu đó trong cả sự tích cực (II Ti-mô-thê 3:15-17) và tiêu cực (Gia-cơ 3:2-12).
- C. Có sự mạnh mẽ khác thường trong lời nói của con người (Châm-ngôn 18:20-21)—mạnh mẽ để chúc phước (Ê-phê-sô 4:29) và mạnh mẽ để rửa sả (Gia-cơ 3:9). Chúng ta chịu trách nhiệm về những điều chúng ta nói (Gia-cơ 3:2-12).
- D. Chúng ta sẽ bị phán xét bởi những lời nói cũng như những việc làm của mình (Ma-thi-ơ 12:33-37; Lu-ca 6:39-45). Chúng ta gặt lấy điều chúng ta gieo (Ga-la-ti 6:7).

**7:21 " từ lòng người mà sinh ra "** Chúa Jesus liệt kê ra một chuỗi của những thái độ và hành động tội lỗi. Cùng những loại tội lỗi như thế này đã bị định tội bởi Stoics. Phao-lô cũng có một vài danh sách về tội lỗi cũng như danh sách này (Rô-ma 1:29-31; 1 Cô-rinh-tô 5:11; 6:9; 2 Cô-rinh-tô 12:20; Ga-la-ti 5:19-21; Ê-phê-sô 4:31; 5:3-4; Cô-lô-se 3:5-9; 2 Ti-mô-thê 3:2-5). Hãy xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG SỰ ĐỒI BẠI VÀ ĐỨC HẠNH** tại 1 Phi-e-rơ 4:2.

▣ **" tà dâm "** Bản tiếng anh sử dụng từ Tiếng Anh "dâm dục" chia sẻ cùng một từ gốc với thuật ngữ Hy Lạp này. Nó có nghĩa là một hành động tình dục không phù hợp: tình dục trước hôn nhân, tình dục đồng giới, quan hệ tình dục với thú vật, và ngay cả sự từ chối trách nhiệm tình dục theo luật hôn nhân nói đây (một sự lơ là không thực hiện về mặt tình dục trong mối liên hệ với một người vợ góa của một người anh em đã qua đời với mục đích đem lại một người nối dõi).

Trong Cựu Ước có một sự phân biệt rõ giữa sự không chung thủy với hôn nhân (sự ngoại tình) và sự lang chạ tình dục trước hôn nhân (sự gian dâm). Tuy nhiên, sự phân biệt này đã bị xóa nhòa bởi giai đoạn Tân Ước.

▣ **" trộm cướp... tham lam... dối trá... kiêu ngạo "** Cùng những từ như trên được dùng để mô tả về một thế giới ngoại giáo trong Rô-ma 1:29-31. Họ bày tỏ một tâm lòng vượt quá sự kiểm soát, một tâm lòng thỏa thích cho "nhiều hơn cho cái tôi chính mình bằng bất cứ giá nào."

▣ **" ngoại tình "** Đây là từ *moicheia*, vốn chỉ về những sự quan hệ tình dục ngoài hôn nhân (1 Cô-rinh-tô 6:9-10). Nó được sử dụng theo nghĩa bóng ẩn dụ cho sự thờ hình tượng. Trong Cựu Ước YHWH đã là chồng và Y-sơ-ra-ên chính là vợ; vì thế, việc đi theo những thần khác chính là một hình thức của sự không chung thủy.

▣ **" phóng túng "** Từ này được sử dụng trong Rô-ma 13:13 để nói về cách mà những tín đồ không được sống như vậy. Trong bộ *Greek-English Lexicon of the New Testament Based on Semantic Domains*, tập 1, trang 771, Louw và Nida định nghĩa từ này là "hành vi thiếu vắng cách hoàn toàn sự tiết chế đạo đức, thường với hàm ý của tình dục vô luân." Chú ý cách những thuật ngữ này được sử dụng rất nhiều hàm ý một sự quan hệ tình dục cách không kiểm soát, vì thế đặc điểm của văn hóa ngoại giáo của thế kỷ thứ nhất.

**7:22** Thứ tự của danh sách những tội lỗi này đã thay đổi trong các bản dịch. Tóm lại, cuộc sống xa cách khỏi Đức Chúa Trời không còn nằm trong giới hạn, sự kiểm soát!! Danh sách của Phao-lô liệt kê trong Ga-la-ti 5:19-21 mô tả điều ác và danh sách trong Ga-la-ti 5:22-23 mô tả về sự tin kính và trở nên giống với Đức Chúa Trời.

**NASB, NRSV,**

**NJB**

**NKJV**

**TEV**

"ghen tỵ"

"một thời đại gian ác"

"ghen tương"

Từ này nguyên văn là "một con mắt gian ác" (bản NASB ghi chú cuối trang). Tại khu vực Cận Đông người ta rất cảnh giác về việc một người khác có thể bỏ bùa hoặc thực hành ma thuật trên họ (sự gian ác cách chủ động). Trong tiếng Hê-bơ-rơ nó đã trở thành nghĩa rộng của sự ghen tỵ coi mình là trung tâm (Phục Truyền

15:9; Châm Ngôn 23:6).

**NASB, NRSV,  
TEV, NJB  
NKJV**

**"vu cáo"  
" phạm thượng (báng bổ)"**

Từ này nguyên văn là " báng bổ," vốn chỉ về việc nói một điều gì đó về một ai đó không đúng. Nó cũng có thể được sử dụng để chỉ về sự vu khống hoặc nói sai về Đức Chúa Trời hoặc con người (Công Vụ 6:11; Rô-ma 2:24).

▣ **" kiêu ngạo "** Từ này chỉ về một người ngạo mạn, khinh khỉnh và kiêu căng (Lu-ca 1:51; Rô-ma 1:30; 2 Ti-mô-thê 3:2; Gia-cơ 4:6; 1 Phi-e-rơ 5:5).

**7:23** Phần Kinh Thánh tương đồng trong Ma-thi-ơ 15:20 tóm lại cả luận điểm (1 Sa-mu-ên 16:7).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 7:24-30**

<sup>24</sup> Từ đó, Đức Chúa Jê-sus lên đường đi đến địa phận thành Ty-ơ và thành Si-đôn. Ngài vào một nhà kia và không muốn ai biết mình ở đó, nhưng không thể giấu được. <sup>25</sup> Một phụ nữ kia có con gái bị uế linh ám, vừa nghe nói về Ngài, lập tức đến phủ phục dưới chân Ngài. <sup>26</sup> Bà là người Hi Lạp, gốc Sy-rô-phê-ni-xi. Bà xin Ngài đuổi quỷ ra khỏi con gái mình. <sup>27</sup> Đức Chúa Jê-sus bảo bà: "Phải để cho con cái ăn no trước đã, vì lấy bánh của con cái mà ném cho chó ăn là điều không phải lẽ." <sup>28</sup> Nhưng bà thưa rằng: "Lạy Chúa, đúng là vậy, nhưng mấy con chó dưới bàn cũng được ăn những miếng bánh vụn của con cái." <sup>29</sup> Ngài phán: "Con về đi, bởi lời con vừa nói mà quỷ đã ra khỏi con gái con rồi." <sup>30</sup> Về đến nhà, bà thấy con mình nằm trên giường, và quỷ đã ra khỏi.

**7:24 " Ty-ơ "** Thành phố này nằm ở phía tây bắc Biển Ga-li-lê, nằm ngoài địa phận của Đất Hứa trong Cựu Ước. Thành phố này là một thành thuộc khu vực Người Ngoại chiếm vượt trội. Cụm từ "và Si-đôn" không xuất hiện trong một vài bản thảo cổ tiếng Hy Lạp như D, L, và W, nhưng nó có mặt trong Ma-thi-ơ 15:21 và Mác 7:31 và trong các bản thảo N, A, và B, cũng như là bản Vulgate và Peshitta.

▣ **" nhưng không thể (rời khỏi) giấu được "** Đây là kết quả của những phép lạ của Ngài (theo Mác 3:8). Ngay cả trong một vùng của Người Ngoại chiếm đa số Ngài cũng không thể tìm được thời gian nghỉ ngơi và riêng tư cùng với các môn đồ Ngài.

**7:25 " con gái bị uế linh ám "** Làm thế nào trẻ em có thể bị quỷ ám không được đề cập ra ở đây cũng như trong câu chuyện trong Mác 9:17-29. Trong cả hai trường hợp có vẻ như chúng đều không phải là một linh quen thuộc (quỷ được truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác trong một gia đình.) Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự đuổi quỷ tại Mác 1:25.

▣ **" phủ phục dưới chân Ngài "** Đây là một dấu hiệu văn hóa của (1) một sự thỉnh cầu một thẩm quyền cao hơn hoặc (2) sự khiêm nhường. Có lẽ bà đã nghe về những phép lạ của Chúa Jesus và, vượt qua sự tuyệt vọng, bà đến với người thầy ra-bi Do Thái này trong sự sợ hãi!

**7:26 " người Hi Lạp (Người Ngoại), gốc Sy-rô-phê-ni-xi "** Hãy nhớ rằng, Chúa Jesus đã giúp đỡ những Người Ngoại khác (theo Mác 5:1; 11:17; Ma-thi-ơ 8:5-13; Giăng 4), nhưng trong giới hạn địa lý của Đất Hứa. Nếu Chúa Jesus đã bắt đầu một chức vụ chữa lành tại một vùng đất của Người Ngoại, Ngài sẽ bị chối bỏ bởi cộng đồng Do Thái bởi vì sự định kiến của họ.

Có một sự tương đồng song hành rất thú vị giữa chức vụ của Chúa Jesus dành cho người đàn bà Phê-ni-xi và Ê-li cũng dành cho một người đàn bà Phê-ni-xi trong 1 Các Vua 17. Trong cả hai trường hợp, tình yêu, sự quan tâm, và giúp đỡ của Đức Chúa Trời luôn dành sẵn cho những Người Ngoại bị ghét bỏ. Đây có lẽ là một bằng chứng ẩn giấu khác về thân vị Đấng Mê-si.

Chúa Jesus và người đàn bà đã trao đổi trong ngôn ngữ nào? Có vẻ khá rõ ràng rằng nó phải là tiếng Hy Lạp. Lớn lên tại khu vực phía bắc Palestine Chúa Jesus có lẽ đã nói được ba ngôn ngữ. Trong Lu-ca 4:16-20 Chúa Jesus đã đọc từ một Quyển Ê-sai trong tiếng. Ngài đã quen thuộc với ngôn ngữ Kinh Thánh trong Hê-bơ-rơ tại trường học ở nhà hội. Ngài thường nói tiếng A-ram. Ngài cũng có thể nói tiếng Hy Lạp Koine (cuộc đối thoại riêng với Phi-lát).

▣ " **Bà xin** " Đây là một thì chưa hoàn thành (imperfect tense). Bà đã kêu xin lặp đi lặp lại!

▣ " **đuổi quý** " Đây là một dạng cầu khẩn chủ động thì bất định (aorist active subjunctive). Bà vẫn còn những nghi ngờ về khả năng của Chúa Jesus hoặc sự bằng lòng hành động của Ngài, vốn được mô tả qua thái độ cầu khẩn.

**7:27 " con cái "** Từ mang thuộc tính gia đình này chỉ về Y-sơ-ra-ên (Ma-thi-ơ 15:24).

**7:27-28**

**NASB, NRSV,**

**TEV**

**NKJV, NJB**

**"những con chó"**

**"những con chó con"**

Đây là lần duy nhất sử dụng từ này trong cả Tân Ước. Sự thô lỗ bị giảm bớt đi trong thể của nó (*kunarion*), "những con cún con" (NJB dịch là "những con chó nuôi"). Người Do Thái gọi Người Ngoại là "những con chó" như là một thuật ngữ của sự nhạo báng. Cuộc đối thoại này vốn có ý định để giúp các môn đồ có thể vượt qua được định kiến của họ nghịch lại Người Ngoại Ma-thi-ơ 15:23). Chúa Jesus nhận ra và khẳng định cách công khai rằng đức tin của bà là tuyệt vời (theo Ma-thi-ơ 15:28).

**7:28 " Chúa "** Từ này có lẽ được sử dụng trong nghĩa theo văn hóa của "ngài" hoặc "quý ông," cũng như trong Giăng 4:11. Thật ngạc nhiên rằng đây chỉ là trường hợp duy nhất từ *kurios* sử dụng để nói với Chúa Jesus trong cả sách Phúc Âm Mác.

▣ " **của con cái** " Cụm từ này nguyên văn là "con cái nhỏ" (*paidion*). Có một vài thể giảm nhẹ được thấy trong văn mạch này. Trong bộ *Word Pictures in the New Testament*, tập 1, trang 326, A. T. Robertson cho rằng "con cái nhỏ làm rơi một cách cô ý một vài mảnh vụn nhỏ cho chó." Một ước ao rằng giọng điệu, biểu cảm gương mặt và cử chỉ cơ thể của Chúa Jesus có thể được ghi lại. Tôi nghĩ rằng sự tương tác đã thực sự đầy tích cực hơn là chỉ những từ ngữ có thể ghi lại.

▣ " **miếng bánh vụn của con cái** " Người giàu sử dụng bánh mì để lau tay sau khi ăn, cũng giống như khăn giấy.

**7:29 "" bồi lỗi con vừa nói "** Chúa Jesus đã rất ấn tượng với thái độ kiên trì và đức tin của người mẹ (Ma-thi-ơ 15:28). Chúa Jesus đã chữa lành/giải cứu nhiều người dựa trên đức tin của người khác trong một vài trường hợp (Mác 2:3-12; 9:14-29; Ma-thi-ơ 8:5-13).

**7:29,30 " đã ra khỏi "** Trong Mác 7:29 từ này được dùng trong thể chỉ định chủ động hoàn thành (perfect active indicative) và trong Mác 7:30 nó là một phân từ chủ động hoàn thành (perfect active participle), vốn tập chú vào kết quả vĩnh viễn của một hành động trong quá khứ. Quý đã lia khỏi và sẽ tránh xa khỏi cô bé.

**7:30 " nằm trên giường "** Đây là một phân từ thụ động hoàn thành (perfect passive participle) vốn có thể hiểu trong nghĩa: (1) quý đã rời khỏi một cách đầy thô bạo (Mác 1:26; 9:26) và quăng cô bé gái nhỏ trên giường hoặc (2) tình trạng bị quý ám đã khiến cho cô bé bị nằm liệt giường.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 7:31-37**

<sup>31</sup> Đức Chúa Jê-sus lại rời địa phận thành Ty-ơ, đi ngang qua thành Si-đôn hướng đến biển Ga-li-lê và vào địa phận Đê-ca-bô-lơ. <sup>32</sup> Người ta đem đến cho Ngài một người điếc và ngọng, nài xin Ngài đặt tay trên người ấy. <sup>33</sup> Ngài đem người ấy ra khỏi đám đông, đặt ngón tay vào tai anh ta, và nhô nước bọt thấm vào lưỡi anh ta. <sup>34</sup> Rồi Ngài ngước mắt lên trời, thở dài và phán: "*Ép-pha-ta!*" nghĩa là: "Hãy mở ra!" <sup>35</sup> Tức thì tai người ấy được mở ra, lưỡi được thông thả, và anh ta nói rõ ràng. <sup>36</sup> Đức Chúa Jê-sus bảo họ đừng thuật chuyện này với ai, nhưng Ngài càng cấm, người ta càng nói. <sup>37</sup> Mọi người đều vô cùng ngạc nhiên và nói: "Ngài làm mọi việc thật tốt đẹp: Ngài khiến kẻ điếc nghe được, người câm nói được!"

**7:31** Sự mô tả địa lý này là khá bất thường. Thành Si-đôn nằm ở phía bắc của Ty-ơ về phía bờ biển, trong khi Đê-ca-bô-lơ lại nằm ở phía nam và phía đông của Biển Ga-li-lê. Bản NKJV dịch là "rời khỏi địa phận của thành

Ty-ơ và Si-đôn," nhưng cách dịch này không được sự ủng hộ của các bản thảo P45, A, W, và bản Peshitta. Phần lớn các sự phê bình bản văn ủng hộ cách viết khó hơn vốn mang Chúa Jesus đi lên phía bắc và phía đông trước khi hướng về phía nam.

▣ "**Biển Ga-li-lê**" Cùng một vùng nước này được gọi bằng nhiều tên (1) Ki-nê-rét trong Cựu Ước; (2) Hồ Ghê-nê-xa-rét trong Lu-ca 5:1; và (3) Biển Ti-bê-ri-át trong suốt thời kỳ La Mã của thế kỷ thứ nhất trong Giăng 6:1; 21:1.

▣ "**địa phận thành Đê-ca-bô-lơ**" Đây là khu vực của Sự Đuổi Quỷ ở Ga-đa-ra (theo Mác 5:1-20). Đó cũng là một khu vực của Người Ngoại nằm về phía đông và phía nam của Biển Ga-li-lê. Chức vụ của Chúa Jesus tại những khu vực này chỉ rõ tình yêu của Ngài dành cho Người Ngoại.

**7:32 " điếc và ngọng "** Từ này được sử dụng chỉ duy nhất ở đây trong Tân Ước và trong Bản Bảy Mươi (Septuagint) tại Ê-sai 35:6. Câu 37 có thể liên hệ với Ê-sai 35:5-6, vốn mô tả chức vụ chữa lành tương lại của Đấng Mê-si.

▣ "**đặt tay trên người ấy** " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĐẶT TAY TRONG KINH THÁNH**

Hành động liên hệ cá nhân này được sử dụng theo nhiều cách khác nhau trong Kinh thánh.

1. Tiếp nhận lời thề hứa ( tay đặt dưới báp-đùi [Sáng Thế Ký 24:2,9; 47:29])
2. Giao lại quyền lãnh đạo gia đình (xem Sáng-thế Ký 48:18)
3. Đồng nhất với cái chết của con vật dâng làm của lễ thiêu như là sự thay thế
  - a. Các thầy tế lễ (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 29:10,15,19; Lê-vi Ký 16:21; Dân-số Ký 8:12)
  - b. Người thường (xem Lê-vi Ký 1:4; 3:2,8; 4:4,15,24; II Sử-ký 29:23)
4. Biệt riêng ai đó để hầu việc Đức Chúa Trời trong trách nhiệm hay là chức vụ đặc biệt (xem Dân-số Ký 8:10; 27:18,23; Phục-truyền Luật-lệ Ký 34:9; Công-vụ 6:6; 13:3; I Ti-mô-thê 4:14; 5:22; II Ti-mô-thê 1:6)
5. Dự phần vào trong việc xử án tội nhân bằng cách ném đá (xem Lê-vi Ký 24:14)
6. Tay đặt trên miệng một người chỉ về sự im lặng hoặc sự đồng ý mặc định (Các Quan Xét 18:19; Gióp 21:5; 29:9; 40:4; Mi-chê 7:16)
7. Tay một người đặt trên đầu chính mình có nghĩa là sự đau buồn/ than khóc (II Sa-mu-ên 13:19)
8. Tiếp nhận sự chúc phước sức khỏe, hạnh phúc và tin kính (xem Ma-thi-ơ 19:13,15; Mác 10:16)
9. Liên hệ đến sự chữa lành thuộc thể (xem Ma-thi-ơ 9:18; Mác 5:23; 6:5; 7:32; 8:23; 16:18; Lu-ca 4:40; 13:13; Công-vụ 9:17; 28:8)
10. Tiếp nhận Đức Thánh Linh (xem Công-vụ 8:17-19; 9:17; 19:6)

Những phân đoạn Kinh thánh đã từng được sử dụng trong lịch sử để ủng hộ cho việc bổ nhiệm các vị lãnh đạo giáo hội (phong chức họ) lại thiếu sự thống nhất cách nghiêm trọng.

1. Trong Công-vụ 6:6 thì các Sứ đồ đặt tay cho bảy người trong chức vụ tại địa phương.
2. Trong Công-vụ 13:3 thì những tiên tri và các giáo sư đặt tay trên Ba-na-ba và Phao-lô cho chức vụ truyền giáo.
3. Trong I Ti-mô-thê 4:14 thì những Trưởng lão địa phương liên hệ đến sự kêu gọi ban đầu và bổ chức cho Ti-mô-thê.
4. Trong II Ti-mô-thê 1:6 thì Phao-lô là người đặt tay cho Ti-mô-thê.

Sự đa dạng và mơ hồ này trình bày sự thiếu tổ chức của Hội thánh trong thế kỷ thứ nhất. Hội thánh đầu tiên thì linh động hơn và thường xuyên sử dụng những ân tứ thiêng liêng của các tín hữu hơn (xem I Cô-rinh-tô 14). Tân ước không đơn giản được viết để cô vũ hay là phác họa cho một cơ cấu tổ chức hay là tiến trình phong chức.

**7:33 " đem người ấy ra khỏi đám đông "** hành động này có mục đích để chấm dứt những câu chuyện về sự chữa lành của Ngài và làm cho người này cảm thấy thoải mái (Mác 8:23).

▣ "**đặt ngón tay vào tai anh ta** " Chúa Jesus đã truyền thông cho người đàn ông này những gì Ngài đang cố gắng để thực hiện một cử chỉ chấp nhận thuộc thể về mặt văn hóa (một ngón tay nơi tai và nước bọt nơi lưỡi).

▣ " **nhổ nước bọt thắm vào lưỡi anh ta** " Nước bọt thường được sử dụng với mục đích trị bệnh tại thế giới Địa Trung Hải vào thế kỷ thứ nhất. Nó có mục đích làm gia tăng đức tin của người đàn ông này.

**7:34 " ngược mắt lên trời "** Đây là tư thế cơ thể tiêu chuẩn của một sự cầu nguyện của người Do Thái trong thời đại của Chúa Jesus (đứng, đôi mắt mở ra, đầu ngược lên, hai bàn tay giơ lên).

▣ " **thở dài** " Từ này chỉ về một âm thanh không rõ ràng bày tỏ cảm xúc mạnh (Rô-ma 4; 8:22- 23; 2 Cô-rinh-tô 5:12). Nó mang tính tích cực (Mác 7:34; Rô-ma 8:26) hay tiêu cực (Công Vụ 7:34; Gia-cơ 5:9) thì phụ thuộc vào văn mạch. Từ này có thể bày tỏ về sự than thở của Chúa Jesus trên tội lỗi và sự bệnh tật của một thế giới bị tàn phá bởi sự bội nghịch. Một hình thái từ ghép của từ này xuất hiện trong Mác 8:12.

▣ " **Ép-pha-ta** " Đây là một từ A-ram thể mệnh lệnh thụ động bắt định (aorist passive imperative), có nghĩa là "hãy mở ra" (và chúng đã mở ra, Mác 7:35). Phi-e-rơ đã nhớ chính những từ A-ram mà Chúa Jesus đã nói và Mác đã dịch nó thành tiếng Hy Lạp cho những độc giả Người Ngoại của ông. Hãy xem ghi chú tại Mác 5:41.

**7:36 " Đức Chúa Jesus bảo họ đừng thuật chuyện này với ai "** Lý do cho mệnh lệnh này là bởi vì phúc âm vẫn chưa hoàn tất. Chúa Jesus không muốn được biết đến như là một người thực hiện phép lạ. Sự ép buộc của đám đông đã là một vấn đề. "Bí mật về Đấng Mê-si" là đặc điểm của sách Mác. Tuy nhiên, thật đáng ngạc nhiên bởi vì Chúa Jesus đã thực hiện rất nhiều hành động và phán rất nhiều điều mặc khải về chính mình Ngài trong Mác. Chúa Jesus đã bày tỏ rõ ràng về Chính Mình Ngài là Đấng Mê-si và đáp ứng nhiều sự trông đợi đương thời của Người Do Thái dành cho những ai có đôi mắt thuộc linh để nhìn thấy!

**7:37** Sự chữa lành người điếc đã là một dấu hiệu rất rõ ràng về Đấng Mê-si (Ê-sai 35:5-6).

▣ " **Ngài làm mọi việc thật tốt đẹp** " Đây là một thể chỉ định chủ động hoàn thành (perfect active indicative). Thật là một sự lời tuyên bố tóm lại được đưa ra bởi dân chúng của khu vực phía bắc xứ Palestine!

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Chúng ta cần liên hệ như thế nào với truyền thống, lời truyền khẩu? Hãy định nghĩa truyền thống, lời truyền khẩu.
2. Chúa Jesus có bỏ Cựu Ước qua một bên hay không? Nếu vậy, chúng ta cần phải có thái độ như thế nào với Cựu Ước được thần cảm? (Mác 7:19)
3. Giải thích sự khác biệt về quan điểm về tôn giáo giữa Chúa Jesus và Những người Pha-ri-si.
4. Tại sao Chúa Jesus lại đi vào những khu vực mà Người Ngoại chiếm đa phần, vượt trội? (Mác 7:24)
5. Làm thế nào để một em bé lại bị quỷ ám? Nó có còn xảy ra ngày hôm nay hay không? (Mác 7:25)
6. Tại sao Chúa Jesus bảo họ không được nói với bất cứ ai về sự chữa lành người đàn ông? (Mác 7:36)



## MÁC 8

### NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Cho Bốn Ngàn Người Ăn	Cho Bốn Ngàn Người Ăn	Bốn Ngàn Người Được Cho Ăn	Chúa Jesus Cho Bốn Ngàn Người Ăn	Phép Lạ Hóa Bánh lần thứ hai
8:1-10	8:1-10	8:1-10	8:1-3 8:4 8:5 8:6-10	8:1-10
Sự Đòi Hòi một Dấu Lạ	Thững người Pha-ri-si Tìm Kiếm một Dấu Lạ	Những Lời phán về Các Dấu Lạ	The Những người Pha-ri-si Đòi Một Phép Lạ	Những người Pha-ri-si Đòi Hòi Một Dấu Lạ từ Thiên Đàng
8:11-13	8:11-12 Hãy Cân Trọng về Men của Những người Pha-ri-si và Phe Hê-rốt 8:13-21	8:11-13	8:11-12  8:13	8:11-13
Men của Những người Pha-ri-si và Phe Hê-rốt		Men của Những người Pha-ri-si	Men của Những người Pha-ri-si và Phe Hê-rốt	Men của Những người Pha-ri-si và Phe Hê-rốt
8:14-21		8:14-21	8:14-15 8:16 8:17-19 8:20 8:21	8:14-21
Sự Chữa Lành Người Mù Ở Bết-sai-đa	Một Người Mù được Chữa Lành Tại Bết-sai-đa	Một Người Mù được Chữa Lành	Chúa Jesus Chữa Lành Người Mù Tại Bết-sai-đa	Sự Chữa Lành Người Mù Tại Bết-sai-đa
8:22-26	8:22-26	8:22-26	8:22-23 8:24 8:25-26	8:22-26
Lời Tuyên Bó của Phi-e-ơ về Chúa Jesus	Phi-e-ơ Xung Nhận Chúa Jesus là Christ	Sự xưng nhận của Phi-e-ơ	Lời Tuyên Bó của Phi-e-ơ về Chúa Jesus	Tuyên Ngôn Đức Tin của Phi-e-ơ
8:27-30	8:27-30	8:27-30	8:27 8:28 8:29a 8:29b 8:30	8:27-30
Chúa Jesus Nói Tiên Tri về Sự Chết và Sự Sống Lại Của Ngài	Chúa Jesus Nói Trước về Sự Chết và Sự Sống Lại Của Ngài		Chúa Jesus Nói về Sự Chịu Khổ và Chết của Ngài	Sự Tiên Tri về Sự Khổ Nạn Lần Thứ Nhất

8:31-9:1	8:31-33	8:31-	8:31-33	8:31-33
	Vác Thập Tự Giá và Theo Ngài	Về Sự Môn Đồ Hóa		Điều Kiện Đê Đi Theo Chúa Jesus
	8:34-9:1	8:34-	8:34-	8:34-9:1

## CHU KỶ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

### THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thân cảm, nhưng chia khóa đề dõ theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

## NHỮNG PHẦN KINH THÁNH SONG HÀNH TƯƠNG ĐỒNG TRONG CÁC SÁCH PHÚC ÂM CỘNG QUAN

- A. Một câu hỏi rằng Chúa Jesus đã cho đám đông ăn thường xuyên hoặc, vì một vài lý do không rõ đối với các nhà giải kinh Tây Phương, sự kiện này bị lặp lại (6:34-44 và 8:1-10).
- B. Mác 8:10-12 song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 15:39-16:4.
- C. Mác 8:13-26 song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 16:5-12.
- D. Mác 8:27-30 song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 16:13-20 và Lu-ca 9:18-21.
- E. Mác 8:31-37 song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 16:21-26 và Lu-ca 9:22-25.
- F. Mác 8:38-9:1 song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 16:27-28 và Lu-ca 9:26-27.

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 8:1-10

<sup>1</sup> Trong những ngày đó, lại có một đoàn dân đông tụ họp và họ không có gì để ăn, nên Đức Chúa Jêsus gọi các môn đồ đến và bảo: <sup>2</sup> “Ta cảm thương đoàn dân này, vì họ đã ở với Ta ba ngày và bây giờ không có gì ăn cả. <sup>3</sup> Nếu Ta để họ bụng đói ra về, chắc họ sẽ xiêu dọc đường vì trong họ có một số người từ những nơi xa đến.” <sup>4</sup> Môn đồ thưa rằng: “Giữa nơi hoang mạc này, làm sao có thể kiếm đủ bánh cho họ ăn?” <sup>5</sup> Ngài hỏi: “Các con có bao nhiêu bánh?” Họ thưa: “Có bảy cái.” <sup>6</sup> Ngài truyền cho đoàn dân ngồi xuống đất; lấy bảy cái bánh, tạ ơn, rồi bẻ ra trao cho các môn đồ để phân phát cho dân chúng. <sup>7</sup> Các môn đồ cũng có mấy con cá nhỏ; Đức Chúa Jêsus tạ ơn, rồi cũng truyền đem phân phát như vậy. <sup>8</sup> Ai nấy đều ăn no nê và họ thu lại được bảy giỏ đầy những mẩu bánh thừa. <sup>9</sup> Số người ăn khoảng chừng bốn nghìn người. Đức Chúa Jêsus cho dân chúng về, <sup>10</sup> còn Ngài lập tức xuống thuyền cùng các môn đồ đi sang vùng Đa-ma-nu-tha.

**8:1 " Trong những ngày đó "** Phần tường thuật này xảy ra phần lớn tại khu vực của Người Ngoại Vùng Đê-ca-bô-lơ (Mác 7:31).

▣ **" lại có một đoàn dân đông "** Cụm từ này mô tả về chức vụ của Chúa Jesus trong suốt giai đoạn này.

**8:2 " Ta cảm thương đoàn dân này "** Từ "cảm thương" đến từ thuật ngữ Hy Lạp dùng cho những cơ quan nội tạng phía dưới của cơ thể (gan, thận, ruột). Trong Cựu Ước, Người Do Thái xác định vị trí của các cảm xúc nằm ở phần nội tạng phía bên dưới.

Chúa Jesus yêu quý dân chúng (Mác 1:41; 6:34; 8:2; 9:22; Ma-thi-ơ 9:36; 14:41; 15:32; 18:27; 20:34; Lu-ca 7:13; 10:33). Nhiều người đã bị chối bỏ bởi các ra-bi trong suốt cả cuộc đời họ. Họ tụ họp với nhau để nhận được sự chăm sóc của Chúa Jesus.

▣ **" họ đã ở với Ta ba ngày "** Đây là một khoảng thời gian dạy dỗ kéo dài. Người Do Thái đếm ngày từ buổi chiều lúc chạng vạng cho đến buổi chiều chạng vạng. Một phần của một ngày cũng được tính, vì vậy, câu này không nhất thiết phải chỉ đến trọn ba ngày-24 giờ. Họ không thể rời khỏi dù chỉ để mua thức ăn. Họ đã ăn hết tất cả những gì mang theo.

**8:3 "nếu"** Đây là một Câu điều kiện bậc ba (Third class conditional sentence), vốn nói về một hành động tiềm năng. Chúa Jesus không nhấn mạnh rằng tất cả họ đều đang ở tình trạng của sự suy sụp cơ thể, nhưng một vài người bệnh và yếu hơn có thể sẽ bị ngắt xiu.

▣ **" họ sẽ xiêu dọc đường "** Sự ngắt xiu này có nguyên nhân gây ra bởi sự thiếu thức ăn. Hãy xem Các Quan Xét 8:15 và Ca Thương 2:19 trong Bản Bảy Mươi (Septuagint). Họ đã dùng hết thức ăn mang theo và sau đó đã nhịn ăn.

▣ **" trong họ có một số người từ những nơi xa đến "** Câu này chỉ ra sự nổi danh của Chúa Jesus như là một người thực hiện phép lạ đã được đồn ra. Những người tuyệt vọng này đi khắp mọi nơi, thử tìm kiếm tất cả điều gì có thể giúp đỡ họ!

**8:4 " làm sao có thể kiếm đủ bánh cho họ ăn "** Ngay cả khi họ có tiền, cũng vẫn không có nơi nào để mua thức ăn. Chúa Jesus đang thử thách đức tin của các môn đồ vào sự chu cấp của Ngài! Họ lại thất bại một lần nữa (Mác 6:34-44).

**8:6 " ngồi xuống đất "** Cụm từ này chỉ về một tư thế ngồi tựa, vốn ngụ ý về sự sẵn sàng cho bữa ăn.

**8:6-8 " bánh. . . cá "** Đây là một bữa ăn hằng ngày bình thường cho người dân ở khu vực Palestine. Cụm từ này tương tự với 6:34- 44.

▣ **" tạ ơn "** Lời cầu nguyện chúc phước trên thức ăn trong sự ghi nhận biết ơn về sự chăm sóc và chu cấp hằng ngày của Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 6:11). Người Do Thái luôn luôn cầu nguyện trước bữa ăn.

▣ **"bẻ. . . phân phát (phục vụ)"** Đây là một thì bất định (aorist) theo sau bởi một thì chưa hoàn thành (imperfect tense). Phép lạ hóa nhiều xảy ra khi Chúa Jesus bẻ bánh cũng giống như trong Mác 6:41.

**8:8 " bảy giỏ đầy những mẩu bánh thừa "** Đây là một từ khác được dùng cho giỏ trong 6:43. Những giỏ này rất lớn (Công Vụ 9:25). Những mẩu bánh còn lại được thu lại để sử dụng sau này. Tuy nhiên, trong Mác 8:14 chúng ta học được rằng các môn đồ đã quên mất và để quên chúng lại.

**8:9 " khoảng chừng bốn nghìn người "** Ma-thi-ơ 15:83 thêm vào "(người) nam," vốn có nghĩa rằng đám đông thật ra lớn hơn. Có lẽ rằng đã không có một lượng lớn những người nữ và trẻ em trong khu vực hẻo lánh này, nhưng chắc chắn vẫn có một ít.

**8:10 " lập tức "** Hãy xem ghi chú tại Mác 1:10.

▣ **" vùng Đa-ma-nu-tha "** Có một vài khác biệt trong cụm từ này. Vấn đề là không có địa điểm nào có tên như vậy trong cả khu vực Palestine trong thời của Chúa Jesus. Vì vậy, những nhà sao chép Kinh Thánh đã sửa nó tên của địa điểm này lại để phù hợp với tên trong Ma-thi-ơ "Ma-ga-đan" (bản NKJV dùng từ "Magdala").

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 8:11-12**

<sup>11</sup> Có mấy người Pha-ri-si đến và tranh luận với Ngài, họ xin Ngài một dấu lạ từ trời để thử Ngài. <sup>12</sup> Đức Chúa Jê-sus thở than trong lòng rằng: “Tại sao thế hệ này lại tìm kiếm dấu lạ? Thật, Ta bảo các ngươi, sẽ chẳng có một dấu lạ nào được ban cho thế hệ này cả.” <sup>13</sup> Rồi Ngài rời họ, trở lại thuyền và sang bờ bên kia.

**8:11 "mấy người Pha-ri-si đến và tranh luận với Ngài"** Đây là một sự kiện khá thường xuyên. Họ không thể nào chối bỏ thẩm quyền, quyền năng và sự nổi tiếng của Ngài, và vì vậy họ cố gắng gài bẫy Ngài sa vào những câu trả lời vốn là những điều xa lạ, không được yêu thích bởi khán giả của Ngài. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt Về Những người Pha-ri-si tại Mác 2:16.

▣ **"một dấu lạ từ trời"** Trong sách Phúc Âm Giảng từ "dấu lạ" có một ý nghĩa đặc biệt, nhưng ở đây nó chỉ về sự đòi hỏi một bằng chứng bởi Những người Pha-ri-si cho thẩm quyền của Ngài, có lẽ là (1) một lời tiên tri (Phục Truyền 13:2-5; 18:18-22); (2) một dấu lạ từ trời (Ê-sai 7:11; 38:7-8); hoặc (3) một dấu lạ lai thế học (sự chiến thắng về mặt quân sự nghịch lại những kẻ thù).

▣ **"để thử Ngài"** Từ *peirazō* có nghĩa rộng của hành động thử, kiểm tra, hoặc cám dỗ "với một hình ảnh của sự hủy diệt." Đây có lẽ là một sự chỉ đến ẩn giấu về sự vô tín của sự lang thang trong đồng vắng (Xuất 17:7; Dân Số Ký 14:11-12,22; Phục Truyền 33:8). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt về những Thuật Ngữ tiếng Hy Lạp được dùng cho "Sự Kiểm Tra, Thử Thách" tại Mác 1:13.

**8:12 "thở than"** Đây là một từ ghép và qua đó là một hình thái tăng cường nhấn mạnh của từ "thở than, rên xiết" (Mác 7:34). Chúa Jesus đã bày tỏ cho họ thẩm quyền của Ngài bằng hành động và lời phán rồi, nhưng sự mù lòa thuộc linh của họ vẫn y nguyên.

▣ **"trong lòng (trong tâm linh)"** Cụm từ này chỉ về nhân tánh của Chúa Jesus (Mác 2:8). Nó có cùng nghĩa rộng với Mác 14:38 trong sự liên hệ với loài người. Từ "linh" được sử dụng trong Mác cho

1. Đức Thánh Linh (Mác 1:10,12)
2. những uế linh (các quỷ, Mác 1:23,26,27; 3:11,30; 5:2,8,13; 6:7; 7:25; 9:17,20,25)
3. Tâm linh của con người (Mác 2:8; 8:12; 14:38)

▣ **"thế hệ này"** Từ này cũng có những sự ngụ ý Cựu Ước liên hệ với thời gian lang thang trong hoang mạc (Dân Số Ký 32:13; Phục Truyền 1:35; 32:5,20).

▣ **"Thật"** Từ này nguyên văn là "a-men." Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt "A-men" tại Mác 3:28.

▣ **"Ta bảo các ngươi, sẽ chẳng có một dấu lạ nào được ban cho thế hệ này cả"** Đây là một thành ngữ Hê-bơ-rơ của sự cự tuyệt mạnh mẽ (chứ không phải là một câu điều kiện Hy Lạp (Greek conditional sentence)) liên quan với một sự hiểu biết nhưng không được bày tỏ, một lời thề. Khi so sánh với Ma-thi-ơ 16:4, Chúa Jesus rõ ràng có ý rằng không có bất kỳ phép lạ nào thêm nữa. Chúa Jesus đã ban cho họ quá nhiều dấu lạ (Những lời tiên tri Cựu Ước được ứng nghiệm nơi những hành động và lời phán của Ngài), nhưng họ từ chối chấp nhận chúng hoặc chính Ngài bởi vì Ngài đã thách thức những lời truyền khẩu, địa vị về mặt văn hóa và sự nổi tiếng của họ.

**8:13** Chúa Jesus đã di chuyển mở rộng tại khu vực phía bắc Palestine bởi vì Ngài muốn tất cả có thể nghe sứ điệp của Ngài nhưng cũng bởi vì áp lực của đám đông.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 8:14-21**

<sup>14</sup> Các môn đồ quên đem bánh theo; trong thuyền họ chỉ có một cái bánh thôi. <sup>15</sup> Ngài nhắc nhở họ: “Hãy thận trọng và đề phòng men của người Pha-ri-si và men của đảng Hê-rôt.” <sup>16</sup> Các môn đồ (*bắt đầu*) bàn luận với nhau: “*Chắc* tại chúng ta không có bánh.” <sup>17</sup> Biết điều đó, Đức Chúa Jê-sus nói: “Sao các con lại bàn luận với nhau về việc các con không có bánh? Các con vẫn còn chưa biết, chưa hiểu sao? Lòng các con vẫn cứng cõi sao? <sup>18</sup> Sao các con có mắt mà không thấy? Có tai mà không nghe? Các con không nhớ sao? <sup>19</sup> Khi Ta bẻ năm cái bánh cho năm nghìn người, các con thu được bao nhiêu giỏ đầy bánh thừa?” Họ thưa: “Mười hai giỏ.” <sup>20</sup> “Còn khi Ta bẻ bảy cái bánh cho bốn nghìn người, các con thu được bao nhiêu giỏ đầy bánh thừa?” Họ thưa: “Bảy giỏ.” <sup>21</sup> Ngài phán: “Các con vẫn còn chưa hiểu sao?”

**8:14** Đây rõ ràng là một chi tiết chứng kiến tận mắt từ Phi-e-ơ.

**8:15 " Ngài nhắc nhở họ "** Đây là một thể chi định trung cách chưa hoàn thành (imperfect middle indicative) từ một từ gốc mạnh "ra lệnh với thẩm quyền " (theo Mác 5:43; 7:36; 8:15; 9:9). Từ này mô tả đặc điểm của sách Mác (thường liên hệ với "Bí Mật Đấng Mê-si").

**NASB, NRSV** "Hãy cẩn thận!"  
**NKJV** "Hãy lưu ý"  
**TEV** "Hãy chú ý"  
**NJB** "Hãy giữ đôi mắt người mở rộng "

Từ này nguyên văn là "hãy xem" (*horaō*). Đây là một Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative), vốn ngụ ý về sự chuyên cần liên tục để duy trì một sự thận trọng thích đáng.

**NASB, NKJV,**  
**NRSV** "Hãy cảnh giác"  
**TEV** "hãy canh giữ chính mình chống lại "  
**NJB** "hãy quan sát cảnh giác về"

Đây cũng là một Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative). Cả hai đều là những mệnh lệnh sắc sảo từ những từ khác trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là "nhìn " (*horaō* và *blepō*), ngụ ý rằng các tín đồ cần phải luôn luôn liên tục canh giữ, cảnh giác (Mác 4:24; 12:38; 13:5,9,23,33) chống lại tinh thần chủ nghĩa luật pháp-tự-xung công chính và giáo điều hình thức.

▣ **" của đấng Hê-rốt "** Những thầy thông giáo có khuynh hướng tiêu chuẩn hóa những lời nói của Chúa Jesus. Trong Mác 3:6 và 12:13 Chúa Jesus nói "đấng Hê-rốt"; vì vậy, bản thảo tiếng Hy Lạp P45, G, và W, cũng như là một vài bản Vulgate, và các bản dịch Coptic, đã thay đổi hình thái sở hữu cách này. Sự mạnh mẽ lẫn át của các bản thảo tiếng Hy Lạp đã chứng thực cho hình thái sở hữu cách này (MSS  $\kappa$ , A, B, C, D, and L). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt về Gia đình Hê-rốt tại Mác 1:14.

▣ **" men "** Đây thường là một biểu tượng của sự suy đồi, cũng giống như trong câu này (1 Cô-rinh-tô 5:6-8; Ga-la-ti 5:9). Đây là một cách chơi chữ trong tiếng A-ram bởi vì từ " men " và "lời" rất giống nhau. Vấn đề của các môn đồ cũng tương tự như Những người Pha-ri-si, chính là sự thui chột hoặc mù lòa thuộc linh. Họ cần phải luôn luôn cảnh giác chống lại nó. Đấng Hê-rốt đại diện cho một nan đề trái ngược lại— Sự trần tục thế gian, tình trạng thờ ơ không chịu thay đổi (status quo) với bất kỳ giá nào!

**8:16 " (bắt đầu) bàn luận với nhau... chắc (thật ra) chúng ta không có bánh "** Đây là một thì chưa hoàn thành (imperfect tense). Các môn đồ vẫn chưa học được bài học. Chúa Jesus sẽ chu cấp cho tất cả mọi nhu cầu! Chúa Jesus đang nói về những sự ảnh hưởng đòi bại tội lỗi và họ nghĩ rằng Ngài đang nói về thức ăn!

Bản NKJV thêm vào từ "nói " vào câu nói được rút gọn này (cũng như nhiều bản thảo nhỏ tiếng Hy Lạp sau này) theo Ma-thi-ơ 16:7. Bản NASB đạt cùng một mục đích bằng sự thêm vào những từ được in nghiêng ("bắt đầu" và "thật ra (chắc)").

**8:17 " Biết điều đó, Đức Chúa Jê-sus "** Không phải luôn luôn rõ ràng rằng Chúa Jesus biết các sự việc. Đôi lúc nó là một kiến thức siêu nhiên và trong những trường hợp khác đó là sự hiểu về hành vi và tính cách của những người đó.

▣ **" Sao các con lại bàn luận với nhau về việc các con không có bánh "** Đây là câu hỏi đầu tiên trong chuỗi của sáu hoặc bảy câu hỏi mà trong đó Chúa Jesus bày tỏ về sự thất vọng của Ngài rằng các môn đồ của chính Ngài đã không thể hiểu! Cả văn mạch trong Mác bộc lộ ra sự khó khăn đến nhường nào cho những "bạn bè và kẻ đối địch" có thể thấu hiểu thông điệp tối quan trọng của Chúa Jesus. Các môn đồ Ngài, gia đình của Ngài, thành phố quê hương Ngài, những đám đông, và các lãnh đạo tôn giáo đã không có đôi mắt hoặc đôi tai thuộc linh!

▣ **" Các con vẫn còn chưa biết, chưa hiểu sao "** Đây là một chủ đề được lặp đi lặp lại thường xuyên (Mác 8:21; 6:52). Gia đình của Chúa Jesus, thành phố quê hương, những môn đồ của riêng Ngài, dân thành, và những

lãnh đạo tôn giáo đã không hiểu Ngài. Có lẽ đây là một cách để bày tỏ bầu không khí thuộc linh trước khi sự đầy trọn của Đức Thánh Linh đến tại Lễ Ngũ Tuần (hoặc là Bí Ân Đấng Mê-si được bày tỏ nơi Chúa chịu đóng đinh và sống lại).

▣ **" Lòng các con vẫn cứng cõi sao "** Đây là một phân từ thụ động hoàn thành (perfect passive participle) ngụ ý về một tình trạng cứng cõi thuộc linh bị đem đến bởi một tác nhân bên ngoài (thông điệp) (Mác 4:13,40; 6:52; 7:18; 8:17,21,33; 9:10,32). Đây chính xác là những gì đã xảy ra với Giu-đa Ích-ca-ri-ôt. Hãy xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TÂM LÒNG** tại Mác 2:6.

**8:18** Đây là một câu trích dẫn Cựu Ước từ sách Ê-xê-chi-ên 12:2 (Giê-rê-mi 5:21), vốn song hành tương đồng về mặt thần học với Ê-sai 6:9-10 (Mác 4:12). Các tiên tri Cựu Ước nói lời của Đức Chúa Trời, nhưng đã bị hiểu nhầm bởi vì tình trạng thuộc linh của những người nghe của họ. Những sự trích dẫn Cựu Ước này có hình thức ngữ pháp vốn trông đợi một câu trả lời "có".

▣ **" Các con không nhớ sao "** Chúa Jesus đang khiển trách sự thiếu thấu hiểu thuộc linh của họ liên hệ với sự chu cấp thức ăn phi thường (Mác 8:17-21). Cụm từ này cũng có một sự định hướng Cựu Ước (Phục Truyền 4:9-10; 8:11,19). Dân sự của Đức Chúa Trời phải ghi nhớ và hành động dựa trên những lẽ thật của Đức Chúa Trời.

**8:19 " giỗ "** Đây là một từ khó từ 8:8. Đây là một thuật ngữ được sử dụng trong Mác 6:43 (các giỗ nhỏ). Ngài đang nhắc họ nhớ lại về phép lạ hóa bánh trước đó. Họ đã không thể liên hệ ra được (Mác 8:32-33; 9:32-34; 10:35-37).

**8:20** Câu 19 chỉ về phép lạ hóa bánh trong Mác 6, nhưng câu 20 chỉ về sự hóa bánh trong thời điểm đó trong Mác 8.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 8:22-26**

**22** Đức Chúa Jê-sus và môn đồ đến làng Bết-sai-đa. Người ta đem cho Ngài một người mù và nài xin Ngài chạm vào anh. **23** Ngài nắm tay người mù, dắt anh ra khỏi làng, thoa nước miếng lên mắt và đặt tay trên anh, rồi hỏi: "Con có thấy gì không?" **24** Người mù ngược lên rồi thưa: "Con thấy người ta, nhưng trông họ như cây cối, đang di chuyển." **25** Đức Chúa Jê-sus lại đặt tay trên mắt anh; anh chăm chú nhìn, thị giác được phục hồi và anh thấy rõ mọi vật. **26** Đức Chúa Jê-sus cho anh về và dặn: "Đừng trở vào trong làng."

**8:22 " một người mù "** Một trong những lời tiên tri của Ê-sai về Đấng Mê-si chính là Ngài sẽ mang lại sự sáng mắt cho những người mù (Ê-sai 29:18-35:5; 42:7,16,18,19).

Sự mù lòa thuộc thể chính là một phép ẩn dụ Cựu Ước cho tình trạng mù lòa thuộc linh (Ê-sai 56:10; 59:10). Cùng một cách chơi chữ trên sự mù lòa thuộc linh và thuộc thể được nhìn thấy rất sinh động trong Giảng 9. Điều này rõ ràng liên hệ với sự mù lòa của các môn đồ trong Mác 8:15,18.

**8:23 " dắt anh ra khỏi làng "** Điều này có mục đích đem lại cho người đàn ông sự thoải mái và giữ sự chữa lành như một bí mật (theo Mác 7:33; 8:26).

▣ **" thoa nước miếng lên mắt và đặt tay trên anh "** Cả hai đều là những phương cách văn hóa của sự chữa lành, một (sự chữa lành) thuộc thể và một thuộc linh. Nó có mục đích gây dựng đức tin cho người đàn ông. Hãy xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĐẶT TAY TRONG KINH THÁNH** tại Mác 7:32.

**8:24 " Con thấy người ta, nhưng trông họ như cây cối "** Chúa Jesus không bị giới hạn trong quyền năng, nhưng đang làm việc trên đức tin của người đàn ông này. Đây là một sự chữa lành một phần hoặc sự chữa lành theo giai đoạn đã được ghi chép lại trong các sách Phúc Âm.

**8:25** Câu này bắt đầu nói về sự đặt tay của Chúa Jesus trên đôi mắt của người đàn ông. Sau đó, hành động chuyển sang cho người đàn ông (NJB). Ông phải tập trung và nhìn cách chăm chú (Ma-thi-ơ 7:5). Khi ông hợp tác, sự sáng mắt của ông được phục hồi.

**8:26** Câu này chỉ về những sự trích dẫn lặp lại đi lặp lại của Mác về những mệnh lệnh được nhấn mạnh của Chúa Jesus dặn những người được Ngài chữa lành không được loan truyền về sự chữa lành của mình. Bản

Textus Receptus (Bản Văn Được Thừa Nhận-là cơ sở của bản Kinh Thánh King James) (ví dụ: KJV NKJV) thậm chí còn thêm vào một cụm từ làm cho nó trở nên cụ thể hơn. Chúa Jesus không muốn được biết đến như là một người thực hiện sự chữa lành. Ngài sử dụng sự chữa lành để bày tỏ về sự thương xót của Đức Chúa Trời, và để gây dựng đức tin của các môn đồ, và khẳng định chức vụ dạy dỗ của Ngài.

**8:27-30** Sự kiện này là một sự kiện bước ngoặt trong sách Phúc Âm Mác. Những câu chuyện phép lạ để khẳng định quyền năng, thẩm quyền và thần tính của Chúa Jesus đã chấm dứt. Sự nhấn mạnh từ điểm này chính là sự chết trên thập tự giá. Phúc Âm của Mác đổi từ một sự tập chú về Ngài là ai sang một hành động cứu chuộc vĩ đại (Ngài làm gì).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 8:27-30**

<sup>27</sup> Đức Chúa Jêsus cùng các môn đồ đi khỏi đó, vào các làng gần thành Sê-sa-rê Phi-líp. Đọc đường, Ngài hỏi các môn đồ rằng: "Thiên hạ nói Ta là ai?" <sup>28</sup> Họ thưa: "Người thì nói Thầy là Giăng Báp-tít; người thì nói là Ê-li; người khác thì nói là một trong các nhà tiên tri." <sup>29</sup> Ngài hỏi: "Còn các con thì nói Ta là ai?" Phi-e-rơ thưa rằng: "Thầy là Đấng Christ." <sup>30</sup> Đức Chúa Jêsus truyền cho các môn đồ không được nói về Ngài với ai cả.

**8:27 " vào các làng "** Ma-thi-ơ 16:13 chép là "vào miền của." Chúa Jesus muốn làm hai điều (1) rời khỏi những đám đông và (2) giảng dạy trong các làng mạc. Trong trường hợp này lý do thứ nhất chiếm áp đảo.

▣ **" thành Sê-sa-rê Phi-líp "** Thành này cách khoảng 25 dặm về phía bắc của Biển Ga-li-lê trong một khu vực Người Ngoại chiếm áp đảo. Nó được cai trị bởi Hê-rốt Philip, chứ không phải Hê-rốt An-ti-pát.

▣ **" Đọc đường, Ngài hỏi "** Khi họ đang đi, Chúa Jesus bắt đầu (thì chưa hoàn thành (imperfect tense)) chuyện trò với họ.

▣ **" Thiên hạ nói Ta là ai "** Ma-thi-ơ 16:13 chép là "Con Người," vốn là danh xưng Ngài tự chọn của Chúa Jesus. Đây là một câu hỏi tôn giáo.

**8:28 "Giăng Báp-tít"** Đây là ý kiến của Hê-rốt An-ti-pát, vũng là ý kiến của nhiều người khác (Mác 6:14,16; Lu-ca 9:19).

▣ **"Ê-li"** Điều này sẽ ngụ ý rằng Chúa Jesus sẽ dọn đường cho Đấng Mê-si ( Ma-la-chi 4:5).

▣ **" một trong các nhà tiên tri "** Ma-thi-ơ 16:14 chép là "Giê-rê-mi." Tất cả những ý kiến trên liên hệ đến một sự cảnh tỉnh và đều là những danh xưng của sự tôn trọng, nhưng không dành riêng cho Đấng Mê-si.

**8:29 " các con thì nói Ta là ai "** Từ này ở số nhiều và để chỉ đến tất cả các môn đồ. "Các con (các người) ở thể nhấn mạnh trong tiếng Hy Lạp bởi vì đại từ đứng phía trước (được đặt đầu tiên ở trong câu).

▣ **" Thầy là Đấng Christ "** Phi-e-rơ, người hướng ngoại của nhóm, đã trả lời trước tiên. Đây là một sự chuyển ngữ của từ Hê-bơ-rơ "Đấng Mê-si" (BDB 603), vốn có nghĩa là "Đấng Được Xức Dầu." Chúa Jesus đã miễn cưỡng chấp nhận công khai danh xưng này bởi vì những sự giải nghĩa sai trật của người Do Thái về mặt chính trị, quân sự, và chủ nghĩa quốc gia. Trong bối cảnh riêng tư này Ngài chấp nhận, thậm chí kiếm tìm danh xưng này. Phần Kinh Thánh song hành trong Ma-thi-ơ 16:16 đã chép danh xưng đầy đủ, "Đấng Christ, Con của Đức Chúa Trời Hằng Sống." Mác (người ghi chép của Phi-e-rơ) đã bỏ qua sự khen ngợi của Chúa Jesus dành cho Phi-e-rơ (Ma-thi-ơ 16:17,19).

**8:30 " Đức Chúa Jêsus truyền cho các môn đồ không được nói về Ngài với ai cả "** Đây là một ví dụ khác về Bí Mật Đấng Mê-si rất phổ biến trong sách Mác (Mác 1:33-34,43; 3:12; 4:11; 5:43; 7:24,36; 8:26,30). Họ biết danh xưng nhưng không biết chức vụ (nhiệm vụ) (của Đấng Mê-si)!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 8:31-33**

<sup>31</sup> Bấy giờ, Ngài bắt đầu dạy các môn đồ rằng Con Người phải chịu nhiều đau khổ, phải bị các trưởng lão, các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo chối bỏ, phải bị giết, và sau ba ngày phải sống lại. <sup>32</sup> Ngài nói rõ ràng việc này với các môn đồ. Phi-e-rơ đem Ngài riêng ra, và trách Ngài. <sup>33</sup> Nhưng Đức Chúa Jêsus quay lại nhìn các môn đồ, và quở trách Phi-e-rơ: "Hỡi Sa-tan, hãy lui ra đằng sau Ta, vì ngươi chẳng nghĩ đến việc của Đức Chúa Trời, mà chỉ nghĩ đến việc loài người."

**8:31 "Ngài bắt đầu dạy các môn đồ "** thì chưa hoàn thành (imperfect tense) có thể có nghĩa (1) sự bắt đầu của một hành động (2) sự tiếp tục của một hành động trong quá khứ. Ở đây lựa chọn #1 được ngụ ý bởi văn mạch, nhưng một thì chưa hoàn thành khác trong Mác 8:32 ngụ ý cho lựa chọn #2. Đây là lần tiên tri báo trước đầu tiên của Chúa Jesus về sự chịu khổ và chết của Ngài, nhưng còn có những lần khác (Mác 9:12,31; 10:33-34).

▣ **" Con Người phải "** Cụm từ này chỉ ra rằng Chúa Jesus đã hiểu rõ nhiệm vụ của Ngài và cái giá phải trả của nó (Mác 10:45). Đây chính xác là kiểu mẫu của dấu hiệu báo trước mà Những người Pha-ri-si đã tìm kiếm trong Mác 8:12 để xác nhận một tiên tri chân chính (Phục Truyền 13:2-5; 18:18-22).

▣ **" nhiều (điều) đau khổ "** Đây là khía cạnh của chức vụ của Đấng Mê-si mà người Do Thái đã lỡ mất (Sáng Thế Ký 3:15; Thi 22; Ê-sai 52:13-53:12; Xa-cha-ri 9-14). Trong suy nghĩ của Người Do Thái, Đấng Mê-si được xem như là một hậu tự của Đa-vít, một Đấng bảo vệ quân sự của Y-sơ-ra-ên. Nhưng Ngài cũng đồng thời là một thầy tế lễ, như được chép trong Thi 110 và Xa-cha-ri 3-4. Bản chất song song này được bày tỏ trong sự trông đợi của cộng đồng Những Cuộn Biên Chết (Dead Sea Scrolls) về hai Đấng Mê-si, một (Đấng Mê-si) Hoàng Tộc (từ chi phái Giu-đa) và một thầy tế lễ (đến từ chi phái Lê-vi). Sự trông đợi vai trò lãnh đạo năng động, sôi nổi này có vẻ tách biệt hoàn toàn với một Đấng Mê-si chịu khổ và chết.

Chúa Jesus cố gắng một vài lần để lưu ý các môn đồ về sự chịu khổ đã được nói tiên tri từ trước của Ngài (theo Mác 8:31; 9:12,30-31; 10:33-34), nhưng họ đã không thể hiểu được (Mác 8:32-33; 9:32-34; 10:35-37).

▣ **"bị... chối bỏ "** Từ này có nghĩa là "không được chấp nhận" bởi vì Chúa Jesus đã không đáp ứng được những sự hiểu biết đầy sự thiên kiến của các lãnh đạo Do Thái. Ngài đã không phù hợp với những trông đợi của họ.

▣ **" (bởi) các trưởng lão, các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo "** Đây là một cách chỉ đến Tòa Công Luận, một hội đồng của bảy mươi người lãnh đạo từ Giê-ru-sa-lem tương tự như một tòa án tối cao. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 12:13.

▣ **" bị giết, và ... sống lại "** Đây chính là cốt lõi của thông điệp phúc âm: một sự hy sinh thay thế, và một sự xác nhận vinh hiển thiên thượng của sự chấp nhận sự hy sinh đó.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ SỐNG LẠI.**

Trong Kinh Thánh, được sống lại từ cõi chết có 3 hàm ý:

- A. Một số người không chết nhưng ra đi với Đức Chúa Trời (i.e., Hê-nóc, Sáng 5:24; Ê-li, 2 Các Vua 2:11)
- B. Một số người bởi quyền năng của Đức Chúa Trời được đem về qua ngưỡng cửa của sự sống chết. Họ trở nên mạnh khỏe với thân thể tự nhiên và sẽ chết tự nhiên trong tương lai.
- C. Chỉ có một sự chết duy nhất mà sống lại như chính Chúa Giê-su. Ngài chết nhưng sống lại với thân thể mới thích hợp với sự sống đời đời. (1 Cô-rinh-tô 15:20,23; "con đầu lòng từ cõi chết," Cô-lô-se 1:15,17). Cũng vì Ngài, tín đồ sẽ phục sinh ở thời điểm tái lâm (theo Thi 49:15; 73:24; Ê-sai 26:19; Đa-ni-ên 12:2; Ma-thi-ơ 22:31-32; Mác 12:26-27; Giăng 5:25,28-29; 6:39-40,44,54; Rô-ma 8:11; 1 Cô-rinh-tô 15; 1 Tê-sa 4:13-18; 1 Giăng 3:2).

Bằng chứng sự sống lại

- A. Năm mươi ngày sau, (50) tại lễ Ngũ Tuần, sự sống lại là chủ đề chính trong bài giảng của Phi-ơ-rô (theo Công vụ 2). Hàng ngàn người sống trong vùng đều tin sự kiện đã xảy ra.
- B. Các môn đồ được biến đổi cực đoan từ nản lòng sang mạnh mẽ, đến mức sẵn sàng từ đạo dù trước đó họ không trông chờ sự sống lại.

Tầm quan trọng của sự sống lại.

- A. Ám chỉ Chúa Giê-su chính là Đấng Ngài xưng (theo Ma thi ơ 12:38-40 tiên tri về sự chết và sự sống lại)
- B. Đức Chúa Trời chấp nhận Chúa Giê-su: cuộc sống, sự giảng dạy và sự hy sinh chuộc tội. (theo Rô ma 4:25)
- C. Chỉ cho chúng ta lời hứa của Đức Chúa Trời (tức là sự sống lại của thân thể, theo I Cô-rinh-tô 15)

Những tuyên bố về sự sống lại của Chúa Giê-su

- A. Ma thi ơ 12:38-40; 16:21; 17:9,22, 23; 20:18-19; 26:32; 27:63
- B. Mác 8:31; 9:1-10, 31; 14:28,58



C. Lu ca 9:22-27

D. Giảng 2:19-22; 12:34; đoạn 14-16

E. Cả Phi-e-rơ (Công vụ 2:24-32) và Phao-lô Công vụ 13:32-37) đều xác nhận Thi-thiên 16 nói về Chúa Giê-su, Đấng Mê-si-a

Nghiên cứu sâu hơn

A. *Evidence That Demands a Verdict* by Giô-suê McDowell

B. *Who Moved the Stone?* by Frank Morrison

C. *The Zondervan Pictorial Encyclopedia of the Bible*, "Resurrection," "Resurrection of Chúa Giê-su Christ"

D. *Systematic Theology* by L. Berkhof, trang 346, 720.

▣ **" và sau ba ngày phải sống lại "** Cụm từ này có thể chỉ đến Ô-sê 6:1-2. Nó được dịch trong một cách tương tự trong bộ Targum tiếng A-ram trong câu này. Tuy nhiên, Chúa Jesus Có vẻ như đang ngụ ý chỉ đến Giô-na 1:17 (Ma-thi-ơ 12:39; 16:4). Kiểu mẫu của dấu hiệu tiên tri báo đước này chính xác là những gì Những người Pha-ri-si đã đòi hỏi trong Mác 8:12 (Ma-thi-ơ 16:4). Kiểu mẫu lời tiên tri tiên đoán này đã là nền tảng của sự định nghĩa một tiên tri chân chính theo Phục Truyền 13:2-5; 18:18-22. Chúa Jesus đã ban cho họ hết dấu lạ này đến dấu lạ khác, nhưng họ đã không thể nhìn thấy, không muốn nhìn thấy!

**8:32**

**NASB**

"Ngài đơn thuần nhắc đến điều này "

**NKJV**

"Ngài phán lời này công khai "

**NRSV, NJB**

"Ngài phán tất cả điều này khá công khai "

**TEV**

"Ngài phán điều này rất rõ với họ "

Đây là một thì chưa hoàn thành (imperfect tense) khác cũng như trong Mác 8:31. Ở tại đó, nó có nghĩa là "bắt đầu," nhưng ở đây, nó có thể chỉ đến hành động lặp lại nhiều lần (Chúa Jesus đã phán với họ về sự chịu khổ và chết của Ngài một vài lần). Ngài phán đơn thuần với họ—không có các (câu chuyện) ẩn dụ, không có các biểu tượng hình bóng, không có các phép ẩn dụ (Giăng 10:24; 11:14; 16:25,29; 18:20).

▣ **" Phi-e-rơ đem Ngài riêng ra "** Điều này được thực hiện trong sự chân thành, nhưng không với sự hiểu biết. Phi-e-rơ đang hành động như thế thân cho Sa-tan (để ngăn cản) trong việc sử dụng thân vị chính thức là Đấng Mê-si của Ngài để vươn đến và cứu chuộc nhiều người (Mác 1:12-13; Ma-thi-ơ 4:1-11).

▣ **" và trách Ngài "** Đây là một từ mạnh Hy Lạp (bản Bảy Mươi (LXX) Sáng 37:10; Lu-ca 4:41; 2 Ti-mô-thê 4:2). Nó được sử dụng dành cho Chúa Jesus trong Mác 1:25; 3:12; 4:39; và 9:25. Trong văn mạch này Phi-e-rơ "trách mắng" hoặc "phê bình" Chúa Jesus về những nhận xét của Ngài. Chắc chắn động cơ của ông là để bảo vệ Chúa Jesus, không phải là định tội Ngài. Phi-e-rơ đã không hiểu được bản chất chịu thay thế cho và được tiên tri trước của sự chịu khổ của Chúa Jesus.

Chúa Jesus quở trách Phi-e-rơ trong Mác 8:33 bởi sự thiếu kém hiểu biết thuộc linh và sự chậm chạp để hiểu được vấn đề.

**8:33 " nhìn các môn đồ "** Chúa Jesus phán lời này với Phi-e-rơ, nhưng trong một nghĩa Ngài đang đề cập đến tất cả các môn đồ.

▣ **" Hỡi Sa-tan, hãy lui ra đằng sau Ta "** Đây là một Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative). Chúa Jesus đưa mệnh lệnh cho Phi-e-rơ để di chuyển ra khỏi tầm nhìn của Chúa Jesus. Từ này có những nghĩa rộng Cựu Ước của sự chối bỏ ("đưa ta ra phía sau (bản tiếng Anh) (chối bỏ ta)," 1 Các Vua 14:9; Ê-xê-chi-ên 23:35). Không nhận ra nó, Phi-e-rơ đã cám dỗ Chúa Jesus trong cùng một cách mà Sa-tan đã thực hiện trong đồng vắng (Mác 1:12-13; Ma-thi-ơ 4:1-11). Sa-tan cố gắng khiến Chúa Jesus chiếm được sự trung thành của loài người bằng bất cứ cách nào ngoại trừ Đồi Cái Sọ (Calvary) (cho họ ăn, bày tỏ cho họ những phép lạ, thỏa hiệp bằng thông điệp của Ngài). Phi-e-rơ đã không nhận ra rằng sự chịu khổ và chết của Chúa Jesus đã chính là kế hoạch của Đức Chúa Trời (Mác 10:45; Công Vụ 2:23; 3:18; 4:28; 13:29; 2 Cô-rinh-tô 5:21). Hãy xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SA-TAN** tại Mác 1:13.

Thường sự cám dỗ đau đớn và tinh vi, khôn khéo nhất đến từ những người bạn và gia đình! Vương quốc của Đức Chúa Trời, không phải là những sự sở thích, đặc quyền, mục tiêu cá nhân có sự ưu tiên cao nhất (Mác 8:34-38).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 8:34-9:1**

<sup>34</sup> Sau đó, Ngài gọi dân chúng và các môn đồ đến và nói: “Nếu ai muốn theo Ta, phải từ bỏ chính mình, vác thập tự giá mình mà theo Ta. <sup>35</sup> Vì ai muốn cứu mạng sống mình thì sẽ mất, còn ai vì Ta và Tin Lành mà mất mạng sống, thì sẽ cứu được mạng sống mình. <sup>36</sup> Một người nếu được cả thế gian mà mất linh hồn mình thì có ích gì? <sup>37</sup> Người ấy sẽ lấy gì mà đổi lại linh hồn mình? <sup>38</sup> Vì nếu ai hổ thẹn về Ta và đạo Ta giữa thế hệ gian dâm tội lỗi này, thì Con Người cũng sẽ hổ thẹn về người ấy khi Ngài cùng với các thiên sứ thánh ngự đến trong vinh quang của Cha Ngài.”<sup>9:1</sup> Ngài phán với các môn đồ: “Thật, Ta bảo các con, một số trong những người đang đứng đây sẽ không chết trước khi thấy vương quốc Đức Chúa Trời đến với uy quyền.”

**8:34 " gọi dân chúng và các môn đồ đến "** Mác là sách Phúc Âm duy nhất ghi lại về sự hiện diện của đám đông tại thành Sê-sa-rê Phi-líp. Thường thường sự kiện này được xem như là một sự dạy dỗ riêng tư, nhưng rõ ràng có sự hiện diện của những người khác tại đó. Đám đông này có thể bao gồm cả những người không phải là người Do Thái và có lẽ đã không có Những người Pha-ri-si hoặc những lãnh đạo tôn giáo bởi vì nó nằm ngoài vùng đất hứa truyền thống tại một vùng đất của Người Ngoại. Chính với đám đông này Chúa Jesus đã mặc khải về cái giá phải trả thật sự của việc trở nên môn đồ, một sự từ bỏ triệt để, hoàn toàn được yêu cầu để đi theo Ngài. Ngài mời gọi họ đi theo, nhưng đưa ra cái giá rõ ràng họ phải trả!

▣ "**nếu**" Đây là một câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence), vốn được giả định là đúng từ góc nhìn của tác giả cho mục đích văn học của họ.

▣ "**ai muốn theo Ta** " Chú ý sự mời gọi toàn cầu để trở thành những môn đồ của Chúa Jesus. Nhưng có một cái giá (sự cứu rỗi là miễn phí, nhưng sự môn đồ hóa là cần thiết và thật sự đắt giá đối với mỗi cá nhân). Thật thú vị rằng chính những lời của Chúa Jesus dành cho Phi-e-rô trong Mác 8:33 (*hupage opisō mou*) giờ đây được sử dụng một lần nữa (*opisō mou*), nhưng trong nghĩa của "hãy theo ta" (sự môn đồ hóa). Đã có một sự bước đi theo không thích đáng (Phi-e-rô là người thay thế cho Sa-tan) và một sự đi theo thích đáng (sự phục vụ không tập chú vào chính mình). Chính điều mà Phi-e-rô đã quở trách Chúa Jesus khi Ngài nghĩ đến giờ đây đã được đề cập rõ ràng như là mục tiêu cho tất cả, "hãy vác thập tự giá mình"!

▣ "**phải từ bỏ chính mình** " Đây là một thể mệnh lệnh trung cách thì bất định (aorist middle imperative) của một thuật ngữ ngụ ý "chối bỏ," "không còn sở hữu," "từ bỏ," hoặc "bất chấp" (Ma-thi-ơ 16:24; 20:35,75; Mác 8:34; 14:30,32,72; Lu-ca 9:23; 12:9; 23:34,61; Giảng 13:38).

Sự sa ngã (Sáng Thế Ký 3) đã khiến con người trở nên độc lập và tập chú vào bản thân như là mục đích của cuộc sống, nhưng giờ đây, các tín hữu cần phải quay trở lại tình trạng không còn tập chú vào bản thân phụ thuộc vào nơi Đức Chúa Trời. Sự cứu rỗi chính là sự phục hồi hình ảnh của Đức Chúa Trời nơi loài người, vốn đã bị tổn hại trong sự sa ngã. Điều này cho phép một mối liên hệ mật thiết với Cha, vốn là mục tiêu của sự sáng tạo.

▣ "**vác thập tự giá mình** " Đây là một thể mệnh lệnh chủ động bất định (aorist active imperative). Cụm từ này "vác thập tự giá mình" chỉ về một người tội phạm đã bị kết án phải vác thanh gỗ thập tự của chính mình đến nơi bị đóng đinh. Đây là một sự ẩn dụ mang tính văn hóa chỉ về một cái chết đau đớn nhục nhã. Trong văn mạch này nó chỉ đến "sự chết đi về bản chất tội lỗi cũ của chúng ta." Phúc âm là một sự kêu gọi triệt để cho một mối quan hệ, một sự môn đồ hóa một lần và cho tất cả (Ma-thi-ơ 10:38; 16:24; Lu-ca 9:23; 14:27; 17:33; Giảng 12:25). Cũng giống như Chúa Jesus đã từ bỏ cả mạng sống của Ngài cho kẻ khác, thì chúng ta cũng phải đi theo tâm gương của Ngài (2 Cô-rinh-tô 5:14-15; Ga-la-ti 2:20; 1 Giảng 3:16). Điều này bày tỏ cách rõ ràng rằng hậu quả của sự sa ngã đã bị cắt bỏ.

▣ "**mà theo Ta** " Đây là Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative). Đây là ngôn ngữ của sự môn đồ hóa của một ra-bi Do Thái. Đức Tin Cơ Đốc là một sự lựa chọn quyết định được theo sau bởi một sự môn đồ hóa tiếp tục (Ma-thi-ơ 28:19-20; Ê-phê-sô 2:8-10).

**8:35-37 " cứu mạng sống mình ...mất mạng sống "** Đây là một cách chơi chữ trên từ Hy Lạp dùng cho "mình (bản thân)," *psychē*. Trong văn mạch này có một sự tương phản giữa sự sống thuộc linh (tập chú vào Vương Quốc) và sự sống ích kỷ (thế gian, tập chú vào bản thân). Bản dịch Williams của Tân Ước dùng "sự sống cao trọng. . . sự sống thấp hèn." Nếu chúng ta sống cho Đấng Christ, chúng ta sẽ sống đời đời, còn nếu chúng ta sống cho cái tôi bản thân, chúng ta chết về mặt thuộc linh (theo Sáng Thế Ký 3; Ê-sai 59:2; Rô-ma 5:18-19; 7:10-11; 8:1-8; Ê-phê-sô 2:1,5; Cô-lô-se 2:13; Gia-cơ 1:15) và một ngày sẽ chết đời đời (Khải Huyền 2:11; 20:6,14; 21:8). Lẽ thật này tương tự với ẩn dụ "người giàu có đại dột" (Lu-ca 12:16-20).

**8:35 " Tin Lành "** Đây là một từ ghép của *eu* (tốt) và *angelos* (sứ điệp). Nó có nguyên gốc có ý nghĩa về sự công bố một tin tức tốt lành, nhưng nó biến thành sự sử dụng cho thông điệp về Chúa Jesus chính là Đấng Mê-si mang sự cứu rỗi (và toàn bộ những tín lý liên hệ với nó). Nó được sử dụng cho những lễ thật của Cơ Đốc Giáo và việc công bố những lễ thật đó. Phúc Âm của Mác có thể đã là sách đầu tiên sử dụng từ đó theo nghĩa này (Mác 1:1,14-15; 8:35; 10:29; 14:9).

**8:36 " được cả thế gian "** Đây cũng là một trong những sự cám dỗ của Sa-tan dành cho Chúa Jesus (Ma-thi-ơ 4:8-9).

▣ **" mất linh hồn mình "** Đây là một nguyên mẫu thụ động thì bất định (aorist passive infinitive) của một thuật ngữ được sử dụng để mô tả sự mất mát của một điều gì đó vốn trước đó được sở hữu (theo Ma-thi-ơ 16:26; Công Vụ 27:10).

**8:37** Đây là một câu hỏi đầy năng quyền. Đầu là sự ưu tiên, sự sống hiện tại hay là sự sống đời đời? Đời sống ích kỷ cướp mất niềm vui của sự sống mà món quà của sự sống! Sự sống này là món quà nhưng cũng là một trách nhiệm quản trị.

**8:38 " ai hổ thẹn về Ta và đạo Ta "** Câu này chỉ về thời điểm mà mỗi người đối diện với phúc âm. Cùng một lễ thật được mô tả trong một cách khác trong Ma-thi-ơ 10:32-33 và Lu-ca 12:8-9. Những gì con người quyết định ngày hôm nay về phúc âm sẽ xác định tương lai của họ. Chúa Jesus chính là phúc âm!

Cụm từ này là một Câu điều kiện bậc ba (Third class conditional sentence), vốn giới thiệu về một sự phụ thuộc (vào điều sẽ xảy ra) (bản TEV và NJB).

▣ **" giữa thế hệ gian dân tội lỗi này "** Người Do Thái sống trong giai đoạn giữa Cựu Ước và Tân Ước đã phát triển nên một nền tảng thần học về hai thời kỳ. Thời kỳ hiện tại bị thống trị bởi tội lỗi, tập chú bản thân và không công chính. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Hai Thời Đại Do Thái tại Mác 13:8. Tuy nhiên, Đức Chúa Trời đã ban Đấng Mê-si và thiết lập một thời đại mới của sự công chính. Chúa Jesus tuyên bố rằng Chính Ngài là sự khởi đầu của thời đại mới này và rằng sự công chính tươi mới này phụ thuộc (phụ thuộc trên, Theo Giăng 1:12; 3:16) vào vào đức tin và sự tin cậy cá nhân của mỗi một người vào nơi Ngài, chứ không phải biểu hiện của con người (Giê-rê-mi 31:31-34; Ma-thi-ơ 5:20).

▣ **" Con Người "** Đây là sự tự định danh của Chúa Jesus; nó không hề có bất kỳ sự hàm ý về dân tộc, quân sự hoặc dành riêng (cho bất cứ ai) nào trong Do Thái Giáo thế kỷ thứ nhất. Từ này đến từ cách sử dụng kiểu mẫu của nó trong Ê-xê-chi-ên 2:1 và Thi 8:4, nơi mà nó có nghĩa là "loài người" và trong Đa-ni-ên 7:13, nơi nó hàm ý chỉ về Đấng Mê-si và Đấng Thánh (Đức Chúa Trời) (đến với những đám mây đến trời, tiến đến với Đức Chúa Trời và tiếp nhận vương quốc đời đời). Từ này kết hợp hai khía cạnh song song về thân vị của Chúa Jesus, hoàn toàn là Đức Chúa Trời và cũng hoàn toàn là con người (1 Giăng 4:1-3).

▣ **" khi Ngài ... ngự đến "** Cựu Ước mặc khải rõ ràng về một lần đến của Đấng Mê-si. Tuy nhiên, đời sống trên đất của Chúa Jesus chỉ ra rằng Sáng 3:15; Thi 22; Ê-sai 53; và Xa-cha-ri 9-14 nói về sự chịu khổ của Đấng Mê-si. Lần đến vinh hiển thứ hai của Đấng Mê-si như là Chúa và Quan Án của cả cõi vũ trụ sẽ chính xác là cách mà người Do Thái trông đợi Ngài sẽ đến trong lần đến thứ nhất. Tâm trí đóng lại, thần học giáo điều của họ đã khiến họ chối bỏ Chúa Jesus.

Lần Đến Thứ Hai là một lễ thật Tân Ước chính yếu và thường được lặp đi lặp lại. (Ma-thi-ơ 10:23; 16:27-28; 24:3,27,30,37; 26:64; Mác 8:38-39; 13:26; Lu-ca 21:27; Giăng 21:22; Công Vụ 1:11; 1 Cô-rinh-tô 1:7; 15:23; Phi-lip 3:20; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:10; 2:19; 3:13; 4:16; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:7,10; 2:1,8; Gia-cơ 5:7-8; 2 Phi-e-ro 1:16; 3:4,12; 1 Giăng 2:28; Khải Huyền 1:7).

▣ **" cùng với các thiên sứ thánh ngự đến trong vinh quang của Cha Ngài "** Cụm từ này là một lời tiên tri Cựu Ước từ trong Đa-ni-ên 7:10 (Ma-thi-ơ 16:27; Mác 13:20; Lu-ca 9:26; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:7). Nó chỉ về Lần Đến Thứ Hai. Đây là một cách khẳng định thần tính của Chúa Jesus. Một vài lần trong Ma-thi-ơ, các thiên sứ tập hợp và phân chia nhân loại trong ngày Chúa trở lại (theo Mác 13:39-41,49; 24:31).

▣ **" vinh quang "** Trong từ Hê-bơ-ơ phổ biến nhất của Cựu Ước dùng cho "sự vinh hiển" (*kabod*) nguyên gốc là một thuật ngữ thương mại (vốn chỉ về một cân hai đĩa) có nghĩa là "trở nên nặng." Qua đó sức nặng chính là giá trị hoặc sự đáng giá thật sự của nó. Thượng khải niệm của sự sáng cũng được thêm vào từ đó để mô tả về sự vĩ đại, oai nghiêm của Đức Chúa Trời (Xuất 15:16; 24:17; Ê-sai 60:1-2). Chỉ riêng mình Ngài là xứng đáng và vinh hiển. Ngài quá siêu việt cho nhân loại sa ngã có thể nhìn ngắm được (Xuất 33:17-23; Ê-sai 6:5). Đức Chúa

Trời chỉ có thể được biết được cách thực sự thông qua Đấng Christ (Giê-rê-mi 1:14; Ma-thi-ơ 17:2; Giăng 14:8-9; Hê-bơ-rơ 1:3; Gia-cơ 2:1).

Từ "vinh hiển" có nghĩa khá mơ hồ về một khía cạnh nào đó.

1. Nó có thể song hành tương đồng với "sự công chính của Đức Chúa Trời"
2. Nó có thể chỉ đến "sự thánh khiết" hoặc "trọn vẹn" của Đức Chúa Trời
3. Nó cũng có thể chỉ đến hình ảnh của Đức Chúa Trời mà qua đó con người được tạo dựng (Sáng Thế Ký 1:26-27; 5:1; 9:6), nhưng sau đó đã bị làm hỏng bởi sự bội nghịch (Sáng Thế Ký 3:1-22)

Lần sử dụng đầu tiên để chỉ về sự hiện diện của YHWH với dân sự Ngài trong đám mây vinh hiển trong suốt thời kỳ lang thang trong hoang mạc (Xuất 16:7,10; Lê-vi Ký 9:23; Dân Số Ký 14:10).

**9:1** Có nhiều giả thuyết để giải thích về thông điệp của Chúa Jesus. Nó có thể chỉ đến

1. Sự thăng thiên của Chúa Jesus
2. Vương quốc đã hiện diện trong Chúa Jesus
3. Sự hiện xuống của Đức Thánh Linh vào Lễ Ngũ Tuần
4. Sự sụp đổ thành Giê-ru-sa-lem vào năm 70 SC
5. Sự kỳ vọng Chúa Jesus sẽ sớm trở lại
6. Sự lan rộng nhanh chóng của Cơ Đốc Giáo
7. Sự hóa hình.

Những giả thuyết này tập chú vào những cụm từ khác nhau trong câu Kinh Thánh: (1) "một số trong những người đứng ở đây"; (2) " vương quốc Đức Chúa Trời "; hoặc (3) " đến với uy quyền." Sự phỏng đoán tốt nhất là #7 bởi vì văn mạch ngay đó của Mác 9:2-13 và 2 Phi-e-rơ 1:16-18. Cũng vậy, không có giả thuyết nào khác có thể giải thích cả ba khía cạnh của câu Kinh Thánh. Nhưng cần nhận ra rằng nếu nó đúng, thì nó cũng chỉ đến chỉ Phi-e-rơ, Gia-cơ, và Giăng.

▣ "**Thật**" Từ này nguyên văn là "amen." Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 3:28.

▣ "**sẽ không (ném sự) chết**" Đây là một sự phủ định nhân đôi mạnh mẽ được sử dụng như là một cụm từ ẩn dụ (trải nghiệm chấm dứt sự sống).

▣ "**vương quốc Đức Chúa Trời**" Hãy xem ghi chú tại a 1:15.

▣ "**đến với uy quyền**" Đây là một phân từ chủ động hoàn thành (perfect active participle), vốn hàm ý một sự đến trọn vẹn và đầy đủ của vương quốc. Đây là một sự tương phản với sự kiện vương quốc, trong một vài nghĩa thực tế, đã bắt đầu từ sự đến của Chúa Jesus (sự nhập thể), nhưng lại là một sự kiện tương lại được trông đợi (Lên Đền Thứ Hai).

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Có phải Chúa Jesus hóa bánh cho hai đoàn dân đông hay chỉ có một lần trong hai góc nhìn khác nhau?
2. Loại "dầu lạ" mà Những người Pha-ri-si muốn là gì?
3. Tại sao Chúa Jesus lại quở trách các môn đồ?
4. Tại sao Chúa Jesus chỉ chữa lành người mù một phần trong lần thứ nhất?
5. Tại sao phần tường thuật về sự xưng nhận của Phi-e-rơ trong sách Ma-thi-ơ lại đầy đủ hơn rất nhiều so với phần tường thuật trong Mác?
6. Sự xưng nhận của Phi-e-rơ có ngụ ý chính xác là gì về Chúa Jesus?
7. Tại sao các môn đồ lại vô cùng kinh ngạc về sự dạy dỗ của Chúa Jesus về sự chết của Ngài tại Giê-ru-sa-lem?
8. Hãy giải thích bằng từ ngữ của bạn những câu 34-38 có ý nghĩa gì.

# MÁC 9

## NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự hóa hình của Chúa	Chúa Jesus hóa hình trên núi	Sự hóa hình	Sự hóa hình	Sự hóa hình
9:2-8	9:2-13	9:2-8	9:2-6	9:2-8
		Những lời tiên tri về Ê-li	9:7-8	Câu hỏi về Ê-li
9:9-13		9:9-13	9:9	9:9-13
			9:10-11	
			9:12-13	
Sự Chữa Lành cho Bé Trai bị Uế Linh	Một Em Bé Trai được chữa lành	Em Bé Bị Động Kinh Được Chữa Lành	Chúa Jesus Chữa Lành Em Bé Trai Bị Uế Linh	Sự Đuổi Quỷ Gây Động Kinh
9:14-29	9:14-29	9:14-29	9:14-16	9:14-29
			9:17-18	
			9:19-20a	
			9:20b-21a	
			9:21b-22	
			9:23	
			9:24	
			9:25	
			9:26-27	
			9:28	
			9:29	
Chúa Jesus Tiên Tri về Sự Chết và Phục Sinh của Ngài Một Lần Nữa	Chúa Jesus Một Lần Nữa Tiên Đoán về Sự Chết và Phục Sinh của Ngài	Sự Khổ Hình được Báo trước	Chúa Jesus nói về Cái Chết của Ngài Một Lần Nữa	Sự Nói Tiên Tri Lần Thứ Hai về Sự Khổ Hình
9:30-32	9:30-32	9:30-32	9:30-31	9:30-32
			9:32	
Ai là Người Cao Trọng Nhất?	Ai là Người Cao Trọng Nhất?	Sự Cao Trọng Thật	Ai là Người Cao Trọng Nhất?	Ai là Người Cao Trọng Nhất?
9:33-37	9:33-37	9:33-37	9:33	9:33-37
			9:34-37	
Ai Không Chống Lại Chúng Ta Ủng Hộ Chúng Ta	Chúa Jesus Ngăn Cấm sự Bè Phái	Người Đuổi Quỷ Vô Danh	Ai Không Chống Lại Ủng Hộ Chúng Ta	Về việc Sử Dụng Danh của Chúa Jesus
9:38-41	9:38-41	9:38-41	9:38	9:38-40

			9:39-	Sự Rộng Rãi được Bày Tỏ cho các Môn Đồ Đáng Christ 9:41
		Sự Cảnh Báo về Địa Ngục		
Sự Cám Dỗ Phạm Tội	Chúa Jesus Cảnh Báo về Sự Phạm Tội		Sự Cám Dỗ Phạm Tội	Dẫn dắt người khác Phạm Tội
9:42-	9:42-48	9:42-48	9:42-48	9:42-50
	Muối mất mặn là vô giá trị	Sự Mặn Mà Như Muối của Các Môn Đồ		
	9:49-50	9:49-50	9:49	
			9:50a	
			9:50b	

### **CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")**

#### *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN*

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

### **NHỮNG PHẦN KINH THÁNH SONG HÀNH TƯƠNG ĐỒNG TRONG CÁC SÁCH PHÚC ÂM CỘNG QUAN**

- A. Mác 9:2-8 song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 17:1-8 và Lu-ca 9:28-36.
- B. Mác 9:9-13 song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 17:9-13 và Lu-ca 9:36.
- C. Mác 9:14-29 song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 17:14-20 và Lu-ca 9:37-43.
- D. Mác 9:30-32 song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 17:22-23 và Lu-ca 9:43-45.
- E. Mác 9:33-37 song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 18:1-5 và Lu-ca 9:46-48.
- F. Mác 9:38-50 song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 18:6-14 và Lu-ca 9:49-50.

### **NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ**

## ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 9:2-8

<sup>2</sup> Sáu ngày sau, Đức Chúa Jê-sus đem riêng Phi-e-rơ, Gia-cơ, và Giăng cùng với Ngài lên một ngọn núi cao, và Ngài hóa hình trước mặt họ. <sup>3</sup> Y phục Ngài trở nên rực sáng và trắng tinh đến nỗi chẳng có thợ phiêu nào trên thế gian này có thể phiêu trắng được như vậy. <sup>4</sup> Ê-li và Môi-se hiện ra nói chuyện với Đức Chúa Jê-sus. <sup>5</sup> Phi-e-rơ thưa với Đức Chúa Jê-sus: "Thưa Thầy, chúng ta ở đây tốt lắm; xin để chúng con dựng ba cái trại: một cái cho Thầy, một cái cho Môi-se và một cái cho Ê-li." <sup>6</sup> Vì cả ba đều quá sợ hãi nên Phi-e-rơ không biết mình đang nói gì. <sup>7</sup> Rồi có một đám mây che phủ họ; từ trong đám mây có tiếng phán rằng: "Đây là Con yêu dấu của Ta, hãy nghe lời Người!" <sup>8</sup> Bỗng nhiên, các môn đồ nhìn quanh, không thấy ai cả, chỉ còn một mình Đức Chúa Jê-sus ở với họ mà thôi.

**9:2 " Sáu ngày "** Lu-ca 9:28 chép là "tám ngày." Một sự xác định thời gian chính xác như thế này là rất bất thường trong Phúc Âm theo Mác.

▣ **" Phi-e-rơ, Gia-cơ, và Giăng "** Đây là một nhóm môn đồ thân thiết là những người luôn hiện diện trong những sự kiện chính yếu (theo Mác 5:37). Sự kiện này là rất quan trọng cho họ cũng như là Chúa Jesus.

▣ **" lên một ngọn núi cao "** Truyền thống (Sách không kinh điển Phúc Âm của Người Hê-bơ-rơ) cho biết nó là Ngọn Ta-bô, nhưng có lẽ nó là một trong những ngọn đồi dưới chân Ngọn Hết-môn.

Tôi tự hỏi rằng phải chăng trải nghiệm này chính là một cách hình mẫu phản chiếu trải nghiệm của Môi-se trên ngọn Si-nai.

1. Một ngọn núi cao
2. Đám mây
3. Những gương mặt chói sáng vinh hiển (Xuất 34:29)
4. Một chu kỳ sáu ngày (Xuất 24:16)

Chủ đề quán xuyên (mô-típ) của Cuộc Xuất Hành này (Chúa Jesus như là Môi-se Mới, ban giao ước mới, mang dân sự của Ngài ra khỏi sự nô lệ của tội lỗi) là một sự ngụ ý thường xuyên trong Mác. Trong Phúc Âm Lu-ca chép rằng, Chúa Jesus, Môi-se và Ê-li thảo luận về cuộc xuất hành của Chúa Jesus.

▣ **" riêng "** Lu-ca 9:28 đề cập về mục đích là "để cầu nguyện." Chúa Jesus muốn rời khỏi những đoàn dân đông để dạy dỗ các môn đồ cách riêng tư. Trong giây phút này nó chính sự dạy dỗ cho nhóm môn đồ thân tín lãnh đạo.

▣ **" Ngài hóa hình trước mặt họ "** Đây là một dạng chỉ định thụ động thì bất định (aorist passive indicative) của từ ghép *meta* (sau) và *morphō* (hình dạng), với kết quả có nghĩa là "thay đổi hình dáng bề ngoài của một người." Chúng ta có từ trong tiếng Anh "metamorphosis (sự thay đổi hình dạng)" từ gốc từ Hy Lạp này. Sự hiện diện vinh hiển sáng chói của Chúa Jesus được bày tỏ qua thân thể thuộc thể của Ngài. Sự chói sáng của bản thể thần tính thật sự của Ngài đã có thể nhìn thấy được cho các môn đồ (2 Phi-e-rơ 1:16-18). Từ *morphē* (Phi-líp 2:6-7) chỉ về bản chất không thay đổi của một sự vật, sự việc hoặc một ai đó (trái ngược với *schēma*, Phi-líp 2:8, sự thay đổi của hình dáng bề ngoài).

Cùng một sự hóa hình như thế này cũng có thể dành cho những người đi theo Ngài (Rô-ma 12:2; 2 Cô-rinh-tô 3:18). Trong một nghĩa nó chỉ về sự phục hồi hình ảnh thiên thượng (của Đức Chúa Trời) trong nhân loại, vốn đã bị làm hỏng trong Sự Sa Ngã trong Sáng Thế Ký 3. Chúa Jesus đã làm cho chúng ta có thể trở thành con người thật sự, thật sự giống như Đấng Christ.

### 9:3

NASB	"Y phục Ngài trở nên sáng chói và trắng quá đỗi"
NKJV	"Trang phục Ngài trở nên chiếu sáng, trắng quá đỗi "
NRSV	" Trang phục Ngài trở nên trắng sáng chói"
TEV	" Trang phục Ngài trở nên trắng chiếu sáng"
NJB	" Trang phục Ngài trở nên trắng sáng rực rỡ "

Ma-thi-ơ 17:2 thêm vào "Mặt Ngài chiếu sáng như Mặt Trời." Đây chắc chắn là một khía cạnh của sự vinh hiển của Chúa Jesus, vốn thường có nhân tố của sự sáng chói (ghi chú đầy đủ tại Mác 8:38).

**NASB, NKJV "không một thợ giặt nào trên đất có thể làm trắng chúng "**

**NRSV** "không một ai trên đất có thể tẩy chúng "  
**TEV** "trắng hơn bất cứ ai trên thế gian có thể giặt chúng "  
**NJB** "trắng hơn bất kỳ người thợ tẩy trắng vải trên thế gian này có thể làm được "

Câu này chỉ về một người thợ giặt tẩy vải.

Đây là một trong những câu Kinh Thánh mà những sách lịch sử có thể giúp đỡ rất tốt. Hãy để tôi đề cập một vài sách đã giúp đỡ tôi có thể hiểu về văn hóa Cận Đông Cổ Đại.

1. Roland de Vaux, *Ancient Israel*, hai tập.
2. Fred H. Wright, *Manners and Customs of Bible Lands*
3. James M. Freeman, *Manners and Customs of the Bible*
4. Jack Finegan, *Light From the Ancient Past*, hai tập.
5. James S. Jeffers, *The Greco-Roman World of the New Testament Era*
6. K. A. Kitchen, *Ancient Orient and the Old Testament*
7. Edwin M. Yamauchi, *The Stones and the Scriptures*

**9:4 "Ê-li. . .Môi-se. . .Chúa Jesus"** Câu này chỉ về sự mặc khải liên tục của Đức Chúa Trời. Chú ý rằng rõ ràng họ đã có những thân thể phục sinh, vốn gây ngạc nhiên trong ánh sáng của 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18. Đây là hai nhân vật chính của Cựu Ước là những người có một khía cạnh tiên tri lai thế học (Ê-li đi trước Đấng Mê-si và Môi-se, một Nhà Tiên Tri giống như Chúa Jesus).

▣ **"hiện ra "** Từ này được sử dụng trong những sự xuất hiện của thiên sứ trong Lu-ca 1:11 và 22:43, và của Chúa Jesus trong Lu-ca 24:34.

▣ **" Ê-li và Môi-se nói chuyện với Đức Chúa Jêsus "** Đây là một dạng nói tránh thì chưa hoàn thành (periphrastic imperfect), vốn hàm ý về một cuộc đối thoại dài. Lu-ca 9:31 cho biết họ thảo luận về sự khởi hành của Chúa Jesus (sự xuất hành) khỏi Giê-ru-sa-lem. Có một hệ quả tất yếu tuyệt vời giữa đoạn này và Xuất 24:12-18.

1. Yếu tố thời gian của "sáu ngày" (Mác 9:2)
2. địa điểm, "trên một ngọn núi cao " (Mác 9:2)
3. sự xuất hiện của đám mây và Đức Chúa Trời phán từ đó (Mác 9:7 )
4. sự đề cập đến sự vinh hiển của gương mặt Môi-se và ở đây là gương mặt của Chúa Jesus (Lu-ca 9:29; Xuất 34:29-30)

**9:5 " Phi-e-rơ thưa với Đức Chúa Jêsus "** Lu-ca 9:32 cho biết ba môn đồ đã buồn ngủ sau một ngày dài và mệt nhọc leo núi và Phi-e-rơ đã thức giấc ngay kịp lúc để chứng kiến Ê-li và Môi se khởi hành.

▣ **" Thầy (ra-bi)"** Phần Kinh Thánh song hành trong Ma-thi-ơ dùng từ "Chúa" và trong Lu-ca dùng từ "Thầy (chủ nhân)."

▣ **" chúng ta ở đây tốt lắm "** Chắc chắn đây phải là một trải nghiệm thuộc linh và thuộc thể tuyệt vời; thật là một sự xác quyết về thân vị của Chúa Jesus như là một Đấng Mê-si được hứa trước từ trong Cựu Ước.

▣ **" trại "** Đây có lẽ là một cấu trúc tương tự với túp lều có mái che đã được sử dụng trong Lễ Lều Tạm. Ngụ ý của thông điệp của Phi-e-rơ chính là nếu những vị khách vinh hiển Cựu Ước đã hiện diện một khoảng thời gian, thì họ cũng có thể ở lâu hơn!

**9:6** Khi nào Phi-e-rơ bối rối không biết làm gì, ông nói!

**9:7 " đám mây "** Đây là biểu tượng của sự hiện diện của YHWH trong cuộc xuất hành (Xuất 13-14). Các ra-bi Do Thái gọi nó là "đám mây Shekinah của Sự Vinh Hiển," có nghĩa là YHWH ngự trong cách có thể nhìn thấy được và vững bền với Y-sơ-ra-ên.

▣ **" che phủ họ "** Từ này phản ánh một ý nghĩa Cựu Ước của đám mây đặc biệt của sự hiện diện che phủ của YHWH (sự bảo vệ) và sự dẫn dắt dành cho dân sự của Đức Chúa Trời trong suốt thời kỳ Lang Thang trong Hoang Mạc (38 năm). Đám mây này tái xuất hiện ba lần trong sự liên hệ với Chúa Jesus.

1. Tại sự thụ thai của Đức Chúa Trời trên Ma-ri được che phủ bởi Đức Thánh Linh (Lu-ca 1:35)
2. Tại sự làm báp-tem Chúa Jesus của Ngài được nhắc đến bởi một giọng nói từ trời (chính đám mây không



được đề cập cách cụ thể, Ma-thi-ơ 3:17)

3. Tại Sự Hóa Hình có một giọng nói được nghe thấy (Ma-thi-ơ 17:5; Lu-ca 9:34)

Từ này được sử dụng hai lần khác trong Tân Ước, một lần trong sự liên hệ với bóng của Phi-e-ơ đổ xuống trên nhiều người và dẫn đến kết quả là sự chữa lành cho họ (Công Vụ 5:15) và một dạng ghép của một thuật ngữ trong Hê-bơ-ơ 9:5, chỉ về bóng Chê-ru-bim che phủ trên Nắp Thi Ân trên Hòm Giao Ước.

▣ " **có tiếng phán** " Điều này có thể (1) liên hệ với YHWH phán từ đám mây trong đồng vắng hoặc (2) là một *Bath Kol* (một tiếng phán từ trời), vốn là một cách mặc khải của Đức Chúa Trời về ý muốn của YHWH trong suốt giai đoạn ở giữa Tân và Cựu Ước vốn là thời gian không có tiên tri nào ở giữa họ (Mác 1:11).

▣ " **Con yêu dấu của Ta** " Từ "con (traí)" trong cụm từ Cựu Ước này đã được sử dụng cho (1) Y-sơ-ra-ên như một tập thể; (2) Một Vị Vua Y-sơ-ra-ên như là người đại diện cho YHWH; và (3) Đấng Mê-si sẽ đến, đã được hứa từ trước (Thi 2:7). Đây là lần thứ hai Cha đã nhắc đến Con trong cách đặc biệt, bởi danh xưng đặc biệt này (theo Ma-thi-ơ 3:17; 17:5). Hãy xem ghi chú đầy đủ hơn tại Mác 1:11 và Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 3:11.

▣ " **hãy nghe lời Người** " Đây là một thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative), vốn phản ánh lời tiên tri trong Phục Truyền 18:15. Sự mặc khải tối thượng của Cha là để được công nhận và vâng theo (Lu-ca 6:46).

**9:8** Câu này hàm ý rằng (1) trải nghiệm này là một khái tượng hoặc (2) một sự thay đổi mau chóng trở lại thể giới có thể nhìn thấy đã xảy ra.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 9:9-13**

<sup>9</sup> Khi cùng các môn đồ từ trên núi xuống, Ngài dặn họ không được nói lại với ai những điều mình đã thấy cho đến khi Con Người từ cõi chết sống lại. <sup>10</sup> Các môn đồ ghi nhớ lời ấy và hỏi nhau "từ cõi chết sống lại" nghĩa là gì? <sup>11</sup> Rồi họ hỏi Ngài: "Tại sao các thầy thông giáo lại nói rằng Ê-li phải đến trước?" <sup>12</sup> Ngài đáp: "Thật Ê-li phải đến trước để phục hồi mọi việc. Còn lời chép về Con Người rằng Ngài phải chịu nhiều đau khổ và bị ngược đãi thì thế nào?" <sup>13</sup> Nhưng Ta nói cho các con biết, Ê-li đã đến rồi, và người ta đã đối xử với người theo ý họ, đúng như lời đã chép về người vậy."

**9:9 " Ngài dặn họ không được nói lại với ai những điều mình đã thấy cho đến khi Con Người từ cõi chết sống lại "** Đây là lần duy nhất có sự xuất hiện của yếu tố thời gian được liên hệ với những sự cảnh báo được lặp đi lặp lại của Chúa Jesus về sự im lặng của họ (Mác 5:43; 7:36; 8:30). Sự ngăn cấm này liên quan đến việc phúc âm chưa được hoàn tất. Tại một thời điểm tương lai, ký ức của họ về sự kiện này sẽ được hiểu cách rõ ràng trong ánh sáng của tất cả các sự kiện phúc âm khác (2 Phi-e-ơ 1:16-18).

**9:10 " hỏi nhau "từ cõi chết sống lại" nghĩa là gì "** Các môn đồ không hiểu được sự phân biệt giữa "Lần Đến Thứ Hai" (8:38) và "Sự Phục Sinh" (9:9). Người Do Thái trong thời Chúa Jesus trông đợi một lần đến duy nhất của Đấng Mê-si trong lịch sử và lần đến này liên hệ với một sự chiến thắng quân sự và sự uy thế vượt trội của quốc gia Y-sơ-ra-ên trên cán cân thế giới. Hãy xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ SỐNG LẠI tại Mác 8:31.

**9:11 " các thầy thông giáo "** Đây là những nhà giải Kinh Cựu Ước rất được tôn trọng về mặt văn hóa là những người giải thích về Cựu Ước và làm thế nào để áp dụng nó vào trong thời của họ. Trong giai đoạn này hầu hết những thầy thông giáo là những người Pha-ri-si. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 2:6.

**9:12-13 " Ê-li phải đến trước... Thật Ê-li phải đến trước "**Chúa Jesus nhấn mạnh rằng Giăng Báp-tít đã ứng nghiệm vai trò tiên tri của Ê-li được tìm thấy trong Ma-la-chi 3:1 và 4:5. Có quá nhiều sự bàn thảo về câu trả lời mà Chúa Jesus đưa ra. Ngài tuyên bố cách cụ thể rằng Ê-li đã phải đến trong chức vụ của Giăng Báp-tít (Ma-thi-ơ 11:10, 14; Mác 9:11-13; Lu-ca 1:17). Tuy nhiên, khi Những người Pha-ri-si hỏi chính Giăng Báp-tít, trong Phúc Âm Giăng (Giăng 1:20-25) rằng có phải ông là Ê-li, ông đã thẳng thừng phủ nhận ngay. Có vẻ rằng sự mâu thuẫn có thể giải quyết bởi sự kiện Giăng chối bỏ rằng ông chính là Ê-li sống lại, nhưng Chúa Jesus xác nhận rằng Giăng đã làm trọn sự ứng nghiệm cách hình bóng chức vụ chuẩn bị của Ê-li. Cả hai đều đã ăn mặc và hành động trong cùng một cách, để rồi sự nhận diện sẽ trở nên rõ ràng trong tâm trí của Người Do Thái là những người đã biết rõ về Ê-li và cũng là những người đã lắng nghe và nhìn thấy Giăng Báp-tít (Lu-ca 1:17).

**9:12 " Con Người rằng Ngài phải chịu nhiều đau khổ và bị ngược đãi "** Câu này thật đáng kinh ngạc đối với người Do Thái trong thời của Chúa Jesus là những người đã trông đợi một sự giải cứu quyền năng giống

như trong thời của các quan xét Cựu Ước và đã không trông đợi một Đấng Cứu Thế chịu khổ. Họ đã lỡ mất một vài sự gọi ý Cựu Ước (Sáng 3:15; Thi Thiên 22; Ê-sai 52:13-53:12; Xa-cha-ri 9-14). Mất nhiều năm để các môn đồ có thể thấu hiểu được; ngay cả họ đã không hiểu được cách hoàn toàn cho đến khi chức vụ đặc biệt của Đức Thánh Linh tại Lễ Ngũ Tuần (Giăng 16:13-14) bày tỏ về nó cho họ.

Chú ý rằng Chúa Jesus đang cố gắng để bao gộp mười hai môn đồ trong lập luận thần học. Ngài đang ép buộc họ để nhìn thấy mối quan hệ giữa hai luồng tiên tri. Họ không phải là những "thầy thông giáo," nhưng sớm thôi họ sẽ phải thực hiện chức năng giống như họ.

Chúa Jesus đã kinh ngạc về họ cùng với một sự ứng nghiệm không được trông đợi vốn không phải theo nghĩa đen, nhưng là một Kiểu hình bóng (typological) (ví dụ, Giăng Báp-tít thực hiện trách nhiệm là sự ứng nghiệm của sự đền và dọn đường cho Đấng Mê-si của Ê-li).

Chúa Jesus tận dụng mỗi một giây phút riêng tư để dạy dỗ các môn đồ của Ngài. Ngay cả trên đường xuống núi, Ngài lại đem một vấn đề liên quan ra để nói chuyện (lời tiên tri của Ma-la-chi về Ê-li). Sự lợi dụng mọi cơ hội để huấn luyện, dạy dỗ mang tính chất tôn giáo được phản ánh trong Phục Truyền 6:7 và 11:19.

**9:13 " đúng như lời đã chép về người vậy "** Ê-li đã bị bắt bớ bởi Giê-sa-bên (1 Các Vua 19:2,10,14) cũng như Giăng đã phải chịu bởi Hê-rô-đia.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) MẮC 9:14-29**

<sup>14</sup> Khi Đức Chúa Jê-sus và ba môn đồ trở lại chỗ các môn đồ khác thì thấy một đoàn dân rất đông đang vây quanh họ; có mấy thầy thông giáo đang tranh luận với họ. <sup>15</sup> Vừa thấy Ngài, cả đám đông rất ngạc nhiên, liền chạy đến chào đón Ngài. <sup>16</sup> Ngài hỏi họ: "Các người tranh luận với các môn đồ về việc gì vậy?" <sup>17</sup> Một người trong đám đông trả lời: "Thưa Thầy, tôi đem con trai tôi đến cho Thầy. Cháu bị quỷ câm ám, <sup>18</sup> mỗi lần quỷ nhập vào thì vật cháu ngã xuống, làm cho sùi bọt mép, nghiền răng rồi cứng đờ người ra. Tôi đã nhờ các môn đồ Thầy đuổi quỷ ấy, nhưng họ không đuổi được." <sup>19</sup> Đức Chúa Jê-sus nói: "Hỡi thế hệ vô tín kia, Ta sẽ phải ở với các người cho đến chừng nào? Ta sẽ còn chịu đựng các người cho đến bao giờ? Hãy đem đứa trẻ đến cho Ta." <sup>20</sup> Họ đem đứa trẻ đến cho Ngài. Vừa thấy Đức Chúa Jê-sus, quỷ lập tức vật mạnh đứa trẻ, nó ngã xuống đất, lăn lộn, sùi bọt mép. <sup>21</sup> Đức Chúa Jê-sus hỏi người cha: "Cháu bị thế này đã bao lâu rồi?" Người cha thưa: "Từ khi cháu còn bé. <sup>22</sup> Quỷ đã nhiều lần ném cháu vào lửa, vào nước, để giết cháu đi. Nhưng nếu Thầy có thể làm được gì, xin thương xót chúng tôi và giúp cho!" <sup>23</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp: "Sao lại nói 'nếu Thầy có thể làm được'? Ai tin thì mọi việc đều được cả." <sup>24</sup> Cha đứa trẻ liền la lên rằng: "Tôi tin, xin giúp cho sự vô tín của tôi!" <sup>25</sup> Khi thấy đoàn dân đổ xô đến, Đức Chúa Jê-sus quở trách quỷ và phán: "Quỷ câm và điếc kia, Ta ra lệnh cho mày phải rời khỏi đứa trẻ này, không được nhập vào nó nữa!" <sup>26</sup> Quỷ rú lên, quật mạnh đứa trẻ rồi ra khỏi; đứa trẻ trông như một xác chết, nên nhiều người nói rằng: "Nó chết rồi!" <sup>27</sup> Nhưng Đức Chúa Jê-sus nắm tay đứa trẻ, đỡ nó lên, và nó đứng dậy. <sup>28</sup> Khi Đức Chúa Jê-sus đã vào trong nhà rồi, các môn đồ hỏi riêng Ngài: "Tại sao chúng con không thể đuổi được quỷ ấy?" <sup>29</sup> Ngài đáp: "Nếu không cầu nguyện thì chẳng ai đuổi thứ quỷ ấy ra được."

**9:14 " Khi Đức Chúa Jê-sus và ba môn đồ trở lại chỗ các môn đồ khác "** Chúa Jesus đã để tất cả các môn đồ khác nghỉ ngơi tại chân núi. Lu-ca 9:37 cho biết họ quay lại vào ngày hôm sau.

▣ **" một đoàn dân rất đông. . . mấy thầy thông giáo đang tranh luận "** Cả hai điều này đã khắc họa những đặc điểm về chức vụ của Chúa Jesus, và giờ đây các môn đồ đã kinh nghiệm một sự báo trước của một tình huống có sự hiện diện của Chúa Jesus và cả về chức vụ sắp đến của họ. Đây là những nan đề lặp lại thường xuyên, nhưng cũng là những cơ hội.

**9:15 " liền "** Hãy xem ghi chú tại Mác 1:10.

▣ **" cả đám đông rất ngạc nhiên "** Một vài người xem sự kinh ngạc này chỉ về gương mặt của Chúa Jesus vẫn còn tiếp tục chói sáng rực rỡ, nhưng vẫn mạch có vẻ ngụ ý rằng hình dáng của Chúa Jesus đến trong giây phút phù hợp cho chức vụ và sự dạy dỗ của Ngài.

NASB	" <i>bắt đầu</i> chạy đến để chào đón Ngài "
NKJV	"chạy đến với Ngài, chào đón Ngài"
NRSV	"họ chạy đến để chào Ngài"
TEV	"chạy đến với Ngài và chào đón Ngài "

Đây là một thì chưa hoàn thành (imperfect tense), vốn có thể có nghĩa (1) một sự bắt đầu của một hành động (NASB) hoặc (2) một hành động được lặp lại trong thời điểm quá khứ. Đám đông đã hào hứng gặp Chúa Jesus và từng người nói nhau chạy đến để chào đón Ngài.

**9:16 " Các người tranh luận với các môn đồ về việc gì vậy "** Chúa Jesus đưa ra câu hỏi cho đám đông. Các thầy thông giáo đã không quan tâm về em bé trai, nhưng về khía cạnh thần học của sự không có khả năng chữa lành của các môn đồ.

**9:17 " bị quỷ câm ám "** Các Sách Phúc Âm đã đưa ra một sự phân biệt rõ ràng giữa sự quỷ ám và bệnh tật thuộc thể. Trong trường hợp cụ thể này có vẻ như nó đã bị xóa nhòa sự phân biệt này. Triệu chứng được mô tả bởi người cha và sự ngụ ý của một vài từ Hy Lạp trong câu Kinh Thánh hàm ý về chứng động kinh, đặc biệt là chứng động kinh co cứng (grand mal seizures). Yếu tố thuộc thể đã làm trầm trọng thêm hoặc bị gây ra bởi sự quỷ ám. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Quỷ Ám tại Mác 1:23.

**9:18 "cứng đờ người ra "** Đây là một biểu hiện của một cơn động kinh co cứng.

▣ **" Tôi đã nhờ các môn đồ Thầy đuổi quỷ ấy, nhưng họ không đuổi được "** Các môn đồ cũng đã rất ngạc nhiên. Chúa Jesus đã ban cho họ quyền năng đuổi quỷ trong Mác 6:7,13, nhưng trong trường hợp này những nỗ lực của họ đã thất bại!

**9:19** Chúa Jesus dùng hai câu hỏi tu từ hùng biện trong Mác 9:19 để bày tỏ sự thất vọng về sự thiếu đức tin của các môn đồ, đám đông và những thầy thông giáo.

**9:20 " Vừa thấy Đức Chúa Jêsus, quỷ lập tức vật mạnh đứn trở "** Đây là một sự biểu lộ của chính sự quỷ ám trong sự động kinh.

**9:21** Có một vài sự tường thuật trong Các Sách Phúc Âm về sự quỷ ám trẻ nhỏ. Sự quỷ ám xảy ra như thế nào và tại sao không bao giờ được đề cập.

**9:22** Bản chất hủy diệt của sự quỷ ám có thể thấy rõ trong sự mô tả về cuộc đời của em bé trai của người cha.

▣ **" giết (tiêu diệt) "** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: *Apollumi* tại Mác 3:6.

▣ **" nếu "** Đây là một câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence) vốn được giả định là đúng từ góc nhìn của tác giả hoặc phục vụ cho mục đích văn học của ông. Đây là sự khẳng định đức tin của người cha vào nơi khả năng chữa lành của Chúa Jesus.

▣ **" xin thương xót chúng tôi và giúp cho "** Người cha đã có đức tin nơi Chúa Jesus even ngay cả khi các môn đồ đã thất bại trong việc chữa lành cho con trai ông.

Trong bộ *Word Studies in the New Testament*, tập 1. Trang 113, M. R. Vincent đã đưa ra điểm chính rằng người cha đã nhận diện chính mình hoàn toàn cùng với những nan đề của con trai mình, cũng giống như người đàn bà Sy-rô-phê-ni-xi đã làm với con gái bà (Ma-thi-ơ 15:22).

**9:23 "' Nhưng nếu Thầy có thể "'** Đây là một lời được lặp lại của người đàn ông trong Mác 9:22. Đây là một câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence) khác. Người đàn ông này khẳng định khả năng của Chúa Jesus; giờ đây Chúa thử thách đức tin của ông.

▣ **" Ai tin thì mọi việc đều được cả "** Đây không phải là một chi phiếu bỏ trống chưa được viết (để có thể rút bao nhiêu tiền tùy thích) dành cho nhân loại, ngay cả cộng đồng những người tin Chúa, để điều khiển thao túng Đức Chúa Trời, nhưng là một lời hứa rằng Đức Chúa Trời sẽ thực hiện ý muốn của Ngài thông qua đức tin tin cậy (hãy xem quyển *The Disease of the Health and Wealth Gospels* của Gordon Fee). Có hai điều kiện: (1) ý muốn của Đức Chúa Trời và (2) đức tin tin cậy! Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Lời cầu nguyện hiệu quả tại Mác 11:23.

**9:24 "' Tôi tin, xin giúp cho sự vô tín của tôi "'** Đây là một Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative). Hãy nhớ rằng đối tượng của đức tin, chứ không phải lượng (đức tin), là quan trọng cốt yếu (Ma-thi-ơ 17:20; Lu-ca 17:6). Chú ý rằng Chúa Jesus đã hành động cùng với sự nghi ngờ của người đàn ông, và

Ngài cũng sẽ hành động với (sự nghi ngờ của) chúng ta.

Chúa Jesus đã làm việc với đức tin của người cha, chứ không phải em bé trai, bởi vì em đã bị quỷ ám từ khi em còn là một em bé. Tôi tự hỏi rằng có phải một trong những nguyên nhân mà các môn đồ không thể đuổi quỷ khỏi bé trai có phải là do sự thiếu vắng niềm tin của người cha nơi họ. Chúa Jesus thường tập chú vào đức tin của cha mẹ hoặc của những bạn bè trong những sự giải cứu và chữa lành hiệu quả. Lời của người cha thừa nhận nhu cầu của ông và khẩn nài Jesus giúp đỡ ông sâu hơn lượng đức tin của ông. Đây là một lời cầu nguyện tất cả chúng ta có thể cầu nguyện!

Bản Textus Receptus (Bản Văn Được Thừa Nhận-là cơ sở của bản Kinh Thánh King James) thêm vào từ *kurie* (cách xưng hô của Chúa), vốn có thể là một sự thêm vào khi sao chép Kinh Thánh để bày tỏ đức tin của người cha bằng cách gọi Chúa Jesus là Chúa, nhưng sự thêm vào này không có trong tất cả các bản Kinh Thánh tiếng Anh hiện đại bên cạnh bản KJV và NKJV.

**9:25 " đoàn dân đổ xô đến "** Không rõ rằng điều này liên hệ với sự đuổi quỷ như thế nào. Nó trái ngược với Bí Mật về Đấng Mê-si được tìm thấy quá thường xuyên trong Mác. Chúa Jesus bày tỏ quyền năng và thẩm quyền của Ngài trong một tình huống mà các môn đồ không thể xử lý được. Sự áp lực và tò mò của đám đông đã luôn luôn là một nan đề, nhưng cũng là một cơ hội. Đây cũng có thể là cùng một đoàn dân đông với Mác 9:14-15 hoặc là một số lượng lớn của những người mới đến.

▣ **" Quỷ câm và điếc kia "** Có vẻ rằng đây chỉ là một mặt khác của những nan đề thuộc thể của em bé (Mác 9:17) liên hệ với sự quỷ ám.

▣ **" rời khỏi đứa trẻ này, không được nhập vào nó nữa "** Đây là một thể mệnh lệnh chủ động bất định (aorist active imperative) và một dạng cầu khẩn chủ động thì bất định (aorist active subjunctive) vốn có nghĩa là "ra khỏi và đừng bao giờ bắt đầu quay trở lại."

**9:26** Sự biểu hiện vật lý đi cùng với sự rời khỏi của quỷ xuất hiện rất thông dụng trong những sự đuổi quỷ trong Tân Ước.

▣ **" đứa trẻ trông như một xác chết "** Đây là một triệu chứng khác của một sự động kinh cơn lớn (động kinh co cứng-grand mal seizure).

**9:27 " Đức Chúa Jêsus nắm tay đứa trẻ, đỡ nó lên "** Tiến trình này bày tỏ sự quan tâm và thương xót của Chúa Jesus (theo Mác 1:31; 5:41). Ngài đã không sợ hãi chạm việc vào người bệnh và bị quỷ ám!

**9:28 " Tại sao chúng con không thể đuổi được quỷ ấy?"** Họ rất ngạc nhiên! Trước đó họ đã có thể đuổi quỷ, tại sao ngay lúc này họ không thể? Ma-thi-ơ 17:20 cho biết ấy là do sự thiếu đức tin của họ.

**9:29 " Nếu không cầu nguyện thì chẳng ai đuổi thứ quỷ ấy ra được."** Nhiều bản thảo Hy Lạp cổ khác thêm vào "và kiêng ăn." Tuy nhiên, cụm từ này không được tìm thấy trong các bản thảo  $\aleph$  hoặc B, cũng như bản thảo Hy Lạp được sử dụng bởi Clement. Tự thêm vào cụm từ này rất cổ xưa và rộng rãi, có lẽ bởi vì khuynh hướng của hội thánh đầu tiên từ Do Thái Giáo trong khu vực này. Nó cũng được bao gồm trong bản MSS P<sup>45</sup>,  $\aleph^2$ , A, C, D, K, L, W, X, và bản Diatessaron. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt về Sự Kiêng ăn tại Mác 2:18-20. Bản UBS<sup>4</sup> cho cách đọc ngắn hơn một sự đánh giá điểm "A" (chắc chắn).

Về mặt thần học, phần thuật ngữ này ngụ ý rằng có nhiều loại quỷ khác nhau vốn đòi hỏi những kỹ thuật khác nhau. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 1:25.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 9:30-32**

<sup>30</sup> Rời nơi đó, Đức Chúa Jêsus và các môn đồ đi ngang qua miền Ga-li-lê. Ngài không muốn ai biết việc này, <sup>31</sup> vì Ngài đang dạy các môn đồ rằng: "Con Người sẽ bị nộp vào tay người ta, họ sẽ giết Ngài; và ba ngày sau khi bị giết, Ngài sẽ sống lại." <sup>32</sup> Nhưng các môn đồ không hiểu lời ấy, lại sợ không dám hỏi Ngài.

**9:30 " đi ngang qua miền Ga-li-lê "** Cụm từ này vẫn trong bối cảnh rời khỏi Ngọn Núi của Sự Hóa Hình và di chuyển về phía nam băng qua Ga-li-lê. Chúa Jesus muốn phán cách cá nhân với nhiều người nhất trong khả năng có thể.

▣ **" Ngài không muốn ai biết việc này "** Một khía cạnh khác của sự mong muốn của Chúa Jesus để người khác không biết Ngài như là một người thực hiện sự chữa lành hoặc làm phép lạ bởi vì sự áp lực của đoàn dân đông tìm kiếm sự giúp đỡ thuộc thể sẽ khiến Ngài không thể dạy dỗ và giảng tin lành.

**9:31 " Con Người "** Hãy xem ghi chú tại Mác 8:38c.

▣ " **sẽ bị nộp** " Đây là một dạng chỉ định thụ động thì hiện tại (present passive indicative). Từ này có nghĩa là "bị trao cho các thẩm quyền." Đây là lần thứ ba Chúa Jesus đã bày tỏ rõ ràng cho các môn đồ về những gì sẽ xảy ra tại Giê-ru-sa-lem (Mác 8:31; 9:12).

▣ " **Ngài sẽ sống lại** " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 8:31.

▣ " **ba ngày** " Trong cách ghi chép về thời gian của Người Do Thái, có lẽ khoảng 30-38 giờ (một khoảng thời gian ngắn trong ngày thứ sáu trước hoàng hôn, cả ngày thứ bảy, và một phần của ngày Chủ Nhật trước hoàng hôn). Khoảng thời gian này được liên hệ một vài lần với trải nghiệm của Giô-na (Ma-thi-ơ 12:39-40; 16:3; Lu-ca 11:29-32).

**9:32 " các môn đồ không hiểu "** Đây là một chủ đề thường xuyên trong Các Sách Phúc Âm Cộng Quan. Phúc Âm theo Lu-ca bày tỏ về tình huống này một cách rõ ràng.

1. Các môn đồ không hiểu (Lu-ca 2:50; 9:45; 18:34)

2. Họ lẽ ra phải hiểu bởi vì những lời phán của Chúa Jesus đã được giải nghĩa cho họ (Lu-ca 8:10)

3. Chúa Jesus đã mở tâm trí cho các môn đồ (Lu-ca 24:45)

Họ cũng mù lòa giống như những đoàn dân đông cho đến khi những lời của Chúa Jesus và sự thần cảm của Đức Thánh Linh đã mở tâm trí và tấm lòng bị đóng với lẽ thật của giao ước mới của họ. Tâm trí của nhân loại sa ngã đã không thể hiểu được ngoại trừ với sự giúp đỡ của Thánh Linh và ngay cả khi đó nó cũng sẽ là một tiến trình tăng trưởng chậm rãi tự sự cứu rỗi đến sự nên thánh.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 9:33-37**

<sup>33</sup> Đức Chúa Jê-sus và các môn đồ đến thành Ca-bê-na-um. Khi đã vào trong nhà rồi, Ngài hỏi các môn đồ: "Lúc đi đường, các con bàn cãi với nhau việc gì vậy?" <sup>34</sup> Nhưng họ làm thinh, vì dọc đường họ đã cãi nhau xem ai là người cao trọng hơn hết. <sup>35</sup> Ngài ngồi xuống, gọi mười hai sứ đồ và nói: "Nếu ai muốn làm đầu, thì phải làm cuối và làm đầy tớ cho mọi người." <sup>36</sup> Rồi Ngài đem một đĩa tré đặt giữa các môn đồ; Ngài ẵm em bé trong tay và nói: <sup>37</sup> "Người nào vì danh Ta tiếp một đĩa tré như thế này tức là tiếp Ta; còn ai tiếp Ta, thì không phải tiếp Ta, nhưng tiếp Đấng đã sai Ta."

**9:33 "Thành Ca-bê-na-um "** Thành này, thành phố quê hương của Phi-e-rơ và Anh-rê, đã trở thành trung tâm chức vụ của Chúa Jesus sau sự vô tín của Na-xa-rét.

▣ " **Khi đã vào trong nhà rồi** " Đây có lẽ là nhà của Phi-e-rơ (theo Mác 1:29) hoặc là một căn nhà được thuê được Chúa Jesus sử dụng.

▣ " **Lúc đi đường, các con bàn cãi với nhau việc gì vậy** " Họ đã tranh cãi, không phải chỉ bàn luận. Ngài đã phán với họ về sự chết của Ngài (ba lần) và họ muốn biết ai trong họ sẽ kế thừa chỗ của Ngài như là một người lãnh đạo (Ma-thi-ơ 18:1-18; Lu-ca 9:46-48; 22:24).

**9:34 " người cao trọng hơn hết "** Cụm từ này chỉ về sự ghen tỵ của những nhóm môn đồ khác với nhóm môn đồ mật thiết gồm Phi-e-rơ, Gia-cơ, và Giăng. Nó cũng có thể phản ánh tư tưởng Do Thái của họ về một quốc gia thế tục mang tính dân tộc (chủ nghĩa).

**9:35 " ngồi xuống "** Điều này chỉ về một thời gian dạy dỗ chính thức (Mác 4:1; 9:35; Ma-thi-ơ 5:1; Lu-ca 4:20).

▣ " **Nếu ai muốn làm đầu** " Đây là một câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence), vốn được giả định là chính xác từ quan điểm của tác giả. Chúa Jesus không muốn định tội sự tham vọng, nhưng định nghĩa nó lại trong những thuật ngữ của một chuẩn mực đạo đức mới của Vương Quốc của Đức Chúa Trời. Sự cao trọng (vĩ đại) được liên hệ với sự phục vụ (Mác 10:31,45; Ma-thi-ơ 20:26; 19:30; Giăng 13:5), chứ không phải là sự kiểm soát hoặc quyền lực! Vương Quốc Đức Chúa Trời thật quá khác biệt với xã hội của con người.

Những từ này là một ví dụ hay về cách Chúa Jesus lặp lại những sự dạy dỗ của Ngài trong những bối cảnh khác nhau và ở thời điểm khác nhau (Mác 10:43-44; Ma-thi-ơ 23:11; Lu-ca 22:24-25).

▣ " **đầy tớ** " Chúa Jesus nói tiếng A-ram. Câu này (Mác 9:35-37) có thể là một cách chơi chữ của từ A-ram *talya*, vốn có nghĩa cả là "đứa trẻ" và "tôi tớ."

**9:36 " đem một đĩa tré "** Ma-thi-ơ 18:1-18, Lu-ca 9:46-49, và ở đây rõ ràng chỉ ra rằng Chúa Jesus đang nói về những người mới tin Chúa, chứ không phải trẻ em.

▣ " **Ấm em bé trong tay** " Đây là một chi tiết chứng kiến tận mắt khác của Phi-e-rơ. Thậm chí có thể rằng đây là nhà của Phi-e-rơ và con của Phi-e-rơ!

**9:37** "' **Người nào vì danh Ta tiếp một đứa trẻ như thế này** "' "trong danh ta" có nghĩa là "trong tính cách (đặc điểm) của Chúa Jesus." Không có bất kỳ ma thuật nào trong sự lặp lại những lời cụ thể. Năng quyền đến từ việc biết Chúa Jesus và học theo những việc làm của Ngài. Sự đáp ứng yêu thương của chúng ta với những người khác bởi vì chúng ta là những người theo Chúa Jesus và đó là một cách để bày tỏ tình yêu của chúng ta dành cho Ngài (theo Ma-thi-ơ 25:31-45).

Từ Công Vụ 19:13-16 chúng ta biết rằng những người đuổi quỷ Do Thái sử dụng danh của Chúa Jesus, nhưng với những kết quả bất ngờ. Từ Ma-thi-ơ 7:21-23 chúng ta biết rằng một mối quan hệ cá nhân với Đấng Christ là quan trọng thiết yếu, không phải chỉ là lời suông sã hoặc thậm chí là những sự lặp lại đề cập đến tên (của Ngài).

▣ "' **còn ai tiếp Ta, thì không phải tiếp Ta, nhưng tiếp Đấng đã sai Ta** "' Chúa Jesus khẳng định cách đặc trưng vị trí được tôn cao của Cha. Đây là sự lặp đi lặp lại được ghi chép lại trong sách Phúc Âm của Giảng. Sự đầu phục cha không phải là một sự không bình đẳng, nhưng là những chức năng ở trong Ba Ngôi (Đức Chúa Trời).

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SAI PHÁI (*apostellō*)**

Đây là từ vựng khá phổ thông trong tiếng Hy-lạp "sai đi" (tức là *apostellō*). Nó có vài ứng dụng thần học:

1. Các thầy Ra-bi định nghĩa một đại diện chính thức như đại sứ quán trong tiếng Việt. (xem 2 Cô rin tô 5:20)
2. Các Phúc Âm sử dụng từ này cho Chúa Giê-su được Cha sai phái. Trong Giảng, tính thuộc Đấng Mê-si-a có phần nổi bật hơn (xem Ma-thi-ơ. 10:40; 15:24; Mác 9:37; Lu-ca 9:48 và đặc biệt Giảng 4:34; 5:24,30,36,37,38; 6:29,38,39,40,57; 7:29; 8:42; 10:36; 11:42; 17:3,8,18,21,23,25; 20:21 [cả từ "*apostellō*" và từ đồng nghĩa *pempō* được dùng trong câu 21]). Nói về Chúa Giê-su sai phái Cơ-độc nhân (xem. Giảng 17:18; 20:21).
3. Tân Ước dùng ám chỉ các môn đồ
  - a. 12 môn đồ đầu tiên (ví dụ, Mác 6:30; Lu ca 6:13; Công vụ 1:2,26)
  - b. nhóm đặc biệt gồm những trợ lý, cộng tác viên của các sứ đồ
    - (1) Ba-na-ba (xem Công vụ 14:4,14)
    - (2) An-rô-ni-cơ (KJV, Giu-ni-a, xem Rô ma 16:7)
    - (3) A-pô-lô (xem 1 Cô rin tô 4:6-9)
    - (4) Gia-cơ em trai của Chúa Giê-su (xem Ga la ti 1:19)
    - (5) Sin-vanh và Ti-mô-thê (xem 1 Thê sa lô ni ca 2:6)
    - (6) có thể thêm Tít (xem 2 Cô rin tô 8:23)
    - (7) có thể thêm Ép-pa-phô-đích (xem Phi-líp 2:25)
  - c. một ân tứ (sứ đồ) luôn có trong hội thánh.(xem 1 Cô rin tô 12:28-29; Ê phê sô 4:11)
4. Phao-lô sử dụng thuật ngữ này cho bản thân mình trong tất cả các thư tín, khẳng định quyền hạn Chúa ban với tư cách đại diện cho Đấng Christ.(xem. Rô ma 1:1; 1 Cô rin tô 1:1; 2 Cô rin tô 1:1; Ga la ti 1:1; Ê phê sô 1:1; Cô-lô-se. 1:1; 1 Tim. 1:1; 2 Tim. 1:1; Tít 1:1).
5. Nan đề chúng ta đối diện như là những tín đồ hiện đại rằng Tân Ước chưa bao giờ định nghĩa rằng những ân tứ tiếp diễn này liên hệ với điều gì và nó được nhận diện như thế nào trong các tín đồ. Rõ ràng một sự phân biệt giữa nhóm Mười Hai (Sứ Đồ) nguyên thủy (#3a) và sự sử dụng từ này sau đó (#3b). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự thần cảm và Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Soi Sáng. Nếu những "sứ đồ" hiện đại không được thần cảm để viết vượt ra ngoài Kinh Thánh (bộ Kinh Điển đã đóng lại, Giu-đe câu 3; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Bộ Kinh Điển Kinh Thánh), và những gì họ làm là khác nhau trong sự khác biệt giữa những tiên tri và những giáo sĩ Tân Ước (Ê-phê-sô 4:11)? Đây là những khả năng tôi đưa ra
  - a. Những hội thánh giáo sĩ được bắt đầu tại những khu vực chưa được truyền giáo (được sử dụng giống như trong *Didache*)
  - b. Những lãnh đạo của những mục sư trong những vùng hoặc hệ phái đã được rao truyền tin lành

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 9:38-41**

<sup>38</sup> Giảng thưa với Ngài: “Thưa Thầy, chúng con đã thấy có người nhân danh Thầy mà đuổi quỷ, và chúng con đã cấm vì người ấy không theo chúng ta.” <sup>39</sup> Nhưng Đức Chúa Jêsus bảo: “Đừng cấm họ, vì không ai có thể vừa nhân danh Ta làm phép lạ lại vừa nói xấu Ta được.” <sup>40</sup> Ai không chống chúng ta là ủng hộ chúng ta. <sup>41</sup> Còn ai nhân danh Ta mà cho các con một chén nước, vì các con thuộc về Đấng Christ. Thật, Ta bảo các con, người ấy sẽ không mất phần thưởng mình đâu.

**9:38** " và chúng con đã cấm vì người ấy không theo chúng ta " Có một vài sự khác biệt trong những bản thảo tiếng Hy Lạp. Câu này thật khó để dịch. Điều này khiến cho những nhà sao chép Kinh Thánh cổ xưa sửa chữa nó. Cách đọc hầu hết những bản dịch tiếng Anh hiện đại chấp nhận (đi theo UBS4) được tìm thấy trong bản MSS  $\kappa$  à B và bản dịch truyền thống Syriac.

**9:39** "' Đừng cấm họ "' Đây là một thể mệnh lệnh thì hiện tại (present imperative) với một phân từ phủ định (negative particle), vốn thường ngụ ý sự chấm dứt một hành động trong một tiến trình.

**9:40** " Ai không chống chúng ta là ủng hộ chúng ta " Chúa Jesus thường sử dụng những thành ngữ mang tính văn hóa trong sự dạy dỗ của Ngài (Mác 2:17,21,22; 3:27; 4:21,22,25; 7:15; 8:35,36,37; 9:40,50; 10:25,27,31,43-44). Hãy so sánh câu này với Ma-thi-ơ 12:30 và Lu-ca 11:23.

Có một bài thảo luận thú vị về điều có vẻ như mâu thuẫn giữa Mác 9:40 và Lu-ca 11:23 trong *Hard Sayings of the Bible* được xuất bản bởi IVP, ở trang 466-467. Quyển sách này là một nguồn tài liệu rất có ích bởi những học giả phúc âm, nổi tiếng. Họ khẳng định rằng bối cảnh của những văn mạch của những trích dẫn khác nhau này đã xóa đi sự dường như không nhất quán này.

**9:41** Hãy xem những phần Kinh Thánh song hành tương đồng trong Ma-thi-ơ 10:42; 25:40. Có một sự tương phản sắc sảo giữa Mác 9:38-41 và Mác 9:42-48. Những ai không kết nối một cách chính thức với Chúa Jesus được khẳng định bởi những việc lành của họ, nhưng những ai biết Ngài được cảnh báo trong những phép ẩn dụ mạnh mẽ về trách nhiệm của họ với những tín đồ mới tin Chúa. Đây là một sự nghịch lý gây kinh ngạc minh họa cho lẽ thật trong Mác 9:33-37.

Cũng chính câu này đề cập đến vương quốc ban thưởng cho những người nào trung tín phục vụ (Mác 9:41; 10:21,28-31 và một vài lần trong Bài Giảng Trên Núi của Chúa Jesus trong Ma-thi-ơ 5:12,46; 6:5-6,16-18,19-21). Thật khó để quân bình một sự cứu rỗi miễn phí trong công việc đã hoàn thành của Đấng Christ và những trách nhiệm giao ước để sống một đời sống bày tỏ đức tin của các tín đồ.

Cũng thật khó để quân bình khái niệm Tân Ước về mức độ của sự ban thưởng và hình phạt (Ma-thi-ơ 10:45; 11:22; 18:6; 25:21,23; Mác 12:40; Lu-ca 12:47-48; 20:47). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 12:40.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 9:42-48**

<sup>42</sup> Nhưng ai gây cho một trong những đứa bé này đã tin Ta sa vào tội lỗi thì thà buộc cối đá vào cổ người ấy mà ném xuống biển còn hơn. <sup>43</sup> Nếu tay con gây cho con phạm tội, hãy chặt nó đi! Vì thà cụt một tay mà vào sự sống, còn hơn đủ cả hai tay mà sa vào hỏa ngục, trong lửa chẳng hề tắt. <sup>45</sup> Nếu chân con gây cho con phạm tội, hãy chặt nó đi! Vì thà cụt một chân mà vào sự sống, còn hơn đủ cả hai chân mà bị ném vào hỏa ngục. <sup>47</sup> Còn nếu mắt con gây cho con phạm tội, hãy móc nó đi! Vì thà chột mắt mà vào vương quốc Đức Chúa Trời, còn hơn đủ cả hai mắt mà bị ném vào hỏa ngục, <sup>48</sup> là nơi sâu bọ chẳng hề chết và lửa không hề tắt.

**9:42** "' ai gây cho một trong những đứa bé này "' Cụm từ này về mặt thần học chỉ về những người mới tin Chúa. Tuy nhiên, có thể có một mối liên hệ văn mạch với bài học vừa mới được dạy từ câu bé bị quỷ ám. Đức Chúa Trời yêu quý các em nhỏ và không muốn bất cứ người nào lợi dụng chúng.

▣ "' đã tin "' Đây là một phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle), vốn nhấn mạnh đức tin tiếp diễn.

Một vài bản thảo Hy Lạp cổ thêm vào "nơi Ta" (MSS A, B, C<sup>2</sup>, L, W, và bản Vulgate, Syriac, và những bản

dịch Coptic). Đây có vẻ là một sự thêm vào bởi sự sao chép Kinh Thánh từ phần Kinh Thánh tương đồng trong Ma-thi-ơ 18:6 bởi vì những từ này đã vắng mặt trong bản thảo MSS 8 và C. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 1:15.

▣ **"" sa vào ""** Từ này nguyên văn được sử dụng cho một cái bẫy thú sử dụng môi.

▣ **"" Nếu ""** Đây là một câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence). Đây là một lời cảnh cáo mạnh cho những lãnh đạo Cơ Đốc. Đáng Chấn Chiên Vĩ Đại quan tâm, chăm sóc cho mọi con chiên, đặc biệt là những con mới và dễ bị tổn thương, thì họ cũng phải vậy!

Đây là phép tu từ thậm xưng (Ma-thi-ơ 5:29,30,38-46; 6:2-4; 7:3-5; 23:23-24; 10:24-25). Chúa Jesus đang nói trong một ngôn ngữ theo nghĩa bóng của sự đoán phạt đời đời. Những sự nói quá (thậm xưng) Phương Đông đã làm bối rối những tín đồ phương Tây qua nhiều thế hệ. Tình yêu dành cho Kinh Thánh của chúng ta và sự khao khát đi theo Chúa Jesus đã khiến cho các tín đồ phương Tây lỡ mất thể loại (văn học) phương Đông và những phép ẩn dụ của Kinh Thánh.

▣ **"" cối đá (nặng)""** Từ này chỉ về một phần phía trên hình tròn của một cối xay được kéo bằng các vật nuôi lớn. Đây là một sự nói quá (phép tu từ thậm xưng) Đông Phương khác, được sử dụng để nhấn mạnh thông điệp của Ngài.

▣ **"" ném xuống biển ""** Đây là một thể chỉ định thụ động hoàn thành (perfect passive indicative), vốn chỉ về một tình trạng vững bền. Đây là một ẩn dụ mạnh mẽ về sự đoán xét. Là những dân tộc sống ở sa mạc, người Do Thái rất sợ nước.

**9:43-47** Đây là một ngôn ngữ tu từ ẩn dụ (phép tu từ thậm xưng), nhưng nó chỉ ra sự kết ước triệt để được yêu cầu bởi Chúa Jesus (theo quyển *The Method and Message of Jesus' Teachings*, của Robert H. Stein ở trang 8-11).

Những câu này là một ví dụ hay về thơ ca Hê-bơ-rơ, phép song hành đồng nghĩa (synonymous parallelism), vốn rất phổ biến trong Cựu Ước (Mác 2:21-22; 3:4,24-25,28; 4:22,30; 8:17,18; 9:43-47; 10:38,43-44; 13:24-25). Một vài ví dụ khác trong Mác của phép song hành phản đề (antithetical parallelism) chính là Mác 2:19-20; 3:28-19; 4:25; 7:8,15; 8:35 (theo Stein, ở trang 27-29).

**9:43 "Nếu"** Đây là một Câu điều kiện bậc ba (Third class conditional sentence), vốn nói về một hành động mang tính tiềm năng.

▣ **"" vào sự sống ""** Có hai từ dùng cho sự sống trong Tân Ước: (1) *bios* (sự sống ở trên đất) và (2) *zoē* (sự sống thuộc linh). Chúa Jesus đang nói về việc bước vào thế giới thuộc linh (sự sống đời đời). Từ này song hành với cụm từ "Vương Quốc của Đức Chúa Trời" trong Mác 9:47. Các tín đồ có thể bước vào vương quốc ngay bây giờ và, trong một vài nghĩa, thậm chí đã trải nghiệm thiên đàng ngay bây giờ (Ê-phê-sô 2:5-6).

Có vài cách điều này được mô tả trong Tân Ước.

1. Vương quốc sẽ đến, sự sống đời đời (Mác 10:17,30)
2. Cứu ... mất sự sống (Mác 8:35; Ma-thi-ơ 10:39; Lu-ca 17:33)
3. Bước vào sự sống (Mác 9:43; Ma-thi-ơ 25:46)
4. Bước vào sự vui mừng của của Chúa ngự (Ma-thi-ơ 25:21,23)

▣ **"" hỏa ngục ""** Từ này là *Gehenna* (Giê-rê-mi 7:31). Đây là nơi chốn của sự thờ phượng vị thần Phê-ni-xi của sinh sản và sự màu mỡ sinh sôi của đất, Mô-lóc, trong trứng con trai của Hìn-nôm, ngay phía nam của Giê-ru-sa-lem. |Đây đã là nơi mà những em bé con đầu lòng bị giết và dâng sinh tế lên cho vị thần Ca-na-an của sự sinh sản và sinh sôi của đất (Lê-vi Ký 18:21; 20:2-5; Phục Truyền 12:31; 18:10; 2 Các Vua 21:6; 2 Sứ Ký 28:3; 33:6; Giê-rê-mi 2:23; 7:32; 32:35). Người Do Thái đã quá xấu hổ bởi sự thờ hình tượng của tổ phụ mình và họ đã biến khu vực này thành một khu vực đổ rác hoặc chứa đầy những đồng rác của Giê-ru-sa-lem. Những phép tu từ ẩn dụ của Chúa Jesus dùng để chỉ về một sự phân li thuộc linh khỏi tình yêu thương của Cha (lửa, sâu bọ, hôi thối) được lấy từ chỗ đổ rác này.

Từ này được sử dụng bởi Chúa Jesus rất nhiều lần, nhưng chỉ được dùng một lần duy nhất bởi những tác giả Tân Ước khác (Gia-cơ 3:6). Địa ngục cũng là một sự thực hữu Kinh Thánh giống như là thiên đàng (Ma-thi-ơ 25:46). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây, II., B.

## **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NGƯỜI CHẾT Ở ĐÂU?**

### **I. Cựu Ước**



- A. Cả nhân loại đến *She'ol* (không rõ từ nguyên), là một cách đề cập đến cái chết hay là phần mộ thường xuất hiện trong thể loại văn chương khôn ngoan và sách Ê-sai. Theo Cựu Ước, nó là sự hiện hữu không cảm xúc, mờ ảo nhưng có nhận thức (xem Gióp 10:21-22; 38:17; Thi-thiên 107:10,14).
- B. Đặc tính của *She'ol*
  - 1. liên hệ với sự phán xét (bằng lửa) của Đức Chúa Trời, Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:22
  - 2. gắn liền với hình phạt trước Ngày Đoán Xét, Thi-thiên 18:4-5
  - 3. liên kết với chữ *Abaddon* (sự huỷ diệt), nhưng cũng mở rộng chỉ về Đức Chúa Trời, xem Gióp 26:6; Thi-thiên 139:8; A-môt 9:2
  - 4. liên hệ với khái niệm “hố” (mồ mã), Thi-thiên 16:10; Ê-sai 14:15; Ê-xê-chi-ên 31:15-17
  - 5. kẻ ác xuống thẳng đến *She'ol* đang khi còn sống, Dân-số Ký 16:30,33; Thi-thiên 55:15
  - 6. thường được mô tả như là một con thú có mõm lớn, Dân-số Ký 16:30; Ê-sai 5:14; 14:9; Ha-ba-cúc 2:5
  - 7. người ở nơi đó gọi là *Shades*, Ê-sai 14:9-11

## II. Tân Ước

- A. Chữ *She'ol* trong tiếng Do thái được dịch sang tiếng Hy Lạp là *Hades* (thể giới vô hình)
- B. Đặc tính của *Hades*
  - 1. đề cập đến cái chết, Ma-thi-ơ 16:18
  - 2. liên kết với sự chết, Khải-huyền 1:18; 6:8; 20:13-14
  - 3. thường trình bày tương tự như nơi của sự hình phạt đời đời (*Gehenna*), Ma-thi-ơ 11:23 (trích dẫn Cựu Ước); Lu-ca 10:15; 16:23-24
  - 4. thường trình bày tương tự như phần mộ, Lu-ca 16:23
- C. Sự phân biệt khá dễ theo các tu sĩ Do-Thái-Giáo
  - 1. Nơi dành cho người công chính gọi là thiên đàng (thật ra là một tên gọi khác chỉ thiên đàng, xem II Cô-rinh-tô 12:4; Khải-huyền 2:7), Lu-ca 23:43
  - 2. Phần dành cho người độc ác gọi là *Tartarus*, II Phi-e-rơ 2:4, là nơi giam giữ những ác thần (xem Sáng-thể Ký 6; I Hê-nóc)
- D. *Gehenna*
  - 1. Phản ảnh cụm từ trong Cựu Ước “thung lũng của các con trai Hinnom,” (phía nam của Giê-ru-sa-lem). Đó là nơi các trẻ em bị cúng tế cho thần lửa của người Phoenician, *Molech* (xem II Các Vua 16:3; 21:6; II Sử ký 28:3; 33:6), tập tục này bị nghiêm cấm trong Lê-vi Ký 18:21; 20:2-5
  - 2. Giê-rê-mi đổi địa điểm này từ nơi thờ phượng ngoại giáo thành nơi cho sự phán xét của Đức Giê-hô-va (xem Giê-rê-mi 7:32; 19:6-7). Nó trở thành nơi của sự phán xét đời đời trong I Hê-nóc 90:26-27 và Sib. 1:103.
  - 3. Người Do thái trong thời của Đức Chúa Giê-xu kinh hãi bởi tập tục dâng hiến trẻ em để thờ phượng thần ngoại bang của tổ phụ họ đã biến nơi đây thành bãi rác cho Giê-ru-sa-lem. Nhiều hình ảnh ẩn dụ về sự phán xét đời đời của Đức Chúa Giê-xu xuất phát từ bãi rác này (lửa, khói, sâu bọ, mùi hôi, xem Mác 9:44,46). Chữ *Gehenna* chỉ được dùng bởi Đức Chúa Giê-xu (ngoại trừ trong Gia-cơ 3:6).
  - 4. Cách sử dụng chữ *Gehenna* của Đức Chúa Giê-xu
    - a. lửa, Ma-thi-ơ 5:22; 18:9; Mác 9:43
    - b. vĩnh viễn, Mác 9:48 (Ma-thi-ơ 25:46)
    - c. nơi huỷ diệt (cả linh hồn và thể xác), Ma-thi-ơ 10:28
    - d. tương đương với *She'ol*, Ma-thi-ơ 5:29-30; 18:9
    - e. đặc tính của kẻ ác là “con địa ngục” Ma-thi-ơ 23:15
    - f. kết án, Ma-thi-ơ 23:33; Lu-ca 12:5
    - g. khái niệm *Gehenna* tương đương với sự chết thứ hai (xem Khải-huyền 2:11; 20:6,14) hoặc là hồ lửa (xem Ma-thi-ơ 13:42,50; Khải-huyền 19:20; 20:10,14-15; 21:8). Có thể rằng hồ lửa là nơi giam giữ đời đời cho con người (theo chữ *She'ol*) và các ác thần (theo chữ *Tartarus*, II Phi-e-rơ 2:4; Giu-đe 6 hay là địa ngục, xem Lu-ca 8:31; Khải-huyền 9:1-10; 20:1,3).
    - h. Nơi này không dành cho con người nhưng cho Sa-tan và những quỷ sứ của nó, Ma-thi-ơ 25:41
- E. Bởi sự chồng chéo ý nghĩa của ba chữ *She'ol*, *Hades*, và *Gehenna* có lẽ
  - 1. trong nguyên thủy cả nhân loại sẽ đến *She'ol/Hades*
  - 2. trải nghiệm của họ nơi đó (tốt hay xấu) càng tăng thêm sau ngày phán xét, nhưng chỗ dành cho kẻ ác vẫn là một (đây là lý do bản Kinh thánh KJV dịch chữ *hades* (phần mộ) giống như chữ *gehenna* (địa ngục)).

3. chỉ trong bản văn Tân Ước mới nhắc đến sự đau đớn trước ngày phán xét trong Lu-ca 16:19-31 (câu chuyện La-xa-rô và người giàu có). *She'ol* được mô tả là nơi của sự hình phạt ngay hiện tại (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:22; Thi-thiên 18:1-5). Tuy nhiên, chúng ta không thể xây dựng giáo lý chỉ dựa vào câu chuyện này.

### III. Nơi ở trung chuyển giữa cái chết và sự phục sinh

- A. Tân Ước không dạy về “sự bất diệt của linh hồn”, là một trong vài quan điểm cổ xưa về đời sau.
  1. linh hồn con người đã hiện hữu trước đời sống thể chất của họ
  2. linh hồn con người tồn tại trước và sau cái chết thuộc thể
  3. thông thường thân thể bị xem như ngục tù giam giữ linh hồn và cái chết được xem như là sự phóng thích linh hồn trở về trạng thái trước đó.
- B. Tân Ước gợi ý cách gián tiếp về giai đoạn lia khỏi thân xác giữa cái chết và sự phục sinh
  1. Đức Chúa Giê-xu nói về sự phân chia giữa thân xác và linh hồn, Ma-thi-ơ 10:28
  2. Áp-ra-ham có thể có thân thể hiện thời, Mác 12:26-27; Lu-ca 16:23
  3. Môi-se and Ê-li có thân thể trong Sự Hóa Hình, Ma-thi-ơ 17
  4. Phao-lô quả quyết rằng trong sự đến lần thứ hai, các linh hồn ở với Đấng Christ sẽ được nhận lấy một thân thể mới trước nhất, II Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18
  5. Phao-lô khẳng định rằng những tín hữu sẽ nhận lãnh thân thể thiêng liêng mới trong Ngày Phục Sinh, I Cô-rinh-tô 15:23,52
  6. Phao-lô khẳng định rằng những tín hữu sẽ không đến *Hades*, nhưng khi chết ở với Đức Chúa Giê-xu, II Cô-rinh-tô 5:6,8; Phi-líp 1:23. Đức Chúa Giê-xu đã đắc thắng sự chết và đem những người công chính lên thiên đàng với Ngài, I Phi-e-rơ 3:18-22.

### IV. Thiên đàng

- A. Chữ này được sử dụng trong Kinh thánh với ba ý nghĩa.
  1. khoảng không phía trên trái đất, Sáng-thế Ký 1:1,8; Ê-sai 42:5; 45:18
  2. các tầng trời, Sáng-thế Ký 1:14; Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:14; Thi-thiên 148:4; Hê-bơ-rơ 4:14; 7:26
  3. ngôi của Đức Chúa Trời, Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:14; I Các Vua 8:27; Thi-thiên 148:4; Ê-phê-sô 4:10; Hê-bơ-rơ 9:24 (tầng trời thứ ba, II Cô-rinh-tô 12:2)
- B. Kinh thánh không tiết lộ nhiều đời sau. Có lẽ bởi vì nhân loại đã sa ngã không thể nào hay không có khả năng để hiểu (xem I Cô-rinh-tô 2:9).
- C. Thiên đàng là khái niệm cả về nơi chốn (xem Giăng 14:2-3) và là thân vị (xem II Cô-rinh-tô 5:6,8). Thiên đàng có thể là Vườn Ê-đen được phục hồi (Sáng-thế Ký 1-2; Khải-huyền 21-22). Trái đất sẽ được tẩy sạch và phục hồi (xem Công-vụ 3:21; Rô-ma 8:21; II Phi-e-rơ 3:10). Hình ảnh của Đức Chúa Trời (Sáng-thế Ký 1:26-27) đã được khôi phục trong Đấng Christ. Giờ đây, mỗi tương giao gần gũi trong vườn Ê-đen có thể tái lập.

Tuy nhiên, đây có thể là hình ảnh ẩn dụ (thiên đàng như là thành phố lớn theo hình khối vĩ đại theo Khải-huyền 21:9-27). I Cô-rinh-tô 15 mô tả sự khác biệt giữa hình thể vật chất và thể chất tâm linh giống như là so sánh giữa hạt giống với cây lớn đã trưởng thành. Một lần nữa I Cô-rinh-tô 2:9 (một trích dẫn từ Ê-sai 64:4 và 65:17) là nguồn hy vọng và lời hứa to lớn. Tôi biết rằng khi chúng ta xem thấy Ngài thì chúng ta được giống như Ngài (xem I Giăng 3:2).

### V. Những nguồn tài liệu hữu ích

- A. William Hendriksen, *The Bible On the Life Hereafter*
- B. Maurice Rawlings, *Beyond Death's Door*

**9:44,46** Những câu 44 và 46 tương tự với Mác 9:48. Cả hai đều được tìm thấy trong những bản thảo Hy Lạp ông-xi-an cổ (tức bản chép tay bằng dạng chữ viết hoa, to và rời của thế kỷ thứ tư) ⌘, B, CL, hoặc W. Có vẻ rằng một nhà chép Kinh Thánh cổ đã lấy những lời từ Mác 9:48 và thêm chúng vào Mác 9:44 và 46.

**9:48** "' nơi sâu bọ chằng hệ chết và lửa không hệ tắt "' Đây là một sự trích dẫn từ Ê-sai 66:24. Người Do Thái đã rất kinh ngạc bàng hoàng rằng tổ phụ của họ đã thiêu cháy con cái của mình (2 Các Vua 21:6) và họ đã biến chỗ đó thành một nơi đổ rác của Giê-ru-sa-lem. Nó là một địa điểm mà Chúa Jesus đã vẽ ra trong ngôn ngữ theo nghĩa bóng của Ngài hình ảnh của sự chia cắt đời đời khỏi Đức Chúa Trời—Địa Ngục. Cùng một thuật ngữ, đời đời, được sử dụng cho thiên đàng trong Ma-thi-ơ 25:46, cũng được sử dụng trong cùng một câu

của sự đoán phạt.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 9:49-50**

**<sup>49</sup> Vì mỗi người sẽ bị muối bằng lửa. <sup>50</sup> Muối vốn là tốt, nhưng nếu muối mất mặn, thì làm thế nào cho mặn lại được? Các con phải có muối trong lòng mình, và sống hòa thuận với nhau."**

**9:49 " muối bằng lửa "** Muối là công cụ của sự chữa lành, thanh tẩy, và bảo quản. Nó cũng được sử dụng để niêm phong, ấn chứng những giao ước (Dân Số Ký 18:19). Nó là một thành phần rất quan trọng cho sự sống của người dân sa mạc. Những từ muối và lửa là tương đồng trong văn mạch này cho sự thanh tẩy. Câu 49 có nhiều sự khác biệt trong những bản thảo. Điều này có lẽ bởi vì sự không chắc chắn của (1) cách câu này liên hệ với Mác 9:48 hoặc (2) ý nghĩa của chính câu Kinh Thánh. Có lẽ rằng một nhà sao chép Kinh Thánh đã nhìn thấy sự trích dẫn Lê-vi Ký 2:13 và đặt nó trong bên lề của phần Kinh Thánh. Chúa Jesus thường sử dụng muối như một sự tương đồng để bày tỏ về lẽ thật thuộc linh (Ma-thi-ơ 5:13; Lu-ca 14:34-35).

**9:50** Câu này, cũng như Mác 9:49, có vẻ trong cách nào đó, không liên quan với văn mạch trước đó. Cũng như được bao gộp vào bởi vì từ "lửa", thì câu này được bao gộp vào bởi vì từ "muối." Nó có thể chỉ đến Mác 9:35. Cách các Cơ Đốc Nhân sống như thế nào rất quan trọng!

### **NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Tại sao Chúa Jesus "hóa hình?"
2. Sự kiện này liên hệ với Cựu Ước như thế nào?
3. Tại sao các môn đồ lại bối rối về Ê-li?
4. Tại sao các môn đồ vẫn không hiểu về sự chết và sống lại của Chúa Jesus?
5. Một Cơ Đốc Nhân có sai hay không khi trở nên tham vọng? Chúa Jesus định nghĩa sự cao trọng như thế nào?
6. Chúa Jesus có nói về trẻ em trong Mác 9:35-37 và 42 hay là Ngài sử dụng chúng như một ví dụ cho những trưởng thành?
7. Có những mức độ đoán phạt khác nhau hay không?
8. Chúng ta có nên hiểu Mác 9:43-47 theo nghĩa đen?
9. Muối tượng trưng cho điều gì?

# MẮC 10

## NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS4	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Dạy Dỗ Về Sự Ly Hôn	Hôn Nhân và Sự Ly Hôn	Về Hôn Nhân và Sự Ly Hôn	Chúa Jesus Dạy Về Sự Ly Hôn	Câu Hỏi về Sự Ly Hôn
10:1-12	10:1-12	10:1 10:2-9 10:10-12	10:1 10:2 10:3 10:4 10:5-9 10:10-12	10:1-12
Các Em Nhỏ Được Ban Phước	Chúa Jesus Ban Phước Cho Các Em Nhỏ	Sự Ban Phước Cho Con Trẻ	Chúa Jesus Ban Phước Cho Các Em Nhỏ	Chúa Jesus và Các Em Nhỏ
10:13-16	10:13-16	10:13-16	10:13-16	10:13-16
Người Đàn Ông Giàu Có	Chúa Jesus Khuyên Bảo Người Lãnh Đạo Trẻ Giàu Có	Người Đàn Ông Giàu Có	Người Đàn Ông Giàu Có	Người Trai Trẻ Giàu Có
10:17-22	10:17-22	10:17-22	10:17 10:18-19 10:20	10:17-22
10:23-31	Với Đức Chúa Trời Tất Cả Mọi Sự Đều Có Thể 10:23-31	10:23-27 10:28-31	10:21-22 10:23 10:24-25 10:26 10:27 10:28 10:29-31	Mối Nguy Hiểm của Sự Giàu Có 10:23-27 Phản Thương của Sự Từ Bỏ 10:28-31
Lần Thứ Ba Chúa Jesus Báo Trước về Sự Chết và Phục Sinh của Ngài	Chúa Jesus Tiên Tri về Sự Chết và Phục Sinh của Ngài Lần Thứ Ba	Sự Khổ Nạn Được Tiên Tri Từ Trước Lần Thứ Ba	Chúa Jesus Tiên Tri Lần Thứ Ba về Sự Khổ Nạn của Ngài	Lời Tiên Tri Thứ Ba về Sự Khổ Nạn
10:32-34	10:32-34	10:32-34	10:32-34	10:32-34
Lời Thỉnh Cầu của Gia-cơ và Giăng	Sự Vĩ Đại của Phục Vụ	Gia-cơ và Giăng Tìm Kiếm Danh Vọng	Lời Thỉnh cầu của Gia-cơ và Giăng	Các Con Trai của Xê-bê-đê Đưa Ra Lời Thỉnh Cầu
10:35-45	10:35-45	10:35-40	10:35 10:36	10:35-40

				10:37			
				10:38			
				10:39-40			Sự Lãnh Đạo Với Tâm Tình Phục Vụ
			10:41-45	10:41-45			10:41-45
Sự Chữa Lành Người Mù Tên là Ba-ti-mê	Chúa Chữa Lành Người Mù Tên là Ba-ti-mê	Người Mù Tên là Ba-ti-mê	Chúa Jesus Người Mù Tên là Ba-ti-mê	Người Mù Tên là Ba-ti-mê	Người Mù Tên là Ba-ti-mê	Người Mù Tên là Ba-ti-mê	Người Mù Tên là Ba-ti-mê Tại Thành Giê-ri-cô
10:46-52	10:46-52	10:46-52	10:46-47	10:46-52			
				10:48			
				10:49			
				10:50			
				10:51a			
				10:51b			
				10:52			

## **CHU KỶ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")**

### *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN*

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

## **NHỮNG PHẦN KINH THÁNH SONG HÀNH TƯƠNG ĐỒNG TRONG CÁC SÁCH PHÚC ÂM CỘNG QUAN**

- A. Sự Ly Dị, Mác 10:2-12 (song hành với Ma-thi-ơ 19:1-12)
- B. Sự Ban Phước cho Con Trẻ, Mác 10:13-16 (phần Kinh Thánh song hành trong Ma-thi-ơ 19:13-15; Lu-ca 18:15-17)
- C. Người Lãnh Đạo Trẻ Giàu Có, Mác 10:17-31 (phần Kinh Thánh song hành trong 19:16-20:16; Lu-ca 18:18-30)
- D. Lời Tiên Tri về Sự Chịu Đóng Đinh, Mác 10:32-34 (phần Kinh Thánh song hành trong Ma-thi-ơ 20:17-20; Lu-ca 18:31-34)
- E. Các Con Trai của Xê-bê-đê, Mác 10:35-45 (phần Kinh Thánh song hành trong Ma-thi-ơ 20:21-28)
- F. Người Mù Tên Là Ba-ti-mê, Mác 10:46-52 (phần Kinh Thánh song hành trong Ma-thi-ơ 20:29-34; Lu-

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RSV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 10:1

**<sup>1</sup> Từ đó Đức Chúa Jêsus đi vào miền Giu-đê và miền bên kia sông Giô-đanh. Đoàn dân đông lại tụ họp quanh Ngài, và như thường lệ, Ngài dạy dỗ họ.**

**10:1 " đi vào miền Giu-đê và miền bên kia sông Giô-đanh "**Bản RSV và ASV dịch là "đi vào địa phận của xứ Giu-đê khu vực bên kia sông Giô-đanh." Văn mạch ngụ ý rằng Chúa Jesus đang ở trong giai đoạn chuyển đi Giê-ru-sa-lem cuối cùng của Ngài. Rõ ràng rằng Ngài đã đi về phía Nam băng qua Sa-ma-ri, vượt qua vào Ga-li-lê, và gia nhập vào những đoàn dân đông hành hương tiến về Giê-ru-sa-lem. Hầu hết Người Do Thái từ chối đi xuyên qua Sa-ma-ri trên đường hướng về Giê-ru-sa-lem của họ, vì thế họ vượt qua phía đông của sông Giô-đanh (đi ngang qua Pê-rê) và sau đó vượt qua ngược về phía bờ tây tại Giê-ri-cô. Nếu điều này đúng là những gì thực sự đã xảy ra thì nó giải thích được câu Kinh Thánh khá rối này (Theo A. T. Robertson, *Word Pictures in the New Testament*, tập 1, trang 348, nhấn mạnh rằng hơn một phần ba của sách Phúc Âm Lu-ca diễn ra ở khoảng giữa Mác 9 và 10 [9:57-18:14]; cũng như là Ma-thi-ơ 18 và Giăng 7-11).

▣ "**Đoàn dân đông lại tụ họp quanh Ngài** " Câu này có thể chỉ về (1) những người hành hương trên đường hướng về Giê-ru-sa-lem để dự lễ hoặc (2) những người bệnh, những người tò mò, những lãnh đạo Do Thái, và các Môn Đồ. Chúa Jesus luôn luôn thu hút một đám đông.

▣ "**như thường lệ** " Mỗi khi Chúa Jesus có cơ hội dạy dỗ, Ngài đã luôn làm (Mác 1:21; 2:13; 4:2; 6:2,6,34; 12:35; 14:49). Nội dung của sứ điệp của Ngài là

1. Hãy ăn năn và tin nhận (giống với sứ điệp của Giăng Báp-tít)
2. Vương Quốc của Đức Chúa Trời được gia nhập bởi đức tin nơi Ngài
3. Vương Quốc của Đức Chúa Trời thay đổi cách triết để cách tư tưởng và cách sống của một người.

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RSV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 10:2-9

**<sup>2</sup> Có mấy người Pha-ri-si đến hỏi để thử Ngài: "Đàn ông có được phép ly dị vợ không?" <sup>3</sup> Ngài hỏi: "Môi-se đã truyền dạy các ngươi điều gì?" <sup>4</sup> Họ thưa: "Môi-se cho phép người đàn ông viết giấy ly hôn rồi ly dị vợ." <sup>5</sup> Đức Chúa Jêsus phán: "Chính vì sự cứng lòng của các ngươi mà Môi-se mới viết ra luật này. <sup>6</sup> Nhưng từ buổi sáng thế, 'Đức Chúa Trời chỉ tạo dựng một nam và một nữ.' <sup>7</sup> 'Vì lý do đó mà người nam phải lìa cha mẹ mình và kết hợp với vợ, <sup>8</sup> và hai người trở nên một thịt.' Như thế, vợ chồng sẽ không còn là hai nữa, mà chỉ là một. <sup>9</sup> Vậy, loài người không được phân rẽ những người mà Đức Chúa Trời đã phối hợp. <sup>10</sup> Khi ở trong nhà, các môn đồ lại hỏi Ngài về vấn đề này; <sup>11</sup> Ngài phán: "Người nào ly dị vợ để cưới người khác là phạm tội ngoại tình đối với vợ. <sup>12</sup> Còn nếu người đàn bà ly dị chồng để kết hôn với người khác thì cũng phạm tội ngoại tình."**

**10:2 " mấy người Pha-ri-si "** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những người Pha-ri-si tại Mác 2:16.

▣ "**thử** " Từ này *periazō* có nghĩa rộng của sự thử thách, kiểm tra với góc nhìn hướng về sự hủy diệt (Mác 8:11; 10:2; 12:15; Chủ Đề Đặc Biệt về từ "thử" tại Mác 1:13). Câu hỏi này có mục đích (1) phân rõ dân chúng và những ra-bi Do Thái về những ý kiến khác biệt về hai trường phái ra-bi Do Thái Shammai (bảo thủ) và Hillel (tự do) hoặc (2) chọc giận Hê-rôt An-ti-pát.

▣ "**Đàn ông có được phép ly dị vợ không** " Chú ý rằng Những người Pha-ri-si về sự ly hôn, chứ không phải về sự tái hôn. Cũng cần chú ý rằng Chúa Jesus đang trả lời cho một câu hỏi cụ thể. Chúa Jesus không phải đang thảo luận về vấn đề này trong một bối cảnh dung hòa. Những người Pha-ri-si này đang cố gắng để gài bẫy Ngài để khiến Ngài bị ghét bỏ bởi (1) những người đi theo Hillel, là người có thái độ tự do về sự ly hôn. Ma-thi-ơ 19:3 mở rộng câu hỏi để bao gộp vấn đề "Tại sao" của sự ly hôn hoặc (2) hoặc (bị ghét bỏ bởi ) Hê-rôt An-ti-pát bởi vì ông đã ly hôn (theo Mác 6:17-20).

Từ "có được phép (có hợp pháp)" có thể chỉ đến Luật Môi-se hoặc là những lời truyền khẩu ra-bi (Kinh Talmud). Để trả lời, Chúa Jesus trích một phần Kinh Thánh trong Phục Truyền.

**10:4 " viết giấy ly hôn "** Phần Kinh Thánh được trích nằm trong Phục Truyền 24:1-4. Môi-se đã ban hành một tiến trình theo luật pháp để bảo vệ cho người vợ (Xuất 21:1-11). Tiến trình hợp pháp này cần có một số điều kiện.

1. Nó sẽ cần một khoảng thời gian
2. Nó cần một thầy tế lễ hay người Lê-vi viết nó xuống
3. Nó có lẽ cần sự hoàn trả lại của hồi môn.

Cần phải đề cập rằng trong Phục Truyền 24 cho rằng quyền tái hôn là dành cho cả người nam và người nữ. Tuy nhiên, đoạn Kinh Thánh trong Phục Truyền trong văn mạch đó không đề cập đến yếu tố văn hóa của sự ly dị nhiều như là (1) sự đảm bảo trình tiết và sự chung thủy của cô dâu và (2) liệt kê ra tiến trình chi tiết và những sự giới hạn của việc tái hôn.

Nạn đề thực tế xảy ra khi cách giải nghĩa tự do của đoạn Kinh Thánh bởi trường phái ra-bi Hillel (theo quyển *The Christ of the Gospels* của J. W. Shepherd, trang 451-457). Trường phái này nhặt lấy từ "không đoan trang (chẳng được ƠN)" mà mở rộng nó khỏi khung thời gian và ngữ nghĩa nguyên thủy. Những người Pha-ri-si chỉ trích lời dạy của Môi-se để gài bẫy Chúa Jesus. Họ không hề tìm kiếm thông tin.

Chúa Jesus xác nhận ý muốn của Đức Chúa Trời cho hôn nhân là một người nam, một người nữ trong suốt cuộc sống (hôn nhân). Bất kỳ điều gì khác không phải là ý tưởng của Ngài. Nạn đề ở đây chính là làm thế nào để có thể dung hòa giữa những sự dạy dỗ của Chúa Jesus trong văn mạch của những sự dạy dỗ của Ngài về sự tha thứ trong những văn mạch khác. Tiêu chuẩn của những người đi theo Vương Quốc là rất cao, nhưng vì như vậy, chính là ân điển của Đức Chúa Trời! Trong lĩnh vực này từng mỗi trường hợp được xem xét sẽ tốt hơn là những luật lệ máy móc, cứng nhắc luật pháp.

Trong Cựu Ước YHWH dùng sự ly hôn để mô tả về những hành động của Ngài đối với Y-sơ-ra-ên bởi vì sự thờ hình tượng của họ (Ê-sai 50:1; Giê-rê-mi 3:1-8; Ô-sê 2:2). Có những trường hợp trong Cựu Ước mà sự ly hôn là bắt buộc (Sáng Thế Ký 21:8-14; Xuất 21:10-11; Phục Truyền 21:10-14; Ê-xơ-ra 9-10). Một bài viết rất xuất sắc trong *"Journal of the Evangelical Theological Society"* tập 40 #4, có tựa đề là *"Old Testament Perspectives on Divorce and Remarriage"* được viết bởi Joe M. Sprinkle.

**10:5 "" vì sự cứng lòng của các người ""** Chúa Jesus mô tả Người Y-sơ-ra-ên là "cứng lòng" (Ê-xê-chi-ên 2:4; 3:7). Từ "cứng cổ" cũng là một phép tu từ đồng nghĩa (Xuất 32:9; 33:3,5,9; Phục Truyền 9:6,13). Họ đã luôn luôn muốn làm mọi việc trong cách của họ. Đây đã luôn luôn là thiên hướng của con người tội lỗi sa ngã! Thái độ này thậm chí đã hiện diện trong các môn đồ của Ngài (Mác 3:5 và 6:52).

Chủ đề về sự ly hôn là một ví dụ rất hay về nạn đề của việc (giải nghĩa) dò-bản-văn. Chúng ta phải cho toàn bộ Kinh Thánh phán với chúng ta trong mọi vấn đề. Đây không chỉ là đoạn Kinh Thánh duy nhất nói về sự ly hôn và tái hôn.

Lời tuyên bố của Chúa Jesus thật gây áp lực cho tôi. Làm thế nào để tôi có thể biết được rằng Phục Truyền 24:1-4 đã không phải là những lời cuối cùng của YHWH về chủ đề này? Chính nó nằm trong Kinh Thánh. Nếu Chúa Jesus đã không đối mặt với vấn đề này, có lẽ tôi đã không bao giờ có thể biết được sự tương thích cách giới hạn của nó. Nạn đề ở đây là có bao nhiêu phần Kinh Thánh Cựu Ước khác có liên quan đến "sự cứng lòng" và bao nhiêu phần Kinh Thánh Cựu Ước chính là ý định của Đức Chúa Trời cho nhân loại? Sự yên ủi duy nhất đến trong một sự tiếp cận theo hệ thống thật sự dành cho những chủ đề thần học, trong cả Tân Ước và Cựu Ước và những tình huống bối cảnh lịch sử được mạng vào xem xét trong vấn đề (ví dụ: Mác 7:14-16,17-23). Những Cơ Đốc Nhân tin kính không được vội vàng đề (giải nghĩa) theo cách dò-bản-văn để tìm những lẽ-thật độc đoán ra khỏi những phần Kinh Thánh bị cắt nhỏ và cô lập.

Về mặt thần học, sự chối bỏ Luật Môi-se của Chúa Jesus thật gây sững sốt. Nó thật là một cách đầy mạnh mẽ để khẳng định thẩm quyền của Ngài.

Những môn đồ người Do Thái luôn kinh ngạc tự hỏi vì sao Chúa Jesus biết rõ vì sao Moses đã làm điều này, điều khác và rằng Ngài đã có thẩm quyền và năng quyền đến từ YHWH để thay đổi nó. Phần này của sách Mác song hành với Ma-thi-ơ 5:17-48 về mặt thần học.

**10:6 " từ buổi sáng thế "** Hãy xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: KTISIS dưới đây.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: KTISIS**

Từ này, ktisis, được sử dụng với một sự khác biệt của nhiều nghĩa trong Tân Ước. Bộ từ điển ngôn ngữ cổ bởi Louw và Nida liệt kê những nghĩa có thể như sau.

1. sự sáng tạo (hành động sáng tạo (tạo hóa), Mác 13:19; Rô-ma 1:20-22; Ê-phê-sô 3:9)
2. sự tạo dựng (điều được dựng nên có sự sống, Mác 10:6; Rô-ma 1:25; 8:39; Cô-lô-se 1:15;23)

3. vũ trụ (tất cả những gì được tạo dựng, Mác 13:19; Rô-ma 8:20; Hê-bơ-rơ 9:11)
4. nguyên tắc, thể chế (1 Phi-e-rơ 2:13, [#42.39])
5. chính quyền (1 Phi-e-rơ 2:13, [#37.47])

Phao-lô cũng nhân hóa tạo vật trong Rô-ma 8:18-25. Ông mô tả sự tạo dựng mới của Đức Chúa Trời, thời kỳ mới, thời kỳ của Đức Thánh Linh trong 2 Cô-rinh-tô 5:17 và Ga-la-ti 6:15. Các tín hữu cần phải sống như những công dân của thời kỳ mới (Rô-ma 6:4).

▣ **" Đức Chúa Trời chỉ tạo dựng một nam và một nữ "** Hôn nhân đã nằm trong kế hoạch nguyên thủy của sự sáng tạo của Đức Chúa Trời (theo Sáng Thế Ký 1:27). Tình dục đã là một món quà đến từ Đức Chúa Trời để hoàn thành mục đích của Ngài để làm đầy đầy trái đất (Sáng Thế Ký 1:28).

**10:7 " người nam phải lia cha mẹ mình "** Đây là một sự trích dẫn khác từ Sáng Thế Ký (Mác 2:24). Nó chỉ ra vị trí cao của hôn nhân, nằm trên ngay cả thẩm quyền của cha mẹ. Cần có một sự phân lia cần thiết về mặt tư tưởng khỏi cha mẹ thậm chí nếu không phải là một sự phân lia về mặt thuộc thể (một vài thể hệ sống cùng với nhau).

Câu này cũng được trích từ Sáng 2:24. Trong hôn nhân, hai đã trở nên một—về mặt cơ thể, cảm xúc, và trong tất cả mọi khía cạnh. Điều này bày tỏ sự vững bền của sự kết hôn trong kế hoạch của Đức Chúa Trời.

Môi-se đã sống qua nhiều năm xa cách khỏi những sự kiện được ghi lại trong Sáng Thế Ký. Trong sự sáng tạo trong Sáng Thế Ký ông đã đọc những nan đề về sau về sự ưu tiên hôn nhân ngược lại vào trong bối cảnh của cặp vợ chồng đầu tiên.

**10:9 " Đức Chúa Trời đã phối hợp "** Cụm từ này nguyên văn là "mang ách cùng với nhau." Sự ly hôn là một trong những cách của con người sa ngã phá vỡ tách rời khỏi những gì Đức Chúa Trời đã thiết lập như là một quy tắc xã hội tiêu chuẩn (hôn nhân là một trụ cột của một xã hội bền vững, Phục Truyền 5:16,33; 4:40; 32:47, " ở lâu dài trong xứ mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời người ban cho người"). Đây là một ví dụ hay về một tín hữu giao ước yêu thích ý muốn của anh ta/cô ta hơn là ý muốn của Đức Chúa Trời.

▣ **" loài người không được phân rẽ "** Đây là một Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative) với một phân từ phủ định (negative particle), vốn thường có ý nghĩa chấm dứt một hành động đã ở trong một tiến trình. Để xem một bài thảo luận hay về hôn nhân, gia đình và sự ly hôn hãy xem *New Testament Theology*, của Frank Staff, ở trang 296-302.

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 10:10-12

<sup>10</sup> Khi ở trong nhà, các môn đồ lại hỏi Ngài về vấn đề này; <sup>11</sup> Ngài phán: "Người nào ly dị vợ để cưới người khác là phạm tội ngoại tình đối với vợ. <sup>12</sup> Còn nếu người đàn bà ly dị chồng để kết hôn với người khác thì cũng phạm tội ngoại tình."

**10:10 " các môn đồ lại hỏi Ngài về vấn đề này "** Ma-thi-ơ 19:10 ghi lại sự kinh ngạc của các môn đồ. Họ rất tò mò về những gì họ đã được dạy dỗ liên quan đến sự ly dị và tái hôn. Cụm từ này bày tỏ của cấu trúc Chúa Jesus dạy dỗ công khai và giải nghĩa cách riêng tư. Nhưng thời gian riêng tư này luôn là cơ hội để huấn luyện Nhóm Mười Hai Người trong một cách hiểu thích đáng và một quan điểm đối mới triệt để của Vương Quốc Đức Chúa Trời. Chúa Jesus tập chú vào thẩm quyền tối thượng nơi chính Ngài, chứ không phải Cựu Ước (Ma-thi-ơ 5:17-19), dù Ngài tôn trọng và thường khẳng định Cựu Ước.

**10:11-12 " phạm tội ngoại tình. . . phạm tội ngoại tình "** Cả hai đều là những động từ thể chỉ định thì hiện tại (present indicative verbs). Hình thái (morphology) của từ "tội ngoại tình" trong tiếng Koine Hy Lạp có thể là trung cách hoặc thể bị động. Ma-thi-ơ 5:32, vốn nói về cùng một chủ đề, dùng một nguyên mẫu thụ động thì bất định (aorist passive infinitive). Điều này ngụ ý rằng tất cả các hình thái từ đều ở thể bị động. Nếu điều này là chính xác, thì như vậy bản thân không phải sự ly dị hoặc tái hôn là phạm tội ngoại tình, nhưng là hành động hợp lệ bỏ rơi người phụ nữ, vốn làm cho bà trở nên bị bêu xấu như một người đàn bà ngoại tình theo văn hóa. Nguyên văn "bà bị khiến trở nên phạm tội ngoại tình." Đây không phải là một sự ngăn cấm trọn vẹn việc tái hôn. Nó liên hệ với một khía cạnh thần học của sự giải nghĩa Kinh Thánh của người Do Thái (trường phái Hillel và Shammai).

Tuy nhiên, sự chia rẽ giao ước hôn nhân giữa các tín hữu (là những người đã thề hứa bởi danh của Đấng Christ sẽ vẫn luôn ở trong sự hôn nhân) đã, đang và sẽ chưa bao giờ là ý định của Đức Chúa Trời. Các tín đồ



cần phải nắm chặt lấy một 'tiêu chuẩn của vương quốc' cao hơn. Sự ly hôn thương là điều ít xấu hơn của hai điều xấu; nó không phải là một tội không thể tha thứ! Hãy xem ghi chú tại Mác 10:4.

**10:12 " nếu người đàn bà ly dị chồng để kết hôn với người khác thì cũng phạm tội ngoại tình "** Cách dịch này đi theo cách dịch của phần Kinh Thánh trong bản Alexandrian Greek. Những bản Tây Phương đọc là "Rằng bà rời khỏi chồng mình, nhưng không ly dị và kết hôn với một người khác, vì thế, phạm tội ngoại tình." Phần Kinh Thánh song hành trong Ma-thi-ơ 19: 1-12 đã bỏ câu này đi, có lẽ bởi vì sách Ma-thi-ơ, vốn được viết cho người Do Thái, không cần thêm vào câu này. Trong Do Thái Giáo, người đàn bà không có quyền ly hôn chồng của họ. Sách Mác, vốn được viết cho Người Ngoại, ghi lại điều này để chỉ ra khía cạnh toàn cầu của sự dạy dỗ của Chúa Jesus. Điều này tập chú vào sự bình đẳng giữa người vợ và người chồng, được bày tỏ trong luật pháp của người La Mã. Đây là một bằng chứng khác rằng sách Mác được viết cho người La Mã. Chúa Jesus ủng hộ và luôn đứng về phía gia đình (Mác 10:13-16)!

▣ **"nếu"** Đây là một Câu điều kiện bậc ba (Third class conditional sentence) vốn có ý nghĩa về một hành động tiềm năng.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 10:13-16**

**<sup>13</sup> Người ta đem con trẻ đến với Đức Chúa Jêsus để được Ngài đặt tay trên chúng, nhưng các môn đồ trách họ. <sup>14</sup> Thấy vậy, Ngài giận và bảo các môn đồ: "Hãy để con trẻ đến cùng Ta, đừng ngăn cấm chúng, vì vương quốc Đức Chúa Trời thuộc về những ai giống như các con trẻ ấy. <sup>15</sup> Thật, Ta bảo các con, ai không tiếp nhận vương quốc Đức Chúa Trời như một đứa trẻ thì sẽ không vào đó được." <sup>16</sup> Rồi Ngài ẵm những đứa trẻ ấy, đặt tay trên chúng và ban phước cho.**

**10:13" đem "**Đây là một thì chưa hoàn thành (imperfect tense). Những phụ huynh tiếp tục mang con cái của họ đến với Ngài cho một sự chúc phước ra-bi truyền thống. Điều này không liên quan gì đến sự cứu rỗi dành cho những em bé này. Chúng đã được xem là một bộ phận của Y-sơ-ra-ên bởi sự cắt bì và chờ đợi cho sự chuyển tiếp trở thành một người trưởng thành giao ước trọn vẹn vào mười hai tuổi cho các bé gái và mười ba tuổi cho các bé trai.

▣ **" con trẻ "** Lu-ca 18:15 chép là "những bé sơ sinh." Những em bé gái Do Thái dưới 12 tuổi và những em bé trai dưới 13 tuổi được xem như là trẻ em.

▣ **" đặt tay "** Ma-thi-ơ 19:13 chép là "đặt tay Ngài trên chúng" (Mác 10:16). Việc cha mẹ yêu cầu các ra-bi chúc phước cho con cái của họ rất thông dụng trong thời của Chúa Jesus. Cùng một hành động trên được thấy trong Sáng 48:từ câu 8. Điều này thường được thực hiện vào ngày sinh nhật của đứa trẻ. Sự chúc phước này thiên về sự bình an trong tâm trí của các bậc cha mẹ hơn là tình trạng "được cứu và hư mất" của đứa trẻ!

▣ **" các môn đồ trách họ "** Từ "họ" ở đây có nghĩa rất mơ hồ, nên các nhà sao chép Kinh Thánh thêm vào "những người đã mang chúng đến (bản NKJV). Tuy nhiên, điều này không có trong những bản thảo cổ tiếng Hy Lạp  $\alpha$ , B, và C, nhưng được thêm vào các bản A, D, và W. Cách đọc ngắn hơn cũng được thấy trong Ma-thi-ơ 19:13 và Lu-ca 18:15. Trẻ em ở khu Vực Cận Đông không có được một vị trí ưu tiên như chúng có ở Phương Tây. Các môn đồ có lẽ đã suy nghĩ rằng họ muốn bảo vệ Chúa Jesus khỏi những hoạt động chiêu lệ, gây gián đoạn. Tuy nhiên, đối với Chúa Jesus con người luôn luôn được ưu tiên.

#### **10:14**

**NASB, NKJV,**

**NJB**

**NKJV**

**TEV**

**"Ngài phẫn nộ"**

**"Ngài rất không hài lòng"**

**"Ngài giận"**

Đây là một từ mạnh được sử dụng trong Mác 10:41 để chỉ về cơn giận của các sứ đồ khác đối với Gia-cơ và Giăng bởi vì họ đã hỏi xin vị trí lãnh đạo và trong Mác 14:4 dành cho sự oán giận của Giu-đa dành cho sự xúc đầu dành cho Chúa Jesus. Ma-thi-ơ cũng sử dụng từ này một vài lần (theo Mác 20:24; 21:15; 26:8).

Phúc Âm Mác bày tỏ nhân tính của Chúa Jesus bằng cách ghi chép lại những cảm xúc của Ngài (*Jesus and the Rise of Early Christianity* của Paul Barnett, trang 156).

1. Sự thương xót dành cho người phung hủi (Mác 1:40-42)
2. Sự giận dữ đối với sự cứng lòng của Những người Pha-ri-si (Mác 3:1-5)
3. Sự phẫn nộ đối với các môn đồ (Mác 10:13-16)
4. Yêu thương đối với người lãnh đạo trẻ giàu có (Mác 10:17-22)
5. Sầu não nặng nề trong Vườn Ghết-sê-ma-nê (Mác 14:33-34)
6. Cảm thấy bị bỏ rơi nơi thập tự giá (Mác 15:34)

Chúa Jesus thường bày tỏ những khó khăn với các môn đồ (Mác 6:52; 8:17; 9:19). Ngài nhìn thấy trẻ em như là những tạo vật quan trọng của Đức Chúa Trời và Ngài yêu chúng. Ngài thường dùng trẻ em như là những đối tượng dạy dỗ về đức tin thật cho các môn đồ.

▣ **"Hãy để con trẻ đến cùng Ta"** Đây là một thể mệnh lệnh chủ động bất định (aorist active imperative), vốn mô tả sự khẩn cấp hoặc nhấn mạnh.

▣ **"đừng ngăn cấm chúng"** Đây là một thể mệnh lệnh thì hiện tại (present imperative) với một tiểu từ phủ định (negative particle) thường có ý nghĩa chấm dứt một hành động đã trong tiến trình.

▣ **"vương quốc Đức Chúa Trời"** Đây là cụm từ phúc âm chỉ về sự ngự trị của Đức Chúa Trời trong những tâm lòng con người ngay bây giờ và một ngày sẽ cai trị trọn vẹn toàn bộ trên đất cũng như thiên đàng. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 1:15.

**10:15 "Thật"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: A-men tại Mác 3:28.

▣ **"ai không tiếp nhận"** Cụm từ này chỉ về những người trưởng thành. Chúa Jesus thường sử dụng trẻ em như những ví dụ thuộc linh (Ma-thi-ơ 18). Tân Ước là một sự khởi đầu dành cho những người lớn. Nó không bày tỏ về tình trạng thuộc linh của trẻ em!

Từ trong tiếng Hy Lạp *dechomai* nguyên gốc có nghĩa là "nắm giữ một điều gì đó." Trong nghĩa này thì nó song hành với *lambanō*. Nó được sử dụng trong nghĩa "nhận lãnh" hoặc "tin cậy" hoặc "chào đón." Có thể có một sự phân biệt tinh tế trong nghĩa của từ *dechomai* nhấn mạnh về người trao, trong khi từ *lambanō* phản ánh một sự tham gia chủ động bởi người nhận (theo *Greek-English Lexicon of the New Testament Based on Semantic Domains* của Louw và Nida, tập 1, trang 572, phân ghi chú ở cuối trang thứ 31).

Sự nhấn mạnh thần học rằng con người phải "nhận," "tin cậy," "chào đón" Chúa Jesus. Sự cứu rỗi liên hệ với việc chào đón một người, tin cậy những lẽ thật về người đó (phúc âm), và sống một đời sống học bắt chước theo người đó. Có một sự khía cạnh khởi đầu và một khía cạnh tiếp diễn cách nguyện ý dành cho sự cứu rỗi.

▣ **"sẽ không vào đó được"** Đây là một cấu trúc ghép nhân đôi phủ định mạnh mẽ (strong double negative construction) vốn có nghĩa là "không, không bao giờ."

Trong một nghĩa Chúa Jesus đang nhận diện Vương Quốc của Đức Chúa Trời như sự tin cậy và đức tin nơi Ngài và những sự dạy dỗ của Ngài như con trẻ. Điều này có vẻ không thể chấp nhận được trong thời đại của chúng ta, nhưng nó rõ ràng là một sự dạy dỗ hiển nhiên của Tân Ước. Nó thường được gọi là "sự riêng biệt gây xôn xao dư luận của phúc âm." Nhưng nó là đúng đắn. Đức tin nơi Chúa Jesus chính là cách duy nhất để đến với Cha (Giăng 14:6)! Điều này sẽ dẫn đến sự cầu nguyện, làm chứng và sự khiêm nhường thay vì sự kiêu căng, đoán xét và kiêu ngạo!

**10:16 "Rồi Ngài ẵm những đứa trẻ ấy"** Đây là một chi tiết chứng kiến tận mắt khác của Phi-e-rơ, cũng giống như 9:36.

▣ **"đặt tay trên chúng và ban phúc cho"** Chúa Jesus dành thời gian cho mỗi một em. Chúng ta có thể tin cậy giao phó con cái chúng ta cho tình yêu của Đức Chúa Trời vốn được bày tỏ quá rõ ràng trong Chúa Jesus. Cũng như cách Chúa Jesus đã nâng vị trí và giá trị xã hội của người phụ nữ, thì cũng vậy, với trẻ em. Hãy xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĐẶT TAY TRONG KINH THÁNH tại Mác 7:32.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 10:17-22**

<sup>17</sup> Khi Đức Chúa Jêsus vừa khởi hành, có một người chạy đến, quỳ trước mặt Ngài và hỏi: "Thưa Thầy nhân lành, tôi phải làm gì để được hưởng sự sống đời đời?" <sup>18</sup> Đức Chúa Jêsus đáp: "Tại sao ngươi gọi Ta là nhân lành? Không ai là nhân lành cả, ngoài một mình Đức Chúa Trời." <sup>19</sup> Hẳn ngươi biết các điều răn:

**‘Đừng giết người; đừng phạm tội ngoại tình; đừng trộm cắp; đừng làm chứng dối; đừng lừa đảo; hãy hiếu kính cha mẹ người.’”<sup>20</sup> Người ấy nói: “Thưa Thầy, tôi đã tuân giữ mọi điều đó từ thuở niên thiếu.”<sup>21</sup> Đức Chúa Jêsus trừu mến nhìn anh và nói: “Người còn thiếu một điều. Hãy đi, bán những gì mình có và phân phát cho người nghèo thì người sẽ có kho báu ở trên trời; rồi hãy đến theo Ta.”<sup>22</sup> Nghe vậy, anh sa sầm nét mặt, rồi buồn bã bỏ đi, vì anh ta có quá nhiều của cải.**

**10:17 " Khi Đức Chúa Jêsus vừa khởi hành "**Phúc âm của Mác được mô tả bởi những cuộc hành trình của Chúa Jesus. Đây chính là kỹ thuật văn học của sách Mác để cấu trúc sự giới thiệu của ông về những hồi ức (hoặc bài giảng) của Phi-e-rơ.

▣ **" một người "**Ma-thi-ơ 19:20 thêm vào tính từ "trẻ"; Ma-thi-ơ 19:22 thêm vào "Ông là một người có rất nhiều tài sản (giàu có)"; trong khi Lu-ca 18:18 gọi ông là một "quan (lãnh đạo)." Người đàn ông này rõ ràng là một công dân giàu có, đạo đức, quan trọng và là một lãnh đạo tôn giáo. Từ "quan (lãnh đạo)" hàm ý rằng ông là một lãnh đạo trong một nhà hội địa phương. Hãy xem CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CÔNG CHÍNH tại 1 Phi-e-rơ 3:14.

▣ **" chạy đến, quỳ "** Đây là một hành động bất thường của một người đàn ông giàu có Phương Đông nơi công cộng. Người đàn ông này có vẻ chân thành trong câu hỏi của ông và khao khát được biết. Đây không phải là một sự cố gắng để thử hoặc gài bẫy Chúa Jesus.

▣ **" Thầy nhân lành "** Cụm từ này mở đầu cơ hội cho Chúa Jesus để có thể dò xét về quan điểm thuộc linh của người đàn ông này (Mác 10:18). Từ "tốt lành (nhân lành)" (*agathos*) có thể được hiểu trong vài cách (tốt, đem lại ích lợi, rộng rãi, hữu ích, công chính, hoặc đạo đức). Người đàn ông có ý nói theo một cách, nhưng Chúa Jesus lại dùng nó theo ý nghĩa cao nhất.

▣ **" tôi phải làm gì "** Sự hiểu biết về những vấn đề thuộc linh của ông tập chú vào những hành động của mình. Người này đã đắm chìm trong việc thực hiện truyền thống (lời truyền khẩu) ra-bi Do Thái (Ma-thi-ơ 19:16).

▣ **" để được hưởng "** Cụm từ quen thuộc này ngụ ý về một mối quan hệ riêng tư với Đức Chúa Trời. Trong Cựu Ước, các thầy tế lễ đã được cho là phần thừa kế của Đức Chúa Trời và Ngài là của họ bởi vì họ không được phân chia đất mà tất cả các chi phái đều nhận được. Chính câu hỏi ngày ngụ ý rằng người đàn ông tin rằng ông được chấp nhận hoàn toàn bởi Đức Chúa Trời, nhưng chỉ muốn khẳng định chắc chắn.

▣ **" sự sống đời đời "** Ý tưởng về đời sau (hoặc một vương quốc lai thế học) đến từ những đoạn Kinh Thánh như Đa-ni-ên 12:2 hoặc Gióp 14:14; 19:25-27. Những người Pha-ri-si khẳng định về đời sau trong những thuật ngữ thuộc thể. Họ đã rất tự tin rằng YHWH sẽ ban cho họ sự sống đời đời bởi vì (1) sự nhận diện chính mình bởi nguồn gốc dân tộc của họ (con cái của Áp-ra-ham) và (2) sự thực hiện Lời Truyền Khẩu (bộ Talmud).

**10:18" nhân lành "**Từ này được sử dụng để bày tỏ về chuẩn mực đúng đắn duy nhất của sự so sánh với sự công chính của Đức Chúa Trời. Từ " công chính " xuất phát từ một từ ghép Cựu Ước (cây sậy sông), được sử dụng như là một chuẩn mực hoặc một cây thước.

▣ **" Không ai là nhân lành cả, ngoài một mình Đức Chúa Trời "**Chúa Jesus không đưa ra sự tuyên bố này để chỉ về sự tốt lành của Ngài, nhưng Ngài muốn làm thất vọng choáng váng suy nghĩ cạn kiệt của người đàn ông này về Đức Chúa Trời và về sự tốt lành thật sự (Ma-thi-ơ 5:48). Đây có thể là một sự ngụ ý Cựu Ước chỉ đến 1 Sứ Ký 16:34; 2 Sứ Ký 5:13; 7:3; Thi 25:8; 86:5; 100:5; 106:1; 107:1; 118:1; Ezra 3:11.

Phần Kinh Thánh song hành trong Ma-thi-ơ thay đổi câu hỏi thành "Thưa Thầy, tôi phải làm điều tốt lành nào tôi sẽ phải làm để đạt được sự sống đời đời?" (Ma-thi-ơ 19:16). Sự thay đổi này cho một sự gợi ý về khái niệm của ông về sự tốt lành và sự đạt được của ông về về sự tốt lành đó (Mác 19:20).

**10:19 "** người biết các điều răn "**"**Đây là một sự tóm tắt của nửa thứ hai của Mười Điều Răn, vốn nói về những thành viên giao ước phải đối xử với những người (thành viên giao ước) khác.

▣ "' **đùng lừa đảo** "' Điều này chỉ đến sự tham muốn. Mạng lệnh này, được nhắc đến, không phải là một phần của Mười Điều Răn, cũng không tìm được thể này bất kỳ nơi đâu trong Cựu Ước. Trong các phần Kinh Thánh song hành trong Ma-thi-ơ 19:18-19 và Lu-ca 18:20 cũng không tìm thấy cụm từ này. Tuy nhiên, để công bằng, Ba Sách Tin Lành cộng quan đều bất đồng với nhau trong cách Chúa Jesus trích dẫn về Mười Điều Răn. Điều này một lần nữa là một nan đề phổ biến đối với những lời làm chứng chứng kiến tận mắt. Chắc chắn nó không ảnh hưởng đến sự thần cảm hoặc sự đáng tin cậy của các phần tường thuật của các sách Phúc Âm!

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: MƯỜI ĐIỀU RĂN (Xuất 20:1-17; Phục 5:6-21)**

#### I. Những Thuật Ngữ

- A. Nguyên Văn là "Mười Lời Phán" (Xuất 34:28; Phục 4:13; 10:4).
- B. Clement of Alexandria gọi nó là "Mười Điều Răn" (*Deka Logous*) và cách gọi này được đi theo bởi các giáo phụ hội thánh đầu tiên.
- C. Trong Kinh Thánh nó được gọi là:
  1. "Giao Ước" ( Từ Hê-bơ-rơ *berith*, Xuất 34:28; Phục 4:13; 9:9; Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Giao Ước)
    - a. Từ tiếng Akkad, *barah* – ăn ( một bữa ăn thông thường)
    - b. Từ tiếng Akkad, *biritu* – giao kết một sự ràng buộc ( một giao kèo giữa nhiều người)
    - c. Từ tiếng Akkad, *birit* – giữa ( sự thỏa thuận giữa hai phía)
    - d. *baru* – ném trái ( một nghĩa vụ)
  2. "Lời Chứng" – Xuất 16:34; 25:16 ( hai bảng đá)

#### II. Mục đích

- A. Chúng bày tỏ về đặc tính của Đức Chúa Trời (Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những Đặc Tính của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên [Cựu Ước])
  1. Độc nhất và có thẩm quyền ( độc thần; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: tư tưởng độc thần)
  2. Đạo đức, cả về mặt xã hội và mặt cá nhân
- B. Chúng được dùng cho
  1. Tất cả mọi người bởi vì chúng bày tỏ ý định của Đức Chúa Trời cho nhân loại và tất cả mọi người đều được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời.
  2. Chỉ những tín đồ giao ước bởi vì không thể hiểu được nó nếu như không có sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời
  3. C. S. Lewis – theo nghĩa nội hàm uân lý, ngay cả ở giữa những tộc người ban đầu (Rô-ma 1:19-20; 2:14-15), được phản ánh ở đây.
- C. Cũng như tất cả các bộ luật cổ xưa, chúng là
  1. Để điều chỉnh và kiểm soát những mối liên hệ giữa con người
  2. Giữ gìn sự vững bền của xã hội
- D. Chúng kết nối những nhóm nhóm nô lệ hỗn tạp và những nhóm người Ai Cập bị ruồng bỏ thành một cộng đồng của đức tin và luật pháp. theo B. S. Childs, *Old Testament Library, Exodus*—"tám khía cạnh tiêu cực chỉ ra những giới hạn phải ngoài của giới hạn của giao ước. Sẽ không có tội nhẹ không đáng kể nhưng tất cả sẽ phá vỡ cấu trúc mà dựa trên nó mối liên hệ Đấng Thánh-con người dựa trên nó. Hai khía cạnh tích cực chỉ ra định nghĩa của sự sống trong giao ước. Mười Điều Răn có vẻ hướng cả về bề ngoài và bên trong; nó kiểm soát con đường sự chết và chỉ về con đường sự sống; (trang 398).

#### III. Những tài liệu song hành (tương đồng)

##### A. Kinh Thánh

1. Mười điều răn được chép hai lần, trong Xuất 20 và Phục 5. Sự khác biệt nhỏ trong điều răn thứ tư, năm và mười chỉ ra sự thích nghi của những nguyên tắc chung với những tình huống khác nhau.
2. Tuy nhiên, tính chất giống nhau chỉ về độ chính xác mà từ đó chúng được truyền đi.
3. Chúng có lẽ đã được đọc và được tái xác nhận một cách định kỳ, giống như Giô-suê 24 chỉ ra.

##### B. Về văn hóa

1. Những bộ luật khác từ khu vực Cận Đông Cổ Đại
  - a. *Ur-Nammu* (Người Sumer, 2050 TC) đến từ thành phố U-ru
  - b. *Lipit-Ishtar* (Người Sumer, 1900 TC) đến từ thành phố Isin

- c. *Eshnunna* (Người Akkad, 1875 TC) đến từ thành Eshunna
  - d. Bộ luật Hammurabi (Người Ba-by-lôn, 1690 B.C.) đến từ Ba-by-lôn nhưng Văn Bia được tìm thấy ở Susa
2. Hình thức của bộ luật trong Xuất 20:18-23:37 có nhiều điểm chung với những bộ luật Cận Đông Cổ Đại khác. Tuy nhiên, Mười Điều Răn vẫn trong một thể độc nhất vốn ngụ ý chỉ về thẩm quyền trên chúng (những mạng lệnh ngôi số 2-cách hiển nhiên).
  3. Sự kết nối văn hóa rõ ràng nhất chính là với Hiệp Ước Chur Hâu của Người Hê-tít vào năm 1450-1200 B.C. Một vài điều tiêu biểu có thể thấy về sự tương tự này là
    - a. Mười Điều Răn
    - b. Sách Phục Truyền
    - c. Giô-suê 24
  4. Các yếu tố của những Hiệp Ước này là
    - a. Sự Thừa Nhận Vị Vua
    - b. Sự mô tả về những hành động vĩ đại của ngài
    - c. Những nghĩa vụ giao ước
    - d. Sự hướng dẫn để đặt hiệp ước vào nơi đền thánh với mục đích đọc trước dân chúng
    - e. Các Thần của hai phía được cầu gọi như là những chứng nhân
    - f. Những phước hạnh cho sự trung thành và những rủa sả cho các vi phạm
  5. Một vài tài liệu hay về chủ đề này
    - a. George Mendenhall, *Law and Covenant in Israel and the Ancient Near East*
    - b. Dewey Beegle, Moses, *The Servant of Yahweh*
    - c. W. Bezzel, *Origin and History*
    - d. D. J. McCarthy, *Treaty and Covenant*

#### IV. Cấu trúc bên trong

- A. Alt, trong quyển sách ông viết, *The Origins of Israelite Law*, là người đầu tiên đưa ra sự khác biệt giữa (luật) hiển nhiên và phán quyết.
  1. Luật phán quyết chính là hình thức phổ biến của Luật Lệ Khu Vực Cận Đông Cổ Đại vốn bao hàm một điều kiện – "nếu" = "thì"
  2. Luật hiển nhiên là một thể loại hiếm vốn diễn tả một mạng lệnh trực tiếp, "Người phải. . ." hoặc "Người chớ. . ."
  3. Roland de Vaux trong *Ancient Israel: Social Institutions*, tập 1, trang 146, cho biết luật phán quyết được sử dụng căn bản trong các phạm vi thế tục và luật hiển nhiên trong các phạm vi thánh.
- B. Mười Điều Răn căn bản là tiêu cực trong cách bày tỏ của nó – 8 trên 10 (điều được bày tỏ theo cách tiêu cực: không được). Hình thức ngữ pháp của nó là NGÔI THỨ HAI SỐ ÍT (SECOND PERSON SINGULAR). Chúng có thể có nghĩa để chỉ đến toàn bộ cộng đồng Giao Ước, hoặc mỗi thành viên cá nhân, hoặc cả hai!
- C. Hai bảng đá (Xuất 24:12; 31:18) thường được dịch như trong sự liên hệ trong khía cạnh chi tiết và tổng quan với Mười Điều Răn. Mối liên hệ giữa con người với YHWH được bày tỏ ra trong bốn điều răn và mối quan hệ giữa con người với những người khác trong 6 điều răn còn lại. Tuy nhiên, trong ánh sáng của những hiệp ước Chur Hâu Hê-tít, chúng có thể có hai bản chép của toàn bộ danh sách những điều răn.
- D. Lịch sử đánh số của Mười Điều Răn
  1. Hiển nhiên chúng ta có mười điều quy định. Tuy nhiên, sự phân biệt chính xác thì không được đưa ra.
  2. Người Do Thái liệt kê Xuất 20:2 là điều răn thứ nhất. Với mục đích giữ số mười, họ nhóm Xuất 24:3-6 thành điều răn thứ hai.
  3. Những hội thánh Công Giáo La Mã và Lutheran, đi theo Augustine, nhóm Xuất 20:3-6 thành điều răn thứ nhất với mục đích giữ số mười, và chia câu 17 ra thành hai điều răn riêng biệt.
  4. Những hội thánh cải chánh, đi theo Origen và những Hội Thánh Phương Đông và Phương Tây, nhấn mạnh rằng Xuất 20:3 là điều răn thứ nhất. Đây chính là quan điểm Do Thái cổ xưa được bày tỏ bởi Philo và Josephus.

#### V. Các Cơ Đốc Nhân Liên Hệ như thế nào với Mười Điều Răn?

- A. Những quan điểm rất cao của Chúa Jesus về Kinh Thánh được chép lại trong Bài Giảng trên Núi trong Ma-thi-ơ 5-7 và đặc biệt trong 5:17-48, vốn chỉ ra cho chúng ta sự nghiêm trọng của câu hỏi. Bài Giảng của Ngài hầu như dựa trên nền tảng của Mười Điều Răn và sự áp dụng thích đáng của chúng.
- B. Những quan điểm về mối quan hệ
1. Dành cho tín đồ
    - a. Roy Honeycutt, *These Ten Words*
      - (1) "Chúng ta không bao giờ vượt trội hơn Mười Điều Răn bởi vì chúng ta không bao giờ vượt trội hơn Đức Chúa Trời được" (câu 7).
      - (2) "Bởi vì Mười Điều Răn chính là những lời chứng về Đức Chúa Trời, vì vậy trong một nghĩa sự liên quan gắn kết của chúng và sự liên hệ của Đức Chúa Trời bện vào nhau gắn nhau không thể chia lìa. Và kết quả là, nếu như Đức Chúa Trời quá liên quan, gắn kết với cuộc đời của bạn, thì Mười Điều Răn cũng liên quan sâu sắc bởi vì chúng được viết về đặc tính và những mạng lệnh của Đức Chúa Trời" (trang 8).
    - b. Cá nhân, chúng ta phải nhìn thấy những hướng dẫn này như một sự ban hành một mối liên hệ đức tin đã được thiết lập từ trước. Để cắt lìa chúng khỏi đức tin và sự kết ước với Đức Chúa Trời chính là phá hủy chúng. Vì vậy, đối với tôi, chúng chỉ mang khía cạnh toàn cầu trong nghĩa Đức Chúa Trời muốn toàn bộ con người biết Ngài. Họ cũng liên hệ trong sự chứng thực nội hàm về Đức Chúa Trời dành cho toàn bộ nhân loại được tạo dựng của Ngài. Phao-lô đã mô tả về điều này trong Rô-ma 1:19-20; 2:14-15. Trong nghĩa này, Những Điều Răn phản ánh một ánh sáng soi dẫn rằng có một sự liên hệ bên trong dành cho toàn nhân loại.
  2. Cho tất cả mọi người, trong mọi xã hội, ở mọi thời đại
    - a. Theo Elton Trueblood, *Foundations for Reconstruction*. "Tiền đề của quyển sách nhỏ này là để phục hồi luật về luân lý, như sự trình bày của Mười Điều Răn Do Thái, là một trong những cách và trong nó một sự giải thoát cho sự suy tàn có thể được tìm thấy" (trang 6).
    - b. Theo George Rawlinson, *Pulpit Commentary*, "Một sự Xuất Hành"
 

"Chúng được thiết lập cho mọi thời đại một sự tổng kết cô đọng dành cho nghĩa vụ của con người vốn mang (hình ảnh) Đấng Thánh trên gương mặt họ, vốn phù hợp với tất cả các hình thức xã hội của con người, và vì vậy, cho đến khi thế giới vẫn còn có thể tồn tại được, thì không thể trở nên lỗi thời, không còn sử dụng được. Sự sử dụng Mười Điều Răn chính là sự tổng kết tốt nhất của mọi luật lệ đạo đức bởi các cộng đồng Cơ Đốc được xưng công chính trên nền tảng này, và chính nó đã cung cấp một lời chứng nhấn mạnh cho sự tuyệt vời vượt trội của bản tóm lược này" (trang 130).
  3. Chúng không phải, như chúng chưa bao giờ là những phương tiện của sự cứu chuộc của Đức Chúa Trời dành cho nhân loại sa ngã. Phao-lô đã khẳng định rõ ràng điều này trong Ga-la-ti 2:15-4:31 và Rô-ma 3:21-6:23. Chúng phục vụ như là những hướng dẫn cho con người trong xã hội. Chúng chỉ đến Đức Chúa Trời và sau đó đến với những đồng loại của họ. Lỡ mất yếu tố đầu tiên chính là sự bỏ lỡ tất cả! Những luật lệ về đạo đức, mà không có sự biến đổi, bên trong tâm lòng, chính là hình ảnh của sự sa ngã không còn hy vọng của con người! Mười Điều Răn có hiệu lực, nhưng chỉ như là một sự chuẩn bị để gặp gỡ Đức Chúa Trời trong sự bất khả của chúng ta. Chia cắt chúng khỏi sự cứu chuộc thì chúng chỉ là những sự chỉ dẫn mà không được hướng dẫn!

**10:20** " " **tôi đã tuân giữ mọi điều đó** " Người đàn ông này đã thực hiện mọi nghĩa vụ tôn giáo của nền văn hóa của ông. Sứ Đồ Phao-lô cũng đã cảm thấy rằng ông đã hoàn thành những yêu cầu tôn giáo (Công Vụ 23:1-2; Phi-líp 3:6). Người này không nói dối. Ông tin mình là không chê trách được trước mặt Đức Chúa Trời.

▣ " **từ thuở niên thiếu** " Câu này chỉ về lễ *Bar Mitzvah* vào độ tuổi 13 bởi đó một cậu bé có thể trở nên một người đàn ông và có trách nhiệm gìn giữ luật pháp.

**10:21** " **Đức Chúa Jesus triu mến nhìn anh** " Câu này là độc nhất trong Mác. Tình yêu của Chúa Jesus, tuy nhiên, đã không hạ thấp những chuẩn mực của Vương Quốc Đức Chúa Trời. Ở đây một nghịch lý của một tình yêu không điều kiện yêu cầu một sự đáp ứng thích hợp của đức tin.

▣ **“ Người còn thiếu một điều ”** Bình luận này rất giống với Mác 12:34. Chúa Jesus đã nhận ra rằng con người ở những mức độ gần hoặc xa hơn khỏi Vương Quốc thật, vốn không phải là dựa trên điều kiện sự thi hành Luật pháp Môi se hoặc sự nhận diện chính mình bởi nguồn gốc dân tộc của mình (Theo Giăng 8:33), nhưng là đức tin cá nhân nơi Ngài. Nhà lãnh đạo tôn giáo này đến với tinh thần đứng đắn, đến với người đứng, và hỏi câu hỏi đúng, nhưng có vẻ như đã không thể đưa ra được sự lựa chọn quyết định! Chúa Jesus không hạ thấp chuẩn mực! Người đàn ông rời đi cách đau buồn! Đã quá gần nhưng lại quá xa!

▣ **“ bán những gì mình có và phân phát cho người nghèo. . . rồi hãy đến theo Ta ”** Câu này chỉ về bản chất triệt để của đức tin Tân Ước (Lu-ca 14:33). Chúa Jesus biết được đâu là sự ưu tiên của người đàn ông này. Để trở thành một Cơ Đốc Nhân một người phải đặt để tất cả những sự ưu tiên khác xuống. Trong một nghĩa điều này khiến cho Cơ Đốc Giáo thật sự rất khó! Lời tuyên bố này, Chúa Jesus đã tập chú vào nửa đầu của Mười Điều Răn tập chú vào sự kết ước ưu tiên với Đức Chúa Trời và chỉ một mình Đức Chúa Trời mà thôi (theo Ma-thi-ơ 5:20).

Câu này cũng có thể biến thành một luật dành cho tất cả mọi tín đồ (sự nghèo khó là điều tốt nhất đối với Đức Chúa Trời). Nó cần phải được xem trong văn mạch của chính nó. Mỗi liên hệ Thuộc Linh giữa Đức Chúa Trời và con người phải ở trong sự ưu tiên trên những mối liên hệ thuộc thế (sự giàu có, danh vọng, công việc, gia đình, tài sản, và ngay cả chính sự sống). Nếu như những của cải, chính nó là xấu, tại sao chúng phải được ban phát cho người nghèo?

Thêm một điểm. Chúng ta luôn tập chú vào những mạng lệnh của Chúa Jesus, nhưng bạn có nhận ra rằng Chúa Jesus cũng đã ban cho người đàn ông này một sự thúc đẩy chưa từng xảy ra trước đó. Ngài mời gọi ông tham gia vào nhóm những môn đồ của Ngài! Cơ hội của ông rõ ràng là vĩ đại hơn cái giá phải trả của nó!

▣ **“ người sẽ có kho báu ở trên trời ”** Bởi vì sự phản nghịch của con người, những phước hạnh của Đức Chúa Trời được chuẩn bị trước cho đời sau (Mác 10:30; Ma-thi-ơ 5-7). Con người cần phải nguyện ý từ bỏ sự giàu có trong đời này như một minh chứng cho sự thay đổi đức tin thuộc linh thật sự, chứ nó không phải là một yêu cầu căn bản.

**10:22 " anh sa sầm nét mặt "** Điều này có thể được hiểu trong hai nghĩa: (1) kinh ngạc hoặc ngạc nhiên hoặc (2) nỗi buồn được bày tỏ bằng một gương mặt chán nản thất vọng hoặc u ám. Cả hai đều có ý nghĩa trong văn mạch này.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 10:23-27**

<sup>23</sup> Đức Chúa Jêsus đưa mắt nhìn quanh rồi phán với các môn đồ: “Người giàu vào vương quốc Đức Chúa Trời thật khó biết bao!” <sup>24</sup> Các môn đồ ngạc nhiên về những lời này. Nhưng Đức Chúa Jêsus lại phán: “Hỡi các con, những ai nương cậy vào sự giàu có để được vào vương quốc Đức Chúa Trời thật vô cùng khó khăn! <sup>25</sup> Lạc đà chui qua lỗ kim còn dễ hơn người giàu vào vương quốc Đức Chúa Trời.” <sup>26</sup> Các môn đồ vô cùng ngạc nhiên, nói với nhau: “Vậy thì ai có thể được cứu?” <sup>27</sup> Đức Chúa Jêsus nhìn họ và phán: “Loại người không thể làm được việc này, nhưng với Đức Chúa Trời thì khác; vì Đức Chúa Trời làm được mọi sự.”

**10:23 " Đức Chúa Jêsus đưa mắt nhìn quanh "** Biểu cảm này cũng được sử dụng một vài lần để chỉ ra sự chú ý của Chúa Jesus về việc những sự dạy dỗ của Ngài tác động đến những người khác như thế nào (Mác 3:5,34; 5:32; 10:23; 11:11). Chỉ có Lu-ca 6:10 là một câu Kinh Thánh song hành tương đồng. Đây là một điều đặc biệt duy nhất của ký ức Phi-e-ro.

▣ **“ Người giàu vào vương quốc Đức Chúa Trời thật khó biết bao ”** Điều này đã thực sự kinh ngạc đối với các môn đồ (Mác 10:24). Quan điểm truyền thống Cựu Ước, đặt nền tảng trên Phục Truyền 27-28, chính là của cải và sức khỏe có liên hệ trực tiếp với sự thực hiện giao ước của một người và những phước hạnh của Đức Chúa Trời. Đây chính là một vấn đề được nhắc đến bởi Gióp và Thi Thiên 73. Những người giàu có thường có khuynh hướng đặt sự tin cậy của chính mình nơi những nguồn tài nguyên của họ thay vì nơi Đức Chúa Trời.

#### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ GIÀU CÓ**

I. Quan điểm tổng thể từ Cựu Ước.

A. Đức Chúa Trời làm chủ tất cả:

1. Sáng Thế 1-2

2. 1 Sử Ký 29:11

3. Thi Thiên 24:1; 50:12; 89:11
  4. Ê-sai 66:2
- B. Con người chỉ là quản gia tài sản vì mục đích, chương trình của Đức Chúa Trời:
1. Phục Truyền 8:11-20
  2. Lê-vi ký 19:9-18
  3. Gióp 31:16-33
  4. Ê-sai 58:6-10
- C. Tài sản là một phần của sự thờ phượng.
1. hai loại “phần mười”
    - a. Dân Số 18:21-29; Phục Truyền 12:6-7; 14:22-27
    - b. Phục Truyền 14:28-29; 26:12-15
  2. Châm Ngôn 3:9
- D. Tài sản là món quà của Đức Chúa Trời cho sự vâng phục giao ước.
1. Phục Truyền 27-28
  2. Châm Ngôn 3:10; 8:20-21; 10:22; 15:6
- E. Cảnh cáo việc gia tăng tài sản của mình bởi sự thiệt thòi của người khác.
1. Châm Ngôn 21:6
  2. Giê-rê-mi 5:26-29
  3. Ô-sê 12:6-8
  4. Mi-chê 6:9-12
- F. Tài sản không phải là tội lỗi, nếu như nó không phải là sự tối ưu.
1. Thi Thiên 52:7; 62:10; 73:3-9
  2. Châm Ngôn 11:28; 23:4-5; 27:24; 28:20-22
  3. Gióp 31:24-28
- II. Quan điểm đặc biệt trong Châm ngôn.
- A. Tài sản trong khía cạnh sự cố gắng cá nhân
1. lười nhác bị phê phán – Châm Ngôn 6:6-11; 10:4-5,26; 12:24,27; 13:4; 15:19; 18:9; 19:15,24; 20:4, 13; 21:25; 22:13; 24:30-34; 26:13-16
  2. siêng năng được khích lệ. Châm Ngôn 12:11,14; 13:11
- B. Sự nghèo khó và giàu có được dùng để mô tả công chính và gian ác. Châm Ngôn 10:1ff; 11:27-28; 13:7; 15:16-17; 28:6,19-20
- C. Sự khôn ngoan (biết Chúa và biết đường lối của Ngài) tốt hơn sự giàu có. Châm Ngôn 3:13-15; 8:9-11,18-21; 13:18
- D. Cảnh cáo và khích lệ
1. cảnh cáo
    - a. cẩn thận khi cho hàng xóm vay mượn. – Châm Ngôn 6:1-5; 11:15; 17:18; 20:16;22:26-27; 27:13
    - b. cẩn thận khi làm giàu một cách bất chính. – Châm Ngôn 1:19; 10:2,15; 11:1; 13:11;16:11; 20:10,23; 21:6; 22:16,22; 28:8
    - c. cẩn thận đừng vay mượn – Châm Ngôn 22:7
    - d. Ý thức được sự mỏng manh của tài sản – Châm Ngôn 23:4-5
    - e. tài sản không giúp gì trong ngày phán xét. – Châm Ngôn 11:4
    - f. người giàu có nhiều “bạn” – Châm Ngôn 14:20; 19:4
  2. khích lệ
    - a. sự rộng rãi được khích lệ – Châm Ngôn 11:24-26; 14:31; 17:5; 19:17; 22:9,22-23; 23:10-11; 28:27
    - b. công nghĩa tốt hơn tài sản – Châm Ngôn 16:8; 28:6,8,20-22
    - c. nên cầu nguyện cho nhu cầu, không cho sự dư dật. Châm Ngôn 30:7-9
    - d. Ban cho người nghèo tức là cho Chúa mượn. – Châm Ngôn 14:31
- III. Quan điểm trong Tân Ước:
- A. Chúa Giê-su
1. Sự giàu có là nguồn cám dỗ khi đặt lòng tin cậy vào bản thân và con người hơn vào Đức Chúa Trời và tài nguyên của Ngài.
    - a. Ma-thi-ơ 6:24; 13:22; 19:23



- b. Mác 10:23-31
  - c. Lu-ca 12:15-21,33-34
  - d. Khải Huyền 3:17-19
2. Đức Chúa Trời sẽ cung ứng mọi nhu cầu cho chúng ta.
    - a. Ma-thi-ơ 6:19-34
    - b. Lu-ca 12:29-32
  3. Gieo - gặt là nguyên tắc thuộc thể và thuộc linh.
    - a. Mác 4:24
    - b. Lu-ca 6:36-38
    - c. Ma-thi-ơ 6:14; 18:35
  4. Lòng ăn năn ảnh hưởng tới sự giàu có
    - a. Lu-ca 19:2-10
    - b. Lê-vi ký 5:16
  5. bóc lột người khác bị lên án.
    - a. Ma-thi-ơ 23:25
    - b. Mác 12:38-40
  6. Sự phán xét cuối cùng liên hệ tới cách sử dụng tài sản - Ma-thi-ơ 25:31-46
- B. Phao-lô
1. quan điểm thuộc thể giống như quan điểm Châm Ngôn (công việc)
    - a. Ê-phê-sô 4:28
    - b. 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:11-12
    - c. 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:8,11-12
    - d. 1 Ti-mô-thê 5:8
  2. quan điểm thuộc linh giống quan điểm của Chúa Giê-su.
    - a. 1 Ti-mô-thê 6:6-10 (sự thỏa lòng)
    - b. Phi-líp 4:11-12 (sự thỏa lòng)
    - c. Hê-bơ-rơ 13:5 (sự thỏa lòng)
    - d. 1 Ti-mô-thê 6:17-19 (rộng lòng, tin cậy Đức Chúa Trời)
    - e. 1 Cô-rin-tô 7:30-31 (không gấn bó)

#### IV. Kết luận.

- A. Không có một hệ thống thần học chuyên về sự giàu có.
- B. Không có các phân đoạn dứt khoát về sự giàu có, chúng ta cần phải tham khảo các phân đoạn khác và cẩn thận đừng áp đặt quan điểm riêng của mình vào một câu cá biệt.
- C. Châm ngôn được viết bởi nhà Khôn Ngoan (sages), có quan điểm khác biệt so với các thể loại văn chương Kinh Thánh khác. Châm ngôn có áp dụng thực thể và cho cá nhân. Châm ngôn phải được quân bình với các phân đoạn Kinh Thánh khác, (xem Giê-rê-mi 18:18).
- D. Nhu cầu chúng ta ngày nay cần phải đem so sánh với ánh sáng Thánh Kinh về tài sản. Thường chúng ta áp dụng các nguyên tắc tư bản và cộng sản. Câu trả lời cho câu hỏi "vì sao và cách nào" giúp một cá nhân thành công quan trọng hơn "bao nhiêu" tiền bạc người đó có.
- E. Sự thu thập tài sản phải liên hệ với sự quản trị tin kính và thờ phượng, (xem 2 Cô-rin-tô 8-9).

**10:24 "" các con ""** Chúa Jesus gọi các môn đồ bằng từ đã được Ngài sử dụng trong những khoảng thời gian dạy dỗ trước đây của Ngài (Mác 10:13-16). Điều này lại nhấn mạnh rằng "trẻ em" chỉ về những tín đồ trưởng thành.

▣ **"" những ai nương cậy vào... để được vào vương quốc Đức Chúa Trời thật vô cùng khó khăn ""** Câu này là một lời tuyên bố gây sốc. Sự cứu rỗi luôn là một món quà miễn phí trong sự hoàn tất công việc của Đấng Christ dành cho mỗi một/tất cả mọi người đáp ứng bằng sự ăn năn và đức tin. Nan đề xảy đến khi bằng cách nào đó chúng ta đã nghĩ rằng mình xứng đáng với nó hoặc xứng đáng với nó! Đức tin là rất khó khăn cho nhân loại kiêu ngạo, tự cho mình là đủ, và sa ngã. Chúng ta thường muốn mối quan hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời khó khăn và khắc nghiệt để rồi chúng ta có thể tự hào khi chúng ta đạt được nó, nhưng thực sự, phương cách của Đức Chúa Trời của sự ăn năn và đức tin chính là hạ xuống con người sa ngã, đặc biệt là những người giàu có, học thức và cao trọng.

Bởi vì câu này thật quá ngắn gọn, một vài nhà sao chép Kinh Thánh cổ xưa đã cố gắng giới hạn phạm vi của nó bằng cách thêm vào một cụm từ giải thích rõ (Theo *A Textual Commentary on the Greek New Testament* của

Bruce M. Metzger:

1. "cho những ai tin cậy nơi sự giàu có " được thấy trong bản MSS A, C, D, và trong Bản Textus Receptus (Bản Văn Được Thừa Nhận-là cơ sở của bản Kinh Thánh King James)
2. "một người giàu có" trong bản MS W
3. "những người có tài " trong bản nhỏ 1241

**10:25 "' Lạc đà chui qua lỗ kim "'** Cũng giống như Ma-thi-ơ 23:24, cụm từ này là một sự nói quá Phương Đông. Một vài nhà sao chép Kinh Thánh và nhiều nhà giải Kinh đã cố gắng giải thích tuyên bố này như là (1) một cách chơi chữ giữa từ "lạc đà" (*kamēlos*) và "dây thừng" (*kamilus*), vốn đến từ thế kỷ thứ năm hoặc (2) sử dụng "lỗ kim" để chỉ về một cổng nhỏ trong một trong những cổng lớn của Giê-ru-sa-lem, nhưng cả hai đều không có được những bằng chứng lịch sử (theo Fee và Stuart trong quyển *HowTo Read the Bible For All Its Worth*, trang 21). Nhưng nỗ lực đó đã làm mất đi điểm then chốt của sự tu từ thậm xưng (nói quá; Ma-thi-ơ 19:24; Lu-ca 18:25).

**10:26 " vô cùng ngạc nhiên "** Mác thường dùng từ này để mô tả về cách dân chúng đáp ứng lại với những sự dạy dỗ và hành động của Chúa Jesus (Mác 1:22; 6:2; 7:37; 10:26; 11:18; và một từ đồng nghĩa *thambeō* trong Mác 10:24). Thông điệp của Chúa Jesus đã quá khác biệt với các ra-bi Do Thái, trong cả hình thức (thảm quyền của Ngài) và thông điệp (bản chất của Vương Quốc).

NASB	"nói với Ngài"
NKJV	"nói giữa họ"
NRSV	"nói với nhau"
TEV	"hỏi nhau"
NJB	"nói với một người khác"

Cách dịch khác nhau liên hệ với những bản thảo tiếng Hy Lạp khác nhau.

1. NKJV, MSS A, D, W, và Bản Textus Receptus (Bản Văn Được Thừa Nhận-là cơ sở của bản Kinh Thánh King James)
2. NRSV, TEV, NJB, MS M\* và bản dịch Peshitta
3. NASB, MSS  $\kappa$ , B, và C
4. Một bản thảo nhỏ (i.e., 569) và vài bản dịch Coptic bỏ qua cụm từ này, cũng như trong Ma-thi-ơ 19:25 và Lu-ca 18:26

**10:27** Sự nhấn mạnh của câu này vào ân điển của Đức Chúa Trời chính là một cách quân bình được yêu thích cho bản chất triệt để của sự môn đồ hóa của Tân Ước. Con người không thể tiếp cận với một Đức Chúa Trời thánh khiết, nhưng lẽ thật kỳ diệu, tuyệt vời rằng Ngài vươn đến với chúng ta!

Câu nói này có thể là một sự ngụ ý Cựu Ước chỉ đến Sáng 18:14 hoặc Giê-rê-mi 32:17,24. Hy vọng duy nhất của con người là ở nơi đặc tính, những lời hứa và những hành động của một Đức Chúa Trời chân thật và duy nhất!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 10: 28-31**

<sup>28</sup> Phi-e-rơ liền nói: “Thưa Thầy, chúng con đã từ bỏ tất cả mà theo Thầy.” <sup>29</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp: “Thật, Ta bảo các con, không một ai vì Ta và Tin Lành từ bỏ nhà cửa, anh em, chị em, cha mẹ, con cái, đất ruộng, <sup>30</sup> mà bây giờ, ngay trong đời này, lại không nhận gấp trăm lần hơn về nhà cửa, anh em, chị em, mẹ, con cái, đất ruộng, cùng với sự bất bớ, và sự sống đời đời trong đời sau. <sup>31</sup> Nhưng có nhiều người đầu sẽ trở nên cuối, và người cuối sẽ trở nên đầu.”

**10:28 "' chúng con đã từ bỏ... mà theo Thầy "'** Đây là một thể chỉ định chủ động thì bất định (aorist active indicative) (từ bỏ một lần cho tất cả), được kèm theo bởi một thể chỉ định chủ động hoàn thành (perfect active indicative) (tiếp tục ở trong tình trạng của sự môn đồ hóa). Trong một nghĩa, Phi-e-rơ đang nhắc lại quyết định trở thành những người theo Chúa của các môn đồ. Phi-e-rơ có thể đã cố gắng so sánh kết ước của họ với lời kêu gọi của Chúa Jesus dành cho người lãnh đạo trẻ, giàu có.

**10:29** Câu này liệt kê một vài khía cạnh thông thường của xã hội Do Thái trong đó những người đi theo Ngài có liên hệ. Nó rõ ràng liên hệ kết ước của họ với Ngài cách cá nhân ("vì cơ Ta") và những lẽ thật của Ngài ("vì

cớ Tin Lành")..

Hội thánh đầu tiên đã bị ảnh hưởng bởi tư tưởng khắc kỷ Hy Lạp, cụ thể là sự kiêng khem không lập gia đình. Thật thú vị rằng những người vợ không được nhắc đến cách cụ thể trong những danh sách này. Điều này có thể ngụ ý rằng hôn nhân không phải là một điều gì đó mà họ trông đợi sẽ từ bỏ. Tuy nhiên, sự bao gộp của "con cái" có thể chỉ ra rằng những người vợ cũng được bao gồm trong cụm từ "từ bỏ nhà." Một sự kết ước ưu tiên cho Chúa Jesus phải được thể chỗ, ngay cả gia đình (1 Ti-mô-thê 5:8). Điều này không bao gồm việc kiêng khem không lập gia đình, nhưng nơi đức tin trung thành của một người phải được đặt để.

**10:30** Chúa Jesus mô tả vương quốc Đức Chúa Trời trong (1) những cách rất thuộc thể vốn song hành với những gì mà các môn đồ "nhớ lại" trong cuộc sống này và (2) mối liên hệ với trật tự của thế giới hiện tại. Một vài điều của những phước hạnh được nhân lên gấp trăm lần được vui hưởng bởi việc trở thành một thành viên của Dân Sự của Đức Chúa Trời.

Những từ ngữ thông dụng chỉ về gia đình đảm bảo cách căn bản rằng đời sống gia đình bị ảnh hưởng bởi sự môn đồ hóa sẽ được phục hồi qua một gia đình lớn hơn—gia đình của Đức Chúa Trời. Tôi không tin rằng cụm từ này có ý nghĩa đến một sự thịnh vượng về mặt vật chất trong đời này được hứa trước, như trong Phục Truyền 27-28. Nếu bạn đặt những phước hạnh trong một cấu trúc ban-thương-cho-sự-phục-vụ, vậy thì tại sao cần ân điển? Những phước hạnh vật chất không phải là trải nghiệm của tất cả mọi tín đồ tin kính, nhưng là niềm vui và sự phong phú dư nhật của những trải nghiệm của một gia đình Cơ Đốc lớn hơn!

▣ **" cùng với sự bắt bớ "** Đây là một sự bao gộp đáng kinh ngạc, chỉ có duy nhất trong sách Mác. Các Cơ Đốc Nhân sẽ bị bắt bớ trong một thời kỳ sa ngã (Ma-thi-ơ 5:10-12; Rô-ma 8:17; 2 Cô-rinh-tô 1:5,7; Phi-líp 3:10; 2 Ti-mô-thê 2:9-12; 1 Phi-e-rơ 4:12-16). Sự bắt bớ này phục vụ cho một vài mục đích thiên thượng: (1) bằng chứng rằng chúng ta đã được cứu; (2) phương tiện của sự uốn nắn chúng ta trở nên giống như Đấng Christ của Đức Chúa Trời; và (3) bằng chứng rằng thế giới này sẽ bị đoán phạt.

▣ **" trong đời sau "** Do Thái Giáo thời kỳ giữa Tân và Cựu Ước (những ra-bi và những tác giả của Cuộn Biển Chết) nhìn thấy lịch sử bao gồm hai thời kỳ. Thời kỳ gian ác hiện tại bị thống trị bởi những thiên sứ và con người nổi loạn và thời kỳ Đức Chúa Trời sẽ xen vào trong lịch sử bởi Đấng Mê-si và thiết lập lên một thời kỳ mới, một thời kỳ của sự công chính và hòa bình. Điều này đôi lúc được mô tả trong sự giàu có, dư dật thuộc thể theo Phục Truyền 27-28 (A-môt 9:13-15) và đôi lúc (được mô tả) trong cụm từ "trời mới và đất mới" (Ê-sai 56-66). Trong Tân Ước, nó rõ ràng là thời đại mới (Vương Quốc Đức Chúa Trời) đã được thiết lập nơi sự nhập thể của Đấng Christ tại Bết-lê-hem, nhưng nó chưa được hoàn thành một cách trọn vẹn. Tân Ước mặc khải rõ ràng hai lần đến của Đấng Mê-si, lần đến thứ nhất như là Tôi Tớ Chịu Khổ của Ê-sai 53 và lần đến thứ hai như là Vua của Các Vua. Các Cơ Đốc Nhân sống trong một giai đoạn "đã đến, nhưng chưa đến" của một sự chông lân giữa hai thời kỳ Do Thái này. Là những người theo Đấng Christ, chúng ta được ban phước thuộc linh trong cả hai thời kỳ (Ê-phê-sô 2:5-6). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thời Kỳ Này và Thời Kỳ Sẽ Đến tại Mác 13:8.

▣ **" sự sống đời đời "** Đây chính là những gì mà người lãnh đạo trẻ tuổi giàu có đã hỏi về—sự sống với Đức Chúa Trời, loại sự sống của Đức Chúa Trời. Mác sử dụng tính từ (*aiōnios*) dùng cho một loại tội lỗi đời đời trong Mác 3:29 và sự sống đời đời ở đây. Từ này được sử dụng cho sự sống (*zōa*) của một thời đại mới, sự sống của Vương Quốc Đức Chúa Trời. Nó hiện diện trong Đấng Christ, Nhưng sẽ hoàn tất cách trọn vẹn vào khi Ngài trở lại (*parousia* = hiện tại).

Cụm từ mô tả này khá hiếm trong Các Sách Tin Lành Cộng Quan, nhưng rất phổ biến trong sách Giảng. Nó là một cụm từ then chốt xuyên suốt trong các tác phẩm viết của Giảng (Giăng 3:15; 4:36; 5:39; 6:54,68; 10:28; 12:25; 17:2,3; 1 Giăng 1:2; 2:25; 3:15; 5:11,13,20). Hãy xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐÔI ĐÔI tại Mác 3:29.

**10:31" đầu sẽ trở nên cuối "** Đây là một lẽ thật thuộc linh gây sững sốt (Ma-thi-ơ 19:30; 20:16). Sự giàu có thực sự và địa vị không hề liên quan gì với những chuẩn mực của thế gian (Ê-sai 55:8-9). Sự đảo ngược vai trò này trái ngược với tư tưởng sự công chính bởi việc làm Cựu Ước của các môn đồ (Ma-thi-ơ 19:30; Lu-ca 13:30). Hãy xem quyển *The Disease of the Health and Wealth Gospel* của Gordon Fee.

Câu này có thể dành trực tiếp cho sự bật phát của Phi-e-rơ về những sự hy sinh chính mình để trở thành những môn đồ (Mác 10:28). Phân Kinh Thánh này đã thiết lập một sự chuẩn bị thần học cho 10:41-45. Chúa Jesus, vị Vua của Các Vua lai thế học, trở thành Tôi Tớ Chịu Khổ của Ê-sai 52:13-53:12! Các Cơ Đốc Nhân phải bắt chước theo đời sống/sự chết/sự phục vụ của Ngài (1 Giăng 3:16). Phúc âm chính là một sự phục vụ, không phải là một quyền lực; tình yêu, không phải là bạo lực!

ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 10:32-34

<sup>32</sup> Đức Chúa Jêsus và các môn đồ đang trên đường lên thành Giê-ru-sa-lem, Ngài đi trước họ. Các môn đồ kinh ngạc, còn những người đi theo thì sợ hãi. Ngài lại đem mười hai sứ đồ riêng ra và nói cho họ những gì sẽ phải xảy đến cho mình. <sup>33</sup> Ngài nói: "Này, chúng ta lên thành Giê-ru-sa-lem, Con Người sẽ bị nộp cho các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo. Họ sẽ kết án tử hình Người, rồi giao cho dân ngoại. <sup>34</sup> Người ta sẽ chế nhạo Người, khạc nhổ trên Người, đánh đòn và giết chết Người; nhưng sau ba ngày, Người sẽ sống lại."

**10:32" sự sống đời đời** "Trong Cựu Ước, ẩn dụ của một con đường hay lối đi được sử dụng cho một đời sống tin kính (Thi 23:3; 32:8; 50:23; 119:1; 139:3; Prov. 2:12-15; 4:18; 12:28; 15:24). Nó cũng mô tả chức vụ chuẩn bị "con đường cho Chúa" của Giăng Báp-tít (Ê-sai 40). Trong Công Vụ, danh xưng sớm nhất cho hội thánh chính là "con Đường (đạo)" (Mác 9:2; 19:9,23; 22:4,14,22).

Mác có vẽ cấu trúc sách Phúc Âm của ông xung quanh phép ẩn dụ theo kinh thánh của một đức tin bày tỏ qua lối sống (Mác 1:2,3; 8:27; 9:33,34; 10:32,52). Chúa Jesus đang ở trong một chuyến hành hương đến với thập tự giá (Mác 10:45).

▣ **Ngài đi trước họ** "Câu này có thể chỉ đến nhóm Sứ Đồ hoặc một nhóm của những người hành hương hướng về Giê-ru-sa-lem để dự lễ.

▣ **Các môn đồ kinh ngạc, còn những người đi theo thì sợ hãi** "Cụm từ này phải liên hệ với ba lần nói tiên tri trước về sự chịu khổ và chết của Ngài tại Giê-ru-sa-lem nơi tay những người lãnh đạo Do Thái và Rô-ma. Chúa Jesus đã biết về những gì sẽ đối diện với Ngài ở đó và Ngài đã đi chuyên lên phía trước với tốc độ và sự tự tin. Họ đã lo lắng về việc Ngài sẽ chịu khổ và chết sẽ ảnh hưởng tới họ!

▣ **Ngài lại đem mười hai sứ đồ riêng ra** "Đây có thể là lần tiên tri thứ tư về sự chịu khổ và chết của Chúa Jesus (Mác 8:31; 9:12,31). Đây chính là lời chi tiết nhất của trong những lời tiên tri của Chúa Jesus. Ngài đã biết chính xác những gì đang nằm phía trước Ngài (Mác 10:45). Các môn đồ vẫn không thể thấu hiểu mục đích và sự cần thiết của nó (Mác 9:32; Lu-ca 9:45; 18:34).

▣ **nói cho họ những gì sẽ phải xảy đến cho mình** "Hầu hết tất cả các động từ trong Mác 10:32 ở thể chưa hoàn thành, vốn chỉ về hành động được lặp đi lặp lại. Tôi nghĩ rằng điều này cũng chỉ về lời tiên tri của Chúa Jesus về sự chịu khổ của Ngài được lặp đi lặp lại; vì thế, "bắt đầu" là một cách dịch sai của thể chưa hoàn thành này (TEV).

Trong một nghĩa Chúa Jesus đang mặc khải quyền năng và thẩm quyền của Ngài qua việc biết trước về tương lai và nắm quyền kiểm soát trên sự chết và sống lại của Ngài (Giăng 10:17-18).

**10:33 "" Con Người ""** Hãy xem ghi chú tại Mác 8:38c.

▣ **sẽ bị nộp cho các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo** "Đây là một cụm từ mô tả cho Tòa Công Luận (Mác 14:43) vốn chính là tòa án tối cao của người Do Thái, mặc dù trong thế kỷ thứ nhất, nó chỉ có thẩm quyền giới hạn. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 12:13.

Chúa Jesus tiên tri trước về sự phản ứng của Tòa Công Luận. Sự vào thành Giê-ru-sa-lem đầy vinh hiển của Chúa Jesus và sự dọn sạch Đền Thờ của Ngài đã ấn chứng định mệnh Ngài. Hành động đầu tiên gây phẫn nộ người Pha-ri-si và hành động thứ hai gây phẫn nộ người Sa-đu-sê.

▣ **rồi giao cho dân ngoại** "Câu này chỉ về quân đội chiếm đóng Rô-ma (Mác 15:1). Tòa Công Luận không có quyền lực tuyên án tử hình; chỉ có chính quyền Rô-ma có.

**10:34 " Người ta sẽ chế nhạo Người "** Câu này ứng nghiệm bởi quân lính Rô-ma trong Mác 15:16-20. Mác không ghi lại sự ra tòa trước Hê-rốt An-ti-pát (Lu-ca 23).

▣ **khạc nhổ trên Người** "Đây là một dấu hiệu Cựu Ước của sự khinh thường (Dân Số Ký 12:14; Phục Truyền 25:9; Gióp 17:6; 30:10; Ê-sai 50:6). Những quân lính La Mã bộc lộ sự căm ghét tất cả người Do Thái và sự dị biệt của họ trên Chúa Jesus (Mác 14:65).

▣ **" đánh đòn "** Đánh roi là một hình phạt thông dụng trước khi đóng đinh (Mác 15:15). Đôi tay của người đó bị cột vào một cái cọc thập. Một người lính sử dụng cái roi được gắn với nhiều mảnh đá, kim loại hoặc xương được cột vào cuối của những mảnh da dài khoảng hai thước Anh để đánh khắp lưng của tù nhân. Hành động đánh roi sẽ mọc ra những da thịt tạo thành lỗ trên cơ thể và đánh gãy văng ra những cái răng và thậm chí là những con mắt. Nhiều tù nhân chết chỉ bởi riêng hình phạt này. Nó thật sự là một hình phạt man rợ (Ê-sai 52:14).

▣ **" và ba ngày sau đó (sau ba ngày) "**Từ này nguyên văn là "sau ba ngày." Khoảng thời gian này có lẽ liên hệ với trải nghiệm của Giô-na (Ma-thi-ơ 12:39-41; 16:4,21; Lu-ca 11:39,32). Nó thậm chí được nhắc đến bởi Phao-lô trong sự tóm lược về phúc âm của Ngài trong 1 Cô-rinh-tô 15:4.

Chúa Jesus sử dụng lời tiên tri về "ngày thứ ba" này trong mối liên hệ với hai sự kiện (1) sự sống lại của Ngài khỏi Hades (Âm phủ) (Mác 8:31; 9:31; 10:34), nhưng cũng (liên hệ với) (2) sự xây dựng của Ngài một đền thờ mười (theo Mác 14:58; 15:29; Giăng 2:19; Công Vụ 6:14).

Có một sự khác biệt về bản thảo tiếng Hy Lạp liên hệ với cụm từ này. Trong các phần Kinh Thánh tương đồng (Ma-thi-ơ 20:19 và Lu-ca 18:33) có một cụm từ "vào ngày thứ ba." Nó được tìm thấy ở đây trong Mác trong bản MSS A và W. Tuy nhiên, cụm từ mô tả của sách Mác được tìm thấy trong Mác 8:31 và 9:31 chính là "sau ba ngày," vốn được thấy trong bản MSS x, B, C, D, và L.

▣ **" Người sẽ sống lại "** Đây là một thể chỉ định trung cách thì tương lai (future middle indicative). Nó tập chú vào việc Chúa Jesus Chính Ngài sống lại từ cõi chết (Giăng 10:17-18). Hầu hết tất cả những đoạn Kinh Thánh về sự phục sinh của Đấng Christ đều ở thể bị động (passive voice), tập chú vào Đức Chúa Cha chính là tác nhân của sự sống lại bày tỏ sự chấp nhận sự hy sinh (của lễ) của Chúa Jesus. Trong một nghĩa cho toàn bộ Ba Ngôi có liên hệ với sự phục sinh của Chúa Jesus (Đức Thánh Linh trong Rô-ma 8:11). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Phục Sinh tại Mác 8:31

#### **DOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 10:35-40**

<sup>35</sup> Hai con trai của Xê-bê-đê là Gia-cơ và Giăng đến gần Đức Chúa Jê-sus và nói: "Thưa Thầy, chúng con mong Thầy thực hiện điều chúng con cầu xin."<sup>36</sup> Ngài hỏi: "Các con muốn Ta làm gì cho các con?"<sup>37</sup> Họ thưa: "Khi Thầy được vinh hiển, xin cho hai chúng con một người được ngồi bên phải, một người bên trái của Thầy."<sup>38</sup> Nhưng Đức Chúa Jê-sus nói: "Các con không biết điều mình xin. Các con có thể uống được chén Ta uống, và chịu được báp-têm Ta chịu không?"<sup>39</sup> Họ thưa: "Dạ được!" Đức Chúa Jê-sus phán: "Các con sẽ uống chén Ta uống, và sẽ chịu báp-têm Ta chịu."<sup>40</sup> Nhưng việc ngồi bên phải hay bên trái Ta thì Ta không cho được, vị trí ấy dành cho những người đã được định sẵn."

**10:35 " Hai con trai của Xê-bê-đê "** Ma-thi-ơ 20:20 cho biết mẹ của họ là người đã hỏi xin.

▣ **" chúng con mong Thầy thực hiện điều chúng con cầu xin "** Mọi lần Chúa Jesus báo trước về sự chịu khổ và chết, các môn đồ Ngài bắt đầu lên kế hoạch ai sẽ là người thế chỗ của Ngài trở thành người lãnh đạo! Viễn cảnh trong tâm trí của họ vẫn là một vương quốc trên đất và vai trò lãnh đạo của họ. Các môn đồ vẫn không hiểu cho đến tận Lễ Ngũ Tuần!

Trong một nghĩa, sự kiện này được ghi lại để chỉ ra các môn đồ đã chậm hiểu đến mức độ nào (Lu-ca 18:34). Thật là một sự mỉa mai sắc bén!

**10:37 "phải. . .trái!"** Họ muốn những vị trí của sự vinh dự và quyền lực. Sự việc xảy ra này chỉ ra rằng Phi-e-rơ đã không được chấp nhận như là một lãnh đạo hiển nhiên của nhóm sứ đồ. Tính cách của ông đã khiến ông luôn là người phát biểu trước, nhưng họ không cảm thấy ông như lãnh đạo của họ.

▣ **" Thầy được vinh hiển "** Ma-thi-ơ 20:21 chép là "trong vương quốc Ngài." Trong Mác nó chỉ về sự bày tỏ nhìn thấy được của vương quốc lai thế học của Đức Chúa Trời (Mác 8:38; 10:37; 13:36).

#### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ VINH HIỂN (DOXA)**

Khái niệm “sự vinh hiển” trong Kinh thánh rất khó có thể định nghĩa. Sự vinh hiển của các tín hữu có nghĩa là họ hiểu Phúc âm và sự vinh hiển trong Đức Chúa Trời, không phải trong chính họ (1:29-31; Giê-rê-mi 9:23-24).

Trong Cựu ước từ ngữ thông thường nhất để chỉ “sự vinh hiển” (*kbd*) là một thuật ngữ trong thương mại chỉ một cặp cân (“sức nặng”). Bên nào nặng thì có giá trị hay thể hiện giá trị bên trong. Thông thường khái niệm tỏa sáng được thêm vào chữ này để diễn tả oai nghi của Chúa (Xuất Ê-díp-tô ký 19:16-18; 24:17; Ê-sai 60:1-2). Duy nhất chỉ có Ngài mới xứng đáng và được tôn trọng. Ngài quá ngời sáng cho nên con người sa ngã không thể chiêm ngưỡng được (Xuất Ê-díp-tô ký 33:17-23; Ê-sai 6:5). Đức Giê-hô-va chỉ có thể được biết đến rõ ràng qua Đấng Christ (Giê-rê-mi 1:14; Ma-thi-ơ 17:2; Hê-bơ-rơ 1:3; Gia-cơ 2:1).

Từ ngữ “vinh hiển” có vẻ mơ hồ: (1) có thể tương đương với “sự công bình của Đức Chúa Trời”; (2) có thể chỉ sự “thánh khiết” hay “trọn vẹn” của Đức Chúa Trời; hay là (3) chỉ ảnh tượng của Đức Chúa Trời qua đó con người được dựng nên (Sáng-thế-ký 1:26-27; 5:1; 9:6), nhưng sau đó đã bị hoen ố bởi sự nổi loạn (Sáng-thế-ký 3:1-22). Lần đầu tiên nó được dùng để chỉ sự hiện diện của Đức Giê-hô-va với dân sự Ngài trong thời gian lang thang nơi đồng vắng được ghi lại trong Xuất Ê-díp-tô ký 16:7,10; Lê-vi-ký 9:23 và Dân số ký 14:10.

**10:38** "" Các con không biết điều mình xin "" "Xin" nằm ở thể trung cấp (middle voice), vốn tập chú vào chủ ngữ "chính các con." Cụm từ kế tiếp "các con có thể" cũng ở thể trung cấp.

▣ " **chén** " Từ này được dùng trong Cựu Ước cho số phận của một người, thường trong một nghĩa tiêu cực (Thi 75:8; Ê-sai 51:17-23; Giê-rê-mi 25:15-28; 49:12; 51:7; Ca Thương 4:21-22; Ê-xê-chi-ên 32:34; Ha-ba-cúc 2:16; Xa-cha-ri 12:2). Đây là một ẩn dụ đầu tiên được sử dụng bởi Chúa Jesus trong Vườn Ghết-sê-ma-nê (theo Mác 14:36) để chỉ về Sự Chịu Đóng Đinh của Ngài.

▣ "" **chịu báp-têm Ta chịu** "" Đây là một ẩn dụ của sự đau khổ, thậm chí là cái chết (theo Lu-ca 12:50). Sự vinh hiển của Ngài bao gồm cả sự đau đớn (Hê-bơ-rơ 2:18; 5:8).

**10:39** Những lãnh đạo sẽ được bao gồm trong sự bắt bớ và bị hiểu nhầm mà Chúa Jesus đã trải qua (Gia-cơ trong Công Vụ 12:2 và Giăng trong Khải Huyền 1:9).

**10:40** "" **dành cho những người đã được định sẵn** "" Đây là một ví dụ khác về sự lệ thuộc của Chúa Jesus vào kế hoạch và mục đích của Cha. Đã có một chương trình kế hoạch thiên thượng (theo Công Vụ 2:3; 3:18; 4:28; 13:29). Bản thảo cổ Alexandrian (MS A\*) thêm vào "bởi Cha ta," vốn cũng thấy trong Ma-thi-ơ 20:23.

Bản thảo cổ tiếng Hy Lạp ông-xi-an được chép tất cả bằng chữ in Hoa mà không có khoảng cách giữa các từ, và không có dấu chấm câu hay chia đoạn. Đôi lúc quyết định làm thế nào để chia các từ thành câu rất bối rối khó hiểu. Câu này có thể được chia trong hai cách (theo quyển *Interpreting the New Testament* được viết bởi Hans Conzelmann và Andreas Lindemann được dịch bởi Siegfried S. Schotzmann, ở trang 22)

1. "dành cho người nó đã được có ý nghĩa (định sẵn)"
2. "nó có ý nghĩa cho những người khác " (theo những bản dịch Syriac).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 10:41-45**

<sup>41</sup> Nghe vậy, mười sứ đồ kia giận Gia-cơ và Giăng. <sup>42</sup> Đức Chúa Jêsus gọi họ đến và nói: “Các con biết rằng những người được tôn làm nhà cầm quyền dân ngoại thì thống trị dân; các quan chức cao cấp thì dùng quyền lực mà cai trị. <sup>43</sup> Nhưng giữa các con thì không phải vậy. Trái lại, ai muốn làm lớn trong các con thì phải làm đầy tớ, <sup>44</sup> còn ai muốn đứng đầu trong các con thì phải làm nô lệ cho mọi người. <sup>45</sup> Vì Con Người đã đến không phải để được phục vụ nhưng để phục vụ, và hiến dâng mạng sống mình làm giá chuộc cho nhiều người.”

**10:41** " **Nghe vậy** " Cụm từ này chỉ ra rằng Gia-cơ và Giăng đã chờ đợi đến khi họ ở riêng với Chúa Jesus. Nó cũng chỉ ra khía cạnh con người của Các Sứ Đồ. Đây không phải là "những siêu thánh đồ," nhưng chỉ là những con người được kêu gọi, huấn luyện và sử dụng bởi Đức Chúa Trời. Những sứ đồ khác trở nên phẫn nộ, không phải bởi vì sự không phù hợp của lời yêu cầu của Gia-cơ và Giăng, nhưng bởi vì sự thật họ đã nhanh hơn, đến và xin Chúa trước. Những Sứ Đồ được lựa chọn vẫn bày tỏ sự ích kỷ và tội lỗi.

**10:42** Chúa Jesus một lần nữa chỉ ra tham vọng và sự hiểu sai về Vương Quốc.

**10:43**

**NASB**

"Nhưng đó không phải là cách giữa các người "

**NKJV**

"Nhưng nó sẽ không xảy ra giữa các người "

**NRSV**

"Nhưng nó không phải như vậy giữa các người "

**TEV**

"Việc này, tuy vậy, sẽ không phải là cách giữa các người "

**NJB**

"Giữa các người điều này sẽ không xảy ra"

Những cách dịch này phản ánh một sự khác biệt trong bản thảo cổ tiếng Hy Lạp. Trong một vài bản thảo (X, B, C\*, D, L, W) Thì Hiện Tại được sử dụng (NASB, NRSV, TEV), vốn cũng được tìm thấy trong phần Kinh Thánh tương đồng trong Ma-thi-ơ 20:26. Tuy nhiên, trong những bản thảo khác (A và C3) thì tương lai được sử dụng (NKJV và sự ngụ ý trong bản NJB).

▣ **" ai muốn làm lớn "** Chúa Jesus không làm nản lòng hy vọng làm lãnh đạo hoặc tham vọng, tuy nhiên Ngài định nghĩa lại về sự cao trọng thật như là sự phục vụ và khiêm nhường (theo Ma-thi-ơ 20:26; Mác 9:35).

▣ **" đầy tớ "** Đây chính là từ *diakonos*, mà sau này đã trở thành một chức vụ/ bổn phận của chấp sự. Mọi tín đồ đều được gọi để phục vụ (Ê-phê-sô 4:11-12).

**10:44** Câu này giúp để giải nghĩa Mác 10:31.

▣ **" nô lệ "** Đây là từ *doulos*, vốn chỉ đến một tôi tớ trong nhà.

**10:45** **" Con Người "** Hãy xem ghi chú tại Mác 8:38c.

▣ **" không phải để được phục vụ nhưng để phục vụ "** Đây là một định nghĩa đúng của sự cao trọng. Chúa Jesus đã làm gương của một đời sống trong Vương Quốc để chúng ta có thể bắt chước theo (1 Phi-e-rơ 2:21). Lễ thật này được dạy theo nghĩa bóng trong lần Chúa Jesus rửa chân cho các môn đồ tại Phòng Cao trong đêm Ngài bị phản bội (Theo Giăng 13:14-15).

Lễ thật này luôn luôn khó khăn cho giới lãnh đạo hội thánh. Nhưng nếu không có nó sẽ không thể có hội thánh tôi tớ.

▣ **" hiến dâng mạng sống mình "** Đây là câu tóm lại của Phúc Âm Mác. Chúa Jesus luôn luôn chỉ về sự chết của Ngài như là món quà của Ngài hoặc là sự vinh hiển của Ngài. Nó chỉ về một sự chuộc tội thay thế, gián tiếp (của lễ chuộc tội, 2 Cô-rinh-tô 5:21) của Đấng Christ (theo Sáng Thế Ký 3:15; Ê-sai 52:13-53:12).

▣ **" hiến dâng mạng sống mình "** Từ này có nghĩa nguyên văn là "mua lại" hoặc "trả một giá" (theo Ma-thi-ơ 20:28; Tít 2:14; 1 Phi-e-rơ 1:18). Nó phản ánh thuật ngữ Cựu Ước được sử dụng cho các nô lệ hoặc tù nhân chiến tranh đã được mua lại, thường bởi một người bà con gần (*go'el*). Chúa Jesus liên kết trong Chính Ngài tình yêu và công lý của Đức Chúa Cha. Tội lỗi đã trả giá bằng một sinh mạng—Đức Chúa Trời đã chu cấp sinh mạng ấy!

## **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIÁ CHUỘC, CỨU CHUỘC**

### **I. Cựu Ước**

A. Có hai thuật ngữ về mặt pháp lý trong tiếng Hê-bơ-rơ để hiểu khái niệm này.

B. *Ga'al* (BDB 145 I, KB 169 I), có nghĩa "được tự do bởi giá chuộc đã trả" Một dạng đánh vần khác là 'go'el' thêm vô ý nghĩa "chuộc lại bởi người trung bảo", thường là qua một thành viên gia đình (Người bà con có quyền chuộc lại sản nghiệp). Người này đứng ra chuộc lại tài sản, súc vật, ruộng đất đã mất (Lê-vi-ký 25,27), ( Ru-tơ 4:14; Ê-sai 29:22). Khái niệm này được mở rộng tới việc Đức Giê-hô-va chuộc lại dân Y-sơ-ra-ên từ Ai-cập. ( Xuất 6:6; 15:13; Thi Thiên 74:2; 77:15; Giê-rê-mi 31:11). Ngài trở thành "Đấng Cứu Chuộc" ( Gióp 19:25; Thi Thiên 19:14; 78:35; Pro. 23:11; Ê-sai 41:14; 43:14; 44:6,24; 47:4; 48:17; 49:7,26; 54:5,8; 59:20; 60:16; 63:16; Giê-rê-mi 50:34).

C. *Padah* (BDB 804, KB 911), có ý nghĩa căn bản là "giải cứu", "giải phóng"

a. sự cứu chuộc các con trưởng. (Xuất 13:13-15 and Dân Số Ký 18:15-17)

b. sự cứu chuộc thuộc thể khác sự cứu chuộc thuộc linh (Thi Thiên 49:7,8,15)

c. Đức Giê-hô-va sẽ cứu chuộc Y-sơ-ra-ên khỏi tội lỗi và phản loạn. (Thi Thiên 130:7-8)

D. Khái niệm cứu chuộc liên hệ tới vài điều sau:

1. Có nhu cầu giải cứu, như vòng nô-lệ, tù tội,
  - a. về mặt thuộc thể
  - b. về mặt xã hội,
  - c. về mặt thuộc linh. ( Thi Thiên 130:8)
2. Một giá chuộc phải trả cho sự tự do, phóng thích, hồi phục.
  - a. của dân Y-sơ-ra-ên ( Phục Truyền 7:8)
  - b. của từng cá nhân ( Gióp 19:25-27; 33:28; Isaiah 53)
3. Có người trung bảo. Trong 'ga'al' người này là người thuộc gia hay họ hàng (i.e., go'el, BDB 145).
4. Đức Giê-hô-va tự miêu tả với các thuật ngữ tương tự.
  - a. Người Cha
  - b. Người Chồng
  - c. Người bà con có quyền chuộc lại, / Đấng Cứu Chuộc Báo Thù. Qua giá chuộc được trả, sự cứu chuộc được đảm bảo.

II. Tân Ước

A. Có vài thuật ngữ để hiểu khái niệm này

1. *Agorazō* ( I Cô-rinh-tô 6:20; 7:23; 2 Phi-e-rơ 2:1; Khải Huyền 5:9; 14:3-4). thuật ngữ thương mại nói về trả giá để mua thứ gì đó. Chúng ta được mua lại bởi huyết, chúng không là chủ nhân của sự sống, chúng ta thuộc về Đấng Christ.
2. *Exagorazō* ( Ga-la-ti 3:13; 4:5; Ê-phê-sô 5:16; Cô-lô-se 4:5). Đây cũng là thuật ngữ thương mại, ám chỉ Chúa Giê-su chết thay cho chúng ta. Ngài gánh chịu sự nguyên rủa của luật pháp. (Luật Mô-sê, Ê-phê-sô 2:14-16; Cô-lô-se 2:14), mà tội nhân không thể thực hiện. Ngài gánh chịu sự rủa sả (Phục Truyền 21:23) cho tất cả chúng ta. ( Mác 10:45; II Cô-rinh-tô 5:21)! Trong Chúa Giê-su, sự công nghĩa và tình thương của Đức Chúa Trời gặp gỡ, kết quả trong sự tha thứ, tiếp nhận và cửa mở vào thiên đàng. Nơi Đức Chúa Trời ngự.
3. *Luō*, "giải cứu, phóng thích"
  - a. *Lutron*, "một giá đã trả" ( Ma-thi-ơ 20:28; Mác 10:45). Những thuật ngữ này được phát ra từ môi miệng của Chúa Giê-su về sứ mạng của Ngài trở nên Đấng Cứu Rỗi của nhân loại, qua trả giá cho món nợ tội lỗi mà Ngài không gây ra. ( Giăng 1:29).
  - b. *Lutroō*, "phóng thích"
    - (1) cứu chuộc Y-sơ-ra-ên (Lu-ca 24:21)
    - (2) cứu chuộc và làm thánh một dân tuyền (Tít 2:14)
    - (3) trở nên sinh tể thay thế vô tội. (1 Phi-e-rơ 1:18-19)
  - c. *Lutrōsis*, "sự cứu chuộc," "giải phóng," hay "giải cứu"
    - (1) Xa-cha-ri tiên tri Chúa Giê-su , Lu-ca 1:68
    - (2) An-nê ca ngợi Đức Chúa Trời về Chúa Giê-su, Lu-ca 2:38
    - (3) Chúa Giê-su là sinh tể tốt hơn, Hê-bơ-rơ 9:12
4. *Apolytrōsis*
  - a. sứ chuộc ở thời điểm Tái Lâm ( Công Vụ 3:19-21)
    - (1) Lu-ca 21:28
    - (2) Rô-ma 8:23
    - (3) Ê-phê-sô 1:14; 4:30
    - (4) Hê-bơ-rơ 9:15
  - b. cứu chuộc trong sự chết của Đấng Christ
    - (1) Rô-ma 3:24
    - (2) I Cô-rinh-tô 1:30
    - (3) Ê-phê-sô 1:7
    - (4) Colossians 1:14
5. *Antilytron* ( 1 Tim. 2:6). Đây là câu quan trọng liên hệ tới sự chết chuộc tội trên Thập Tự giá. (trung tự câu Tít 2:14) Chúa Giê-su là Đấng Duy Nhất có thể chết thay cho loài người và trở nên Sinh Tể có thể chấp nhận cho Đức Chúa Trời ( Giăng 1:29; 3:16-17; 4:42; 1 Tim. 2:4; 4:10; Tít 2:11; 2 Phi-e-rơ 3:9; 1 Giăng 2:2; 4:14).

B. Quan điểm thần học của Tân Ước.

1. Nhân loại trong vòng nô lệ tội lỗi. ( Giăng 8:34; Rô-ma 3:10-18,23; 6:23).



2. Vòng tội lỗi của nhân loại được bày tỏ trong luật Mô-sê ( Ga-la-ti 3) và Bài Giảng Trên Núi.( Ma-thi-ơ 5-7). Công đức lại là án tử hình của nhân loại ( Cô-lô-se 2:14
3. Chúa Giê-su là Con Chiên vô tội của Đức Chúa Trời, đã chết thay cho chúng ta ( Mác10:45; Giăng 1:29; II Cô-rinh-tô 5:21). Chúng ta được chuộc lại để phục vụ Đức Chúa Trời. ( Rô-ma 6).
4. Đức Giê-hô-va và Chúa Giê-su là “người bà con có quyền chuộc lại” của chúng ta, (một hình ảnh ẩn dụ về thành viên gia đình: Cha, chồng, con, anh em, họ hàng gần gũi)
5. Sự Cứu chuộc không phải là giá phải trả cho Sa-tan (theo thần học trung cổ), nhưng là sự làm hòa với Đức Chúa Trời trong công nghĩa và yêu thương qua trung gian Chúa Giê-su. Hòa bình bắt đầu nơi Thập Tự Giá, sự bạo loạn được tha thứ, hình ảnh Đức Chúa Trời được hồi phục trong con người với sự thông công Thần –nhân mật thiết.
6. Vẫn còn sót lại khía cạnh sự cứu chuộc, ( Rô-ma 8:23; Ê-phê-sô 1:14; 4:30), sẽ được ứng nghiệm bởi sự phục sinh của thân thể và gặp gỡ Chúa Ba Ngôi (xem Chủ Đề Đặc Biệt: Ba Ngôi. Thân thể chúng ta sẽ trở nên giống Ngài.( I Giăng 3:2). Chúa đã có thân thể phục sinh,I Cô-rinh-tô 15:12-19 với I Cô-rinh-tô 15:35-58 nhưng còn có phần thuộc linh, là nghịch lý chúng ta không thể hiểu nổi . Rõ ràng chúng ta sẽ có thân thể phục sinh và thân thể thuộc linh, cũng như Chúa Giê-su.

▣ " cho " Đây là giới từ tiếng Hy Lạp *anti*. Đôi khi nó được liên kết với danh từ "của chuộc" (*lutron* = *antilutron*, 1 Ti-mô-thê 2:6). Nó có thể có nghĩa là "thay vì," "thay mặt cho," hoặc "trong chỗ của." Mối quan hệ giữa các giới từ *anti* và *huper* phải được xác định bởi văn mạch (2 Cô-rinh-tô 5:14; Hê-bơ-rơ 10:12; 1 Phi-e-rơ 2:21; 3:18; 1 Giăng 3:16). Tất cả những chỗ này đều có nghĩa rộng về sự chuộc tội thay thế cho, cách gián tiếp của Chúa Jesus. Ngài chết trong vị trí của chúng ta, mang lấy tội lỗi của chúng ta (Ê-sai 53:4-6).

▣ " nhiều người " Từ nhiều đã được sử dụng bởi nhiều nhà giải kinh để giới hạn sự chuộc tội của Đấng Christ dành cho "những người được chọn." Những từ "nhiều" và "tất cả" là đồng nghĩa trong hai đoạn Kinh Thánh quan trọng then chốt nói về sự cứu chuộc. Hãy so sánh Ê-sai 53:11-12, "nhiều" với Ê-sai 53:6, "tất cả." sự song hành này cũng có thể được nhìn thấy rất rõ trong Rô-ma 5:18, "tất cả" và Rô-ma 5: 19, "nhiều." Chúa Jesus đã trả giá cho tất cả mọi người, nhưng chỉ những ai đáp ứng bằng một sự ăn năn và đức tin nơi sự mời gọi của Đức Thánh Linh mới được cứu chuộc.

Mác 10:45 chính là trái tim thần học của Sách Phúc Âm. Nó đến từ sự đáp ứng với sự tham vọng cá nhân. Tham vọng con người phải được trao ngược trở lại cho Đức Chúa Trời như một sự dâng hiến (Rô-ma 12:1-2). Các Cơ Đốc Nhân cần phải học theo sự tự trao chính mình đi của Đấng Christ (1 Giăng 3:16).

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 10:46-52

<sup>46</sup> Đức Chúa Jê-sus và các môn đồ đến Giê-ri-cô. Khi Ngài cùng các môn đồ và đoàn dân đông rời khỏi thành, có một người mù tên là Ba-ti-mê, con trai của Ti-mê, ngồi ăn xin bên đường. <sup>47</sup> Nghe nói đây là Đức Chúa Jê-sus, người Na-xa-rét, anh kêu lớn: “Lạy Đức Chúa Jê-sus, Con vua Đa-vít, xin đoái thương con!” <sup>48</sup> Nhiều người rầy anh, bảo phải im lặng, nhưng anh càng kêu lớn hơn: “Lạy Con vua Đa-vít, xin đoái thương con!” <sup>49</sup> Đức Chúa Jê-sus dừng lại và bảo: “Hãy gọi người ấy đến đây.” Họ gọi người mù và bảo: “Hãy vững lòng, đứng dậy, Ngài gọi anh đó.” <sup>50</sup> Người mù vứt bỏ áo choàng, đứng phắt dậy và đến với Đức Chúa Jê-sus. <sup>51</sup> Đức Chúa Jê-sus hỏi: “Con muốn Ta làm gì cho con?” Anh thưa: “Lạy Thầy, xin cho con được sáng mắt.” <sup>52</sup> Ngài phán: “Hãy đi, đức tin con đã chữa lành con.” Lập tức người mù được sáng mắt lại và đi theo Ngài.

**10:46 " Giê-ri-cô "** Đây là một trong những thành phố cổ xưa nhất trên thế giới và thường được gọi với tên "Thành Phố của Những Cây Cọ." Tên này có nghĩa là "kẻ đơm hương thơm." Nó là một khu vực rất đẹp và màu mỡ. Trogn thời của Chúa Jesus có hai thành Giê-ri-cô, thành cổ xưa nhất và một thành của thời La Mã nằm cách đó khoảng một dặm. Nó nằm cách Giê-ru-sa-lem khoảng 18 dặm về phía đông bắc tại một chỗ cạn của dòng Sông Giô-đanh.

▣ " Khi Ngài ... rời khỏi " Ma-thi-ơ 20:29 chép là "đi khỏi"; Lu-ca 18:35 chép là "tiến đến." Sự khó hiểu này là dấu hiệu của những câu chuyện chứng kiến tận mắt. Cần nhớ rằng có đến hai thành Giê-ri-cô trong thời của Chúa Jesus. Ngài đã có thể rời khỏi một thành và tiến đến thành kia.

▣ " đoàn dân đông " Đây là những người hành hương đến Giê-ru-sa-lem để dự Lễ Vượt Qua, cùng với những dân thành bị thu hút. Nhiều thầy tế lễ của Đền Thờ sống tại Giê-ri-cô. Đường từ Giê-ri-cô đến Giê-ru-sa-lem rất nguy hiểm bởi nạn trộm cướp (ẩn dụ Người Sa-ma-ri Nhân Lành); vì vậy, dân chúng thường đi thành nhóm lớn.

▣ " **một người mù ... ngồi ăn xin bên đường** " Có một sự khác biệt giữa những bản thảo Hy Lạp ở cụm từ này. Danh từ dùng cho từ "người ăn xin" là một từ hiếm (Giăng 9:8). Thường khái niệm này được mô tả bằng một phân từ (động tính từ) (theo bản MSS A, K, W, ̸ và Bản Textus Receptus (Bản Văn Được Thừa Nhận-là cơ sở của bản Kinh Thánh King James), và bản NKJV). Tuy nhiên, danh từ (*prosaiteō*) được sử dụng trong bản MSS ̸, B, L (NASB, NRSV, TEV, và NJB). Bản Thảo D dùng một từ đồng nghĩa (*epaiteō*, đều được hình thành từ gốc từ "hỏi, xin"), vốn được tìm thấy trong phần Kinh Thánh song hành trong Lu-ca 18:35. Những sự khác biệt này không ảnh hưởng đến sự giải kinh của bản văn.

▣ " **Ba-ti-mê** " Từ này có nghĩa là "con trai của Ti-mê." Thật rất bất thường khi Mác chép lại tên của những người được Chúa Jesus chữa lành hoặc đỗi quý. Thật thú vị, Ma-thi-ơ lại chép về hai người mù (Ma-thi-ơ 20:30). Chính xác lý do vì sao điều này xảy ra không rõ, nhưng nó là một sự khác biệt thường xuyên giữa Ma-thi-ơ và Mác/Lu-ca.

▣ " **con trai của Ti-mê** " Từ này trong tiếng A-ram có nghĩa là "không tinh sạch." Đây là một sự cố gắng để giải thích tên của Ba-ti-mê cho những người đọc là Người Ngoại.

▣ " **ngồi ... bên đường** " Đây có lẽ là nơi mà người ăn xin mù lòa ngồi mỗi ngày với hy vọng được nhận bố thí (phần ban cho người nghèo được quy định của người Do Thái).

**10:47" Chúa Jêsus, người Na-xa-rét** " Duy nhất Mác đặt ra danh xưng *Nazarēnos* (theo Mác 1:24; 10:47; 14:67; 16:6). Phúc âm theo Ma-thi-ơ chép là "Người ta sẽ gọi Ngài là Người Na-xa-rét" (theo Ma-thi-ơ 2:23).

Làng nơi Chúa Jesus lớn lên được gọi là Na-xa-rét. Nó đã được nhắc đến trong Cựu Ước và Kinh Talmud, hoặc bởi Josephus. Nó dường như vẫn chưa được hình thành cho đến thời của John Hyrcanus (một người nhà Hasmonaen), là người đã cai trị từ 134-104 T.C. Sự hiện diện của Giô-sép và Ma-ri tại ngôi làng này ngụ ý rằng một dòng dõi của Đa-vít đã định cư tại đây.

Đây có thể là một mối liên kết theo từ nguyên giữa tên Na-xa-rét và danh xưng của Đấng Mê-si Chòi Nhánh, chính là từ *netzer* trong tiếng Hê-bơ-rơ (Ê-sai 11:1; Giê-rê-mi 23:5; 33:15; Xa-cha-ri 3:8; 6:12; Khải Huyền 5:5; 22:16).

Nó dường như là một từ của sự quở trách bởi vì vị trí của nó xa cách với Giê-ru-sa-lem nằm trong một khu vực của Người Ngoại (Giăng 1:46 và Công Vụ 24:5; và đầu như vậy, cũng đã nằm trong một lời tiên tri, trong Ê-sai 9:1). Đây có lẽ là lý do vì sao nó được bao gồm trong lời buộc tội được đặt phía trên đầu của Chúa Jesus trên thập tự giá.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC CHÚA GIÊ-XU Ở NA-XA-RÉT**

Có nhiều chữ Hy Lạp khác nhau dùng trong Tân Ước dùng để làm rõ nói đến Giê-xu nào.

#### **A. Những chữ trong Tân Ước**

1. Na-xa-rét - thành phố trong xứ Ga-li-lê (xem Lu-ca 1:26; 2:4,39,51; 4:16; Công-vụ 10:38). Thành phố này không được nhắc đến trong các nguồn tài liệu đương thời nhưng lại xuất hiện trên những bia đá xuất hiện sau đó.

Chi tiết Đức Chúa Giê-xu từ Na-xa-rét không phải là lời ca ngợi (xem Giăng 1:46). Tám bảng trên cây thập tự đóng đinh Đức Chúa Giê-xu có nhắc đến địa danh này cho biết đó một dấu hiệu chỉ sự khinh khi của người Do thái.

2. *Nazarēnos* - dường như cũng đề cập đến một sự xác định địa điểm (xem Lu-ca 4:34; 24:19).

3. *Nazōraios* - có thể đề cập đến một thành phố, nhưng cũng có thể là một cách chơi chữ dựa trên chữ "nhánh" là từ chỉ về Đấng Mê-si trong tiếng Do thái (*netzer*, xem Ê-sai 4:2; 11:1; 53:2; Giê-rê-mi 23:5; 33:15; Xa-cha-ri 3:8; 6:12). Lu-ca dùng chữ này cho Đức Chúa Giê-xu trong Lu-ca 18:37 và Công-vụ 2:22; 3:6; 4:10; 6:14; 22:8; 24:5; 26:9.

#### **B. Những cách sử dụng ngoài Tân Ước theo lịch sử. Cách định danh này có những cách dùng khác trong lịch sử.**

1. Nó ám chỉ một nhóm dị giáo người Do thái trước thời kỳ của Cơ-Đốc-Giáo.
2. Nó đã được sử dụng trong vòng người Do thái để chỉ những người tin nơi Đấng Christ (xem Công-vụ 24:5,14; 28:22).
3. Nó trở thành chữ thông thường chỉ những tín hữu trong những Hội thánh người Sy-ri (nói tiếng A-

ram). “Cơ-Độc-Nhân” được dùng để chỉ những tín hữu trong các Hội thánh nói tiếng Hy Lạp.

4. Một thời gian sau sự sụp đổ của thành Giê-ru-sa-lem, những người Pha-ri-si tập hợp tại Jamnia mưu toan chính thức tách biệt giữa nhà hội và Hội thánh. Một bằng chứng tiêu biểu cho khuôn mẫu những lời nguyện rửa các Cơ-Độc Nhân tìm thấy trong “Mười tám Lời kinh tạ ơn” trong *Berakoth* 28b-29a, gọi những tín hữu là “những người Na-xa-rét” như sau “Cầu cho những người Na-xa-rét cùng với những kẻ dị giáo biến mất trong giấy lát; chúng sẽ bị xóa khỏi sách sự sống và không được viết xuống cùng với những người trung tín”.

#### C. Ý kiến cá nhân của tác giả

Tôi lấy làm ngạc nhiên bởi nhiều cách đánh vần của chữ này dù tôi biết rằng đây không phải là chuyện chưa từng xảy ra cho Cựu Ước; như chữ “Giô-suê” có nhiều cách đánh vần trong tiếng Do thái. Tuy vậy, bởi vì các lý do sau (1) sự liên hệ gần gũi với chữ “nhánh” là từ chỉ về Đấng Mê-si; (2) kết hợp với ân ý tiêu cực; (3) rất ít hầu như không có sự chứng thực hiện thời về thành phố Na-xa-rét trong xứ Ga-li-lê và (4) chữ này nằm trong lời của ma quỷ nói theo ý nghĩa lai thể (“Ngài đến để tiêu diệt chúng tôi sau?”) khiến tôi không chắc chắn về ý nghĩa chính xác của chữ này.

Để tham khảo đầy đủ những nghiên cứu riêng về chữ này bởi các học giả xem *New International Dictionary of NT Theology*, của Collin Brown (ed.), tập 2, trang 346. Hoặc *Birth of the Messiah*, của Raymond E. Brown, , trang 209-213, 223-225.

▣ **Con vua Đa-vít** " Đây là một danh xưng của Đấng Mê-si (2 Sa-mu-ên 7), vốn có những hàm ý về dân tộc. Danh xưng này rất hiếm trong sách Mác (Mác 10:47,48; 12:35).

▣ **xin đoái thương con** " Đây là một thể mệnh lệnh chủ động bất định (aorist active imperative), vốn chỉ về sự nhấn mạnh tăng cường. Đây là một lời cầu nguyện phổ biến trong Thi Thiên (Thi 51:1).

**10:48 " Nhiều người rầy anh "** Đây là một thì chưa hoàn thành (imperfect tense). Ông đã kêu khóc lặp đi, lặp lại và lại lặp lại nữa và nhiều người trong đám đông đã nhiech móc ông lặp đi lặp lại (theo Lu-ca 18:39).

**10:49 " Đức Chúa Jê-sus dừng lại "** Ngay cả trên con đường dẫn đến sự chết, Chúa Jesus vẫn có thời gian cho một người ăn xin mù lòa! Đây là một dấu hiệu tiên tri khác nữa đến từ Ê-sai cho những kẻ nào nhìn thấy cách thuộc linh!

▣ **Hãy vững lòng, đứng dậy, Ngài gọi anh đó** " Thường trong tiếng Hy Lạp Koine mỗi cụm từ đều liên kết với cụm từ trước đó bởi một liên từ hoặc một đại từ chỉ đến một điều gì đó trong văn mạch trước đó. Khi những từ nối này vắng mặt (như tại phần Kinh Thánh này) chúng sẽ hướng sự chú ý đến những lời tuyên bố. Chúng là những lời tuyên bố đôn dập, được nhấn mạnh. Lời đầu tiên và thứ hai là những Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative) và lời cuối là một thể chỉ định chủ động hiện tại (present active indicative.)

**10:50 " vút bỏ áo choàng "** Áo choàng này được dùng để (1) ngủ trong nó và (2) thu gom thức ăn và đồ bỏ thí. Trong một nghĩa thì nó cũng là biểu tượng của đức tin của ông rằng ông sẽ được chữa lành.

▣ **đứng phát dậy** " Những chi tiết sống động chứng kiến tận mắt được nhớ lại bởi Phi-e-rơ.

**10:51 " Con muốn Ta làm gì cho con "** Chúa Jesus đã ép ông công bố sự thỉnh cầu đức tin của mình.

▣ **xin cho con được sáng mắt** " Sự chữa lành cho người mù có một ý nghĩa chỉ về Đấng Mê-si rất đáng chú ý (Ê-sai 35:4-5; 42:7,16; 61:1). Đây đã là một trong những dấu lạ-bằng chứng mà Những người Pha-ri-si đã đòi hỏi.

**10:52 " đức tin con đã chữa lành con "** Từ này nguyên văn là "đã cứu" (*sōzō*) trong một thể chỉ định chủ động hoàn thành (perfect active indicative). Từ này được sử dụng trong nghĩa rộng Cựu Ước của nó của một sự giải cứu thuộc thể (Gia-cơ 5:15).

▣ **đi theo Ngài** " Lu-ca 18:45 thêm vào, "và ngợi khen Đức Chúa Trời."

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Tại sao cha mẹ các em bé muốn Chúa Jesus đặt tay trên chúng?
2. Tại sao những môn đồ lại cố gắng ngăn trở họ?
3. Tại sao Chúa Jesus lại rất giận giữ với họ?
4. Trẻ em liên hệ như thế nào với Vương Quốc Đức Chúa Trời?
5. Những phẩm chất nào của một em bé mà Chúa Jesus tìm kiếm nơi các môn đồ?
6. Tại sao Chúa Jesus lại nói rất thường xuyên với các môn đồ về sự chết sắp đến của Ngài?
7. Hãy định nghĩa sự cao trọng thật.

# MÁC 11

## NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Tiến Vào Giê-ru-sa-lem cách Vinh Hiển	Sự Tiến Vào Vinh Hiển	Chúa Nhật Lễ Lá	Sự tiến Vào Vinh Hiển vào Giê-ru-sa-lem	Đấng Mê-si bước vào Giê-ru-sa-lem
11:1-11	11:1-11	11:1-10	11:1-3 11:4-5 11:6-10	11:1-11
		11:11	11:11	
Sự Rửa Sả Cây Vả	Cây Vả bị Chết Khô	Cây Vả bị Rửa Sả	Chúa Jesus Rửa Sả Cây Vả	Cây Vả Không Trái
11:12-14	11:12-14	11:12-14	11:12-14a 11:14b	11:12-14
Sự Dọn Sạch Đền Thờ	Chúa Jesus Dọn Sạch Đền Thờ	Dọn Sạch Đền Thờ	Chúa Jesus Vào Trong Đền Thờ	Sự Trục Xuất Những Kẻ Mua Bán Trong Đền Thờ
11:15-19	11:15-19	11:15-19	11:15-17 11:18 11:19	11:15-19
Bài Học từ Cây Vả Bị Chết Khô	Bài Học về Cây Vả Bị Chết Khô	Ý Nghĩa của Cây Vả Bị Chết Khô	Bài Học Từ Cây Vả	Cây Vả Bị Chết Khô Đức Tin và Sự Cầu Nguyện
11:20-25	11:20-24 Sự Tha Thứ và Sự Cầu Nguyện 11:25-26	11:20-24 11:25	11:20-21 11:22-25	11:20-25
bỏ sót Mác 11:26		bỏ sót Mác 11:26	bỏ sót Mác 11:26	bỏ sót Mác 11:26
Thảm Quyền của Chúa Jesus Bị Chết Vắn	Thảm Quyền của Chúa Jesus Bị Chết Vắn	Về Thảm Quyền của Chúa Jesus	Những Câu Hỏi về Thảm Quyền của Chúa Jesus	Thảm Quyền của Chúa Jesus Bị Chết Vắn
11:27-33	11:27-33	11:27-33	11:27-28 11:29-30 11:31-33a 11:33b	11:27-33

**CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")**

## THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đối chiếu theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

## NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Sự Tiên Vào Vinh Hiển là một dấu chỉ tiên tri rất quan trọng; Chúa Jesus đã công bố rằng Ngài là Đấng Mê-si đã được hứa trước. Nó song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 21:1-11, Lu-ca 19:29-44, và Giăng 12:12-19.
- B. Có một khía cạnh nghịch lý của Sự Tiên Vào Vinh Hiển. Chúa Jesus rõ ràng đã ứng nghiệm lời tiên tri trong Xa-cha-ri 9:9 và những lời kêu lên (trong nghi thức tế lễ trong Thi Thiên) từ đám đông chính là một sự khẳng định về Địa Vị Đấng Mê-si của Ngài. Tuy nhiên, cần phải nhớ rằng những Thi Thiên Ngợi Khen này được sử dụng để chào đón những người hành hương mỗi năm khi họ đến để dự Lễ Vượt Qua. Thực chất rằng họ đã xem mình như là một người đặc biệt độc nhất đối với sự kiện này. Điều này có thể được thấy rõ trong sự kinh ngạc của các lãnh đạo tôn giáo.
- C. Sự dọn sạch Đền Thờ được chép lại trong Mác 11:15-19 có lẽ là sự tẩy sạch đền thờ thứ hai bởi Chúa Jesus. Lần thứ nhất được chép lại trong Giăng 2:15. Tôi không chấp nhận giáo lý của những sự phê bình văn học đã phóng xa hai sự kiện này thành một. Mặc dù có một nạn đề trong việc hợp nhất trình tự thời gian của Những Sách Tin Lành Cộng Quan và Phúc Âm Giăng, nó vẫn có vẻ là tốt nhất đối với tôi, bởi vì những sự khác biệt giữa hai câu chuyện, để giữ vững hai sự dọn sạch khác nhau, một lần vào giai đoạn khởi đầu của chức vụ của Ngài và một lần gần thời điểm cuối cùng. Ý tưởng này cũng có thể giải thích sự thù nghịch từ rất sớm và càng lúc càng lớn lên của các lãnh đạo tôn giáo tại Giê-ru-sa-lem. Sự tẩy sạch này song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 21:12-16 và Lu-ca 19:45-47.
- D. Sự rửa sả cây vả là một sự chỉ đến rất rõ ràng về Do Thái Giáo. Nó song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 21:18-19 và Lu-ca 19:45-48.
- E. Cây vả héo khô (Mác 11:20-25) song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 21:19-22 và Lu-ca 21:37-38.
- F. Thảm Quyền của Chúa Jesus bị chất vấn (Mác 11:27-12:12). Thảm Quyền của Ngài chính là vấn đề thần học quan trọng then chốt! Nó song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 21:23-46 và Lu-ca 20:1-19.

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 11:1-10

<sup>1</sup> Khi đến gần thành Giê-ru-sa-lem, cạnh làng Bết-pha-giê và Bê-tha-ni, ngang núi Ô-liu, Đức Chúa Jê-sus sai hai môn đồ đi, <sup>2</sup> và bảo: “Hãy đi vào làng đối diện, vừa vào đó các con sẽ thấy ngay một con lừa con chưa ai cưỡi, đang buộc sẵn ở đó. Hãy mở nó ra và dắt về.” <sup>3</sup> Nếu có ai hỏi các con: ‘Tại sao các ông làm vậy?’ thì hãy đáp: ‘Chúa cần đến nó và Ngài sẽ gửi trả lại ngay.’ ” <sup>4</sup> Hai người đi và thấy ở bên đường có một con lừa con đang buộc trước cửa nhà. Họ mở dây lừa ra. <sup>5</sup> Vài người trong số những người đứng đó hỏi: “Các ông mở lừa con đó làm gì?” <sup>6</sup> Hai người trả lời như Đức Chúa Jê-sus đã dặn; và họ cho dắt lừa đi. <sup>7</sup> Họ dắt lừa con về cho Đức Chúa Jê-sus, trải áo mình trên lưng nó, rồi Ngài cưỡi lên. <sup>8</sup> Nhiều người trải áo mình trên đường, có người trải cành cây vừa chặt ngoài đồng. <sup>9</sup> Người đi trước, kẻ theo sau đều

**tung hô rằng: "Hô-sa-na! Chúc tụng Đấng nhân danh Chúa mà đến!"<sup>10</sup> Phước cho vương quốc sắp đến của vua Đa-vít, tổ phụ chúng ta! Hô-sa-na trên nơi chí cao!"**

**11:1 " Bết-pha-giê "** Tên này có nghĩa là "nhà của những quả vả" hoặc "chỗ của những quả vả chưa chín." Nó nằm tại rặng núi có thể quan sát Giê-ru-sa-lem từ phía trên được gọi là Ngọn Ô-liu. Trong những tác phẩm văn học của các ra-bi nó chính là một vùng ngoại ô của Giê-ru-sa-lem. Nó rất gần với con đường chính lên từ Giê-ri-cô, là con đường mà những người hành hương đã sử dụng.

▣ **" Bê-tha-ni "** Tên này có nghĩa là "nhà của những quả chà là." Giăng 11:18 cho biết nó nằm cách hai dặm về phía đông nam Giê-ru-sa-lem nằm trên con đường lên Giê-ri-cô và nó chính là quê nhà của Ma-ri, Ma-thê, và La-xa-rô. Trong suốt ba kỳ lễ lớn hàng năm (Lê-vi Ký 23) tất cả mọi người xung quanh Giê-ru-sa-lem chia sẻ nhà của họ với những người hành hương. Chúa Jesus đã ở tại đây khi Ngài ở tại Giê-ru-sa-lem (theo Mác 11:11; Ma-thi-ơ 21:17).

▣ **" ngang núi Ô-liu "** Đây là hai ngôi làng nhỏ tọa lạc trong cùng một dãy núi (dài khoảng 2.5 dặm) được biết với tên gọi "Ngọn Ô-liu."

▣ **" Đức Chúa Jêsus sai hai môn đồ đi "** Có lẽ Phi-e-rô là một trong số họ và gợi nhắc lại sự kiện này với Giăng Mác.

**11:2 " ngay "** Hãy xem ghi chú tại Mác 1:10.

▣ **" con lừa "** Sự kiện này là một sự ứng nghiệm tiên tri (theo Sáng Thế Ký 49:11; Xa-cha-ri 9:9). Những con lừa đã thường được Các Vua Do Thái ngồi trên chúng (Điều này cũng được nhắc đến trong Các Bản Đá Mari (Mari Tablets) và Thiên Sử Thi Gilgamesh của Người Sumer (the Sumerian Gilgamesh Epic)). Con lừa non sẽ làm ứng nghiệm những lời tiên tri chỉ về vương quyền (chỉ có vua mới cưỡi trên con lừa của Ngài, con lừa non này chưa bao giờ được cưỡi), nhưng nó cũng truyền thông rằng Ngài đến trong hòa bình. Vào Lần Đến Thứ Hai Chúa sẽ hiện ra trên một con ngựa chiến màu trắng (ngựa bạch) như là Vua của Các Vua và Quan Xét của toàn cõi vũ trụ (Khải Huyền 19:11-16). Các ra-bi nhận ra ý nghĩa của những lời tiên tri chỉ về Đấng Mê-si này và nói rằng nếu Y-sơ-ra-ên xứng đáng, ngay cả một ngày kia, rằng Đấng Mê-si sẽ đến trên những đám mây vinh hiển, nhưng nếu không, Ngài sẽ vẫn đến trên một con lừa.

▣ **" chưa ai cưỡi "** Con lừa hoàng gia đã chưa bao giờ bị cưỡi bởi bất cứ một người nào, chỉ duy nhất vị vua mà thôi. Một ví dụ về biểu tượng đây uy quyền này được thấy khi Vua Sa-lô-môn cưỡi trên con lừa của Vua Đa-vít (1 Các Vua 1:33).

**11:3 " nếu "** Đây là một Câu điều kiện bậc ba (Third class conditional sentence), vốn chỉ về một hành động mang tính tiềm năng.

▣ **" Chúa cần đến nó "** Thật khó để xác định trong những phần tường thuật Phúc Âm chỗ nào Chúa Jesus đang sử dụng những ý tưởng tiên tri của Ngài hoặc Ngài đang sắp xếp trước cách cá nhân những sự kiện (Mác 14:12-16).

Đây là một từ hiếm trong Mác của từ *kurios* như một danh hiệu được dùng cho Chúa Jesus (Mác 7:28; 11:3). Bởi vì từ này có thể có nghĩa là "chủ" hoặc "chủ nhân," nó có thể chỉ đến chủ nhân của con lừa con. Tuy nhiên, văn mạch ngụ ý nó chỉ đến Chúa Jesus. Tầm quan trọng thần học có thể rằng đây chính là cách chỉ đến Cựu Ước về YHWH (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA) (Mác 11:9) bởi danh *Adon*, vốn có nghĩa là "chủ nhân," "chủ," "chúa," hoặc "chồng" trong tiếng Hê-bơ-rơ.

▣ **" và Ngài sẽ gửi trả lại ngay "** Không rõ đây là một bình luận bởi các môn đồ về con lừa con hay nó là một phần của sứ điệp của Chúa Jesus. Có một vài sự khác biệt về thảo bản cổ tiếng Hy Lạp bởi vì sự mơ hồ về nghĩa của cụm từ này.

**11:5 " Vài người trong số những người đứng đó "** Phần Kinh Thánh tương đồng trong Lu-ca 19:33 chép là "những chủ nhân."

**11:7 " trải áo mình trên lưng nó "** Những chiếc áo khoác có chức năng như là chiếc đệm hoặc chặn để cưỡi lên trên. Màu sắc của chúng mang đem lại một sắc vẻ lễ hội hoặc bày tỏ, phô diễn (tiến trình hoàng gia).

**11:8 " Nhiều người trải áo mình trên đường "** Ai là những người mà cụm từ "nhiều người" ở đây chỉ đến?

Nếu cụm từ này chỉ về các môn đồ, đây là một hành động bày tỏ của Vương Quyền của Chúa Jesus (2 Các Vua 9:13). Nếu cụm từ này chỉ về người dân Giê-ru-sa-lem thì thật đáng ngạc nhiên rằng họ đã làm điều đó hàng năm bởi vì sự thiệt hại gây ra bởi cơn lửa bước đi trên nền đường cứng. Có lẽ họ đã nghe về Chúa Jesus và nhận ra về sự đặc biệt độc nhất của Ngài.

▣ " **trái cành cây** " Giảng 12:13 đề cập rằng chúng là những nhánh cây mọc trên Ngon Ô-liu (theo Josephus). Có vẻ chúng là dấu hiệu của sự chiến thắng hoặc khai hoàn (Khải Huyền 7:9). Nghi lễ này được thực hiện mỗi năm bởi những cư dân Giê-ru-sa-lem trong những Ngày Lễ Lều Tạm và Vượt Qua dành cho những nhóm người hành hương tiến vào thành phố. Năm nay chính là năm quan trọng đặc biệt của sự tiến vào thành của Vua đã được ứng nghiệm.

Dù cho hành động biểu tượng này được thực hiện hàng năm trong suốt Lễ Lều Tạm (Lê-vi Ký 23:13-20), những nhánh cây đó đã lớn hơn rất nhiều so với những nhánh cây này. Những nhánh cây được sử dụng ở đây nhỏ hơn và có thể so sánh với truyền thống hiện đại của việc rải cánh hoa hồng phía trước một cô dâu khi cô bước trên lối đi trong thánh đường. Ba hành động này—(1)trái những áo choàng trên con vật, (2) những áo choàng trên đường, và (3) những nhánh cây rải ra trên đường— chỉ ra rằng họ đang vinh danh Chúa Jesus Đấng Mê-si Hoàng Vương (Thi 2), từ Ngôi Đa-vít (2 Sa-mu-ên 7) đang tiến đến.

**11:9 " Người. . . tung hô "** Có vẻ nghi lễ trong Mác 11:9-10 là một phần của những kỳ lễ hàng năm. Chúng có những ý nghĩa dân tộc được ngụ ý đáng chú ý (ví dụ, câu này có thể là một thành ngữ trong tiếng A-ram được dùng cho "quyền lực hoàng gia dành cho"). Tuy nhiên, bởi vì chúng được lặp đi lặp lại hằng năm, người La Mã không cảm thấy bị đe dọa bởi chúng. Năm nay, chúng đã được ứng nghiệm đặc biệt độc nhất nơi Chúa Jesus người Na-xa-rét. Thật là một lễ nghi giờ đây đã trở nên một sự mặc khải!

▣ " **Hô-sa-na** " Thành ngữ Hê-bơ-rơ có nghĩa là "chào đón Ngài." Đây là một phần của Thi Thiên Ngợi Khen (Hallel Psalm) 118:25, vốn được trích đọc hàng năm khi những người hành hương đến với Giê-ru-sa-lem. Nó nguyên văn có nghĩa là "giải cứu ngay bây giờ" (2 Sa-mu-ên 14:4; 2 Các Vua 6:16), nhưng đã trở thành một sự chào đón tiêu chuẩn.

▣ " **Chúc tụng Đấng nhân danh Chúa mà đến** " Đây là một phần trích từ Thi 118:26. Câu này là một trong những Thi Thiên Ngợi Khen (Hallel Psalms)(113-118) được trích đọc trong Lễ Vượt Qua. Thi 118 có một hàm ý chỉ về Đấng Mê-si rất mạnh mẽ (Mác 11:22). Phần Kinh Thánh tương đồng trong Lu-ca 19:38 chép là " Đấng ngợi khen Vua nhơn danh Chúa mà đến." Nghi lễ tôn giáo hàng năm này đã trở nên ứng nghiệm lời tiên tri!

**11:10 " vương quốc sắp đến của vua Đa-vít "** Câu này có những hàm ý mang tính dân tộc (2 Sa-mu-ên 7; Ô-sê 3:5). Một sự tự hỏi rằng có phải câu này là một bài kinh hàng năm hoặc nó được thêm vào để chỉ đến Chúa Jesus cách đặc biệt. Câu này có thể là một sự chỉ đến Xa-cha-ri 9:9. Ma-thi-ơ 21:5 đề cập cách trực tiếp đến lời tiên tri này. Phần Kinh Thánh tương đồng trong Lu-ca 19:39 chỉ về sự giận dữ mãnh liệt của Những người Pha-ri-si khi những cụm từ này được quy trực tiếp cho Chúa Jesus.

▣ " **Hô-sa-na trên nơi chí cao** " Thành ngữ này có thể có ý nghĩa (1) sự ngợi khen dành cho Đức Chúa Trời trên thiên đàng hoặc là (2) nguyện Đức Chúa Trời trên thiên đàng giải cứu Ngài (Chúa Jesus).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 11:11**

<sup>11</sup> Đức Chúa Jêsus vào thành Giê-ru-sa-lem và đi vào đền thờ. Ngài đưa mắt nhìn mọi việc chung quanh, rồi cùng với mười hai sứ đồ đi đến làng Bê-tha-ni vì lúc ấy trời đã tối.

**11:11 " đền thờ "** Từ này (*hieron*) có nghĩa là khu vực cả đền thờ, không chỉ là đền thánh trung tâm (Nơi Chí Thánh và Nơi Thánh).

▣ " **lúc ấy trời đã tối** " Họ đã đi bộ suốt 18 dặm từ thành Giê-ri-cô. Khu vực đền thờ có lẽ đã gần như trống không. Chúa Jesus muốn tất cả mọi người sẽ nhìn thấy hành động dọn sạch và phục hồi đền thờ trở lại với mục đích nguyên thủy được ban cho bởi Đức Chúa Trời.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 11:12-14**



<sup>12</sup> Ngày hôm sau, khi rời Bê-tha-ni thì Ngài đi. <sup>13</sup> Từ xa, Ngài thấy một cây vả đầy lá nên đến xem thử có tìm được gì trên cây không. Nhưng khi đến gần, Ngài không thấy gì khác ngoài lá, vì bấy giờ chưa đến mùa vả. <sup>14</sup> Ngài phán với cây vả: “Không một ai còn ăn trái của mày nữa!” Các môn đồ Ngài đều nghe lời ấy.

**11:12** Chúa Jesus sử dụng một nhu cầu hàng ngày (thức ăn) như là một cơ hội để dạy một bài học đầy mạnh mẽ về sự đoán phạt và sự chối bỏ.

**11:13 " một cây vả "** Hãy nhớ rằng tên của thành Bê-pha-giê có nghĩa là "nhà của những quả vả." Rõ ràng có rất nhiều quả này trong khu vực này.

- ▣ **" đầy lá "** Có rất nhiều sự tranh luận giữa các nhà giải kinh về cây vả này và vì sao Chúa Jesus lại đến với nó.
  1. Nó đã là một nơi che nắng và đã mọc nhiều lá từ sớm, và vì vậy có lẽ nó cũng có thể đã có nhiều trái non.
  2. Những lá chỉ về lời hứa, nhưng không có sự ứng nghiệm, cũng giống như Y-sơ-ra-ên đã làm.
  3. Chúa Jesus không tìm trái vả, nhưng những phần nhú lên vốn đôi khi cũng có thể ăn (theo quyển *Answers to Questions* được viết bởi F. E. Bruce, tại trang 56 hoặc quyển *Hard Sayings of the Bible*, tại trang 441-442).

Tội nghĩ rằng nó là một hành động biểu tượng của sự đoán phạt (Lu-ca 13:6-9), cũng giống như là sự dọn sạch Đền Thờ, biểu tượng của Do Thái Giáo trong thời Chúa Jesus, được đặt trung tâm tại Giê-ru-sa-lem. Nó báo trước về sự hủy diệt vào năm 70 SC bởi vị tướng La Mã (sau đó đã trở thành Hoàng Đế) Titus và sự đoán phạt sau rốt (lai thể) bị gây ra bởi vị sự vô tín của họ nơi Chúa Jesus (câu 14).

▣ **" bấy giờ chưa đến mùa vả "** Đây là mùa lễ Vượt Qua và thường thậm chí lá còn chưa được mọc ra đầy đủ. Cụm từ này chỉ về tính chất biểu tượng của sự kiện này. Cũng hãy chú ý rằng Chúa Jesus đã nói lớn ra cho các môn đồ có thể nghe. Y-sơ-ra-ên đôi khi được biểu tượng hóa bởi những cây vả (tuy nhiên, cũng thường bởi cây nho, theo Giê-rê-mi 29:17; Ô-sê 9:10; Giô-ên 1:7; Mi-chê 7:1-6). Thật ra rằng khi cây có nhiều lá chỉ ra rằng nó sẽ sinh trái. Y-sơ-ra-ên đã không như vậy! Câu chuyện cây vả bị chia thành hai phần với sự dọn sạch đền thờ nằm giữa để làm dấu hiệu chỉ ra rằng nó chỉ về sự đoán phạt của Đức Chúa Trời dành cho hệ thống tôn giáo Do Thái Giáo và những lãnh đạo của nó (cũng như sự dọn sạch đền thờ). Không rõ rằng dành cho cả Y-sơ-ra-ên hay chỉ riêng những kẻ lãnh đạo trái luật pháp (những người Sa-đu-sê này là những kẻ đã mua những chức vụ này từ người La Mã) sẽ bị định tội. Sự đoán phạt trên Y-sơ-ra-ên được nhấn mạnh trong Lu-ca 13:6-9 và Mác 12:1-12.

**11:14** Đây là một sự đoán phạt vĩnh viễn đầy mạnh mẽ!

### **CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỜI ĐỜI (THÀNH NGỮ HY LẠP)**

Một cụm từ thành ngữ tiếng Hy Lạp là "cho đến các thời đại" (Lu-ca 1:33; Rô-ma 1:25; 11:36; 16:27; Ga-la-ti 1:5; 1 Ti-mô-thê 1:17), vốn có thể phản ánh từ Hê-bơ-rơ 'olam. Hãy xem tài liệu của Robert B. Girdlestone, *Synonyms of the Old Testament*, trang 319-321, và Chủ Đề Đặc Biệt: Đời Đời ('Olam).

Một cụm từ liên quan khác là "cho đến các thời đại" (Ma-thi-ơ 21:19; Mark 11:14; Luke 1:55; John 6:58; 8:35; 12:34; 13:8; 14:16; 2 Cor. 9:9) và "của thời đại của các thời đại" (Ê-phê-sô 3:21). Có vẻ như không có sự phân biệt giữa các thành ngữ tiếng Hy Lạp dùng cho "đời đời." Từ "các thời đại" có thể ở SỐ NHIỀU trong một khái niệm của vài "thời kỳ" trong nghĩa của "thời kỳ gian ác," "thời kỳ sẽ đến," hoặc "thời kỳ của sự công chính" (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thời Kỳ Này và Thời Kỳ sắp Đến).

### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 11:15-18**

<sup>15</sup> Đức Chúa Jê-sus và các môn đồ đến thành Giê-ru-sa-lem. Ngài vào đền thờ, đuổi hết những kẻ bán, người mua trong đền thờ, lật bàn của những kẻ đổi tiền, xô ghế của những người bán bồ câu. <sup>16</sup> Ngài không cho phép bất cứ ai đem vật gì đi ngang qua đền thờ. <sup>17</sup> Rồi Ngài dạy và phán với họ: “Chẳng phải đã có lời chép rằng: ‘Nhà Ta sẽ được gọi là nhà cầu nguyện cho mọi dân tộc’ hay sao? Nhưng các ngươi đã biến nơi ấy

**thành hang trộm cướp.”<sup>18</sup> Khi nghe được những lời này, các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo tìm cách giết Ngài. Họ sợ Ngài, vì cả đoàn dân đều thán phục sự dạy dỗ của Ngài.**

**11:15 " vào đền thờ"** Cụm từ này chỉ cụ thể về sân dành cho người ngoại nơi mà những kẻ buôn bán đặt quây của họ (những quây (trại) này được sở hữu bởi gia đình của các Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm). Sách Phúc Âm của Giăng đã chép lại về một sự tẩy sạch trước đó (Giăng 2:từ câu 13). Chúa Jesus đã không luôn là một người cư xử êm dịu nhẹ nhàng như chúng ta suy nghĩ!

Hành động này đã thách thức thẩm quyền của những Người Sa-đu-sê cũng như những lời nói và hành động của những người hành hương trong lần tiến vào Khải Hoàn đã thách thức Những người Pha-ri-si. Những hành động này đã khiến Chúa Jesus đối diện với sự bi đát của cái chết (Mác 11:18).

▣ **" đuổi hết những kẻ bán, người mua "** Đây có lẽ là một sự ngụ ý chỉ đến Xa-cha-ri 14:21, "sẽ không còn một người Ca-na-an nào (kẻ buôn bán) trong nhà của Đức Giê-hô-va vạn quân trong ngày đó."

▣ **" những kẻ bán, người mua "** Những thương nhân này đại diện cho gia đình Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm, là những người đã mua cả chức vụ tế lễ những quyền đặc nhượng từ Người La Mã (ít nhất từ những năm 30 SC trở đi. Tôi nghĩ rằng Chúa Jesus đã bị đóng đinh vào năm 34 SC).

▣ **" kẻ đổi tiền "** Thuế đền thờ là ½ đồng shekel (Xuất 30:13). Trong thời của Chúa Jesus, đồng shekel duy nhất là đồng của người Ty-rơ. Những người hành hương đã bị thu phí 1/24 đồng shekel để chuyển đổi đồng tiền của họ.

▣ **" những người bán bò cừu "** Một chim bồ câu là sinh tế cho người nghèo, những người bị phung và phụ nữ. Giá thông thường đã bị nhân lên gấp ba tại những quây này. Ngay cả những người mang theo những con vật sinh tế từ nhà, các thầy tế lễ thường xuyên tìm ra những sai sót nơi chúng và ra lệnh cho họ phải mua một con vật khác.

**11:16 " không cho phép bất cứ ai đem vật gì đi ngang qua đền thờ "** Cụm từ này là duy nhất trong Mác. Sân của Người Ngoại đã trở thành lối tắt giữa thành phố và Ngọn Ô-liu. Nó đã đánh mất đi mục đích tôn giáo đặc biệt như là một nơi cho các dân tộc đến với YHWH (Đức Giê-hô-va).

**11:17 " Nhà Ta sẽ được gọi là nhà cầu nguyện cho mọi dân tộc "** Đây là một phần Kinh Thánh trích trong Ê-sai 56:7. Nó chỉ về tình yêu toàn cầu của Đức Chúa Trời. Ma-thi-ơ, viết cho người Do Thái, đã bỏ qua cụm từ cuối.

▣ **" nơi ấy thành hang trộm cướp "** Đây là một đoạn trích Kinh Thánh từ bài giảng nổi tiếng của Giê-rê-mi phán về những nghi lễ vô tín và những lãnh đạo mê tín (Giê-rê-mi 7:11). Nhân danh tôn giáo, một nguồn lợi rất lớn đã kiếm được từ sự trả giá của một nơi tĩnh lặng và cầu nguyện dành cho Người Ngoại. Cụm từ "trộm cướp" có thể có nghĩa là "kẻ nổi dậy."

**11:18 " các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo "** Những gia đình giàu có nắm quyền trên chức vụ của Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm. Nó đã không còn là một vị trí gia đình liên hệ với A-rôn, nhưng là một chức vụ bị mua bán bởi Người La Mã cho kẻ trả giá cao nhất.

▣ **" các thầy thông giáo "** Tầng lớp lãnh đạo này bắt đầu với Ê-xơ-ra. Trong thời Chúa Jesus hầu hết trong số họ là Những người Pha-ri-si. Họ giải nghĩa những khía cạnh thực tế của Luật Pháp dành cho những người bình thường, đặc biệt từ những Lời Truyền Khẩu (Kinh Talmud). Nhóm này có chức năng tương đương với những ra-bi Do Thái hiện đại. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 2:6.

▣ **" các thầy thông giáo "** Đây là một thì chưa hoàn thành (imperfect tense). Nó có thể có nghĩa là "bắt đầu" (theo bản NASB, TEV), nhưng nó cũng có thể ngụ ý rằng họ đã kiếm tìm hết lần này đến lần khác từ thời điểm này để giết Chúa Jesus (theo bản NRSV).

Tất cả các động từ trong Mác 11:18 đều ở thể chưa hoàn thành, chỉ về những hành động đã bắt đầu và tiếp diễn trong suốt tuần lễ cuối của cuộc đời Chúa Jesus. Cấu trúc lặp đi lặp lại bắt đầu trở nên nổi bật. Sự Tiến Vào Khải Hoàn và sự dọn sạch đền thờ đã đóng ấn số phận bi thảm của Chúa Jesus, như Ngài đã biết trước nó sẽ xảy ra như vậy.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 11:19**

**<sup>19</sup> Tôi đến, Đức Chúa Jê-sus và các môn đồ ra khỏi thành.**

**11:19** Câu này có lẽ đi cùng với đoạn Mác 11:15-18. Đây là một chi tiết chứng kiến tận mắt của Phi-e-rơ. Cụm từ ngắn này được ghi chép lại trong sự khác nhau giữa nhiều bản thảo cổ tiếng Hy Lạp (một vài bản ở số nhiều và những bản khác ở số ít).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 11:20-26**

<sup>20</sup> Sáng hôm sau, khi đi ngang qua đó, họ thấy cây vả đã khô đến tận rễ; <sup>21</sup> Phi-e-rơ nhớ lại chuyện hôm qua nên thưa với Ngài: “Thầy ơi, xem kia! Cây vả mà Thầy quả đã chết khô rồi.” <sup>22</sup> Đức Chúa Jê-sus phán: “Hãy có đức tin nơi Đức Chúa Trời. <sup>23</sup> Thật, Ta bảo các con, ai bảo hòn núi này: ‘Hãy nhấc lên, và lao xuống biển,’ nếu trong lòng người ấy không có chút nghi ngờ, nhưng tin điều mình nói sẽ xảy ra, thì điều đó sẽ được thực hiện. <sup>24</sup> Vì vậy Ta bảo các con, bất cứ điều gì các con xin trong lúc cầu nguyện, hãy tin rằng mình đã nhận được rồi, thì các con sẽ được điều ấy. <sup>25</sup> Khi các con đứng cầu nguyện, nếu có chuyện bất bình với ai thì hãy tha thứ, để Cha các con ở trên trời cũng tha thứ những vi phạm của các con.” <sup>26</sup> [Nhưng nếu các con không tha thứ, thì Cha của các con ở trên trời cũng sẽ không tha thứ những vi phạm của các con.]

**11:20** " khi đi ngang qua đó " Họ đã đi cùng một hành trình từ làng Bê-tha-ni đến Giê-ru-sa-lem.

▣ " khô đến tận rễ " Đây chính là dấu chỉ về sự chối bỏ hoàn toàn của Y-sơ-ra-ên (theo Mác 12:1-12), hoặc ít nhất là những lãnh đạo đương thời của nó.

**11:21** " Phi-e-rơ nhớ lại chuyện hôm qua nên thưa " Những ký ức sống động của Phi-e-rơ!

**11:22** " Đức Chúa Jê-sus phán " Phi-e-rơ lại một lần nữa hành động như người phát ngôn cho suy nghĩ của tất cả các môn đồ.

▣ "" đức tin nơi Đức Chúa Trời "" Đây là một Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative). Đây là một chủ đề phổ biến trong Sách Phúc Âm này. Đức tin/sự tin cậy/niềm tin (danh từ, *pistis*; động từ, *pisteuō*; Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 1:15) nơi YHWH (và Đấng Mê-si của Ngài) chính là niềm hy vọng duy nhất dành cho nhân loại sa ngã. Hệ thống hiện tại của thế gian và những cấu trúc quyền lực của nó không được thu hút hoặc làm xao nhãng sự tập chú và quan tâm của chúng ta.. Đức Chúa Trời ở cùng với chúng ta và cho chúng ta. Hãy hướng về Ngài, và duy chỉ mình Ngài!

Hành động biểu tượng của sự đoán phạt và chối bỏ đã ảnh hưởng đến hoàn bộ hệ thống niềm tin truyền thống của họ. Chúng ta chỉ có thể tưởng tượng ra sự triệt để đến nhường nào của những sự dạy dỗ và quan điểm tươi mới của Chúa Jesus đối với những người Do Thái trong thế kỷ thứ nhất này! Chúa Jesus đã chối bỏ một cách đầy mạnh mẽ và rõ ràng Đền Thờ (trong chức năng mà nó đang thực hiện) và những lãnh đạo của nó, cả Những Người Sa-đu-sê và Những người Pha-ri-si (cả hai trường phái tự do, Hillel, và bảo thủ, Shammai).

Có một sự khác biệt về mặt bản thảo tiếng Hy Lạp vốn thêm vào một tiểu từ điều kiện tiếng Hy Lạp *ei* ("nếu") trong bản MSS  $\kappa$  và D. Điều này khiến nó trở nên một câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence). Tuy nhiên, sự hiện diện của nó có thể là một thành ngữ tiếng Hê-bơ-rơ chỉ về một sự trích dẫn trực tiếp. Nó không được bao gồm trong bản MSS A, B, C, L, hoặc W, cũng như bất cứ bản dịch tiếng Anh nào được dùng trong tập giải kinh này. Nó có lẽ đến từ những nhà sao chép Kinh Thánh muốn làm cho nó trở nên giống một cách chính xác với Lu-ca 17:6 hoặc ngay cả Ma-thi-ơ 21:21 (vốn dùng từ *ean* thay vì từ *ei* của Lu-ca).

**11:23** " Thật " Từ này nguyện văn là "a-men." Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 3:28.

▣ "" bảo hòn núi này ""Cụm từ này (1) có lẽ là một sự chỉ đến Ngọn Ô-liu (Xa-cha-ri 14:4) hoặc (2) là một cách hành văn tu từ như trong Xa-cha-ri 4:7. Cụm từ này là một ẩn dụ thông dụng của các ra-bi dùng cho sự loại bỏ những khó khăn.

Trong Cựu Ước, hình mẫu của ngôn ngữ "san bằng" này thường được sử dụng cho sự tiến đến của YHWH (Mi-chê 1:3-4; Ha-ba-cúc 3:6). Ngài sẽ luôn sẵn sàng cho tất cả mọi người trên thế gian bởi vì mọi ngọn núi đều đã bị san bằng (Xa-cha-ri 14:4) và mọi thung lũng sẽ bị đổ đầy cũng như mọi dòng sông và biển cả sẽ cạn khô, để rồi tất cả mọi người đều có thể tiến đến với Ngài tại Giê-ru-sa-lem. Ngôn ngữ thiên nhiên theo nghĩa bóng đã bị thay thế trong Tân Ước bởi một nhóm người đang thiếu thốn tiến đến với Chúa Jesus, chứ không phải Giê-ru-sa-lem. Trong Tân Ước "Giê-ru-sa-lem" tại xứ Palestine đã trở thành "Giê-ru-sa-lem mới," thành thánh xuống từ thiên đàng. Tân Ước đã toàn cầu hóa những lời tiên tri Cựu Ước liên hệ đến Giê-ru-sa-lem và

Palestine địa lý.

▣ **" lao xuống biển "** Cùm từ này có lẽ chỉ về Biển Chết, vốn có thể nhìn thấy từ Ngọn Ô-liu.

▣ **" không có chút nghi ngờ "** Đức tin là một yếu tố then chốt quyết định trong lời cầu nguyện (Gia-cơ 1:6-8).

▣ **" lòng "** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 2:6.

**11:23-24 " điều đó sẽ được thực hiện "** Lời tuyên bố này phải được cân bằng với những sự dạy dỗ khác trong Kinh Thánh về sự cầu nguyện. Đây là một ví dụ hay về việc chúng ta không được rập khuôn một câu Kinh Thánh và nói rằng "Kinh Thánh đã phán như vậy, đã ấn định nó." Kinh Thánh phán nhiều hơn rất nhiều về sự cầu nguyện. Điều tệ hại nhất mà Đức Chúa Trời có thể làm cho phần lớn các Cơ Đốc Nhân chính là trả lời những lời cầu nguyện của họ! Thường chúng ta cầu nguyện cho mọi điều sai trật. Xin hãy đọc và suy gẫm về Chủ Đề Đặc Biệt phía dưới đây "Lời Cầu Nguyện Hiệu Quả."

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LỜI CẦU NGUYỆN HIỆU QUẢ**

A. Liên hệ tới sự tương giao cá nhân với Ba Ngôi Đức Trời.

1. Liên hệ tới ý chỉ Đức Chúa Cha
  - a. Ma-thi-ơ. 6:10
  - b. 1 Giăng 3:22
  - c. 1 Giăng 5:14-15
2. Ở mãi trong Chúa Giê-su
  - a. Giăng 15:7
3. Cầu nguyện trong Danh Chúa Giê-su
  - a. Giăng 14:13,14
  - b. Giăng 15:16
  - c. Giăng 16:23-24
4. Cầu nguyện trong Đức Thánh Linh
  - a. Ê-phê-sô. 6:18
  - b. Giu-đê 1:20

B. Liên hệ tới động cơ cá nhân

1. không lưỡng lự.
  - a. Ma-thi-ơ. 21:22
  - b. Gia-cơ 1:6-7
2. Cầu nguyện sai: Gia-cơ 4:3
3. Cầu nguyện ích kỷ: Gia-cơ 4:2-3

C. Liên hệ đến sự quyết định cá nhân

1. Bền đỗ
  - a. Lu-ca 18:1-8
  - b. Cô-lô-sê 4:2
  - c. Gia-cơ 5:16
2. sự bất hòa trong gia đình:
  - a. 1 Phi-e-rơ 3:7
3. Tội lỗi
  - a. Thi-thiên 66:18
  - b. Ê-sai 59:1-2
  - c. Ê-sai 64:7

Tất cả lời cầu nguyện đều được trả lời (không, có, hoặc hãy chờ), nhưng không phải tất cả lời cầu nguyện đều linh nghiệm. Điều cuối cùng Đức Chúa Trời có thể làm là trả lời sự cầu xin không thích đáng.

**11:24" rằng mình đã nhận được rồi "** Có một sự khác biệt về bản thảo liên hệ với thì của từ *lambanō*. Thì bắt định (aorist), vốn phản ánh một thành ngữ Hê-bơ-rơ của một sự ứng nghiệm được trông đợi, được tìm thấy trong bản MSS 8, B, C, L, và W. Có vẻ điều này đã được sửa lại bởi những nhà sao chép Kinh Thánh (1) thành thì tương lai để phù hợp với Ma-thi-ơ 21:22 (trong bản MS D và bản Vulgate) hoặc (2) thành thì hiện tại (trong bản MS A và bản dịch tiếng Armenia).

**11:25 "" Khi các con đứng cầu nguyện ""** Tư thế thông thường của sự cầu nguyện là đứng với đôi mắt mở rộng và đầu cùng với đôi bàn tay hướng lên trên. Họ cầu nguyện như thể đang nói chuyện với Đức Chúa Trời.

▣ "" **nếu có chuyện bất bình với ai thì hãy tha thứ** "" Sự tha thứ của chúng ta dành cho những người khác chính là bằng chứng, không phải là nền tảng, của sự tha thứ của chúng ta (Ma-thi-ơ 5:7; 6:14-15; 7:1-2; 18:21-35; Luca 6:36-37; Ê-phê-sô 4:32; Cô-lô-se 3:13; Gia-cơ 2:13; 5:9). Một người không tha thứ sẽ không bao giờ gặp Đức Chúa Trời!

▣ "" **nếu** "" Đây là một câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence). Các tín đồ thường giữ lại sự hận thù. Nhận biết Đức Chúa Trời nơi Đấng Christ phải biến đổi những thái độ này. Chúng ta đã được tha thứ nhiều đến nỗi làm thế nào để chúng ta có thể đối xử với những người khác được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời với sự khinh miệt và thù oán thông thay đổi?

▣ "" **Cha của các con ở trên trời** "" Chúa Jesus nói tiếng A-ram, vốn có nghĩa là nhiều chỗ nơi mà "Cha" xuất hiện như trong tiếng Hy Lạp, có thể phản chiếu từ trong tiếng A-ram *Abba* (theo Mác 14:36). Từ mang tính chất gia đình "cha (daddy)" hoặc "ba (papa)" phản ánh mối liên hệ mật thiết giữa Chúa Jesus với Cha; Sự bày tỏ sự mặc khải này dành cho những kẻ theo Ngài cũng khích lệ sự mật thiết của chính chúng ta với Cha. Từ "Cha" được sử dụng duy nhất trong Cựu Ước dành cho YHWH, nhưng Chúa Jesus sử dụng nó thường xuyên và khắp nơi. Nó là một sự mặc khải vĩ đại về mối quan hệ tươi mới của chúng ta với Đức Chúa Trời thông qua Đấng Christ.

**11:26** Câu này vắng mặt trong bản tiếng Hy Lạp ông-xi-an 8, B, L, và W. Nó được chép với một vài sự khác biệt trong bản MSS A, D, K, X, và bản dịch Peshitta và bản Diatessaron (bốn sách Phúc Âm được kết hợp lại thành một). Có vẻ như đây là một nhà sao chép Kinh Thánh cổ xưa đã thêm cụm từ này vào từ Ma-thi-ơ 6:15.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 11:27-33**

<sup>27</sup> Đức Chúa Jê-sus và các môn đồ trở lại thành Giê-ru-sa-lem. Khi Ngài đang đi trong đền thờ, các thầy tế lễ cả, các thầy thông giáo và các trưởng lão đến cùng Ngài, <sup>28</sup> và hỏi: "Bởi thẩm quyền nào mà Thầy làm những việc này, hay ai đã cho Thầy thẩm quyền để làm những việc ấy?" <sup>29</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp: "Ta cũng hỏi các ngươi một câu; hãy trả lời Ta thì Ta sẽ nói cho các ngươi biết Ta làm những việc này bởi thẩm quyền nào. <sup>30</sup> Báp-têm của Giăng đến từ trời hay từ loài người? Hãy trả lời cho Ta đi." <sup>31</sup> Họ bàn luận với nhau: "Nếu chúng ta nói, 'Từ trời' thì ông ấy sẽ nói, 'Vậy, tại sao các ngươi không tin Giăng?' <sup>32</sup> Còn nếu chúng ta nói, 'Từ loài người?'" — Họ sợ dân chúng, vì mọi người đều cho rằng Giăng thật là một nhà tiên tri. — <sup>33</sup> Vì vậy, họ trả lời Đức Chúa Jê-sus: "Chúng tôi không biết." Đức Chúa Jê-sus bảo họ: "Ta cũng sẽ không nói cho các ngươi biết bởi thẩm quyền nào Ta làm những việc này."

**11:27 "" Đức Chúa Jê-sus và các môn đồ trở lại thành Giê-ru-sa-lem ""** Câu này có vẻ ngụ ý chỉ về việc họ đã rời Giê-ru-sa-lem và qua đêm tại làng Bê-tha-ni, có lẽ cùng với La-xa-rơ, Ma-ri và Ma-thê.

▣ "" **đang đi trong đền thờ** "" Bạn có thể nào tưởng tượng ra được cách mà những kẻ buôn bán đang dõng theo Ngài! Chúa Jesus đã không hề ẩn nấp hoặc trốn tránh sự đối chất. Đây là giây phút của sự va chạm, tác động của Ngài trên Giê-ru-sa-lem.

▣ "" **các thầy tế lễ cả, các thầy thông giáo và các trưởng lão** "" Đây chính là sự định danh đầy đủ dành cho Tòa Công Luận (Sanhedrin). Đây chính là bộ phận lãnh đạo chính thức của bảy mươi thành viên tại Giê-ru-sa-lem, vốn được phát triển từ Nhà Hội Lớn (Great Synagogue) trong thời Ê-xơ-ra. Nó được hình thành bởi Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm và gia đình của ông ta, những thầy thông giáo địa phương, và những trưởng lão giàu có, đây ảnh hưởng từ khu vực Giê-ru-sa-lem. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 12:13.

**11:28 "" Bởi thẩm quyền nào mà Thầy làm những việc này ""** Đây chính đã và đang là câu hỏi quan trọng thiết yếu về Chúa Jesus. Từ nơi đâu mà Ngài đã lấy quyền năng và thẩm quyền để phản và hành động? Chúa Jesus đã không đáp ứng phù hợp với sự trông đợi đã được nhào nặn khuôn đúc sẵn của họ về những gì Đấng Mê-si của YHWH sẽ làm và nói!

**11:29** Chúa Jesus thường dùng kỹ thuật hỏi lại khi đối diện với những kẻ cố gắng để lừa dối hay gài bẫy Ngài (Mác 2:6-9, 19, 25-26; 3:23-24; 10:3, 37-39; 12:14-16). Ngài luôn cởi mở đối với họ nếu họ cũng mở lòng với Ngài (Mác 11:33).

**11:30 "" Báp-têm của Giăng đến từ trời hay từ loài người ""** Chúa Jesus trả lời câu hỏi của họ với một câu hỏi liên hệ với sự chối bỏ Giăng Báp-tít của họ. Họ đã không thực sự tìm kiếm lẽ thật (Mác 11:31-33). Họ đã quan tâm nhiều hơn về danh tiếng của mình và sự níu giữ quyền lực (Mác 11:32).

**11:31 " Nếu "** Đây là một Câu điều kiện bậc ba (Third class conditional sentence), vốn có nghĩa chỉ về một hành động tiềm năng.

**11:33** Chúa Jesus trả lời câu hỏi của họ bằng ẩn dụ trong Mác 12:1-12, vốn là một trong những sự định tội nghiêm khắc nhất trên Y-so-ra-ên và những lãnh đạo của nó trong toàn bộ Tân Ước.

## **NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

4. Đoạn này bày tỏ điều gì về Chúa Jesus?
5. Tại sao Chúa Jesus lại chấp nhận danh xưng "Con Vua Đa-vít?"
6. Đức tin liên hệ như thế nào với sự chữa lành?
7. Tại sao Sự Tiên Vào Khải Hoàn lại rất quan trọng?
8. Lời Kêu lên của đám đông có ý nghĩa như thế nào?
9. Tại sao Chúa Jesus lại rửa sả cây vả?
10. Tại sao Chúa Jesus lại đuổi những kẻ buôn bán? Đây có phải là lần đầu tiên?
11. Tại sao những người canh giữ an ninh của đền thờ lại không ngăn Ngài lại?
12. Chúng ta có thể xin Chúa Trời bất cứ điều gì hay không? Đức tin của chúng ta liên hệ như thế nào với sự trả lời lời cầu nguyện?
13. Tại sao Mác 11:28 lại thật sự là một câu hỏi quan trọng thiết yếu?

## MẮC 12

### NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Ân Dụ về Vườn Nho và Các Tá Điền	Ân Dụ Những Kẻ Trông Vườn Nho Gian Ác	Ân Dụ về Vườn Nho	Ân Dụ về Các Tá Điền nơi Vườn Nho	Ân Dụ về Những Tá Điền Gian Ác
12:1-11	12:1-12	12:1-11	12:1-8 12:9-11	12:1-11
12:12		12:12	12:12	12:12
Nộp Thuế cho Sê-sa	Những người Pha-ri-si: Có Đúng Luật Pháp khi Nộp Thuế cho Sê-sa?	Nộp Thuế cho Sê-sa	Câu Hỏi về Sự Nộp Thuế	Về Sự Công Nạp Cho Sê-sa
12:13-17	12:13-17	12:13-17	12:13-14 12:15 12:16a 12:16b 12:17a 12:17b	12:13-17
Câu Hỏi Về Sự Sống Lại	Người Sa-đu-sê: Còn Về Sự Sống Lại?	Những Câu Hỏi về Sự Phục Sinh	Câu Hỏi Về Sự Sống Lại Từ Cõi Chết	Sự Phục Sinh của Người Đã Chết
12:18-27	12:18-27	12:18-23 12:24-27	12:18-23 12:24-27	12:18-23 12:24-27
Điều Răn Lớn Nhất	Các Thầy Thông Giáo: Điều Răn Nào Lớn Nhất trong Tất Cả?	Điều Răn Lớn Nhất	Điều Răn Lớn Nhất	Điều Răn Lớn Nhất Trong Tất Cả Các Điều Răn
12:28-34	12:28-34	12:28-34	12:28 12:29-31 12:32-33 12:34	12:28-34
Câu Hỏi về Con Vua Đa-vít	Chúa Jesus: Làm Sao Vua Đa-vít có thể gọi Hậu Tự của Ông là Chúa?	Con Vua Đa-vít	Câu Hỏi về Đấng Mê-si	Chúa Jesus Không chỉ là Con Cháu Nhưng còn là Chúa của Vua Đa-vít
12:35-37	12:35-37	12:35-37	12:35-37a	12:35-37
Sự Vạch Trần Những Thầy Thông Giáo	Hãy Cẩn Thận các Thầy Thông Giáo	Lời Phán về Sự Kiêu Ngạo và Khiêm Nhuồng	Chúa Jesus Cảnh Báo Chống Lại các Thầy Dạy Luật	Các Thầy Thông Giáo Bị Định Tội bởi Chúa Jesus
12:38-40	12:38-40	12:38-40	12:37b-40	12:38-40
Sự Dâng Hiến của Người Đàn Bà Góa	Hai Đồng Nhỏ Bé của Người Đàn Bà Góa	Phần Dâng Hiến của Người Đàn Bà Góa	Sự Dâng Hiến của Người Đàn Bà Góa	Phần Nhỏ Bé của Người Đàn Bà Góa
12:41-44	12:41-44	12:41-44	12:41-44	12:41-44

## CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

### THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đối theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

### NHỮNG PHẦN KINH THÁNH TƯƠNG ĐỒNG TRONG CÁC SÁCH PHÚC ÂM CỘNG QUAN

- A. Những đại diện của Tòa Công Luận đặt những câu hỏi (theo Mác 11:27-12:12) và Chúa Jesus đáp lại bằng một ẩn dụ (Mác 12:1-12). Phần Kinh Thánh này song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 21:33-46 và Lu-ca 20:1-19.
- B. Những người Pha-ri-si và Đảng Hê-rốt đặt câu hỏi về việc nộp thuế cho Sê-sa (Mác 12:13-17), phần Kinh Thánh này song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 22:15-22 và Lu-ca 20:20-26.
- C. Những Người Sa-đu-sê đặt câu hỏi về sự sống lại (Mác 12:18-27), phần Kinh Thánh này song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 22:23-33 và Lu-ca 20:27-40.
- D. Một thầy thông giáo đặt câu hỏi về điều răn lớn nhất (Mác 12:28-34), phần Kinh Thánh này song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 22:34-40.
- E. Chúa Jesus đặt câu hỏi cho giới lãnh đạo Do Thái về mối liên hệ giữa Đấng Mê-si và Đa-vít (Mác 12:35-37), phần Kinh Thánh này song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 22:41-46 và Lu-ca 20:41-44.
- F. Chúa Jesus vạch mặt những thầy thông giáo (Mác 12:38-40), phần Kinh Thánh này song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 23:1-39 và Lu-ca 20:45-47.
- G. Sự dâng hiến hy sinh của người đàn bà góa (Mác 12:41-44) song hành với Lu-ca 21:1-4.

### NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) MÁC 12:1-11

<sup>1</sup> Đức Chúa Jêsus bắt đầu dùng ẩn dụ nói với họ: “Người kia trồng một vườn nho, rào chung quanh, đào hầm ép rượu, xây một tháp canh, rồi cho những người trồng nho thuê, và đi qua một xứ khác. <sup>2</sup> Đến mùa, chủ vườn sai một đầy tớ đến gặt những người trồng nho để thu một phần hoa lợi từ vườn nho. <sup>3</sup> Nhưng chúng bắt đầy tớ, đánh đập rồi đuổi về tay không. <sup>4</sup> Người chủ lại sai một đầy tớ khác đến, chúng đánh vào đầu và nhục mạ anh ta. <sup>5</sup> Người chủ sai tiếp một đầy tớ khác đến thì họ giết đi. Nhiều đầy tớ khác cũng bị đối xử như vậy, người thì bị đánh, kẻ thì bị giết. <sup>6</sup> Chủ vườn chỉ còn một người, đó là con trai một yêu dấu của mình. Cuối cùng, ông sai con mình đi, tự nhủ rằng: ‘Chúng sẽ kính nể con trai ta!’ <sup>7</sup> Nhưng bọn trồng nho đó bàn với nhau: ‘Đây là đứa con thừa kế. Nào, hãy giết nó đi thì gia tài của nó sẽ thuộc về chúng ta.’ <sup>8</sup> Chúng bắt người con trai ấy, giết đi và ném ra ngoài vườn nho. <sup>9</sup> Vậy, chủ vườn nho sẽ làm gì? Ông sẽ đến diệt những kẻ trồng nho đó, rồi giao vườn nho cho những người khác. <sup>10</sup> Các người chưa từng đọc lời Kinh Thánh này sao:

‘Hòn đá bị thợ xây loại ra,  
Đã trở nên đá góc nhà;



**<sup>11</sup> Đây là việc Chúa làm,  
Và ấy là sự diệu kỳ trước mắt chúng ta?'"**

**12:1 " dùng ẩn dụ nói với họ "**"Họ" chỉ trực tiếp đến những đại diện của Tòa Công Luận (theo Mác 11:27), nhưng cũng chỉ gián tiếp đến đám đông lớn.

Cả đoạn này là một chuỗi những câu hỏi từ những lãnh đạo tôn giáo:

1. đến từ Tòa Công Luận (Mác 11:27-12:12)
2. đến từ Những người Pha-ri-si và Đảng Hê-rôt (Mác 12:13-17)
3. đến từ Những Người Sa-đu-sê (Mác 12:18-27)
4. đến từ một thầy thông giáo (Mác 12:28-34)
5. đến từ Chúa Jesus (Mác 11:29-33; 12:9,35-37)

▣ **" trông một vườn nho, rào chung quanh, đào hầm ép rượu, xây một tháp canh"** Đây là một phần trích dẫn từ Ê-sai 5:1-2 trong Bản Bảy Mươi (Septuagint). Cây nho là một trong những biểu tượng cho dân Y-sơ-ra-ên (cũng như cây vả trong Mác 11:12-14,20-25). Ê-sai 5 sử dụng một bài dân ca về vườn nho để chỉ đến Y-sơ-ra-ên. Ma-thi-ơ bao gồm một vài ẩn dụ khác cũng để đề cập đến dân Y-sơ-ra-ên (theo Ma-thi-ơ 22:1-14). Thật khó để xác định được ai hoặc điều gì bị Đức Chúa Trời chối bỏ

1. Những lãnh đạo trái luật pháp, không đến từ dòng dõi của A-rôn của Y-sơ-ra-ên
2. Chủ nghĩa phán xét luật pháp, tự coi mình là công chính của dân này
3. Toàn bộ dân sự như một tập thể vô tín. Y-sơ-ra-ên, với toàn bộ những đặc quyền được ưu tiên theo giao ước (Rô-ma 9:4-5), cũng phải chịu trách nhiệm vâng giữ những nghĩa vụ theo giao ước Môi-se (Phục Truyền 27-28)

Thật đáng kinh ngạc khi nhìn thấy sự khác biệt những mô tả về sự tự do và tình yêu sẵn sàng của Đức Chúa Trời dành cho tất cả những ai đến với Ngài trong Ê-sai 5 được so sánh với bản tiện và bạo lực của những nông dân tá điền trong ẩn dụ này.

**12:2 " Đến mùa "** Thường mất ít nhất khoảng năm năm để những cây nho có thể kết trái được ở mức độ thương phẩm. Người chủ vườn trông đợi rất nhiều để hưởng thành quả của sự đầu tư của mình.

**12:2,4,5,6 "sai"** Đức Chúa Trời muốn bày tỏ cho con người bằng cách gửi đi những sứ giả, thậm chí chính con Ngài. Điều này bày tỏ sự nhẫn nại của Đức Chúa Trời và sự khao khát của Ngài để có thể thiết lập một mối quan hệ giao ước.

**12:2,4,5 " một đầy tớ "** Những đầy tớ này đại diện cho những tiên tri Cựu Ước. Ma-thi-ơ, như đặc điểm của sách này, chép là hai đầy tớ (theo Ma-thi-ơ 21:34). Phần Kinh Thánh này chỉ rõ cách Ma-thi-ơ đã kết hợp phần tường thuật về một vài nô lệ từng người một đã đến mỗi lần trong Mác thành một lần duy nhất như thế nào.

**12:3 " đánh đập "** Cụm từ này chỉ về một sự đánh đập tàn nhẫn. Nó nguyên văn có nghĩa là "lột da" hoặc "lóc thịt " (theo Mác 13:9).

**12:4 " đánh vào đầu ...anh ta "** Câu này chỉ về một sự đập vào đầu được lặp đi lặp lại cách liên tục. Nó chỉ ra sự chịu hành hạ khổ sở, đau đớn của những người đại diện cho Đức Chúa Trời và phát ngôn cho Ngài (những tiên tri Cựu Ước) đến tuyên dân giao ước bội nghịch của Ngài.

▣ **" và nhục mạ anh ta "** Đây là thể động từ của tên Ti-mô-thê (Timothy), vốn có nghĩa là "danh giá" hoặc "xứng đáng" đi với tiền tố (chỉ nghĩa phủ định) alpha. Nó bao hàm có nghĩa là "đối xử một cách khinh miệt" hoặc "không tôn trọng hoàn toàn " (Gia-cơ 2:6).

**12:5** Tại sao Đức Chúa Trời lại sai hết tôi tớ này đến tôi tớ khác? Đức Chúa Trời tạo dựng nên nhân loại cho một mục đích—mối liên hệ với Chính Ngài. Ngài muốn thiết lập một dân giống như Chính Ngài, nhưng họ/ chúng ta sẽ không làm được. Tuy vậy, Đức Chúa Trời cố gắng hết lần này đến lần khác để vươn đến với chúng ta! Ngài đã có một "tình yêu không cam tâm để ra đi " dành cho tạo vật của Ngài.

**12:6 " Chủ vườn chỉ còn một người, đó là con trai một yêu dấu của mình "** Câu này rõ ràng chỉ đến Chúa Jesus. Cùng một cụm từ này được sử dụng bởi Cha khi Chúa Jesus chịu phép báp-tem (Ma-thi-ơ 1:11; 3:17) và sự hóa hình (9:7; Ma-thi-ơ 17:5). Cùng một lễ thật tương tự được thấy trong Giảng 3:16 và Hê-bơ-rơ 1:1-2. Nó

chính là một sự kết hợp của một bài Thi Thiên Vương Quyền (2:7) và phần Kinh Thánh về một Tôi Tớ Chịu Khổ (Ê-sai 42:1).

**12:7 " gia tài của nó sẽ thuộc về chúng ta "** Câu này chỉ về tính hợp pháp theo luật pháp Do Thái của một "tài sản vô chủ" có thể được công bố sở hữu bởi quyền được sở hữu. Nó phản ánh thái độ "có nhiều và nhiều hơn nữa cho tôi bằng bất cứ giá nào" của nhân loại sa ngã. Nhân loại muốn trở thành Đức Chúa Trời của chính họ (Sáng Thế Ký 3).

**12:8 " ném ra ngoài vườn nho "** Một sự chôn cất sai trật, không thích đáng chỉ ra một sự khinh miệt hoàn toàn của những tá điền đối với chủ vườn và con trai của người!

Những phần Kinh Thánh song hành trong các sách Phục Âm mô tả trình tự mà họ ném người con trai ra khỏi vườn nho và sau đó giết người (theo Ma-thi-ơ 21:39; Lu-ca 19:15). Điều này có lẽ để nhận diện sâu sắc hơn với sự chết của Chúa Jesus ở bên ngoài tường thành Giê-ru-sa-lem.

**12:9** Câu này chỉ ra phản ứng của Đức Chúa Trời dành cho những kẻ đã giết Con Trai Một của Ngài. Trong Sách Phục Âm của Mác, Chúa Jesus đã hỏi đoàn dân đông một câu hỏi. Điều này phản chiếu Ê-sai 5:3-4, nơi nhà tiên tri cũng hỏi một câu hỏi. Những người nghe đã bị định tội bởi chính những lời của miệng họ (Ma-thi-ơ 1:41). Đức Chúa Trời sẽ khiến tất cả các tạo vật có ý thức phải chịu trách nhiệm cho món quà sự sống mà Ngài ban cho họ. Chúng ta sẽ phải gặt những gì chúng ta gieo (theo Mác 4:21-25; Ma-thi-ơ 13:12; 25:14-30; Ga-la-ti 6:7).

▣ " sẽ ...giao vườn nho cho những người khác " "những người khác" ở đây có vẻ chỉ đến hội thánh, được hình thành bởi những Người Ngoại và Do Thái tin kính (Ê-phê-sô 2:11-3:13).

**12:10 " Các ngươi chưa từng đọc lời Kinh Thánh này sao "** Đây chính là phần giới thiệu của Chúa Jesus cho một câu Kinh Thánh được dùng mỗi năm trong tiến trình chào đón những người hành hương vào Giê-ru-sa-lem (Thi 118:22-23). Câu hỏi này là một chủ đề lặp đi lặp lại trong Tân Ước (theo Ma-thi-ơ 21:42; Lu-ca 20:17; Công Vụ 4:11; Rô-ma 9:32-33; 1 Phi-e-rơ 2:7). Nó giải thích nan đề về việc làm thế nào mà Y-sơ-ra-ên lại có thể lỡ mất Đấng Mê-si của họ (Rô-ma 9-11). Lời tuyên bố này là một cái tát vào mặt của chính những người đã công bố rằng mình biết Lời Chúa!

▣ " **Hòn đá** " Đây là một từ được trích từ Thi 118:22-23 trong Bản Bảy Mươi (Septuagint). Trong những tác phẩm của các ra-bi Do Thái, hòn đá này chỉ về Áp-ra-ham, Đa-vít hoặc chỉ về Đấng Mê-si (Đa-ni-ên 2:34-35). Cùng một Thi Thiên này đã được trích như một phần của Những Thi Thiên Ngợi Khen (Hallel Psalms), được sử dụng để chào đón những người hành hương đến Giê-ru-sa-lem để dự lễ Vượt Qua.

▣ " **thợ xây** " Trong tác phẩm của các ra-bi, từ này chỉ về những thầy thông giáo. Những bình luận được Chúa Jesus thêm vào được chép trong Ma-thi-ơ 21:43-44. Chú ý rằng ở đây những thợ xây bị định tội bởi đã lỡ mất một lễ thật quan trọng nhất: Chúa Jesus chính là Đấng Mê-si đã được hứa từ trước.

▣ " **đá (chính) góc nhà** " Phép ẩn dụ về Đấng Mê-si như là đá góc nhà có nguồn gốc từ một số sự sử dụng từ này của Cựu Ước.

1. Sức mạnh và sự vững vàng của YHWH (Thi 18:1-2)
2. Khải tượng của Đa-ni-ên trong đoạn 2 (Đa-ni-ên 2:34-35,48)
3. Yếu tố của công trình bao gồm cả
  - a. Bắt đầu công trình (đá góc nhà)
  - b. Nâng giữ trọng lượng của công trình (đá trung tâm hoặc đá chính nơi cổng vòm bằng đá)
  - c. Hoàn tất công trình (đá trên cùng hoặc đá mái)

Công trình (nhà) chỉ đến theo nghĩa bóng dân sự của Đức Chúa Trời, đền thờ thật (1 Cô-rinh-tô 3:16-17; 2 Cô-rinh-tô 6:16; Ê-phê-sô 2:19-22).

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: VIÊN ĐÁ GÓC NHÀ

### I. Các cách dùng trong Cựu ước

- A. Khái niệm một viên đá như một vật thể cứng lâu bền dùng làm nền móng vững chắc được dùng để

mô tả Đức Giê-hô-va (Thi thiên 18:1).

- B. Sau đó nó phát triển thành một danh hiệu của Đấng Mết-si-a (Sáng-thế-ký 49:24; Thi thiên 118:22; Ê-sai 28:16).
- C. Nó trở thành biểu tượng của sự đoán xét từ Đức Giê-hô-va bởi Đấng Mết-si-a (Ê-sai 8:14; Đa-ni-ên 2:34-35, 44-45).
- D. Chữ này phát triển thành một hình ảnh về xây dựng
  - 1. Đá làm nền, được đặt đầu tiên, là đá vững chắc định các góc cạnh còn lại cho một căn nhà, được gọi là “viên đá góc nhà.”
  - 2. Nó cũng có thể chỉ viên đá cuối cùng được đặt xuống, là viên đá làm cho các bức tường kết chặt lại với nhau (Xa-cha-ri 4:7; Ê-phê-sô 2:20, 21), gọi là ‘đá đầu’ từ chữ *rush* trong tiếng Hê-bơ-ro có nghĩa là ‘cái đầu’
  - 3. Nó cũng có thể chỉ ‘đá chìa khóa,’ là viên đá đặt chính giữa vòm cửa để giữ trọng lượng của Toàn bộ bức tường.

## II. Các cách dùng trong Tân ước

- A. Chúa Jê-sus trích dẫn Thi thiên 118 một vài lần để chỉ về chính Ngài (Ma-thi-ơ 21:41-46; Mác 12:10-11; Lu-ca 20:17)
- B. Phao-lô dùng Thi thiên 118 để liên hệ đến việc Đức Giê-hô-va từ chối dân Y-sơ-ra-ên nổi loạn và bất trung (Rô-ma 9:33)
- C. Phao-lô dùng khái niệm ‘đá đầu’ trong Ê-phê-sô 2:20-22 để chỉ Đấng Christ
- D. Phi-e-rơ dùng khái niệm này về Chúa Jê-sus trong I Phi-e-rơ 2:1-10. Chúa Jê-sus là viên đá góc nhà và người tin Chúa là những đá sống (tức là người tin Chúa là các đền thờ, I Cô-rinh-tô 6:19), dựng trên Ngài (Chúa Jê-sus là đền thờ mới, Mác 14:58; Ma-thi-ơ 12:6; Giăng 2:19-20).

Khi người Do Thái bác bỏ Chúa Jê-sus là Đấng Mết-si-a thì họ cũng từ chối nền tảng hy vọng của họ.

## III. Những tuyên bố thần học

- A. Đức Giê-hô-va cho phép Đa-vít/Sa-lô-môn xây cất đền thờ. Ngài bảo họ rằng nếu họ giữ giao ước, Ngài sẽ ban phước và ở cùng họ, nhưng nếu họ không làm như vậy, đền thờ này sẽ bị hoang tàn (I Các Vua 9:1-9)!
- B. Do thái giáo của các thầy ra-bi chú trọng đến hình thức và lễ nghi mà bỏ qua khía cạnh cá nhân của đức tin (đây không phải là câu tuyên bố gom đũa cả nắm; vì có những thầy ra-bi yêu mến Chúa). Đức Chúa Trời tìm kiếm một mối quan hệ cá nhân, tin kính hằng ngày với những người được dựng nên trong ảnh tượng của Ngài (Sáng-thế-ký 1:26-27). Lu-ca 20:17-18 chứa đựng những lời đoán xét khiếp sợ.
- C. Chúa dùng khái niệm đền thờ để chỉ thân thể vật chất của Ngài. Điều này tiếp nối và mở rộng khái niệm đức tin cá nhân nơi Chúa Jê-sus, là Đấng Mết-si-a, chìa khóa dẫn đến mối liên hệ với Đức Giê-hô-va.
- D. Sự cứu rỗi nhằm phục hồi ảnh tượng Đức Chúa Trời nơi con người để mỗi tương giao với Đức Chúa Trời có thể thực hiện được. Mục đích của Cơ đốc giáo bây giờ là trở nên giống với Đấng Christ. Người tin Chúa phải trở nên đá sống xây theo khuôn mẫu của Đấng Christ (đền thờ mới).
- E. Chúa Jê-sus là nền tảng đức tin của chúng ta và là đá đầu của đức tin chúng ta (tức là An-pha và Ô-mê-ga). Nhưng Ngài cũng là đá gậy vấp ngã và ngăn trở. Hụt mất Ngài là hụt mất tất cả. Không có một lập trường trung dung ở đây!

**12:11** Câu này ngụ ý rằng mọi sự xảy ra trong sự chối bỏ và sự chết của Chúa Jesus đều đã được biết trước và nói tiên tri từ trước (Ê-sai 53:10; Lu-ca 22:22; Công Vụ 2:23; 3:18; 4:28; 1 Phi-e-rơ 1:20).

### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) MÁC 12:1**

<sup>12</sup> Các nhà lãnh đạo Do Thái giáo muốn tìm cách bắt Ngài, vì biết Ngài dùng ẩn dụ ấy ám chỉ họ. Nhưng họ lại sợ dân chúng nên bỏ Ngài mà đi.

**12:12** " Các nhà lãnh đạo Do Thái giáo muốn tìm cách bắt Ngài " Các lãnh đạo Do Thái hiểu rằng những ẩn dụ chỉ đến họ và họ đã hành động theo cách đã được nói tiên tri từ trước (cố gắng giết Ngài).

▣ " **họ lại sợ dân chúng** " Những lãnh đạo này nhìn vào những ý kiến xung quanh (theo Mác 11:18,32; Ma-thi-ơ 21:26,46; Lu-ca 19:48) hơn là Lời của Đức Chúa Trời để đưa ra những quyết định sẽ hành động như thế nào.

▣ " **biết Ngài dùng ẩn dụ ấy ám chỉ họ** " Đại từ "họ" có thể được hiểu theo một trong hai cách: (1) những lãnh đạo sợ hãi sự nổi tiếng của Chúa Jesus trước đám đông (theo Ma-thi-ơ 21:45) hoặc (2) đám đông cũng hiểu rằng ẩn dụ được dùng để chỉ đến các lãnh đạo tôn giáo.

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) MÁC 12:13-17

<sup>13</sup> Sau đó, họ sai mấy người thuộc phái Pha-ri-si và phe Hê-rốt đến gặp Đức Chúa Jê-sus để gài bẫy Ngài trong lời nói. <sup>14</sup> Họ đến nói với Ngài: “Thưa Thầy, chúng tôi biết Thầy là người chân chính, không vị nể ai; vì Thầy không nhìn bề ngoài của con người, nhưng dạy đường lối Đức Chúa Trời cách trung thực. Vậy, việc nộp thuế cho Sê-sa có đúng luật không? Chúng tôi có phải nộp hay không?” <sup>15</sup> Biết được thái độ đạo đức giả của họ, Ngài bảo: “Tại sao các người thử Ta? Hãy đem cho Ta xem một đồng đơ-ni-ê.” <sup>16</sup> Họ đem cho Ngài một đồng tiền. Ngài hỏi: “Hình và hiệu này của ai?” Họ trả lời: “Của Sê-sa.” <sup>17</sup> Đức Chúa Jê-sus phán: “Hãy trả cho Sê-sa những gì của Sê-sa, và hãy trả cho Đức Chúa Trời những gì của Đức Chúa Trời.” Họ vô cùng kinh ngạc về Ngài.

**12:13 " họ sai "** Từ này chỉ về Tòa Công Luận, họ là tổ chức tôn giáo nắm thẩm quyền của người Do Thái (theo Mác 11:27).

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TÒA CÔNG LUẬN

#### I. Nguồn Tài Liệu

- A. Từ chính Tân ước.
- B. Tác phẩm *Antiquities of the Jews* của Giô-se-phút.
- C. Phần Mishnah của Talmud (phần luận văn “Tòa công luận”)

Tiếc là Tân ước và Giô-se-phút không đồng quan điểm với các tác phẩm của các tu sĩ Do-Thái-Giáo, các tác phẩm này dường như xác định có đến hai Tòa công luận tại Giê-ru-sa-lem, một là thuộc về các thầy tế lễ (người Sa-đu-sê), do thầy tế lễ cả kiểm soát và giải quyết những vấn đề về dân sự và hình sự; Tòa thứ hai do những người Pha-ri-si và các thầy thông giáo kiểm soát giải quyết những vấn đề liên quan đến truyền thống và tôn giáo. Tuy nhiên, những tác phẩm của các tu sĩ Do-Thái-Giáo này chỉ xuất hiện khoảng năm 200 sau Chúa; và nói lên Toàn cảnh văn hóa sau sự sụp đổ của thành Giê-ru-sa-lem vào năm 70 sau Chúa do tướng La mã Titus đánh chiếm. Những người Do thái tái lập đời sống tôn giáo của họ tại một thành phố gọi là Jamnia và sau đó vào năm 118 sau Chúa chuyển đến Ga-li-lê.

#### II. Tên gọi

Nan đề của việc nhận dạng cơ quan pháp lý này liên hệ đến nhiều tên gọi của nó. Có một vài chữ được dùng để mô tả những các cơ quan pháp lý bên trong cộng đồng Do thái tại Giê-ru-sa-lem.

- A. *Gerousia* - “thượng nghị viện” hay là “hội đồng”. Đây là chữ xưa nhất được dùng vào khoảng cuối thời kỳ của người Ba-tư (xem Giô-se-phút, *Antiquities* 12.3.3 và *II Mạc-ca-bê* 11:27). Chữ này được Lu-ca sử dụng trong Công-vụ 5:21 cùng với chữ “Tòa công luận.” Nó có thể được dùng như một cách để giải thích cho các đọc giả nói tiếng Hy Lạp (xem *I Mạc-ca-bê* 12:35).
- B. *Synedrion* - “Tòa công luận.” Đây là một từ ghép của *syn* (cùng với) và *hedra* (ghế, chỗ ngồi). Điều kinh ngạc là chữ này được dùng trong tiếng A-ram, nhưng nó phản ánh một chữ Hy Lạp. Đến cuối giai đoạn Mạc-ca-bê, chữ này trở thành từ được dùng cho Tòa án tối cao của người Do thái tại Giê-ru-sa-lem (xem Ma-thi-ơ 26:59; Mác 15:1; Lu-ca 22:66; Giảng 11:47; Công-vụ 5:27). Vấn đề xảy ra khi cũng một chữ này lại được dùng cho các hội đồng pháp lý địa phương (Tòa án trong nhà hội địa phương) bên ngoài Giê-ru-sa-lem (xem Ma-thi-ơ 5:22; 10:17).
- C. *Presbyterion* - “hội đồng các trưởng lão” (xem Lu-ca 22:66). Vào thời Cựu ước chữ này dùng để

chỉ những người lãnh đạo các chi phái. Tuy nhiên, nó lại trở thành cách dùng để chỉ Tòa án tối cao tại Giê-ru-sa-lem (xem Công-vụ 22:5).

- D. *Boulē* - đây là chữ “hội đồng” tuy không được Tân ước sử dụng nhưng lại được Giô-se-phút dùng trong *Wars* 2.16.2; 5.4.2, để mô tả một vài cơ quan xét xử: (1) Thượng Nghị Viện tại La mã; (2) các Tòa án La mã địa phương; (3) Tòa án tối cao của người Do thái tại Giê-ru-sa-lem; và (4) các Tòa án địa phương của người Do thái. Giô-sép người A-ri-ma-thê được mô tả là một thành viên của Tòa công luận bằng một dạng của từ này (*bouleutēs*, có nghĩa là “thành viên hội đồng”, xem Mác 15:43; Lu-ca 23:50).

### III. Lịch sử phát triển

Trong giai đoạn sau lưu đày, người được cho là đã thành lập Hội Đồng Tối Cao là E-xơ-ra (xem Nhã ca 6:1 trong bản Targum), dường như nó trở thành Tòa công luận trong thời của Đức Chúa Giê-xu.

- A. Những bản Mishnah (Talmud) cho biết có hai Tòa án chính tại Giê-ru-sa-lem (xem Sanh. 7:1).
1. Một Tòa gồm có 70 hay 71 thành viên (trong *Sand.* 1:6 thậm chí cho rằng chính Môi-se đã thành lập Tòa công luận đầu tiên trong Dân-số Ký 11:16-25).
  2. Một Tòa có 23 thành viên (nhưng đây có thể đề cập đến những Tòa trong các nhà hội địa phương).
  3. Một số học giả Do thái cho rằng có đến 3 Tòa công luận mỗi Tòa có 23 thành viên tại Giê-ru-sa-lem. Khi cả ba Tòa này hợp lại, cùng với 2 vị lãnh đạo, lập nên “Tòa công luận Tối Cao” với 71 thành viên (xem *Nasi and Av Bet Din*).
    - a. một Tòa thầy tế lễ (người Sa-đu-sê)
    - b. một Tòa luật pháp (người Pha-ri-si)
    - c. một Tòa giới quý tộc (các trưởng lão)
- B. Trong thời kỳ sau lưu đày, đại diện của dòng dõi Đa-vít trở về là Giê-ru-ba-bên còn đại diện của dòng dõi A-rôn là Giê-xua (*Jeshua*). Sau khi Giê-ru-ba-bên qua đời, dòng dõi Đa-vít không còn, do đó việc xét xử giao trọn cho các thầy tế lễ (xem I Mác-ca-bê 12:6) và các trưởng lão địa phương (xem Nê-hê-mi 2:16; 5:7).
- C. Trong thời kỳ Hellenistic (người Hy-Lạp cai trị), vai trò xét xử của các thầy tế lễ được trình bày trong Diodorus 40:3:4-5.
- D. Chức vụ này của thầy tế lễ trong chính quyền cứ kéo dài trong giai đoạn Selucid. Giô-se-phút có trích dẫn Antiochus “Đại Đế” III (năm 223-187 trước Chúa) trong *Antiquities* 12:138-142.
- E. Quyền hạn này của thầy tế lễ tiếp tục được duy trì trong giai đoạn Mác-ca-bê, theo Giô-se-phút trong *Antiquities* 13:10:5-6; 13:15:5.
- F. Dưới thời kỳ La mã, quan trấn thủ của xứ Sy-ri (Gabinius, vào khoảng năm 57-55 trước Chúa) thiết lập năm “Tòa công luận” địa phương (xem Giô-se-phút, *Antiquities* 14:5:4; và *Wars* 1:8:5), chính quyền La mã giải thể cơ cấu này sau đó (năm 47 trước Chúa).
- G. Tòa công luận đã có một đối đầu chính trị với vua Hê-rốt trước đó (*Antiquities* 14.9.3-5); vào năm 37 trước Chúa, vua Hê-rốt trả thù bằng cách tử hình hầu hết thành viên Tòa tối cao (xem Giô-se-phút, *Antiquities* 14.9.4; 15.1.2).
- H. Dưới quyền cai trị của các quan trấn thủ La mã (trong khoảng năm 6-66 sau Chúa), Giô-se-phút cho chúng ta biết (xem *Antiquities* 20.200,251) một lần nữa Tòa công luận tạo ảnh hưởng và quyền lực đáng kể (xem Mác 14:55). Có ba vụ xử án được ghi lại trong Tân ước, Tòa công luận dưới quyền lãnh đạo của gia đình thầy tế lễ cả thi hành án.
  1. Vụ xử án Đức Chúa Giê-xu (xem Mác 14:53-15:1; Giăng 18:12-23,28-32)
  2. Phi-e-rơ và Giăng (xem Công-vụ 4:3-6)
  3. Phao-lô (xem Công-vụ 22:25-30)
- I. Khi người Do thái nổi loạn vào năm 66 sau Chúa, người La mã tàn phá thành Giê-ru-sa-lem và tiêu diệt xã hội Do thái vào năm 70 sau Chúa. Tòa công luận giải thể vĩnh viễn, dù rằng sau đó phe Pha-ri-si ở Jamnia cố gắng đưa Tòa án tối cao (*Beth Din*) trở vào lại trong Do-Thái-Giáo, nhưng không phải trong chính trị và dân sự.

### IV. Thành viên

- A. Kinh thánh đề cập lần đầu tiên đến Tòa án tối cao ở Giê-ru-sa-lem là trong II Sứ-ký 19:8-11. Nó gồm có (1) người Lê-vi; (2) các thầy tế lễ; và (3) trưởng các gia tộc (các trưởng lão, xem I Mạc-ca-bê 14:20; II Mạc-ca-bê 4:44).
- B. Trong thời kỳ Mạc-ca-bê, Tòa án tối cao bị áp đảo bởi (1) các gia đình thầy tế lễ người Sa-đu-sê và (2) giới quý tộc địa phương (xem I Mạc-ca-bê 7:33; 11:23; 14:28). Sau đó trong giai đoạn này, các thầy thông giáo (các luật sư về luật pháp Môi-se đa số là người Pha-ri-si) được bổ sung, có lẽ là bởi Salome vợ của Alexander Jannaeus (năm 76-67 trước Chúa). Bà thậm chí đã tuyên bố làm cho nhóm người Pha-ri-si trở thành nhóm áp đảo trong Tòa công luận (xem Giô-se-phút, *Wars of the Jews* 1:5:2).
- C. Đến thời kỳ của Đức Chúa Giê-xu, Tòa án bao gồm
  - 1. Các gia đình của các thầy tế lễ cả
  - 2. Thành viên của những gia đình quyền quý địa phương
  - 3. Các thầy thông giáo (xem 11:27; Lu-ca 19:47)

V. Các nguồn tài liệu tham khảo

- A. *Dictionary of Jesus and the Gospels*, IVP, trang 728-732
- B. *The Zondervan Pictorial Encyclopedia of the Bible*, vol. 5, trang 268-273
- C. *The New Schaff-Herzog Encyclopedia of Religious Knowledge*, vol. 10, trang 203-204
- D. *The Interpreter's Dictionary of the Bible*, vol. 4, trang 214-218
- E. *Encyclopedia Judaica*, vol. 14, trang 836-839

▣ **"mấy người thuộc phái Pha-ri-si"** Đây là nhóm tôn giáo đã phát triển trong suốt thời kỳ Mạc-ca-bê. Họ rất sùng bái và nhiệt huyết với Các Lời Truyền Khẩu (Kinh Talmud). Hãy xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG NGƯỜI PHA-RI-SI tại Mác 2:16.

▣ **"mấy người ...phe Hê-rôt"** Đây chính là nhóm lãnh đạo chính trị đã ủng hộ rất nhiều cho Hê-rôt người Y-đu-mê. Họ cũng yêu thích tình trạng cân bằng (chính trị, tôn giáo...) của người La Mã. Thông thường Những người Pha-ri-si và Đảng Hê-rôt là kẻ thù của nhau. Sự kiện họ bắt đầu hợp tác với nhau chỉ ra tâm nghiêm trọng sâu sắc họ đã hiểu về những sự dạy dỗ của Chúa Jesus như thế nào. Hãy xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐẢNG HÊ-RÔT tại Mác 1:14.

▣ **"để gài bẫy Ngài"** Cụm từ này nguyên văn "để bắt giữ." Nó được sử dụng cho sự gài bẫy, bắt giữ thú hoang. Nó đã trở thành một cách nói ẩn dụ cho việc đặt câu hỏi tìm kiếm thông tin để rồi chỉ ra những sự sai trật hay lỗi lầm (theo Lu-ca 11:54). Họ nghĩ rằng qua cách đặt câu hỏi cho Ngài thì họ sẽ có thể khiến Ngài sập bẫy giữa hai nhóm người đang đối địch nhau: Chính quyền La Mã và dân chúng.

**12:14 "" Thưa Thầy, chúng tôi biết Thầy là người chân chính, không vị nể ai; vì Thầy không nhìn bề ngoài của con người, nhưng dạy đường lối Đức Chúa Trời cách trung thực ""** Những lãnh đạo này tâng bốc Chúa Jesus với mục đích tìm ra lỗi lầm, nhưng trong thực tế, họ đã nói lên cách chính xác về Ngài. Chúa Jesus đã mang đến lẽ thật chính xác giống như ĐỨC GIÊ-HÔ-VA (YHWH) đã ban lẽ thật. Điều này thật mĩa mai cao độ! Những tuyên bố gài bẫy của họ đã là những lời tán tụng vĩ đại trong thực tế.

▣ **"" Thầy...không vị nể ai ""** Đây nguyên văn là một thành ngữ Hê-bơ-rơ "vì Ngài không tìm kiếm mặt người." Điều này về mặt lịch sử chỉ đến Các Quan Xét trong Y-so-ra-ên. Khi họ phân xử một vụ án, những người bị kiện phải cúi đầu xuống để danh tính của họ không thể được thấy. Nếu một vị quan xét đặt tay mình dưới cằm và nâng đầu người lên để có thể thấy danh tính của người đó, cơ hội cho sự thiên vị sẽ dấy lên. Vì thế, công lý phải dựa trên sự vô tư cách "mù lòa"!

▣ **"" việc nộp ... có đúng luật không""** Đây chính là một câu hỏi về luật pháp liên hệ đến luật Môi-se, nhưng cũng liên quan đến tình trạng hiện tại khi Y-so-ra-ên bị cai trị bởi người La Mã. Loại câu hỏi kiểu này, các thầy thông giáo phải xử lý mỗi ngày. Có hai cách trả lời câu hỏi, một cách dựa trên luật Môi-se và cách kia liên hệ đến thực trạng luật pháp và sự chiếm đóng của người La Mã. Những lãnh đạo này muốn lợi dụng trên các nền tảng luật pháp trên để lôi chính quyền La Mã vào trong tình trạng tiến thoái lưỡng nan này gây ra bởi họ (theo Lu-ca 20:20). Nếu trả lời "có" Ngài sẽ khiến những người theo chủ nghĩa dân tộc nổi giận, nếu trả lời "không" Ngài sẽ bị bắt bởi chính quyền La Mã.

▣ **"thuế"** Đây là một sự chuyển tự của từ trong tiếng La-tinh "census (cuộc kiểm kê)." Mỗi vùng sẽ có một văn phòng thuế trên tất cả các dân tộc đã bị chinh phục. Sự thu thuế rộng khắp trên toàn bộ đế chế (6-20 SC) trên tất cả mọi người nam từ mười bốn tuổi trở lên đến sáu mươi lăm tuổi và mọi người nữ từ mười hai tuổi cho đến sáu mươi lăm tuổi, là những người sống trên khắp các tỉnh của đế chế sẽ nộp trực tiếp về cho Hoàng Đế. Đây chính là lý do tại sao Giô-sép phải rời khỏi Na-xa-rét và trở về Bê-t-lê-hem với Ma-ry đang có thai (theo Lu-ca 2:1-6).

**12:15 " Biết được thái độ đạo đức giả của họ, ...Tại sao các người thử Ta? "** Từ đạo đức giả (hypocrisy trong tiếng Anh) (*hupokrisis*) nguyên gốc chỉ về những diễn viên kịch diễn một trích đoạn đeo mặt nạ. Họ giả vờ như một nhân vật không phải là chính mình (Ma-thi-ơ 23:28; Lu-ca 12:1; 20:20; 1 Ti-mô-thê 4:2; 1 Phi-e-rơ 2:1). Nó được sử dụng để chỉ về những kẻ thao túng là người cố gắng gài bẫy người khác bằng ý tưởng sai trật mà họ đưa ra. Mỗi điều những nhà lãnh đạo này đã nói (cách mỉa mai) về Chúa Jesus trong Mác 12:14 đã trái nghịch với hành động của họ trong Mác 12:15. Từ thử (*peirazō*) đã thêm vào nghĩa rộng của sự thăm định một quan điểm với mục đích tiêu diệt hoặc làm thất bại. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Các Thuật ngữ được sử dụng để chỉ về sự thử thách Mác 1:13.

▣ **" một đồng đơ-ni-ê "** Đồng tiền bằng bạc này là cách duy nhất để nộp thuế. Nó bằng với tiền công của một người lao động hoặc quân lính thông thường trong một ngày. Nó chính là biểu tượng của sự cai trị La Mã. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 12:42.

**12:16 " Hình và hiệu này của ai?"** Tiberius (SC 14-37) chính là vị Hoàng Đế (Sê-sa) đương thời. Mặt phía trước của đồng tiền viết là "Sê-sa Tiberius Augustus, con của Augustus Thân Thánh." Mặt phía sau của đồng tiền là một ảnh của Tiberius ngồi trên ngai vàng với lời khắc "Thầy Tế Lễ Tối Cao."

**12:17 " Hãy trả cho Sê-sa những gì của Sê-sa "** Những tín đồ cần phải vâng phục các chính quyền dân sự bởi vì Đức Chúa Trời đã thiết lập chúng (Rô-ma 13:1-7; Tít 3:1; 1 Phi-e-rơ 2:13-14). Từ trong tiếng Hy Lạp "trả" có thể hàm ý "trao lại cho một ai đó một thứ mà thuộc về người đó."

▣ **" và hãy trả cho Đức Chúa Trời những gì của Đức Chúa Trời "** Mặc dù thể chế (chính quyền) có sự tuyên bố thần thánh, nhưng thể chế không có địa vị thần thánh. Nếu thể chế công bố thẩm quyền tối cao (thần thánh), nó sẽ bị chối bỏ bởi những người tin theo một Đức Chúa Trời chân thần và duy nhất. Nhiều người cố gắng để cô vũ và ủng hộ cho quan điểm chính trị hiện đại của việc tách rời hội thánh và thể chế (chính quyền) qua câu Kinh Thánh này. Trong một nghĩa rất giới hạn, câu này không đề cập đến vấn đề đó, nhưng nó chắc chắn không phải là một sự ủng hộ cho thuyết chính trị hiện đại này. Thuyết này là một sự thật được nhìn thấy từ lịch sử, nhưng không khởi nguyên từ Kinh Thánh.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) MÁC 12:18-27**

<sup>18</sup> Một số người thuộc phái Sa-đu-sê, là những người nói rằng không có sự sống lại, đến hỏi Ngài: <sup>19</sup> “Thưa Thầy, Môi-se đã ban cho chúng tôi luật này: ‘Nếu một người có anh qua đời, để vợ lại nhưng không có con, thì người ấy phải lấy vợ góa đó để có con nối dõi cho anh mình.’” <sup>20</sup> Có bảy anh em kia, người anh cả cưới vợ, rồi chết, không có con. <sup>21</sup> Người thứ hai lấy vợ góa ấy, rồi cũng chết không có con; người thứ ba cũng vậy. <sup>22</sup> Cả bảy người đều không để lại đứa con nào. Sau cùng, người đàn bà cũng chết. <sup>23</sup> Lúc sống lại, người đàn bà đó sẽ là vợ của ai? Vì cả bảy người đều đã lấy nàng làm vợ.” <sup>24</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp: “Có phải do không hiểu biết Kinh Thánh và quyền năng của Đức Chúa Trời mà các người đã sai lầm chăng? <sup>25</sup> Vì khi từ cõi chết sống lại, người ta không cưới vợ cũng chẳng lấy chồng, nhưng sẽ như thiên sứ trên trời vậy. <sup>26</sup> Còn việc người chết được sống lại, các người chưa đọc câu chuyện về bụi gai trong sách Môi-se sao? Vì sao Đức Chúa Trời đã phán với ông, ‘Ta là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Đức Chúa Trời của Y-sác, Đức Chúa Trời của Gia-cốp?’” <sup>27</sup> Ngài không phải là Đức Chúa Trời của kẻ chết, nhưng của người sống. Thật các người sai lầm nghiêm trọng.”

**12:18 " Một số người thuộc phái Sa-đu-sê "** Đây là một phái tôn giáo xuất thân rất quý phái, và mang dòng dõi thầy tế lễ của Do Thái Giáo bị kiểm soát bởi Dòng Đồi Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm và Tòa Công Luận. Họ rất giàu có, và đầy quyền lực chính trị trong nhóm này. Họ rất bảo thủ và chỉ chấp nhận những sách của Môi-se (từ Sáng Thế Ký đến Phục Truyền) là có thẩm quyền mà thôi (chối bỏ Lời Truyền Khẩu).

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NGƯỜI SA-ĐU-SÊ

### I. Nguồn gốc của nhóm này

- A. Đa số các học giả tin rằng tên của nhóm này phát xuất từ Xa-đốc, một trong những thầy tế lễ cả trong thời vua Đa-vít (xem II Sa-mu-ên 8:17; 15:24). Sau đó, vua Sa-lô-môn trục xuất thầy tế lễ A-bi-tha bởi vì ông tham dự trong cuộc nổi loạn của A-đô-ni-gia (xem I Các Vua 2:26-27) đồng thời xác nhận Xa-đốc là thầy tế lễ cả duy nhất (xem I Các Vua 2:35). Sau thời kỳ lưu đày tại Ba-by-lôn, dòng dõi thầy tế lễ này được tái lập với gia tộc của Giê-hô-sua (xem A-ghê 1:1). Gia tộc Lê-vi này được chọn để quản trị đền thờ. Sau đó, những người thuộc về truyền thống thầy tế lễ này cùng với những người ủng hộ được gọi là người Sa-đu-sê.
- B. Theo sự tương truyền của tu sĩ Do-Thái-Giáo vào khoảng thế kỷ thứ chín sau Chúa, *Aboth* của Rabbi Nathan, thì Xa-đốc là đồ đệ của Antigonus of Sokho (sống vào khoảng thế kỷ thứ hai trước Chúa). Xa-đốc đã hiểu sai một lời phán nổi tiếng của người thầy của mình liên hệ đến “phần thưởng sau cái chết” và từ đó phát triển thành một thần học phủ nhận đời sau và do đó cũng chối bỏ sự phục sinh của thân thể.
- C. Sau đó, trong Do-Thái-Giáo những người Sa-đu-sê bị đồng nhất với những người theo phái Boethus. Boethus cũng là một đồ đệ của Antigonus of Sokho. Ông cũng đã phát triển một thần học tương tự như của Xa-đốc, chối bỏ khái niệm đời sau.
- D. Theo Giô-se-phút (xem *Antiquities* 13:10:5-6), danh hiệu Sa-đu-sê không xuất hiện cho đến thời của John Hyrcanus (năm 135-104 trước Chúa). Trong *Antiquities* 13:5:9, Giô-se-phút cho biết có “ba trường phái tư tưởng”: Pha-ri-si, Sa-đu-sê, và Essenes.
- E. Có một giả thuyết đối nghịch cho rằng nhóm này xuất hiện dưới sự cai trị của Antiochus IV Epiphanes (năm 175-163 trước Chúa) khi có những cố gắng Hy lạp hoá chức thầy tế lễ. Trong cuộc cách mạng của Mạc-ca-bê, một dòng thầy tế lễ mới khởi đầu với Si-môn Mạc-ca-bê (năm 142-135 trước Chúa) và các hậu duệ của ông (xem I Mạc-ca-bê 14:41). Những thầy tế lễ cả dòng Hasmonean này có lẽ làm nên sự khởi đầu của giới quý tộc Sa-đu-sê. Người Pha-ri-si cũng phát triển trong cùng khoảng thời gian này từ Hasidim (nghĩa là “những người biệt lập”, xem I Mạc-ca-bê 2:42; 7:5-23).
- F. Có một giả thuyết hiện đại khác (T. W. Manson) cho rằng Sa-đu-sê là sự chuyên ngữ của chữ Hy-lạp *sundikoi*. Chữ này ám chỉ đến giới thẩm quyền địa phương giao du với chính quyền La mã. Giả thuyết này giải thích tại sao một số người Sa-đu-sê không phải là thầy tế lễ quý tộc, nhưng lại là những thành viên của Tòa công luận.

### II. Điểm khác biệt trong niềm tin

- A. Họ là nhóm thầy tế lễ bảo thủ trong số những phe nhóm Do thái trong thời kỳ Hasmonean và La mã.
- B. Họ đặc biệt chú trọng đến những cách thức, lễ nghi và sự thờ phượng trong đền thờ.
- C. Họ xem luật pháp thành văn Torah (Sáng-thể Ký-Phục-truyền Luật-lệ Ký) có thẩm quyền, nhưng chối bỏ các lời truyền khẩu (Talmud).
- D. Do đó, họ chối bỏ rất nhiều những giáo lý được phe Pha-ri-si khai triển và quý trọng như:
  1. Sự phục sinh của thân thể (xem Ma-thi-ơ 22:23; Mác 12:18; Lu-ca 20:27; Công-vụ 4:1- 2; 23:8)
  2. Sự bất diệt của linh hồn (xem *Antiquities* 18:1:3-4; *Wars* 2:8:14)
  3. Sự hiện hữu của các đẳng cấp, thứ bậc của các thiên sứ (xem Công-vụ 23:8)
  4. Họ giữ luật “mắt-đền-mắt” (*lex talionis*) theo nghĩa đen và ủng hộ sự trừng phạt thể xác và án tử hình (thay vì nộp tiền phạt)
- E. Một vấn đề thần học tranh cãi khác là giữa sự tiền định với ý chí tự do của con người. Trong ba nhóm được Giô-se-phút đề cập thì
  1. Nhóm Essenes công nhận một loại thuyết định mệnh
  2. Người Sa-đu-sê chú trọng vào ý chí tự do của con người (xem *Antiquities* 13:5:9; *Wars* 2:8:14)
  3. Người Pha-ri-si giữ một quan điểm trung dung giữa hai nhóm



F. Trong một phương diện nào đó, những mâu thuẫn giữa hai nhóm (người Sa-đu-sê-người Pha-ri-si) thể hiện sự căng thẳng giữa giới thầy tế lễ và các tiên tri trong Cựu ước.

Một sự xung đột khác nảy sinh từ việc nhóm Sa-đu-sê đại diện cho giai cấp thượng lưu, chủ đất. Họ là những quý tộc (xem Giô-se-phút, *Antiquities* 13:10:6; 18:1:4-5; 20:9:1), trong khi đó những người Pha-ri-si và các thầy thông giáo chỉ là các học giả và người sùng đạo trong dân sự. Sự xung đột này bày tỏ trong sự xung khắc giữa đền thờ tại Giê-ru-sa-lem với những nhà hội địa phương.

Một xung khắc khác có thể từ việc người Sa-đu-sê khước từ ảnh hưởng của trường phái triết học Bái hỏa giáo (Zoroastrian) trên thần học của người Pha-ri-si. Ví dụ: ngành thiên sứ học phát triển xa vời, thuyết nhị nguyên (dualism) giữa Đức Giê-hô-va và Satan cùng với quan điểm về đời sau được mô tả theo phương diện vật chất. Những sự thái quá này của người Pha-ri-si và cả nhóm Essenes tạo sự phản ứng của người Sa-đu-sê. Họ trở lại với thần học bảo thủ chỉ giữ những gì do Môi-se dạy mà thôi như là một nỗ lực để hóa giải những sự suy diễn của các phái Do-Thái-Giáo khác.

### III. Nguồn tài liệu

A. Giô-se-phút là nguồn tài liệu duy nhất về người Sa-đu-sê. Ông bị thiên lệch/chủ quan khi nhận xét về người Pha-ri-si cũng như khi ông có ý định tô vẽ một hình ảnh tốt đẹp về đời sống của dân Do thái dưới sự cai trị của Đế quốc La mã.

B. Các nguồn tài liệu khác là những tác phẩm của các tu sĩ Do-Thái-Giáo. Tuy nhiên, trong số tài liệu này rõ ràng cũng có sự thiên lệch. Nhóm Sa-đu-sê chối bỏ thẩm quyền và tính xác thực của Các Lời Truyền Khẩu của các Trưởng Lão (Talmud). Còn những tác phẩm của người Pha-ri-si thì mô tả đối thủ của họ một cách tiêu cực, thậm chí phóng đại (gọi người Sa-đu-sê là bù nhìn, rơm rạ)

Không có một tác phẩm nào của chính người Sa-đu-sê viết tồn tại ngày nay. Cùng với sự tàn phá của thành Giê-ru-sa-lem và Đền thờ trong năm 70 sau Chúa, mọi tài liệu và ảnh hưởng của nhóm thầy tế lễ ưu tú bị tiêu huỷ. Họ muốn bảo tồn sự hòa bình trong khu vực và cách thức duy nhất để thực hiện trong hoàn cảnh thế kỷ thứ nhất là hợp tác với người La mã (xem Giăng 11:48-50).

**12:19 "" Môi-se đã ban cho chúng tôi ""** Câu này chỉ về sự dạy dỗ của Môi-se về hôn nhân Nổi Dây (lấy vợ anh em ruột đã mất mà chưa có con để bảo tồn dòng dõi cho người đã khuất) ở trong Phục Truyền 25:5-10.

▣ **"" Nếu một người có anh qua đời ""** Luật Do Thái này được biết với tên "Hôn nhân nổi dây." Từ này bắt nguồn từ từ trong tiếng La-tinh dùng cho "anh em trai của chồng." Những quyền thừa kế rất quan trọng trong Y-sơ-ra-ên trước kia bởi vì Đức Chúa Trời đã ban Đất Hứa cho các chi phái bằng cách bắt thăm (Giô-suê 12-19). Vì vậy, nếu một người đàn ông qua đời mà không có người nam thừa kế, anh em trai của người được trông đợi để cưới người góa phụ và sinh một đứa con bởi người góa phụ; đứa trẻ sau đó sẽ trở thành người thừa kế tất cả gia sản của người anh em trai đã chết.

**12:23** Đây là mục đích của câu hỏi, để chế nhạo quan điểm của sự sống lại của thân thể trong một cõi đời sau thuộc thể vật chất.

**12:24** Chúa Jesus áp đảo câu hỏi bằng sự tập chú vào sự thiếu thông hiểu của người Sa-đu-sê cả về Lời Chúa và Đức Chúa Trời. Cấu trúc ngữ nghĩa trông đợi một câu trả lời "có".

**12:25 "" nhưng sẽ như thiên sứ trên trời ""** Sự trình bày vấn đề này gây rất nhiều thắc mắc. Thiên sứ trong Cựu Ước thường ở giống đực về mặt ngữ pháp (ngoài trừ Xa-cha-ri 5:9). Có phải lời bình luận ngắn này của Chúa Jesus chỉ về thiên hướng tình dục hay sự hợp nhất về giới tính của họ? Điều này tác động như thế nào đến cách hiểu của một người về Sáng 6:1-2? Có lẽ chúng ta đang cố gắng để nhấn mạnh quá mức về mặt thần học từ sự đối thoại Sa-đu-sê này. Thiên đàng là một sự liên hệ trải nghiệm hoàn toàn khác với thể giới thuộc thể. Chính xác cách mà lĩnh vực mới mẻ mang tính tương quan, đời đời, thuộc linh này vận hành như thế nào là không rõ. Kinh Thánh lựa chọn để không bày tỏ quá nhiều thông tin về cõi đời sau. Người Sa-đu-sê đã lựa chọn vấn đề rất thiếu thông tin này như một sự biện hộ để chối bỏ sự hiện diện của đời sau. Tốt hơn chúng ta nên nhấn mạnh vào hiện thực dựa trên những lời hứa của Đức Chúa Trời và Đấng Christ, nhưng cũng sẵn sàng để chấp nhận sự không biết cho đến khi chúng ta qua đời. Kinh Thánh đã cung cấp tất cả những gì Cơ Đốc Nhân cần biết!

Chúa Jesus khẳng định rằng sẽ không có yếu tố giới tính tình dục (sự sinh sản) đối với sự sống trên thiên đàng. Có rất nhiều câu hỏi mà con người muốn hỏi về vấn đề này, nhưng không hề có bất cứ sự giải thích rõ

hơn nào được cung cấp trong Tân Ước. Nó đơn giản chỉ chỉ đến một sự thật rằng các thiên sứ được tạo dựng bởi Đức Chúa Trời chứ không phải bởi sự sinh sản qua việc quan hệ tình dục.

**12:25-26** "' **thiên sứ ...Còn việc người chết được sống lại**" Người Sa-đu-sê chối bỏ cả sự tồn tại của thiên sứ và sự sống lại. Người Pha-ri-si ngược lại khẳng định cả hai.

**12:26** "' **Còn việc người chết được sống lại** "' Có một vài chỗ Kinh Thánh trong Cựu Ước khẳng định lẽ thật này (Gióp 14:14-15; 19:25-27; Thi 23:6; Ê-sai 25:6-9; 26:14-19; Đa-ni-ên 12:2). Tuy vậy cõi đời sau trong Cựu Ước còn là một thực tế bí ẩn được che phủ. Sự mặc khải theo tiến trình của Tân Ước làm rõ và định nghĩa sự có thật (của nó), nhưng vẫn trong một ngôn ngữ theo nghĩa bóng, bị che giấu ý nghĩa. Thiên đàng là một lời hứa chắc chắn và lẽ thật, nhưng bản chất chính xác của nó thì vẫn còn là một bí ẩn.

▣ "' **trong sách Môi-se** "' Chúa Jesus khẳng định rằng Môi-se chính là nguồn cội của sách Phục Truyền. Đây cũng là một câu hỏi trông đợi một câu trả lời "có".

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TÁC QUYỀN CỦA MÔI-SE TRÊN NGŨ KINH**

- A. Chính Kinh Thánh không đề cập đến tên của tác giả. Sáng Thế Ký không có những phần "tôi" như sách Ê-xơ-ra, Nê-hê-mi hoặc những phần "chúng tôi" như trong sách Công Vụ.
- B. Truyền thống Do Thái:
  1. Những tác giả Do Thái cổ xưa cho rằng Môi-se viết nó:
    - a. Ben Sirach, Huân Ca 24:23, được viết vào khoảng năm 185 TC
    - b. Cuốn *Baba Bathra* 14b, là một phần của bộ Talmud
    - c. Philo người Alexandria, Ai Cập, là một nhà triết gia Do Thái, đã viết chỉ trước thời kỳ chức vụ của Chúa Giê-xu
    - d. Flavius Josephus, một nhà sử gia Do Thái, đã viết ngay sau thời kỳ chức vụ của Chúa Giê-xu.
  2. Đây là một sự mặc khải của YHWH dành cho Môi-se:
    - a. Môi-se được cho là đã viết:
      - (1) Xuất 17:14
      - (2) Xuất 24:4, 7
      - (3) Xuất 34:27, 28
      - (4) Dân Số Ký 33:2
      - (5) Phục Truyền 31:9, 22, 24-26
    - b. Đức Chúa Trời được mô tả là đã phán qua Môi-se:
      - (1) Phục Truyền 5:4-5, 22
      - (2) Phục Truyền 6:1
      - (3) Phục Truyền 10:1
    - c. Môi-se được cho là đã phán những lời của bộ Kinh Torah (Ngũ Kinh) dành cho dân sự:
      - (1) Phục Truyền 1:1, 3
      - (2) Phục Truyền 5:1
      - (3) Phục Truyền 27:1
      - (4) Phục Truyền 29:2
      - (5) Phục Truyền 31:1, 30
      - (6) Phục Truyền 32:44
      - (7) Phục Truyền 33:1
  3. Những tác giả Cựu Ước quy nó cho Môi-se (là tác giả):

- a. Giô-suê 8:31
- b. II Các Vua 14:6
- c. Ê-xơ-ra 6:18
- d. Nê-hê-mi 8:1; 13:1-2
- e. II Sứ Ký 25:4; 34:12; 35:12
- f. Đa-ni-ên 9:11
- g. Ma-la-chi 4:4

C. Truyền thống Cơ Đốc

1. Chúa Giê-xu quy những câu trích trong bộ Kinh Torah cho Môi-se:
  - a. Ma-thi-ơ 8:4; 19:8
  - b. Mác 1:44; 7:10; 10:5; 12:26
  - c. Lu-ca 5:14; 16:31; 20:37; 24:27, 44
  - d. Giảng 5:46-47; 7:19, 23
2. Những tác giả Tân Ước cũng quy những câu trích trong bộ Kinh Torah cho Môi-se:
  - a. Lu-ca 2:22
  - b. Công Vụ 3:22; 13:39; 15:1,15-21; 26:22; 28:23
  - c. Rô-ma 10:5, 19
  - d. I Cô-rinh-tô 9:9
  - e. II Cô-rinh-tô 3:15
  - f. Hê-bơ-rơ 10:28
  - g. Khải Huyền 15:3
3. Hầu hết các Giáo Phụ Hội Thánh Đầu Tiên cũng đồng ý với tác quyền của Môi-se đặc biệt là Ireneus, Clement người Alexandria, Origen và Tertullian tất cả đều có những câu hỏi về mối liên hệ của Môi-se với hình thái kinh điển hiện thời của sách Sáng Thế Ký.

D. Những học giả Hiện Đại

1. Tất nhiên đã có một vài những sự biên tập thêm vào bộ Kinh Torah (có vẻ như là để khiến cho những công việc cổ xưa trở nên dễ hiểu cho những độc giả đương đại):
  - a. Sáng Thế Ký 12:6; 13:7; 14:14; 21:34; 32:32; 36:31; 47:11
  - b. Xuất 11:3; 16:36
  - c. Dân Số Ký 12:3; 13:22; 15:22-23; 21:14-15; 32:33ff
  - d. Phục Truyền 3:14; 34:6
2. Những người ghi chép lịch sử cổ xưa được huấn luyện nghiêm ngặt và rất có học vấn. Những kỹ năng của họ có thể khác nhau ở những quốc gia khác nhau:
  - a. tại vùng Mê-sô-bô-ta-mi họ phải cẩn thận không được thay đổi bất cứ điều gì, và thậm chí còn phải kiểm tra lại công việc của họ về tính chính xác của nó. Ở đây là một lời ghi chú cuối trang Sumerian cổ đại, (“công việc được hoàn tất từ đầu cho đến cuối, đã được chép lại, hiệu chỉnh, so sánh và đã được chứng nhận kiểm tra lại từng dấu nhỏ” vào khoảng năm 1400 TC)
  - b. tại Ai Cập, họ có thể tự do hiệu chỉnh lại những văn bản cổ xưa để cập nhật chúng cho những độc giả đương thời. Những người ghi chép kinh Kô-ran đi theo cách tiếp cận này.
3. Những học giả của thế kỷ 19 đã lý thuyết hóa bộ Torah thành một bộ tài liệu tổng hợp tại từ nhiều nguồn khác nhau xuyên suốt qua một giai đoạn thời gian kéo dài (Graft-Wellhausen). Điều này được dựa trên những yếu tố sau đây:
  - a. những danh xưng khác nhau dành cho Đức Chúa Trời
  - b. những câu chuyện được kể song hành với nhau rất rõ trong văn bản

- c. hình thái của các ghi chép khác nhau
  - d. thần học của các ghi chép
4. Các nguồn giả định và ngày của chúng:
- a. nguồn J (sử dụng từ ĐỨC GIÊ-HÔ-VA), 950 TC
  - b. nguồn E (sử dụng từ Elohim), 850 TC
  - c. nguồn JE kết hợp, 750 TC
  - d. nguồn D (“Quyển sách Luật Pháp,” 22:8, được khám phá vào thời kỳ cải cách của vua Giô-si-a trong khi tô chức lại Đền Thờ được cho là sách Phục Truyền, được viết bởi một thầy tế lễ khuyết danh trong thời kỳ của vua Giô-si-a để hỗ trợ cho cuộc cải cách của ông.), 621 TC
  - e. nguồn P (tất cả các tài liệu chức vụ tế lễ đặc biệt là về lễ nghi và cách thức), 400 TC
5. Chắc chắn đã có những sự hiệu đính thêm vào bộ Kinh Torah. Người Do Thái cho rằng chúng là:
- a. Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm tại thời điểm của sách được viết
  - b. Tiên Tri Giê-rê-mi
  - c. Thầy Dạy Luật Ê-xơ-ra - IV Esdras cho rằng ông đã viết chúng bởi vì những tài liệu gốc đã bị phá hủy trong khi thành Giê-ru-sa-lem sụp đổ vào năm 586 TC
6. Tuy nhiên, lý thuyết về các nguồn J. E. D. P. đã nói nhiều hơn về những thuyết và phạm trù văn chương hiện đại hơn là những bằng chứng từ trong bộ Kinh Torah (hãy xem quyển *Introduction to the Old Testament*, được viết bởi R.K. Harrison, trang 495-541 và bộ *Tyndale Commentary Series*, cuốn “Lê Vi Ký,” trang 15-25).
7. Những đặc điểm của văn thơ Hê-bơ-rơ
- a. Những đoạn song hành, ví dụ như Sáng 1 & 2, là rất thông dụng với người Hê-bơ-rơ. Thường một sự mô tả chung được đưa ra và ngay sau đó theo sau bởi một ghi chép cụ thể. Đây có thể là cách nhấn mạnh những lẽ thật có thể giúp cho việc ghi nhớ bằng miệng.
  - b. Những ra-bi cổ xưa nói rằng hai tên phổ biến nhất dành cho Đức Chúa Trời đều có sự quan trọng của nó:
    - ĐỨC GIÊ-HÔ-VA – danh xưng Giao Ước dành cho Đấng Thánh trong cách Ngài liên hệ với Y-sơ-ra-ên như là Đấng Cứu Rỗi và Đấng Chuộc Mua họ ( Thi 103)
    - Elohim – Đấng Thánh chính là Đấng Tạo Hóa, Đấng Chu Cấp, và Đấng Nâng Đỡ tất cả mọi sự sống trên trái đất ( Thi 104)
  - c. Sự phổ biến trong Văn Học Cận Đông ngoài Kinh Thánh về một sự đa dạng về phong cách và từ ngữ xảy ra trong những công trình văn học thống nhất (Harrison, trang 522-526).
8. Có một thuyết đang nổi lên rằng những thầy thông giáo (trong những thời điểm khác nhau của Y-sơ-ra-ên) làm việc trên những phần khác nhau của Ngũ Kinh trong cùng một thời điểm dưới sự hướng dẫn của Sa-mu-ên (theo I Sa-mu-ên 10:25). Thuyết này được đề cập trước tiên bởi E. Robertson trong quyển *The Old Testament Problem*.

Bằng chứng từ văn học khu vực Cận Đông Cổ Đại ngụ ý rằng Môi-se đã sử dụng những tài liệu viết bằng chữ nêm (cuneiform) hoặc những truyền thống truyền miệng theo phong cách của người Mê-sô-bô-ta-mi để viết Sáng Thế Ký. Điều này chắc chắn không chút nào có nghĩa là ngụ ý chỉ về một sự giảm nhẹ về sự thần cảm nhưng nó là một sự cố gắng để giải thích về một hiện tượng văn học của sách Sáng Thế Ký. Từ Sáng 37 bắt đầu có một sự ảnh hưởng Ai Cập rõ rệt về phong cách, thể loại và từ ngữ có vẻ chỉ ra rằng Môi-se sử dụng cả những sản phẩm văn học hoặc những truyền thống truyền miệng từ những ngày của người Y-sơ-ra-ên ở tại Ai Cập. Nền tảng giáo dục chính thống của Môi-se hoàn toàn là Ai Cập! Thể loại chính xác của bộ Ngũ Kinh (Pentateuch) là không xác định được. Tôi tin rằng Môi-se là người tổng hợp và tác giả của một phần lớn chủ yếu của bộ Ngũ Kinh, mặc dù ông có thể đã sử dụng những người ghi chép và/hoặc những tài liệu truyền thống viết hoặc truyền miệng. Tính chất lịch sử và sự đáng tin cậy của những sách đầu tiên này của Cựu Ước là chắc chắn, đã được soi sáng bởi khảo cổ học hiện đại

▣ "" **Ta là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham** "" Phần trích dẫn này chỉ về Xuất 3:2-6 chính là một sự chơi chữ trong thì của động từ Hê-bơ-rơ "là." Một thể của động từ này (nguyên nhân, lý do) đã trở thành danh xưng giao ước được dùng cho Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, YHWH (Xuất 3:14). Danh xưng này ngụ ý rằng Đức Chúa Trời là Đấng Hằng Hữu, Tự Hữu duy nhất. Bởi vì Ngài sống, nên dân sự Ngài cũng phải sống (theo Mác 12:27; Thi 103:15-17; Ê-sai 40:6-8; 1 Phi-e-rơ 1:24-25). Chú ý rằng Chúa Jesus khẳng định thực tế có thật của cõi đời sau từ trong những tác phẩm của Môi-se, vốn là phân duy nhất của bộ Kinh Điển trong tiếng Hê-bơ-rơ mà Những Người Sa-đu-sê chấp nhận thẩm quyền dùng cho tín lý.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) MÁC 12:28-34**

<sup>28</sup> Một trong các thầy thông giáo đến gần, nghe Đức Chúa Jê-sus và người Sa-đu-sê tranh luận với nhau, thấy Đức Chúa Jê-sus đối đáp hay, nên hỏi Ngài: "Trong các điều răn, điều nào quan trọng nhất?"  
<sup>29</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp: "Điều răn quan trọng nhất là, 'Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy lắng nghe, Chúa, Đức Chúa Trời chúng ta là Chúa duy nhất.' <sup>30</sup> Người phải hết lòng, hết linh hồn, hết tâm trí, hết sức lực mà kính mến Chúa là Đức Chúa Trời người.' <sup>31</sup> Điều thứ hai là: 'Người phải yêu người lân cận như chính mình.' Không có điều răn nào lớn hơn hai điều này." <sup>32</sup> Thầy thông giáo nói: "Thưa Thầy, thật đúng như Thầy nói, Đức Chúa Trời chỉ có một, ngoài Ngài chẳng có Đấng nào khác." <sup>33</sup> Thật vậy, kính mến Chúa hết lòng, hết trí, hết sức, và yêu người lân cận như chính mình, còn quan trọng hơn việc dâng mọi tế lễ toàn thiêu và các tế lễ khác." <sup>34</sup> Thấy người ấy trả lời khôn ngoan, Đức Chúa Jê-sus nói: "Người không xa vương quốc Đức Chúa Trời đâu." Sau đó không còn ai dám hỏi Ngài nữa.

**12:28 " các thầy thông giáo "** Đây thường là những người không có dòng dõi thầy tế lễ (không phải người Lê-vi), đã trở nên những học giả về Lời Truyền Khẩu (Kinh Talmud) của người Do Thái. Trong Cựu Ước những người Lê-vi địa phương đã giải nghĩa những tác phẩm thánh khiết (các sách trong Kinh Cựu Ước) cho dân sự (Nê-hê-mi 8). Cũng như cách mà những nhà hội địa phương được phát triển trong cuộc lưu đày bởi người Ba-by-lôn, vai trò của những giáo sư giảng dạy và giải nghĩa địa phương cũng lớn mạnh một cách đáng chú ý. Trong thời Chúa Jesus, phần lớn những thầy thông giáo là Những người Pha-ri-si. Họ đã phát triển về mặt lịch sử (sau sự hủy diệt Đền Thờ) thành Do Thái Giáo theo sự dạy dỗ của các ra-bi. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 2:6.

▣ "" **nghe ...tranh luận với nhau** "" Phần Kinh Thánh tương đồng trong Ma-thi-ơ 22:34-35 có vẻ ngụ ý chỉ đến những động cơ kín giấu, nhưng Phúc Âm theo Mác ngụ ý rằng ông đã thật sự bị thu hút bởi câu hỏi thần học này.

**12:29 "" nghe ""** Chúa Jesus trích dẫn từ Phục Truyền 6:4-5, nhưng không phải từ trong bản Masoretic Text hay Bản Bảy Mươi (Septuagint) (phần Kinh Thánh tương đồng trong Ma-thi-ơ 22:37 gần hơn với bản MT, nhưng không hoàn toàn). Chúa Jesus trích và thêm vào một cụm từ vào cả hai phần Kinh Thánh trong bản Kinh Thánh tiếng Masoretic cũng như là bản tiếng Hy Lạp Bản Bảy Mươi (Septuagint). Sự trích dẫn chính xác này không được thấy trong bất kỳ phần Kinh Thánh Cựu Ước nào khác. Bản LXX đối từ Hê-bơ-rơ "tâm lòng" thành "tâm trí" hoặc "sự thông hiểu." Nhưng phần trích dẫn này thêm vào cụm từ "với tất cả tâm trí" thành một cụm từ ba phần (tâm lòng, linh hồn, sức lực) trong bản MT và LXX. Bản dịch NJB ghi nhận điều này bằng cách in cụm từ trên không phải như một phần của sự trích dẫn Cựu Ước (không in nghiêng). Thật thú vị rằng bản thảo tiếng Hy Lạp ông-xi-an D (Bezae) từ thế kỷ thứ năm đã bỏ qua cụm từ "và với hết cả tâm trí" một cách toàn bộ. Điều này phản ánh bản gốc bởi vì sự thiếu vắng của nó phù hợp với câu trả lời của thầy thông giáo trong Mác 12:33.

Trong phần Kinh Thánh tương đồng trong Ma-thi-ơ (22:32) Ma-thi-ơ trích dẫn lời Chúa Jesus trong câu nói, "với tất cả tâm lòng, với tất cả linh hồn, và với tất cả tâm trí." Ở đây, cụm từ trong tiếng Hê-bơ-rơ "với tất cả sức mình" đã bị bỏ qua. Thật đáng ngạc nhiên rằng Mác và Ma-thi-ơ đã không đồng ý với nhau và với cả hai bản Kinh Thánh MT và LXX. Đây là một ví dụ toàn hảo cho việc nói lỏng của nhiều chỗ trích dẫn Cựu Ước trong Tân Ước (dù chúng được xem là của Chúa Jesus). Ở đây phân định sự chính xác chắc chắn là không thể. Chúng đều (LXX, Ma-thi-ơ và Mác) phản ánh nghĩa tổng quát của phần trích từ sự dạy dỗ của Môi-se.

Phần Kinh Thánh Cựu Ước này (Phục Truyền 6:4-5) được gọi là Shema, vốn chính là từ Hê-bơ-rơ "nghe." Nó có nghĩa là nghe để rồi làm theo giống như vậy. Nó đã trở thành sự khẳng định của Người Do Thái về đức tin độc thần. Nó được cầu nguyện mỗi ngày bởi những người Do Thái trung tín cũng như trong mỗi một ngày Sa-bát. Có những phần Kinh Thánh khác về sự có một và duy nhất của Đức Chúa Trời trong các sách Tiên Tri,

nhưng chỉ có một chỗ này trong những sách của Môi-se (từ Sáng Thế Ký— Phục Truyền) và, vì thế, buộc lại tất cả những người đang nghe Chúa Jesus (Những người Sa-đu-sê và Pha-ri-si).

**12:30** Câu trả lời của Chúa Jesus chỉ ra rằng có hai khía cạnh về mạng lệnh nguyên thủy của Đức Chúa Trời: (1) sự hiệp một và độc nhất của Đức Chúa Trời và (2) sự kết ước trọn vẹn của chúng ta với Ngài và chỉ một mình Ngài mà thôi!

▣ " **lòng** " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 2:6.

**12:31** "' **Người phải yêu người lân cận** "' Đây là một phần trích từ Lê-vi Ký 19:18 trong Bản Bảy Mươi (Septuagint). Chúa Jesus liên hệ lẽ thật thần học này với yêu cầu mang tính áp dụng, đạo đức (Xa-cha-ri 7-8). Chúng ta không thể yêu Đức Chúa Trời mà ghét những người được dựng nên theo hình ảnh của Ngài (1 Giăng 2:9-11; 3:15; 4:20).

Không thể yêu mến người lân cận mình (người anh chị em theo giao ước) như chính mình, nếu bạn không yêu quý chính mình. Có một tình yêu bản thân phù hợp vốn dựa trên tình yêu khởi hoạt của Đức Chúa Trời dành cho nhân loại. Chúng ta là những tạo vật của Ngài, được dựng nên theo hình ảnh của Ngài (theo Sáng Thế Ký 1:26,27). Chúng ta phải vui mừng trong những tài năng, thiên hướng được ban cho và chấp nhận ngoại hình cơ thể, tâm trí và tâm lý được dựng nên của chính chúng ta (Thi 139). Chỉ trích chính mình cũng chính là sự chỉ trích Đấng Sáng Tạo nên chúng ta! Ngài có thể biến đổi chúng ta từ sự sa ngã của chúng ta trở nên một sự phản chiếu sự vinh quang Ngài (sự trở nên giống Chúa Jesus).

Cơ Đốc Giáo liên hệ với một sự kết ước đức tin cách cá nhân với Đức Chúa Trời qua Đấng Christ. Nó bắt đầu như một sự quyết định tự nguyện cá nhân của một sự ăn năn và đức tin. Tuy nhiên, nó sẽ phát sinh trong một kinh nghiệm mang tính gia đình. Chúng ta được ban cho các ân tứ, khả năng để đem tự tốt lành chung cho mọi người (1 Cô-rinh-tô 12:7). Chúng ta đã là một bộ phận của Đấng Christ. Cách chúng ta đối xử với những người khác bày tỏ sự hết lòng của chúng ta với Christ. Sự duy nhất của Đức Chúa Trời và con người được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời yêu cầu một sự đáp ứng thích đáng hướng về Đức Chúa Trời và hướng về con người (đặc biệt với những ai là thành viên của gia đình đức tin).

▣ "' **Không có điều răn nào lớn hơn hai điều này** "' Lời tuyên bố này thật khó cho những tín đồ luật pháp (yếu đuối; theo Rô-ma 14:1-15:13) có thể chấp nhận. Với một tình yêu trọn vẹn dành cho Đức Chúa Trời và những anh em giao ước (và ngay cả người hư mất) thì không hề có luật lệ nào cả. Những luật lệ phải tuân chày từ một tâm lòng và tâm trí đã được biến đổi; chúng không sản sinh ra sự trở nên giống như Đức Chúa Trời!

**12:32-33** "'**Ngài. . .Đấng**" Những đại từ này chỉ về YHWH. Vì Xuất 20:7, phần lớn người Do Thái sẽ cảm thấy không thoải mái khi đọc lên danh xưng giao ước của Đức Chúa Trời.

▣ "' **ngoài Ngài chẳng có Đấng nào khác** "' Cụm từ này không chối bỏ sự tồn tại của những thực thể thuộc linh khác ví dụ như các thiên sứ. Câu này theo nguyên văn là chẳng có ai ở trước và ở bên YHWH. Ngài chính là một Đấng duy nhất (Xuất 8:10; 9:14; Phục Truyền 4:35,39). Cách viết này mô tả về sự độc nhất của YHWH!

**12:33** "' **yêu...còn quan trọng hơn việc dâng mọi tế lễ toàn thiêu** " Câu Kinh Thánh này có một sự hiểu biết tuyệt vời về mối liên hệ giữa đức tin và nghi lễ (1 Sa-mu-ên 15:22; Ê-sai 1:11-14; Ô-sê 6:6; A-mốt 5:21-24; Mi-chê 6:6-8). Đây không phải để làm giảm đi giá trị của các nghi lễ trong đền thờ, nhưng để khẳng định rằng một động cơ và đức tin thích đáng là quan trọng hơn chốt quyết định (kết hợp những ý tưởng tế lễ và tiên tri).

**12:34** "' **Người không xa vương quốc Đức Chúa Trời đâu** "' Câu này là một cách khác của Chúa Jesus để khẳng định về tính chất quan trọng trung tâm của một sự đáp ứng đức tin ngay lập tức, tích cực đối với Ngài. Vương quốc đã sẵn sàng để có thể vào được từ ngay thời điểm đó (thông qua đức tin nơi Chúa Jesus), chứ không phải một nơi chốn nào đó trong tương lai. Mặc dù người đàn ông này hiểu rõ về thần học Cựu Ước, ông không công chính trước mặt Đức Chúa Trời nếu ông đặt đức tin của ông nơi Đấng Christ. Thần học đúng đắn không đảm bảo sự cứu rỗi chắc chắn! Kiến thức Kinh Thánh không đảm bảo sự cứu rỗi chắc chắn! Biểu hiện của một đời sống nghi lễ và dâng sinh tế tôn giáo cũng không đảm bảo sự cứu rỗi chắc chắn! Nhưng đức tin nơi Đấng Christ đảm bảo!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) MÁC 12:35-37**

<sup>35</sup> Khi đang giảng dạy trong đền thờ, Đức Chúa Jê-sus đặt câu hỏi: "Làm sao các thầy thông giáo lại có thể nói Đấng Christ là con Đa-vít?" <sup>36</sup> Chính Đa-vít được Đức Thánh Linh cảm thúc, đã nói rằng: "Chúa phán với Chúa tôi:

**Hãy ngồi bên phải Ta,**

**Cho đến khi Ta đặt các kẻ thù Con dưới chân Con.'**

**<sup>37</sup> Chính Đa-vít gọi Ngài là Chúa, vậy làm sao Ngài là con vua ấy được?" Đoàn dân đông lắng nghe Ngài một cách thích thú.**

**12:35 " Làm sao ...lại có thể!"** Đoạn này ghi chép lại một chuỗi những câu hỏi

1. Từ Tòa Công Luận (Mác 11:27-12:12)
2. Từ Những người Pha-ri-si và Đàng Hê-rôt (Mác 12:13-17)
3. từ những người Sa-đu-sê (Mác 12:18-27)
4. từ một thầy thông giáo (Mác 12:28-34)
5. từ chính Chúa Jesus (Mác 11:29-33,35-37)

Giờ đây Chúa Jesus hỏi họ một câu hỏi như Ngài đã hỏi trong Mác 11:29-30. Phương pháp đặt câu-hỏi-và-trả-lời chính là đặc điểm của Do Thái Giáo dưới sự dạy dỗ của các ra-bi.

▣ **" Đấng Christ là con Đa-vít "** Hãy đọc Ma-thi-ơ 12:từ câu 23; 21:15; 2 Sa-mu-ên 7:11-16 và so sánh các phần Kinh Thánh đó với Thi 110:1. Chúa Jesus cố gắng để vươn đến với các lãnh đạo tôn giáo. Ngài quan tâm, chăm sóc cho họ nên Ngài sử dụng cách đặt vấn đề và giải kinh của họ. Họ có quá nhiều sự soi sáng, nhưng đã trở nên mù lòa bởi lời truyền thông.

**12:36 " Chính Đa-vít được Đức Thánh Linh cảm thúc, đã nói rằng "** Câu này khẳng định sự thần cảm của Thi Thiên 110 bởi Đức Thánh Linh. Kinh Thánh chính là một lễ thật thiên thượng (từ Đức Thánh Linh), nhưng được viết trong ngôn ngữ và văn hóa của tác giả ban đầu.

▣ **" Chúa phán với Chúa tôi "** Đây là một phần trích trong Thi 110:1 từ trong Bản Bảy Mươi (Septuagint). Trong bản tiếng Hê-bơ-rơ từ "Chúa" đầu tiên (được dịch trong bản dịch tiếng Anh với tất cả các từ viết hoa) chính là cách dịch trong tiếng Anh của chúng tôi như là cách chuyển tự của từ YHWH. Điều này xảy ra bởi vì người Hê-bơ-rơ rất ngần ngại sử dụng danh xưng giao ước cho Đấng Thánh. Vì thế, khi một người đến chỗ YHWH trong lúc đọc lớn tiếng một đoạn Kinh Thánh, ông thay nó bằng từ Hê-bơ-rơ *Adon*, vốn có nghĩa là "chúa," "chồng," "ông chủ," hoặc "chủ nhân." Trong tiếng Hy Lạp từ này được dịch thành *kurios*. Sự phân biệt này không được trình bày trong bản Kinh Thánh tiếng Hy Lạp nơi và từ *kurios* vừa được dịch là YHWH vừa được dịch là *adon*.

## **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC DANH XUNG CỦA Đấng THÁNH**

### **A. *El***

1. Ý nghĩa nguyên gốc của thuật ngữ cổ mang tính chủng loại về Đấng Thánh thì chưa được xác định rõ ràng, mặc dù có nhiều học giả tin rằng nó đến một từ gốc ngôn ngữ Akkadian, "trở nên mạnh mẽ" hoặc "trở nên quyền lực" (Sáng 17:1; Dân Số 23:19; Phục 7:21; Thi 50:1).
2. Trong hệ thống đa thần của người Ca-na-an vị thần tối cao của họ là *El* (các văn bản Ras Shamra)
3. Trong Kinh Thánh *El* không thường được ghép với các thuật ngữ khác. Có những sự kết hợp trở thành một cách để bày tỏ về đặc tính Đức Chúa Trời.
  - a. *El-Elyon* ("Đức Chúa Trời tối cao"), Sáng 14:18-22; Phục 32:8; Ê-sai 14:14
  - b. *El-Roi* ("Đức Chúa Trời hay đoán xem" hoặc "Đức Chúa Trời bày tỏ về Ngài"), Sáng 16:13
  - c. *El-Shaddai* ("Đức Chúa Trời toàn năng" hoặc "Đức Chúa Trời đầy sự thương xót" hoặc "Đức Chúa Trời của ngọn núi cao"), Sáng 17:1; 35:11; 43:14; 49:25; Xuất 6:3
  - d. *El-Olam* ("Đức Chúa Trời Hằng-hữu"), Sáng 21:33. Đây là thuật ngữ liên hệ với lời hứa của Đức Chúa Trời với Đa-vít, II Sa 7:13, 16
  - e. *El-Berit* ("Đức Chúa Trời của Sự Giao Ước") Các Quan Xét 9:46

4. *El* ngang hàng với
  - a. Giê-hô-va trong Thi 85:8; Ê-sai 42:5
  - b. *Elohim* trong Sáng 46:3; Gióp 5:8, “Ta là *El*, *Elohim* của cha ngươi”
  - c. *Shaddai* trong Sáng 49:25
  - d. “kỳ tà (ghen ty)” trong Xuất 34:14; Phục 4:24; 5:9; 6:15
  - e. “thương xót” trong Phục 4:31; Nê-hê-mi 9:31; “thành tín” trong Phục 7:9; 32:4
  - f. “rất lớn và đáng sợ” trong Phục 7:21; 10:17; Nê-hê-mi 1:5; 9:32; Đa-ni-ên 9:4
  - g. “thông biết mọi điều” trong I Sa 2:3
  - h. “đòn lủy vững chắc” trong II Sa 22:33
  - i. “báo thù cho tôi” trong II Sa 22:48
  - j. “Đấng Thánh” trong Ê-sai 5:16
  - k. “quyền năng” trong Ê-sai 10:21
  - l. “sự cứu rỗi tôi” trong Ê-sai 12:2
  - m. “Đấng vĩ đại và quyền năng (vạn quân)” trong Giê 32:18
  - n. “hay báo trả” trong Giê 51:56
5. Một sự kết hợp của tất cả những danh xưng chính trong Cựu Ước được tìm thấy trong Giô-suê 22:22 (*El*, *Elohim*, *Giê-hô-va*, được lặp lại)

**B. *Elyon***

1. Thuật ngữ này căn bản có nghĩa là “tối cao,” “được tôn trọng” hoặc “được tôn cao” (Sáng 40:17; I Các vua. 9:8; II Các vua 18:17; Nê. 3:25; Giê 20:2; 36:10; Thi 18:13).
2. Nó được sử dụng cho một ý nghĩa song song với một vài tên/ danh xưng khác của Đức Chúa Trời.
  - a. *Elohim* - Thi 47:1-2; 73:11; 107:11
  - b. *Giê-hô-va* - Sáng 14:22; II Sa 22:14
  - c. *El-Shaddai* - Thi 91:1,9
  - d. *El* – Dân số Ký 24:16
  - e. *Elah* – Được sử dụng thường xuyên trong Đa-ni-ên 2-6 và Ê-xơ-ra 4-7, được nối với *illair* (từ tiếng A-ram cho “Đức Chúa Trời chí cao”) trong Đa-ni-ên 3:26; 4:2; 5:18,21
3. Thường được sử dụng bởi người không phải là người Y-sơ-ra-ên.
  - a. Mên-chi-xê-đéc, Sáng 14:18-22
  - b. Ba-la-am, Dân Số Ký 24:15
  - c. Môi-se, nói với các dân tộc trong Phục 32:8
  - d. Phúc âm của Lu-ca trong Tân Ước, được viết cho người ngoại bang, cũng sử dụng từ tương đương trong tiếng Hy Lạp *Hupsistos* (1:32,35,76; 6:35; 8:28; Công vụ 7:48; 16:17)

**C. *Elohim* (SỐ NHIỀU), *Eloah* (SỐ ÍT), được sử dụng nguyên thủy trong thơ ca**

1. Thuật ngữ này không được tìm thấy ở ngoài Cựu Ước.
2. Từ này có thể gọi danh xưng của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên hoặc Đức Chúa Trời của các dân tộc (Xuất 12:12; 20:3). Gia đình Áp-ra-ham đã là những người đa thần. (Giô-suê 24:2).
3. Nó có thể liên hệ đến các quan xét Do Thái (Xuất 21:6; Thi 82:6).
4. Thuật ngữ *elohim* cũng được sử dụng cho những thực thể thuộc linh khác (những thiên sứ, ma quỷ) Như trong Phục 32:8 (Bản Bảy Mươi); Thi 8:5; Gióp 1:6; 38:7. Nó có thể cũng liên hệ đến những quan xét là con người (Ví dụ: Xuất 21:6; Thi 82:6)
5. Trong Kinh Thánh, nó là tên/ danh xưng đầu tiên cho Đấng Thánh (Sáng 1:1). Nó được sử dụng ngoại trừ Sáng 2:4, nơi mà nó được sử dụng kết hợp với Giê-hô-va. Về căn bản, nó liên hệ về thần học với Đức Chúa Trời chính là Đấng sáng tạo, Đấng duy trì và chu cấp cho mọi sự sống trên hành tinh này. (Thi 104).

Nó ở thể khuyết danh cùng với *El* (Phục 32:15-19). Nó cũng có thể hiện diện song song với



Giê-hô-va như trong Thi 14 (*elohim*) thì giống một cách chính xác với Thi 53 (Giê-hô-va), ngoại trừ việc thay đổi những tên của Đấng Thánh.

6. Mặc dù ở SỐ NHIỀU và được sử dụng cho các thần khác, thuật ngữ này thường được xác định cho Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, nhưng thường nó ở thể ĐỘNG TỪ SỐ ÍT ĐỀ chỉ rõ lỗi sử dụng độc thân.
7. Thuật ngữ này được tìm thấy ra từ lời của những người không phải là người Y-sơ-ra-ên như là tên của Đấng Thánh.
  - a. Mên-chi-xê-đéc, Sáng 14:18-22
  - b. Ba-la-am, Dân 24:2
  - c. Môi-se, khi phán với các dân tộc, Phục 32:8
8. Điều lạ ở đây rằng một tên rất phổ biến của Đức Chúa Trời độc thân của Y-sơ-ra-ên lại ở SỐ NHIỀU! Mặc dù, không có sự chắc chắn hoàn toàn, nhưng có những giả thuyết sau đây:
  - a. Tiếng Hê-bơ-rơ có nhiều thể SỐ NHIỀU, thường được sử dụng dành cho sự nhấn mạnh. Liên quan chặt chẽ đến điều này chính là chức năng ngữ pháp Hê-bơ-rơ sau này được gọi là “số nhiều của Đấng Vĩ Đại” nơi mà SỐ NHIỀU được sử dụng để nhấn mạnh một khái niệm.
  - b. Điều này cũng có thể nhắc đến một hội đồng thiên sứ, là những thực thể mà Chúa gặp gỡ họ trên thiên đàng và thi hành những mệnh lệnh của Ngài (1 Các Vua. 22:19-23; Gióp 1:6; Thi 82:1; 89:5,7).
  - c. Nó cũng có thể phản ánh sự mặc khải trong Tân Ước về Một Đức Chúa Trời trong ba thân vị. Trong Sáng 1:1 Đức Chúa Trời sáng tạo; Sáng 1:2 Đức Thánh Linh vận hành và trong Tân Ước, Chúa Giê-xu là Đấng thi hành của Đức Chúa Cha trong sự sáng tạo (Giăng 1:3,10; Rô-ma. 11:36; I Cô-rinh-tô. 8:6; Cô-lô-se. 1:15; Hê-bơ-rơ 1:2; 2:10).

#### D. YHWH (BDB 217, KB 394)

1. Đây là tên bày tỏ Đấng Thánh như là một Đức Chúa Trời thiết lập giao ước; Đức Chúa Trời là Đấng Cứu Rỗi, Đấng Cứu Chuộc! Con người phá vỡ giao ước, nhưng Đức Chúa Trời thành tín với lời Ngài, với lời hứa và giao ước của Ngài (Thi 103).

Tên này là tên đầu tiên được nhắc đến trong sự kết hợp với *Elohim* trong Sáng 2:4. Có hai lần nhắc đến về sự sáng tạo trong Sáng 1-2, nhưng có hai sự nhấn mạnh khác nhau: (1) Chúa là Đấng sáng tạo của cả vũ trụ (vật chất) và (2) Chúa là Đấng sáng tạo cụ thể của loài người. Sáng 2:4 bắt đầu với sự mặc khải đặc biệt về vị trí vinh dự và mục đích của loài người, cũng như là nan đề về tội lỗi và sự phản nghịch với liên hệ với vị trí đặc biệt đó của họ.
2. Trong Sáng 4: 26 có nói rằng “người ta bắt đầu cầu khẩn danh Đức Giê-hô-va.” (YHWH). Tuy nhiên, Xuất. 6:3 ngụ ý rằng trong giao ước sớm loài người (Các tổ phụ và gia đình của họ) đã biết duy Chúa là Đức Chúa Trời toàn năng (*El-Shaddai*). Tên YHWH được giải thích một lần duy nhất trong Xuất. 3:13-16, đặc biệt là câu 14. Tuy nhiên, những sách của Môi-se thường giải nghĩa những thuật ngữ bởi những từ ngữ thông thường chứ không phải những từ cổ (ví dụ: Sáng 17:5; 27:36; 29:13-35). Đã có những giả thuyết được trình bày về ý nghĩa của tên này (được lấy trong tập 2 trang 409-411):
  - a. từ một từ gốc tiếng Ả-rập, “bày tỏ một tình yêu nồng nhiệt”
  - b. từ một từ gốc tiếng Ả-rập “thối” (YHWH(GIÊ HÔ-VA) như là một Đức Chúa Trời như cơn bão)
  - c. Từ một từ gốc Ugartic (Ca-na-an) “phán”
  - d. theo một phần khắc tiếng Phoenician, một PHÂN TỪ CHỈ NGUYÊN NHÂN có nghĩa “người duy trì,” hoặc “Đấng thiết lập”
  - e. từ từ tiếng Hê-bơ-rơ *Qal* được hình thành “Đấng Ta là,” hoặc “Đấng Hiện Hữu” (trong ý nghĩa tương lai, “Đấng Hằng Hữu”)
  - f. từ từ tiếng Hê-bơ-rơ *Hiphil* hình thành “Đấng khiến xảy ra”

- g. từ động từ gốc Hê-bơ-rơ “sống” (Sáng 3:20), có nghĩa “Đấng Sống tự hữu, hằng hữu”
- h. từ bối cảnh của Xuất 3:13-16, một hành động của thể a play on the THỂ CHỮA HOÀN THÀNH được sử dụng có nghĩa HOÀN THÀNH (THỂ HOÀN THÀNH) “Ta sẽ tiếp tục là Đấng ta Đã là trong quá khứ” hoặc “Ta sẽ tiếp tục là Đấng ta luôn luôn là” (trích trong quyển *Nhìn khái quát về các Cấu trúc cú pháp trong Cựu Ước (A Survey of Syntax in the Old Testament)* được viết bởi J. Wash Watts, trang 67)

Tên đầy đủ của YHWH(GIÊ HÔ-VA) thường được trình bày trong một tiếp vĩ ngữ hoặc cũng có thể trong thể nguyên gốc

- (1) *Yah* (ví dụ Hallelu - yah)
- (2) *Yahu* (Isaiah)
- (3) *Yo* (tên, ví dụ: Joel)

3. Sau này, đối với Do Thái giáo, tên giao ước này trở nên vô cùng thánh khiết (Danh Thánh Thiên Chúa (tetragrammaton)) đến nỗi mà người Do Thái trở nên sợ hãi để nhắc đến e rằng học sẽ vi phạm mạng lệnh trong Xuất 20:7 và Phục 5:11; 6:13. Do vậy, họ thay thế bằng thuật ngữ Hê-bơ-rơ cho “chủ nhân” “chủ” “chồng” “chúa”—*adon* hoặc *adonai* (chúa của tôi). Khi họ đến với từ YHWH (GIÊ HÔ-VA) trong khi đọc Cựu Ước họ phát âm “chúa”. Đó là lý do tại sao tên YHWH (GIÊ HÔ-VA) được viết là CHÚA (LORD) trong các bản dịch tiếng Anh.
4. Cũng như cùng với *El*, YHWH thường được kết hợp với những thuật ngữ khác để nhấn mạnh những đặc điểm của Đức Chúa Trời Giao Ước của Y-sơ-ra-ên. Có nhiều cách kết hợp các thuật ngữ, đây là một vài ví dụ.
  - a. *YHWH - Yireh* (YHWH(GIÊ HÔ-VA) sẽ chu cấp), Sáng 22:14
  - b. *YHWH - Rophekha* (YHWH (GIÊ HÔ-VA) là Đấng Chữa lành người), Xuất 15:26
  - c. *YHWH - Nissi* (YHWH(GIÊ HÔ-VA) là cờ xí của tôi), Xuất 17:15
  - d. *YHWH - Meqaddishkem* (YHWH (GIÊ HÔ-VA) Đấng thánh hóa người), Xuất 31:13
  - e. *YHWH - Shalom* (YHWH(GIÊ HÔ-VA) là sự Bình an), Các quan xét 6:24
  - f. *YHWH - Sabaoth* (YHWH(GIÊ HÔ-VA) vạn quân), I Sam. 1:3,11; 4:4; 15:2; thường trong các sách tiên tri)
  - g. *YHWH - Ro 'I* (YHWH (GIÊ HÔ-VA) là Đấng chặn giữ tôi), Thi 23:1
  - h. *YHWH - Sidqenu* (YHWH (GIÊ HÔ-VA) là sự công bình chúng ta), Giê-rê-mi 23:6
  - i. *YHWH - Shammah* (YHWH(GIÊ HÔ-VA) ở đó) Ê-xê-chi-ên 48:35

■ **''' Hãy ngồi bên phải Ta '''** Từ "Ta" chỉ về YHWH. Đây là cụm từ tu từ nhân hình (nói về Đức Chúa Trời trong những thuật ngữ cơ thể con người) với mục đích chỉ về vị trí quyền năng, thẩm quyền và siêu việt của Đấng Mê-si. Điều này sẽ phản ánh Vua của toàn cõi vũ trụ chia sẻ Ngai của Ngài với một kẻ khác (Đấng Mê-si của Ngài, theo Mác 14:62).

■ **''' Cho đến khi Ta đặt các kẻ thù Con dưới chân Con '''** Câu này tiếp theo phần trích từ Thi 110:1. Cụm từ này khẳng định sự đắc thắng của YHWH thay mặt cho Đấng Mê-si Ngài (Thi Thiên 2). Lễ thật này được bày tỏ sâu nhiệm hơn trong 1 Cô-rinh-tô 15:24-27 và ngay cả được chuyển tải cuối cùng vào trong cả vương quốc đời đời của Cha trong 1 Cô-rinh-tô 15:28!

Phần trích Thi Thiên 110:1 của Mác (và Ma-thi-ơ 22:44) xa rời khỏi bản Kinh Thánh tiếng Hê-bơ-rơ Masoretic và Bản Bảy Mươi (Septuagint) (cũng như phần trích của Mác từ trong Phục Truyền 6:4-5 trong Mác 12:29-30). Bản MT và bản LXX chép là "đến khi ta đặt các kẻ thù như bộ chân cho chân con" (theo Lu-ca 20:43; Công Vụ 2:34-35). Các nhà sao chép Kinh Thánh (MSS ơ, A, L, và những bản dịch Vulgate và Peshitta) đã đổi phần trích dẫn của Mác để làm cho phù hợp với những phần trích dẫn Cựu Ước.

**12:37** Đây chính là chỗ nan giải của câu hỏi. Nó chỉ ra rằng (1) các lãnh đạo tôn giáo đã không hiểu (bị mù lòa thuộc linh với) Lời Chúa, ngay cả về Đấng Mê-si hoặc (2) Đấng Christ, dù là con Vua Đa-vít, lại cao trọng về mặt thuộc linh thực tế, đã có nguồn gốc từ Đấng Thánh. Cũng như cách họ tìm cách gài bẫy Chúa Jesus với những câu hỏi, giờ đây Ngài cũng hỏi một câu hỏi phải làm họ câm lặng.

Tôi nghĩ rằng lựa chọn #2 chính là câu trả lời phù hợp về mặt thần học. YHWH trong Cựu Ước đã chọn dòng

đôi Đấng Mê-si tách rời khỏi nỗ lực của con người hoặc những truyền thống văn hóa (tất cả các Tô Phụ đều cưới những phụ nữ không có khả năng sinh đẻ và không bao giờ người con trai lớn nhất lại được chọn trở thành dòng dõi được lựa chọn)! Đây chính là một điều không dễ nhận thấy, nhưng mạnh mẽ được khẳng định rằng Đấng Mê-si sẽ trở nên vĩ đại hơn Vua Đa-vít ("chúa" hoặc "chủ" của vua Đa-vít), vốn chắc chắn ngụ ý chỉ về một hành động thần thánh, hoặc thậm chí một con người thần thánh.

▣ " **Đoàn dân đông lắng nghe Ngài một cách thích thú** " Những đoàn dân đông chính là một đặc điểm thường xuyên của Phúc Âm theo Mác. Dân chúng của xứ, là những người thường xuyên bị chế nhạo và xem thường bởi những kẻ thượng lưu, ưu tú về mặt tôn giáo (theo Mác 12:38-40), đã thích thú nhìn Chúa Jesus lật đổ bàn của những kẻ kiêu ngạo chủ nghĩa tôn giáo bằng cách sử dụng chính phương pháp của họ.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) MÁC 12:38-40**

<sup>38</sup> Trong lúc dạy dỗ, Ngài nói: "Hãy đề phòng các thầy thông giáo, là những người ưa mặc áo dài đi dạo, thích được người ta chào mình nơi phố chợ, <sup>39</sup> muốn ngồi ghế quan trọng nhất trong các nhà hội và chỗ danh dự trong các buổi tiệc. <sup>40</sup> Họ nuốt nhà của các bà góa mà giả bộ cầu nguyện dài dòng. Họ sẽ bị phán xét nặng hơn."

**12:38 " các thầy thông giáo, là những người ưa "** Mối liên hệ tạm thời giữa Mác 12:25-27 và Mác 12:38-40 là không chắc chắn. Rõ ràng Ngài đang nhắc đến cùng một nhóm những nhà lãnh đạo (các thầy thông giáo), nhưng không rõ có phải những thầy thông giáo trong câu 35-37 được nhắc đến hay là những thầy thông giáo khác là những người khoe khoang về tôn giáo của họ. Chắc chắn những lời của Chúa Jesus cũng liên hệ với những người Sa-đu-sê và Những người Pha-ri-si là người đã đặt mình vào một cuộc trình diễn tôn giáo với mục đích được nhận thấy bởi dân chúng.

▣ " **những người ưa mặc áo dài đi dạo** " Câu này chỉ về một dải vải lanh *tallith* để phân biệt với tấm vải tua lớn màu xanh dương được mặc bởi các thầy thông giáo. Kinh Talmud dạy rằng điều này được yêu cầu khi đứng trong sự hiện diện của một ra-bi.

Những người nam này yêu thích sự tiếp đãi đặc biệt (khăn choàng quần vai cầu nguyện riêng biệt, sự chào hỏi kính trọng, chỗ tốt nhất trong buổi thờ phượng, và chỗ ngồi danh dự trong những bữa ăn). Họ đã có tất cả những điều đó, nhưng đã lỡ mất Đấng Christ.

**12:40 " Họ nuốt nhà của các bà góa "** Câu này có lẽ là ngôn ngữ tu từ chỉ về (1) gánh nặng của việc bố thí mà những lãnh đạo tôn giáo yêu cầu dành cho tất cả mọi người hoặc (2) việc thuyết phục những người góa phụ sẽ nộp phần thừa kế của họ (sinh kế của họ) cho đền thờ. Điều này bởi vậy chỉ về những kỹ thuật gây quỹ đầy sự thao túng của các lãnh đạo tôn giáo.

▣ " **giả bộ cầu nguyện dài dòng** " Họ cầu nguyện để có thể được nhìn thấy bởi những người khác, chứ không phải được lắng nghe bởi Đức Chúa Trời. Tôn giáo của họ là một buổi trình diễn bề ngoài (Ê-sai 29:13; Ma-thi-ơ 7:21-23; Cô-lô-se 2:16-23), nhưng họ đã không nhận ra được món quà vĩ đại nhất của Đức Chúa Trời!

▣ " **Họ sẽ bị phán xét nặng hơn** " Đức tin tôn giáo của họ đã là một buổi trình diễn bề ngoài, chứ không phải là một đức tin tích cực bên trong của tình yêu và sự phục vụ (theo Mác 12:28-34). Cụm từ này có thể phản ánh về (1) các mức độ của sự đoán phạt (theo Ma-thi-ơ 10:15; 11:22,24; 18:6; 25:21,23; Lu-ca 12:47-48; 20:47; Gia-cơ 3:1) hoặc là (2) Sự nhấn mạnh phương đông theo nghĩa bóng (ngoa dụ).

#### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: MỨC ĐỘ THƯỞNG PHẠT .**

A. Mức độ phản ứng đối với Đức Chúa Trời lệ thuộc vào sự hiểu biết. Sự hiểu biết càng kém thì trách nhiệm càng ít hơn, và ngược lại. ( Lu-ca 12:45).

B. Sự hiểu biết về Chúa dựa trên hai điều:

1. Tạo Hóa ( Thi Thiên 19; Rô-ma 1-2)
2. Kinh Thánh ( Thi Thiên 19; 119; Chúa Jesus, như được mặc khải trong Tân Ước)

C. Thương, Phạt trong Cựu Ước

## 1. Thường

a. Sáng 15:1 (liên hệ tới tài sản, đất đai, con trai)

b. Lê-vi Ký 26:1-13; Phục Truyền 28:1-14,58-68 (Vâng phục giao ước được hưởng phước.)

c. Đa-ni-ên 12:3

2. phạt – Lê-vi Ký 26:14-39; Phục Truyền 27:15-26; 28:15-37 (Bất tuân giao ước hứng chịu rủa xà)

3. khuôn mẫu khen thưởng trong Cựu Ước được sửa đổi bởi tội lỗi. Sự sửa đổi được thấy trong Gióp và Thi-thiên 73 (hai sự lựa chọn, Phục Truyền 30:15,19; Thi Thiên 1) Tân Ước gia tăng tiêu điểm của vấn đề: không chỉ ở hành động, nhưng ở ngay trong sự suy nghĩ, ý tưởng. (Bài giảng trên núi Ma-thi-ơ 5-7).

## D. Thường, Phạt trong Tân Ước

### 1. Thường (ngoài sự cứu rỗi)

a. Mác9:41

b. Ma-thi-ơ 5:12,46; 6:1-4,5-6,6-18; 10:41-42; 16:27; 25:14-23

c. Lu-ca 6:23,35; 19:11-19,25-26

### 2. Phạt

a. Mác12:38-40

b. Lu-ca 10:12; 12:47-48; 19:20-24; 20:47

c. Ma-thi-ơ 5:22,29,30; 7:19; 10:15,28; 11:22-24; 13:49-50; 18:6; 25:14-30

d. Gia-cơ 3:1

E. Tôi thử giải thích với ví dụ của một vở nhạc kịch. Vì không xem nhạc kịch nhiều nên tôi không hiểu nó. Khi càng hiểu biết mức độ khó khăn, phức tạp của kịch tính, âm nhạc, múa một cách tổng hợp, tôi càng cảm thấy quý trọng thể loại nghệ thuật này. Tôi biết rằng chúng ta sẽ có nhận được chén rượu ngon -tức phần thưởng - trên thiên đàng, nhưng kịch thước của chén ấy phụ thuộc và mức độ phục vụ của chúng ta trên trần gian. ( Ma-thi-ơ 16:7; Lu-ca 12:48; I Cô-rinh-tô 3:8,14; 9:17,18; Ga-la-ti 6:7; 2 Tim. 4:14). Có một định luật thuộc linh trong Kinh Thánh: gieo gì hái nấy, càng gieo nhiều, càng hái bội. ( Ma-thi-ơ 13:8,23).

F. "Vương miện công nghĩa" đã ban cho chúng ta bởi công việc kết thúc của Chúa Giê-su,( 2 Tim. 4:8), Nhưng "vương miện sự sống" được liên hệ tới sự trường tồn, bên đồ qua thử thách ( Gia-cơ 1:12; Khải Huyền 2:10; 3:10-11). "Vương miện vinh hiển" dành cho các lãnh đạo thuộc linh, nhưng liên hệ tới nếp sống của họ ( 1 Phi-e-rơ 5:1-4). Phao-lô biết mình có vương miện, nhưng thực hành nếp sống hết sức tự kiểm chế ( I Cô-rinh-tô 9:24-27).

Điều huyền bí của đời sống Cơ-độc nhân là trong khi Phúc Âm hoàn toàn miễn phí bởi công việc đã kết thúc trong Đấng Christ , chúng ta phải tiếp nhận món quà cứu rỗi cũng như đón nhận quyền năng sống đạo. Sống đạo là bằng chứng năng quyền siêu nhiên không kém năng quyền của sự cứu rỗi, chúng ta phải tiếp nhận và nắm chắc. Nghịch lý: "tuy miễn phí nhưng phải tận hiến" giải thích điều bí ẩn của sự "khen thưởng và gieo, gặt"

Chúng ta không được cứu bởi công đức, nhưng được cứu để phục vụ ( Ê-phê-sô 2:8-10). Sự phục vụ là bằng chứng chúng ta gặp Ngài. ( Ma-thi-ơ 7). Công đức cá nhân là niềm vấp phạm trong khía cạnh cứu rỗi, nhưng sự sống đạo thực hữu sẽ được khen thưởng.

## ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 12: 41-44

<sup>41</sup> Đức Chúa Jêsus ngồi đối diện với thùng lặt hiến, và quan sát dân chúng khi họ bỏ tiền vào thùng. <sup>42</sup> Nhiều người giàu bỏ vào rất nhiều tiền. Cũng có một bà góa nghèo đến bỏ vào thùng hai đồng tiền nhỏ, trị giá một phần tư xu. <sup>43</sup> Ngài gọi các môn đồ đến và bảo: "Thật, Ta bảo các con, bà góa nghèo này đã bỏ tiền vào thùng lặt hiến nhiều hơn tất cả những người khác. <sup>44</sup> Vì những người khác lấy tiền dư bạc thừa mà dâng; còn bà góa này, rất nghèo túng nhưng đã dâng hết những gì mình có, là tất cả những gì để nuôi sống mình."

**12:41 " thùng lặt hiến "** Bộ Mishnah (và theo quyển *Temple* của Alfred Edersheim, ở trang 48-49) cho biết có mười ba chiếc rương có hình ống loa, mỗi chiếc được đánh dấu cho một mục đích từ thiện cụ thể, được đặt ở trong Khu Vực Sân dành cho Phụ Nữ.

Chưa bao giờ có thể tìm được bất cứ bằng chứng vật lý hay những sự xác nhận từ các tác phẩm viết nào bên ngoài Bộ Mishna về sự có thật của chúng.

**12:42 " hai đồng tiền nhỏ "** Từ này nguyên văn là "*lepton*" (cái mỏng manh), vốn có giá trị chỉ một phần nhỏ (1/24 hoặc 1/96) của một đồng đơ-ni-ê. Nó là đồng xu Do Thái bằng đồng có giá trị nhỏ nhất.

▣ "**giá một phần tư xu** " Đây chính là từ trong tiếng La-tinh *quadrans*, vốn tương đương với *lepton*, đồng xu bằng đồng nhỏ nhất của người La Mã (1/4 của một *assarion*, vốn có giá trị bằng 1/16 của một đơ-ni-ê). Sách Mác có lẽ được viết gửi cho người La Mã.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Đồng tiền (xu) được sử dụng thời Chúa Giê-su ở Palestine**

#### I. Tiền đồng

- A. *cherma* – ít giá trị (xem Giăng 2:15)
- B. *chalchos* – ít giá trị (xem Ma-thi-ơ. 10:9; Mác 12:41)
- C. *assarion* – tiền La mã bằng 1/16 đơ-na-ri (xem Ma-thi-ơ. 10:29)
- D. *kodrantes* – tiền La mã bằng 1/64 đơ-na-ri (xem Ma-thi-ơ. 5:26)
- E. *lepton* – tiền Do-thái bằng 1/128 đơ-na-ri (xem Mác 12:42; Lu-ca 21:2)
- F. *quadrans/farthing* – xu La mã, ít giá trị

#### II. Tiền bạc

- A. *arguros* ("silver coin") – có nhiều giá trị hơn tiền đồng (xem Ma-thi-ơ. 10:9; 26:15)
- B. *dēnarius* (đơ-na-ri) – tiền La mã bằng 1 ngày (xem Ma-thi-ơ. 18:28; Mác 6:37)
- C. *drachmē* – tiền Hy Lạp bằng *dēnarius* (xem Lu-ca 15:9)
- D. *di-drachmon* gấp đôi đồng *drachmas* tương đương với ½ *shekel* của Do-thái (xem Ma-thi-ơ. 17:24)
- E. *statēr* – gấp bốn lần *dēnarii* (xem Ma-thi-ơ. 17:27)

#### III. Tiền vàng– *chrusos* – có giá trị nhất (xem Ma-thi-ơ. 10:9)

#### IV. Thuật ngữ chung về trọng lượng kim ngân

- A. *mnaa* – đơn vị trọng lượng La tinh *mina*, tương đương 100 *dēnarii* (xem Lu-ca 19:13)
  - B. *talanton* – đơn vị trọng lượng Hy Lạp (xem Ma-thi-ơ. 18:24; 25:15,16,20,24,25,28)
    - 1. bạc bằng 6,000 *dēnarii*
    - 2. Vàng bằng 180,000 *dēnarii*
  - C. *sheqel* – đơn vị trọng lượng bạc Do thái từ Cựu ước (xem Sáng 23:15; 37:28; Xuất. 21:32)
    - 1. *pīm* – 2/3 *shekel*
    - 2. *beka* – ½ *shekel*
    - 3. *gerah* – 1/20 *shekel*
- Đơn vị lớn hơn:
- 1. *maneh* – 50 *shekels*
  - 2. *kikkar* – 3,000 *shekels*

**12:43 "' Thật "'** Từ này nguyên văn là "amen." Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 3:28.

**12:44** Đức tin trọn vẹn của người phụ nữ này trái ngược với sự kiêu ngạo tôn giáo và sự cạn kiệt của các thầy thông giáo. Họ đã bóc lột nguồn sống của những bà góa. Bà góa này đã dâng toàn bộ nguồn sống của mình cho Đức Chúa Trời và vì vậy phụ thuộc vào Ngài bởi đức tin sẽ chu cấp cho tất cả các nhu cầu của bà. Trong sự dâng hiến, Đức Chúa Trời nhìn vào nơi tâm lòng, chứ không phải là số lượng (2 Cô-rinh-tô 8-9). Những cũng hãy chú ý toàn bộ số tiền mà bà có. Dâng hiến, ban cho cũng giống như hành động và lời nói, bộc lộ ra tâm lòng! Hãy xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CỬA CÁI** tại Mác 10:23.

### **NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Hãy liệt kê ra những điều mà các yếu tố sau đây đại diện cho trong ẩn dụ (12:1-12)
  - a. Chủ của Vườn Nho \_\_\_\_\_
  - b. Vườn Nho \_\_\_\_\_
  - c. Những Tá Điền \_\_\_\_\_
  - d. Những Nô Lệ \_\_\_\_\_
  - e. Con Trai \_\_\_\_\_
2. Tại sao phần trích của Thi Thiên 118 lại quá phù hợp ở đây (Mác 12:10)?
3. Tại sao ẩn dụ lại rất đáng chú ý (theo Mác 12:1-12) với dân Do Thái (theo Ma-thi-ơ 21:43- 44)? Cũng hãy tra xem Rô-ma 9-11 để đưa ra một kết luận quân bình.
4. Hãy tóm lược lại những lẽ thật trung tâm của những lời công bố của Đấng Christ.
  - a. Trong sự liên hệ đến những chính quyền dân sự (Mác 12:13-17)
  - b. Trong sự liên hệ đến sự sống lại (Mác 12:18-27)
  - c. Trong sự liên hệ đến luật pháp (Mác 12:28-34)
  - d. Trong sự liên hệ đến danh xưng "Con Vua Đa-vít " (Mác 12:35-40)
  - e. Trong sự liên hệ đến việc dâng hiến và sự kết ước (Mác 12:41-44)
5. Có phải có nhiều mức độ khác nhau của sự hình phạt (theo Mác 12:40)?

# MÁC 13

## NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Hủy Diệt Đền Thờ Được Báo Trước	Chúa Jesus Nói Tiên Tri về Sự Hủy Diệt Đền Thờ	Sự Hủy Diệt Giê-sa-lem trước	Chúa Jesus Nói về Sự Hủy Diệt Đền Thờ	Bài Giảng về Lai Thế Học: Phần Giới Thiệu
13:1-2	13:1-2	13:1-2	13:1-2	13:1-2
Sự Bắt Đầu của Những Sự Khốn Khổ	Các Dấu Hiệu của Thời Kỳ và Kỳ Tận Thế	Về Kỳ Tận Thế	Những Hoạn Nạn và Sự Bất Bớ	
13:3-13	13:3-13	13:3-13	13:3-8  13:9-13	13:3-4  Khởi Đầu của Những Sự Than Khóc 3:5-8 13:9-10 13:11-13
Con Đại Nạn	Con Đại Nạn		Sự Kinh Hoàng Đáng Sợ	Con Đại Nạn trên Giê-ru-sa-lem
13:14-23	13:14-23	13:14-23	13:14-20 13:21-23	13:14-20 13:21-23
Sự Trở Lại của Con Người	Sự Trở Lại của Con Người		Sự Trở Lại của Con Người	Sự Trở Lại của Con Người
13:24-27	13:24-27	13:24-27	13:24-27	13:24-27
Bài Học Từ Cây Vả	Ẩn Dụ về Cây Vả		Bài Học về Cây Vả	Thời Điểm Điều Này sẽ Đến
13:28-31	13:28-31	13:28-31	13:28-31	13:28-31
Ngày và Giờ Không Biết	Không Ai Biết Ngày hoặc Giờ		Không Ai Biết Ngày hoặc Giờ	
13:32-37	13:32-37	13:32-37	13:32-37	13:32 Hãy Tỉnh Thức 13:33-37

**CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")**

*THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN*

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh

sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để đổi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

## NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH

- A. Những đoạn Kinh Thánh lai thể học Tân Ước phản chiếu những ý tưởng tiên tri Cựu Ước nhìn về kỳ tận thế qua những sự kiện xảy ra đương thời. Chúa Jesus cũng đi theo khuôn mẫu này. Những nhà tiên tri Cựu Ước Mi-chê và Giê-rê-mi đã loan báo trước về sự sụp đổ thành Giê-ru-sa-lem và đền thờ như là một dấu hiệu của sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên một Y-sơ-ra-ên vô tín. Đức Chúa Trời sẽ gọi Các Dân Ngoại đến để xét đoán dân sự của Ngài và lấy đi vùng đất của họ. Giờ đây trong Tân Ước, dân sự của Đức Chúa Trời vẫn hành động trong sự vô tín. Họ chối bỏ Đấng Mê-si của Ngài. Họ sẽ bị tiêu diệt, cùng với đền thờ và thành phố của họ (SC 70 bởi Titus). Đất hứa của họ giờ đây được trao cho những dân khác (theo Mác 12:1-12, và đặc biệt là Mác 13:9, có vẻ như là những tín đồ người ngoại. Sự mạng dành cho Dân Ngoại được mô tả trong Mác 13:9-13).
- B. Ma-thi-ơ 24, Mác 13, và Lu-ca 21 rất khó để giải nghĩa bởi vì chúng trả lời cho một vài câu hỏi khác nhau cùng một lúc.
1. Khi nào đền thờ bị hủy diệt?
  2. Những dấu chỉ của sự trở lại của Đấng Mê-si là gì?
  3. Khi nào thời kỳ này kết thúc?
- C. Thể loại của lai thể học Tân Ước thường là một sự kết hợp của ngôn ngữ lai thể và tiên tri, vốn mơ hồ cách cố ý và rất giàu tính biểu tượng.
- D. Một vài đoạn Kinh Thánh trong Tân Ước (Ma-thi-ơ 24, Mác 13, Lu-ca 17 và 21, 1 và 2 Tê-sa-lô-ni-ca và Khải Huyền) nói về Sự Tái Lâm. Những phần Kinh Thánh này nhấn mạnh
1. Thời điểm chính xác của sự kiện thì không được biết, nhưng sự kiện này là chắc chắn
  2. Thế hệ cuối cùng sẽ biết thời điểm cách chung chung, nhưng không biết thời điểm cụ thể của những sự kiện
  3. Rằng nó sẽ xảy ra một cách bất thành linh và bất ngờ, không được dự đoán trước
  4. Rằng mỗi thế hệ tín đồ phải luôn cầu nguyện, sẵn sàng, và trung tín với các nhiệm vụ được giao
- E. Sự tập chú trước tiên của đoạn này vào những lời khuyên thiết thực (19 thể mệnh lệnh), không chỉ ghim vào thời điểm chính xác hay là trình tự theo thời gian của những sự kiện của Sự Tái Lâm.
- F. Hai cụm từ quan trọng then chốt là (1) "hãy canh giữ" (Mác 13:5,9,23,33) và (2) "vẫn chưa đến" (Mác 13:7,10). Hai tiêu điểm song song của "hãy sẵn sàng" và "hãy chờ đợi cách kiên nhẫn" được quân bình cùng với cặp nghịch lý của "đã đến" và "chưa đến."

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG LỜI TIÊN BÁO VỀ TƯƠNG LAI TRONG CỰU ƯỚC VÀ TÂN ƯỚC (Tại sao các Cơ Đốc Nhân lại Có Quá Nhiều Sự Giải Nghĩa Giáo Điều)**

Xuyên suốt qua nhiều năm học của tôi về lai thể học, tôi đã nhận ra rằng phần lớn Cơ Đốc Nhân không có hoặc không muốn biết về một niên đại học về ngày cuối cùng được phát triển, hệ thống đầy đủ. Có một vài Cơ Đốc Nhân là những người tập chú hoặc chọn chuyên đề này vì những lý do thần học, tâm lý học hoặc hệ phái. Những Cơ Đốc Nhân này có vẻ trở nên bị ám ảnh về việc tất cả sẽ kết thúc như thế nào, và vì vậy trong cách nào đó đã mất đi sự thúc đẩy mạnh mẽ của phúc âm! Các tín đồ không thể tác động đến thời điểm của lai thể học (ngày cuối cùng) thuộc về Đức Chúa Trời, nhưng họ có thể tham gia vào mạng lệnh phúc âm (Ma-thi-ơ 28:19-20;



Lu-ca 24:47; Công vụ 1:8). Phần lớn các tín đồ đều xác quyết về Lần Đến Thứ Hai của Đấng Christ và một sự cực độ ngày-cuối-cùng của những lời hứa của Đức Chúa Trời. Những vấn đề giải kinh bắt đầu xuất hiện từ việc chúng ta hiểu như thế nào sự cực độ tạm thời này bắt nguồn từ một vài những nghịch lý theo Kinh thánh.

1. sự giằng co (tension) giữa những khuôn mẫu mang tính tiên tri theo Giao ước Cũ và những khuôn mẫu mang tính sứ đồ theo Giao Ước Mới
2. sự giằng co giữa chủ nghĩa độc thần của Kinh Thánh (Đức Chúa Trời chỉ một cho tất cả) và sự chọn lựa của Y-sơ-ra-ên (một dân tộc đặc biệt)
3. sự giằng co giữa khía cạnh điều kiện của những giao ước kinh thánh và những lời hứa (“nếu. . .thì”) và sự thành tín không điều kiện của Đức Chúa Trời đối với sự cứu chuộc con người sa ngã.
4. sự giằng co giữa thể loại văn học Cận Đông so với các khuôn mẫu văn học phương tây hiện đại
5. sự giằng co giữa Vương quốc của Đức Chúa Trời ngay trong hiện tại nhưng vẫn còn đến trong tương lai
6. sự giằng co giữa niềm tin về sự trở lại của Đấng Christ sẽ sắp xảy ra và niềm tin rằng nhiều sự kiện sẽ phải xảy ra trước.

Chúng ta hãy bàn luận về những sự giằng co này cùng một lần.

### **ĐỐI NGHỊCH ĐẦU TIÊN** (Các khái niệm chủng tộc, quốc gia, và địa lý của Cựu Ước so với tất cả các tín hữu trên thế giới)

Các tiên tri Cựu ước tiên báo một sự phục hồi vương quốc Do thái ở Pa-léc-tin có trung tâm là Giê-ru-sa-lem là nơi mà mọi nước trên đất họp lại để tôn vinh và phục vụ một nhân vật thuộc dòng dõi Đa-vít cầm quyền, nhưng Chúa Giê-xu cũng như các sứ đồ trong Tân ước không bao giờ tập trung vào chương trình này. Có phải Cựu ước cũng được linh cảm (Ma-thi-ơ 5:17-19)? Có phải các tác giả Tân ước đã bỏ qua những sự kiện quan trọng trong thời kỳ cuối cùng?

Các tài liệu cho biết về thời kỳ cuối cùng của thế giới gồm có:

1. Các tiên tri Cựu Ước (Ê-sai, Mi-chê, Ma-la-chi)
2. Các tác giả thể loại văn chương tận thế trong Cựu Ước (xem Ê-xê-chi-ên 37-39; Đa-ni-ên 7-12; Xa-cha-ri)
3. Các tác giả Do thái thuộc thể loại văn chương tận thế thời kỳ giữa hai giao ước (intertestament), không được kể là Kinh thánh (non-canonical) như sách I Hê-nóc được nhắc đến trong sách Giu-đe
4. Chính Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 24; Mác 13; Lu-ca 21)
5. Các thư tín của Phao-lô (xem I Cô-rinh-tô 15; II Cô-rinh-tô 5; I Tê-sa-lô-ni-ca 4-5; II Tê-sa-lô-ni-ca 2)
6. Các sách của Giảng (sách I Giảng và Khải huyền)

Có phải tất cả các tài liệu này đều dạy rõ ràng về thời kỳ cuối cùng (các sự kiện liên quan, mốc thời gian, các nhân vật)? Nếu không thì tại sao không? Có phải tất cả đều được linh cảm (ngoại trừ các sách viết ở thời kỳ giữa hai giao ước của người Do thái)?

Thánh Linh bày tỏ lẽ thật cho các tác giả Cựu ước bằng các từ ngữ và thể loại mà họ có thể hiểu được. Tuy vậy, qua sự mặc khải diễn tiến (progressive revelation), Thánh Linh đã mở rộng các khái niệm lai thể học trong Cựu ước đến một mức độ phổ quát hơn (“sự mâu nhiệm của Đấng Christ, xem Ê-phê-sô 2:11-3:13. Xem Chủ Đề Đặc Biệt trong 10:7).

Sau đây là các ví dụ có liên quan:

1. Thành Giê-ru-sa-lem trong Cựu Ước được dùng làm biểu tượng cho dân sự của Đức Chúa Trời (thành Si-ôn) nhưng được hiện lên trong Tân Ước như một thuật ngữ chỉ việc Đức Chúa Trời đón nhận tất cả những người ăn năn, tin nhận Ngài (thành Giê-ru-sa-lem mới trong Khải huyền 21-22). Sự mở rộng thần học từ một cái thành thuộc vật chất, theo nghĩa đen trở nên một dân của Đức Chúa Trời (gồm cả người ngoại bang và những tín hữu Do Thái) ám chỉ lời hứa của Đức Chúa Trời muốn cứu nhân loại sa ngã trong Sáng thế ký 3:15, ngay cả trước khi có một người Do thái hay một cái thành nào của người Do thái. Ngay đến sự kêu gọi Áp-ra-ham (xem Sáng thế Ký 12:1-3) cũng bao gồm dân ngoại trong đó (Sáng thế ký 12:3; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5).
2. Trong Cựu ước, các kẻ thù của dân sự Đức Chúa Trời là các nước lân bang trong vùng Cận đông cổ đại, nhưng trong Tân ước, nó được mở rộng ra để chỉ tất cả những người vô tín, chống nghịch

Đức Chúa Trời, và bị Sa-tan xui khiến. Cuộc chiến đã chuyển từ một sự xung đột địa phận, địa lý đến một sự xung đột trên khắp thế giới, vũ trụ (xem Cô-lô-se).

3. Lời hứa về một vùng đất nguyên vẹn trong Cựu ước (lời hứa cho Các tổ phụ trong Sáng thế Ký 12:7; 13:15; 15:7-15; 17:8) giờ đây đã trở thành lời hứa cho cả trái đất. Giê-ru-sa-lem mới từ trời giáng xuống trái đất được tái tạo, không phải chỉ dành riêng cho vùng Cận đông (Khải huyền 20-22).
4. Một số khái niệm tiên tri khác trong Cựu ước cũng được mở rộng, ví dụ như:
  - a. Dòng dõi Áp-ra-ham giờ đây những người được cắt bì thuộc linh (Rô-ma 2:28-29);
  - b. dân sự giao ước hiện nay bao gồm cả dân ngoại bang (xem Ô-sê 1:10; 2:23, trích dẫn trong Rô-ma 9:24-26; cũng như Lê-vi Ký 26:12; Xuất Ê-díp-tô Ký 29:45, trích dẫn trong II Cô-rinh-tô 6:16-18 và Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5; Phục truyền Luật lệ Ký 14:2 được trích dẫn trong Tít 2:14);
  - c. đền thờ bây giờ là Chúa Giê-xu (xem Ma-thi-ơ 26:61; 27:40; Giăng 2:19-21) và qua Ngài mà Hội thánh địa phương (xem I Cô-rinh-tô 3:16) và cá nhân tín hữu cũng là đền thờ (xem I Cô-rinh-tô 6:19) và
  - d. ngay cả dân Y-sơ-ra-ên và các cụm từ mô tả các đặc tính của họ giờ đây cũng để chỉ toàn thể dân sự của Đức Chúa Trời ( “Y-sơ-ra-ên” trong Rô-ma 9:6; Ga-la-ti 6:16; “nước thầy tế lễ” trong I Phi-e-rơ 2:5, 9-10; Khải huyền 1:6)

Kiểu mẫu chung cho lời tiên tri đã được ứng nghiệm, mở rộng và giờ đây bao gồm nhiều hơn. Chúa Giê-xu và các sứ đồ viết Kinh thánh không trình bày thời kỳ cuối cùng như cách các tiên tri Cựu ước đã làm (xem sách của Martin Wyngaarden, *The Future of the Kingdom in Prophecy and Fulfillment*). Khi tìm cách giải nghĩa cái kiểu mẫu Cựu ước theo nghĩa đen hay khép nó vào một tiêu chuẩn, một số nhà giải kinh hiện đại đã làm méo mó sách Khải huyền, khiến nó trở nên một quyển sách thuộc về Do thái và gượng ép ý nghĩa trong một số câu nói mơ hồ, phân tán của Phao-lô và Chúa Giê-xu. Các tác giả Tân ước không bỏ qua các lời tiên tri Cựu ước, nhưng cho thấy hàm ý phổ quát cuối cùng của nó. Không có một hệ thống sắp xếp hợp lý về quan điểm tận thế của Chúa Giê-xu và Phao-lô. Chủ đích chính của cả hai là cứu rỗi hay là mục vụ.

Tuy nhiên, ngay cả trong Tân Ước vẫn có sự đối nghịch. Không có việc hệ thống hóa rõ ràng về những sự kiện lai thế. Có nhiều cách thức nhưng điều kỳ lạ (ngạc nhiên) là sách Khải huyền lại sử dụng những biểu tượng Cựu Ước thay vì những lời dạy của Chúa Giê-xu bày tỏ về sự tận thế (xem Ma-thi-ơ 24; Mác 13). Nó đi theo một thể loại văn học bắt đầu từ Ê-xê- chi-ên, Đa-ni-ên, và Xa-cha-ri, nhưng phát triển trong thời kỳ giữa hai giao ước (thể loại văn học Khải thị của người Do Thái). Có thể đây là cách của Giăng để liên kết Giao Ước cũ và mới. Nó cho thấy khuôn mẫu lâu đời giữa sự nổi loạn của con người và lời bảo đảm cứu chuộc của Đức Chúa Trời. Nhưng cần phải lưu ý rằng mặc dù sách Khải huyền sử dụng ngôn ngữ, nhân vật và sự kiện từ Cựu Ước, nhưng nó giải thích lại theo khung cảnh là đế quốc Rô- ma trong thế kỷ thứ nhất (xem Khải huyền 1:7).

## **ĐỐI NGHỊCH THỨ HAI** (thuyết độc thần với một tuyến dân)

Sự nhân mạnh của Kinh thánh là có một Đức Chúa Trời thần linh, có thân vị là Đấng sáng tạo và cứu chuộc (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 8:10; Ê-sai 44:24; 45:5-7,14,18,21-22; 46:9; Giê-rê-mi 10:6-7). Sự độc đáo của Cựu Ước trong thời điểm của nó là thuyết độc thần. Tất cả các quốc gia lân cận đều theo đa thần. Tính độc nhất của Đức Chúa Trời là tâm điểm của sự mặc khải trong Cựu Ước (xem Phục truyền Luật lệ Ký 6:4). Sự sáng tạo là một giai đoạn cho mục đích hình thành sự tương giao giữa Đức Chúa Trời và nhân loại, được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời (xem Sáng thế Ký 1:26-27). Tuy nhiên, con người nổi loạn, phạm tội chống lại tình thương, chủ đích và quyền lãnh đạo của Đức Chúa Trời (xem Sáng thế Ký 3). Tình thương và chủ đích của Đức Chúa Trời dành cho con người thật mạnh mẽ và vững bền khiến Ngài hứa cứu chuộc con người sa ngã (xem Sáng thế Ký 3:15).

Sự căng thẳng này sinh khi Chúa chọn để sử dụng một người, một gia đình, một quốc gia để tiếp cận với phần còn lại của nhân loại. Việc Chúa chọn lựa Áp-ra-ham và dân Do Thái như một vương quốc của các thầy tế lễ (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 19:4-6) gây ra sự kiêu ngạo, thay vì sự phục vụ, tách biệt ra thay vì gồm chung lại. Sự kêu gọi Áp-ra-ham của Chúa có cả chủ định chúc phước cho cả nhân loại (xem Sáng thế Ký 12:3). Cần phải nhớ và nhấn mạnh rằng sự chọn lựa trong Cựu Ước là cho sự phục vụ chứ không phải cho sự cứu rỗi. Tất cả Y-sơ-ra-ên chưa bao giờ được xứng đáng trước Chúa, không bao giờ được cứu rỗi đời đời chỉ dựa vào quyền thừa kế của mình (xem Giăng 8:31-59; Ma-thi-ơ 3:9), nhưng bởi đức tin cá nhân và sự vâng lời (xem Sáng thế Ký 15:6, được trích dẫn trong Rô-ma 4). Y-sơ-ra-ên đã

để vượt mất sự mạng của mình (giờ đây Hội thánh chính là nước thầy tế lễ, xem Khải huyền 1:6; II Phi-e-rơ 2:59) biến sự ủy nhiệm thành đặc quyền, biến sự phục vụ thành một địa vị đặc biệt. Đức Chúa Trời đã chọn một người để lựa chọn tất cả mọi người!

### **ĐỐI NGHỊCH THỨ BA** (giao ước có điều kiện so với giao ước vô điều kiện)

Có một sự căng thẳng, đối nghịch trong thần học giữa giao ước có điều kiện và giao ước không điều kiện. Điều chắc chắn đúng đó là mục đích và kế hoạch cứu rỗi của Đức Chúa Trời là vô điều kiện (xem Sáng thế Ký 15:12-21). Tuy nhiên, đáp ứng bắt buộc nơi con người thì luôn luôn là có điều kiện.

Cái mẫu “nếu...thì” xuất hiện trong cả Cựu Ước và Tân Ước. Đức Chúa Trời là thành tín, nhân loại thì thất tín. Sự đối nghịch này đã gây ra nhiều nhầm lẫn. Các nhà giải kinh có xu hướng chỉ tập trung vào một phương diện của sự đối nghịch này: sự thành tín của Đức Chúa Trời hay cố gắng của con người, hoặc quyền tể trị của Chúa hay ý chí tự do của con người. Cả hai phương diện đều là cần thiết và dựa từ Kinh Thánh.

Điều này liên quan đến thuyết lai thể, về lời hứa của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước với Y-sơ-ra-ên. Nếu Chúa đã hứa thì điều đó là chắc chắn, đúng không? Chúa thì chắc chắn thì hành lời hứa của Ngài; vì có liên quan đến danh của Ngài (xem Ê-xê-chi-ên 36:22-38). Các giao ước có điều kiện và vô điều kiện được đáp ứng trong Đấng Christ (xem Ê-sai 53), chứ không phải trong Y-sơ-ra-ên. Sự thành tín tuyệt đối của Đức Chúa Trời ở chỗ sự cứu chuộc cho tất cả những người sẽ ăn năn và tin cậy, chứ không phải cha mẹ của bạn là ai. Đấng Christ, chứ không phải Y-sơ-ra-ên, là chìa khóa cho tất cả các giao ước và những lời hứa của Chúa. Về phương diện thần học trong Kinh Thánh nếu có cái gì xen vào (kế hoạch), thì đó là Y-sơ-ra-ên chứ không phải Hội thánh (xem Công vụ 7 và Ga-la-ti 3).

Sự mạng công bố Phúc âm khắp toàn cầu đã truyền lại cho Hội Thánh (xem Ma-thi-ơ 28:19-20; Lu-ca 24:47; Công vụ 1:8). Nhưng nó vẫn là một giao ước có điều kiện. Điều này không có nghĩa là Chúa đã hoàn toàn từ bỏ người Do Thái (xem Rô-ma 9-11). Có thể có một vị trí và mục đích cho cho dân Y-sơ-ra-ên trở lại tin (Chúa Giê-xu) lúc tận thế (xem Xa-cha-ri 12:10).

### **ĐỐI NGHỊCH THỨ TƯ** (khuôn mẫu văn học vùng Cận Đông so với khuôn mẫu văn học Tây Phương)

Thể loại (văn chương) là một yếu tố quan trọng trong việc giải thích chính xác Kinh Thánh. Hội thánh được phát triển trong một môi trường văn hóa phương Tây (Hy Lạp). Văn học Đông phương thì dùng nhiều hình ảnh, tính ẩn dụ, và tượng trưng hơn so với hình thức (mẫu) văn học, văn hóa hiện đại Tây phương. Nó tập trung vào con người, những cuộc gặp gỡ và sự kiện hơn là những sự thật được đặt định cho xã hội. Các Cơ đốc Nhân thường sai phạm khi sử dụng theo kiểu mẫu lịch sử và các văn học của họ để giải thích các lời tiên tri trong Kinh Thánh (cả Cựu Ước và Tân Ước). Mỗi thời đại và khu vực địa lý đã sử dụng văn hóa, lịch sử của họ và suy đoán theo nghĩa đen để giải nghĩa sách Khải Huyền. Tất cả họ đều đã sai lầm. Thật là kiêu ngạo khi nghĩ rằng văn hóa phương Tây hiện đại là trọng tâm của lời tiên tri trong Kinh Thánh.

Thể loại trong nguyên tác mà tác giả được linh cảm chọn để viết là một quy ước văn học với người đọc. Sách Khải Huyền không phải là câu chuyện lịch sử. Nó là sự kết hợp của các lá thư (chương 1-3), lời tiên tri và chủ yếu là thể loại văn chương khai thị. Thật là sai trật khi khiến cho Kinh Thánh nói nhiều hơn hay ít hơn những gì tác giả ban đầu dự định. Sự kiêu ngạo và chủ nghĩa giáo điều của các nhà giải kinh càng không thích hợp cho một cuốn sách như sách Khải Huyền.

Hội thánh chưa bao giờ đồng ý về một giải nghĩa hợp lý. Quan tâm của tôi là để lắng nghe và đối diện với toàn bộ Kinh Thánh chứ không phải một số phần được chọn lọc. Lỗi suy nghĩ Đông phương của Kinh Thánh trình bày sự thật trong những cặp đôi đầy đối nghịch. Xu hướng (suy nghĩ theo Tây phương) của chúng ta hướng về sự thật theo định đề có sẵn không phải là không có giá trị, nhưng là không được quân bình. Tôi nghĩ rằng có thể loại bỏ ít nhất là một số bế tắc trong việc giải nghĩa Khải Huyền bằng cách lưu ý đến chủ đích đang thay đổi của các thế hệ tín hữu kế tiếp nhau. Rất rõ ràng cho đa số các nhà giải kinh là sách Khải Huyền phải được giải thích căn cứ vào thời đại và thể loại riêng của nó. Tiếp cận sách Khải Huyền theo phương diện lịch sử cần phải lý giải những gì độc giả đầu tiên hiểu và có thể hiểu. Trong nhiều phương diện, các nhà giải kinh hiện đại đã làm mất ý nghĩa của nhiều biểu tượng trong cuốn sách. Sự quan tâm chính ban đầu của sách Khải Huyền là để khích lệ các tín hữu bị bắt bớ. Nó cho thấy sự kiểm soát của Đức Chúa Trời trên lịch sử (cũng như các tiên tri Cựu Ước đã làm), nó khẳng định rằng lịch sử đang hướng tới một thời điểm chung kết: sự phán xét hay là sự ban phúc lành (cũng giống như

các tiên tri Cựu Ước nói). Bằng những từ ngữ của thể loại văn chương khái thị của người Do thái trong thế kỷ đầu tiên, nó khẳng định tình yêu thương, sự hiện diện, quyền năng, và sự tể trị của Đức Chúa Trời.

Nó giữ chức năng (theo phương diện thần học) này đối với mọi thể hệ tín hữu. Nó mô tả sự tranh chiến trong vũ trụ giữa thiện và ác. Dù cho nhiều chi tiết trong thế kỷ đầu tiên có thể không còn lại cho chúng ta, nhưng các lẽ thật mạnh mẽ, an ủi thì vẫn còn. Khi các nhà giải kinh phương tây hiện đại cố gắng ép buộc các chi tiết của sách Khải Huyền phù hợp với lịch sử đương đại của mình, thì kiểu loại cho những giải thích sai lầm lại tiếp tục.

Vẫn có thể là các chi tiết của sách sẽ ứng nghiệm thấy được theo nghĩa đen một lần nữa (giống như khi Cựu Ước nói đến sự ra đời, đời sống và sự chết của Đấng Christ) cho thể hệ các tín hữu cuối cùng khi họ phải đối mặt với sự tấn công của văn hóa và lãnh tụ chống nghịch với Chúa (xem II Tê-sa-lô-ni-ca 2). Không ai có thể biết những sự ứng nghiệm theo nghĩa đen của sách Khải Huyền cho đến khi những lời của Chúa Giê-xu (xem Ma-thi-ơ 24; Mác 13; và Lu-ca 21) cũng như Phao-lô (xem I Cô-rinh-tô 5, I Tê-sa-lô-ni-ca 4-5; và II Tê-sa-lô-ni-ca 2) trở thành những chứng cứ lịch sử. Phỏng đoán, suy diễn và chủ nghĩa giáo điều đều không phù hợp. Văn chương khái thị cho phép có sự linh hoạt này. Tạ ơn Chúa vì những hình ảnh và biểu tượng vượt khỏi tường thuật lịch sử. Đức Chúa Trời đang kiểm soát, Ngài cai trị, Ngài sẽ đến.

Hầu hết các sách giải kinh hiện đại để mất đi điểm chính yếu của thể loại này. Các nhà giải kinh phương Tây hiện đại thường tìm kiếm một hệ thống thần học rõ ràng, hợp lý hơn là bằng lòng với cách tượng trưng không rõ ràng, có tính kịch nghệ trong thể loại văn chương khái thị của người Do Thái. Sự thật này được trình bày rõ ràng do Ralph P. Martin trong bài viết của mình, “Approaches to New Testament Exegesis,” trong quyển New Testament Interpretation được I. Howard Marshall ấn hành:

“Trừ khi chúng ta công nhận phẩm chất kịch nghệ của tác phẩm này và thay đổi lối suy nghĩ mà theo cách đó ngôn ngữ được sử dụng như một phương tiện để phơi bày lẽ thật tôn giáo, chúng ta sẽ sai lầm trầm trọng trong sự hiểu biết về sách Khải Huyền và sai lầm trong cố gắng để giải thích những khái tượng của nó như thể đó là một cuốn sách văn xuôi theo nghĩa đen và có liên quan đến việc mô tả các sự kiện của lịch sử chứng nghiệm được và xác định được niên đại. Cố gắng theo chiều hướng thứ hai là khiến mình rơi vào mọi nan đề của việc giải kinh. Nghiêm trọng hơn nó dẫn đến chỗ làm méo mó ý nghĩa chính yếu về sự tận thế và để vuột mất giá trị tuyệt vời trong phần này của Tân Ước như là một sự khẳng định kịch tính trong ngôn ngữ thơ ca huyền nhiệm về sự tể trị của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ và nghịch lý của việc cầm quyền của Ngài, nó hòa hợp quyền năng và tình yêu (xem 5:5-6; Sự tử chính lại là Chiên con)” (trang 235).

W.Randolph Tate trong quyển Biblical Interpretations của mình nói rằng:

“Không có thể loại (văn chương) nào khác của Kinh Thánh đã được đọc cách nhiệt thành nhưng kết quả lại thảm hại như là thể loại văn chương khái thị, đặc biệt là sách Đa-ni-nê và sách Khải Huyền. Thể loại này đã phải gánh chịu một lịch sử bất hạnh do việc giải nghĩa sai bởi sự hiểu lầm chính yếu về hình thức, cấu trúc và chủ đích văn học của nó. Bởi vì có lời tuyên bố là bày tỏ những gì sắp xảy ra nên thể loại văn chương khái thị đã bị xem như là bản chỉ dẫn đường, một bản chương trình chi tiết cho tương lai. Sự sai lầm bi thảm của quan điểm này là dám quả quyết rằng cốt truyện của sách là tương ứng cho thời đương đại của độc giả chứ không phải là thời đại của tác giả. Cách tiếp cận sai lầm về ngày tận thế này (đặc biệt là đối với Khải Huyền) xem tác phẩm như thể nó là một mật mã mà qua đó các sự kiện đương đại có thể được dùng để giải thích các biểu tượng trong bản văn... Trước tiên, người giải kinh phải thừa nhận rằng thể loại văn chương khái thị truyền đạt những sứ điệp của nó thông qua các biểu tượng. Giải nghĩa một biểu tượng theo nghĩa đen trong khi nó mang nghĩa ẩn dụ, đó là giải nghĩa sai. Vấn đề không phải là liệu các sự kiện trong văn chương khái thị là có phải là lịch sử hay không. Những sự kiện có thể là lịch sử thật, chúng có thể đã thực sự xảy ra hoặc có thể xảy ra, nhưng tác giả trình bày các sự kiện và truyền đạt ý nghĩa thông qua các hình ảnh và nguyên mẫu” (trang 137).

Theo quyển Dictionary of Biblical Imagery, do Ryken, Wilhost, và Longman III biên tập: “Độc giả ngày nay thường bị bối rối và khó xử bởi thể loại này. Các hình ảnh gây kinh ngạc cũng với những cảm nghiệm về các thứ không thuộc về thế giới này có vẻ quái dị và không đồng bộ với đa phần của Kinh Thánh. Chấp nhận thể loại văn chương này đúng theo

như bề ngoài khiến nhiều độc giả làm xáo trộn mọi thứ để xác định những gì sẽ xảy ra và xảy ra khi nào, do đó đánh mất đi ý định của sứ điệp Khải thị” (trang 35).

**ĐỐI NGHỊCH THỨ NĂM** (Vương quốc Đức Chúa Trời đã đến trong hiện tại cũng như sẽ đến trong tương lai)

Vương quốc Đức Chúa Trời ở trong hiện tại, nhưng sẽ ở tương lai. Nghịch lý thần học này tập chú vào điểm trọng tâm của lai thế học. Nếu một người kỳ vọng sự ứng nghiệm theo nghĩa đen của tất cả những lời tiên tri Cựu Ước cho Y-sơ-ra-ên, khi đó, Vương quốc trở thành hầu hết về sự phục hồi của Y-sơ-ra-ên thành một sự cục bộ địa lý và một sự ưu việt thần học! Điều này bắt buộc rằng Hội Thánh cần được cất lên một cách bí mật trong đoạn 5 và tất cả những đoạn còn lại đều liên hệ với Y-sơ-ra-ên (nhưng hãy chú ý Khải Huyền 22:16). Tuy nhiên, nếu sự tập chú vào vương quốc được khởi đầu bằng lời hứa Cựu Ước về Đấng Mê-si, khi đó (vương quốc) là hiện tại với sự đến lần thứ nhất của Đấng Christ, và khi đó sự tập chú trở nên sự nhập thể, cuộc đời, những dạy dỗ, sự chết, và sự sống lại của Đấng Christ. Sự nhấn mạnh thần học vào sự cứu rỗi hiện tại. Vương quốc đã đến, Cựu Ước được ứng nghiệm qua việc Đấng Christ ban sự cứu rỗi cho tất cả, không phải vào sự cai trị thiên hy niên của Ngài trên một số người!

Điều này chắc chắn đúng rằng Kinh Thánh phán cả về hai lần đến của Đấng Christ, nhưng ở đâu là điểm nhấn mạnh? Đối với tôi phần lớn những lời tiên tri Cựu Ước tập chú vào lần đến thứ nhất, sự thiết lập vương quốc Mê-si (Đa-ni-ên 2). Trong nhiều cách, điều này là tương đồng với sự cai trị đời đời của Đức Chúa Trời (Đa-ni-ên 7). Trong Cựu Ước sự tập chú vào sự cai trị đời đời của Đức Chúa Trời, nhưng cơ chế cho sự bày tỏ về sự cai trị đó chính là chức vụ của Đấng Mê-si ( I Cô-rinh-tô 15:26-27). Câu hỏi ở đây không phải là điều nào đúng; cả hai đều đúng, nhưng điểm nhấn mạnh là điểm nào? Phải thừa nhận rằng một số nhà giải kinh đã trở nên quá tập chú vào sự cai trị thiên hy niên của Đấng Mê-si ( Khải Huyền 20) và họ đã lỡ mất sự tập chú kinh thánh vào sự tể trị đời đời của Đức Chúa Cha. Sự cai trị của Đấng Christ là một sự kiện chuẩn bị. Cũng như hai lần đến của Đấng Christ không phải là hiển nhiên rõ ràng trong Cựu Ước, cũng không phải là một sự cai trị tạm thời của Đấng Mê-si!

Chìa khóa để đến với những bài giảng dạy của Chúa Giê-xu chính là vương quốc Đức Chúa Trời. Nó ở cả trong hiện tại (trong sự cứu chuộc và phục vụ), và trong tương lai (quyền năng và sự rộng khắp). Sách Khải Huyền, nếu như nó tập chú vào sự cai trị thiên hy niên của Đấng Christ, ( Khải Huyền 20), thì cũng là sự khởi đầu, chứ không phải sau cùng ( Khải Huyền 21-22). Không rõ ràng từ Cựu Ước rằng một sự cai trị tạm thời là cần thiết; cũng như là một hiện tượng hay một sự kiện, sự cai trị Mê-si ở trong Đa-ni-ên 7 là đời đời, không phải một ngàn năm (thiên hy niên).

**ĐỐI NGHỊCH THỨ SÁU** (Sự trở lại cận kề của Đấng Christ và *Sự-tái lâm (Parousia)* còn trì hoãn).

Hầu hết các tín đồ đều được dạy rằng Chúa Giê-xu sẽ trở lại sớm, bất thành linh, và đầy sự bất ngờ ( Ma-thi-ơ 10:23; 24:27,34,44; Mác 9:1; 13:30; Khải Huyền 1:1,3; 2:16; 3:11; 22:7,10,12,20). Những mối thể hệ tín đồ trông đợi cho đến nay vẫn chưa xảy ra! Sự sớm đến (tức thì) của sự trở lại Chúa Giê-xu là một lời hứa đầy quyền năng cho mỗi thế hệ, nhưng một thực tế là chỉ dành cho một thế hệ mà thôi (và đó là một thế hệ bị bắt bớ). Tín đồ phải sống một đời sống như là Ngài sẽ đến ngay trong ngày mai, nhưng hãy lên kế hoạch và thi hành Đại Mạng lệnh nếu như Ngài (Ma-thi-ơ 28:19-20) còn trì hoãn.

Một vài phân đoạn trong các Phúc âm ( Mác 13:10; Lu-ca 17:2; 18:8) và I, II Tê-sa-lô-ni-ca đều dựa trên sự trì hoãn của Lần Đến thứ Hai (*Parousia*). Có một vài sự kiện lịch sử cần phải xảy ra trước:

1. Giảng tin lành ra toàn cầu ( Ma-thi-ơ 24:14; Mark 13:10)
2. Sự xuất hiện của “con người Tội ác” ( Ma-thi-ơ 24:15; II Tê-sa 2; Khải Huyền 13)
3. cơn bắt bớ dữ dội ( Ma-thi-ơ 24:21,24; Khải Huyền 13)

Đây là một sự mơ hồ có mục đích ( Ma-thi-ơ 24:42-51; Mác 13:32-36)! Hãy sống mỗi một ngày như đây sẽ là ngày cuối cùng của bạn nhưng hãy lên kế hoạch và rèn luyện cho chức vụ tương lai!

## **SỰ NHẤT QUÁN VÀ QUÂN BÌNH**

Cần phải nói rằng các trường phái giải nghĩa lai thế học hiện đại đều bao gồm các nửa lẽ thật. Họ giải thích và giải nghĩa tốt một vài phần Kinh Thánh. Vấn đề nằm ở sự nhất quán và quân bình. Thường thì ở đó đều có một hệ thống được giả định trước sử dụng văn bản Kinh Thánh để lấp vào bộ xương thần học được thiết lập trước đó. Kinh Thánh không bày tỏ một hệ thống lai thế học chặt chẽ, theo trình tự thời gian và mang tính hệ thống. Nó giống như một tập ảnh gia đình. Các bức ảnh là thật, nhưng không phải lúc nào cũng theo thứ tự,

theo hệ thống, và trong một trình tự chặt chẽ, hợp lý, cần phải đặt chúng trở lại ở đâu. Yếu tố then chốt cho một sự giải kinh thích đáng cho sách Khải Huyền chính là chủ định của tác giả nguyên thủy được bày tỏ trong sự lựa chọn thể loại văn học của sách. Mọi nhà giải kinh cố gắng để mang vào những công cụ giải kinh của chính họ và những trình tự của các thể loại văn học khác của Tân Ước vào trong việc giải nghĩa sách Khải Huyền. Họ tập chú vào Cựu Ước thay vì cho phép những sự dạy dỗ của Chúa Jesus và Phao-lô thiết lập cấu trúc thần học và cho phép Khải Huyền hành động như là sự minh họa.

Tôi phải thừa nhận rằng tôi tiếp cận với quyền giải kinh Khải Huyền này với những sự sợ hãi và lo lắng, không phải bởi vì sự rửa sả trong Khải Huyền 22:18-19, nhưng bởi vì những mức độ tranh cãi về sự giải nghĩa sách này đã gây ra và còn tiếp tục gây ra ở giữa dân sự của Đức Chúa Trời. Tôi yêu mến sự mặc khải của Đức Chúa Trời. Nó thật sự đúng khi tất cả loài người là những người giả dối (Rô-ma 3:4)! Hãy sử dụng quyền giải kinh này như là một sự nỗ lực để gọi lên những suy nghĩ nhưng không phải là những định nghĩa xác định, như là những cột chỉ đường chứ không phải là một bản đồ, như là một” nêu như là” chứ không phải là “Đức Giê-hô-va phán vậy.” Tôi đã đối diện trực tiếp với những sự không thỏa đáng, định kiến, thiên lệch thần học của chính tôi. Tôi cũng đã nhìn thấy chúng ở những nhà giải kinh khác. Gần như mọi người tìm thấy ở Khải Huyền những gì họ trông đợi để nhìn thấy. Thể loại văn học này thêm vào chính nó để bị lạm dụng! Tuy nhiên, nó được đưa vào Kinh Thánh với một mục đích. Chỗ đứng của nó được bao gộp trong “Lời” không phải là một sự ngẫu nhiên. Nó có một thông điệp đến từ Đức Chúa Trời dành cho mỗi một con cái của Ngài và tất cả các thế hệ. Chúa muốn chúng ta hiểu được! Chúng ta hãy cùng nắm tay lại, không phải chia thành những nhóm định kiến; chúng ta hãy cùng xác quyết những gì rõ ràng và trung tâm, chứ không phải những gì có thể là, có lẽ là, có thể đúng. Nguyên Đức Chúa Trời giúp đỡ tất cả chúng ta

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THỂ LOẠI VĂN CHƯƠNG TẬN THỂ (Phần chủ đề đặc biệt này lấy từ tuyển tập giải kinh sách Khải Huyền.)**

Khải Huyền là một thể loại văn chương tận thể đặc biệt của người Do thái. Nó thường được sử dụng trong những gian đoạn lịch sử căng thẳng, xung đột để bày tỏ lòng tin quyết sự kiểm soát của Đức Chúa Trời trên dòng lịch sử và sự giải cứu dành cho dân sự của Ngài. Thể loại văn chương này có những đặc điểm

1. nhấn mạnh đến quyền cai trị phổ quát của Đức Chúa Trời (thuyết độc thần và thuyết định mệnh)
2. sự tranh chiến giữa thiện và ác, giữa đời này và đời sau (thuyết nhị nguyên)
3. sử dụng những chữ mật mã (thông thường xuất phát từ Cựu Ước hay là những tác phẩm thuộc thể loại tận thể của Do thái giáo trong giai đoạn giao thời sau khi Cựu Ước kết thúc nhưng trước khi Tân Ước bắt đầu)
4. đề cập đến những màu sắc, con số, thú vật đôi khi cả con người
5. dùng những khái tượng, giấc mơ như những cách thức để tương giao với thần linh.
6. tập trung chú trọng vào sự tận thể (thời đại mới)
7. dùng những nhóm biểu tượng cố định, không phải thực tại để truyền đạt những sứ điệp tận thể
8. Một số ví dụ của thể loại này
  - a. Cựu Ước
    - (1) Ê-sai 24-27, 56-66
    - (2) Ê-xê-chi-ên 37-48
    - (3) Đa-ni-ên 7-12
    - (4) Giô-ên 2:28-3:21
    - (5) Xa-cha-ri 1-6, 12-14
  - b. Tân Ước
    - (1) Ma-thi-ơ 24, Mác 13, Lu-ca 21, và I Cô-rinh-tô 15 (trong vài phương diện)
    - (2) II Tê-sa-lô-ni-ca 2 (trong hầu hết các khía cạnh)
    - (3) Khải Huyền (chương 4-22)
  - c. Những sách không được kinh điển (dựa theo *The Method and Message of Jewish Apocalyptic*, của D. S. Russell, trang 37-38)
    - (1) I Hê-nóc, II Hê-nóc (những bí mật của Hê-nóc)

- (2) Jubilees
- (3) Những lời tiên tri của Sibylline III, IV, V
- (4) Giao ước của mười hai Tổ phụ
- (5) Những Thi-thiên của Sa-lô-môn
- (6) Sự thăng thiên của Mô-i-se
- (7) Sự tuận đạo của Ê-sai
- (8) Sự tận thế theo Mô-i-se (cuộc đời của A-đam và Ê-va)
- (9) Sự tận thế theo Áp-ra-ham
- (10) Giao ước của Áp-ra-ham
- (11) II Esdras (IV Esdras)
- (12) Ba-rúc II, III

9. Có mặt các thực tại đối nghịch trong thể loại này: nhị nguyên luận, đối lập, hoặc nghịch lý ( thường đặc trưng cho văn tự của Giảng):
- a. Trời - đất
  - b. Thời đại xấu xa (người xấu, linh xấu) - thời đại công nghĩa tốt lành (người tốt, linh tốt)
  - c. sự sống ngày nay - sự sống tương lai

Tất cả các thực tại này đang tiến về điểm chung kết, được định mệnh bởi Đức Chúa Trời. Đây không phải thể giới mà Đức Chúa Trời dự định, nhưng Ngài luôn dự bị, hành động và áp đặt mục đích của mình cho đến khi mỗi liên hệ con người – Thiên Chúa được phục hồi như trong vườn Ê-đen. Đấng Christ đến trong chương trình của Đức Chúa Trời. Hai “sự đến” của Ngài (Giáng Sinh và Tái Lâm) đem lại tình trạng các nhị nguyên hiện nay.

**DÀN Ý CÓ KHẢ NĂNG TRONG SỰ LIÊN HỆ VỚI NHỮNG CÂU HỎI CỦA CÁC MÔN ĐỒ** (được lấy từ quyển *Answers to Questions*, được viết bởi E. F. Bruce tại trang 57)

- I. Những cảnh báo chống lại sự lầm lạc, bị lừa dối (Mác 13:5-8)
- II. Những lời tiên tri về sự bắt bớ (Mác 13:9-13)
- III. Sự hủy diệt trên Giê-ru-sa-lem (Mác 13:14-23)
- IV. Sự trở lại của Đấng Christ (Mác 13:24-27)
- V. Sự dạy dỗ cần phải tinh thức trong hoàn cảnh đương thời của họ vốn dẫn đến sự hủy diệt thành Giê-ru-sa-lem (Mác 13:28-31, thể hệ này, Mác 13:34)
- VI. Sự dạy dỗ cần phải tinh thức cho ngày Chúa trở lại (Mác 13:32-37; không ai biết nhưng Cha biết, Mác 13:36)
- VII. F. F. Bruce cho rằng Mác 13 song hành với sáu ấn đầu của Khải Huyền 6 (ở trang 57 và 138)

### NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 13:1-2

<sup>1</sup> Khi Đức Chúa Jêsus vừa ra khỏi đền thờ, một môn đồ thưa với Ngài: “Thưa Thầy, Thầy xem kìa, những tảng đá to lớn và các tòa nhà vĩ đại làm sao!” <sup>2</sup> Đức Chúa Jêsus đáp: “Con thấy những tòa nhà này vĩ đại ư? Rồi đây sẽ không còn viên đá nào chồng trên viên đá nào nữa. Tất cả đều sẽ bị đổ xuống.”

**13:1 " đền thờ "** Đây là từ (*hieron*) chỉ về toàn bộ khu vực đền thờ. Chúa Jesus đã bắt đầu dạy dỗ tại đó từ những sự kiện trong Mác 11 (theo Ma-thi-ơ 26:55). Những tòa nhà đã trở thành một niềm hy vọng Do Thái rất lớn, một biểu tượng cho tình yêu độc quyền của Đức Chúa Trời dành cho Y-sơ-ra-ên (Giê-rê-mi 7; Giảng 8:31-59).

▣ **" một môn đồ "** Đó có thể là Phi-e-rơ (theo Mác 13:3). Giảng Mác có thể đã đem lại cho chúng ta hồi ức của Phi-e-rơ về những lời phán của Chúa Jesus. Đây là phần dạy dỗ dài nhất trong Phúc Âm Mác.

▣ **" những tảng đá to lớn "** Cụm từ này nguyên văn là "những hòn đá khổng lồ." Josephus cho chúng ta biết rằng Vua Hê-rôt Đại Đế đã sử dụng tảng đá vôi hoặc *mez eh* được mài nhẵn và đánh bóng có nguồn gốc địa phương tại khu vực này. Chúng có kích thước 25 x 8 x 12 cu-bít (theo *Antiquities* 15.11.3). Các tảng đá có hình dáng và chất liệu tương tự vẫn có thể được thấy tại bức tường than khóc tại Giê-ru-sa-lem.

▣ "" **các tòa nhà vĩ đại** "" Cụm từ này nguyên văn là "các công trình không lồ." Chúng là những tảng đá vôi trắng được đánh bóng nhẵn với vàng được trang trí bằng vàng. Dự án công trình không lồ và xa hoa này có mục đích xoa dịu dân Do Thái vốn đã nổi giận với việc một người Y-đu-mê trở thành vua của họ. Sự tu bổ và mở rộng này bắt đầu từ năm 20/19 T.C và hoàn tất vào năm 63/64 SC (theo Josephus trong *Antiquities* 15.11.1-7; *Wars* 5.5.1-6).

**13:2 "" không còn viên đá nào chồng trên viên đá nào nữa ""** Cụm từ này có hai thể phụ định kép với lối cầu khẩn. Không còn sự phủ định ngữ pháp nào mạnh mẽ hơn nữa có thể xảy ra trong ngôn ngữ Hy Lạp! Điều này nói về sự hủy diệt hoàn toàn. Câu này đã phải làm cho họ chết điếng người! Josephus cho chúng ta biết rằng vào năm 70 SC người La Mã đã hủy diệt di chỉ này cách hoàn toàn đến nỗi mà một người nó thể cày trên mặt đất như một đám ruộng (Mi-chê 3:12; Giê-rê-mi 26:18).

Có một vài bản thảo tiếng Hy Lạp khác biệt liên hệ đến cụm từ này. Một cách đi theo cách dùng từ trong Ma-thi-ơ 24:2 được tìm thấy trong bản thảo tiếng Hy Lạp ông-xi-an 8, B, L, và W. Cách kia đi theo cách dùng từ của Lu-ca 21:6 được thấy trong bản MS A và bản Vulgate. UBS4 đi theo cách dùng từ của Ma-thi-ơ 24:2, vốn thêm vào một trợ động từ "ở đây" hoặc "tại nơi này."

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 13:3-8**

<sup>3</sup> Khi Ngài đang ngồi trên núi Ô-liu, đối diện với đền thờ, Phi-e-rơ, Gia-cơ, Giăng, và Anh-rê đến hỏi riêng Ngài: <sup>4</sup> "Xin Thầy nói cho chúng con biết lúc nào các điều ấy xảy đến, và có dấu hiệu nào để biết thời điểm kết thúc tất cả các việc ấy không?" <sup>5</sup> Đức Chúa Jêsus bắt đầu nói với họ: "Hãy cảnh giác, đừng để ai lừa dối các con. <sup>6</sup> Vì có nhiều kẻ sẽ mạo danh Ta mà đến và nói rằng: 'Chính ta là đấng ấy!' và chúng sẽ lừa dối nhiều người. <sup>7</sup> Khi các con nghe nói về chiến tranh và tin đồn về chiến tranh thì đừng bối rối; việc ấy phải xảy đến, nhưng chưa phải là cuối cùng đâu. <sup>8</sup> Vì dân này sẽ nổi lên nghịch lại dân khác, nước nọ chống với nước kia. Sẽ có động đất nhiều nơi, và đói kém xảy ra. Đây mới chỉ là khởi điểm của những khôn khô mà thôi."

**13:3 " ngồi trên núi Ô-liu "** Rặng núi này cách khoảng 2.5 dặm từ phía đông nhìn xuống (khoảng 300-400 bộ cao hơn) Giê-ru-sa-lem và khu vực đền thờ.

▣ "" **Phi-e-rơ, Gia-cơ, Giăng, và Anh-rê** "" Chỉ có Phúc Âm Mác đề cập đến chi tiết này. Đây có lẽ là một trong những kỷ niệm chứng kiến tận mắt của Phi-e-rơ.

**13:4 "" lúc nào các điều ấy xảy đến, và có dấu hiệu nào để biết thời điểm kết thúc tất cả các việc ấy không""** Ma-thi-ơ 24:3 ghi chép lại những câu hỏi mở rộng. Có một vài sự kiện mà những môn đồ muốn được biết về: (1) thời điểm hủy diệt đền thờ; (2) thời điểm của Sự Tái Lâm; và (3) thời điểm của sự tận thế. Các môn đồ có lẽ đã nghĩ rằng cả ba sự kiện này sẽ xảy ra trong cùng một thời điểm. Chú ý cách Chúa Jesus đã kết hợp sự kiện đương thời và lai thế với nhau, giống như cách mà các tiên tri Cựu Ước đã làm.

#### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG TRẢ LỜI CHO HAI CÂU HỎI CỦA CÁC MÔN ĐỒ LIÊN QUÁN ĐẾN SỰ TÁI LÂM CỦA Đấng CHRIST TRONG MA-THI-Ơ 24:3**

(theo F. F. Bruce trong quyển *Answers to Questions*, trang 57).

A. Một sự cảnh báo chống lại sự lừa dối, bởi các tiên tri giả hoặc những thảm họa kinh khiếp, dẫn đến việc nghĩ rằng nó chính là sự cuối cùng

1. Ma-thi-ơ. 24:4-8
2. Mác 13:5-8
3. Lu-ca 21:8-11

B. Một lời tiên tri về sự bắt bớ và lời hứa về sự giúp đỡ

1. Ma-thi-ơ 24:9-14
2. Mác 13:9-13
3. Lu-ca 21:12-19

C. Một câu trả lời cho câu hỏi đầu, liên hệ đến sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem và sự tản lạc dân cư nó



1. Ma-thi-ơ 24:15-28
2. Mác 13:14-23
3. Lu-ca 21:20-24

D. Một trả lời cho câu hỏi thứ hai, mô tả về sự tái lâm của Đấng Christ

1. Ma-thi-ơ 24:29-31
2. Mác 13:24-27
3. Lu-ca 21:20-24

E. Một lời dạy dỗ về sự sẵn sàng, canh giữ trong tình huống sẽ dẫn đến sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem

1. Ma-thi-ơ 24:32-35
2. Mác 13:28-31
3. Lu-ca 21:29-33

F. Một lời dạy dỗ về sự sẵn sàng, canh giữ cho sự trở lại của Đấng Christ

1. Ma-thi-ơ 24:36-44
2. Mác 13:32-37
3. Lu-ca 21:34-36

**13:5-13 "" Hãy cảnh giác, đừng để ai lừa dối các con ""** "Hãy quan sát (hãy cảnh giác)" là một Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative). Chúa Jesus đưa mệnh lệnh cho họ phải ở trong sự cảnh giác ngay lập tức. Trong một vài cách, những truyền thống Do Thái về Đấng Mê-si đã khiến họ bị thành kiến. Những câu Kinh Thánh này đề cập đến những dấu hiệu sai trật hoặc những điềm báo trước đã hiện diện trong tất cả các thời kỳ. Thông điệp này được lặp lại thường xuyên (Mác 13:5,9,23,33). Có nhiều người sẽ cố gắng lừa dối họ về những vấn đề này.

Mỗi thế hệ Cơ Đốc Nhân đã cố gắng ép buộc lịch sử đương đại của họ vào những lời tiên tri trong Kinh Thánh. Để xác định thời điểm của các lời tiên tri này là sai lầm hoàn toàn! Một phần của nan đề là các Cơ Đốc Nhân cần phải sống mỗi giây mỗi phút trông đợi Sự Tái Lâm, nhưng những lời tiên tri lại đều được viết cho một thế hệ của những người đi theo Chúa Jesus bị bắt bớ trong thời kỳ cuối rốt. Hãy vui mừng rằng bạn không biết khi nào Ngài trở lại!

**13:6 "" nhiều kẻ sẽ mạo danh Ta mà đến ""** Câu này chỉ về Đấng Mê-si giả (theo Ma-thi-ơ 24:11,23-24). Thậm chí có một trích dẫn trong tác phẩm của Josephus *Wars of the Jews* 6.54 vốn khẳng định rằng người La Mã đã hủy diệt Giê-ru-sa-lem bởi vì sự cuồng tín của những tiên tri giả, là những kẻ đã dẫn dắt dân sự đi lầm lạc bằng những lời hứa giả dối rằng YHWH sẽ can thiệp vào dòng lịch sử để giải cứu Giê-ru-sa-lem dựa trên những lời tiên tri của Ê-sai (Ê-sai 37), nhưng đương nhiên họ lại không hề đề cập đến những lời tiên tri được lập đi lập lại của Giê-rê-mi về Giê-ru-sa-lem vô tín sẽ sụp đổ.

▣ "" **nói rằng: "Chính ta là đấng ấy** "" "" Cụm từ này nguyên văn là "Ta là." Đây là một sự định danh của Đấng Mê-si bằng cách sử dụng danh xưng Giao Ước Cựu Ước của Đức Chúa Trời, YHWH, xuất phát từ động từ Hê-bơ-rơ "là" (Xuất 3:12,14; Giăng 4:26; 8:24,58; 13:19; 18:5). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 12:36.

▣ "" **sẽ lừa dối nhiều người** "" Những loại cảnh báo và thuật ngữ rất thông dụng trong thể loại văn học lai thể. Điều này chỉ về quyền năng thuyết phục của Đấng Mê-si giả dối và bầu không khí thuộc linh của nhân loại sa ngã (theo Ma-thi-ơ 24:11,23-26). Nó cũng chỉ ra sự thiếu kiến thức, kinh nghiệm của các tân tín hữu và/hoặc các Cơ Đốc Nhân xác thịt (1 Cô-rinh-tô 3:1-3; Hê-bơ-rơ 5:11-14).

**13:7 "" đừng bối rối** "" Đây là một thể mạng lệnh hiện tại (present imperative) đi cùng với một tiểu từ phủ định (negative particle), vốn thường có nghĩa là dừng lại một hành động theo tiến trình.

▣ "" **việc ấy phải xảy đến, nhưng chưa phải là cuối cùng đâu** "" Những cuộc chiến tranh và các trận động đất

không phải là dấu hiệu về tận thế, nhưng những điềm báo/ dấu chỉ trong mọi thời đại (theo Mác 13:8,10; Ma-thi-ơ 24:6-8). Những sự kiện tự nhiên mãnh liệt cũng không phải là những dấu chỉ cho Sự Tái Lâm, nhưng của đời sống của thế giới sa ngã (Theo John L. Bray, *Matthew 24 Fulfilled*, ở trang 25,28, vốn là một chia sẻ hay của Sự Giải Nghĩa Thiên Về Quá Khứ (Preterist Interpretation)).

**13:8 " đối kém xảy ra "** Một vài bản thảo tiếng Hy Lạp thêm vào cụm từ "và những hoạn nạn" (MSS A, W, và bản dịch NKJV). Có một vài khác biệt khác, nhưng phần lớn những bản dịch tiếng Anh chép là "và những cơn đói kém," vốn được thấy trong Ma-thi-ơ 24:7 và bản MSS Ɣ, B, và L (và bản MS D trong một thể khác biệt nhỏ). Phần Kinh Thánh tương đồng trong Lu-ca 21:11 có một số điều khác được liệt kê. UBS<sup>4</sup> đánh giá cách đọc ngắn gọn một điểm "B" (gần như chắc chắn).

▣ **" những khốn khổ (khi đau đẽ)"** Thành ngữ đầy đủ là "sự đau đẽ khi sinh đẽ" của thời kỳ mới (Ê-sai 13:8; 26:17; Giê-rê-mi 30:6-7; Mi-chê 4:9-10; Ma-thi-ơ 24:8; Mác 13:8; Công Vụ 2:24; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:3). Điều này phản ánh niềm tin của người Do Thái về sự tăng cường dữ dội mãnh liệt của điều ác trước kỷ nguyên mới của sự công chính (theo Mác 13:19-20 và theo *Book of Jubilees* 23:18 cùng với *Apocalypse of Baruch* 27-29). Người Do Thái tin vào hai thời kỳ: thời kỳ gian ác hiện tại, được mô tả bởi tội lỗi và sự chống nghịch Đức Chúa Trời, và "thời kỳ sẽ đến." Thời Kỳ Mới sẽ được mở ra bởi sự hiện đến của Đấng Mê-si (Thi Thiên 2). Nó sẽ là một thời kỳ của sự công chính và trung thành với Đức Chúa Trời. Mặc dù quan điểm Do Thái này đúng một phần, nó không thể dùng để xem về hai lần đến của Đấng Mê-si. Chúng ta đang sống trong thời kỳ chông lẩn giữa hai thời kỳ: kỳ "đã đến" và "nhưng chưa đến" của vương quốc Đức Chúa Trời!

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỜI NÀY VÀ ĐỜI SẮP ĐẾN**

Các tiên tri Cựu ước nhìn tương lai qua sự kéo dài của hiện tại. Đối với họ, tương lai sẽ là sự phục hồi quốc gia Y-sơ-ra-ên trên phương diện địa lý. Tuy vậy, ngay cả họ đã thấy một ngày mới (Ê-sai 65:17; 66:22). Trong sự từ khước Đức Giê-hô-va một cách cố ý và liên tục của con cái Áp-ra-ham (ngay cả sau thời kỳ lưu đày), một khuyển hướng mới xuất hiện trong văn chương về thời kỳ cuối trong khoảng giữa hai giao ước (như là sách Hê-nóc, IV E-xơ-ra, II Ba-rúc). Các bài viết này bắt đầu đưa ra sự khác biệt giữa hai thời kỳ: thời kỳ gian ác đời này thống trị bởi Satan, và thời kỳ công bình sắp đến điều khiển bởi Thánh Linh và được mở màn bởi Đấng Mê-si (thường là một tinh binh dưng mãnh).

Trong khía cạnh thần học này (lai thể học), có một sự phát triển rõ ràng. Các nhà thần học gọi đó là "sự mặc khải tiệm tiến." (progressive revelation). Tân ước khẳng định hiện thực vũ trụ mới của hai đời này (nghĩa là thuyết nhị nguyên thuộc về thời gian) (temporal dualism):

<b>Chúa Jê-sus</b>	<b>Phao-lô</b>	<b>Thư Hê-bơ-rơ</b>
Ma-thi-ơ 12:32	Rô-ma 12:2	1:2
Ma-thi-ơ 13:22, 29	I Cô-rinh-tô 1:20; 2:6,8; 3:18	6:5
	II Cô-rinh-tô 4:4	11:3
	Ga-la-ti 1:4	
Mác 10:30	Ê-phê-sô 1:21; 2:1, 7; 6:12	
	I Ti-mô-thê 6:17	
Lu-ca 16:8	II Ti-mô-thê 4:10	
Lu-ca 18:30	Tít 2:12	
Lu-ca 20:34-35		

Trong thần học Tân ước hai thời kỳ này của người Do Thái trùng lấp nhau bởi vì sự tiên báo bất ngờ và bị bỏ qua trong hai lần đến của Đấng Mê-si. Sự nhập thể của Chúa Jê-sus đã làm trọn lời tiên tri trong Cựu ước về sự đăng quang một thời kỳ mới. Tuy nhiên, Cựu ước cũng cho thấy Ngài đến như một Quan án hay Đấng chinh phục, thế nhưng lần đầu tiên Ngài đến làm một Nô lệ Chịu khổ (Ê-sai 53), khiêm nhường và nhu mì (Xa-cha-ri 9:9). Ngài sẽ đến trong quyền phép như Cựu ước đã tiên báo (Khải huyền 19). Sự làm thành hai chặng

này khiến đem Vương quốc của Ngài vào trong hiện tại (được đăng quang), nhưng chưa tiến đến tương lai (chưa hoàn toàn đạt đến đỉnh). Đây là sự giằng co của Tân ước về khái niệm đã đến rồi, nhưng chưa đến!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 13:9-13**

<sup>9</sup> Về phần các con, phải cảnh giác vì họ sẽ nộp các con cho các tòa án; các con sẽ bị đánh đập trong các nhà hội; và vì Ta, các con sẽ phải đứng trước mặt các tổng đốc và các vua để làm chứng cho họ. <sup>10</sup> Nhưng trước hết, Tin Lành phải được rao giảng cho mọi dân tộc. <sup>11</sup> Khi họ giải nộp các con, đừng lo trước về điều mình sẽ nói, nhưng trong giờ đó, hãy nói theo lời sẽ được ban cho các con; vì không phải các con nói đâu, nhưng là Đức Thánh Linh. <sup>12</sup> Anh em sẽ nộp nhau để bị giết; cha sẽ nộp con; con cái sẽ nổi lên nghịch lại cha mẹ và khiến họ phải chết. <sup>13</sup> Các con sẽ bị mọi người ganh ghét vì danh Ta. Nhưng ai bền chí cho đến cuối cùng thì sẽ được cứu.

**13:9-13** Phần Kinh Thánh này không song hành với Ma-thi-ơ 24, nhưng xuất hiện trong Ma-thi-ơ 10:17-22. Điều này chỉ ra rằng Chúa Jesus phải nhắc đi nhắc lại cùng những lẽ thật này trong một vài dịp khác nhau và rằng Ma-thi-ơ và Mác đã cấu trúc phần dạy dỗ này theo chủ đề.

**13:9** "" **phải cảnh giác** "" Đây là một Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative) (có cùng thể như trong Mác 13:5 và 23). Đây là một yếu tố về trách nhiệm cá nhân trong sự chuẩn bị cho sự bắt bớ trong những sự kiện ngày cuối rốt (tận thế).

▣ "" **các tòa án...các nhà hội...trước mặt các tổng đốc và các vua**"" "các tòa án và các nhà hội," một cụm từ không được thấy trong Ma-thi-ơ 24:9, chỉ ra sự bắt bớ các Cơ Đốc Nhân cả về mặt chính quyền và tôn giáo bởi cả Người Do Thái và Người Ngoại (Phi-e-rơ 4:12-16).

▣ "" **các tòa án** "" Đây là thể số nhiều của Tòa Công Luận. Nó chỉ về các các phiên tòa nhà hội địa phương (2 Cô-rinh-tô 11:24).

▣ "" **bị đánh đập** "" Cụm từ này nguyên văn là "bị đánh đập" hoặc "lột da" (2 Cô-rinh-tô 11:24). Người Do Thái đánh roi kẻ phạm luật ba mươi chín lần—mười ba lần phía trước và hai mươi sáu lần phía sau lưng phù hợp với Phục Truyền 25:1-3.

**13:9,12** "" **vì Ta** "" Có phải các tín đồ sẽ bị bắt bớ, không phải bởi vì sự gian ác hoặc những tội ác trong cộng đồng của chính họ, hay đơn giản chỉ bởi vì họ là những Cơ Đốc Nhân (theo Ma-thi-ơ 5:10-16; 1 Phi-e-rơ 4:12-16)?

**13:10** "" **Tin Lành phải được rao giảng cho mọi dân tộc** "" Từ "phải" là từ *dei* trong tiếng Hy Lạp, vốn ngụ ý về sự cần thiết. Chúa Jesus (hoặc Phi-e-rơ hay Mác, tất cả những người được thần cảm) đang cố gắng để chỉ ra cho các môn đồ (1) sứ mạng cho Người Ngoại của họ (theo Sáng Thế Ký 12:3; 1 Các Vua 8:60; Ê-sai 42:6; 49:6; 51:4; 52:10; 60:1-3; Ma-thi-ơ 24:14; 28:19-20; Công Vụ 1:8; Rô-ma 11:25-27) and (2) rằng sẽ có một thời kỳ kéo dài giữa sự hủy diệt thành Giê-ru-sa-lem và Sự Tái Lâm (2 Tê-sa 2; 2 Phi-e-rơ 2). Chúng ta phải luôn nắm giữ sự căng thẳng mâu thuẫn giữa thực tế rằng bất kỳ giây phút nào Chúa chúng ta sẽ trở lại và lẽ thật khác rằng một vài sự kiện sẽ phải xảy ra trước (khi Chúa chúng ta trở lại). Có một sự căng thẳng mâu thuẫn có thật trong Tân Ước về thời kỳ của Sự Tái Lâm: sắp xảy ra, bị trì hoãn, hoặc không biết.

**13:11** Đức Thánh Linh sẽ luôn ở cùng với các tín đồ! Thánh Linh sẽ ban năng lực cho các tín đồ ở giữa sự bắt bớ (theo Công Vụ 4)! Thánh Linh thường được nhận thấy cùng với Chúa Jesus như phần Kinh Thánh tương đồng trong Lu-ca 21:15 chỉ ra. Lời hứa này không thay thế cho sự chuẩn bị sẵn sàng cá nhân cho những cơ hội giảng và dạy dỗ Lời Chúa; vì thế, nó không phải là một sự thay thế cho một sự học hành thích đáng. Đây chính là một ân điển đặc biệt vốn cho phép tín đồ có thể làm chứng về đức tin nơi Đấng Christ trong thời gian điểm bắt bớ (Ma-thi-ơ 10:19-20; Lu-ca 12:11-12; 21:14-15).

▣ "" **trong giờ đó** "" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Giờ tại Mác 14:35.

**13:12** "" **Anh em** "" Gia đình chính là trung tâm của đời sống Do Thái, nhưng những gia đình sẽ bị chia cắt về Christ (theo Ma-thi-ơ 10:21,35-37). Đây cũng là một chủ đề thường xuyên trong những tác phẩm văn học lai thế (*Jubilees* 23:19 và II *Baruch* 70:3).

**13:13** "' Nhưng ai bền chí cho đến cuối cùng thì sẽ được cứu "' Đây là tín lý về sự kiên nhẫn, bền đỗ (Ma-thi-ơ 10:22). Nó phải được xem xét trong một sự căng thẳng mâu thuẫn của sự chọn lựa với tín lý về sự an ninh (Khải Huyền 2:7,11,17,26; 3:5,12,21; 21:7). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Nhu Cầu của sự Kiên Nhẫn Chịu Đựng (Bền Chí) tại Mác 4:17.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 13:14-23**

<sup>14</sup> Nhưng khi các con thấy điều gớm ghiếc gây nên cảnh hoang tàn tại nơi không được phép gây ra (ai đọc phải hiểu), thì ai đang ở trong miền Giu-đê hãy trốn lên núi; <sup>15</sup> ai ở trên mái nhà đừng xuống hoặc chạy vào nhà để lấy bất cứ vật gì; <sup>16</sup> ai ở ngoài đồng chớ trở về lấy áo choàng. <sup>17</sup> Trong những ngày ấy, thật khôn thay cho phụ nữ mang thai và các bà còn cho con bú! <sup>18</sup> Hãy cầu nguyện cho việc đó không xảy ra trong mùa đông. <sup>19</sup> Vì trong những ngày ấy sẽ có hoạn nạn mà từ thuở khai thiên lập địa, lúc Đức Chúa Trời tạo dựng vũ trụ cho đến bây giờ cũng chưa từng có, và về sau cũng chẳng bao giờ có như vậy. <sup>20</sup> Nếu Chúa không rút ngắn các ngày ấy thì không một ai được cứu; nhưng vì những người Ngài đã chọn nên Ngài rút ngắn các ngày ấy. <sup>21</sup> Khi ấy, nếu có ai bảo các con: 'Này, Đấng Christ ở đây!' hay 'Kìa, Ngài ở đó!' thì đừng tin. <sup>22</sup> Những kẻ giả danh Đấng Christ và bọn tiên tri giả sẽ xuất hiện; chúng làm các dấu lạ, phép mầu để nếu có thể thì lừa gạt cả những người được chọn. <sup>23</sup> Hãy cảnh giác. Ta đã nói trước mọi chuyện cho các con rồi.

<b>13:14</b>	
<b>NASB, NKJV</b>	"sự hoang tàn gớm ghiếc"
<b>NRSV</b>	"sự hoang tàn báng bổ"
<b>TEV</b>	"Sự Kinh Hoàng Đáng Sợ"
<b>JB</b>	"Sự gớm ghiếc thảm họa"

**CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ HOANG TÀN KINH KHIẾP**

M. R. Vincent giải thích rất hay từ kinh khiếp (kinh tởm): "Động từ gốc, βδελύσσομαι, có nghĩa là sự cảm thấy một sự buồn nôn hoặc miễn cưỡng đối với đồ ăn, mặc dù nó được sử dụng cho sự kinh tởm nói chung. Trong một nghĩa về đạo đức, nó chỉ về một đối tượng của sự kinh tởm tôn giáo hoặc đạo đức (Sử Ký 15:8; Giê-rê-mi 13:27; Ê-xê-chi-ên 11:21; Đa-ni-ên 9:27; 11:31). Nó được sử dụng như một từ tương đương với sự thờ hình tượng trong 1 Các Vua 11:17; Phục 7:26; 2 Các Vua 23:13. Nó chỉ về mất kỳ điều gì vốn làm gián đoạn khỏi chính sự bày tỏ Đức Chúa Trời; như là sự ăn những động vật không tinh sạch, Lê-vi Ký 11:11; Phục 14:3; và, nói chung, mọi hình thức của tà giáo. Nghĩa đạo đức cũng được nhấn mạnh trong cách sử dụng từ này của Tân Ước (so sánh Lu-ca 16:15; Khải Huyền 17:4,5; 21:27). Nó không chỉ đơn thuần chỉ về sự gớm ghiếc thuộc thể hoặc thẩm mỹ. Sự chỉ đến ở đây có lẽ nói về sự chiếm giữ khu vực đền thờ bởi những Người La Mã thờ hình tượng dưới sự lãnh đạo của Titus, với những hình tượng cờ hiệu của chúng. Josephus cho biết rằng sau khi đền thờ bị đốt cháy đền thờ, người La Mã mang những hình tượng và sắp chúng xung quanh công phía đông, và họ dâng những sinh tế cho chúng, và công bố rằng Titus, với sự ủng hộ nhiệt liệt, là Hoàng Đế" (*Word Studies in the New Testament*, trang 74-75).

Từ Hê-bơ-rơ "hoang tàn" (BDB 1055, KB 1640) có nghĩa là sự báng bổ (thần thánh). Cụm từ này được sử dụng trong Đa-ni-ên 9:27, 11:31, và 12:11.

1. Nó nguyên gốc chỉ về Antiochus IV Epiphanes, là người đã đặt một bàn thờ cho Thần Dớt (Zeus) Olympios trong đền thờ Giê-ru-sa-lem vào năm 167 TC và hiến tế một con lợn trên nó (Đa-ni-ên 8:9-14; I Macc. 1:54, 59; II Macc. 6:1-2).
2. Trong Đa-ni-ên 7:7-8 nó chỉ đến Kẻ Chống Đấng Christ (Antichrist) trong thời kỳ cuối rốt (2 Tê-sa 2:4).
3. Trong Ma-thi-ơ 24:15; Mác 13:14; Lu-ca 21:20 nó chỉ đến sự tiến đánh của quân đội Vị Tướng La Mã (sau này là Hoàng Đế) Titus 70, là người đã hiến tế cho những ngọn cờ hình tượng của quân đội của họ vốn đã được dâng cho các thần ngoại bang, được đặt ở tại cổng phía đông của đền thờ. Nó không thể chỉ đến chính cuộc vây hãm Giê-ru-sa-lem bởi vì nó sẽ quá muộn cho những tín đồ có thể trốn thoát.

Đây là một ví dụ của một cụm từ được sử dụng trong một vài nghĩa khác nhau, nhưng liên hệ với nhau, về nghĩa. Nó được gọi là "một lời tiên tri đa ứng nghiệm." Nó không thể giải nghĩa được cho đến sau khi sự kiện xảy

NASB	"đứng tại nơi nó không nên xuất hiện ""
NKJV	"đứng tại nơi nó không được xuất hiện ""
NRSV, NJB	"sắp đặt tại nơi nó không được xảy ra""
TEV	"đứng tại nơi hẳn không nên xuất hiện""

Phân từ đứng ở thể đối cách chủ động hoàn thành giống đực (perfect active accusative masculine) trong quyển *The Analytical Greek New Testament* được viết bởi Barbara và Timothy Friberg, trang 154 (theo bản TEV), nhưng ở thể đối cách chủ động hoàn thành trung tính trong quyển *The Analytical Lexicon to the Greek New Testament* được viết bởi William D. Mounce, trang 219 (theo bản NASB, NRSV, NJB). Nếu ở thể trung tính, thì nó sẽ chỉ đến (1) "sự góm ghiếc" (*bdelugma*) hoặc (2) chỉ đến quân đội của Titus (*strateuma*). Ma-thi-ơ 24:15 thêm vào "đứng trong Nơi Thánh" (Nơi Thánh của đền thờ), vốn ngụ ý về giống đực (ngữ pháp) và chỉ về Vị Tướng La Mã. Điều này, cũng vậy, phù hợp với Titus, là người đã đặt những hình tượng La Mã (là vật thay mặt cho các vị thần của họ) trong đền thờ Giê-ru-sa-lem.

▣ **"(ai đọc phải hiểu)"** Câu này có nghĩa "phải suy nghĩ một cách cẩn thận" hoặc "phải xem xét một cách kỹ lưỡng" (2 Ti-mô-thê 2:7). Đây là một lời bình luận từ tác giả của Sách Phúc Âm. Nó có vẻ như để khởi động cho một sự thảo luận sâu hơn (Sự Hoang Tàn Đổ Nát từ Đa-ni-ên 9:27; 11:31; 12:11) về chủ đề này bởi người đọc lớn phần Kinh Thánh này trong bối cảnh một nhóm đang thờ phượng, tương tự với các lớp học Trường Chúa Nhật hiện đại của chúng ta.

▣ **"ai đang ở trong miền Giu-đê hãy trốn lên núi ""** Eusebius, một sử gia hội thánh từ thế kỷ thứ tư, đã chép lại về sự trốn thoát của Các Cơ Đốc Nhân khỏi Giê-ru-sa-lem đến Pella, cách khoảng hai mươi dặm về phía đông nam Biển Ga-li-lê, ngay trước khi cuộc vây hãm của người La Mã xiết chặt thành phố vào năm 70 SC (theo *Hist. Eccl.* 3:5:2-3).

**13:15 "" ai ở trên mái nhà ""** Các ngôi nhà có mái bằng. Họ dùng nó như là địa điểm của các sự tụ họp xã hội vào các tháng có thời tiết nóng bức. Thông tin kể lại rằng một người có thể đi băng qua Giê-ru-sa-lem chỉ bằng cách đi trên mái nhà. Có vẻ như những ngôi nhà được xây kế bên tường thành. Khi quân đội được nhìn thấy, một cuộc trốn thoát ngay lập tức là cần thiết.

**13:16 "" áo choàng ""** Từ này chỉ về áo choàng ngoài, vốn được dùng như là tấm chắn đắp khi ngủ. Những người nam đi làm ngoài đồng sẽ không đem theo áo này với họ.

**13:17 "" khôn thay ""** Từ này được dùng trong Cựu Ước để định danh những lời tiên tri về sự đoán phạt. Đây là một cách chỉ đến bài ai ca hoặc than khóc đám tang. Sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên Giê-ru-sa-lem sẽ tác động đến cả tín đồ lẫn những người không tin (cũng như là Con Đai Nạn).

▣ **"phụ nữ mang thai ""** Cụm từ này rõ ràng chỉ đến chỉ riêng sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem mà thôi. Thật khó cho những phụ nữ có thai có thể trốn thoát bằng qua tường cách mau chóng. Điều này không liên quan gì đến Sự Tái Lâm! Những câu hỏi của các môn đồ dành cho Chúa Jesus liên hệ đến ba vấn đề riêng biệt với nhau: sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem, Sự Tái Lâm của Ngài, và kỳ tận thế. Nan đề rằng ở đây những câu hỏi này được trả lời trong cùng một lúc. Không dễ để chia các câu thành từng phần theo chủ đề.

**13:18 "" trong mùa đông ""** Một sự di chuyển nhanh chóng sẽ rất khó khăn trong mùa đông đối với những phụ nữ có thai và các em bé.

**13:19** Câu này có thể xem như là (1) sự bất bớ khốc liệt trong thời kỳ cuối rốt trên các tín đồ và sự đoán phạt nghiêm khắc của Đức Chúa Trời trên những kẻ không tin hoặc (2) một sự ngoa dụ (nói quá) Phương Đông. Thật khó để biết các sự chỉ đến ở đây theo nghĩa đen hoặc nghĩa bóng (hãy so sánh Giô-ên 2:28-32 và cách sử dụng phần Kinh Thánh này của Phi-e-rơ trong Công Vụ 2, nơi nó không được trích theo nghĩa đen). Tân Ước là một quyển sách phương đông. Họ luôn có thói quen nói phóng đại và dùng những phép tu từ nhiều hơn chúng tôi là những người phương tây hiện đại rất nhiều. Câu hỏi về việc xem (chỗ nào là) sự mặc khải nghiêm túc (theo nghĩa đen) chưa bao giờ được đặt ra. Đây là một câu hỏi giải kinh về ý định của tác giả nguyên thủy được thần cảm. Việc đọc Tân Ước theo nghĩa đen ở tất cả mọi thời điểm và mọi nơi chốn không phải là sự bảo thủ, cản trở trong việc học Kinh Thánh nhưng là sự giải nghĩa không phù hợp.

Câu này có vẻ như một sự ngụ ý chỉ đến Đa-ni-ên 12:1, nhưng với một cụm từ được thêm vào. Những người được lựa chọn chính là những kẻ có tên trong sách sự sống (những người Do Thái tin kính, dân sót lại thật, và

những Người Ngoại tin kính, điều mâu nhiệm của Đức Chúa Trời trước kia bị giấu kín, nhưng giờ đây được bày tỏ, Ê-phê-sô 2:11-3:13)!

▣ **" từ thuở khai thiên lập địa "** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 10:6.

**13:20** Câu hỏi giải nghĩa là câu này chỉ về sự kiện nào trong ba sự kiện ((1) sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem; (2) Sự Tái Lâm của Đấng Christ; hoặc (3) kỳ tận thế)? Ba sự kiện được dạy trong cách chồng lập lên nhau. Không có sự chia phần các câu rõ ràng và chính xác. Có vẻ như đối với tôi câu này chỉ về Sự Tái Lâm và kỳ tận thế chứ không phải về sự hủy diệt thành Giê-ru-sa-lem, bởi vì Các Cơ Đốc Nhân đã trốn thoát khỏi thành phố trước khi nó bị hủy diệt.

▣ **" Nếu (trừ khi) "** Đây là một câu điều kiện bậc hai hiếm (rare second class conditional sentence) được gọi là "điều trái ngược với sự kiện." Nó đề cập đến một giả thuyết không đúng để đưa ra một kết luận không đúng. Nguyên văn nó hàm ý là "Nếu Chúa không rút ngắn các ngày ấy (nhưng Ngài đã làm) thì không một ai được cứu (nhưng họ đã được cứu)."

▣ **" Chúa "** Từ này bắt buộc phải chỉ đến YHWH, chứ không phải Chúa Jesus. YHWH chính là Đấng đã tuyển lựa/ lựa chọn (Ê-phê-sô 1:4).

▣ **" được cứu "** Từ này chính là cách sử dụng thuật ngữ trong nghĩa Cựu Ước của nó trong nghĩa của sự giải cứu thuộc thể (Gia-cơ 5:15), chứ không phải sự cứu rỗi thuộc linh.

▣ **" nhưng vì những người Ngài đã chọn "** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt ở dưới đây.

## SỰ LỰA CHỌN/TIỀN ĐỊNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CÂN BẰNG THẦN HỌC

Sự lựa chọn là một tín lý tuyệt diệu. Tuy nhiên, nó không kêu gọi hướng đến sự thiên vị, nhưng hướng đến việc làm một kênh dẫn, một công cụ hay phương tiện để đem sự cứu rỗi đến cho người khác! Trong Cựu ước từ ngữ này chủ yếu được dùng để chỉ sự phục vụ; trong Tân ước nó được dùng chủ yếu cho sự cứu rỗi dẫn đến sự phục vụ. Kinh thánh chưa bao giờ hòa giải điều dường như mâu thuẫn giữa quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người, nhưng nó đều khẳng định cả hai điều này! Một ví dụ rõ ràng về sự căng thẳng trong Kinh thánh là trong Rô-ma 9 về quyền lựa chọn tối thượng của Đức Chúa Trời và Rô-ma 10 về sự đáp ứng thích hợp của con người (10:11,13).

Chìa khóa giải quyết mâu thuẫn thần học này có thể được tìm thấy trong Ê-phê-sô 1:4. Chúa Jê-sus là người được Đức Chúa Trời chọn và cả nhân loại đều có tiềm năng được chọn qua Ngài (Karl Barth). Chúa Jê-sus là câu trả lời "vâng" của Đức Chúa Trời để đáp lại nhu cầu của con người (Karl Barth). Ê-phê-sô 1:4 cũng giúp làm rõ vấn đề này bằng cách khẳng định rằng mục đích của sự tiên định không phải là thiên đàng, nhưng là sự thánh khiết (sự giống với Đấng Christ). Chúng ta thường bị cuốn hút bởi những ích lợi của Phúc âm mà lơ đi những trách nhiệm từ chính Phúc âm! Sự kêu gọi (lựa chọn) của Đức Chúa Trời là cho lúc này cũng như cho cõi đời đời!

Các tín lý hiện diện trong mối liên hệ với các lẽ thật khác, chứ không đơn độc, hay là những lẽ thật không liên hệ với nhau. Một hình ảnh khá lý thú đó là sự so sánh giữa một dây ngân hà và một vì sao. Đức Chúa Trời trình bày lẽ thật theo lối văn chương Đông phương, chứ không phải Tây phương. Chúng ta không được lấy đi sự căng thẳng gây ra bởi những cặp biện chứng (nghịch lý) về lẽ thật mang tính tín lý:

1. Sự tiên định và chí tự do của con người
2. Sự yên ninh của các thánh đồ và nhu cầu được bảo vệ, che chở
3. Nguyên tội và kỹ tội
4. Tình trạng không tội lỗi (cách hoàn hảo) và phạm tội ít hơn
5. Sự xưng công chính khởi đầu ngay tức thời và sự nên thánh theo tiến trình
6. Sự tự do của Cơ Đốc Nhân và trách nhiệm của Cơ Đốc Nhân
7. Sự Siêu Việt (transcendence) và Sự Nội Tại (immanence) của Đức Chúa Trời
8. Đức Chúa Trời Chí Cao không thể Dò Biết và Đức Chúa Trời có thể biết được trong Kinh Thánh
9. Vương Quốc Đức Chúa Trời ở hiện tại và hoàn tất trong tương lai

10. Sự ăn năn như là một món quà từ Đức Chúa Trời và sự ăn năn như là một sự đáp ứng cần thiết theo giao ước của con người
11. Chúa Jesus là thần và Chúa Jesus là con người
12. Chúa Jesus bình đẳng với Cha và Chúa Jesus vâng phục Cha

Khái niệm thần học về “sự giao ước” làm thống nhất quyền chủ tể của Đức Chúa Trời (là Đấng luôn khởi đầu và hoạch định) với sự đáp ứng bắt buộc phải có lúc ban đầu và được tiếp tục từ con người bằng đức tin và sự ăn năn (Mác 1:15; Công-vụ 3:16, 19;20:21). Nên cẩn thận khi dùng Kinh thánh để chứng minh chỉ một mặt của nghịch lý này mà xem thường mặt còn lại! Nên cẩn thận khi bạn chỉ công nhận những tín lý hoặc hệ thống thần học mà bạn ưa thích mà thôi!

▣ **Ngài rút ngắn các ngày ấy** ▣ Cụm từ này ngụ ý chỉ đến Đức Chúa Trời không thể thay đổi (Thi 102:26-27; Ma-la-chi 3:6) có thể thay đổi những kế hoạch của Ngài! Đặc tính và những mục đích cứu chuộc không bao giờ thay đổi, nhưng những lời cầu nguyện của dân sự của Ngài có tác động đến Ngài và thường thay đổi kế hoạch của Ngài! Nhưng nó chính là bản chất cốt yếu của lời cầu nguyện cầu thay.

## **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CẦU THAY**

### **I. Giới thiệu**

- A. Sự cầu nguyện là quan trọng vì Đức Chúa Giê-su đã làm gương
  1. Lời cầu nguyện riêng, Mác 1:35; Lu-ca 3:21; 6:12; 9:29; 22:29-46
  2. Dẹp sạch đền thờ, Ma-thi-ơ 21:13; Mác 11:17; Lu-ca 19:46
  3. Lời cầu nguyện mẫu, Ma-thi-ơ 6:5-13; Lu-ca 11:2-4
- B. Cầu nguyện là thực hiện hành động thấy được về niềm tin chúng ta nơi một Đức Chúa Trời hay chăm sóc, quan tâm đến cá nhân, Đấng đang hiện diện, sẵn sàng và có thể hành động thay cho chúng ta và những người khác
- C. Đức Chúa Trời đích thân tự giới hạn chính Ngài để đáp lại lời cầu nguyện của con cái Ngài trong nhiều lãnh vực (Gia-cơ 4:2)
- D. Mục đích chính yếu của sự cầu nguyện là tương giao và dành thì giờ với Ba Ngôi Đức Chúa Trời.
- E. Tầm bao quát của sự cầu nguyện là bất cứ điều gì, bất cứ ai có liên quan đến người tin Chúa. Chúng ta có thể cầu nguyện một lần, rồi tin, hay là cầu nguyện nhiều lần lặp đi lặp lại khi tư tưởng và sự lo âu lại đến.
- F. Sự cầu nguyện bao gồm một số yếu tố sau:
  1. Ngợi khen và chúc tụng Ba Ngôi Đức Chúa Trời
  2. Cảm tạ Chúa về sự hiện diện, mối tương giao và sự chu cấp của Ngài
  3. Xưng tội, trong quá khứ và hiện tại
  4. Cầu xin những nhu cầu hay những mong ước chúng ta cảm biết được
  5. Cầu thay dâng lên những nhu cầu của người khác trước mặt Cha
- G. Sự cầu thay là một huyền nhiệm. Đức Chúa Trời yêu thương người mà chúng ta cầu thay còn hơn cả chúng ta, thế nhưng sự cầu thay của chúng ta lại thường đem đến sự thay đổi, sự đáp ứng, hay nhu cầu không những trong chính chúng ta, mà cũng đem đến trong họ nữa.

### **II. Các dữ liệu trong Kinh thánh**

#### **A. Cựu ước**

##### **1. Những ví dụ về sự cầu thay:**

- a. Áp-ra-ham nài xin cho Sô-đôm, Sáng-thế-ký 18:22 và tiếp sau
- b. Môi-se cầu nguyện cho dân Y-sơ-ra-ên
  - (1) Xuất Ê-díp-tô ký 5:22-23
  - (2) Xuất Ê-díp-tô ký 32:31-35
  - (3) Xuất Ê-díp-tô ký 33:12-16
  - (4) Xuất Ê-díp-tô ký 34:9
  - (5) Phục truyền 9:18, 25-29
- c. Sa-mu-ên cầu nguyện cho Y-sơ-ra-ên:

(1) I Sa-mu-ên 7:5-6, 8-9

(2) I Sa-mu-ên 12:16-23

(3) I Sa-mu-ên 15:11

d. Đa-vít cầu nguyện cho con, II Sa-mu-ên 12:16-18

2. Đức Chúa Trời tìm kiếm những người cầu thay, Ê-sai 59:16

3. Tội lỗi biết được nhưng không xưng ra hay thái độ không ăn năn ảnh hưởng đến sự cầu nguyện

a. Thi thiên 66:1

b. Châm ngôn 28:9

c. Ê-sai 59:1-2; 64:7

## B. Tân ước

1. Công tác cầu thay của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh:

a. Đức Chúa Giê-su

(1) Rô-ma 8:34

(2) Hê-bơ-rơ 7:25

(3) I Giăng 2:1

b. Đức Thánh Linh, Rô-ma 8:26-27

2. Mục vụ cầu thay của Phao-lô

a. Cầu thay cho người Do Thái

(1) Rô-ma 9:1 và tiếp sau

(2) Rô-ma 10:1

b. Cầu thay cho các Hội thánh

(1) Rô-ma 1:9

(2) Ê-phê-sô 1:16

(3) Phi-líp 1:3-4, 9

(4) Cô-lô-se 1:3, 9

(5) I Tê-sa-lô-ni-ca 1:2-3

(6) II Tê-sa-lô-ni-ca 1:11

(7) II Ti-mô-thê 1:3

(8) Phi-líp 4

c. Phao-lô xin các Hội thánh cầu nguyện cho ông

(1) Rô-ma 15:30

(2) II Cô-rinh-tô 1:11

(3) Ê-phê-sô 6:19

(4) Cô-lô-se 4:3

(5) I Tê-sa-lô-ni-ca 5:25

(6) II Tê-sa-lô-ni-ca 3:1

3. Mục vụ cầu thay của Hội thánh:

a. Cầu thay cho nhau:

(1) Ê-phê-sô 6:18

(2) I Ti-mô-thê 2:1

(3) Gia-cơ 5:16

b. Cầu nguyện cho các thành phần đặc biệt:

(1) Cho kẻ thù, Ma-thi-ơ 5:44

(2) Cho những người làm công việc Chúa, Hê-bơ-rơ 13:18

(3) Cho nhà cầm quyền, I Ti-mô-thê 2:2

(4) Cho người bệnh, Gia-cơ 5:13-16

(5) Cho những người sa ngã, I Giăng 5:16

c. Cầu nguyện cho mọi người, I Ti-mô-thê 2:1

## III. Căn trở những lời cầu nguyện được nhậm:

A. Mối liên hệ của người tin Chúa với Chúa và với Đức Thánh Linh

1. Ở trong Ngài, Giăng 15:7

2. Trong danh Ngài, Giăng 14:13,14; 15:16; 16:23-24

3. Trong Đức Thánh Linh, Ê-phê-sô 6:18; Giu-đe 20



4.Theo ý chỉ của Đức Chúa Trời, Ma-thi-ơ 6:10; I Giăng 3:22; 5:14-15

B. Động cơ của người cầu nguyện

- 1.Không giao động, Ma-thi-ơ 21:22; Gia-cơ 1:6-7
- 2.Khiêm nhường và ăn năn, Lu-ca 18:9-14
- 3.Cầu xin sai lầm, Gia-cơ 4:3
- 4.Ích kỷ, Gia-cơ 4:2-3

C. Các khía cạnh khác trong đời sống người cầu nguyện

1.Trung kiên

- a. Lu-ca 18:1-8
- b. Cô-lô-se 4:2
- c. Gia-cơ 5:16

2.Cử cầu xin

- a. Ma-thi-ơ 7:7-8
- b. Lu-ca 11:5-13
- c. Gia-cơ 1:5

3.Xích mích trong gia đình, I Phi-e-rơ 3:7

4.Được giải phóng khỏi tội lỗi biết được

- a. Thi thiên 66:18
- b. Châm ngôn 28:9
- c. Ê-sai 59:1-2
- d. Ê-sai 64:7

IV. Kết luận thần học:

- A. Quả là một đặc ân! Quả là một cơ hội! Thật là một nhiệm vụ và một trách nhiệm!
- B. Đức Chúa Giê-su là gương mẫu cho chúng ta. Chúa Thánh Linh là người hướng dẫn chúng ta. Đức Chúa Cha đang mong đợi chúng ta.
- C. Nó có thể thay đổi bạn, gia đình bạn, bạn bè của bạn và thế giới.

**CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BÓN MƯƠI HAI THÁNG (từ sách Đa-ni-ên)**

Câu “bốn mươi hai tháng” theo tiên tri, tiêu biểu cho giai đoạn bắt bớ. Sự chà đạp sân ngoài bởi dân ngoại là ngạn ngữ ám chỉ dân tuyền dưới ách thống trị của thế lực bất tín trong những giai đoạn lịch sử: Vua Hy-lạp An-ti-ô- chút Ê-pi-pha-nét. (Antiochus Epiphanes), đế quốc La-mã. năm. 70 SCN và Kẻ Nghịch Đấng Christ trong ngày Tận Thế.

Bốn mươi hai tháng, hay các dạng tương tự được nhắc vài lần trong Kinh Thánh, bắt đầu từ Đa-ni-ên.

1. Đa-ni-ên 7:25; 12:7 nhắc đến “một kỳ, hai kỳ, nửa kỳ” hoặc 1277 ngày (giả thiết một năm là một kỳ), xem Khải Huyền 12:14
2. Đa-ni-ên 8:14 nhắc đến 2300 buổi tối và buổi sáng.
3. Đa-ni-ên 12:11 nhắc đến 1290 ngày
4. Đa-ni-ên 12:12 nhắc đến 1335 ngày. Tương tự trong Khải Huyền 11:3; 12:6 (1260 ngày) and 11:2; 13:5 (42 tháng).

Một cách nhìn khác đối với câu khó hiểu này là “một, hai, nhưng không đến ba”, ám chỉ sự hạn chế về thời gian mà con dân của Đức Chúa Trời bị bắt bớ bởi dân ngoại. Đức Chúa Trời nắm quyền thống trị, điều khiển lịch sử, (xem Đa-ni-ên 7:4,6,11,12,18,22,25,26,27)!

Khi tất cả các con số được xem xét, hình như chúng mang tính bản thể biểu tượng, xem Chủ Đề Đặc Biệt: Con số biểu tượng trong Kinh Thánh. Mặt khác sự gần gũi 42 tháng nói về giai đoạn bắt bớ. Bởi vì ba rưỡi là nửa của số bảy, phải chăng đây là sứ điệp về sự rút ngắn của cơn Đại Nạn, (xem Ma-thi-ơ 24:22; Mác 13:20; Lu-ca 21:24). Sự bắt bớ bị hạn chế trong cả hai lĩnh vực tình yêu và phán xét của Đức Chúa Trời.

**13:21 "'nếu'"** Đây là một Câu điều kiện bậc ba (Third class conditional sentence), vốn có nghĩa về một hành động tiềm năng.

▣ **"'dừng tin'"** Đây là một Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative) với một tiểu từ phủ định (negative particle), vốn thường có nghĩa hành động trong tiến trình, nhưng trong văn mạch này, nó có thể

có ý nghĩa bình thường.

Các Cơ Đốc Nhân cần phải khôn ngoan như rắn và nhu mì như chim bồ câu (Ma-thi-ơ 10:16). Những Cơ Đốc Nhân chất phác, ngờ nghệch, những Cơ Đốc Nhân khờ dại, dễ mắc lừa và những Cơ Đốc Nhân non trẻ đều rất phổ biến. Chúng ta cần phải thử các linh (các thân) (1 Giăng 4:1) để biết được rằng chúng có phải là những kẻ phát ngôn thật sự của Đức Chúa Trời hay không. Thật sự đáng buồn đối với tôi khi tôi nghe về những tin đồn nhóm lại nơi cây cối, cửa sổ, hoặc những di chỉ thánh đặc biệt để chờ đợi gặp Chúa Jesus. Văn mạch ở đây là rất rõ ràng! Khi Ngài đến, tất cả mọi người sẽ thấy Ngài và biết Ngài (theo Ma-thi-ơ 24:27).

Văn mạch tức thời của Mác 13:14-23 chỉ về những kẻ đã trốn thoát khỏi Giê-ru-sa-lem, không phải để bị làm nản lòng bởi một ai đó tự xưng rằng mình là Đấng Christ vốn đã xuất hiện trong thành, tại nơi này hoặc nơi kia.

**13:22 "" sẽ ... làm các dấu lạ, phép màu""** Những christ giả này sẽ làm phép lạ. Hãy luôn cẩn thận trong việc nhận diện những phép lạ cùng với Đức Chúa Trời (Xuất 7:11-12,22; Phục Truyền 13:từ câu 1 trở đi; Ma-thi-ơ 24:24; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:9-12; Khải Huyền 13:13-14). Những tin đồn giả có thể làm phép lạ (theo Ma-thi-ơ 7:21-23).

▣ "" **nếu có thể** "" Có vẻ như đối với tôi sự đột ngột không chắc chắn trong Mác 13:22 có thể liên hệ về văn mạch với sự đột ngột trong Mác 13:20 (một câu điều kiện bậc hai (second class conditional) bởi vì những người được chọn (theo Mác 13:20 and 22) không thể bị dẫn dắt đi lầm lạc

**13:23** Đây là một trong những cách của Chúa Jesus (vốn phản chiếu những lời tiên tri trong Cựu Ước của YHWH) chứng minh cho những kẻ theo Ngài sự tể trị trên lịch sử và sự cứu rỗi của Ngài bằng cánh loan báo trước những sự kiện sẽ xảy ra. YHWH và Đấng Christ của Ngài tể trị trên thời gian và lịch sử! Ngay cả những giai đoạn khó khăn cũng là một phần của kế hoạch cứu chuộc bao quát toàn bộ của Ngài.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 13:24-27**

<sup>24</sup> Trong những ngày ấy, sau kỳ hoạn nạn,

Mặt trời sẽ tối tăm,

Mặt trăng sẽ không chiếu sáng,

<sup>25</sup> Các ngôi sao sẽ từ trời sa xuống,

Và các quyền lực trên trời sẽ bị rung động.

<sup>26</sup> Bấy giờ người ta sẽ thấy Con Người lấy đại quyền, đại vinh ngự đến giữa đám mây. <sup>27</sup> Ngài sẽ sai các thiên sứ tập hợp những người được chọn khắp bốn phương, từ cùng trời đến cuối đất.

**13:24 ""Nhưng(trong bản tiếng Anh)""** Đây là một sự đối lập mạnh mẽ chỉ ra một sự chấm dứt trong văn mạch. Một giai đoạn thời gian mới sắp sửa được bày tỏ.

**13:24 "" Mặt trời sẽ tối tăm ""** Đây là một ngôn ngữ lai thể Cựu Ước của kỳ tận thế (Ê-xê-chi-ên 32:7- 8; Giô-ên 2:10; 3:15; 28:3-4; A-mốt 8:9; cũng hãy xem I Esdras 5:5; Assumption of Moses 10:5; và I Enoch 80:4- 7). Đây là một chuỗi những trích dẫn Cựu Ước:

1. câu 24 từ Ê-sai 13:10

2. câu 25 từ Ê-sai 34:3

3. câu 26 từ Đa-ni-ên 7:13

Tuy nhiên điều này có thể chỉ về sự rung động trong thiên nhiên khi Đấng Sáng Tạo tiến đến (2 Phi-e-ro 3:7,10,11,12; Rô-ma 8:18- 22). Thường những sự kiện vĩ đại lai thể này được sử dụng để mô tả sự sụp đổ của các đế chế.

**13:25** Đây là một trích dẫn từ Ê-sai 34:4. Nó phản ánh niềm tin rằng các ngôi sao chính là những quyền lực từ trời (Các Quan Xét 5:20; Job 38:7). Trong văn học lai thể những ngôi sao sa xuống thường chỉ đến các thiên sứ (Khải Huyền 8:10; 9:1; 12:4). Trong Kinh Thánh các thiên sứ chính là những tôi tớ của Đức Chúa Trời, nhưng trong sự thờ hình tượng của người Mê-sô-bô-ta-mi, chúng chỉ về những vị thần đang kiểm soát số phận của con người (mười hai cung hoàng đạo (twelve signs of the Zodiac) hoặc những sự di chuyển của các hành tinh).

**13:26 "" Con Người...ngự đến giữa đám mây ""** Thần tính và nhân tính của Chúa Jesus được nhấn mạnh bởi từ "Con Người" như nó được dùng trong Thi 8:4; trong nghĩa thành ngữ thông thường của người Do Thái như một con người trong Ê-xê-chi-ên 2:1; và trong nghĩa chỉ về Đấng Thánh trong Đa-ni-ên 7:13 (theo Mác 8:38;

13:26; 14:62 tất cả đều dùng Đa-ni-ên 7:13). Chi tiết "Con Người" ngự trên đám mây chỉ về thân tánh của Ngài (Thi 68:4; 104:3). Những đám mây là sự di chuyển và bao phủ của YHWH (Đám Mây Vinh Hiển *Shekinah* trong suốt thời kỳ lang thang trong hoang mạc trong Xuất Ê-díp-tô Ký và Dân Số Ký. Chúa Jesus rời đi trong đám mây [theo Công Vụ 1:9] và sẽ trở lại trên đám mây [1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:17]).

**CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NGỰ ĐẾN TRÊN CÁC ĐÁM MÂY (Từ một vài thuật ngữ Hê-bơ-rơ nhưng chủ yếu là *anan*, BDB 777, KB 857)**

Sự đến với các đám mây là một khái niệm thần học quan trọng từ Cựu Ước, mang dấu hiệu Tận Thế quan trọng. Đám mây được dùng trong 3 trường hợp như sau:

1. Thể hiện sự hiện diện thực hữu của Đức Chúa Trời, the *Shekinah* Đám Mây Vinh Hiển (xem Xuất Hành 13:21; 14:19,20,24; 16:10; 19:9; Dân Số 11:25; Nê-hê-mi 9:19)
2. Che khuất sự thánh khiết của Chúa để con người không thể thấy Ngài mà chết (xem Xuất Hành 33:20; Ê-sai 6:5)
3. Phương tiện di chuyển của Đức Chúa Trời (xem Thi Thiên 18:9; 104:3; Ê-sai 19:1; Na-hum 1:3; Công Vụ 1:9; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:17)

Trong Đa-ni-ên 7:13 mây là phương tiện di chuyển của Đấng Mê-si-a (thần linh nhập thể) ( xem Chữ Đề Đặc Biệt: Đấng Mê-si-a. Lời tiên tri trong Đa-ni-ên này liên hệ tới 30 câu trong Tân Ước, Cũng vậy, hình ảnh Đấng Mê-si-a trên đám mây từ trời được thấy trong Ma-thi-ơ 24:30; 26:64; Mác 13:26; 14:62; Lu-ca 21:27; Công Vụ 1:9,11; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:17; Khải Huyền 1:7

▣ **"" đại quyền, đại vinh ""** Cụm từ này chỉ về sự tương phản trái ngược mạnh mẽ giữa lần đến thứ nhất (Xa-cha-ri 9:9; Ê-sai 53) và Lần Đến Thứ Hai (Sự Tái Lâm) (Khải Huyền 19). Hai từ này song hành với nhau, nhưng trong những thuật ngữ khác nhau, trong Ma-thi-ơ 24:30.

**13:27 "" các thiên sứ ""** Trong 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:7 các thiên sứ được gọi là các thiên sứ của Chúa Jesus. Thông thường họ được gọi là các thiên sứ của YHWH (Giu-đe 14).

▣ **"" tập hợp những người được chọn ""** Đây là ngôn ngữ tiên tri Cựu Ước (Phục Truyền 30:35; Ê-sai 43:6; và Thi 50:5). Trình tự chính xác của những sự kiện kỳ tận thế đặc biệt này là không rõ. Phao-lô dạy rằng tại lúc chết đi thì các tín hữu đã được ở cùng với Đấng Christ (2 Cô-rinh-tô 5:6,8). 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18 dạy rằng có vẻ như một điều gì đó của cơ thể thuộc thể vật lý của chúng ta, sẽ bị để lại đây, và sẽ hợp nhất với tâm linh của chúng ta trong lúc Chúa trở lại. Điều này ngụ ý về một tình trạng linh hồn lìa khỏi thể xác giữa sự chết và ngày phục sinh. Có quá nhiều điều về những sự kiện về ngày tận thế và trải nghiệm về cõi đời sau không được ghi lại trong Kinh Thánh.

▣ **"" khắp bốn phương, từ cùng trời đến cuối đất ""** Điều này ngụ ý về một sự đi theo Chúa Jesus trên khắp toàn cầu! Nó cũng ngụ ý mất một khoảng thời gian dài để phúc âm có thể loan truyền rộng rãi ra.

Con số bốn trong Kinh Thánh là biểu tượng cho thế giới. Nó chỉ về bốn góc của thế giới (Ê-sai 11:12), bốn ngọn gió của thiên đàng (Đa-ni-ên 7:2; Xa-cha-ri 2:6), và bốn đầu cuối của thiên đàng (Giê-rê-mi 49:36). Những người được chọn sẽ được tập hợp lại từ bất kỳ nơi nào họ bị phân tán khắp nơi.

**CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG CON SỐ BIỂU TƯỢNG TRONG KINH THÁNH**

A. Một vài con số gồm có hai chức năng là số đếm và biểu tượng:

1. Một - Đức Chúa Trời (Phục truyền Luật lệ Ký 6:4; Ê-phê-sô 4:4-6.)
2. Sáu - con người không hoàn hảo (7 thiếu đi một, Khải huyền 13:18)
3. Bốn-toàn bộ mặt đất (bốn góc đất, bốn hướng gió)
4. Bảy - hoàn hảo thiên thượng (bảy ngày sáng tạo). Chú ý cách sử dụng biểu tượng trong sách Khải huyền:
  - a. bảy chân đèn, 1:13,20; 2:1
  - b. bảy ngôi sao, 1:16,20; 2:1

- c. bảy hội thánh, 1:20
  - d. bảy thân linh của Đức Chúa Trời, 3:1, 4:5; 5:6
  - e. bảy cây đèn, 4:5
  - f. bảy ấn, 5:1,5
  - g. bảy sừng và bảy mắt, 5:6
  - h. bảy thiên sứ, 8:2,6; 15:1,6,7,8; 16:1; 17:1
  - i. bảy tiếng kèn, 8:2,6
  - j. bảy tiếng sấm, 10:3,4
  - k. bảy ngàn, 11:13
  - l. bảy đầu, 13:1; 17:3,7,9
  - m. bảy tai vạ, 15:1,6,8; 21:9
  - n. bảy bát, 15:7
  - o. bảy vị vua, 17:10
5. Mười - sự trọn vẹn
- a. được dùng trong các sách Phúc Âm:
    - (1) Ma-thi-ơ 20:24; 25:1,28
    - (2) Mác 10:41
    - (3) Lu-ca 14:31; 15:8; 17:12,17; 19:13,16,17,24,25
  - b. được dùng trong sách Khải huyền:
    - (1) 2:10, mười ngày hoạn nạn
    - (2) 12:3; 17:3,7,12,16, mười sừng
    - (3) 13:1, mười mào triều
  - c. Bội số của 10 trong sách Khải huyền:
    - (1)  $144.000 = 12 \times 12 \times 1000$ , xem 7:4, 14:1,3
    - (2)  $1.000 = 10 \times 10 \times 10$ , xem 20:2,3,6
6. Mười hai - tổ chức theo loài người
- a. mười hai con trai của Gia-cốp (mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên, Sáng thế Ký 35:22; 49:28)
  - b. mười hai trụ cột, Xuất Ê-díp-tô Ký 24:4
  - c. mười hai viên đá đeo trên ngực của Thầy Tế Lễ Cả, Xuất Ê-díp-tô Ký 28:21; 39:14
  - d. mười hai ổ bánh mì, đặt trên bàn trong Nơi Thánh (biểu tượng cho sự chu cấp của Chúa dành cho mười hai chi phái), Lê-vi Ký 24:5; Xuất Ê-díp-tô Ký 25:30
  - e. mười hai thám tử, Phục-truyền Luật-lệ Ký 1:23; Giô-suê 3:22, 4:2,3,4,8,9,20
  - f. mười hai sứ đồ, Ma-thi-ơ 10:1
  - g. sử dụng trong sách Khải huyền:
    - (1) mười hai ngàn người được đóng dấu, 7:5-8
    - (2) mười hai vì sao, 12:1
    - (3) mười hai cửa, mười hai thiên thần, mười hai chi phái, 21:12
    - (4) mười hai nền đá, tên của mười hai sứ đồ, 21:14
    - (5) Giê-ru-sa-lem mới hình khối mỗi chiều mười hai ngàn ếch-ta-đơ, 21:16
    - (6) mười hai cửa được làm từ mười hai loại ngọc, 21:12
    - (7) cây sự sống có mười hai loại trái, 22:2
7. Bốn mươi - con số biểu tượng thời gian:
- a. đôi khi có nghĩa đen (ra khỏi Ai-cập và lang thang trong đồng vắng, Xuất Ê-díp-tô Ký 16:35); Phục truyền Luật lệ Ký 2:7; 8:2
  - b. có thể là nghĩa đen hoặc biểu tượng
    - (1) lũ lụt, Sáng thế Ký 7:4,17; 8:6
    - (2) Môi-se ở trên núi Si-nai, Xuất Ê-díp-tô Ký 24:18; 34:28; Phục-truyền Luật-lệ Ký 9:9,11,18,25
    - (3) những giai đoạn trong cuộc đời của Môi-se:
      - (a) bốn mươi năm ở Ai Cập
      - (b) bốn mươi năm trong sa mạc
      - (c) bốn mươi năm dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên
    - (4) Đức Chúa Giê-xu kiêng ăn bốn mươi ngày, Ma-thi-ơ 4:2; Mác 1:13; Lu-ca 4:2
  - c. Hãy chú ý (bởi công cụ Thánh Kinh Phù Dẫn) số lần con số này xuất hiện về thời gian được

xác định bởi Kinh Thánh

8. Bảy mươi – con số trọn vẹn chỉ dân chúng:
- Y-sơ-ra-ên, Xuất Ê-díp-tô Ký 1:5
  - bảy mươi trường lão, Xuất Ê-díp-tô Ký 24:1,9
  - theo ý nghĩa lai thế, Đa-ni-ên 9:2,24
  - nhóm truyền giáo, Lu-ca 10:1,17
  - sự tha thứ (70x7), Ma-thi-ơ 18:22

C. Các tài liệu tham khảo hay

- "*Biblical Numerology*" của John J. Davis
- "*Plowshares and Pruning Hooks*" của D. Brent Sandy

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 13:28-32

<sup>28</sup> Hãy rút ra bài học từ cây vả, vừa lúc cây đâm chồi ra lá thì các con biết mùa hạ sắp đến. <sup>29</sup> Cũng vậy, khi các con thấy các điều đó xảy ra thì biết Con Người đã gần, đang ở ngay trước cửa. <sup>30</sup> Thật, Ta bảo các con, thế hệ này sẽ không qua đi trước khi mọi việc kia xảy đến. <sup>31</sup> Trời đất sẽ qua đi, nhưng những lời Ta nói sẽ không bao giờ qua đâu. <sup>32</sup> Về ngày và giờ đó thì không ai biết được, cả các thiên sứ trên trời, hay là Con cũng vậy, chỉ một mình Cha mà thôi.

**13:28** "" **cây vả** "" Trong ẩn dụ này cây vả có vẻ như không phải là biểu tượng của dân Y-sơ-ra-ên như trong Mác 11:12-14, nhưng là một ẩn dụ của các tín hữu hiểu biết về thời điểm (kỳ) chung chung, nếu không phải là thời điểm cụ thể, của sự tái lâm của Chúa. Cây vả là cây này nở muộng. Nó báo hiệu cho việc mùa hạ sắp đến, không phải mùa xuân.

**13:29** "" **biết (nhận ra)** "" Cụm từ này hoặc là một Thể chỉ định chủ động hiện tại (present active indicative) hoặc là một Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative). Thể hệ sau cùng sẽ hiểu chính xác những đoạn Kinh Thánh tiên tri này. Nan đề của hội thánh là mỗi thế hệ tín hữu đều cố gắng ép những lời tiên tri này vào trong văn hóa và lịch sử của đương đại của chính họ. Cho đến hiện nay thì tất cả mọi thế hệ đều đã sai. Hội thánh đã đánh mất sự tín nhiệm bởi tất cả những sự dự báo sai trật này!

▣ "" **Con Người (Ngài trong bản tiếng Anh)** "" Không có đại từ nào trong bản Kinh Thánh tiếng Hy Lạp. Động từ "là" có thể ở giống đực hoặc trung tính về mặt ngữ pháp. Bởi vì Mác 13:14, từ trung tính "nó" phù hợp tốt nhất. Nếu vậy, thì từ này chỉ về sự hủy diệt thành Giê-ru-sa-lem.

**13:30** Đây là một cấu trúc ngữ pháp ghép phủ định kép (double negative grammatical construction) mạnh mẽ. Nó có thể chỉ về

- sự tiêu diệt Giê-ru-sa-lem
- sự hóa hình (theo Mác 9:1)
- những dấu hiệu về Sự Tái Lâm

Nan đề chính là Chúa Jesus đã kết hợp cả ba câu hỏi (theo Ma-thi-ơ 24:3) mà các môn đồ đã hỏi vào trong một văn mạch, với không có một sự phân định rõ ràng giữa các sự kiện.

**13:31** "" **Trời đất sẽ qua đi** "" Lẽ thật vĩ đại này được ẩn giấu trong ngôn ngữ lai thế Cựu Ước (2 Phi-e-rô 3:7,10). Lời Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ qua đi, nhưng sự sáng tạo thuộc thể vật chất vốn đã bị ảnh hưởng bởi tội lỗi sẽ được tẩy sạch. Đây là chủ đề thường xuyên trong Kinh Thánh (Giô-suê 21:45; 23:14-15; 1 Các Vua 8:56; Ê-sai 40:6-8; 55:8-11; Ma-thi-ơ 5:17-20).

**13:32** "" **ngày ...đó** "" Đây là một tiếp vĩ ngữ của cụm từ Cựu Ước "Ngày của Chúa" (rất thông dụng trong A-mốt và Giô-ên). Nó chỉ về Sự Tái Lâm hoặc ngày phán xét (tạm thời= sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem hoặc lai thế = sự phán xét sau cùng).

▣ "" **và giờ** "" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Giờ tại Mác 14:35.

▣ "" **không ai biết được...chỉ một mình Cha mà thôi** "" Câu này chỉ về Sự Tái Lâm và Thời Kỳ Mới, chứ không phải là sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem. Chúa Jesus đề cập đặc biệt đến thế hệ này trong Mác 13:30. Đây là một câu Kinh Thánh mạnh mẽ để làm nản lòng các Cơ Đốc Nhân khỏi việc tính toán một ngày cụ thể cho Sự

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC CHÚA CHA

Cựu Ước giới thiệu một hình ảnh quen thuộc gần gũi của Đức Chúa Trời đó là hình ảnh người Cha:

1. quốc gia Do Thái thường được gọi là 'con' của Đức Giê-hô-va (Ô-sê 11:1; Ma-la-chi 3:17);
2. ngay cả trước đó trong sách Phục truyền Luật lệ ký hình ảnh Đức Chúa Trời là Cha cũng đã được sử dụng (1:31);
3. trong Phục truyền đoạn 32 Y-sơ-ra-ên được gọi là "con cái của Ngài" và Chúa được gọi là "Cha của các ngươi";
4. hình ảnh này cũng được nêu trong Thi thiên 103: 13 và phát triển thêm trong Thi thiên 68:5 (cha của kẻ mồ côi); và
5. hình ảnh này cũng rất thông dụng trong các sách tiên tri (Ê-sai 1:2; 63:8; Y-sơ-ra-ên là con trai, và Đức Chúa Trời là Cha, 63:16; 64:8; Giê-rê-mi 3:4, 19; 31:9).

Chúa Jêsus sử dụng tiếng A-ram, có nghĩa là trong nhiều chỗ khi chữ "Cha" xuất hiện trong tiếng Hy Lạp, *Pater*, thì nó diễn tả chữ *Abba* trong tiếng A-ram (14:36). Những từ ngữ như "Ba" hay "Cha" cho thấy sự thân mật của Chúa Jêsus với Cha; Việc Chúa bày tỏ sự thân mật này cho các môn đồ thấy khuyến khích chúng ta cũng nên có mối liên hệ mật thiết với Đức Chúa Cha. Từ "Cha" chỉ được dùng cho Đức Giê-hô-va trong Cựu ước, nhưng Chúa Jêsus dùng nó rất thường và dùng ở nhiều nơi. Khái niệm này là một sự mặc khải quan trọng cho mối liên hệ mới của chúng ta với Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus Christ.

▣ **" cả các thiên sứ trên trời"** Các thiên sứ được xem như cũng ham biết về cách Đức Chúa Trời sẽ đối xử với loài người (1 Cô-rinh-tô 4:9; Ê-phê-sô 2:7; 3:10; 1 Phi-e-rơ 3:12). Ngay cả khi họ hiện diện cùng với Đức Chúa Trời, họ cũng không thể nào có thể hiểu được hoàn toàn những kế hoạch của Ngài. Trong Đấng Christ, những mục đích đời đời được khiến trở nên hiển nhiên!

▣ **" hay là Con cũng vậy "** Sự thiếu thông tin chỉ ra rõ ràng nhân tính thật của Chúa Jesus. Chúa Jesus, dù hoàn toàn là con người và hoàn toàn là Đức Chúa Trời, đã bỏ lại thần tính của Ngài nơi thiên đàng khi Ngài nhập thể (Phi-líp 2:7). Sự giới hạn chỉ có tác động cho đến sau sự thăng thiên.

Cách sử dụng từ "Con" của Chúa Jesus để bày tỏ về chính mình Ngài bày tỏ sự tự thấu hiểu của Ngài (YHWH là Cha, Ngài là Đấng được lựa chọn, Con là Đấng Mê-si ). Đây là một cách sử dụng hiếm của từ "Con" với ngụ ý "Con của Cha" (Đức Chúa Trời). Chúa Jesus thường chỉ về chính Ngài là "Con Người," nhưng trong cụm từ này cần hiểu bởi những người nghe Ngài phán như là "một con người" trừ khi họ đã quen thuộc với cách sử dụng đặc biệt trong Đa-ni-ên 7:13. Nhưng, Do Thái Giáo không nhấn mạnh câu Kinh Thánh và danh xưng Cựu Ước này.

Cụm từ "cũng không phải Con" không được chép trong Ma-thi-ơ 24:36 hoặc trong những bản thảo cổ tiếng Hy Lạp ông-xi-an <sup>α</sup>, K, L, W. Nó được thêm vào trong phần lớn các bản dịch bởi vì nó xuất hiện trong các bản thảo <sup>κ</sup>, B và D, và bản Diatesseron, và các bản tiếng Hy Lạp được biết bởi Irenaeus, Origen, Chrysostom, và những bản dịch cổ tiếng La-tinh được dùng bởi Jerome. Đây có thể là một trong những phần Kinh Thánh được hiệu đính bởi những nhà sao chép Kinh Thánh chính thống để nhấn mạnh thần tính của Đấng Christ chống lại những giáo sư giả (Hãy xem quyển *The Orthodox Corruption of Scripture*, được viết bởi Bart D. Ehrman, Oxford University Press, 1993, ở trang 91-92).

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 13:33-37

<sup>33</sup> **Hãy cảnh giác và tỉnh thức vì các con không biết giờ đó đến khi nào.** <sup>34</sup> **Cũng như một người kia sắp lên đường đi xa, khi rời nhà, giao quyền cho các đầy tớ, mỗi người một việc, và dặn người gác cửa phải tỉnh thức.** <sup>35</sup> **Vậy, hãy tỉnh thức vì các con không biết chủ nhà về lúc nào, hoặc chiều tối, nửa đêm, lúc gà gáy, hay tảng sáng,** <sup>36</sup> **kéo chủ về thình lình, bắt gặp các con đang ngủ chãng.** <sup>37</sup> **Những gì Ta nói với các con, Ta cũng nói cho mọi người: Hãy tỉnh thức!"**

**13:33 " Hãy cảnh giác và tỉnh thức "** Đây là những Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative) (theo Mác 13:5,9,23). Các tín hữu cần phải sống trong một niềm hy vọng bền lòng về Sự Tái Lâm. Trong Mác 13:33-37 có hai sự khác biệt về từ Hy Lạp "cảnh giác":

1. *blepō* (câu 33, theo Ga-la-ti 6:1)

2. *grēgoreō* (những câu 34,35,37, Ê-phê-sô 6:18)

Trong bộ *Greek-English Lexicon of the New Testament Based on Semantic Domains*, của Louw and Nida, tập 1, trang 333, những từ này có một trường nghĩa rộng trùng lặp với "hãy tỉnh thức" hoặc "hãy cảnh giác" hoặc "hãy canh giữ" cho lựa chọn #2.

Mặc dù sự thật rằng Sự Tái Lâm chỉ là trải nghiệm của chỉ một thế hệ, nhưng mỗi thế hệ sống với niềm hy vọng bên lòng về sự trở lại bất cứ giây phút nào của Chúa. Điều này giải thích tại sao Các Sứ Đồ và hội thánh đầu tiên nghĩ rằng sự tái lâm là sắp xảy ra. 2000 năm trỉ hoãn thật là một sự đáng ngạc nhiên, nhưng Đức Chúa Trời mong mỏi và ao ước rằng không có bất kỳ người nào sẽ bị hư mất (1 Ti-mô-thê 2:4; 2 Phi-e-rơ 3:9). Ngài trì hoãn để rồi hội thánh có thể hoàn thành Đại Mạng Lệnh (theo Ma-thi-ơ 28:19-20; Lu-ca 24:46-47; Công Vụ 1:8) và rằng con số trọn vẹn của những tín hữu Do Thái và Người Ngoại sẽ được thu gom lại (Rô-ma 11). Sự tái lâm là tuyệt diệu cho các tín hữu, nhưng lại là một thảm họa của hậu quả đời đời dành cho những kẻ không tin.

▣["**và cầu nguyện**"] Những từ này xuất hiện trong nhiều thảo bản cổ tiếng Hy Lạp ông-xi-an bao gồm bản  $\alpha$ , A, C, K, L, W, X, nhưng không có trong bản B và D. Chúng có khả năng cao ở trong bản gốc (như trong bản NKJV). UBS4, tuy nhiên, lại đánh giá bản ngắn hơn một điểm "B" (gần như chắc chắn).

▣"**giờ đó (được định)**" Đây không phải là từ dùng cho trình tự thời gian *chronos*, vốn không được sử dụng trong Mác, nhưng là từ dùng cho một thời điểm đặc biệt được ấn định (*kairos*, theo Mác 1:15). Từ này chỉ về một sự kiện lai thế học chính. Câu hỏi nó là sự kiện nào: (1) sự hủy diệt trên Giê-ru-sa-lem; (2) sự xuất hiện của Con Người; hoặc (3) sự bắt đầu của Thời Đại Mới? Sự kiện thứ nhất xảy ra vào năm 70 SC. Sự kiện thứ hai, trong một nghĩa, đã xảy ra (sự nhập thể và cuộc sống của Chúa Jesus), nhưng trong một nghĩa khác, ở tương lai (sự hoàn tất của Vương Quốc của Đức Chúa Trời vào Sự Tái Lâm của Chúa Jesus). Sự kiện ba, giống như sự kiện hai, có một số ý nghĩa rằng nó đã xảy ra rồi. Tín hữu cần luôn luôn sẵn sàng – nhưng chưa đến của Thời Đại Mới, Vương, Vương Quốc của Đức Chúa Trời (theo quyển sách của Fee và Stuart, *How to Read the Bible for All Its Worth*, ở trang 131-134).

**13:34** "**nư một người kia sắp lên đường đi xa**" Đây là cụm từ thông dụng trong nhiều sự dạy dỗ ẩn dụ theo nghĩa bóng của Chúa Jesus (theo Mác 12:1; Ma-thi-ơ 21:33; 25:14; Lu-ca 15:13; 19:12; 20:9). Nan đề là yếu tố thời gian (theo Mác 13:35-37). Chỉ cần có đủ thời gian, bản chất thật của con người sẽ bộc lộ ra. Sự trì hoãn sự tái lâm khiến sự trung thành và những ưu tiên của con người bộc lộ ra chính mình họ. Phúc Âm theo Ma-thi-ơ mở rộng những từ này trong Ma-thi-ơ 24:42-51.

▣"**giao quyền cho các đầy tớ, mỗi người một việc**" Đây có lẽ chỉ đến những ân tứ của Đức Thánh Linh, được liệt kê trong Rô-ma 12; 1 Cô-rinh-tô 12; và Ê-phê-sô 4. Các Cơ Đốc Nhân sẽ bị phán xét (2 Cô-rinh-tô 5:10), nhưng phán xét cái gì? Chắc chắn không phải tội lỗi, bởi vì dòng huyết của Chúa Jesus tha thứ mọi tội lỗi (Hê-bơ-rơ 9). Có lẽ Các Cơ Đốc Nhân sẽ phải giải trình với Đức Chúa Trời về sự quản trị phúc âm và những ân tứ thuộc linh của họ

**13:35**

**NASB**

"**dù là buổi chiều tối, nửa đêm, hay là khi gà gáy vào buổi sáng**"

**NKJV**

"**vào buổi tối, nửa đêm, khi gà đang gáy, hoặc vào buổi sáng**"

**NRSV**

"**vào buổi tối, hoặc lúc nửa đêm, hoặc khi gà gáy, hoặc lúc bình minh**"

**TEV**

"**vào buổi tối hoặc lúc nửa đêm, hoặc trước khi rạng sáng hoặc khi mặt trời mọc**"

**NJB**

"**buổi tối, nửa đêm, gà gáy hoặc bình minh**"

Cách dùng từ này chỉ về bốn canh giờ của một đêm theo người La Mã gồm ba tiếng mỗi canh:

4. đêm, 6 - 9 giờ tối.

5. nửa đêm, 9 giờ tối. – nửa đêm

6. gà gáy, 12:00 giờ sáng- 3 giờ sáng

7. rạng đông, 3 - 6 giờ sáng

**13:37** Hãy xem ghi chú tại Mác 13:33.

## **NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần

giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Mục đích căn bản của đoạn Kinh Thánh này là gì?
2. Những câu 4-7 có mô tả về kỳ tận thế hay không?
3. Lời tiên tri của Đa-ni-ên trong những đoạn 7-12 liên hệ như thế nào với Sự Tái Lâm?
4. Tại sao Chúa Jesus lại sử dụng ngôn ngữ lai thế học như trong câu 24?
5. Các tín hữu có thể biết được khi nào Chúa sẽ trở lại hay không?
6. Sự Tái Lâm là sắp sửa xảy ra, đã bị trì hoãn, hay thời điểm là không biết rõ?
7. Làm thế nào mà Chúa Jesus có thể lại không biết về sự trở lại của Ngài?
8. Bạn có trông đợi Chúa Jesus sẽ trở lại khi bạn còn sống hay không?



# MẮC 14

## NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS4	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Âm Mưu Giết Chúa Jesus	Âm Mưu Giết Chúa Jesus	Sự Chết của Chúa Jesus (14:1-15:47)	Âm Mưu Nghịch Củng Chúa Jesus	Sự Phản Nghịch Chống Lại Chúa Jesus
14:1-2	14:1-2	14:1-2	14:1-2	14:1-2
Sự Xức Dầu tại Làng Bê-tha-ni	Sự Xức Dầu tại Làng Bê-tha-ni	14:3-9	Chúa Jesus được Xức Dầu tại Làng Bê-tha-ni 14:3-5 14:6-9	Sự Xức Dầu tại Làng Bê-tha-ni 14:3-9
14:3-9	14:3-9	14:3-9	14:3-5 14:6-9	14:3-9
Thỏa Thuận Phản Chúa Jesus của Giu-đa	Giu-đa thỏa thuận Phản Chúa Jesus	14:10-11	Giu-đa Thỏa Thuận Phản Chúa Jesus 14:10-11	Giu-đa Phản Chúa Jesus 14:10-11
14:10-11	14:10-11	14:10-11	14:10-11	14:10-11
Lễ Vượt Qua cùng với Các Môn Đồ	Chúa Jesus Dự Lễ Vượt Qua cùng Các Môn Đồ Ngài	Bữa Tiệc Ly 14:12-16 14:17-21	Chúa Jesus Dự Bữa Ăn Lễ Vượt Qua cùng Các Môn Đồ Ngài 14:12 14:13-15 14:16 14:17-18 14:;19 14:20-21	Sự Chuẩn Bị cho Bữa Ăn Lễ Vượt Qua 14:12-16 14:17-21
14:12-21	14:12-21	14:12-16 14:17-21	14:12 14:13-15 14:16 14:17-18 14:;19 14:20-21	14:12-16 Sự Phản Bội Của Giu-đa được Báo Trước 14:17-21
Sự Thiết Lập Lễ Tiệc Thánh của Chúa	Chúa Jesus Thiết Lập Tiệc Thánh	14:22-25 Vườn Ghết-sê-ma-nê 14:26-31	Tiệc Thánh của Chúa 14:22 14:23-25 14:26	Sự Thiết Lập Lễ Tiệc Thánh 14:22-25 Sự Chối Chúa của Phi-e-rơ Được Báo Trước 14:26-31
14:22-26	14:22-26	14:22-25 Vườn Ghết-sê-ma-nê 14:26-31	14:22 14:23-25 14:26	14:22-25 Sự Chối Chúa của Phi-e-rơ Được Báo Trước 14:26-31
Phi-e-rơ Chối Chúa Được Báo Trước	Chúa Jesus Tiên Tri Trước Về Việc Phi-e-rơ Chối Chúa	14:27-31	Chúa Jesus Tiên Tri Về Phi-e-rơ Chối Chúa 14:27-28 14:29 14:30 14:31a 14:31b	14:27-31
14:27-31	14:27-31	14:27-31	14:27-28 14:29 14:30 14:31a 14:31b	14:27-31

Lời Cầu Nguyện trong Vườn Ghết-sê-ma-nê	Lời Cầu Nguyện trong Vườn Ghết-sê-ma-nê		Chúa Jesus Cầu Nguyện Trong Vườn Ghết-sê-ma-nê	Vườn Ghết-sê-ma-nê
14:32-42	14:32-42	14:32-42	14:32-34 14:35-36 14:37-38 14:39-40 14:41-42	14:32-42
Sự Phán Bội và Bắt Giữ Chúa Jesus	Sự Phán Bội và Bắt Giữ Trong Vườn Ghết-sê-ma-nê		Sự Bắt Giữ Chúa Jesus	Sự Bắt Giữ
14:43-50	14:43-50	14:43-50	14:43-44 14:45-49 14:50	14:43-52
Người Nam Trẻ Chạy Trốn	Người Nam Trẻ Chạy Trốn Minh Trần		14:51-52	
14:51-52	14:51-52	14:51-52	14:51-52	
Chúa Jesus Trước Tòa Phiên	Chúa Jesus Đối Diện Với Tòa Công Luận	Chúa Jesus Trước Cai-phe	Chúa Jesus Trước Phiên Tòa	Chúa Jesus Trước Tòa Công Luận
14:53-65	14:53-65	14:53-65	14:53-56 14:57-59 14:60 14:61 14:62 14:63-64a 14:64b 14:65	14:53-54 14:55-64 14:65
Phi-e-rơ Chối Chúa Jesus	Phi-e-rơ Chối Chúa Jesus và Khóc Cay Đắng		Phi-e-rơ Chối Chúa Jesus	Sự Chối Chúa của Phi-e-rơ
14:66-72	14:66-72	14:66-72	14:66-67 14:68 14:69-70a 14:70b 14:71 14:72	14:66-72

### CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

#### THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần

giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chìa khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

## NHỮNG PHẦN KINH THÁNH SONG HÀNH TƯƠNG ĐỒNG TRONG CÁC SÁCH PHÚC ÂM CỘNG QUAN

- A. Âm mưu giết Chúa Jesus trong Mác 14:1-2 song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 16:1-5 và Lu-ca 22:1-2.
- B. Sự xúc dầu tại làng Bê-tha-ni trong Mác 14:3-9 song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 16:6-13 và Giảng 12:2-8 (có lẽ là một sự xúc dầu khác với sự xúc dầu trong Ga-li-lê trong Lu-ca 7:36-39).
- C. Thỏa thuận của Giu-đa phản bội Chúa Jesus trong Mác 14:10-11 song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 26:14-16 và Lu-ca 22:3-6.
- D. Lễ Vượt Qua cùng với các môn đồ trong Mác 14:12-21 song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 26:17-25, Lu-ca 22:21-23, và Giảng 13:21-30.
- E. Sự thiết lập Tiệc Thánh trong Mác 14:22-26 song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 26:26-29 và Lu-ca 22:17-20 (1 Cô-rinh-tô 11:23-26).
- F. Sự chối Chúa của Phi-e-rơ được báo trước trong Mác 14:27-31 song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 26:31-35.
- G. Lời cầu nguyện của Chúa Jesus trong Vườn Ghết-sê-ma-nê trong Mác 14:32-42 song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 26:36-46, Lu-ca 22:39-40, và Giảng 18:1.
- H. Sự phản bội và bắt giữ Chúa Jesus trong Mác 14:43-50 song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 26:47-56, Lu-ca 22:47-53, và Giảng 18:2-12.
- I. Chúa Jesus trước Tòa Công Luận trong Mác 14:53-65 song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 26:57-68 và Giảng 18:12,19-24.
- J. Sự chối Chúa Jesus trong Mác 14:66-72 song hành tương đồng với Ma-thi-ơ 26:69-75, Lu-ca 22:54-62, và Giảng 18:15-18,25-27.

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 14:1-2

<sup>1</sup> Hai ngày trước lễ Vượt Qua và lễ Bánh Không Men, các thầy tế lễ cả cùng các thầy thông giáo tìm cách để bắt và giết Đức Chúa Jêsus. <sup>2</sup> Họ nói: “Không nên ra tay trong ngày lễ, kẻo gây náo động trong dân chúng.”

**14:1 " lễ Vượt Qua và lễ Bánh Không Men "** Nguyên gốc có hai lễ riêng biệt kỷ niệm cùng một sự kiện, tai vạ cuối cùng khiến cho Pha-ra-ôn đã phải cho phép người Hê-bơ-rơ rời khỏi Ai Cập. Những yêu cầu cho bữa ăn Lễ Vượt Qua được tìm thấy trong Xuất 12:1-14,21-28,43-51. Trình tự của kỳ lễ bảy ngày Bánh Không Men được thấy trong Xuất 12:8,15-20 (Dân Số Ký 28:16-25, Phục Truyền 16:1-8, và trong sách của Josephus,

*Antiquities* 3.10.5).

▣ "**Hai ngày trước**" Bởi vì có hai kỳ lễ được kết hợp lại, Người Do Thái đôi khi nhắc đến cả giai đoạn này là "Kỳ Lễ Vượt Qua." Vì thế, không rõ "hai ngày" ở đây có nghĩa là (1) hai ngày trước kỳ lễ tám ngày hoặc là (2) hoặc là hai ngày trước chính Ngày Lễ Vượt Qua.

Giăng 12:1-8 đề cập sự kiện này xảy ra trong một ngày khác; từ câu 3 trở đi có thể là một sự hồi tưởng lại. Trình tự của những ngày cuối cùng trong cuộc đời của Chúa Jesus được ghi lại khác nhau bởi bốn tác giả Phúc Âm. Theo ý riêng của tôi, hội thánh đầu tiên đã nhận ra sự thiếu nhất quán giữa bốn Sách Phúc Âm, nhưng đã không cố để san bằng sự khác biệt. Sự khác biệt đã được gây ra bởi (1) bản chất chứng kiến tận mắt của các tác phẩm và (2) những mục đích thần học/ chia sẻ phúc âm của mỗi cá nhân tác giả. Mỗi người đã có sự tự do (dưới sự thân cảm) để lựa chọn, phát triển, và sắp xếp những sự dạy dỗ và hành động của Chúa Jesus để phù hợp với những mục đích của họ và nhóm người đọc họ hướng đến (theo Gordon Fee và Doug Stuart, *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 126-129).

▣ "**thầy tế lễ cả cùng các thầy thông giáo**" Ma-thi-ơ thêm vào "các trưởng lão," vốn là một sự định danh đầy đủ cho Tòa Công Luận. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 12:13.

▣ "**để bắt và giết**" Điều này không có gì mới (theo Mác 3:6; 11:18), nhưng những hành động của Chúa Jesus trong việc chấp nhận sự xác nhận của đám đông trong suốt Sự Tiên Vào Thành Giê-ru-sa-lem Cách Vinh Hiển và sự tẩy sạch những thương buôn khỏi khu vực Sân của Người Ngoại đã đóng ấn số phận của Ngài với cả Những người Pha-ri-si và Sa-đu-sê.

**14:2 "kéo gây náo động trong dân chúng"** Chúa Jesus rất nổi tiếng tại khu vực Ga-li-lê. Trong suốt Lễ Vượt Qua, dân số Giê-ru-sa-lem tăng lên gấp ba lần so với dân số thường ngày của nó với những người hành hương đến từ khắp khu vực Địa Trung Hải, rất nhiều người trong số họ là những người đến từ Ga-li-lê. Có khả năng "cuộc náo động" được nhắc đến trong Ma-thi-ơ 26:5 và 27:24.

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 14:3-9

<sup>3</sup> Đức Chúa Jêsus ở tại làng Bê-tha-ni, trong nhà của Si-môn là người phong hủi. Khi Ngài đang ngồi tại bàn ăn thì có một phụ nữ vào, mang theo một bình bằng ngọc đựng dầu cam tùng nguyên chất, rất đắt tiền. Bà ấy đập bể bình và đổ dầu thơm lên đầu Ngài. <sup>4</sup> Có vài người tức giận nói với nhau: "Sao lại phung phí dầu thơm như vậy? <sup>5</sup> Vì dầu này có thể bán được hơn ba trăm đơ-ni-ê để cho người nghèo." Họ nặng lời với bà. <sup>6</sup> Nhưng Đức Chúa Jêsus phán: "Hãy để mặc người. Tại sao các con gây phiền hà cho người ấy? Người đã làm một việc tốt cho Ta. <sup>7</sup> Vì các con luôn có người nghèo bên mình, muốn làm phước cho họ lúc nào cũng được; nhưng không phải lúc nào cũng có Ta đâu. <sup>8</sup> Người đã làm điều mình có thể làm, đã xúc tác Ta để chuẩn bị cho việc chôn cất. <sup>9</sup> Thật, Ta bảo các con, trên khắp thế giới này, bất cứ nơi nào Tin Lành được rao giảng, việc người phụ nữ này làm sẽ được nhắc đến để tưởng nhớ người."

**14:3 "Bê-tha-ni"** Một thành phố nằm bên rặng núi được biết đến với tên Ngon Ô-liu, không xa khỏi Giê-ru-sa-lem, là một địa điểm nổi tiếng cho những người hành hương ngủ lại tại đó trong suốt ba kỳ lễ bắt buộc hàng năm. Mọi gia đình Do Thái là những người sống gần Giê-ru-sa-lem theo văn hóa có trách nhiệm mở rộng cửa nhà của họ để tiếp đón những người hành hương.

▣ "**Si-môn là người phong hủi**" Trong Cựu Ước, phong hủi là dấu chỉ của sự không hài lòng của Đức Chúa Trời. Nó gây ra một sự ghê lạnh xã hội kinh khủng. Người đàn ông này có vẻ đã được chữa lành, có lẽ bởi Chúa Jesus. Sự phong hủi trong thế giới cổ đại bao gồm nhiều loại bệnh lý về da khác nhau (Lê-vi Ký 13-14), chứ không phải chỉ là bệnh phong hủi hiện đại của chúng ta.

Phản Kinh Thánh tương đồng trong Giăng 12:2-8 ngụ ý rằng đây là nhà của La-xa-rô và rằng Ma-ri, em gái của ông, chính là người phụ nữ đó. Có thể nào Si-môn chính là cha của họ là người mà Chúa Jesus đã chữa lành trước đây?

▣ "**đang ngồi tại bàn ăn**" Họ không sử dụng ghế, nhưng tựa vào ba chiếc bàn thấp hình thành nên một hình

móng ngựa, tựa trên khuỷu tay trái của họ với chân ở phía dưới.

▣ **" một phụ nữ vào "** Lu-ca 7:36-50 ghi chép lại một sự xúc dầu trong cùng một địa điểm, nhưng bởi một người phụ nữ tội lỗi. Giăng 12:3 cho biết tên của người phụ nữ này là Ma-ri, em gái của La-xa-rơ, nhưng Mác không cho biết tên. Mác, được viết từ rất sớm, có lẽ e ngại việc cho biết về danh tính của bà là một người đi theo Chúa Jesus, trong khi Giăng, viết muộn hơn rất nhiều, cảm thấy tự do để cho biết tên của bà (theo *St. Mark's Gospel* của Lenski).

Điều này chắc chắn là một hành động yêu thương tuyệt vời vốn là biểu tượng cho việc Chúa Jesus sẽ sớm bị chôn xuống đất.

**NASB** "một lọ bằng đá thạch cao tuyệt hoa (alabaster-đá trắng xuyên sáng) "  
**NKJV** "một bình bằng đá thạch cao tuyệt hoa "  
**NRSV, TEV,**  
**NJB** " một lọ bằng đá thạch cao tuyệt hoa "

Đây là một bình đựng được bịt kín bằng đá quý trắng đục từ Alabastron, một thành phố tại Ai Cập. Một khi nó đã được mở thì không thể bịt kín lại được. Giăng 12:3 cho chúng ta biết nó có thể chứa được khoảng một cân Anh. Đây có thể chính là của hồi môn cho ngày cưới của bà. Nó rõ ràng là một hành động yêu thương và sự tận tâm quá đỗi.

**14:3**  
**NASB** "dầu thơm cam tùng nguyên chất rất đắt tiền "  
**NKJV** " dầu cam tùng nguyên chất rất đắt tiền "  
**NRSV** "dầu thơm rất đắt tiền từ cam tùng"  
**TEV** " dầu thơm rất đắt tiền cam tùng nguyên chất "  
**NJB** "dầu rất đắt, cam tùng nguyên chất "

Cam tùng được làm từ rễ của một loại thảo mộc Himalayan. Nó có hương rất mạnh. Từ "nguyên chất" có gốc từ từ *pistikos*, vốn hàm ý về một chất lượng đáng tin cậy ("chính gốc" hoặc "không được pha trộn," Theo Giăng 12:3).

Từ "cam tùng (nard)" có lẽ là một từ trong tiếng La-tinh (theo A. T. Robertson, trong *Word Pictures in the New Testament* tập 1, trang 380). Sách Phúc Âm của Mác có nhiều từ và cụm từ tiếng La-tinh nhiều hơn bất kỳ Phúc Âm nào khác. Có vẻ nó được viết hướng đến với độc giả người La Mã.

▣ **" lên đầu Ngài "** Phúc Âm của Giăng cho chúng ta biết rằng dầu được đổ lên chân Ngài (Theo Giăng 12:3). Có lẽ cả hai đều đúng bởi vì cả một cân Anh có lẽ là quá nhiều cho đầu Ngài, nhưng có thể dễ dàng để xúc cho cả cơ thể Ngài.

Có lẽ rằng sự xúc dầu trên đầu đã gợi nhắc lại sự xúc dầu cho một vị Vua (1 Sa-mu-ên 10:1; 2 Các Vua 9:3,6 và ngụ ý chỉ đến 1 Sa-mu-ên 16:13). Đây có lẽ là một biểu tượng về Đấng Mê-si hoàng gia cũng như là một nghi thức; tiến trình chôn cất (theo Mác 15:46; 16:1; Lu-ca 23:56; Giăng 19:39-40).

**14:4 " vãi "** Giăng 12:4-5 xác nhận người hỏi chính là Giu-đa Ích-ca-ri-ốt. Có lẽ các môn đồ của Chúa Jesus đang bàn tán giữa họ với nhau (theo Mác 9:10; 10:26; 11:31; 12:7; 16:3).

▣ **" tức giận nói với nhau "** Đây là một dạng nói quanh co chưa hoàn thành (imperfect periphrastic). Các môn đồ bàn tán giữa họ với nhau và phàn nàn về sự hoang phí. Họ đã giận dữ, thậm chí căm phẫn. Từ này được dùng cho thái độ của Chúa Jesus trong Mác 10:14 khi các môn đồ giữ các con trẻ khỏi Ngài.

▣ **" có thể bán được hơn ba trăm đơ-ni-ê "** Sự quy đổi tiền tệ hiện đại không giúp ích nhiều bởi vì sự thay đổi giá trị mua bán của đồng tiền. Một đơ-ni-ê chính là tiền công của một binh lính hoặc một người lao động bình thường, và vì thế, giá trị của nó khoảng chừng gần một năm tiền công.

**14:5** "" để cho người nghèo "" quyền góp cho người nghèo trong suốt kỳ lễ Vượt Qua là một yêu cầu tôn giáo quan trọng của các các ra-bi (Theo Giảng 13:29). Nó được gọi là của bố thí.

## **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LÀM TỪ THIỆN**

### **I. Chính thuật ngữ**

- A. Từ này được phát triển từ trong cộng đồng Do Thái Giáo (ví dụ, thời kỳ của Bản Bảy Mươi).
- B. Nó chỉ về việc cho người nghèo và/hoặc người trong sự thiếu thốn.
- C. Từ tiếng Anh “làm từ thiện” đến từ dạng rút gọn của thuật ngữ tiếng Hy Lạp *ele mosun* .

### **II. Khái niệm Cựu Ước**

- A. Khái niệm giúp đỡ người nghèo được diễn tả sớm trong bộ Kinh Torah (những tác phẩm của Môi-se, Sáng Thế Ký- Phục Truyền).
  - 1. trong văn mạch tiêu biểu, Phục 15:7-11
  - 2. “mót lại những sản vật nông nghiệp,” để lại một phần của mùa vụ cho người nghèo, Lê-vi Ký 19:9; 23:22; Phục 24:20
  - 3. “năm sa-bát,” cho phép người nghèo có thể ăn những sản vật của năm thứ bảy, năm đất bỏ hoang, Xuất 23:10-11; Lê-vi Ký 25:2-7.
- B. Khái niệm này được phát triển trong Văn Học Khôn Ngoan (những ví dụ được lựa chọn)
  - 1. Gióp 5:8-16; 29:12-17 (kể ác được mô tả trong 24:1-12)
  - 2. trong Thi Thiên 11:7
  - 3. Châm ngôn 11:4; 14:21,31; 16:6; 21:3,13

### **III. Sự phát triển trong Do Thái Giáo**

- A. Phần đầu của bộ Mishnah xử lý với cách làm thế nào để đối xử với người nghèo khổ, thiếu thốn, và người Lê-vi ở địa phương.
- B. Những phân trích được chọn
  - 1. “cũng như nước dập tắt ngọn lửa bùng, thì việc làm từ thiện cho người nghèo chuộc tội lỗi cũng vậy” (Huấn ca (Ecclesiasticus) [cũng được biết dưới tên Sự Khôn Ngoan của Ben Sirach] 3:30, NRSV)
  - 2. “hãy tích trữ việc làm từ thiện trong kho tàng của ngươi và nó sẽ giải cứu ngươi khỏi mọi tai họa” (Huấn ca 29:15, NRSV)
  - 3. “đối với những ai đang hành động tùy theo lẽ thật sẽ được thịnh vượng trong mọi việc làm của họ. Đối với những ai thực tập sự công chính <sup>7</sup> làm từ thiện từ chính của cải của ngươi, và không để mắt ngươi thêm muốn những món quà khi ngươi làm nó. Đừng xây mặt ngươi khỏi bất kỳ người nghèo nào, và Đức Chúa Trời sẽ không xây mặt khỏi ngươi. <sup>8</sup>Nếu ngươi có nhiều của cải, hãy ban cho họ cách tương xứng; nếu ngươi có ít, đừng ngần ngại ban cho tùy theo sự ít ỏi ngươi có. <sup>9</sup>Và ngươi sẽ xếp chồng những của cải tốt lành dành cho ngươi trong ngày có cần. <sup>10</sup>Bởi vì việc làm từ thiện sẽ giải cứu khỏi sự chết và giữ ngươi khỏi đi đến Sự Tối Tăm. <sup>11</sup>Thực vậy, sự làm từ thiện, dành cho tất cả những ai thực hành nó, là một sự dâng hiến ban cho tuyệt vời trước sự hiện diện của Đấng Thánh.” (Tobit 4:6-11, NRSV)
  - 4. “<sup>8</sup> Sự cầu nguyện và kiêng ăn là tốt, nhưng tốt hơn cả hai là làm từ thiện với sự công chính. Một sự ít ỏi với sự công chính thì tốt hơn là sự giàu có với hành động sai trật. Sự ban cho của làm từ thiện tốt hơn là chất đồng vàng. <sup>9</sup>Bởi vì việc làm từ thiện cứu khỏi sự chết và thanh tẩy mọi tội lỗi. Những ai ban cho của làm từ thiện sẽ vui hưởng một cuộc sống đầy trọn.” (Tobit 12:8-9, NRSV)

- C. Đoạn trích cuối cùng trong Tobit 12:8-9 chỉ ra sự tiến triển của vấn đề. Những hành động/ phẩm chất của con người được nhìn thấy như là động cơ dành cho cả sự tha thứ và sự rộng rãi.
- Khái niệm này được phát triển rộng hơn trong Bản Bảy Mươi, nơi mà từ tiếng Hy Lạp dùng cho việc làm từ thiện (*ele mosun*) trở thành một từ đồng nghĩa cho sự công chính (*dikaiosun*). Chúng có thể được dùng thay thế cho nhau trong việc dịch ra thuật ngữ Hê-bơ-rơ *hesed* (giao ước tình yêu và sự trung thành của Đức Chúa Trời, Phục 6:25; 24:13; Ê-sai 1:27; 28:17; 59:16; Đa-ni-ên 4:27).
- D. Những hành động của sự thương xót của con người trở nên mục tiêu trong chính họ để đạt được sự rộng rãi cá nhân của một người ở hiện tại và sự cứu chuộc khi qua đời. Hành động, chính nó, thay vì động cơ phía sau của hành động đã trở nên vượt trội hơn về thần học. Đức Chúa Trời nhìn vào trong tấm lòng, và sau đó phán xét hành động của tay thực hiện nó. Đây là sự dạy dỗ của những ra-bi, tuy nhiên bằng một cách nào đó đã lạc mất trong sự đeo đuổi sự tự xưng công chính cá nhân (Mi-chê 6:8).

#### IV. Đáp ứng lại của Tân Ước

- A. Thuật ngữ được tìm thấy trong 1. Ma-thi-ơ 6:1-4
2. Lu-ca 11:41; 12:33
  3. Công vụ 3:2-3,10; 10:2,4,31; 24:17
- B. Chúa Giê-xu trích dẫn cách hiểu biết truyền thống Do Thái về sự công chính (II Clement 16:4) trong Bài Giảng Trên Núi của Ngài (Ma-thi-ơ 5-7) như là sự chỉ về
1. làm từ thiện
  2. kiêng ăn
  3. cầu nguyện
- C. Trong Bài Giảng Trên Núi của Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 5-7), Ngài đã thay đổi cách triệt để quan điểm truyền thống về sự công chính (tin cậy vào hành động của một người). "Giao ước mới" trong Giê-rê-mi 31:31-34 đã trở thành một tiêu chuẩn mới trong sự trở nên công chính với Đức Chúa Trời (Rô-ma 3:19-31). Chúa đã ban một tấm lòng tươi mới, một tâm trí mới, một tâm linh tươi mới. Sự tập chú không phải nơi biểu hiện của con người nhưng là hành động của Đức Chúa Trời (Ê-xê-chi-ên 36:26-27).

Nhiều người Do Thái đã tin cậy vào nơi hành động của họ. Những hành động này vốn có mục đích là để tuôn tràn ra một tình yêu dành cho Đức Chúa Trời, cho lời của Ngài, và những anh chị em giao ước, không phải cho lợi ích cá nhân hoặc tự xưng-công chính! Sự khiêm nhường chính là sự hướng dẫn cho một hành động thích hợp. Tấm lòng là cốt yếu. Tấm lòng là xấu xa một cách tuyệt vọng. Đức Chúa Trời phải thay đổi tấm lòng. Tấm lòng tươi mới nơi theo gương Đức Chúa Trời!

**14:6** "' **Hãy để mặc người** "' Đây là một thể mệnh lệnh chủ động bất định (aorist active imperative). Chúa Jesus bảo vệ cho hành động yêu thương, nhân từ này. Ngài xem nó như là một hành động tiên tri cho sự chuẩn bị cho sự chết và chôn đang đến của Ngài (theo Mác 14:8).

**14:7** "' **các con luôn có người nghèo bên mình** "' Đây không phải là một bình luận làm mất thể diện người nghèo (Phục Truyền 15:4,11), nhưng nhấn mạnh về sự độc nhất của Chúa Jesus và khoảng thời gian Ngài ở trên đất.

**14:8** "' **Người đã ... xúc xác Ta để chuẩn bị** "' Bà có thể hiểu được những gì mà các môn đồ không hiểu được? Cùng một loại dầu này được sử dụng trong sự chuẩn bị cho tang lễ (Theo Giăng 19:40).

**14:9** "' **Thật** "' Từ này nguyên văn là "a-men." Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 3:28.

▣ "' **bất cứ nơi nào Tin Lành được rao giảng** "' Phúc âm chỉ về thông điệp mà Chúa Jesus dạy về Đức Chúa Trời, về nhân loại, về tội lỗi, về Chính Mình Ngài, về sự cứu rỗi, và về đời sau. Chúa Jesus bày tỏ những lẽ thật

này cho các tác giả được thần cảm của Tân Ước thông qua sự trung gian của Thánh Linh. Chúng là một sự mặc khải, không phải là một sự khám phá của con người. Nó trước tiên là một sự mặc khải của một người và một mối liên hệ tương giao với người đó, không chỉ là một bài tin điều hay một hệ thống tín lý về người đó. Nó liên quan đến mối liên hệ cá nhân với Đấng Christ bởi đức tin và sự thông hiểu về Ngài là ai và vì sao Ngài đến, vốn dẫn đến đời sống giống như Đấng Christ trong ánh sáng của mối liên hệ tươi mới với Đức Chúa Trời và một thể giới quan hoàn toàn tươi mới.

▣ **"trên khắp thế giới này"** Chúa Jesus trông đợi phúc âm được tràn ngập ra khắp trên toàn cầu (theo Mác 13:27 và Ma-thi-ơ 28:19-20; Lu-ca 24:46-47; Công Vụ 1:8).

▣ **"việc người phụ nữ này làm sẽ được nhắc đến để tưởng nhớ người"** Chúa Jesus không quên về hành động tử tế và tận tâm. Hành động này được ghi lại trong Kinh Thánh,, nhưng rất nhiều hành động khác được ghi lại trong tâm lòng của Đức Chúa Trời và sẽ được bày tỏ trong ngày lớn (phán xét) (theo Ga-la-ti 6:7-9; 1 Ti-mô-thê 5:25; Khải Huyền 14:13; also 2:1,19; 3:8).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 14:10-11**

**<sup>10</sup> Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, một trong mười hai sứ đồ, đến gặp các thầy tế lễ cả để phản nộ Đức Chúa Jêsus cho họ. <sup>11</sup> Nghe vậy họ mừng lắm, và hứa cho nó tiền bạc. Giu-đa tìm cơ hội để phản nộ Ngài.**

**14:10 "Giu-đa Ích-ca-ri-ốt, một trong mười hai sứ đồ"** Có vài giả thuyết liên hệ đến Ích-ca-ri-ốt (từ này được đánh vần khác nhau trong những thảo bản tiếng Hy Lạp khác nhau). Nó có thể chỉ đến

1. Một người nam đến từ Kerioth, một thành ở Giu-đa
2. Một người nam từ Kartam, một thành ở Ga-li-lê
3. Túi được dùng để đựng tiền
4. Từ Hê-bơ-rơ được dùng cho "sự bóp chặt"
5. Từ tiếng Hy Lạp được dùng cho con dao của sát thủ

Nếu điểm #1 là chính xác thì ông là người Giu-đa duy nhất trong Nhóm Mười Hai Môn Đồ. Nếu điểm #4 hoặc #5 là chính xác thì ông là một người nổi dậy (xê-lốt) giống như Si-môn.

Gần đây có một quyển sách được đưa ra khá thú vị, nhưng sự nghi vấn cũng rất cao (làm giảm giá trị Phúc Âm Giảng), quyển sách giải nghĩa về Giu-đa theo khuynh hướng trong ánh sáng tích cực. Quyển sách có tên *Judas, Betrayer or Friend of Jesus?* (*Giu-đa, Kẻ Phản Chúa hay Bạn Hữu của Chúa Jesus?*) viết bởi William Klassen, Fortress Press, 1996.

▣ **"một trong mười hai sứ đồ"** Ông là một thành viên của nhóm các môn đồ được chọn lọc kỹ lưỡng của Chúa Jesus. Ông là một phần của những chuyến đi sứ mạng và giới thiệu về những sự dạy dỗ, những phép lạ cũng như Bữa Tiệc Ly cuối cùng của của Chúa Jesus

Cụm từ này có một mạo từ xác định "một (người đó)." Có một vài ý kiến khác nhau cho ý nghĩa của từ này: (1) Giu-đa là lãnh đạo của nhóm Sứ Đồ. Ông giữ tiền cho nhóm và có chỗ ngồi danh dự trong Bữa Tiệc Ly Cuối Cùng hoặc (2) nó chỉ đến sự lầm bầm trong Mác 14:4.

▣ **"đến gặp các thầy tế lễ cả"** Lu-ca 22:4 thêm vào "và những cảnh vệ đền thờ (thầy đội)." Giu-đa hỏi họ rằng họ sẽ trả cho ông bao nhiêu (theo Ma-thi-ơ 26:15). Đó là giá của một nô lệ bị đổ huyết (chết) (Xuất 21:32; Xa-cha-ri 11:12).

Ma-thi-ơ 26:16 cho chúng ta biết rằng nó là "ba mươi miếng bạc." Điều này làm ứng nghiệm lời tiên tri trong Xa-cha-ri 11:12-13 (Ma-thi-ơ 27:9-10). Chúa Jesus chính là "Người Chăn" bị chối bỏ. Tác giả Phúc Âm trích dẫn đoạn 9-14 Xa-cha-ri như một nguồn gốc (thông điệp) tiên tri hoặc một Kiểu hình bóng (typology) trong mối liên hệ với chức vụ của Chúa Jesus.

1. Ma-thi-ơ 21:4-5 trích Xa-cha-ri 9:9
2. Ma-thi-ơ 24:3 trích Xa-cha-ri 12:10
3. Ma-thi-ơ 26:15 trích Xa-cha-ri 11:12-13
4. Ma-thi-ơ 26:31 trích Xa-cha-ri 13:7



▣ "phản bội" Đây chính là từ Hy Lạp "trao cho" (*paradidōmi*). Những bản Kinh Thánh tiếng Anh luôn dịch nó là "phản bội," nhưng nó không phải là ý nghĩa được thiết lập. Nó có thể có ý nghĩa tích cực của "phó thác" (theo Ma-thi-ơ 11:27) hoặc "phục hồi" hoặc "ra lệnh" (theo Công Vụ 14:26; 15:40), cũng như nghĩa tiêu cực "nộp một ai đó cho nhà cầm quyền" hoặc "trao một ai đó vào trong tay của Sa-tan" (1 Cô-rinh-tô 5:5; 1 Ti-mô-thê 1:20), hoặc dùng cho Đức Chúa Trời trong việc bỏ mặc một ai đó cho chính sự thờ hình tượng của người đó (theo Công Vụ 7:42). Thật rõ ràng theo văn mạch có thể xác định ý nghĩa của động từ phổ biến này. Sự phản bội phù hợp với hành động của Giu-đa.

**14:11 " họ mừng lắm "** Câu này không nói họ ngạc nhiên. Động cơ của Giu-đa đã luôn là một nguồn của thật nhiều sự nghi vấn. Những lãnh đạo tôn giáo có lẽ đã xem sự bội phản của ông từ trong nhóm Sứ Đồ nhưng một sự minh oan cho âm mưu giết người của họ!

▣ " tìm cơ hội " Lu-ca 22:6 thêm vào "tách khỏi đám đông." Họ đã sợ hãi sự nổi tiếng và được mến mộ của Chúa Jesus với những người hành hương từ Ga-li-lê đang hiện diện tại Giê-ru-sa-lem để dự lễ (theo Mác 11:18; 12:12; Ma-thi-ơ 26:5; 27:24).

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 14:12-16

<sup>12</sup> Vào ngày thứ nhất của lễ Bánh Không Men, là ngày người ta giết chiên con lễ Vượt Qua, các môn đồ thưa với Đức Chúa Jêsus: "Thầy muốn ăn lễ Vượt Qua tại đâu để chúng con đi và chuẩn bị?" <sup>13</sup> Ngài sai hai môn đồ đi và dặn: "Hãy vào trong thành, có một người mang vò nước sẽ gặp các con. Hãy đi theo người ấy; <sup>14</sup> người ấy vào nhà nào, các con hãy đến nói với chủ nhà ấy rằng: 'Thầy hỏi: Phòng khách để Ta và các môn đồ Ta ăn lễ Vượt Qua ở đâu?' <sup>15</sup> Chủ nhà sẽ chỉ cho các con một phòng lớn trên lầu đã được sắp đặt sẵn sàng. Hãy chuẩn bị cho chúng ta tại đó." <sup>16</sup> Hai môn đồ đi vào thành phố và gặp mọi việc như lời Ngài đã nói, rồi họ chuẩn bị lễ Vượt Qua.

**14:12 " ngày thứ nhất của lễ Bánh Không Men "** Có một vấn đề lớn chính là ngày nào Chúa và các môn đồ đã dự bữa Tiệc Ly Cuối Cùng, ngày 13 hay 14 tháng Nisan. Giảng có vẻ như ngụ ý về ngày thứ 13 (theo Mác 18:29; 19:14,31,32), trong khi các Sách Phúc Âm Cộng Quan đề cập ngày 14. Có lẽ sự khác biệt liên hệ với

1. Cách sử dụng lịch của người La Mã và lịch theo mặt trăng (âm lịch) của người Do Thái
2. Những cách khác biệt của việc một ngày bắt đầu, (buổi tối với người Do Thái và buổi sáng với người La Mã)
3. Bằng chứng từ cộng đồng Biển Chết (Dead Sea), vốn đi theo dương lịch (lịch theo mặt trời), đã giữ ngày lễ Vượt Qua sớm hơn một ngày như là biểu tượng của sự chối bỏ quyền lãnh đạo tế lễ tại Giê-ru-sa-lem

Bốn sách Phúc Âm là những kỹ thuật chứng kiến tận mắt được viết với những mục đích thần học và truyền giáo. Tác giả có quyền, dưới sự thần cảm, để lựa chọn, điều chỉnh, và sắp xếp cuộc đời và những lời phán của Chúa Jesus. Điều này giải thích cho phần lớn những chỗ khó hiểu trong các phần tường thuật phúc âm (theo Fee và Stuart, *How to Read the Bible for All Its Worth*, trang 126-129). Sự thật rằng chúng đều có những nguồn bày tỏ khác nhau về sự chân thật của chúng. Hội thánh đầu tiên đã chấp nhận cả bốn phiên bản mà không cố gắng để hợp nhất chúng (ngoại trừ bản Diatessaron của Tatian được thực hiện vào cuối thế kỷ thứ hai).

Xét về mặt giải kinh các Sách Phúc Âm cần phải được giải nghĩa dưới ánh sáng của chính bối cảnh của chúng (ý định của tác giả của chúng) và không được so sánh với các Sách Phúc Âm khác, chỉ được lấy thêm những thông tin về lịch sử.

**14:13 " hai môn đồ "** Lu-ca 22:8 cho biết rằng hai môn đồ này là Phi-e-rô và Giăng. Từ những nguồn tài liệu ra-bi Do Thái, chúng ta biết rằng chỉ có hai người từ một gia đình được cho phép vào đền thờ để dâng hiến chiên con với sự giúp đỡ của một thầy tế lễ.

▣ " một người mang vò nước sẽ gặp các con " Thật không bình thường một cách cao độ trong văn hóa này đối với một người nam mang nước và đặc biệt là mang nó trong một chiếc vò. Nếu những người nam cần mang một lượng nhiều nước, họ sẽ sử dụng da chiên hoặc da dê, chứ không phải là bình bằng đất. Đây là một phần tường thuật chứng kiến tận mắt khác của Phi-e-rô.

**14:14** "" **nói với chủ nhà** "" Nhiều người tin rằng đây chính là nhà của Giảng Mác (người tổng hợp lại những bài giảng của Phi-e-rơ tại Rô-ma thành sách Phúc Âm theo Mác), địa điểm có lẽ của Bữa Tiệc Ly và những sự hiện ra sau khi Chúa Jesus sống lại. Giảng Mác chính là em họ của Ba-na-bavà là một thành viên trong giai đoạn khởi đầu của hành trình truyền giáo thứ nhất của Ba-na-ba và Sau-lơ (Phao-lô). Ông chính là bạn đồng lao của Phi-e-rơ và có vẻ là tác giả của sách Phúc Âm thứ nhất, sử dụng ký ức hoặc những bài giảng của Phi-e-rơ. Đây có vẻ là một sự kiện được sắp đặt trước, chứ không phải là một lời tiên tri.

**14:15** Đây cũng là địa điểm của những sự hiện ra của Jesus sau khi Ngài phục sinh (theo Công Vụ 1:12). Phòng này trở thành trung tâm gặp nhau tại Giê-ru-sa-lem cho các sứ đồ.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 14:17-21**

<sup>17</sup> **Buổi tối**, Ngài đến với mười hai sứ đồ. <sup>18</sup> **Đang dùng bữa**, Đức Chúa Jêsus phán: **“Thật, Ta bảo các con, một người trong các con đang ngồi ăn với Ta đây sẽ phản Ta.”** <sup>19</sup> Các môn đồ buồn rầu lắm, lần lượt hỏi Ngài: **“Có phải con không?”** <sup>20</sup> Ngài đáp: **“Áy là một trong mười hai người, là người đang chấm bánh chung đĩa với Ta.”** <sup>21</sup> **Vì Con Người đi như lời đã chép về Ngài, nhưng khôn thay cho kẻ phản bội Con Người! Thà nó đừng sinh ra còn hơn.”**

**14:17** " **Buổi tối** " Một ngày của người Do Thái bắt đầu vào lúc trời chạng vạng tối (theo Sáng Thế Ký 1:5,8,13,19,23,31). Đây chính là bữa ăn Lễ Vượt Qua bởi vì thường bữa ăn tối của Người Do Thái diễn ra vào lúc chiều muộn. Chỉ có bữa ăn Lễ Vượt Qua được ăn vào sau 6 giờ chiều.

**14:18** " **đang ngồi** " ban đầu Lễ Vượt Qua được ăn đứng bởi vì Xuất 12:11. Người Do Thái thế kỷ thứ nhất không sử dụng ghế, một tập tục họ học được từ người Ba Tư (Ê-xơ-tê 1:6; 7:8). Họ ăn trên đệm thấp, thường có số lượng là ba, tại một bàn có hình móng ngựa (để những người phục vụ có thể mang thức ăn được dễ dàng), dựa trên những chiếc gối trên khuỷu tay trái với chân họ ở phía dưới.

▣ "" **Thật** "" Từ này là nguyên văn là "a-men." Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 3:28.

▣ "" **một người trong các con đang ngồi ăn với Ta đây sẽ phản Ta** "" Đây là một sự ngụ ý chỉ đến Thi 41:9. Đây là một cách theo văn hóa để nhấn mạnh tội lỗi của Giu-đa (Theo Giảng 13:18). Mọi quan hệ trên bàn ăn chính là một biểu tượng văn hóa quan trọng của tình bạn và sự kết ước. Phản bội một ai đó mà bạn đã ăn uống cùng là một sự kinh khủng đối với người phương đông.

**14:19** " **lần lượt hỏi Ngài: “Có phải con không** "" Mỗi môn đồ lần lượt suy nghĩ rằng đó chính là mình. Điều này chỉ ra rằng tại thời điểm này, không ai trong số họ đã nghi ngờ Giu-đa. Mỗi một người trong số họ đều không chắc chắn về vị trí của mình.

**14:20** "" **người đang chấm bánh chung đĩa với Ta** "" Đây là một chiếc đĩa đặt biệt màu xám để chấm bánh, vốn tương tự với màu gạch vữa. Giu-đa ngồi ngay bên phải Chúa Jesus tại vị trí danh dự! Chúa Jesus vẫn yên lặng, ngay cả vào giờ phút cuối cùng này, cố gắng để có thể vươn đến Giu-đa về mặt tâm linh .

**14:21** "" **nhưng khôn thay cho kẻ phản bội Con Người! Thà nó đừng sinh ra còn hơn** "" Giảng 13:từ câu 27 trở đi ngụ ý rằng Giu-đa đã rời khỏi sau chén phước hạnh thứ ba trước khi Bữa Tiệc Ly của Chúa được thiết lập. Giu-đa là một sự bí ẩn. Những động cơ cho việc phản Chúa của ông chưa bao giờ được bộc lộ. Một vài người xem ông như là một người yêu nước Do Thái đáng kính (xê-lốt) cố gắng để ép buộc Chúa Jesus hành động về quân sự chống lại người La Mã. Những người khác xem ông như là một người Do Thái trung thành là người đã nổi giận với sự chối bỏ Lời Truyền Khẩu của Chúa Jesus và mối liên hệ của Ngài với những người bị ruồng bỏ và tội nhân trong xã hội Do Thái. Sách Phúc Âm Giảng mô tả ông như một tên trộm ngay từ ban đầu, một người đã bị điều khiển bởi sự ham mê tiền bạc của mình. Tuy nhiên, hành động của Giu-đa sau khi Chúa Jesus bị bắt không phù hợp với tính cách này. Dù bất cứ động cơ thật sự hoặc lý do căn bản nào, dù với sự liên quan của Sa-tan, dù sự biết trước được liên hệ với lời tiên tri được loan báo từ trước, thì Giu-đa vẫn phải chịu trách nhiệm cho chính những hành động của mình, cũng như là tất cả chúng ta (theo Ga-la-ti 6:7).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 14:22-25**

<sup>22</sup> Đang khi ăn, Đức Chúa Jêsus lấy bánh, cảm tạ, rồi bẻ ra trao cho các môn đồ và phán: “Hãy nhận lấy, đây là thân thể Ta.” <sup>23</sup> Ngài lấy chén, tạ ơn, rồi trao cho các môn đồ, và tất cả đều uống. <sup>24</sup> Ngài phán: “Đây là huyết Ta, huyết của giao ước đổ ra cho nhiều người.” <sup>25</sup> Thật, Ta bảo các con, Ta sẽ không uống nước nho này nữa cho đến ngày Ta sẽ uống nước nho mới trong vương quốc Đức Chúa Trời.”

**14:22 " lấy bánh "** Chú ý rằng đây không phải là Chiên Con Lễ Vượt Qua (cũng không phải rau đắng), nhưng là bánh không men (*azumos*, theo Mác 14:1). Từ Hy Lạp ở đây chính là *artos*, vốn thường được sử dụng để chỉ về bánh thông thường (theo Mác 3:20; 6:8,16,36,37; 7:2,5,27; 8:4,14,16,17). Nhưng nó cũng được sử dụng cho bánh không men trong phần Kinh Thánh song hành trong Ma-thi-ơ 26:26; Lu-ca 22:19. Có lẽ chiên con có quá nhiều ý nghĩa rộng về dân tộc. Về mọi mối liên hệ về mặt lịch sử giữa Lễ Vượt Qua và Bữa Tiệc Ly, có một sự phân biệt chủ đích về mặt thần học.

Nếu có một Kiểu hình bóng vững chắc giữa Cuộc Xuất Hành và Chúa Jesus, vốn có vẻ đúng, thì bánh giữ mối quan hệ đặc biệt với "ma-na" (Xuất 16), được ban cho bởi YHWH trong suốt thời kỳ lang thang trong hoang mạc. Điều này đã cung cấp một khâu phần đem lại sự sống vững chắc cho dân sự của Đức Chúa Trời. Giờ đây YHWH ban bánh "thật" từ trời, chu cấp "nguồn cung cấp mang sự sống "thật", sai một lãnh đạo "hoàn hảo", và khởi đầu một Lễ Vượt Qua mới khởi tội lỗi và sự chết. Những tác giả Tân Ước thường sử dụng Kiểu hình bóng Đấng Christ Học trong cách trình bày của họ về Chúa Jesus như một hình mẫu được mô tả từ trước trong Cựu Ước.

Rượu trong Cựu Ước được biết như là máu của nho và thường được sử dụng trong nghĩa của tòa án (nho của sự thanh ngộ). Giờ đây nó là sinh tể mang lại sự sống đời đời. Hình ảnh này được nhìn thấy rõ trong Giảng 6.

▣ **" cảm tạ "** Có một trình tự được ấn định trong bữa ăn trong Lễ Vượt Qua. Trong mọi khả năng có thể xảy ra, biểu tượng của sự bẻ bánh và rượu xảy ra tại điểm này của nghi lễ được gọi là "chén thứ ba của phước hạnh" (1 Cô-rinh-tô 10:16).

#### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LỄ VƯỢT QUA (TRÌNH TỰ CỦA LỄ)**

- A. Lời Cầu Nguyện
  - B. Chén rượu
  - C. Sự rửa tay bởi chủ nhà và chuyên chậu đi cho tất cả mọi người
  - D. Nhúng rau đắng vào sốt
  - E. Chiên con và bữa chính
  - F. Lời cầu nguyện và lần nhúng thứ hai của rau đắng vào sốt
  - G. Chén rượu thứ hai với câu-hỏi-và-trả-lời dành cho thiếu nhi (Xuất 12:26-27)
  - H. Hát Những Bài Thi Thiên Ngợi Khen 113-114 và câu nguyện
  - I. Người dẫn chương trình mang bánh mì cho tất cả mọi người sau khi rửa tay mình
  - J. Tất cả ăn cho đến khi no; kết thúc với một miếng thịt chiên
  - K. Chén rượu thứ ba sau khi rửa tay
  - L. Hát những bài Thi Thiên Ngợi Khen 115-118
  - M. Chén thứ tư, vốn chỉ về sự hiện đến của Vương Quốc
- Nhiều người tin rằng sự ban hành Lễ Tiệc Thánh xảy ra ở bước " K."

▣ **" Hãy nhận lấy, đây là thân thể Ta "** Giảng 6: từ câu 22 trở đi và 1 Cô-rinh-tô 10:16 cho thấy hình ảnh thần học mạnh mẽ của nghi lễ này. Những lời của Chúa Jesus về thân thể và huyết của Ngài sẽ gây sốc cho người Do Thái. Sự ăn thịt người và uống huyết người chính là sự vi phạm đối với Lê-vi Ký 11. Những sự công bố này rõ ràng là theo nghĩa bóng, nhưng vẫn rất gây sùng sốt.

Chúa Jesus đã biểu tượng hóa sự đóng đinh bởi hành động bẻ bánh. Cũng như là màu của rượu giống với huyết, màu của bánh giống với thịt người. Chúa Jesus chính là Bánh của Sự Sống thật (ma-na, Theo Giảng 6:31-33,51), Lễ Vượt Qua thật, và Cuộc Xuất Hành thật!

#### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LỄ TIỆC THÁNH TRONG GIẢNG 6**

A. Phúc Âm Giăng không ghi chép bữa tiệc thánh, mặc dầu có ghi chép cuộc hội thoại và lời cầu nguyện tại lầu trên, Giăng 13-17. Sự bỏ qua này có thể có chủ đích. Các hội thánh thế kỷ thứ hai bắt đầu nhấn mạnh các nghi lễ thay vì ân điển, dường như Giăng phản đối quan điểm nặng về hình thức, bằng cách bỏ qua việc Chúa chịu làm Báp tem và tiệc thánh..

B. Giăng 6 ở trong bối cảnh hoá bánh cho 5.000 người ăn. Tuy nhiên có nhiều người dùng phân đoạn này để dạy về tiệc thánh. Đây là nguồn gốc tín lý "biến thể" của Công Giáo, (bánh và rượu biến thành thân thể và huyết của Chúa) (Giăng 6:53-56).

Câu hỏi được đặt ra là Giăng 6 bày tỏ ở mức độ nào về lương tính của Phúc Âm, (trong mối liên hệ phép lạ hóa bánh và Tiệc Thánh). Dĩ nhiên Phúc Âm ghi lại lời và sự sống của Chúa Giê-su, nhưng được viết hàng chục năm sau Chúa, cho cộng đồng tác giả muốn nhấn tới. Như vậy có ba mức độ trong mục đích của tác giả.

1. Chúa Thánh Linh
2. Chúa Giê-su và những người trực tiếp nghe Chúa
3. Phúc Âm và những người đọc Phúc Âm

Chúng ta nên giải kinh bằng phương pháp nào? Một phương pháp duy nhất là dùng ngữ cảnh, ngữ pháp, từ điển thần học với thông tin về bối cảnh lịch sử. Không thể theo trình tự ngược lại được.

C. Chúng ta phải nhớ rằng người nghe Chúa là dân Do-thái trong bối cảnh họ đang trông chờ Đấng Mê-si như một siêu hùng theo mẫu Mô-sê. (xem Giăng 6:30-31), đặc biệt về khả năng ban bánh Man-na như thời Xuất Ê-gíp-tô Ký. Các thầy Ra-bi thường dùng Thi-thiên 72:16 làm bằng chứng. Chúa Giê-su tuyên bố một cách khác thường trong Giăng 6:60-62, 66 với dụng ý chống lại sự trông chờ Đấng Mê-si một cách sai lầm như vậy (xem Giăng 6:14-15).

D. Các giám mục đầu tiên hầu hết không đồng ý rằng chương này nói về Tiệc Thánh, như giám mục Clement xứ Alexandria, Origen, and Eusebius không bao giờ nói về Tiệc Thánh khi giảng dạy phân đoạn này.

E. Ẩn dụ trong phân đoạn này khá giống ẩn dụ Chúa Giê-su dùng nói với người đàn bà Sa-ma-ri tại giếng nước. trong Giăng 4., Nước và bánh thuộc thể là biểu tượng cho sự sống đời đời và thực tại thuộc linh.

F. Sự hóa bánh này là phép lạ duy nhất được ghi chép trong cả 4 Phúc Âm. (Ma-thi-ơ. 14:13-21; Mác 6:32-44; Lu-ca 9:10-17)!

**14:23 " tạ ơn "** Từ Hy Lạp dùng cho "cám ơn" là *eucharistē*, từ đó chúng ta có tên tiếng Anh cho Lễ Tiệc Thánh, Eucharist (Lễ Tiệc Thánh).

**14:24 " Đây là huyết Ta, huyết của giao ước "** Màu của rượu tương tự với màu của huyết người. Cụm từ này có ba nguồn gốc Cựu Ước có khả năng.

1. Xuất 24:6-8, sự khởi đầu của Quyển Sách Giao Ước bằng huyết giao ước
2. Giê-rê-mi 31:31-34, phần Kinh Thánh duy nhất trong Cựu Ước đề cập đến "giao ước mới"
3. Xa-cha-ri 9:11, vốn nằm trong đơn vị văn học từ đoạn 9-14, nguồn gốc của nhiều lời giao ước (Kiểu hình bóng Đấng Christ học (Christological typology)) của cuộc đời Chúa Jesus

Có hai sự khác biệt trong những bản thảo tiếng Hy Lạp truyền thống.

1. "giao ước" đi theo Ma-thi-ơ 26:28, vốn được thấy trong bản thảo tiếng Hy Lạp  $\aleph$ , B, C, D<sup>2</sup>, và L (và cả D\* và W với một sự thay đổi nhỏ). UBS<sup>4</sup> cho cách đọc ngắn hơn này một đánh giá điểm "A" (chắc chắn).
2. "giao ước mới" đi theo Lu-ca 22:20 và 1 Cô-rinh-tô 11:25, vốn được thấy trong bản thảo MSS A và E cùng các bản dịch Vulgate, Syriac, Coptic, và Armenian ( cũng như bản NKJV). Đây có lẽ là một sự thêm vào để liên hệ những lời của Chúa Jesus với một giao ước "mới" của Giê-rê-mi 31:31-34.

Trong mọi sự thảo luận, có một điều là hiển nhiên. Sự chết của Chúa Jesus là then chốt dành cho sự phục hồi

của nhân loại sa ngã trong mối liên hệ với Cha (Mác 10:45). Chúa Jesus đến để (1) bày tỏ về Cha; (2) ban cho chúng ta một tấm gương để noi theo; và (3) chết trong chỗ của chúng ta cho tội lỗi của chúng ta. Không có bất cứ một cách nào khác cho sự cứu chuộc (Theo Giăng 10,14). Đây là một khía cạnh trung tâm của kế hoạch đời đời của Đức Chúa Trời (theo Công Vụ 2:23; 3:18; 4:28; 13:29).

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIAO ƯỚC

Thuật ngữ Cựu Ước *berith*, giao ước, không dễ để định nghĩa. Không có bất cứ ĐÔNG TỪ phù hợp trong tiếng Hê-bơ-rơ. Mọi cố gắng để tìm nguồn gốc của khái niệm từ nguyên đều được chứng minh là không thuyết phục. Tuy nhiên, tâm điểm hiển nhiên của khái niệm này đã cưỡng ép các nhà học giả phải khảo sát cách sử dụng của từ này để cố gắng xác định ý nghĩa-chức năng của nó. Giao ước là phương tiện mà bởi đó Đức Chúa Trời-chân thật – và - chỉ - một liên hệ với loài người được tạo dựng của Ngài. Khái niệm về giao ước, hiệp ước, hoặc hiệp định là rất quan trọng trong việc hiểu về sự mặc khải Kinh Thánh này. “Sự căng thẳng” (tension) giữa sự toàn năng của Đức Chúa Trời và ý chí lựa chọn tự do của con người được nhìn thấy một cách rõ ràng trong khái niệm của giao ước. Một vài giao ước được đặt nền tảng bên ngoài đặc tính và hành động của Đức Chúa Trời:

1. Sự Sáng Tạo ( Sáng 1-2)
2. sự kêu gọi Áp-ra-ham ( Sáng 12)
3. giao ước với Áp-ra-ham ( Sáng 15)
4. sự gìn giữ và lời hứa dành cho Nô-ê ( Sáng 6-9)

Tuy nhiên, chính bản chất của giao ước yêu cầu một sự đáp ứng

1. bởi đức tin A-đam phải vâng lời Chúa và không được ăn trái của cây ở giữa vườn Ê-đen
2. bởi đức tin Áp-ra-ham phải rời khỏi gia đình mình, bước đi theo Chúa, và tin cậy rằng ông sẽ có những dòng dõi hậu tự trong tương lai
3. bởi đức tin Nô-ê phải dựng một con tàu khổng lồ, cách xa những vùng nước và tập hợp những loài động vật
4. bởi đức tin Môi-se đã đem dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi Ai Cập và nhận lấy những hướng dẫn về đời sống xã hội và tôn giáo cùng với những lời hứa về các phước hạnh và các sự rửa sả (Phục 27-29)

Cùng một sự căng thẳng (tension) liên quan đến mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời với con người được đề cập trong “giao ước mới.” Sự căng thẳng có thể dễ dàng nhận thấy khi so sánh Ê-xê-chi-ên 18 với Ê-xê-chi-ên 36:27-37. Có phải giao ước dựa trên những hành động ân điển của Đức Chúa Trời hay là nó đòi hỏi sự đáp ứng của con người? Đây chính là vấn đề thiêu đốt của Giao Ước Cũ và Giao Ước Mới. Mục đích của cả hai là giống nhau:

- (1) sự phục hồi mối quan hệ đã mất ở trong Sáng 3
- (2) sự thiết lập một dân tộc công bình là những người phản chiếu đặc tính của Đức Chúa Trời.

Giao ước mới trong Giê-rê-mi 31:31-34 xử lý tình trạng căng thẳng bằng việc loại bỏ sự thi hành của con người bằng phương tiện của sự chấp nhận đạt được. Luật pháp của Đức Chúa Trời trở nên một sự khao khát từ bên trong thay vì sự biểu hiện bên ngoài. Mục đích là một dân tộc công bình, tin kính vẫn giống nhau không thay đổi, nhưng phương pháp luận thay đổi. Con người sa ngã đã chứng minh chính mình không thể phù hợp để trở thành hình ảnh phản chiếu của Đức Chúa Trời. Nan đề ở đây không phải là giao ước, nhưng là sự tội lỗi và yếu đuối của con người ( Rô-ma 7; Ga-la-ti 3).

Sự căng thẳng tương tự giữa những giao ước Cựu Ước có điều kiện và không có điều kiện vẫn tiếp tục còn lại ở trong Tân Ước. Sự Cứu Rỗi tất nhiên là miễn phí trong sự hoàn tất công việc của Chúa Giê-xu Christ, nhưng nó đòi hỏi sự ăn năn và đức tin (vừa ban đầu vừa liên tục). Nó vừa là một sự công bố hợp pháp chính thức vừa là sự kêu gọi trở nên giống như Đấng Christ, một sứ điệp biểu thị của sự chấp nhận và một mạng lệnh đến với sự thánh khiết! Các tín đồ không phải được cứu bởi việc làm của họ, nhưng được cứu trong sự vâng lời (Ê-phê-sô 2:8-10). Đời sống tin kính trở thành bằng chứng của sự cứu chuộc, không phải phương tiện của sự cứu chuộc. Đây là tình trạng căng thẳng có thể nhìn thấy rất rõ ràng trong sách Hê-bơ-rơ.

▣ **đổ ra cho nhiều người** ▣ Sự chết của Chúa Jesus, được biểu tượng hóa bởi sự đổ huyết, chính là một sinh tế cho tội lỗi (theo Mác 10:45; Ma-thi-ơ 26:28; 1 Cô-rinh-tô 15:3; 2 Cô-rinh-tô 5:21; Hê-bơ-rơ 9:11-15). Từ "nhiều người" không chỉ về một nhóm người giới hạn, nhưng là một phép tu từ ẩn dụ Hê-bơ-rơ (hoặc Sê-mít) cho "tất cả những ai đáp ứng." Điều này có thể thấy trong sự song hành trong Rô-ma 5:18 và 5:19 cũng như là Ê-sai 53:6 "mọi (tất cả)" được so sánh với 53:11-12, "nhiều người." Hãy xem ghi chú tại Mác 10:45.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỔ RA (TẢN ƯỚC)**

Từ Cổ Hy Lạp *cheō* có nghĩa là "đổ ra" (thường trong nghĩa đen). Hình thức tăng cường, *ekcheō*, lấy từ điểm này và phát triển thành hay nghĩa rộng

1. sự đổ huyết vô tội, Sáng Thế Ký 9:6; 37:22; Phục Truyền 19:10; Ma-thi-ơ 23:35; Công Vụ 22:20; Rô-ma 3:15
2. một cửa lễ được dâng lên, Các Quan Xét 6:20; 1 Sa-mu-ên 7:6; 2 Sa-mu-ên 23:16; Ma-thi-ơ 26:28; Mác 14:24; Lu-ca 22:20

Trong Chúa Jesus hai nghĩa này đã gặp nhau tại Đồi Cái Sọ (theo, Colin Brown, ed., *The New International Dictionary of New Testament Theology* tập 2, trang 853-855).

Kinh Thánh cũng sử dụng động từ này trong sự kết nối với

1. Đức Thánh Linh được đổ xuống (Giô-ên 2:28-29; Ê-xê-chi-ên 39:29; Sô-phô-ni 12:10; Công Vụ 2:17-18,33; 10:45; Tít 3:6)
2. Tình yêu của Đức Chúa Trời (Rô-ma 5:5; hãy chú ý sự song hành thần học tại Ga-la-ti 4:6)
3. Con thịnh nộ của Đức Chúa Trời (Khải Huyền 16, động từ này được sử dụng tám lần)

**14:25** ▣ **Ta sẽ không uống...nữa** ▣ Nghi lễ của Lễ Vượt Qua liên hệ với bốn cột của sự phước hạnh. Các rabi lập nên trình tự này dựa trên Xuất 6:6-7. Cột thứ ba biểu tượng cho sự cứu chuộc. Đây là điều hình thành nên nền tảng của Bữa Tiệc Ly. Chúa Jesus chối bỏ không uống chén thứ tư bởi vì nó tượng trưng cho sự hoàn thành trọn vẹn. Chúa Jesus liên hệ điều này với bàn tiệc ngày sau rốt (Ê-sai 25:6; 55; Ma-thi-ơ 8:11; Lu-ca 13:29; 14:15,24; 22:30; Khải Huyền 19:9,17).

▣ **cho đến ngày** ▣ Cụm từ này rõ ràng chỉ đến một lần đến trong tương lai của Chúa Jesus trong vinh hiển và quyền năng sẽ rất khác biệt với tình trạng hiện tại của Ngài mà tại đó Ngài đã phải đối diện với sự hổ nhục, đau đớn, bị chối bỏ, và sự chết! Hai lần đến của Chúa Jesus phân biệt nhiệm vụ của Ngài là Đấng Cứu Chuộc (sự chuộc tội chịu thay, chết thế cho) và Đấng chiến thắng /phán xét. Sự đến hai-lần đã gây ngạc nhiên cho người Do Thái. Có lẽ rằng chính Chúa Jesus, có lẽ trên đường đến Em-ma-út, là Đấng đã bày tỏ ý nghĩa trọn vẹn của các phân đoạn Cựu Ước then chốt (Sáng 3:15; Thi 22; Ê-sai 53 và Xa-cha-ri 9-14).

▣ **vương quốc Đức Chúa Trời** ▣ Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 1:15c.

### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 14:26**

<sup>26</sup> Sau khi hát thánh ca, Đức Chúa Jêsus và các môn đồ ra đi, lên núi Ô-liu.

**14:26 " hát thánh ca "** Động từ tiếng Hy Lạp này chính là nguồn gốc của từ thánh ca trong tiếng Anh "bài thánh ca (từ xưa)." Đây có lẽ là một phần của Những Bài Thi Thiên Ngợi Khen (Thi 113-118, theo Ma-thi-ơ 26:30), vốn là một phần của nghi lễ của Lễ Vượt Qua. Những bài thi thiên là chính sự bày tỏ niềm vui và sự biết ơn dành cho sự cứu chuộc của YHWH. Chúng được hát hoặc thuật lại toàn phần, hoặc một phần trong những ngày lễ chính, ngoại trừ ngày Đại Lễ Chuộc Tội. Thi Thiên 113-114 được hát sớm trong bữa ăn Lễ Vượt Qua và Thi Thiên được hát 115-118 cho đến cuối bữa ăn.

▣ **núi Ô-liu** ▣ Chúa Jesus và các môn đồ đã dùng địa điểm này như là một nơi hạ trại hoặc địa điểm để cầu nguyện trong suốt giai đoạn Lễ Vượt Qua (tám ngày).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 14:27-31**

<sup>27</sup> Đức Chúa Jêsus bảo các môn đồ: “Tất cả các con đều sẽ vấp ngã; vì có lời chép rằng:

‘Ta sẽ đánh người chần,

Thì chiên sẽ bị tan tác.’

<sup>28</sup> Nhưng sau khi Ta sống lại, Ta sẽ đến Ga-li-lê trước các con.” <sup>29</sup> Phi-e-rơ thưa: “Dù cho tất cả đều vấp ngã, nhưng con thì không.” <sup>30</sup> Đức Chúa Jêsus đáp: “Thật, Ta bảo con, hôm nay, chính đêm nay, trước khi gà gáy hai lượt, con sẽ chối Ta ba lần.” <sup>31</sup> Nhưng Phi-e-rơ càng quả quyết hơn: “Dù có phải chết với Thầy, con sẽ chẳng chối Thầy đâu.” Tất cả các môn đồ khác cũng đều nói như vậy.

**14:27**

**NASB, NJB**

"Các con sẽ đều sa ngã "

**NKJV**

"Tất cả các con sẽ bị làm cho vấp ngã "

**NRSV**

"Các con đều sẽ trở nên những kẻ bỏ trốn"

**TEV**

"Tất cả các con sẽ trốn chạy "

Đây là một thể chỉ định tương lai bị động (future passive indicative). Đây là một bằng chứng khác cho việc Chúa Jesus biết rõ và tể trị trên những sự kiện tương lai. Ý tưởng về sự bị động được nắm bắt trong bản dịch ASV "tất cả các người sẽ bị làm tổn thương" (*skandalizō*, vốn được sử dụng cho một cái bẫy que có mồi). Có một thể bị động tương lai bậc hai (second future passive), "sẽ bị tấn lạc," từ Xa-cha-ri 13:7. Đây là cùng một từ nguyên của sự vô tín ("sa ngã") được sử dụng cho những sự chối bỏ Đấng Christ khác (Ma-thi-ơ 11:6; 13:21,57; 24:10; 26:31). Đức tin của các môn đồ sẽ thất bại! Những lần chối Chúa của Phi-e-rơ chỉ là một hình mẫu của sự sợ hãi của tất cả bọn họ.

▣ "có lời chép rằng" Nguyên văn cụm từ này là "điều đó đã được chép," vốn là một thể chỉ định thụ động hoàn thành (perfect passive indicative). Nó là một cụm từ mô tả (một thành ngữ Hê-bơ-rơ) chỉ về Cựu Ước được thần cảm.

▣ "Ta sẽ đánh" Đây là một phần Kinh Thánh trích từ Xa-cha-ri 13:7. Đây chính là chương trình của Cha rằng Chúa Jesus sẽ phó chính mạng sống Ngài như một của lễ cho tội lỗi (Ê-sai 53:4,6,10; Mác 10:45; Lu-ca 22:22; Công Vụ 2:23; 3:18; 4:28; 13:29; 2 Cô-rinh-tô 5:21).

**14:28** Chúa Jesus đã phán với các môn đồ một vài lần rằng Ngài sẽ gặp lại họ trên một ngọn núi tại Ga-li-lê (theo Ma-thi-ơ 26:32; 28:7,10,16). Sự gặp lại đặc biệt này chính là lần Chúa Jesus bày tỏ Đại Mạng Lệnh (theo Ma-thi-ơ 28:16-20), vốn có lẽ xảy ra trong sự hiện ra sau phục sinh được nhắc đến trong 1 Cô-rinh-tô 15:6. Câu này không chỉ đến sự thăng thiên, vốn xảy ra tại Ngọn Ô-liu bốn mươi ngày sau sự phục sinh (theo Công Vụ 1:12).

Đây là một lời tiên tri về sự phục sinh của Ngài, nhưng họ đã không hiểu được tầm quan trọng của nó. Cụm từ này là một cơ hội toàn hảo để bày tỏ rằng Tân Ước thường quy công việc của sự cứu chuộc cho Ba Ngôi Đức Chúa Trời.

1. Đức Chúa Cha đã dấy Chúa Jesus sống lại (theo Công Vụ 2:24; 3:15; 4:10; 5:30; 10:40; 13:30,33,34,37; 17:31; Rô-ma 6:4,9; 10:9; 1 Cô-rinh-tô 6:14; 2 Cô-rinh-tô 4:14; Ga-la-ti 1:1; Ê-phê-sô 1:20; Cô-lô-se 2:12; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:10)
2. Đức Chúa Con đã dấy chính Ngài sống lại (Theo Giăng 2:19-22; 10:17-18)
3. Đức Chúa Thánh Linh đã dấy Chúa Jesus sống lại (Rô-ma 8:11). Cùng một sự nhấn mạnh Ba Ngôi giống nhau có thể được thấy trong Mác 14:9-10. Hãy xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BA NGÔI ĐỨC CHÚA TRỜI tại Mác 1:11.

**14:29** "Dù cho" Cụm từ này nguyên văn là "ngay cả nếu" (NKJV và NJB). Đây là một câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence), vốn giả định theo đúng từ quan điểm của tác giả hoặc theo những mục đích văn học của ông. Phi-e-rơ có thể tưởng tượng ra được sự trốn chạy của những người khác, nhưng còn chính ông thì không!

▣ "nhưng" Đây là một từ đối lập mạnh mẽ *alla*. Phi-e-rơ đang đưa ra một khẳng định nhấn mạnh rằng ông sẽ không bao giờ lìa bỏ Chúa Jesus (theo Lu-ca 22:33; Giăng 13:37-38). Phi-e-rơ đã công bố công khai một sự

trung thành mà ông sẽ không, và không thể thực hiện được! Lòng khao khát của ông vượt quá khả năng của chính ông!

**14:30 " chính đêm nay, trước khi gà gáy hai lượt, con sẽ chối Ta ba lần "** "con, chính con" là một sự nhấn mạnh! Đây chính là một thể chỉ định trung cách tương lai. Phần kỹ thuật của Lu-ca dài hơn (Lu-ca 22:31-34). Chi tiết gà gáy hai lần là một kỷ niệm tận mắt của Phi-e-rơ. Đây là một sự kỹ thuật duy nhất trong sách Phúc Âm của Mác.

**14:31**

**NASB**

"vẫn cứ khăng khăng nói "

**NKJV**

"nói càng dữ dội hơn "

**NRSV**

"nói một cách rất dữ dội "

**TEV**

"trả lời thậm chí càng mạnh mẽ hơn "

**NJB**

"lặp lại thậm chí càng sốt sắng hơn"

Từ này (*perisseia*) dùng cho một mức độ quá mức hoặc cự độ thường được dùng thường xuyên trong nhiều thể khác nhau trong Tân Ước (theo Ma-thi-ơ 5:20; 27:23; Công Vụ 26:11; Phi-líp 1:9; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:1). Thể tăng cường của nó với một tiền tố giới từ *ek* chỉ được thấy duy nhất trong Mác. Có lẽ nó đến từ chính bản thân Phi-e-rơ! Ông nhớ lại sự bác bỏ hùng hồn biết bao của chính mình!

▣ **" Dù có phải "** Đây là một Câu điều kiện bậc ba (Third class conditional sentence) vốn có nghĩa là một hành động tiềm năng. Nguyên văn là "ngay cả nếu có phải là."

▣ **" con sẽ chẳng chối Thầy đâu "** Phi-e-rơ thật sự cảm nhận theo cách này. Với cả tấm lòng và năng lực ý chí ông đã kiên định sẽ đứng bên Chúa Jesus! Cũng như những tội lỗi của Đa-vít và sự tha thứ tiếp nối sau đó đã đóng vai trò như một sự khích lệ sau này dành cho các tín đồ, thì sự quả quyết và thất bại của Phi-e-rơ cũng như vậy. Những con người đầy tội lỗi, yếu đuối muốn làm điều đúng (Rô-ma 7), những họ chỉ có thể khám phá ra nơi chính mình sự bất lực! Chúa Jesus có thể xử lý sự thất bại, nhưng không thể xử lý sự vô tín không ăn năn.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 14:32-42**

<sup>32</sup> Sau đó, Đức Chúa Jê-sus và các môn đồ đi đến một nơi, gọi là Ghết-sê-ma-nê. Ngài bảo họ: "Hãy ngồi đây trong khi Ta cầu nguyện." <sup>33</sup> Ngài đem Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng đi cùng. Ngài bắt đầu cảm thấy vô cùng sầu não và bối rối. <sup>34</sup> Ngài nói với họ: "Linh hồn Ta đau buồn cho đến chết, các con hãy ở đây, và tỉnh thức." <sup>35</sup> Đi thêm một quãng nữa, Ngài sắp mình xuống đất và cầu nguyện để nếu có thể được thì xin giờ này qua khỏi Ngài. <sup>36</sup> Ngài thưa: "A-ba, lạy Cha, mọi việc Cha đều làm được. Xin Cha cất chén này khỏi Con, nhưng không theo ý Con mà theo ý Cha." <sup>37</sup> Rồi Ngài trở lại, thấy ba người đang ngủ; Ngài nói với Phi-e-rơ: "Si-môn, con ngủ ư! Con không thể tỉnh thức được một giờ sao?" <sup>38</sup> Hãy tỉnh thức và cầu nguyện, để các con khỏi sa vào sự cám dỗ. Tâm linh thì tha thiết, mà xác thịt lại yếu đuối." <sup>39</sup> Ngài lại đi và cầu nguyện như lời cầu nguyện trước. <sup>40</sup> Rồi Ngài trở lại và thấy họ vẫn ngủ, vì mắt họ đã đờ quá và họ không biết phải thưa với Ngài như thế nào. <sup>41</sup> Ngài trở lại lần thứ ba, và nói với các môn đồ: "Các con vẫn cứ ngủ và nghỉ ngơi được sao? Đủ rồi, giờ đã đến! Này, Con Người sắp bị phản nộ vào tay những kẻ có tội." <sup>42</sup> Hãy tỉnh dậy, chúng ta đi. Kia, kẻ phản Ta đã đến."

**14:32 " Ghết-sê-ma-nê" "** Ghết-sê-ma-nê" có nghĩa là "cối ép dầu" trong tiếng Hê-bơ-rơ. Có vẻ như nó là một khu vườn tư nhân nằm ở phía ngoài của phạm vi thành phố Giê-ru-sa-lem trên Ngọn Ô-liu. Luật pháp không cho phép có những khu vườn nằm ở phía trong thành phố bởi vì phân bón cần cho cây trồng sẽ khiến cho thành phố trở nên ô uế về mặt nghi lễ. Có vẻ như Chúa Jesus đến với khu vườn này khá thường xuyên. Thậm chí còn có thể đây chính là nơi mà trong suốt Tuần Lễ Thương Khó Ngài đã hạ trại ở đây cùng với các môn đồ. Giu-đa biết địa điểm này khá rõ.

▣ **" Hãy ngồi đây trong khi Ta cầu nguyện "** Trong những phần Kinh Thánh song hành trong Ma-thi-ơ 26:41 và Lu-ca 22:40, Chúa Jesus đã yêu cầu họ cầu nguyện để không sa vào sự cám dỗ.

**14:33 " Ngài đem Phi-e-rơ, Gia-cơ và Giăng đi cùng "** Đây chính là nhóm nội bộ của những người lãnh đạo



ở giữa các sứ đồ. Họ hiện diện cùng với Chúa Jesus trong những thời điểm đặc biệt trong khi các môn đồ khác thì không ở đó. Có vẻ như điều này đã dẫn đến những sự huấn luyện đặc biệt cũng như là sự ghen tỵ về phía những môn đồ khác. Chính xác vì sao Chúa Jesus lại có một nhóm nội bộ như vậy là không rõ. Danh sách của Nhóm Mười Hai Sứ Đồ luôn luôn có bốn nhóm ba người. Các nhóm này không bao giờ thay đổi. Có lẽ rằng nhóm này đã hình thành nên một kế hoạch thay phiên nhau cho các môn đồ quay về nhà định kỳ để thăm nom gia đình của họ. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 3:16.

<b>NASB</b>	<b>"bắt đầu trở nên sầu não và phiền muộn"</b>
<b>NKJV</b>	<b>"Ngài bắt đầu phiền muộn và sầu não nặng nề"</b>
<b>NRSV</b>	<b>"bắt đầu phiền muộn và xúc động"</b>
<b>TEV</b>	<b>"sầu não và đau đớn đến trên Ngài "</b>
<b>NJB</b>	<b>"ngày bắt đầu thấy kinh hãi và đau đớn "</b>

Chúa Jesus đang ở trong tình trạng lo lắng, sầu não nặng nề! Đây là nhính là hững từ rất mạnh trong tiếng Hy Lạp. Là những độc giả hiện đại là chúng ta đang đứng trên nền đất thánh trong khu vườn, chúng ta đang nhìn thấy Con của Đức Chúa Trời trong giây phút con người yếu đuối, dễ tổn thương nhất của Ngài. Chúa Jesus có lẽ đã kể về câu chuyện này cho các môn đồ Ngài sau khi Ngài phục sinh. Có lẽ nó có ý nghĩa rất có ích cho những ai đang đối diện với sự căm dỗ thử thách và cho những ai đang tìm kiếm sự thấu hiểu về nỗi thống khổ và cái giá của những trải nghiệm của ở Đồi Cái Sọ.

▣ **" Linh hồn Ta đau buồn cho đến chết "** Đây là một thông điệp nhấn mạnh cách đáng kinh ngạc của sự quan ngại, sợ hãi và đau đớn về phía Chúa Jesus. Mặc dù chính câu Kinh Thánh không thể bày tỏ về lý do, nhưng có vẻ rằng điều Chúa Jesus sợ hãi chính là sự cắt đứt trong mối quan hệ mật thiết mà Ngài luôn biết với Cha. Điều này được bày tỏ bởi chính những lời phán của Chúa Jesus trong Mác 15:34. Đây là một trong những giây phút con người nhất mà chúng ta được cho phép chứng kiến sự khó khăn, tranh đấu trong đức tin của Chúa Jesus.

Đây là một thành ngữ Cựu Ước (Thi 42:5) vốn mô tả về sự tăng cường dữ dội liên hệ với sự cứu chuộc dành cho con người tội lỗi. Cả Thi Thiên 42 phản chiếu trải nghiệm bị chối bỏ và sự chết của Chúa Jesus cũng như là Thi Thiên 22. Một vài nan đề có thể thấy trong phần Kinh Thánh tương đồng song hành trong Lu-ca 22:43-44 (dù UBS<sup>4</sup> đánh giá sự bỏ mất của chúng một điểm "A" [chắc chắn]), vốn chép lại về việc một thiên sứ đến để hầu việc Ngài và mồ hôi Ngài nhỏ xuống như giọt máu. Chiến thắng trên kẻ ác (ma quỷ) chính là chiến thắng ở tại đây trong khu vườn này. Sự quý quyết của sự căm dỗ của Sa-tan trong Ma-thi-ơ 4 và sự giúp đỡ có vẻ hữu ích của Phi-e-rơ, nhưng lại tiêu cực hủy diệt cực độ, những bình luận trong Ma-thi-ơ 16:22, đã được bộc lộ đầy đủ trong phần Kinh Thánh này.

▣ **" hãy ở đây, và tỉnh thức "** Đây là một thể mệnh lệnh chủ động bắt định (aorist active imperative) đi theo bởi một Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative). Họ có nghĩa vụ canh giữ trông chừng Giu-đa và đám người sẽ đến, nhưng họ đã ngủ gục!

**14:35 " sắp mình xuống đất và cầu nguyện "** Có hai thì chưa hoàn thành (imperfect). Thường thì này có nghĩa là một hành động tiếp diễn từ trong quá khứ, nhưng nó rõ ràng không thể có nghĩa như vậy ở đây. Cách sử dụng đặc trưng này của thì động từ Hy Lạp này là sự bắt đầu của một hành động trong quá khứ. Sự phủ phục xuống cầu nguyện bày tỏ một cảm xúc căng thẳng.

**14:35 " nếu có thể được "** Đây là một câu điều kiện bậc một, vốn giả định là đúng từ góc nhìn của tác giả. Chúa Jesus biết YHWH có thể làm được mọi điều (theo Mác 14:36, "tất cả mọi điều đều có thể với Ngài!").

▣ **" giờ này "**

#### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT "GIỜ" (hōra)**

Thuật ngữ Giờ" được dùng trong vài cách trong Phúc Âm.

1. nói về thời gian (xem Matt. 8:13; Luke 7:21; John 11:9)
2. ẩn dụ về giai đoạn thử thách, tôi luyện (xem Matt. 10:19; Mark 13:11; Luke 12:12)
3. ẩn dụ cho Chúa Giê-su thực thi chức vụ (xem John 2:4; 4:23)

4. ẩn dụ cho ngày phán xét (tức là sự Tái lâm, xem Matt. 24:36,44; 25:13; Mark 13:32; John 5:25,28)
5. ẩn dụ cho sự thương khó của Chúa Giê-su (xem Matt. 26:45; Mark 14:35,41; John 7:30; 8:20; 12:23,27; 13:1; 16:32; 17:1)

▣ " giờ này qua khỏi Ngài " Dcầu khẩn chủ động thì bất định (aorist active subjunctive). Chúa Jesus đang khẳng định rằng YHWH có thể làm bất cứ điều gì và Chúa Jesus hy vọng rằng Ngài có thể được tha khỏi thập tự giá (theo Mác 14:36). Đây chính xác là những sự cảm dỗ trong hoang mạc của Sa-tan, (theo sách của James Stewart, *The Life and Teaching of Jesus Christ*, trang 39-46). Từ Ma-thi-ơ 26:39,42,44 và Mác 14:39,41 chúng ta biết rằng Chúa Jesus đã cầu nguyện lời cầu nguyện này ba lần, vốn là một cách của người Do Thái để bày tỏ sự nhân mạnh.

**14:36 "" A-ba ""** Đây là một từ A-ram dùng cho một từ thân thuộc mà trẻ em thường gọi cha của chúng tại nhà, như từ dad, daddy, pop, papa (trong tiếng Anh) v.v... Chúa Jesus biết sự mật thiết gia đình với YHWH (Hê-bơ-rơ 1:2; 3:6; 5:8; 7:28). Sự chết của Ngài sẽ chu cấp sự mật thiết này cho chúng ta.

Văn mạch này là lần duy nhất từ A-ram *Abba* được sử dụng (trong bản Kinh Thánh tiếng Hy Lạp) bởi Chúa Jesus. Chúa Jesus bày tỏ sự bối rối, đấu tranh căng thẳng trong giây phút của sự cảm dỗ xác thịt này (Ngài đã mô tả những cảm xúc căng thẳng của Ngài; Ngài sấp mình xuống mặt đất; Ngài cầu nguyện ba lần). Ở đây Ngài dùng con chủ bài của Ngài, cơ hội tốt nhất để có thể thay đổi ý định của Cha về Đồi Cái Sọ. Ngài gọi YHWH bằng từ ngữ mật thiết nhất trong gia đình! Nhưng trong tất cả các lời cầu nguyện đều được tóm lại với "nhưng theo ý Cha, chứ không phải ý con." Đức Chúa Cha bày tỏ tình yêu Ngài dành cho con người sa ngã bằng cách đáp ứng lại ý định được bày tỏ của Chúa Jesus. Cần phải có một sinh tế lớn nhất sau cùng cho tội lỗi, nhưng nó là không dễ dàng hoặc không phải trả một giá rất đắt, về mặt cảm xúc và thuộc thể, đối với Chúa Jesus và đối với Đức Chúa Cha!

Chúa Jesus biết rõ chúng ta bởi vì Ngài biết rõ tất cả những sự cảm dỗ của nhân loại (mà không phạm tội). Sự sợ hãi, kinh hoàng, sự nản lòng, thất vọng **không phải** là tội lỗi! Chiến thắng đã được thực hiện ngay tại Vườn Ghê-t-sê-ma-nê.

▣ **""Cha""** Phúc Âm Mác thường sử dụng những từ và cụm từ A-ram (theo Mác 3:17; 5:41; 7:34; 14:36;15:34). Tiếng A-ram chính là ngôn ngữ nói của Chúa Jesus và các môn đồ. Mác dịch lại mỗi một từ hoặc cụm từ này, vốn chỉ ra rằng ông không viết sách này cho các độc giả Do Thái, nhưng là độc giả Người Ngoại, có lẽ là người La Mã, bởi vì tất cả các từ và cụm từ trong tiếng La-tinh được tìm thấy trong sách Mác. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Cha tại Mác 13:32.

▣ **"" chén này ""** Đây là một phép tu từ ẩn dụ Cựu Ước dùng cho số phận của một người (Thi 16:5; 23:5; Giê-rê-mi 51:2; Ma-thi-ơ 20:22). Nó thường được dùng trong nghĩa của sự đoán phạt (nghĩa tiêu cực, Thi 11:6; 75:8; Ê-sai 51:17,22; Giê-rê-mi 25:15-16,27-28; 49:12; Ca Thương 4:21; Ê-xê-chi-ên 23:31-33; Ha-ba-cúc 2:16). Thành ngữ này cũng liên hệ với sự say xin, vốn là một phép tu từ ẩn dụ Cựu Ước khác cho sự đoán phạt (Gióp 21:20; Ê-sai 29:9; 63:6; Giê-rê-mi 25:15-16,27-28). Chúa Jesus muốn thoát ra khỏi! Sự sợ hãi không phải là tội lỗi. Ngài đối diện với sự sợ hãi với đức tin; chúng ta cũng phải như vậy!

▣ **"" nhưng không theo ý Con mà theo ý Cha ""** Các đại từ "Con" và "Cha" ở trong vị trí nhấn mạnh trong tiếng Hy Lạp. Đây chính là sự thuận phục liên tục của Chúa Jesus với ý muốn của Đức Chúa Cha. Trong văn mạch này nhân tính và đức tin của Chúa Jesus chiếu rọi thật xa! Dù bản chất con người trong Ngài kêu khóc cho sự giải cứu. Tâm lòng của Ngài được xác định nơi sự hoàn thành ý muốn của Cha trong sự chuộc tội thay thế cho con người (Mác 10:45; Ma-thi-ơ 26:39).

**14:37,40 " thấy ba người đang ngủ "** Những môn đồ cũng đã rơi vào giấc ngủ trong suốt Sự Hóa Hình (Ma-thi-ơ 26:43 và Lu-ca 9:32). Họ không gian ác hoặc thậm chí vô tâm, nhưng đầy tính cách yếu đuối của con người! Trước khi chúng ta quá vội vã để đoán xét các môn đồ, hãy chú ý cụm từ trong Lu-ca 22:45 "họ đang ngủ mê vì buồn rầu" mô tả rằng họ đã không có khả năng để gánh chịu sự đau đớn của lời tiên tri của Chúa Jesus về sự chết của chính Ngài và sự tan lạc của họ tiếp theo sau. Mặc dù Chúa Jesus mong mỏi để có được mối liên hệ con người và sự cầu thay tại thời điểm của sự khủng hoảng tội đĩnh này trong đời sống Ngài, Ngài đã phải đối diện với giây phút cô đơn, và Ngài đã đối diện nó cho tất cả các tín đồ!

**14:37 "" Si-môn ""** Đây chính là thời điểm duy nhất Chúa Jesus gọi ông là "Si-môn" kể từ khi Ngài đặt lại tên

cho ông trong Mác 3:16. Vàng đá (Phi-e-rơ) không phải là bất cứ gì khác ngoài sự vững vàng, chắc chắn, và đáng tin cậy. Phi-e-rơ đã phải nhớ lại danh xưng "đảo ngược" này với một sự đau đớn khôn nguôi. Tôi chắc chắn rằng ông đã nhận được thông điệp!

**14:38 "" Hãy tỉnh thức và cầu nguyện ""** Đây là một Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative) và một thể mệnh lệnh trung cách (biên thể) hiện tại (present middle (deponent) imperative). Văn mạch theo sau bộc lộ kẻ thù.

▣ "" **để các con khỏi sa vào sự cám dỗ** "" Có một vài giải thích về "sự cám dỗ" ở đây chỉ về điều gì trong văn mạch này:

1. Lời tiên tri tức thì của Chúa Jesus trong Mác 14:27
2. Chỉ về sự ngu mê của các môn đồ thay vì sự cầu nguyện, Mác 14:37,40
3. Chỉ về sự bỏ rơi Chúa Jesus trong Mác 14:56
4. Chỉ rằng cuối cùng Phi-e-rơ cũng sẽ chối Chúa trong Mác 14:69-75
5. Chỉ về các sự thử thách bắt bớ về mặt tôn giáo và từ nhà cầm quyền (Ma-thi-ơ 5:10-12; Giảng 9:22; 16:2)

Từ "cám dỗ" (*peirasmos*) có một nghĩa rộng của "cám dỗ hoặc thử thách với mục tiêu của sự hủy diệt" (theo Ma-thi-ơ 6:13; Lu-ca 11:4; Gia-cơ 1:13). Nó thường tương phản với một từ trong tiếng Hy Lạp khác cho sự thử thách (*dokimazo*) vốn có nghĩa rộng của "thử thách hoặc cám dỗ với tư tưởng hướng về việc làm cho mạnh mẽ." Tuy nhiên, những nghĩa rộng này không luôn luôn xuất hiện trong mọi văn mạch. Về mặt thần học, có thể nói rằng Đức Chúa Trời không bao giờ thử thách hoặc cám dỗ các con cái của Ngài để hủy diệt họ, nhưng Ngài có chu cấp những cơ hội cho sự tăng trưởng thuộc linh qua sự thử thách (Sáng Thế Ký 22:1; Xuất 16:4; 20:20; Phục Truyền 8:2,16; Ma-thi-ơ 4; Lu-ca 4; Hê-bơ-rơ 5:8). Tuy nhiên, Ngài luôn luôn chu cấp một con đường để ra khỏi (1 Cô-rinh-tô 10:13). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những từ trong tiếng Hy Lạp được dùng cho sự thử thách tại Mác 1:13.

▣ "" **Tâm linh thì tha thiết, mà xác thịt lại yếu đuối** "" Đây có thể là một bình luận về những lời của Phi-e-rơ và những môn đồ khác trong Mác 14:29,31. Chúa Jesus thấu hiểu sự tranh chiến căng thẳng cách trọn vẹn (theo Mác 14:36).

Cách sử dụng từ "tâm linh" trong liên hệ với tâm linh của loài người để chỉ về sự sống và những tư tưởng bên trong của chúng ta (Thi 51:10,12,17).

Trong những sách của Phao-lô từ "tâm linh (thuộc linh)" thường trái nghĩa với "xác thịt" (Rô-ma 8:1-11).

**14:40 " họ không biết phải thưa với Ngài như thế nào "** Họ không có một lý do nào có thể giải thích được (theo Mác 9:6) ngoại trừ sự yếu đuối của xác thịt (theo Lu-ca 9:32).

**14:41 "" Các con vẫn cứ ngủ và nghỉ ngơi được sao ""** Thật khó để giải nghĩa thành ngữ Hy Lạp này. Có phải nó là một câu hỏi? Có phải nó là một mỉa mai? Có phải nó là một sự khẳng định? Mặc dù ý nghĩa là không xác định được, thật rõ ràng rằng Chúa Jesus đã chiến thắng và giờ đây Ngài đang đứng hiên ngang, sẵn sàng để đối diện những phiên xét xử buổi đêm khuya, những sự đánh đập, hành hạ buổi sớm mai và sự chịu đóng đinh trên thập tự giá.

▣ "" **Đủ rồi** "" Từ này gây ra một số thay đổi về sao chép Kinh Thánh trong các bản thảo truyền thống trong tiếng Hy Lạp. Có phải cụm từ này chỉ đến sự ngu mê của các môn đồ? Nó có thể được dịch là (1) "nó đã đủ"; (2) "nó đã được sắp đặt"; hoặc (3) "nó đã xong rồi" (NJB "mọi việc đã được trọn (đã xong rồi)"). Nó được sử dụng trong bản thảo tiếng Koine Hy Lạp trên giấy còi được tìm thấy tại Ai Cập dành cho một thứ gì đó đã được trả đầy đủ (theo Moulton and Milligan, *The Vocabulary of the Greek New Testament*, trang 57-58). Cụm từ này, khi đó, về một mặt nào đó song hành với Giảng 19:30, "nó đã hoàn tất" hoặc "nó đã được trả trọn vẹn." Có lẽ nó chỉ đến Giu-đa và sự phản bội của ông, vốn phải được tính toán, cân nhắc cẩn thận nơi Chúa Jesus. Chúa Jesus đã giành được một chiến thắng về mặt thuộc linh tại Vườn Ghết-sê-ma-nê!

**14:41c-42** Những thông điệp gay gắt được nhấn mạnh bởi không có bất cứ liên từ hoặc từ nối (*asyndeton*) nào giữa chúng. Những sự kiện được mở ra đúng như những gì Chúa Jesus đã tiên đoán. Giờ đã đến.

▣ "" **giờ đã đến** "" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 14:35.

▣ **" bị phản nộ "** Từ này (*paradidōmi*) thường có nghĩa là "được trao trong tay của" (theo Mác 9:31), nhưng sự liên hệ kết nối với Giu-đa trong phần lớn các bản dịch tiếng Anh tăng cường nghĩa của "phản nộ." Hãy xem ghi chú đầy đủ hơn tại Mác 14:10.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 14:43-50**

<sup>43</sup> Ngay khi Đức Chúa Jê-sus còn đang nói, thì Giu-đa, một trong mười hai sứ đồ, đến. Cùng đi với nó có một đám đông cầm gươm và gậy, do các thầy tế lễ cả, các thầy thông giáo, và các trưởng lão sai đến. <sup>44</sup> Bấy giờ, kẻ phản bội đã cho chúng dấu hiệu: "Hề tôi hôn ai, chính là người ấy; hãy bắt và giải đi cho cẩn thận." <sup>45</sup> Vừa đến, Giu-đa lập tức tiến lại gần Ngài và nói: "Thưa Thầy!" rồi hôn Ngài. <sup>46</sup> Chúng liền ra tay bắt Ngài. <sup>47</sup> Một trong những người đứng cạnh đó rút gươm ra, đánh và chém đứt tai của đầy tớ thầy tế lễ thượng phẩm. <sup>48</sup> Đức Chúa Jê-sus nói với họ: "Sao các ngươi đem gươm và gậy đến bắt Ta như bắt một tên cướp vậy?" <sup>49</sup> Hằng ngày Ta ở giữa các ngươi, giảng dạy trong đền thờ, mà các ngươi không bắt Ta. Dù vậy, hãy để cho lời Kinh Thánh được ứng nghiệm." <sup>50</sup> Tất cả đều bỏ Ngài chạy trốn.

**14:43 " lập tức "** Hãy xem ghi chú tại Mác 1:10.

▣ **" một đám đông "** Giảng 18:3,12 cho biết một đội quân La Mã cũng xuất hiện. Lu-ca 22:52 cho biết những đại diện của Tòa Công Luận cũng hiện diện trong đám đông, vốn hàm ý về những cảnh vệ đền thờ. Nguyên nhân của sự xuất hiện của rất nhiều quân lính bởi vì thời điểm này nằm trong mùa Lễ Vượt Qua và các nhà cầm quyền sợ hãi một cuộc nổi loạn (Mác 14:2; Ma-thi-ơ 26:5; 27:24).

▣ **" gươm và gậy "** Từ "gươm" chỉ về một đoàn kiếm được đeo bởi những quân lính La Mã nơi thắt lưng họ. "Gậy" chỉ đặc biệt về loại vũ khí của cảnh vệ đền thờ.

▣ **" các thầy tế lễ cả, các thầy thông giáo, và các trưởng lão "** Cụm từ này chỉ về Tòa Công Luận. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 12:13.

**14:44 " bắt Ngài "** Đây là một thể mệnh lệnh chủ động bắt định (aorist active imperative).

**NASB, NRSV,**

**TEV**

**"dẫn Ngài đi dưới sự canh giữ "**

**NKJV**

**"dẫn Ngài đi an toàn"**

**NJB**

**"nhìn thấy ông ta bị canh giữ nghiêm ngặt khi người dẫn ông ta đi "**

Đây là từ Hy Lạp *sphallomai* ("ngã hoặc vấp ngã") với tiền tố alpha, vốn phủ định đó. Từ này có nghĩa bóng cho "an ninh, vững vàng, chắc chắn." Giu-đa sợ rằng Chúa Jesus sẽ làm điều gì đó để làm thất bại việc bắt giữ Ngài. Điều này bộc lộ sự sợ hãi của Giu-đa. Ông đã nhìn thấy những phép lạ của Chúa Jesus và biết rõ quyền năng Ngài.

**14:45 " nói: "Thưa Thầy! " rồi hôn Ngài "** Hôn nơi má và trán chính là sự chào hỏi bình thường trong văn hóa này (đặc biệt giữa các ra-bi). Hãy xem những bình luận của Chúa Jesus về những hành vi của Giu-đa trong Ma-thi-ơ 26:50; Lu-ca 22:48. Dấu hiệu này chỉ rằng có lẽ nó dành cho những quân lính La Mã bởi vì các cảnh vệ đền thờ sẽ nhận ra Chúa Jesus.

**14:47 " Một trong những người đứng cạnh đó rút gươm ra "** Từ trong phần Kinh Thánh tương đồng trong Giảng 18:10 và Lu-ca 22:50-51, chúng ta biết rằng đó chính là Phi-e-rơ và người tôi tớ bị thương có tên là Man-chu. Những môn đồ trước đó đã được nhắc nhở mua kiếm (theo Lu-ca 22:36-38), nhưng rõ ràng, họ đã hiểu nhầm ý nghĩa thật của Chúa Jesus về vấn đề này. Câu này phải được nói thay mặt cho Phi-e-rơ rằng ông đã sẵn sàng cách trọn vẹn để chết thay cho Chúa của ông tại thời điểm này. Nhân cơ hội lớn lao này, ông đã rút ra một trong hai thanh gươm. Nhưng, một lần nữa sự không phù hợp và bốc đồng của những hành động của ông đã mô tả tính cách của ông.

▣ **" đầy tớ thầy tế lễ thượng phẩm "** Giảng 18:10 cho biết tên của người là Man-chu.

▣ **" chém đứt tai "** Trong Lu-ca 22:51, Chúa Jesus đã gắn nó lại!

**14:48**

NASB, NKJV  
NRSV, NJB  
TEV

"một tên cướp"  
"một tên trộm cướp"  
"một kẻ tội phạm"

Họ đã đối xử với Chúa Jesus như một tội phạm, không phải một kẻ phạm thượng (nhạo báng Đức Chúa Trời). Họ đã đối xử với Chúa Jesus với những gì đã được làm cho Ba-ra-ba (là người có cùng một từ được dùng (để gọi), theo Giăng 18:40).

**14:49 "' Hằng ngày Ta ở giữa các người, giảng dạy trong đền thờ "'** Câu này nói với các thành viên của Tòa Công Luận hoặc những cảnh vệ đền thờ. Chúa Jesus bộc lộ ra kế hoạch bí mật của họ.

▣ "' Dù vậy, hãy để cho lời Kinh Thánh được ứng nghiệm "' Trong Mác 14:50 "tất cả các môn đồ Ngài đều bỏ rơi Ngài " (theo Mác 14:27, vốn trích Xa-cha-ri 13:7 cũng như Ma-thi-ơ 26:31). Một câu hỏi rằng Giăng 18:15-16 ứng nghiệm lời tiên tri này như thế nào. Có vẻ rằng Giăng đã đồng hành cùng với Chúa Jesus xuyên suốt qua tất cả những sự xét xử và cũng đã hiện diện tại nơi đóng đinh Ngài (Theo Giăng 19:26-27).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 14: 51-52**

<sup>51</sup> Có một thanh niên đi theo Ngài, trên người chỉ khoác một tấm vải gai. Họ tóm lấy chàng, <sup>52</sup> nhưng chàng tuột bỏ tấm vải, mình trần chạy trốn.

**14:51-52 " một thanh niên ... trên người chỉ khoác một tấm vải gai "** Truyền thống hội thánh cho biết rằng đây chính là Giăng Mác, người đã tổng hợp sách Phúc Âm này. Ông chính là người bạn đồng hành truyền giáo từ sớm với người cậu của mình là Ba-na-ba (theo Công Vụ 12:25), và Sau-lơ (Phao-lô) người Tạt-sơ. Truyền thống khẳng định cách mạnh mẽ rằng ông chính là người ghi chép lại những hồi ức của Phi-e-rơ về cuộc đời của Chúa Jesus (sách Phúc Âm Mác). Truyền thống cũng cho biết rằng chính trong ngôi nhà ông Bữa Tiệc Ly Cuối Cùng đã được tổ chức (theo Công Vụ 12:12).

Khá chần chẫn lý do tại sao ông lại ăn mặc trong cách này. Có lẽ ông đã được báo khi đang ngủ rằng Chúa Jesus đang bị bắt hoặc ông cố gắng ở gần với Chúa Jesus và các môn đồ và ông đang ngủ gần đó, gần nơi vườn.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 14:53-65**

<sup>53</sup> Họ giải Đức Chúa Jê-sus đến nhà thầy tế lễ thượng phẩm. Tất cả các thầy tế lễ cả, các trưởng lão và thầy thông giáo đều tụ họp tại đó. <sup>54</sup> Phi-e-rơ theo Ngài xa xa, vào đến sân dinh thầy tế lễ thượng phẩm, rồi ngồi với quân lính, sưởi ấm bên đống lửa. <sup>55</sup> Các thầy tế lễ cả và toàn thể Hội đồng Công luận đều tìm bằng chứng chống lại Đức Chúa Jê-sus để giết Ngài, nhưng không tìm được gì cả. <sup>56</sup> Vì có nhiều người làm chứng đối chống lại Ngài, nhưng lời chứng của họ không khớp nhau. <sup>57</sup> Có mấy người đứng lên làm chứng đối nghịch lại Ngài rằng: <sup>58</sup> "Chúng tôi có nghe người này nói: 'Ta sẽ phá hủy đền thờ do loài người xây dựng này; trong ba ngày Ta sẽ xây một đền thờ khác không phải bởi tay loài người.' " <sup>59</sup> Nhưng ngay ở điểm này, lời chứng của họ cũng không khớp nhau.

<sup>60</sup> Thầy tế lễ thượng phẩm đứng lên giữa Hội đồng và hỏi Đức Chúa Jê-sus: "Người không trả lời gì về những cáo buộc mà các người này tố cáo người sao?" <sup>61</sup> Nhưng Ngài vẫn yên lặng, không đáp một lời. Thầy tế lễ thượng phẩm lại hỏi: "Người có phải là Đấng Christ, Con của Đấng Đấng Chúc Tụng không?"

<sup>62</sup> Đức Chúa Jê-sus đáp: "Chính Ta.

Rồi đây các người sẽ thấy Con Người  
Ngồi bên phải Đấng Quyền Năng,  
Và hiện đến giữa mây trời."

<sup>63</sup> Thầy tế lễ thượng phẩm xé áo mình và nói: "Chúng ta đâu cần tìm bằng chứng khác làm gì nữa? <sup>64</sup> Các ông đã nghe lời phạm thượng rồi đó! Các ông quyết định thế nào?" Tất cả đều kết án Ngài đáng tội chết.

<sup>65</sup> Một số người bắt đầu khạc nhổ vào Ngài, bịt mắt Ngài lại rồi đấm Ngài và nói: "Hãy nói tiên tri đi!" Các lính canh cũng tóm lấy và tát Ngài.

**14:53 " Họ giải Đức Chúa Jê-sus đến nhà thầy tế lễ thượng phẩm "** Giăng 18:13a nhắc đến An-ne, chú

không phải Cai-phe là người đang là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm từ năm 18-36 SC (theo Ma-thi-ơ 26:57). Các Sách Tin Lành Cộng Quan không ghi lại cuộc thẩm vấn bởi An-ne. Ông đã là Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm đời trước và thật sự có quyền lực đăng sau phiên tòa (Theo Giảng 18:13b).

▣ **Tất cả các thầy tế lễ cả, các trưởng lão và thầy thông giáo** " Cụm từ được sử dụng để định danh Đại Hội Đồng, Tòa Công Luận (theo Mác 14:55). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 12:13.

**14:54** Câu này đã vẽ ra bối cảnh của những lần chối Chúa của Phi-e-rơ tại nơi sân. Phi-e-rơ đã không thể tránh xa, nhưng cũng không/ không thể nhận diện chính mình cùng với Chúa Jesus. Thật mỉa mai!

**NASB** "ông đã ngồi cùng với các quân lính "  
**NKJV** "ông đã ngồi cùng với các tôi tớ "  
**NRSV** "ông đã ngồi cũng với những kẻ canh gác "  
**TEV** " ông ngồi xuống cũng với những kẻ canh gác "  
**NJB** " ông đã ngồi cũng với những kẻ tham gia"

Đây là một phân từ (động tính từ) dạng nói tránh thì chưa hoàn thành trung cấp (trung gian) (periphrastic imperfect middle (deponent) participle). Có vẻ như điều này ngụ ý rằng Phi-e-rơ cố gắng hành động giống như một tôi tớ/ một người tham dự. Ông muốn hòa tan vào trong nhóm, nhưng sự sáng trên khuôn mặt ông và giọng nói Ga-li-lê đã tố cáo ông. Phi-e-rơ đã nhớ rất rõ về đêm hôm ấy!

**14:55** Đây không phải là một phiên xét xử đúng luật pháp; nó là một phiên tòa giả mạo (theo A. N. Sherwin-White, *Roman Society and Roman Law in The New Testament*, ở trang 24-47).

**14:56** " Vì có nhiều người làm chứng đối chống lại Ngài " thì chưa hoàn thành (imperfect tense) (trong câu này hai lần và trong Mác 14:57 và 59) bày tỏ nỗ lực lặp đi lặp lại của sự làm chứng đối, nhưng không có hai lời phù hợp nhau. Đây là một sự phôi bày của những kẻ nói dối kém cỏi!

▣ **lời chứng của họ không khớp nhau** "Trong Cựu Ước cần lời chứng của hai nhân chứng để định tội (Phục Truyền 17:6; 19:15). Cũng trong Cựu Ước, nếu một ai đưa lời chứng dối họ sẽ phải gánh hình phạt của người bị cáo buộc.

**14:58** "' Ta sẽ phá hủy đền thờ ... này'" Câu này là một ví dụ hay về cách Chúa Jesus sử dụng những cách nói ẩn dụ để mô tả về những sự kiện sẽ xảy đến. Từ "đền thờ" có thể đại diện cho hai điều và hai khung thời gian.

1. Thân thể của Chúa Jesus (Theo Giảng 2:19-22) bị đóng đinh, nhưng đã sống lại trong ba ngày (dấu hiệu của Giô-na, theo Ma-thi-ơ 12:39-40; Lu-ca 11:29-32). Điều này sẽ ứng nghiệm trong một vài giờ sau đó.
2. Đền thờ Hê-rốt tại Giê-ru-sa-lem sẽ bị tiêu diệt bởi người La Mã vào năm 70 SC và không được xây dựng lại. Đây là một sự đoán phạt trong tương lai trong khoảng 40 năm sau đó, nhưng nó cũng phản chiếu một sự đoán phạt cuối rốt ( 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2; và sách Khải Huyền).

Thật dễ để thấy khía cạnh tạm thời của Chúa Jesus xảy ra như thế nào, nhưng sự trở lại (lai thế), vương quốc của Ngài và tất cả những giá trị đạo đức có thể bị hiểu nhầm bởi những người theo chủ nghĩa tôn giáo, luật pháp, giáo điều, cả thời đó và hiện nay.

▣ **trong ba ngày** " Khung thời gian này (Mác 8:31; 9:31; 10:34) được liên hệ với lời tiên tri Cựu Ước trong 1 Cô-rinh-tô 15:3-4. Khung thời gian "ba ngày" được liên hệ với một "đền thờ mới" và một sự phục sinh mới của thân thể. Một cách cố ý, Chúa Jesus kết hợp hai điều này với nhau. Đền thờ của thời kỳ mới chính là các tín đồ, cả về mặt cá nhân và tập thể (1 Cô-rinh-tô 3:16; 6:19).

▣ **Ta sẽ xây một đền thờ khác không phải bởi tay loài người** " Đây là một lời tiên tri tuyệt diệu về sự chết và phục sinh của Chúa Jesus. Cũng như đền thờ là trung tâm của sự thờ phượng Cựu Ước, giờ đây nó sẽ là chính Mình Chúa Jesus. Ngài chính là đá góc nhà đã bị chối bỏ! Ngài giờ đây là sự tập chú mới của sự thờ phượng!!

Ngài đã có quyền năng để đặt để chính sinh mạng của Ngài xuống và lấy lại nó một lần nữa (Theo Giảng 10:11,15,17,18). Ngài đang ở trong sự tể trị hoàn toàn trên chính sinh mạng, sự chết và sự sống lại cách hoàn

hoàn.

**14:60 " Thầy tế lễ thượng phẩm đứng lên giữa Hội đồng và hỏi "** Thầy Tế Thượng Phẩm cố gắng để khiến Chúa Jesus buộc tội chính Ngài. Điều này là trái luật pháp Do Thái, cũng giống như phiên tòa ban đêm và những hình phạt trong cùng ngày.

**14:61 " Ngài vẫn yên lặng "** Đây có lẽ là sự ứng nghiệm Ê-sai 53:7 (theo Ma-thi-ơ 26:63; 27:12-14; Mác 15:5; Lu-ca 23:9; Giăng 19:9).

▣ **" Thầy tế lễ thượng phẩm lại hỏi "** Ma-thi-ơ 26:63 thêm vào rằng ông còn buộc Ngài thực hiện một lời thề.

▣ **" Đấng Christ "** Đây là sự phiên dịch sang tiếng Hy Lạp của từ Hê-bơ-rơ Đấng Mê-si vốn có nghĩa là "một người được xúc dầu." Đối với các tiên tri, các thầy tế lễ, và các vua Cựu Ước được xúc dầu như một biểu tượng đặc biệt của sự lựa chọn và trang bị của Đức Chúa Trời cho một trách nhiệm được giao. Từ này trở thành từ được sử dụng cho nhân vật đặc biệt "Con vua Đa-vít", đến từ hoàng gia (2 Sa-mu-ên 7) là người sẽ chuộc và khôi phục Y-sơ-ra-ên.

▣ **" Con của Đấng Đấng Chúc Tụng "** "Đấng Đấng Chúc Tụng (Chức Phước) " là một danh xưng thông dụng của Người Do Thái (cách nói tránh/ nói vòng vèo) cho Đức Chúa Trời. Người Do Thái không trông đợi Đấng Mê-si sẽ chính là Đức Chúa Trời nhập thể làm người, nhưng là một con người đầy phép lạ, quyền năng, giống như Các Quan Xét. Nhưng Chúa Jesus sử dụng mối liên hệ gia đình này để khẳng định sự đồng đẳng đầy đủ giữa Ngài với Đức Chúa Cha (Theo Giăng 5:18; 10:30,33; and also 1:1).

**14:62 "" Chính (là) Ta ""** Cụm từ này là một sự ngụ ý chỉ đến danh xưng Cựu Ước của Đức Chúa Trời giao ước, YHWH, vốn là động từ Hê-bơ-rơ "là" (Xuất 3:14; Phục Truyền 32:39; Ê-sai 41:4; 43:10; 46:4; Giăng 4:26; 8:24,28,58; 13:19; 18:5). Hãy Chủ Đề Đặc Biệt: Những danh xưng dùng cho Đấng Thánh tại Mác 12:36. Đây là một câu trả lời rất thẳng tắp tương tự với Lu-ca 22:70. Ma-thi-ơ ghi nhận một sự đáp ứng còn bí ẩn hơn (theo Ma-thi-ơ 26:64).

Đây chính là Phúc Âm Mác đã khắc họa sự tự nhận biết, thấu hiểu chính mình của Chúa Jesus ngay chính từ ban đầu rằng Ngài chính là Con của Đức Chúa Trời và là Đấng Mê-si (theo Mác 1:1). Các quý cũng nhận ra Ngài như vậy và xác nhận Ngài công khai bằng lời (theo Mác 1:24,34; 3:11), nhưng các môn đồ thì rất chậm hiểu (theo Mác 8:29) cả về con người và công việc của Chúa Jesus. Họ vẫn nhìn xuyên qua thế kỷ thứ nhất, bằng đôi mắt Do Thái (cũng như Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm).

▣ **" Con Người Ngồi bên phải Đấng Quyền Năng "** Đây là một sự ngụ ý chỉ đến Thi 110:1. Đó chính là một phép tu từ ẩn dụ hình nhân chỉ về vị trí của thẩm quyền. Từ "quyền năng" chính là một cách nói vòng vèo chỉ đến YHWH. Chúa Jesus (Con Người, theo Mác 14:21,41,62) là một sự khẳng định trong những từ ngữ lai thể học vốn Họ có thể được hiểu rằng Ngài chính là Đấng Mê-si của YHWH. Ngay cả Thi 110:4 cũng có một nghĩa rộng thầy tế lễ, câu này có một nghĩa rộng hoàng gia (Hê-bơ-rơ 1:3).

Cần phải nhắc lại rằng sự hiểu biết của Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm về câu hỏi trong Mác 14:61 khác với sự hiểu biết của Chúa Jesus (điều tương tự cũng chính xác với những câu hỏi của Phi-lát trong Mác 15). Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm hiểu rằng nó chính là một sự đe dọa với quyền lực và thẩm quyền của ông cũng như quyền lực và thẩm quyền của người La Mã. Quan điểm Cựu Ước về Đấng Mê-si như một vị Vua chinh phục cũng được chia sẻ một cách bình đẳng bởi Các Sứ Đồ (theo Mác 10:37).

Chúa Jesus, tuy nhiên, nhìn về vương quốc của Ngài như một Vương quốc thuộc linh và ở tương lai (Theo Giăng 18:36). Đây là lý do tại sao Ngài trích dẫn những phần Kinh Thánh lai thể học từ Thi Thiên 110 và Đa-ni-ên 7.

Đây chắc chắn là một cặp nghịch lý liên hệ với hai lần đến, một lần như một tôi tớ khiêm nhường, chịu khổ và một lần như Vị Vua và Quan Xét được vinh hiển. Cựu Ước giới thiệu về cả hai, nhưng Người Do Thái chỉ tập chú duy nhất vào điều thứ hai. Đây cũng là cùng một sự nghịch lý (căng thẳng) thần học như là Vương Quốc của Đức Chúa Trời—đã được bắt đầu, nhưng chưa trọn vẹn! Thật quá khó cho chúng ta để có thể tưởng tượng ra được điều này khó khăn đến nhường nào cho Người Do Thái trong thời của Chúa Jesus có thể hiểu được thông điệp của Ngài.

▣ **" hiện đến giữa mây trời "** Đây là một phần trích trong Đa-ni-ên 7:13. Nó là một cụm từ khẳng định Thần Tính của Chúa Jesus trong những cụm từ Cựu Ước rất rõ ràng. Không ai có thể ngự trên đám mây ngoại trừ YHWH, nhưng giờ đây "Con" Ngài cũng làm như vậy (theo Mác 13:26; Công Vụ 1:9; Khải Huyền 1:7).

**14:63 " xé áo mình "** Đây là một dấu hiệu của một tinh thần phiến não sâu sắc bị gây ra bởi điều được cho là sự phạm thượng (nói phạm đến Đức Chúa Trời). Hình phạt cho sự phạm thượng từ trong Lê-vi Ký 24:15 chính là sự chết bởi ném đá. Chúa Jesus xứng đáng phải chết dựa trên nền tảng của Phục Truyền 13:1-3 và 18:22 nếu như Ngài không phải là Đấng Sẻ Đền, Đấng Mê-si, Con của Đức Chúa Trời, Đấng Cứu Thế của thế gian. Không hề có một điểm dung hòa nào ở đây. Hoặc là Ngài là Đấng Ngài công bố Ngài chính là hoặc là Ngài là một kẻ phạm thượng xứng đáng với cái chết (theo Josh McDowell, *Evidence That Demands a Verdict*).

**14:64 " lời phạm thượng "** Nói lời sai trật về YHWH đáng phải chịu án tử hình bằng cách ném đá (Lê-vi Ký 24:14-16).

**14:65 " khắc nhỏ vào Ngài "** Đây là một biểu tượng của sự chối bỏ Cựu Ước (Dân Số Ký 12:14; Phục Truyền 25:9; Gióp 17:6; 30:10; Ê-sai 50:6). Những thành viên của Tòa Công Luận và binh lính La Mã (Mác 15:19) đã nhỏ nước bọt vào Chúa Jesus.

▣ **" bịt mắt Ngài lại rồi đâm Ngài và nói: 'Hãy nói tiên tri đi! '"** Họ bịt mắt Ngài, đánh Ngài và hỏi, "Ai đã đánh ngươi?" Họ đang chế giễu, nhiech móc sự công bố rằng Ngài là tiên tri của Đức Chúa Trời. Các ra-bi trong thời của Chúa Jesus đã giải nghĩa Ê-sai 11:3 rằng Đấng Mê-si có thể phán đoán bằng mùi, chứ không chỉ bằng tầm nhìn. Điều này có thể chỉ đến hoặc không (chỉ đến) sự việc này. Nó rõ ràng liên hệ đến Ê-sai 52:14. Các ra-bi giải nghĩa câu này rằng Đấng Mê-si sẽ bị bệnh phong, nhưng tôi nghĩ nó chỉ đến một sự đánh đập tàn nhẫn của những nhóm quân lính khác nhau.

Một vài bản thảo tiếng Hy Lạp mở rộng phần Kinh Thánh trong Mác để phản ánh Ma-thi-ơ 26:68 và Lu-ca 22:64.

NASB	"đánh Ngài bằng nắm đấm của chúng "
NKJV	"đánh Ngài bằng lòng bàn tay chúng "
NRSV	"đánh đập Ngài "
TEV	"đánh Ngài"
NJB	"đang đánh Ngài"

Phần tường thuật về sự hành hạ Chúa Jesus sử dụng từ Hy Lạp *kolaphizō*, vốn có nghĩa là đánh bằng nắm đấm, và *hrapizō*, vốn có nghĩa là tát với bàn tay mở ra (theo Ma-thi-ơ 26:67). Cái tát với bàn tay mở là một biểu tượng Phương Đông của sự khinh miệt (theo Ma-thi-ơ 5:39; Giăng 18:22; 19:3). Cùng những từ ngữ trên chỉ đến "đánh bằng roi" trong Công Vụ 16:27.

Cả Tòa Công Luận và quân lính La Mã đều sỉ nhục Chúa Jesus cũng như hành hạ Ngài về mặt thân thể (Ê-sai 52:14; 53:4).

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 14:66-72

<sup>66</sup> Lúc Phi-e-rơ đang ở dưới sân, một trong những đầy tớ gái của thầy tế lễ thượng phẩm đến gần, <sup>67</sup> thấy Phi-e-rơ đang sưởi thì nhìn vào mặt ông và nói: "Ông cũng đã ở với Jêsus, người Na-xa-rét." <sup>68</sup> Nhưng Phi-e-rơ chối: "Tôi không biết, cũng không hiểu cô đang nói gì." Rồi ông bỏ đi ra sân trước, thì gà gáy. <sup>69</sup> Đầy tớ gái đó thấy ông, lại nói với những người đứng gần: "Ông này cũng thuộc nhóm đó." <sup>70</sup> Nhưng Phi-e-rơ lại chối một lần nữa. Một lúc sau, những người đứng gần lại nói với ông: "Chắc chắn anh thuộc nhóm đó rồi, vì anh là người Ga-li-lê." <sup>71</sup> Nhưng Phi-e-rơ liền rửa và thề: "Tôi không hề quen biết với người mà các ông nói đó!" <sup>72</sup> Ngay lúc ấy, gà gáy lần thứ hai. Phi-e-rơ nhớ lại lời Đức Chúa Jêsus đã nói với mình: "Trước khi gà gáy hai lượt, con sẽ chối Ta ba lần." Ông bật khóc nức nở.

**14:66 " một trong những đầy tớ gái của thầy tế lễ thượng phẩm đến gần "** Giăng 18:17 cho biết rằng cô ta là người gác cổng. Ma-thi-ơ, như thường lệ, chép là hai người, trong khi sách Mác chỉ có một tôi tớ (theo Ma-thi-ơ 26:69-71). Phi-e-rơ đã phải kể cho Giăng Mác câu chuyện mất mặt này hoặc ông đã sử dụng nó trong một trong những bài giảng của mình tại La Mã và Giăng Mác đã nghe nó.

**14:67 " thấy Phi-e-rơ "** Hôm đó chính là ngày rằm (vào Ngày Lễ Vượt Qua). Bà đã có thể thấy rõ ràng Phi-e-rơ bởi ánh lửa (theo Mác 14:54, 67; Giăng 18:18,25) và ánh trăng.

▣ **" Jêsus, người Na-xa-rét "** Người Do Thái lớn lên tại Ga-li-lê (theo Ma-thi-ơ 26:69) có một giọng nói đặc



trung. Điều này liên hệ Chúa Jesus với các môn đồ Ngài (theo Mác 14:70). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 10:47.

**14:68 " Tôi không biết, cũng không hiểu cô đang nói gì "** Trình tự chính xác của ba sự buộc tội khác nhau từ Phúc Âm này đến Phúc Âm khác. Sự kiện Phi-e-rơ chối Chúa Jesus ba lần với sự nhấn mạnh lần lượt là phổ biến trong tất cả các phiên bản thuật.

▣ **" Rời ông bỏ đi ra sân trước "** Có lẽ Phi-e-rơ đang cố gắng để rời khỏi. Bản thảo tiếng Hy Lạp ông-xi-an thậm chí phân chia nhau về chỗ cụm từ "và gà gáy" nên thêm được thêm vào trong Mác 14:68 (MSS A, C, D cũng như bản dịch Vulgate, Peshitta đã bao gồm nó, trong khi bản thảo 8, B, L, và W đã bỏ qua nó). Có thể giải thích rõ ràng " lần thứ hai gà gáy" của Mác 14:72. Một vài bản dịch hiện đại (NASB, NIV) bỏ qua nó, nhưng một vài bản bao gồm nó trong phần ghi chú cuối trang ( bản NKJV, NRSV, TEV, NJB). UBS<sup>4</sup> không để quyết định được cách nào là nguyên bản.

**14:70 " Một lúc sau "** Lu-ca 22:59 chép là "khoảng một giờ."

▣ **" người Ga-li-lê "** Cả tiếng nói và cách ăn bận của Phi-e-rơ đều tố cáo ông.

**14:71 " liền rửa và thề "** Từ "rửa sả" (*anathematizō*) nguyên gốc chỉ đến một thứ được pho dâng cho Đức Chúa Trời (*anathēma*), nhưng nó trở thành từ chỉ về một sự rửa sả (Công Vụ 23:12,14,21). Nó là một cách khẳng định sự đáng tin cậy của một thông điệp bằng cách kêu gọi sự xét đoán của Đức Chúa Trời trên một người nếu họ không nói thật.

Phi-e-rơ, trong một cách văn hóa nặng nề nhất (một lời thề độc hay thề hứa) đã phản bội lời thề của chính ông trước mặt Đức Chúa Trời! Giu-đa đã không tệ hại hơn Phi-e-rơ! Phi-e-rơ chối bỏ Chúa của ông trong sự lập đi lập lại, và dùng những từ ngữ cách công khai (Ma-thi-ơ 26:34,74).

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT SỰ NGUYỄN RỬA (ANATHEMA)

### I. Cựu Ước

Có một số thuật ngữ Hê-bơ-rơ cho "nguyền rửa", *Herem* (BDB 356) được dùng liên hệ tới dâng tế cho Chúa (theo LXX as *anathema* (BAGD 54), Lê vi ký 27:28), thường với mục đích hủy phá, (theo Phục truyền 7:26; Giô-suê . 6:17-18; 17:12). Nó cũng được dùng trong khái niệm "Thánh Chiến". Đức Chúa Trời phán I-sơ-ra-en phải phá hủy người Ca-na-an và thành Giê-ri-cô, trong cơ hội đầu tiên, "trái đầu mùa".

II. Trong Tân Ước có thuật ngữ Hy-lạp: *anathema* liên hệ tới vài ý nghĩa sau đây :

- A. như món quà dâng lên Đức Chúa Trời (theo Lu ca 21:5)
- B. như lời thề sống chết (theo Công vụ 23:14)
- C. thề thốt, nguyền rửa (theo Mác 14:71)
- D. hình thức nguyền rửa liên hệ tới Chúa Giê-su (theo I Cô-rin-tô 12:3)
- E. cầu mong một người hoặc một vật bị phá hủy và phán xét bởi Đức Chúa Trời (theo Rô ma 9:3; I Cô-rin-tô 16:22; Ga-la-ti 1:8-9).

Điểm D là một điểm rất gây một tranh cãi. Tôi thêm vào phần bài viết của tôi từ 1 Cô-rinh-tô 12:3: "Chúa Jesus bị rửa sả" là một tuyên bố hết sức sùng sốt. Ai (trừ người Do-thái truyền thống) có thể nói vậy khi tự xưng mình là phát ngôn viên cho Đức Chúa Trời? Thuật ngữ "nguyền rửa" (tức là *anathema*) xuất phát từ bối cảnh Cựu Ước, (tiếng Hê-bơ-rơ, *herem*), liên hệ tới một thành bị I-sơ-ra-en chinh phục. Khi thành ấy được biệt thánh cho Đức Chúa Trời, tất cả sinh vật nào có hơi thở trong thành, người và thú, đều phải chết, (theo Giô-suê . 6:17; 7:12).

Giả thiết vì sao thuật ngữ "nguyền rửa Chúa Giê-su" được dùng ở Cô-rin-tô có thể như sau:

1. Các thầy Ra-bi (theo Công Vụ 26:11) phát triển lời nguyền rửa dùng để loại bỏ Cơ-độc nhân khỏi các nhà hội Do-thái giáo. Để được là hội viên, tín đồ phải từ chối hoặc nguyền rửa Chúa Giê-su Na-za-rét.
2. Trong bối cảnh đạo thờ hoàng đế, chỉ riêng hoàng đế La-mã được gọi là "Chúa"
3. Trong bối cảnh ảnh hưởng của ngoại giáo, người ta nguyền rửa nhau bằng cách tuyên bố: "nguyền Chúa Giê-su nguyền rửa người" (theo 16:22).

4. Một số người liên hệ việc Chúa Giê-su trở nên sự nguyên rủa vì con người khi bị treo trên cây gỗ, (theo Phục truyền 21:23; Ga-la-ti 3:13).
5. Công trình nghiên cứu khảo cổ gần đây phát hiện ra những bảng khắc lời nguyên rủa trong các đền thờ ngoại giáo ở Cô-rin-tô. (theo ghi chú #1 trang 164 cuốn *After Paul Left Cô-rin-tô* của ông Bruce Winter) Các học giả Kinh thánh cho rằng động từ "là" nên được thêm vào giữa câu "Chúa Giê-su bị nguyên rủa", mặc dù khám phá khảo cổ học và bản Bảy Mươi về Phục truyền 22:15-20 không thấy điều ấy. Bảng chứng khảo cổ học cho biết các tín đồ sống trong thế kỷ thứ nhất ở Cô-rin-tô dùng lời nguyên rủa trong tang lễ và được khắc vào bia đá cho các nấm mộ của tín đồ (J. H. Kent, *The Inscriptions*, 1926-50. Princeton: American School of Classical Studies, 1966, vol. 8:3, no. 644).

Có thể một số thành phần trong hội thánh sử dụng sự nguyên rủa của ngoại giáo chống lại các thành phần khác. Phương cách đã là nan đề, nhưng động cơ còn độc ác hơn. Đây cũng là một ví dụ điển hình cho tình trạng chia rẽ trong hội thánh Cô-rin-tô. Phao-lô muốn họ hiệp nhất gây dựng hội thánh, họ muốn nguyên rủa phần kia của hội thánh không đồng ý với mình.

▣ **"Tôi không hề quen biết với người"** Đây có lẽ là cụm từ "người này" chính là một thành ngữ xúc phạm Sê-mít để chỉ đến Chúa Jesus.

**14:72 "gà gáy lần thứ hai"** Phi-e-rơ nhớ lại những lời của Chúa Jesus (theo Lu-ca 22:31-32). Lu-ca 22:61 cho biết Chúa Jesus liếc nhìn ông. Có lẽ Chúa Jesus đã bị giải đi từ nhà chỗ của An-ne đến chỗ của Cai-phe trong dinh thự của Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm. Caiaphas' part of the High Priest's palace.

Cụm từ "một lần thứ hai" bị bỏ qua trong một số bản dịch tiếng Hy Lạp. Nan đề những nhà sao chép Kinh Thánh đã đối diện với ba sách Phúc Âm (Ma-thi-ơ, Lu-ca và Giăng) chỉ đề cập đến một lần gà gáy, trong khi sách Mác rõ ràng có hai lần (MSS A, B, C<sup>2</sup>, D và W), vì vậy một số thảo bản đã bỏ qua cụm từ này (MSS x, C và L).

▣ **"Ông bật khóc nức nở"** Phi-e-rơ đã ứng nghiệm lời tiên khi qua những lần chối Chúa của ông và đem lại hy vọng cho tất cả các tín đồ là những người đã chối Chúa Jesus bằng chính môi lưỡi của họ, bằng chính mạng sống và những đặc quyền của họ. Cũng có niềm hy vọng cho bất cứ ai quay lại với Ngài trong đức tin (Theo Giăng 21).

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Có phải có một sự mâu thuẫn giữa sách Mác và Giăng về ngày nào là ngày của Bữa Tiệc Ly Của Chúa xảy ra?
2. Tại sao Ma-ri lại quá hoang phí như vậy? Tại sao Chúa Jesus lại cho phép điều đó?
3. Có phải Mác 14:7 lại dạy rằng Chúa Jesus thiếu sự quan tâm đến người nghèo?
4. Tại sao các lãnh đạo tôn giáo lại cố gắng giết Chúa Jesus?
5. Còn về phần Giu-đa, chúng ta có thể giải thích về những hành động của ông như thế nào?
6. Bữa Tiệc Ly liên hệ như thế nào với Lễ Vượt Qua? Điều quan trọng trong Bữa Tiệc Ly là gì?
7. Tại sao Vườn Ghết-sê-ma-nê lại quá mang tính nghịch lý như vậy (ví dụ, Chúa Jesus muốn chén lìa khỏi Ngài, nhưng cũng muốn ý muốn của Đức Chúa Trời (được thực hiện))?
8. Tại sao Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm lại quá nổi giận bởi vì Chúa Jesus trích Thi 110 và Đa-ni-ên 7:13?

# MÁC 15

## NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Chúa Jesus Trước Phi-lát 15:1-5	Chúa Jesus Đối Diện Phi-lát 15:1-5	Chúa Jesus Trước Phi-lát 15:1-5	Chúa Jesus Trước Phi-lát 15:1-2a 15:2b 15:3-4 15:5	Chúa Jesus Trước Phi-lát 15:1 15:2-5
Chúa Jesus Bị Tuyên Án Từ Hình 15:6-15	Thế Chỗ cho Ba-ra-ba 15:6-15	15:6-15	Chúa Jesus Trước Phi-lát 15:6-10 15:11-12 15:13 15:14a 15:14b 15:15	15:6-15
Quân Lính Nhiếc Móc Chúa Jesus 15:16-20	Quân Lính Nhiếc Móc Chúa Jesus 15:16-20	Sự Chịu Đóng Đinh 15:16-20	Quân Lính Khiến Chúa Jesus Làm Trò Cười 15:16-20	Chúa Jesus Đội Mão Gai 15:16-20a
Sự Chịu Đóng Đinh của Chúa Jesus 15:21-32	Vị Vua trên Thập Tự Giá 15:21-32	15:21-24 15:25-32	Chúa Jesus bị Đóng Đinh 15:21-28 15:29-30 15:31-32a 15:32b	Con Đường Thập Tự 15:20b-22 Sự Đóng Đinh 15:23-28 Sự Đóng Đinh Chúa Jesus Bị Nhiếc Móc 15:29-32
Sự Chết của Chúa Jesus 15:33-41	Chúa Jesus Chết trên Cây Thập Tự 15:33-41	15:33-41	Sự Chết của Chúa Jesus 15:33-34 15:35-36 15:37 15:38-39	Sự Chết của Chúa Jesus 15:33-39 Những Người Phụ Nữ

				Trên Đồi Cái Sọ
Chôn Chúa Jesus	Chúa Jesus Được Chôn Trong Mộ của Giô-sép	15:40-41	Sự Chôn Cát Chúa Jesus	15:40-41 Sự Chôn Cát
15:42-47	15:42-47	15:42-47	15:42-47	15:42-47

### CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

#### THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thân cảm, nhưng chìa khóa để đổi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

### NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 15:1-5

<sup>1</sup> Vừa tảng sáng, các thầy tế lễ cả họp bàn với các trưởng lão, các thầy thông giáo và cả Hội đồng Công luận; họ trói Đức Chúa Jê-sus rồi giải nộp cho Phi-lát. <sup>2</sup> Phi-lát hỏi Ngài: “Ngươi có phải là Vua dân Do Thái không?” Đức Chúa Jê-sus đáp: “Chính ngươi đã nói thế.” <sup>3</sup> Các thầy tế lễ cả cáo buộc Ngài nhiều điều. <sup>4</sup> Phi-lát lại hỏi Ngài: “Ngươi không đối đáp gì sao? Hãy xem, họ tố cáo ngươi nhiều quá!” <sup>5</sup> Nhưng Đức Chúa Jê-sus không trả lời gì thêm, đến nỗi Phi-lát phải ngạc nhiên.

**15:1 " Vừa tảng sáng "** Mác, cũng giống như tất cả các tác phẩm viết của Người Do Thái khác, không chú trọng vào thời gian cụ thể. Chắc rằng Người Do Thái trong thời Chúa Jesus phân chia ngày và đêm thành mười hai giờ mỗi phân (Theo Giăng 11:9), với ba khoảng thời gian của bốn giờ. Ngày hai mươi bốn giờ đến từ Baby-lon. Những người Hy Lạp và Do Thái mượn nó từ họ. Đồng hồ theo mặt trời được chia thành mười hai khoảng chia.

Trong đoạn 15 Mác có một số mốc thời gian;

1. Lúc mặt trời mọc, Mác 15:1 (khoảng 6 giờ sáng. Phụ thuộc vào thời điểm trong năm)
2. Giờ thứ ba, Mác 15:25 (khoảng 9 giờ sáng)
3. Giờ thứ sáu, Mác 15:33 (khoảng trưa)
4. Giờ thứ chín, Mác 15:34 (khoảng 3 giờ chiều)
5. Buổi tối, Mác 15:42 (hoàng hôn, khoảng 6 giờ chiều)

Lu-ca 22:66-71 cho biết chi tiết của lần gặp này. Lần gặp sớm này được tổ chức với nỗ lực mang lại một chút hợp pháp cho phiên xét xử ban đêm của họ (theo A. N Sherwin-White, *Roman Society and Roman Law in the New Testament*, trang 24-47). Trình tự thời gian của phiên tòa của Chúa Jesus trước Phi-lát và sự đồng dinh của Ngài là:

	<u>Ma-thi-ơ</u>	<u>Mác</u>	<u>Lu-ca</u>	<u>Giăng</u>
Phi Lát Tuyên Án				Giờ thứ sáu 19:14
Sự Đóng Dinh		Giờ thứ ba 15:25		

Bóng Tối Bao Trùm	Giờ thứ sáu đến thứ chín 27:45	Giờ thứ sáu đến thứ chín 15:33	Giờ thứ sáu đến thứ chín 23:44
Chúa Jesus Kêu Lớn Lên	Giờ thứ chín 27:46	Giờ thứ chín 15:34	

Khi những sự xác định thời gian này được so sánh, hai lựa chọn giải kinh dây lên: (1) chúng giống nhau. Giảng sử dụng giờ Rô-ma, tính từ 12:00 sáng. (theo Gleason L. Archer, *Encyclopedia of Bible Difficulties*, trang 364), và Các sách Tin Lành Công Quan sử dụng giờ Do Thái, tính từ 6 giờ sáng. (2) Giảng sau này đã khẳng định một thời điểm muộn hơn cho sự đóng đinh Chúa chính là một ví dụ khác cho những sự khác biệt giữa Ba Sách Phúc Âm và sách Giảng.

Tuy nhiên, có vẻ như từ Giảng 1:39 và 4:6 cho thấy Giảng đôi khi sử dụng giờ của người Do Thái và đôi khi giờ của người La Mã (theo M. R. Vincent, *Word Studies*, Tập 1, trang 403).

Sự xác định thời gian có thể là biểu tượng trong tất cả các sách Phúc Âm cho việc chúng liên quan đến (1) thời gian của việc dâng các sinh tế hàng ngày (sự tiếp nối) trong Đền Thờ (9 giờ sáng. và 3 giờ chiều, theo Công Vụ 2:15; 3:1) và (2) chỉ sau buổi trưa chính là thời điểm truyền thông để giết Chiên Con Lẽ Vượt Qua vào ngày 14 tháng Nisan. Kinh Thánh, là một quyển sách cổ đại phương đông, không chú ý nhiều vào một trình tự thời gian chặt chẽ giống như những sự tường thuật lịch sử phương tây hiện đại.

▣ "**các thầy tế lễ cả họp bàn với các trưởng lão, các thầy thông giáo và cả Hội đồng Công luận**" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tòa Công Luận tại Mác 12:13.

▣ "**lập tức**" Phúc Âm theo Mác được đặc tả bởi hành động ( "kể đó," "và," "lập tức"). Chúa Jesus được bày tỏ trước tiên qua những hành động của Ngài. Nhịp điệu của sự tường thuật luôn hướng về phía trước qua những từ chỉ sự hành động này. Hãy xem ghi chú tại Mác 1:10.

▣ "**trói Đức Chúa Jêsus**" Đây có thể là một tiến trình thông dụng với các tội phạm hoặc một cách vô thức nó bày tỏ sự sợ hãi của họ dành cho Chúa Jesus. Nhiều người đang sợ hãi Ngài là một nhà ma thuật hoặc một phù thủy và rằng quyền năng của Ngài đang ở trong đôi bàn tay Ngài.

▣ "**giải nộp cho Phi-lát**" Chính xác nơi nào việc này được thực hiện là không rõ. Hầu hết các học giả đều nghĩ rằng Phi-lát ở trong cung điện của Hê-rốt khi ở trại Giê-ru-sa-lem. Nơi thường trú của ông chính là thành Sê-sa-rê bên cạnh bờ biển, nơi ông sử dụng cung điện của Hê-rốt như một dinh pháp quan (praetorium). Những người khác lại cho rằng có lẽ ông sống trong khu chỉ huy của quân lính, vốn là Pháo đài Antionia, ngay kế bên đền thờ. Thời điểm có lẽ vào thời gian nghỉ trong ngày, theo truyền thống của người La Mã của phiên tòa sớm (có lẽ bởi vì nhiệt độ nóng bức). Phi-lát cai trị Palestine như một đại diện của Hoàng Đế từ năm 25/26-36/37 SC và sau đó bị thay thế bởi những sự buộc tội lặp lại nhiều lần bởi Vitellius, Người đại diện của Syria.

## **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: BÔN-XƠ PHI-LÁT**

### **I. Thân thể**

- A. Không biết năm sinh và quê quán
- B. Thuộc binh chủng kỵ binh (giai cấp thượng lưu trong xã hội La mã)
- C. Có gia đình nhưng không có con
- D. Không biết những chức vụ đảm nhiệm trước đó (chắc hẳn phải có)

### **II. Tính cách**

- A. Hai quan điểm khác biệt
  1. Philo (*Legatio and Gaium*, trang 299-305) và Giô-se-phút (*Antiq.* 18.3.1 và *Jewish Wars* 2.9.2-4) mô tả ông là nhà độc tài độc ác và tàn nhẫn.
  2. Tân ước (các sách Phúc âm và sách Công-vụ) mô tả ông là một vị quan La mã nhu nhược và dễ bị thao túng
- B. Paul Barnett, trong *Jesus and the Rise of Early Christianity*, trang 143-148 trình bày một giải thích hợp lý cho hai quan điểm trên.
  1. Phi-lát được bổ nhiệm vào năm 26 sau Chúa dưới triều đại vua Tiberius là một người ủng hộ người

Do thái (xem Philo, *Legatio and Gaium*, trang 160-161), nhưng do Sejanus một cố vấn chống người Do thái của vua Tiberius bổ nhiệm.

2. Vua Tiberius mất nhiều quyền lực chính trị vào tay L. Aelius Sejanus, vị quan này mới chính là người nắm quyền thực sự sau hậu trường, ông là người ghét người Do thái (Philo, *Legatio and Gaium*, trang 159-160).
3. Phi-lát là người được Sejanus đỡ đầu và đã cố gắng tạo ấn tượng tốt với Sejanus bằng việc:
  - a. Áp đặt những tiêu chuẩn La mã cho thành Giê-ru-sa-lem (năm 26 sau Chúa), điều mà những vị quan khác không thi hành. Những biểu tượng của các vị thần La mã đã khiến những người Do thái nổi giận (xem Giô-se-phút, *Antiq.* 18:31; *Jewish Wars* 2.9.2-3).
  - b. Đúc tiền (năm 29-31 sau Chúa) mà trên đó có khắc những biểu tượng của sự thờ lạy La mã. Giô-se-phút cho biết Phi-lát có chủ ý cố gắng thay đổi những phong tục và luật lệ của người Do thái (xem Giô-se-phút, *Antiq.* 18.4.1-2).
  - c. Trưng dụng tiền từ ngân quỹ Đền thờ để xây cất hệ thống dẫn nước cho thành Giê-ru-sa-lem (xem Giô-se-phút, *Antiq.* 18.3.2; *Jewish Wars* 2.9.3).
  - d. Xử tử hình một số người Ga-li-lê trong khi họ dâng tế lễ trong lễ Vượt-qua tại Giê-ru-sa-lem (xem Lu-ca 13:12).
  - e. Đem những tấm thuẫn La mã treo trong thành Giê-ru-sa-lem năm 31 sau Chúa. Những con trai của Hê-rốt Đại Đế phản đối việc này và yêu cầu ông gỡ bỏ chúng nhưng Phi-lát từ chối. Do đó, họ khiếu nại đến Hoàng đế Tiberius; người ra lệnh đòi những tấm khiên La mã này về thành Sê-sa-rê bằng đường biển (xem Philo, *Legatio and Gaium*, trang 299-305).
  - f. Tàn sát nhiều người Sa-ma-ri trên núi Gê-ri-xim (năm 36/37 sau Chúa) khi họ truy tìm các thánh tích bị thất lạc theo tín ngưỡng của họ. Sự kiện này khiến cấp trên của Phi-lát (Vitellius, tổng trấn xứ Sy-ri) cất chức và gọi ông về La mã (xem Giô-se-phút, *Antiq.* 18.4.1-2).
  - g. Sejanus bị tử hình vào năm 31 sau Chúa. Hoàng đế Tiberius nắm giữ lại tất cả quyền lực chính trị. Do đó, các điểm a,b,c và có thể là cả d đã được Phi-lát dùng để chinh phục lòng tin cậy của Sejanus. Các điểm sau đó (e) và (f) thì lại có thể là những cố gắng để tìm được sự tin tưởng của Tiberius, nhưng phản tác dụng.
  - h. Rõ ràng là khi Hoàng đế Tiberius ủng hộ người Do thái nắm giữ lại quyền lực có gửi một văn thư cho các quan cầm quyền căn dặn phải đối xử nhân đạo với người Do thái (xem Philo, *Legatio and Gaium*, trang 160-161), thì giới lãnh đạo Do thái tại Giê-ru-sa-lem đã tận dụng thế yếu chính trị của Phi-lát trước Hoàng đế Tiberius mà thao túng ông và khiến Đức Chúa Giê-xu bị đóng đinh. Giả thuyết này của Barnett kết hợp hai quan điểm về Phi-lát với nhau theo một cách thức hợp lý.

### III. Số phận của Phi-lát

- A. Ông đến La mã ngay sau khi Hoàng đế Tiberius qua đời (năm 37 sau Chúa).
- B. Ông không được tái bổ nhiệm.
- C. Không biết gì về phần sau cuộc đời ông. Có nhiều giả thuyết nhưng không có chứng cứ cụ thể.

**15:2 " Phi-lát hỏi Ngài "** Bằng ngôn ngữ nào? Cơ hội Phi-lát biết nói tiếng A-ram thấp hơn so với Chúa Jesus có thể nói tiếng Koine Hy Lạp. Để xem những bài viết về vấn đề này, hãy đọc

1. "*Did Jesus Speak Greek*" được viết bởi A. Fitzmeyer, chương 21, ở trang 253-264 trong tác phẩm *Approaches to the Bible: the Best of Bible Review*
2. "*The Languages of the New Testament*" viết bởi J. Howard Greenlee trong bộ *Expositor's Bible Commentary*, tập 1, ở trang 410-411

▣ **" Người có phải là Vua dân Do Thái không "** "Người" ở thể nhấn mạnh và châm biếm. Lu-ca 23:1-2 liệt kê ra những sự buộc tội của Tòa Công Luận. Giảng 19:8-19, thêm một chi tiết tuyệt vời vào cuộc nói chuyện giữa Chúa Jesus và Phi-lát. Phi-lát không quan tâm về khía cạnh tôn giáo của lời buộc tội, nhưng là khía cạnh chính trị.

NASB, NKJV  
NRSV, TEV

""Nó là như chính người nói""  
""Người đã nói như vậy""

Câu này nguyên văn "người đã nói rằng Ta Là," vốn có thể là một thành ngữ Hê-bơ-rơ của sự khẳng định (theo Ma-thi-ơ 26:25,64; Lu-ca 22:70; 23:3) hoặc một cách trả lời mập mờ, bí ẩn, ám chỉ, "Người đã nói như vậy, nhưng hàm ý Ta là một loại vua khác." Cuộc nói chuyện này có vẻ như là một sự thăm vấn riêng (Theo Giảng 18:33-38) trong Dinh Pháp Quan (Praetorium). Chúa Jesus có lẽ đã nói với các môn đồ điều này và Giảng đã có mặt ở đó. Người Do Thái có lẽ đã không bước vào bởi vì điều đó khiến họ trở nên ô uế về mặt nghi lễ cho Lễ Vượt Qua.

Phân tường thuật về sự thăm vấn Chúa Jesus bởi Hê-rốt An-ti-pát bị bỏ qua trong Phúc Âm Mác, nhưng được thấy trong Lu-ca 23:6-12.

15:3

NASB

"bắt đầu buộc tội Ngài cách nặng nề"

NKJV, NRSV

"buộc tội Ngài cho nhiều điều "

TEV

"đã buộc tội Chúa Jesus cho nhiều điều "

NJB

"đem nhiều sự cáo buộc chống lại Ngài "

Đây là thì chưa hoàn thành (imperfect tense) có nghĩa họ cáo buộc Ngài lặp đi lặp lại. Điều này phải xảy ra sau khi Pilate đã nói chuyện cách riêng tư với Chúa Jesus (theo Mác 15:4). Một danh sách của một vài cáo buộc được thấy trong Lu-ca 23:2.

**15:5 " Đức Chúa Jêsus không trả lời gì thêm "** Đây có lẽ là một sự ứng nghiệm khác của Ê-sai 53:7 (theo Mác 14:61; Ma-thi-ơ 26:63; 27:12; Giảng 19:9).

▣ **" đến nổi Phi-lát phải ngạc nhiên "** Tại sao Phi-lát lại ngạc nhiên?

1. Chúa Jesus đã nói với ông tại nơi riêng tư, nhưng lại không nói khi có hiện diện của những người tố cáo Ngài.
2. Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm dựng lên quá nhiều lời cáo buộc chống lại Ngài và chúng quá mãnh liệt.
3. Chúa Jesus không hành động như phần lớn những kẻ phạm pháp là những người sẽ kịch liệt biện hộ cho họ.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 15:6-15**

<sup>6</sup> Vào dịp lễ, Phi-lát thường trả tự do cho một tù nhân mà dân chúng yêu cầu. <sup>7</sup> Bấy giờ có một người tên là Ba-ra-ba bị tù chung với những tên phiến loạn, là những kẻ đã can tội giết người trong lúc nổi dậy. <sup>8</sup> Dân chúng đã kéo đến và xin Phi-lát thực hiện điều ông thường làm cho họ. <sup>9</sup> Phi-lát hỏi: "Các ngươi có muốn ta tha Vua dân Do Thái cho các ngươi không?" <sup>10</sup> Vì ông biết rõ các thầy tế lễ cả đã nộp Ngài do lòng ghen ghét. <sup>11</sup> Nhưng các thầy tế lễ cả lại xúi giục dân chúng xin Phi-lát tha Ba-ra-ba. <sup>12</sup> Phi-lát hỏi tiếp: "Vậy thì các ngươi muốn ta xử thế nào với người mà các ngươi gọi là Vua dân Do Thái?" <sup>13</sup> Họ lại la lên: "Hãy đóng đinh nó trên cây thập tự!" <sup>14</sup> Phi-lát hỏi họ: "Nhưng người này đã làm điều ác gì?" Họ càng hét lớn hơn: "Hãy đóng đinh nó trên cây thập tự!" <sup>15</sup> Vì muốn làm vừa lòng dân chúng, Phi-lát đã tha Ba-ra-ba. Sau khi đánh đòn Đức Chúa Jêsus, Phi-lát giao Ngài cho chúng đem đi đóng đinh vào thập tự giá.

**15:6 " dịp lễ "** Từ này chỉ về Lễ Vượt Qua. Các học giả thường tranh luận về chức vụ công khai của Chúa Jesus kéo dài bao lâu. Lý do duy nhất mà truyền thống từ hội thánh khẳng định của một chức vụ công khai kéo dài ba năm là bởi vì có ba Lễ Vượt Qua được đề cập đến trong Phúc Âm Giảng. Tuy nhiên, trong Giảng có một lần đề cập đến "kỳ lễ." cũng như ở đây, vốn ngụ ý về một Lễ Vượt Qua khác. Tôi nghĩ rằng Chúa Jesus có thể có một chức vụ bốn năm hoặc có thể là năm hoặc sáu năm công khai. Hiển nhiên các tác giả Phúc Âm không quan tâm đến bản thân trình tự thời gian, nhưng là thần học. Các Phúc Âm không phải là những bộ lịch sử phương tây, nhưng là những phần tường thuật thần học phương đông. Chúng cũng không phải là những bộ tiểu sự hoặc tự truyện. Chúng là một thể loại văn học riêng biệt chính mình. Các tác giả Phúc Âm, dưới sự thần cảm, có sự tự do để lựa chọn, làm cho phù hợp, và tái sắp xếp những lời phán và hành động của Chúa Jesus để

bày tỏ về Ngài cho những đối tượng độc giả họ hướng đến. Tôi không tin rằng họ có sự tự do để đặt thêm lời vào miệng Ngài; tuy nhiên, những tư liệu của những sự chứng kiến tận mắt được chép xuống vào một thời điểm khá muộn, cùng với những mục đích thần học và sự khác biệt của những đối tượng khán giả được nhắm đến, đã trả lời câu hỏi tại sao bốn sách Phúc Âm lại khác biệt với nhau.

▣ **"Phi-lát thường trả tự do cho một tù nhân mà dân chúng yêu cầu"** Điều này có vẻ đã trở thành một thông lệ hàng năm của người La Mã tại khu vực Palestine trong thời Chúa Jesus. Không có bất cứ sự chứng thực lịch sử nào cho việc này ngoài trừ tác phẩm của Josephus, *Antiquities of the Jews* 20:9:3. Phi-lát đã cố gắng hướng đám đông để cảm thương Chúa Jesus để rồi ông có thể thả Ngài (theo Mác. 15:14; Lu-ca 23:14-16; Giăng 18:38-39; 19:4).

**15:7 "Ba-ra-ba"** Tên này là sự kết hợp của từ Bar = "con của" và Abbas = "cha." Phúc Âm không có trong kinh điển viết cho người Hê-bơ-rơ chép là Bar Rabbas, "con của Ra-bi." Một vài thảo bản tiếng Hy Lạp MSS của Ma-thi-ơ 27:16-17 chép là "Jesus Barabbas," vốn cố gắng trên nền tảng mỉa mai của việc gọi rằng "Chúa Jesus," thật sự chính là "Con của Cha."

▣ **"với những tên phiến loạn"** Người đàn ông mà đám đông muốn thả chính là loại người mà họ đang cáo buộc Chúa Jesus. Thật mỉa mai!

**15:8 "Dân chúng (đám đông)"** Một vài người cho rằng bạn bè của Ba-ra-ba đã chờ đợi cho cơ hội này. Những người khác lại nghĩ rằng đám đông không bao gồm nhiều người đến từ những người hành hương, nhưng là những kẻ làm chứng dối và những kẻ liên quan trong những phiên xét xử trong đêm. Những kẻ này không có điểm chung gì với nhau ngoại trừ cả hai nhóm đều muốn Ba-ra-ba được thả, nhưng với những lý do rất khác nhau.

Thành phố đang đầy những người hành hương, rất nhiều người trong số họ đến từ Ga-li-lê, nhưng họ có lẽ đã không hiện diện tại phiên tòa của Phi-lát.

<b>NASB, NJB</b>	<b>"đã đi lên"</b>
<b>NKJV</b>	<b>"kêu khóc lớn"</b>
<b>NRSV</b>	<b>"đã đến"</b>
<b>TEV</b>	<b>"đã tụ tập"</b>

Những từ trong tiếng Hy Lạp dùng cho "đi lên" (*anabainō*) và "kêu khóc lớn" (*anaboaō*) đều được đọc và đánh vần tương tự nhau, vốn có nghĩa chúng có thể dễ dàng bị nhầm lẫn bởi những phương pháp sao chép Kinh Thánh Tân Ước bằng cách một nhà sao chép Kinh Thánh đọc lớn phần Kinh Thánh và một số người khác sao chép lại. Bản thảo Hy Lạp truyền thống bị chia ra:

1. "đi lên" phân từ chủ động thì bất định (aorist active participle) trong bản thảo MSS  $\aleph^*$ , B, và bản dịch Vulgate.
2. "kêu khóc lớn" phân từ chủ động thì bất định (aorist active participle) trong bản thảo MSS  $\aleph^2$ , A, C, W, và bản Peshitta.

"Kêu khóc lớn" không được thấy trong Mác ở bất kỳ chỗ nào khác, nhưng "đi lên" được thấy chín lần khác dùng cho:

1. Những sự lớn lên (4:7)
2. Lên một con thuyền (6:51)
3. Đi lên (15:8)

Có lẽ bản NASB và NJB là chính xác.

**15:9** Mác, cũng giống như Lu-ca ( trong cả Sách Phúc Âm và Công Vụ của ông), đã viết để chỉ ra rằng Cơ Đốc Giáo không phải là một mối đe dọa với những nhà cầm quyền La Mã.

**15:10 "do lòng ghen ghét"** Phi-lát hiểu những động cơ của Tòa Công Luận (Ma-thi-ơ 27:18), nhưng từ chối hành động theo công lý!

Sự ghen tỵ chắc chắn là một động cơ có thể ở trong giới lãnh đạo tôn giáo Do Thái giáo, nhưng tôi ngạc nhiên rằng những động cơ thần học và chính trị của họ lại không hiển nhiên đối với Phi-lát (Lu-ca 23:2). Cũng



có thể rằng Phi-lát đã nghe về Chúa Jesus qua những gián điệp hoặc người cung cấp tin tức (hoặc thậm chí là vợ của mình, theo Ma-thi-ơ 27:19).

**15:12** "" người mà các người gọi là Vua dân Do Thái "" Giảng 19:15 ghi lại đám đông những người Do Thái (những kẻ nổi loạn và những lãnh đạo Do Thái) lại nói rằng "Chúng tôi không có Vua nào khác ngoài Sê-sa." Thật mỉa mai!

**15:13**

**NASB, NRSV,**

**TEV, NJB** "Họ hét lại "

**NKJV** "họ gào lên một lần nữa "

Từ Hy Lạp *palin* được dịch là "lại" bởi các bản dịch hiện đại. Cả hai từ "lần nữa" và "lại" là những sự lựa chọn tiêu chuẩn trong tác phẩm của Bauer, Arndt, Gingrich và Danker, *A Greek-English Lexicon of the New Testament*, trang 606. Văn mạch ở đây cho là "lại."

**15:14** "" người này đã làm điều ác gì "" Phúc Âm của Giảng song hành thông điệp của Phi-lát ba lần trong Mác 18:38; 19:4,6. Phi-lát cố gắng để đạt được sự thương cảm dành cho Chúa Jesus và thả Ngài (Theo Giảng 18:38; 19:6,12), nhưng đám đông thành kiến này đã không có được sự thương xót đó!

**15:15**

**NASB, NRSV** "mong ước có thể làm hài lòng đám đông "

**NKJV** "muốn làm hài lòng đám đông "

**TEV** "muốn đám đông hài lòng"

**NJB** "lo lắng xoa dịu đám đông"

Đối với Phi-lát trật tự xã hội thì quan trọng hơn là công lý. Những lãnh đạo Do Thái đã thành công trong việc đe dọa Phi-lát (Theo Giảng 19:12). Phi-lát nhà cầm quyền tại Sy-ri và Rô-ma. Ông không thể nhận thêm những sự cáo buộc. Họ biết điều đó và lợi dụng nó!

Một vài nhà ngôn ngữ học hiện đại chú ý những từ Hy Lạp *hikanon poiēsai* chính là những thành ngữ trong tiếng La-tinh (Bauer, Arndt và Gingrich, trang 374; Moulton và Milligan, trang 302; C. F. D. Moule, *An Idiom Book of the New Testament Greek*, trang 192). Điều này rất đáng chú ý bởi vì sách Mác có rất nhiều từ, cụm từ, và những thành ngữ trong tiếng La-tinh có lẽ bởi vì nó được viết cho những độc giả người La Mã.

▣ " **đánh đòn** " Đây là một sự ứng nghiệm Ê-sai 53:5. Trận đòn bằng roi là một cách mở đầu trong tiến trình tiêu chuẩn của người La Mã cho những kẻ sẽ bị đóng đinh. Đây là một trận đòn kinh khiếp. Người đàn ông phải cúi gập người xuống và đôi bàn tay bị trói trên một cái cọc thập. Sau đó hai người lính, mỗi người một bên, đánh ông ta bằng roi được bện bằng chín sợi dây da với những vật cứng được buộc vào cuối mỗi sợi dây. Thường có những tù nhân sẽ chết chỉ qua trận đòn này.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 15:16-20**

<sup>16</sup> Quân lính giải Đức Chúa Jê-sus vào trong dinh tổng đốc; cả đội binh đều được huy động về đó. <sup>17</sup> Họ khoác cho Ngài một chiếc áo điều và đội cho Ngài một mũ gai đan sẵn, <sup>18</sup> rồi chào Ngài: "Lạy Vua dân Do Thái!" <sup>19</sup> Họ cũng lấy cây sậy đánh vào đầu Ngài, khạc nhổ lên Ngài, rồi quỳ lạy Ngài. <sup>20</sup> Sau khi đã chế nhạo Ngài, quân lính lột chiếc áo điều ra, mặc áo của Ngài vào và dẫn ra ngoài để đóng đinh vào thập tự giá.

**15:16** " Quân lính giải Đức Chúa Jê-sus " Những binh lính La Mã (theo Ma-thi-ơ 27:27) rất ghét người Do Thái bởi vì thái độ kỳ thị của họ đối với Dân Ngoại và họ đã trút sự căm hận của mình trên Chúa Jesus. Lu-ca 23:11 ám chỉ rằng quân lính của vua Hê-rốt Chư Hầu cũng nhiech móc Ngài là vua.

**NASB** "vào trong dinh (chính là, Praetorium (Dinh Phán Quan))"

**NKJV** "vào trong nơi gọi là Praetorium (Dinh Phán Quan)"

**NRSV** "vào trong sân trong của dinh (nơi đó là, trung tâm đầu não của tổng đốc)"

**TEV** "vào trong sân trong của dinh tổng đốc "

**NJB** "trong sân của dinh tổng đốc "

Cụm từ này chỉ về nơi ở của các viên quan La Mã khi họ ở tại Giê-ru-sa-lem. Đây có thể là pháo đài Antonio, nơi kế cận với Đền Thờ và có khả năng hơn là dinh của Hê-rốt Đại Đế tại Giê-ru-sa-lem.

**NASB** "cả đội quân La Mã "

**NKJV** "cả đội quân đồn trú"

**NRSV, NJB** "cả đội quân"

**TEV** "tất cả những người còn lại của cả nhóm "

Từ Hy Lạp *speiran* (đội quân) nguyên gốc chỉ về một thứ gì đó xoắn lại với nhau, như một sợi dây hoặc một sợi thừng. Nó sau đó biến thành từ được sử dụng theo nghĩa bóng dùng cho một nhóm người cùng làm việc với nhau với một mục đích. Đội quân là một từ tiếng La-tinh khác. Nó được sử dụng cho một phần mười quân đoàn (legion), thường là 600 người. Nhưng nó có thể chỉ đến một số lượng nhỏ hơn rất nhiều (Theo Giăng 18:3). Quân đội La Mã được cấu trúc bởi (1) những quân đoàn, 6000 (người); (2) đội quân, 600; (3) trung đội, 200; và (4) tiểu đội, 100.

**15:17 "khóa cho Ngài một chiếc áo điều "** Ma-thi-ơ 27:28 chép là một "chiếc áo choàng màu đỏ " của một sĩ quan kỵ binh La Mã. Màu tía là biểu tượng của hoàng gia. Nguyên gốc áo choàng của một sĩ quan La Mã không phải là màu đỏ, nhưng sau thời gian nó bị phai đi trở thành màu tía. Họ nhicc móc Chúa Jesus như người được cho là Một Vị Vua của Người Do Thái (theo Mác 15:18,20; Giăng 19:2).

Lư-ca 23:11 chép lại rằng những quân lính Do Thái của Vua Hê-rốt Chư Hầu hoặc Hê-rốt An-ti-pát cũng nhicc móc Chúa Jesus là Vua/Đấng Mê-si bằng cách đặt một áo choàng dành cho vua trên Ngài.

▣ **"đội...một mào gai "** Theo truyền thống, điều này được cho là một hình thức của sự tra tấn khi những chiếc gai sẽ đâm vào trán Chúa Jesus. Tuy nhiên, có khả năng rằng nó là một chiếc vương miện rực rỡ được bện bằng lá cây cọ, vốn là một cách khác để nhicc móc Chúa Jesus là vua (theo Ma-thi-ơ 27:27-31; Mác 15:15-20). Từ Hy Lạp "mào miện" (*stephanos*) được sử dụng như một vòng hoa dành cho những vận động viên chiến thắng hoặc vòng nguyệt quế được đội bởi Hoàng Đế.

**15:19** Câu này mô tả sự nhicc móc của quân lính La Mã.

1. "kính chào," sự chào đón đặc biệt dành cho một người lãnh đạo (Mác 15:18)
2. "đánh đầu Ngài với một cây sậy," đây có lẽ được đặt trước tiên vào tay Chúa Jesus như một cây vương trượng nhạo báng
3. "nhỏ trên Ngài," một dấu hiệu của sự khinh ghét hoặc giả bộ một cái hôn (một kiểu chào)
4. "quỳ và sấp mình trước mặt Ngài," một biểu tượng nhicc móc khác của vương quyền
5. Một chiếc áo màu tía được đặt trên vai Ngài, biểu tượng cho vương quyền

Điểm số hai cho đến số bốn là những thì chưa hoàn thành (imperfect tense), vốn có nghĩa là những hành động lặp lại nhiều lần trong quá khứ. Nhiều người trong quân lính cứ thực hiện những hành động này lặp đi lặp lại có hoặc có lẽ rằng mỗi quân lính đều thực hiện nó.

**15:20 "dẫn ra ngoài "** Chúa Jesus, cũng như mọi tù nhân bị định tội khác, đã phải vác chính thanh gỗ thập tự giá của Ngài đến địa điểm đóng đinh nằm bên ngoài tường thành. Nó mất một đoạn đường dài trên đường phố Giê-ru-sa-lem để tất cả mọi người đều phải nhìn thấy và kinh sợ công lý La Mã.

Sự dẫn đưa những tội phạm ra ngoài thành Giê-ru-sa-lem để bị giết đã bị thực hiện để tôn trọng luật pháp của người Do Thái (Lê-vi Ký 24:14 và Dân Số Ký 15:35-36). Người La Mã không muốn một cuộc nổi loạn xảy ra trong suốt những ngày lễ đông đúc này.

▣ **"để đóng đinh vào thập tự giá "** Người Phê-ni-xi đã phát minh ra việc đóng đinh (tử hình). Alexander Đại Đế đã đóng đinh 2000 người sau khi thành Ty-ơ sụp đổ. Người La Mã đã hoàn thiện kỹ thuật này để các tội phạm bị định tội sẽ phải đau đớn trong vài ngày trước khi chết. Sự tra tấn tàn bạo này có mục đích như một sự ngăn chặn răn đe tội ác. Nó không được thực hiện với một công dân La Mã.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 15:21**

**21 Họ bắt một người qua đường vác thập tự giá của Ngài. Người này tên là Si-môn, người Sy-ren, là cha của A-léc-xan-đờ-ri-a và Ru-phu, vừa từ miền quê lên.**

**15:21 " bắt một người "** Đây là một từ mượn từ trong tiếng Ba Tư được sử dụng cho một sự sung công của một tài sản hoặc một sự cưỡng bách lao động cho nhà cầm quyền sử dụng.

**NASB** "một người đi ngang qua đến từ miền quê "  
**NKJV** "khi ông ra khỏi miền quê "  
**NRSV** "một người đi ngang qua, là người đến từ miền quê"  
**TEV** "một người đến thành phố từ vùng thôn quê "  
**NJB** "một người đi qua đường. . là người đến từ vùng thôn quê"

Điều này có ngụ ý chỉ về một người đang sống tại Palestine hay là một người khách viếng thăm nhân dịp Lễ Vượt Qua? Tôi nghĩ rằng nó chỉ đến một người hành hương là người có nhà nằm ở vùng ngoại ô Giê-ru-sa-lem là người chỉ vô tình đi ngang qua ngay thời điểm đó. Tuy nhiên, nhiều người đến từ Sy-ren (Cyrenaica) (nằm ở Bắc Phi) là người sống tại Giê-ru-sa-lem. Thậm chí ở đó còn có một nhà hội đặc biệt cho họ. (theo Công Vụ 6:9). Con cái ông là những người có lẽ được biết bởi hội thánh đầu tiên (không phải tại Giê-ru-sa-lem, nhưng tại Rô-ma).

▣ **" Si-môn, người Sy-ren "** Sy-ren là một tỉnh thuộc Bắc Phi. Sy-ren chính là thủ đô của nó. Tuy nhiên, tên Si-môn là một tên Do Thái. Chúng ta biết được từ Công Vụ rằng có nhiều người Do Thái đến từ khu vực này (Công Vụ 2:10; 6:9; 11:20; 13:1). Sự nhận diện sắc dân của ông là không rõ ràng. Có nhiều người Do Thái da đen từ thời của Sa-lô-môn và Nữ Hoàng Sê-ba (Ethiopia).

▣ **" cha của A-léc-xan-đờ-ri-a và Ru-phu "** Có lẽ sự mô tả cụ thể này ngụ ý rằng Si-môn và các con của ông đã trở nên nổi tiếng trong vòng hội thánh đầu tiên. Bởi vì sách Mác được viết gửi cho người La Mã cho nên có lẽ rằng Ru-phu trong Rô-ma 16:13 cũng cùng là một người.

▣ **" thập tự giá "** Có một vài hình dạng có khả năng khác nhau được sử dụng bởi người La Mã, hình chữ T, X, t, hoặc một giá đỡ giữ một vài những xà dọc. Tất cả những hình dạng này đều được tìm thấy bởi những khám phá khảo cổ học rằng chúng đã được sử dụng tại khu vực Palestine thế kỷ thứ nhất.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 15:22-26**

**22 Họ đem Đức Chúa Jêsus đến một nơi gọi là Gô-gô-tha, nghĩa là Đồi Sọ. 23 Họ cho Ngài uống rượu pha với mộc dược, nhưng Ngài không uống. 24 Khi đã đóng đinh Ngài vào thập tự giá rồi, họ chia nhau y phục của Ngài, bắt thăm để xem ai được phần nào. 25 Lúc họ đóng đinh Ngài vào khoảng chín giờ sáng. 26 Án Ngài được ghi trên bảng là: "VUA DÂN DO THÁI."**

**15:22 " Gô-gô-tha "** Đây là một từ tiếng A-ram. Từ " calvary (cái sọ)" là từ tiếng La-tinh cho "cái sọ." Từ này không chỉ đến cả phần sọ đầu, nhưng chỉ phía trán. Địa điểm này là không xác định được, nhưng nó nằm bên ngoài thành Giê-ru-sa-lem, có lẽ tại một ngọn đồi trọc, thấp trên một con đường chính dẫn vào thành thánh (Lê-vi Ký 24:14; Dân Số Ký 15:35-36; Giăng 19:20).

**15:23 " Họ cho Ngài uống rượu pha với mộc dược "** Đây là một thì chưa hoàn thành (imperfect tense) có nghĩa là họ đã cố gắng thực hiện một vài lần. Lời Truyền Khẩu Talmud cho rằng Giê-ru-sa-lem thực hiện điều này như công việc để định tội tù nhân. Trong sự ảnh hưởng của một loại ma túy mạnh để làm chịu cơn đau và làm mờ đục đi tâm trí.

▣ **" nhưng Ngài không uống "** Lý do không được rõ.

**15:24 " đóng đinh Ngài "** Người La Mã đã không đóng đinh xuyên qua bàn tay nhưng nơi cổ tay với cả thân

thể được nâng đỡ bằng dây thừng quấn quanh cánh tay. Đôi chân hơi gập lại trên đôi bàn chân bị đóng vào một miếng gỗ hình tam giác. Điều này để giúp cho người đó có thể nâng mình lên để thở. Dây cũng là một mảnh gỗ nhỏ, được gọi là miếng đệm, để người đó có thể tựa trên và tựa sức nặng của cơ thể họ trong thời gian ngắn. Phần lớn những người bị đóng đinh sẽ chết vì bị ngạt thở. Người đó bị treo lên khỏi mặt đất chỉ cao đủ để chân của ông ta nằm trên mặt đất khoảng một bước chân (một bộ).

▣ **" chia nhau y phục của Ngài "** Các quân lính La Mã là những người đóng đinh tội phạm được giữ tài sản của tội phạm như một phần của sự trả công.

▣ **" bắt thăm "** Điều này được báo trước trong Thi Thiên 22:18. Thi Thiên này mô tả sự đóng đinh Chúa Jesus (Kiểu hình bóng Đấng Christ học (Christological typology)). Chúa Jesus đã trích dòng đầu của Thi Thiên này trong Mác 15:34. Thi 22:7-8 cũng bày tỏ trước những lời bình luận của những người đi qua và nhấc móc Chúa Jesus (theo Mác 15:29).

**15:25 " khoảng chín giờ sáng (giờ thứ ba) "** Trong Giảng 19:14 chép rằng "giờ thứ sáu." Các Phúc Âm Cộng Quan đều sử dụng giờ của Người Do Thái cách nhất quán, trong khi sách Giảng, thường thường, nhưng không phải toàn bộ, sử dụng giờ La Mã.

▣ **" họ đóng đinh Ngài "** Các tác giả Phúc Âm không chơi chữ với cảm xúc của chúng ta qua việc mô tả những bước đầy tàn bạo thuộc thể liên quan. Yếu tố thần học rằng không phải Ngài đã chết như thế nào (dù rằng Phục Truyền 21:23 là rất quan trọng, theo Ga-la-ti 3:13), nhưng rằng Ngài là ai và tại sao Ngài đã chết!

#### 15:26

NASB, NRSV,

NJB

"chữ được khắc. . .đọc là"

NKJV

"chữ được khắc. . .viết phía trên"

TEV

"ghi chú những lời cáo buộc chống lại Ngài viết rằng "

Đây là thông tin mà phân chữ được khắc trong ba ngôn ngữ đến từ Giảng 19:20. Thông tin này được đóng đinh phía trên đầu Chúa Jesus rút ra từ Ma-thi-ơ 22:37.

Bản KJV và NKJV dịch lại Mác 15:26 trong một cách ngụ ý rằng nó chỉ về "phía trên," nhưng từ "chữ được khắc" được lặp đi lặp lại trong động từ, vốn có nghĩa là chạm khắc, khắc chữ, , viết hẳn xuống, viết trên, chứ không phải là "phía trên."

▣ **" Ân ...được ghi "** Bảng chỉ dẫn nhỏ này được gọi là *Titulus* bởi người La Mã. Nó thường được viết bằng chữ đen trên một bảng trắng. Lời cáo buộc chính thức này được (1) mang phía trước người bị định tội hoặc (2) đeo vòng quanh cổ của người bị định tội. Tại nơi đóng đinh nó được đặt phía trên đầu Chúa Jesus trên thập giá (theo Ma-thi-ơ 27:37). Hãy xem *Manners and Customs of the Bible* được viết bởi James M. Freeman, ở trang 395-6.

▣ **" VUA DÂN DO THÁI "** đây là một ghi chú thú vị để chú thích khác nhau giữa các sách Phúc Âm về cách dùng từ chính xác được đặt trên đầu Chúa Jesus trên thập tự giá.

1. Ma-thi-ơ 27:37 – "Đây chính là Jesus, Vua của Dân Do Thái"

2. Mác 15:26 – "Vua Dân Do Thái "

3. Lu-ca 23:38 – "Đây chính là Vua Dân Do Thái "

4. Giảng 19:19 – " Jesus, Người Na-xa-rét, Vua Dân Do Thái"

Mỗi một sách đều khác nhau, nhưng cơ bản tương tự nhau. Điều này đúng với phần lớn những chi tiết lịch sử giữa các Sách Phúc Âm. Mỗi tác giả đều chép lại từ ký ức của họ (và những nguồn thông tin khác) trong những cách khác nhau một chút, nhưng tất cả họ đều cùng có một phần tường thuật chứng kiến tận mắt.

Phi-lát muốn chọc giận những lãnh đạo Do Thái bằng cách đặt danh xưng họ đã sợ hãi nơi thập tự giá của Chúa Jesus (theo Mác 15:21-22).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 15:27-32**

<sup>27</sup> Cùng với Ngài, họ cũng đóng đinh hai tên cướp: một tên bên phải, một tên bên trái. Cùng với Ngài, họ cũng đóng đinh hai tên cướp. [<sup>28</sup>Như vậy được ứng nghiệm lời Kinh Thánh rằng: Ngài đã bị kẻ vào hàng kẻ dữ.] <sup>29</sup> Những kẻ đi qua đó đều chế giễu, lắc đầu và nói: “Ê! Người là người có thể phá hủy đền thờ và xây lại trong ba ngày, <sup>30</sup> hãy tự cứu lấy mình và xuống khỏi thập tự giá đi!” <sup>31</sup> Các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo cũng chế nhạo Ngài như vậy. Họ nói với nhau: “Nó đã cứu người khác mà không thể tự cứu mình! <sup>32</sup> Hỡi Đấng Christ, Vua Y-sơ-ra-ên, bây giờ hãy xuống khỏi thập tự giá đi để chúng tôi thấy và tin!” Hai tên cướp cùng bị đóng đinh với Ngài cũng mắng nhiếc Ngài nữa.

**15:27 " Cùng với Ngài, ...hai tên cướp "** Từ này có nghĩa là "những tên cướp" hoặc "những kẻ nổi dậy." Đây là một sự ứng nghiệm đặc biệt của Ê-sai 53:12.

Thi Thiên 22 và Ê-sai 52:13-53:12 khá đặc biệt trong một vài chi tiết, nhưng không phải toàn bộ! Đọc những lời tiên tri về Đấng Mê-si kiêu như những Thi Thiên này rất khó bởi vì chỉ một số trong những chi tiết này áp dụng vào tình huống của Chúa Jesus. Những chi tiết khác phải mang tính chất (1) biểu tượng (theo nghĩa bóng); (2) thơ ca; hoặc (3) liên quan đến chỉ những tình huống nguyên gốc lịch sử. Chỉ duy nhất qua sự thân cảm Tân Ước rằng loại Kiểu hình bóng Đấng Christ học (Christological typology) là có hiệu lực. Các tín đồ hiện đại được dẫn dắt bởi Đức Thánh Linh khi họ đọc Kinh Thánh (sự soi sáng), nhưng chúng ta có ý kiến khác nhau trong những chi tiết, vốn chỉ ra rằng sự thân cảm được đặt trên sự soi sáng.

Kiểu hình bóng (typology) đã bị sử dụng quá mức bởi các tác giả Tân Ước đến nỗi tôi chối bỏ loại giải nghĩa Kinh Thánh này ngoại trừ nó được ghi nhận bởi các tác giả Tân Ước. Chúng ta không được tái sản sinh những tiến trình giải kinh của những tác giả Kinh Thánh được thân cảm. Chúng ta phải nương dựa vào sự hiểu biết của những những tác giả nguyên thủy, được thân cảm vốn đã nói trong thời điểm của chính họ (hãy xem Bài Viết trong phần Dẫn Nhập "Một Cách Đọc Kinh Thánh Tốt"). Chúng ta phải áp dụng những lẽ thật này vào trong tình huống văn hóa của chúng ta.

**15:28** Câu này bị bỏ qua bởi những bản thảo cổ tiếng Hy Lạp ông-xi-an 8, A, B, C, và D. Nó bị bỏ qua trong các bản dịch NRSV, TEV, NJB, và NIV. Có vẻ nó được thêm vào như một ghi chú bên lề bởi một nhà sao chép Kinh Thánh cổ từ Lu-ca 22:37. Nó không phải là một phần Kinh Thánh nguyên gốc của sách Mác. Nó không có đặc điểm của sách Mác, viết cho các Dân Ngoại, khi bao gồm cả một trích dẫn Cựu Ước (ví dụ, Mác 15:28 là một sự ngụ ý chỉ đến Ê-sai 53:12). UBS<sup>4</sup> đánh giá sự bỏ qua này một điểm "A" (chắc chắn).

**15:29 " Những kẻ đi qua đó đều chế giễu "** Có lẽ để giữ mục đích và tiến trình đóng đinh của người La Mã, địa điểm đóng đinh nằm trên con đường chính tiến vào Giê-ru-sa-lem.

Những người qua lại đã ứng nghiệm lời tiên tri trong Thi 22:6-8,12-13,16-17.

▣ **" Ê! Người là người có thể phá hủy đền thờ "** Những kẻ nhiếc móc này có lẽ là những người làm chứng đối tại phiên tòa buổi tối của Tòa Công Luận (Mác 14:58).

**15:30** Bình luận này là một sự nhiếc móc liên tục về quyền năng của Chúa Jesus (theo Mác 15:31-32). Họ vẫn muốn một dấu lạ, ngay cả vào thời điểm muộn màng này. Họ đã công bố rằng họ sẽ tin nơi Ngài (theo Mác 15:32).

**15:31 " Nó đã cứu người khác "** Từ "cứu" được sử dụng trong nghĩa Cựu Ước của sự giải cứu thuộc thể Cựu Ước. Những lãnh đạo không thể chối bỏ những phép lạ của Chúa Jesus, nhưng quy gán quyền năng của Ngài cho Sa-tan (theo Mác 3:22). Dân chúng thành Giê-ru-sa-lem đã chú ý rằng Chúa Jesus đã đẩy La-xa-rô sống lại (Theo Giảng 11).

**15:32 " Hỡi Đấng Christ, Vua Y-sơ-ra-ên "** Câu này chỉ về sự nhiếc móc của thầy tế lễ thượng phẩm bằng danh xưng của Phi-lát, "Vua Dân Do Thái," vốn đã bị đóng đinh phía trên đầu Chúa Jesus. Đây là một sự chế giễu, không phải một sự khăng định!

Điều này chắc chắn phù hợp với sự chế nhạo được báo trước trong Thi 22:6-8,12-13,16.

▣ " Hai tên cướp cùng bị đóng đinh với Ngài cũng mắng nhiếc Ngài nữa " Chỉ duy nhất trong Lu-ca 23:35-43 câu chuyện tên cướp ăn năn được kể lại.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 15:33-39**

<sup>33</sup> Khoảng giữa trưa, bóng tối đã bao trùm khắp đất cho đến ba giờ chiều. <sup>34</sup> Đến ba giờ chiều, Đức Chúa Jê-sus kêu lớn tiếng: "Ê-lô-i, Ê-lô-i, lam-ma-sa-bách-ta-ni?" nghĩa là: "Đức Chúa Trời của Con, Đức Chúa Trời của Con, sao Ngài lia bỏ Con?" <sup>35</sup> Nghe vậy vài người đứng gần nói rằng: "Xem kìa, nó gọi Ê-li." <sup>36</sup> Một người chạy đi lấy miếng bọt biển thấm đầy giấm, gắn trên đầu cây sậy, đưa cho Ngài uống và nói: "Hãy đợi xem Ê-li có đến đem nó xuống không." <sup>37</sup> Nhưng Đức Chúa Jê-sus kêu lên một tiếng lớn, rồi trút hơi thở cuối cùng. <sup>38</sup> Bức màn trong đền thờ bị xé làm đôi từ trên xuống dưới. <sup>39</sup> Viên đội trưởng đứng đối diện, thấy Ngài trút hơi thở cuối cùng như vậy thì nói: "Thật người này là Con Đức Chúa Trời!"

**15:33 " Khoảng giữa trưa (vào giờ thứ sáu)"** Nếu thời gian của người Do Thái được sử dụng lại, thì nó vào khoảng mười hai giờ trưa. Hãy xem ghi chú tại Mác 15:1.

▣ " bóng tối đã bao trùm khắp đất " Đây là một trong những dấu hiệu đoán xét Cựu Ước, cả trong nghĩa chie về giao ước (một trong những tai vạ tại Ai Cập, Xuất 10:21; Phục Truyền 28:28-29) hoặc một nghĩa lai thế học (Giô-ên 2:2; A-môt 8:9-10; Sô-phô-ni 1:15). Đây chính là một biểu tượng sự hiện diện của Đức Chúa Cha đã bị cất đi khỏi Con Ngài, là Đấng đã gánh tội lỗi của cả nhân loại. Đây là điều mà Chúa Jesus đã sợ hãi nhất trong Vườn Ghết-sê-ma-nê (được biểu tượng hóa bởi câu nói " Đức Chúa Trời của Con, Đức Chúa Trời của Con, sao Ngài lia bỏ Con?" trong Mác 15:34). Chúa Jesus đã trở nên của lễ chuộc tội và gánh thay tội lỗi của cả thế gian (2 Cô-rinh-tô 5:21). Ngài đã kinh nghiệm sự chia lìa khỏi Cha. Bóng tối là biểu tượng thuộc thể của Đức Chúa Cha quay lưng khỏi Con Ngài.

**15:34 " ba giờ chiều (vào giờ thứ chín)"** Nếu giờ của người Do Thái được sử dụng, thì thời điểm này vào khoảng ba giờ chiều vào buổi chiều.

▣ "' Đức Chúa Trời của Con, Đức Chúa Trời của Con, sao Ngài lia bỏ Con "' Đây là một phần trích của Thi 22:1. Bởi vì cuộn Kinh Thánh của Người Do Thái không có đoạn và câu (tất cả đều được thêm vào Kinh Thánh vào thời trung cổ), có vẻ rằng bởi việc trích câu đầu, Chúa Jesus muốn nhấn mạnh cả bài Thi Thiên.

Có một sự khác biệt về ý kiến học thuật về việc cụm từ này nên được dịch như thế nào

1. Bản Bảy Mươi (Septuagint) dịch là " Hỡi Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời của Con, hãy chăm sóc con " (vốn xảy ra trong Các Thi Thiên)
2. Bản Peshitta (được dịch bởi George M. Lamsa) chép là
  - a. Thi 22:1, " Đức Chúa Trời của con, Đức Chúa Trời của con, tại sao Ngài lại để con sống?"
  - b. Mác 15:34, " Đức Chúa Trời của con, Đức Chúa Trời của con, bởi điều này con được buông tha!"
3. The Jewish Publication Society of America dịch, Thi 22:1 là " Đức Chúa Trời của con, Đức Chúa Trời của con, tại sao Ngài bỏ rơi con?"
4. Codex Bezae (vào thế kỷ thứ năm) dịch là " Đức Chúa Trời của con, Đức Chúa Trời của con, tại sao Ngài sỉ vả con?" Để xem một bài viết đầy đủ về những vấn đề Trí Huệ Phái liên hệ với câu này hãy xem quyển của Bart D. Ehrman, *The Orthodox Corruption of Scripture: The Affect of Early Christological Controversies on the Text of the New Testament*, ở trang 143-145.

Chúa Jesus đã kinh nghiệm sự định lượng cuối cùng của tội lỗi của nhân loại—sự chia cắt khỏi mối quan hệ với Cha (Ê-sai 54:2). Con người được tạo dựng cho mối liên hệ với Đức Chúa Trời; mà nếu thiếu nó chúng ta không bao giờ là một sự trọn vẹn!

**15:34,35 " nó gọi Ê-li "** Chúa Jesus và Các Sứ Đồ (cũng như mọi người Do Thái tại khu vực Palestine trong thế kỷ thứ nhất) nói tiếng A-ram. Mác, viết cho độc giả người La Mã, luôn dịch những cụm từ tiếng A-ram này, vốn Phi-e-rô đã nhớ thật rõ. Trong tiếng A-ram, Ê-li là Elia. Cụm từ tiếng A-ram cũng được chép lại trong Ma-thi-ơ 27:46. Đây là cụm từ gây sững sốt nhất mà Chúa Jesus đã kêu lên từ thập tự giá. Ngài đã cảm thấy bị

ruồng bỏ bởi Cha. Ê-li theo truyền thống, là nhà tiên tri sẽ đến trong thời hoạn nạn và đến trước Đấng Mê-si (Ma-la-chi 3:1-6; 4:4-6), vì thế, những người đứng xem nghĩ rằng Chúa Jesus đang cầu nguyện để ông có thể đến giúp đỡ Ngài.

Một trong những tác giả yêu thích của tôi là F. F. Bruce. Trong quyển sách của ông, *Answers to Questions*, trang 65, ông đề cập đến một bài viết trong Palestine Exploration Quarterly, Tháng Một – Tháng Tư, 1951, bởi Alfred Guillaume, vốn đề ý rằng tiền tố "tôi" được tìm thấy trong Cuộn Biển Chết là *iya*. Khi Chúa Jesus phán, "Đức Chúa Trời của Con" hình thái từ sẽ là *Eliya*, vốn được phát âm rất gần với tên của Ê-li. Điều này giải thích vì sao những kẻ đang đứng xem đã hiểu nhau những lời của Chúa Jesus.

**15:36 " thắm đầy giấm (rượu chua)"** Đây là một loại rượu rẻ tiền mà dân chúng và binh lính thường uống. Câu này có thể liên quan đến Thi 22:15. Chúa Jesus đã quá khô khát đến nỗi Ngài cần uống để giúp Ngài có thể Nói một vài từ cuối cùng từ thập tự giá (Theo Giảng 19:28-30).

▣ **" miếng bọt biển "** Cây sậy được sử dụng để vươn đến miệng Ngài. Cho những kẻ bị đóng đinh uống nước không phải là một hành động thương xót, nhưng là một cách để kéo dài sự sống và sự thống khổ.

▣ **" Hỡi đội xem Ê-li có đến đem nó xuống không "** Câu này không phải là một sự thương xót, nhưng là một sự trông mong nhìn thấy một dấu lạ (theo Ma-thi-ơ 27:47-48).

**15:37 " một tiếng lớn "** Giảng 19:30 cho chúng ta biết Ngài phán, "Mọi sự đã được trọn (xong)!" Từ này được tìm thấy trong những tài liệu thương mại được viết trên những miếng giấy bằng sậy trong tiếng Hy Lạp từ Ai Cập. Có vẻ như nó là một thuật ngữ thương mại có nghĩa là "đã được trả đủ" (Ê-sai 53).

**15:38 " Bức màn trong đền thờ bị xé làm đôi từ trên xuống dưới "** Có hai bức màn trong nơi thánh bên trong Đền Thờ, một ở trong Nơi Thánh và cái thứ hai ở trong nơi Chí Thánh. Nếu cái thứ hai đã bị xé, không ai có thể nhìn thấy ngoại trừ các thầy tế lễ, trừ khi cái thứ nhất đã thường xuyên được kéo lên và cột sang hai bên. Các màn này được mô tả trong Xuất 26:31-37. Trong thời của Chúa Jesus, trong đền thờ được tu sửa lại của vua Hê-rốt, cái màn này có kích thước 60x30 bộ Anh và dày khoảng 4 tấc Anh. Nếu cái phía ngoài bị xé ra làm đôi thì mọi người thờ phượng tại mọi sân khác nhau bên ngoài có thể nhìn thấy. Đây có vẻ chỉ đến cách để liên hệ mật thiết với Đức Chúa Trời đã được tái thiết lập bởi Đức Chúa Trời tại sự chết của Đấng Christ (theo Sáng Thế Ký 3:15; Xuất 26:31-35). Trong Ma-thi-ơ 27:51-53 những phép lạ khác được ghi chép lại như là những dấu hiệu chứng thực.

**15:39 " Viên đội trưởng "** Đây là cấp bậc của một sĩ quan cấp thấp trong quân đội của người La Mã. Nó nghĩa đen có nghĩa là "lãnh đạo của một trăm." Những người nam này chính là xương sống của quân đội La Mã. Cột này trong Công Vụ 10 cũng là một viên đội trưởng. Mác được viết để truyền giảng cho những người La Mã!

▣ **" Thật người này là Con Đức Chúa Trời "** Nguyên văn câu này là "người này là một người con trai của Đức Chúa Trời." Tuy nhiên sự vắng mặt của mạo từ không tự động có nghĩa rằng nó là xác định (theo Ma-thi-ơ 4:3,6; 14:33; 27:43; and Lu-ca 4:3,9). Đây là một người lính cứng cỏi La Mã. Ông đã nhìn thấy nhiều người chết (Ma-thi-ơ 27:54). Đây có thể là một đoạn Kinh Thánh trọng tâm của Mác bởi vì Phúc Âm này được đặc biệt viết cho người La Mã. Nó có nhiều từ La-tinh và chỉ có một vài phần trích dẫn Cựu Ước. Cũng như những tập tục của người Do Thái và những cụm từ A-ram được dịch và giải thích. Ở đây, một viên đội trưởng La Mã đã xưng nhận đức tin nơi một kẻ nổi loạn Do Thái bị đóng đinh!

Có lẽ nó là một sự cố ý thần học rằng những kẻ đi qua, những thầy tế lễ cả, và thậm chí những tù nhân khác cũng đều nhieác móc Chúa Jesus, nhưng viên đội trưởng La Mã đã đáp ứng trong một sự khẳng định và kinh ngạc!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 15:40-41**

<sup>40</sup> Cũng có những phụ nữ đứng nhìn từ xa; trong số này có Ma-ri Ma-đơ-len, Ma-ri mẹ của Gia-cơ nhỏ và Giô-sép, cùng Sa-lô-mê, <sup>41</sup> là những người đã theo và phục vụ Đức Chúa Jesus khi Ngài còn ở Ga-li-lê; cũng có nhiều phụ nữ khác, là những người đã cùng lên Giê-ru-sa-lem với Ngài.

**15:40 " Cũng có những phụ nữ đứng nhìn từ xa "** Nhóm sứ đồ đã được phục vụ cả về tài chính và thuộc thể bởi vài người phụ nữ (nấu ăn, giặt giũ, v.v..., theo Mác 15:41; Ma-thi-ơ 27:55; Lu-ca 8:3).

## **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: PHỤ NỮ TRONG KINH THÁNH**

### **I. Cựu ước**

- A. Xét về mặt văn hóa, phụ nữ được xem như các vật sở hữu
  - 1. Nằm trong danh sách những vật sở hữu (Xuất Ê-díp-tô ký 20:17)
  - 2. Luật đối đãi với các nữ nô lệ (Xuất Ê-díp-tô ký 21:7-11)
  - 3. Lời thề hứa của các phụ nữ có thể bị hủy bỏ bởi một người đàn ông có trách nhiệm về mặt xã hội (Dân số ký 30)
  - 4. Phụ nữ như các chiến lợi phẩm trong chiến tranh (Phục truyền luật lệ ký 20:10-14; 21:10-14)
- B. Xét trên thực tế, có một sự hỗ trợ giữa nam và nữ
  - 1. Người nam và người nữ được dựng nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Sáng thế ký 1:26-27)
  - 2. Tôn trọng cha mẹ (Xuất Ê-díp-tô ký 20:12 [Phục truyền luật lệ ký 5:16])
  - 3. Kính sợ mẹ cha (Lê-vi-ký 19:3; 20:9)
  - 4. Cả nam và nữ đều có thể làm người Na-xi-rê (Dân số ký 6:1-2)
  - 5. Người con gái cũng có quyền hưởng tài sản (Dân số ký 27:1-11)
  - 6. Cả hai đều thuộc về dân giao ước (Phục truyền luật lệ ký 29:10-12)
  - 7. Vâng giữ những sự dạy dỗ của cha mẹ (Châm 1:8; 6:20)
  - 8. Con trai và con gái của Heman (gia đình người Lê-vi) hướng dẫn sự thờ phượng trong đền thờ (1 Sử Ký 25:5-6)
  - 9. Con trai và con gái sẽ nói tiên tri trong thời đại mới (Giô-ên 2:28-29)
- C. Phụ nữ ở địa vị lãnh đạo:
  - 1. Mi-ri-am, chị của Môi-se, được gọi là nữ tiên tri (Xuất Ê-díp-tô ký 15:20-21)
  - 2. Những phụ nữ được Chúa ban cho tài đàn các vật liệu dùng trong đền tạm (Xuất Ê-díp-tô ký 35:25-26)
  - 3. Đê-bô-ra, một phụ nữ, cũng là một tiên tri (Các quan xét 4:4), là người lãnh đạo tất cả các chi phái (Các quan xét 4:4-5; 5:7)
  - 4. Nữ tiên tri Hun-đa, là người vua Giô-si-a chỉ định để đọc và giải nghĩa "Sách Luật pháp" vừa được tìm thấy (II Các Vua 22:14; II Sử ký 34:22-27)
  - 5. Hoàng hậu Ê-xơ-tê, một người nữ yêu mến Chúa, đã cứu dân tộc Do thái ở Ba-tur

### **II. Tân ước**

- A. Về mặt văn hóa phụ nữ trong Do thái giáo và trong thế giới Hy-lạp đều là các công dân hạng hai, chỉ có một ít quyền lợi và đặc ân (ngoại trừ Ma-xê-đoan)
- B. Các phụ nữ ở vai trò lãnh đạo:
  - 1. Ê-li-sa-bét và Ma-ri là những phụ nữ kính sợ Chúa, để cho Chúa sử dụng đời sống mình (Lu-ca 1-2)
  - 2. An-ne, một người yêu mến Chúa, phục vụ Chúa tại đền thờ (Lu-ca 2:36)
  - 3. Ly-đi, một tín hữu và là lãnh đạo một hội thánh tư gia (Công vụ 16:14,40)
  - 4. Bốn con gái của Phi-líp là các nữ tiên tri (Công vụ 21:8-9)
  - 5. Phê-bê, nữ chấp sự trong hội thánh tại Xyn-chi-cơ (Rô-ma 16:1)
  - 6. Bê-rít-sin, bạn đồng làm việc với Phao-lô và là người dạy đạo cho A-bô-lô (Công vụ 18:26; Rô-ma 16:3)
  - 7. Ma-ri, Tri-phe-nơ, Tri-phô-sơ, Bết-si-đơ, Giu-li, chị của Nê-rê, và một số các phụ nữ khác cùng làm việc với Phao-lô (Rô-ma 16:6-16)
  - 8. Giu-ni-a, có lẽ là nữ sứ đồ (Rô-ma 16:7)
  - 9. Ê-yô-đi và Syn-ti-cơ, bạn đồng lao với Phao-lô (Phi-líp 4:2-3)



### III. Làm thế nào để tín hữu ngày nay có sự quân bình khi xem xét các trường hợp khác biệt trong Kinh thánh?

- A. Làm thế nào phân biệt được các lẽ thật thuộc về lịch sử hay thuộc về văn hóa là điều chỉ áp dụng trong bối cảnh nguyên thủy mà thôi, với các lẽ thật trường tồn là điều thích hợp cho tất cả các hội thánh, mọi tín hữu ở mọi thời đại?
1. Chúng ta phải xem xét một cách rất nghiêm túc ý định nguyên thủy của các trước giả đã được Đức Chúa Trời hà hơi. Kinh thánh là Lời Đức Chúa Trời và là nguồn thông tin duy nhất hướng dẫn đức tin và lối sống của chúng ta.
  2. Chúng ta cũng phải cân nhắc các điều kiện lịch sử hiển nhiên trong các bản văn được hà hơi
    - a. Hệ thống luật pháp của người La-mã ngoại giáo (I Cô-rinh-tô 6)
    - b. Duy trì nô lệ (I Cô-rinh-tô 7:20-24)
    - c. Sống độc thân (I Cô-rinh-tô 7:1-35)
    - d. Trinh nữ (I Cô-rinh-tô 7:36-38)
    - e. Thức ăn tế thần (I Cô-rinh-tô 10:23-33)
    - f. Các hành vi không xứng đáng trong Lễ tiệc thánh (I Cô-rinh-tô 11)
  3. Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài một cách rõ ràng cho một văn hóa nhất định trong một thời đại nhất định. Chúng ta phải xem xét nghiêm túc sự mặc khải này, nhưng không nhất thiết phải cân nhắc mọi khía cạnh lịch sử mà nó chứa đựng. Lời của Đức Chúa Trời được viết ra bằng chữ của con người, đề cập đến một văn hóa nhất định trong một thời điểm nhất định.

- B. Sự giải nghĩa Kinh thánh phải nhắm vào ý định của tác giả nguyên thủy. Họ truyền đạt điều gì cho những người thời đó? Đây là nền tảng quan trọng để có được một sự giải nghĩa đúng đắn. Nhưng chúng ta cũng phải áp dụng nó cho thời nay. Đây là vấn nạn về chủ đề phụ nữ trong vai trò lãnh đạo (Vấn nạn giải kinh có lẽ là sự định nghĩa từ ngữ. Có phải các mục vụ nhiều hơn các mục sư lãnh đạo hay không? Nữ chấp sự và nữ tiên tri có được xem là các lãnh đạo hay không?) Điều khá rõ ràng là trong I Cô-rinh-tô 14:34-35, I Ti-mô-thê 2:9-15, Phao-lô khẳng định phụ nữ không nên hướng dẫn trong sự thờ phượng công cộng! Nhưng tôi sẽ áp dụng điều này ngày nay ra sao? Tôi không muốn văn hóa thời Phao-lô cũng như văn hóa của tôi thời nay làm im bật lời của Chúa và ý muốn của Ngài. Có lẽ thời Phao-lô bị quá giới hạn, nhưng thời của tôi cũng có lẽ quá cởi mở. Tôi thấy không an tâm khi cho rằng lời lẽ và sự dạy dỗ của Phao-lô là những lẽ thật có điều kiện, chỉ cho thế kỷ thứ nhất, và chỉ dành cho những trường hợp địa phương mà thôi. Tôi là ai mà dám lấy suy nghĩ riêng của mình hay là văn hóa của mình để bác bỏ một trước giả được linh cảm?!

Tuy nhiên, tôi phải làm thế nào khi Kinh thánh liệt kê những trường hợp phụ nữ lãnh đạo (ngay cả trong các thư tín của Phao-lô, xem Rô-ma 16)? Một ví dụ điển hình là trường hợp Phao-lô bàn về sự thờ phượng công cộng trong I Cô-rinh-tô 11-14. Trong câu 11:5, dường như Phao-lô cho phép phụ nữ giảng và cầu nguyện nơi công cộng khi họ trùm khăn trên đầu, tuy nhiên trong các câu 14:34-35 ông muốn họ phải yên lặng! Kinh thánh có nói đến các nữ chấp sự (Rô-ma 16:1) và nữ tiên tri (Công vụ 21:9). Chính sự đa dạng này cho tôi sự tự do để cho rằng những lời bàn của Phao-lô (liên quan đến những cấm cản đối với phụ nữ) chỉ giới hạn cho những người ở thế kỷ đầu tiên tại Cô-rinh-tô và Ê-phê-sô. Ở cả hai hội thánh này, có một số vấn đề xảy ra đối với các phụ nữ mới được ban cho quyền tự do (xem sách của Bruce Winter, *Corinth After Paul Left*), là điều có lẽ đã gây khó khăn cho hội thánh khi đi ra làm chứng về Chúa cho xã hội bên ngoài. Quyền tự do của họ đã bị hạn chế bớt để Phúc âm trở nên hiệu quả hơn.

Thời đại của tôi thì khác hẳn thời Phao-lô. Trong thời nay nếu những phụ nữ nói năng lưu loát, đã được huấn luyện không được cho phép để đi ra chia xẻ Phúc âm, hoặc không cho cơ hội lãnh đạo, thì Phúc âm có lẽ đã bị hạn chế! Mục tiêu tối hậu của sự thờ phượng công cộng là gì? Không phải để truyền giảng và đạo tạo môn đệ hay sao? Đức Chúa Trời có được tôn cao và hài lòng đối với những nữ lãnh đạo hay không? Cả Kinh thánh dường như trả lời rằng, “Vâng, có”!

Tôi muốn nhường cho Phao-lô; thần học của tôi chủ yếu là lấy từ Phao-lô. Tôi không muốn bị ảnh hưởng thái quá hay bị điều khiển bởi chủ nghĩa quyền phụ nữ hiện đại! Tuy nhiên, tôi cảm thấy hội thánh đã phản ứng quá chậm trước những lẽ thật Kinh thánh hiển nhiên này, như vấn đề không đúng đắn của chế độ nô lệ, tề phân biệt chủng tộc, thái độ tin theo mù quáng không biết gì đến người khác, và

sự chủ nghĩa phân biệt giới tính. Hội thánh cũng đã phản ứng quá chậm trước sự lạm dụng phụ nữ của thế giới hiện đại ngày nay. Đức Chúa Trời trong Đấng Christ đã giải phóng nô lệ và phụ nữ. Tôi không dám để một bản văn bị ràng buộc bởi văn hóa xiềng xích họ lại một lần nữa.

Một điểm nữa: là một nhà giải kinh, tôi biết Cô-rinh-tô là một hội thánh rất tệ. Các ân tứ được đánh giá cao và khoe khoang. Một số phụ nữ có lẽ bị rơi vào điều này. Tôi cũng tin rằng hội thánh ở Ê-phê-sô đã bị ảnh hưởng của các giáo sư giả, những người lợi dụng phụ nữ và dùng họ như những phát ngôn nhân thay thế mục sư trong các hội thánh tư gia ở Ê-phê-sô.

C. Các sách đề nghị để nghiên cứu thêm

*How to Read the Bible for All Its Worth* của Gordon Fee và Doug Stuart (trang 61-77)

*Gospel and Spirit: Issues in New Testament Hermeneutics* của Gordon Fee

*Hard Sayings of the Bible* của Walter C. Kaiser, Phi-ê-rơ H. Davids, F.F. Bruce và Manfred T. Branch (trang 613-616; 665-667).

▣ **" Ma-ri Ma-đơ-len "** Ma-đơ-len là một thành phố nhỏ nằm bên bờ Biển Ga-li-lê, ba dặm về phía bắc của Ti-bê-ri-át. Ma-ri đã theo Chúa Jesus từ Ga-li-lê sau khi Ngài đã giải cứu bà khỏi nhiều quỷ (theo Lu-ca 8:2). Bà đã bị xem như một gái mại dâm một cách không công bằng nhưng không hề có một bằng chứng Tân Ước nào cho điều đó. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 16:1.

▣ **" Ma-ri mẹ của Gia-cơ nhỏ và Giô-sép "** Trong Ma-thi-ơ 27:56 bà được gọi là "mẹ của Gia-cơ and Giô-sép" Trong Ma-thi-ơ 28:1 bà được gọi là "Ma-ri khác." Câu hỏi thật sự là, bà lập gia đình với ai? Trong Giăng 19:25 có lẽ bà đã cưới Clopas, và con của bà là Gia-cơ, cũng được gọi là "con của A-phê" (theo Ma-thi-ơ 10:3; Mác 3:18; Lu-ca 6:15). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 16:1.

▣ **" Sa-lô-mê "** Đây là mẹ của Gia-cơ và Giăng, là một phần của nhóm mật thiết bên trong của những môn đồ của Chúa Jesus, và là vợ của Xê-bê-đê (theo Ma-thi-ơ 27:56; Mác 15:40; 16:1-2). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những Người Phụ Nữ Đi Theo Chúa Jesus tại Mác 16:1.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 15:42-47**

<sup>42</sup> Trời đã gần tối, mà hôm ấy lại là ngày Chuẩn Bị, tức là ngày trước ngày sa-bát, <sup>43</sup> nên Giô-sép, người A-ri-ma-thê, một nghị viên khải kính của Hội đồng Công luận, người hàng trông đợi vương quốc Đức Chúa Trời, đã mạnh dạn đến chỗ Phi-lát xin thi hài của Đức Chúa Jesus. <sup>44</sup> Phi-lát ngạc nhiên là Ngài đã chết, nên gọi viên đội trưởng đến để hỏi xem Ngài đã chết thật chưa. <sup>45</sup> Khi đã nghe viên đội trưởng tường trình, Phi-lát giao thi hài cho Giô-sép. <sup>46</sup> Ông mua một tấm vải gai rồi đem Ngài xuống, dùng vải khâm liệm Ngài và đặt vào một mộ phần đã được đục sẵn trong đá. Rồi ông lăn một tảng đá chặn cửa mộ lại. <sup>47</sup> Ma-ri Ma-đơ-len và Ma-ri mẹ Giô-sép đều thấy nơi an táng Ngài.

**15:42 " Trời đã gần tối "** Mác là sách Phúc Âm duy nhất đề cập đến điều này. Xuất 12:6 chép là "những buổi tối" nếu nó nằm trong hai khoảng thời gian sau: (1) 3:00- 6:00 giờ chiều. và (2) 6:00 giờ chiều và muộn hơn. Văn mạch ngụ ý rằng nó vào khoảng sau 3:00 giờ chiều (thời gian của việc dâng sinh tế buổi tối), nhưng trước 6:00 giờ chiều (giờ bắt đầu của ngày Sa-bát Lễ Vượt Qua).

▣ **" ngày trước ngày (ngày chuẩn bị)"** Câu này chỉ về ngày mà tất cả mọi điều cần phải sẵn sàng cho ngày Sa-bát rất thánh của tuần lễ Vượt Qua (Lễ Vượt Qua và Bánh Không Men là một kỳ lễ tám ngày, vì vậy chúng có hai ngày Sa-bát), chứ không phải chính bữa ăn Lễ Vượt Qua.

**15:43 " Giô-sép, người A-ri-ma-thê "** Người này có vẻ là một môn đồ kín giầu, cùng với Ni-cô-đem (theo Ma-thi-ơ 27:57; Giăng 12:42). Tuy nhiên, sau cái chết của Chúa Jesus ông đã công khai đến với Phi-lát để xin xác Chúa Jesus (Theo Giăng 19:38). Rất nguy hiểm khi xác định mình là bạn của một kẻ nổi loạn bị đóng đinh.

Là một người Do Thái chính thống của ngày đó, Giô-sép đã khiến chính mình ông trở nên ô uế về nghi lễ để có thể dự ngày Sa-bát Lễ Vượt Qua qua việc:

1. Bước vào nhà của một Người ngoại
2. Chạm vào một xác chết

Tuy nhiên, ông đã nỗ lực để rũ bỏ sự rửa sả của Phục Truyền 21:22-23. Thường thì người La Mã để lại xác chết của người bị đóng đinh tại nơi chết, nhưng bởi vì Người Do Thái rất căm nộ về những xác chết không được chôn cất, người La Mã cho phép họ chôn cất những xác chết của họ, nhưng không phải ngay lập tức.

Từ A-ri-ma-thê có nghĩa là "cao" và có vẻ rằng nó là tên khác của thành Ra-ma, vốn nằm cách năm dặm về phía đông nam của Giê-ru-sa-lem.

▣ **" một nghị viên khải kính của Hội đồng Công luận "** Giô-sép là một thành viên của Tòa Công Luận, cũng như Ni-cô-đem. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Tòa Công Luận tại Mác 12:13.

▣ **" trông đợi vương quốc Đức Chúa Trời "** Giô-sép là một người rất sùng đạo (theo Ma-thi-ơ 27:58). Vương Quốc Đức Chúa Trời là một sự trông đợi Do Thái phổ thông giữa Những người Pha-ri-si và dân thường. Chúa Jesus thường giảng dạy về chủ đề này. Nó chính là chủ đề của bài giảng đầu tiên và cuối cùng của Ngài và là sự tập chú trong những ẩn dụ của Ngài. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 1:15.

Giô-sép đang trông đợi vương quốc trong nghĩa nào là không rõ. Làm thế nào để ông trở thành một môn đồ và biết được vương quốc đã đến? Có lẽ ông vẫn trông đợi một vương quốc trên đất (giống như các môn đồ, theo Công Vụ 1:6).

▣ **" đến chỗ Phi-lát xin thi hài của Đức Chúa Jê-sus "** Điều này khiến ông trở nên ô uế về mặt nghi lễ để tham dự ngày Sa-bát quan trọng của tuần lễ Vượt Qua. Câu này cũng định danh ông với Chúa Jesus, một kẻ nổi loạn bị đóng đinh. Đây là một hành động quyết đoán và dũng cảm.

▣ **" xin thi hài "** Thông thường người La Mã bỏ mặc các xác chết trên thập giá cho thối rữa, như một sự răn đe việc nổi loạn. Những xác chết này là tài sản của Rô-ma. Chúng thường không được trao lại cho các gia đình cho một sự chôn cất thích đáng, vốn là một điều đặc biệt quan trọng đối với người Do Thái. Đây là một yêu cầu đặc biệt, rất không thường xuyên. Nó được chấp thuận bởi sự nhạy cảm của người Do Thái về những xác chết sẽ làm ô uế đất đặc biệt trong mùa lễ Vượt Qua.

**15:44 " Phi-lát ngạc nhiên là Ngài đã chết "** sự đóng đinh là một cái chết rất từ từ và đau đớn. Thường nó mất đến vài ngày. Các quân lính La Mã cho nạn nhân uống nước và rượu, hết lần này đến lần khác, khôn phải là một hành động xuất phát từ sự thương xót, nhưng để kéo dài cái chết của họ. Tuy nhiên, lần này, thời gian dành cho kẻ có tội phải chết nhanh chóng bởi vì ngày Sa-bát Lễ Vượt Qua đã sắp đến, và vì vậy, các quân lính đã phải đánh gãy hai chân của kẻ tội phạm (Theo Giăng 19:từ câu 31trở đi). Điều này khiến họ không thể đẩy lên chân của mình để rướn lên thờ một cách hoàn toàn. Họ sẽ phải chết nhanh chóng sau đó. Chúa Jesus, tuy nhiên, đã chết, do vậy chân Ngài không bị đánh gãy. Điều này ứng nghiệm lời tiên tri (Giăng 19:36, trích từ Xuất 12:46. Hãy xem bình luận giải kinh tại Mác 15:27).

**"Nếu (trong bản tiếng Anh)"** đây không phải là dấu chỉ của một câu điều kiện (conditional sentence), nhưng là một câu hỏi gián tiếp. Phi-lát ngạc nhiên bởi vì Chúa Jesus đã chết rất nhanh chóng, vì vậy, ông hỏi những kẻ tham gia câu hỏi gián tiếp này.

**15:45 " thi hài "** Từ trong tiếng Hy Lạp không phải là *soma*, nhưng là *ptōma*, vốn có nghĩa là xác chết. Chúa Jesus đã chết!

**15:46 " Ông mua một tấm vải gai rồi đem Ngài xuống, dùng vải khâm liệm Ngài "** Ni-cô-đem cũng ở tại đó (Theo Giăng 19:39-40). Họ nhanh chóng chuẩn bị thân xác Chúa Jesus (bởi vì ngày Sa-bát đang đến rất gấp rút vào 6 giờ tối) theo truyền thống của người Do Thái. Người Do Thái không thực hiện ướp xác như người Ai Cập, nhưng họ có một tiến trình liên quan đến việc bọc bằng vải và hương liệu.

▣ **" đặt vào một mộ phần đã được đục sẵn trong đá "** Câu này để ứng nghiệm lời tiên tri đặc biệt của Ê-sai 53:9. Ma-thi-ơ 27:57-60 cho chúng ta biết rằng đó chính là mộ phần riêng của Giô-sép.

▣ " **đọc sẵn trong đá** " Chúa Jesus không được chôn dưới đất, nhưng trong hầm mộ của gia đình Giô-sép. Nó được đục trong một vách đá và sẽ bao gồm một vài phiến đá chôn cất khác nhau. Có khá nhiều hầm mộ như vậy tại khu vực Giê-ru-sa-lem.

▣ " **đá** " Phiến đá lớn tròn được đẽo có hình dáng như cối xay. Những lăng mộ thường xuyên bị cướp bóc vì vậy chúng được niêm phong với một hòn đá nặng. Kích thước của hòn đá chỉ rằng nó là lăng mộ của một người giàu có.

**15:47 " thấy nơi an táng Ngài "** Từ xem với sự quan tâm và chú ý." Họ muốn chắc chắn rằng Chúa Jesus đã được chuẩn bị cách thích đáng cho sự chôn cất. Tuy nhiên, câu này cũng cung cấp cho nhu cầu của hai nhân chứng (theo Phục Truyền 17:6; 19:15) để khẳng định một lời chứng hợp pháp. Chúa Jesus đã chết và họ đã không đến nhằm ngôi mộ!

## **NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Ai đã bắt giữ Chúa Jesus? (thành phần hình thành nên đám đông)
2. Phiến tòa đã trở nên không phù hợp như thế nào, ngay cả với các tiêu chuẩn Do Thái?
3. Có một hay hai tội tở gái trong câu 66-69?
4. Tại sao Phi-e-rơ lại quá căng thẳng trong sân?
5. Hãy đọc những phần tường thuật về những sự xét xử trong cả bốn sách Phúc Âm và đưa ra danh sách theo trình tự thời gian của chính bạn.
6. Nếu có thể hãy mô tả động cơ của Phi-lát trong tất cả các sự kiện này?
7. Chúng ta có thể giải thích hành vi của đám đông như thế nào?
8. Tại sao các quân lính lại chế giễu Chúa Jesus? Có bao nhiêu nhóm người khác nhau đem Ngài làm trò cười?
9. Hãy liệt kê những cách khác nhau mà họ đã nhieác móc Chúa Jesus.
10. Chúa Jesus bị đóng đinh tại nơi đâu?
11. Tại sao Chúa Jesus cảm thấy bị bỏ rơi bởi Cha (theo Mác 15:34)?
12. Tại sao Mác 15:39 là một trong những câu chủ đề trong Phúc Âm Mác?
13. Tại sao Giô-sép muốn Chúa Jesus được chôn cất nhanh chóng?

# MÁC 16

## NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự Phục Sinh	Ngài Đã Sống Lại	Ngày Phục Sinh Đầu Tiên	Sự Phục Sinh	Ngôi Mộ Trống và Sự Điệp Của Thiên Sứ
16:1-8	16:1-8	16:1-8	16:1-5	16:1-2
			16:6-7	16:3-8
			16:8	

### CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu "Một Hướng Dẫn Cách Đọc Kinh Thánh Tốt")

#### THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Đọc cả đoạn trong một lần đọc. Xác định các chủ đề. Hãy so sánh cách chia những chủ đề của bạn với bốn bản dịch hiện đại phía trên. Cách chia đoạn không được thần cảm, nhưng chia khóa để dõi theo ý định của tác giả, chính là trái tim của việc giải kinh. Mỗi đoạn đều có một và chỉ một chủ đề mà thôi.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

#### TÍNH KINH ĐIỂN CỦA NHỮNG CÂU 9-20

- A. Tôi không tin rằng những câu 9-20 là nguyên gốc trong Phúc Âm Mác. Chúng không được thần cảm và không nên được cho vào Tân Ước.
- B. Tất cả phần sau câu 8 vắng mặt trong thảo bản cổ tiếng Hy Lạp ông-xi-an của cả Tân Ước và có từ thể ký thứ tư
  1. Sinaiticus, được biết bởi ký tự thứ nhất của bảng chữ cái tiếng Hê-bơ-rơ  $\aleph$ . Bản thảo này bao gồm toàn bộ Tân Ước và đến từ thể ký thứ tư. Nó được tìm thấy trong tu viện thánh Catherine tại Jebel Musa, địa điểm truyền thống của Ngọn Sinai
  2. Vaticanus, được biết bởi ký tự tiếng Hy Lạp B. Bản thảo này bao gồm cả Tân Ước ngoại trừ Khải Huyền và cũng đến từ thể ký thứ tư.  
Nó được tìm thấy trong thời hiện đại tại thư viện Vatican tại Rô-ma.
- C. Thảo bản cổ thứ ba Tân Ước làm chứng cho người nói tiếng Hy Lạp, Alexandrinus, được biết bởi ký tự Hy Lạp A. Bản thảo này bao gồm cả Tân Ước và từ thể ký thứ năm. Nó đến từ Alexandria, Ai Cập. Nó

không bao gồm một phần kết cho sách Mác (phần kết được tìm thấy trong Bản Textus Receptus (Bản Văn Đọc Thừa Nhận-là cơ sở của bản Kinh Thánh King James) và bản KJV). Phần kết dài này lần đầu tiên xuất hiện trong tác phẩm của Irenaeus (120-202 SC) *Against Heresies* I:10:5; và của Titian (110-172 SC) tổng hợp cả bốn sách Phúc Âm và gọi nó là The Diatessaron. Tuy nhiên, Clement ở Alexandria và Origen ở Alexandria chưa bao giờ trích hay ngụ ý chỉ đến những câu này ngay cả chỉ một lần. Điều này nói với tôi rằng phần kết này không phải là nguyên gốc thậm chí trong bản thảo Alexandrinus, vốn đến từ cùng một thành phố. Những câu được bao gồm trong bản MS C, vốn cũng từ Alexandria một thời điểm nào đó trong thế kỷ thứ năm.

- D. Eusebius (SC275-340), một sử gia hội thánh đầu tiên vào thế kỷ thứ tư, nói rằng "những bản sao chép chính xác nhất" kết thúc tại Mác 16:8.
- E. Jerome (SC 347-420), người phiên dịch bản tiếng La-tinh Vulgate, nói rằng phần lớn thảo bản tiếng Hy Lạp thiếu vắng một phần kết sau câu 8.
- F. Những câu 9-20 bao gồm cả 14-17 từ chưa bao giờ được sử dụng trước đó trong Phúc Âm theo Mác. Cũng có những dấu hiệu thay đổi về phong cách và cú pháp. Những dấu lạ rõ ràng không từ Kinh Thánh của Mác 16:18 khẳng định một bản chất không được thân cảm của những câu Kinh Thánh được thêm vào này.
- G. Bản thảo đến từ Ai Cập (Coptic) có bốn phần kết khác nhau sau câu 8. Một vài thảo bản tiếng Hy Lạp bao gồm một phần kết dài (Mác 16:9-20) và sau đó là một phần kết ngắn hoặc một phần kết ngắn và sau đó là một phần kết dài hoặc một trong những phần kết khác được kết hợp.
1. Đây là một phần kết ngắn từ bản thảo Coptic "Và mọi điều Ngài đã ra lệnh cho Phi-e-rơ và tất cả những kẻ thuộc về Ngài, họ chầm dứt chia sẻ, và sau đó, Chúa Jesus bày tỏ chính mình Ngài với họ; và từ nơi mặt trời mọc xa đến tận Phương Tây, Ngài đã sai họ để giảng tin lành của sự cứu chuộc đời đời bởi Phúc Âm Thánh vốn không thể hư hoại."
  2. Và đây là một phần kết ngắn khác. "Nhưng họ đã báo cáo ngắn gọn với Phi-e-rơ và những người ở với ông tất cả những điều họ đã được bày tỏ. Và sau đó, chính Chúa Jesus đã sai đi với họ, từ phương đông cho đến phương tây, sự công bố thánh khiết và không thể hư mất của sự cứu chuộc đời đời." Đây gọi là "phần kết ngắn" và nó được tìm thấy trong bản thảo cổ tiếng La-tinh K.
- H. Nan đề chính rằng sách Phúc Âm Mác có vẻ như kết thật đột ngột trong câu 8. Có quá nhiều giả thuyết, nhưng không ai biết chắc chắn tại sao Mác lại kết một cách quá đột ngột với một phần ghi chú về sự sợ hãi.
- I. Có một phần giải thích hay về nan đề của phần Kinh Thánh này trong quyển sách của Bruce M. Metzger *A Textual Commentary on the Greek New Testament*, được xuất bản bởi the United Bible Societies, từ trang 122-126, hoặc quyển *A Translator's Handbook on the Gospel of Mark* của Robert G. Bratcher và Eugene Nida, được xuất bản bởi United Bible Societies, ở trang 517-522.
- J. Để xem một phần giải thích ngắn gọn về sự phê bình văn bản này hãy xem Phụ Lục Hai vào phần cuối của tập giải kinh này.

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 16:1-8

<sup>1</sup> Ngày sa-bát qua rồi, Ma-ri Ma-đơ-len, Ma-ri mẹ Gia-co, và Sa-lô-mê mua hương liệu để đi xức xác Đức Chúa Jê-sus. <sup>2</sup> Ngày thứ nhất trong tuần lễ, từ sáng sớm, khi mặt trời vừa mọc, ba người đã đến mộ. <sup>3</sup> Họ nói với nhau: "Ai sẽ lăn tảng đá khỏi cửa mộ cho chúng ta?" <sup>4</sup> Nhưng khi nhìn lên, họ thấy tảng đá đã được lăn ra rồi; đó là một tảng đá rất lớn. <sup>5</sup> Vào trong mộ, họ thấy một thanh niên mặc áo dài trắng, ngồi bên phải, thì vô cùng kinh ngạc. <sup>6</sup> Nhưng người đó nói với họ: "Đừng kinh hoàng! Các ngươi tìm Đức Chúa Jê-sus người Na-xa-rét, là Đấng đã chịu đóng đinh trên thập tự giá. Ngài sống lại rồi, không còn ở đây nữa. Hãy xem nơi đã an táng Ngài. <sup>7</sup> Hãy đi, báo cho các môn đồ Ngài và Phi-e-rơ rằng Ngài đang đến Ga-li-lê trước các ngươi. Tại đó, các ngươi sẽ thấy Ngài như Ngài đã phán với các ngươi." <sup>8</sup> Vừa ra khỏi mộ, các bà đều chạy trốn vì quá kinh ngạc và run sợ. Họ chẳng dám nói gì với ai vì quá khiếp đảm.

**16:1 " Ngày sa-bát qua rồi "** Dân Y-sơ-ra-ên cổ xưa đã bắt đầu những ngày của họ vào những buổi chiều chạng vạng (những buổi tối), đi theo Sáng 1:5,8,13,19,23,31. Tuy nhiên, người La Mã (và người Hy Lạp) đã du nhập phương pháp chia ngày và đêm của người Ba-by-lôn thành mười hai phần chia. Những phần chia này không có độ dài bằng nhau bởi vì các sự thay đổi theo mùa độ dài của những khoảng thời gian sáng/tối.. Mác 15 sử dụng một vài mốc thời gian này (giờ thứ ba, Mác 16:25; giờ thứ sáu , Mác 16:33; giờ thứ chín, Mác 16:34).

Cụm từ này xuất hiện để chỉ về phương pháp cổ của người Y-sơ-ra-ên và sẽ, vì thế, chính là sáu giờ chiều ngày Thứ sáu đến sáu giờ chiều ngày thứ bảy dành cho ngày Sa-bát.

▣ " **Ma-ri Ma-đơ-len, Ma-ri mẹ Gia-cơ, và Sa-lô-mê** " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt phía dưới đây.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG NGƯỜI PHỤ NỮ THEO CHÚA GIÊ-SU**

- A. Những người phụ nữ theo Chúa trợ giúp Chúa và các sứ đồ được nhắc đến đầu tiên trong Lu-ca 8:1-3.
1. Ma-ri, còn có tên là Mác-đa-len (Lu-ca 8:2)
    - a. Ma-thi-ơ. 27:56,61; 28:1
    - b. Mác 15:40,47; 16:1,9
    - c. Lu-ca 8:2; 24:10
    - d. Giăng 19:25; 20:1,11,16,18
  2. Giô-an-ne vợ của Chu -xa (Quản gia của vua Hê-rôt, Lu-ca 8:3) cũng được ghi nhận trong Lu-ca 24:10
  3. Su-xan-na (Lu-ca 8:3)
  4. "Và còn nhiều phụ nữ khác, đóng góp sự tương trợ từ tài riêng của mình (Lu-ca 8:3)
- B. Một nhóm phụ nữ có mặt bên Thập tự Giá
1. Danh sách trong Ma-thi-ơ
    - a. Ma-ri Mác-đa-len (Ma-thi-ơ. 27:56)
    - b. Ma-ri mẹ của Gia-cơ và Giô-sép (Ma-thi-ơ. 27:56)
    - c. Mẹ của Giăng và Gia-cơ Xê-bê-đê (Ma-thi-ơ. 27:56)
  2. Danh sách trong Mác
    - a. Ma-ri Mác-đa-len (Mác 15:40)
    - b. Ma-ri mẹ của Gia-cơ nhỏ và Giô-sép (Mác 15:40)
    - c. Sa-lô-mê (Mác 15:40)
  3. Lu-ca chỉ nói , "Những người phụ nữ theo Ngài từ Ga-li-lê" (23:49)
  4. Danh sách trong Giăng list
    - a. Ma-ri, Mẹ của Chúa (Giăng 19:25)
    - b. Chị (hoặc em) của Mari mẹ Chúa (Giăng 19:25)
    - c. Ma-ri Cơ-lê-ô-pa (Có thể là vợ hoặc con gái của Cơ-lê-ô-pa, Giăng 19:25)
    - d. Ma-ri Mác-đa-len (Giăng 19:25)
- C. Một nhóm phụ nữ có mặt ở mộ chôn Chúa
1. Danh sách của Ma-thi-ơ
    - a. Ma-ri Mác-đa-len (Ma-thi-ơ. 27:61)
    - b. Ma-ri khác (Ma-thi-ơ. 27:61)
  2. Danh sách trong Mác
    - a. Ma-ri Mác-đa-len (Mác 15:47)
    - b. Ma-ri mẹ của Giô-sê (Mác 15:47)
  3. Lu-ca chỉ nói , "Những người phụ nữ theo Ngài từ Ga-li-lê" " (Lu-ca 23:55)
  4. Giăng không nói về những phụ nữ có mặt tại ngôi mộ
- D. Một nhóm phụ nữ có mặt tại ngôi mộ sáng sớm Chủ Nhật.

1. Danh sách của Ma-thi-ơ
  - a. Ma-ri Mác-đal-en (28:1)
  - b. Ma-ri khác (28:1)
2. Danh Sách của Mác
  - a. Ma-ri Mác-đal-en (16:1)
  - b. Ma-ri mẹ của Gia-cơ (16:1)
  - c. Sa-lô-mê (16:1)
3. Danh sách của Lu-ca
  - a. "Họ đến ngôi mộ:" (24:1-5,24)
    - (1) Ma-ri Mác-đal-en (24:10)
    - (2) Giô-an-ne (24:10)
    - (3) Ma-ri Mẹ của Gia-cơ (24:10)
4. Giảng chỉ liệt kê Ma-ri Mác-đal-en (20:1,11)
- E. Những phụ nữ có mặt ở Lầu Trên. (Công vụ 1:14)
  1. "những phụ nữ" (Công vụ 1:14)
  2. Ma-ri mẹ của Chúa Giê-su (Công vụ 1:14)
- F. Không chắc chắn mối liên hệ giữa những người phụ nữ, nhưng rõ ràng Ma-ri Mác-đal-en giữ vai trò chính. Trong *Dictionary of Jesus and the Gospels* xuất bản bởi IVP, pp. 880-886, có một bài viết rất hữu ích về những người phụ nữ trong cuộc đời và chức vụ của Chúa Giê-su.

▣ " mua hương liệu...xức xác Đức Chúa Jê-sus " Mặc dù những người phụ nữ này đã nhìn thấy Giô-sép và Ni-cô-đem chuẩn bị và đặt thân thể Chúa Jesus vào trong một ngôi mộ, có vẻ như bởi vì sự giới hạn thời gian (chỉ từ 3 - 6 giờ chiều) một vài tiến trình chôn cất thông thường của người Do Thái đã bị bỏ qua (có khả năng những ngọn nến thơm hoặc một vài loại hương liệu đặc thù) và những người phụ nữ đã đi để kết thúc tiến trình truyền thống này.

#### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: DƯỢC LIỆU ƯỚP XÁC**

- A. Dầu thơm, chế từ nhựa một loại cây vùng Arabia (BDB 600, KB 629; see UBS, *Fauna and Flora of the Bible*, pp. 147-148)
  1. Dầu thơm này được nhắc tới 12 lần trong Cựu-ước, hầu hết ở trong các sách dạy khôn ngoan, (xem Thi-thiên. 45:8; Nhã ca 1:13; 4:14; 5:1,5)
  2. Đây là một trong những món quà các nhà thông thái phương đông dâng tặng Chúa Hài Đồng. (Xem Ma-thi-ơ. 2:11)
  3. Mang tính chất biểu tượng độc đáo
    - a. làm dầu thánh cho lễ xức dầu" (Xuất. 30:23-25)
    - b. làm quà dâng lên vua (Ma-thi-ơ. 2:11)
    - c. Xức thân thể Chúa trước khi chôn cất. (xem Giảng 19:39 và mang tính biểu tượng trong Giảng 11:2). Đây cũng là truyền thống của người Do-thái theo luật Talmud (xem Berakhoth 53a).
    - d. Được những người phụ nữ thành Giê-ru-sa-lem làm giảm đau cho những người bị đánh đập trên con đường thập giá (xem Mác 15:23)
- B. Trầm hương, một loại gỗ thơm (BDB 14 III, KB 19)
  1. liên hệ đến một loại dầu thơm (xem. Dân-số. 24:6; Thi-thiên. 45:8; Châm-ngôn. 7:17; Nhã Ca 4:14; Xem UBS, *Fauna and Flora of the Bible*, pp. 90-91)
  2. Được sử dụng cùng với loại dầu thơm khác bởi người Ai-cập trong quá trình tẩm liệm xác chết.
  3. Ni-cô-đem sử dụng một khối lượng rất lớn để xức thân thể và tẩm liệm Chúa Giê-su (xem. Giảng 19:39). Đây là thực hành theo luật Tamud của người Do-thái. (xem., Betsah 6a). Xem Chủ Đề Đặc Biệt "Tập tục Chôn Cất"



**16:2 " từ sáng sớm, khi mặt trời vừa mọc "** Tất cả các Sách Phúc Âm ghi chép một sự khác biệt nhẹ về thời gian.

1. Ma-thi-ơ 28:1 chép là "vào lúc bình minh "
2. Lu-ca 24:1 chép là "vào lúc bình minh sớm"
3. Giăng 20:1 "khi trời vẫn còn tối "

Có vẻ những người phụ nữ này rời nhà khi vẫn còn tối, nhưng tại thời điểm họ đến nơi (có lẽ họ đã phải mua hương liệu) tại nơi hầm mộ thì thời đã sáng.

**16:3 " Họ nói với nhau "** Đây là một Thì chưa hoàn thành (imperfect tense). Họ đang lo lắng và hỏi nhau hết lần này đến lần khác khi họ bước đến ngôi mộ.

▣ **" Ai sẽ lăn tảng đá "** Họ đã chuẩn bị chu đáo trên đường với những hương liệu trước khi họ suy nghĩ đến hòn đá lớn vốn niêm phong hầm mộ. Mác không ghi chép gì về những người canh giữ và niêm phong hầm mộ theo Ma-thi-ơ 27:62-66.

Hòn đá có hình tròn và có hình dáng khít với rãnh nghiêng được đào phía trước của cửa hầm mộ đá. Nó tương đối dễ dàng để lăn vào rãnh, nhưng rất khó để dời ra khỏi.

**16:4 " nhìn lên "** Có vẻ họ đã rất chán nản, nhìn xuống đất và khóc.

▣ **" tảng đá đã được lăn ra rồi "** Từ Ma-thi-ơ 28:2 có vẻ rằng hòn đá đã được đẩy văng ra khỏi rãnh của nó bởi một cơn động đất (gây ra bởi một thiên sứ, theo Lu-ca 24:4; Giăng 20:12) và nó nằm úp xuống trên một mặt của nó.

▣ **" đó là một tảng đá rất lớn "** Cướp hầm mộ là một điều thường xuyên xảy ra bởi vì giá trị của những hương liệu và những thứ được chôn cùng. Địa điểm và loại hầm mộ cũng như là kích cỡ của tảng đá sẽ chỉ ra rằng nó thuộc về một người chủ giàu có (Ê-sai 53:9).

**16:5 " Vào trong mộ "** Giăng 20:11 chép rằng Ma-ri ở phía ngoài mộ nhìn vào trong, nhưng Lu-ca 24:3 xác nhận rằng, ít nhất trong vài thời điểm, những người đàn bà bước vào trong.

▣ **" họ thấy một thanh niên...ngồi bên phải "** Thông thường Ma-thi-ơ luôn chép có hai người—hai người bị quỳ ám ở Gerasene, hai người mù tại Giê-ri-cô, v.v...—nhưng ở đây chính Lu-ca và Giăng chép rằng hai thiên sứ trong khi Mác và Ma-thi-ơ chỉ có một.

Trong Kinh Thánh các thiên sứ thường được mô tả như là những người nam, ngoại trừ trong Xa-cha-ri 5:9-10.

▣ **" mặc áo dài trắng "** Một phần tường thuật đầy đủ hơn về cách ăn mặc của người được thấy trong Ma-thi-ơ 28:3 (theo Lu-ca 24:4 chép "trong y phục sáng chói").

**16:6 " Đứng kinh hoàng "** Đây chính là một thể mệnh lệnh thì Hiện Tại (Present imperative) với một tiểu từ phủ định, vốn thường có nghĩa để chấm dứt một hành động đã trong tiến trình. Con người luôn luôn sợ hãi và kinh ngạc trước sự hiện thân của các thực thể thuộc linh.

▣ **" Đức Chúa Jêsus người Na-xa-rét "** Hãy xem ghi chú đầy đủ tại Mác 14:67.

▣ **" Đấng đã chịu đóng đinh "** Đây là một phân từ thụ động hoàn thành (perfect passive participle) (theo Ma-thi-ơ 28:5). Đây là mạo từ xác định và có thể là một danh xưng "Đấng Bị Đóng Đinh " (1 Cô-rinh-tô 1:23; 2:2; Ga-la-ti 3:1). Khi chúng ta nhìn thấy Chúa Jesus, Ngài vẫn sẽ có những dấu của sự đóng đinh, vốn đã trở thành một dấu hiệu của sự danh dự và vinh hiển (1 Cô-rinh-tô 15:4 và Khải Huyền 5:12). Chúa Jesus chính là Con Người duy nhất của Đức Chúa Trời Ba Ngôi với một thân thể thuộc thể.

▣ " **Ngài sống lại rồi** " Sự sống lại chính là trụ cột trung tâm của đức tin Cơ Đốc (1 Cô-rinh-tô 15). Điều này chỉ ra sự chấp thuận đời sống và của lễ của Chúa Jesus bởi Đức Chúa Trời. Đây là một chủ đề thường xuyên của Phi-e-rơ (theo Công Vụ 2:24-28,32, 3:15,26; 4:10; 5:30; 10:40; 1 Phi-e-rơ 1:13, 3:18,21, à Phao-lô, Công Vụ 13:30,33,34,37; 17:31; Rô-ma 4:24, 8:11; 10:9; 2 Cô-rinh-tô 4:14). Đây là một sự khẳng định của sự chấp thuận bởi Cha của cái chết thay thế của Con (1 Cô-rinh-tô 15). Về mặt thần học, cả ba ngôi của Đức Chúa Trời Ba Ngôi đều hành động trong sự sống lại của Đấng Christ: Đức Chúa Cha (Công Vụ 2:24; 3:15; 4:10; 5:30; 10:40; 13:30,33,34; 17:31); Đức Thánh Linh (Rô-ma 8:11); và Đức Chúa Con (Giăng 2:19-22; 10:17-18). Hãy xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ SỐNG LẠI** tại Mác 8:31.

▣ " **Hãy xem nơi đã an táng Ngài** " Câu này chỉ về một trong vài thanh đá trong hầm mộ của Giô-sép. Giăng 20:6-7 mô tả về nơi chôn cất này và cách những vải bọc nằm trên đất.

**16:7 " Hãy đi, báo cho các môn đồ Ngài và Phi-e-rơ "** Tại sao Phi-e-rơ lại được lựa chọn để riêng ra? Chúa của chúng ta đây sự quan tâm, suy nghĩ và dịu dàng biết bao (bởi thiên sứ), rằng Ngài sẽ chọn riêng ra một Phi-e-rơ sa ngã, tái phạm và gây tổn thương! Phi-e-rơ vẫn nhớ!

▣ " **Ngài đang đến Ga-li-lê trước các người** " Chúa Jesus đã phải tái sắp xếp một sự gặp gỡ với các môn đồ Ngài tại Ga-li-lê sau sự phục sinh của Ngài. Các môn đồ không hiểu rõ sự ngụ ý thần học của sự kiện này (theo Mác 14:28; Ma-thi-ơ 28:32; 28:7,10; Giăng 21; 1 Cô-rinh-tô 15:6). Tôi nghĩ rằng đây chính là thời điểm và địa điểm của Đại Mạng Lệnh.

**16:8 " vì quá kinh ngạc và run sợ "** Ma-thi-ơ 28:8 thêm vào với "sự vui mừng tuyệt diệu."

▣ " **Họ chẳng dám nói gì với ai** " Có phải điều này là nhất thời hay họ đã không vâng lời thông điệp của các thiên sứ trong Mác 16:7? Giăng 20:1-10 kể cho chúng ta phần tường thuật của Ma-ri Ma-đơ-len cho các môn đồ về hầm mộ trống, nhưng không có thông điệp của thiên sứ!

▣ " **vì quá khiếp đảm** " Sách Phúc Âm kết thúc quá đột ngột và với một ghi chú tiêu cực do vậy có lẽ những nhà sao chép Kinh Thánh cố gắng để thêm vào một phần kết tóm lại vào sách.

**16:9-20** Tôi cam kết những tác phẩm viết được thần cảm Sứ Đồ như lời chân thật của Đức Chúa Trời, nguồn cội của đức tin và thực hành. Tuy nhiên, những câu Kinh Thánh này không được thần cảm, có khả năng thậm chí là tà giáo (uống thuốc độc, bắt rắn). Tôi chối bỏ việc giải nghĩa trên chúng! Để xem một bài viết đầy đủ về vấn đề văn bản, hãy xem quyển sách của Bruce M. Metzger, *A Textual Commentary On the Greek New Testament*, ở trang 122-126.

## **NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Tại sao có những sự khác biệt nào giữa bốn phần tường thuật Phúc Âm?
2. Tại sao Phúc Âm Mác kết thúc với một ghi chép rất tiêu cực như vậy?
3. Tại sao sự sống lại lại là cột trụ trung tâm của đức tin Cơ Đốc?

# DẪN NHẬP VÀO 1 PHI-E-RƠ

## TÁC QUYỀN

- A. Những bằng chứng từ trong Kinh Thánh về tác quyền của Sứ Đồ Phi-e-rơ trên sách
- Được đề cập cụ thể trong 1 Phi-e-rơ 1:1
  - Những ngụ ý chỉ đến những lời và trải nghiệm sống về Chúa Jesus và Nhóm Mười Hai Sứ Đồ
    - Những ví dụ sau được lấy ra từ sách của E. G. Selwyn, quyển *The First Epistle of St. Peter*, 1946
      - 1 Phi-e-rơ 1:3 – Giăng 21:27
      - 1 Phi-e-rơ 1:7-9 – Lu-ca 22:31; Mác 8:29
      - 1 Phi-e-rơ 1:10-12 – Lu-ca 24:từ câu 25 (trở đi); Công Vụ 15:từ câu 14
      - 1 Phi-e-rơ 3:15 – Mác 14:29,71
      - 1 Phi-e-rơ 5:2 – Giăng 21:từ câu 15
    - Những ví dụ sau được lấy từ sách của Alan Stibbb *The First Epistle General of Peter*, 1971
      - 1 Phi-e-rơ 1:16 – Ma-thi-ơ 5:48
      - 1 Phi-e-rơ 1:17 – Ma-thi-ơ 22:16
      - 1 Phi-e-rơ 1:18 – Mác 10:45
      - 1 Phi-e-rơ 1:22 – Giăng 15:12
      - 1 Phi-e-rơ 2:4 – Ma-thi-ơ 21:từ câu 42
      - 1 Phi-e-rơ 2:19 – Lu-ca 6:32; Ma-thi-ơ 5:39
      - 1 Phi-e-rơ 3:9 – Ma-thi-ơ 5:39
      - 1 Phi-e-rơ 3:14 – Ma-thi-ơ 5:10
      - 1 Phi-e-rơ 3:16 – Ma-thi-ơ 5:44; Lu-ca 6:28
      - 1 Phi-e-rơ 3:20 – Ma-thi-ơ 24:37-38
      - 1 Phi-e-rơ 4:11 – Ma-thi-ơ 5:16
      - 1 Phi-e-rơ 4:13 – Ma-thi-ơ 5:từ câu 10
      - 1 Phi-e-rơ 4:18 – Ma-thi-ơ 24:22
      - 1 Phi-e-rơ 5:3 – Ma-thi-ơ 20:25
      - 1 Phi-e-rơ 5:7 – Ma-thi-ơ 6:từ câu 25
  - Những từ và cụm từ được dùng giống với những bài giảng của Phi-e-rơ trong Công Vụ
    - 1 Phi-e-rơ 1:20 – Công Vụ 2:23
    - 1 Phi-e-rơ 2:7-8 – Công Vụ 4:10-11
    - 1 Phi-e-rơ 2:24 – Công Vụ 5:30; 10:39 (đặc biệt sử dụng thuật ngữ Hy Lạp *xylon* cho thập tự giá)
    - 1 Phi-e-rơ 4:5 – Công Vụ 10:45
  - Những sự đối chiếu về công cuộc truyền giáo thế kỷ thứ nhất
    - Sin-vanh (Si-la) – 1 Phi-e-rơ 5:12
    - Mác (Giăng Mác) – 1 Phi-e-rơ 5:13
- B. Những bằng chứng ngoài Kinh Thánh cho tác quyền của Sứ Đồ Phao-lô
- Được chấp nhận từ rất sớm và rộng rãi bởi hội thánh đầu tiên
    - Những cụm từ tương tự, có thể là những trích dẫn, bởi Clement of Rome trong sách của ông *Letter to Corinthians* (vào năm sau Chúa (SC) 95)
    - Những cụm từ tương tự, có thể là những trích dẫn, trong quyển *Epistle of Barnabas* (SC 130)
    - Ngụ ý bởi Papias, Giám mục tại Hieropolis (SC 140) trong một trích dẫn từ tác phẩm của Eusebius *His. Eccl.*
    - Được trích bởi Polycarp trong tác phẩm của ông *Epistle to the Philippians* 8:1, nhưng ông không đề cập đến 1 Phi-e-rơ bằng tên (Polycarp qua đời năm 155 SC)
    - Được trích bởi Irenaeus (SC 140-203)

- f. Được trích bởi Origen (SC 185-253). Origen tin rằng 1 Phi-e-rơ 5:13, nơi Phi-e-rơ gọi Mác "con tôi" có nghĩa rằng ông đã viết sách Phúc Âm của Phi-e-rơ.
- g. Được trích bởi Tertullian (SC 150-222)

C. Những lý do cho sự nghi vấn về tác quyền của Sứ Đồ Phi-e-rơ

1. Sách này không được đưa vào danh sách trong Bộ Muratorian Fragment, một danh sách của những sách kinh điển được tổng hợp tại Rô-ma vào khoảng giữa những năm SC 180 và 200
2. Tiếng Hy Lạp được dùng trong sách là một thứ tiếng Hy Lạp Koine rất hay và trôi chảy, vốn là một sự ngạc nhiên từ một người đánh cá Ga-li-lê "không được học hành" (*a grammatos*, theo Công Vụ 4:13)
3. Giọng văn rất giống với những bài viết của Phao-lô trong sách Rô-ma và Ê-phê-sô
4. Sự mô tả trong sách về sự bắt bớ, được mô tả trong 1 Phi-e-rơ, phù hợp hơn vào một thời điểm muộn sau này
  - a. Thời của hoàng đế Domitian (SC 81-96)
  - b. Thời của hoàng đế Trajan (SC 98-117)

D. Có lẽ những câu trả lời dành cho các quan ngại của học thuật hiện đại là

1. Bộ Kinh Điển Muratorian Fragment đã bị tổn hại mà mất đi ít nhất một dòng trong nội dung (theo B. F. Westcott trong quyển *A General Survey of the History of the Canon of the New Testament*, ấn bản thứ sáu, ở trang 289).
2. Phi-e-rơ không phải là một người thất học (theo Công Vụ 4:13), nhưng đơn thuần là không được đào tạo tại một trường ra-bi Do Thái được ghi nhận. Rõ ràng phần lớn những người Do Thái tại khu vực Ga-li-lê dùng hai thứ tiếng kể từ lúc mới sinh. Một vấn đề lớn khác trong sự thảo luận về vấn đề này chính là việc sử dụng một người biên tập của Phi-e-rơ. Cách sử dụng từ của 1 Phi-e-rơ 5:12 đề cập đến việc có thể ông đã dùng Sin-vanh (Si-la).
3. Cả Phi-e-rơ và Phao-lô thường trích dẫn những tài liệu về nghi thức hoặc giáo huấn (những tài liệu vấn đáp về giáo lý) rất phổ biến trong họ thánh đầu tiên. Họ cũng đã có những tiếp xúc với nhau xuyên suốt trong nhiều năm (Công Vụ, Ga-la-ti và 2 Phi-e-rơ 3:15-16).

Đối với tôi lý do có khả năng lớn nhất cho những sự tương đồng giữa những tác phẩm của Phi-e-rơ và Phao-lô có thể được giải thích bởi việc dùng người bạn giáo sĩ đồng hành với Phao-lô là Si-la (Sin-vanh) của Phi-e-rơ như một người biên tập.

4. 1 Phi-e-rơ không nhất thiết phản ánh một sự bắt bớ rộng rãi trên toàn bộ Đế Chế. Sự khẳng định của Phi-e-rơ về việc các tín hữu cần phải thuận phục nhà cầm quyền (theo 1 Phi-e-rơ 2:13-17) sẽ thật bất thường trong thời điểm của một cuộc bắt bớ chính thức rộng rãi trên toàn bộ đế chế.

Sự bệnh hoạn càng lúc càng gia tăng về tâm trí của hoàng đế Nê-rô (SC 54-68) (những tuyên bố phô trương) khuyến khích những sự thờ phượng hoàng đế tại địa phương, đặc biệt tại khu vực Tiểu Á, đã xúi giục những sự bắt bớ mang tính chất địa phương. Sách 1 Phi-e-rơ phù hợp hơn với thời kỳ của hoàng đế Nê-rô hơn là Domitian (SC 81-96) hoặc Trajan (SC 98-117). Nó thậm chí có thể là một vài sự bắt bớ đến từ các nhóm Do Thái cũng như là những quan chức địa phương hoặc những nhóm thờ phượng hoàng đế.

E. Không có bất kỳ điểm nào trong chính 1 Phi-e-rơ đề cập đến một thời điểm hoặc một tác giả khác sau này.

## THỜI ĐIỂM VIẾT SÁCH

A. Thời điểm viết sách rõ ràng liên hệ với quyền tác giả.

B. Truyền thống hội thánh liên hệ cái chết của Phi-e-rơ và Phao-lô tại Rô-ma dưới thời của Nê-rô, có lẽ vào năm sau Chúa (SC) 65. Nếu như vậy, thì 1 Phi-e-rơ bắt buộc được viết trong khoảng những năm SC 63-64.

- C. Một thời điểm viết sách vào giữa thế kỷ thứ nhất là có khả năng nếu như sách 1 Phi-e-rơ được ngụ ý chỉ đến bởi Clement of Rome (vào năm SC 95).
- D. A. T. Robertson tin rằng Phi-e-rơ qua đời vào năm SC 67-68 và viết 1 Phi-e-rơ vào năm SC 65-66. Tôi nghĩ rằng ông đã qua đời vào năm SC 64-65 và đã viết ngay trước thời điểm này.

## NHỮNG NGƯỜI NHẬN ĐỌC GIẢ CỦA SÁCH

- A. Một điểm tiêu biểu của những lá thư của thế kỷ thứ nhất, những người nhận được chép trong 1 Phi-e-rơ 1:1 là "những người kiều ngụ rải rác trong các xứ Pông, Ga-la-ti, Cáp-pa-đốc, A-si-a và Bi-thi-ni." Những tỉnh thuộc Đế Chế Rô-ma này (xem như xứ Ga-la-ti chính là vùng sắc tộc phía bắc Ga-la-ti) nằm tại khu vực phía bắc của Thổ Nhĩ kỳ hiện nay. Những khu vực này có vẻ như là những khu vực mà Phao-lô đã không truyền giáo đến (theo Công Vụ 16:6) cũng như chính Phi-e-rơ (theo 1 Phi-e-rơ 1:12). Có lẽ những hội thánh này có nguồn gốc từ những người Do Thái cải đạo đã trở về từ sau Lễ Ngũ Tuần (theo Công Vụ 2:9-11).
- B. Mặc dù những hội thánh này có lẽ đã được khởi đầu bởi những tín đồ người Do Thái trong thời của những tác phẩm của Phi-e-rơ, nhưng những hội thánh này có lẽ bao gồm Người Ngoại chiếm đa số
1. Sự chối bỏ Đức Chúa Trời xưa kia (1:14)
  2. Những lối sống phù phiếm thừa hưởng từ cha ông họ (1 Phi-e-rơ 1:18)
  3. Giờ đây là con dân của Đức Chúa Trời (1 Phi-e-rơ 2:9-10, một cách chơi chữ dựa trên Ô-sê 1:9-10; 2:23)
  4. ở giữa Dân Ngoại (1 Phi-e-rơ 2:12)
  5. danh sách sự truy lạc đời bại của Người Ngoại (1 Phi-e-rơ 4:3-4)
- C. Sách cũng bao gồm những yếu tố Do Thái
1. Việc sử dụng những thuật ngữ "kiều ngụ" và "tàn lạc (rải rác)" phản chiếu một bộ cục Do Thái (Theo Giăng 7:35; Công Vụ 7:6)
  2. Sự sử dụng Kinh Thánh Cựu Ước
    - a. Xuất Ê-díp-tô Ký 19 (trong 1 Phi-e-rơ 2:5,9)
    - b. Ê-sai 53 (trong 1 Phi-e-rơ 1:19; 2:22,24,25)
 Tuy nhiên, những điều này không nhất thiết phản ánh về một hội thánh Do Thái, nhưng là
    1. Một sự chuyển giao những danh xưng Cựu Ước từ dân Y-sơ-ra-ên cho hội thánh ("một vương quốc những thầy tế lễ")
      - a. 1 Phi-e-rơ 2:5
      - b. 1 Phi-e-rơ 2:9
    2. Một tài liệu giáo huấn của hội thánh (những tài liệu dạy dỗ giáo lý theo hình thức vấn đáp dành cho những tân tín hữu), vốn sử dụng những phần Kinh Thánh Cựu Ước nói về Đấng Mê-si
      - a. 1 Phi-e-rơ 1:19 – Ê-sai 53:7 (Chiên Con)
      - b. 1 Phi-e-rơ 2:22 – Ê-sai 53:5
      - c. 1 Phi-e-rơ 2:24 – Ê-sai 53:4,5,11,12
      - d. 1 Phi-e-rơ 2:25 – Ê-sai 53:6
- D. Mặc dù Phi-e-rơ được kêu gọi đặc biệt để phục vụ cho Người Do Thái (theo Ga-la-ti 2:8), nhưng ông, cũng như Phao-lô, làm việc với cả hai Nhóm Người Do Thái và Người Ngoại (theo Công Vụ 10). Sự cải đạo của Cọt-nây bày tỏ một sự bao gộp triệt để của tin lành! 1 Phi-e-rơ bày tỏ một sự nhận thức tươi mới này.

## MỤC ĐÍCH VIẾT SÁCH

- A. 1 Phi-e-rơ mang cả hai khía cạnh tín lý và thực hành. Tuy nhiên, trong khi Phao-lô chia những lá thư của ông thành phần mở đầu về giáo lý và phần kết luận về áp dụng, thì Phi-e-rơ hợp nhất hai phần này.

Sách của ông khó hơn để tìm ra dần ý. Trong nhiều cách nó phản ánh một bài giảng hơn là một lá thư.

B. Vấn đề chính được thảo luận chính là sự chịu khổ và sự bắt bớ. Sự thảo luận này được triển khai theo hai hướng.

1. Chúa Jesus được giới thiệu như là một gương mẫu cao nhất của sự chịu khổ và bị chối bỏ (1 Phi-e-rơ 1:11; 2:21,23; 3:18; 4:1,13; 5:1).
2. Những người theo Chúa Jesus được kêu gọi để bắt chước theo khuôn mẫu và thái độ của Ngài (1 Phi-e-rơ 1:6-7; 2:19; 3:13-17; 4:1,12-19; 5:9-10).

C. Trong ánh sáng của sự chịu khổ và chịu bắt bớ đã quá phổ biến trong những năm đầu tiên của Cơ Đốc Giáo, không đáng ngạc nhiên khi Sự Tái Lâm thường xuyên được nhắc đến. Trong sách này, cũng giống như hầu hết các sách Tân Ước khác, mang tính lai thể học cách xuyên suốt.

## THỂ LOẠI

A. Sách này có một sự mở đầu và kết thúc Hy-La thể kỷ thứ nhất tiêu biểu

1. 1 Phi-e-rơ 1:1-2
  - a. Tác giả
  - b. Người nhận
  - c. Lời cầu nguyện
2. 1 Phi-e-rơ 5:12-14
  - a. Lời chào kết thúc
    - (1) Đến từ ai
    - (2) Đến với ai
  - b. Lời cầu nguyện

B. Phần nội dung chính của lá thư giống với một bài giảng hơn là một lá thư. Một vài người đã xem nó như

1. Trước nhất là một bài giảng
2. Trước nhất là một nghi thức báp-tem
3. Trước nhất là những phần của những tài liệu dạy dỗ vấn đáp giáo lý của hội thánh đầu tiên được tổng hợp lại

C. Lá thư có vẻ như kết thúc tại 1 Phi-e-rơ 4:11 với một phần ngợi khen Chúa Jesus, nhưng không có bất cứ bản thảo tiếng Hy Lạp nào kết thúc tại chỗ này. Có lẽ rằng 1 Phi-e-rơ 4:12-5:11 chính là một phần tổng kết có chủ ý của toàn bộ lá thư.

D. Cá nhân tôi tin rằng 1 Phi-e-rơ mang chức năng như một lá thư định kỳ gửi cho các hội thánh vốn không phải cá nhân Phi-e-rơ đã khởi đầu, rất giống với lá thư Cô-lô-se của Phao-lô (được gửi cho người Cô-lô-se, Lao-đi-xê và Hi-ê-ra-bô-li, theo Cô-lô-se 4:13), nhưng cũng là một sự khích lệ chung dành cho các tín hữu cần phải cảnh giác về những nan đề sẽ đến, rất giống với những lá thư Ga-la-ti và Ê-phê-sô của Phao-lô.

Thể loại định kỳ này giải thích cho một sự thiếu vắng phần mở đầu và kết thúc cách cá nhân của lá thư. Nó cũng giải thích sự thiếu vắng của những ví dụ cụ thể của sự bắt bớ.

## TÍNH KINH ĐIỂN

A. Tôi thêm vào đây mục về sự kinh điển trong sách 1 Phi-e-rơ bởi vì vấn đề này rất gây tranh cãi trong 2 Phi-e-rơ.

B. 1 Phi-e-rơ được liệt kê trong tác phẩm của Eusebius *Eccl. His.* 3:3:25, như một phần của "những sách không thể nghi ngờ được." Đối với hội thánh thời kỳ đầu sách này chưa bao giờ bị nghi ngờ như là một lá thư chân chính đến từ Sứ Đồ Phi-e-rơ.

C. Vấn đề của sự kinh điển trở nên nghiêm trọng bởi vì số lượng những tác phẩm giả mạo được gán cho Phi-e-rơ. Hội Thánh đầu tiên không bao giờ chấp nhận bất cứ sách nào giữa những sách này (những tác phẩm giả mạo, được liệt kê ở dưới), chỉ ghi nhận duy nhất sách 1 Phi-e-rơ và sách gây tranh cãi, 2 Phi-e-rơ, như là những tác phẩm chân chính thật sự đến từ vị Sứ Đồ.

1. Công Vụ của Phi-e-rơ
2. Công Vụ của Phi-e-rơ và Anh-rê
3. Công Vụ của Phi-e-rơ và Phao-lô
4. Sự Khổ Nạn của Phi-e-rơ và Phao-lô
5. Công Vụ của Phi-e-rơ và Nhóm Mười Hai Sứ Đồ
6. Sách Khải Huyền của Phi-e-rơ
7. Phúc Âm của Phi-e-rơ
8. Sự Khổ Nạn của Phi-e-rơ
9. Bài Giảng của Phi-e-rơ
10. Công Vụ trong tiếng Xla-vơ của Phi-e-rơ

(Để xem bài thảo luận cụ thể của từng sách giữa những tác phẩm nguy kinh này hãy xem bộ *Zondervan Pictorial Encyclopedia of the Bible* Tập 4; trang 721-723, 732-733, 740.) Không có bất kỳ tác phẩm nào (giữa những sách trên) có thể được xem như là của Phi-e-rơ ngay cả khi được xem xét một cách nghiêm túc như là một phần của kinh điển Tân Ước. Điều này, chính bản thân nó, đã nói rất nhiều về kết luận về 1,2 Phi-e-rơ.

### **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ NHẤT (từ tài liệu " Hướng Dẫn một Cách Đọc Kinh Thánh Tốt ")**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả sách của Kinh Thánh trong một lần đọc. Đưa ra chủ đề trung tâm của cả sách bằng từ ngữ của chính bạn.

1. Chủ đề của cả sách
2. Thể loại văn học (thể loại)

### **CHU KỲ ĐỌC LẦN THỨ HAI (từ tài liệu " Hướng Dẫn một Cách Đọc Kinh Thánh Tốt ")**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả sách của Kinh Thánh lần thứ hai trong một lần đọc. Đưa ra dàn ý những chủ đề chính và diễn tả chủ đề đó trong một câu đơn.

1. Chủ đề của đơn vị văn học thứ nhất
2. Chủ đề của đơn vị văn học thứ hai
3. Chủ đề của đơn vị văn học thứ ba
4. Chủ đề của đơn vị văn học thứ tư
5. V.v...

# 1 PHI-E-RO 1:1-2:3

## NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI\*

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự chào thăm	Lời Chào Dành Cho Những Người Kiêu Ngạo Được Lựa Chọn	Sự Chào Thăm	Sự Mở Đầu	Sự Gửi Đến và Chào Thăm
1:1-2	1:1-2	1:1-2	1:1a 1:b-2a 1:2b	1:1-2
Một Niềm Hy Vọng Sống	Sự Thừa Kế Thiên Thượng	Vui Mừng Trong Cứu Chuộc	Sự Một Niềm Hy Vọng Sống	Phân Dẫn Nhập Và Sự Thừa Kế của Các Cơ Đốc Nhân
1:3-9	1:3-12	1:3-9	1:3-5 1:6-9	1:3-5 Sự Trung Tín với Đấng Christ và Tình Yêu của Ngài 1:6-9 Niềm Hy Vọng của Các Nhà Tiên Tri
1:10-12		1:10-12	1:10-12	1:10-12
Một Sự Kêu Gọi Đời Sống Thánh Khiết	Đức Chúa Trời Cha Chúng Ta	Sự Kêu Gọi Nài cho Sự Thánh Khiết	Sự Kêu Gọi cho Một Đời Sống Thánh Khiết	Những Yêu Cầu của Một Đời Sống Mới và Thánh Khiết của Sự Báp-tem Mới
		(1:13-2:10)		
1:13-16	1:13-21	1:13-16	1:13-16	1:13-21
1:17-21	Lời Chúa Tồn Tại Đời	1:17-21	1:17-21	Sự Tái Sinh bởi Lời Chúa
1:22-25	1:22-2:3	1:22-2:3	1:22-25	1:22-2:3

\*Mặc dù không được thân cảm, những chỗ chia phân chia đoạn chính là chìa khóa để hiểu được và dõi theo ý định của tác giả nguyên thủy. Mỗi bản dịch hiện đại đã chia và tổng hợp lại những chỗ chia phân đoạn. Mỗi phân đoạn có một ý chính, lẽ thật và ý tưởng trung tâm. Mỗi bản dịch lồng ý tưởng đó theo cách riêng biệt của chính bản dịch đó. Khi bạn đọc phần Kinh Thánh, hãy tự hỏi chính mình rằng bản dịch nào phù hợp với cách hiểu của bạn về chủ đề và những chỗ chia câu.

Trong mỗi đoạn, bạn phải đọc Kinh Thánh trước và cố gắng xác định các chủ đề (các phân đoạn). Sau đó, hãy so sánh cách hiểu của bạn với các bản dịch hiện đại. Chỉ khi chúng ta hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy bằng cách dõi theo lập luận và cách trình bày của họ ở mức độ phân đoạn, chúng ta mới có thể hiểu được Kinh Thánh. Chỉ có một mình tác giả nguyên thủy được thân cảm—những người đọc không có bất cứ thẩm quyền nào để thay đổi hoặc bổ sung cho sứ điệp. Những người đọc Kinh Thánh có trách nhiệm phải áp dụng những lẽ thật được thân cảm đó mỗi một ngày và cả cuộc đời của họ.

Chú ý rằng tất cả những thuật ngữ và chữ viết tắt đều được giải thích đầy đủ trong những tài liệu sau: Định Nghĩa Cách



## **CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu " Hướng Dẫn một Cách Đọc Kinh Thánh Tốt ")** **THEO DŌI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

### **NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ**

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1 PHI-E-RO 1:1-2**

**<sup>1</sup> Phi-e-ro, sứ đồ của Đức Chúa Jêsus Christ, kính gửi những người kiêu ngạo rải rác trong các xứ Pông, Ga-la-ti, Cáp-pa-đốc, A-si-a và Bi-thi-ni, là những người được chọn lựa <sup>2</sup> theo sự biết trước của Đức Chúa Trời là Cha, và được thánh hóa bởi Thánh Linh, để vâng phục Đức Chúa Jêsus Christ và dự phần trong sự rầy huyết Ngài. Cầu xin ân điển và bình an càng gia tăng trên anh em!**

**1:1 "Phi-e-ro"** Phi-e-ro rõ ràng đã là người phát ngôn của nhóm Mười Hai Sứ Đồ. Ông là thành viên của nhóm nội bộ mật thiết bên trong (bao gồm Phi-e-ro, Gia-cơ, và Giăng). Sự tường thuật chứng kiến tận mắt về cuộc đời và những sự dạy dỗ của Chúa Jesus (1 Phi-e-ro 5:1) được ghi chép lại trong Phúc Âm Mác (có lẽ chính là Sách Phúc Âm đầu tiên được viết; cũng có thể được viết lại bởi Mác từ những bài giảng của Phi-e-ro tại Rô-ma).

Mối liên hệ đặc biệt của Chúa Jesus với Phi-e-ro được chép lại cả trong Ma-thi-ơ 16 và Giăng 21. Tuy nhiên, mối liên hệ đặc biệt này đã không được ghi nhận như là sự lãnh đạo. Phi-e-ro trong vai trò như là lãnh đạo (Giáo Hoàng) của Cơ Đốc Giáo phương tây chính là một sự phát triển mang tính chất lịch sử (cũng như quan điểm của Công Giáo La Mã về Ma-ri), chứ không phải là một sự dạy dỗ rõ ràng của Kinh Thánh. 1 Phi-e-ro cho chúng ta một góc nhìn vào tâm lòng chân bày và đời sống đầy sôi động của người lãnh đạo tuyệt vời này.

Thuật ngữ *petros* trong tiếng Hy Lạp có nghĩa là "một tảng đá tách rời" trái ngược với (*petra*, giống cái) "nền đá" (theo Ma-thi-ơ 16:18); trong tiếng A-ram cả hai đều sẽ được dịch là *Cephas*; bất kỳ sự phân biệt nào giữa hai từ Hy Lạp này đều đã mất đi trong những lời của Chúa Jesus dành cho Phi-e-ro!

▣ **"sứ đồ"** Từ này được sử dụng trong Do Thái Giáo ra-bi với nghĩa rộng của "một người được sai đi với thẩm quyền." Phi-e-ro luôn được liệt kê trước tiên. Chúa Jesus đã chọn mười hai người môn đồ của Ngài trong một nghĩa đặc biệt và gọi họ là "Những Sứ Đồ" (theo Lu-ca 6:13). Từ này thường xuyên được dùng bởi Chúa Jesus được sai đi bởi Cha (theo Ma-thi-ơ 10:40; Mác 9:37; Lu-ca 9:48; Giăng 4:34; 5:24,30,36,37,38; 6:29,38,39,40,57; 7:29; 8:42; 10:36; 11:42; 17:3,8,18,21,23,25; 20:21). Nhóm Mười Hai Người được liệt kê trong Ma-thi-ơ 10:1-4; Mác 3:13-19; Lu-ca 6:12-16; Công Vụ 1:12-13.

▣ **"Đức Chúa Jesus"** Danh xưng Hê-bơ-rơ có nghĩa là "YHWH (ĐỨC GIÊ-HÔ-VA) giải cứu" hoặc "YHWH mang sự cứu rỗi." Tên này được mặc khải cho cha mẹ Ngài bởi một thiên sứ (theo Ma-thi-ơ 1:21). "Jesus" có nguồn gốc từ thuật ngữ trong tiếng Hê-bơ-rơ dùng cho sự cứu rỗi, *hosea*, được thêm như hậu tố vào danh xưng giao ước của Đức Chúa Trời, YHWH. Nó tương đương với tên trong tiếng Hê-bơ-rơ Giô-suê.

▣ **"Christ"** Đây là từ Hy Lạp tương đương với thuật ngữ Hê-bơ-rơ *Đấng Mê-si*, vốn có nghĩa là "một người được xức dầu." "Nó hàm ý" một người được kêu gọi và trang bị bởi Đức Chúa Trời cho một nhiệm vụ đặc biệt." Trong Cựu Ước ba nhóm lãnh đạo được xức dầu là: các thầy tế lễ, các vua, và các tiên tri. Chúa Jesus đều hoàn thành ứng nghiệm cả ba chức vụ được xức dầu này (Hê-bơ-rơ 1:2-3). Hãy xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ XỨC DẦU TRONG KINH THÁNH (BDB 603) trong Kinh Thánh tại Mác 6:13.

<b>NASB</b>	"đến những người cư ngụ như người ngoại bang "
<b>NKJV</b>	"đến những người hành hương của sự tản lạc "
<b>NRSV</b>	"đến những kẻ lưu đày của Sự Tản Lạc "
<b>TEV</b>	"đến những người được chọn của Đức Chúa Trời đang sống như những người tỵ nạn"
<b>NJB</b>	"đến tất cả những ai đang sống như những người ngoại bang "

Những lá thư định kỳ này được gửi đến hội chúng của hầu hết những tín hữu Người Ngoại (1 Phi-e-rơ 1:14,18; 2:9-10,12; 4:3- 4). Phi-e-rơ thường sử dụng những thuật ngữ Cựu Ước để mô tả về Hội Thánh Tân Ước (1 Phi-e-rơ 2:5,9).

▣ "**rải rác trong** " Từ này nguyên gốc là "diaspora (người Do Thái bị lưu đày rải rác)," vốn có nghĩa là "gieo (rải)." Thuật ngữ này thường được sử dụng bởi Người Do Thái ở Khu vực Palestine để chỉ đến Người Do Thái sống ngoài khu vực Palestine (Theo Giăng 7:35). Phi-e-rơ dùng nó để chỉ đến những hội thánh được hình thành bởi những tín đồ Người Ngoại và Do Thái tại khu vực phía bắc Tiểu Á. Những tín đồ này giờ đây là những công dân thiên đàng (Phi-líp 3:20; Hê-bơ-rơ 11:8-10,13-16), nhưng phần còn lại của đời sống trên đất này của họ, họ sẽ sống như những người ngoại quốc và những người lưu đày.

▣ "**các xứ Pông, Ga-la-ti, Cáp-pa-đốc, A-si-a và Bi-thi-ni** " Bông không phải là một tỉnh La Mã. Danh sách này hầu hết chỉ về những nhóm sắc tộc. Danh sách này có vẻ phản ánh đường đi của người mang lá thư này, bắt đầu từ Sinope tại Biển Đen và đi theo chiều kim đồng hồ ngược lên Bi-thi-ni. Một vài nhóm trong những nhóm sắc tộc này đã hiện diện tại Lễ Ngũ Tuần (theo Công Vụ 2:9-11).

**1:2 " những người được chọn lựa theo sự biết trước của Đức Chúa Trời là Cha "** Đây là một sự nhấn mạnh mẽ về sự toàn năng của Đức Chúa Trời (vốn được khắc họa trong 1 Phi-e-rơ), thường được sử dụng trong Cựu Ước để ghi nhận sự lựa chọn của YHWH trên Y-sơ-ra-ên (Phục Truyền 4:37; 7:6-7; 14:2; Ê-sai 65:9). Trong Cựu Ước, sự lựa chọn liên hệ với sự phục vụ; tuy nhiên, trong Tân Ước, thuật ngữ này liên hệ với sự cứu rỗi thuộc linh.

Sự biết trước (danh từ [*prognōsis*] duy nhất ở đây và Công Vụ 2:23; động từ [*proginōskō*] được sử dụng về mặt thần học trong Rô-ma 8:29; 11:2) không liên hệ với nỗ lực hoặc công trạng của con người (Ê-phê-sô 2:8-9; 2 Ti-mô-thê 1:9; Tit 3:5). Đức Chúa Trời toàn năng và toàn bộ lịch sử đều ở thời điểm hiện tại trước Ngài. Chỉ có con người mới trải nghiệm về thời gian là quá khứ, hiện tại, và tương lai. Hãy nhớ rằng, Phi-e-rơ, người phát ngôn của nhóm sứ đồ và kẻ chối Chúa, chính là người đã viết nên những dòng này. Phi-e-rơ đã được chọn bởi vì Đức Chúa Trời là Đấng nào, chứ không phải bởi Phi-e-rơ (đã) là ai! Ân điển của Đức Chúa Trời không liên hệ với sự biết trước hoặc sự cứu rỗi cũng không hề dựa trên một hành động tương lai của con người.

Ba Ngôi Đức Chúa Trời được nhìn thấy cách sống động ở đây: Đức Chúa Cha (1 Phi-e-rơ 1:3-5); Đức Chúa Con (1 Phi-e-rơ 1:6-9); và Đức Thánh Linh (1 Phi-e-rơ 1:10-12). Từ "Ba Ngôi (Đức Chúa Trời)" không phải là một thuật ngữ trong Kinh Thánh, nhưng Đức Chúa Trời Ba Ngôi thường xuyên được đề cập đến trong những văn mạch thống nhất. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đức Chúa Trời Ba Ngôi tại Mác 1:11.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ LỰA CHỌN/TIỀN ĐỊNH VÀ SỰ CẦN THIẾT CÂN BẰNG THẦN HỌC**

Sự lựa chọn là một tín lý tuyệt diệu. Tuy nhiên, nó không kêu gọi hướng đến sự thiên vị, nhưng hướng đến việc làm một kênh dẫn, một công cụ hay phương tiện để đem sự cứu rỗi đến cho người khác! Trong Cựu ước từ ngữ này chủ yếu được dùng để chỉ sự phục vụ; trong Tân ước nó được dùng chủ yếu cho sự cứu rỗi dẫn đến sự phục vụ. Kinh thánh chưa bao giờ hòa giải điều dường như mâu thuẫn giữa quyền tối thượng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người, nhưng nó đều khẳng định cả hai điều này! Một ví dụ rõ ràng về sự căng thẳng trong Kinh thánh là trong Rô-ma 9 về quyền lựa chọn tối thượng của Đức Chúa Trời và Rô-ma 10 về sự đáp ứng thích hợp của con người (10:11,13).

Chìa khóa giải quyết mâu thuẫn thần học này có thể được tìm thấy trong Ê-phê-sô 1:4. Chúa Giê-xu là người được Đức Chúa Trời chọn và cả nhân loại đều có tiềm năng được chọn qua Ngài (Karl Barth). Chúa Jê-sus là câu trả lời "vâng" của Đức Chúa Trời để đáp lại nhu cầu của con người (Karl Barth). Ê-phê-sô 1:4 cũng giúp làm rõ

vấn đề này bằng cách khẳng định rằng mục đích của sự tiền định không phải là thiên đàng, nhưng là sự thánh khiết (sự giống với Đấng Christ). Chúng ta thường bị cuốn hút bởi những ích lợi của Phúc âm mà lờ đi những trách nhiệm từ chính Phúc âm! Sự kêu gọi (lựa chọn) của Đức Chúa Trời là cho lúc này cũng như cho cõi đời đời!

Các tín lý hiện diện trong mỗi liên hệ với các lẽ thật khác, chứ không đơn độc, hay là những lẽ thật không liên hệ với nhau. Một hình ảnh khá lý thú đó là sự so sánh giữa một dãy ngân hà và một vì sao. Đức Chúa Trời trình bày lẽ thật theo lối văn chương Đông phương, chứ không phải Tây phương. Chúng ta không được lấy đi sự căng thẳng gây ra bởi những cặp biện chứng (nghịch lý) về lẽ thật mang tính tín lý (Một Đức Chúa Trời cách biệt và một Đức Chúa Trời gần gũi, ví dụ sự cứu rỗi chắc chắn và sự trung kiên; Chúa Jêsus ngang bằng với Đức Chúa Cha và Chúa Jêsus chịu phục Đức Chúa Cha; sự tự do của Cơ đốc nhân và trách nhiệm của Cơ đốc nhân đối với người bạn theo giao ước... vân vân...).

Khái niệm thần học về "sự giao ước" làm thống nhất quyền chủ tể của Đức Chúa Trời (là Đấng luôn khởi đầu và hoạch định) với sự đáp ứng bắt buộc phải có lúc ban đầu và được tiếp tục từ con người bằng đức tin và sự ăn năn (Mác 1:15; Công-vụ 3:16, 19;20:21). Nên cẩn thận khi dùng Kinh thánh để chứng minh chỉ một mặt của nghịch lý này mà xem thường mặt còn lại! Nên cẩn thận khi bạn chỉ công nhận những tín lý hoặc hệ thống thần học mà bạn ưa thích mà thôi!

Hãy xem những Chủ Đề Đặc Biệt sau đây

1. Chủ đề đặc biệt: Sự Lựa Chọn/Tiền Định và Nhu Cầu cho một Sự Quân Bình Thần Học
2. Thuyết Tiền Định (Thuyết Calvin) và Thuyết Ý Chí Tự Do của Con Người (Thuyết Arminian)
3. Giao ước
4. Văn Học Phương Đông (những nghịch lý Kinh Thánh)

▣ **" và được thánh hóa bởi Thánh Linh "** "Thánh hóa" có cùng một gốc từ Hy Lạp với từ "thánh" hoặc "thánh khiết"; trong tiếng A-ram từ gốc này ngụ ý "biệt riêng cho một nhiệm vụ đặc biệt." Các tín đồ là "những kẻ được kêu gọi ra khỏi, biệt riêng, và trao-nhiệm-vụ" (2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:13, vốn cũng là một đoạn mang tính chất Ba Ngôi (Đức Chúa Trời)).

Sự khẳng định mở đầu của những chức năng cứu chuộc của cả ba ngôi của Ba Ngôi Đức Chúa Trời trong mối liên hệ với nan đề tội lỗi của nhân loại sa ngã là quan trọng then chốt trong sự nhận biết phúc âm của Phi-e-rơ.

1. Đức Chúa Cha – chọn
2. Đức Thánh Linh – thánh hóa
3. Đức Chúa Con – phó sự sống Ngài

Bởi vì cụm từ này được thấy trong cả 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:13 và 1 Phi-e-rơ 1:2, thật thú vị để tự xét rằng Sin-vanh (1 Phi-e-rơ 5:12, cũng được gọi là Si-la) có thể đã chính là người ghi chép đã được Phi-e-rơ dùng để viết 1 Phi-e-rơ cũng như là người ghi chép mà Phao-lô đã dùng để viết 1 và 2 Tê-sa-lô-ni-ca (1 Tê-sa-lô-ni-ca 1:1; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:1). Có một vài sự gợi ý tương tự như thế này xuyên suốt 1 Phi-e-rơ. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Thân vị của Đức Thánh Linh tại Mác 3:29. Điều này cũng được biểu thị về sự tự do của việc hành văn (từ ngữ và cụm từ) đã được trao cho người ghi chép trên những cách dùng về nghi thức tín lý được sử dụng bởi cộng đồng hội thánh đầu tiên.

▣ **" để vâng phục Đức Chúa Jêsus Christ "** Kinh Thánh trình bày về mối liên hệ giữa nhân loại với Đức Chúa Trời trong những thuật ngữ giao ước. Đức Chúa Trời luôn luôn nắm phần khởi đầu và thiết lập chương trình, nhưng nhân loại phải đáp ứng trong sự ăn năn, đức tin, sự vâng phục, phục vụ và bền đỗ. Chúng ta được cứu để phục vụ! Sự vâng phục là then chốt (theo Lu-ca 6:46; Ê-phê-sô 2:10). Hãy xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIAO ƯỚC tại Mác 14:24.

▣ **" và dự phần trong sự rảy huyết Ngài "** Đây là một hình ảnh ẩn dụ Cựu Ước dùng cho

1. Sự tẩy sạch và tha thứ (Lê-vi Ký 14:1-7)
2. Sự khởi đầu quyền sách Giao Ước (Xuất 24:3-8)
3. Sự trả giá để bước vào trong một địa vị mới (Xuất 29:20-22)

Sự hy sinh (đổ huyết) của Chúa Jesus (Ê-sai 53; Mác 10:45; 2 Cô-rinh-tô 5:21) cho phép những kẻ theo Ngài có thể được chấp nhận, tẩy sạch, tha thứ, và đạt được một mối liên hệ tươi mới với Đức Chúa Trời Hê-bơ-rơ 10:22;

12:24). Các tín đồ chính là những người được mua-bằng-huyết (cứu chuộc) và rảy-bằng-huyết (thánh hóa).

▣ " **Cầu xin ân điển và bình an càng gia tăng trên anh em!**" Cụm từ này giống với 2 Phi-e-rơ 2:1 và Giu-đe 2. Phao-lô cũng sử dụng cùng một sự mở đầu tương tự trong những lá thư của ông. Phi-e-rơ có lẽ cũng đã quen thuộc với những lá thư của Phao-lô, đặc biệt là Rô-ma và Ê-phê-sô, hoặc cả hai ông đều rút ra từ một bộ tài liệu dạy dỗ giáo lý vấn đáp truyền thống (một bộ tài liệu huấn luyện dành cho tân tín hữu) phổ biến của thế kỷ thứ nhất. Cần nhớ rằng Si-la có thể đã phục vụ trong vai trò là một người ghi chép cho cả Phi-e-rơ (1 Phi-e-rơ 5:12) và Phao-lô (theo 1 và 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:1). Si-la đã thay thế cho Giăng Mác, là người có lẽ đã dạy dỗ các tân tín hữu. Nếu như vậy, Si-la cũng đã dự phần trong sự huấn luyện dạy dỗ giáo lý và vì vậy cũng rất quen thuộc với những tài liệu viết của hội thánh đầu tiên dành cho các tân tín hữu.

"Ân Điển và Bình An" chính là sự chào hỏi mở đầu độc nhất của Cơ Đốc Giáo cũng như là sự khẳng định thần học của đặc tính nhân từ (đầy ân điển) của Đức Chúa Trời và hành động cứu chuộc vốn chuẩn bị nền tảng cho sự bình an của nhân loại, một sự bình an được mang đến bởi những hành động của Ba Ngôi Đức Chúa Trời (1 Phi-e-rơ 1:2). Sự bình an của chúng ta chỉ có thể đạt được duy bởi vì Đức Chúa Trời là Đấng nào và bởi những gì Ngài đã thực hiện.

Có một sự mở rộng một chút khi đề cập đến sự mở đầu phổ biến của những lá thư Cơ Đốc Hóa này như là bằng chứng rằng Phi-e-rơ đã viết cho cả những tín đồ Người Ngoại (ân điển, vốn là một hình thái được Cơ Đốc Hóa của cách chào hỏi Hy Lạp, *charein*) và cho Người Do Thái (bình an, vốn là cách dịch của lời chào tiêu biểu của người Do Thái *shalom*).

▣ " **càng gia tăng trên anh em (thuộc về anh em trong sự đầy trọn nhất)**" Đây là một thành ngữ Hê-bơ-rơ phổ biến trong những bài cầu nguyện Do Thái (1 Phi-e-rơ 1:2; Giu-đe 2).

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1 PHI-E-RO 1:3-9

<sup>3</sup> Chúc tụng Đức Chúa Trời, Cha của Chúa chúng ta là Đức Chúa Jê-sus Christ! Bởi lòng thương xót dư dật của Ngài, chúng ta được tái sinh để có một hi vọng sống, nhờ sự sống lại từ cõi chết của Đức Chúa Jê-sus Christ, <sup>4</sup> và hưởng một cơ nghiệp không hư hoại, không hoen ố, không suy tàn, để dành trong các tầng trời cho anh em, <sup>5</sup> là những người nhờ đức tin được gìn giữ bởi quyền năng của Đức Chúa Trời, để nhận sự cứu rỗi là điều sẵn sàng bày tỏ ra trong thời kỳ cuối cùng! <sup>6</sup> Hãy vui mừng về điều ấy, dù bây giờ anh em còn chịu đau buồn trong ít lâu bởi muôn vàn thử thách; <sup>7</sup> để đức tin của anh em sau khi được thử nghiệm sẽ quý hơn vàng — dù vàng đã được thử lửa, vẫn có thể hư hoại — đem lại sự ca ngợi, vinh quang và tôn trọng khi Đức Chúa Jê-sus Christ hiện đến. <sup>8</sup> Dù chưa thấy Ngài, anh em vẫn yêu mến Ngài, dù chưa gặp Ngài anh em vẫn tin Ngài, và hân hoan trong niềm vui rạng ngời, khôn tả; <sup>9</sup> vì anh em nhận được thành quả của đức tin, là sự cứu rỗi linh hồn mình.

**1:3 " Chúc tụng "** Từ này (*eulogētos*) không giống như từ được dùng trong Ma-thi-ơ 5 (*makarios*). Nó được dùng riêng biệt cho Đức Chúa Trời trong Tân Ước. Chúng ta có từ trong tiếng Anh "eulogy (sự tán dương, chúc tụng)" xuất phát từ thuật ngữ này. Từ này tương tự với sự ngợi khen Ba Ngôi Đức Chúa Trời được thấy trong Ê-phê-sô 1:3-14: 1 Phi-e-rơ 1:3-5 liên hệ với Cha, 1 Phi-e-rơ 1:6-9 với Con, và 1 Phi-e-rơ 1:10-12 với Thánh Linh.

▣ " **Đức Chúa Trời, Cha của "** Thomas Aquinas cố gắng chứng minh sự tôn tại của Đức Chúa Trời bằng cách tập chú vào

1. Ý định
2. sự cần thiết về lý luận lô-gic của một nguyên nhân tiên khởi hoặc một sự tác động khởi nguyên
3. nguyên nhân và hệ quả

Tuy nhiên, những điều này liên hệ với triết học và những lý luận lô-gic cần thiết của con người. Kinh Thánh mặc Khải Đức Chúa Trời trong những phạm trù cá nhân không nằm trong phạm vi lý luận và nghiên cứu của con người. Duy chỉ sự mặc khải bày tỏ Đức Chúa Trời chính là Cha của Đức Chúa Jesus Christ chúng ta. Hãy xem CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC CHÚA CHA tại Mác 13:22.

▣ " **Chúa "** Từ Hy Lạp "Chúa" (*kurios*) có thể được sử dụng trong một nghĩa chung của một nghĩa thần học

được phát triển. Nó có thể có nghĩa là "ông," "quý ông," "thầy," "chủ nhân," "chồng" hoặc "Đấng thần-nhân trọn vẹn" (Theo Giăng 9:36, 38). Cách sử dụng Cựu Ước của từ này (trong tiếng Hê-bơ-rơ, *adon*) đến từ sự miễn cưỡng phát âm danh xưng giao ước của Đức Chúa Trời, YHWH (GIÊ-HỔ-VA), từ động từ Hê-bơ-rơ "là" (Xuất 3:14). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những Danh Xưng Dùng cho Đấng Thánh tại Mác 12:26. Họ đã rất sợ hãi sự phá vỡ Mạng Lệnh, "Người chớ lấy danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời người mà làm chơi (trong sự vô nghĩa)" (Xuất 20:7; Phục Truyền 5:11). Vì thế, họ suy nghĩ rằng, nếu họ không phát âm nó, họ sẽ không lấy danh ấy ra làm chơi. Do vậy, khi họ đọc Kinh Thánh, họ thay từ Hê-bơ-rơ *adon*, vốn có cùng một nghĩa với từ trong tiếng Hy Lạp *kurios* (Chúa). Các tác giả Tân Ước sử dụng từ này để mô tả về thần tính trọn vẹn của Đấng Christ. Cụm từ "Chúa Jesus là Chúa" có lẽ là sự xưng nhận công khai và là nghi thức khởi thủy của hội thánh (Rô-ma 10:9-13; 1 Cô-rinh-tô 12:3; Phi-líp 2:11).

▣ **"Bồi lòng thương xót dư dật của Ngài"** Đoạn văn này, tán dương đặc tính của Đức Chúa Cha (1 Phi-e-rơ 1:3-5), có lẽ phản chiếu một bài thơ, thánh ca, hoặc một áng văn dạy dỗ giáo lý. Đặc điểm chính yếu của Kinh Thánh chính là Đức Chúa Trời! Kinh Thánh chính là mục đích, đặc tính, và những hành động của Ngài vốn là niềm hy vọng duy nhất cho nhân loại sa ngã cho sự chấp nhận và sự kiên trì, bền đỗ (Ê-phê-sô 2:4; Tít 3:5).

▣ **"đã khiến chúng ta (bản Tiếng Anh)"** Loại cụm từ này được sử dụng để khẳng định sự toàn năng của Đức Chúa Trời như là lẽ thật Kinh Thánh duy nhất liên hệ với sự cứu chuộc (theo Công Vụ 11:18; Gia-cơ 1:18; Ê-phê-sô 1:4), nhưng đây chỉ là một nửa của khái niệm giao ước. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 14:24.

▣ **"được tái sinh"** Từ này có cùng từ gốc (*anagennaō*, 1 Phi-e-rơ 1:23) cũng như trong Giăng 3:3 (*gennaō*). Nó chính là một phân từ hành động bất định (aorist action participle), vốn nói lên một hành động chủ ý (kiên quyết). Tân Ước cũng sử dụng những biểu tượng ẩn dụ khác để mô tả về sự cứu chuộc của chúng ta: (1) "khiến sống lại" (theo Cô-lô-se 2:13; Ê-phê-sô 2:4-5; (2) "tạo vật mới (người mới)" (2 Cô-rinh-tô 5:17; Ga-la-ti 6:15); và (3) "người dự phần vào Bản Tính thiên thượng (Đức Chúa Trời)," (2 Phi-e-rơ 1:4). Phao-lô yêu thích hơn ẩn dụ quen thuộc "nhận làm con nuôi" trong khi Giăng và Phi-e-rơ yêu thích hơn ẩn dụ quen thuộc "tái sanh."

Được "tái sanh" hoặc "sống lại từ trên cao" là một sự nhấn mạnh theo Kinh Thánh về một nhu cầu của một sự khởi đầu mới hoàn toàn, triệt để một gia đình mới hoàn toàn (Rô-ma 5:12-21). Cơ Đốc Giáo không phải là một sự cải cách hoặc một hệ thống luân lý mới; nó là một mối liên hệ tươi mới với Đức Chúa Trời. Đây là một mối liên hệ mới được khiến trở nên có khả năng bởi

1. sự thương xót và ân điển của Đức Chúa Cha
2. sự hy sinh đổ huyết sinh tể và sống lại từ cõi chết của Đức Chúa Con
3. công việc của Đức Thánh Linh (1 Phi-e-rơ 1:2)

Ý định và hành động thiên thượng này mang lại cho các tín đồ một đời sống, một niềm hy vọng sống tươi mới, và một gia sản kế nghiệp chắc chắn.

▣ **"để có một hi vọng sống"** Tính từ "sống" là một sự nhấn mạnh liên tục trong 1 Phi-e-rơ (1 Phi-e-rơ 1:3,23; 2:4,5,24; 4:5,6). Tất cả rằng mọi ý định và hành động của Đức Chúa Trời chính là "sự sống" và mọi sự tồn tại (sự chơi chữ trên danh xưng YHWH).

▣ **"nhờ sự sống lại từ cõi chết của Đức Chúa Jesus Christ"** Chúa Jesus chính là đại sứ đại diện của Đức Chúa Cha và phương tiện của sự cứu chuộc (như Ngài chính là đại sứ đại diện của Cha trong sự sáng tạo cũng như là sự đoán phạt). Sự sống lại của Chúa Jesus chính là lẽ thật trung tâm của phúc âm (Rô-ma 1:4; 1 Cô-rinh-tô 15). Sự sống lại chính là khía cạnh của thông điệp Cơ Đốc mà những người Hy Lạp không thể chấp nhận (theo Công Vụ 17:16-34).

**1:4 "hưởng một cơ nghiệp"** Trong Cựu Ước, mọi chi phái ngoại trừ chi phái Lê-vi đều nhận được một phần đất cơ nghiệp. Người Lê-vi, là chi phái thầy tế lễ, những người phục vụ trong đền thờ, và những người giảng dạy tại địa phương, được xem như là sở hữu chính YHWH chính Ngài như là cơ nghiệp của họ (Thi 16:5; 73:23-26; 119:57; 142:5; Ca Thương 3:24). Các tác giả Tân Ước thường lấy những quyền và đặc ân của Người Lê-vi và áp dụng chúng cho mọi tín hữu. Đây chính là cách khẳng định của họ rằng những người theo Chúa Jesus chính là tuyển dân thật sự của Đức Chúa Trời và rằng giờ đây mọi tín đồ đều được kêu gọi để phục vụ như là những thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời (1 Phi-e-rơ 2:5,9; Khải Huyền 1:6), cũng như Cựu Ước đã khẳng định về toàn bộ dân Y-sơ-ra-ên (Xuất 19:4-6). Sự nhấn mạnh của Tân Ước không phải trên địa vị cá nhân như

một thầy tế lễ với những đặc quyền cụ thể, nhưng trên lễ thật rằng mọi tín đồ đều là những thầy tế lễ, vốn đòi hỏi một thái độ tập thể tối tở (1 Cô-rinh-tô 12:7). Tuyển dân Tân Ước của Đức Chúa Trời đã được trao nhiệm vụ Cựu Ước của sự truyền giảng trên toàn cầu (theo Sáng Thế Ký 12:3; Xuất 19:5b; Ma-thi-ơ 28:18-20; Công Vụ 1:8).

Đây chính là khái niệm của Chúa Jesus như là Đấng sở hữu của cõi tạo hóa bởi vì Ngài chính là đại sứ đại diện của Cha trong sự sáng tạo (Giăng 1:3,10; 1 Cô-rinh-tô 8:6; Cô-lô-se 1:16; Hê-bơ-rơ 1:2-3). Chúng ta là những-người-đồng-kế-tự (Rô-ma 8:17; Ga-la-ti 4:7; Cô-lô-se 3:24).

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GIA SẢN CỦA TÍN ĐỒ.**

Trong Cựu Ước tất cả các chi phái ngoại trừ chi phái Lê-vi đều nhận được một vùng đất cơ nghiệp (Giô-suê 14-22). Chi phái Lê-vi, là chi phái của những thầy tế lễ, những người hầu việc trong đền thờ và những thầy giảng dạy địa phương, được xem như là có chính YHWH là cơ nghiệp của họ (Thi 16:5; 73:23-26; 119:57; 142:5; Ca Thương 3:24). Những tác giả Tân Ước thường lấy những quyền và đặc ân của người Lê-vi và áp dụng chúng cho tất cả các tín đồ. Đây chính là cách của họ để nhấn mạnh rằng những người theo Chúa Jesus chính là dân sự thật của Đức Chúa Trời và giờ đây mọi tín đồ đều được kêu gọi để phục vụ như những thầy tế lễ cho Đức Chúa Trời (1 Phi-e-rơ 2:5,9; Khải Huyền 1:6), như những sự khẳng định Cựu Ước về toàn bộ Y-sơ-ra-ên (Xuất 19:4-6). Sự nhấn mạnh Tân Ước không phải trên cá nhân như một thầy tế lễ với những đặc ân cụ thể, nhưng trên lễ thật rằng tất cả các tín đồ đều là những thầy tế lễ, vốn yêu cầu một thái độ tối tở tập thể (1 Cô-rinh-tô 12:7). Dân Sự Tân Ước của Đức Chúa Trời đã được trao nhiệm vụ Cựu Ước của sự truyền giáo ra toàn bộ thế giới (Sáng 12:3; Xuất 19:5b; Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:46-47; Công Vụ 1:8; hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Kế Hoạch Cứu Chuộc Đòi Đòi của YHWH (Đức Giê-hô-va).

Đây chính là khái niệm về Chúa Jesus như là Đấng sở hữu thế giới tạo hóa bởi vì Ngài chính là tác nhân của sự sáng tạo của Cha (Giăng 1:3,10; 1 Cô-rinh-tô 8:6; Cô-lô-se 1:16; Hê-bơ-rơ 1:2-3). Chúng ta là những kẻ đồng kế tự bởi vì Ngài chính là con thừa kế (Rô-ma 8:17; Ga-la-ti 4:7; Cô-lô-se 3:24). Kinh Thánh nói về sự thừa kế của các tín đồ (Công Vụ 20:32; 26:18; Ê-phê-sô 1:4; Cô-lô-se 1:12; 3:24) trên nhiều điều bởi vì mối liên hệ gia đình của họ với Chúa Jesus là Đấng kế tự trên mọi vật (Hê-bơ-rơ 1:2). Vì vậy, họ là những kẻ đồng kế tự (Rô-ma 8:17; Ga-la-ti 4:7) của

1. vương quốc, (theo Ma thi ơ 25:34, I Cô rin tô 6:9-10; 15:50)
2. sự sống đời đời, (theo Ma thi ơ 19:29)
3. hứa ngôn Đức Chúa Trời, (theo Hê-bơ-rơ 6:12)
4. sự bảo vệ của Đức Chúa Trời, (theo I Phi ê rơ 1:4; 5:9).

▣ " **không hư hoại, không hoen ố, không suy tàn** " Trong 1 Phi-e-rơ 1:4 ba cụm từ mô tả được sử dụng để mô tả phần cơ nghiệp của các tín đồ sử dụng sự ngụ ý lịch sử Cựu Ước chỉ đến Đất Hứa. Xứ Palestine về mặt địa lý nằm trên vùng đất câu nói duy nhất giữa những đế chế Mê-sô-bô-ta-mi và Ai Cập. Điều này dẫn đến nhiều cuộc xâm lược và nhiều sự vận động chính trị. Cơ nghiệp của các tín đồ không bị ảnh hưởng bởi những sự xung đột thế tục.

1. Nó là "không hư hoại" hoặc "an ninh khỏi những sự xâm lược"
2. Nó là "không hoen ố (không thể bị hủy hoại)" hoặc "không cũ mòn"
3. Nó sẽ " không suy tàn (tàn lụi)"; sẽ không có giới hạn thời gian về sự sở hữu nó

▣ " **để dành trong các tầng trời cho anh em** " Đây chính là một phân từ thụ động hoàn thành (perfect passive participle), vốn có nghĩa rằng Đức Chúa Trời đã canh giữ và sẽ tiếp tục canh giữ cơ nghiệp của các tín đồ. Đây là một từ quân sự dùng cho sự canh giữ một đồn lũy được đồn trú (Phi-líp 4:7).

Từ "các tầng trời (thiên đàng)" ở số nhiều. Điều này phản ánh tính chất số nhiều trong tiếng Hê-bơ-rơ. Ngôn ngữ Hê-bơ-rơ cổ có nhiều danh từ số nhiều vốn là một cách để nhấn mạnh chúng (cách sử dụng thể số nhiều của Đấng Thánh được dùng cho Đức Chúa Trời bởi các ra-bi Do Thái sau này). Các ra-bi Do Thái tranh luận rằng có ba tầng trời (Phục Truyền 10:14; 1 Các Vua 8:27; Nê-hê-mi 9:6; 2 Cô-rinh-tô 12:2) hay là có bảy tầng trời bởi vì số bảy là con số hoàn hảo (theo Sáng Thế Ký 2:1-3).

**1:5 " là những người...được gìn giữ bởi quyền năng của Đức Chúa Trời "** Đây là một phân từ bị động thì

hiện tại (present passive participle). Cũng như cơ nghiệp của chúng ta (sự sống thuộc linh) được canh giữ, thì, cũng vậy, chính con người chúng ta (sự sống thuộc thể) (cũng được canh giữ). Thân vị và những lời hứa của Đức Chúa Trời bao trọn mọi lĩnh vực trong cuộc đời của chúng ta. Đây chính là những lời khích lệ cần thiết và có ích trong một thời điểm bất bớ, chịu khổ, và những sự dạy dỗ sai trật (tà giáo) (2 Phi-e-rơ). Điều này không phải để ngụ ý rằng các tín đồ phải bị giết và tra tấn; nhưng là Đức Chúa Trời ở cùng với họ và chiến đấu cho họ và cuối cùng họ là những người chiến thắng bởi Ngài. Đây chính là sự tương đồng thần học với thông điệp của sách Khải Huyền.

▣ " **nhờ đức tin** " Hãy chú ý nghịch lý giao ước. Đức Chúa Trời đang canh giữ họ và cơ nghiệp của họ, nhưng đồng thời họ phải đứng vững trong đức tin. Nó chính là sự căng thẳng xung đột giữa những cặp biện chứng Kinh Thánh này (ví dụ, sự toàn năng của Đức Chúa Trời và ý chí tự do của con người) vốn đã gây ra sự phát triển của những hệ thống thần học nhấn mạnh chỉ một khía cạnh của nghịch lý. Cả hai khía cạnh đều từ Kinh Thánh; cả hai khía cạnh đều cần thiết! Đức Chúa Trời giúp đỡ con người bằng những phương cách của những giao ước không điều kiện (Đức Chúa Trời chu cấp) và có điều kiện (sự đáp ứng cá nhân).

▣ " **sự cứu rỗi là điều sẵn sàng bày tỏ ra** " Kinh Thánh dùng mọi thì động từ Hy Lạp để mô tả về sự cứu chuộc. Chúng ta sẽ không thể được cứu chuộc một cách trọn vẹn, hoàn toàn cho đến Ngài Phán Xét (1 Giăng 3:2). Đây thường được gọi là sự làm vinh hiển của chúng ta (Rô-ma 8:29-30). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: THÌ CỦA CÁC ĐỘNG TỪ HY LẠP DÙNG CHO SỰ CỨU RỖI**

Sự cứu rỗi không phải là một sản phẩm, nhưng là một mối liên hệ. Nó chưa kết thúc cho đến khi một người đặt lòng tin cậy vào Đấng Christ; nó chỉ mới bắt đầu (một cánh cửa và sau đó là một con đường, theo Ma-thi-ơ 7:13-14)! Nó không phải là bảo hiểm cháy nhà, cũng không phải là vé vào thiên đàng, nhưng là một cuộc sống lớn lên càng giống với Đấng Christ càng hơn. (Rô-ma 8:28-29; 2 Cô-rinh-tô 3:18; 7:1; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; 4:13; 1 Tê-sa 3:13; 4:3,7; 5:23; 1 Phi-e-rơ 1:15). Chúng ta có một câu nói ngạn ngữ tại Hoa Kỳ rằng một cặp vợ chồng sống với nhau càng lâu, họ càng trở nên giống nhau. Đây chính là mục đích của sự cứu rỗi!

#### **SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT HÀNH ĐỘNG HOÀN TẤT (QUÁ KHỨ)**

- Công-vụ 15:11
- Rô-ma 8:24
- II Ti-mô-thê 1:9
- Tít 3:5
- Rô-ma 13:11 (kết hợp thì QUÁ KHỨ với thì khuynh hướng TƯƠNG LAI)

#### **SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT TRẠNG THÁI HIỆN TẠI (HOÀN THÀNH) (PERFECT)**

- Ê-phê-sô 2: 5, 8

#### **SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT TIỀN TRÌNH TIẾP DIỄN (HIỆN TẠI)**

- I Cô-rinh-tô 1:18; 15:2
- II Cô-rinh-tô 2:15
- I Phi-e-rơ 3:21

#### **SỰ CỨU RỖI NHƯ MỘT SỰ ĐẠT ĐẾN ĐIỂM ĐỈNH TRONG TƯƠNG LAI (TƯƠNG LAI trong THÌ CỦA ĐỘNG TỪ hoặc trong ngữ cảnh)**

- Rô-ma 5:9, 10; 10:9, 13
- I Cô-rinh-tô 3:15; 5:5
- Phi-líp 1:28;
- I Tê-sa-lô-ni-ca 5:8-9
- Hê-bơ-rơ 1:14; 9:28
- I Phi-e-rơ 1:5

Vì vậy, sự cứu rỗi bắt đầu với một quyết định đức tin khởi đầu (Giăng 1:12, 3:16; Rô-ma 10:9-13), nhưng điều này phải sản sinh trong một lối sống đức tin (Rô-ma 8:29; Ga-la-ti 2:19-20; Ê-phê-sô 1:4; 2:10), vốn một

ngày kia sẽ kết thúc chung cuộc trong tầm nhìn của chúng ta (1 Giăng 3:2). Tình trạng cuối rốt này được gọi là sự trở nên vinh hiển (Rô-ma 8:28-30). Sự cứu rỗi có thể được minh họa như

1. sự cứu chuộc khởi đầu- sự xưng công chính (được cứu khỏi hình phạt của tội lỗi)
2. sự cứu rỗi tiếp diễn – sự nên thánh (được cứu khỏi quyền năng của tội lỗi)
3. sự cứu chuộc sau cùng – sự trở nên vinh hiển (được cứu khỏi sự hiện diện của tội lỗi)

▣ " **trong thời kỳ cuối cùng** " Đây là một khái niệm Do Thái sau này về hai thời kỳ, nhưng từ trong Tân Ước, chúng ta nhận thấy rằng cả hai thời kỳ đang chồng lấn lên nhau. Những ngày cuối rốt bắt đầu từ Sự Nhập Thể tại Bê-t-lê-hem và sẽ chung kết tại Sự Tái Lâm. Chúng ta đang ở trong những ngày sau rốt này đã gần hai thiên niên kỷ. Hãy xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỜI NÀY VÀ ĐỜI SẮP ĐẾN** tại Mác 13:8.

1:6

NASB	"Trong điều này anh em được vui mừng lớn"
NKJV	"Trong điều này anh em vui mừng"
NRSV (footnote)	"Hãy vui mừng trong điều này"
TEV	"Hãy vui mừng về điều này"
NJB	"Đây là một niềm vui lớn cho anh em "

Đây là một thể chỉ định trung cách thì hiện tại (present middle indicative) (theo A. T. Robertson) hoặc là một thể mệnh lệnh (theo Barbara và Timothy Friberg).

Các tín đồ tiếp tục được tôn cao bởi vì mối quan hệ an ninh giữa họ với Đức Chúa Trời (1 Phi-e-rơ 1:3-5) ngay cả ở giữa một thế giới sa ngã (theo Gia-cơ 1:2-4; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:16; Rô-ma 5:3; 8:18).

▣ " **dù bây giờ ... trong ít lâu** " Những sự thử thách và bất bớ ở thời điểm hiện tại cũng không thể so sánh với cõi đời đời cùng với Chúa chúng ta (Rô-ma 8:18).

▣ " **(nếu cần thiết) anh em còn chịu đau buồn ... bởi muôn vàn thử thách (khác nhau)** " Đây là thuật ngữ Hy Lạp *dei*, vốn có nghĩa là được yêu cầu hoặc cần thiết, liên hệ với một câu điều kiện. Có một động từ được giả định "là" vốn sẽ biến nó thành một câu điều kiện bậc một theo kiểu nói vòng, vốn được giả định là đúng. Phi-e-rơ giả định rằng đời sống tin kính sẽ dẫn đến sự bất bớ. Ông lặp đi lặp lại chủ đề này khá thường xuyên (1 Phi-e-rơ 1:6-7; 2:19; 3:14-17; 4:1,12-14,19; 5:9).

▣ " **anh em còn (đã) chịu đau buồn** " Đây là một phân từ thụ động thì bất định (aorist passive participle). Đại diện không được bày tỏ của thể bị động ở đây chính là kẻ gian ác (ma quỷ); Đức Chúa Trời sử dụng ngay cả điều ác cho những mục đích tốt lành của Ngài. Ngay cả chính Chúa Jesus cũng đã được khiến nên hoàn hảo, trọn vẹn qua những gì Ngài đã phải chịu đau khổ (Hê-bơ-rơ 5:8-9). Sự chịu khổ phục vụ cho một mục đích cần thiết trong một đời sống đức tin!

Song đề thần học ở đây là: sự chịu khổ có ba nguồn gốc có khả năng từ

1. Kẻ ác (ma quỷ)
2. Một thế giới sa ngã
3. Đức Chúa Trời
  - a. Cho một sự hình phạt tạm thời dành cho tội lỗi
  - b. Cho sự trưởng thành trở nên giống như Đấng Christ

Nạn đề chính là tôi sẽ không bao giờ biết được chính xác nó là điểm nào! Vì vậy tôi chọn để tin rằng nếu khi nó đến, vâng khi nó đến, Đức Chúa Trời sẽ dùng nó cho những mục đích của Ngài. Quyển sách yêu thích của tôi về lĩnh vực này chính là quyển sách của Hannah Whithall Smith *The Christian's Secret of a Happy Life*.

▣ " **bởi muôn vàn thử thách (đa dạng)** " Tính từ Hy Lạp này có nghĩa là đa dạng, nhiều màu sắc, sặc sỡ (Gia-cơ 1:2). Có nhiều loại thử thách, cám dỗ, và bất bớ. Trong 1 Phi-e-rơ 4:10, cùng một từ được sử dụng để bày tỏ về ân điển đa dạng muôn màu của Đức Chúa Trời. Chúng ta sẽ không bao giờ bị thử thách và cám dỗ vượt quá sự chu cấp của Ngài (1 Cô-rinh-tô 10:13).

1:7 " **để đức tin của anh em sau khi được thử nghiệm (được chứng minh)** " Đây là một *hina* hoặc mệnh đề



mục đích (purpose clause). Sự chịu khổ làm cho vững mạnh đức tin. Xuyên suốt cả Kinh Thánh, Đức Chúa Trời đã thử thách con cái Ngài (theo Sáng Thế Ký 22:1; Xuất 15:22-25; 16:4; Phục Truyền 8:2,16; 13:3; Các Quan Xét 2:22; 2 Sử Ký 32:31; Ma-thi-ơ 4:1; Lu-ca 4:1-2; Rô-ma 5:2-4; Hê-bơ-rơ 5:8-9; Gia-cơ 1:2-4).

Câu này có danh từ *dikimon* và phân từ *dikimazō*, cả hai từ này đều có nghĩa rộng của sự thử thách với quan điểm hướng về sự làm vững mạnh và bởi đó được chấp nhận. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt về Những Thuật Ngữ trong tiếng Hy Lạp được dùng cho "Sự Thử Thách" và những Nghĩa Rộng của Chúng tại Mác 1:13b.

▣ " **sẽ quý hơn vàng** " Trong cuộc sống này của chúng ta món quà lớn nhất dành cho Đức Chúa Trời chính là đức tin của chúng ta (Theo Giăng 20:27; 2 Cô-rinh-tô 4:17). Trong cõi đời đời, đức tin được biến thành sự nhìn thấy. Đức Chúa Trời được tôn cao và hài lòng khi bởi đức tin chúng ta đứng vững, vượt qua những thử thách nhờ đức tin của chúng ta nơi Ngài (1 Phi-e-rơ 4:12-16). Sự tăng trưởng thuộc linh chỉ đến qua đức tin được thử thách (Rô-ma 5:2-5; Hê-bơ-rơ 12:11; Gia-cơ 1:2-4).

▣ " **khi Đức Chúa Jêsus Christ hiện đến (trong sự bày tỏ của Đức Chúa Jêsus Christ)** " Cùng một từ này (*apokalupsis*) được sử dụng là tựa đề của sách cuối cùng của Tân Ước, Khải Huyền (Sự Mặc Khải, Bày Tỏ). Nó có nghĩa là "tiết lộ," "phơi bày ra cách hoàn toàn," hoặc "khiến được biết." Ở đây nó chỉ đến Sự Tái Lâm, một chủ đề phổ biến trong những tác phẩm của Phi-e-rơ (1 Phi-e-rơ 1:7,13; 2:12; 4:13; 5:4).

**1:8 " dù chưa gặp Ngài "** Dù ngay giữa sự chịu khổ các tín đồ vẫn cần phải tin cậy vào nơi Ngài. Chúa Jesus đã cầu nguyện cho những kẻ tin nơi Ngài nhưng chưa bao giờ được gặp Ngài trong Giăng 17:20; 20:29.

▣ " **vấn tin Ngài** " Bối cảnh từ nguyên của thuật ngữ này giúp đỡ để thiết lập ý nghĩa theo mạch văn. Cần nhớ rằng các tác giả Tân Ước là những người suy nghĩ theo tư duy Hê-bơ-rơ viết xuống theo tiếng Hy Lạp Koine. Trong tiếng Hê-bơ-rơ nó có nguyên gốc chỉ đến một người trong một tư thế vững vàng, (vị trí của đôi chân của anh ta để anh sẽ không dễ bị xô đẩy ngã nhào). Nó dẫn đến việc sử dụng theo nghĩa bóng cho một ai đó phụ thuộc, trung thành, và đáng tin cậy. Từ tương đương trong tiếng Hy Lạp (*pistis* hoặc *pisteuō*) được dịch sang tiếng Anh trong các từ "faith (đức tin)," "believe (tin)," và "trust (tin cậy)." Đức tin hoặc sự tin cậy theo Kinh Thánh khởi nguyên không phải là một điều gì đó chúng ta làm, nhưng là một ai đó mà chúng ta đặt lòng tin cậy của chúng ta nơi đó. Đó chính là sự đáng tin cậy của Đức Chúa Trời, chứ không phải của chúng ta, chính là tiêu điểm. Nhân loại sa ngã tin cậy sự đáng tin cậy của Đức Chúa Trời, đặt đức tin nơi sự thành tín của Ngài, tin vào Đấng Ngài Yêu và sự chu cấp của Ngài. Sự tập chú không phải vào sự dồi dào dư dật hoặc sự gia tăng mạnh mẽ của đức tin con người, nhưng là mục tiêu của đức tin đó (1 Phi-e-rơ 1:8,21; 2:6-7). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 1:15.

▣ " **anh em ... hân hoan trong niềm vui rạng ngời, khôn tả** " Từ "niềm vui khôn tả (to lớn)" được sử dụng trước đó trong 1 Phi-e-rơ 1:6. Nó chỉ về một niềm vui mãnh liệt thường đi cùng với sự bày tỏ trên cơ thể như hét lớn, nhảy múa, v.v... (theo Lu-ca 1:44,47; 10:21; Giăng 5:35; 8:56). Niềm vui này, mà vốn Phi-e-rơ nói về, được tìm thấy ngay giữa sự chịu khổ (1 Phi-e-rơ 4:13; Rô-ma 5:3; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:17). Niềm vui này là một trong những phước hạnh bất ngờ bởi Đức Thánh Linh trong thời điểm của sự thử thách và bất bớ.

▣ " **vinh hiển đầy trọn (bản tiếng Anh)** " Đây là một phân từ thụ động hoàn thành (perfect passive participle). Các tín đồ bởi đức tin (chứ không phải bởi những gì trước mắt) vỡ òa ra với một sự vui mừng không thể bày tỏ hết và sự vinh hiển trọn vẹn! Niềm vui và sự vinh hiển này không thể che giấu. Nó là một suối phun tuôn tràn tuôn chảy ra bởi Đức Thánh Linh (Theo Giăng 4:14; 7:38). Nó chính là bằng chứng cho quyền năng của phúc âm dành cho tất cả những ai đến tiếp cận với tất cả những những nhân chứng phúc âm dưới sự áp bức. Hãy xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ VINH HIỂN (DOXA) tại Mác 10:37.

**1:9 " nhận được thành quả của đức tin "** Đây là một phân từ trung cách thì hiện tại (present middle participle). Câu này hàm ý rằng niềm vui của chúng ta không chỉ là một sự chung kết ở tương lai, nhưng nó cũng là một thực tế hiện tại ngay cả ở giữa sự chịu khổ bởi vì những hành động Ba Ngôi Đức Chúa Trời đã thực hiện thay mặt cho chúng ta (1 Phi-e-rơ 1:2).

▣ " **sự cứu rỗi linh hồn mình** " Cụm từ này chỉ về sự làm vinh hiển chúng ta. Sự cứu rỗi được xem trong Tân Ước như là một quyết định được thực hiện (thì bất định (aorist tense), Rô-ma 8:24), nhưng cũng là một tiến trình tiếp diễn (thì hiện tại (present tense), 1 Cô-rinh-tô 1:18; 15:2; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:14) với một sự kết thúc

chung cuộc ở tương lai (thì tương lai (future tense), Rô-ma 5:9,10; 10:9). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại 1 Phi-e-rơ 1:5. Khía cạnh tương lai thường được mô tả như là "sự làm vinh hiển" (Rô-ma 8:29-30). Các tín hữu một ngày sẽ nhìn thấy như Ngài thật sự là và họ sẽ được biến hóa trở nên giống như Ngài (1 Giăng 3:2).

Thuật ngữ Hy Lạp *psuchē* (linh hồn) được sử dụng thường xuyên trong các tác phẩm của Phi-e-rơ (1 Phi-e-rơ 1:9,22; 2:11,25; 3:20; 4:19; 2 Phi-e-rơ 2:8,14). Nó được sử dụng như là một thành ngữ Hê-bơ-rơ cho toàn bộ một người. Con người không phải một thực thể có hai-phần hoặc ba-phần, nhưng là một thực thể thống nhất (theo Sáng Thế Ký 2:7). Thật đúng rằng chúng ta là loài người có mối liên hệ với hành tinh này, và bởi vì chúng ta đã được dựng nên theo hình và ảnh (sự giống với) Đức Chúa Trời, chúng ta liên hệ với thế giới thuộc linh.

Thật không thích hợp khi xây dựng một hệ thống thần học dựa trên 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:23 và Hê-bơ-rơ 4:12 và qua đó cố gắng liên hệ mọi phần Kinh Thánh khác vào ba phạm trù (thân thể, hồn, và linh). Chúng đơn giản chỉ chỉ đến toàn bộ con người và năng lực xuyên thấu của Lời Đức Chúa Trời. Hãy cẩn thận về những công bố của một ai đó rằng then chốt của cả Kinh Thánh được tìm thấy trong hai phần Kinh Thánh gián tiếp, được tách khỏi văn mạch và biến thành một hệ thống thần học qua đó dùng nó để xem xét toàn bộ Kinh Thánh (Watchman Nee). Nếu nó là một điểm then chốt Đức Thánh Linh sẽ đặt nó trong một văn mạch dạy dỗ rõ ràng và sẽ lặp đi lặp lại nó thường xuyên. Kinh Thánh không phải là một quyển sách của những câu đố và làm tâm trí hóc búa! Đức Chúa Trời muốn truyền thông với chúng ta và những lẽ thật chính yếu được thiết lập dựa trên những văn mạch rõ ràng.

## NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH TRONG NHỮNG CÂU KINH THÁNH 1:10-21

- A. 1 Phi-e-rơ 1:10-12 liên hệ những kiến thức của những tiên tri Cựu Ước về sự cứu chuộc Tân Ước trong Đấng Christ.
- B. "Thần Linh" bởi cách tiên tri, bày tỏ ba điều cho các tín đồ trong 1 Phi-e-rơ 1:11-12.
  - 1. Sự chịu khổ của Đấng Mê-si (Sáng 3:15; Thi Thiên 22; Ê-sai 52:13-53:12)
  - 2. Sự vinh hiển tiếp nối theo sau (Ê-sai 56-66)
  - 3. Các tiên tri phán nhiều hơn chỉ là nói thời đại của họ (Ê-sai, Ê-xê-chi-ên, Đa-ni-ên, Mi-chê, Xa-cha-ri)
- C. Trong 1 Phi-e-rơ 1:13-17, Phi-e-rơ yêu cầu các tín đồ thực hiện sáu điều để bảo vệ chính họ
  - 1. Siết chặt tâm trí, 1 Phi-e-rơ 1:13
  - 2. Giữ tâm linh tỉnh táo, 1 Phi-e-rơ 1:13
  - 3. Hướng niềm hy vọng của họ vào ân điển vào thời kỳ cuối rốt, 1 Phi-e-rơ 1:13
  - 4. Đừng bị biến đổi bởi thời kỳ hiện tại, 1 Phi-e-rơ 1:14
  - 5. Sống đời sống thánh khiết, 1 Phi-e-rơ 1:15
  - 6. Sống trong sự kính sợ Đức Chúa Trời, 1 Phi-e-rơ 1:17
  - 7. Yêu thương lẫn nhau nồng nhiệt, chân thành (điểm thứ bảy được thêm vào từ 1 Phi-e-rơ 1:22)

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1 PHI-E-RƠ 1:10-12**  
<sup>10</sup> Về sự cứu rỗi đó, các nhà tiên tri đã tìm tòi, tra xét, và đã báo trước về ân điển dành sẵn cho anh em. <sup>11</sup> Họ tra xem để biết vào thời điểm nào và hoàn cảnh nào mà Thánh Linh Đấng Christ trong họ đã chỉ dẫn, khi Ngài báo trước sự thương khó của Đấng Christ và vinh quang theo sau. <sup>12</sup> Các nhà tiên tri đã được tỏ cho biết rằng họ không phục vụ chính mình, mà phục vụ anh em về những điều hiện nay đã công bố cho anh em bởi những người, nhờ Đức Thánh Linh là Đấng từ trời sai xuống, giảng Tin Lành cho anh em. Chính các thiên sứ cũng ước ao được nhìn thấy những điều ấy.

**1:10 " Về sự cứu rỗi đó "** Đây chính là chủ đề từ (1) 1 Phi-e-rơ 1:2, vốn mô tả công việc của Ba Ngôi Đức Chúa Trời trong sự cứu rỗi; (2) 1 Phi-e-rơ 1:3-5, vốn mô tả sự gìn giữ và bảo vệ sự cứu rỗi đó; và (3) 1 Phi-e-rơ 1:6-9, vốn mô tả lại những sự chịu khổ của các tín đồ bởi vì sự cứu chuộc này.

▣ **" các nhà tiên tri "** Cụm từ này chỉ về những nhà tiên tri Cựu Ước (1 Phi-e-rơ 1:12). Trong tư tưởng ra-bi

Do Thái mọi tác giả được thần cảm đều được xem là những tiên tri. Môi-se cũng được gọi là một tiên tri (Phục Truyền 18:18) và những gì chúng ta gọi trong tiếng Anh (và tiếng Việt) là các sách lịch sử (xuyên suốt từ Giô-suê đến Các Vua) đã được gọi bởi người Do Thái là "những sách tiên tiên tri (những sách tiên tri sớm)."

▣ **"về ân điển dành sẵn (sẽ đến) cho anh em"** Cụm từ này hàm ý rằng những nhà tiên tri Cựu Ước đã biết được một vài điều gì đó về giao ước mới. Đây cũng là sự ngụ ý của Chúa Jesus khi nói về Áp-ra-ham trong Giăng 8:56 (I Esdras 3:14). Cùng một sự ngụ ý được nhắc đến trong Hê-bơ-rơ 11:13b. Thật khó để biết chính xác các tiên tri Cựu Ước đã biết nhiều bao nhiêu về phúc âm. Sự mô tả của Giê-rê-mi về Giao Ước Mới trong Giê-rê-mi 31:31-34 (cũng như trong Ê-xê-chi-ên 36:22-38) chỉ về một sự chấp nhận dựa trên tình yêu và những hành động của Đức Chúa Trời, chứ không phải biểu hiện của con người. Ma-thi-ơ 13:17 đề cập rằng nhiều tiên tri Cựu Ước đã thấy và nghe những gì Chúa Jesus đã làm và phán.

Ngay cả lời tiên tri của Ê-sai về một sự sinh nở trinh nữ (1 Phi-e-rơ 7:14), khi được giải nghĩa theo văn mạch, chỉ về một sự sinh nở tự nhiên với một thời điểm siêu nhiên (1 Phi-e-rơ 7:15-16), chứ không phải dành riêng cho một sự giáng sinh của Đấng Mê-si trong tương lai. Chính Ma-thi-ơ và Lu-ca là những người nhìn thấy sự hàm ý trọn vẹn của lời tiên tri của Ê-sai. Điều này có thể đúng với những lời tiên tri cụ thể khác trong Ô-sê (Ô-sê 11:1) và Xa-cha-ri (Xa-cha-ri 9:9; 11:13; 12:10). Chính những người Do Thái nói tiếng Hy Lạp trong Tân Ước và những Sứ Đồ là những người bày tỏ trọn vẹn Chúa Jesus từ Cựu Ước (Hình Thái Biểu Tượng Đấng Christ Học (Christological typology)). Các môn đồ có thể đã học điều này từ chính Chúa Jesus khi Ngài dạy dỗ hai người trên đường đến làng Em-ma-út (theo Lu-ca 24:13-35, đặc biệt theo 1 Phi-e-rơ 1:27).

▣ **"tra xem (tìm kiếm, nghiên cứu và thẩm tra cách cẩn thận (bản tiếng Anh))"** Những từ này (trong bản tiếng Anh) có vẻ là những từ đồng nghĩa (theo *Greek-English Lexicon of the New Testament: based on Semantic Domains*, Tập 1, trang 331).

#### 1:11

NASB

"tìm kiếm sự hiểu biết về ai hoặc khi nào "

NKJV

"tìm kiếm điều gì, hoặc tác nhân thời gian nào "

NRSV

"thẩm tra về con người hoặc thời điểm "

TEV (footnote)

"cố gắng tìm ra nó đến ở thời điểm khi nào và như thế nào "

NJB

"tra xét thời gian và những bối cảnh "

Câu này ngụ ý cả về một người hoặc một thời điểm. Họ trông đợi một Đấng Mê-si từ Ngôi Đa-vít sẽ xen vào lịch sử vào một thời điểm đặc biệt được chỉ định bởi Đức Chúa Trời. Cũng giống như chúng ta, họ "nhìn qua một lăng kính mờ mịt " (cf. 1 Cô-rinh-tô 13:9-13).

▣ **"Thánh Linh Đấng Christ trong họ"** Thánh Linh và Đấng Mê-si được liên kết với nhau trong Cựu Ước. (Ê-sai 11:1-2; 48:16; 61:1). Chú ý rằng Đức Thánh Linh được gọi là "Thánh Linh (của) Đấng Christ" (Rô-ma 8:9; Ga-la-ti 4:6). Cũng hãy chú ý đến khía cạnh ngụ ý bên trong của Đấng Christ, ngay cả trong Cựu Ước. Những trách nhiệm của Chúa Jesus và Thánh Linh xen lẫn lên nhau. Hãy xem một lễ thật tương tự được bày tỏ tại 2 Phi-e-rơ 1:21.

#### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHÚA GIÊ-SU VÀ THÁNH LINH**

Có một sự linh động giữa công tác của Đức Thánh Linh và công tác của Đức Chúa Con. Ông G. Campbell Morgan nói rằng danh hiệu thích hợp nhất cho Đức Thánh Linh là "một Đức Chúa Giê-xu khác." Sau đây là bảng liệt kê so sánh công việc và danh hiệu của Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh.

1. Thánh Linh được gọi là "Thánh linh của Đức Chúa Giê-xu" hoặc những từ ngữ tương tự (Rô-ma 8:9; II Cô-rinh-tô 3:17; Ga-la-ti 4:6; I Phi-e-rơ 1:11).
2. Cả hai đều được gọi với cùng một từ ngữ:
  - a. "Lẽ thật"
    - 1) Đức Chúa Giê-xu (Giăng 14:6)
    - 2) Thánh Linh (Giăng 14:17; 16:13)
  - b. "Đấng biện hộ"
    - 1) Đức Chúa Giê-xu (I Giăng 2:1)
    - 2) Thánh Linh (Giăng 14:16,26; 15:26; 16:7)

c. "Đấng Thánh"

- 1) Đức Chúa Giê-xu (Lu-ca 1:35; 14:26)
- 2) Thánh Linh (Lu-ca 1:35)

3. Cả hai đều ngự trong những người tin Chúa

- a. Đức Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 28:20; Giảng 14:20,23; 15:4-5; Rô-ma 8:10; II Cô-rinh-tô 13:5; Ga-la-ti 2:20; Ê-phê-sô 3:17; Cô-lô-se 1:27)
- b. Thánh Linh (Giăng 14:16-17; Rô-ma 8:9,11; I Cô-rinh-tô 3:16; 6:19; II Ti-mô-thê 1:14)
- c. Và ngay cả Đức Chúa Cha (Giăng 14:23; II Cô-rinh-tô 6:16)

▣ " báo trước sự thương khó của Đấng Christ " Điều này gây ngạc nhiên cho Người Do Thái (1 Cô-rinh-tô 1:23). Tôi Tớ Chịu Khổ đã trở thành trụ cột chính trong những bài giảng đầu tiên của Phi-e-rơ và Phao-lô trong Công Vụ mà chúng ta gọi là *kerygma* (rằng nó đã được công bố trước, theo Công Vụ 2:23,24; 3:18; 4:11; 10:39; 17:3; 26:23). Đây chính xác là những gì Chúa Jesus đã cố gắng để phán với Mười Hai Sứ Đồ trong thời gian Ngài ở với họ (theo Ma-thi-ơ 16:21; 20:17-19; Mác 8:31; Lu-ca 9:22), nhưng họ đã không thể nhận được nó (theo Mác 9:31-32; 10:32-34; Lu-ca 9:44-45; 18:31-34).

Có một số gợi ý về sự chịu khổ của Đấng Mê-si trong Tân Ước. (Sáng 3:15; Psalm 22; Ê-sai 53), nhưng người Y-sơ-ra-ên trong Cựu Ước đã mong đợi Đấng Mê-si đến như một anh hùng chinh chiến để đoán phạt toàn bộ nhân loại và phục hồi Y-sơ-ra-ên trở lại địa vị hoàng kim và quyền lực. Họ đơn giản đã lỡ mất hai lần đến của Đấng Mê-si vốn đã được mặc khải bởi đời sống và sự dạy dỗ của Chúa Jesus (Đấng Cứu Chuộc, Đấng Đoán Phạt).

Dưới đây là một biểu đồ khá thú vị của từ *kerygma* trong sách của H. Wayne House *Chronological and Background Charts of the New Testament*, (trang 120).

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC BÀI GIẢNG (KERYGMA) CỦA HỘI THÁNH ĐẦU TIÊN

Có rất nhiều ý kiến về Cơ Đốc Giáo. Thời đại của chúng ta là một thời đại của đa tôn giáo, cũng giống như trong thế kỷ thứ nhất. Một cách cá nhân, tôi chấp nhận và bao gồm mọi nhóm người là những ai đã công bố rằng biết và tin cậy nơi Đức Chúa Jesus Christ. Tất cả chúng đều không đồng ý (với nhau) về điều này nhưng căn bản Cơ Đốc Giáo toàn bộ là về Chúa Jesus. Tuy nhiên, có những nhóm tuyên bố rằng họ là (nhóm) Cơ Đốc, rằng có vẻ "giống với" hoặc "một-tân-binh (johnny vừa mới đến-nhóm mới xuất hiện)." Làm thế nào để tôi nói lên sự khác biệt?

Vâng, có hai cách:

- A. một quyển sách rất có ích để biết được những nhóm giáo phái tà giáo hiện đại (từ trong chính những tài liệu của họ) chính là quyển *The Kingdom of the Cults* của Walter Martin.
- B. những bài giảng của hội thánh đầu tiên, đặc biệt là những bài giảng bởi các Sứ Đồ Phi-e-rơ và Giăng trong sách Công Vụ, cho chúng ta một dàn ý căn bản về cách những tác giả được thần cảm của hội thánh đầu tiên đã trình bày về Cơ Đốc Giáo cho những nhóm khác nhau. Sự "công bố" hoặc giảng dạy" (mà bởi đó sách Công Vụ được tóm lại) bắt nguồn từ từ Hy Lạp *kerygma*. Sau đây là những lễ thật cơ bản của phúc âm về Chúa trong Công Vụ:

Sau đây là những lễ thật căn bản của phúc âm về Chúa Jesus trong sách Công Vụ:

1. ứng nghiệm nhiều lời tiên tri Cựu Ước – Công Vụ 2:17-21,30-31,34; 3:18-19,24; 10:43; 13:17-23,27; 33:33-37,40-41; 26: 6-7,22-23
2. được sai bởi YHWH như đã được hứa trước – Công Vụ 2:23; 3:26
3. thi hành những phép lạ để khẳng định sự điệp của Ngài và bày tỏ sự thương xót của Đức Chúa Trời – Công Vụ 2:22; 3:16; 10:38
4. bị nộp, bị chối bỏ – Công Vụ 3:13-14; 4:11
5. bị đóng đinh – Công Vụ 2:23; 3:14-15; 4:10; 10:39; 13:28; 26:23
6. sống lại – Công Vụ 2:24,31-32; 3:15,26; 4:10; 10:40; 13:30; 17:31; 26:23
7. được tôn cao ngồi bên hữu Đức Chúa Trời – Công Vụ 2:33-36; 3:13,21
8. sẽ trở lại – Công Vụ 3:20-21
9. là Đấng Phán Xét được định – Công Vụ 10:42; 17:31

10. sai Đức Thánh Linh – Công Vụ 2:17-18,33,38-39; 10:44-47
  11. Đấng Cứu Rỗi cho mọi kẻ tin – Công Vụ 13:38-39
  12. không còn bất kỳ ai khác là Đấng Cứu Rỗi – Công Vụ 4:12; 10:34-36
- Đây là một vài cách để đáp ứng với những cột trụ lễ thật Sứ Đồ này:
1. Ăn năn – Công Vụ 2:38; 3:19; 17:30; 26:20
  2. Tin Nhận – Công Vụ 2:21; 10:43; 13:38-39
  3. Chịu Báp-tem – Công Vụ 2:38; 10:47-48
  4. Nhận Đức Thánh Linh – Công Vụ 2:38; 10:47
  5. Tất cả mọi người đều có thể đến – Công Vụ 2:39; 3:25; 26:23

Tất cả những điểm trên đã được sử dụng như một sơ đồ thiết yếu cho việc công bố tin mừng của Hội thánh đầu tiên, dầu rằng các tác giả trong Tân ước có thể bỏ qua một phần nào đó hoặc nhấn mạnh đến một số điểm đặc biệt khác trong sơ đồ này khi họ giảng. Toàn bộ Phúc âm theo Mác theo sát quan điểm của Phi-e-rơ về sự giảng dạy *kerygma* này. Truyền thống cho rằng Mác hệ thống lại các bài giảng của Phi-e-rơ giảng ở Rô-ma, và góp lại thành Phúc âm Mác. Cả Ma-thi-ơ và Lu-ca đều theo cấu trúc cơ bản của Mác.

▣ " và vinh quang theo sau " Cụm từ này ngụ ý chỉ đến Ê-sai 53:10-12.

**1:12 " họ không phục vụ chính mình, mà phục vụ anh em "** Có vài chỗ trong những sách của Phao-lô nơi ông khẳng định cùng một lễ thật này (Rô-ma 4:23-24; 15:4; 1 Cô-rinh-tô 9:9-10; 10:6,11). Đây căn bản chính là cùng một lễ thật được bày tỏ trong 2 Ti-mô-thê 3:15-17. Những hành động (sự mặc khải) của Đức Chúa Trời và sự ghi chép và giải nghĩa (với sự thần cảm) của họ có mục đích mang lại lợi ích cho các tín đồ trong tương lai (sự soi sáng).

Nếu Phi-e-rơ đã viết sách này gửi đến đa phần những tín đồ Người Ngoại, thì cụm từ này đã thêm vào một sự khẳng định thần học về sự bao gồm cả Dân Ngoại, vốn đã luôn luôn là kế hoạch của Đức Chúa Trời (theo Sáng Thế Ký 3:15; Rô-ma 9-11; Ê-phê-sô 2:11-3:13).

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC QUAN ĐIỂM CỦA PHAO-LÔ VỀ LUẬT MÔI SE**

Nó là điều tốt lành và đến từ Đức Chúa Trời (Rô-ma 7:12, 16).

- A. Nó không phải là đường dẫn đến sự công bình để được Đức Chúa Trời chấp nhận (nó thậm chí có thể là một sự nguyên rủa, Ga-la-ti 3).
- B. Nó vẫn là ý chỉ của Đức Chúa Trời cho người tin Chúa bởi vì nó là sự tự mặc khải của Đức Chúa Trời (Phao-lô thường trích Cựu ước để cáo trách và/hoặc khích lệ người tin Chúa)
- C. Người tin Chúa được cung cấp thông tin từ Cựu ước (Rô-ma 4:23-24; 15:4; I Cô-rinh-tô 10:6,11), nhưng không được cứu bởi Cựu ước (Công vụ 15; Rô-ma 4; Ga-la-ti 3; Hê-bơ-rơ)
- D. Nó thực hiện chức năng trong Giao ước mới đề:
  1. Chỉ tội lỗi (Ga-la-ti 3:15-29)
  2. Hướng dẫn những người được cứu trong xã hội
  3. Cung cấp thông tin cho các quyết định đạo đức Cơ đốc

Chính đây quan điểm thần học quá rộng này từ sự nguyên rủa và bỏ qua đến sự chúc phước và bắt đi của nó đã gây ra sự khó khăn trong việc nỗ lực tìm hiểu quan điểm của Phao-lô về Luật Môi se. Trong cuốn *A Man in Christ*, Gia-cơ Stewart cho thấy lối suy nghĩ và các bài viết đầy nghịch lý của Phao-lô:

“Thông thường chúng ta mong đợi người tự kiến tạo nên một hệ thống tư tưởng và tín lý sẽ sửa chữa một cách gât gao nhất ý nghĩa của những thuật ngữ mà người đó dùng. Chúng ta mong đợi người này hướng đến việc dùng các từ ngữ một cách thật chính xác để trình bày các ý tưởng chủ đạo của mình. Chúng ta đòi hỏi một từ ngữ, một khi đã được người viết sử dụng trong một ý nghĩa đặc biệt, sẽ luôn mang ý nghĩa đó một cách xuyên suốt. Nhưng tìm kiếm điều này nơi Phao-lô là một điều gây thất vọng. Hầu hết các lối diễn tả từ ngữ của ông đều rất lỏng lẻo, không cứng nhắc... Ông viết “luật pháp là thánh” “tôi ưa thích luật pháp Đức Chúa Trời sau con người bên trong (Rô-ma 7:12, 22) nhưng rõ ràng có một khía cạnh khác của *nomos* khiến cho ông nói ở trong một chỗ khác như vậy, “Đấng Christ đã cứu chúng ta khỏi lời nguyên của luật pháp (Ga-

▣ " **bởi những người.... giảng Tin Lành cho anh em** " Câu này có vẻ ngụ ý rằng Phi-e-rơ vốn đã không mở ra tất cả những hội thánh này. Họ có lẽ đã bắt đầu bởi những người Do Thái tin Chúa từ Lễ Ngũ Tuần (theo Công Vụ 2), hoặc bởi sự giảng dạy của Phao-lô hoặc những nhà truyền giáo khác.

▣ " **nhờ Đức Thánh Linh là Đấng từ trời sai xuống** " Đức Thánh Linh được nhắc đến tại một vài chỗ then chốt trong 1 Phi-e-rơ (1 Phi-e-rơ 1:2,11; 4:14). Cụm từ này là một thành ngữ Hê-bơ-rơ với mục đích khẳng định về một thời đại của sự công chính, vốn đến từ Đức Chúa Trời, được mang đến bởi Đức Thánh Linh, đã đến một cách trọn vẹn (theo Công Vụ 2).

▣ " **Chính các thiên sứ cũng ước ao được nhìn thấy những điều ấy** " Câu này nguyên văn là "hạ mình xuống để nhìn " giống với trong Giảng 20:5,11. Trong Gia-cơ 1:25 nó được dịch là "nhìn một cách đầy hữu ý." Câu này chỉ đến cả những thiên sứ tốt lành và gian ác (Ê-phê-sô 3:10; 1 Cô-rinh-tô 4:9).

Trong Do Thái giáo ra-bi các thiên sứ được xem như là những nhân vật trung bảo giữa YHWH và Môi-se trên Ngọn Si-nai (theo Công Vụ 7:53; Ga-la-ti 3:19; Hê-bơ-rơ 2:2). Họ cũng được khắc họa như là sự ghen tương của tình yêu và sự tập chú đến con người của Đức Chúa Trời. Trong Hê-bơ-rơ 1:14 các thiên sứ được mô tả như những kẻ giúp việc của "những người thừa hưởng sự cứu rỗi." Phao-lô thậm chí khẳng định rằng các tín đồ sẽ phán xét các thiên sứ (1 Cô-rinh-tô 6:3).

Đức Chúa Trời mặc khải cách độc nhất chính mình Ngài với các thiên sứ thông qua cách đối xử của Ngài với nhân loại sa ngã (1 Cô-rinh-tô 4:9; Ê-phê-sô 2:7; 3:10).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1 PHI-E-RƠ 1:13-16**

<sup>13</sup> **Vậy, anh em hãy chuẩn bị tâm trí, hãy tiết độ, đặt hi vọng hoàn toàn vào ân điển sẽ ban cho anh em khi Đức Chúa Jê-sus Christ hiện ra.** <sup>14</sup> **Như con cái biết vâng lời, anh em đừng chiều theo những dục vọng lúc trước, khi anh em còn mê muội.** <sup>15</sup> **Nhưng, như Đấng gọi anh em là thánh thì anh em cũng phải thánh trong mọi cách ăn nết ở của mình,** <sup>16</sup> **vì có lời chép: "Các con phải thánh, vì Ta là thánh."**

**1:13 " Vậy "** Từ này (*dio*, 2 Phi-e-rơ 1:10,12; 3:14) chỉ ra rằng những sự khích lệ, dạy dỗ theo sau chính là kết quả của phân thảo luận trước đó.

NASB	" <b>chuẩn bị tâm trí anh em để hành động</b> "
NKJV	" <b>thắt lại các cơ của tâm trí anh em</b> "
NRSV	" <b>chuẩn bị tâm trí anh em để hành động</b> "
TEV	" <b>hãy sẵn sàng tâm trí anh em để hành động</b> "
NJB	" <b>tâm trí của anh em ... hãy sẵn sàng để hành động</b> "

Đây chính là một phân từ trung cách thì bất định (aorist middle participle) được sử dụng như một thể mệnh lệnh. Thể của nó biểu thị rằng một hành động có chủ đích của một sự lựa chọn cá nhân đang được tác giả yêu cầu. Đây là một thành ngữ Hê-bơ-rơ, nguyên văn là "thắt chặt các cơ của tâm trí anh em." Tại Khu Vực Cận Đông Cổ Đại cả nam và nữ đều mặc áo choàng. Bằng cách kéo dài áo xuống đến chân và kéo về phần phía sau của áo choàng và gấp nó vào trong thắt lưng, áo choàng biến thành quần, vốn cho phép sẵn sàng những hành động vất vả, căng thẳng. Những mạng lệnh tương tự của sự sẵn sàng cho những hoạt động tâm trí cũng được xem thấy trong Rô-ma 12:2; Ê-phê-sô 4:17,23.

▣ " **hãy tiết độ (giữ cho tâm linh tỉnh táo)** " Đây là một phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle) trong một chuỗi của những mạng lệnh (imperatives) và phân từ (participles) được sử dụng với động lực mệnh lệnh. Đây không phải là một sự kêu gọi cho sự tỉnh thức (theo nghĩa đen), nhưng là một sự ngụ ý theo nghĩa bóng cho một sự tập chú, cảnh giác về mặt tâm trí và xóa bỏ những sự xao nhãng, thiếu tập chú, suy nghĩ (1 Phi-e-rơ 4:7; 5:8; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:6,8; 2 Ti-mô-thê 4:5).

▣ " **đặt hi vọng hoàn toàn** " Đây là một thể mệnh lệnh chủ động bất định (aorist active imperative) vốn có nghĩa đưa ra một lựa chọn chủ ý để tin cậy một cách hoàn toàn vào sự tái lâm của Đấng Christ. "Hi vọng" trong

Tân Ước thường chỉ đến Sự Tái Lâm (Tít 2:13). Niềm hy vọng của chúng ta được đặt trên đặc tính và những hành động chắc chắn và vững vàng của Đức Chúa Trời Ba Ngôi (1 Phi-e-rơ 1:2,3-5).

▣ " vào ân điển sẽ ban cho anh em khi Đức Chúa Jêsus Christ hiện ra (Đức Chúa Jêsus Christ được bày tỏ ra cho anh em) " Đây cũng chính là cùng một ân điển mà các tiên tri Cựu Ước đã hết lòng tìm kiếm (1 Phi-e-rơ 1:10). Điều này chỉ ra cách rõ ràng niềm hy vọng của các tín đồ nơi đặc tính và những hành động của Đức Chúa Trời Ba Ngôi (1 Phi-e-rơ 1:2,3-5) và rằng ân điển Ngài sẽ được phát lộ cách trọn vẹn khi Chúa Jesus trở lại (1 Giăng 3:2). Sự cứu rỗi được mô tả bằng mọi thì động từ trong tiếng Hy Lạp. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại 1 Phi-e-rơ 1:5.

**1:14 " con cái biết vâng lời "** Đây là một thành ngữ Hê-bơ-rơ của mối quan hệ gia đình của chúng ta với Đức Chúa Cha và Chúa Jesus Đức Chúa Con (cách diễn tả theo nghĩa tiêu cực được thấy trong Ê-phê-sô 2:2; 5:6). Các tín đồ chính là những người đồng-kế-tự qua chính Ngài (Rô-ma 8:15-17). Thật đáng kinh ngạc, những tội nhân giờ đây đã trở thành gia đình của Đức Chúa Trời bởi lời mời gọi của Ngài và sự hy sinh chết thế cho chúng ta của Chúa Jesus.

**NASB, NRSV** "đừng trở nên bị biến đổi theo"  
**NKJV** "đừng biến đổi chính anh em "  
**TEV** "đừng cho phép đời sống anh em bị uốn nắn"  
**NJB** "đừng cho phép chính anh em bị uốn nắn "

Đây chính là một phân từ trung cách thì hiện tại hoặc thể bị động (present middle or passive participle) được dùng như một thể mệnh lệnh (imperative). Cũng như cách các tín đồ Tân Ước rất thường xuyên được mô tả chịu sự hành động bởi Đức Chúa Trời hoặc Đức Thánh Linh (thể bị động), nhưng có một khả năng về ngữ pháp rằng các tín đồ được kêu gọi để sống bày tỏ cách rõ ràng mối liên hệ tươi mới của họ với Đức Chúa Trời bởi quyền năng của Đức Thánh Linh (thể trung cách).

Cũng như sự cứu rỗi chính là một giao ước có điều kiện, được khởi hoạt bởi Đức Chúa Trời nhưng với một sự đáp ứng (của các tín hữu) bị bắt buộc, thì cũng như vậy đối với đời sống Cơ Đốc Nhân. Sự sống đời đời có những đặc tính có thể nhìn thấy được (1 Phi-e-rơ 1:15). Rất nhiều thuật ngữ của Phi-e-rơ dùng từ những lá thư của Phao-lô, ở đây từ Rô-ma 12:2.

▣ " theo những dục vọng lúc trước, khi anh em còn mê muội " Câu này chỉ về sự vô luân và không tin kính ngoại giáo của những tín đồ Người Ngoại trong quá khứ (1 Phi-e-rơ 4:2-3; Ê-phê-sô 4:17-19).

**1:15**  
**NASB** "nhưng giống như Đấng Thánh là Đấng đã gọi anh em "  
**NKJV** "nhưng cũng như Đấng đã gọi anh em là thánh"  
**NRSV** "thay vì vậy, như Ngài đã gọi anh em là thánh "  
**TEV** "thay vì vậy ... chỉ như Đức Chúa Trời Đấng đã gọi anh em là thánh"  
**NJB** "theo gương mẫu của Đấng Thánh là Đấng đã gọi chúng ta "

Đây là một sự nhấn mạnh vào đặc tính và sự lựa chọn toàn năng của Đức Chúa Trời (1 Phi-e-rơ 2:9; 5:10). Không có bất kỳ ai có thể đến với Đức Chúa Trời ngoại trừ đi Đức Thánh Linh và giúp họ đến (Theo Giăng 6:44,65). Đây là một phương cách thần học khác của sự khước từ sự chấp nhận thiên thượng bởi những cách biểu hiện của con người (Ê-phê-sô 2:8-9). Bài giảng của tôi về phần Kinh Thánh này được đặt tên là "Những người thánh của Đấng Thánh."

▣ " anh em cũng phải thánh " Đây là một thể mệnh lệnh bị động (biến cách) thì bất định (aorist passive (deponent) imperative). Các tín đồ được kêu gọi hướng đến sự thánh khiết. Ý định của Đức Chúa Trời luôn luôn là con cái Ngài bày tỏ đặc tính của Ngài (Tít 2:14). Mục tiêu của Cộng Đồng Cơ Đốc Giáo không phải chỉ là thiên đàng khi chúng ta qua đời, nhưng còn là sự trở nên giống như Đấng Christ ngay bây giờ (Rô-ma 8:29-30; 2 Cô-rinh-tô 3:18; 7:1; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; 2:10; 4:13; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3,7; 5:23). Nhiệm vụ của Chúa Jesus không phải chỉ là tha thứ tội lỗi, nhưng còn là phục hồi hình ảnh của Đức Chúa Trời trong

nhân loại sa ngã. Chúng ta phải luôn luôn nghi ngờ về một sự cứu rỗi mà thiếu vắng đi sự trở nên giống như Đấng Christ! Phúc âm chính là (1) một người được chào đón; (2) một lễ thật mà người đó tin vào; và (3) một đời sống trở nên giống như mà người đó phải sống (Ê-phê-sô 4:1; 5:1-2,15; 1 Giăng 1:7; 2:4-6). Hãy nhớ những lời đầy kinh ngạc của Chúa Jesus trong Ma-thi-ơ 5:20 và 48! Hãy luôn luôn cẩn thận về Cơ Đốc Giáo "có gì để cho tôi". Chúng ta được cứu để phục vụ. Chúng ta được kêu gọi cho sự thánh khiết mà không có bất kỳ từ nào là không rõ ràng. Đức Chúa Trời hãy có sự thương xót trên một hội thánh tây phương đã bị mắc bẫy của sự giảng dạy (về một "tin lành" sai trật về sự) (1) thịnh vượng; (2) vật chất; và (3) sức khỏe/giàu có!

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ THÁNH KHIẾT/ NÊN THÁNH TRONG TÂN ƯỚC

Kinh thánh Tân ước khẳng định rằng khi tội nhân quay lại với Chúa Giê-xu bằng sự ăn năn và đức tin (Mác 1:15; Công Vụ 3:16,19; 20:21), thì họ lập tức được xưng công bình và được nên thánh. Đây là vị trí mới của họ trong Đấng Christ. Sự công bình của Ngài đã được ban cho họ (Sáng 15:6; Rô-ma 4). Họ được tuyên bố là công bình và thánh sạch (hành động theo luật pháp của Đức Chúa Trời).

Nhưng Tân ước cũng khuyến khích các tín nhân phải sống thánh khiết hay là phải nên thánh. Theo phương diện thần học, đây là một địa vị có được qua công tác đã hoàn tất của Chúa Giê-xu, và cũng là một sự kêu gọi trở nên giống Đấng Christ trong thái độ và hành động trong nếp sống hằng ngày. Sự cứu rỗi là một món quà miễn phí, như vậy sự nên thánh là một lối sống phải chịu mất mát nhiều điều (phải trả giá).

#### Đáp ứng ban đầu

Công-vụ 20:23; 26:18

Rô-ma 15:16

I Cô-rinh-tô 1:2-3; 6:11

II Tê-sa-lô-ni-ca 2:13

Hê-bơ-rơ 2:11; 10:10,14; 13:12

I Phi-e-rơ 1:1

#### Tiến trình giống với Đấng Christ

Rô-ma 6:19

II Cô-rinh-tô 7:1

Ê-phê-sô 1:4; 2:10

I Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3-4,7; 5:2

I Ti-mô-thê 2:15

II Ti-mô-thê 2:21

Hê-bơ-rơ 12:14

I Phi-e-rơ 1:15-16

▣ " **trong mọi cách ăn nết ở của mình** " Hãy chú ý sự nhấn mạnh về yếu tố "mọi." Sự thách thức không phải là sự công chính được lựa chọn, nhưng là sự thánh khiết lan tỏa khắp mọi lĩnh vực (1 Giăng 3:3).

**1:16 " vì có lời chép: "Các con phải thánh, vì Ta là thánh "** " "chép" ở đây ở thể chỉ định thụ động hoàn thành (perfect passive indicative), vốn là một thành ngữ chỉ về Lời Chúa được dùng cách thường xuyên bởi Chúa Jesus, nhưng chỉ duy nhất ở đây trong sách Phi-e-rơ. Đây là một phần trích trong Lê-vi Ký 11:44-45; 19:2; 20:7,26. Đây không phải là một yêu cầu mới, nhưng là một yêu cầu được lặp lại (theo Ma-thi-ơ 5:48). Sự thánh khiết trong nghĩa Cựu Ước không phải là tình trạng không phạm tội, nhưng là một sự biến đổi theo những yêu cầu giao ước của Đức Chúa Trời (Xuất 19:6; 22:31; Phục Truyền 14:2,21; 26:19). Tân Ước cũng có những yêu cầu giao ước vốn được sinh ra trong một sự trở nên giống như Đấng Christ (Rô-ma 8:28-29; 2 Cô-rinh-tô 3:18; 7:1; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; 4:13; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3,7; 5:23). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ THÁNH KHIẾT

#### I. Cách dùng trong Cựu ước

A. Nguồn gốc của chữ này (*kadosh*) không rõ lắm, có thể là thuộc ngôn ngữ Ca-na-an. Có thể một phần của gốc từ này (*kd*) có nghĩa là "chia ra." Đây là nguồn gốc của định nghĩa phổ thông "được biệt riêng ra (từ văn hóa Ca-na-an, Phục truyền 7:6; 14:2, 21; 26:19) để Chúa sử dụng"

B. Nó liên hệ đến sự tôn thờ các sự vật, nơi chốn, thời điểm, và con người. Nó không được sử dụng trong Sáng-thế-ký, nhưng trở nên phổ biến trong Xuất Ê-díp-tô ký, Lê-vi-ký, và Dân-số-ký.

C. Trong các sách tiên tri (đặc biệt là Ê-sai và Ô-sê), khía cạnh cá nhân trình bày trước đó, nhưng không được



nhấn mạnh, đã được đưa ra phía trước. Nó trở thành cách mô tả bản chất của Đức Chúa Trời (Ê-sai 6:3). Đức Chúa Trời thánh khiết. Danh hiệu thánh khiết đại diện cho bản chất của Ngài. Dân của Ngài, những người sẽ bày tỏ bản tính của Ngài cho một thế giới đang cần Ngài, là một dân thánh (nếu họ vâng theo giao ước trong đức tin).

1. TÍNH TỪ, BDB 872 קדוש, "thánh khiết," "thánh" được sử dụng cho
  - a. Đức Chúa Trời, Ê-sai 5:16; 6:3 (ba lần); hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Thánh
  - b. Danh Ngài, Ê-sai 40:25; 49:7; 57:15
  - c. Nơi Ngài ngự, Ê-sai 57:15
  - d. Ngày Sa-bát của Ngài, Ê-sai 58:13
2. ĐỘNG TỪ, BDB 872 קדש, "được biệt riêng ra," "biệt riêng ra thánh"
  - a. đặc tính của Đức Chúa Trời, Ê-sai 5:16; 29:23
  - b. Đức Chúa Trời, Ê-sai 8:13; 65:5
  - c. Những thiên sứ của Đức Chúa Trời, Ê-sai 13:3
  - d. Danh của Đức Chúa Trời, Ê-sai 29:23
  - e. Kỳ lễ, Ê-sai 30:29
  - f. Những người được biệt riêng ra thánh, Ê-sai 66:17
3. DANH TỪ, BDB 871 קדוש, "sự biệt riêng ra," "sự biệt riêng ra thánh"
  - a. hạt giống thánh, Ê-sai 6:13
  - b. núi thánh, Ê-sai 11:9; 27:13; 56:7; 57:13; 65:11,25; 66:20
  - c. sự biệt riêng ra, Ê-sai 23:18
  - d. con đường thánh, Ê-sai 35:8
  - e. đền thánh, Ê-sai 43:28; 62:9; 64:11
  - f. thành thánh, Ê-sai 48:2; 52:1
  - g. Đấng Thánh, Ê-sai 49:7 (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đấng Thánh)
  - h. Cánh tay thánh, Ê-sai 52:10
  - i. Ngày thánh, Ê-sai 58:13
  - j. Dân thánh, Ê-sai 62:12
  - k. Thánh Linh, Ê-sai 63:10,11
  - l. Ngai thánh, Ê-sai 63:15
  - m. Nơi thánh, Ê-sai 63:18
  - n. Những thành thánh, Ê-sai 64:10

D. Lòng thương xót và tình yêu của Đức Chúa Trời không thể tách rời khỏi quan điểm thần học về sự giao ước, công bình, và các bản tính quan trọng. Tại đây có sự giằng co trong Đức Chúa Trời đối với con người bất khiết, sa ngã và chống nghịch. Có một bài viết thú vị về mối liên hệ giữa một Đức Chúa Trời "đầy thương xót" và một Đức Chúa Trời "thánh khiết" của Robert B. Girdlestone, *Synonyms of the Old Testament*, trang 112-113.

## II. Cách dùng trong Tân ước

- A. Các trước giả trong Tân ước là những tư tưởng gia Hê-bơ-rơ (ngoại trừ Lu-ca), nhưng bị ảnh hưởng bởi lối văn thông dụng của Hy-lạp Koine (bản LXX). Chính bản dịch Hy-lạp của Cựu ước chi phối từ ngữ của họ, chứ không phải văn chương cổ điển, tư tưởng hay tôn giáo Hy-lạp.
- B. Chúa Jêsus thánh khiết vì Ngài từ Đức Chúa Trời, giống Đức Chúa Trời, và là Đức Chúa Trời (Lu-ca 1:35; 4:34; Công-vụ 3:14; 4:27,30). Ngài là Đấng công bình và thánh khiết (Công-vụ 3:14; 22:14). Chúa Jêsus thánh khiết vì Ngài không có tội (Giăng 8:46; II Cô-rinh-tô 5:21; Hê-bơ-rơ 4:15; 7:26; I Phi-e-rơ 1:19; 2:22; I Giăng 3:5).
- C. Bởi vì Đức Chúa Trời thánh khiết, con cái Ngài cũng phải thánh khiết (Lê-vi-ký 11:44-45; 19:2; 20:7, 26; Ma-thi-ơ 5:48; I Phi-e-rơ 1:16). Bởi vì Chúa Jêsus thánh khiết, những người theo Ngài cũng phải thánh khiết (Rô-ma 8:28-29; II Cô-rinh-tô 3:18; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; I Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3; I Phi-e-rơ 1:15). Cơ đốc nhân được cứu để phục vụ giống Đấng Christ (sự thánh khiết).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1 PHI-E-RÔ 1:17-21**

<sup>17</sup> Nếu anh em xưng Ngài là Cha, Đấng không thiên vị và phán xét mỗi người theo công việc họ làm, thì hãy đem lòng kính sợ mà sống trong thời kỳ ở trọ này. <sup>18</sup> Vì anh em biết rằng không phải nhờ vào những vật dễ hư hoại như bạc hoặc vàng mà anh em được chuộc khỏi lối sống phù phiếm từ tổ tiên mình truyền lại, <sup>19</sup> nhưng bởi huyết báu của Đấng Christ, như huyết của chiên con không khuyết tật, không tì vết, <sup>20</sup> đã được định sẵn trước khi tạo dựng vũ trụ, nhưng vì anh em mà được bày tỏ vào thời kỳ cuối cùng này. <sup>21</sup> Nhờ Ngài mà anh em tin vào Đức Chúa Trời, là Đấng đã khiến Ngài sống lại từ cõi chết và ban cho Ngài vinh quang, để đức tin và hi vọng của anh em được đặt nơi Đức Chúa Trời.

**1:17 "nếu"** Đây là một câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence) vốn được xem là đúng từ quan điểm của tác giả hoặc những mục đích văn học của ông.

▣ **" anh em xưng Ngài là Cha "** Đây là một thể chỉ định trung cách thì hiện tại (present middle indicative) (Ô-sê 11:1-3; Giê-rê-mi 3:19), ngụ ý rằng các tín đồ sẽ tiếp tục gọi YHWH với những thuật ngữ gia đình (Rô-ma 8:15; Ga-la-ti 4:6) như Chúa Jesus đã dạy họ (theo Ma-thi-ơ 6:9). Hãy xem CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐỨC CHÚA CHA tại Mác 13:32.

▣ **" Đấng không thiên vị và phán xét "** Đức Chúa Trời sẽ gọi vào chức vụ không chỉ những kẻ chưa bao giờ biết Ngài, những cũng cả những kẻ công bố rằng mình biết Ngài (1 Phi-e-rơ 4:5,17-18; Rô-ma 14:12; 2 Cô-rinh-tô 5:10). Những ai được ban cho nhiều, sẽ bị đòi hỏi nhiều (theo Lu-ca 12:48)!

Nếu chúng ta gọi Ngài là Cha, thì chúng ta cũng cần phải bày tỏ những đặc tính gia đình, cũng như Con trưởng nam! Cha chúng ta, Đấng Thánh, là quan án không thiên vị (Phục Truyền 10:17; 2 Sử Ký 19:7; Công Vụ 10:34; Rô-ma 2:11; Ga-la-ti 2:6; Ê-phê-sô 6:9; Cô-lô-se 3:25; 1 Phi-e-rơ 1:17).

Con người có một sự lựa chọn (Phục Truyền 30:15-20; Giô-suê 24:15; Ê-xê-chi-ên 18:30-32) qua cách họ liên hệ như thế nào với Đức Chúa Trời. Ngài có thể là một Cha yêu thương nếu họ tin vào Đấng Christ (Theo Giảng 1:12; Rô-ma 10:9-13) hoặc Ngài cũng có thể là một quan án thánh khiết nếu họ nương dựa nơi chính công trạng hoặc biểu hiện của những nghi lễ, luật lệ và nghi thức, tiến trình tôn giáo của chính mình (theo Ma-thi-ơ 25:31-46; Cô-lô-se 2:20-23). Bạn sẽ muốn sự thương xót hay công lý?

Thuật ngữ "không thiên vị" phản ánh một thành ngữ Cựu Ước, "ngược mặt lên." Các quan án không nên bị ảnh hưởng bởi người bị cáo buộc (phạm tội) là ai, thay vì đó nên bởi những hành động của họ.

▣ **" theo công việc họ làm "** Đây là một vũ trụ theo luân lý đạo đức. Đức Chúa Trời chính là Đấng Đoán Xét. Con người sẽ phải giải trình trước mặt Đức Chúa Trời về món quà của sự sống (theo Ma-thi-ơ 25:31-46; 2 Cô-rinh-tô 5:10; Khải Huyền 20:11-15). Tất cả chúng ta là những tội tở và chúng ta sẽ phải gạt những gì chúng ta đã gieo (Gióp 34:11; Thi 28:4; 62:12; Châm 12:14; 24:12; Ê-sai 3:10-11; Giê-rê-mi 17:10; Ô-sê 4:9; Ma-thi-ơ 16:27; 25:31-46; Rô-ma 2:6; 1 Cô-rinh-tô 3:8; Ga-la-ti 6:7; Cô-lô-se 3:25; Khải Huyền 2:23; 20:12-13; 22:12).

▣ **" hãy đem lòng kính sợ mà sống "** Có một sự kính trọng thích đáng tùy thuộc vào một Đức Chúa Trời thánh khiết (2 Cô-rinh-tô 5:21). Sự kính trọng đó chính là con cái Ngài sống một đời sống tin kính (giống với Đức Chúa Trời), biết rằng họ sẽ cần giải trình với Đức Chúa Trời về món quà sự sống và phúc âm.

▣ **" trong thời kỳ ở trọ (trên đất) này "** Câu này chỉ về sự lưu trú tạm thời trên một vùng đất ngoại quốc (1 Phi-e-rơ 1:1; 2:11; Hê-bơ-rơ 11:9-10). Thế giới này không phải là nhà của chúng ta!

**1:18 " biết "** Kiến thức về những điều Đấng Christ đã làm thay cho chúng ta khiến chúng ta phải sống một đời sống của sự vâng phục giống như Đấng Christ.

Những nhà giải nghĩa Kinh Thánh tự hỏi cách sử dụng của sách Phi-e-rơ trong những bài tín điều, thánh ca, hoặc nghi lễ của hội thánh đầu tiên. 1 Phi-e-rơ 1:18-21 và 2:21-25 cho thấy những dấu hiệu của cấu trúc thơ ca. Phao-lô cũng sử dụng những tài liệu mang tính chất tín điều, thánh ca, nghi lễ hoặc thậm chí là thể loại văn học dạy dỗ giáo lý theo kiểu vấn đáp (Ê-phê-sô 5:19; Phi-líp 2:6-11; Cô-lô-se 1:15-16; 3:15-20; 1 Ti-mô-thê 3:16; 2 Ti-mô-thê 2:11-13).

▣ **" chuộc "** Từ "chuộc" phản ánh một thuật ngữ Cựu Ước "mua lại một người nào đó" từ trong sự nghèo túng hoặc nô lệ. Có hai thuật ngữ Hê-bơ-rơ (của chuộc, chuộc). Một điểm có nghĩa rộng được thêm vào của "được

mua lại bởi một người bà con (họ hàng) gần" (*go'el*, người họ hàng có quyền chuộc, Ru-tơ 4:1,3,6,8,14). Chúa Jesus chính là người họ hàng gần là Đấng đã mua sự cứu rỗi của chúng ta với chính mạng sống của Ngài (Ê-sai 53; Mác 10:45; 2 Cô-rinh-tô 5:21). Hãy xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CỬA CHUỘC/ CHUỘC MUA tại Mác 10:45.

NASB, NJB	"từ cách sống phù phiếm của anh em "
NKJV	"từ lối sống vô nghĩa, không có mục đích của anh em "
NRSV	"từ những cách phù phiếm "
TEV	"từ những cách sống vô giá trị của cuộc đời "

Có hai cách giải nghĩa cụm từ này.

1. Nó chỉ đến truyền thống Cựu Ước (Ê-sai 29:13; Ma-thi-ơ 15:1-20; Mác 7:1-23) và phản ánh lại thuật ngữ Hê-bơ-rơ "hư không," "trống rỗng" hoặc "mờ mịt" (Giê-rê-mi 2:5; Xa-cha-ri 10:2). Cụm từ tiếp theo ngụ ý về hệ thống sinh tế Cựu Ước. Nếu như vậy, thì Phi-e-rơ đang nói với những tín đồ Do Thái.
2. Nó chỉ đến 1 Phi-e-rơ 1:14 và trải nghiệm quá khứ vô luân, ngoại giáo của những tín đồ Người Ngoại. Để biết về nghĩa cơ bản của thuật ngữ này hãy xem Công Vụ 14:15; 1 Cô-rinh-tô 15:17; Tít 3:9 và Gia-cơ 1:26.

**1:19 " bởi huyết báu ... như huyết của chiên con "** Cụm từ này ngụ ý chỉ về hệ thống sinh tế của người Y-sơ-ra-ên (Lê-vi Ký 1- 7). Đức Chúa Trời một cách ân điển cho phép nhân loại sa ngã đền với Ngài bởi những phương cách của sự dâng sinh tế. Tội lỗi lấy đi một mạng sống. Sự sống ở trong huyết (Lê-vi Ký 18:11,14). Đức Chúa Trời cho phép sự thay thế bằng sự sống của một con vật. Giảng Báp-tít gọi Chúa Jesus là "Chiên Con của Đức Chúa Trời Đấng cất tội lỗi của thế gian đi " (Theo Giảng 1:29). Chúa Jesus nói tiên tri về sự chết (Ê-sai 53:7-8) giải quyết với tội lỗi của toàn bộ thế gian (Theo Giảng 3:16,17; 4:42; 1 Giảng 2:2; 4:14).

▣ "**không khuyết tật, không tù vết** " Đây là những ẩn dụ dâng sinh tế Cựu Ước cho một con vật được chấp nhận cho sự dâng sinh tế (Lê-vi Ký 22:19-20), nhưng ở đây chúng chỉ về sự vô tội của Chúa Jesus (Theo Giảng 8:46; 14:30; Lu-ca 23:41; 2 Cô-rinh-tô 5:21; Hê-bơ-rơ 4:15; 7:26-27; 1 Phi-e-rơ 2:22, 3:18, 1 Giảng 3:5). Ngài đã là một sinh tế thánh khiết, được chấp nhận.

**1:20 " đã được định sẵn (Vì Ngài đã biết trước (định trước)) "** Đây là một phân từ thụ động hoàn thành (perfect passive participle). Hành động cứu chuộc Đức Chúa Trời được mô tả bởi chính thuật ngữ này trong 1 Phi-e-rơ 1:2. Sự chết của Đấng Christ không phải là một suy nghĩ đi theo sau (tình huống) (theo Sáng Thế Ký 3:15; Thi 22; Ê-sai 53; Mác 10:45; Công Vụ 2:23; 3:18; 4:28; 13:29). Chúa Jesus đã đến để chết!

▣ "**trước khi tạo dựng vũ trụ** " Cụm từ này được sử dụng một vài lần trong Tân Ước. Nó nói về hoạt động trước sự sáng tạo của Đức Chúa Trời cho một sự cứu chuộc dành cho nhân loại (theo Ma-thi-ơ 25:34; Giảng 17:24; Ê-phê-sô 1:4; 1 Phi-e-rơ 1:19-20; Khải Huyền 13:8). Điều này cũng ngụ ý về sự tồn-tại-từ-trước của Chúa Jesus (Theo Giảng 1:1-2, 8:57-58; 2 Cô-rinh-tô 8:9; Phi-líp 2:6-7; Cô-lô-se 1:17; Khải Huyền 13:8).

▣ "**mà được bày tỏ** " Đây là một phân từ bị động thì bất định (aorist passive participle) vốn có nghĩa là "Đức Chúa Trời đã khiến Ngài được bày tỏ cách rõ ràng " (Hê-bơ-rơ 9:26; 1 Giảng 1:2; 3:5,8).

▣ "**vào thời kỳ cuối cùng này** " Cụm từ này chỉ về sự nhập thể của Chúa Jesus tại Bết-lê-hem. Ngài đã hiện hữu như Đấng Thánh từ trong toàn cõi đời đời, nhưng được bày tỏ cách rõ ràng trong hình thể loài người tại Bết-lê-hem dựa theo lời tiên tri (Mi-chê 5:2).

Thời kỳ cuối cùng này bắt đầu với sự giáng sinh của Chúa Jesus cũng như Ngài đã khởi đầu Vương Quốc. Chúng sẽ được kết thúc tại Làn Đèn Thứ Hai (Sự Tái Lâm). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đời này và Đời Sẽ Đến tại 1 Phi-e-rơ 1:5.

▣ "**Nhờ Ngài mà anh em tin vào Đức Chúa Trời** " Câu này nguyên văn là "những kẻ ... tin." Tính từ *pistos* Được sử dụng như một danh từ ( "những kẻ tin").

Bối cảnh từ nguyên học của thuật ngữ tin (từ Hê-bơ-rơ *emeth*, từ Hy Lạp, *pistis*) giúp thiết lập ý nghĩa theo văn mạch. Trong tiếng Hê-bơ-rơ, nó nguyên gốc chỉ về một người trong một tư thế vững vàng. Từ đó, nó trở thành cách sử dụng theo nghĩa bóng cho một người nào đó phụ thuộc, trung thành, và đáng tin cậy. Từ tương

đương trong tiếng Hy Lạp được dịch sang tiếng Anh qua các thuật ngữ "faith (đức tin)," "believe (tin)," và "trust (tin cậy)." Đức tin hoặc tin cậy theo Kinh Thánh khởi nguyên không phải là một điều gì đó chúng ta làm, nhưng một ai đó chúng ta đặt sự tin cậy của chúng ta vào. Nó chính là sự đáng tin cậy của Đức Chúa Trời, không phải của chúng ta, mới chính là điều cần tập chú. Nhân loại sa ngã tin cậy vào sự đáng tin cậy của Đức Chúa Trời, đặt đức tin nơi sự thành tín của Ngài, tin cậy vào Đấng Yêu Dấu của Ngài. Sự tập chú ở đây không phải ở sự dồi dào hoặc mạnh mẽ của đức tin của con người, nhưng là mục tiêu của đức tin đó.

**1:21 " Đấng đã khiến Ngài sống lại từ cõi chết "** Câu này chỉ về sự chấp thuận của Đức Chúa Trời về sự sống và sự chết của Chúa Jesus. Đây là một chủ đề thường xuyên của Phi-e-rơ (Công Vụ 2:24-28,32, 3:15,26; 4:10; 5:30; 10:40; 1 Phi-e-rơ 1:13, 3:18,21, và Phao-lô, Công Vụ 13:30,33,34,37; 17:31; Rô-ma 4:24, 8:11; 10:9; 2 Cô-rinh-tô 4:14). Đây là một sự ân chứng về sự chấp thuận của Đức Chúa Cha về sự chết thể của Đức Chúa Con (1 Cô-rinh-tô 15). Về mặt thần học cả ba ngôi của Đức Chúa Trời Ba Ngôi đều hành động trong sự sống lại của Đấng Christ.

1. Đức Chúa Cha (Công Vụ 2:24; 3:15; 4:10; 5:30; 10:40; 13:30,33,34; 17:31)
2. Đức Thánh Linh (Rô-ma 8:11)
3. Đức Chúa Con (Giăng 2:19-22; 10:17-18)

▣ **"và ban cho Ngài vinh quang"** Trong văn mạch này sự chấp nhận và chấp thuận của Cha về những lời và công việc của Con được bày tỏ trong hai sự kiện lớn.

1. Sự sống lại của Đức Chúa Jesus từ cõi chết
  2. Sự thăng thiên của Đức Chúa Jesus ngồi bên phải của Đức Chúa Cha
- Hãy xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ VINH HIỂN (*DOXA*) tại Mác 10:37b.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1 PHI-E-RƠ 1:22-25**

<sup>22</sup> Nhờ vâng phục chân lý, anh em đã thanh tẩy linh hồn mình để có được tình huynh đệ chân thành. Hãy hết lòng yêu thương nhau tha thiết. <sup>23</sup> Anh em đã được tái sinh, không phải bởi hạt giống dễ hư hoại, nhưng bởi hạt giống không hề hư hoại, đó là lời hằng sống và bền vững của Đức Chúa Trời. <sup>24</sup> Vì,

“Mọi xác thịt giống như cỏ,  
Và mọi vinh quang của nó giống như hoa cỏ.

Cỏ khô, hoa rụng,

<sup>25</sup> Nhưng lời Chúa tồn tại đời đời.”

Lời đó là Tin Lành đã được công bố cho anh em.

**1:22 " Nhờ vâng phục "** Sự vâng phục là một chủ đề thường xuyên trong đoạn 1 (1 Phi-e-rơ 1:2,14,22). Nó chỉ về việc tiếp nhận phúc âm (lẽ thật, Theo Giăng 17:17; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:12) và bước đi theo nó. Hãy nhớ rằng phúc âm chính là (1) một người; (2) lẽ thật về người đó; và (3) một đời sống giống như người đó. Chúa Jesus mô tả tầm quan trọng của sự vâng phục thật rõ ràng trong Lu-ca 6:46. Sự vâng phục chính là bằng chứng rằng chúng ta đã thật sự gặp Ngài và được biến đổi bởi Ngài. Sự sống đời đời có những đặc điểm có thể quan sát được.

▣ **" chân lý (trong bản tiếng Anh) "** Nguyên văn là "nhờ vâng phục chân lý, (giống bản tiếng Việt)" vốn là một sở hữu cách mục đích (objective genitive). Lẽ thật là đặc tính của cả Đức Chúa Trời và con cái Ngài. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Lẽ thật tại 2 Phi-e-rơ 1:12.

▣ **" thanh tẩy linh hồn mình "** Đây là một phân từ chủ động hoàn thành (perfect active participle). Sự vâng phục lẽ thật sản sinh ra một sự thanh tẩy cá nhân (Gia-cơ 4:8; 1 Giăng 3:3). Sự thanh tẩy thuộc linh này không mua được tình yêu và sự chấp nhận của Đức Chúa Trời, nhưng thay vì đó phản chiếu nó. Tiến trình thanh tẩy này bắt đầu từ sự cứu rỗi và tiếp tục xuyên suốt trong đời sống (phân từ chủ động hoàn thành (perfect active participle)). Nó sinh ra kết quả trong một tình yêu thương anh em chân thành (1 Giăng 4:7-21). Cơ Đốc Giáo là cả (1) một sự đáp ứng đức tin cách cá nhân với sự mời gọi ban sự cứu rỗi qua Đấng Christ và (2) một trải nghiệm tập thể của sự phục vụ thân thể của Đấng Christ (1 Cô-rinh-tô 12:7). Các tín đồ bày tỏ tình yêu của họ dành cho Đức Chúa Trời bằng cách yêu thương những con cái khác của Ngài (Rô-ma 14:1-15:13). Hãy xem bài viết đầy đủ hơn về "những linh hồn" tại 1 Phi-e-rơ 1:9.

▣ " **tình huynh đệ chân thành. Hãy hết lòng yêu thương nhau tha thiết** " Lần dùng từ "tình yêu" thứ nhất trong cụm từ này chính là trong từ ghép Hy Lạp *philadelphī* (tình (yêu) huynh đệ). Lần thứ hai trong một thể mệnh lệnh chủ động bất định (aorist active imperative) của động từ *agapaō*.

Những thuật ngữ này (*phileō* và *agapaō*) vốn được sử dụng có thể thay thế cho nhau trong Tân Ước (trong Giăng 5:20 và 3:25 cũng như 16:27 và 17:23). Trong một vài phần Kinh Thánh như trong Giăng 21:15-17, chúng có thể truyền tải những khía cạnh khác nhau của tình yêu. Hội thánh đầu tiên đã lấy một danh từ liên quan chưa bao giờ được sử dụng trước đó (*agapē*) và bắt đầu sử dụng nó để mô tả về tình yêu phó dâng chính mình độc nhất của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ.

**1:23 "(bởi vì) anh em đã được tái sinh** " This is a phân từ thụ động hoàn thành (perfect passive participle). Câu này phát triển một ý tưởng thần học từ 1 Phi-e-rơ 1:3. Nó là một ẩn dụ mang tính chất gia đình được sử dụng để chỉ về những Cơ Đốc Nhân là những thành viên mới của gia đình Đức Chúa Trời thông qua đức tin của học nơi Đấng Christ (Theo Giăng 1:12-13). Nó tương tự với ý nghĩa của cụm từ của Giăng "được sanh từ trên cao" trong Giăng 3:3.

Chú ý lẽ thật vĩ đại được truyền tải trong động từ.

1. Thì hoàn thành = sự cứu rỗi của chúng ta đã bắt đầu trong quá khứ và tiếp tục bước vào trong giai đoạn tình trạng hiện thời
2. Thể bị động = chúng ta không tự cứu chính mình, nó chính là một hành động từ bên ngoài bởi chính Đức Chúa Trời Ba Ngôi
3. Cùng một hình thái động từ (một từ khác trong tiếng Hy Lạp) được tìm thấy trong Ê-phê-sô 2:5,8, vốn cũng là một động từ tuyệt vời trên sự đảm bảo và an ninh dành cho các tín đồ.

▣ " **không phải bởi hạt giống để hư hoại** " Hạt giống là một ẩn dụ trong Kinh Thánh dùng cho (1) trước sự sáng tạo (được sử dụng bởi các ra-bi Do Thái cho tinh dịch) hoặc (2) dòng dõi thuộc thể (Sáng 12:1-3 dùng cho các hậu tự của Áp-ra-ham). Đây chính là điều đã đem đến sự sống.

▣ " **là lời hằng sống và bền vững của Đức Chúa Trời** " Phúc âm được rao giảng được nhân cách hóa như là những phương tiện mà bởi đó Cha đã mang đến cho các tín đồ (Gia-cơ 1:18). Sự rao giảng lẽ thật của Phúc Âm bởi Các Sứ Đồ được mô tả cả như là sự hằng sống và tồn tại vững bền (Hê-bơ-rơ 4:12), vốn là cả hai khía cạnh của YHWH!

**1:24** Những câu 24-25a chính là một phần trích dẫn từ trong bản LXX của Ê-sai 40:6-8 (Gióp 14:1-2; Thi 90:5-6, 103:15-17) vốn cũng nhấn mạnh về sự mong manh dễ vỡ và hữu hạn của đời sống con người (Gia-cơ 1:10-11) đối lập với sự đời đời của Lời của Đức Chúa Trời (Gia-cơ 1:21). Trong văn mạch nguyên gốc của những câu này chỉ về Y-sơ-ra-ên, nhưng giờ đây chúng chỉ về hội thánh (1 Phi-e-rơ 2:5,9). Sự chuyển tải này chính là đặc điểm của 1 Phi-e-rơ.

**1:25 " lời Chúa "** Có hai từ Hy Lạp thường được dịch là "lời" hoặc "thông điệp." Trong tiếng Hy Lạp Koine *logos* (Theo Giăng 1:1; 1 Phi-e-rơ 1:23) và *rēma* (phần trích Cựu Ước từ trong bản Bản Bảy Mươi (Septuagint) trong 1 Phi-e-rơ 1:25a và ngụ ý đến trong 1 Phi-e-rơ 1:25b) thường là những từ đồng nghĩa. Văn mạch, chú không phải thuật ngữ, từ vựng.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1 PHI-E-RƠ 2:1-3**

**<sup>1</sup> Vậy, anh em hãy từ bỏ mọi điều độc ác, xảo trá, đạo đức giả, ghen tị và mọi chuyện vu cáo. <sup>2</sup> Anh em hãy khao khát sữa thiêng liêng thuần khiết như trẻ sơ sinh, để nhờ đó anh em được lớn lên trong sự cứu rỗi, <sup>3</sup> nếu anh em đã nếm biết Chúa là ngọt ngào.**

**2:1 " Vậy "** Từ này chỉ ra rằng những sự thảo luận theo sau đó dựa trên những gì đã được đề cập.

▣ " **từ bỏ** " Đây là một phân từ trung cách thì bất định (aorist middle participle) vốn nguyên văn chỉ về "sự cởi bỏ" cách cá nhân. Sự cởi bỏ quần áo chính là một ẩn dụ phổ biến trong Kinh Thánh mô tả về đời sống thuộc linh (Gióp 29:14; Thi Thiên 109; 29; Ê-sai 61:10; Rô-ma 13:12; Ê-phê-sô 4:22,25,31; Cô-lô-se 3:8; Hê-bơ-rơ 12:1).

Chú ý thể trung cách, vốn nhấn mạnh hành động của chủ ngữ. Các tín đồ cần phải từ bỏ (cởi bỏ) điều ác một lần và cho tất cả. Đây là khả năng duy nhất bởi vì sự trình bày thần học trước đó về công việc của Đức Chúa Trời Ba Ngôi (1 Phi-e-rơ 1:2). Nhân loại sa ngã không có khả năng quay bỏ khỏi tội lỗi và điều ác mà không có sự giúp đỡ, nhưng Đức Chúa Trời trong Đấng Christ bởi Đức Thánh Linh đã khiến cho các tín đồ có khả năng để quay lại cách hoàn toàn với Đức Chúa Trời (Rô-ma 6). Bi kịch chính là các tín đồ vẫn tiếp tục từ bỏ quyền năng được ban cho bởi Đức Chúa Trời này và lựa chọn quay lại với điều ác Rô-ma 7).

▣ " **mọi điều độc ác** " Cụm từ này chỉ về "ác tâm có chủ ý" ( Rô-ma 1:29; 1 Cô-rinh-tô 5:8; 14:20; Ê-phê-sô 4:31; Cô-lô-se 3:8; Tít 3:3; 1 Phi-e-rơ 2:16). Những danh sách của những sự đòi bại rất phổ biến trong thế giới La Mã (Stoics) và trong Tân Ước (theo Mác 7:21- 27; Rô-ma 1:29-31; 13:13; 1 Cô-rinh-tô 5:10; 6:9-10; 2 Cô-rinh-tô 12:2; Ga-la-ti 5:19-20; Ê-phê-sô 4:31; Cô-lô-se 3:8; 1 Ti-mô-thê 1:9-10; 2 Phi-e-rơ 2:10-14; Khải Huyền 21:8, 22:15).

▣ " **mọi điều ...xảo trá** " Thuật ngữ được sử dụng của "mỗi câu cá." Nó mô tả một sự cố gắng để gài bẫy một kẻ khác bằng những phương cách lừa đảo (1 Cô-rinh-tô 12:16; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:3; 1 Phi-e-rơ 2:1,22; 3:10).

▣ " **mọi điều ... đạo đức giả** " Cụm từ này nguyên văn là "phán xử theo." Nó chính là một từ ngữ sân khấu được dùng cho những diễn viên đang nói dưới lớp mặt nạ.

▣ " **mọi điều ... ghen tỵ** " Đây là một sự ghen tỵ gây ra bởi sự khao khát có một điều gì đó mà một người khác sở hữu (theo Ma-thi-ơ 27:18; Mác 15:10; Rô-ma 1:29; Phi-líp 1:15; 1 Ti-mô-thê 6:4; Tít 3:3; Gia-cơ 4:5).

▣ " **mọi chuyện vu cáo (nói hành)** " Cụm từ này chỉ về sự nói cách xấu xa, gian ác về một người khác, để làm mất danh dự của họ (Rô-ma 1:30; 2 Cô-rinh-tô 12:20; 1 Phi-e-rơ 2:1,12; 3:16). Loại hành động này được sử dụng trong cả Cựu Ước và Tân Ước để mô tả về Sa-tan. Rõ ràng bởi cách đề cập đến chính điều này chỉ ra rằng nó cũng là một vấn đề trong những hội thánh đầu tiên là những người đã trải nghiệm qua sự bất bớ ấy.

**2:2 " như trẻ sơ sinh "** Cụm từ này có lẽ liên hệ với sự khuyến cáo của Chúa Jesus dành cho các môn đồ Ngài cần phải có đức tin giống như một đứa trẻ nhỏ (theo Ma-thi-ơ 18:từ câu 3). Nó cũng liên hệ đến ẩn dụ mang tính chất gia đình trước đó của sự tái sinh (1 Phi-e-rơ 1:3,23; Giăng 3:3).

Trong 1 Phi-e-rơ 2, Phi-e-rơ sử dụng một vài ẩn dụ để mô tả về những tín hữu.

1. Những trẻ bé sơ sinh, 1 Phi-e-rơ 2:1
2. Những viên đá sống hình thành nên căn nhà thuộc linh, 1 Phi-e-rơ 2:5
3. Một chức vụ thầy tế lễ, 1 Phi-e-rơ 2:5,9
4. Một dân, 1 Phi-e-rơ 2:9-10
5. Người ngoại quốc, (kẻ lạ mặt (bản tiếng Anh)), 1 Phi-e-rơ 2:11
6. Chiên, 1 Phi-e-rơ 2:25

▣ " **hãy khao khát** " Đây là một thể mệnh lệnh chủ động bắt định (aorist active imperative). Đây là một từ rất mạnh dùng cho sự thèm muốn (Phi-líp 1:8; 2:26). Sự tăng trưởng thuộc linh và sự trưởng thành không phải là tự nhiên mà có cách tự động trong đời sống Cơ Đốc. Tinh thần cốt lõi của mạng lệnh này có thể được thấy trong Thi 42:1-4 và Ma-thi-ơ 5:6.

▣ " **thuần khiết** " Đây là một thuật ngữ được lấy từ ngành chế biến rượu ở thế kỷ thứ nhất. Nó chính là thuật ngữ *dolon* (xảo trá, 1 Phi-e-rơ 1:1) đi với tiểu từ phụ định alpha. Rượu thường được trộn với nước, đặc biệt là rượu lâu ngày. Thường các thương nhân cố gắng để bán rượu pha với nước hoặc rượu loãng. Vì vậy, từ này được dùng với nghĩa bóng rằng nó "không pha lẫn" hoặc "nguyên chất."

Nắm lấy ẩn dụ theo văn mạch về những Cơ Đốc Nhân trẻ sơ sinh, từ này chỉ về sự nuôi dưỡng cần thiết cho những em bé, nguồn sữa. Những người này được cứu bởi lời của Đức Chúa Trời (1 Phi-e-rơ 1:23); giờ đây họ cần phát triển trong lời của Đức Chúa Trời. Đây là kết quả được trông đợi và yêu cầu của sự tái sinh tươi mới. Ôi, bi kịch của những tín đồ vẫn y nguyên là những em bé Cơ Đốc.

▣ " **sữa** " Tertullian trao cho "tân tín hữu" sữa và mật ong sau lễ báp-tem của họ như một biểu tượng cho đời sống mới của họ trong Đấng Christ dựa trên chính những phần Kinh Thánh này. Chúng ta cần lẽ thật của Đức

Chúa Trời, vốn được bày tỏ trong Đấng Christ và sự giảng dạy của Các Sứ Đồ một cách liên tục (Hê-bơ-rơ 5:12).

**NASB, NKJV** "của đời này"  
**NRSV, TEV, NJB** "thuộc linh"

Đây là một thuật ngữ triết học *logikos* cũng như trong Rô-ma 12:1. Nó có thể chỉ đến nguyên nhân thuộc về tâm trí (theo bản NASB, NKJV) hoặc theo nghĩa vóng về thuộc linh (theo bản NRSV, TEV, NJB). Nó rõ ràng liên hệ đến nhu cầu của các tín hữu cho một sự giảng giải và dạy dỗ của Các Sứ Đồ (1 Phi-e-rơ 1:23-25). Các tín đồ cần phải đọc và hiểu biết Kinh Thánh.

▣ **" nhờ đó anh em được lớn lên trong sự cứu rỗi "** Đây là một thể giả định bị động thì bất định. Những sự giảng dạy của Các Sứ Đồ được nhân hóa như là những sứ giả ở thể bị động, vốn khiến cho những tín đồ tăng trưởng. Sự cứu rỗi được xem trong Tân Ước như là

1. Một quyết định trong quá khứ (thì bất định (aorist tense))
2. Một tiến trình tiếp diễn (thì hiện tại (present tense))
3. Một sự kiện trong quá khứ liên đến cực điểm trong một tình trạng hiện tại (thì hoàn thành (perfect tense))
4. Một sự kết cục chung cuộc tương lai (thì tương lai (future tense))

Văn mạch này bày tỏ rằng sự tăng trưởng thuộc linh bởi những phương cách của Đức Chúa Trời bày tỏ lẽ thật (1 Phi-e-rơ 1:23,25; 2:2) là quan trọng then chốt cho một đời sống Cơ Đốc Nhân trọn vẹn. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại 1 Phi-e-rơ 1:5.

**2:3 " nếu anh em đã nếm biết Chúa là ngọt ngào "** Đây là một câu điều kiện bậc một vốn được giả định là đúng. Các tín hữu là những người đã nếm trải ân điển của Đức Chúa Trời được trông đợi sẽ khao khát lẽ thật của Đức Chúa Trời và tăng trưởng trong lẽ thật của Ngài vào trong một sự cứu rỗi trọn vẹn và hoàn tất. Câu 3 là một sự ngụ ý chỉ đến Thi 34:8. Bài Thi Thiên chỉ đến YHWH, nhưng ở đây nó chỉ đến Chúa Jesus. Quyển sách của United Bible Societies *Handbook on the First Letter from Peter* khẳng định rằng điều này có thể chỉ đến lần dự tiệc thánh đầu tiên của một tín đồ (trang 53).

1. Một sự chơi chữ giữa lòng tốt, sự tử tế (*chrēstos*) và từ Christ (*Christos*)
2. Thi Thiên 34 được sử dụng bởi hội thánh đầu tiên trong suốt những lễ tiệc thánh
3. "nếm" (thì bất định (aorist tense)) chỉ về lần dự tiệc thánh đầu tiên (có lẽ sau phép báp-tem)

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Phi-e-rơ viết cho Người Do Thái hay cho Người Ngoại, hay là cả hai?
2. Lẽ thật trung tâm của lời cầu nguyện của Phi-e-rơ trong 1 Phi-e-rơ 1:3-9 là gì?
3. Tại sao Các Cơ Đốc Nhân lại chịu đau khổ?
4. Tại sao sự cứu rỗi của chúng ta lại được cho biết vẫn còn ở trong tương lai?
5. Các nhà tiên tri Cựu Ước đã trông đợi được biết điều gì trong 1 Phi-e-rơ 1:10-12?
6. Hãy liệt kê ra những mạng lệnh được tìm thấy trong 1 Phi-e-rơ 1:13-22.
7. Các tín đồ cần điều gì nhất?

# 1 PHI-E-RO 2:4-25

## NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Hòn Đá Sổng Và Dân Tộc Thánh	Lời Chúa Đòi Đòi (1:22-2:3)	Một sự Kêu Nài cho Sự Thánh Khiết (1:23-2:10)	Hòn Đá Sổng và Dân Tộc Thánh	Tái Sinh bởi Lời Chúa (1:22-2:3)
2:1-8	Hòn Đá Được Chọn và Dân Được Lựa Chọn của Ngài 2:4-10	2:4-8	2:1-8	Chức Vụ Thầy Tế Lễ Mới 2:4-8
2:9-10		2:9-10	2:9-10	2:9-10
Sống như Những Tội Tở của Đức Chúa Trời	Sống Trước Thế Gian	Nghĩa Vụ của Các Cơ Đốc Nhân (2:11-4:11)	Các Tội Tở Đức Chúa Trời	Nghĩa Vụ của Các Cơ Đốc Nhân: Đối với Người Không Tin
2:11-12	2:11-12 Thuận Phục Nhà Cầm Quyền	2:11-12	2:11-12	2:11-12 Nghĩa Vụ của Các Cơ Đốc Nhân: Đối với Chính Quyền
2:13-17	2:13-17	2:13-17	2:13-17	2:13-17
Tấm Gương Chịu Khổ của Đấng Christ	Thuận Phục Chủ		Tấm Gương Chịu Khổ của Đấng Christ	Nghĩa Vụ của Các Cơ Đốc Nhân: Đối với Chủ
2:18-25	2:18-25	2:18-25	2:18-25	2:18-20 2:21-25

### CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (từ tài liệu "Một sự hướng dẫn Cách Đọc Kinh Thánh tốt")

#### THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

### NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ



**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1 PHI-E-RO 2:4-8**

<sup>4</sup> **Hãy đến gần Ngài là hòn đá sống bị loại người loại ra, nhưng được Đức Chúa Trời chọn lựa và quý trọng.** <sup>5</sup> **Hãy để Ngài sử dụng anh em như những hòn đá sống mà xây nên ngôi nhà thiêng liêng, và nhờ Đức Chúa Jêsus Christ mà làm chức tế lễ thánh, để dâng sinh tế thiêng liêng, đẹp lòng Đức Chúa Trời.** <sup>6</sup>

**Vì Kinh Thánh chép:**

“**Này, Ta đặt tại Si-ôn một hòn đá,  
Hòn đá góc nhà đã được chọn lựa và quý trọng;  
Ai tin đá ấy sẽ không bị hổ thẹn.**”

<sup>7</sup> **Vậy, với anh em là người đã tin, thì Ngài là quý giá; nhưng với những kẻ không tin, thì:**

“**Hòn đá bị thợ xây loại ra  
Đã trở nên đá góc nhà,**”

<sup>8</sup> **và là**

“**Hòn đá gây cho vấp chân,  
Tảng đá làm cho vấp ngã;**”

**Họ bị vấp ngã vì không vâng giữ đạo, như đã định sẵn cho họ rồi.**

**2:4 " Hãy đến gần Ngài "** Đây là một phân từ (động tính từ) trung cách (biến cách) thì hiện tại (present middle (deponent) participle). Những bản dịch tiếng Anh NKJV, NRSV và TEV từ này như một thể mệnh lệnh. Cần chú ý sự tiến đến một cách liên tục và yếu tố cá nhân, "đến gần Ngài." Phúc âm trước tiên là một Đấng để chào đón, tin cậy và trở nên giống như Ngài. Thuật ngữ này có thể có nghĩa rộng của sự tiến đến tiếp cận với Đức Chúa Trời, giống như một thầy tế lễ hoặc một người thờ phượng (Ê-bơ-rơ 4:16; 7:25; 10:1,22; 11:6). Phi-e-ơ thay đổi ẩn dụ của ông từ sửa trong 1 Phi-e-ơ 2:2-3, thành những ẩn dụ về xây dựng trong 1 Phi-e-ơ 2:4-8 (các tín hữu như những viên đá sống và Chúa Jesus như là đá góc nhà). Đây có lẽ là một sự ngụ ý liên tục đến Thi 34:4 từ trong Bản Bảy Mươi (Septuagint).

▣ **" là hòn đá sống "** Trong Cựu Ước, sự vững bền, sức mạnh, và sự kiên nhẫn của Đức Chúa Trời thường được mô tả qua cách sử dụng phép hoán dụ của đá như một danh xưng (của Ngài) (Phục Truyền 32:4,15,18,30; Thi 18:2,31,46; 28:1; 31:3; 42:9; 71:3).

Ẩn dụ về Chúa Jesus như hòn đá được thấy trong

1. Một hòn đá bị chối bỏ (Thi 118:22)
2. Một hòn đá xây (Thi 118:22; Ê-sai 28:16)
3. Một hòn đá làm vấp chân (Ê-sai 8:14-15)
4. Một hòn đá đánh bại và chinh phục (vương quốc, (Đa-ni-ên 2:45)

Chúa Jesus sử dụng những phần Kinh Thánh này để mô tả về chính mình Ngài (theo Ma-thi-ơ 21:40; Mác 12:10; Lu-ca 20:17).

▣ **" bị loại người loại ra "** Đây là một phân từ thụ động hoàn thành (perfect passive participle). Đây có thể là một sự ngụ ý chỉ đến 1 Phi-e-ơ 2:7, vốn từ trong Thi 118:22 trong Bản Bảy Mươi (Septuagint). Hòn đá không được công nhận bởi "những thợ xây," vốn có thể chỉ đến giới lãnh đạo Do Thái, nhưng trong Phi-e-ơ nó được mở rộng cho toàn bộ những người không tin. Thuật ngữ này, từ *apo* và *dokimazō*, có nghĩa là sự thử thách, kiểm tra một ai đó hoặc một cái gì đó để tìm ra sự xác thật của nó. Người Do Thái vẫn tiếp tục chối bỏ Chúa Jesus chính là Đấng Mê-si và sự chối bỏ này đã biến thành tình trạng của một sự mù lòa thuộc linh (theo Mác 8:31; Ma-thi-ơ 6:23).

▣ **" nhưng được Đức Chúa Trời chọn lựa và quý trọng "** Đây là một sự tương phản trực tiếp với cụm từ trước đó. Từ "chọn lựa" nguyên văn là "tuyển chọn" trong nghĩa của "được định trước" (theo 1 Phi-e-ơ 1:2,20). Một Đấng Mê-si bị chối bỏ (bị đóng đinh và không được chấp nhận) đã luôn là sự lựa chọn duy nhất của Đức Chúa Trời (theo Lu-ca 22:22; Công Vụ 2:23; 3:18; 4:28; 13:29; Ê-phê-sô 1:11).

**2:5 " như những hòn đá sống "** Tân Ước sử dụng một vài ẩn dụ tập thể để bày tỏ về hội thánh.

1. Góc nho (Giăng 15:5)
2. Bầy (chiên) (Giăng 10:16)
3. Cô dâu (một gia đình, Ê-phê-sô 5:27; Khải Huyền 19:7, 21:9)

4. Một thân thể (Ê-phê-sô 1:22-23, 1 Cô-rinh-tô 12)
5. Một gia đình (Rô-ma 8:15-17; 1 Ti-mô-thê 3:15)
6. Một thành phố (Hê-bơ-rơ 11:10,16; 12:22, 13:14; Khải Huyền 2:2,10)
7. ở đây, một đền thờ (1 Cô-rinh-tô 3:9,16; 6:19)

▣ **" mà xây nên ngôi nhà thiêng liêng "** Đây có lẽ là một Dạng chỉ định thụ động thì hiện tại (present passive indicative), mặc dù trong thể nó có thể là một thể mệnh lệnh thể bị động thì hiện tại (present passive imperative). Đây là cùng một động từ được sử dụng trong Ma-thi-ơ 16:18 để mô tả hội thánh được xây dựng trên vàng đá của đức tin cá nhân (Phi-e-rơ như một ví dụ). Văn mạch toàn cảnh tiếp tục phát triển ẩn dụ trong 1 Phi-e-rơ 2:4. Chúa Jesus chính là Đền Thờ mới (Theo Giăng 2:18-22). Các tín đồ trong Đấng Christ chính là một chức vụ thầy tế lễ thật. Những Người Do Thái không tin đã bị vấp chân (1 Phi-e-rơ 2:7-8) bởi chính hòn đá mà trên đó YHWH xây dựng Đền Thờ thuộc linh của Ngài—(1) Chúa Jesus và (2) Hội Thánh (1 Ti-mô-thê 3:15). Chỉ có những kẻ đặt đức tin nơi Đấng Christ có thể thực hiện vai trò của đền thờ thuộc linh của Đức Chúa Trời, dâng lên những của lễ thuộc linh được chấp nhận (những cuộc đời thánh khiết từ bỏ chính mình, 1 Phi-e-rơ 1:14-16; Rô-ma 12:1-2).

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: GÂY DỰNG

Chữ *oikodomeo* và các dạng khác của nó thường được Phao-lô sử dụng. Nó có nghĩa là —xây một ngôi nhà theo nghĩa đen (Ma-thi-ơ 7:24), nhưng dần dần nó được sử dụng theo nghĩa bóng để chỉ:

1. Thân thể Đấng Christ, Hội thánh của Ngài, I Cô-rinh-tô 3:9; Ê-phê-sô 2:21; 4:16
2. Gây dựng
  - a. Các anh em yêu đuối, Rô-ma 15:1
  - b. Người lân cận, Rô-ma 15:2
  - c. Lẫn nhau, Ê-phê-sô 4:29; I Tê-sa-lô-ni-ca 5:11
  - d. Các thánh đồ trong chức vụ, Ê-phê-sô 4:11
3. Chúng ta gây dựng bằng cách
  - a. Yêu thương, I Cô-rinh-tô 8:1; Ê-phê-sô 4:16
  - b. Tự giới hạn sự tự do của mình, I Cô-rinh-tô 10:23-24
  - c. Tránh những suy đoán mông lung (speculations), I Ti-mô-thê 1:4
  - d. Giới hạn những người chia xẻ trong các buổi nhóm thờ phượng (người hát, người dạy, các tiên tri, những người nói tiếng lạ, và người thông giải), I Cô-rinh-tô 14:3-4, 12
4. Mọi sự nên có mục đích gây dựng
  - a. Thẩm quyền của Phao-lô, II Cô-rinh-tô 10:8; 12:19; 13:10
  - b. Các câu đúc kết trong Rô-ma 14:19 và I Cô-rinh-tô 14:26

▣ **" mà làm chức tế lễ thánh "** Phi-e-rơ đang sử dụng những danh xưng của dân sự Cựu Ước của Đức Chúa Trời, Y-sơ-ra-ên, để mô tả về hội thánh (Xuất 19:5; 1 Phi-e-rơ 2:9-10; Khải Huyền 1:6). Trong Cựu Ước, lời hứa của YHWH bởi dòng dõi của Ê-va để cứu chuộc toàn bộ nhân loại (theo Sáng Thế Ký 3:15). YHWH đã kêu gọi Áp-ram (theo Sáng Thế Ký 12:1-3) để kêu gọi một vương quốc của những thầy tế lễ (Xuất 19:5-6) để vươn đến toàn bộ thế giới (theo Sáng Thế Ký 12:3 và Xuất 19:5). Y-sơ-ra-ên đã thất bại trong nhiệm vụ này (Ê-xê-chi-ên 36:27-38). Vì thế, Đức Chúa Trời đã bổ nhiệm một dân tộc mới của đức tin (Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-38) để vươn đến toàn bộ thế giới (theo Ma-thi-ơ 28:19-20; Lu-ca 24:47, Công Vụ 1:8; 1 Phi-e-rơ 2:9).

Martin Luther đã sử dụng thẩm quyền của Kinh Thánh và lẽ thật bởi Phao-lô của sự xưng công chính nhờ ân điển bởi đức tin để chối bỏ những sự dạy dỗ truyền thống của Nhà Thờ Công Giáo. Ông đã đặt cụm từ "chức thầy tế lễ của tín đồ" (số ít). Chủ nghĩa cá nhân tây phương đã lấy khẩu hiệu này và biến nó thành một giấy phép cho sự tự do cá nhân trong đức tin và lối sống. Nhưng ý tưởng này là ý tưởng tập thể, chứ không phải cá nhân (chú ý những đại từ số nhiều trong 1 Phi-e-rơ 2:5,7,9). Nó chính là sự tập chú công-bố-phúc-âm, chứ không phải sự tập chú của tự-do-cá-nhân. Các tín đồ đã được trao nhiệm vụ truyền giáo ra toàn bộ thế giới của Y-sơ-ra-ên (Rô-ma 15:16; Hê-bơ-rơ 13:15-16). Để xem về chức thầy tế lễ trong nghĩa rằng chúng ta có thể tiến đến tiếp cận trực tiếp với Đức Chúa Trời qua Đấng Christ là đúng, nhưng đây không phải là mục đích của ản

dụ. Một thầy tế lễ đứng giữa một dân khao khát và một Đức Chúa Trời thánh khiết. Ông biện hộ, giúp đỡ không phải cho chính vị trí của mình, nhưng cho nhu cầu của dân sự. Tân Ước khẳng định chức thầy tế lễ của các tín đồ (số nhiều, tập thể) như cách họ mang một thế giới hư mất đến với đức tin nơi Đấng Christ.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CƠ ĐỐC GIÁO LÀ MỘT ĐOÀN THỂ**

- A. Phao-lô và Phi-ê-rô luôn sử dụng số nhiều khi nói về con dân của Chúa.
  - 1. Thân thể ( 1 Cô-rinh-tô 12:12-20)
  - 2. cánh đồng ( 1 Cô-rinh-tô 3:9)
  - 3. ngôi nhà. ( 1 Phi-e-rô 2:4-5)
- B. Thuật ngữ Tín Đồ luôn ở trong số nhiều (trừ một trường hợp trong Phi-líp 4:21, tuy nhiên ngữ cảnh cũng nói về số nhiều.)
- C. Học thuyết Cải Chánh của Martin Luther (trong đề tài năng lực của một linh hồn) nói về vai trò 'thầy tế lễ' của mỗi một Tín Đồ là một sự ngộ nhận. Đúng ra Kinh thánh nói đến vai trò 'thầy tế lễ' của các Tín Đồ với ý định số nhiều ( Xuát 19:6; 1 Phi-e-rô 2:5,9; Khải Huyền 1:6).
- D. Mỗi Tín Đồ đều được trang bị ân tứ để phục vụ cộng đồng. ( 1 Cô-rinh-tô 12:7)
- E. Chỉ có sự hợp tác của các Tín Đồ mới đem lại hiệu quả. Chức vụ chỉ có hiệu quả khi mang tính chất đoàn thể. ( Ê-phê-sô 4:11-12).

▣ " **để dâng sinh tế thiêng liêng (sinh tế thuộc linh)**" Sau sự hủy diệt Đền Thờ vào năm SC 70, người Do Thái nhấn mạnh những phần Kinh Thánh Cựu Ước vốn chủ trương những sự dâng của lễ không-phải-là-loài-vật (Thi 50:14, 51:27, 69:30-31, 107:22, 141:2; Ô-sê 14:2). Hê-bơ-rơ 13:5 phản ánh loại dâng của lễ Cơ Đốc này. Trong văn mạch nó chỉ đến các tín đồ sống thánh khiết và những đời sống từ bỏ chính mình từ 1 Phi-e-rô 1 (đặc biệt trong 1 Phi-e-rô 2:14-16; Hê-bơ-rơ 13:15-16).

**2:6 " Hòn đá góc nhà đã được chọn lựa và quý trọng "** Đây là một phần trích từ Ê-sai 28:16. Tư tưởng này của Đấng Mê-si như vàng đá hoặc viên đá rất thường xuyên trong Cựu Ước (Thi 118:22; Đa-ni-ên 2:34-35; Ê-sai 8:14, 28:16). Những phần Kinh Thánh Cựu Ước này thường xuyên được trích trong Tân Ước (theo Ma-thi-ơ 21:42; Mác 12:10; Lu-ca 20:17; 1 Cô-rinh-tô 10:4; Ê-phê-sô 2:22; 1 Phi-e-rô 2:6-8) để chỉ đến Chúa Jesus như Đấng Được Hứa Trước của Đức Chúa Trời. Phi-e-rô cũng sử dụng nó trong bài giảng của ông trong Công Vụ 4:11. Hãy xem ghi chú tại 1 Phi-e-rô 2:4b. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Đá Góc Nhà tại Mác 12:10.

<b>NASB</b>	"và hễ ai tin vào Ngài sẽ không bị thất vọng "
<b>NKJV</b>	"và hễ ai tin vào Ngài sẽ không bị xấu hổ bởi bất cứ điều gì "
<b>NRSV</b>	"và bất cứ ai tin nơi Ngài sẽ không bị xấu hổ "
<b>TEV</b>	"ai tin nơi Ngài sẽ không bao giờ bị thất vọng "
<b>NJB</b>	"không ai dựa trên nó sẽ bị hổ thẹn"

Cụm từ này từ trong bản LXX của Ê-sai 28:16. Chú ý lời mời gọi mở ra cho tất cả mọi người (Theo Giảng 1:12; 3:16; Rô-ma 10:9-13; 1 Ti-mô-thê 2:4; 2 Phi-e-rô 3:9). Đây là một thể phủ định kép, "không bao giờ, không không bao giờ, bị thất vọng" hoặc "hổ thẹn." Để xem về "Tin" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 1:15.

F. F. Bruce, trong quyển *Answers to Questions* (trang 158) chỉ ra một sự khác biệt giữa Bản Bảy Mươi (Septuagint) và những bản tiếng Hê-bơ-rơ Masoretic (MT).

1. Bản LXX – "sẽ không bị thất vọng " (cũng như bản NASB) hoặc "roi vào sự hổ thẹn" (bản NJB) chính là động từ *yēbōsh*
2. Bản MT – "sẽ không bị quấy rầy " (NASB, phần ghi chú bên lề), "khi đang vội vàng" chính là động từ *yahish*

Tại trang 157 Bruce bình luận rằng các tác giả Tân Ước có lẽ đã trích bản Kinh Thánh được sử dụng phổ biến trong hội thánh đầu tiên ngoại trừ khi họ có một lý do thần học đặc biệt để tách nó ra và sử dụng một bản khác. Xu thế chung của một phần Kinh Thánh chính là chìa khóa cho tư tưởng của sự thần cảm, chứ không phải là một sự tranh cãi trên riêng từng chữ và tất cả riêng từng chữ một. Con người đã được ban cho một sự mặc khải đáng tin cậy!

**2:7 " thợ xây "** Bộ Kinh Targums của Người Do Thái (bản dịch tiếng A-ram với phần giải kinh) dùng từ này như là danh xưng cho Các Thầy Thông Giáo. Đây là một trích dẫn từ Thi 118:22. Chúa Jesus sử dụng cùng một phần trích Cựu Ước trong ẩn dụ của Ngài về những tá điền gian ác trong Ma-thi-ơ 21:42. Ẩn dụ này mô tả chức vụ lãnh đạo Do Thái trong thời Chúa Jesus. Không rõ những lời đoán phạt mạnh mẽ của Chúa Jesus liên hệ đến (1) sự chối bỏ của Ngài tư tưởng về những lãnh đạo không thuộc dòng dõi Do Thái Không-Phải-Hậu-Tự-của-A-rôn (như An-ne và Cai-phe) là những người đã mua chức vụ của họ từ người La Mã hoặc (2) Ngài chối bỏ toàn bộ dân Do Thái (Y-sơ-ra-ên) là những người đã chối bỏ tin nơi Ngài (Rô-ma 9-11).

## **2:8 " Hòn đá gây cho vấp chân,**

**Tảng đá làm cho vấp ngã "** Đây là một trích dẫn từ Ê-sai 8:14. Nó cũng được trích trong Rô-ma 9:32, nơi nó chỉ đến Chúa Jesus. Hòn đá đặc biệt đã bị chối bỏ và trở nên đối tượng của sự hủy diệt!

▣ **" Họ ... không vâng giữ (vâng phục)"** Đây là một phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle). Họ (những người không tin trong thời của Phi-e-rơ, cả Người Do Thái và Dân Ngoại) tiếp tục không vâng phục bởi vì họ đã chối bỏ Chúa Jesus như là Đấng Mê-si Chịu Khổ. Họ đã chối bỏ cả những sự giảng dạy của Chúa Jesus và của Các Sứ Đồ Ngài (theo 1 Phi-e-rơ 1:24,25). Họ đã chối bỏ những lời đòi hỏi (phúc âm, theo 1 Phi-e-rơ 1:22-2:2).

<b>NASB</b>	<b>"và đối với sự bất hạnh này, họ đã được định đoạt "</b>
<b>NKJV</b>	<b>"đối với điều này họ đã được chỉ định "</b>
<b>NRSV</b>	<b>"họ đã bị tiền định để làm điều đó "</b>
<b>TEV</b>	<b>"như vậy chính là ý muốn của Đức Chúa Trời dành cho họ"</b>

Những nhà thần học theo trường phái Calvin sử dụng câu này và Rô-ma 9:22; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:9 để khẳng định rằng Đức Chúa Trời đã chọn lựa một số người cho sự cứu rỗi và một số người khác cho sự đoán phạt đời đời. Tuy nhiên, những câu Kinh Thánh như Giăng 3:16; 1 Ti-mô-thê 2:4; 2 Phi-e-rơ 3:9 chỉ ra điều này không thể đúng. Sự tuyển lựa Đức Chúa Trời chính là sự khởi đầu của sự thánh khiết (Ê-phê-sô 1:4; 2:10); cho sự giông như Đấng Christ (Rô-ma 8:29).

Câu Kinh Thánh này nhắc tôi về Ê-sai 6:9-13. Dân sự giao ước của Đức Chúa Trời có sự sáng họ cần để đáp ứng cách thích đáng với Ngài, nhưng họ đã không làm điều đó. Sự chối bỏ liên tục này đã thiết lập nên những tấm lòng cứng cõi không còn có thể đáp ứng. Chỉ có sự đoán phạt là có thể (cho họ). Đức Chúa Trời của thời gian và lịch sử biết những gì nhân loại sẽ làm nhưng cho phép họ làm nó và sau đó Ngài khẳng định và ghi nhận những hậu quả của những sự lựa chọn tạm thời/ đời đời của họ.

Thật rất khó cho những tín đồ Do Thái có thể chấp nhận sự chối bỏ của Dân Do Thái của Chúa Jesus. Làm thế nào điều này có thể xảy ra? Những tín đồ đầu tiên này bắt đầu đọc Kinh Thánh để tìm kiếm những manh mối về sự vô tín đáng kinh ngạc này.

1. Ê-sai 6:9-10; 8:14-15; 43:8
2. Giê-rê-mi 5:21; 7
3. Ma-thi-ơ 21:33-44; Mác 12:1-12
4. Lu-ca 2:34; 20:9-18
5. Rô-ma 9-11
6. 1 Cô-rinh-tô 1:23

Phần trích sau đây trừ trong quyển sách của F. F. Bruce, *Answers to Questions*, ở trang 196-197, về "sự tuyển lựa" và "chọn lựa."

*"Có phải 'sự tuyển lựa cho sự cứu rỗi' và sự tuyển lựa cho hình phạt đời đời' là những thuật ngữ tương quan với nhau?"*

Trong một số hệ thống thần học cụ thể chúng tương quan, nhưng nó không quan trọng để kiểm tra mọi hệ thống thần học bởi Kinh Thánh, và để nhớ rằng, khi sự dạy dỗ của Kinh Thánh được hệ thống hóa, một vài điều thường bị bỏ qua trong tiến trình ấy. Từ 'tuyển lựa' đã trở nên quá liên quan với sự tranh luận thần học rằng ý nghĩa của sự dạy dỗ Kinh Thánh theo chủ đề này có thể bám chắc tốt hơn nếu chúng ta sử dụng những từ không mang tính thần học như 'lựa chọn' trong chỗ đó (thay vì từ tuyển lựa). Đấng Christ đã chọn mười hai người để trở nên các sứ đồ (Lu-ca 6:13); Ngài đã chọn Sau-lô người Tạt-sơ để trở nên một "chiếc bình được lựa chọn" (Công Vụ 9:15); nhưng sự lựa chọn của Ngài trên những người

nam này cho một mục đích đặc biệt ngụ ý không có bất kỳ sự hạ thấp nào trên những người khác không được lựa chọn. Đức Chúa Trời chọn Y-sơ-ra-ên từ giữa các dân tộc (Công Vụ 13:17)—để trở thành môi lợi lớn cho những dân tộc khác, chứ không phải cho sự thua thiệt của họ. Khi sự tuyển lựa dân sự của Đức Chúa Trời trong thời đại này ở trong câu hỏi, nó không quá được nhấn mạnh về 'sự tuyển lựa cho sự cứu rỗi' của họ như là sự tuyển lựa của họ cho sự thánh khiết. Điều này do vậy, như một ví dụ, trong Ê-phê-sô 1:4 và 1 Phi-e-rơ 1:từ câu 1 trở đi; và tương tự, trong Rô-ma 8:29, mục đích mà Đức Chúa Trời đã định trước những người Ngài đã biết trước rằng họ sẽ 'được biến đổi giống như hình ảnh của Con Ngài.' Không có bất kỳ chỗ nào trong những chỗ này có bất cứ sự đề nghị nào của 'sự tuyển lựa cho sự đoán phạt đời đời' như là một sự tương quan. Chúng ta nên cân trọng về việc tổng quát hóa từ những trích dẫn cụ thể như những phần Kinh Thánh trong Rô-ma 9:22 (những bình đáng giận được làm nên cho sự hủy diệt) và 1 Phi-e-rơ 2:8 'họ vấp chân bởi vì họ đã không vâng phục lời, như họ đã được định trước để làm điều đó'. Phép tu từ so sánh tương đồng chung chung của những sự dạy dỗ Kinh Thánh về chủ đề này chỉ ra rằng một vài người đã được chọn hoặc tuyển lựa bởi Đức Chúa Trời—không phải để những người khác, tách khỏi họ, có thể bị bỏ rơi vào cảnh trầm luân, đày xuống địa ngục, nhưng để những người khác, qua họ, sẽ được phước."

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1 PHI-E-RO 2:9-10**

**<sup>9</sup> Nhưng anh em là dòng giống được tuyển chọn, là chức tế lễ hoàng gia, là dân tộc thánh, là dân thuộc riêng về Đức Chúa Trời, để anh em rao truyền công đức vĩ đại của Đấng đã gọi anh em ra khỏi nơi tối tăm, đưa vào vùng ánh sáng diệu kỳ của Ngài. <sup>10</sup> Trước kia anh em không phải là một dân, nhưng bây giờ là dân Đức Chúa Trời; trước kia không được thương xót, mà bây giờ được thương xót.**

**2:9 " Nhưng anh em "** Chú ý đại từ số nhiều "các anh em (trong bản tiếng Anh)" và sự tương phản. Tác giả sử dụng sự ám chỉ ghép từ Xuất 19:6 và sau đó là 19:5.

▣ **" dòng giống được tuyển chọn "** Cùng một danh xưng mô tả này được thấy trong Phục Truyền 7:6; 10:15; Ê-sai 43:20-21. Sự lựa chọn cho chức vụ! Đây là một danh xưng Cựu Ước cho những tội tó được tuyển lựa.

▣ **" chức tế lễ hoàng gia "** Danh xưng này được thấy trong Xuất 19:6; Ê-sai 61:6; 66:21. Cũng như cách Y-sơ-ra-ên đã được lựa chọn để đem sự hiểu biết về YHWH cho thế giới, và giờ đây hội thánh được kêu gọi để báo tin và mang những người đang thiếu thốn, tội lỗi đến với YHWH.

▣ **" dân tộc thánh "** Cùng một danh xưng được thấy trong Xuất 19:6; Phục Truyền 7:6; 14:2,21; 26:19. Y-sơ-ra-ên đã được gọi cho một sự thánh khiết độc nhất và vì thế bày tỏ một Đức Chúa Trời thánh khiết (theo Ma-thi-ơ 5:48; 1 Phi-e-rơ 1:15-16) cho một thế giới sa ngã.

▣ **" dân thuộc riêng về Đức Chúa Trời "** Cùng một danh xưng mô tả được thấy trong Xuất 19:5; Phục Truyền 4:20; 7:6; 14:2; 26:18; Ma-la-chi 3:17. Phần Kinh Thánh này nói về hội thánh như là dân Y-sơ-ra-ên thuộc linh (theo Ga-la-ti 6:16). Những danh xưng Cựu Ước cho một tuyển dân của Đức Chúa Trời giờ đây đã được áp dụng cho Thân Thể của Đấng Christ trong Tân Ước (theo Rô-ma 2:28-29; Ga-la-ti 3:29, 6:16; Ê-phê-sô 2:11-3:13; Khải Huyền 1:6). Trong nhiều cách, hội thánh đã thế chỗ Y-sơ-ra-ên, như trong nhiệm vụ bắt buộc trên toàn thế giới (theo Ma-thi-ơ 28:19-20; Lu-ca 24:47; Công Vụ 1:8).

▣ **" để ... rao truyền công đức vĩ đại của Đấng "** Mục đích của dân sự của Đức Chúa Trời là để làm chứng về sự vĩ đại của Đức Chúa Trời Đấng sáng tạo/ cứu chuộc Chân Thần ! Họ đã được lựa chọn và trang bị để sống và nói về phúc âm.

▣ **" đã gọi anh em ra khỏi nơi tối tăm, đưa vào vùng ánh sáng diệu kỳ của Ngài "** Sự tối tăm và ánh sáng chính là những ẩn dụ theo Kinh Thánh cho tội lỗi, sự bội nghịch, và sự gian ác đối nghịch với hy vọng, lẽ thật, sự chữa lành, và sự tốt lành (Giăng 1:4-5; 3:19-21; 8:12; 12:35-36,46; Công Vụ 26:18; 2 Cô-rinh-tô 4:6; 1 Giăng 1:5; 2:8-9.11). Cũng như cụm từ trước đó có thể là một sự ngụ ý chỉ đến với Ê-sai 42:12, cụm từ này có thể ngụ ý chỉ đến Ê-sai 42:16.

**2:10 " Trước kia anh em không phải là một dân "** Câu này giới thiệu về một phần trích từ Ô-sê 1:10 và 2:23.

Từ khóa chính là *lo ammi* (Tên của một trong những người con của Ô-sê), vốn nguyên gốc chỉ đến Y-sơ-ra-ên không phải là dân sự của Đức Chúa Trời bởi vì lối sống thờ hình tượng và phá vỡ giao ước của họ. Họ đã (1) tin cậy nơi những liên minh chính trị chứ không phải nơi Đức Chúa Trời và (2) thờ phượng thần Ba-anh sử dụng danh của YHWH.

▣ " **nhưng bây giờ là dân Đức Chúa Trời** " Đây là một phân tích dẫn sâu hơn từ Ô-sê 2:23. Phần Kinh Thánh này trong văn mạch Cựu Ước nguyên gốc của nó khẳng định rằng mặc dù Y-sơ-ra-ên đã phạm tội và rời xa khỏi giao ước của họ với Đức Chúa Trời, Ngài vẫn sẵn sàng để tái lập họ về với trình trạng giao ước (ẩn dụ về hôn nhân). Cùng một Đức Chúa Trời yêu thương và tha thứ đó giờ đây nắm giữ trong bàn tay Ngài Dân Ngoại ương ngạnh.

Cách dùng của nguyên gốc đề cập đến vương quốc ương ngạnh phía Bắc Y-sơ-ra-ên trong thế kỷ thứ tám T.C giờ đây được sử dụng bởi Phi-e-rơ để liên hệ với những Dân Ngoại vô tín. Sự mở rộng những phần Kinh Thánh Cựu Ước từ một văn mạch Do Thái/ Dân Ngoại thành một văn mạch những người không tin/ tín đồ khác họa Tân Ước! Những Người Ngoại không tin giờ đây được bao gộp vào trong tuyên dân giao ước của Đức Chúa Trời (Ê-phê-sô 2:11-3:13).

▣" **(anh em) trước kia không được thương xót** " Tiên tri Ô-sê có ba người con mà ông đặt những tên mang tính chất tiên tri

1. Một con trai tên là *Gít-ri-ên*, có nghĩa là "Đức Chúa Trời khiến kết quả "
2. Một con gái tên là *Lô-Ru-ha-ma*, có nghĩa là "không có sự thương xót"
3. Một con trai được đặt tên là *Lô-Am-mi*, có nghĩa là "không phải dân ta"

Cũng như phần đầu của 1 Phi-e-rơ 2:10 sử dụng tên của đứa con thứ ba, phần cuối của 1 Phi-e-rơ 2:10 dùng tên của đứa con thứ hai (Ô-sê 1:6; 2:20,23). Đức Chúa Trời chấp nhận cách hoàn toàn những tội nhân bởi vì Ngài có sự thương xót dành cho họ.

Những cấu trúc ngữ pháp được thấy trong 1 Phi-e-rơ 2:10 thật có ích để bày tỏ về tiêu điểm thần học. Có một sự chống nghịch được đề cập về phần của những Người Ngoại, được mang đến bởi những kẻ đại diện của Satan (phân từ thụ động hoàn thành (perfect passive participle)), nhưng Đức Chúa Trời giao ước đã xen vào lịch sử cách chủ ý bằng những phương cách của Ngài bởi Đấng Mê-si của Ngài và mang đến một thời đại mới của cơ hội cho một giao ước bao gộp (thêm vào) (phân từ thể bị động thì bất định). Lẽ thật này tương tự với sự mâu nhiệm của kế hoạch của Đức Chúa Trời, trước kia bị giấu kín nhưng, giờ đây được bày tỏ (Ê-phê-sô 2:11-3:13).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1 PHI-E-RƠ 2:11-12**

**<sup>11</sup> Thưa anh em yêu dấu, anh em như người khách lạ, kẻ tha hương; tôi khuyên nài anh em phải cứ kiên nhẫn những đục vụng xác thịt, là điều chống nghịch với linh hồn. <sup>12</sup> Hãy ăn ở ngay lành giữa dân ngoại, để dù họ có nói xấu anh em là người gian ác, họ vẫn thấy được việc lành của anh em và tôn vinh Đức Chúa Trời trong ngày Ngài thăm viếng.**

**2:11 " kẻ tha hương "** Thuật ngữ Cựu Ước nói về về những người không phải dân của xứ với những quyền giới hạn sống tại một vùng không phải quê hương của họ, như Áp-ra-ham (theo Sáng Thế Ký 23:4; Thi 39:12; Hê-bơ-rơ 11:13; 1 Phi-e-rơ 2:11). Ở đây nó được dùng theo nghĩa bóng chỉ về các tín đồ đang sống trong hệ thống sa ngã của thế giới này.

▣ " **người khách lạ** " Từ này ngụ ý chỉ về một sự hàm ý chỉ về một sự lưu trú ngắn (1 Phi-e-rơ 1:1,17). Điều này ngụ ý chỉ về một thực tế rằng các tín đồ là những công dân của một địa phận thiên đàng, chứ không phải chỉ về hiện thực thời gian-không gian này mà thôi. Chúng ta là những bản thể (được tạo dựng) xác thịt và thuộc linh (theo Sáng Thế Ký 1:26-27).

▣ " **cứ kiên** " Từ này nguyên văn là "tiếp tục giữ mình khỏi " (dạng nguyên mẫu trung cách thì hiện tại (present middle infinitive)). Các tín đồ sẽ phải tiếp tục tranh đấu với tội lỗi và sự cám dỗ (theo Rô-ma 7). Trận chiến với điều ác không giảm đi nơi sự cứu rỗi (Ê-phê-sô 6:10-20). Trong nhiều cách nó còn được tăng cường. Khi một người tin vào và chấp nhận Đấng Christ anh ta/(hoặc) cô ta có Đức Thánh Linh sống bên trong (Rô-ma 8:9) và ban cho họ bản chất thiên thượng (2 Phi-e-rơ 1:4). Tuy nhiên, điều này không có nghĩa rằng bản chất tội lỗi cũ sẽ bị loại bỏ. Nó được khiến cho trở nên không còn hiệu nghiệm bởi Đấng Christ đã kết thúc công việc

thay mặt cho chúng ta (theo Rô-ma 6, hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Vô hiệu và Hư Không).

Những ra-bi Do Thái cho rằng trong tâm lòng của mỗi người đều có một con chó đen và một con chó trắng. Con chó nào bạn nuôi dưỡng (cho nó ăn) nhiều nhất sẽ trở nên lớn nhất. Các tín đồ đối diện với sự lựa chọn liên tục của việc tìm kiếm, sống trong sự công chính, bước đi trong sự sáng, hoặc là tái kích hoạt bản chất tội lỗi cũ! Các tín đồ là công dân của cả hai địa phận (bản chất con người sa ngã và Thánh Linh, theo Rô-ma 8:5-17); hai thời đại (thời đại gian ác hiện tại và thời đại của sự công chính, theo Tít 2:11-14); điều nào gây ra sự ảnh hưởng lớn nhất?

▣ " **những dục vọng xác thịt** " Cơ thể chính nó không phải là sự xấu xa (đó là tư tưởng Hy Lạp (cơ thể xác thịt, thể giới vật chất là xấu)), nhưng nó là chiến trường của những sự cám dỗ của sự tập chú vào bản thân và từ Sa-tan) (theo Rô-ma 6-8; Ga-la-ti 5:16-24).

▣ " **là điều chống nghịch** " Đây là một dạng chỉ định trung cách thì hiện tại (present middle indicative). Trận chiến này được mô tả trong Gia-cơ 4:1-4.

**2:12 " Hãy ăn ở ngay lành giữa dân ngoại "** Đây là một phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle) được dùng như một thể mệnh lệnh (imperative). Những người không tin đang quan sát! Cách những tín đồ sống và đáp ứng lại với những sự tranh đấu phổ biến của cuộc sống chính là một sự làm chứng to lớn dành cho tất cả những ai biết họ. Thường đời sống của chúng ta nói lớn hơn những lời của chúng ta!

▣ " **để dù họ có nói xấu anh em là người gian ác** " Các Cơ Đốc Nhân đầu tiên bị cáo buộc là

1. Kẻ ăn thịt người (bởi những từ được dùng trong Lễ Tiệc Thánh)
2. Loạn luân (bởi vì họ yêu mến lẫn nhau)
3. Vô thần (bởi vì Đức Chúa Trời của họ là Đấng vô hình)
4. Phản quốc (bởi vì họ không phục vụ trong quân đội hoặc đảm bảo sự trung thành với Sê-sa)
5. Vô luân (có lẽ bởi vì cái hôn thánh)

Sự vu cáo này cho Đạo (1 Phi-e-rơ 24:14; Công Vụ 28:22) có vẻ như đã phát triển tại những tỉnh Tiền-Đế Chế phía đông hoặc Đế Chế La Mã (Tiểu Á).

▣ " **họ vẫn thấy được việc lành của anh em và tôn vinh Đức Chúa Trời** " Cách chúng ta sống như những Cơ Đốc Nhân bày tỏ về Đức Chúa Trời chúng ta công bố và phục vụ (1 Phi-e-rơ 2:15; 3:16; Ma-thi-ơ 5:16; Phi-líp 2:15; Tít 2:7-8). Thể giả định (subjunctive mood) bày tỏ về một sự tình cờ. Sự vinh hiển của Đức Chúa Trời chính là sự kêu gọi cao nhất và bổn phận truyền giáo bắt buộc (1 Phi-e-rơ 4:11,16).

▣ " **trong ngày Ngài thăm viếng** " Cụm từ này chỉ về bất kỳ thời điểm nào rằng Đức Chúa Trời tiến đến gần cả để ban phước hoặc đoán phạt (Ê-sai 10:3; Giê-rê-mi 8:12; 10:15; 11:23; 23:12; 46:21; 48:44; 50:27; 51:18; Ô-sê 9:7; Mi-chê 7:4). Nó có thể mang tính chất đương thời hoặc lai thế (theo Lu-ca 19:44). Một vài người xem câu này như là sự liên hệ đến các tín đồ trong sự thử thách nhưng trong văn mạch, nó dường như chỉ đến bất kỳ cơ hội nào cho những người hư mất được nghe và đáp ứng với Chúa Jesus là Đấng Cứu Rỗi trước khi họ đối diện với Ngài trong vai trò là Quan án.

## MỘT DÀN Ý NGẮN GỌN VỀ PHẦN ÁP DỤNG CỦA SÁCH 1 PHI-E-RƠ

- A. Một sự thuận phục chính phủ và cộng đồng (1 Phi-e-rơ 2:13-17)
- B. Sự thuận phục với những người chủ trên đất (1 Phi-e-rơ 2:18-25)
- C. Sự thuận phục trong gia đình Cơ Đốc (1 Phi-e-rơ 3:1-7)
- D. Sự thuận phục giữa sự bắt bớ (1 Phi-e-rơ 3:8-22)

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1 PHI-E-RƠ 2:13-17

<sup>13</sup> Vì Chúa, hãy thuận phục mọi thẩm quyền của loài người, hoặc với vua là người nắm quyền tối cao, <sup>14</sup> hoặc các tổng đốc là những người được vua phái đến để trừng phạt kẻ làm ác và khen thưởng người làm lành. <sup>15</sup> Vì ý muốn của Đức Chúa Trời là anh em làm điều lành để làm câm lặng lời nguyền nguyền của những kẻ ngu dại. <sup>16</sup> Là đầy tớ của Đức Chúa Trời, anh em hãy sống như những người tự do, nhưng đừng dùng sự tự do của mình làm màn che sự gian ác, song phải coi mình là tôi mọi Đức Chúa Trời. <sup>17</sup> Hãy tôn

**trọng mọi người, yêu thương anh em cùng niềm tin, kính sợ Đức Chúa Trời, tôn trọng vua.**

**2:13 "thuận phục"** Đây là một thể mệnh lệnh thụ động bất định (aorist passive imperative), nhưng bản NASB và NKJV dịch nó ở thể trung cách (1 Phi-e-rơ 2:18). "Chính anh em" không có trong phần Kinh Thánh tiếng Hy Lạp. Nó ngụ ý rằng họ cần phải thực hiện sự lựa chọn chủ ý để vâng phục (1 Phi-e-rơ 2:18; 3:1). Đây là một thuật ngữ quân đội được sử dụng cho một chuỗi hành động. Nó nguyên văn có nghĩa là "sắp đặt một người ở dưới thẩm quyền." Đây là một chủ đề thường xuyên của Phi-e-rơ (1 Phi-e-rơ 2:13,18; 3:1,5,22; 5:5). Sự thuận phục không hàm ý sự bất bình đẳng, vì Chúa Jesus đã được mô tả bằng thuật ngữ này. Nó là một thái độ của sự phục vụ dưới thẩm quyền. Trong Ê-phê-sô 5:21 nó là một trong năm đặc tính của một đời sống được đổ đầy Đức Thánh Linh (sự thuận phục lẫn nhau với một người anh em khác trong Đấng Christ)).

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĐÀU PHỤC (HUPOTASSO)**

Bản LXX dùng chữ này để dịch 10 chữ Hê-bơ-rơ khác nhau. Nghĩa căn bản trong Cựu ước là "ra lệnh" hay là "quyền ra lệnh." Điều này được thấy trong bản LXX.

1. Đức Chúa Trời ra lệnh (Lê-vi-ký 10:1; Giô-na 2:1; 4:6-8)
2. Môi-se ra lệnh (Xuất Ê-díp-tô ký 36:6; Phục truyền 27:1)
3. Các vua ra lệnh (II Sử ký 31:13)

Trong Tân ước ý nghĩa này cũng được duy trì trong Công-vụ 10:48, nói đến các sứ đồ truyền lệnh. Tuy nhiên, một số ý nghĩa mới cũng được phát triển trong Tân ước.

1. Khía cạnh tình nguyện được phát triển (thường ở thể TRUNG CÁCH)
2. Hành động tự giới hạn mình được thấy trong Chúa Giê-xu khi Ngài đầu phục
  - a. Đức Chúa Cha (Cô-rinh-tô 15:25)
  - b. Đối với cha mẹ trên đất của Ngài (Lu-ca 2:51)
3. Người tin Chúa thuận theo những khía cạnh văn hóa để Phúc âm khỏi bị phản tác dụng
  - a. Toàn thể người tin Chúa (Ê-phê-sô 5:21)
  - b. Những người vợ tin Chúa (Cô-lô-se 3:18; Ê-phê-sô 5:22-24; Tít 2:5; I Phi-e-rơ 3:1)
  - c. Người tin Chúa đối với chính quyền người ngoại (Rô-ma 13:1-7; I Phi-e-rơ 2:13)

Người tin Chúa hành động bởi động cơ yêu thương, đối với Đức Chúa Trời, với Đấng Christ, vì nước Đức Chúa Trời, vì sự tốt lành của người khác.

Giống như chữ *agapao* Hội thánh làm cho từ ngữ này mang một ý nghĩa mới dựa vào nhu cầu của vương quốc Đức Chúa Trời và nhu cầu của người khác. Chữ này khoác lên một vẻ cao trọng mới của sự không ích kỷ, không dựa vào mạng lệnh, nhưng dựa vào một mối liên hệ mới với một Đức Chúa Trời đã ban cho chính Ngài và Đấng Mê-si. Người tin Chúa vâng lời và đầu phục vì lợi ích của toàn thể và vì ơn phước cho cả gia đình Đức Chúa Trời.

▣ **"Vì Chúa"** Đây chính là động cơ của tất cả những hành động của chúng ta (theo 1 Phi-e-rơ 4:11; 1 Cô-rinh-tô 10:31; Cô-lô-se 3:17; Ê-phê-sô 6:5).

▣ **"mọi thẩm quyền của loài người"** Để xem về "thể chế" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 10:6. Từ những gì theo sau, có một sự răn bảo cần phải thuận phục những thẩm quyền chính phủ và dân sự, rất giống với Rô-ma 13:1-7 và Tít 3:1. Sự thuận phục này là toàn bộ, càng đáng chú ý hơn trong ánh sáng của sự bất bớ bởi chính quyền mà các tín hữu phải đối diện. Không rõ sự bất bớ này bởi Người Do Thái, người ngoại, chính quyền địa phương hay chính quyền rộng khắp Đế Chế. Sự làm chứng mạnh mẽ nhất của chúng ta cho quyền năng của phúc âm chính là trong những thời điểm của sự bất bớ. Thái độ của chúng ta, những lời và hành động khi bị đối xử không công bằng khiến cho những người không tin phải chú ý.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CHÍNH QUYỀN DO CON NGƯỜI**

#### **I. GIỚI THIỆU**



- A. Định nghĩa - Chính quyền là con người tự tổ chức với nhau để cung ứng và bảo vệ các nhu cầu vật chất có thể nhận biết được
- B. Mục đích - Đức Chúa Trời đã bày tỏ ý chỉ cho thấy Ngài ưa sự trật tự hơn là sự vô chủ, hỗn loạn.
1. Sự lập pháp theo luật Môi-se, đặc biệt là Mười điều răn, là ý chỉ của Đức Chúa Trời cho con người trong xã hội. Nó cân bằng sự thờ phượng và cuộc sống.
  2. Không một dạng thức hay cấu trúc chính quyền nào được hậu thuẫn bởi Kinh thánh, mặc dù chế độ thần quyền của quốc gia Y-sơ-ra-ên cổ là hình thức được mong đợi nơi thiên đàng. Cơ đốc nhân phải hành xử cách phải lẽ trong bất kỳ một hệ thống chính quyền nào họ đang thuộc về. Mục đích của Cơ đốc nhân là truyền giảng và mục vụ, chứ không phải cách mạng.
- C. Nguồn gốc chính quyền:
1. Công giáo La mã đã công nhận rằng một chính quyền thuộc con người là một nhu cầu nằm ngay trong bản chất con người, ngay cả trước khi có sự sa ngã. Aristotle dường như cũng đồng ý với tiền đề này. Ông nói rằng “con người là một sinh vật chính trị” và qua đó ông muốn nói rằng chính quyền “hiện hữu để đẩy mạnh một cuộc sống tốt đẹp.”
  2. Tin lành, đặc biệt là Martin Luther, khẳng định rằng chính quyền con người là điều nằm trong sự sa ngã. Ông gọi nó là “tay trái của vương quốc Đức Chúa Trời.” Ông nói rằng cách Đức Chúa Trời cai trị những người xấu là đặt họ dưới một quyền cai trị.”
  3. Karl Marx khẳng định rằng chính quyền là phương tiện qua đó một số ít người thuộc tầng lớp quý tộc có thể điều khiển số đông quần chúng. Đối với ông, chính quyền và tôn giáo đóng vai trò như nhau.

## II. CÁC TÀI LIỆU THÁNH KINH

### A. Cựu ước

1. Y-sơ-ra-ên là một kiểu mẫu sẽ được sử dụng trên thiên đàng. Trong quốc gia Y-sơ-ra-ên cổ Đức Giê-hô-va là Vua. Chế độ thần quyền là từ dùng để diễn tả sự cai trị trực tiếp của Đức Chúa Trời (I Sa-mu-ên 8:4-9)
2. Chúng ta có thể nhận thấy quyền chủ tể của Đức Chúa Trời trên các chính quyền con người rất rõ ràng qua các câu Kinh thánh sau
  - a. trên mọi vua, Đa-ni-ên 2:21; 4:17,24-25
  - b. sự tể trị của Đấng Mê-si, Đa-ni-ên 2:44-45
  - c. Nê-bu-cát-nết-xa (Tân-Ba-by-lôn), Giê-rê-mi 27:6; Đa-ni-ên 5:28
  - d. Si-ru II (Ba Tư), 2 Sử Ký 36:22; Ê-xơ-ra 1:1; Ê-sai 44:28; 45:1
3. Con cái Chúa cần phải vâng phục và tôn trọng ngay cả những chính quyền đến xâm chiếm và chiếm đóng:
  - a. Đa-ni-ên 1-4, Nê-bu-cát-nết-xa (Tân Ba-by-lôn)
  - b. Đa-ni-ên 5, Bê-n-xát-xa (Tân Ba-by-lôn)
  - c. Đa-ni-ên 6, Đa-ri-út (Ba Tư)
  - d. Ê-xơ-ra và Nê-hê-mi (Ba Tư)
4. Giu-đa được khôi phục phải cầu nguyện cho Si-ru và dòng dõi cai trị của ông
  - a. Ê-xơ-ra 6:10; 7:23
  - b. Người Do Thái phải cầu nguyện cho chính quyền dân sự, Mishnah, Avot. 3:2

### B. Tân ước

1. Chúa Giê-sus bày tỏ sự tôn trọng đối với chính quyền con người
  - a. Ma-thi-ơ 17:24-27, đóng thuế đền thờ
  - b. Ma-thi-ơ 22:15-22, ủng hộ việc đóng thuế cho La mã và vì vậy cũng ủng hộ chính quyền dân sự của La mã
  - c. Giăng 19:11, Đức Chúa Trời ban cho chính quyền thẩm quyền
2. Lời của Pha-ô-lô liên quan đến chính quyền con người
  - a. Rô-ma 13:1-7, người tin Chúa phải vâng phục và cầu nguyện cho các bậc cầm quyền
  - b. Rô-ma 13:6-7, người tin Chúa phải đóng thuế và tôn trọng những thẩm quyền chính quyền dân sự
  - c. I Ti-mô-thê 2:1-3, người tin Chúa phải cầu nguyện cho bậc cầm quyền
  - d. Tít 3:1, người tin Chúa phải vâng phục bậc cầm quyền
3. Lời của Phi-e-rơ liên quan đến chính quyền con người

- a. Công-vụ 4:1-31; 5:29, Phi-e-rơ và Giảng trước tòa Công luận (ở đây cho thấy sự không vâng phục chính quyền)
  - b. I Phi-e-rơ 2:13-17, người tin Chúa phải vâng phục bậc cầm quyền
4. Lời của Giảng liên quan đến chính quyền con người
- a. Khải huyền 17, dân phụ Ba-by-lôn đại diện cho chính quyền con người chống lại Đức Chúa Trời
  - b. Khải huyền 18, dân phụ Ba-by-lôn bị tiêu diệt

### III. KẾT LUẬN

- A. Chính quyền con người được phong định bởi Đức Chúa Trời. Đây không phải là “quyền thiêng thượng của các Vua,” nhưng là vị trí định bởi Đức Chúa Trời cho các chính quyền. Không có một dạng chính quyền nào trên dạng nào.
- B. Người tin Chúa có trách nhiệm tôn giáo phải vâng theo thẩm quyền dân sự với một thái độ kính trọng đúng đắn.
- C. Ủng hộ chính quyền bằng việc trả thuế và cầu thay cho họ là việc phải lẽ của những người tin Chúa.
- D. Chính quyền con người được lập với mục đích giữ gìn trật tự. Họ là những quản gia của Đức Chúa Trời để làm công việc này.
- E. Chính quyền con người không phải là tối cao. Nó có giới hạn trong khuôn khổ quyền hạn của nó. Người tin Chúa phải hành xử theo lương tâm của mình và khước từ thẩm quyền thuộc về dân sự khi nó dẫn lên giới hạn được Chúa thiết lập. Như Augustine đã từng khẳng định trong quyển *The City of God*, chúng ta là công dân của hai vương quốc (lãnh vực), một vương quốc tạm thời và một vương quốc đời đời. Chúng ta có trách nhiệm với cả hai, nhưng vương quốc Đức Chúa Trời có tính tối hậu! Trách nhiệm của chúng ta với Đức Chúa Trời bao gồm cả sự tập trung cá nhân và tập thể.
- F. Chúng ta nên khuyến khích người tin Chúa trong hệ thống dân chủ tham gia tích cực trong các quá trình hình thành chính quyền và thực hiện chính quyền, nếu có thể được, theo lời dạy của Kinh thánh.
- G. Sự thay đổi xã hội phải được tiên phong bằng sự biến đổi của cá nhân. Không có một sự trông cậy tối hậu thực sự nơi một chính quyền. Mọi chính quyền con người, cho dù được sử dụng và bởi ý chỉ của Đức Chúa Trời, đều là những thể hiện tội lỗi của một tổ chức con người ngoài Chúa. Khải niệm này được diễn tả bằng chữ “thế gian” trong cách dùng của sách Giảng (1 Giảng 2:15-17).

▣ " là người nắm quyền tối cao " Từ này trong Tiếng Hy Lạp Cổ có nghĩa là "người lập nên một thành"; tuy nhiên, trong Tân Ước nó luôn được sử dụng cho thẩm quyền của Đức Chúa Trời (theo Ma-thi-ơ 22:21; Rô-ma 13:1-7; 1 Ti-mô-thê 2:1-7; Tít 3:1-8), vốn thường được trao cho những tổ chức của con người. Đức Chúa Trời muốn một trật tự hơn là sự hỗn loạn.

**2:14 " hoặc các tổng đốc là những người được vua (người: bản tiếng Anh) phái đến "** Đây là một phân từ thụ động thì hiện tại (Present passive participle). Đức Chúa Trời đang kiểm soát mọi điều. Phần Kinh Thánh này không dạy "những quyền thiên thượng của các vua," nhưng khẳng định rằng Đức Chúa Trời ủng hộ luật pháp và sự trật tự (một xã hội vững vàng) hơn là sự hỗn loạn.

Danh từ "người" có thể (1) Đức Chúa Trời hoặc (2) vị tổng đốc.

▣ " để trừng phạt kẻ làm ác " Chính quyền có thẩm quyền được ban cho bởi Đức Chúa Trời để duy trì trật tự cũng như ngăn cản và hình phạt sự mất trật tự. Án tử hình cũng là một hình thức của sự ủy nhiệm này (Rô-ma 13:4; Công Vụ 25:11).

**2:15 " Vì ý muốn của Đức Chúa Trời "** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: Ý MUỐN(*thelēma*) CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

#### PHÚC ÂM GIẢNG

- Chúa Jêsus đến để làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời (4:34; 5:30; 6:38)
- Để làm cho sống lại nơi ngày sau rốt những người mà Cha đã giao cho Con (6:39)

- Để mọi người đều tin nơi Con (6:29, 40)
- Lời cầu nguyện được nhậm liên quan đến sự làm theo ý muốn Đức Chúa Trời (9:31 và I Giăng 5:14)

#### TIN LÀNH CÔNG QUAN

- Làm theo ý muốn Đức Chúa Trời là điều thiết yếu (7:21)
- Làm theo ý muốn Đức Chúa Trời khiến chúng ta trở nên anh em với Chúa Jêsus (Ma-thi-ơ 12:5; Mác 3:35)
- Chúa không muốn cho một ai chết mất (Ma-thi-ơ 18:14; I Ti-mô-thê 2:4; II Phi-e-rơ 3:9)
- Đòi Gô-gô-tha là ý chỉ của Cha cho Chúa Jêsus (Ma-thi-ơ 26:42; Lu-ca 22:42)

#### THƯ TÍN PHAO-LÔ

- Sự trưởng thành và sự phục vụ của tất cả những người tin Chúa (Rô-ma 12:1-2)
- Người tin Chúa được giải cứu khỏi đời ác này (Ga-la-ti 1:4)
- Ý chỉ của Đức Chúa Trời là kế hoạch cứu chuộc (Ê-phê-sô 1:5, 9, 11)
- Người tin Chúa kinh nghiệm và sống cuộc sống đầy dẫy Thánh Linh (Ê-phê-sô 5:17)
- Người tin Chúa tràn đầy sự hiểu biết Đức Chúa Trời (Cô-lô-se 1:9)
- Người tin Chúa được làm cho trọn vẹn và hoàn toàn (Cô-lô-se 4:12)
- Người tin Chúa được nên thánh (I Tê-sa-lô-ni-ca 4:3)
- Người tin Chúa dâng lời tạ ơn trong mọi sự (I Tê-sa-lô-ni-ca 5:18)

#### THƯ PHIERO

- Người tin Chúa làm điều phải (vâng phục bậc cầm quyền) và vì vậy làm câm những người ngu dại (I Phi-e-rơ 2:15)
- Người tin Chúa chịu khổ (I Phi-e-rơ 3:17; 4:19)
- Người tin Chúa không sống cuộc sống tư kỷ (I Phi-e-rơ 4:2)

#### THƯ GIĂNG

- Người tin Chúa còn lại đời đời (I Giăng 2:17)
- Người tin Chúa chìa khóa cho lời cầu nguyện được nhậm (I Giăng 5:14)

▣ " **làm câm lặng** " Cụm từ này nguyên văn là "bịt miệng" (theo Mác 1:25, 4:39).

▣ " **lời ngây ngô (ngu dốt)** " Cụm từ này chỉ về một ai đó thiếu đi sự sáng suốt thuộc linh (1 Cô-rinh-tô 15:34).

▣ " **của những kẻ ngu dại** " Từ này được liệt kê trong chuỗi danh sách của tội lỗi trong Mác 7:22. Nó mô tả những người giảng dạy Do Thái không tin trong Rô-ma 3:20, nhưng nó được sử dụng để mô tả những tín đồ trong Ê-phê-sô 5:17. Vì vậy nó hàm ý về một tình trạng tâm trí lười biếng ảnh hưởng cả những người được cứu và không được cứu. Ở đây nó chỉ về những người ngoại ngu dại là kẻ đã cáo buộc các tín đồ những điều không đúng (1 Phi-e-rơ 2:12).

**2:16 " sống (hành động) như những người tự do "** Đây là một thể mệnh lệnh được ngụ ý (implied imperative) (như trong NASB, TEV, NIV). Nó thật tương phản với những người ngoại là những nô lệ cho tội lỗi. Các tín đồ có sự lựa chọn. Chúa Jesus đã giải phóng họ khỏi quyền lực của tội lỗi (Hãy xem Rô-ma 6), nhưng thường họ sử dụng sự tự do tươi mới của họ để chọn lựa phạm tội một lần nữa.

▣ " **đừng dùng sự tự do của mình làm màn che sự gian ác** " Câu này nguyên văn là "có" (một phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle)) dạng phủ định, được sử dụng như một mệnh lệnh. Sự tự do của chúng ta trở thành một giấy phép thường xuyên như thế nào (1 Cô-rinh-tô 8:9; Ga-la-ti 5:13) thay vì là một cách sống hy sinh làm chứng (Rô-ma 14:1-15:13). Sự tự do luôn mang lại trách nhiệm nhưng hãy cẩn thận về chủ nghĩa luật pháp và nghi thức (1 Cô-rinh-tô 8-10; Cô-lô-se 2:16-23). Các tín đồ giờ đây được giải phóng khỏi tội lỗi để phục vụ Đức Chúa Trời (Rô-ma 6) và những người xung quanh (1 Cô-rinh-tô 9:19-23).

▣ " **song phải coi mình là tôi mọi Đức Chúa Trời.** " Các tín đồ đã được giải phóng khỏi tội lỗi và giờ đây được tự do để phục vụ Đức Chúa Trời (Rô-ma 6:22).

**2:17 " Hãy tôn trọng mọi người "** Đây là một thể mệnh lệnh chủ động bất định (aorist active imperative), điểm đầu tiên trong bốn mạng lệnh tổng hợp lại cách thẳng thắn trong 1 Phi-e-rơ 2:17. Mạng lệnh này có nghĩa như sự ghi nhận giá trị của toàn bộ loài người trong góc nhìn của Đức Chúa Trời (theo Sáng Thế Ký 1:26-27; Giăng 3:16) và sống theo giá trị đó để thu hút họ đến với đức tin nơi Đấng Christ (theo Ma-thi-ơ 28:18-20; Luca 24:47; Công Vụ 1:8).

▣ **" yêu thương anh em "** Đây là một Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative). Các Cơ Đốc Nhân cần phải tiếp tục yêu thương lẫn nhau (1 Phi-e-rơ 1:22; Giăng 13:34, 15:12,17; Rô-ma 12:10; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:9; Hê-bơ-rơ 13:1; 1 Giăng 2:7-8, 3:11, 23; 4:1,11; 2 Giăng 5). Tình yêu là bằng chứng chân thật rằng chúng ta nhận biết Đức Chúa Trời, và rằng chúng ta tin cậy nơi Đấng Christ, cũng như chúng ta được hướng dẫn bởi Đức Thánh Linh. Đây chính là đặc điểm gia đình của Đức Chúa Trời. Các tín đồ cần phải yêu thương toàn bộ nhân loại vì mục đích của phúc âm và tình yêu những Cơ Đốc Nhân khác bởi vì họ là một bộ phận của gia đình của Đức Chúa Trời.

▣ **" kính sợ Đức Chúa Trời "** Đây là một thể mệnh lệnh trung cách (biên thể) hiện tại (present middle (deponent) imperative) (theo Gióp 28:28; Thi 111:10; Châm Ngôn 1:7;15:33). Chúng ta có từ trong tiếng Anh "phobia (ám ảnh sợ)" từ từ Hy Lạp này. Nó được sử dụng trong nghĩa của sự sợ hãi và kính trọng. Tất cả những hành động của các Cơ Đốc Nhân phải xuất phát từ mối quan hệ của họ với Đức Chúa Trời và sự kính trọng dành cho Ngài!

▣ **" tôn trọng vua "** Hai thể mệnh lệnh thì hiện tại (present imperatives) cuối cùng này có thể là sự ngụ ý chỉ đến Châm Ngôn 24:21. Hãy nhớ rằng trong thời của Phi-e-rơ Hoàng Đế chính là Nê-rô (1 Phi-e-rơ 2:13)!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1 PHI-E-RƠ 2:18-25**

<sup>18</sup> Là những đầy tớ, anh em hãy tuân phục chủ mình với cả lòng kính sợ, không chỉ với những người chủ hiền lành, tốt bụng mà cả người chủ khó tính nữa. <sup>19</sup> Nếu vì nhận biết Đức Chúa Trời mà anh em chịu đau đớn, khốn khổ một cách bất công thì đó là một ơn phước. <sup>20</sup> Nếu làm điều sai quấy mà anh em bị đánh đập và cam chịu thì có gì đáng khoe đâu? Nhưng nếu anh em làm lành mà chịu đau khổ thì đây là một ơn phước trước mặt Đức Chúa Trời. <sup>21</sup> Anh em đã được kêu gọi đến điều đó, vì Đấng Christ cũng đã chịu khổ cho anh em, lưu lại cho anh em một gương để anh em noi dấu chân Ngài;

<sup>22</sup> "Ngài không hề phạm tội,

Nơi miệng Ngài không thấy điều dối trá."

<sup>23</sup> Khi bị nguyên rửa, Ngài không nguyên rửa lại; lúc chịu đau khổ, Ngài không hề hăm dọa, nhưng phó thác chính mình cho Đấng phán xét công minh. <sup>24</sup> Ngài mang tội lỗi chúng ta trong thân thể Ngài trên cây gổ, để chúng ta chết đối với tội lỗi và sống cho sự công chính; nhờ những vết thương của Ngài mà anh em được chữa lành. <sup>25</sup> Vì anh em như chiên đi lạc, nhưng bây giờ đã trở về với Đấng Chăn Chiên và Giám Mục của linh hồn mình.

**2:18 " Là những đầy tớ, anh em hãy tuân phục chủ mình "** Đây là một phân từ trung cách thì hiện tại (present middle participle) được sử dụng như một thể mệnh lệnh (hãy xem ghi chú và Chủ Đề Đặc Biệt tại 1 Phi-e-rơ 2:13). Những nô lệ (tôi tớ) tin Chúa tôn trọng những người chủ trên đất bởi vì họ kính trọng Đức Chúa Trời! Điều này thậm chí chỉ đến những người chủ không tin Chúa là những kẻ không công bằng và tàn ác hoặc những chủ nô lệ Cơ Đốc Nhân là người hành xử không thích hợp. Trong sự áp dụng vào thời đại của chúng ta về sự nhắc nhở này sẽ liên hệ với những người chủ Cơ Đốc cũng như những người làm công tin Chúa. Điều này tương tự với những sự dạy dỗ của Phao-lô trong Ê-phê-sô 6:5-9. Chủ yếu điểm #3 nằm trong Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

Đây là một chỗ hay để thảo luận về khía cạnh văn hóa của sự giải nghĩa Kinh Thánh. Nếu phúc âm bị thách thức bởi (1) Văn hóa các tổ phụ Hy Lạp-La Mã (Hy-La) thế kỷ đầu tiên hoặc (2) chính văn hóa nô lệ của họ, nó phải được chối bỏ và tiêu diệt trong xã hội thế kỷ thứ nhất. Qua việc giảng phúc âm trên cả hai rào cản này đã rơi vào đúng dịp thời điểm! Kinh Thánh phải luôn luôn được giải nghĩa trong bối cảnh lịch sử của nó và từ đó những lẽ thật được thần cảm được áp dụng vào thời đại và văn hóa của chúng ta với cùng một quyền năng và sự tác động. Nó không có nghĩa rằng chúng ta đang cố gắng để tái hiện (xây dựng lại) văn hóa của thế kỷ thứ nhất cũng như ý muốn của Đức Chúa Trời cho mọi xã hội trong mọi thời đại. Mục tiêu chính là sự rao giảng một lẽ thật đời

đòi của phúc âm để tác động lên mỗi một cá nhân và cuối cùng là chính xã hội.

## PHAO LÔ KHUYÊN VỀ NÔ LỆ

1. Hãy thỏa lòng, nhưng nếu có cơ hội được tự do, hãy nắm lấy (I Cô rin tô 7:21-24)
2. Trong Christ không có nô lệ hay tự do (Ga la ti 3:28; Col. 3:11; theo I Cô rin tô 12:13)
3. Làm việc như đang phục vụ Chúa, Ngài sẽ trả công (Ê phê sô 6:5-9; Col. 3:22-25; theo I Phi ê rơ 2:18-20)
4. Trong Christ nô lệ trở nên anh em (I Tim. 6:2; Phi-lê-môn các câu 16-17)
5. Nô lệ sống tin kính đem lại vinh hiển cho Đức Chúa Trời (I Tim. 6:1; Títch 2:9)

Phao-lô khuyên chủ nô lệ:

Nô lệ và chủ nô lệ Cơ-đốc đều có chung một Chúa nên họ phải tôn trọng lẫn nhau. (Ê phê sô 6:9; Col.4:1). Chế độ nô lệ là một trong những yếu tố văn hóa (giống như văn hóa Các Tổ Phụ) vốn là một cột trụ của thế giới trong thế kỷ thứ nhất. Tân Ước không thách thức cả hai khía cạnh này. Tuy nhiên, những lẽ thật của phúc âm, theo thời gian đã mang lại sự ảnh hưởng thay đổi trong những khía cạnh văn hóa này.

2:19

NASB

"Bởi vì điều đó mang lại sự quý mến"

NKJV

"Bởi vì điều ấy thật đáng tuyên dương "

NRSV

"Bởi vì nó chính là một công trạng cho anh em"

TEV

"Đức Chúa Trời sẽ ban phúc cho anh em bởi điều ấy "

NJB

"Anh em hãy xem, đây là một công trạng xứng đáng được khen thưởng"

Câu này chỉ về sự chấp thuận của Đức Chúa Trời đối với sự thuận phục thậm chí ngay giữa sự bất bớ, khi sự chịu khổ này lên hệ với sự tin quyết và đức tin nơi Đấng Christ (1 Phi-e-rơ 3:14,17; 4:13-14,16). "Quý mến" là từ Hy Lạp *charis* (ân điển) được sử dụng trong ý nghĩa không-mang-tính-thần-học của nó.

▣ " **Nếu** " Đây là một câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence), vốn được giả định là đúng từ góc nhìn của tác giả phục vụ cho mục đích văn học của ông. Những nô lệ Cơ Đốc được phải chịu khổ dưới những người chủ tàn ác vì có Đấng Christ.

▣ "**nhận biết (luơng tâm (bản tiếng Anh))** " Hãy xem ghi chú tại 1 Phi-e-rơ 3:16.

2:20 " **có gì đáng khoe (khen ngợi)** " Đây là một từ dùng cho sự vinh dự liên hệ với danh tiếng của một người (Lu-ca 6:32-34). Nó có nguồn gốc từ động từ tiếng Hy Lạp *kaleō*, vốn có nghĩa là kêu gọi. Vì vậy, nó chỉ đến sự ngợi khen, tôn trọng hoặc vinh hiển trên một người nào đó.

▣ "**nếu**" Có hai câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence) trong câu này, vốn được giả định là đúng. Câu điều kiện đầu tiên được sử dụng trong nghĩa tiêu cực và câu thứ hai trong nghĩa tích cực. Đức Chúa Trời hài lòng khi các tín đồ chịu đau khổ cách không công bằng, nhưng vẫn kiên nhẫn, trong sự tin cậy như một tín đồ (1 Phi-e-rơ 1:29; 3:24,27; 4:12-16; Ma-thi-ơ 5:10-16).

2:21 " **Anh em đã được kêu gọi đến điều đó (cho mục đích này)** " Đây là một dạng chỉ định thụ động thì bất định (aorist passive indicative). Trong văn mạch cụm từ này có nghĩa rằng các tín đồ được kêu gọi để bắt chước theo đời sống của Chúa Jesus, vốn mang lại sự vinh hiển cho Đức Chúa Trời và sự cứu chuộc cho nhân loại. Đây là một sự kêu gọi hướng đến sự thuận phục trong vai trò của toàn bộ tất cả các tín đồ vốn sẽ mang đến sự trưởng thành thuộc linh và một sự làm chứng về phúc âm đầy quyền năng.

Việc các tín đồ được kêu gọi bởi Đức Chúa Trời để chịu khổ chính là một thông điệp gây sùng sốt, đặc biệt đối với một văn hóa tây phương vốn nghĩ rằng Cơ Đốc Giáo trong định nghĩa của (1) "nó có điều gì cho tôi " hoặc (2) một phúc âm của sức khỏe, của cải và sự thịnh vượng. Sự chịu khổ của các tín đồ chính là một khả năng thực tế trong một thế giới sa ngã (theo Công Vụ 14:22; Rô-ma 5:3-4; 8:17; Phi-líp 1:29; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:3-4; 2 Ti-mô-thê 3:12; Gia-cơ 1:2-4; 1 Phi-e-rơ 3:14; 4:12-19).

▣ **" Đấng Christ cũng đã chịu khổ "** Sự chịu khổ của Đấng Mê-si chính là một sự kinh ngạc cho những Người Do Thái là những người đã trông đợi một Đấng Mê-si chinh phục quân sự. Có những gợi ý đặc biệt trong Cựu Ước (theo Sáng Thế Ký 3:15; Thi 22; Ê-sai 53). Chính Chúa Jesus đã bày tỏ cho (1) Những Sứ Đồ của Ngài (theo Ma-thi-ơ 16:21; 17:12,22-23; 20:18-19) và (2) hội thánh đầu tiên những phần Kinh Thánh này (theo Lu-ca 24:25-27).

Sự chịu khổ và sự chết đã là một phần không thể thiếu của sự giảng dạy sứ đồ của hội thánh đầu tiên trong Công Vụ được gọi là *Kerygma* (theo Công Vụ 2:23; 3:13-14,18; 17:3; 26:23). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại 1 Phi-e-rơ 1:11.

Có một vài những lẽ thật thần học then chốt liên hệ với sự chịu khổ của Ngài.

1. Đấng Christ chính là tấm gương cho chúng ta (1 Phi-e-rơ 2:21)
2. Đấng Christ đã gánh tội lỗi của chúng ta trên cây gỗ (1 Phi-e-rơ 2:24)
3. Công việc Đấng Christ đã khiến chúng ta chết đi trong tội lỗi và sống cho Đức Chúa Trời (1 Phi-e-rơ 2:24)
4. Đấng Christ chính là Đấng Chăn Chiên và Bảo Vệ cho những linh hồn của chúng ta (1 Phi-e-rơ 2:25)

Từ "chịu khổ" (*epathen*) được tìm thấy trong bản MSS P<sup>72</sup>, A, B, và C, nhưng những bản cổ khác MSS, P<sup>81</sup>, và chép là "chịu chết" (*apethanen*). Dự án UBS<sup>4</sup> đánh giá cách đọc thứ nhất một điểm "A" (chắc chắn), và xem cách chép "chịu chết" như một sự chuyển vị bởi những người sao chép từ 3:18.

▣ **" một gương "** Tân Ước đưa ra ba nguyên nhân vì sao Đấng Christ đã đến:

1. Để trở nên sự chuộc tội chịu thay thế, gánh thay (cho chúng ta). Ngài, Chiên Con vô tội, không chỗ trách được (1 Phi-e-rơ 2:22) của Đức Chúa Trời (Theo Giăng 1:29), đã hiến chính mình Ngài thay cho chúng ta (1 Phi-e-rơ 2:24).
2. Để trở nên sự bày tỏ trọn vẹn về Cha (Theo Giăng 1:1-14; 14:8-9).
3. Để trở thành một tấm gương cho tất cả các tín đồ (1 Phi-e-rơ 2:21) để bắt chước theo. Ngài chính là một người Y-sơ-ra-ên lý tưởng, người toàn hảo, là những gì mà nhân loại lẽ ra phải trở thành, (lẽ ra) có thể trở thành, và một ngày, sẽ trở thành.

**2:22 " Ngài không hề phạm tội "** Đây là một phần trích từ trong Ê-sai 53:9. Khái niệm này cũng được mô tả trong Giăng 8:46, 14:30; Lu-ca 23:41; 2 Cô-rinh-tô 5:21; Hê-bơ-rơ 4:15, 7:26-27; 1 Phi-e-rơ 1:19; 2:22; 3:18, 1 Giăng 3:5. Ngài có thể chết thay cho chúng ta bởi vì Ngài đã không phải chết cho tội lỗi của chính Ngài!

▣ **" Nơi miệng Ngài không thấy điều dối trá "** Chúa Jesus chính là một người Y-sơ-ra-ên lý tưởng (Ê-sai 53:9 và Sô-phô-ni 3:13).

**2:23 " Khi bị nguyên rửa, Ngài không nguyên rửa lại "** Có một chuỗi của ba thể chỉ định chủ động chưa hoàn thành (imperfect active indicative), vốn có nghĩa hành động lặp lại trong quá khứ. Thể chỉ định đầu tiên là sự ngụ ý chỉ đến Ê-sai 53:7. Chúa Jesus đã ứng nghiệm lời tiên tri này trong những sự thử thách trước Cai-phe, An-ne Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm, Phi-lát, và Hê-rốt.

▣ **" lúc chịu đau khổ, Ngài không hề hăm dọa "** Ngài đã không mở miệng, nhưng trong sự tha thứ cho tất cả những kẻ có liên quan với sự chết của Ngài (theo Lu-ca 23:34).

▣ **" nhưng phó thác chính mình cho Đấng phán xét công minh "** Sự phó thác này chính là một thái độ thường xuyên, bình thường trong cuộc đời Chúa Jesus. Nó được nhìn thấy cách đầy năng quyền trong Lu-ca 22:42 và 23:46.

**2:24 " Ngài mang tội lỗi chúng ta "** Câu này rõ ràng từ Ê-sai 53:4,11,12. Từ "gánh" được dùng như một của lễ trong Lê-vi Ký 14:20 và Gia-cơ 2:21. Đây là bản chất của sự chuộc tội gánh thay, chịu thay thế (Mác 10:45; Rô-ma 5:6,8,10; 2 Cô-rinh-tô 5:21).

▣ **" trong thân thể Ngài trên cây gỗ "** Dù vậy, không có bất cứ yếu tố Trí Huệ cụ thể nào liên hệ với 1 Phi-e-rơ (một triết lý Cơ Đốc/ Hy Lạp từ rất sớm khẳng định rằng Chúa Jesus đã không phải là một con người thật sự, theo Cô-lô-se; 1 Ti-mô-thê; 1 Giăng). Phần Kinh Thánh này là một sự khẳng định đầy mạnh mẽ khác về nhân

tính thật và sự chết về mặt cơ thể của Chúa Jesus người Na-xa-rét (theo Cô-lô-se 1:22).

Cụm từ "trên cây gỗ" có thể là một sự liên hệ đến Phục Truyền 21:23, nơi bất cứ người nào bị treo lên trên một cái cọc (cây) thay vì được chôn cất một cách thích đáng (chính là) bị rửa sả bởi Đức Chúa Trời. Các ra-bi Do Thái trong thời của Chúa Jesus giải nghĩa rằng điều này bao gồm cả sự đóng đinh của người La Mã. Chúa Jesus đã bị cáo buộc sự phạm thượng (báng bổ Đức Chúa Trời) mà bởi đó, theo Luật Môi-se, sẽ bị ném đá. Nhưng tại sao những lãnh đạo Do Thái lại muốn đóng đinh Ngài, vốn đòi hỏi sự chấp thuận của người La Mã và mang lại sự ô uế theo nghi lễ cho họ ngay trước Lễ Vượt Qua? Một vài người cho rằng họ đã làm điều này bởi vì Người Do Thái đã không có thẩm quyền dưới luật La Mã để khiến một người phải chịu chết (tử hình), nhưng còn trường hợp của Ê-tiên trong Công Vụ 7 thì sao?

Tôi nghĩ rằng học muốn đóng đinh Chúa Jesus để gợi ý rằng sự giả vờ là Đấng Mê-si đã bị rửa sả bởi Đức Chúa Trời! Nhưng đây chính xác là những gì đã xảy ra. Chúa Jesus đã trở nên sự rửa sả vì có chúng ta (theo Ga-la-ti 3:13). Trong Cựu Ước chính nó đã trở nên một sự rửa sả (theo Cô-lô-se 2:14). Nó khẳng định rằng linh hồn phạm tội sẽ phải chết (2 Các Vua 14:6; Ê-xê-chi-ên 18:4,20). Nhưng toàn bộ nhân loại đã phạm tội (Rô-ma 3:9-18,23; Ga-la-ti 3:22). Vì thế, tất cả mọi người đều xứng đáng phải chết và ở dưới án tử hình của nó. Chúa Jesus Chiên Con vô tội của Đức Chúa Trời (Giăng 1:29) đã gánh thay tội lỗi của toàn thể nhân loại sa ngã (Rô-ma 5:12-21)

▣ " **để chúng ta chết đối với tội lỗi và sống cho sự công chính** " Đây là một mệnh đề mục đích (*hina*). Đây chính là mục tiêu của Cơ Đốc Giáo (Rô-ma 6:20; Ga-la-ti 2:20). Nó chính là sự phục hồi hình ảnh của Đức Chúa Trời nơi nhân loại vốn phục hồi mối tương giao mật thiết với Đức Chúa Trời.

▣ " **nhờ những vết thương của Ngài mà anh em được chữa lành** " Đây là một dạng chỉ định thụ động thì bất định (aorist passive indicative). Trong Ê-sai 53:4-6 nói về sự chữa lành thuộc linh, chứ không phải sự chữa lành thuộc thể. Tôi không chối bỏ sự chữa lành thuộc thể như một hành động tiếp diễn của một Đức Chúa Trời ân điển, đầy thương xót, nhưng tôi không chối bỏ rằng nó (sự chữa lành thuộc thể) là một khía cạnh được hứa của sự chuộc tội của Đấng Christ. Trong Cựu Ước, tội lỗi được mô tả như là một sự bệnh tật thuộc thể (Ê-sai 1:5-6; Thi 103:3). Đây chính là một ẩn dụ cho sự tha thứ tội lỗi, chứ không phải một lời hứa rằng nếu các tín đồ có đủ đức tin thì Đức Chúa Trời sẽ chữa lành tất cả mọi vấn đề (bệnh tật) thuộc thể của tất cả mọi kẻ tin.

Để xem một bài thảo luận về Ê-sai 53:4 và cách dùng của nó trong Ma-thi-ơ 8:17, Quyển sách của F. F. Bruce's *Answers to Questions*, ở trang 44- 45, rất có ích.

**2:25 " Vì anh em như chiên (liên tục) đi lạc "** Đây là một sự ngụ ý chỉ đến Ê-sai 53:6. Nó là một dạng nói tránh thể bị động chưa hoàn thành (imperfect passive periphrastic), vốn chỉ đến hành động lặp đi lặp lại trong quá khứ hoặc sự bắt đầu của một hành động. Điều này chỉ về

1. Dân Do Thái Cựu Ước (Rô-ma 3:9-18, vốn là một chuỗi những trích dẫn Cựu Ước)
2. Toàn nhân loại
3. Những tín đồ là Người Ngoại là những người đã không chống nổi sự cám dỗ của sự bắt bớ (có lẽ đã chối bỏ Chúa Jesus khi bị thử thách)
4. Những tín đồ, Người Do Thái và Người Ngoại, là những người đã thua cuộc trong trận chiến hằng ngày với bản chất tội lỗi

▣ " **nhưng bây giờ đã trở về** " Đây là một dạng chỉ định thụ động thì bất định (aorist passive indicative) vốn ngụ ý về một sự trở lại bởi Đấng đại diện của Đức Chúa Trời, Đấng Christ, Hoặc Đức Thánh Linh (theo bản TEV "anh em đã được mang trở về"). Hầu hết các bản dịch tiếng Anh đều dịch nó ở thể trung cách (các bản dịch NASB, NRSV, NJB, NIV). Trong Cựu Ước "quay lại" hoặc "trở lại" (*shub*) thường được dùng cho sự ăn năn và quay trở lại với Ngài của dân sự của Đức Chúa Trời.

▣ " **Đấng Chăn Chiên** " Danh xưng này được dùng cho Đức Chúa Trời (Thi 23:1, Ê-xê-chi-ên 34) và ở đây (được dùng) cho Chúa Jesus cũng như trong Giăng 10:1-18 và Hê-bơ-rơ 13:20. Nó bao hàm sự chăm sóc liên tục, đầy dịu dàng, quan tâm. Danh xưng này thậm chí phản ánh cuộc trò chuyện của Phi-e-rơ với Chúa Jesus trong Giăng 21 (1 Phi-e-rơ 5:1-3).

NASB, NRSV,  
NJB

"**Đấng Bảo Vệ**"

**NKJV**  
**TEV**

**"Đấng Cõi Sóc"**  
**"Đấng Chăn Giữ"**

Ở đây thuật ngữ *episkopos* được dùng cho Chúa Jesus, nhưng thường nó chỉ đến hội thánh địa phương. Từ này được dịch là "giám mục" hoặc "người coi sóc (giám sát)" và có một bối cảnh thành phố/chính thể Hy Lạp, trong khi từ đồng nghĩa "trưởng lão" (*presbuteros*) có một bối cảnh sắc tộc Hê-bơ-rơ. Những từ này được sử dụng thường được sử dụng cùng nghĩa với nhau để chỉ đến trách nhiệm Tân Ước của người mục sư (theo Công Vụ 20:17,28; Tít 1:5,7).

## **NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Có phải tất cả mọi Cơ Đốc Nhân đều bắt đầu như những con trẻ Cơ Đốc Nhân hay không? Vì sao?
2. Tại sao Phi-e-rơ lại sử dụng quá nhiều danh xưng Cựu Ước để mô tả về những tín đồ Tân Ước?
3. Tầm quan trọng đáng chú ý của việc các thánh đồ được gọi là "những viên đá" là gì?
4. Tại sao lối sống của chúng ta lại rất quan trọng?
5. Tại sao chúng ta là những Cơ Đốc Nhân lại phải thuận phục những thẩm quyền chính quyền?
6. Tại sao Cơ Đốc Giáo lại không tấn công chế độ nô lệ?
7. Lời khuyên Phi-e-rơ dành cho những người đang ở trong hoàn cảnh phải chịu đựng những bất công là gì?
8. Tầm quan trọng đáng chú ý của sự chết của Đấng Christ là gì?



# 1 PHI-E-RƠ 3

## NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Những Người Vợ Và Những Người Chồng	Sự Thuận Phục Chồng	Những Bồn Phận của Các Cơ Đốc Nhân	Những Người Vợ Và Những Người Chồng	Những Bồn Phận của Các Cơ Đốc Nhân: trong Hôn Nhân
		(2:11-4:11)		
3:1-6	3:1-6 Lời Dạy Dành cho Những Người Chồng	3:1-6	3:1-6	3:1-6
3:7	3:7	3:7	3:7	3:7
Sự Chịu Khổ vì Cơ Sự Công Chính	Được Kêu Gọi để Được Phước		Sự Chịu Khổ để Làm Điều Đúng	Bồn Phận của Các Cơ Đốc Nhân:
3:8-12	3:8-12 Chịu Khổ cho Điều Đúng và Điều Sai Trật	3:8-12	3:8-12	3:8-12 Những Bồn Phận của Các Cơ Đốc Nhân: trong Sự Chịu Khổ
3:13-22	3:13-17 Sự Chịu Khổ của Đấng Christ 3:18-4:6	3:13-22	3:13-22	3:13-17 Sự Sống Lại Và Xuống Âm Phủ 3:18-22

**CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu " Hướng Dẫn một Cách Đọc Kinh Thánh Tốt ")**

### **THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

### **NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ**

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1 PHI-E-RƠ 3:1-6**

<sup>1</sup> Cũng vậy, những người làm vợ hãy thuận phục chồng mình, để nếu có người chồng nào dù không vâng giữ đạo, nhưng qua cách cư xử của vợ, họ được cảm hóa mà không phải dùng đến lời nói, <sup>2</sup> vì họ

đã thấy sự trong sạch và tin kính trong đời sống của chị em. <sup>3</sup> Đừng chú trọng sự trang điểm bề ngoài như làm tóc cầu kỳ, đeo vàng, mặc áo quần lòe loẹt; <sup>4</sup> nhưng hãy trang điểm con người bề trong thâm kín bằng vẻ đẹp không phai tàn của tinh thần dịu dàng, yên lặng; đó là điều quý giá trước mặt Đức Chúa Trời. <sup>5</sup> Vì các thánh nữ thuở xưa, những người hi vọng nơi Đức Chúa Trời và thuận phục chồng mình, cũng đều trang điểm như thế; <sup>6</sup> như Sa-ra vâng phục Áp-ra-ham, gọi ông là chúa. Nếu chị em làm điều lành, không để điều gì làm cho mình lo sợ, thì đã là con gái của Sa-ra vậy.

**3:1 " Cũng vậy (cùng một cách như vậy)"** Từ này chỉ ngược về những sự răn dạy của ông cho những công dân Cơ Đốc (1 Phi-e-rơ 2:13) và những nô lệ Cơ Đốc (1 Phi-e-rơ 2:18).

▣ **" những người làm vợ hãy thuận phục chồng mình "** Đây là một phân từ trung cách thì hiện tại (present middle participle) giống với 2:18. Đây là một thuật ngữ quân đội vốn có nghĩa là "đặt một người nào đó dưới thẩm quyền" (Ê-phê-sô 5:21-33; Cô-lô-se 3:18-19; Tít 2:4-5). Cả đoạn này liên hệ với sự dạy dỗ của Phi-e-rơ về "sự thuận phục" của các tín đồ trước chính quyền (2:13-17) và những nô lệ tin Chúa với những người chủ của họ (2:18-20). Thuận phục không phải là một thuật ngữ tiêu cực, nó mô tả chính mình Chúa Jesus. Ngài đã thuận phục cha mẹ trên đất của Ngài. Ngài đã thuận phục Cha thiên thượng của Ngài.

▣ **" để "** Đây là một mệnh đề mục đích (*hina*) (purpose clause), vốn khẳng định phục đích thần học của sự thuận phục của một người vợ. Nó luôn luôn bởi vì sự truyền giảng tin lành! Các tín đồ chính là gương mẫu hằng ngày cho Vương Quốc của Đức Chúa Trời (Bài Giảng trên núi, Ma-thi-ơ 5-7).

▣ **" nếu "** Đây là một câu điều kiện bậc một (first class conditional) vốn được giả định là đúng từ quan điểm của tác giả hoặc những mục đích thần học của ông. Văn mạch này đang thảo luận về những người chồng không tin. Trong thế kỷ thứ nhất, nhiều gia đình pha trộn (niềm tin) rất phổ biến bởi vì một trong hai thành viên (của gia đình) đã trở nên một tín đồ. Đây là một phần Kinh Thánh nền tảng cho việc cưới một-người-không-tin!

▣ **" có người chồng nào dù không vâng giữ "** Đây là một thể chỉ định chủ động thì hiện tại (present active indicative), vốn hàm ý về một hành động tiếp diễn. Cũng như đức tin theo Kinh Thánh là một tiến trình tiếp diễn, thì sự vô tín cũng vậy!

▣ **" đạo "** Trong 1 Phi-e-rơ "lời (đạo trong bản tiếng Việt)" (*logos*) là một ẩn dụ cho sự giảng dạy Sứ Đồ của phúc âm. Các tín đồ được tái sinh bởi lời (1 Phi-e-rơ 1:23). Họ cần khát khao thuộc linh hoặc sữa thuần khiết của lời (*logikos*, theo 1 Phi-e-rơ 2:2).

▣ **" được cảm hóa (chinh phục) "** Đây là thể chỉ định bị động thì tương lai (future passive indicative). Từ này có nghĩa là "có lợi." Nó được sử dụng cho sự cứu rỗi trong 1 Cô-rinh-tô 9:19-22. Mục đích tự nhiên của một người vợ tin kính chính là sự cứu rỗi cho gia đình của bà. Điều này nên là mục tiêu của tất cả các tín hữu.

▣ **" mà không phải dùng đến lời nói,"** Cuộc sống đức tin của bà sẽ nói lớn và rõ ràng hơn ngôn từ! Tuy nhiên, tại những chỗ khác, lời nói là cần thiết để truyền thông điệp của Phúc Âm!

▣ **" qua cách cư xử của vợ "** Lời sống của chúng ta thường kêu lớn hơn những lời nói của chúng ta.

**3:2 "thấy"** Từ này được sử dụng cho sự chứng kiến tận mắt. Phi-e-rơ sử dụng nó ba lần trong những lá thư của ông (1 Phi-e-rơ 2:12; 3:2; 2 Phi-e-rơ 1:16). Cuộc sống của các tín đồ đang được phô bày. Mặc dầu nó là một sự khuôn sáo nhưng đúng là đời sống các tín hữu chính là bản Kinh Thánh duy nhất mà một số người được đọc. Cuộc đời của các tín đồ chính là Đức Chúa Jesus duy nhất mà một số người sẽ được biết.

Thật là một trách nhiệm đáng sợ.

NASB	"hành vi trong sạch và đáng trọng của anh em "
NKJV	"tư cách trong sạch đi cùng với sự kính sợ "
NRSV	"sự trong sạch và kính sợ của đời sống anh em "
TEV	"sự trong sạch và kính sợ của tư cách anh em là "
NJB	"sự kính sợ và trong sạch trong cách sống của anh em "

Phi-e-rơ đã dùng từ "sợ (trong bản tiếng Anh)," được hiểu là sự kính trọng (kính sợ) trước đó, trong 1 Phi-e-rơ 1:17 và 2:18 (theo Công Vụ 9:3; 10:2; Rô-ma 3:18; 13:7; Ê-phê-sô 5:33; Khải Huyền 11:18). Các tín đồ cần sống những đời sống từ bỏ chính mình, tin kính, được chấp nhận về mặt văn hóa với mục đích làm chứng và truyền giáo về Vương Quốc (thiên đàng).

Thuật ngữ "trong sạch" (*agnos*) được dịch trong một vài cách khác nhau (tinh sạch, trong sạch, khiêm hòa, vô tội, không chỗ trách được). Nó được sử dụng cho những người phụ nữ trong 2 Cô-rinh-tô 11:2; Tít 2:5; và ở đây.

**3:3 " ĐỪNG CHÚ TRỌNG SỰ TRANG ĐIỂM BỀ NGOÀI "** Đây là một sự nhấn mạnh trên những phẩm chất bên trong của một tín đồ, chứ không phải một sự ngăn cấm chống lại mọi sự trang điểm, phục sức theo văn hóa. Sự trang điểm, phục sức bề ngoài theo văn hóa có thể trở thành một nan đề nếu nó trở thành một sự tột bậc, kiêu ngạo, và bày tỏ tính cách của một tấm lòng gian ác (Ê-sai 3:18-24). Cách một người ăn bận chính là một cánh cửa sổ vào trong tấm lòng (1 Phi-e-rơ 3:4).

Từ "trang điểm (phục sức)" là một cách sử dụng độc nhất của thuật ngữ, *kosmos* (thể động từ trong 1 Phi-e-rơ 3:5). Từ cách sử dụng này chúng ta có từ trong tiếng Anh "cosmetic (mỹ phẩm)."

▣ **" làm tóc cầu kỳ, đeo vàng, mặc áo quần lòe loẹt "** Tất cả các cụm từ trên đều chỉ đến những thời trang tóc và trang phục xa hoa đắt giá và trau chuốt của những phụ nữ Hy Lạp-La Mã trong thế kỷ thứ nhất. Các tín đồ không được khao khát hoặc bắt chước theo dục vọng cho những sự chấp thuận về mặt xã hội và sự xếp hạng xã hội dựa trên những sự phục sức bên ngoài. Điều này không có hàm ý rằng chúng ta nên ăn mặc rách rưới, nhưng rằng các tín đồ nên ăn mặc trong một cách được chấp nhận về mặt xã hội theo văn hóa và thời điểm của nó, nhưng đừng bị lôi cuốn sự tập chú quá mức vào chúng.

**3:4 " con người bề trong thâm kín "** Điều này chỉ đến một con người mới sau sự cứu rỗi. Giao ước mới đã đem lại một tấm lòng và một tâm linh tươi mới (Ê-xê-chi-ên 36:22-38). Để xem về "tấm lòng" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 2:6.

▣ **" vẻ đẹp (phẩm chất) không phai tàn "** Phi-e-rơ đã sử dụng từ này (1) cho phần cơ nghiệp không hư hoại của Đức Chúa Trời, vốn được Ngài bảo vệ, gìn giữ cho các tín đồ nơi thiên đàng (1:4) và (2) cho các tín đồ được tái sinh như những hạt giống không hư hoại (theo 1:23).

Phao-lô sử dụng cùng một từ như vậy để bày tỏ về những thân thể phục sinh tươi mới trong 1 Cô-rinh-tô 15. Và của mào miện không hư hoại của các tín đồ trong 1 Cô-rinh-tô 9:25.

▣ **" tinh thần dịu dàng, yên lặng "** Thuật ngữ đầu tiên *praus* (nhu mì, dịu hiền) mô tả về Chúa Jesus in Ma-thi-ơ 11:29 và 21:5 và để mô tả các tín đồ trong bài dạy trên núi (các phước hạnh) (theo Ma-thi-ơ 5:5). Nó chính là từ cũng được sử dụng trong 1 Phi-e-rơ 3:15 để mô tả về sự làm chứng của một tín đồ.

Từ thứ hai, *hēsuchia* hoặc *hēsuchia*, được sử dụng một vài lần trong những tác phẩm của Phao-lô để mô tả về các tín đồ trong sự yên lặng, yên bình, hòa bình, hoặc đầy dẫy sự yên nghỉ (1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:11; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:12; 1 Ti-mô-thê 2:2,11,12).

Có một sự tương phản được ngụ ý giữa những sự thay đổi phương cách của thế gian (1 Phi-e-rơ 3:3) và đặc tính được ấn định của một đời sống được cứu chuộc (1 Phi-e-rơ 3:4).

**3:5 " thuận phục "** Đây là một chủ đề chung của toàn bộ văn mạch này (các tín đồ cần thuận phục thẩm quyền dân sự (nhà cầm quyền), 1 Phi-e-rơ 2:13-17; những nô lệ tin Chúa thuận phục chủ, 1 Phi-e-rơ 2:18-20; Đấng Christ thuận phục chương trình của Cha, những người vợ tin Chúa cần thuận phục chồng, 1 Phi-e-rơ 3:1-6). Nó chính là một sự thay đổi quan điểm đáng chú ý kể từ Sự Sa Ngã trong Sáng Thế Ký 3. Các tín đồ giờ đây không còn sống cho chính họ, nhưng cho Đức Chúa Trời.

**3:6 " Sa-ra ... gọi ông là chúa "** Đây là một ví dụ trích từ Cựu Ước (Sáng 18:12) của một sự thuận phục tin kính Chúa của phụ nữ.

▣ **" là con gái của Sa-ra "** (Tấm gương) các thánh đồ trong Cựu Ước thường được sử dụng để khích lệ các tín đồ (Hê-bơ-rơ 11). Họ ãng được sử dụng để chỉ rằng các tín đồ được chấp nhận cách hoàn toàn bởi Đức Chúa Trời bởi đức tin nơi Đấng Christ (Rô-ma 2:28-29; 4:11; Ga-la-ti 3:7,9). Chúng ta chính là gia đình đức tin của

Áp-ra-ham và Sa-ra. Chúng ta chính là dân tộc tươi mới của Đức Chúa Trời. Một dân Y-sơ-ra-ên tươi mới của đức tin (theo Ga-la-ti 6:16; 1 Phi-e-rơ 2:5,9).

▣ " **Nếu chị em làm điều lành** " Hãy xem ghi chú tại 1 Phi-e-rơ 2:14. Yếu tố điều kiện ("nếu") được bày tỏ trong cách dịch tiếng Anh (trong các bản dịch NASB, NKJV, TEV (và tiếng Việt)) thì không có trong bản tiếng Hy Lạp, nhưng (thay vì vậy) được ngụ ý. Đời sống đức tin có những đặc điểm có thể quan sát được.

▣ " **không để điều gì làm cho mình lo sợ** " Đây là một đặc điểm khác của đời sống đức tin (1 Phi-e-rơ 3:6,14). Đây có thể là một sự ngụ ý chỉ đến Châm Ngôn 3:25 và lẽ thật của Thi 23:4; 27:1; và 91:5.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1 PHI-E-RƠ 3:7**

**<sup>7</sup> Những người làm chồng cũng vậy, hãy tỏ ra hiểu biết khi chung sống với vợ mình, quý trọng vợ như phải yếu hơn, vì họ sẽ cùng anh em thừa hưởng ân điển sự sống, để không có điều gì ngăn trở sự cầu nguyện của anh em.**

**3:7 "Những người làm chồng"** Phần này dành cho những người chồng tin Chúa thì ngắn hơn đáng kể so với phần đề cập đến những người vợ tin Chúa; tuy nhiên, nó phản ánh một sự quân bình tích cực triệt để dành cho thời đại của Phi-e-rơ, cũng rất giống với của Phao-lô (Ê-phê-sô 5:21-31).

▣ " **Hãy tỏ ra hiểu biết (trong một cách hiểu biết)** " Câu này có thể chỉ đến (1) những lẽ thật của Kinh Thánh (Sáng 1:26-27; 2:18-25; Ga-la-ti 3:28) hoặc (2) hãy quan tâm đến cấu tạo cơ thể độc nhất của người phụ nữ (hãy xem bài viết dưới đây).

▣ " **phái yếu hơn** " Điều này có nghĩa về cơ thể (Gióp 4:19; 10:9; 33:6; 2 Cô-rinh-tô 4:7), chứ không phải về mặt thuộc linh hoặc trí tuệ (theo Ga-la-ti 3:28). Một vài nhà giải kinh liên hệ nó với tình trạng địa vị xã hội. Cùng một từ "bình (thân thể)" được sử dụng trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:4 để chỉ đến vợ của một người (hoặc một thành ngữ để mô tả về một tâm linh đời đời trong một thân thể vật chất được dựng nên từ đất, theo Sáng Thế Ký 2:7; 3:19).

▣ " **quý trọng vợ như phái yếu hơn, vì họ sẽ cùng anh em thừa hưởng ân điển sự sống** " Câu này phản ánh một sự bình đẳng thuộc linh (những người-đồng-kề-tự, 1 Phi-e-rơ 1:4-5) giữa những người nam và người nữ (theo Sáng Thế Ký 1:27; 2:18; Ga-la-ti 3:28). Trong một vài cách khác nhau thậm chí giờ đây sự cứu rỗi đã loại bỏ những hậu quả của Sự Sa Ngã (theo Sáng Thế Ký 3:16) và phục hồi sự phụ thuộc lẫn nhau giữa những người nam và người nữ trong Sáng Thế Ký 1-2.

▣ " **để không có điều gì ngăn trở sự cầu nguyện của anh em** " Cách những đôi vợ chồng tin Chúa đối xử với nhau có thể ảnh hưởng đến mối liên hệ của họ với Đức Chúa Trời (1 Cô-rinh-tô 7:5).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1 PHI-E-RƠ 3:8-12**

**<sup>8</sup> Cuối cùng, tất cả anh em phải có tinh thần hiệp nhất, cảm thông, yêu mến anh em trong Chúa, có lòng nhân từ và tâm tình khiêm nhu. <sup>9</sup> Đừng lấy ác trả ác hoặc lấy rửa sả trả rửa sả; trái lại, hãy chúc phước, vì đó là điều mà anh em được kêu gọi, để thừa hưởng phước lành. <sup>10</sup> Vì,**

**"Ai muốn yêu sự sống**

**Và thấy những ngày tốt đẹp,**

**Thì hãy giữ lưỡi mình khỏi điều ác,**

**Và môi mình khỏi nói lời xảo quyệt;**

**<sup>11</sup> Hãy lánh điều dữ, làm điều lành,**

**Tìm sự hòa bình và đuổi theo,**

**<sup>12</sup> Vì mắt Chúa đoái xem người công chính,**

**Và tai Ngài lắng nghe lời cầu nguyện của họ.**

**Nhưng mặt Chúa đối nghịch kẻ làm ác."**

**3:8**

**NASB**

**"Tóm lại"**

**NKJV, NRSV, NJB**

**"Cuối cùng"**

**TEV** "Tổng kết lại"

Đây là một thành ngữ trong tiếng Hy Lạp ("giờ đây là phần kết") vốn có nghĩa là "trong sự tóm lại," không phải là của toàn bộ lá thư, nhưng trong văn mạch của sự thuận phục (1 Phi-e-rơ 2:13-17,18-25; 3:1-7,8-22).

▣ " **tất cả anh em phải có** " Cụm từ này đề cập đến toàn bộ cộng đồng đức tin. Không có động từ nào trong danh sách của những thuộc ngữ khích lệ này.

<b>NASB</b>	"hòa hợp"
<b>NKJV</b>	"của một tâm trí"
<b>NRSV</b>	"hiệp một trong tâm linh "
<b>TEV</b>	"cùng một thái độ "
<b>NJB</b>	"anh em nên hiệp một ý giữa mọi người "

Từ này nguyên văn là một từ ghép của *homos* (một hoặc giống nhau) và *phrēn* (tâm trí hoặc suy nghĩ). Cùng một ý tưởng được khích lệ trong Giăng 17:20-23; Rô-ma 12:16; Phi-líp 1:27 và 2:2.

<b>NASB, NJB</b>	"đầy thông cảm"
<b>NKJV</b>	"có sự thương xót lẫn nhau "
<b>NRSV</b>	"thông cảm"
<b>TEV</b>	"có cùng một cảm xúc "

Từ này nguyên văn là một từ ghép của *sun* (với) và *paschō* (chịu khổ). Chúng ta có từ trong tiếng Anh "sympathy (thông cảm)" từ từ ghép trong tiếng Hy Lạp này. Trong những thời điểm của sự bất bố và thử thách điều này thật quan trọng, cũng như những tiêu chuẩn khác được nhắc đến trong 1 Phi-e-rơ 3:8.

<b>NASB</b>	"tình anh em"
<b>NKJV</b>	"yêu thương như anh em "
<b>NRSV</b>	"yêu thương một anh em khác "
<b>TEV</b>	"yêu thương lẫn nhau "
<b>NJB</b>	"yêu thương những anh em "

Đây nguyên văn là một từ ghép của *philos* (love) và *adelphos* (anh em). Vì vậy, đương nhiên là, cách sử dụng chung cho anh em. Có lẽ, một cách diễn tả tốt hơn cho ý này là "bày tỏ tình yêu gia đình dành cho mọi tín đồ (Rô-ma 12:10; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:9). Điều này phản ánh mạng lệnh của Chúa Jesus trong Giăng 13:34; 1 Giăng 3:23; 4:7-8,11-12,19-21. Trong tiếng Hy Lạp Koine *philos* và *agapē* thường là những từ đồng nghĩa (so với Giăng 3:35 và 5:20).

<b>NASB</b>	"lòng tử tế"
<b>NKJV</b>	"lòng dịu dàng"
<b>NRSV</b>	"một tấm lòng dịu dàng"
<b>TEV</b>	"tử tế"
<b>NJB</b>	"có sự thương xót"

Đây là một từ ghép của *eu* (tốt) và *splagchnon* (nội tạng (lòng), ruột). Những người cổ đại tin rằng phần nội tạng phía dưới (lòng) (theo Công Vụ 1:18) chính là chỗ của những cảm xúc (theo Lu-ca 1:28; 2 Cô-rinh-tô 6:12; Phi-líp 1:8). Từ ghép này kêu gọi những tín đồ hãy có một "cảm xúc tốt lành" đối với một anh em khác (Ê-phê-sô 4:32).

<b>NASB</b>	"khiêm nhường trong tâm linh "
<b>NKJV</b>	"nhã nhặn"
<b>NRSV</b>	"một tâm trí khiêm nhường "
<b>TEV</b>	"khiêm nhường"

Đây là một từ ghép của *tapeinos* (khiêm nhường) và *phrēn* (tâm trí). Nó được dùng trong Công Vụ 20:19; Ê-phê-sô 4:2 và Phi-líp 2:3. Đây là một đức hạnh Cơ Đốc độc nhất. Nó có nghĩa trái ngược với sự tự khẳng định chính mình và sự kiêu ngạo tự cho mình là trung tâm.

**3:9 " ĐỪNG LẤY ÁC TRẢ ÁC "** Đây là một phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle) được sử dụng như một thể mệnh lệnh. Câu này chỉ về một sự tha thứ thật (Châm 17:13, 20:22; Rô-ma 12:17, 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:15). Hãy nhớ rằng 1 Phi-e-rơ được viết cho những tín đồ bị bắt bớ và phải chịu khổ, nhưng họ phải đáp ứng như Đấng Christ đã đáp ứng với những sự đối xử không công bằng.

▣ **" (ĐỪNG) LẤY RỬA SẢ TRẢ RỬA SẢ "** Cả câu này phản ứng cuộc đời của Chúa Jesus (1 Phi-e-rơ 2:23).

▣ **" TRÁI LẠI, HÃY CHÚC PHƯỚC "** Đây là một phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle) được sử dụng như một thể mệnh lệnh. Nguyên văn nó có nghĩa là "nói tốt về" hoặc từ "eulogize (tán dương)" trong tiếng Anh (theo Ma-thi-ơ 5:10,12,44, 6:14-15; Lu-ca 6:28; Rô-ma 12:143; 1 Cô-rinh-tô 4:12).

**3:9 " vì đó là điều mà anh em được kêu gọi "** Đây chính xác là cùng một lễ thật được đề cập đến trong 1 Phi-e-rơ 2:21. Sự chịu khổ, giống như tấm gương của Đấng Christ, chính là phương phương cách của sự trưởng thành (theo Hê-bơ-rơ 5:8) và sự làm chứng (1 Phi-e-rơ 3:15) của các tín đồ.

▣ **" ĐỂ THỪA HƯỞNG PHƯỚC LÀNH "** Cụm từ này phản ánh những lời dạy của Chúa Jesus trong Ma-thi-ơ 5:44 và Lu-ca 6:28. Phần gia sản của tín đồ đã là một chủ đề thường xuyên (1 Phi-e-rơ 1:4-5; 3:7,9). Chúng ta là những thành viên của gia đình của Đức Chúa Trời và là những-kẻ-đồng-kẻ-tự với Chúa Jesus (theo Rô-ma 8:17).

**3:10-12** Đây là một phần trích từ Thi Thiên 34, trong bản MT và không có trong Bản Bảy Mươi (Septuagint). Thi Thiên cũng được ngụ ý chỉ đến trong

1. 1 Phi-e-rơ 2:3 – Thi 34:8 (theo Hê-bơ-rơ 6:5)
2. 1 Phi-e-rơ 2:22 – Thi 34:13
3. 1 Phi-e-rơ 3:10 – Thi 34:12-13
4. 1 Phi-e-rơ 3:11 – Thi 34:14 (theo Rô-ma 14:19; Hê-bơ-rơ 12:14)
5. 1 Phi-e-rơ 3:12 – Thi 34:15-16

▣ Hãy chú ý ba sự răn dạy.

1. Phải cầm giữ cái lưỡi của người (1 Phi-e-rơ 3:10, hãy xem **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LỜI NÓI CỦA CON NGƯỜI** tại Mác 7:20)
2. Phải quay khỏi điều ác (1 Phi-e-rơ 3:11)
3. Phải tìm kiếm sự hòa bình và đeo đuổi điều ấy (1 Phi-e-rơ 3:11)

Điều này chỉ ra khía cạnh con người của sự đáp ứng giao ước của tín đồ. Những nguyên do cho những hành động của các tín đồ được đưa ra trong 1 Phi-e-rơ 3:12:

1. Chúa sẽ chú ý đến những người công chính cách cá nhân
2. Chúa sẽ nghe những người công chính
3. Chúa sẽ chống cự những kẻ gian ác cách cá nhân

Xuyên suốt Thi Thiên, "Chúa" nguyên gốc chỉ đến YHWH, Đức Chúa Trời giao ước của Y-sơ-ra-ên, nhưng trong văn mạch này nó chỉ đến Chúa Jesus, Đấng mang đến giao ước mới (cũng như trong 1:25 và 2:3). Đây là một phương cách phổ biến của những tác giả Tân Ước để khẳng định thần tính của Chúa Jesus.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1 PHI-E-RO 3:13-22**

<sup>13</sup> Nếu anh em nhiệt thành làm điều lành thì có ai làm hại anh em? <sup>14</sup> Nhưng nếu vì sự công chính mà anh em chịu khổ thì anh em thật có phước. ĐỪNG SỢ ĐIỀU HỌ SỢ, CŨNG ĐỪNG NAO NÚNG; <sup>15</sup> nhưng hãy tôn cao Đấng Christ là thánh, là Chúa trong lòng anh em. Luôn sẵn sàng để trả lời những kẻ chất vấn về niềm hi vọng trong anh em, nhưng phải ôn tồn và trân trọng. <sup>16</sup> Khi bị nói xấu, anh em phải giữ lương tâm mình trong sáng, để những kẻ xuyên tạc cách cư xử tốt đẹp của anh em trong Đấng Christ phải hổ thẹn. <sup>17</sup> Vì

nếu đó là ý muốn của Đức Chúa Trời thì thà làm điều thiện mà chịu khổ còn hơn làm điều ác.

<sup>18</sup> Chính Đấng Christ cũng đã vì tội lỗi chịu chết một lần đủ cả, là Đấng công chính thay cho kẻ bất chính, để đem chúng ta đến cùng Đức Chúa Trời; Ngài đã chịu chết về phần thể xác, nhưng được sống về phần tâm linh; <sup>19</sup> bởi tâm linh đó, Ngài đã đi giảng cho các tâm linh bị tù, <sup>20</sup> là những kẻ thối trước không vâng phục Đức Chúa Trời, khi Ngài nhẫn nhục chờ đợi trong thời Nô-ê, suốt thời gian chiếc tàu được đóng. Trong tàu chỉ một số ít, tổng số là tám người, được cứu khỏi nước. <sup>21</sup> Báp-têm ngày nay là biểu tượng của điều đó để cứu anh em; báp-têm không phải là sự cất bỏ ô uế khỏi thân thể, mà là lời nguyện ước với Đức Chúa Trời từ một lương tâm trong sáng, qua sự sống lại của Đức Chúa Jêsus Christ, <sup>22</sup> là Đấng đã lên trời, đang ngự bên phải Đức Chúa Trời, được các thiên sứ, các chủ quyền và mọi thế lực suy phục.

**3:13 " có ai làm hại anh em "** Đây có thể là một sự ngụ ý chỉ đến Thi 118:6 bởi vì bài Thi Thiên này được trích trong 1 Phi-e-rơ 2:7 và 9. Cùng một lẽ thật được bày tỏ trong Rô-ma 8:31-34.

Các tín đồ cần phải liên tục được nhắc nhở rằng thế gian này không phải là nhà của họ và thế giới vật chất này không phải là thực tại sau cùng! Chúng ta là những kẻ lữ hành (hành hương) nơi đây, chỉ đi ngang qua mà thôi. Chúng ta không được sợ hãi (1 Phi-e-rơ 3:14).

Thật châm biếm rằng những người được bảo vệ bởi Chúa lại thường xuyên là những người bị bắt bớ. Biết, yêu thương, và phục vụ Đức Chúa Trời không cách ly một người khỏi sự đau đớn, đối xử bất công, thậm chí cả cái chết. Điều này có vẻ giống như điều ác đã chiến thắng, nhưng hãy chờ đợi, ngay cả khi ở giữa sự chịu khổ, người tín đồ sẽ (đang) được phước (theo Ma-thi-ơ 5:10-12; Công Vụ 5:41).

▣ **" Nếu anh em nhiệt thành làm điều lành?"** Đây là một Câu điều kiện bậc ba (Third class conditional sentence) vốn có nghĩa một hành động tiềm năng. Họ đã chịu khổ cách triệt để bởi vì họ là những Cơ Đốc Nhân (1 Phi-e-rơ 3:14; 2:19; 3:16; 4:16). Tuy nhiên, hãy chú ý sự giả định (có thể hoặc không thể xảy ra) (thể giả định), "nhiệt thành cho những gì là tốt lành "!

**3:14 " Nhưng nếu (ngay cả khi) ... anh em chịu khổ "** Đây là một mệnh đề điều kiện bậc bốn hiếm (rare fourth class conditional sentence) (điều kiện xa rời nhất khỏi thực tế), vốn có nghĩa là một hành động có khả năng, nhưng không chắc chắn (2 Ti-mô-thê 3:12). Không phải mọi tín đồ khắp nơi đều phải chịu khổ. Sự chịu khổ không bao giờ và chưa bao giờ là trải nghiệm của rộng khắp tất cả các Cơ Đốc Nhân, nhưng mọi Cơ Đốc Nhân đều phải sẵn sàng (1 Phi-e-rơ 4:12-16; Giăng 15:20; Công Vụ 14:22; Khải Huyền 8:17)!

▣ **" sự công chính "** Trong văn mạch nó phải chỉ đến đời sống tinh khiết hoặc sự làm chứng bằng lời của chúng ta về phúc âm. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

## **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CÔNG BÌNH**

"Sự công bình" là một chủ đề hết sức quan trọng mà mỗi người học Kinh thánh phải đích thân nghiên cứu sâu rộng khái niệm này.

Trong Cựu ước bản tính của Đức Chúa Trời được mô tả là "công minh" hay "công bình." Từ ngữ từ tiếng Mê-sô-bô-ta-mi này bắt nguồn từ một cây sậy dọc theo sông được dùng như một công cụ trong xây dựng để định đường thẳng theo chiều ngang của các bức tường hoặc các hàng rào. Chúa dùng từ ngữ này để chỉ cách hình bóng về bản tính của Ngài. Ngài là cây thước thẳng mà tất cả mọi sự đều phải căn cứ vào đó để đo. Khái niệm này khẳng định sự công bình của Đức Chúa Trời cũng như quyền đoán xét của Ngài.

Con người được dựng nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời (Sáng thế ký 1:26-27; 5:1, 3; 9:6). Con người được dựng nên để thông công với Đức Chúa Trời. Tất cả mọi tạo vật là cơ sở hay nền tảng cho sự tương giao giữa con người và Đức Chúa Trời. Ngài muốn tạo vật tối cao nhất của Ngài là con người biết Ngài, yêu mến Ngài, phục vụ Ngài và trở nên giống như Ngài! Sự trung thành của con người đã được thử nghiệm (Sáng thế ký 3) và cặp vợ chồng đầu tiên đã thất bại tại cuộc thử nghiệm này. Kết quả là mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và con người đã bị gián đoạn (Sáng 3; Rô-ma 5:12-21).

Đức Chúa Trời hứa sẽ hàn gắn và phục hồi lại mối liên hệ này (Sáng 3:15). Ngài thực hiện điều này bằng chính ý định của Ngài và qua chính Con của Ngài. Con người không thể phục hồi lại sự rạn nứt này (Rô-ma

1:18-3:20).

Sau sự sa ngã của loài người, thì bước đầu tiên mà Đức Chúa Trời hướng đến sự phục hồi mối liên hệ là khái niệm giao ước dựa trên sự mời gọi của Ngài và sự đáp ứng bằng sự ăn năn, tin cậy, và vâng lời của con người. Bởi sự sa ngã, con người không có khả năng làm được điều đúng (Rô-ma 3:21-31; Ga-la-ti 3). Chính Chúa đã phải đích thân khởi xướng việc phục hồi những con người vốn đã không giữ được giao ước. Ngài làm điều này bằng cách:

1. Tuyên bố con người tội lỗi là công bình qua công tác của Đấng Christ (sự công bình theo pháp lý)
2. Ban tặng không sự công bình cho con người qua công tác của Đấng Christ (sự công bình được ban cho)
3. Ban Đức Thánh Linh ngự vào con người để tạo nên sự công bình (công bình về mặt đạo đức) nơi con người.
4. Phục hồi mối liên hệ ở vườn Ê-đen bằng cách phục hồi ảnh tượng của Đức Chúa Trời trong những tín nhân (Sáng-thế-ký 1:26-27) (sự công bình trong mối liên hệ).

Tuy vậy, Chúa đòi hỏi một sự đáp ứng theo giao ước. Chúa ban (cho không) và cung cấp, nhưng con người phải đáp ứng và liên tục đáp ứng qua:

1. Sự ăn năn
2. Đức tin
3. Lối sống vâng phục
4. Sự bền đỗ

Vì vậy, sự công bình là một hành động hỗ tương trong giao ước giữa Chúa và tạo vật cao quý nhất của Ngài. Nó dựa vào bản tính của Đức Chúa Trời, công tác cứu chuộc của Đấng Christ, và sự vâng giúp của Đức Thánh Linh, mà mỗi cá nhân phải đích thân và liên tục đáp ứng lại một cách thích đáng. Khái niệm này được gọi là “xung công bình bởi đức tin.” Khái niệm này được bày tỏ trong các sách Phúc âm, nhưng những chữ này không có trong các sách Phúc âm. Phao lô là người đầu tiên định nghĩa từ ngữ này và sử dụng tiếng Hy Lạp “sự công bình” trong nhiều dạng khác nhau hơn 100 lần.

Phao lô, vốn là một Ra-bi Do thái, sử dụng từ *dikaioisune* từ ý nghĩa của tiếng Hê-bơ-rơ *SDQ* lấy từ bản Bảy Mươi, chứ không phải từ văn chương Hy Lạp. Trong các tác phẩm Hy Lạp, chữ này chỉ một ai đó làm theo mong đợi của các Thần thánh hay của một xã hội. Trong ý nghĩa tiếng Hê-bơ-rơ nó luôn được dùng trong các từ ngữ thuộc về giao ước. Đức Giê-hô-va là một Đức Chúa Trời công bình và thánh thiện. Ngài muốn dân của Ngài bày tỏ các đức tính của Ngài. Những con người được mua chuộc là những tạo vật mới. Sự mới mẻ này phải có kết quả là một cách sống thánh thiện (khía cạnh của sự xung công bình mà Công giáo La-mã chú trọng). Vì Y-sơ-ra-ên theo chế độ thần quyền nên không có ấn định ranh giới rõ ràng giữa thế tục (các tiêu chuẩn xã hội) và thánh khiết (ý chỉ Đức Chúa Trời). Tiếng Hê-bơ-rơ và tiếng Hy-lạp diễn đạt được sự phân biệt này và tiếng Anh dịch là “công minh” (justice) (liên hệ đến xã hội) và “công bình” (righteousness) (liên hệ đến tôn giáo).

Phúc âm (Tin lành) của Chúa Jêsus là: Con người sa ngã đã được phục hồi mối tương giao với Đức Chúa Trời. Quan điểm có vẻ nghịch lý của Phao lô là: Qua Đấng Christ, Đức Chúa Trời tha bổng cho người có tội. Điều này được hoàn tất qua tình yêu thương, sự thương xót, và ân điển của Đức Chúa Trời; qua đời sống của Đức Chúa Con, sự chết và sống lại của Ngài; và Đức Thánh Linh thuyết phục, đưa dẫn con người đến với Phúc âm. Sự xung công bình là một hành động ban cho như không của Đức Chúa Trời, nhưng nó phải đem lại sự tin kính (lập trường của Augustine bao gồm quan điểm của những nhà Cải chánh chú trọng vào sự ban cho như không và sự nhấn mạnh vào một đời sống yêu thương và trung tín được thay đổi của Công giáo La-mã). Đối với người Cải chánh, từ ngữ “sự công bình của Đức Chúa Trời” là một **SỞ HỮU CÁCH KHÁCH QUAN** (OBJECTIVE GENITIVE) (tức là hành động làm cho con người tội lỗi được Chúa chấp nhận [sự nên thánh theo địa vị]), trong khi đối với người Công giáo nó là một **SỞ HỮU CÁCH CHỦ QUAN** (SUBJECTIVE GENITIVE), tức là nói đến tiến trình trở nên càng giống Chúa hơn (sự nên thánh theo kinh nghiệm tiệm tiến). Trong thực tế, nó là cả hai.

Theo tôi, cả Kinh thánh từ Sáng thế ký 4 đến Khải huyền 20, kỹ thuật về việc Đức Chúa Trời phục hồi lại mối liên hệ tại Ê-đen. Kinh thánh bắt đầu bằng mối tương giao giữa Đức Chúa Trời và con người trên đất này (Sáng thế ký 1-2) và kết thúc cũng với bối cảnh đó (Khải huyền 21-22). Ảnh tượng và mục đích của Đức Chúa Trời sẽ được phục hồi!

Để dẫn chứng tài liệu về đề tài mới vừa đề cập, xin lưu ý đến những phân đoạn Kinh thánh Tân ước được chọn lọc sau đây minh họa nhóm từ tiếng Hy Lạp.

1. Đức Chúa Trời công bình (thường cặp theo Đức Chúa Trời là Quan án)



- a. Rô-ma 3:26
  - b. II Tê-sa-lô-ni-ca 1:5-6
  - c. II Ti-mô-thê 4:8
  - d. Khải huyền 16:5
2. Đức Chúa Jêsus công bình
- a. Công-vụ 3:14; 7:52; 22:14 (danh hiệu Mê-si)
  - b. Ma-thi-ơ 27:19
  - c. I Giăng 2:1, 29; 3:7
3. Ý chỉ của Đức Chúa Trời cho tạo vật của Ngài là công bình
- a. Lê-vi-ký 19:2
  - b. Ma-thi-ơ 5:48 (5:17-20)
4. Cách Chúa cung ứng và chu cấp sự công bình
- a. Rô-ma 3:21-31
  - b. Rô-ma 4
  - c. Rô-ma 5:6-11
  - d. Ga-la-ti 3:6-14
5. Được Chúa ban cho
- a. Rô-ma 3:24; 6:23
  - b. I Cô-rinh-tô 1:30
  - c. Ê-phê-sô 2:8-9
6. Nhận bởi đức tin
- a. Rô-ma 1:17; 3:22,26; 4:3,5,13; 9:30;10:4,6,10
  - b. I Cô-rinh-tô 5:21
7. Qua công tác của Đức Chúa Con
- a. Rô-ma 5:21-31
  - b. II Cô-rinh-tô 5:21
  - c. Phi-líp 2:6-11
8. Ý chỉ của Chúa là những người theo Ngài phải trở nên công bình
- a. Ma-thi-ơ 5:3-48; 7:24-27
  - b. Rô-ma 2:13; 5:1-5; 6:1-23
  - c. II Cô-rinh-tô 6:14
  - d. I Ti-mô-thê 6:11
  - e. II Ti-mô-thê 2:22; 3:16
  - f. I Giăng 3:7
  - g. I Phi-e-rơ 2:24
9. Đức Chúa Trời sẽ phán xét thế gian bằng sự công bình
- a. Công-vụ 17:31
  - b. II Ti-mô-thê 4:8

Sự công bình là đặc tính của Đức Chúa Trời, ban cho như không cho con người tội lỗi qua Đấng Christ. Nó là:

- 1. Một sắc lệnh (pháp lệnh)
- 2. Một quà tặng từ Đức Chúa Trời
- 3. Một hành động của Đấng Christ

Nhưng nó cũng là một tiến trình trở nên công bình, một điều phải được theo đuổi cách mãnh liệt và đều đặn; nó sẽ đi đến tột đỉnh ở lần đến thứ hai của Chúa. Mỗi tương giao với Chúa được phục hồi ở sự cứu rỗi, nhưng cứ phát triển càng hơn cho đến khi mặt gặp mặt với Chúa nơi Thiên đàng hoặc khi qua đời!

Sau đây là một trích dẫn tốt từ tự điển *Dictionary of Paul and His Letters* của nhà xuất bản IVP:

"So với Lu-thơ, Can-vin nhấn mạnh nhiều hơn về khía cạnh liên hệ trong khái niệm công bình. Lu-thơ coi sự công bình là sự tha thứ bản thể tội lỗi chúng ta, còn Can-vin coi là sự ban cho chúng ta bản thể công bình của Đức Chúa Trời. (p. 834).

Đối với tôi, mỗi tương giao của một tín nhân đối với Đức Chúa Trời có ba phương diện:

1. Phúc Âm là Nhân Vật (Đông Giáo hội và trọng điểm của Calvin)
2. Phúc Âm là Chân Lý (trọng điểm của Luther và Augustine)
3. Phúc Âm là một đời sống được biến đổi (trọng điểm của Công giáo)

Tất cả những điều này đều đúng và phải được cân nhắc chung với nhau để có được một đức giáo lành mạnh, đúng đắn, và đúng Kinh thánh. Nếu một ai đó nhấn mạnh quá mức hay xem nhẹ điểm nào tất cả, họ sẽ gặp nan đề. Tóm lại:

- Chúng ta phải mời Chúa Jêsus vào lòng!
- Chúng ta phải tin Phúc Âm !
- Chúng ta phải theo đuổi sự trở nên giống Đấng Christ!

▣ **" anh em thật có phước "** Đây là một thuật ngữ khác từ trong 1 Phi-e-rơ 3:9. Đây là một từ được sử dụng trong Bài Giảng Trên Núi (Các Phước Lành) của Chúa Jesus (theo Ma-thi-ơ 5:10-12). Những tín đồ được liên hệ với những tiên tri Cựu Ước như là ánh sáng và sự mặc khải (bày tỏ) của Đức Chúa Trời dành cho một thế giới hư mất. Qua sự làm chứng của chúng ta ngay giữa sự bất bớ, những người không tin có thể quay lại và ngợi khen Đức Chúa Trời (1 Phi-e-rơ 3:1,8-9).

▣ **" Đừng sợ điều họ sợ (đe dọa) "** Đây là một sự ngụ ý chỉ đến Ê-sai 8:12-13 (hãy xem khái niệm tương tự trong Ê-sai 50:9; 54:17; Rô-ma 8:31-38). Nguyên văn nó là "đừng sợ sự sợ hãi của họ." Cụm từ này có thể được hiểu theo hai cách: (1) sự sợ hãi Đức Chúa Trời mà những kẻ bất bớ cảm nhận hoặc (2) sự sợ hãi lan truyền thâm nhuần lẫn nhau của họ. Thiếu vắng sự sợ hãi là một đặc điểm của một người con Đức Chúa Trời (1 Phi-e-rơ 3:6).

**3:15 " nhưng hãy tôn cao ... là thánh "** Đây là một thể mệnh lệnh chủ động bất định (aorist active imperative), vốn hàm ý về một hành động kiên quyết trong quá khứ của của sự đặt để biệt riêng một ai đó cho sự sử dụng của Đức Chúa Trời (điều này có thể phản ánh Ê-sai 8:14, vốn là "đền thánh"). Các Cơ Đốc Nhân phải thánh hóa Đấng Christ (tôn Đấng Christ là thánh) trong tấm lòng của họ cũng như Đấng Christ đã thánh hóa chính mình Ngài cho họ (Theo Giảng 17:19).

Hãy chú ý rằng trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:23 chính Đức Chúa Trời là Đấng thánh hóa các tín đồ. Giờ đây các tín đồ được nhận mạng lệnh phải thánh hóa chính mình họ. Đây chính là nghịch lý giao ước của đức tin theo Kinh Thánh (hãy so sánh Ê-xê-chi-ên 18:31 với 36:26-27). Đức Chúa Trời là Đấng Toàn Năng, mặc dù con người cũng được tự do và phải thực hành sự tự do đó trong ý muốn của Đức Chúa Trời. Và chúng ta sẽ tôn Đấng Christ là thánh như thế nào?

1. Qua tình yêu của chúng ta dành cho lẫn nhau (1 Phi-e-rơ 3:8-9)
2. Qua đời sống của chúng ta (1 Phi-e-rơ 3:13-14)
3. Qua sự làm chứng bằng lời của chúng ta (1 Phi-e-rơ 3:15)

▣ **" Đấng Christ ... là Chúa "** Bản dịch King James tiếng Anh dịch là "Chúa Đức Chúa Trời," vốn phản ánh Ê-sai 8:12-13, vốn chép là "Đức Giê-hô-va vạn quân," trong khi 1 Phi-e-rơ 3:14 chính là một phần Kinh Thánh mang tính chất nói về Đấng Mê-si. Tuy nhiên, những bản thảo cổ tiếng Hy Lạp P<sup>72</sup>,  $\aleph$ , A, B, và C chép là "Đấng Christ là Chúa," vốn phù hợp với văn mạch này tốt hơn.

▣ **" trong lòng anh em "** "Lòng" ở đây là một thành ngữ Cựu Ước chỉ đến toàn bộ con người. Hãy xem CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TẤM LÒNG tại Mác 2:6.

▣ **" Luôn sẵn sàng để trả lời (biện hộ) "** Đây là thuật ngữ Hy Lạp *apologia*, vốn là một từ ghép của *apo* (từ) và *logos* (lời). Nó chỉ đến một sự biện hộ theo luật pháp trong bối cảnh của một phiên tòa (theo Công Vụ 19:33; 22:1; 25:16; 26:1,2,24). Phần Kinh Thánh này thường được dùng để khích lệ những tín hữu trở nên những chứng nhân giảng tin lành, nhưng trong văn mạch có lẽ nó chỉ đến những phiên tòa hoặc những cuộc thẩm vấn chính thức. Chú ý rằng nó thật sự quan trọng đối với các tín đồ cần phải có một sự bày tỏ được chuẩn bị, hợp lý (lô-gic) về đức tin của họ nơi Đấng Christ, dù cho hướng đến một phiên tòa hay một người xóm giềng. Mọi tín đồ cần phải sẵn sàng cho sự làm chứng bằng lời!

▣ " **về niềm hi vọng trong anh em** " Niềm hy vọng ở đây chính là một từ được chọn lựa cho phúc âm và sự chung kết (hoàn thành trọn vẹn) của nó trong tương lai. Các tín đồ giờ đây sống trong những phương cách tin kính bởi vì sự tự tin của họ nơi những lời hứa và sự trở lại của Đấng Christ.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ TRÔNG CẬY(HY VỌNG) ( elpis)**

Phao-lô thường sử dụng chữ này theo nhiều ý khác biệt nhưng có liên hệ lẫn nhau. Nó thường liên kết với sự làm trọn đức tin của tín hữu (xem I Ti-mô-thê 1:1). Chữ này có thể dùng như sự vinh hiển, sự sống đời đời, sự cứu rỗi sau cùng, sự trở lại lần thứ hai, vân vân... Sự kết thúc chung cuộc là chắc chắn, nhưng yếu tố thời gian là ở tương lai và không biết rõ. Hy vọng thường đi cùng với "đức tin" và "tình yêu thương" (1 Cô-rinh-tô 13:13; 1 Tê-sa 1:3; 2 Tê-sa. 2:16). Một danh sách một phần của những gì mà Phao-lô đã sử dụng chính là:

1. Sự đến lần thứ hai (xem Ga-la-ti 5:5; Ê-phê-sô 1:18; 4:4; Tít 2:13)
2. Đức Chúa Giê-xu là nguồn hy vọng của chúng ta (xem I Ti-mô-thê 1:1)
3. Tín hữu sẽ phải trình diện trước Đức Chúa Trời (xem Cô-lô-se 1:22-23; I Tê-sa-lô-ni-ca 2:19)
4. Hy vọng đặt nơi thiên đàng (xem Cô-lô-se 1:5)
5. Tin cậy nơi phúc âm (Cô-lô-se 1:23; 1 Tê-sa 2:19)
6. Sự cứu rỗi sau rốt (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 4:13)
7. Vinh quang của Đức Chúa Trời (xem Rô-ma 5:2; II Cô-rinh-tô 3:7-12; Cô-lô-se 1:27)
8. Sự cứu rỗi của người ngoại trong Đấng Christ (xem Cô-lô-se 1:27)
9. Sự bảo đảm cho ơn cứu rỗi (xem I Tê-sa-lô-ni-ca 5:8-9)
10. Sự sống đời đời (xem Tít 1:2; 3:7)
11. Sự kết quả của đời sống Cơ Đốc trưởng thành (Rô-ma 5:2-5)
12. Sự cứu chuộc của tất cả tạo vật (xem Rô-ma 8:20-22)
13. Việc làm trọn của sự nhận làm con (xem Rô-ma 8:23-25)
14. Danh hiệu của Đức Chúa Trời (xem Rô-ma 15:13)
15. Sự khao khát của Phao-lô cho các tín đồ (2 Co 1:7)
16. Chỉ dẫn Cựu Ước cho những tín hữu Tân Ước (xem Rô-ma 15:4)

▣ " **ôn tồn và trân trọng** " Từ đầu tiên được sử dụng cho những người vợ trong 1 Phi-e-rơ 3:4, nơi nó được mô tả như là một thái độ làm vui lòng Đức Chúa Trời. Điều này là đúng, không chỉ trong mối liên hệ lẫn nhau trong gia đình, nhưng còn trong mối quan hệ giữa những tín đồ với nhau, ngay cả với những kẻ bắt bớ cách chủ ý (2 Ti-mô-thê 2:25).

Từ thứ hai được sử dụng thường xuyên trong 1 Phi-e-rơ và cũng phản ánh một thời kỳ của sự bắt bớ và đe dọa (1 Phi-e-rơ 1:17; 2:17,18; 3:2,15). Chúng ta phải tôn kính Đức Chúa Trời và vì vậy, phải tôn trọng ngay cả những người chủ, người chồng, và kẻ bắt bớ không tin Chúa, như phương cách chúng ta làm chứng về quyền năng và vương quốc của Ngài.

**3:16** Có một vài chỗ mập mờ không rõ nghĩa trong phần mở đầu của 1 Phi-e-rơ 3:16. Những bản dịch NASB và NKJV bắt đầu ở đây nhưng (những bản dịch) UBS<sup>4</sup>, NRSV, TEV, và NJB bắt đầu nó với một cụm từ trước đó.

▣ " **giữ lương tâm mình trong sáng** " Đây là một phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle) được dùng như một thể mệnh lệnh.

Có một sự tương quan Cựu Ước với thuật ngữ Hy Lạp "lương tâm" ngoại trừ từ Hê-bơ-rơ "ngực" ngụ ý về sự hiểu biết về bản thân và những động cơ của nó. Nguyên văn thuật ngữ Hy Lạp chỉ về sự ý thức liên hệ với năm giác quan. Nó được sử dụng cho những cảm nhận bên trong (Rô-ma 2:15). Phao-lô sử dụng từ này hai lần trong sự thử thách của ông trong Công Vụ (theo Công Vụ 23:1 và 24:16). Nó chỉ đến cảm nhận của ông rằng ông đã không chủ tâm vi phạm bất cứ nghĩa vụ nào đối với Đức Chúa Trời (1 Cô-rinh-tô 4:4).

Lương tâm chính là sự hiểu biết được tăng trưởng của của những động cơ và hành động của tín đồ dựa trên

1. Một thể giới quan theo Kinh Thánh

2. Một Đức Thánh Linh ngự trong lòng
3. Một sự hiểu biết lời của Đức Chúa Trời
4. Một sự chấp nhận phúc âm cách cá nhân

Phi-e-rơ đã sử dụng cách bày tỏ này ba lần, trong 1 Phi-e-rơ 2:19; 3:16 và 21. Đây chính xác là những gì mà tôn giáo không thể đem lại, nhưng phúc âm thì có thể.

▣ " **Khi bị nói xấu...để những kẻ xuyên tạc cách cư xử tốt đẹp của anh em trong Đấng Christ phải hổ thẹn**" Hãy xem những ghi chú tại 1 Phi-e-rơ 2:12 và 2:15.

**3:17 " nếu đó là ý muốn của Đức Chúa Trời "** Đây là một mệnh đề điều kiện bậc bốn hiếm (rare fourth class conditional) cũng giống như trong 1 Phi-e-rơ 3:14. Phi-e-rơ đã mô tả cách kiên định về sự giả định, nhưng không chắc chắn, của sự chịu khổ và bắt bớ (1 Phi-e-rơ 1:6; 2:15; 3:17; 4:14).

**3:18-22** theo Richard N. Longenecker, trong quyển, *Biblical Exegesis In the Apostolic Period*, ở trang 69, 172, khẳng định rằng những câu Kinh Thánh này đến từ một bài thánh ca báp-tem. Grant Osborne, trong *The Hermeneutical Spiral*, cho rằng 1 Phi-e-rơ 3:18 ở thể thơ ca (không có bất cứ bản dịch nào sử dụng bộ giải kinh xem nó là một bài thơ). Nếu nó mang tính chất thánh ca hoặc thơ ca, thì nó không nên bị "ép" vào tín lý!

**3:18 " Chính Đấng Christ cũng đã vì tội lỗi chịu chết "** Cụm từ này được sử dụng trong Bản Bảy Mươi (Septuagint) cho "một của lễ chuộc tội" (theo Lê-vi Ký 5:7, 6:30; Ê-sai 53; 2 Cô-rinh-tô 5:21). Cụm từ này nói về một sự chết gánh thay, chịu thay thế của Chúa Jesus, cũng như trong 2:22-24.

Có hai phần của cụm từ này vốn có những sự khác biệt trong tiếng Hy Lạp.

1. "Đấng Christ chịu chết" (theo bản dịch NASB, TEV, NJB). Cách dịch này được thấy trong những bản thảo Hy Lạp P<sup>72</sup>, א, A, B, và C. Những bản thảo Hy Lạp ông-xi-an khác chép là "chịu khổ" ((được đi theo bởi những bản dịch tiếng Anh NKJV, NRSV) MSS B, K và P). "Chịu khổ" phù hợp với cả văn mạch và từ vựng của Phi-e-rơ (ông đã sử dụng cụm từ "chịu khổ" mười một lần) nhất, nhưng nếu nó là nguyên gốc, tại sao có một nhà sao chép Kinh Thánh nào đó lại đổi nó thành "chịu chết"?
2. "vì tội lỗi." Có hơn bảy biến thể khác biệt của câu này. Hầu hết chúng ở dạng tập thể "cho chúng ta" hoặc "thay mặt cho chúng ta". Nan đề ở đây là giới từ trong tiếng Hy Lạp *peri* được sử dụng trong mối liên hệ với tội lỗi thay vì cho từ được trông đợi nhiều hơn *huper*.

▣ " **một lần đủ cả** " Đây là một chủ đề của Hê-bơ-rơ (theo Rô-ma 6:10; Hê-bơ-rơ 7:17; 9:12,18,26,28; 10:10). Đấng Christ chính là sinh tể toàn hảo, hiệu quả, được hiến một lần duy nhất bởi vì tội lỗi!

▣ " **Đấng công bình thay cho kẻ không công bình (bản tiếng Anh)** " Đây có thể là một sự ngụ ý chỉ đến Ê-sai 53:11-12 và có thể được dịch là "kẻ công chính cho người bất chính" (theo bản NRSV). "Đấng công chính" có thể là danh xưng của Chúa Jesus trong hội thánh đầu tiên (theo Công Vụ 3:14; 7:52; 1 Giăng 2:1,29; 3:7). Nó nhấn mạnh đời sống không có tội lỗi của Ngài (1 Phi-e-rơ 1:19; 2:22) đã được phó thay cho những kẻ có tội (1 Phi-e-rơ 2:24).

▣ " **để (với mục đích rằng (bản tiếng Anh))**" Đây là một mệnh đề mục đích (*hina*).

▣ " **để đem chúng ta đến cùng Đức Chúa Trời** " Cụm từ này chỉ về "sự tiếp cận" hoặc "giới thiệu" đến với Đấng Thánh (Rô-ma 5:2; Ê-phê-sô 2:18; 3:12). Sự chết của Chúa Jesus đã phục hồi mối quan hệ với Đức Chúa Trời vốn đã mất đi trong Sự Sa Ngã. Hình ảnh của Đức Chúa Trời nơi nhân loại đã được phục hồi thông qua Đấng Christ. Các tín đồ đã có khả năng cho mỗi tương giao mật thiết với Đức Chúa Trời cũng như cách mà A-đam và Ê-va đã trải nghiệm trại vườn Ê-đen trước Sự Sa Ngã trong Sáng Thế Ký 3.

▣ " **đã chịu chết về phần thể xác, nhưng được sống về phần tâm linh** " Có một sự tương phản (song hành) giữa thân thể vật lý của Chúa Jesus (1 Phi-e-rơ 4:1) và đời sống thuộc linh của Ngài (1 Phi-e-rơ 4:6; 1 Cô-rinh-tô 15:45). Cùng một lẽ thật có thể được phản ánh trong bài tín điều hoặc thánh ca đầu tiên được ghi nhân trong 1 Ti-mô-thê 3:16.

Cả hai cụm từ này đều là những phân từ bất định thể bị động (aorist passive participle), vốn hàm ý về một sự kiện lịch sử ( sự đồng định và sự tái sanh, theo Rô-ma 1:3-4) được thực hiện bởi một Đấng đại diện bên ngoài

(Cha hoặc Đức Thánh Linh). Thật khó để xác định trong phần Kinh Thánh này rằng "tâm linh" có nên được viết hoa (Đức Thánh Linh) hoặc không (tâm linh con người của Chúa Jesus). Tôi thích cách thứ hai hơn, (cũng như cách giải nghĩa của A. T. Robertson), nhưng F. F. Bruce lại thiên về cách đầu tiên.

▣ **" đi giảng (công bố) cho "** Đây là thuật ngữ tiếng Hy Lạp *kērussō*, vốn có nghĩa là sự công bố hoặc loan báo cách rộng rãi. Trong phần Kinh Thánh liên quan, 4:6, động từ là *euangelizō*, vốn chỉ riêng đến sự truyền giảng phúc âm. Không rõ có cần vẽ một sự phân biệt theo văn mạch giữa hai thuật ngữ này hay không (theo Mác 5:20; Lu-ca 9:60, nơi *kērussō* được sử dụng cho sự rao truyền phúc âm). Tôi nghĩ rằng chúng là những từ đồng nghĩa.

▣ **" các tâm linh "** Có hai thuyết liên hệ với cụm từ này: (1) những người đã chết (4:6; Hê-bơ-rơ 12:23) hoặc (2) những thiên sứ sa ngã (Sáng 6; 2 Phi-e-rơ 2:4-5; Giu-đe 6: I Hê-nóc). Con người không được nhắc đến trong Tân Ước là "những tâm linh" với những chuẩn mực khác (theo F. F. Bruce, *answers to Questions*, trang 128).

▣ **"(giờ đây đang) bị tù "** Có một vài danh mục trong phần Kinh Thánh này cần liên hệ với nhau trong vài cách để các định rằng Phi-e-rơ đang chỉ đến điều gì:

1. Chúa Jesus đang ở trong tâm linh" (1 Phi-e-rơ 3:18)
2. Chúa Jesus giảng cho các tâm linh giờ đây đang bị cầm tù (1 Phi-e-rơ 3:19)
3. Những tâm linh này đã không vâng phục trong thời của Nô-ê (1 Phi-e-rơ 3:20)

Khi tất cả những yếu tố này được đối chiếu, một thông điệp cho những thiên sứ sa ngã của Sáng 6 hoặc con người trong thời đại của Nô-ê là những người đã chết đuối có vẻ là những lựa chọn theo văn mạch duy nhất. Thời của Nô-ê cũng được nhắc đến trong 2 Phi-e-rơ 2:4-5, cùng với Sô-đôm và Gô-mô-rơ (2 Phi-e-rơ 2:6). Trong sách Giu-đe các thiên sứ phản nghịch (Giu-đe 6) và Sô-đôm và Gô-mô-rơ (Giu-đe 7) cũng được liên hệ với nhau.

Không rõ trong văn mạch lớn hơn vì sao Phi-e-rơ lại đề cập đến chủ đề này ngoại trừ khi ông đang sử dụng con nước lụt cho một phép tu từ so sánh tương đồng của hình ảnh con lụt với phép báp tem (được cứu khỏi nước, 1 Phi-e-rơ 3:20).

Hai điểm chính của nội dung trong sự giải nghĩa phần Kinh Thánh này chính là (1) khi nào và (2) Nội dung của sự giảng dạy của Đấng Christ?

1. Đấng Christ hiện hữu từ trước đã giảng từ qua Nô-ê (1 Phi-e-rơ 1:11 nơi Thánh Linh của Đấng Christ giảng qua các tác giả Cựu Ước) cho những người đương thời của ông, giờ đây đang bị cầm tù (theo Augustine)
2. Đấng Christ, giữa sự chết và sự phục sinh, đã giảng cho những người bị cầm tù trong thời của Nô-ê
  - a. Sự định tội dành cho họ
  - b. Sự cứu chuộc dành cho họ (theo Clement of Alexandria)
  - c. Những sự tốt lành cho Nô-ê và gia đình ông (nơi Thiên Đường (Paradise)) ngay trước họ (trong *Tartarus*)
3. Đấng Christ, ở giữa sự chết và sự phục sinh, đã giảng cho
  - a. Các thiên sứ là những kẻ đã lấy những người nữ loài người và có con bởi họ (theo Sáng Thế Ký 6:1-2)
  - b. Dòng dõi nửa-thiên-sứ, nửa-người trong Sáng Thế Ký 6:4 (hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Sáng Thế Ký 6 trực tuyến tại [www.freebiblecommentary.org](http://www.freebiblecommentary.org)). Nội dung của sứ điệp chính là sự đoán phạt trên họ và sự chiến thắng của Ngài. I Enoch cho biết những (linh lìa khỏi xác) nửa-thiên-sứ nửa-người này chính là những quỷ trong Tân Ước.
4. Đấng Christ như là Đấng Mê-si chịu thay thế đã thăng thiên qua các tầng trời (những cấp bậc thiên sứ của Trí Huệ Giáo hoặc bảy tầng trời của các ra-bi, theo 1 Phi-e-rơ 3:22; Ê-phê-sô 4:9). I Enoch 7:1-5 cho biết rằng những thiên sứ sa ngã này bị cầm tù ở tầng trời thứ bảy. Ngài, bởi chính hành động này, công bố sự chiến thắng của Ngài trên mọi lãnh địa thiên sứ (mọi sự chống nghịch thuộc linh, theo *Jerome Bible Commentary*, trang 367). Tôi thích lựa chọn này nhất trong văn mạch.

**CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NGƯỜI CHẾT Ở ĐÂU?**

## I. Cự Ước

- A. Cả nhân loại đến *She'ol* (không rõ từ nguyên), là một cách đề cập đến cái chết hay là phần mộ thường xuất hiện trong thể loại văn chương khôn ngoan và sách Ê-sai. Theo Cự Ước, nó là sự hiện hữu không cảm xúc, mờ ảo nhưng có nhận thức (xem Gióp 10:21-22; 38:17; Thi-thiên 107:10,14).
- B. Đặc tính của *She'ol*
1. liên hệ với sự phán xét (bằng lửa) của Đức Chúa Trời, Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:22
  2. một nhà ngục với những cánh cổng, Gióp 38:17, Thi 9:13; 107:18)
  3. một vùng đất không có lối về, Gióp 7:9 (một danh xưng Akkad cho sự chết)
  4. một vùng đất/ lãnh địa của bóng tối, Gióp 10:21-22; 17:13; 18:18
  5. một địa điểm của sự yên lặng, Thi 28:1; 31:17; 94:17; 115:17; Ê-sai 47:5
  6. liên hệ với sự hình phạt thậm chí trước Ngày Phán Xét, Thi 18:4-5
  7. liên kết với chữ *Abaddon* (sự huỷ diệt), nhưng cũng mở rộng chỉ về Đức Chúa Trời, xem Gióp 26:6; Thi-thiên 139:8; A-môt 9:2
  8. liên hệ với khái niệm “hố” (mò mã), Thi-thiên 16:10; Ê-sai 14:15; Ê-xê-chi-ên 31:15-17
  9. kẻ ác xuống thẳng đến *She'ol* đang khi còn sống, Dân-số Ký 16:30,33; Thi-thiên 55:15
  10. thường được mô tả như là một con thú có mõm lớn, Dân-số Ký 16:30; Ê-sai 5:14; 14:9; Ha-ba-cúc 2:5
  11. người ở tại đó được gọi là *Repha'im* ( "tâm linh của những kẻ chết " ), Gióp 26:5; Châm 2:18; 21:16; 26:14 Ê-sai 14:9-11)
  12. người ở nơi đó gọi là *Shades*, Ê-sai 14:9-11

## II. Tân Ước

- A. Chữ *She'ol* trong tiếng Do thái được dịch sang tiếng Hy Lạp là *Hades* (thế giới vô hình)
- B. Đặc tính của *Hades*
1. đề cập đến cái chết, Ma-thi-ơ 16:18
  2. liên kết với sự chết, Khải-huyền 1:18; 6:8; 20:13-14
  3. thường trình bày tương tự như nơi của sự hình phạt đời đời (*Gehenna*), Ma-thi-ơ 11:23 (trích dẫn Cự Ước); Lu-ca 10:15; 16:23-24
  4. thường trình bày tương tự như phần mộ, Lu-ca 16:23
- C. Sự phân biệt khá dĩ theo các tu sĩ Do-Thái-Giáo
1. Nơi dành cho người công chính gọi là thiên đàng (thật ra là một tên gọi khác chỉ thiên đàng, xem II Cô-rinh-tô 12:4; Khải-huyền 2:7), Lu-ca 23:43
  2. Phần dành cho người độc ác gọi là *Tartarus*, II Phi-e-rơ 2:4, là nơi giam giữ những ác thần (xem Sáng-thế Ký 6; I Hê-nóc)
- D. *Gehenna*
1. Phản ảnh cụm từ trong Cự Ước “thung lũng của các con trai Hinnom,” (phía nam của Giê-ru-sa-lem). Đó là nơi các trẻ em bị cúng tế cho thần lửa của người Phoenician, *Molech* (xem II Các Vua 16:3; 21:6; II Sử ký 28:3; 33:6), tập tục này bị nghiêm cấm trong Lê-vi Ký 18:21; 20:2-5
  2. Giê-rê-mi đổi địa điểm này từ nơi thờ phượng ngoại giáo thành nơi cho sự phán xét của Đức Giê-hô-va (xem Giê-rê-mi 7:32; 19:6-7). Nó trở thành nơi của sự phán xét đời đời trong I Hê-nóc 90:26-27 và Sib. 1:103.
  3. Người Do thái trong thời của Đức Chúa Giê-xu kinh hãi bởi tập tục dâng hiến trẻ em để thờ phượng thần ngoại bang của tổ phụ họ đã biến nơi đây thành bãi rác cho Giê-ru-sa-lem. Nhiều hình ảnh ẩn dụ về sự phán xét đời đời của Đức Chúa Giê-xu xuất phát từ bãi rác này (lửa, khói, sâu bọ, mùi hôi, xem Mác 9:44,46). Chữ *Gehenna* chỉ được dùng bởi Đức Chúa Giê-xu (ngoại trừ trong Gia-cơ 3:6).
  4. Cách sử dụng chữ *Gehenna* của Đức Chúa Giê-xu
    - a. lửa, Ma-thi-ơ 5:22; 18:9; Mác 9:43
    - b. vĩnh viễn, Mác 9:48 (Ma-thi-ơ 25:46)
    - c. nơi huỷ diệt (cả linh hồn và thể xác), Ma-thi-ơ 10:28
    - d. tương đương với *She'ol*, Ma-thi-ơ 5:29-30; 18:9
    - e. đặc tính của kẻ ác là “con địa ngục” Ma-thi-ơ 23:15
    - f. kết án, Ma-thi-ơ 23:33; Lu-ca 12:5
    - g. khái niệm *Gehenna* tương đương với sự chết thứ hai (xem Khải-huyền 2:11; 20:6,14) hoặc là hồ

lửa (xem Ma-thi-ơ 13:42,50; Khải-huyền 19:20; 20:10,14-15; 21:8). Có thể rằng hồ lửa là nơi giam giữ đời đời cho con người (theo chữ *She'ol*) và các ác thần (theo chữ *Tartarus*, II Phi-e-rơ 2:4; Giu-đe 6 hay là địa ngục, xem Lu-ca 8:31; Khải-huyền 9:1-10; 20:1,3).

h. Nơi này không dành cho con người nhưng cho Sa-tan và những quỷ sứ của nó, Ma-thi-ơ 25:41

E. Bởi sự chông chéo ý nghĩa của ba chữ *She'ol*, *Hades*, và *Gehenna* có lẽ

1. trong nguyên thủy cả nhân loại sẽ đến *She'ol/Hades*
2. trải nghiệm của họ nơi đó (tốt hay xấu) càng tăng thêm sau ngày phán xét, nhưng chỗ dành cho kẻ ác vẫn là một (đây là lý do bản Kinh thánh KJV dịch chữ *hades* (phần mộ) giống như chữ *gehenna* (địa ngục).
3. chỉ trong bản văn Tân Ước mới nhắc đến sự đau đớn trước ngày phán xét trong Lu-ca 16:19-31 (câu chuyện La-xa-rơ và người giàu có). *She'ol* được mô tả là nơi của sự hình phạt ngay hiện tại (xem Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:22; Thi-thiên 18:1-5). Tuy nhiên, chúng ta không thể xây dựng giáo lý chỉ dựa vào câu chuyện này.

III. Nơi ở trung chuyển giữa cái chết và sự phục sinh

A. Tân Ước không dạy về “sự bất diệt của linh hồn”, là một trong vài quan điểm cổ xưa về đời sau.

1. linh hồn con người đã hiện hữu trước đời sống thể chất của họ
2. linh hồn con người tồn tại trước và sau cái chết thuộc thể
3. thông thường thân thể bị xem như ngục tù giam giữ linh hồn và cái chết được xem như là sự phóng thích linh hồn trở về trạng thái trước đó.

B. Tân Ước gợi ý cách gián tiếp về giai đoạn lia khỏi thân xác giữa cái chết và sự phục sinh

1. Đức Chúa Giê-xu nói về sự phân chia giữa thân xác và linh hồn, Ma-thi-ơ 10:28
2. Áp-ra-ham có thể có thân thể hiện thời, Mác 12:26-27; Lu-ca 16:23
3. Môi-se and Ê-li có thân thể trong Sự Hóa Hình, Ma-thi-ơ 17
4. Phao-lô quả quyết rằng trong sự đến lần thứ hai, các linh hồn ở với Đấng Christ sẽ được nhận lấy một thân thể mới trước nhất, II Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-18
5. Phao-lô khẳng định rằng những tín hữu sẽ nhận lãnh thân thể thiêng liêng mới trong Ngày Phục Sinh, I Cô-rinh-tô 15:23,52
6. Phao-lô khẳng định rằng những tín hữu sẽ không đến *Hades*, nhưng khi chết ở với Đức Chúa Giê-xu, II Cô-rinh-tô 5:6,8; Phi-líp 1:23. Đức Chúa Giê-xu đã đắc thắng sự chết và đem những người công chính lên thiên đàng với Ngài, I Phi-e-rơ 3:18-22.

IV. Thiên đàng

A. Chữ này được sử dụng trong Kinh thánh với ba ý nghĩa.

1. khoảng không phía trên trái đất, Sáng-thế Ký 1:1,8; Ê-sai 42:5; 45:18
2. các tầng trời, Sáng-thế Ký 1:14; Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:14; Thi-thiên 148:4; Hê-bơ-rơ 4:14; 7:26
3. ngôi của Đức Chúa Trời, Phục-truyền Luật-lệ Ký 10:14; I Các Vua 8:27; Thi-thiên 148:4; Ê-phê-sô 4:10; Hê-bơ-rơ 9:24 (tầng trời thứ ba, II Cô-rinh-tô 12:2)

B. Kinh thánh không tiết lộ nhiều đời sau. Có lẽ bởi vì nhân loại đã sa ngã không thể nào hay không có khả năng đề hiểu (xem I Cô-rinh-tô 2:9).

C. Thiên đàng là khái niệm cả về nơi chốn (xem Giăng 14:2-3) và là thân vị (xem II Cô-rinh-tô 5:6,8). Thiên đàng có thể là Vườn Ê-đen được phục hồi (Sáng-thế Ký 1-2; Khải-huyền 21-22). Trái đất sẽ được tẩy sạch và phục hồi (xem Công-vụ 3:21; Rô-ma 8:21; II Phi-e-rơ 3:10). Hình ảnh của Đức Chúa Trời (Sáng-thế Ký 1:26-27) đã được khôi phục trong Đấng Christ. Giờ đây, mỗi tương giao gần gũi trong vườn Ê-đen có thể tái lập.

Tuy nhiên, đây có thể là hình ảnh ẩn dụ (thiên đàng như là thành phố lớn theo hình khối vĩ đại theo Khải-huyền 21:9-27). I Cô-rinh-tô 15 mô tả sự khác biệt giữa hình thể vật chất và thể chất tâm linh giống như là so sánh giữa hạt giống với cây lớn đã trưởng thành. Một lần nữa I Cô-rinh-tô 2:9 (một trích dẫn từ Ê-sai 64:4 và 65:17) là nguồn hy vọng và lời hứa to lớn. Tôi biết rằng khi chúng ta xem thấy Ngài thì chúng ta được giống như Ngài (xem I Giăng 3:2).

V. Những nguồn tài liệu hữu ích

- A. William Hendriksen, *The Bible On the Life Hereafter*
- B. Maurice Rawlings, *Beyond Death's Door*

**3:20 " khi Ngài nhẫn nhục chờ đợi "** Đây là một từ ghép của từ *mēkos* (khoảng cách, xa xôi) và *thumos* (giận). Đây là một thể chỉ định trung cách (biến thể) thì chưa hoàn thành (imperfect middle (deponent) indicative), ngụ ý về Đức Chúa Trời chính Ngài tiếp tục chờ đợi thêm nữa và thêm nữa. Đức Chúa Trời mong mỏi, chậm báo trả, yêu thương kiên nhẫn mô tả (bày tỏ những đặc điểm của) cách xử lý của Ngài đối với loài người bội nghịch, nổi loạn (1 Phi-e-rơ 3:20; Xuất 34:6; Nê-hê-mi 9:16-23; Thi 103:8-14; Giô-ên 2:13; Mi-chê 6:18-20; 2 Phi-e-rơ 3:15; Rô-ma 2:4; 9:22). Đặc tính tin kính này cũng được bày tỏ, phát lộ trong những con cái Ngài (2 Cô-rinh-tô 6:6; Ga-la-ti 5:22; Ê-phê-sô 4:2; Cô-lô-se 1:11; 3:12; 1 Ti-mô-thê 1:16; 2 Ti-mô-thê 3:10; 4:2).

Trong những tác phẩm của Phi-e-rơ Đức Chúa Trời được khắc họa như một sự đợi chờ kiên nhẫn và cầm giữ sự đoán phạt của Ngài để rồi con người có thể được cứu.

1. Ngài đã chờ đợi trong thời của Nô-ê, 1 Phi-e-rơ 3:20

2. Ngài đã trì hoãn Sự Tái Lâm, 2 Phi-e-rơ 3:9 Đức Chúa Trời muốn tất cả mọi người đều được cứu (2 Phi-e-rơ 3:9,15)!

▣ **" những kẻ thuở trước không vâng phục. . . Nô-ê "** Câu này có vẻ chỉ đến các thiên sứ trong Sáng Thế Ký 6 (2 Phi-e-rơ 2:4- 5; Giu-đe 6) hoặc những con người vô tín trong thời của Nô-ê.

▣ **" được cứu khỏi nước "** Theo văn mạch có vẻ rằng Phi-e-rơ đã đem lên một câu chuyện lịch sử của Nô-ê và cơn lụt lụt như là một cách nói về "sự được giải cứu" (sự giải cứu thuộc thể Cựu Ước so với sự cứu rỗi thuộc linh Tân Ước) qua nước (cơn lụt Cựu Ước của Sáng Thế Ký 6-9 so với sự báp-tem Cơ Đốc). Nếu I Enoch là bối cảnh, thì Nô-ê và gia đình ông (toàn bộ nhân loại) đã được cứu qua cơn nước lụt khỏi điều ác, dòng đời trộn lẫn giữa loài người và thiên sứ.

**3:21**

**NASB**

"trương ứng với điều đó"

**NKJV**

"đó cũng là một sự tượng trưng của"

**NRSV**

"vốn là sự bày tỏ từ trước ấy "

**TEV**

"vốn là một biểu tượng chỉ đến "

**NJB**

"trương ứng với điều này"

Đây là thuật ngữ Hy Lạp *antitupon*, vốn là một từ ghép của *anti* (như một sự đối diện hoặc tương ứng với) và *tupos* (một hình ảnh hoặc phiên bản). Đây là ví dụ duy nhất của tính từ này trong Tân Ước, nhưng còn có danh từ trong Hê-bơ-rơ 9:24. Cụm từ này chỉ ra bản chất biểu tượng, điển hình trong những trích dẫn của Phi-e-rơ.

▣ **" báp-tem "** Phép báp-tem chính là cơ hội trong hội thánh đầu tiên cho một sự công bố công khai (hoặc tuyên xưng). Nó đã/ đang không phải là một công cụ của sự cứu rỗi, nhưng là cơ hội của một sự khẳng định đức tin bằng lời. Hãy nhớ rằng hội thánh đầu tiên đã không có bất cứ nhà cửa (nhà thờ) nào và họ gặp nhau tại nhà và hoặc những địa điểm bí mật vì sự bắt bớ.

Nhiều nhà giải kinh khẳng định rằng 1 Phi-e-rơ là một bài giảng báp-tem. Dù rằng điều này là có khả năng, nhưng nó chỉ là một lựa chọn. Đúng là Phi-e-rơ thương dùng phép báp-tem như là một hành động quan trọng then chốt của đức tin (theo Công Vụ 2:38,41; 10:47).

Tuy nhiên, nó đã/ đang không phải là một sự kiện thánh, nhưng là một sự kiện đức tin, biểu tượng hóa sự chết, chôn, và sống lại như là sự nhận diện chính mình của tín đồ cùng với những trải nghiệm của chính Đấng Christ Christ (Rô-ma 6:7-9; Cô-lô-se 2:12). Hành động này mang tính biểu tượng, chứ không phải một lễ thánh; hành động là một dịp của sự công bố, chứ không phải công cụ của sự cứu rỗi.

▣ **" cứu anh em "** Từ này được sử dụng phần lớn trong Cựu Ước dùng cho sự giải cứu thuộc thể trong Cựu Ước, nhưng nó được sử dụng trong Tân Ước hầu hết cho sự cứu rỗi thuộc linh. Trong văn mạch của sự bắt bớ nó rõ ràng có cả hai nghĩa rộng trên.

▣ **" mà là lời nguyện ước với Đức Chúa Trời từ (cho) một lương tâm trong sáng "** Câu này chỉ ra rằng không phải nghi lễ báp-tem cứu rỗi, nhưng là thái độ của một tín đồ hướng đến với Đức Chúa Trời (1 Phi-e-rơ



3:16). Tuy nhiên, Tôi cần phải thêm vào rằng phép báp-tem không phải là một sự lựa chọn nhưng (1) là một tấm gương được ban bởi Chúa Jesus (theo Ma-thi-ơ 3:13-17; Mác 1:9-11; Lu-ca 3:21-22; Giăng 1:31-34 và (2) một mạng lệnh từ Chúa Jesus (theo Ma-thi-ơ 28:19) cho tất cả các tín đồ. Tân Ước không biết điều gì về những tín đồ không chịu báp-tem. Trong phép Tân Ước, phép báp-tem không thể tách rời khỏi sự tuyên xưng đức tin của một người.

Hãy xem ghi chú về "luơng tâm" tại 1 Phi-e-rơ 3:16.

▣ " **qua sự sống lại của Đức Chúa Jêsus Christ** " Điều này chỉ ra rằng cốt lõi của sự cứu chuộc chính là sự sống lại của Chúa Jesus (theo Rô-ma 1:4-5), chứ không phải phép báp-tem của chúng ta. Dòng suy nghĩ này có thể được nhìn thấy rõ ràng trong Rô-ma 6:3-4. Phép báp-tem bởi cách sử dụng sự tương đồng, bởi sự nhận chìm ngập, biểu tượng cho sự chết, chôn, và sống lại. Trong thực tế, phương thức không quan trọng như là tấm lòng của ứng viên chịu báp-tem.

**3:22 " đang ngự bên phải Đức Chúa Trời "** Đây là một ẩn dụ hình nhân của thẩm quyền, quyền năng và uy quyền (1 Giăng 2:1). Hình ảnh này được rút ra từ Thi 110:1.

Kinh Thánh sử dụng ngôn ngữ của loài người để mô tả về những ngôi, địa điểm, và sự kiện siêu nhiên. Nó rõ ràng mang tính tương đồng, biểu tượng, và ẩn dụ. Nó có thể truyền thông về thực tế, nhưng trong những sự giới hạn (những giới hạn của (1) sự thấu hiểu giới hạn của loài người sa ngã chúng ta và (2) những nét đặc thù thuộc thể, bị giới hạn bởi thời gian, văn hóa của nó). Nó mang tính chất thích đáng, nhưng không phải cuối cùng.

▣ " **các thiên sứ, các chủ quyền và mọi thể lực suy phục** " Cụm từ này có vẻ chỉ đến những cấp bậc thiên sứ (Rô-ma 8:38-39; 1 Cô-rinh-tô 15:24; Ê-phê-sô 1:20-21, 6:12; Cô-lô-se 2:15; I Enoch). Nó chỉ ra thẩm quyền và quyền năng trọn vẹn của Đấng Christ trên thế giới thuộc linh.

Mặc dù 1 Phi-e-rơ không trực tiếp đề cập đến Trí Huệ Giáo, nhưng nó rõ ràng từ những tác phẩm Tân Ước khác (Cô-lô-se, Ê-phê-sô, 1 Ti-mô-thê, Tít, và 1 Giăng) rằng bối cảnh văn hóa của một thế giới Hy-La thế kỷ thứ nhất đã tác động bởi tư tưởng triết học/ thần học này. Trong thế kỷ thứ hai trí huệ giáo (và những bản thư tập Nag Hammadi) từ Hy Lạp *pleroma* (sự đầy trọn), thường được sử dụng bởi Phao-lô, để chỉ đến "sự đầy trọn của Đức Chúa Trời," các cấp bậc thiên sứ (*aeons*, có lẽ là bảy tầng trời theo người Do Thái) ở giữa một vị thần tối cao tốt lành và những thần nhỏ hơn. Chúa Jesus chính là chìa khóa đến với thiên đàng, chứ không phải những mật khẩu hoặc kiến thức bí mật liên quan đến những thực thể trung gian mang tính chất thiên sứ/ma quỷ.

Ngay cả nếu như những aeons Trí Huệ Giáo không phải là sự tập chú của phần Kinh Thánh, thì sự tập chú có vẻ như là các thiên sứ! Điều này sẽ ngụ ý rằng "những tâm linh bị tù" chỉ đến những thiên sứ không vâng phục là những kẻ đã lấy những phụ nữ loài người và sản sinh ra một dòng dõi (theo Sáng Thế Ký 6:1-4).

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TRÍ HUỆ GIÁO (từ từ Hy Lạp *gnosis*, vốn có nghĩa là "kiến thức," 1 Ti-mô-thê 6:20)**

#### **I. Bối cảnh của thế kỷ thứ nhất**

Thế giới La Mã ở thế kỷ thứ nhất đã là một thời của thuyết chiết trung giữa những tôn giáo Đông Phương và Tây Phương. Các vị thần của hệ thống bách thần của người Hy Lạp và La Mã đang ở trong tình trạng mang tiếng xấu. Các tôn giáo Huyền bí rất phổ biến bởi vì sự nhấn mạnh của họ vào mối liên hệ cá nhân với các vị thần và kiến thức bí mật. Triết học thế tục Hy Lạp cũng phổ biến và hợp nhất với những thế giới quan khác. Trong thế giới tôn giáo chiết trung này, đức tin Cơ Đốc đã đến cách độc nhất (Chúa Jesus chính là con đường duy nhất đến với Đức Chúa Trời, Giăng 14:6). Dù cho bối cảnh chính xác của tà giáo này là gì, nó cũng đã cố gắng tạo nên một chủ nghĩa chiết trung Cơ Đốc Giáo (Giăng 14:6; 1 Giăng 5:12) miệng lưỡi khéo léo và được chấp nhận về mặt trí tuệ đối với một đối tượng độc giả Hy Lạp-La Mã rộng rãi hơn. Có thể rằng tư tưởng của Trí Huệ giáo có nguồn từ những nhánh giáo phái Do Thái quá khích (một ví dụ: Phái DSS (Cuộn Biển Chết). Điều này có thể giải thích cho một số yếu tố Do Thái trong những sách Tân Ước liên quan đến Trí Huệ Giáo.

#### **II. Một số giáo lý chủ yếu được thấy bởi nội chứng trong 1 Giăng.**

A. Từ chối việc nhập thể của Chúa Giê-su

- B. Từ chối vai trò trung tâm sự Cứu Rỗi của Chúa Giê-su
  - C. Thiếu nếp sống Cơ đốc nhân
  - D. Nhấn mạnh về học thức (nhiều khi là kiến thức huyền bí)
  - E. ướng về tích riêng biệt và quý tộc – cho rằng chỉ có một nhóm đặc biệt được cứu.
- III. Nhóm Tri Huệ Giáo phôi thai trong thế kỷ thứ nhất
- A. Cơ sở giáo huấn của nhóm Tri-huệ Giáo phôi thai nhấn mạnh về Nhị nguyên luận đòi hỏi giữa hai thế giới thuộc linh và thuộc thể. Thuộc Linh ( thần chí cao) luôn luôn tốt lành, còn thuộc thể mang tính xấu xa cố hữu. Sự chia đôi này phản ánh
    1. triết học Platon của sự tuyệt hảo thần linh so với vật chất.
    2. thuộc thiên so với thuộc hạ,
    3. vô hình so với hữu hình. Thêm vào đó là sự nhấn mạnh về kiến thức huyền bí (đòi hỏi những mật khẩu và mật mã để cho phép linh hồn vượt qua các tầng bậc thiên sứ (aeons), vươn tới Vị Thần tối cao và được cứu rỗi.
    4. có lẽ có một sự ảnh hưởng từ Bái Hỏa Giáo
  - B. Hai nhóm Tri-huệ giáo phôi thai có thể làm bối cảnh cho Giảng thứ nhất.
    1. Tri-huệ giáo Docetic từ chối nhân tính của Chúa Giê-su, bởi họ cho rằng vật chất là xấu xa,
    2. Tri-huệ giáo Cerinthian, xác nhận Chúa Giê-su là một trong các tầng bậc thiên sứ giữa vị thần tối cao tốt lành và vật chất xấu xa. Đấng Christ tâm linh nhập thể sống trong Giê- su ở thời điểm lễ Báp-tem và dẫn dụ Ngài cho đến khi Ngài bị đóng đinh.
    3. Thành viên của hai nhóm này thi hành nếp sống khổ hạnh (nếu cơ thể đòi hỏi cái gì, phải nghiêm cấm thứ ấy vì nó xấu xa), hoặc nếp sống buông thả (Cơ thể muốn cái gì, cho cái ấy)
  - C. Không có văn tự tồn tại về một hệ thống Tri-huệ giáo phát triển trong thế kỷ thứ nhất. Các văn tự về Tri-huệ giáo bắt đầu có từ giữa thế kỷ thứ hai. Để biết thêm về Tri-huệ giáo xin đọc
    1. *The Gnostic Religion* by Hans Jonas, published by Beacon Press
    2. *The Gnostic Gospels* by Elaine Pagels, published by Random House
    3. *The Nag Hammadi Gnostic Texts and the Bible* by Andrew Helmbold
- IV. Các Dị Giáo Ngày Nay
- A. Tà linh dị giáo có mặt hôm nay khi người ta tìm cách phối hợp chân lý Cơ đốc với triết lý hiện hành
  - B. Tà linh dị giáo có mặt khi người ta nhấn mạnh tín lý “đúng đắn” mà bỏ qua mối liên hệ và nếp sống niềm tin
  - C. Tà linh dị giáo có mặt khi người ta từ bỏ Cơ-đốc giáo để gia nhập một nhóm quý tộc tri thức thuộc linh.
  - D. Tà linh dị giáo có mặt khi người sùng đạo theo đuổi nếp sống khổ hạnh hay phóng dăng.

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Có phải những tác giả Tân Ước là những người sùng bái nam giới?
2. Phụ nữ nên ăn mặc như thế nào? (Hãy tìm nghe phần bài giảng của tôi số #1337 có tựa đề "Một Nền Tảng Thần học của Sự Ăn Mặc Cơ Đốc")

3. Những mối quan hệ trong gia đình lại ảnh hưởng đến những lời cầu nguyện của chúng ta như thế nào?
4. Hãy liệt kê những đặc tính có thể dẫn dắt những mối quan hệ xã hội của chúng ta.
5. Tại sao Các Cơ Đốc Nhân lại chịu khổ?
6. Tất cả các Cơ Đốc Nhân có nên làm chứng bằng lời nói?
7. Những tâm linh bị cầm tù là ai?
8. Phép báp-tem có cứu rỗi chúng ta hay không? (Hãy tìm nghe phần bài giảng của tôi số #1962 có tựa đề là "Sự Tái Phục Hồi của Phép Báp-tem ")

# 1 PHI-E-RƠ 4

## NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Những Kẻ Quản Trị Ân Điển của Đức Chúa Trời	Sự Chịu Khổ của Đấng Christ và của Chúng Ta (3:18-4:6)	Nghĩa Vụ của Các Cơ Đốc Nhân (2:11-4:11)	Những Đời Sống Được Biến Đổi	Đột Phá Tội Lỗi
4:1-6	Phục Vụ cho Ân Điển của Đức Chúa Trời	4:1-6	4:1-6	4:1-6
4:7-11	4:7-11	4:7-11	4:7-11	4:7-11
Sự Chịu Khổ Như Một Cơ Đốc Nhân	Sự Chịu Khổ vì Ân Điển của Đức Chúa Trời	Sự Tóm Lại	Sự Chịu Khổ như một Người Cơ Đốc Nhân	Sự Chịu Khổ cho Đấng Christ
4:12-19	4:12-19	4:12-19	4:12-19	4:12-19

### CHU KỶ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu " Hướng Dẫn một Cách Đọc Kinh Thánh Tốt ")

#### THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

#### NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

##### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1 PHI-E-RƠ 4:1-6

<sup>1</sup> Vậy, vì Đấng Christ đã chịu khổ trong thể xác, thì anh em cũng hãy lấy tư tưởng ấy làm vũ khí; vì người nào đã chịu khổ trong thể xác thì đã đoạn tuyệt với tội lỗi, <sup>2</sup> để bao lâu còn sống trong thể xác thì anh em không sống theo những dục vọng con người, mà theo ý muốn Đức Chúa Trời. <sup>3</sup> Ngày trước anh em đã phí thời gian để làm những việc dân ngoại thích làm, như sống phóng đảng, tham dục, say sưa, cuồng loạn, trác táng, thờ hình tượng gớm ghiếc. <sup>4</sup> Khi thấy anh em không còn dựa vào sự trụ lạc phóng túng ấy nữa thì họ ngạc nhiên và nói xấu anh em. <sup>5</sup> Nhưng họ sẽ phải khai trình với Đấng sẵn sàng phán xét người sống và kẻ chết. <sup>6</sup> Vì lý do đó, Tin Lành cũng đã được giảng ra cả cho kẻ chết, để sau khi bị phán xét theo loài người về phần thể xác, họ được sống theo Đức Chúa Trời về phần tâm linh.

**4:1 "Vậy"** Từ này liên hệ với sự thảo luận trước đó về những điều cần phải vâng theo.

▣ **" Đấng Christ đã chịu khổ trong thể xác "** Câu này liên hệ với 3:18. Thể xác liên hệ đến cuộc sống trên đất

của Chúa Jesus. Ngài đã thực sự là một người ở giữa chúng ta (con người). Ngài đã chết thế trong chỗ của chúng ta (1 Phi-e-rơ 4:18; Ê-sai 53; Mác 10:45; 2 Cô-rinh-tô 5:21). 1 Phi-e-rơ nhấn mạnh sự chịu khổ của Đấng Christ (1 Phi-e-rơ 2:21,23; 3:18; 4:1) và thực tế của sự chịu khổ của những kẻ theo Ngài bởi vì họ đang bước theo Ngài (1 Phi-e-rơ 2:19-20; 3:14,17; 4:15,19; 5:10).

Bản chất chịu thay thế của sự chịu khổ của Đấng Christ được đề cập đến trong 1 Phi-e-rơ 3:18 và 2:21 chính là sự nhấn mạnh bởi một vài bản thảo tiếng Hy Lạp thêm vào "chịu khổ cho anh em" (κ) hoặc "cho chúng ta" (κ<sup>C</sup>, A, K, và P).

Sự thêm vào cùng một loại đại từ định rõ cũng có thể được thấy trong in 1 Phi-e-rơ 4:3. Những người sao chép Kinh Thánh hội thánh đầu tiên cố gắng để làm rõ những phần Kinh Thánh của họ.

▣ **" lấy ... làm vũ khí"** Đây là một thể mệnh lệnh trung cách thì bất định (aorist middle imperative). "trang bị vũ khí" là một thuật ngữ quân đội cho việc mặc vào một chiếc áo giáp nặng và chuẩn bị cho trận chiến. Có một sự tranh chiến thuộc linh trong đời sống hằng ngày của chúng ta (Ê-phê-sô 6:10-20; Rô-ma 13:12; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:8).

▣ **" cũng hãy lấy tư tưởng ấy (với cùng một mục đích như vậy (trong bản tiếng Anh)) "** Thái độ của Chúa Jesus đối với sự chịu khổ, bao gồm sự chịu khổ vô tội, chính là một chuẩn mực cho những kẻ tin kính trong một thế giới sa ngã về mặt thuộc linh (Theo Giăng 15:20; Rô-ma 8:17; Phi-líp 1:29; 2 Ti-mô-thê 3:12; 1 Phi-e-rơ 4:12-19).

▣ **" vì người nào đã chịu khổ trong thể xác thì đã đoạn tuyệt với tội lỗi "** Cụm từ này có thể được dịch trong một vài cách khác nhau tùy thuộc vào hình thái ngữ pháp. Đấng Christ chính là tấm gương trong sự chịu khổ cách vô tội, ngay cả chịu thay thế cho (phân từ chủ động thì bất định (aorist active participle)). Các tín đồ giờ đây liên hệ với sự chịu khổ bởi vì sự định danh của họ với Ngài.

Động từ chính có thể ở cả thể trung cách (theo sách của A. T. Robertson, *Word Pictures of the New Testament*, ở trang 121) hoặc thể bị động (theo Moulton, *Analytical Greek Lexicon* cũng như Barbara và Tim Friberg trong *Analytical Greek New Testament*). Nếu nó là thể trung cách, nó là sự khích lệ các tín đồ cần phải chủ động hết lòng trong nỗ lực không phạm tội như những người theo tấm gương của Đấng Christ. Nếu nó ở thể bị động thì nó nhấn mạnh về sự kiên thuộc linh của sự giải cứu tín đồ khỏi quyền năng của tội lỗi.

Sự chết đã hủy bỏ mối liên hệ giữa một người với tội lỗi. Điểm này có thể kết nối với những ý niệm thần học của Rô-ma 6.

Sự chết đi với đời sống cũ đem lại sự phục vụ tiềm năng Đức Chúa Trời (Rô-ma 6:2,6,7) hoặc phép báp-tem biểu tượng hóa đời sống tươi mới của một người (Rô-ma 6:4; Cô-lô-se 2:12).

Toàn bộ vấn đề ở đây chính là những người đi theo tấm gương chịu khổ của Đấng Christ, thì cũng vậy, (chúng ta cũng đi theo) tấm gương đắc thắng của Ngài trên tội lỗi. Chúng ta chính là những tạo vật mới trong Đấng Christ! Chúng ta phải sống giống như vậy (những tạo vật mới của Đấng Christ). Sự giống như Đấng Christ chính là ý muốn của Đức Chúa Trời (theo Rô-ma 8:28-29; 2 Cô-rinh-tô 3:18; 7:1; Ga-la-ti 4:19; Ê-phê-sô 1:4; 4:13; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:13; 4:3,7; 5:23; 1 Phi-e-rơ 1:15). Nó phản chiếu sự thật rằng hình ảnh của Đức Chúa Trời đã mất đi trong Sự Sa Ngã (Sáng Thế Ký 3) đã được phục hồi trọn vẹn trong Đấng Christ. Các Cơ Đốc Nhân một lần nữa được lựa chọn cách mà họ sẽ sống cuộc đời của họ. Họ giờ đây không còn là những nô lệ của tội lỗi! Hãy bước đi ở trong Ngài!

**4:2 " để bao lâu còn sống trong thể xác thì anh em không sống theo những dục vọng con người "** Câu này phản ánh cùng một lẽ thật thần học với Rô-ma 6. Các tín đồ phải chết đi với tội lỗi và giờ đây sống cho sự hầu việc Đức Chúa Trời (Rô-ma 6:20). Sự cứu rỗi chính là một đời sống mới, một tạo vật mới. Nó có những đặc tính có thể quan sát được.

▣ **" mà theo ý muốn Đức Chúa Trời (bản tiếng Anh) "** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Ý Muốn của Đức Chúa Trời tại 1 Phi-e-rơ 2:15.

**4:3** Câu này là một sự định tội đời sống ngoại giáo trước kia của những độc giả. Đây là một trong những câu Kinh Thánh đã khiến những nhà giải kinh đã khẳng định rằng những hội thánh mà Phi-e-rơ đang viết thư cho

họ đa phần là hội chúng Người Ngoại. Xã hội ngoại giáo rất vô luân, ngay cả trong chính những tập tục thờ phượng của họ. Cơ Đốc Giáo cần phải thực hiện một sự khác biệt đáng chú ý và một sự thay đổi sâu sắc trong những thói quen lối sống. Sự thay đổi này thường là sự bắt đầu của sự bắt bớ bởi những người ngoại giáo khác. Tội lỗi yêu thích bầu bạn (của nó).

Sau từ mở đầu "vì (trong bản tiếng Anh)," một vài bản tiếng Hy Lạp thêm "anh em" và một số bản khác thêm "chúng ta." Cả hai đều là những sự sao chép thêm vào cố gắng để làm rõ cách dùng từ, sắp xếp câu của tác giả.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁC THÓI XẤU VÀ NÉT TỐT TRONG TÂN ƯỚC**

Bảng liệt kê những thói xấu và nét tốt thường thấy trong Tân ước. Những điều này thường phản ánh các thói nét của văn hóa (Hy Lạp) và Do thái. Danh sách những thói nét tương phản này được liệt kê sau đây:

	<b><u>Những thói xấu</u></b>	<b><u>Những nét tốt</u></b>
1. Phao lô	Rô-ma 1:28-32 Rô-ma 13:13 I Cô-rinh-tô 5:9-11 6:10 II Cô-rinh-tô 12:20 Ga-la-ti 5:19-21 Ê-phê-sô 4:25-32 5:3-5 ---	--- Rô-ma 2:9-21 --- I Cô-rinh-tô 6:6-9 II Cô-rinh-tô 6:4-10 Ga-la-ti 5:22-23 --- --- Phi-líp 4:8-9 Cô-lô-se 3:12-14 ---
2. Gia-cơ	ITi-mô-thê 1:9-10 6:4-5 II Ti-mô-thê 2:22a, 23	---
3. Phi-e-rơ	Tít 1:7, 3:3 Gia-cơ 3:15-16 I Phi-e-rơ 4:3 II Phi-e-rơ 1:9	II Ti-mô-thê 2:22b,24 Tít 1:8-9; 3:1-2 Gia-cơ 3:17-18 I Phi-e-rơ 4:7-11 II Phi-e-rơ 1:5-8
4. Giăng	Khải huyền 21:8; 22:15	---

▣ **"deo đuổi một tiến trình của (bản tiếng Anh)"** Đây là một phân từ thể trung cách thì hoàn thành. Những người không tin đã thiết lập một cách cố ý và vĩnh viễn tiến trình của chính họ trên cái tội và tội lỗi.

<b>NASB</b>	<b>"nhục dục"</b>
<b>NKJV, NRSV</b>	<b>"thú nhục dục"</b>
<b>TEV</b>	<b>"sự khiếm nhã"</b>
<b>NJB</b>	<b>"hành xử trong một cách trụy lạc"</b>

Từ này ngụ ý một sự thiếu vắng hoàn toàn sự kiểm soát bản thân (sự tiết độ), một sự vi phạm quyết ý những tiêu chuẩn xã hội, đặc biệt trong lãnh vực tình dục (theo Mác 7:22; Rô-ma 13:13; 2 Cô-rinh-tô 12:21; Ga-la-ti 5:19; Ê-phê-sô 4:19; 1 Phi-e-rơ 4:3; 2 Phi-e-rơ 2:7,18; Giu-đe 6).

▣ **"tham dục"** Từ này có nghĩa chỉ đến sự khao khát đầy mạnh mẽ một điều gì đó hoặc một ai đó. Sự thèm muốn khao khát đầy mãnh liệt này có thể theo nghĩa tích cực (theo Lu-ca 22:15; 1 Ti-mô-thê 2:1; 1 Phi-e-rơ 1:12), nhưng thường nó có nghĩa tiêu cực (1 Phi-e-rơ 1:14; 2:11; 4:2,3; 2 Phi-e-rơ 1:4;2:10,18; 3:3; Mác 4:19).

▣ **"say sưa"** Đây là một từ ghép, được tìm thấy duy nhất ở đây trong Tân Ước dùng cho "rượu" (*oinos*) và "cực kỳ hào hứng và tràn đầy cảm xúc" (*phluō*). Thể giới cổ đại uống rượu khá thường xuyên, cũng như Chúa Jesus (theo Ma-thi-ơ 11:18-19) và hội thánh đầu tiên. Đó chính là sự quá độ vốn đã bị định tội (Châm Ngôn 23:29-35; Rô-ma 13:13; Ga-la-ti 5:21).

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: CÁI NHÌN CỦA KINH THÁNH ĐỐI VỚI RƯỢU (CHẤT CÓ MEN) VÀ SỰ SAY RƯỢU (SỰ NGHIỆN NGẬP)

### I. Các từ ngữ trong Kinh thánh

#### A. Cụm ước

1. *Yayin*- Đây là từ ngữ tổng quát chỉ rượu, được dùng 141 lần. Từ nguyên của chữ này không rõ bởi vì nó không phải xuất phát từ gốc từ Hê-bơ-rơ. Nó có nghĩa là các loại trái cây lên men, thường là nho. Các đoạn Kinh thánh điển hình gồm có Sáng thế ký 9:21; Xuất Ê-díp-tô ký 29:40; Dân số ký 15:5, 10.
2. *Tirosh*- Đây là “rượu mới.” Bởi vì điều kiện khí hậu ở vùng Cận đông, quá trình lên men có thể xảy ra sớm nhất là 6 giờ đồng hồ sau khi ép lấy nước trái cây. Từ này chỉ rượu đang trong giai đoạn lên men. Các đoạn Kinh thánh điển hình gồm có Phục truyền luật lệ ký 12:17; 18:4; Ê-sai 62:8-9; Ô-sê 4:11
3. *Asis*- Đây rõ ràng là các loại uống có cồn (Giô-ên 1:5; Ê-sai 49:26).
4. *Sekar*- Đây là từ “đồ uống mạnh.” Từ Hê-bơ-rơ gốc là “say” hay “người say.” Nó có thêm một thứ gì khác vào để làm cho say hơn. Nó tương đương với từ *yayin* (Châm-ngôn 20:1; 31:6; Ê-sai 28:7).

#### B. Tân ước

1. *Oinos*- chữ Hy-lạp tương đương của chữ *yayin*.
2. *Neos oinos* (rượu mới)- từ Hy-lạp tương đương với chữ *tirosh* (Mác 2:22)
3. *Gleuchos vinos* (rượu ngọt)- rượu trong thời kỳ đầu của giai đoạn lên men (Công vụ 2:13).

### II. Các cách dùng trong Kinh thánh

#### A. Cụm ước:

1. Rượu là một món quà từ Chúa (Sáng thế ký 27:28; Thi-thiên 104:14-15; Truyền đạo 9:7; Ô-sê 2:8-9; Giô-ên 2:19,24; A-môt 9:13; Xa-cha-ri 10:7).
2. Rượu là một phần trong tế lễ hy sinh (Xuất Ê-díp-tô ký 29:40; Lê-vi-ký 23:13; Dân số ký 15:7,10; 28:14; Phục truyền luật lệ ký 14:26; Các quan xét 9:13).
3. Rượu được dùng như thuốc (II Sa-mu-ên 16:2; Châm-ngôn 31:6-7).
4. Rượu có thể trở thành một vấn đề nghiêm trọng (Nô-ê- trong Sáng thế ký 9:21; Lót- trong Sáng thế ký 19:33, 35; Sam-sôn- trong Các quan xét 16:19; Na-banh- trong I Sa-mu-ên 25:36; U-ri- II Sa-mu-ên 11:13; Am-môn- II Sa-mu-ên 13:28; Ê-la- I Các Vua 16:9; Bên-ha-đát- I Các Vua 20:12; Những người cầm quyền- A-môt 6:6; và Những người phụ nữ- A-môt 4).
5. Rượu có thể bị lạm dụng (Châm-ngôn 20:1; 23:29-35; 31:4-5; Ê-sai 5:11, 22; 19:14; 28:7-8; Ô-sê 4:11).
6. Rượu bị cấm đối với một số nhóm người (Thầy tế lễ đang phiên trực, Lê-vi-ký 10:9; Ê-xê-chi-ên 44:21; Na-xi-rê, Dân số ký 6; và những người cai trị, Châm-ngôn 31:4-5; Ê-sai 56:11-12; Ô-sê 7:5).
7. Rượu được dùng trong bối cảnh ngày cuối cùng (A-môt 9:13; Giô-ên 3:18; Xa-cha-ri 9:17).

#### B. Thời kỳ giữa hai giao ước (Interbiblical)

1. Rượu dùng có chừng mực rất có ích lợi (sách Ecclesiasticus 31:27-30)
2. Các thầy ra-bi nói rằng, “Rượu là thứ thuốc tốt nhất, chỗ nào thiếu rượu thì thuốc mới cần đến.” (BB 58b).

#### C. Tân ước:

1. Chúa Jêsus biến một khối lượng lớn nước thành rượu (Giăng 2:1-11).
2. Chúa Jêsus uống rượu (Ma-thi-ơ 11:18-19; Lu-ca 7:33-34; 22:17 và tiếp sau).
3. Phi-e-rơ bị cho là say ‘rượu mới’ trong ngày lễ Ngũ Tuần (Công vụ 2:13).
4. Rượu được dùng làm thuốc (Mác 15:23; Lu-ca 10:34; I Ti-mô-thê 5:23).
5. Lãnh đạo không được là người lạm dụng rượu. Điều này không có nghĩa là hoàn toàn kiêng cử rượu (I Ti-mô-thê 3:3, 8; Tít 1:7; 2:3; I Phi-e-rơ 4:3).
6. Rượu dùng trong bối cảnh ngày cuối cùng (Ma-thi-ơ 22:1 và tiếp sau; Khải huyền 19:9).
7. Ân hận khi say rượu (Ma-thi-ơ 24:49; Lu-ca 11:45; 21:34; I Cô-rinh-tô 5:11-13; 6:10; Ga-la-ti 5:21; I Phi-e-rơ 4:3; Rô-ma 13:13-14).

### III. Các kiến giải thần học:

#### A. Sự căng thẳng biện chứng:

1. Rượu là một món quà Chúa ban
  2. Sự say rượu là một vấn đề nghiêm trọng
  3. Người tin Chúa trong một số văn hóa phải tự giới hạn sự tự do của mình vì Phúc âm (Ma-thi-ơ 15:1-20; Mác 7:1-23; I Cô-rinh-tô 8-10; Rô-ma 14:1-15; 13).
- B. Khuynh hướng đi ra khỏi giới hạn cho phép:
1. Đức Chúa Trời là nguồn của mọi điều tốt lành (tạo vật “rất tốt lành,” Sáng thế ký 1:31).
    - a. Thức ăn – Mác 7:19; Lu-ca 11:44; 1 Cô-rinh-tô 10:25-26
    - b. Mọi vật đều sạch – Rô-ma 14:14,20; 1 Ti-mô-thê 4:4
    - c. Mọi điều đều hợp pháp – 1 Cô-rinh-tô 6:12; 10:23
    - d. Mọi điều đều tinh sạch – Tít 1:15
  2. Con người sa ngã đã lạm dụng những điều Chúa ban bằng cách đi ra khỏi giới hạn cho phép.
- C. Sự lạm dụng ở tại chúng ta, chứ không phải trong đồ vật. Không có điều gì là gian ác trong các tạo vật thuộc vật chất này (Mác 7:18-23; Rô-ma 14:14,20; I Cô-rinh-tô 10:25-26; I Ti-mô-thê 4:4; Tít 1:15).
- IV. Văn hóa Do thái thế kỷ thứ nhất và sự lên men rượu:
- A. Sự lên men xảy ra rất sớm, khoảng 6 giờ sau khi nho được ép ra, đặc biệt là trong loại khí hậu nóng và điều kiện vệ sinh thấp
  - B. Truyền thống Do thái nói rằng khi một miếng bọt nhỏ xuất hiện trên bề mặt (dấu hiệu lên men), nó phải được biệt riêng ra phần mười (sách *Ma aseroth* 1:7). Nó được gọi là ‘rượu mới’ hay là ‘rượu ngọt.’
  - C. Sự lên men mạnh mẽ nhất chấm dứt sau một tuần.
  - D. Quá trình lên men lần thứ hai mất khoảng 40 ngày. Đến lúc này, nó được xem là “rượu đã chín tới” và có thể được đem dâng trên bàn thờ (sách *Edhuyyoth* 6:1).
  - E. Rượu để ở nơi khuất (rượu lâu năm) được kể là rượu tốt, nhưng phải lọc thật kỹ trước khi dùng.
  - F. Rượu được xem là đến đúng tuổi sau khoảng một năm để lên men. Thời gian cất giữ rượu lâu nhất là 3 năm. Nó gọi là “rượu cũ” và phải pha với nước.
  - G. Chỉ trong vòng 100 năm trở lại đây, quá trình lên men bị đình lại khi ở trong môi trường tiệt trùng và các hóa chất phụ gia. Thời xưa không thể làm ngưng quá trình lên men tự nhiên.
- V. Lời kết:
- A. Nên cẩn thận để kinh nghiệm của bạn, quan điểm thần học và sự giải thích Kinh thánh của bạn không hạ giá Chúa Jê-sus và văn hóa Do thái và/hoặc văn hóa Cơ đốc! Rõ ràng họ không phải là những người hoàn toàn kiêng cử rượu.
  - B. Tôi không cổ vũ cho việc dùng rượu để xã giao. Tuy nhiên, nhiều người đã tuyên bố quá đáng vị trí của Kinh thánh về đề tài này và tự xưng công bình ở đẳng cấp cao hơn dựa vào các thành kiến về hệ phái và văn hóa.
  - C. Đối với tôi, Rô-ma 14:1-15:13 và I Cô-rinh-tô 8-10 đã cung cấp các kiến giải và hướng dẫn dựa trên tình yêu thương và sự tôn trọng các anh em trong niềm tin và sự truyền bá Phúc âm trong mọi văn hóa, chứ không phải nhấn mạnh đến tự do cá nhân hay là công kích với tinh thần phán xét. Nếu Kinh thánh là nguồn tài liệu duy nhất để hướng dẫn niềm tin và thực hành, thì có lẽ chúng ta phải suy nghĩ lại vấn đề này.
  - D. Nếu chúng ta cố áp đặt sự kiêng cử hoàn toàn là ý chỉ của Chúa, thì chúng ta đã có hàm ý gì về chính Chúa Jê-sus, cũng như các văn hóa ngày nay thường dùng rượu (ví dụ như Âu châu, Y-sơ-ra-ên, Ác-hen-ti-na)?

<b>NASB</b>	<b>"chè chén no say"</b>
<b>NKJV</b>	<b>"cuộc hoan lạc"</b>
<b>NRSV</b>	<b>"ăn uống hoan lạc"</b>
<b>TEV</b>	<b>"những buổi tiệc trác táng"</b>

Từ này *kōmos* liên hệ với thuật ngữ trong tiếng Hy Lạp cho ngôi làng, *kōmē*. Nó ngụ ý một bữa tiệc của một cộng đồng rộng lớn liên quan đến sự quá độ của việc ăn, uống, và những hoạt động tình dục vô độ (Rô-ma 13:13; Ga-la-ti 5:21).

▣ **"trác táng (những buổi tiệc say sưa) "** Từ này liên hệ với thuật ngữ trước đó. Bản NJB kết hợp chung thành "có những bữa tiệc hoang dại và những buổi truy hoan say xỉn."



<b>NASB, NKJV</b>	<b>"những sự thờ hình tượng gớm ghiếc "</b>
<b>NRSV</b>	<b>"sự thờ hình tượng trái nghịch với luật pháp "</b>
<b>TEV</b>	<b>"sự thờ phượng gớm ghiếc những hình tượng "</b>
<b>NJB</b>	<b>"sự thờ phượng báng bổ những thần giả dối "</b>

Danh sách những tội lỗi này liên hệ với những tập tục thờ phượng ngoại giáo thường liên hệ với sự vô độ của ăn, uống và tình dục vô luân của những sự hèn hạ nhất của chúng. Nó tương tự với sự thờ phượng phồn thực Ca-na-an vốn đã bị định tội trong Cựu Ước.

**4:4** Câu này liên hệ với 2:12,15; 3:16. Các Cơ Đốc Nhân đã bị hiểu nhầm và tấn công bởi vì (1) đời sống và sự thay đổi những ưu tiên của họ quá rõ ràng và triệt để đến nỗi gia đình, bạn bè và những người lân cận chú ý và (2) một vài thuật ngữ và tập tục Cơ Đốc đã bị xuyên tạc (giải nghĩa sai) (bữa tiệc yêu thương như là sự loạn luân, Tiệc Thánh như là sự ăn thịt người, v.v...).

**4:5 " họ sẽ phải khai trình với Đấng sẵn sàng phán xét "** Sự đoán phạt là chắc chắn (theo Ma-thi-ơ 12:36; Hê-bơ-rơ 9:27; 10:27; 2 Phi-e-rơ 2:4,9; 3:7). Đấng phán xét chính là

1. Đức Chúa Trời (Rô-ma 2:2-3; 14:10,12; 1 Phi-e-rơ 1:17; 2:23; Khải Huyền 20:11-15)
2. Đấng Christ (Theo Giăng 9:39; Ma-thi-ơ 16:27; 25:31-46; Công Vụ 10:42; 17:31; 2 Cô-rinh-tô 5:10; 2 Ti-mô-thê 4:1)
3. Đức Chúa Cha thông qua Đức Chúa Con (Theo Giăng 5:22-27; Công Vụ 17:31; Rô-ma 2:16)

Sự đoán phạt là một chủ đề không dễ chịu, nhưng là một chủ đề thường xuyên trong Kinh Thánh. Nó dựa trên một vài những lẽ thật theo Kinh Thánh nền tảng.

1. Đây chính là một vũ trụ luân lý được tạo ra bởi một Đức Chúa Trời đạo đức (chúng ta gặt những gì chúng ta gieo, theo Ga-la-ti 6:7).
2. Nhân loại sa ngã; chúng ta đã bội nghịch.
3. Đây không phải là một thế giới Đức Chúa Trời dự định nó sẽ trở thành.
4. Tất cả mọi tạo vật có ý thức (các thiên sứ và con người) sẽ phải giải trình trước Đấng Tạo Hóa của họ về món quà sự sống. Chúng ta là những người quản gia.
5. Cõi đời đời sẽ được xác định vĩnh cửu bởi những hành động của chúng ta và những sự lựa chọn được thực hiện trong cuộc đời này.

▣ **" người sống và kẻ chết "** Cụm từ này có nghĩa là toàn bộ loài người, cả những kẻ đang còn sống và những người đã chết rồi (Phi-líp 2:10; Khải Huyền 2:13).

**4:6 " Vì lý do đó, Tin Lành cũng đã được giảng ra cả cho kẻ chết "** Có một vài giả thuyết liên hệ đến cụm từ này:

1. Nó liên hệ đến 3:18-20 ("những tâm linh bị tù ")
2. Nó chỉ đến toàn bộ loài người bởi vì toàn bộ loài người, các tín đồ và những kẻ không tin, đều chết đi về mặt xác thịt vì tội lỗi (song hành với 1 Phi-e-rơ 4:5)
3. Nó chỉ đến những người đáp ứng với phúc âm nhưng đã chết (cả hai thể bị động thì bất định (aorist passive))
4. Nó chỉ đến những người đã chết về mặt thuộc linh (người hư mất) theo Augustine, Bede, Erasmus, và Luther (theo Lu-ca 15:24,32; Ê-phê-sô 2:1,5; 5:14; Cô-lô-se 2:13)

Giả thuyết cuối cùng suy xét rằng một vài người (những kẻ chưa bao giờ nghe phúc âm) sẽ nhận được một cơ hội để đón nhận Đấng Christ sau khi chết. Giả thuyết này khá hấp dẫn với lý trí con người nhưng hoàn toàn xa lạ với phần còn lại của Kinh Thánh (Hê-bơ-rơ 9:27). Nó bác bỏ sự nguy cấp và sự cần thiết của sự truyền giáo và sứ mạng ngay bây giờ! Tôi nghĩ rằng lựa chọn 1 hoặc 3 phù hợp nhất với văn mạch.

▣ **" để sau khi bị phán xét theo loài người về phần thể xác, họ được sống ... về phần tâm linh "** Cách dùng từ trong câu này rất giống với sự mô tả về Chúa Jesus trong 1 Phi-e-rơ 3:18. Nó khẳng định sự có thật của một cõi đời sau. Kinh Thánh rất rõ ràng, dứt khoát về một sự phục sinh của cả những kẻ được cứu và hư mất (Đa-ni-ên 12:2; Ma-thi-ơ 25:46; Giăng 5:28-29; Công Vụ 24:15).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1 PHI-E-RƠ 4:7-11**

<sup>7</sup> Sự cuối cùng của muôn vật đã gần; vậy hãy tỉnh táo và tiết độ để cầu nguyện. <sup>8</sup> Trước hết, hãy yêu thương nhau tha thiết; vì tình yêu thương che lấp vô số tội lỗi. <sup>9</sup> Hãy tiếp đãi nhau không chút cần nhần. <sup>10</sup> Mỗi người hãy dùng ân tứ mình đã nhận mà phục vụ nhau, như người quản lý trung tín khéo sử dụng ân điển của Đức Chúa Trời nhiều cách khác nhau. <sup>11</sup> Nếu có ai giảng luận thì hãy giảng như rao truyền lời của Đức Chúa Trời; nếu có ai phục vụ thì hãy phục vụ bằng sức mạnh của Đức Chúa Trời ban cho, để trong mọi sự Đức Chúa Trời được tôn vinh qua Đức Chúa Jê-sus Christ. Nguyện vinh quang và quyền năng thuộc về Ngài đời đời vô cùng. A-men.

**4:7 " Sự cuối cùng của muôn vật đã gần "** Đây là một thể chỉ định chủ động hoàn thành (perfect active indicative). Sự Tái Lâm là một chủ đề thường xuyên trong 1 Phi-e-rơ (1 Phi-e-rơ 1:5,6; 4:13,17; 5:1,10). Trái đất vật chất sẽ bị hủy diệt/ tẩy sạch bởi ngọn lửa thanh tẩy (2 Phi-e-rơ 3:10). Quan điểm về Sự Tái Lâm đã cận kề cũng được thấy trong sự dạy dỗ của Chúa Jesus (theo Mác 1:15; Lu-ca 21:32); Phao-lô (Rô-ma 13:11); Gia-cơ (Gia-cơ 5:8); và Giăng (Khải Huyền 1:1,3; 3:11; 22:6,7,10,12,20).

Sự cận kề của sự tái lâm của Chúa Jesus đã trở thành chủ đề của rất nhiều bài giảng trong suốt hai ngàn năm qua và Ngài vẫn chưa trở lại. Có phải điều này ngụ ý rằng (1) Ngài sẽ không trở lại hoặc (2) Tân Ước đã sai về sự trở lại sớm của Ngài? Chúa Jesus không biết thời điểm Ngài trở lại (theo Ma-thi-ơ 24:36). Điều này khiến chúng ta kinh ngạc và nó là một phần của bí ẩn của sự nhập thể.

Một sự trở lại tức thì có vẻ như là quan điểm của các tác giả Tân Ước. Và điều gì đã xảy ra? Trước tiên, chúng ta cần nhớ rằng thời gian chỉ đáng chú ý, quan trọng đối với những ai liên quan trong nó. Đức Chúa Trời không chậm chạp, nhưng Đức Chúa Trời vượt ngoài thời gian. Sự gần đến của sự tái lâm của Chúa Jesus đã là một sự khích lệ và động cơ cho đời sống tin kính của tất cả mọi thể hệ tín đồ. Tuy vậy, 2 Tê-sa-lô-ni-ca đã khắc họa về mặt thần học một sự tái lâm bị trì hoãn (chưa cho đến khi "kẻ vô luật pháp được hiện ra (bày tỏ)"). Sự Tái Lâm chính là một chủ đề thường xuyên, nhưng là một hiện thực chỉ dành cho duy nhất một thể hệ tín đồ mà thôi (2 Phi-e-rơ 3).

**NASB** "hãy phán đoán cách đúng đắn và *tâm linh* tỉnh thức "  
**NKJV** "hãy nghiêm túc và thận trọng "  
**NRSV** "hãy nghiêm túc và dạy dỗ chính anh em "  
**TEV** "anh em hãy tiết độ (tự chủ) và cảnh giác "  
**NJB** "vì vậy hãy giữ tâm trí anh em bình tĩnh và tỉnh táo "

Cụm từ này bắt đầu với một chuỗi của những thể mệnh lệnh (imperative) hoặc những phân từ (participle) được sử dụng như những thể mệnh lệnh (imperative), vốn nhấn mạnh đời sống tin kính (1 Phi-e-rơ 4:6c). Hai từ này chỉ về sự cảnh giác về mặt tâm trí, đặc biệt trong lĩnh vực cầu nguyện. Từ đầu tiên là *sōphronēō*. Nó (và những thể liên quan) chỉ về sự suy nghĩ cách bình tĩnh, đúng đắn, vững vàng và mạnh mẽ (nó được dùng khá thường xuyên trong những Lá Thư Chăn Bày của Phao-lô, 1 Ti-mô-thê 2:9,15; 3:2; 2 Ti-mô-thê 1:7; Tít 1:8; 2:2,4,5,6,12). Từ thứ hai là *nēphō* (và những thể liên quan của nó), vốn có nguyên văn liên hệ đến sự xay xín, nhưng được sử dụng theo nghĩa bóng của suy nghĩ lý trí, kiểm soát, đúng đắn, có lẽ là sự tiết độ (kiểm soát được chính mình) (1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:6,8; 1 Ti-mô-thê 3:11; Tít 2:2; và 1 Phi-e-rơ 1:13; 5:8).

Tuy nhiên, chú ý rằng Phi-e-rơ không đề cập đến bất cứ sự kiện lai thể (tận thể) nào liên hệ với sự tái lâm của Đấng Christ. Ông sử dụng sự có thực của nó như một sự thúc đẩy cho đời sống tin kính. Cả hai đều là thể mệnh lệnh bất định (aorist imperative). Điều này có lẽ liên hệ với trải nghiệm của Phi-e-rơ tại Vườn Ghết-sê-ma-nê (theo Ma-thi-ơ 26:40-41). Viễn cảnh tức thời của một Sự Tái Lâm là một sự khích lệ thật cho một đời sống giống như Đấng Christ trong mọi thời đại, đặc biệt giữa sự bất bố khắc nghiệt.

▣ " **để (vì mục đích của sự) cầu nguyện** " Lời cầu nguyện là một vũ khí đầy quyền năng trong những thời kỳ của sự bất bố và căm dỗ (Ê-phê-sô 6:18-19), không phải chỉ cho bản thân mình, nhưng cho những người khác (1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:17,25; Gia-cơ 5:16). Cũng như cách 1 Phi-e-rơ 4:3 mô tả về hành vi không phù hợp của những kẻ không tin ngoại giáo, 1 Phi-e-rơ 4:7-11 mô tả về hành vi được trông đợi của những tín đồ.

**4:8**

**NASB, NRSV, NJB**

**"vượt trên tất cả"**

**NKJV**

**"vượt trên mọi điều"**

**TEV**

**"vượt trên tất cả mọi điều"**

Đây là một thành ngữ Hy Lạp được dùng cho sự ưu tiên (Gia-cơ 5:12). Tình yêu là một sự ưu tiên một (1 Phi-e-rơ 1:22; 3:8; Giăng 13:34; 15:12,17; 1 Cô-rinh-tô 13; 1 Giăng 2:7-8; 3:11,23; 4:7-21).

▣ **"hãy yêu thương ... tha thiết"** Đây là một phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle) được sử dụng như một thể mệnh lệnh (imperative). Câu này đòi hỏi một tình yêu tiếp diễn cho những tín đồ khác, vốn là một chủ đề 1 Phi-e-rơ đã giới thiệu trước đó (1 Phi-e-rơ 1:22; 3:8).

▣ **"(đôi với lẫn) nhau"** Chú ý ba lớp sử dụng của cụm từ "lẫn nhau" (1 Phi-e-rơ 4:8,9, and 10). Cơ Đốc Giáo chính là cộng đồng. Chúng ta được trao một người cho người khác (1 Cô-rinh-tô 12:7).

▣ **"tình yêu thương che lấp vô số tội lỗi"** Có một vài giả thuyết liên hệ đến cụm từ này.

1. Nó là một trích dẫn Cựu Ước trích từ Châm Ngôn 10:12 (từ trong bản MT nhưng không có trong bản LXX) nơi tình yêu thương không ghi nhớ những việc làm sai trật đã làm với nó
2. Nó liên hệ với Gia-cơ 5:20 nơi tình yêu thương giúp đỡ một tín đồ khác đảo ngược những hậu quả thuộc linh của sự trượt ngã dài
3. Nó liên hệ với Ma-thi-ơ 6:14-15 và Mác 11:25 nơi sự tha thứ của chúng ta dành cho nhau chính là một bằng chứng của việc chúng ta được tha thứ (theo Origen và Tertullian)
4. Nó liên hệ đến 1 Cô-rinh-tô 13:7, khả năng của tình yêu thương không nhìn thấy những điểm yếu đuối của những Cơ Đốc Nhân đồng lao trong sự bắt bớ

**4:9 "Hãy tiếp đãi nhau"** Đây là một từ ghép của *phileō* (tình yêu) và *xenos* (người lạ). Tình-yêu-người-lạ đặc biệt cần thiết cho những Cơ Đốc Nhân lưu động trong một thời kỳ mà những quán trọ là những nơi hiển nhiên của điều ác (theo Ma-thi-ơ 25:từ câu 35; Rô-ma 12:13; 1 Ti-mô-thê 3:2; Tít 1:8; Hê-bơ-rơ 13:2; 2 Giăng 5-8). Không có động từ trong cụm từ này trong bản tiếng Hy Lạp. Bởi số lượng của những thể mệnh lệnh, đây có lẽ cũng là một mệnh lệnh tiếp diễn

▣ **"không chút cần nhần"** Thái độ của các Cơ Đốc Nhân là quan trọng then chốt. Các tín đồ nhận ra rằng họ là chủ nhân của tuyệt nhiên không có gì và là kẻ quản trị của tất cả mọi điều. Cách tiếp đãi mở cửa không chỉ cần thiết cho những người làm việc trong hội thánh đang đi lại, nhưng cũng cho cả các tín đồ địa phương là những người đã mất việc làm và nhà cửa bởi sự bắt bớ. Mạng lệnh này, cũng giống như những mạng lệnh khác, bày tỏ một bản chất cộng đồng của đức tin Cơ Đốc.

**4:10 "Mỗi người hãy dùng ân tứ mình đã nhận"** Đây là một Thể chỉ định chủ động thì bất định (aorist active indicative), vốn ngụ ý một hành động hoàn tất trong quá khứ. Từ ân tứ (món quà) (*charisma*) có nguồn gốc từ từ gốc cho "ân điển" (*charis*). Những ân tứ này là những món quà yêu thương không xứng đáng với mục đích dành cho chức vụ. Mọi tín đồ đều có một ân tứ thuộc linh, được ban cho bởi Đức Chúa Trời ngay tại sự cứu rỗi, cho mục đích chức vụ và cho Hội Thánh (Rô-ma 12:6-8; 1 Cô-rinh-tô 12:7,11,18; Ê-phê-sô 4:7). Những ân tứ này có thể là những tài năng bẩm sinh, nhưng nếu vậy, thì chúng được ban năng lực siêu nhiên cho sự vinh hiển của Đấng Christ!

Khía cạnh thực hành của lẽ thật Tân Ước này chính là mỗi một tín đồ là một người thi hành chức vụ trọn thời gian, được kêu gọi, được ban ân tứ của Đấng Christ (Ê-phê-sô 4:12). Mọi tín đồ vì vậy rất quan trọng cho công tác hiệu quả của hội thánh địa phương. Đây là một sự sửa lại theo Kinh Thánh dành cho khuôn mẫu tăng lữ/thể tục trong hội thánh hiện đại, nhưng thật loạn chức năng. Thế giới sẽ không bao giờ được chinh phục và môn đồ hóa chỉ bởi những nhân viên (người làm chức vụ) được trả lương và thụ phong mà thôi!

▣ **"mà phục vụ nhau"** Đây là một phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle) được dùng như một thể mệnh lệnh (imperative). Nó từ từ gốc Hy Lạp dùng cho tội tở (nô lệ) (*diakonos*). Từ này sau này trở thành danh hiệu dành cho những chấp sự (Phi-líp 1:1). Trong Cơ Đốc Giáo những lãnh đạo chính là những tội tở, chứ không phải những ông chủ. Những ân tứ thuộc linh để (phục vụ) cho những người khác, chứ không phải chính chúng ta (1 Cô-rinh-tô 12:7). Những ân tứ thuộc linh không phải là "những quân hàm công trạng" nhưng là

"những chiếc khăn phục vụ."

▣ **" như người quản lý trung tín "** Cụm từ này nguyên văn là "những quản gia." Hội thánh chính là gia đình của Đức Chúa Trời (1 Phi-e-rơ 4:17). Các tín đồ sẽ khai trình với Đức Chúa Trời trong Đấng Christ về sự quản trị của họ về những ân tứ thuộc linh (1 Cô-rinh-tô 3:10-17; 2 Cô-rinh-tô 5:10).

▣ **" ân điển của Đức Chúa Trời nhiều cách khác nhau "** Từ "đa dạng" xuất hiện hai lần trong 1 Phi-e-rơ, có nghĩa là "đa dạng hóa (điểm những đốm màu khác nhau)," giống như ánh sáng đi qua một lăng kính (phân ra thành nhiều màu khác nhau). Phần Kinh Thánh này quân bình 1 Phi-e-rơ 1:6. Đối với mọi sự thử thách (Gia-cơ 1:2) có một ân điển tương xứng của Đức Chúa Trời và Đức Chúa Trời đã lựa chọn để khiến nó (ân điển đó) trở nên sẵn sàng qua những tín đồ khác. Không có bất cứ tín đồ nào là một hòn đảo.

**4:11 " Nếu có ai. . . nếu có ai "** Có hai câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence). Những tội tớ được ban ân tứ của Đức Chúa Trời được trông đợi sẽ nói và phục vụ bởi quyền năng Ngài. Nếu chúng ta nói nó sẽ là sự bày tỏ của Ngài. Nếu chúng ta phục vụ, sự phục vụ đó sẽ bởi sức lực của Ngài.

▣ **" của Đức Chúa Trời ban cho "** Đây làm một thể chỉ định chủ động thì hiện tại của một từ được sử dụng cho một người hỗ trợ của mặt tài chính cho một "đội" (*chorēgēō*, vốn là một từ ghép của *choros* và *hēgeomai*). Đức Chúa Trời tiếp tục chu cấp một cách giàu có cho những người được ban ân tứ của Ngài (2 Cô-rinh-tô 9:10, có cùng một từ với tiền tố *epi*, xuất hiện 2 lần trong 2 Phi-e-rơ 1:5,11).

Thật thú vị rằng Phao-lô có vẻ gán những ân tứ thuộc linh cho Đức Thánh Linh (Rô-ma 12) hoặc cho Đấng Christ (Ê-phê-sô 4:11), nhưng Phi-e-rơ lại gán chúng cho Đức Chúa Cha. Đây là một ví dụ khác về tất cả các ngôi của Đức Chúa Trời đều liên quan trong những hoạt động của vương quốc (1 Cô-rinh-tô 12:4-6).

▣ **" để trong mọi sự Đức Chúa Trời được tôn vinh qua Đức Chúa Jesus Christ "** Đây là một mệnh đề mục đích (*hina*) (purpose clause). Những ân tứ thuộc linh cần phải tôn vinh Đức Chúa Trời, chứ không phải những đại diện con người. Việc có những ân tứ của chúng ta chỉ về Ngài (theo Ma-thi-ơ 5:16; 1 Cô-rinh-tô 10:31; 1 Phi-e-rơ 2:12).

▣ **" Nguyện vinh quang và quyền năng thuộc về Ngài đời đời vô cùng "** Câu này chỉ về Chúa Jesus trong văn mạch này (2 Ti-mô-thê 4:18; 2 Phi-e-rơ 3:18; Khải Huyền 1:6). Trong Khải Huyền 5:13 nó được sử dụng cả cho Cha và Con. Thường cụm từ này chỉ đến Cha (1 Phi-e-rơ 5:11; Rô-ma 11:36; 16:27; Ê-phê-sô 3:21; Phi-líp 4:20; 1 Ti-mô-thê 1:17; 1 Phi-e-rơ 5:11; Giu-đe 25; Để xem ghi chú về "sự vinh hiển" hãy xem 1:21.

▣ Sự tán dương, ngợi khen (Đức Chúa Trời) là rất phổ biến trong Tân Ước. Những tác giả Tân Ước thường xuyên vỗ òa ra trong sự ngợi khen Đức Chúa Trời (Rô-ma 11:33-36; Ê-phê-sô 3:20-21; 1 Phi-e-rơ 5:11).

▣ **"A-men"** Hãy xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: A-MEN tại Mác 3:28.

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1 PHI-E-RO 4:12-19

<sup>12</sup> Thừa anh em yêu dấu, khi lửa thử thách đến để thử nghiệm anh em thì đừng ngạc nhiên như mình gặp một việc khác thường. <sup>13</sup> Nhưng anh em dự phần trong sự thương khó của Đấng Christ bao nhiêu thì hãy vui mừng bấy nhiêu; để khi vinh quang của Ngài được bày tỏ, anh em cũng được vui mừng, hoan hỉ. <sup>14</sup> Nếu anh em bị sỉ nhục vì danh Đấng Christ thì anh em có phước, vì Thánh Linh vinh quang của Đức Chúa Trời ngự trên anh em. <sup>15</sup> Đừng có ai trong anh em chịu khổ như kẻ giết người, kẻ trộm cắp, kẻ phạm pháp, hoặc kẻ ưa xen vào chuyện người khác. <sup>16</sup> Trái lại, nếu có ai vì làm Cơ Đốc nhân mà chịu khổ thì đừng hổ thẹn; nhưng hãy vì danh ấy mà tôn vinh Đức Chúa Trời. <sup>17</sup> Vì thời kỳ phán xét đã đến, bắt đầu từ nhà Đức Chúa Trời; nếu bắt đầu từ chúng ta thì sự cuối cùng của những kẻ không vâng phục Tin Lành Đức Chúa Trời sẽ thế nào? <sup>18</sup> Và

“Nếu người công chính còn khó được cứu rồi,  
Thì những kẻ bất kính và kẻ có tội sẽ ra sao?”

<sup>19</sup> Vậy, những người chịu khổ theo ý muốn Đức Chúa Trời, hãy tiếp tục làm lành và phó thác linh hồn mình cho Đấng Tạo Hóa thành tín.

**4:12 " anh em (kẻ) yêu dấu "** Đây là cách của Cha để bày tỏ về Con Ngài (tại sự chịu phép rửa-báp-tem của Chúa Jesus, theo Ma-thi-ơ 3:17; được trích từ Ê-sai 42:1,12:18; tại sự hóa hình của Chúa Jesus, 17:5). Danh xưng này được chuyển cho những kẻ đi theo Ngài (1 Phi-e-rơ 2:11; 4:12; 2 Phi-e-rơ 1:17; 3:1,8,15,15,17; và được dùng thường xuyên trong những sách của Phao-lô).

▣ **" dùng ngay nhiên "** Đây là một thể mệnh lệnh thụ động thì hiện tại (present passive imperative) với một tiểu từ phủ định (negative particle), vốn thường chỉ về việc chấm dứt một hành động vốn đã ở trong tiến trình. Những tín đồ này đã kinh ngạc về sự bất bớ.

▣ **" lửa thử thách "** Đây là một ẩn dụ cho sự thử thách và bất bớ (không phải là những nan đề thông thường của đời sống hằng ngày, 1 Phi-e-rơ 4:14,18; nhưng làm thế nào chúng ta có thể thực hiện đời sống của chúng ta theo văn hóa của một chứng nhân). Có nhiều phần Kinh Thánh đã khẳng định rằng sự bất bớ và chịu khổ là bình thường cho những người đi theo Đấng Christ (theo Ma-thi-ơ 5:10-12; Giăng 15:18- 21; 16:1-3; 17:14; Công Vụ 14:22; Rô-ma 5:3-4; 8:17; 2 Cô-rinh-tô 4:16-18; 6:3-10; 11:23-30; Phi-líp 1:29; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:3; 2 Ti-mô-thê 3:12; Gia-cơ 1:2-4; 1 Phi-e-rơ 4:12-16). Chúng chính là những phương tiện của Cha để sản sinh ra sự trở nên giống như Đấng Christ (Hê-bơ-rơ 5:8).

▣ **" đến ... anh em "** Đây không phải là một thì tương lai, nhưng là một phân từ thì hiện tại. Nó là một thực tế không được trông đợi ở hiện tại!

▣ **" để thử nghiệm "** Đây là động từ Hy Lạp *periazō*, Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 1:13, #2, c.

▣ **" như mình gặp một việc khác thường "** Cụm từ này có một động từ ghép (phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle)) đi cùng với giới từ *sun*, vốn có nghĩa là " tham gia cùng." Những tín đồ ấy đang đi qua sự bất bớ. Họ cần phải biết

1. Nó không bắt thường đối với những tín đồ
2. Nó không phải một hậu quả của tội lỗi (Phục Truyền 27-28)
3. Nó có một mục đích trong ý muốn của Đức Chúa Trời

#### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: VÌ SAO CƠ ĐỐC NHÂN CHỊU KHỔ?**

1. Vì tội lỗi bản thân (phán xét tạm thời). Điều này phủ nhận quan điểm tất cả mọi nan đề và hoàn cảnh đều là hậu quả của tội lỗi. (Xem Gióp; Thi-thiên 73; Lu-ca 14:1-5; Nê-hê-mi 9; Giăng 9; Công-vụ 5:1-11; 1 Cô-rin-tô 11:29-30; Ga-la-ti 6:7).
2. Phát triển sự trở nên giống Đấng Christ (Hê-bơ-rơ 5:8). Ngay đến Chúa Giê-su – nói theo cách con người – cũng cần được trưởng thành, vậy tín đồ càng phải tăng trưởng (Xem Rô-ma 5:3-4, 8:28-29; 2 Cô-rin-tô 12:7-10; Phi-líp 3:10; Hê-bơ-rơ 12:5-12; Gia-cơ 1:2-4; 1 Phi-e-rơ 1:7).
3. Phát triển sự làm chứng hiệu quả (Xem Ma-thi-ơ 5:10-12; Giăng 15:18-22; 1 Phi-e-rơ 2:18-21, 3:13- 17).
4. Là dấu hiệu đau đớn sinh nở trong Kỷ Nguyên Mới (Xem Ma-thi-ơ 24:6; Mác 13:8).

Hai cuốn sách giúp tôi hiểu sự bất công và xấu xa của thế gian này là *The Christian's Secret of a Happy Life* của Hannah Whithall Smith, và *The Goodness of Đức Chúa Trời*. Giăng W. Wenham, Tín đồ nên nhớ rằng nan đề không luôn là dấu hiệu con thịnh nộ hoặc án phạt từ Chúa. Sự ác xảy ra cho cả cơ đốc nhân trung tín trong thế gian băng hoại. (Xem 1 Phi-e-rơ 4:12-19). Đức Chúa Trời hứa hẹn và sự chết thể chuộc của Đấng Christ là dấu hiệu tình yêu của Ngài (Xem Rô-ma 5:8). Kinh Thánh phải được cân nhắc trước hoàn cảnh tạm thời.

**4:13 " dự phần "** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

#### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT SỰ THÔNG CÔNG (KOINŌNIA)**

Thuật ngữ sự thông công (*koinōnia*) có ý nghĩa là

1. mối liên hệ gần gũi với một cá nhân:

- a. Với Con Đức Chúa Trời ( 1 Cô-rin-tô 1:9; 1 Giăng 1:6)
  - b. Với Đức Thánh linh ( 2 Cô-rin-tô 13:14; Phi-líp 2:1)
  - c. Với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con ( 1 Giăng 1:3)
  - d. Với anh chị em trong giao ước đức tin. ( Công-vụ 2:42; 2 Cô-rin-tô 8:23; Ga-la-ti 2:9; Phi-lê-môn v. 17; 1 Giăng 1:3,7)
  - e. tuyệt giao với sự xấu xa / Kẻ Ác ( 2 Cô-rin-tô 6:14)
2. Liên hệ gần gũi với những điều hoặc những nhóm:
    - a. Với Phúc Âm ( Phi-líp 1:5; Phi-lê-môn v. 6)
    - b. Với huyết của Đấng Christ. ( 1 Cô-rin-tô 10:16)
    - c. tuyệt giao với sự tối tăm ( 2 Cô-rin-tô 6:14)
    - d. liên hệ với sự chịu đựng ( 2 Cô-rin-tô 1:7; Phi-líp 3:10; 4:14; 1 Phi-e-rơ 4:13)
  3. món quà hoặc sự đóng góp rời rộng. ( Rô-ma. 12:13; 15:26; 2 Cô-rin-tô 8:4; 9:13; Phi-líp 4:15; Hê-bơ-rơ 13:16)
  4. món quà của Đức Chúa Trời qua ân điển của Đấng Christ. hồi phục loài người trong mỗi thông công cùng Ngài và con cái Ngài.

Điều này khẳng định mỗi thông công chiều ngang ( con người với con người) được đem lại bởi mỗi thông công chiều dọc (con người với Đấng Tạo Hóa. Nó nhấn mạnh nhu cầu thông công trong cộng đồng Tín Đồ và kết quả trong niềm vui khi có sự thông công. (i.e., Hê-bơ-rơ 10:25).

▣ **" hãy vui mừng "** Đây là một Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative). Thật tuyệt diệu rằng sự chịu khổ vì Đấng Christ liên kết với sự vui mừng. Điều này chỉ ra thế giới quan tươi mới cách triệt để, hoàn toàn mà các tín đồ nhận lãnh bởi đức tin khi họ đặt đức tin cậy tối thượng của họ nơi Đấng Christ. Chúa Jesus Chính Ngài đã đề cập đến lẽ thật này trong Ma-thi-ơ 5:10-12. Phao-lô đề cập đến cùng một lẽ thật này trong Rô-ma 5:2,3.

▣ **" để khi vinh quang của Ngài được bày tỏ "** Câu này chỉ về sự trở lại vinh hiển của Đấng Christ để đón nhận những kẻ thuộc về Ngài (Theo Giăng 14:1-3).

**4:14 "nếu"** Đây là một câu điều kiện bậc một, vốn giả định là đúng và được ứng nghiệm trên quan điểm của tác giả phục vụ cho những mục đích văn học của ông.

▣ **" bị sỉ nhục "** Từ "bị mắng nhiếc" hoặc "bị hạ nhục" cũng rút từ Ma-thi-ơ 5:11. Phi-e-rơ có lẽ đã phải nhớ lại sự lắng nghe những lời của Chúa Jesus phán về chính chủ đề này.

▣ **" danh Đấng Christ "** "Trong danh của. . ." chính là một thành ngữ Cựu Ước chỉ đến chính một người. Kêu cầu danh Chúa (Giô-ên 2:32; Công Vụ 2:21, Rô-ma 10:9-13) có nghĩa là tin cậy nơi Chúa Jesus chính là Đấng Cứu Rỗi. Cầu nguyện trong danh Chúa (Theo Giăng 14:13; 15:16; 16:23-24) có nghĩa là sự cầu nguyện trong thân vị và đặc tính của Ngài.

▣ **" anh em có phước "** Đây là thuật ngữ Hy Lạp *makarios*, được sử dụng bởi Chúa Jesus trong Bài Giảng Trên Núi (Các Phước Lành) (theo Ma-thi-ơ 5:3-9). Câu này phản ánh Ma-thi-ơ 5:10-12. Cùng một lẽ thật (và cùng những từ) cũng xuất hiện trong 1 Phi-e-rơ 3:14. Thật ngạc nhiên với những người theo chủ nghĩa vật chất phương tây rằng sự chịu khổ và bắt bớ có thể mang lại sự vui mừng và sự phước hạnh.

▣ **" Thánh Linh vinh quang của Đức Chúa Trời ngự trên anh em "** Điều này là một sự ngụ ý chỉ đến cả (1) một trải nghiệm tương tự với sự chịu báp-tem của Đấng Christ (theo Ma-thi-ơ 3:16; Giăng 1:32) hoặc (2) cách Đức Thánh Linh đã ban quyền năng cho Đấng Mê-si (Ê-sai 11:2, 42:2, 59:21, 61:1). Trải nghiệm chịu khổ của Chúa Jesus và giờ đây là của chúng ta (Rô-ma 8:17). Sự hiện diện của Đức Thánh Linh không mang lại sức khỏe, của cải, và sự thịnh vượng, nhưng là sự bắt bớ (Theo Giăng 15:18; 17:14). Chúa Jesus đã hứa về sự hiện diện và giúp đỡ của Đức Thánh Linh trong những thời điểm bắt bớ (theo Ma-thi-ơ 10:16-23, đặc biệt trong 1 Phi-e-rơ 4:20).

Có một vài sự khác biệt (4) của cụm từ này trong bản thảo Hy Lạp. UBS<sup>4</sup> đánh giá phần được trích trong bản tiếng Anh NASB một điểm "A" (chắc chắn).

Bản Textus Receptus (Bản Văn Được Thừa Nhận-là cơ sở của bản Kinh Thánh King James) thêm một cụm từ vào điểm này vốn được phản ánh trong bản KJV và NKJV: "Về phần của họ, Ngài bị báng bổ, xúc phạm, nhưng về phần anh em Ngài được vinh hiển." Cụm từ này xuất hiện trong những thể khác nhau chỉ trong những thảo bản ông-xi-an sau này (bản K từ thế kỷ thứ 9; bản L từ thế kỷ thứ 8; và P từ thế kỷ thứ 6) và có lẽ không phải là nguyên gốc. UBS<sup>4</sup> đánh giá sự bỏ qua của phần này là "chắc chắn."

**4:15 " ĐỪNG CÓ AI TRONG ANH EM CHỊU KHỔ NHƯ "** Đây là một Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative) với một tiểu từ phủ định (negative particle) vốn thường có nghĩa là chấm dứt một hành động đã trong tiến trình.

▣ **" kẻ ưa xen vào chuyện người khác "** Từ này được dùng duy nhất ở đây trong mọi tác phẩm văn học tiếng Hy Lạp. Nó là một từ ghép từ hai từ Hy Lạp, "thuộc về người khác" (*allogrios*) và "nhìn vượt qua" hoặc "xem xét" (*episkopos*). Vì vậy từ này chỉ về một người là kẻ hay xen vào việc của người khác, một kẻ nhiều chuyện.

**4:16 " nếu "** Đây là một câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence) khác, vốn giả định là đúng. Các Cơ Đốc Nhân chịu khổ đơn giản chỉ bởi vì họ là Cơ Đốc Nhân.

▣ **" Cơ Đốc nhân "** Đây là một từ nguyên gốc của sự chế nhạo (theo Công Vụ 11:26; 26:28). Nó chỉ được sử dụng duy nhất ba lần trong Tân Ước. Nó có nghĩa là "Christ nhỏ" (*Christianos*). Nó trở thành một sự định danh phổ biến cho các tín đồ vào giữa thế kỷ thứ nhất (theo Tacitus, *Ann.* 15:44).

▣ **" thì đừng hổ thẹn "** Đây là một thể mệnh lệnh bị động thì hiện tại (present passive imperative) đi cùng với một tiểu từ phủ định (negative particle) vốn thường ngụ ý về sự chấm dứt một hành động vốn đã ở trong tiến trình. Đây có thể là một sự hồi tưởng lại về đêm thử thách của Chúa Jesus với Phi-e-rơ nơi mà ông đã hổ thẹn (theo Ma-thi-ơ 26:69-75; Mác 14:66-72; Lu-ca 22:56-62; Giăng 18:16-18,25-27).

**4:17 " Vì thời kỳ phán xét đã đến "** Đây có thể là một sự ngụ ý chỉ đến Ma-la-chi 3:1-6 nơi sự đoán phạt bắt đầu với sự đến bất thình lình và đáng kinh ngạc của Đấng Mê-si với chính dân của riêng Ngài (ai được ban cho nhiều, sẽ bị đòi lại nhiều, Giê-rê-mi 25:29). Nếu có những tội nhân cố ý không ăn năn giữa dân sự của Đức Chúa Trời (và điều này là có) họ sẽ bị đoán phạt trước nhất. Niềm hy vọng duy nhất của họ chính là đặc tính không thay đổi của YHWH (Ma-la-chi 1:6).

Cụm từ này có thể là một thành ngữ Do Thái của sự cận kề của Sự Tái Lâm của Đấng Christ như là Đấng Phán Xét. Người Do Thái Cựu Ước (và Các Sứ Đồ Tân Ước) hình dung ra một sự kết thúc thảm khốc đối với lịch sử nhân loại, thường được gọi là "con đau đẽ của thời đại mới," vốn được nhắc đến cách rõ ràng bởi Chính Chúa Jesus trong Mác 13:8.

▣ **" nhà Đức Chúa Trời "** Có hai ẩn dụ trong xây dựng trong 1 Phi-e-rơ có liên quan đến hội thánh: (1) hội thánh như là đền thờ được xây dựng từ những viên đá sống (1 Phi-e-rơ 2:4-10) và (2) hội thánh như là nhà của Đức Chúa Trời (ẩn dụ tập thể của một nhà gia đình lớn 1 Phi-e-rơ 4:17; 1 Ti-mô-thê 3:15; Hê-bơ-rơ 3:6).

▣ **"nếu"** Đây là một câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence) khác, cũng như trong 1 Phi-e-rơ 4:16 và 18.

**4:18 " Nếu người công chính còn khó được cứu rồi "** Đây là một sự ngụ ý chỉ đến Châm Ngôn 11:31 trong Bản Bảy Mươi (Septuagint) ("nếu người công chính còn được cứu một cách khó nhọc, thì những kẻ vô đạo và tội lỗi sẽ xuất hiện như thế nào?").

**4:19 " những người chịu khổ theo ý muốn Đức Chúa Trời "** Nếu trong thế giới này "những người công bình" là những người chịu khổ (câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence) theo 1 Phi-e-rơ 4:18), thì nó sẽ như thế nào đối với những người không công chính trong ngày đoán phạt của Đức Chúa Trời? Chúa sẽ ở cùng với những kẻ được cứu (1 Phi-e-rơ 3:12,14), nhưng chống lại những kẻ không tin nổi loạn và những kẻ bất bố (1 Phi-e-rơ 3:12).

▣ **" phó thác linh hồn mình "** Đây là một thể mệnh lệnh trung cách thì hiện tại (present middle imperative) ngụ ý rằng chính họ cần phải tiếp tục phó thác chính mình nơi Đức Chúa Trời. Phao-lô phó thác phúc âm cho

Ti-mô-thê (1 Ti-mô-thê 1:18). Phao-lô phó thác phúc âm cho các tín đồ để tiếp tục truyền đi (2 Ti-mô-thê 2:2). Nó là một từ trong ngành ngân hàng "tiền ký quỹ." Chúa Jesus sử dụng cùng một từ này tại thời điểm qua đời của Ngài trên thập tự giá. Ngài đã phó thác linh hồn Ngài cho Cha (theo Lu-ca 23:46).

▣ " **Đấng Tạo Hóa thành tín** " Đức Chúa Trời là thành tín! Đây chính là một sự khẳng định nền tảng của Kinh Thánh (Dân Số Ký 23:19; Phục Truyền 7:9; Ê-sai 40:8; 49:7; 55:11; 1 Cô-rinh-tô 1:9; 10:23; 2 Cô-rinh-tô 1:18; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:24; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 3:3; 2 Ti-mô-thê 2:13 và 1 Phi-e-rơ 1:19). Đó chính là đặc tính không đời đời của Đức Chúa Trời (Ma-la-chi 3:6) là niềm hy vọng chắc chắn của mọi tín đồ. Đức Chúa Trời sẽ thực hiện những gì Ngài đã phán, Ngài sẽ làm!

▣ " **hãy tiếp tục làm lành** " Từ Hy Lạp này có nghĩa là "làm tốt" hoặc "việc làm tốt." Đây là chủ đề thường xuyên trong 1 Phi-e-rơ (1 Phi-e-rơ 2:14,15,20; 3:6,17; 4:19). Lá thư này bị áp đảo bởi những sự răn dạy cần sống công chính và chuẩn bị cho sự chịu khổ. Hãy xem CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TẠI SAO CÁC CƠ ĐỐC NHÂN CHỊU KHỔ? tại 1 Phi-e-rơ 4:14.

## **NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Hãy liệt kê những điều các tín đồ phải làm bởi sự cận kề của Sự Tái Lâm.
2. Các tác giả Tân Ước đã trông đợi sự trở lại của Chúa sớm hay rất muộn?
3. Làm thế nào tình yêu che phủ những tội lỗi? Những tội lỗi đó của ai?
4. Có phải tất cả và mỗi một Cơ Đốc Nhân đều có một ân tứ thuộc linh? Nếu vậy, tại sao?
5. Sự bất bớ là bình thường hay bất bình thường đối với các tín đồ?
6. Mục đích của sự chịu khổ và thử thách một cách vô tội trong đời sống của các tín đồ là gì?
7. Một Cơ Đốc Nhân cần phải đáp ứng với sự bất bớ một cách vô tội như thế nào?
8. Các Cơ Đốc Nhân sẽ bị đoán xét hay không? Như thế nào? Tại sao? Khi nào? Ở đâu?



# 1 PHI-E-RƠ 5

## NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Dạy Đồ Bầy Chiên của Đức Chúa Trời	Chăn Bầy	Tóm Lại Những Sự Dạy Đồ và Chào Thăm	Bầy Chiên của Đức Chúa Trời	Những Mạng Lệnh: Cho Những Trưởng Lão
5:1-4	5:1-4	5:1-5	5:1-4	5:1-4
	Hãy Thuận Phục Đức Chúa Trời, Chống Trả Ma Quỷ			Những Mạng Lệnh: Cho Những Kẻ Trung Tín
5:5	5:5-11		5:5-7	5:5-11
5:6-7		5:6-11		
5:8-11			5:8-11	
Sự Chào Thăm Cuối Cùng	Lời Chào Thăm và Chúc Bình An		Sự Chào Thăm Cuối Cùng	Những Lời Chào Thăm Cuối Cùng
5:12-14	5:12-14	5:12-14a	5:12	5:12
			5:13-14a	5:13
		5:14b	5:14b	5:14

### CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu " Hướng Dẫn một Cách Đọc Kinh Thánh Tốt ")

#### THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

### NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1 PHI-E-RƠ 5:1-5

<sup>1</sup> Tôi gửi lời khuyên nhủ đến các trưởng lão trong anh em, vì tôi cũng là một trưởng lão, là nhân chứng về sự thương khó của Đấng Christ, và cũng là người sẽ được dự phần trong vinh quang sắp được bày tỏ. <sup>2</sup> Hãy chăn bầy của Đức Chúa Trời đã giao phó cho anh em, không vì ép buộc nhưng do tự nguyện, không vì lợi lộc thấp hèn mà với cả nhiệt tâm, <sup>3</sup> không dùng quyền uy cai trị những người được giao cho mình, nhưng làm gương tốt cho cả bầy. <sup>4</sup> Rồi khi Đấng Chăn Chiên tối cao xuất hiện, anh em sẽ được lãnh mãi triều thiên vinh quang không phai tàn. <sup>5</sup> Cũng vậy, các thanh niên hãy thuận phục các trưởng lão. Mọi người hãy mặc lấy sự khiêm nhường mà đối đãi với nhau; vì Đức Chúa Trời chống cự kẻ kiêu ngạo, nhưng ban ơn cho người khiêm nhường.

**5:1 " các trưởng lão. . . cũng là một trưởng lão "** Có một cách chơi chữ trong từ trưởng lão (*presbuteros*) trong 1 Phi-e-rơ 5:1 và 5. Từ này rõ ràng được sử dụng như một danh hiệu lãnh đạo (1 Phi-e-rơ 5:1) và một sự định danh của độ tuổi (1 Phi-e-rơ 5:5). Cách sử dụng từ này được xem xét khá ngạc nhiên rằng nó là nền tảng của sự định danh của giới lãnh đạo chi phái Do Thái, trong khi "giám mục" hoặc "quản công (người coi sóc)" (*episcopos*) là một sự định danh của giới lãnh đạo thành phố-địa phận Hy Lạp. 1 Phi-e-rơ sử dụng những từ ngữ Do Thái để đề cập đến những tín đồ Người Ngoại.

Phi-e-rơ gọi chính ông là một "đồng trưởng lão," từ *presbuteros* kèm với giới từ *syn*, vốn ngụ ý "gia nhập tham gia với." Phi-e-rơ không nhấn mạnh thẩm quyền Sứ Đồ của ông (cũng như trong 2 Giăng 1 nơi một Sứ Đồ Khác gọi chính ông là "trưởng lão"), nhưng răn dạy ("Tôi gửi lời khuyên nhủ (khuyến dạy)," một dạng chỉ định chủ động thì hiện tại (present active indicative)) các lãnh đạo địa phương cần hành động và sống cách thích đáng trong ánh sáng của

1. Tấm gương của Đấng Christ
2. Sự cận kề của sự trở lại của Ngài

Những hội thánh đầu tiên đã không trả lương cho những vị trí lãnh đạo, nhưng ghi nhận những ân tứ của chức vụ và sự lãnh đạo được ban cho bởi Đức Chúa Trời trong mỗi hội thánh địa phương. Điều này khẳng định sự nhận được ân tứ phải được cân bằng với sự tôn trọng theo văn hóa cho "sự-khôn-ngoan-do-tuổi-tác," đặc biệt giữa cộng đồng Do Thái tin Chúa. Vì vậy, Phi-e-rơ đề cập đến cả hai loại lãnh đạo.

Cũng hãy chú ý rằng "các trưởng lão" ở số nhiều. Điều này chỉ đến (1) một con số của những lãnh đạo hội thánh tư gia (theo Công Vụ 20:17) hoặc (2) những ân tứ thuộc linh khác nhau giữa một thân thể giữa những lãnh đạo (Ê-phê-sô 4:11), vốn công bố cách rõ ràng rằng chức vụ thuộc về mọi tín đồ. Đây là một sự song hành với khái niệm "một vương quốc của những thầy tế lễ" (1 Phi-e-rơ 2:5,9).

▣ **" nhân chứng về sự thương khó của Đấng Christ "** Đây là một sự khẳng định về sự hồi tưởng lại sự chứng kiến tận mắt của Phi-e-rơ về cuộc đời Chúa Jesus (theo Công Vụ 3:15; 10:39). Nó có thể cũng phản ánh ký ức của Phi-e-rơ về những lời phán của Chúa Jesus trong Công Vụ 1:8. Thuật ngữ "chịu khổ" chỉ về sự chịu đóng đinh. Phi-e-rơ sử dụng thuật ngữ chịu khổ thường xuyên (1 Phi-e-rơ 1:11; 2:19,20,21,23; 3:14,17,18; 4:1[hai lần],13,15,19; 5:1,10). Sự thảo luận về sự chịu khổ của Chúa Jesus trong vai trò như là một sự cứu chuộc cũng như là một tấm gương cho các tín đồ để noi theo, hình thành nên một chủ đề chính trong 1 Phi-e-rơ.

▣ **" dự phần trong vinh quang sắp được bày tỏ "** Đây không chỉ là sự chỉ đến tương lai đến Sự Tái Lâm (1 Phi-e-rơ 1:5,7; 4:13; 5:4), nhưng còn có thể là một sự chỉ đến việc chứng kiến tận mắt ngược về quá khứ (sự hồi tưởng) về Sự Hóa Hình (theo Ma-thi-ơ 17; Mác 9:2-8; 2 Phi-e-rơ 1:16-18). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Vinh Hiển tại Mác 10:37.

**5:2 " chẵn bầy của Đức Chúa Trời "** Đây là một thể mệnh lệnh chủ động bất định (aorist active imperative). "Đấng chẵn bầy" là một ẩn dụ Cựu Ước để chỉ về Đức Chúa Trời (Thi 23:1; 100:3). Nó trở thành một danh hiệu dùng cho những lãnh đạo (Ê-xê-chi-ên 34:7-10). Bầy chiên cần một sự chăm sóc, bảo vệ, và chú ý cách liên tục. Chúa Jesus được gọi là "Người Chẵn Hiền Lành (Tốt Lành)" trong Giăng 10 và Ngài phán với Phi-e-rơ để trở thành một mục sư (người chẵn) cho bầy chiên của Ngài trong Giăng 21.

Trong Tân Ước có một vài danh xưng được dùng cho những lãnh đạo hội thánh địa phương.

1. Những trưởng lão
2. Những người quản trị hoặc giám mục
3. Những người chẵn bầy hoặc những mục sư

Những từ này có vẻ được dùng có thể thay thế cho nhau (theo Công Vụ 20:17,28 và Tít 1:5,7).

NASB	"thực hành sự giám sát "
NKJV	"phục vụ như những giám mục "
NRSV	"thực hành sự giám sát "
TEV	-bỏ qua-
NJB	-bỏ qua-

Một vài bản thảo cổ tiếng Hy Lạp (P<sup>72</sup>,  $\kappa^2$ , A, P, và bản tiếng La-tinh Vulgate) bao gồm thể động từ (phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle)) của "người giám sát" sử dụng trong sự liên kết với công việc của các trưởng lão. Một vài cổ bản bỏ qua phân từ ( $\kappa^*$  và B). Không rõ sự bỏ qua này là cố ý bởi những nhà sao chép Kinh Thánh cảm thấy không thoải mái bởi việc rộn lộn những chức vụ và trách nhiệm khác nhau của những trưởng lão và những giám mục.

**5:2-3** Phần Kinh Thánh này bắt đầu với một chuỗi của (1 Phi-e-rơ 5:2-3) những tiêu chuẩn tương phản dành cho những trưởng lão trong hội thánh.

<u>Tích cực</u>	<u>Tiêu cực</u>
1. Tình nguyện	không bởi sự ép buộc
2. Với nhiệt tâm	không vì lợi lộc thấp thấp hèn
3. Như một tấm gương	không cai trị những người khác

Một câu hỏi rằng có bao nhiêu những sự tiêu cực phản ánh những tình trạng thực sự của giới lãnh đạo trong những hội thánh tại nhà này liên hệ với những giáo sư giả (2 Phi-e-rơ).

▣ **"theo ý muốn của Đức Chúa Trời (trong bản tiếng Anh)"** Cụm từ này được trình bày trong nhiều bản thảo cổ Hy Lạp (P<sup>72</sup>,  $\kappa^2$ , A, và P), nhưng nó lại bị bỏ qua trong các bản MSS B, K, và L. Nó xuất hiện trong hầu hết những bản dịch tiếng Anh hiện đại, nhưng vắng mặt trong bản KJV. Phi-e-rơ sử dụng cụm từ này khác thường xuyên trong Phi-e-rơ (1 Phi-e-rơ 2:15; 3:17; 4:2,3,19). Vì vậy, có lẽ nó có trong nguyên gốc.

▣ **"làm gương"** Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

**5:4 "Đấng Chăn Chiên tối cao"** Thuật ngữ của Phi-e-rơ dùng cho Đấng Christ là Đấng Chăn Chiên (1 Phi-e-rơ 2:25) có thể đã xuất phát từ cuộc trò chuyện của ông với Chúa phục sinh được chép lại trong Giăng 21:15-17. Ở đây Phi-e-rơ gọi Đấng Christ bởi từ ghép *archi* với *poimen*, có nghĩa là người chăn tối cao hoặc trước nhất (Theo Giăng 10:1-18). Trong Hê-bơ-rơ 13:20 Đấng Christ được mô tả như là "Đấng Chăn Chiên vĩ đại." Mọi lãnh đạo khác ("trưởng lão" hoặc "giám mục") đều là những người chăn-phía dưới.

Đây có lẽ là sự ngụ ý của Phi-e-rơ chỉ đến Ê-sai 63:11, nơi Môi-se được gọi là "người chăn."

▣ **"xuất hiện"** Đây là một sự chỉ đến khác về Sự Tái Lâm (1 Phi-e-rơ 5:1; 1:5,7; 4:13).

▣ **"mão triều thiên vinh quang không phai tàn"** Trong văn mạch (1 Phi-e-rơ 5:1-5) cụm từ này chỉ đến "những người chăn phía dưới." Phi-e-rơ pha trộn một ẩn dụ của vận động viên thể thao (1 Cô-rinh-tô 9:23) với một ẩn dụ trong cắm hoa. Mão triều thiên vinh hiển không phai tàn này có thể chỉ đến phần cơ nghiệp được bảo vệ bởi Đức Chúa Trời trong 1 Phi-e-rơ 1:4. Nó song hành với

1. "mão triều thiên của sự công chính" của Phao-lô trong 2 Ti-mô-thê 4:8
2. "mão triều thiên của sự sống" của Gia-cơ trong Gia-cơ 1:12
3. "mão triều thiên của sự sống" của Chúa Jesus trong Khải Huyền 2:10; 3:11

Đây là một biểu tượng của sự chiến thắng của tín đồ trong trận chiến chống lại tội lỗi, cái tôi, cũng như là sự chịu khổ kiên nhẫn, trung tín của họ vì Đấng Christ.

**5:5 "các thanh niên"** Trong xã hội Do Thái, một người nam được xem là trẻ cho đến độ tuổi bốn mươi. Giữa cộng đồng đức tin, không được có khoảng cách thế hệ hoặc sự tranh cạnh, nhưng phải sự tôn trọng lẫn nhau ("cũng như vậy" trong 1 Phi-e-rơ 5:5 (trong bản tiếng Anh)).

▣ **"hãy thuận phục các trưởng lão"** Đây là một thể mệnh lệnh thụ động bất định (aorist passive imperative) mô tả một sự thái độ sống bền vững. Văn mạch ngụ ý rằng "những trưởng lão" trong 1 Phi-e-rơ 5:1 cũng là cùng "những trưởng lão" trong 1 Phi-e-rơ 5:5. Tuy nhiên, "những thanh niên" phải phản ánh chỉ một sự tương phản về độ tuổi mà thôi (1 Ti-mô-thê 5:1, vốn chỉ về một người lớn tuổi, trong khi 1 Ti-mô-thê 5:17 chỉ về một lãnh đạo của hội thánh). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự thuận phục 1 Phi-e-rơ 2:13.

▣ **"Mọi người"** Phi-e-rơ đang chuyển từ những sự khuyên dạy cho những lãnh đạo hội thánh và những người

nam khác trong hội chúng sang mọi thành viên của hội thánh (Ê-phê-sô 5:21). Rất then chốt rằng những tín đồ cần hiểu trách nhiệm cá nhân của chính họ cho sự hòa bình và hiệp một trong mối quan hệ (Ê-phê-sô 4:2-3).

▣ **" hãy mặc lấy "** Đây là một thể mệnh lệnh trung cách thì bất định (aorist middle imperative). Đặt xuống và cởi quần áo là một thành ngữ Kinh Thánh cho lối sống đạo đức của các tín đồ (Gióp 29:14; Thi 109:29; Ê-sai 61:10; Ê-phê-sô 4:22,24,25,31). Họ cần phải mặc lấy những đặc tính của Đức Chúa Trời và cởi bỏ khỏi họ bất cứ tình thần tranh cạnh nào.

Thuật ngữ Hy Lạp cho từ "mặc" nguyên văn là "thắt." Có lẽ Phi-e-rơ đang phản ánh lại những hành động của Chúa Jesus nơi phòng cao, được chép lại trong Giăng 13:2-11 (Chúa Jesus thắt lại quanh chính Ngài với một chiếc khăn (tạp dề) của một nô lệ và rửa chân cho các môn đồ). Phi-e-rơ đã nhìn thấy sự khiêm nhường thật của Ngài và giờ đây ông đang kêu gọi các tín đồ hãy bắt chước theo Đấng Christ (Phi-líp 2:8; Gia-cơ 4:10).

▣ **" (hãy) khiêm nhường "** Đây là một từ ghép của "sự khiêm nhường và "tâm trí." Hãy xem ghi chú tại 1 Phi-e-rơ 3:8.

▣ **" mà đối đãi với nhau "** Đây là một sự nhấn mạnh vào cộng đồng (1 Phi-e-rơ 3:9; Ê-phê-sô 5:21). Các tín đồ được trao (và ban tặng, 1 Cô-rinh-tô 12:7) với mục đích cho một kẻ khác. Chúng ta đứng hoặc ngã cùng với nhau!

▣ **" vì Đức Chúa Trời chống cự kẻ kiêu ngạo, nhưng ban ơn cho người khiêm nhường "** Đây là một phần trích từ Châm Ngôn 3:34 (Gia-cơ 4:6). Từ "ơn (ân điển)" được dùng trong nghĩa Cựu Ước của nó "được ơn, (được yêu thích.)"

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1 PHI-E-RƠ 5:6-11

<sup>6</sup> Vậy, hãy hạ mình dưới cánh tay quyền năng của Đức Chúa Trời, để đến thời điểm thích hợp Ngài sẽ nhắc anh em lên. <sup>7</sup> Hãy trao mọi điều lo lắng mình cho Ngài, vì Ngài luôn chăm sóc anh em. <sup>8</sup> Hãy tiết độ và tỉnh thức; kẻ thù anh em là ma quỷ, như sư tử gầm thét, đang rình rập chung quanh anh em, tìm người để cắn nuốt. <sup>9</sup> Hãy đứng vững trong đức tin mà kháng cự nó, vì biết rằng anh em cùng niềm tin trên khắp thế giới cũng đang chịu hoạn nạn như mình. <sup>10</sup> Và sau khi anh em phải chịu khổ ít lâu, Đức Chúa Trời của mọi ân điển, Đấng đã gọi anh em đến vinh quang đời đời của Ngài trong Đấng Christ, chính Ngài sẽ phục hồi, củng cố, xây dựng và ban sức lực cho anh em. <sup>11</sup> Nguyện quyền tể trị thuộc về Ngài đời đời vô cùng! A-men.

**5:6 " hạ mình "** Đây là một thể mệnh lệnh thụ động bất định (aorist passive imperative). Đây là một đặc tính của Chúa Jesus (theo Ma-thi-ơ 11:29) vốn đã trở thành chuẩn mực cho những kẻ theo Ngài (Gia-cơ 4:10).

▣ **" cánh tay quyền năng của Đức Chúa Trời "** Đây là một cụm từ tu từ nhân hình (anthropomorphic phrase) (Gia-cơ 4:6,10) vốn nói về sự chăm sóc, chu cấp, và tình yêu thành tín của Đức Chúa Trời ngay cả giữa sự bất bớ. Ngài chính là cánh tay vô hình," như trong sách Ê-xơ-tê!

▣ **" Ngài sẽ nhắc anh em lên "** Câu này phản ánh những lời của Chúa Jesus trong Ma-thi-ơ 23:12 và sự khuyên dạy của Gia-cơ trong Gia-cơ 4:6. YHWH được khắc họa như đang chống cự lại kẻ kiêu ngạo và đang tôn cao những người thấp kém (Gióp 5:11; Thi 138:6; Châm Ngôn 3:34; Ê-xê-chi-ên 17:24; 21:26).

NASB	" <b>tại thời điểm thích hợp "</b>
NKJV, NRSV, NJB	" <b>đến đúng thời điểm"</b>
TEV	" <b>trong thời điểm của Ngài "</b>

Trong văn mạch cụm từ này phục vụ hai mục đích thần học: (1) đương thời những độc giả đang trải qua sự bất bớ, không phải sự tôn cao và (2) thời điểm tôn cao chính là Sự Tái Lâm. Sự cảnh giác, khiêm nhường, và bỏ đi những sự lo lắng là rất quan trọng để đối mặt với những sự bất bớ bị tác động bởi Sa-tan.

**5:7 " Hãy trao mọi điều lo lắng mình cho Ngài "** Đây là một phân từ chủ động thì bất định (aorist active participle) được dùng như một thể mệnh lệnh và có thể là một sự ngụ ý chỉ đến Thi 55:22 trong bản Bản Bảy

Muoi (Septuagint). Đây là một thành ngữ của sự đặt đố về tâm trí những lo lắng của một người noi Đấng Christ (theo Ma-thi-ơ 6:25). Ngài đã mang chúng cho chúng ta ngay cả giữa sự bắt bớ và chịu khổ. Ngài đã gánh tội lỗi cho chúng ta và giờ đây Ngài gánh những sự lo lắng và sợ hãi của chúng ta!

Các tín đồ có thể làm được điều ấy bởi vì chúng ta biết Ngài quan tâm, lo lắng cho chúng ta. Chúng ta biết được điều ấy từ:

1. Sự chết của Ngài (1 Phi-e-rơ 2:22-24; 3:18)
2. Sự cầu thay của Ngài (1 Giăng 2:1-2)
3. Sự chẵn bầy của Ngài (1 Phi-e-rơ 2:25; 5:4)

**5:8 " Hãy tiết độ và tỉnh thức (hãy tỉnh táo tâm linh, hãy cảnh giác) "** Đây là những thể mệnh lệnh chủ động bất định (aorist active imperative). Các tín đồ cần thực hiện một sự chọn lựa để trở nên cảnh giác về mặt tâm trí (theo Ma-thi-ơ 24:42; 25:13; 26:41; Mác 13:35,37; 14:38; Công Vụ 20:31; 1 Cô-rinh-tô 16:13; Cô-lô-se 4:2; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:6,10; Khải Huyền 3:2-3; 16:15). Phi-e-rơ đã nhấn mạnh những điều này (tỉnh táo và cảnh giác) trước nhất (theo 1 Phi-e-rơ 1:13; 4:7). Sự cảnh giác và suy nghĩ cách thích đáng có thể vượt qua được sự lo lắng và cảm dỗ.

▣ " **kẻ thù anh em là ma quỷ** " Từ "kẻ thù" phản ánh danh xưng Hê-bơ-rơ dùng cho Sa-tan (được dùng 36 lần trong Tân Ước), vốn có nghĩa là kẻ đối địch. Danh hiệu "ma quỷ" (được dùng 37 lần trong Tân Ước) là một từ ghép Hy Lạp "quăng vượt qua" có nghĩa là gieo những sự vu khống. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: MA QUỶ

I. Đây là một chủ đề khó, vì một số lý do:

1. Kinh thánh Cựu ước không bày tỏ một kẻ thù đầu tiên của điều thiện, nhưng là một tội tớ của Đức Giê-hô-va, kẻ đã đưa ra một lựa chọn khác cho con người và tổ cáo sự không công bình của họ.
2. Khái niệm hiện thân của một kẻ thù của Đức Chúa Trời phát triển trong các văn chương xuất hiện khoảng giữa hai giao ước (không được kinh điển) dưới ảnh hưởng của tôn giáo Ba-tư (Zoroastrianism). Điều này đến lượt nó lại ảnh hưởng lớn trên Do thái giáo.
3. Tân ước phát triển một số chủ đề Cựu ước một cách rất thẳng thắn nhưng có chọn lọc.

Nếu chúng ta tiếp cận vấn đề về điều ác từ cái nhìn của thần học Thánh kinh (theo mỗi sách hoặc trước giả hoặc thể loại được nghiên cứu và sắp xếp riêng biệt), thì sẽ thấy có rất nhiều quan điểm về điều ác.

Tuy nhiên, nếu tiếp cận nó từ các tài liệu không phải là Kinh thánh hoặc các tài liệu thêm vào Kinh thánh từ các tôn giáo của thế giới hoặc tôn giáo Đông phương, thì chúng ta sẽ thấy sự phát triển Tân ước hầu hết bị bao trùm trong thuyết nhị nguyên của Ba-tư (Persian) và thuyết thông linh (spiritism) của thế giới Hy Lạp-La mã.

Nếu chúng ta chấp nhận thẩm quyền thiêng liêng của Kinh thánh, thì sự phát triển trong Tân ước phải được xem như một sự mặc khải tiệm tiến (progressive revelation). Người Cơ đốc phải cảnh giác, không để cho những truyền thống dân gian của người Do thái hay các tác phẩm văn chương phương Tây (như Dante, Milton) định nghĩa thay cho họ các ý niệm Kinh thánh. Rõ ràng rằng có một sự huyền bí và không rõ ràng trong lãnh vực khai thị này. Chúa quyết định không bày tỏ ra mọi khía cạnh của điều ác, xuất xứ, mục đích của nó, nhưng Ngài đã bày tỏ cho chúng ta biết rằng nó đã bị đánh bại!

II. Sa-tan trong Cựu Ước

Trong Cựu ước chữ Sa-tan hay kẻ kiện cáo có lẽ liên quan đến ba nhóm riêng biệt:

1. Những kẻ kiện cáo là con người (I Sa-mu-ên 29:4; II Sa-mu-ên 19:22; I Các vua 11:14, 23, 25; Thi-thiên 109:6)
2. Những kẻ kiện cáo là thiên sứ (Dân số ký 22:22-23; Xa-cha-ri 3:1)
  - a. Thiên Sứ của Đức Giê-hô-va – Dân 22:22-23
  - b. Sa-tan – I Chr. 21:1; Gióp 1-2; Xa-cha-ri 3:1
3. Những kẻ kiện cáo là ma quỷ (I Sử ký 21:1; I Các Vua 22:21; Xa-cha-ri 13:2)

Chỉ có sau này trong thời kỳ giữa hai giao ước thì con rắn trong Sáng thế ký 3 mới được cho là Sa-tan (Sách khôn ngoan 2:23-24; II Hê-nóc 31:3), và mãi sau này điều này mới trở thành một cách giải thích của các thầy ra-bi (*Sot* 9b và *Sanh.* 29a). Các "con trai của Đức Chúa Trời" trong Sáng thế ký 6 trở thành các thiên sứ

trong I Hê-nóc 54:6. Tôi đề cập đến điều này, không phải để khẳng định tính chính xác về mặt thần học của nó, nhưng chỉ để cho thấy tiến trình phát triển của nó. Khi vào trong Tân ước thì các hành động trong Cựu ước này thường được gán cho thiên thần ác, điều ác được nhân cách hóa (Sa tan) trong II Cô-rinh-tô 11:3; Khải huyền 12:9.

Nguồn gốc điều ác được nhân cách hóa thật khó, thậm chí không thể xác định rõ ràng được (tùy theo quan điểm của bạn) từ Cựu ước. Nguyên do là bởi tính độc thần rất mạnh của Y-sơ-ra-ên (I Các Vua 22:20-22; Truyền đạo 7:14; Ê-sai 45:7; A-môt 3:6). Mọi nguyên nhân đều thuộc về Đức Giê-hô-va để chỉ sự độc nhất và cao cả nhất của Ngài (Ê-sai 43:11; 44:6, 8, 24; 45:5-6, 14, 18, 21, 22).

Một số nguồn thông tin có được thường tập trung vào (1) Gióp 1-2 ở đây Sa-tan là một trong những “con trai Đức Chúa Trời” (tức là thiên thần) hoặc là (2) Ê-sai 14; Ê-xê-chi-ên 28 là nơi các vua kiêu căng vùng Cận đông (Ba-by-lôn và Ty-rô) được dùng để minh họa sự kiêu ngạo của Sa-tan (I Ti-mô-thê 3:6). Tôi có những cảm xúc lẫn lộn về cách tiếp cận này. Ê-xê-chi-ên dùng hình ảnh Vườn Ê-đen không những cho vua của Ty-rô là Sa-tan (Ê-xê-chi-ên 28:12-16), nhưng ông cũng dùng hình ảnh này cho Vua của Ai-cập để chỉ cây biết điều thiện và điều ác (Ê-xê-chi-ên 31). Tuy vậy, Ê-sai 14, đặc biệt là câu 12-14, dường như mô tả sự nổi loạn của các thiên thần qua sự kiêu ngạo. Nếu Đức Chúa Trời muốn bày tỏ cho chúng ta biết bản chất và xuất xứ đặc biệt của Sa-tan qua những câu này, thì Ngài đã đặt nó ở một chỗ không rõ ràng và đề cập đến một cách rất gián tiếp. Chúng ta cần phải cảnh giác không theo xu hướng của thần học hệ thống gom góp một số câu ít ỏi, lò mò từ cả hai giao ước, các tác giả, sách vở, các thể loại văn chương khác nhau và kết hợp chúng lại thành những miếng xếp hình có vẻ thiêng liêng và được ráp lại không rõ ràng

### III. Sa-tan trong Tân Ước

Học giả Alfred Edersheim (*The Life and Times of Jesus the Messiah*, tập 2, phụ lục XIII [trang 748-763] và XVI [trang 770-776]) cho rằng Do thái giáo đã bị ảnh hưởng quá mức của thuyết nhị nguyên Ba-tư và các suy đoán về ma quỷ. Các thầy ra-bi không phải là nguồn đáng tin cậy trong lãnh vực này. Chúa Jê-sus đã hoàn toàn tách xa khỏi các lời dạy của các thầy ra-bi trong các nhà hội. Tôi nghĩ rằng khái niệm trung gian và chống đối của các thiên thần theo các thầy ra-bi qua việc ban luật Môi-se trên núi Si-nai đã mở đường cho khái niệm cho rằng trong giới thiên thần có một kẻ thù của Đức Giê-hô-va và con người. Hai vị thần cao cả của thuyết nhị nguyên của người I-ran (Zoroastrian) là

a. *Ahura Mazda*, sau này được gọi là *Ohrmazd*, vốn là thần tạo hóa, là vị thần tốt

b. *Angra Mainyu*, sau này được gọi là *Ahriman*, thần hủy diệt, là vị thần ác

Họ tranh chiến với nhau để giành uy quyền tối cao với mặt đất chính là chiến trường. Thuyết nhị nguyên này phát triển thành một tư tưởng nhị nguyên Do Thái hữu hạn của YHWH và Sa-tan.

Chắc chắn là có một sự mặc khải tiệm tiến trong Tân ước về sự phát triển của khái niệm điều ác, nhưng không quá chi tiết như các thầy ra-bi tuyên bố. Một ví dụ điển hình cho sự khác biệt này là “cuộc chiến trên thiên đàng.” Sự sa ngã của Sa-tan cũng chỉ là một điều cần phải có theo cách lô-gích, nhưng chúng ta không có các chi tiết của sự kiện này. Ngay cả những điều được cho biết thì chỉ được thấy qua bức màn của thể loại văn chương lai thế (apocalyptic genre) (Khải huyền 12:4, 7, 12-13). Mặc dù Sa-tan bị đánh bại và bị đày xuống trần gian này, nó vẫn có chức năng như một đầy tớ của Đức Giê-hô-va (Ma-thi-ơ 4:1; Lu-ca 22:31-32; I Cô-rinh-tô 5:5; I Ti-mô-thê 1:20).

Chúng ta phải ngăn chặn sự tò mò của chúng ta trong lãnh vực này. Có một quyền lực hiện thân của sự căm thù và gian ác, nhưng cũng có một và chỉ một Đức Chúa Trời và con người phải chịu trách nhiệm đối với những điều mình chọn lựa. Có một trận chiến thuộc linh cả trước và sau sự cứu rỗi. Sự chiến thắng chỉ có thể đến và tồn tại trong và qua Đức Chúa Trời Ba ngôi. Sự ác đã bị đánh bại và sẽ bị loại bỏ (Khải Huyền 20:10)!

▣ " **như sư tử gầm thét, đang rình rập chung quanh** " Ấn dụ của động vật dùng cho Sa-tan có lẽ đến từ Cựu Ước.

1. biểu tượng của kẻ thù đầy hùng mạnh (Thi 7:2; 10:2; 17:12; 22:13,21; 2 Ti-mô-thê 4:17)
2. một trong những cách của Đức Chúa Trời để đoán phạt dân sự của Ngài (2 Các Vua 17:25; Ê-sai 15:9; Giê-rê-mi 50:17)

▣ " **tìm người để cắn nuốt** " Mục tiêu cuối cùng của Sa-tan bị bộc lộ—sự hủy diệt và sự chết. Hẳn là kẻ thù của tất cả những gì là tốt lành, tin kính và chân thật.

**5:9 " kháng cự nó "** Đây là một thể mệnh lệnh chủ động bất định (aorist active imperative) khác. Trong Chúa Jesus các tín đồ có quyền năng để kháng cự điều ác và kẻ ác (ma quỷ)! Trong Gia-cơ 4:7 điều này liên hệ với sự khuyên dạy được liên kết với sự trốn chạy của Sa-tan, nhưng ở đây nó liên kết với sự bất bở và chịu khổ tiếp diễn. Chiến thắng ma quỷ không phải là sự vắng mặt của sự chịu khổ!

▣ **" Hãy đứng vững trong đức tin "** Các tín đồ phải tiếp tục trong đức tin của họ (theo Cô-lô-se 2:5). Sự thịnh vượng và sức khỏe không phải luôn là những dấu chỉ của những phước hạnh của Đức Chúa Trời (Gióp, Thi 73). Các tín đồ phải thực hành đức tin của họ trong mọi hoàn cảnh. Sự tiếp tục là cực kỳ quan trọng (theo Công Vụ 14:22; Rô-ma 8:17).

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CẦN THIẾT PHẢI BỀN ĐỒ**

Các tín lý Kinh thánh liên quan đến đời sống Cơ đốc nhân rất khó giải thích vì chúng được trình bày trong những cặp biện chứng rất Đông phương. Những cặp này dường như mâu thuẫn nhau, nhưng chúng đều có nền tảng Kinh thánh. Những Cơ đốc nhân phương Tây thường có khuynh hướng chọn một lẽ thật và bỏ qua hoặc không xem trọng lẽ thật đối lại. Tôi minh họa như sau:

1. Sự cứu rỗi là một quyết định ban đầu tin cậy nơi Đấng Christ hay là một cam kết trọn đời làm môn đồ của Ngài?
2. Có phải sự cứu rỗi là một sự lựa chọn bởi ân điển từ một Đức Chúa Trời chí cao hay là đáp ứng tin cậy và ăn năn của con người trước một món quà thiêng thượng?
3. Sự cứu rỗi, một khi đã nhận được, thì không thể mất được, hay là phải có sự chuyên cần liên tục?

Vấn đề về sự kiên trì đã gây nhiều tranh cãi trong lịch sử Hội thánh. Vấn đề khởi sự từ những phân đoạn rõ ràng mâu thuẫn với nhau trong Tân ước:

1. Các phân đoạn về sự chắc chắn
  - a. Câu nói của Đức Chúa Giê-xu (Giăng 6:37; 10:28-29)
  - b. Câu nói của Phao-lô (Rô-ma 8:35-39; Ê-phê-sô 1:13; 2:5,8-9; Phi-líp 1:6; 2:13; II Tê-sa-lô-ni-ca 3:3; II Ti-mô-thê 1:12; 4:18)
  - c. Câu nói của Phi-e-rơ (I Phi-e-rơ 1:4-5)
2. Các phân đoạn về sự cần thiết phải kiên trì
  - a. Câu nói của Đức Chúa Giê-xu (Ma-thi-ơ 10:22; 13:1-9, 24-30; 24:13; Mác 13:13; Giăng 8:31; 15:4-10; Khải huyền 2:7,17,20; 3:5,12,21)
  - b. Câu nói của Phao-lô (Rô-ma 11:22; I Cô-rinh-tô 15:2; II Cô-rinh-tô 13:5; Ga-la-ti 1:6; 3:4; 5:4; 6:9; Phi-líp 2:12; 3:18-20; Cô-lô-se 1:23)
  - c. Câu nói của tác giả thư Hê-bơ-rơ (2:1; 3:6,14; 4:14; 6:11)
  - d. Câu nói của Giăng (I Giăng 2:6; II Giăng 9)
  - e. Câu nói của Đức Chúa Cha (Khải huyền 21:7)

Sự cứu rỗi theo Kinh thánh xuất phát từ tình yêu, sự thương xót, và ân điển của Đức Chúa Trời Ba Ngôi chí cao. Không một ai có thể được cứu mà không nhờ vào sự khởi đầu của Đức Thánh Linh (Giăng 6:44,64). Trời đến trước và lập kế hoạch, nhưng đòi hỏi người đáp ứng bằng đức tin và ăn năn, từ lúc ban đầu và tiếp tục về sau. Chúa làm việc với con người trong mối liên hệ giao ước. Vì vậy có cả đặc ân và trách nhiệm.

Sự cứu rỗi được ban cho tất cả mọi người. Sự chết của Đức Chúa Giê-xu đã giải quyết vấn đề tội lỗi của muôn vật bị sa ngã. Đức Chúa Trời đã ban cho một con đường và Ngài muốn mọi người được dựng nên theo ảnh tượng của Ngài đáp ứng lại tình yêu và sự ban tặng của Ngài trong Đức Chúa Giê-xu.

Nếu bạn muốn đọc thêm về chủ đề này theo quan điểm không theo phái Calvin, thì bạn có thể xem:

1. Dale Moody, *The Word of Truth*, Eerdmans, 1981 (trang 348-365)
2. Howard Marshall, *Kept by the Power of God*, Bethany Fellowship, 1969
3. Robert Shank, *Life in the Son*, Westcott, 1961

Kinh thánh cho thấy hai vấn đề trong lãnh vực này (1) tin vào sự cứu rỗi chắc chắn được xem như giá phép để sống cuộc đời không kết quả, ích kỷ và (2) khích lệ những người đang tranh đấu với tội lỗi cá nhân và trong mục vụ. Vấn đề ở đây là những nhóm sai lầm đã đi theo sứ điệp sai lầm và xây dựng hệ thống thần học trên một số phân đoạn Kinh thánh giới hạn. Một số Cơ đốc nhân thật sự cần sứ điệp về sự cứu rỗi chắc chắn,

trong khi một số khác thì cần được cảnh cáo nghiêm minh. Bạn ở trong nhóm nào?

Có một sự tranh luận lịch sử giữa Augustine và Pelagius, giữa Calvin và Arminius (semi-Pelagian), xung quanh vấn đề cứu rỗi. Nếu một người đã được cứu, người ấy có phải bền đỗ trong đức tin và ra bông kết trái hay không?

Nhóm Can-vin khẳng định Đức Chúa Trời tể trị và có quyền gìn giữ, dựa theo các câu (Giăng 10:27-30; Rô-ma 8:31-39; 1 Giăng 5:13,18; 1 Phi-e-rơ 1:3-5). Họ chỉ ra tính động từ bị động thì hoàn thành. của câu Ê-phê-sô 2:5,8.

Nhóm A-mi-ni-an (Arminians) dựa vào các câu "nắm chặt", "nắm tới", "tiếp tục" (Ma-thi-ơ 10:22; 24:9-13; Mác 13:13; Giăng 15:4-6; I Cô-rinh-tô 15:2; Ga-la-ti 6:9; Khải Huyền 2:7,11,17,26; 3:5,12,21; 21:7). Bản thân tôi không tin các câu trong Hê-bơ-rơ 6 và 10 nên ứng dụng ở đây, nhưng nhiều người thuộc nhóm này sử dụng để cảnh báo sự bội đạo. Các ngụ ngôn trong Ma-thi-ơ 13 and Mác 4, Giăng 8:31-59... nói về sự cứng lòng không tin. Về ngữ pháp, khi nhóm Can-vin dùng tính động từ bị động thì hoàn thành, nhóm A-mi-ni-an dùng thì hiện tại trong các câu. I Cô-rinh-tô 1:18; 15:2; II Cô-rinh-tô 2:15,

Đây là những ví dụ về các thần học hệ thống hạn chế thông diễn Kinh Thánh một cách phù hợp, (giải kinh theo ngữ cảnh và bối cảnh) Họ định kiến một số nguyên tắc từ trước rồi tìm các câu Kinh Thánh phù hợp để ghép vô. Hãy cẩn thận với bất cứ một khuôn khổ thần học nào. Khuôn khổ thần học được đến bởi Lô-gíc tây phương, chứ không từ khai thị Kinh Thánh xuất phát từ đông phương, trình bày chân lý bằng nghịch lý. Tân Ước cho tín đồ cả sự đảm bảo cứu rỗi và đòi hỏi phải bền đỗ và nếp sống tin kính. Cơ đốc giáo được bắt đầu bởi ăn năn và đức tin, tiếp tục bởi ăn năn và đức tin. Sự cứu rỗi không phải là sản phẩm của hãng bảo hiểm, nhưng là mối liên hệ. Nó được miêu tả trong Tân Ước qua các câu sau đây. :

- Thì quá khứ (hành động đã kết thúc trong quá khứ), Công Vụ 15:11; Rô-ma 8:24; 2 Tim. 1:9; Tít 3:5
- Thì hoàn thành (hành động đã kết thúc với kết quả đang tiếp diễn), Ê-phê-sô 2:5,8
- Thì hiện tại: (hành động vẫn đang tiến hành), I Cô-rinh-tô 1:18; 15:2; II Cô-rinh-tô 2:15
- Thì tương lai (hành động trong tương lai, hoặc sẽ xảy ra một các chắc chắn), Rô-ma 5:8,10; 10:9; I Cô-rinh-tô 3:15; Phi-líp 1:28; I Tê-sa 5:8-9; Hê-bơ-rơ 1:14; 9:28

▣ " **biết rằng anh em cùng niềm tin trên khắp thế giới cũng đang chịu hoạn nạn như mình** " Phi-e-rơ sử dụng sự trải nghiệm chung của các tín đồ bị tàn lạc trên khắp Đế Chế La Mã như một sự khích lệ cho những tín đồ đang bị bắt bớ ở đây. Trải nghiệm của họ không phải là bất thường, nhưng rất bình thường.

**5:10 " Và sau khi anh em phải chịu khổ ít lâu "** Câu này chỉ đến đời này (1 Phi-e-rơ 1:6).

▣ " **Đức Chúa Trời của mọi ân điển** " Hy vọng của mọi tín đồ chính là đặc tính chắc chắn, bền vững, không thay đổi của một Đức Chúa Trời yêu thương, ân điển và thương xót. Mặc dù chúng ta đang sống trong một thế giới sa ngã của điều ác và sự bội nghịch, khi chúng ta tin cậy Ngài thì không có bất cứ điều gì có thể chia cắt chúng ta khỏi Ngài (Rô-ma 8:31-39).

NIDOTTE, tập 2, trang 78-79, đã có một danh sách tuyệt vời của cụm từ sở hữu cách được sử dụng để mô tả Đức Chúa Trời.

1. Đức Chúa Trời của sự hòa bình – Rô-ma 15:33; 16:20; 1 Cô-rinh-tô 14:33; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:23; Phi-líp 4:9; Hê-bơ-rơ 13:20
2. Đức Chúa Trời của sự thương xót – Lu-ca 1:78
3. Đức Chúa Trời của sự yên ủi – Rô-ma 12:1; 2 Cô-rinh-tô 1:3
4. Đức Chúa Trời của mọi ân điển – 1 Phi-e-rơ 5:10,12
5. Đức Chúa Trời của tình yêu thương – 2 Cô-rinh-tô 13:11
6. Không phải Đức Chúa Trời của sự rối loạn – 1 Cô-rinh-tô 14:33

▣ " **Đấng đã gọi anh em đến vinh quang đời đời của Ngài trong Đấng Christ** " Đây là một sự nhấn mạnh khác trên sự nhận diện chính mình của chúng ta cùng với Đấng Christ. Chúng ta được nhận diện cùng với Ngài giờ đây trong sự chết (Rô-ma 6:4) và sự chịu khổ của Ngài (Rô-ma 8:17), nhưng cũng trong sự phục sinh và vinh hiển của Ngài (2 Cô-rinh-tô 4:17; 2 Ti-mô-thê 2:10). Vinh hiển đời đời chỉ trong trải nghiệm tại sự chết thuộc thể hoặc tại Sự Tái Lâm!

**5:11 " chính Ngài sẽ phục hồi, củng cố, xây dựng và ban sức lực cho anh em "** mục đích của Đức Chúa



Trời cho toàn bộ tín đồ chính là sự trở nên giống như Đấng Christ thông qua sự chịu khổ và tranh chiến (1 Phi-e-rơ 4:13; Rô-ma 8:17; 2 Cô-rinh-tô 1:5,7; Phi-líp 3:19; 2 Ti-mô-thê 2:12; Hê-bơ-rơ 2:10; 5:8). Nhưng cũng chính Ngài là Đấng chu cấp tất cả những điều cần thiết. Ở đây một lần nữa chính là khái niệm nghịch lý giao ước. Đức Chúa Trời thực hiện phần của Ngài và chúng ta phải làm phần của chúng ta!

▣ " **Nguyện quyền tể trị thuộc về Ngài đời đời vô cùng** " Điều này nhắc lại 4:11, trừ việc ở đây không có động từ. Vì vậy nhiều chủ đề trong 1 Phi-e-rơ (cũng như trong 1 Giăng) có cấu trúc giống như bức tranh họa tiết thắm thêu hoặc những giai điệu được lặp đi lặp lại với một sự khác biệt nhẹ. Đức Chúa Trời vẫn đang tể trị trên tất cả mọi điều (Rô-ma 11:36).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1 PHI-E-RƠ 5:12-14a**

<sup>12</sup> Tôi nhờ Sin-vanh, người tôi xem như một anh em tín cẩn, viết đôi dòng để khích lệ và làm chứng với anh em rằng đây là ân điển thật của Đức Chúa Trời. Hãy đứng vững trong ân điển đó. <sup>13</sup> Hội Thánh tại Ba-by-lôn, những người cùng được chọn như anh em, gửi lời chào anh em; con tôi là Mác cũng vậy. <sup>14</sup> Hãy lấy cái hôn yêu thương mà chào đón nhau.

**5:12 " nhờ Sin-vanh "** Đây chính là Si-la trong Công Vụ 15:40. Người nam này chính là một nguồn thông tin, cùng với Giăng Mác, về những tác phẩm và thần học của Phao-lô. Những tác phẩm của Phi-e-rơ rất giống với Phao-lô trong nhiều cách.

Có nhiều sự suy xét về cụm từ về mối quan hệ này đối với tác quyền của sách 1 Phi-e-rơ. Tôi nghĩ rằng không có bất kỳ sự nghi ngờ nào về việc Phi-e-rơ đã dùng một người ghi chép, nhưng tại sao là Sin-vanh? Một bài viết thú vị trong *Journal of the Evangelical Theological Society*, Tập 43 Số 3, trang 417-432, có tựa đề là "Sin-vanh không phải là Thư Ký của Phi-e-rơ" được viết bởi E. Randolph Richards, đã thuyết phục tôi rằng cụm từ này có lẽ chỉ đến Sin-vanh chính là người mang lá thư này đến cho người đọc, không nhất thiết chấp bút nó cho Phi-e-rơ.

#### **CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SI-LA/SIN-VANH**

Si-la, hay là Sin-vanh, là người Phao-lô chọn đi với ông trong chuyến truyền giáo thứ hai sau khi Ba-na-ba và Giăng (Mác) quay lại đảo Chíp-rơ.

- A. Ông được đề cập đến lần đầu tiên trong Công-vụ 15:22, khi ông được gọi là người đứng đầu trong những anh em tại Hội thánh Giê-ru-sa-lem.
- B. Ông cũng là một tiên tri (xem Công-vụ 15:32).
- C. Ông là công dân La mã giống như Phao-lô (xem Công-vụ 16:37).
- D. Ông và Giu-đe Ba-sa-ba được Hội thánh Giê-ru-sa-lem gửi đến An-ti-ốt để xem xét tình hình (xem Công-vụ 15:22, 30-35).
- E. Phao-lô nhắc đến ông trong II Cô-rinh-tô 1:19 như là người bạn cùng rao giảng Phúc âm.
- F. Về sau, ông nhắc đến cùng với Phi-e-rơ trong việc viết thư I Phi-e-rơ (xem I Phi-e-rơ 5:12).
- G. Cả Phao-lô và Phi-e-rơ đều gọi ông là Sin-vanh, trong khi Lu-ca gọi ông là Si-la (tên theo tiếng A-ram của Sin-vanh). Có thể Si-la là tên Do Thái của ông và Sin-vanh là tên La-tinh (xem F. F. Bruce, *Paul: Apostle of the Heart Set Free*, trang 213).

▣ " **ân điển thật của Đức Chúa Trời** " Bởi thời điểm viết của những tác phẩm của Phi-e-rơ, những quan điểm về Chúa Jesus đã phát triển. Phi-e-rơ khẳng định rằng chỉ có một ân điển thật duy nhất—phúc âm. Phi-e-rơ đã nhấn mạnh ân điển của Đức Chúa Trời thường xuyên trong 1 Phi-e-rơ (1 Phi-e-rơ 1:10,13; 2:3; 3:7; 4:10; 5:5,10,12). Phúc âm của Đức Chúa Jesus Christ phản ánh một cách chân thật tấm lòng của YHWH. Nó được gọi là "thật" ở đây bởi vì nó đã được trải nghiệm trong những cuộc đời của những tín đồ chịu khổ này!

▣ " **Hãy đứng vững trong ân điển đó** " Đây là một thể mệnh lệnh chủ động bất định (aorist active imperative). Đây là một điều quan trọng trong thời điểm của sự bất bớ. "Đứng vững" liên hệ với "sự đứng vững trong đức tin" trong 1 Phi-e-rơ 5:9. Nó là một thái độ hướng đến với Đức Chúa Trời, hướng đến Đấng Christ và xa khỏi tội lỗi, cái tôi, và Sa-tan. Nó là một từ trong quân đội trong Ê-phê-sô 6:11,13,14. Phao-lô dùng nó trong vài

cách khác nhau.

1. Sự tóm tắt phúc âm trong 1 Cô-rinh-tô 15:1
2. Sự giải thích khái niệm "xung công chính bởi đức tin" trong Rô-ma 5:2
3. Những sự khuyên dạy cho những Người Ngoại để giữ đức tin trong Rô-ma 11:20
4. Sự cảnh cáo về sự kiêu ngạo thuộc linh trong 1 Cô-rinh-tô 10:12

Các tín đồ có một trách nhiệm giao ước phải đứng vững! Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự bền đỗ tại 1 Phi-e-rơ 5:9.

**5:13 "bà (hội thánh)"** Các hội thánh thường được nhân hóa như một người phụ nữ (2 Giăng) có lẽ bởi vì khái niệm Cựu Ước YHWH như người chồng còn Y-sơ-ra-ên là vợ (Ô-sê 1-3). Hội thánh chính là cô dâu của Đấng Christ (Ê-phê-sô 5:21-31).

▣ **"Ba-by-lôn"** Đây có lẽ là một sự chỉ đến Rô-ma được mã hóa (Khải Huyền 14:8; 17:5; 18:2,10; Sibylline Oracles 5:143,152; Baruch 9:1). Rô-ma, trong thời của Phi-e-rơ, chính là sự tượng trưng của những cường quốc của thế giới trong Cựu Ước (A-si-ri, Ba-by-lôn, Ba Tư). Nó là điển hình của một hệ thống thế gian của sự hùng mạnh, kiêu ngạo, và thờ hình tượng xa cách khỏi Đức Chúa Trời (Ê-phê-sô 2:2a).

Phi-e-rơ đã biết thư này từ trong hang ổ của chính con thú. Hội thánh của Đức Chúa Trời được thiết lập trên lãnh địa của chính kẻ thù.

▣ **"Mác"** Tên này chỉ đến Giăng Mác. Hội thánh đầu tiên gặp nhau tại nhà của gia đình ông tại Giê-ru-sa-lem (theo Công Vụ 12:12). Nó cũng chính là địa điểm của ba sự hiện ra của Chúa sau khi Ngài phục sinh và sự ngự đến của Đức Thánh Linh.

Giăng Mác đã đi cùng với Phao-lô và người anh họ Ba-na-ba (theo Cô-lô-se 4:10) trong chuyến hành trình truyền giáo thứ nhất (theo Công Vụ 12:25-13:13). Vì một lý do nào đó ông đã bỏ rơi nhóm và quay trở về nhà (theo Công Vụ 15:38). Ba-na-ba muốn mang theo cả ông trong cuộc hành trình truyền giáo thứ hai nhưng Phao-lô đã từ chối (theo Công Vụ 15:36-41). Điều này dẫn đến sự chia rẽ giữa Phao-lô và Ba-na-ba. Ba-na-ba đã mang Giăng Mác đến đảo Síp (theo Công Vụ 15:39). Sau này, khi Phao-lô đang ở trong ngục, ông nhắc đến Giăng Mác trong một cách tích cực (theo Cô-lô-se 4:10) và vẫn sau đó trong lần bị tù thứ hai của Phao-lô tại Rô-ma, ngay trước cái chết của mình, ông nhắc đến Giăng Mác một lần nữa (2 Ti-mô-thê 4:11).

Có vẻ Giăng Mác đã trở nên một thành viên trong nhóm truyền giáo của Phi-e-rơ (1 Phi-e-rơ 5:13). Tác phẩm của Eusebius *Eccl. His.* 3:39:12 cho chúng ta biết một câu chuyện thú vị về mối liên hệ của Giăng Mác với Phi-e-rơ.

"Trong quyển sách của chính mình, Papias đã kể cho chúng ta nghe về câu chuyện của những sự phán dạy của Chúa nhận được từ Aristion hoặc nghe được trực tiếp từ trưởng lão Giăng. Mang những sự chú ý này đến với các học giả, tôi phải theo dõi những lời khẳng định đã được trích từ ông với một mâu thông tin vốn ông đưa ra về Mác, tác giả của phúc âm:

Điều này, cũng vậy, trưởng lão thường nói. 'Mác, người đã từng là người thông ngôn (phiên dịch) cho Phi-e-rơ, đã viết xuống một cách cẩn thận, nhưng không theo trình tự, tất cả những gì ông nhớ được về những sự dạy dỗ và hành động của Chúa. Bởi ông đã không nghe từ Chúa hoặc là một trong những kẻ theo Ngài, nhưng sau này, như tôi đã nói, là một trong những người của Phi-e-rơ. Phi-e-rơ thường thích ứng với những sự dạy dỗ theo hoàn cảnh, mà không thực hiện một sự sắp xếp theo hệ thống về những sự dạy dỗ của Chúa, vì vậy Mác đã khá chắc chắn trong việc viết xuống một vài điều mà ông nhớ được chúng. Bởi vì ông có một mục đích duy nhất-không bỏ bất cứ điều gì mà ông đã nghe, và không trình bày bất thông điệp sai trật nào về nó'" (tại trang 152).

Trong phần trích Papias chỉ đến "trưởng lão Giăng," trong *Against Heresies* 5:33:4, Irenaeus cho biết "và những điều ấy để làm chứng cho trong tác phẩm của Papias, người nghe lại từ Giăng, và là một bạn đồng hành của Polycarp." Điều này ngụ ý rằng Papias đã nghe nó từ Sứ Đồ Giăng. Giăng Mác đã ghi chép lại những ký ức và bài giảng của Phi-e-rơ về Chúa Jesus vào trong một sách Phúc Âm.

**5:14 " cái hôn yêu thương "** Đây là một cách chào điển hình theo văn hóa giữa những thành viên trong gia đình. Nó được bắt đầu nhận vào trong gia đình của Đức Chúa Trời (Rô-ma 16:16; 1 Cô-rinh-tô 16:20; 2 Cô-rinh-tô 13:12; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:6). Vào khoảng thế kỷ thứ tư SC. Cái hôn này bị giới hạn giữa những người có cùng giới tính bởi vì sự lạm dụng giữa những người trong cùng hội thánh và sự hiểu nhầm đến từ bên ngoài hội

thánh. Hành động nghi thức này trong mối liên hệ lẫn nhau đã là một phần thường lệ trong Lễ Tiệc Thánh hoặc Bữa Tiệc Yêu Thương.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 1 PHI-E-RƠ 5:14b**  
**Cầu xin sự bình an ở với tất cả anh em là những người ở trong Đấng Christ!**

**5:14b** Chỉ những ai ở trong Đấng Christ mới có thể có được sự bình an (theo Lu-ca 2:14). Những ai có sự bình an của Đấng Christ thường không có được sự bình an của thế gian (theo Ma-thi-ơ 10:34; Lu-ca 12:49-53; Giăng 14:27).

### **NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Hãy liệt kê và giải thích những thuật ngữ Tân Ước được dùng cho lãnh đạo của những hội thánh tư gia địa phương.
2. Hãy liệt kê bốn sự khuyên dạy dành cho những mục sư trong 1 Phi-e-rơ 5:2-3.
3. Hãy liệt kê ra những sự ngụ ý chỉ về tiếp xúc cá nhân của Phi-e-rơ với Chúa Jesus được liệt kê trong đoạn này.
4. Sự chịu khổ liên hệ với sự trưởng thành của Cơ Đốc Nhân như thế nào? Và liên hệ với Ma Quỷ như thế nào?

# DẪN NHẬP VÀO 2 PHI-E-RƠ

## NHỮNG TUYÊN BỐ MỞ ĐẦU

A. Mục đích hoặc ý định của phần dẫn nhập này không phải để thảo luận chi tiết về những vấn đề liên quan đến tác quyền của 2 Phi-e-rơ. Cá nhân tôi đã kết luận rằng không có bất cứ nguyên nhân bắt buộc nào để chối bỏ tác quyền của Phi-e-rơ. Có ba nguồn tài liệu có ích cho việc suy nghĩ thông suốt qua vấn đề này.

1. Bài viết của Bruce M. Metzger "Tính Giả Mạo Văn Học và Tính Kinh Điển của Ngụy Kinh" trong *The Journal of the Society of Biblical Literature*, 1972, ở trang 3-24.
2. Bài viết của Michael J. Kruger "Tính xác thực của 2 Phi-e-rơ" trong *The Journal of the Evangelical Theological Society*, Tập 42, Số 4, ở trang 645-671.
3. Quyển sách của tác giả E. M. B. Green *2 Peter Reconsidered*, Tyndale Press, 1961.

B. Khi tôi suy nghĩ về khả năng của việc sách 2 Phi-e-rơ không được viết bởi Phi-e-rơ, nhiều điều xuất hiện trong tâm trí tôi.

1. Người nào đã viết 2 Phi-e-rơ đã không thay đổi quan điểm của tôi về tác phẩm này được thần cảm và đáng tin cậy. Tác quyền ảnh hưởng đến sự giải kinh, chứ không phải sự thần cảm, vốn là một sự giả định đức tin và một tiến trình lịch sử dựa có thể trên tư liệu.
2. Tại sao tôi lại bận tâm về vấn đề bút danh? Có lẽ thế giới Hy-La trong thế kỷ thứ nhất đã quá quen với nó (vấn đề bút danh-theo bài viết của Metzger).
3. Tôi có không nguyện ý để cho phép nó bởi vì những sự thiên vị của tôi hay là tôi không có khả năng để thẩm định về bằng chứng lịch sử và văn bản? Truyền thống có dẫn dắt tôi đến với một kết luận chắc chắn hay không?
4. Hội thánh đầu tiên đã đặt câu hỏi về tác quyền của Phi-e-rơ, chứ không phải là thông điệp của sách (ngoại trừ hội thánh Sy-ri). Nó là một thông điệp chính thống trong một sự hiệp nhất thần học với những sách Tân Ước khác với rất nhiều những sự liên quan, tương đồng với những bài giảng của Phi-e-rơ trong sách Công Vụ.

C. Eusebius sử dụng ba mục để mô tả về những tác phẩm viết Cơ Đốc:

1. Được chấp nhận
2. Gây tranh cãi
3. Giả mạo

Ông đã bao gồm 2 Phi-e-rơ cùng với Gia-cơ, Giu-đe, 2 Giảng, và 3 Giảng trong mục 2 (gây tranh cãi). Eusebius đã chấp nhận 1 Phi-e-rơ; đã nghi ngờ về 2 Phi-e-rơ, và chối bỏ những tác phẩm viết giả mạo khác (được cho là) của Phi-e-rơ (1) Công Vụ của Phi-e-rơ; (2) Phúc Âm theo Phi-e-rơ; (3) Sự Giảng Dạy của Phi-e-rơ; và (4) Sách Lai Thế của Phi-e-rơ.

## TÁC QUYỀN

A. Đây không phải là sách Tân Ước gây tranh cãi nhất về tác quyền truyền thống.

B. Những nguyên nhân của những sự nghi vấn từ cả bên trong (tác phẩm) (văn phong và nội dung của nó) và bên ngoài (sự được chấp nhận rất muộn của nó).

## NHỮNG QUAN NGẠI BÊN TRONG TÁC PHẨM

1. Văn phong

a. Văn phong rất khác với 1 Phi-e-rơ. Điều này được nhận ra bởi Origen và Jerome.

(1) Origen ghi nhận một vài sự chối bỏ tác quyền của Phi-e-rơ (trên sách này), mặc dù ông trích dẫn từ 2 Phi-e-rơ 6 lần trong những tác phẩm của ông.

(2) Jerome gán tác phẩm này cho việc Phi-e-rơ đã sử dụng một người thư ký (chấp bút) khác. Ông

cũng ghi nhận rằng một vài người trong thời của ông đã chối bỏ tác quyền của Phi-e-rơ.

(3) Eusebius bày tỏ sự quan ngại này trong *Eccl. His.* 3:3:1: "nhưng sách được gọi là Thư Tín thứ hai mà chúng ta đã nhận là kinh điển, nhưng dầu như vậy nó vẫn xuất hiện một cách có ích cho nhiều người, và đã được học cùng với những phần Kinh Thánh khác."

b. Văn phong của 2 Phi-e-rơ rất khác biệt. Trong quyển *The Epistle of James, Peter and Jude* trong the Anchor Bible, ở trang 146-147, B. Reicke đã gọi nó là "Tu tưởng Tiểu Á."

"Nó được gọi là phong cách 'Tiểu Á' bởi vì những đại diện lỗi lạc nhất của nó đến từ khu vực Tiểu Á, và nó được mô tả bằng một nhân tố điển đạt nặng nề, dài dòng, khoa trương dựa trên hướng về sự lạ thường và kỳ lạ, và không quan tâm đến sự xâm phạm đến những tư tưởng cổ điển của sự đơn giản... Bức thư của chúng ta không hề nghi ngờ được viết trong sự phù hợp với những quy luật của trường phái Tiểu Á vốn vẫn quan trọng trong Cơ Đốc Giáo thế kỷ thứ nhất."

c. Có lẽ rằng Phi-e-rơ đã cố gắng để viết nó trong một ngôn ngữ (Tiếng Hy Lạp Koine) mà trong nó ông đã không hoàn toàn thực hiện được chức năng của ngôn ngữ đó. Ngôn ngữ mẹ đẻ của ông chính là tiếng A-ram.

## 2. Thể loại

a. Có phải đây là một lá thư điển hình của thế kỷ thứ nhất?

(1) Nó có một lối mở đầu và kết thúc điển hình

(2) nó, tuy vậy có vẻ là một lá thư định kỳ gửi đến một vài hội thánh, giống như Ga-la-ti, Ê-phê-sô, Gia-cơ, và 1 Giăng

b. Nó có thể là một thể loại văn học Do Thái được gọi là "kinh thư (hoặc chúc thư-ước)," nó vốn được mô tả bởi những đặc điểm

(1) Một phần (bài giảng) tạm biệt

a) Phục Truyền 31-33

b) Giô-suê 24

c) Kinh Thư của Mười Hai Tông Đồ

d) Giăng 13-17

e) Công Vụ 20:17-28

(2) Một sự tiên tri trước về sự qua đời sắp xảy ra (2 Ti-mô-thê)

(3) Một sự khuyên dạy những người nghe của tác giả phải giữ vững truyền thống của ông

## 3. Mối liên hệ giữa 2 Phi-e-rơ 2 và Giu-đe

a. Có những sự vay mượn văn học rõ ràng.

b. Sự ngụ ý đến những nguồn tài liệu không-kinh-điển đã khiến nhiều người chối bỏ Giu-đe và 2 Phi-e-rơ, mặc dù 1 Phi-e-rơ cũng ngụ ý nói đến I Enoch và Phao-lô thậm chí còn trích dẫn những bài thơ ca Hy Lạp.

## 4. Chính sách này tuyên bố rằng nó có nguồn gốc từ Sứ Đồ Phi-e-rơ

a. Ông được nhắc tên trong 2 Phi-e-rơ 1:1. Ông được gọi là Symeon (Si-mê-ôn) Phi-e-rơ. Phi-e-rơ chính là tên được ban cho ông bởi chính Chúa Jesus (theo Ma-thi-ơ 16). Symeon (Si-mê-ôn) (chứ không phải Si-môn) là một từ hiếm và không thông dụng. Nếu một người đang cố gắng dùng tên Phi-e-rơ để viết thì cơ hội của cách viết (theo ký tự) Sê-mít này rất đáng ngạc nhiên phản tác dụng với sự ký danh chấp bút đó.

b. Ông tuyên bố là một nhân chứng chứng kiến tận mắt sự hóa hình (theo Ma-thi-ơ 17:1-8; Mác 9:2-8; Luca 9:28-36) trong 2 Phi-e-rơ 1:16-18.

c. Ông tuyên bố đã viết lá thư thứ nhất (2 Phi-e-rơ 3:1), vốn ngụ ý chỉ đến 1 Phi-e-rơ.

## 5. Tính chính thống

a. Không có điều gì trong lá thư này mâu thuẫn với sự dạy dỗ Sứ Đồ Tân Ước.

b. Có một vài yếu tố độc nhất (thể giới bị hủy diệt bởi lửa và những bài viết của Phao-lô được thấy như trong Kinh Thánh), nhưng không có bất cứ yếu tố trí huệ và thuyết nhận làm con (tà giáo) nào hoặc mang tính tà giáo rõ ràng nào.

## NHỮNG SỰ QUAN NGẠI BÊN NGOÀI

1. Eusebius liệt kê ra những tác phẩm Cơ Đốc trong thế kỷ thứ nhất và thứ hai trong ba mục

a. Được chấp nhận

b. Gây tranh cãi

c. Sự giả mạo

2 Phi-e-rơ, cùng với sách Hê-bơ-rơ, Gia-cơ, 2 và 3 Giăng được liệt vào nhóm gây tranh cãi.

2. 2 Phi-e-rơ không xuất hiện trong bộ kinh điển Marcion (SC 154), nhưng Marcion cũng không chấp nhận nhiều sách Tân Ước khác.
3. 2 Phi-e-rơ không xuất hiện trong thư tập Muratorian Fragment (SC 180-200), nhưng danh sách này có vẻ đã bị tổn hại và nó cũng không liệt kê sách Hê-bơ-rơ, Gia-cơ, hoặc 1 Phi-e-rơ.
4. Nó đã bị chối bỏ bởi Hội Thánh Phương Đông (Sy-ri)
  - a. Không có trong bản Peshitta (nửa đầu của thế kỷ thứ năm)
  - b. Được gom vào trong bản Philoxeniana (SC 507) có nguồn gốc từ I-rắc và bản Harclean (SC 616) đến từ bắc Phi
  - c. Chrysostom và Theodore từ Mopsuestia (những lãnh đạo của trường phái giải nghĩa An-ti-ôt) đã chối bỏ toàn bộ những thư tín chính thống.
5. 2 Phi-e-rơ có vẻ như đã được trích dẫn trong "Phúc Âm của Lê Thật" và "Thứ Kinh của Giăng" được tìm thấy trong những tư liệu trí huệ (một loại tà giáo) thư tập Nag Hammadi (trong quyển *The Nag Hammadi Gnostic Texts and the Bible* được viết bởi Andrew K. Helmbold, ở trang 91). Những tác phẩm này được chép trong tiếng Coptic là những bản dịch của những tư liệu trong tiếng Hy Lạp trước đó. Nếu 2 Phi-e-rơ được ngụ ý chỉ đến thì có lẽ nó được viết trong thế kỷ thứ hai.
6. Nó được bao gồm trong bản P<sup>72</sup>, được xác định thời điểm bởi UBS<sup>4</sup> (trang 8) vào thế kỷ thứ ba và thứ tư.
7. Nó được ngụ ý nhắc đến hoặc được trích bởi Clement ở Rô-ma (SC 95)
  - a. I Clement (9:2 - 2 Phi-e-rơ 1:17)
  - b. I Clement (23:3 - 2 Phi-e-rơ 3:4)
  - c. I Clement (35:5 - 2 Phi-e-rơ 2:2)
8. Nó có thể được ngụ ý chỉ đến trong tác phẩm của Justin Martyr (SC 115-165) *Dialogue with Trypho* 82:1 - 2 Phi-e-rơ 2:1. Đây là hai chỗ duy nhất trong những tác phẩm Cơ Đốc cổ xưa nơi mà từ Hy Lạp *pseudoprophetai* được sử dụng.
9. Irenaeus (SC 130-200) có lẽ ngụ ý chỉ đến 2 Phi-e-rơ (ông đã được trích bởi tác phẩm của Eusebius *His. Eccl.* 5:32:2 - 2 Phi-e-rơ 3:8 và 3:1:1 - 2 Phi-e-rơ 1:15).
10. Clement ở Alexandria (SC 150-215) đã viết quyển sách giải kinh đầu tiên (dù rằng giờ đây nó đã bị thất lạc) sách 2 Phi-e-rơ.
11. Nó xuất hiện trong lá thư Easter (Phục Sinh) của Athanasius (SC 367), vốn là một danh sách hiện nay của những sách kinh điển.
12. Nó được chấp nhận là kinh điển bởi hội đồng hội thánh đầu tiên tại Lao-đi-xê (SC 372) và Carthage (SC 397).
13. Thật thú vị rằng những tác phẩm viết khác được xem là của Phi-e-rơ (Công Vụ của Phi-e-rơ, Công Vụ của Anh-rê và Phi-e-rơ, Công Vụ của Phi-e-rơ và Phao-lô, Sự Khô Nạn của Phi-e-rơ và Phao-lô, Công Vụ của Phi-e-rơ và Mười Hai Sứ Đồ, Sách Tận Thế của Phi-e-rơ, và Sự Giảng Dạy của Phi-e-rơ) đều bị chối bỏ bởi hội thánh đầu tiên như sự giả mạo (không được thần cảm).

C. Richard N. Longenecker, trong tác phẩm *Biblical Exegesis in the Apostolic Period* (ở trang 174) đã bình luận rằng 2 Phi-e-rơ có lẽ đã được chính Phi-e-rơ viết mà không sử dụng một người ghi chép (Si-la trong 1 Phi-e-rơ 5:12 và Giăng Mác cho sách Phúc Âm). Bởi vì bằng chứng mà ông đã xác nhận rằng 1 Phi-e-rơ sử dụng riêng Bản Bảy Mươi (Septuagint) trong những trích dẫn Cựu Ước, nhưng 2 Phi-e-rơ (2 Phi-e-rơ 2:22) đã sử dụng bản MT của Châm Ngôn 26:11, vốn chỉ về một bối cảnh Hê-bơ-rơ.

## THỜI ĐIỂM VIẾT SÁCH

A. Vấn đề này phụ thuộc vào tác quyền của sách.

B. Nếu một ai được thuyết phục về tác quyền của Phi-e-rơ thì sách này được viết một thời điểm nào đó trước khi ông qua đời (2 Phi-e-rơ 1:14).

- C. Truyền thống của hội thánh khẳng định rằng Sứ Đồ Phi-e-rơ đã qua đời tại Rô-ma khi Nê-rô là Sê-sa. Nê-rô đã lập nên sự bắt bớ đối với những Cơ Đốc Nhân vào năm SC 64. Ông đã tự tử vào năm SC 68.
- D. Nếu một môn đồ của Phi-e-rơ đã dùng tên ông để viết, thì thời điểm viết sách muộn hơn vào khoảng những năm SC 130-150 là có khả năng bởi vì 2 Phi-e-rơ đã được trích dẫn trong *Apocalypse of Peter* cũng như là *The Gospel of Truth* và *Apocryphon of John*.
- E. Nhà khảo cổ học nổi tiếng người Mỹ W. F. Albright đã khẳng định rằng nó được viết trước năm SC 80 bởi vì sự tương tự của nó với Cuộn Biên Chết (Dead Sea Scrolls).

## NHỮNG ĐỘC GIẢ CỦA SÁCH

- A. Nếu 1 Phi-e-rơ được nhắc đến trong 2 Phi-e-rơ 3:1 thì độc giả (của hai sách) sẽ cũng giống nhau (khu vực phía bắc Thổ Nhĩ Kỳ).
- B. 2 Phi-e-rơ có thể là một sự chứng thực (lời làm chứng xác quyết) để khích lệ mọi tín đồ cần phải đứng vững, bền đỗ trước những sự thử thách, kháng cự lại những giáo sư giả, và sống một đời sống trung tín trong truyền thống phúc âm của sự biết chắc trước của Sự Tái Lâm.

## LÝ DO VIẾT SÁCH

- A. Cũng như cách 1 Phi-e-rơ đã đề cập đến sự bắt bớ và sự chịu khổ, 2 Phi-e-rơ nhắc đến các giáo sư giả.
- B. Bản chất chính xác của những giáo sư giả là không chắc chắn, nhưng nó có thể liên hệ đến trí huệ giáo phi luật (chống lại luật pháp- học thuyết hay thái độ phủ nhận giá trị chính nghĩa ở mọi pháp luật, coi ơn cứu rỗi chỉ cần niềm tin, không cần tuân theo luật đạo đức) (antinomian gnosticism) (2 Phi-e-rơ 2:1-22; 3:15-18). Sách này sử dụng những thuật ngữ được lấy sử dụng bởi cả trí huệ giáo (một loại tà giáo) và những tà giáo huyền bí. Đây có lẽ là một kỹ thuật biện giải tấn công thần học của chúng.
- C. Sách này, cũng như 2 Tê-sa-lô-ni-ca, đề cập đến chủ đề của sự trì hoãn, nhưng chắc chắn, của Sự Tái Lâm, nơi mà những con cái Đức Chúa Trời sẽ được vinh hiển và những kẻ vô tín sẽ bị đoán phạt (2 Phi-e-rơ 3:3-4). Thật thú vị rằng 1 Phi-e-rơ đã sử dụng theo cách đặc trưng thuật ngữ *apocalypsis* để chỉ đến sự tái lâm của Chúa Jesus trong khi 2 Phi-e-rơ sử dụng *parousia*. Đây có lẽ phản ánh về việc sử dụng những người chấp bút khác nhau (theo Jerome).

## CHU KỲ ĐỌC THỨ NHẤT (trích từ tài liệu " Hướng Dẫn một Cách Đọc Kinh Thánh Tốt ")

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả sách của Kinh Thánh trong một lần đọc. Đưa ra chủ đề trung tâm của cả sách bằng từ ngữ của chính bạn.

1. Chủ đề của cả sách
2. Thể loại văn học (thể loại)

## CHU KỲ ĐỌC THỨ HAI (trích từ tài liệu " Hướng Dẫn một Cách Đọc Kinh Thánh Tốt ")

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn

không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Hãy đọc cả sách của Kinh Thánh lần thứ hai trong một lần đọc. Đưa ra dàn ý những chủ đề chính và diễn tả chủ đề đó trong một câu đơn.

1. Chủ đề của đơn vị văn học thứ nhất
2. Chủ đề của đơn vị văn học thứ hai
3. Chủ đề của đơn vị văn học thứ ba
4. Chủ đề của đơn vị văn học thứ tư
5. V.v...



## 2 PHI-E-RO 1

### NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI\*

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Sự chào thăm	Chào Thăm Những kẻ Trung Tín	Sự chào thăm	Phần Dẫn Nhập	Lời Chào Thăm
1:1-2	1:1-4	1:1-2	1:1 1:2	1:1-2
Sự Kêu Gọi Và Tuyển Chọn của Cơ Đốc Nhân		Những Sự Khuyên Dạy đến Sự Thánh Khiết	Sự Kêu Gọi Và Tuyển Chọn của Đức Chúa Trời	Sự Rộng Rãi của Đức Chúa Trời
1:3-11		1:3-11	1:3-9	1:3-11
	Sự Tăng Trưởng Kết Quả trong Đức Tin			
	1:5-11			
	Phi-e-ơ Đến Gần Sự Qua Đời			Lời Chứng Sứ Đồ
1:12-15	1:12-15	1:12-15	1:12-15	1:12-15
Sự Vinh Hiển của Đấng Christ và Lời Tiên Tri	Sự Đáng Tin Cậy của Lời Tiên Tri		Lời Chứng Tận Mất về Sự Vinh Hiển của Đấng Christ	
1:16-21	1:16-21	1:16-18	1:16-18	1:16-18
				Giá Trị của Lời Tiên Tri
		1:19-21	1:19-21	1:19-21

### **CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu " Hướng Dẫn một Cách Đọc Kinh Thánh Tốt ")**

#### *THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN*

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

\*Mặc dù không được thân cảm, những chỗ chia phân chia đoạn chính là chia khóa để hiểu được và đối theo ý định của tác giả nguyên thủy. Mỗi bản dịch hiện đại đã chia và tổng hợp lại những chỗ chia phân đoạn. Mỗi phân đoạn có một ý chính, lẽ thật và ý tưởng trung tâm. Mỗi bản dịch lồng ý tưởng đó theo cách riêng biệt của chính bản dịch đó. Khi bạn đọc phần Kinh Thánh, hãy tự hỏi chính mình rằng bản dịch nào phù hợp với cách hiểu của bạn về chủ đề và những chỗ chia câu.

Trong mỗi đoạn, bạn phải đọc Kinh Thánh trước và cố gắng xác định các chủ đề (các phân đoạn). Sau đó, hãy so sánh cách hiểu của bạn với các bản dịch hiện đại. Chỉ khi chúng ta hiểu được ý định của tác giả nguyên thủy bằng cách đối theo lập luận và cách trình bày của họ ở mức độ phân đoạn, chúng ta mới có thể hiểu được Kinh Thánh. Chỉ có một mình tác giả nguyên thủy được thân cảm—những người đọc không có bất cứ thẩm quyền nào để thay đổi hoặc bổ sung cho sứ điệp. Những người đọc Kinh Thánh có trách nhiệm phải áp dụng những lẽ thật được thân cảm đó mỗi một ngày và cả cuộc đời của họ.

Chú ý rằng tất cả những thuật ngữ và chữ viết tắt đều được giải thích đầy đủ trong những tài liệu sau: Định Nghĩa Cách Ngắn Gọn về Cấu Trúc Ngữ Pháp Hy Lạp, Phê Bình Văn Bản và Bảng Thuật Ngữ.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

Hãy chú ý tất cả những thuật ngữ và bài tóm tắt được giải thích rõ trong những tài liệu ở phần phụ lục: Một Số Định Nghĩa Ngắn Gọn Về Cấu Trúc Ngữ Pháp Tiếng Hy Lạp, Phê Bình Văn Bản và Từ Điển Thuật Ngữ

## NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VẼ MẠCH TRONG NHỮNG CÂU 1-11

A. Những câu 1-11 là một câu trong tiếng Hy Lạp vốn kết hợp cả hai yếu tố của giao ước: một ân điển toàn năng nhưng không (miễn phí) và một đời sống giống như Đấng Christ bắt buộc.

B. Dàn ý có vẻ như là

1. Phần mở đầu truyền thống (2 Phi-e-rơ 1:1-2)
  - a. Từ ai
  - b. Gửi đến ai
  - c. Chào thăm
2. Những câu 3-4 — phần của Đức Chúa Trời
3. Những câu 5-7 — phần của tín đồ
4. Những câu 8-9 — khía cạnh tích cực và tiêu cực về sự trung tín
5. Những câu 10-11 — sự đảm bảo qua một lối sống tín kính

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 2 PHI-E-RO 1:1-11

<sup>1</sup> Si-môn Phi-e-rơ, đây tớ và sứ đồ của Đức Chúa Jêsus Christ, kính gửi những người nhờ sự công chính của Đức Chúa Trời chúng ta và của Cứu Chúa Jêsus Christ, đã nhận lãnh cùng một đức tin quý giá như chúng tôi. <sup>2</sup> Cầu xin ân điển và bình an tràn đầy trên anh em nhờ sự nhận biết Đức Chúa Trời và Đức Chúa Jêsus, Chúa chúng ta! <sup>3</sup> Quyền năng của Đức Chúa Trời đã ban cho chúng ta mọi điều liên quan đến sự sống và sự tin kính, qua sự nhận biết Ngài là Đấng đã kêu gọi chúng ta bằng vinh quang và nhân đức của Ngài. <sup>4</sup> Cũng bởi vinh quang nhân đức ấy, Ngài ban cho chúng ta những lời hứa lớn lao và cao quý, để nhờ đó anh em có thể tránh khỏi sự băng hoại trong thế gian gây nên bởi tham dục, và trở nên người dạn dạc vào bản tính thiên thượng. <sup>5</sup> Chính vì lý do đó mà anh em phải cố gắng hết sức để thêm cho đức tin mình lòng nhân đức, thêm cho nhân đức sự tri thức, <sup>6</sup> thêm cho tri thức tính tiết chế, thêm cho tiết chế tính kiên nhẫn, thêm cho kiên nhẫn lòng tin kính, <sup>7</sup> thêm cho lòng tin kính tình huynh đệ, thêm cho tình huynh đệ tình yêu thương. <sup>8</sup> Vì nếu anh em có những điều này và có dư dật, thì sẽ không sợ mình thiếu hiệu năng hoặc không kết quả trong sự nhận biết Chúa chúng ta là Đức Chúa Jêsus Christ. <sup>9</sup> Vì ai thiếu những điều ấy là người cận thị, người mù, quên rằng mình đã được thanh tẩy khỏi những tội lỗi cũ. <sup>10</sup> Vậy, thưa anh em, hãy cố gắng hơn nữa để xác định sự kêu gọi và sự chọn lựa của mình; làm như vậy anh em sẽ không hề vấp ngã; <sup>11</sup> và nhờ đó, con đường vào vương quốc đời đời của Chúa và Cứu Chúa chúng ta là Đức Chúa Jêsus Christ được rộng mở cho anh em.

**1:1 "Si-môn"** Từ này nguyên văn là "Symeon (Si-mê-ôn)" (hãy xem quyển sách của Bruce Metzger, *A Textual Commentary On the Greek New Testament*, ở trang 699). Đây là tên trong tiếng Hê-bơ-rơ của Phi-e-rơ, và là tên của một trong Mười Hai chi phái. Cùng một thể này xuất hiện duy nhất trong Công Vụ 15:14. Nếu lá thư này là một sự mượn tên, tác giả chắc chắn sẽ sử dụng cách viết (từ) phổ thông hơn "Si-môn."

▣ **"Phi-e-rơ"** Từ này nguyên văn là *Petros*, vốn là từ Hy Lạp dùng cho một phiến đá hoặc tảng đá lớn. Nó là biệt danh được ban cho Si-môn bởi Chúa Jesus trong Ma-thi-ơ 16:18 cũng như trong Giăng 1:42. Trong phần Kinh Thánh này trong Giăng từ trong tiếng A-ram *Cephas* được đề cập. Trong những mâu thuẫn hàng ngày Chúa Jesus dùng tiếng A-ram, chứ không phải tiếng Hê-bơ-rơ cũng như Hy Lạp. Phao-lô thường dùng tên *Cephas* (1 Cô-rinh-tô 1:12; 3:22; 9:5; 15:5; Ga-la-ti 1:18; 2:9,11,14).

Có nhiều sự thảo luận giữa những học giả Kinh Thánh Công Giáo và Tin Lành về sự quan trọng của sự đổi tên (vốn có một tầm quan trọng Cựu Ước trong trường hợp của Áp-ra-ham, Gia-cóp, v.v...). Trong Ma-thi-ơ 16:18 Phi-e-rơ tảng đá được gọi là nền của hội thánh. Các học giả tin lành luôn đưa nó ra là một điểm thần học để ghi nhớ rằng từ "Phi-e-rơ" là giống đực (*Petros*), nhưng từ "đá" ở giống cái (*Petra*), và vì vậy sự xưng nhận đức tin của Phi-e-rơ, chứ không phải chính mình Phi-e-rơ, chính là phiến đá nền tảng của hội thánh. Tuy nhiên, sự khác biệt ngữ pháp Hy Lạp này không được thể hiện trong tiếng A-ram, nơi mà từ *Cephas* được sử dụng trong cả hai trường hợp.

Cũng là một nhà thần học tôi không muốn chối bỏ quyền lãnh đạo rõ ràng của Phi-e-rơ, nhưng tôi cũng nhận ra rằng những Sứ Đồ khác đã không ghi nhận sự ưu tiên của ông (theo Mác 9:34; Lu-ca 9:46; 22:24-27; Ma-thi-ơ 20:20-24). Ngay cả khi Chúa Jesus đã không nói cuộc đối thoại trên trong tiếng Hy Lạp, nhưng phần văn bản (Kinh Thánh) được thần cảm được chép trong tiếng Hy Lạp, và vì vậy, sự khác biệt ngữ pháp cũng được cho là được thần cảm.

▣ **"đầy tớ"** Đây là thuật ngữ Hy Lạp *doulos*, vốn chỉ về một tôi tớ hoặc một nô lệ. Từ này có cả bối cảnh Cựu Ước đáng kính trọng của "tôi tớ của Đức Giê-hô-va" (ví dụ: Môi-se, Giô-suê, Đa-vít, và Ê-sai) hoặc sự tập chú Tân Ước vào sự khiêm nhường trong mối liên hệ với Chúa Jesus là Chúa (theo Ma-thi-ơ 10:24-25).

▣ **"sứ đồ"** Đây rõ ràng là một cách văn học để tác giả của 2 Phi-e-rơ khẳng định danh tính của mình như là một chứng nhân, một người đi theo, một môn đồ được lựa chọn của Chúa Jesus.

Thuật ngữ "sứ đồ" đến từ động từ Hy Lạp "ta sai" (*apostellō*). Chúa Jesus chọn mười hai người môn đồ của Ngài để ở cùng với Ngài trong một nghĩa đặc biệt và gọi họ là "Những Sứ Đồ" (theo Lu-ca 6:13). Từ này được thường được dùng cho Chúa Jesus được sai bởi Cha (theo Ma-thi-ơ 10:40; 15:24; Mác 9:37; Lu-ca 9:48; Giảng 4:34; 5:24, 30, 36, 37,38,40,57; 7:29; 8:42; 10:36; 11:42; 17:3,8,18,21, 23,25; 20:21). Trong những nguồn tài liệu Do Thái nó được dùng cho một người nào đó được sai đi như một đại diện chính thức cho một người khác, tương tự với "đại sứ" (2 Cô-rinh-tô 5:20). Phi-e-rơ đang khẳng định thẩm quyền được ban cho bởi Đấng Christ của ông!

Nó đến từ sự sử dụng mở rộng vượt qua "Nhóm Mười Hai Người (Sứ Đồ)" (theo Công Vụ 14:4, 14, Ba-na-ba; Rô-ma 16:7, An-trô-ni-cơ và Giu-ni-a; 1 Cô-rinh-tô 4:6, 9; 12:28-29; 15:7, A-pô-lô; Phi-líp 2:25, Êp-ba-phô-đích; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:6, Sin-vanh và Ti-mô-thê). Nhiệm vụ chính xác của họ là không rõ ràng, nhưng nó liên quan đến sự công bố phúc âm và sự lãnh đạo phục vụ hội thánh. Thậm chí rằng Rô-ma 16:7 (KJV "Junia (Giu-ni-a)") chỉ đến một sứ đồ là nữ!

▣ **"Chúa Jesus Christ"** Hãy xem ghi chú tại 1 Phi-e-rơ 1:1.

NASB, NRSV, NJB  
NKJV  
TEV

"đến những người đã nhận lãnh đức tin"  
"đến những ai đã đạt được đức tin quý báu"  
"đến những ai ... đã được ban cho một đức tin"

Đây là một phân từ chủ động thì bất định (aorist active participle) từ gốc (*lagchanō*), vốn chỉ về sự rút thăm

1. Trong cờ bạc (Theo Giảng 19:24)
2. Trong một nghĩa của sự trách nhiệm hoặc nhiệm vụ hoặc nghĩa vụ (theo Lu-ca 1:9)
3. Như một cách bày tỏ về sự lựa chọn thiên thượng (theo Công Vụ 1:17)

Nó đơn giản có thể có nghĩa "đạt được" hoặc "nhận lãnh," nhưng nó có thể có nghĩa rộng được thêm trong cách sử dụng của bản LXX "bởi ý muốn của Đức Chúa Trời." Cùng một chủ đề này tron g2 Phi-e-rơ 1:3 và 4 "ban cho" (hai lần) và "được gọi" ; cũng hãy chú ý 2 Phi-e-rơ 1:10 "Sự kêu gọi và lựa chọn anh em của Ngài."

Sự không rõ nghĩa này chính xác giống với nghịch lý của sự cứu rỗi. Có phải sự cứu rỗi bởi sự lựa chọn của Đức Chúa Trời hay là sự lựa chọn của kẻ nhận được nó? Câu trả lời chắc chắn là có! Kinh Thánh rất rõ ràng về vấn đề này rằng đây chính là thể giới của Đức Chúa Trời. Ngài đang liên quan đến với tất cả mọi phương diện. Ngài đã chọn để xử lý với những tạo vật có ý thức bởi giao ước. Ngài đã khởi đầu sự tương tác. Ngài thiết lập chương trình phải làm, nhưng Ngài đã yêu cầu chúng ta phải đáp ứng (khởi đầu và tiếp tục).

Những độc giả ở đây đã nhận lãnh một đức tin chính là ý muốn của Đức Chúa Trời dành cho họ (và cho tất

cả mọi người).

Thuật ngữ "đức tin" từ thuật ngữ Hy Lạp *pistis*, vốn được dịch từ sang tiếng Anh là "faith (đức tin)," "trust (tin cậy)," hoặc "believe (tin)." Nguyên gốc trong tiếng Hê-bơ-rơ, khái niệm này chỉ đến một tư thế vững vàng, nhưng nó trở thành một cách chỉ đến một ai đó trung tín, trung thành, đáng tin cậy, và có thể phụ thuộc vào. Trong Kinh Thánh nó không phải là đức tin của tín đồ, nhưng là sự thành tín của Đức Chúa Trời; không phải sự tin cậy của tín đồ, nhưng là sự đáng tin cậy của Đức Chúa Trời. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 1:15.

<b>NASB</b>	<b>"cùng một loại như chúng ta "</b>
<b>NKJV</b>	<b>"như là quý giá"</b>
<b>NRSV, TEV,NJB</b>	<b>"quý giá như là "</b>

Đây là từ ghép Hy Lạp *isotimos* của *isos* (tương đương, giống, hoặc tương ứng với) và *timē* (giá, giá trị, hoặc đáng giá với nghĩa rộng của sự quý báu hoặc đắt tiền). Đức tin được ban cho bởi Đức Chúa Trời có giá trị vô giá (1 Phi-e-rơ 1:7) và mọi tín đồ được chia sẻ trong cùng một loại đức tin. Không phải có một đức tin cho Các Sứ Đồ và một loại khác cho Người Do Thái và Người Ngoại hoặc cho tất cả những tín đồ khác (1 Cô-rinh-tô 12:13; Ga-la-ti 3:28; Cô-lô-se 3:11). Có những ân tứ khác nhau, nhưng chỉ có một đức tin (Ê-phê-sô 4:5).

▣ **" sự công chính "** Cụm từ này chỉ đến không phải công chính được quy cho chúng ta (Rô-ma 4), nhưng cho Đấng Christ (theo Công Vụ 3:14; 7:52; 22:14; 1 Giăng 2:1,29; 3:7). Hãy xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ CÔNG CHÍNH tại 1 Phi-e-rơ 3:14. Đây là một chỗ rõ nhất trong Tân Ước nơi *Theos* được áp dụng cho Chúa Jesus.

Từ gốc Hy Lạp này (vốn phản ánh từ gốc Hê-bơ-rơ צדק, BDB 841) được sử dụng vài lần trong 2 Phi-e-rơ.

1. Công chính, chính trực (*dikaios*) – 2:8, một người công chính
2. Công chính, công lý (*dikniosunē*)
  - 1:1 – sự công chính của Chúa Jesus
  - 2:5 – sự công chính của Nô-ê (theo Sáng Thế Ký 7:1)
  - 2:21 – con đường của sự công chính
  - 3:13 – các tầng trời mới và đất mới nơi những người công chính ngụ tại đó
3. Đúng, lẽ phải (*dikaion*)
  - 1:13 – đúng, thích đáng
  - 2:7 – Lót, người công chính
  - 2:8 – người công chính

Chúa Jesus là công chính; các tín đồ là công chính ở trong Ngài; vì thế, họ phải sống trong sự công chính, vốn phản ánh một thời đại mới!

▣ **" Đức Chúa Trời chúng ta và của Cứu Chúa Jêsus Christ (Đức Chúa Trời và Cứu Chúa chúng ta, Đức Chúa Jêsus Christ (bản tiếng Anh) "** Cụm từ này chỉ về chỉ một mình Đức Chúa Jesus mà thôi.

1. Mạo từ xác định (definite article) duy nhất trước danh từ đầu tiên (theo quy luật của Granville Sharp)
2. Hình thái ngữ pháp của bốn từ khóa, "Đức Chúa Trời," "Cứu Chúa," "Jesus," và "Christ" (những thể sở hữu cách số ít giống đực)
3. Hình thái ngữ pháp lặp lại (ngoại trừ "Chúa" thay cho "Đức Chúa Trời") trong 2 Phi-e-rơ 1:11; 2:20; và 3:18
4. Trong sách của A. T. Robertson *Word Pictures in the New Testament*, Tập 6, trang 148, nhắc chúng ta rằng trong 2 Phi-e-rơ *gnōsis* và *epignōsis* luôn luôn được dùng cho Chúa Jesus
5. Có những nơi khác trong Tân Ước nơi sự thần tính của Chúa Jesus được khẳng định (Theo Giăng 1:1; 8:57-58; 20:28; Rô-ma 9:5; Phi-líp 2:6-11; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 1:12; Tít 2:13; Hê-bơ-rơ 1:8; and 1 Giăng 5:20), vốn rất gây kinh ngạc trong ánh sáng của tư tưởng độc thần Cựu Ước

Trong Cựu Ước từ "Cứu Chúa" chỉ được sử dụng cho YHWH, nhưng thỉnh thoảng cho Đấng Mê-si. Trong Tân Ước nó chỉ đến Đức Chúa Cha. Trong Tít cụm từ này được sử dụng ba lần cho Đức Chúa Cha (Tít 1:3; 2:10; 3:4), nhưng trong cùng văn mạch cũng chỉ đến Chúa Jesus (Tít 1:4; 2:13; 3:6). Trong 2 Phi-e-rơ nó được sử dụng riêng biệt và thường xuyên cho Chúa Jesus (2 Phi-e-rơ 1:1,11; 2:20; 3:2,18).

**1:2 " ân điển và bình an tràn đầy trên anh em "** Cụm từ này tương tự với 1 Phi-e-rơ 1:2. Phao-lô thường sử

dụng "ân điển và sự bình an," nhưng nói theo nó là "từ Đức Chúa Cha" và thường thêm vào "và Chúa Jesus Christ."

Ân điển phản ánh lẽ thật rằng sự cứu rỗi của con người tội lỗi và mối quan hệ được kết quả từ đặc tính và sự chu cấp của Đức Chúa Trời. Mối quan hệ tươi mới (được phục hồi) với Đức Chúa Trời đem lại trong sự bình an. Nhân loại được tạo dựng cho mỗi tương giao với Đức Chúa Trời, là Đấng mà bởi hình ảnh của Ngài chúng ta được tạo dựng, và (mỗi tương giao) với những người khác. Ân điển luôn đi trước sự bình an! Động từ này là một thể mong mỗi thụ động thì bất định (aorist passive optative). Đây là một lời cầu nguyện. Phi-e-rơ muốn Đức Chúa Trời ban cả ân điển và sự bình an.

▣ " **nhờ sự nhận biết Đức Chúa Trời** " Ân điển và sự Bình An được ban bởi Đức Chúa Trời (thể bị động) thông qua một sự nhận biết trải nghiệm (*epignōsis*) cả Chính Ngài và Con Ngài.

Sự Nhận Biết là một chủ đề thường xuyên trong 2 Phi-e-rơ, (có lẽ bởi vì các giáo sư giả) cũng như trong Cô-lô-se và 1 Giăng.

1. <i>epignōsis</i> (sự nhận biết đầy đủ);	<i>epignōskō</i> (nhận biết đầy đủ)
2 Phi-e-rơ 1:2	2 Phi-e-rơ 2:21 (hai lần)
2 Phi-e-rơ 1:3	
2 Phi-e-rơ 1:8	
2 Phi-e-rơ 2:20	
2. <i>gnōsis</i> (kiến thức)	<i>ginōskō</i> (biết)
2 Phi-e-rơ 1:5	2 Phi-e-rơ 1:20
2 Phi-e-rơ 1:6	2 Phi-e-rơ 3:3
	<i>gnōrizō</i> (bày tỏ ra (để biết))
	2 Phi-e-rơ 1:16

Những giáo sư giả của đoạn hai có vẻ như có đặc tính của những người mà sau này được gọi là trí huệ giáo chống luật pháp (antinomian gnosticism). Hệ thống được phát triển này của một tà giáo triết/thần học vào thế kỷ thứ hai, nhưng nó đã đâm rễ trong thế kỷ thứ nhất. Nó được mô tả như một chủ nghĩa cá biệt dựa trên kiến thức bí mật.

Sự cứu rỗi có liên hệ với sự nhận biết này, chứ không phải là đạo đức. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại 1 Phi-e-rơ 3:22.

▣ " **Đức Chúa Trời và Đức Chúa Jesus, Chúa chúng ta** "Tôi đã đưa ra hai luận điểm ngữ pháp sau đây trong 2 Phi-e-rơ 1:1 Liên hệ với một cụm từ tương tự chỉ riêng đến Chúa Jesus.

1. Một mạo từ
2. Tất cả các thể sở hữu cách

Những thuộc tính ngữ pháp giống nhau được thấy trong cụm từ này cũng phải được thêm vào một vài mức độ của sự nghi vấn về việc có phải 2 Phi-e-rơ 1:1 chỉ đến một mình Chúa Jesus hay là đến Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con. Tuy nhiên, sự khác biệt liên quan đến một sự khác biệt phức tạp bản thảo tiếng Hy Lạp. Ngữ pháp của 2 Phi-e-rơ 1:1 không có sự khác biệt bản thảo tiếng Hy Lạp. Để xem một sự liệt kê hoàn chỉnh về những sự khác biệt, hãy xem phần ghi chú cuối trang của ấn bản thứ tư Greek New Testament, của United Bible Society, trang 799 và quyển sách của Bart Ehrman, *The Orthodox Corruption of Scripture*, ở trang 85).

**1:3-7** Đây là một câu dài tiếng Hy Lạp.

**1:3 "nhìn thấy rằng (trong bản tiếng Anh)"** Bản NASB (UPDATED) mang tính thành ngữ hơn ở đây. Phân từ "nhìn thấy rằng (biết rằng)" không có trong bản tiếng Hy Lạp.

▣ " **của Ngài** " Đại từ này thường chỉ đến Đức Chúa Cha hoặc Đức Chúa Trời Con. Mọi đại từ trong những câu mở đầu này là không rõ nghĩa tương tự nhau. Đây là một đặc điểm của sách Phi-e-rơ. Có thể rằng đây là một sự mơ hồ, không rõ nghĩa cô ý (purposeful ambiguity) (phép tu từ đa nghĩa (double entendre), cũng như trong những tác phẩm của Giăng). Chúa Jesus được nhận diện như là "Đức Chúa Trời" trong 2 Phi-e-rơ 1:1; Cả Cha và Con đều liên kết về mặt ngữ pháp trong 2 Phi-e-rơ 1:2; và tính từ "thiên thượng" trong 2 Phi-e-rơ 1:3 chỉ đến

cả hai.

▣ **" đã ban cho chúng ta "** Đây là một phân từ trung cách (biến cách) thì hoàn thành. Thể của từ Hy Lạp này (*dōreomai* từ từ *didōmi*) được sử dụng duy nhất trong Mác (theo Mác 15:45) và Phi-e-rơ (1 Phi-e-rơ 1:3,4), vốn có thể minh họa về mối liên hệ văn học của Phúc Âm Mác và 1 Phi-e-rơ.

▣ **" mọi điều liên quan đến sự sống "** Câu ba căn bản là một sự bác bỏ sự phân định thần học của sự cứu rỗi thông qua kiến thức và đời sống tin kính hằng ngày của các giáo sư giả Trí Huệ Giáo. Đấng Thánh chu cấp sự sống đời đời (*zoe*) và sự trở nên Đấng Christ hằng ngày (*eusebeia*). Kiến thức thật chính là đức tin nơi Chúa Jesus Christ rằng sẽ tác động đến đời sống hằng ngày. Các tín đồ đã có tất cả những gì họ cần về mặt thuộc linh trong Đấng Christ! Chúng ta không cần tìm kiếm một kinh nghiệm lẽ thật nào sâu hơn!

▣ **" sự tin kính "** Từ ghép này (*eusebia*) đến từ "tốt" và "thờ phượng." Nó có nghĩa rộng của một đời sống được chấp nhận hàng ngày đến với Đức Chúa Trời. Phi-e-rơ nhấn mạnh lặp đi lặp lại nhu cầu của sự tin kính bởi vì những giáo sư giả bỏ mặc sự luân lý và đạo đức cá nhân (2 Phi-e-rơ 1:3,6,7; 2:9; 3:11). Hãy xem bài viết đầy đủ hơn tại 2 Phi-e-rơ 1:6.

NASB	"một kiến thức chân thật"
NKJV, NRSV, NJB	"kiến thức đó"
TEV	"kiến thức của chúng ta"

Đây là một cái tát khác vào sự nhấn mạnh của những giáo sư giả vào kiến thức bí mật (2 Phi-e-rơ 2:20-21). Phúc âm, như đã được giảng bởi Các Sứ Đồ, là một kiến thức chân thật và Chúa Jesus chính là lẽ thật (Theo Giăng 14:6). Cụm từ này ở thể tăng cường, *epignōsis*, vốn có nghĩa rộng của kiến thức dựa trên sự trải nghiệm (2 Phi-e-rơ 1:2,3,8; 2:20). Phúc âm là một người và Ngài phải được kinh nghiệm, chứ không chỉ định nghĩa về mặt thần học.

▣ **" Ngài là Đấng đã kêu gọi chúng ta "** Động từ này được dùng một vài lần trong Phi-e-rơ (1 Phi-e-rơ 1:15; 2:9,21; 3:9; 5:10; 2 Phi-e-rơ 1:3). Nó luôn luôn chỉ đến một sự kêu gọi từ Đức Chúa Trời. Không có bất cứ người nào đến với Đức Chúa Trời ngoại trừ khi Đức Thánh Linh kéo họ đến với Ngài (Theo Giăng 6:44.65; Ê-phê-sô 1:4-5).

▣ **" bằng vinh quang và nhân đức (sự cao quý) của Ngài "** Có một sự khác biệt bản thảo Hy Lạp ở điểm này.

1. Bản thảo P<sup>72</sup>, B, K, L, và phần lớn những bản viết chữ nhỏ (chữ thường) chép là *dia* (bởi) ân điển và đức hạnh (NKJV).
2. Bản thảo x, A, C, P, và hầu hết những bản dịch cổ chép là ân điển và đức hạnh *idia* (của chính Ngài) (NASB, NRSV, TEV, NJB).

Câu hỏi giải kinh là, "Có phải các tín hữu được kêu gọi (1) bởi những phương cách của Đấng Thánh (Cha hoặc Con) của những phẩm chất hay là (2) để chia sẻ những phẩm chất này?" Hội đồng phiên dịch UBS<sup>4</sup> đánh giá một điểm "B" (gần như chắc chắn) cho lựa chọn 1.

**1:4 " bởi vinh quang nhân đức ấy, Ngài ban cho chúng ta "** Đây là một thể chỉ định trung cách (biến thể) thì hoàn thành (perfect middle (deponent) indicative) phù hợp với phân từ trong 2 Phi-e-rơ 1:3. Quyền năng thiên thượng của Đấng Thánh đã được ban và tiếp tục ban cho các tín đồ bởi vì họ cần cả sự khởi đầu (sự xưng công chính) và tiếp tục (sự nên thánh) bởi những phương cách của những lời hứa của Ngài.

NASB	"những lời hứa quý báu và vĩ đại "
NKJV	"những lời hứa cực kỳ vĩ đại và quý báu "
NRSV	"những lời hứa quý báu và cực kỳ vĩ đại "
TEV	"những món quà cực kỳ vĩ đại và quý báu mà Ngài đã hứa "
NJB	"những lời hứa vĩ đại nhất và quý báu "

Những thuật ngữ mô tả phải chỉ đến phúc âm, nơi mà các tín đồ trở nên những kẻ dự phân với bản chất thiên thượng (Đức Thánh Linh ngự trong). Niềm hy vọng của nhân loại sa ngã nơi đặc tính ân điển và không thay đổi

của Đức Chúa Trời, được bày tỏ qua những lời hứa của Ngài (cả trong Cựu Ước, nhưng đặc biệt trong Đấng Christ, theo Hê-bơ-rơ 6:17-18). Thứ tự của hai thuật ngữ này dao động với nhau trong bản thảo tiếng Hy Lạp.

Từ "quý báu được dùng trong 1 Phi-e-rơ 1:19 cho dòng huyết sinh tể của Đấng Christ. Từ này hình thành nên từ gốc của tên "Ti-mô-thê."

▣ **" người dự phần vào bản tính thiên thượng "** Cụm từ này chỉ về (1) Đức Thánh Linh ngự ở trong (2 Phi-e-rơ 1:3), vốn đến vào sự cứu rỗi hoặc (2) một cách chỉ đến khác của sự tái sinh (1 Phi-e-rơ 1:3,23). Điều này thật khác biệt với khái niệm triết học Hy Lạp (mặc dù thuật ngữ có nguồn gốc từ Stoics) của một sự phát xuất thiên thượng trong toàn bộ nhân loại từ sự sáng tạo. Điều này không có nghĩa rằng chúng ta là những vị thần hoặc đã từng là bất cứ lúc nào, nhưng chúng ta cần phải trở nên giống như Chúa Jesus (I Rô-ma 8:29; Ê-phê-sô 1:4; Giăng 3:2). Các tín đồ phải bày tỏ khuôn mẫu những đặc tính gia đình của Đức Chúa Trời (hình ảnh của Đức Chúa Trời). Từ "thiên thượng" được sử dụng trong cả 2 Phi-e-rơ 1:3 và 4 là từ *theios*, vốn có nghĩa "mang tính chất của Đức Chúa Trời (được dịch là tin kính trong bản tiếng Việt) " hoặc "giống như Đức Chúa Trời."

▣ **"tránh khỏi "** Từ này xuất hiện chỉ hai lần trong 2 Phi-e-rơ trong cả Tân Ước (2 Phi-e-rơ 1:4; 2:18,20). Nó là một phân từ chủ động thì bất định (aorist active participle), ngụ ý một hành động đã hoàn tất (sự cứu chuộc, thời điểm của sự nhận lãnh phúc âm, 2 Phi-e-rơ 1:1).

▣ **" sự băng hoại trong thế gian gây nên bởi tham dục "** Vấn đề của sách 2 Phi-e-rơ chính là những giáo sư giả là những người chủ trương một kiến thức bí mật đặc biệt (Trí Huệ Giáo), nhưng khinh thường một đời sống tin kính hàng ngày (1 Phi-e-rơ 1:14; 2:11; 4:3; 2 Phi-e-rơ 2:10,18). Đoạn một phản ứng với sự sai trật này trong 2 Phi-e-rơ 1:3-11!

Đời sống của các tín đồ cần phải là bằng chứng của (không phải nền tảng của) sự trở lại đạo thật sự của họ (Gia-cơ và 1 Giăng). Không có trái, không có rễ (theo Mác 4:1-20).

**1:5 " (Giờ đây) chính vì lý do đó "** Điều này chỉ ra sự đáp ứng của các tín đồ với những món quà và lời hứa của Đức Chúa Trời trong 2 Phi-e-rơ 1:3-4 (Phi-líp 2:12-13). Hãy xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG THÓI HU TẬT XẤU VÀ NHỮNG ĐỨC HÀNH tại 1 Phi-e-rơ 4:3.

<b>NASB</b>	<b>"áp dụng mọi sự chăm chỉ. . .đáp ứng"</b>
<b>NKJV</b>	<b>"lấy hết sự chuyên cần, thêm vào"</b>
<b>NRSV</b>	<b>"anh em phải thực hiện mọi sự hỗ trợ để cung cấp"</b>
<b>TEV</b>	<b>"hãy cố gắng hết sức để thêm vào"</b>
<b>NJB</b>	<b>"hãy làm cách tận tâm nhất của anh em để cung cấp "</b>

Nguyên văn nó là "mang mọi sự chuyên cần, cung cấp. . ." Đây là một phân từ chủ động thì bất định (aorist active participle) được sử dụng như một thể mệnh lệnh và một thể mệnh lệnh chủ động bất định (aorist active imperative). Đức Chúa Trời đã chu cấp một cách tuyệt diệu sự cứu rỗi (2 Phi-e-rơ 1:3-4); và giờ đây các tín đồ cần phải bước đi trên nó (2 Phi-e-rơ 1:5-7). Phúc âm là miễn phí một cách hoàn toàn từ trong (1) ý muốn của Đức Chúa Trời; (2) công việc được hoàn tất của Đấng Christ; và (3) sự đeo đuổi của Đức Thánh Linh, nhưng một khi đã nhận lãnh, trở thành một sự môn đồ hóa trả-giá-bằng-tất-cả hàng ngày. Đây là một nghịch lý của phúc âm. Nó là một món quà (Theo Giăng 4:10; Rô-ma 3:24; 6:23; Ê-phê-sô 2:8; Hê-bơ-rơ 6:4), nhưng cũng là một giao ước với những đặc ân và những trách nhiệm. Phúc âm thật ảnh hưởng, tác động đến tâm trí, tâm lòng, và đôi bàn tay!

▣ **"đức tin"** Từ này có thể có một vài nghĩa rộng khác nhau.

1. Trong bối cảnh Cựu Ước có nghĩa là "sự thành tín" hoặc "đáng tin cậy"
2. Sự chấp nhận hoặc nhận lãnh sự mời gọi miễn phí sự tha thứ của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ
3. Đời sống trung tín, tin kính
4. Nghĩa về tập thể của đức tin Cơ Đốc hoặc lẽ thật về Chúa Jesus (theo Công Vụ 6:7 and Giu-đe 3,20)

Trong văn mạch này (2 Phi-e-rơ 1:1) nó chỉ đến việc tiếp nhận Christ như là Cứu Chúa. Giờ đây các tín đồ phải tăng trưởng và phát triển.

Điều này trông đợi một sự tăng trưởng Cơ Đốc được bày tỏ trong Rô-ma 5:3-4; Gia-cơ 1:3-4.

**CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ TĂNG TRƯỞNG CỦA CƠ ĐỐC NHÂN (những đặc tính (phẩm hạnh))**

Rô-ma 5:3-4	Ga-la-ti 5:22-23	Gia-cơ 1:3-4	2 Phi-e-rơ 1:5-7
Sự hoạn nạn sinh ra * sự kiên trì * những tính cách được chứng thực * hy vọng (câu 2 2)	Bông trái của Đức Thánh Linh * yêu thương * vui mừng * bình an * kiên nhẫn * nhân từ * hiền lành * trung tín * mềm mại * tiết độ	Sự thử thách sản sinh ra * sự kiên trì (bền đỗ) * sự trưởng thành 1. Kiên định 2. Hoàn hảo	Chuyên Tâm Áp Dụng * lòng nhân đức * tri thức * tiết chế * kiên nhẫn * tin kính * tình yêu thương anh em ( <i>philadelphia</i> ) * tình yêu thương Cơ Đốc ( <i>agapē</i> )

▣ " **nhân đức (đạo đức cao quý)** " Phẩm chất này được sử dụng cho Đấng Christ (hoặc cho Đức Chúa Cha) trong 2 Phi-e-rơ 1:3. Đây là một trong những trái của Đức Thánh Linh (theo Ga-la-ti 5:22-23). Nó là một từ trái nghĩa của "quá độ" (2 Phi-e-rơ 2:3,14). Hãy xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: NHỮNG THÓI HU TẬT XẤU VÀ NHỮNG ĐỨC HẠNH trong Tân Ước tại 1 Phi-e-rơ. 4:2.

▣ " **tri thức** " Một kiến thức (*gnōsis*) của phúc âm vốn dẫn đến sự trở nên giống như Đấng Christ là một điều tuyệt diệu. Những giáo sư giả đang chủ trương một kiến thức sai trật vốn dẫn đến sự đòi bại.

▣ " **tiết chế** " Đức hạnh này mô tả về một ai đó là người có khả năng kiểm soát được sự lôi kéo mang bản chất cái tôi là trung tâm của bản tính tội lỗi sa ngã (theo Công Vụ 24:25; Ga-la-ti 5:23; Tít 1:8). Trong một số văn mạch (1 Cô-rinh-tô 7:9) nó ngụ ý chỉ đến những hành động tình dục không phù hợp bởi vì khuynh hướng vô luật pháp của các giáo sư giả, nó có thể bao hàm cả nghĩa rộng đó ở đây.

▣ " **tính kiên nhẫn (kiên trì)** " Từ này chỉ đến một sự chịu đựng chủ động, nguyện ý và không thay đổi. Nó là một đặc tính giống như Đức Chúa Trời của sự tin kính với mọi người và với những hoàn cảnh (Rô-ma 5:3-4; Gia-cơ 1:3).

▣ " **lòng tin kính** " Đây thật sự là một từ quan trọng trong Những Thư Tín Chấn Bầy, cũng như là 2 Phi-e-rơ (Hãy xem ghi chú tại 2 Phi-e-rơ 1:3), và tôi muốn trích từ trong cuốn giải kinh của tôi, tập 9, 1 Ti-mô-thê 4:7:

"Đây là một từ then chốt trong những Thư Tín Chấn Bầy. Nó chỉ đến những ngụ ý tín lý và đời sống hàng ngày của phúc âm (1 Ti-mô-thê 3:16). Nó mô tả không phải những trường hợp ngoại lệ, nhưng được trông đợi. Nó là một từ ghép từ từ 'tốt lành' (*eu*) và 'thờ phượng' (*sebomai*). Sự thờ phượng thật chính là một đời sống hàng ngày bởi những phương cách của sự suy nghĩ thích đáng (1 Ti-mô-thê 4:16a). Hãy chú ý số lần từ này được sử dụng trong Những Thư Tín Chấn Bầy:

1. danh từ (*eusebeia*), 1 Ti-mô-thê 2:2; 3:16; 4:7,8; 6:3,5,6,11; 2 Ti-mô-thê 3:5; Tít 1:1
2. Trạng từ (*eusebēs*), 2 Ti-mô-thê 3:12; Tít 2:12
3. Động từ (*eusebeō*), 1 Ti-mô-thê 5:4
4. Thuật ngữ liên quan *theosebeia*, 1 Ti-mô-thê 2:10
5. Thuật ngữ phủ định (tiêu tố phủ định alpha, *asebeia*), 2 Ti-mô-thê 2:16; Tít 2:12" (ở trang 53).

1:7	
NASB, NKJV	"tình anh em ân cần, tình yêu thương"
NRSV	"sự quý mến lẫn nhau với tình yêu thương "
TEV	"sự quý mến và tình yêu Cơ Đốc "
NJB	"tử tế với anh em với tình yêu thương "



Đây là một từ ghép Hy Lạp *phileō* (yêu) và *adephos* (anh em). Nó cũng xuất hiện trong 1 Phi-e-rơ 1:22. Trong văn mạch này nó chỉ đến những người anh em, chị em giao ước.

Thường nói rằng *phileō* chỉ đến một tình yêu kém hơn *agapeō* (2 Phi-e-rơ 1:7), nhưng trong tiếng Hy Lạp Koine những từ này là từ đồng nghĩa (Theo Giăng 5:20, vốn sử dụng *phileō* cho tình yêu của Cha dành cho Chúa Jesus). Tuy nhiên, ở đây và trong Giăng 21 có thể có một sự phân biệt chủ ý.

**1:8 " Vì nếu "** Đây không phải là một thể thông thường của một câu điều kiện trong tiếng Hy Lạp (NJB, tuy nhiên, trong *Word Pictures in the New Testament* A. T. Robertson xác định cụm từ này với hai phân từ mang tính hoàn cảnh (điều kiện) chủ động thì hiện tại (present active circumstantial [conditional] participle), trong tập 6, trang 151), nhưng đề cập chứng cứ cần thiết cho một sự đảm bảo vốn dựa trên một đời sống được biến đổi và thay đổi của sự ăn năn, đức tin, vâng phục, phục vụ và kiên trì. Sự sống đời đời (bản chất thiên thượng) có những đặc tính có thể quan sát được.

1. Các tín đồ bày tỏ những phẩm chất Cơ Đốc, 2 Phi-e-rơ 1:5-7
2. Các tín đồ có những phẩm chất này và chúng đang tăng trưởng (cả hai phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle)), 2 Phi-e-rơ 1:8
3. Các tín đồ là hữu ích và kết quả cho Đức Chúa Trời, 2 Phi-e-rơ 1:8
4. Các tín đồ sống một đời sống bày tỏ sự hiểu biết thật về Đức Chúa Trời (sự trở nên giống với Đấng Christ, 2 Phi-e-rơ 1:8)

▣ **" không sợ mình thiếu hiệu năng hoặc không kết quả "** Đây là một tình trạng thuộc linh bị kịch khá thường xuyên của các tín đồ.

1. không hiệu quả hoặc không kết quả – Gia-cơ 2:20
2. không kết quả – Ma-thi-ơ 7:16-19; 13:22; Mác 4:19; Cô-lô-se 1:10; Tít 3:14
3. Phao-lô sử dụng từ này trong sự cảnh cáo "đừng tham gia vào những hành vi không kết quả của sự tối tăm" Hãy cẩn thận sự không kết quả, kết quả xấu! Sự sống đời đời có những đặc tính có thể quan sát được. Không kết quả-không có rễ!

**1:9** Cũng như cách 2 Phi-e-rơ 1:8 mô tả về một Cơ Đốc Nhân thật, 2 Phi-e-rơ 1:9 mô tả về những tín đồ bị ảnh hưởng bởi sự tách rời sai trật của các giáo sư giả giữa kiến thức-đời sống, thần học-đạo đức, tính chính thống (giáo lý) và tính hành động chính thống (đức tin cần phải dẫn đến thực hành) (orthodoxy-orthopraxy)!

▣ **" cận thị "** Từ này nguyên văn "nháy mắt," "chớp mắt," hoặc "liếc." Nó được sử dụng theo nghĩa bóng cho những ai cố gắng để nhìn rõ, nhưng không thể, có thể là một sự quay đi cố ý khỏi sự sáng (theo *The Vocabulary of the Greek Testament: Illustrated from the Papyri and Other Non-literary Sources* của James Hope Moulton à George Milligan, ở trang 420).

NASB	"đã quên đi sự thanh tẩy khỏi những tội lỗi trước kia của mình"
NKJV	"đã quên rằng anh ta đã được thanh tẩy hình thức tội lỗi xưa cũ của mình "
NRSV	"đã quên về sự tẩy sạch những tội lỗi quá khứ "
TEV	"đã quên rằng người đã được thanh tẩy khỏi những tội lỗi quá khứ của mình "
NJB	"đã quên những tội lỗi trong quá khứ đã được tẩy sạch như thế nào "

Điều này ngụ ý rằng đây là những tín đồ, nhưng họ đã bị quyến dụ quay lại với một lối sống ngoại giáo vô luân bởi những giáo sư giả (2 Phi-e-rơ 2). Thật là một bi kịch.

1. Lối sống này không thể mang lại niềm vui, sự bình an, hoặc sự đảm bảo chắc chắn
2. Lối sống này làm ngăn trở sự truyền giảng
3. Lối sống này hủy diệt chức vụ có hiệu quả
4. Lối sống này mang đến một sự chết từ sớm

Trong cụm từ này, Phi-e-rơ đang chỉ đến sự thanh tẩy hoặc tẩy sạch khỏi tội lỗi xảy ra thông qua sự chết chịu thế, gánh thay đại diện thay thế cho chúng ta (1 Phi-e-rơ 1:18; 2:24; 3:18).

**1:10 " hãy cố gắng hơn nữa (chăm chỉ hơn nữa)"** Đây là một thể mệnh lệnh chủ động bất định (aorist active imperative). Từ này (2 Phi-e-rơ 1:15; 3:14) có thể có nghĩa

1. Làm điều gì đó cách nhanh chóng (Tít 3:12)

2. làm với toàn bộ khả năng của một ai đó (Ê-phê-sô 4:3)
  3. hăm hở (theo Công Vụ 20:16; Ga-la-ti 2:10)
- Lựa chọn #3 có vẻ tốt nhất (NRSV).

<b>NASB</b>	"làm cho vững vàng "
<b>NKJV</b>	"làm cho. .chắc chắn"
<b>NRSV</b>	"xác quyết"
<b>TEV</b>	"làm cho. .vững bền"
<b>NJB</b>	"đừng bao giờ cho phép... dao động"

Từ này được dùng trong ba cách.

1. Chắc chắn bởi sự thiết lập một cách tốt (Rô-ma 4:16)
2. Phụ thuộc (2 Phi-e-rơ 2:19 à Hê-bơ-rơ 3:14; 6:19)
3. Xác nhận lại (được sử dụng trong những thảo bản tiếng Hy Lạp koine trên giấy làm từ cây sậy từ Ai Cập cho những sự cam đoan theo luật pháp như phê chuẩn một quyết định) Các Cơ Đốc Nhân có thể có được sự đảm bảo (Phi-líp 2:12-13; 1 Giăng 5:13). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĐẢM BẢO**

A. Tín Đồ có thể biết mình được cứu không? (cf. 1 Giăng 5:13)? Thờ Giăng thứ nhất đưa ra 3 thử nghiệm.

1. Tín Lý (niềm tin thần học, 1 Giăng 1:1,5,10; 2:18-25; 4:1-6,14-16; 5:11-12)
2. Nếp sống (vâng phục, 1 Giăng 2:2-3; 2:3-6; 3:1-10; 5:18)
3. Quan hệ (yêu thương, 1 Giăng 1:2-3; 2:7-11; 3:11-18; 4:7-12, 16-21)

B. Sự đảm bảo trở nên vấn đề của hệ phái

1. Giảng Calvin: Sự đảm bảo dựa theo sự tuyên chọn tiền định của Đức Chúa Trời, chúng ta không thể có sự chắc chắn trong đời này
2. Giảng Wesley: Sự đảm bảo dựa trên trải nghiệm tín ngưỡng, Chúng ta có thể sống thánh khiết, vô nhiễm đối với tội lỗi đã được biết.
3. Công giáo La Mã và Hội thánh Đấng Christ: Sự đảm bảo dựa trên Giáo Hội có thẩm quyền. Tín Đồ tham gia Giáo Hội nào là chìa khóa quyết định sự cứu rỗi.
4. Mỗi một giáo hội Tin Lành dựa sự đảm bảo trên lời hứa của Đức Chúa Trời, liên hệ tới bông trái Đức Thánh Linh, (Ga-la-ti 5:22-23) trong đời sống hàng ngày, sự giống-Đấng-Christ). Sự bảo đảm vừa là một lễ thật Kinh Thánh vừa là trải nghiệm của đức tin và cách sống của tín hữu.

C. Nền tảng Kinh Thánh của sự đảm bảo dành cho các tín đồ trước tiên liên hệ với đặc tính của Đức Chúa Trời Ba Ngôi

1. Tình yêu của Đức Chúa Cha
  - a. Giăng 3:16; 10:28-29
  - b. Rô-ma 8:38-39
  - c. Ê-phê-sô 1:-14; 2:5,8-9
  - d. Phi-líp 1:6
  - e. I Phi-e-rơ 1:3-5
  - f. 1 Giăng 4:7-21
2. Công tác của Đức Chúa Con
  - a. Sự hy sinh thay thế của Ngài
    - 1) Công Vụ 2:23
    - 2) Rô-ma 5:6-11
    - 3) II Cô-rinh-tô 5:21
    - 4) I Giăng 2:2; 4:9-10
  - b. Lời cầu nguyện như thầy tế lễ của Ngài (Giăng 17:9-24, đặc biệt câu 12)
  - c. Sự cầu thay liên tục của Ngài
    - 1) Rô-ma 8:34

- 2) Hê-bơ-rơ 7:25
- 3) I Giăng 2:1
- 3. Sự ban cho năng lực của Đức Thánh Linh
  - a. Sự kêu gọi của Ngài (Giăng 6:44,65)
  - b. Sự đóng ấn của Ngài
    - 1) II Cô-rinh-tô 1:22; 5:5
    - 2) Ê-phê-sô 1:13-14; 4:30
  - c. Sự đảm bảo của Chúa
    - 1) Rô-ma 8:16-17
    - 2) I Giăng 5:7-13
- D. Tín hữu cần phải có đáp ứng qua giao ước là
  - 1. Sự ăn năn khởi đầu và liên tục cùng với đức tin
    - a. Mác 1:15
    - b. Công-vụ các Sứ-đồ 3:16,19; 10:21
    - c. Giăng 1:12 và Rô-ma 10:9-13
  - 2. Phải nhớ rằng mục đích của sự cứu rỗi là trở nên giống như Đấng Christ
    - a. Rô-ma 8:28-29
    - b. Ê-phê-sô 2:10
  - 3. Phải nhớ rằng sự đảm bảo được chứng thực bằng lối sống
    - a. Gia-cơ
    - b. I Giăng
  - 4. Phải nhớ rằng sự đảm bảo được chứng thực qua đức tin chủ động và sự bền đỗ
    - a. Mác 13:13
    - b. I Cô-rinh-tô 15:2
    - c. Hê-bơ-rơ 3:14
    - d. II Phi-e-rơ 1:10
    - e. Giu-đe 20-21
- E. Sự đảm bảo khó hiểu bởi vì
  - 1. Tín Đồ thường tìm kiếm sự đảm bảo với trải nghiệm thay vì với lời hứa của Kinh thánh.
  - 2. Tín Đồ thường không hiểu Phúc Âm
  - 3. Tín Đồ thường phạm tội một cách chủ ý. (cf. 1 Cô-rin-tô 3:10-15; 9:27; 1 Ti-mô-thê 1:19-20; 2 Ti-mô-thê 4:10; 2 Phi-e-rơ 1:8-11)
  - 4. Những loại tính cách đặc biệt (chủ nghĩa cầu toàn) không thể chấp nhận sự chấp nhận và tình yêu không điều kiện của Đức Chúa Trời
  - 5. Trong Kinh Thánh có những dấu hiệu về những sự tuyên bố giả mạo (Ma-thi-ơ. 13:3-23; 7:21-23; Mác 4:14-20; 2 Phi-e-rơ 2:19-20; 1 Giăng 2:18-19, Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Sự Bội Đạo

▣ " **sự kêu gọi (của Ngài)**" "Ngài" ở đây không phải là một từ Hy Lạp, nhưng được ngụ ý trong 2 Phi-e-rơ 1:3. Niềm hy vọng cao nhất của tín đồ chính là đặc tính của Cha, công việc của Con, và sự đeo đuổi của Thánh Linh. Tuy nhiên, có những sự ấn chứng trong những tín đồ cá nhân bởi đời sống đức tin, tin kính của họ, v.v... (2 Phi-e-rơ 1:5-7; Phi-líp 2:12-13). Đức Chúa Trời liên hệ với con người trong một mối tương giao giao ước. Ngài thiết lập những điều cần làm, Ngài khởi hoạt cuộc gặp gỡ, Ngài kéo chúng ta đến với chính Ngài, nhưng chúng ta cũng phải bắt đầu và tiếp tục đáp ứng trong sự ăn năn, đức tin, phục vụ, vâng phục và kiên trì. Phúc âm chính là một Đấng được chào đón, một lễ thật được tin vào, và một đời sống để được sống! Nếu bất cứ ai rời bỏ khỏi điều này, một sự cứu rỗi trưởng thành, theo Kinh Thánh là không thể.

#### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: ĐƯỢC KÊU GỌI**

Đức Chúa Trời luôn chủ động kêu gọi, lựa chọn và nài mời những người tin đến với Ngài (xem Giăng 6:44, 65; 15:16; I Cô-rinh-tô 1:12; Ê-phê-sô 1:4-5, 11). Từ ngữ "kêu gọi" được sử dụng trong một số ý nghĩa thần học sau:

- A. Trong Cựu Ước "gọi tên" luôn trong văn mạch của một sự thờ phượng (Sáng 4:26; 12:8; 21:33; 26:25; Xuất 34:5).
- B. Tội nhân được kêu gọi đến sự cứu rỗi bởi ân điển của Đức Chúa Trời qua công tác đã được hoàn tất của Chúa Giê-xu và sự thuyết phục của Đức Thánh Linh (chữ *klētos*, xem Rô-ma 1:6-7; 9:24, vốn cũng có ý nghĩa thần học giống với I Cô-rinh-tô 1:1-2 và II Ti-mô-thê 1:9; II Phi-e-rơ 1:10).
- C. Tội nhân kêu cầu đến danh của Đức Chúa Trời để được cứu (chữ *epikaleō*, xem Công vụ 2:21; 22:16; Rô-ma 10:9-13). Từ ngữ này là thành ngữ trong cách thờ phượng Do Thái.
- D. Những tín đồ kêu gọi Danh Ngài trong những thời điểm khủng hoảng và tuyệt vọng (Công Vụ 7:59)
- E. Những tín nhân được kêu gọi để sống giống Đấng Christ (chữ *klesis*, xem I Cô-rinh-tô 1:26; 7:20; Ê-phê-sô 4:1; Phi-líp 3:14; II Tê-sa-lô-ni-ca 1:11; II Ti-mô-thê 1:9)
- F. Những tín nhân được kêu gọi vào các công tác phục vụ Chúa (xem Công vụ 13:2; I Cô-rinh-tô 12:4-7; Ê-phê-sô 4:1).

▣ "**sự chọn lựa của mình (sự lựa chọn anh em)**" Danh từ *eklogē* luôn được sử dụng cho sự chọn lựa của Đức Chúa Trời.

1. Gia-cóp/Y-sơ-ra-ên – Rô-ma 9:11
2. Dân sót trung tín – Rô-ma 11:5,28
3. Những tín đồ Tân Ước – Rô-ma 11:7
4. Hội thánh – I Tê-sa-lô-ni-ca 1:4; 2 Phi-e-rơ 1:10

Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 13:20 và I Phi-e-rơ 1:2.

▣ "**(một khi) làm như vậy anh em sẽ không hề vấp ngã**" Cụm từ "những điều ấy (vậy, trong bản tiếng Việt)" chỉ đến 2 Phi-e-rơ 1:3-7. Sự sống đời đời có những đặc tính có thể quan sát được.

Dạng ngữ pháp (một thể phủ định kép (double negative)) và thuật ngữ *pote* ("vào bất kỳ lúc nào" hoặc "bất kỳ") đã đem lại một sự đảm bảo chắc chắn cho những tín đồ đang chịu sự tranh chiến ở giữa sự chịu khổ và bất bớ (I Phi-e-rơ) và những sự dạy dỗ tà giáo (2 Phi-e-rơ).

Trong *Word Pictures in the New Testament*, tập 6, trang 153, A. T. Robertson nhận diện động từ "thực hành (làm)" (*pioeō*) như một phân từ mang tính hoàn cảnh [điều kiện] chủ động thì hiện tại (present active circumstantial [conditional] participle), giống với 2 Phi-e-rơ 1:8. Những bản dịch tiếng Anh NASB, NKJV, NRSV, và TEV bao gồm từ điều kiện trong tiếng Anh "nếu" trong những bản dịch của họ (cũng giống như 2 Phi-e-rơ 1:8).

▣ "**anh em sẽ không hề vấp ngã**" Đây là một cấu trúc ngữ pháp (phủ định kép và thể cầu khẩn (double negatives and the subjunctive mood)), vốn là cách mạnh mẽ nhất để phủ định một thông điệp. Cùng một lẽ thật được bày tỏ trong Giu-đe 24.

Tuy nhiên, cũng giống như sách Hê-bơ-rơ (cf. Hê-bơ-rơ 2:1-4; 3:7-4:11; 5:11-6:12; 10:9-39; 12:14-29), 2 Phi-e-rơ có một vài lời cảnh cáo đáng kinh ngạc (2 Phi-e-rơ 2:1,20-22; 3:17). Sự cứu rỗi là đảm bảo (I Phi-e-rơ 1:4-6), nhưng cần phải được gìn giữ.

### **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ BỘI ĐẠO (APHISTĒMI)**

Chữ Hy Lạp *aphistēmi* là chữ có nhiều nghĩa. Tuy nhiên, chữ "apostasy" trong Anh ngữ xuất phát từ chữ Hy Lạp trên và làm cho những độc giả hiện đại có định kiến với cách dùng chữ này. Văn mạch luôn luôn là chìa khóa để hiểu nghĩa của nó chứ không phải là định nghĩa có sẵn.

Đây là từ ghép giữa giới từ *apo*, có nghĩa là "khỏi" hay "ra khỏi" với *histēmi* có nghĩa là "ngồi," "đứng," hay là "sửa chữa." Lưu ý những cách sử dụng không theo nghĩa thần học như sau:

1. Lấy ra khỏi theo phương diện vật chất

- a. Khỏi Đền thờ, Lu-ca 2:37
- b. Lấy ra khỏi nhà, Mác 13:34
- c. Lấy ra khỏi một người, Mác 12:12; 14:50; Công-vụ các Sứ-đồ 5:38
- d. Rút khỏi mọi sự, Ma-thi-ơ 19:27,29
2. Rút lui về phương diện chính trị, Công-vụ các Sứ-đồ 5:37
3. Ra khỏi về liên hệ, Công-vụ các Sứ-đồ 5:38; 15:38; 19:9; 22:29
4. Ra khỏi theo pháp lý (ly dị), Phục-truyền Luật-lệ Ký 24:1,3 (LXX) và Tân Ước, Ma-thi-ơ 5:31; 19:7; Mác 10:4; I Cô-rinh-tô 7:11
5. Xóa nợ, Ma-thi-ơ 18:24
6. Bày tỏ sự không quan tâm bằng cách lánh đi, Ma-thi-ơ 4:20; 22:27; Giăng 4:28; 16:32
7. Bày tỏ sự quan tâm bằng cách không tránh mặt, Giăng 8:29; 14:18
8. Cho phép, thừa nhận, Ma-thi-ơ 13:30; 19:14; Mác 14:6; Lu-ca 13:8

Trong ý nghĩa thần học, động từ này cũng có cách sử dụng rộng rãi bao quát:

1. Hủy, tha thứ trách nhiệm tội lỗi, theo Xuất Ê-díp-tô Ký 32:32 (bản Septuagint); Dân số Ký 14:19; Gióp 42:10 và Tân Ước, Ma-thi-ơ 6:12,14-15; Mác 11:25-26
2. Giữ mình khỏi phạm tội, II Ti-mô-thê 2:19
3. Thờ ơ bằng cách tránh né
  - a. Luật pháp, Ma-thi-ơ 23:23; Công-vụ các Sứ-đồ 21:21
  - b. Đức tin, Ê-xê-chi-ên 20:8 (LXX); Lu-ca 8:13; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:3; I Ti-mô-thê 4:1; Hê-bơ-rơ 3:12

Những tín hữu hiện đại thắc mắc về nhiều câu hỏi thần học mà các tác giả Tân Ước đã không hề nghĩ đến. Một trong những điểm này liên hệ đến xu hướng hiện đại tách rời đức tin khỏi sự thành tín. Có nhiều nhân vật trong Kinh Thánh liên hệ với dân sự của Đức Chúa Trời và có chuyện xảy ra.

#### I. Cựu Ước

- A. Cô-rê, Dân số Ký 16
- B. Các con trai của Ê-li, I Sa-mu-ên 2, 4
- C. Sau-lơ, I Sa-mu-ên 11-31
- D. Các tiên tri giả (những thí dụ)
  1. Phục-truyền Luật-lệ Ký 13:1-5 18:19-22
  2. Giê-rê-mi 28
  3. Ê-xê-chi-ên 13:1-7
- E. Các nữ tiên tri giả
  1. Ê-xê-chi-ên 13:17
  2. Nê-hê-mi 6:14
- F. Các người lãnh đạo gian ác của dân Y-sơ-ra-ên
  1. Giê-rê-mi 5:30-31; 8:1-2; 23:1-4
  2. Ê-xê-chi-ên 22:23-31
  3. Mi-chê 3:5-12

#### II. Tân Ước

- A. Chử Hy lập này có nghĩa đen là bội đạo, bỏ đạo. Cả Tân Ước và Cựu Ước đều xác nhận tội lỗi gia tăng mạnh mẽ và sự giảng dạy sai lạc đầy dẫy trước khi Chúa trở lại trần gian lần thứ hai (xem Ma-thi-ơ 24:24; Mác 13:22; Công-vụ các Sứ-đồ 20:29,30; II Tê-sa-lô-ni-ca 2:3,9-12; II Ti-mô-thê 4:4). Chử Hy lập này có thể diễn đạt những lời phán của Đức Chúa Giê-xu trong ẩn dụ về những loại đất theo Lu-ca 8:13. Các giáo sư giả này rõ ràng không phải là Cơ Đốc Nhân, nhưng từ trong vòng những Cơ Đốc Nhân (xem Công-vụ các Sứ-đồ 20:29-30; I Giăng 2:19). Họ lại có thể dẫn dụ và thu phục những tín hữu chân thật nhưng chưa trưởng thành (xem Hê-bơ-rơ 3:12).

Đây là câu hỏi thần học: có bao giờ các giáo sư giả này từng là người tin đạo? Đây là câu hỏi khó trả lời bởi vì đã có các giáo sư giả ở trong những Hội Thánh địa phương (xem I Giăng 2:18-19). Thường thì truyền thống thần học hay hệ phái của chúng ta giải đáp câu hỏi này mà không tra cứu đến những khúc Kinh Thánh cụ thể (ngoại trừ phương pháp trung dẫn bằng chứng bản văn bằng việc trích dẫn một câu Kinh Thánh mà không xét đến văn mạch để bảo vệ quan điểm thiên kiến cá nhân).

B. Đức tin chỉ là ở bên ngoài (trong lòng không có)

1. Giu-đa, Giăng 17:12
2. Thuật sĩ Si-môn, Công-vụ các Sứ-đồ 8
3. Những người được đề cập trong Ma-thi-ơ 7:21-23
4. Những người được đề cập trong Ma-thi-ơ 13:1-23; Mác 4:1-12; Lu-ca 8:4-10
5. Những người Do Thái trong Giăng 8:31-59
6. A-léc-xan-đơ và Hy-mê-nê, I Ti-mô-thê 1:19-20
7. Những người được đề cập trong I Ti-mô-thê 6:21
8. Hy-mê-nê và Phi-lét, II Ti-mô-thê 2:16-18
9. Đê-ma, II Ti-mô-thê 4:10
10. Các tín hữu bên ngoài, Hê-bơ-rơ 3:10-16
11. Các giáo sư giả, II Phi-e-rơ 2:19-21; Giu-đe 12-19
12. Antichrists, I Giăng 2:18-19

C. Đức tin không kết quả

1. Ma-thi-ơ 7:13-23
2. I Cô-rinh-tô 3:10-15
3. II Phi-e-rơ 1:8-11

Chúng ta ít khi nghĩ về những đoạn kinh văn này bởi vì hệ thống thần học của chúng ta (Calvinism, Arminianism, v.v.) chỉ định cho câu giải đáp đã được ấn định. Xin đừng có thành kiến với tôi khi tôi nêu ra chủ đề này. Điều tôi chú trọng là phương pháp giải nghĩa Kinh Thánh thích hợp. Chúng ta cần phải để Kinh Thánh phán với chúng ta và đừng cố gắng ép nó vào cái khuôn thần học đã có sẵn. Điều này thường gây sốc và khó chịu bởi vì thần học của chúng ta dựa theo hệ phái, văn hóa hay là từ liên hệ (cha mẹ, bạn bè, mục sư) nhưng lại không căn cứ vào Kinh Thánh. Một số người ở trong vòng dân sự của Đức Chúa Trời nhưng lại không phải thuộc về dân sự của Đức Chúa Trời (xem Rô-ma 9:6).

**1:11 " vương quốc đời đời "** Cụm từ này chỉ đến một sự cai trị đời đời của YHWH và Đấng Mê-si (Ê-sai 9:7; Đa-ni-ên 7:14,27; Lu-ca 1:33; I Ti-mô-thê 6:16; Khải Huyền 11:15, 22:5). Điều này không chỉ về vương quốc thiên hạ niên hoặc bất cứ phần Kinh Thánh Tân Ước nào khác, ngoại trừ Khải Huyền 20, mặc dù một vài người xem thấy một sự ngụ ý được che phủ trong I Cô-rinh-tô 15:25-28. Tôi thì không.

▣ **" Chúa và Cứu Chúa "** Cùng một cụm từ được sử dụng cho Hoàng Đế. Nó là một danh xưng hiếm được sử dụng thường xuyên trong sách này (2 Phi-e-rơ 1:11; 2:20; 3:2,18).

▣ **" được rộng mở (chu cấp rộng rãi) cho anh em "** Đây là một thể chỉ định bị động thì tương lai (future passive indicative). Thể mệnh lệnh được sử dụng trong 2 Phi-e-rơ 1:5. Đức Chúa Trời sẽ chu cấp mọi nhu cầu của các tín đồ (2 Phi-e-rơ 1:3). Các tín đồ được ra lệnh phải đáp ứng thích đáng trong ánh sáng của sự chu cấp của Đức Chúa Trời (2 Phi-e-rơ 1:4). Sự đáp ứng của họ không phải là cách để được chấp nhận bởi Đức Chúa Trời, nhưng là bằng chứng rằng họ đã được chấp nhận.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 2 PHI-E-RƠ 1:12-15**

<sup>12</sup> Vì vậy, tôi sẽ luôn nhắc nhở anh em về những điều này, dù anh em đã biết và đang đứng vững trong chân lý mà mình đã nhận. <sup>13</sup> Tôi nghĩ, bao lâu tôi còn ở trong nhà tạm này thì tôi cần phải nhắc nhở để thức tỉnh anh em, <sup>14</sup> vì tôi biết rằng đã đến lúc tôi sớm phải lìa nhà tạm này, như điều Chúa chúng ta là Đức Chúa Jê-sus Christ đã bày tỏ cho tôi. <sup>15</sup> Nhưng tôi sẽ cố gắng để sau khi tôi ra đi, anh em vẫn luôn nhớ lại những điều này.

**1:12 "vì vậy"** Dựa trên những lẽ thật phúc âm của 2 Phi-e-rơ 1.

▣ **" tôi sẽ luôn nhắc nhở anh em "** Đây là một chủ đề thường xuyên (2 Phi-e-rơ 1:12-13,15; 3:1-2; Phi-líp 3:1; Giu-đe 5,17). Những lẽ thật của phúc âm này cần phải được nhắc lại liên tục để cung cấp thông tin cho những tín hữu và cho sự không thay đổi của các tín đồ trưởng thành.

Những câu 12-15 thường xuyên được xác định như một thể loại văn học được gọi là " lời chứng (chúc thư) (testimonies)." Thường nó liên hệ với những lời cuối cùng của một người trước khi chết (Giô-suê 23-24; 1 Sa-mu-ên 12; 2 Ti-mô-thê 4:6-8; 2 Phi-e-rơ 1:12-15).

▣ " **đang đứng vững** " Đây là một phân từ thụ động hoàn thành (perfect passive participle). Nó có thể chỉ đến (1) sự rao giảng phúc âm hoặc (2) những sự bày tỏ kỳ diệu (phép lạ). Chú ý rằng nó chính là quyền năng của Đức Chúa Trời (thể bị động) đã ban cho các tín đồ sự vững vàng (1 Phi-e-rơ 5:10). Nhưng những tín đồ cần phải canh giữ nó (2 Phi-e-rơ 3:17; 1 Phi-e-rơ 5:9).

▣ " **trong chân lý** " Những thuật ngữ "lẽ thật/chân thật/đáng tin cậy" thật là những khái niệm Kinh Thánh quan trọng mà tôi muốn chia sẻ với bạn hai Chủ Đề Đặc Biệt được lấy từ những cuốn giải kinh sách Giảng của tôi (Tập 4).

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: (KHÁI NIỆM) "SỰ THẬT" TRONG NHỮNG SÁCH CỦA GIẢNG

Đường như Giảng kết hợp ngữ cảnh Do-thái và ngữ cảnh Hy-lạp của từ thuật *alētheia* "sự thật", như ông đã làm đối với *logos* (xem 1:1-14). Trong tiếng Hê-bơ-rơ, từ *emeth* (BDB 53) nói về những gì hữu thực, đáng tin cậy, (thường được dịch *pisteuō* trong bản Bảy Muoi (Septuagint)). Trong triết học Hy-lạp, sự thật được liên hệ tới lý luận thực tại và thực ảo, tính thiên thượng và tính trần thế của Plato. Điều này thích hợp với nguyên luận của Giảng. Đức Chúa Trời đã mặc khải, phơi bày, làm sáng tỏ rõ ràng (*alētheia*) bản thân Ngài trong Đức Chúa Con, qua một vài phương cách sau:.

#### 1. DANH TỪ, *alētheia*, truth

- a. Chúa Giê-su đầy ân điển và sự thật (xem Giảng 1:14,17 – OT covenant terms)
- b. Chúa Giê-su là tiêu điểm lời chứng của Giảng Báp-tít (xem Giảng 1:32-34; 18:37 – tiên tri Cựu Ước cuối cùng)
- c. Chúa Giê-su tuyên bố sự thực (xem Giảng 8:40,44,45,46 – mặc khải mệnh đề và cá nhân)
- d. Chúa Giê-su là đường đi, lẽ thật và sự sống (xem Giảng 14:6)
- e. Chúa Giê-su thánh hóa họ trong sự thật (xem Giảng 17:17)
- f. Chúa Giê-su (the *Logos*, 1:1-3) là sự thật (xem Giảng 17:17)

#### 2. TÍNH TỪ, *alēthēs*, thực sự, đáng tin

- a. Lời chứng của Chúa Giê-su (xem Giảng 5:31-32; 7:18; 8:13-14)
- b. Sự phán xét của Chúa Giê-su (xem Giảng 8:16)

#### 3. TÍNH TỪ, *alēthinus*, thực thể

- a. Chúa Giê-su ánh sáng thực (xem Giảng 1:9)
- b. Chúa Giê-su thức ăn thực (xem Giảng 6:32)
- c. Chúa Giê-su là cây nho thực (xem Giảng 15:1)
- d. Chúa Giê-su chứng nhân thực (xem Giảng 19:35)

#### 4. TRẠNG TỪ, *alēthōs*, thực

- a. Người Sa-ma-ri chứng thực về Chúa Giê-su là Cứu Chúa của thế gian. (xem Giảng 4:42)
- b. Chúa Giê-su thức ăn, thức uống thực, so với Man-na thời Mô-sê (xem Giảng 6:55)  
Thuật ngữ (*alēthēs* -sự thật) cũng thể hiện trong các lời chứng về Chúa Giê-su của
  - a. Lời chứng của Giảng Báp-tít là thật (xem Giảng 10:41)
  - b. Lời chứng của Giảng (sứ đồ) là thực (xem Giảng 19:35; 21:24)
  - c. Chúa Giê-su được coi là tiên tri thực (xem Giảng 6:14; 7:40)

Tư liệu tranh luận tốt về sự thật trong Cựu Ước và Tân Ước, xin tham khảo George E. Ladd's *A Theology of the New Testament*, trang. 263-269.

### CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: (THUẬT NGỮ) "THẬT" TRONG NHỮNG TÁC PHẨM CỦA GIẢNG

#### 1. Đức Chúa Cha

- a. Đức Chúa Cha chân chính / đáng tin cậy (Xem Giăng 3:33; 7:18,28; 8:26; 17:3; Rô-ma. 3:4; 1 Thê-sa-lô-ni-ca. 1:9; 1 Giăng 5:20; Khải-huyền. 6:10)
- b. Đức Chúa Cha có con đường thực (Xem Khải-huyền. 15:3)
- c. Đức Chúa Cha có sự phán xét thực (Xem Khải-huyền. 16:7; 19:2)
- d. Đức Chúa Trời có lời phán thực (Xem Khải-huyền. 19:11)

2. Đức Chúa Con

- a. Đức Chúa Con chân chính / đáng tin cậy
  - 1) ánh sáng thực (Xem Giăng 1:9; 1 Giăng 2:8)
  - 2) cây nho thực (Xem Giăng 15:1)
  - 3) đầy ân điển và lễ thật (Xem Giăng 1:14,17)
  - 4) Ngài là chân lý (Xem Giăng 14:6; 8:32)
  - 5) Ngài chân thật (Xem Khải-huyền. 3:7,14; 19:11)
- b. Sự làm chứng của Đức Chúa Con là chân thật (Xem Giăng 18:37)

3. Sự thật có thể được so sánh:

- a. luật pháp Mô-sê với ân điển và sự thật của Chúa Giê-su (Xem Giăng 1:17)
- b. Lều Tạm trong đồng vắng so với Đền Thánh Thiên Thượng. (Xem Hê-bơ-rơ. 8:2; 9:1)

4. Nhiều khi trong văn tự của Giăng, thuật ngữ "thật" có vài ý nghĩa mở rộng (tiếng Hê-bơ-rơ và Hy-lạp). Giăng dùng tất cả các ý nghĩa để mô tả Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con với tư cách Cá Nhân, Đấng Phán, và Sứ Điệp ban phát cho các môn đồ, tín đồ. (Xem Giăng 4:23; 19:35; Hê-bơ-rơ. 10:22; Khải-huyền. 22:6).

5. Đối với Giăng, hai tính từ mô tả Đức Chúa Cha là Chân Thân và Đáng Tin Cậy, (Xem 5:44; 1 Giăng 5:20) và Chúa Giê-su là Sự Mặc Khải thực và trọn vẹn của Đức Chúa Cha (trong ý nghĩa cứu chuộc chứ không trong ý nghĩa tri thức) !

<b>NASB</b>	"vốn đã hiện diện với anh em "
<b>NKJV</b>	"trong lễ thật được trình bày "
<b>NRSV</b>	"vốn đã đến với anh em "
<b>TEV</b>	"anh em đã nhận lãnh "
<b>NJB</b>	(cụm từ này vắng mặt)

Nguyên văn cụm từ này là "trong lễ thật được bày tỏ." Làm thế nào "lễ thật" được bày tỏ? Lễ thật chính là cả (1) sự đáng tin cậy của đặc tính và lời của Đức Chúa Trời và (2) một cách mô tả về Chúa Jesus và một cách chỉ đến thông điệp của phúc âm (Lời Sự Sống và Lời Được Viết Xuống).

Từ "bày tỏ" chính là thuật ngữ *parousē*, được sử dụng để mô tả về Sự Tái Lâm của Đấng Christ khi Ngài "được bày tỏ (hiện ra)" (2 Phi-e-rơ 1:16; 3:4,12).

**1:13 " ở trong nhà tạm (cư ngụ trên đất)"** Phao-lô cũng sử dụng cụm từ này trong 2 Cô-rinh-tô 5:1-10 để chỉ đến cơ thể xác thịt của Ngài. Câu 14 và 15 chỉ ra cách rõ ràng rằng Phi-e-rơ đã trông đợi sẽ tuận đạo sớm.

**1:14 " Chúa chúng ta là Đức Chúa Jesus Christ "** Danh xưng này có hàm ý chỉ đến một vài lễ thật thần học cho độc giả Do Thái/ Cơ Đốc ở thế kỷ thứ nhất.

▣ " **Chúa** " Từ Hy Lạp Chúa (*kurios*) có thể được sử dụng trong một nghĩa chung hoặc trong một nghĩa thần học được phát triển. Nó có thể có nghĩa "quý ngài," "quý ông" (Giăng 4:11), "chủ," "thầy," "chồng," hoặc "Đấng thần nhân trọn vẹn" (Theo Giăng 9:36,38). Cách sử dụng Cựu Ước (trong tiếng Hê-bơ-rơ, *adon*) của từ này đến từ sự miễn cưỡng của Người Do Thái khi phát âm danh xưng giao ước của Đức Chúa Trời, YHWH, có nguồn gốc từ động từ Hê-bơ-rơ "là" (Xuất 3:14). Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Những Danh Xưng Dùng cho Đấng Thánh tại Mác 12:36. Họ sợ hãi việc sẽ phá vỡ mạng lệnh, vốn được phán, Người không được lấy danh Giê-hô-va Đức Chúa Trời người làm chơi " (Xuất 20:7; Phục Truyền 5:11). Vì vậy, họ nghĩ rằng nếu họ không phát âm nó ra, họ sẽ không thể lấy tên Ngài ra làm chơi (nói một cách vô nghĩa). Vì vậy, họ thay bằng từ Hê-bơ-rơ *adon*, vốn có một nghĩa tương tự với từ Hy Lạp *kurios* (Chúa). Những tác giả Tân Ước sử dụng từ này để mô tả về thần tính trọn vẹn của Đấng Christ. Cụm từ "Chúa chúng ta là Đức Chúa Jesus" là một sự tuyên xưng đức



tin công khai và là một nghi thức báp-tem của hội thánh đầu tiên (Rô-ma 10:9-13; 1 Cô-rinh-tô 12:3; Phi-líp 2:11).

▣ **"Jesus"** Từ Hê-bơ-rơ có nghĩa là "YHWH cứu giúp" hoặc "YHWH mang sự cứu rỗi." Nó được bày tỏ cho cha mẹ Ngài bởi một thiên sứ (theo Ma-thi-ơ 1:21). "Jesus" là một từ có nguồn gốc từ thuật ngữ trong tiếng Hê-bơ-rơ được dùng cho sự cứu rỗi, *hosea*, với hậu tố sau danh xưng giao ước của Đức Chúa Trời, YHWH. Đây chính là cùng một tên với tên Hê-bơ-rơ Giô-suê.

▣ **"Christ"** Đây là từ tương đương trong tiếng Hy Lạp của từ Hê-bơ-rơ (*Đấng*) *Mê-si*, vốn có nghĩa là "kẻ được xúc dầu." Nó ngụ ý "một người được kêu gọi và trang bị bởi Đức Chúa Trời cho một nhiệm vụ đặc biệt." Trong Cựu Ước ba nhóm lãnh đạo: những thầy tế lễ, các vua, và những tiên tri được xúc dầu. Chúa Jesus đều làm trọn cả ba chức vụ được xúc dầu này (Hê-bơ-rơ 1:2-3).

▣ **" đã bày tỏ cho tôi "** Cụm từ này có thể chỉ đến sự chết của Phi-e-rơ (Theo Giăng 13:36) hoặc phương cách qua đời của Phi-e-rơ đã được bày tỏ bởi Chúa cho Phi-e-rơ trong Giăng 21:18-19.

**1:15 " sau khi tôi ra đi "** Đây chính là từ "xuất hành (thoát đi)" (theo Lu-ca 9:31) được sử dụng trong nghĩa của sự chết (uyển ngữ) hoặc trở về với thiên đàng.

▣ **" anh em vẫn luôn nhớ lại những điều này "** Câu này có thể chỉ đến sách 1 Phi-e-rơ, 2 Phi-e-rơ, hoặc Phúc Âm Mác (theo Irenaeus). Phi-e-rơ nhận ra rằng Đức Thánh Linh sẽ sử dụng những điều ông viết sau khi ông qua đời. Ông đã phải có một cảm nhận rằng Đức Thánh Linh đã phán qua ông cho các Cơ Đốc Nhân để có thể đọc và sử dụng sau khi ông qua đời!

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 2 PHI-E-RƠ 1:16-18**

<sup>16</sup> Khi trình bày cho anh em biết quyền năng và sự quang lâm của Chúa chúng ta là Đức Chúa Jê-sus Christ, chúng tôi không dựa vào những huyền thoại khéo bịa đặt, nhưng chúng tôi tận mắt chứng kiến về uy nghi của Ngài. <sup>17</sup> Vì Ngài đã tiếp nhận sự tôn trọng và vinh quang từ Đức Chúa Trời là Cha, khi có tiếng từ Đấng Tôn Nghiêm Vinh Quang phán với Ngài: "Đây là Con yêu dấu của Ta, đẹp lòng Ta hoàn toàn." <sup>18</sup> Chính chúng tôi đã nghe tiếng ấy phán từ trời khi chúng tôi ở với Ngài trên núi thánh.

**1:16**

<b>NASB</b>	"những câu chuyện bịa đặt được kể lại cách khéo léo "
<b>NKJV</b>	"những chuyện hoang đường được đặt ra cách gian xảo "
<b>NRSV</b>	"những huyền thoại được đặt ra cách khéo léo "
<b>TEV</b>	"những câu chuyện được đặt ra "
<b>NJB</b>	"những huyền thoại được thêu dệt cách khéo léo "

Đây là một phân từ thụ động hoàn thành (perfect passive participle), vốn hàm ý chỉ về một tình trạng lừa dối thường xuyên (thì hoàn thành) được mang đến mỗi một kẻ không xác định được, một kẻ đại diện (thể bị động) vốn có thể chính là những giáo sư giả hoặc ma quỷ. Chúng ta có từ trong tiếng Anh "myth (chuyện hoang đường)" từ chính từ trong tiếng Hy Lạp này, vốn chỉ được thấy trong

1. 1 Ti-mô-thê 1:4; 4:7
2. 2 Ti-mô-thê 4:4
3. Tít 3:9,14
4. 2 Phi-e-rơ 1:16

Bởi vì những giáo sư giả (trong phần mô tả trong 2 Phi-e-rơ 2) chính là Trí Huệ giáo phối thai chớm nở với một vài khuynh hướng Do Thái Giáo (điểm số #2), những chuyện hoang đường này có thể chỉ đến những cấp bậc thiên sứ giữa một Đức Chúa Trời thánh khiết và những thực thể thuộc linh thấp hơn (aeons) với những tên bí mật của chúng

1. Những gia phổ liên hệ với Đấng Mê-si như một người từ trời riêng biệt với một Đấng Christ là một con người thực sự
2. Sự phân rẽ thần học cách cố ý của sự cứu chuộc và luân lý/đạo đức

Để xem một bài viết hay về những cách khác nhau "chuyện hoang đường" được sử dụng, hãy xem quyển sách của G. B. Caird, *The Language and Imagery of the Bible*, chương 12-13, ở trang 201-243.

▣ " **sự quang lâm của Chúa chúng ta** " Đây là một chủ đề trung tâm khác của sách. Thuật ngữ *parousia*, được định nghĩa như là "sự đến" hoặc "xuất hiện (hiện ra)" (có cùng gốc từ trong 2 Phi-e-rơ 1:12), được sử dụng trong những bản chép trên giấy từ cây sậy trong tiếng Hy Lạp koine cho sự thăm viếng hoàng gia của một vị vua. Từ *parousia* thường chỉ đến Sự Tái Lâm (2 Phi-e-rơ 3:4,12), nhưng nó cũng có thể chỉ đến Sự Nhập Thể. Nó có thể chỉ đến điều đó ở đây bởi vì sự ngụ ý theo văn mạch đến Sự Hóa Hình trong cụm từ tiếp theo.

## CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ TÁI LÂM

Có ít nhất bốn cách mà Tân-ước mô tả sự Tái Lâm của Chúa Giê-su .

1. *epiphaneia*, nói về sự chói ngời, theo không theo ý nghĩa từ ngữ, nhưng theo ý nghĩa thần học, liên hệ tới sự vinh hiển. In 2 Ti-mô-thê 1:10; Tít 2:11 and 3:4 nói về sự nhập thể và sự Tái Lâm. Thuật ngữ này được dùng trong 2 Tê-sa 2:8 trong đó chứa đựng tất cả ba thành phần của sự Tái Lâm: 1 Ti-mô-thê 6:14; 2 Ti-mô-thê 4:1,8; Tít 2:13.
2. *parousia*, Nói về sự hiện diện sự viếng thăm của một Quốc Vương, được sử dụng nhiều nhất trong Tân-ước (Ma-thi-ơ. 24:3,27,37,39; 1 Cô-rin-tô 15:23; 1 Tê-sa 2:19; 3:13; 4:15; 5:23; 2 Tê-sa 2:1,8; Gia-cơ 5:7,8; 2 Phi-ê-rơ 1:16; 3:4,12; 1 Giăng 2:28).
3. *apokalupsis* (or *apocalypsis*), Sự khai huyền, một ý nghĩa khác của sự tỏ ra. Đây cũng là tên cuốn sách cuối cùng của Kinh Thánh. (Lu-ca 17:30; 1 Cô-rin-tô 1:7; 2 Tê-sa 1:7; 1 Phi-ê-rơ 1:7; 4:13).
4. *phaneroō*, có nghĩa đem ra ánh sáng được dùng nhiều lần trong Tân-ước về sự mặc khải chân lý của Đức Chúa Trời, tương tự như *epiphaneia*, cũng nói về Sự Nhập thể ( 1 Phi-ê-rơ 1:20; 1 Giăng 1:2; 3:5,8; 4:9) và Sự Tái Lâm ( Ma-thi-ơ. 24:30; Cô-lô-sê 3:4; 1 Phi-ê-rơ 5:4; 1 Giăng 2:28; 3:2).
5. Một trong những thuật ngữ rất phổ biến là, *erchomai*, "đến" cũng ám chỉ về sự Tái Lâm của Đấng ( Ma-thi-ơ. 16:27-28; 23:39; 24:30; 25:31; Công-vụ 1:10-11; 1 Cô-rin-tô 11:26; Khải Huyền 1:7,8).
6. Cụm từ "Ngày của Chúa" ( 1 Tê-sa 5:2), là danh hiệu Ngày Phước Hạnh (Phục sinh) và Ngày Phán Xét của Đức Chúa Trời.

Cả Tân-ước được viết trong quan điểm của Cựu-ước, khẳng định:

- a. Kỷ Nguyên Hiện Tại, Xấu Xa, và Chông Nghịch.
- b. Kỷ Nguyên Công Chính sẽ Đến
- c. Một Kỷ Nguyên Thánh Linh được bắt đầu bởi công việc của Đấng Mê-si-a ( Đấng Được Xức Dầu)

Giả thiết thần học của sự mặc khải từng bước (mặc khải tiệm tiến) cần có bởi các tác giả Tân-ước thay đổi chút ít về sự mong đợi của dân tộc Do-thái. Họ trông đợi một Đấng Mê-si-a mang tính chất anh hùng dân tộc, một tướng lãnh tài ba. Thay vào đó là hai sự 'đến' của Đấng Mê-si-a theo Tân-ước. Sự 'đến' Đầu tiên là Sự Nhập Thể của Vị Thần Đức, Sự Đầu Thai và Sinh Thành của Giê-su Na-xa-rét, không mang tính quân sự, hay phán xét, nhưng với tư cách 'người đầy tớ thương khó' theo Ê-sai 53; trong hình ảnh một người cưỡi lừa, thay vì cưỡi ngựa như tướng lãnh, theo Xa-cha-ri. 9:9. Sự đến đầu tiên mở đầu Kỷ Nguyên Đấng Mê-si-a, Nước Trời trên trần gian. (Xem Chủ Đề Đặc Biệt: Nước Đức Chúa Trời. Trong một ý nghĩa: Nước Trời đã đến và trong ý nghĩa khác, Nước Trời còn xa. Đây là giai đoạn giăng co, chuyển tiếp giữa hai 'sự đến' của Đấng Mê-si-a, cũng là sự chông chéo giữa hai Kỷ Nguyên của người Do-thái. (Xem chủ đề Đặc Biệt Kỷ Nguyên Hiện Nay và Kỷ Nguyên sẽ đến). Giai đoạn chông chéo này không được thấy hoặc không rõ ràng từ Cựu-ước. Thực tế 'sự đến hai lần' nhấn mạnh sự cam kết cứu chuộc cả nhân loại của Đức Giê-hô-va, được thấy trong Ê-sai và Giôn-na ( Sáng. 3:15; 12:3; Xuất. 19:5).

Hội Thánh không phải chờ đợi sự ứng nghiệm tiên tri của Cựu-ước, bởi hầu hết các tiên tri ấy nói về 'sự đến' lần thứ nhất. (*How to Read the Bible For All Its Worth*, trang 165-166). Các Tín Đồ Tân-ước trông chờ 'sự đến' vinh hiển của Vị Vua trên các vua và Chúa trên các chúa, sự ứng nghiệm Nước Trời dưới đất cũng như trên Thiên Đàng. ( Ma-thi-ơ. 6:10). Sự trình bày của Cựu-ước không phải không chính xác, nhưng không đầy đủ. Chúa sẽ đến như đã được tiên tri trong quyền năng và uy thế của Đức Giê-hô-va

Sự Tái Lâm không phải là thuật ngữ trong Kinh thánh, nhưng là khái niệm thần học trong quan điểm và khôn khổ cả Tân-ước. Đức Chúa Trời sẽ giải thích rõ ràng, mối liên hệ giữa Đức Chúa Trời và nhân loại trong hình ảnh

▣ " **chúng tôi tận mắt chứng kiến về uy nghi của Ngài** " Câu này khẳng định thẩm quyền của Phi-e-rơ bởi sự chứng kiến tận mắt đời sống trên đất của Chúa Jesus. Câu này đặc biệt chỉ đến Sự Hóa Hình (2 Phi-e-rơ 1:18 và Mác 9:2-8). Cụm từ này cũng được sử dụng cho sự khai tâm bước vào những tôn giáo huyền bí trải nghiệm sự trở nên một với một vị thần. Phi-e-rơ, cũng như Phao-lô, thường sử dụng những cụm từ của đối thủ của họ như một phương cách để bác bỏ chúng và đem lại những ý nghĩa thích đáng của những từ đó.

Chúa Jesus được mô tả bằng thuật ngữ "uy nghi (tôn nghiêm, vĩ đại)." Trong câu tiếp theo (2 Phi-e-rơ 1:17) Đức Chúa Cha được nhận diện bằng cùng một từ "Đấng Tôn Nghiêm Vinh Quang." Bản chất thiên thượng trong Chúa Jesus đã được bộc lộ cho nhóm môn đồ thân cận (Phi-e-rơ, Gia-cơ, và Giăng) trên núi.

▣ **1:17 " chúng tôi tận mắt chứng kiến về uy nghi của Ngài "** Đây có lẽ là một sự khi đến "*Shekinah* Vinh Hiên" (là định nghĩa mà các ra-bi Do Thái gọi là đám mây trong sách Xuất Ê-díp-tô Ký và Dân Số Ký), đám mây mà từ trong đó Đức Chúa Trời đã phán (theo Mác 9:2-8). Hãy xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ VINH HIÊN (DOXA) tại 1 Phi-e-rơ 1:21.

▣ " **Cha** " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 13:32.

▣ " **khi có tiếng (sự bày tỏ)** " Các ra-bi Do Thái đã gọi điều này là *Bath Kol* (i.e., một tiếng phán từ thiên đàng), vốn là một sự khẳng định ý muốn của Đức Chúa Trời trong suốt thời gian từ Ma-la-chi đến Giăng Báp-tít là khoảng thời gian mà không hề có sự bày tỏ tiên tri nào. Đức Chúa Cha đã khẳng định về Chúa Jesus cả tại sự báp-tem và Sự Hóa Hình của Ngài (theo Mác 1:11; Ma-thi-ơ 17:5-6).

▣ " **Con yêu dấu của Ta** " Đây là một danh xưng Mê-si từ Thi 2:7.

▣ " **đẹp lòng Ta hoàn toàn** " Đây là một sự ngụ ý chỉ đến Ê-sai 42:1 (theo Ma-thi-ơ 3:17; 17:5). Bằng cách liên kết Thi Thiên 2 và Ê-sai 42, Phi-e-rơ nhấn mạnh rằng cả hai khía cạnh hoàng gia và tội tớ chịu khổ của Đấng Mê-si. Cả hai khía cạnh này cũng định nghĩa hai lần đến của Ngài: Sự Nhập Thể = Tội Tớ Chịu Khổ; Sự Tái Lâm = Vị Vua và Quan Án!

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 2 PETER 1:19-21

<sup>19</sup> Do vậy, lời tiên tri chúng ta có càng được xác quyết hơn. Anh em nên chú ý vào lời này như ngọn đèn soi sáng nơi tối tăm, cho đến khi ban ngày lộ ra và sao mai mọc trong lòng anh em. <sup>20</sup> Trước hết, anh em phải hiểu rằng không có lời tiên tri nào trong Kinh Thánh được giải thích theo ý riêng của một người nào, <sup>21</sup> vì không có lời tiên tri nào đến bởi ý người, nhưng người ta được Đức Thánh Linh cảm thúc nói ra từ Đức Chúa Trời.

**1:19 " lời tiên tri "** Cụm từ này chỉ đến cả (1) những phần Kinh Thánh Cựu Ước (2 Phi-e-rơ 1:17) hoặc (2) lời chứng Sứ Đồ Tân Ước (2 Phi-e-rơ 1:12; 1 Giăng 1:1-5).

▣ " **càng được xác quyết hơn** " Sự mặc khải Cựu Ước của Đức Chúa Trời được xác quyết trong sự mặc khải Tân Ước. Cựu Ước chắc chắn là rất quan trọng cho một sự thông hiểu đầy đủ Tân Ước (theo Mác 1:1-3).

Cả đoạn này liên hệ với Sự Tái Lâm bị trì hoãn, vốn một số người bắt đầu nghi ngờ. Phi-e-rơ muốn đảm bảo với những độc giả của ông bởi

1. Những trải nghiệm của chính ông về thời đại mới (sự hóa hình của Chúa Jesus)

2. Sự ứng nghiệm lời tiên tri trong đời sống, những sự dạy dỗ, và sự sống lại của Chúa Jesus

Thời đại mới đã đến và sẽ được hoàn thành trọn vẹn ( như một ngọn đèn chiếu sáng, như Sao Mai mọc lên). Hãy xem tác phẩm của F. F. Bruce, *answers to Questions*, ở trang 130.

▣ " **ngọn đèn soi sáng nơi tối tăm** " Đây là một sự ngụ ý chỉ đến Thi 119:105 và có lẽ Châm Ngôn 6:23. Đức Chúa Trời đã chu cấp cho nhân loại sa ngã mọi thông tin họ cần để đáp ứng với Ngài bởi đức tin (sự mặc khải, thần cảm, và soi sáng). Sự bày-tỏ-chính-Ngài của Đức Chúa Trời qua Cựu Ước và qua cách cao nhất qua Đấng

Christ, là đầy đủ trọn vẹn (mặc dù không thấu đáo hết mọi khía cạnh). Sự mặc khải này (Cựu Ước và Tân Ước) giống như ngọn đèn soi ra trong sự tối tăm của tội lỗi và sự phản nghịch của con người và thiên sứ. Nhưng vào một ngày kia một ánh sáng tốt đẹp, sáng chói vượt xa hơn nhiều (sự đối diện mặt đối mặt với Đấng Christ) sẽ soi sáng tâm lòng và tâm trí mọi tín đồ. Mục tiêu của sự mặc khải không phải là thông tin, nhưng là sự cứu rỗi (mối tương giao mật thiết, được phục hồi).

Những giáo sư giả công bố rằng họ có một sự mặc khải đặc biệt từ Đấng Thánh, nhưng Phi-e-rơ khẳng định rằng Chúa Jesus chính là sự tự-mặc-khải đầy đủ và trọn vẹn của Đức Chúa Trời.

▣ " **sao mai** " Từ này nguyên văn là "vật mang ánh sáng " hoặc "ngôi sao ban ngày" (Khải Huyền 2:28; 22:16). Từ thuật ngữ tiếng Hy Lạp này chúng ta có từ tiếng Anh "phosphorus (chất phát lân quang)." Khía cạnh này của sự soi sáng có một vài nghĩa rộng Cựu Ước.

1. Nó liên hệ với từ Hê-bơ-rơ *helel*, được dịch là "sao mai (sao buổi sáng) " (Lucifer trong tiếng La-tinh, Ê-sai 14:12), thường chỉ đến hành tinh Sao Kim.
2. Nó liên hệ đến Đấng Mê-si sẽ đến trong Dân Số Ký 24:17 ("một ngôi sao sẽ hiện ra từ Gia-cốp") và Ma-la-chi 4:2 ("Mặt trời công bình sẽ mọc lên").
3. Nó liên hệ đến những thánh đồ sẽ sống lại trong Đa-ni-ên 12:3 ("sẽ chiếu sáng rực rỡ như sự sáng trên vòng khung (sự mở rộng của thiên đàng) ").
4. Nó liên hệ đến Đấng Mê-si hoàng gia nhập thể trong Khải Huyền 22:16 ("hậu tự của Đa-vít, là sao mai sáng chói").

▣ " **mọc trong lòng anh em** " Trong văn mạch này nó chỉ đến sự đổi chất sự sống mà Đức Chúa Trời đã đem đến bởi tự-mặc-khải của chính Ngài trong Kinh Thánh (Cựu Ước), bởi Chúa Jesus (sự nhập thể), và những tác phẩm Sứ Đồ (Tân Ước). Ở một điểm nào đó nhân loại sa ngã đã có một giây phút "vỡ òa" của sự thấu hiểu. Lễ thật của Đức Chúa Trời đã đột phá vào trong sự nhận thức của chúng ta. Tiến trình hiểu của sự hiểu biết và đức tin này được hướng dẫn bởi Đức Thánh Linh (Giăng 6:44,65).

Cơ Đốc giáo bắt nguồn bởi một sự tiếp cận cá nhân và đáp ứng đức tin với Đức Chúa Trời trong Đấng Christ. Nó sản sinh một trải nghiệm tập thể của tình yêu gia đình và sự phục vụ gia đình (1 Cô-rinh-tô 12:7). Hãy xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TÂM LÒNG tại Mác 2:6.

**1:20 " Kinh Thánh "** Đây là một trong những câu trong Tân Ước nói về sự tự-mặc-khải của Đức Chúa Trời trong những tác phẩm được viết trong Cựu Ước và Tân Ước (Lời Chúa).

1. Ma-thi-ơ 5:17-19
2. 1 Cô-rinh-tô 2:9-13
3. 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:13
4. 2 Ti-mô-thê 3:16
5. 5. 1 Phi-e-rơ 1:23-25
6. 2 Phi-e-rơ 1:20-21
7. 2 Phi-e-rơ 3:15-16

Điểm cốt yếu của tất cả những câu Kinh Thánh này chính là từ Đức Chúa Trời và của Đức Chúa Trời, chứ không phải của con người từ trong khởi nguyên. Đức Chúa Trời đã thần cảm các tác giả (2 Phi-e-rơ 1:20-21) và những tác phẩm của họ (2 Ti-mô-thê 3:16).

▣ " **được giải thích theo ý riêng của một người nào** " Cụm từ này chắc chắn diễn tả sự căng thẳng hiện hữu gây ra bởi các giáo sư giả trong các hội thánh. Có lẽ rằng họ đã trích Kinh Thánh và sau đó đặt để sự bẻ cong của chính mình vào nó (vốn cũng rất phổ biến ngày hôm nay).

Trong văn mạch thật khó để biết có phải cụm từ này chỉ đến (1) các tác giả Cựu Ước hoặc (2) những giáo sư giả đương thời. Nếu là lựa chọn thứ nhất, nó nói về ý tưởng thần học của sự thần cảm (2 Ti-mô-thê 3:16). Câu Kinh Thánh theo sau có vẻ khẳng định cách giải nghĩa này. Nếu là sự lựa chọn thứ hai, nó nói về ý tưởng thần học của sự soi sáng (rằng Đức Thánh Linh hướng dẫn các tín đồ trong việc giải nghĩa Kinh Thánh).

Cần phải đề cập rằng khái niệm tin lành "chức tể lễ của tín đồ" thường được hiểu như là khả năng được ban bởi Thánh Linh để giải nghĩa Kinh Thánh cho một người. Tuy nhiên, theo Kinh Thánh, cụm từ này chỉ đến hội thánh như một đại diện của sự hoàn thành Đại Mạng Lệnh, 1 Phi-e-rơ 2:5,9; Khải Huyền 1:6. Hãy chú ý trong Cựu Ước (Xuất 19:6) và Tân Ước cụm từ "chức tể lễ của các tín đồ " là ở số nhiều (tập thể), chứ không phải cá

nhân.

**1:21 " người ta được Đức Thánh Linh cảm thức "** Từ này nguyên văn là "được mang," vốn là một phân từ bị động thì hiện tại (present passive participle). Câu này thêm vào sự nhấn mạnh đến lẽ thật rằng Kinh Thánh chính là thông điệp của Đức Chúa Trời, chứ không phải thông điệp của con người! Đúng là Kinh Thánh (được viết) ở trong ngôn từ của con người, nhưng con người được sự hướng dẫn độc nhất bởi Thánh Linh. Kinh Thánh không phải là lẽ thật đã thấu đáo ở mọi khía cạnh, bởi vì không có ai có thể thấu hiểu đến mức độ đó của sự thật, nhưng (Kinh Thánh) là lẽ thật đáng tin cậy, đầy đủ về Đức Chúa Trời, về tội lỗi, về sự cứu rỗi, về đời sống tin kính, và về cõi đời đời.

Những phương cách chính xác của sự thần cảm khác nhau.

1. Những sự hiển thân
2. U-rim và Thu-mim/bắt thăm
3. Những giấc mơ
4. Những khái tượng
5. Trạng thái xuất thần
6. Các thiên sứ
7. Những hành động biểu tượng
8. Những sự kiện đặc biệt cùng với sự giải nghĩa

Những câu hỏi còn lại là (1) Đức Chúa Trời ban ra nội dung và tác giả con người đưa ra cách hành văn hoặc (2) Đức Chúa Trời ban cả hai?

## **NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Có phải đời sống Cơ Đốc là sự hành động khởi hoạt của Đức Chúa Trời hay của chúng ta?
2. Con người đóng vai trò nào trong mối liên hệ giữa họ với Đức Chúa Trời?
3. Cơ Đốc Nhân có thể sống tách biệt được với sự cứu rỗi hay không?
4. Có phải sự cứu rỗi là có điều kiện?
5. Sự dạy dỗ sai trật nào bị Phi-e-rơ tranh đấu trong lá thư này?
6. Điều gì đáng chú ý trong những lời phán của Đức Chúa Cha trong 2 Phi-e-rơ 1:19?
7. Những câu 20-21 bày tỏ điều gì về Kinh Thánh?

## 2 PHI-E-RƠ 2

### NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS <sup>4</sup>			NKJV		NRSV		TEV		NJB		
Những Giả Giả	Tiên và Giáo	Tri Sur	Những Sự	Tín Diệt	Lý Vong	Đem Lại	Tán Giáo	Công Sur	Những Giả	Giáo Sur	Giáo Sur
2:1-3			2:1-3			2:1-3		2:1-3		2:1-3	
											Những Bài Học Từ Quá Khứ
2:4-10a			2:4-11			2:4-10a		2:4-10a		2:4-10a	Hình Phạt Sẽ Xây Ra
2:10b-16			Sự Đòi Bại của Những Giáo Sư Giả			2:10b-16		2:10b-16		2:10b-12	
			2:12-17							2:13-16	
2:17-22			Sự Lừa Dối của Những Giáo Sư Giả			2:17-22		2:17-22		2:17-22	
			2:18-22								

### **CHU KỶ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu " Hướng Dẫn một Cách Đọc Kinh Thánh Tốt ")**

#### *THEO DÔI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN*

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

### **NHỮNG Ý TƯỞNG THEO VĂN MẠCH TRONG 2 PHI-E-RƠ 2:1-22**

- A. Phần này song hành với Sách Giu-đe. Có một sự vay mượn văn học, nhưng không rõ ràng ai đã mượn lại của ai. Có khả năng Giu-đe đã ám chỉ đến lời tiên tri của Phi -e-rơ bởi vì sau cái chết của ông, lời tiên tri ấy đã trở thành sự thật. (NET Bible).
- B. Những giáo sư giả này có vẻ là (những kẻ giảng dạy) Trí Huệ giáo chống luật pháp thời phôi thai (antinomian, incipient Gnostics) với một hệ thống thiên sứ luận được phát triển cao độ (vốn có thể phản ánh một sự ảnh hưởng Ba Tư; 1 Ti-mô-thê 6:3-5). Mọi câu chuyện Cựu Ước được đề cập đến đều liên hệ với các thiên sứ trong những cách nào đó.

- C. Phi-e-rơ đem ra những kiến thức phổ thông trong thời đại của ông (những câu chuyện Cựu Ước; I Enoch; những nguồn tư liệu ngoại giáo).
- D. Kinh Thánh rất mơ hồ về nguồn gốc, sự sa ngã và những hoạt động của thế giới thiên sứ. Đừng để cho sự tò mò của bạn vượt quá những thông tin được ban cho bởi Đức Chúa Trời (như những pho tiểu thuyết thời hiện đại).
- E. Có một sự mở rộng những đặc tính của những giáo sư giả
1. Lén lút giới thiệu những sự dạy dỗ tà giáo mang tính chất diệt vong (2 Phi-e-rơ 2:1)
  2. Chối bỏ Chúa (2 Phi-e-rơ 2:1)
  3. Đi theo sự phóng túng nhục dục (2 Phi-e-rơ 2:2)
  4. tham lam (2 Phi-e-rơ 2:3)
  5. khinh thường thẩm quyền (2 Phi-e-rơ 2:10)
  6. hành động như thú vật (2 Phi-e-rơ 2:12)
  7. tìm kiếm lạc thú (2 Phi-e-rơ 2:13)
  8. làm biến chất những bữa tiệc yêu thương của Cơ Đốc Nhân (2 Phi-e-rơ 2:13)
  9. khiến những tín đồ yếu đuối phạm tội (2 Phi-e-rơ 2:14)
  10. hứa hẹn sự tự do, nhưng chính họ lại làm nô lệ (2 Phi-e-rơ 2:19).

## NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 2 PHI-E-RƠ 2:1-3

<sup>1</sup> Nhưng đã có nhiều kẻ tiên tri giả xuất hiện trong dân chúng, và cũng sẽ có các giáo sư giả trong anh em; họ sẽ bí mật truyền bá các tà giáo nguy hại, lại chối bỏ Chúa là Đấng đã chuộc mình, nhanh chóng chuốc lấy cho mình sự diệt vong. <sup>2</sup> Nhiều người sẽ đi theo sự phóng túng của họ; vì họ mà con đường chân lý bị xúc phạm. <sup>3</sup> Vì lòng tham, họ dùng những lời lẽ dối trá để trục lợi anh em; án phạt dành cho họ từ lâu nay vẫn còn hiệu lực, và sự diệt vong dành cho họ chẳng hề ngơi nghỉ.

**2:1 " nhiều kẻ tiên tri giả "** Những tiên tri thật được trình bày trong 2 Phi-e-rơ 1:19-21. Cựu Ước đề cập đến những tiên tri giả khá thường xuyên (Phục Truyền 13:1-5, 18:19-22; 1 Các Vua 18:19, 22:từ câu 6; Giê-rê-mi 5:3, 23:9-18), cũng như Tân Ước (theo Ma-thi-ơ 7:15;24:11,24; Mác 13:22; Lu-ca 6:26; Công Vụ 13:6; 2 Phi-e-rơ 2:1; 1 Giăng 4:1; Khải Huyền 16:13; 19:20; 20:10). Hãy xem CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ BỘI ĐẠO (APHISTĒMI) tại 2 Phi-e-rơ 1:10.

▣ **" xuất hiện trong dân chúng "** Câu này chỉ đến dân sự Cựu Ước của Đức Chúa Trời. Chú ý sự song hành giữa hai mệnh đề (từ "trong" được lặp lại). Chú ý những tiên tri giả đến từ trong dân sự của Đức Chúa Trời, và không phải từ bên ngoài.

▣ **" các giáo sư giả "** Những gợi ý trong 2 Phi-e-rơ 2 chỉ ra rằng đây là những kẻ theo Trật Huệ Giáo chống luật pháp. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt: Trật Huệ Giáo tại 1 Phi-e-rơ 3:22.

▣ **" bí mật truyền bá "** Đây là từ ghép của từ *para* và *eisagō* có nghĩa rộng của "lén vào trong sát bên " (theo Ga-la-ti 2:4 và Giu-đe câu 4).

▣ **" các tà giáo nguy hại (mang sự hủy diệt) "** Từ "các tà giáo" (những sự chia rẽ) được sử dụng trong ba cách trong Tân Ước.

1. như một phái hoặc nhóm tôn giáo (theo Công Vụ 24:14; 26:5)
2. như những sự chia rẽ ở giữa Cơ Đốc Giáo (1 Cô-rinh-tô 11:19)
3. như những sự dạy dỗ trái ngược với (niềm tin) chính thống

Chúng thường là một sự pha lẫn của lẽ thật và sự sai trật. Thường, chúng phóng đại một vài lẽ thật để loại bỏ những lẽ thật theo Kinh Thánh khác hoặc một sự bóp méo, xuyên tạc liên hệ đến Thần Học Đấng Christ. Tà giáo luôn luôn đến từ trong mối tương giao Cơ Đốc (theo Ma-thi-ơ 7:15-23, 24:24; 1 Ti-mô-thê 4:1-5; 1 Giăng 2:18-25). Có thể xem một sự mô tả những hành động của họ trong (1) Những ý tưởng theo văn mạch phần E. và

(2) Ga-la-ti 5:19.

▣ **" lại chối bỏ Chúa (Chủ)"** Đây là một phân từ trung cách (biến thể) thì hiện tại (present middle (deponent) participle), vốn nói về một sự chối bỏ cá nhân liên tục Đấng Christ bởi những giáo sư giả. Từ này chỉ về việc chối bỏ Chúa Jesus cả bởi (1) thần học hoặc (2) đời sống (Giu-đe 4). Đây là cụm từ đầu tiên của bốn cụm từ mô tả (descriptive phrase) (2 Phi-e-rơ 2:1-3) về những giáo sư giả chối bỏ Chúa (Chủ) bởi

1. những hành động và niềm tin
2. những phương cách vô luân của họ
3. sự tham lam của họ
4. sự tự lừa dối chính mình của họ

Danh hiệu "thầy" chính là từ *despotēs*, vốn có nghĩa là "chúa" hoặc "chủ." Nó được sử dụng cho những chủ nô lệ (1 Ti-mô-thê 6:1,2; Tít 2:9; 1 Phi-e-rơ 2:18).

Thật thú vị khi chú ý rằng từ "chủ" thường được sử dụng cho Đức Chúa Cha (theo Lu-ca 2:29; Công Vụ 4:24 [được trích trong bản LXX của Xuất 20:11 hoặc Thi 146:6]). Tuy nhiên, nó cũng có thể được dùng cho Christ (2 Ti-mô-thê 2:21; Giu-đe câu 4; Khải Huyền 6:10). Ở đây có một danh xưng khác của Cha được chuyển giao cho Con để khẳng định Thần Tính của Ngài.

▣ **" Đấng đã chuộc mình "** Đây là một phân từ chủ động thì bất định (aorist active participle). Câu này có vẻ, giống với 2 Phi-e-rơ 2:20-22, ngụ ý rằng họ đã một lúc nào đó trong quá khứ được cứu, nhưng không phải bây giờ! Đây là một sự chỉ đến (1) sự giải cứu dân sự Ngài của YHWH trong Cựu Ước hoặc (2) hành động cứu chuộc của Đấng Christ trong Tân Ước (theo Mác 10:45; Công Vụ 20:28; 1 Cô-rinh-tô 6:20; Ê-phê-sô 1:7; 1 Ti-mô-thê 2:6; Hê-bơ-rơ 2:9; 1 Phi-e-rơ 1:19; 1 Giăng 2:2; Khải Huyền 5:9). Trong Tân Ước việc mua lại một ai đó từ trong hoàn cảnh nô lệ (chuộc hoặc cứu chuộc) chỉ về sự giải cứu thuộc thể. Thường trong Tân Ước nó chỉ về sự cứu rỗi. Trong Cựu Ước, việc bán một ai đó vào tay của những kẻ thù của họ chỉ về sự đoán phạt.

Bản NJB có một cách dịch thú vị "Đấng đã mua cho họ sự tự do." Có vẻ họ đã thấy văn mạch (2 Phi-e-rơ 2:2-3) trong sự liên hệ với những tín đồ là những người đã sống những đời sống vô luân (không giống với Đức Chúa Trời) và mang đến sự chỉ trích trên Đấng Christ và Cơ Đốc Giáo. Điều này nếu vậy sẽ chỉ đến những tín đồ đã chết sớm bởi vì đời sống vô luân và sự ảnh hưởng diệt vong của họ.

▣ **" nhanh chóng chuộc lấy cho mình sự diệt vong "** không có tín đồ nào trong thế kỷ thứ nhất sẽ hỏi câu hỏi này, nhưng những tín đồ thời hiện đại hỏi câu hỏi này rất nhiều, đặc biệt liên quan đến nhóm quan điểm của họ về sự đảm bảo chắc chắn! Một số người liên hệ cụm từ với "YHWH" hoặc "dân sự," vốn khi đó sẽ chỉ đến Cuộc Xuất Hành (Thời Kỳ Lang Thang Trong Hoang Mạc).

Câu hỏi thật sự là, "Những người giảng dạy tà giáo có thật sự đã từng được cứu?" Tôi tin rằng những tín lý trong Kinh Thánh được ban theo cặp biện chứng hoặc nghịch lý, vốn là một đặc điểm của văn học Cận Đông. Những độc giả và những nhà giải kinh phương tây hiện đại có khuynh hướng giả định hóa và tách khỏi văn mạch những câu Kinh Thánh. Tôi khẳng định chắc chắn sự an ninh của những tín đồ, nhưng tôi càng lúc càng không thoải mái với (khái niệm) "một khi được cứu, luôn luôn được cứu" bởi những phần Kinh Thánh như ở đây.

Sự an ninh được xác chứng (không phải dựa trên nền tảng) bởi một đời sống tin kính (giống Chúa) (theo Gia-cơ và 1 Giăng). Các Cơ Đốc Nhân tranh chiến và phạm tội, nhưng họ tiếp tục tin cậy nơi Đấng Christ và đáp ứng (đôi khi chậm chạp) với sự sửa dạy của Thánh Linh.

Tuy nhiên, Ân Dụ về Các Loại Đất (Ma-thi-ơ 13) và những người đầy năng nổ, nhưng hư mất, cuồng tín của Ma-thi-ơ 7:15-27, đảm bảo với tôi rằng vẫn tồn tại những sự công bố đức tin giả mạo (2 Phi-e-rơ 2:20-22; 1 Giăng 2:18-19).

Những giáo sư giả đã gây ra và vẫn đang gây ra một sự hỗn độn nghiêm trọng trong hội thánh. Trong 1 Giăng có một vài sự kiểm tra những tín đồ chân thật.

1. sự nguyện ý tuyên xưng đức tin (1 Giăng 1:5; 2:22)
2. lối sống thuận phục (1 Giăng 2:3-6)
3. lối sống yêu thương (1 Giăng 2:7-11)
4. đắc thắng trên điều ác (1 Giăng 2:12-14)
5. bỏ rơi thế gian (1 Giăng 2:15-17)



6. kiên trì đứng vững (1 Giăng 2:19)

7. tín lý (1 Giăng 2:20-24)

Phi-e-rơ cũng liệt kê ra những hành động không tương thích của những giáo sư giả (hãy xem phần Những Ý Tưởng Theo Văn Mach, phần E). Nếu điều này là đúng rằng phúc âm là một (1) người (Đấng); (2) một thông điệp về người ấy; và (3) một đời sống bất chước theo người ấy, thì những giáo sư giả đã vi phạm cả ba. Có thể nào một người được "mua" bởi Chúa Jesus và lại chối Chúa Jesus? Đây chính là vấn đề. Sự Cứu Rỗi là miễn phí cho tất cả những ai đáp ứng trong sự ăn năn, đức tin, vâng phục và kiên trì đứng vững. Nhưng sự trưởng thành chính là một sự môn đồ hóa trả giá bằng tất cả mọi điều. Chúng ta phải bám chặt lấy những lẽ thật theo Kinh Thánh này. Những tín lý đên trong những cặp đồ đây sự căng thẳng bởi vì Cơ Đốc Giáo không chỉ là một hệ thống thần học theo Kinh Thánh (Rô-ma 6), nhưng là một sự tranh đấu hàng ngày (theo Rô-ma 7) cho sự tin kính (trở nên giống như Đức Chúa Trời). Sự Cứu Rỗi chính là một mối quan hệ, chứ không phải là một quyết định bị tách rời!

**2:2 " Nhiều người sẽ đi theo "** Ôi, bi kịch của sự dẫn dắt nhiều người đi lầm lạc (theo Ma-thi-ơ 18:6-7). Phi-e-rơ sử dụng từ ghép này thường xuyên (2 Phi-e-rơ 1:16; 2:2,15,21; Ma-thi-ơ 18:6).

<b>NASB</b>	"sự tham dục của họ "
<b>NKJV</b>	"những con đường hủy diệt của họ "
<b>NRSV</b>	"những cách dâm loạn của họ "
<b>TEV</b>	"những cách vô luân của họ"
<b>NJB</b>	"hành vi trụy lạc của họ "

Thuật ngữ *aselgeia* có thể được dịch là "sự dâm loạn," "sự trụy lạc," hoặc " sự tham dục," ngụ ý của hành động tình dục quá-giới-hạn (2 Phi-e-rơ 2:2,7,18; 1 Phi-e-rơ 4:3; Giu-đe 4). Nó thường xuyên được bao gộp vào trong danh sách những tội lỗi của một xã hội ngoại giáo (Rô-ma 13:13; 1 Cô-rinh-tô 12:21; Ga-la-ti 5:19).

▣ **" vì họ mà con đường chân lý bị xúc phạm "** Cách các tín đồ sống là quan trọng then chốt. Họ cần phải phản chiếu những đặc tính mang tính chất gia đình của Đức Chúa Trời (đức tin nơi Chúa Jesus phục hồi hình ảnh của Đức Chúa Trời nơi nhân loại, 1 Ti-mô-thê 6:1; Tít 2:5).

▣ **" con đường chân lý "** "Con Đường (Đạo)" đã là tên đầu tiên được dùng cho những Cơ Đốc Nhân (theo Công Vụ 9:2; 18:25-26; 19:9,23; 22:4; 24:14,22). Nó phản ánh khái niệm Cựu Ước đức tin theo Kinh Thánh như một con đường được đánh dấu mà chúng ta phải đi theo (Thi 119:105; Pro. 6:23). Cụm từ này chỉ về thông điệp phúc âm. Rõ ràng một đời sống tin kính (giống như Đức Chúa Trời) là một khía cạnh không thể thiếu của sự cứu rỗi (Ê-phê-sô 1:4; 2:10).

▣ **"(sẽ) bị xúc phạm"** Những người ngoại đạo hiểu nhầm về những tín đồ và cáo buộc họ cho những sự thực hành vô luân. Những đời sống của những giáo sư giả lại càng đổ thêm vào những sự hiểu nhầm này.

**2:3 " Vì lòng tham "** Từ này có một nghĩa rộng tiêu cực trong cả Bản Bảy Mươi (Septuagint) và Tân Ước. Các giáo sư giả được mô tả bằng sự khao khát có thêm và thêm nhiều hơn nữa bằng bất cứ giá nào (2 Phi-e-rơ 2:14; Mi-chê 3:11; 1 Ti-mô-thê 6:5; Tít 1:11; Giu-đe 16). Từ này được sử dụng thường xuyên trong Tân Ước (theo Mác 7:22; Lu-ca 12:15; Rô-ma 1:29; 2 Cô-rinh-tô 9:5; Ê-phê-sô 5:3; Cô-lô-se 3:5; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:5; 2 Phi-e-rơ 2:3,14) bởi nó mô tả về bản chất tập chú vào (cái tôi) chính mình của nhân loại sa ngã. Điều này có thể chỉ đến những sự ham muốn tiền bạc, ham muốn tình dục, hoặc những vị trí của sự vinh dự (thầy giảng dạy) ở trong các hội thánh.

▣ **" (bóc lột anh em) họ (sẽ)... trụy lạc anh em "** Bản King James Version dịch từ này là "buôn bán (trụy lạc) trên anh em." Chúng ta có từ trong tiếng Anh "chợ, buôn bán (emporium)" xuất phát từ từ Hy Lạp này.

<b>NASB</b>	"với những lời giả dối "
<b>NKJV, NRSV</b>	"những lời lừa dối "
<b>NJB</b>	"những chuyện bịa đặt không đúng "

Tính từ đề cập đến một thứ bị uốn nắn hoặc nặn thành (Rô-ma 9:20). Chúng ta có từ trong tiếng Anh "plastic (chất dẻo)" từ thuật ngữ Hy Lạp này. Những giáo sư giả đã gây ra những nan đề từ bên trong cộng đồng đức tin và trong xã hội. Đời sống của họ đã mang lại sự chỉ trích trên phúc âm và những sự lừa dối đã xuyên tạc thông điệp của phúc âm.

▣ " **án phạt dành cho họ** " Luôn có những giáo sư giả ở giữa dân sự của Đức Chúa Trời. Họ đã bị định tội trong Cựu Ước (Phục Truyền 13:1-5,6-11,12-18). Sự đoán phạt tức thời, cũng như là lai thế của họ là chắc chắn và không bị trì hoãn (theo Ga-la-ti 6:7). Trong văn mạch này cả "sự đoán phạt" và "diệt vong" đều được nhân hóa.

Đây là một nguyên tắc thuộc linh. Đức Chúa Trời là luân lý-đạo đức và vì vậy thế giới tạo hóa của Ngài cũng phải như vậy. Con người đã phá vỡ chính họ theo tiêu chuẩn của Đức Chúa Trời. Chúng ta gặt những gì chúng ta gieo. Điều này là chính xác cho những tín đồ (nhưng không ảnh hưởng đến sự cứu rỗi) và những người không tin (Gióp 34:11; Thi 28:4; 62:12; Châm Ngôn 24:12; Truyền Đạo 12:14; Giê-rê-mi 17:10; 32:19; Ma-thi-ơ 16:27; 25:31-46; Rô-ma 2:6; 14:12; 1 Cô-rinh-tô 3:8; Ga-la-ti 6:7-10; 2 Ti-mô-thê 4:14; 1 Phi-e-rơ 1:17; Khải Huyền 2:23; 20:12; 22:12).

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 2 PHI-E-RO 2:4-10a

<sup>4</sup> Vì nếu Đức Chúa Trời chẳng dung thứ các thiên sứ khi họ phạm tội, nhưng ném vào hỏa ngục và giam giữ trong nơi tối tăm để chờ ngày phán xét; <sup>5</sup> nếu Ngài chẳng dung thứ thế gian xưa, nhưng dùng trận lụt lớn tiêu diệt thế giới vô đạo đó, chỉ giữ lại Nô-ê, người truyền giảng về sự công chính, và bảy người khác; <sup>6</sup> nếu Ngài đã đoán phạt các thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ, khiến họ ra đồng tro tàn để làm gương cho những kẻ muốn sống vô đạo đức; <sup>7</sup> và nếu Ngài đã giải cứu Lót, là người công chính rất đau buồn về cách sống phóng túng của những kẻ vô luân <sup>8</sup> (vì người công chính này sống giữa họ, ngày lại ngày linh hồn công chính của ông bị dằn vặt bởi những hành động vô luân của họ), <sup>9</sup> thì Chúa biết làm thế nào để giải cứu những người tin kính khỏi sự thử thách, và giữ kẻ bất chính dưới hình phạt cho đến khi phán xét, <sup>10</sup> nhất là những kẻ chiều theo dục vọng xấu xa của xác thịt, khinh dể quyền bính.

**2:4 "nếu"** Đây là một câu điều kiện bậc một (first class conditional) vốn thường được giả định là đúng từ quan điểm của tác giả hoặc cho mục đích văn học của ông. Từ này bắt đầu một câu được mở rộng vốn đi xuyên suốt đến câu 10a. Có thể rằng cấu trúc điều kiện được lặp lại dài đến mức này, đã ảnh hưởng đến câu trong tiếng Hy Lạp. Bản NRSV có một từ "nếu" trong 2 Phi-e-rơ 2:4,5,6,7; bản NIV có một từ "nếu" trong 2 Phi-e-rơ 2:4,5,6,7,9, nhưng nó chỉ xuất hiện duy nhất một lần trong bản tiếng Hy Lạp trong 2 Phi-e-rơ 2:4. Văn mạch này phác họa một chuỗi những sự đoán phạt Cựu Ước liên quan đến các thiên sứ.

▣ " **các thiên sứ khi họ phạm tội** " Câu này song hành với Giu-đe câu 6. Phần sau đây chính là phần bài viết của tôi trong quyển giải kinh của tôi của sách Gia-cơ và Giu-đe (Tập 11).

---

#### Những phần bài viết từ trong Quyển Giải Kinh sách Giu-đe

**Giu-đe 6 " Còn các thiên sứ không giữ vị trí, từ bỏ chỗ riêng của mình, thì Ngài dùng xiềng để giữ họ trong chỗ tối tăm cho đến kỳ phán xét trong ngày trọng đại "** Thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ, trong cùng một cách như những thiên sứ, đã nuông chiều theo sự vô luân gớm ghiếc và đi theo thú nhục dục kỳ quái. Cả hai đã bị phê bày như những tấm gương phải trải qua sự hình phạt của ngọn lửa đời đời.

**Giu-đe 6 "và những thiên sứ"** Câu này thêm những thiên sứ vào danh sách của ông cho những kẻ đã khởi đầu thờ phượng và sau đó đã nổi loạn chống nghịch lại và vì vậy đã bị hủy diệt hoặc đoán phạt. Nhưng là những thiên sứ nào? Một vài thông tin được đưa ra để mô tả về nhóm những thiên sứ cụ thể này:

1. họ đã không giữ vị trí
2. họ đã từ bỏ chỗ riêng của mình

3. họ sẽ bị giữ trong sự xiềng xích tối tăm đời đời cho đến ngày phán xét
4. "đã phạm tội" (2 Phi-e-rơ 2:4)
5. "sẽ bị quăng vào trong *Tartarus*" (2 Phi-e-rơ 2:4)
6. "sẽ bị quăng vào trong vực sâu của sự tối tăm định sẵn cho đến sự phán xét " (2 Phi-e-rơ 2:4) Những thiên sứ nào trong Cựu Ước đã nổi loạn và phạm tội?
  1. Những thiên sứ là những quyền lực đứng sau sự thờ phượng ngoại giáo
  2. Những thực thể thiên sứ nhỏ hơn, được gọi bằng những tên cụ thể của các quỷ trong Cựu Ước. Ví dụ: Lilith (yêu quái ban đêm (trong bản tiếng Việt)) (Ê-sai 34:14), A-xa-sên (Lê-vi Ký 16:8), và những quỷ dê (ma quỷ trong bản tiếng Việt) (Lê-vi Ký 17:7)
  3. "những con trai của Đức Chúa Trời" Trong Sáng Thế Ký 6 (thường được thảo luận trong những tác phẩm viết lai thể học trong thời kỳ giữa Tân Ước và Cựu Ước. I Enoch 86- 88; 106; I Enoch 7,18; I Baruch 56; Jubilees 5)
  4. Những thiên sứ được đề cập đến như một ví dụ từ một tác phẩm lai thể học Do Thái trong thời kỳ giữa Tân Ước và Cựu Ước (bởi sự sử dụng những sách khác thuộc thể loại này của Giu-đe trong Giu-đe câu 9, 14)

**NASB** "kẻ đã không giữ địa phận của mình "  
**NKJV** "kẻ đã không giữ địa phận thích đáng của họ "  
**NRSV** "kẻ đã không giữ vị trí của chính họ "  
**TEV** "kẻ đã không ở trong những giới hạn của thẩm quyền thích hợp của họ "  
**NJB** "kẻ đã không giữ thẩm quyền họ có "

Có một sự chơi chữ trên thì của động từ "giữ" trong 2 Phi-e-rơ 2:6. Các thiên sứ đã không giữ địa phận của họ (phân từ chủ động thì bất định (aorist active participle)) và vì vậy Đức Chúa Trời đã giữ họ trong chốn ngục tù cho đến ngày phán xét (thể chỉ định chủ động thì hoàn thành (perfect active indicative)). Những thiên sứ này là những kẻ đã vi phạm ý muốn của Đức Chúa Trời đã phải đối diện với cả sự đoán phạt tức thời và lai thể, cũng như những sự nổi loạn của Y-sơ-ra-ên trong suốt thời kỳ lang thang trong đồng vắng và những dân thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ.

Thuật ngữ "địa phận" chính là từ Hy Lạp *archē*, vốn có nghĩa là "sự khởi đầu" hoặc "khởi nguồn" của một điều gì đó.

1. Sự khởi đầu của trật tự được dựng nên (Theo Giăng 1:1; 1 Giăng 1:1)
2. Sự khởi đầu của phúc âm (theo Mác 1:1; Phi-líp 4:15)
3. Những sự chứng nhân đầu tiên (theo Lu-ca 1:2)
4. Những dấu lạ khởi đầu (những phép lạ, Theo Giăng 2:11)
5. Những nguyên lý khởi đầu (Hê-bơ-rơ 5:12)
6. Sự đảm bảo/ sự tin cậy đầu tiên (Hê-bơ-rơ 3:14)

Nó trở thành từ được sử dụng cho "luật lệ" hoặc "thẩm quyền "

1. Của những quan cai trị con người
  - a. Lu-ca 12:11
  - b. Lu-ca 20:20
  - c. Rô-ma 13:3; Tít 3:1
2. Của những thẩm quyền thiên sứ
  - a. Rô-ma 8:38 b. 1 Cô-rinh-tô 15:24
  - c. Ê-phê-sô 1:21; 3:10; 6:10
  - d. Cô-lô-se 1:16; 2:10,15

Những tiên tri giả này khinh thường mọi thẩm quyền, loài người và thiên sứ. Họ chính là những kẻ theo tư tưởng tự do phóng túng vô luật pháp. Họ đặt chính mình và những sự tham muốn trước nhất trước Đức Chúa Trời, các thiên sứ, cả thẩm quyền dân sự, và các lãnh đạo hội thánh.

**NASB** "nhưng bỏ rơi chỗ ở thích hợp của họ"  
**NKJV** "nhưng đã rời bỏ chính chỗ cư trú của họ"  
**NRSV** "nhưng đã rời bỏ nơi cư ngụ thích hợp của họ "  
**TEV** "nhưng đã bỏ rơi chỗ ở của chính họ "

## NJB "nhưng rời bỏ lãnh địa được chỉ định của họ "

Những thiên sứ này đã rời bỏ địa phận thiên đàng của họ và đến một nơi khác (trái đất). Điều này phù hợp với sự giải nghĩa mang tính chất thiên sứ của Sáng Thế Ký 6:1-4 rất tốt. Hành động này là một sự chối bỏ cố ý ý muốn và thẩm quyền của Đức Chúa Trời.

▣ **"trong xiềng xích đời đời"** Xiềng xích được dùng cho các thiên sứ trong I Enoch và Sa-tan bị xiềng với một "xiềng xích vĩ đại" trong Khải Huyền 20:1-2. Từ "đời đời" có thể có nghĩa là "đầy uy lực," "thích đáng," "chắc chắn," chứ không phải là sự đời đời theo nghĩa đen, bởi vì những thiên sứ này chỉ bị cầm giữ cho đến Ngày Phán Xét, khi những phương cách giam cầm khác sẽ được sử dụng (Khải Huyền 20:10,14-15). Điểm chính ở đây là, một vài thiên sứ giờ đây đang bị giam cầm, để kiểm soát những hành vi gian ác của họ.

▣ **" trong nơi tối tăm "** Từ *Tartarus* (không được sử dụng trong Giu-đe nhưng xuất hiện trong 2 Phi-e-rơ 2:4 và I Enoch 20:2) đã được sử dụng trong thần thoại Hy Lạp để chỉ về nơi giam cầm của những Titan, những kẻ khổng lồ nửa thần nửa người. Điều này phù hợp với sự giải nghĩa mang tính chất thiên sứ trong Sáng Thế Ký 6. I Enoch mô tả chỗ ở mới của những thiên sứ phản loạn này (I Enoch 10:5,12) như một nơi tối tăm đời đời. Thật khác biệt biệt bao với sự chói sáng thiên đàng (sự vinh hiển). Những ra-bi Do Thái phân *Sheol* thành "Thiên Đường" (cho người công chính) và *Tartarus* (cho người gian ác). Từ "vực sâu" (theo Lu-ca 8:3, Khải Huyền 9:1; 11:7; 20:3) là một từ đồng nghĩa với những ẩn dụ của bóng tối được sử dụng trong câu 13b.

▣ **"ngày phán xét (ngày lớn)"** Đây là một cách khác chỉ đến Ngày Phán Xét, ngày mà Đức Chúa Trời sẽ khiến tất cả các tạo vật cố ý thức phải chịu trách nhiệm cho món quà sự sống (Phi-líp 2:10-11; Ê-sai 45:23; Rô-ma 14:10-12).

### CHỮ ĐỀ ĐẶC BIỆT: "CÁC CON TRAI CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI" TRONG SÁNG THẾ KÝ ĐOẠN 6

- A. Đã có sự tranh cãi "gây cản" về việc xác định cụm từ "các con trai của Đức Chúa Trời"; có ba cách giải thích chính
  1. Cụm từ này ám chỉ đến dòng dõi tin kính của Sét (xem Sáng thế Ký 5, xem chú thích ở 4:14)
  2. Cụm từ này ám chỉ đến một nhóm thiên sứ
  3. Cụm từ này ám chỉ đến những vị vua hay bạo chúa thuộc dòng dõi Ca-in (xem Sáng thế Ký 4)
- B. Bằng chứng ý nghĩa cụm từ chỉ về dòng dõi của Sét
  1. Bối cảnh văn mạch ngay sau Sáng thế Ký 4 và 5 trình bày sự phát triển của dòng dõi nổi loạn của Ca-in và dòng dõi được lựa chọn của Sét. Theo đó, bằng chứng văn mạch dường như ủng hộ theo nghĩa dòng dõi tin kính của Sét.
  2. Các tu sĩ Do Thái Giáo đã chia rẽ về cách hiểu phân đoạn này. Có một số thì quả quyết rằng nó ám chỉ đến Sét (nhưng phần nhiều thì cho rằng chỉ đến các thiên sứ).
  3. Cụm từ "các con trai của Đức Chúa Trời" ở dạng số nhiều thường được dùng để chỉ những thiên sứ, ít khi dùng để nói về con người như trong:
    - a. Phục-truyền Luật-lệ Ký 14:1, "Các con trai của YHWH Đức Chúa Trời các người"
    - b. Phục-truyền Luật-lệ Ký 32:5 "Các con trai của Ngài"
    - c. Xuất 21:6; 22:8-9, (có lẽ là những Quan Xét người Lê-vi, Thi 82:1)
    - d. Thi Thiên 73:15, "Các con cái Ngài"
    - e. Ô-sê 1:10, "các con trai của Đức Chúa Trời Hằng Sống "
- C. Bằng chứng ý nghĩa cụm từ chỉ về các thiên sứ
  1. Đây là cách hiểu theo truyền thống phổ biến nhất về phân đoạn Kinh Thánh này. Trong bối cảnh tổng quát của sách Sáng thế Ký ủng hộ cho quan điểm này như là một dẫn chứng của quyền lực tội ác siêu nhiên cố gắng ngăn trở ý chỉ của Đức Chúa Trời dành cho con người (các tu sĩ Do Thái Giáo nói rằng là vì ganh tỵ với con người)

2. Cụm từ trong số nhiều được sử dụng hầu như cách tuyệt đối để chỉ các thiên sứ trong
  - a. Gióp 1:6
  - b. Gióp 2:1
  - c. Gióp 38:7
  - d. Đa-ni-ên 3:25
  - e. Thi Thiên 29:1
  - f. Thi Thiên 89:6,7

Các sách thuộc thời kỳ giữa hai giao ước như I Hê-nóc (xem I Hê-nóc 6:1-8:4; 12:4-6; 19:1-3; 21:1-10) và Jubilees 5:1, rất thông dụng với những tín hữu trong thời kỳ Tân Ước, cùng với quyển sách ngụ kinh Genesis Apocryphon trong các cuộn Biển Chết, đều giải thích đây là những thiên sứ nổi loạn

3. Bối cảnh kế tiếp trong chương 6 xem dường như ám chỉ rằng “các dũng sĩ là những người niên trưởng, nổi danh” xuất thân từ sự hòa trộn trái lẽ giữa những thứ tự của sự sáng tạo
  4. Bản Septuagint dịch cụm từ “các con trai của Đức Chúa Trời” là “các thiên sứ của Đức Chúa Trời”
  5. Sách I Hê-nóc thậm chí còn quả quyết rằng cơn lụt thời Nô-ê xảy đến là để hủy diệt sự kết hợp giữa thiên sứ với người này vì chúng chống nghịch với Đức Giê-hô-va và chương trình sáng tạo của Ngài (xem I Hê-nóc 7:1ff; 15:1ff; 86:1ff)
  6. Trong văn chương tiếng Ugaritic cụm từ “các con trai của Đức Chúa Trời” dùng để ám chỉ đến những đại diện trong pantheon (những thần linh cấp thấp)
- D. Bằng chứng ý nghĩa cụm từ chỉ về những vị vua hay bạo chúa
1. Có một vài bản dịch cổ ủng hộ cho quan điểm này
    - a. Targum of Onkelos (vào thế kỷ thứ hai sau Chúa) dịch cụm từ “các con trai của Đức Chúa Trời” là “các con trai của các bậc quyền quý”
    - b. Symmachus (vào thế kỷ thứ hai sau Chúa), trong bản dịch tiếng Hy Lạp của Cựu Ước, chuyển ngữ “các con trai của Đức Chúa Trời” thành “các con trai của các vua”
    - c. Chữ “*elohim*” được dùng chỉ những lãnh đạo dân Y-so-ra-ên (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 21:6; 22:8; Thi Thiên 82:1,6)
    - d. Chữ *nephilim* được sử dụng kết hợp với chữ *Gibborim* trong Sáng thế Ký 6:4; chữ *Gibborim* là từ chữ *Gibbor* có nghĩa “người dũng cảm, mạnh mẽ, giàu có hay quyền thế”
  2. Cách giải nghĩa này cùng với những chứng cứ trích dẫn từ quyển *Hard Sayings of the Bible*, trang 106-108.
- E. Những chứng cứ lịch sử ủng hộ cho cả hai cách lý giải
1. Cụm từ chỉ về dòng dõi Sét
    - a. Cyril of Alexander
    - b. Theodoret
    - c. Augustine
    - d. Jerome
    - e. Calvin
    - f. Kyle
    - g. Gleason Archer
    - h. Watts
  2. Cụm từ chỉ về những thiên sứ
    - a. Các tác giả của bản Septuagint
    - b. Phi-lô
    - c. Josephus (*Antiquities* 1:3:1)
    - d. Justin Martyr
    - e. Irenaeus
    - f. Clement of Alexandria
    - g. Tertullian
    - h. Origen

- i. Luther
- j. Ewald
- k. Delitzsch
- l. Hengstenberg
- m. Olford
- n. Westermann
- o. Wenham

F. Chữ “Nephilim” trong Sáng thế Ký 6:4 liên hệ như thế nào với “các con trai của Đức Chúa Trời” và “các con gái của loài người” trong Sáng thế Ký 6:1-2?

1. Có những người khổng lồ là con cái của những thiên sứ với con gái loài người (xem Dân số Ký 13:33).
2. Không có liên hệ gì. Những cụm từ này chỉ được nhắc đến đơn giản là để đề cập đến những sự kiện trong Sáng thế Ký 6:1-2 và cũng như sau đó.
3. R. K. Harrison trong quyển Introduction to the Old Testament, trang 557, có một trích dẫn khó hiểu như sau: “Để vượt mặt hoàn toàn những kiến giải sâu sắc vô giá về phương diện nhân chủng học trong mối tương quan hay sự liên hệ giữa Homo sapiens và những loài tiền- A-đam mà phân đoạn này đã đề cập là trách nhiệm mà những học giả đã được trang bị để đeo đuổi, nghiên cứu phải gánh nhận.”

Điểm này gợi ý cho tôi rằng tác giả (Harrison) nhìn nhận đây là hai nhóm đại diện cho những chủng có hình người khác nhau. Điều này có thể ám chỉ đến sự sáng tạo đặc biệt của A-đam và Ê-va (về sau), nhưng cũng nói đến sự phát triển tiến hóa của Homo erectus.

G. Nếu chỉ bình luận về quan điểm của người khác mà không trình bày cách hiểu của tôi về khúc Kinh Thánh gây nhiều băn khoăn thì thật là không công bình. Nhưng trước hết, tôi cần phải nhắc chung rằng khúc Kinh Thánh trong Sáng thế Ký thì vẫn tắt và tối nghĩa. Những độc giả trước tiên của Môi-se cần phải có những hiểu biết khác về lịch sử bổ sung thêm hoặc là Môi-se sử dụng những sự tương truyền ở dạng lời nói hay chữ viết có từ thời các Tổ phụ mà chính ông cũng không hiểu rõ, đầy đủ. Đây không phải là một vấn đề thần học trọng yếu. Chúng ta thường hay tò mò về những điều mà Kinh Thánh chỉ gợi ý cách mơ hồ. Sẽ rất là tai hại nếu xây dựng cả hệ thống thần học chỉ dựa trên khúc kinh văn tại đây cùng với những thông tin tương tự từ những phần Kinh Thánh rời rạc. Nếu sự hiểu biết này cần thiết cho chúng ta thì Đức Chúa Trời đã bày tỏ nó một cách rõ ràng hơn, đầy đủ hơn rồi. Riêng cá nhân tôi tin rằng ý nghĩa của cụm từ trên là chỉ đến cả các thiên sứ lẫn con người bởi vì:

1. Trong Cựu Ước cách dùng thích hợp cụm từ “các con trai của Đức Chúa Trời” là để chỉ các thiên sứ, mặc dù không phải là không có ngoại lệ.
2. Bản Septuagint (Alexandrian) vào cuối thế kỷ thứ nhất trước Chúa đã dịch “các con trai của Đức Chúa Trời” là “các thiên sứ của Đức Chúa Trời”
3. Quyển sách (mạo danh) I Hê-nóc thuộc thể loại văn chương (có thể được viết vào khoảng năm 200 trước Chúa) thì trình bày rất cụ thể rằng cụm từ trên ám chỉ đến các thiên sứ (xem các chương 6-7)
4. Mối liên kết thần học giữa II Phi-e-rơ 2 và Giu-đe về những thiên sứ đã phạm tội và không giữ thứ bậc. Theo tôi biết đối với một số người điều này dường như mâu thuẫn với Ma-thi-ơ 22:30. Các thiên sứ này không ở trên trời hay dưới đất nhưng bị giam giữ trong một nơi đặc biệt (Tartarus).
5. Tôi nghĩ rằng một lý do mà nhiều sự kiện trong Sáng thế Ký 1-11 (như câu chuyện sáng tạo, nước lụt, thiên sứ lấy vợ loài người) cũng xuất hiện một cách tương tự trong nhiều nền văn hóa khác là bởi vì trong giai đoạn đó tất cả loài người ở chung với nhau và cùng có chung một số hiểu biết về Đức Giê-hô-va. Nhưng sau sự tản lạc tại tháp Ba-bên, sự hiểu biết này bị sai lạc và biến đổi để trở nên thích nghi với khuôn mẫu đa thần. Có một ví dụ cho điều này là từ thần thoại Hy Lạp với câu chuyện những người khổng lồ nửa người, nửa siêu nhân được gọi là Titans bị giam cầm tại Tartarus cùng một chữ được dùng trong Kinh Thánh (xem II Phi-e-rơ 2) để chỉ nơi giam giữ những thiên sứ không giữ thứ bậc. Trong thần học của các tu sĩ Do Thái Giáo, Hades

được chia thành khu dành cho người công chính (thiên đàng) và khu dành cho kẻ gian ác (Tartarus).

NASB, NKJV, NRSV, TEV, NIV      "**Địa ngục**"  
 NJB    "**âm phủ**"  
 Weymouth                                    "**Tartarus**"

Hãy xem phần bài viết về "ở dưới sự tối tăm" trong những bài viết trong Giu-đe 6.

▣ "**vực sâu của sự tối tăm**" Từ *sirois* được thấy trong những bản thảo Hy Lạp Greek ông-xi-an cổ 8, A, B, và C. Bản King James Version dịch là "xiềng xích" (*seirais*), vốn tương tự với nghĩa của từ "gông cùm (xiềng xích)" (*demois*) trong Giu-đe 6, vốn được tìm thấy trong những bản thảo cổ trên giấy làm từ cây sậy P<sup>72</sup>, cũng hãy so sánh với I Enoch 10:12).

**2:5 " chẳng dung thứ thế gian xưa "** Câu này chỉ đến sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên những kẻ gian ác của nhân loại (theo Sáng Thế Ký 6:5,11-12,13; 8:21b). Sự đoán phạt bởi nước này được mô tả trong Sáng Thế Ký 6-9. Cùng một sự kiện này được đề cập đến trong 1 Phi-e-rơ 3:18-22.

▣ "**Nô-ê**" Một người và gia đình của ông "đã được ơn trong mắt của Đức Giê-hô-va" (Nô-ê, theo Sáng Thế Ký 6:8-9,18). Sự kiện này cũng được mô tả trong tác phẩm của Josephus *Antiquities of the Jews* 1.3.1; I Clement 7.6, 9.4; và Sibylline Oracles 1.128).

▣ "**người truyền giảng về sự công chính**" Cựu Ước không đề cập đến sự rao giảng của Nô-ê, nhưng những tài liệu truyền thống ra-bi Do Thái chắc chắn có nhắc đến (Jubilee 7:20-29; Sibylline Oracles 1.128-129).

▣ "**trận lụt**" Từ từ Hy Lạp này rút ra từ trong Tiếng Anh "cataclysm (con hồng thủy)." Theo I Enoch, đây là sự đoán phạt của Đức Chúa Trời trên sự quan hệ tình dục pha trộn giữa các giống loài con người/ thiên sứ trong Sáng Thế Ký 6:1-4.

**2:6 " các thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ "** Sự hủy diệt những thành phố tội ác này được mô tả trong Sáng Thế Ký 19:24-28. Các thiên sứ chính là phương cách của sự giải thoát dành cho Lót và gia đình của ông và, bởi sự ngụ ý, họ cũng liên hệ đến sự hủy diệt những thành thuộc khu vực đồng bằng này.

Câu này song hành với Giu-đe 7. Có vẻ rằng Nô-ê chính là ví dụ của sự đoán phạt bởi nước và Sô-đôm và Gô-mô-rơ chính là sự đoán phạt bằng lửa.

Tôi đã thêm vào những bài viết sau đây từ quyển giải kinh của tôi ở Giu-đe câu 7

### Những bài viết từ quyển Giải Kinh Giu-đe

**Giu-đe 7 " thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ "** Đây là ví dụ thứ ba của sự nổi loạn có liên hệ với những hành vi nổi loạn nằm ngoài chương trình được bày tỏ của Đức Chúa Trời về hôn nhân:

1. Sự thờ phượng phồn thực của Người Ca-na-an (thờ thần sinh sản và mùa màng) tại Si-tim (Dân Số Ký 25)
2. Nỗ lực của các thiên sứ cố gắng xáo trộn trật tự của thế giới được sáng tạo (theo Sáng Thế Ký 6:1-4; 2 Phi-e-rơ 2:4)
3. Hành vi đồng tính của Sô-đôm và Gô-mô-rơ hướng đến các thiên sứ (theo Sáng Thế Ký 19; 2 Phi-e-rơ 2:6)

▣ "**và các thành lân cận**" Những thành được liệt kê bằng tên trong Phục Truyền 29:23.

▣ "**giống như họ**" Đây là một đối cách (accusative) vốn liên hệ về mặt ngữ pháp với các thiên sứ (Giu-đe câu 6), chứ không phải "những thành lân cận." Có sự hoài nghi rằng Giu-đe sử dụng những sự minh họa Cựu Ước bởi vì các thiên sứ đã lấy các phụ nữ trong Sáng Thế Ký 6, và vì vậy các người nam cố gắng lấy những thiên sứ (theo Sáng Thế Ký 18:22; 19:1). Nếu như vậy, thì đây là một ví dụ khác của sự cố gắng để xáo trộn trật tự của thế giới được sáng tạo. Tuy nhiên, đối với tôi có vẻ như ở đây những cư dân Sô-đôm không biết rằng đây là

những thiên sứ và nghĩ rằng họ là những người nam (Sáng Thế Ký 18:22).

▣ " **những việc gian dâm và chạy theo tình dục không tự nhiên** " Đây là một sự chỉ đến "những dạng thú nhục dục (*heteros*)." Cụm từ này có vẻ liên hệ cả đến (1) các thiên sứ và những người phụ nữ theo Josephus trong *Antiquities of the Jews* 1:3:1 và (2) sự đồng tính (Rô-ma 1:26-27) đã quá thịnh hành trong khu vực Sô-đôm.

▣ " **thì đã bị hình phạt bằng lửa đời đời để làm gương** " Giu-đe sử dụng những ví dụ Cựu Ước của một sự cảnh cáo rõ ràng dành cho những độc giả của ông. Hãy cẩn thận với sự lạm dụng tình dục bởi bất kỳ ai.

Tân Ước phán rất rõ ràng về hình phạt đời đời (theo Ma-thi-ơ 25:41,46; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2:8-9; Khải Huyền 19:20; 20:11,14-115; 21:28; cũng như I Enoch 54:1). Chủ đề này khó để thảo luận bởi vì Kinh Thánh không cho nhiều thông tin về thiên đàng và địa ngục. Nó khẳng định về sự tồn tại của chúng, nhưng không bày tỏ thông tin cụ thể, thường mô tả chúng trong ngôn ngữ ẩn dụ (theo nghĩa bóng). Chúa Jesus dùng "trũng của con trai của Hin-nôm," vốn nằm ngay ở phía nam của Giê-ru-sa-lem và được sử dụng bởi người Y-sơ-ra-ên trong thời của Ma-na-se để thờ thần Mo-lóc, vị thần lửa của người Ca-na-an vốn đòi hỏi sự hiến tế trẻ con. Người Do Thái, xuất phát từ sự xấu hổ và ân hận bởi chính sự tham gia của họ trên những tập tục phồn thực này, đã biến địa điểm này thành một nơi đổ rác cho Giê-ru-sa-lem. Những ẩn dụ Chúa Jesus của lửa, khói, và sâu bọ, đến từ địa điểm này, Gehenna.

Địa điểm của sự đau khổ này được tạo nên không phải cho con người, nhưng những thiên sứ nổi loạn (theo Ma-thi-ơ 25:41). Sự gian ác ở mọi cấp độ sẽ bị loại bỏ và được tách khỏi thế giới tạo hóa của Đức Chúa Trời. Địa ngục chính là cách mô tả của Kinh Thánh về sự chia cắt vĩnh viễn này.

Trước khi tôi kết thúc chủ đề này hãy để tôi mô tả về sự đau đớn mà với nó tôi đã tiếp cận với chủ đề này. Đây chính là sự đau khổ duy nhất của Kinh Thánh mà không được cứu chuộc. Đây không phải là ý định của Đức Chúa Trời cho bất kỳ ai. Nó chính là hậu quả của một sự nổi loạn cố ý, liên tục bởi cả thiên sứ và con người. Nó chính là một vết thương mở rộng, chảy máu đau xót trong trái tim của Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ được chữa lành! Sự hữu ý của Đức Chúa Trời cho phép ý chí tự do giữa những tạo vật của Ngài dẫn đến những sự mất mát đau đớn, đời đời.

*The Jerome Biblical Commentary*, tập I, ở trang 379 đề cập đến sự mô tả của Giu-đe về sự hình phạt của những thiên sứ này là tương tự với I Enoch 10:4-6,11,13; 12:4; 15:3; 19:1. Điều này có vẻ xác quyết sự quen thuộc của Giu-đe với phần văn học lai thế Do Thái trong thời kỳ giữa Cựu Ước và Tân Ước này.

**2:7-8 " Lót, là người công chính "** Đây có thể là một sự ngụ ý chỉ đến (1) sách Do Thái ngoài Kinh Điển Sự Khôn Ngoan của Sa-lô-môn 10:6 hoặc (2) một tư liệu truyền thông ra-bi Do Thái. Lót đã than khóc về mặt thuộc linh bởi những hành động của những người gian ác đương thời với ông (một vài tư liệu truyền thống ra-bi Do Thái được phản ánh trong 2 Phi-e-rơ 2:8 và I Clem. 11:1) cũng như những độc giả của 2 Phi-e-rơ là bởi sự vô luân sai trật của những giáo sư giả.

Cả phần này là một dạng kiểu hình học Cựu Ước. Mọi điều xảy ra trong lịch sử của Y-sơ-ra-ên đã bị lặp lại trong thời của Phi-e-rơ.

**2:9** Đây là một kết luận của một câu kéo dài bắt đầu từ trong 2 Phi-e-rơ 2:4. Đức Chúa Trời sẽ giải cứu những kẻ thuộc về Ngài (Nô-ê, 2 Phi-e-rơ 2:5 và Lót, 2 Phi-e-rơ 2:7) và khiến những kẻ bất chính giải trình cho những hành vi của họ (thiên sứ và con người).

**2:10 " những kẻ chiều theo vọng xấu xa của xác thịt "** Câu này chỉ đến bản năng con người được ban cho bởi Đức Chúa Trời nhưng với những sự giới hạn cụ thể (tình dục con người, nhưng ở trong hôn nhân). Con người sa ngã đã nhận món quà của Đức Chúa Trời vượt quá những giới hạn của Đức Chúa Trời của họ cho những mục đích ích kỷ, cho mình là trung tâm (nhiều hơn và nhiều hơn nữa cho tôi bằng bất cứ giá nào).

▣ " **kinh để quyền bính** " Cụm từ này song hành với Giu-đe 8 trong nhiều cách.

**2 Phi-e-rơ 2:10**

**Giu-đe 8**



- |  |   |
|--|---|
| 1. Nuông chiều dục vọng xác thịt                   | 1. Làm ô uế xác thịt                            |
| 2. Khinh thường thẩm quyền                         | 2. Chối bỏ thẩm quyền                           |
| 3. Chửi rủa các thẩm thẩm quyền thiên sứ cao trọng | 3. Mắng nhiếc các thẩm quyền thiên sứ cao trọng |

Giu-đe rõ ràng đã chỉ đến các thiên sứ trong cụm từ này, nhưng 2 Phi-e-rơ có thể đã liên hệ nó rất tốt với 2 Phi-e-rơ 2:4 và một sự chỉ đến nghiêm trọng hơn đến sự chối bỏ Đấng Christ. Tôi đã thêm vào những bài viết của tôi trong Giu-đe 8.

## Những bài viết từ trong Quyển Giải Kinh Giu-đe

**Giu-đe câu 8 "Tuy nhiên, cùng một cách ấy"** Những giáo sư giả trong thời của Giu-đe đã có những điểm tương tự với những kẻ nổi loạn trong thời xưa. Bản chất chính xác của sự tương tự không được nêu cụ thể.

▣ **"những kẻ này"** Đây là cách của Giu-đe chỉ đến những giáo sư giả là những người đã xâm lược hội thánh (Giu-đe câu 8,10,12,14,16,19).

▣ **"trong giấc mơ"** Từ này được sử dụng cho những tiên tri giả Cựu Ước (Phục Truyền 13:1-5; Giê-rê-mi 23:25-32), những người đã công bố rằng họ có những sự mặc khải đặc biệt từ Đức Chúa Trời (theo Cô-lô-se 2:18).

▣ **"làm ô uế thân xác mình"** Đây là một cách sử dụng theo nghĩa bóng của từ "vấy bẩn." Có một khía cạnh vô luân rõ ràng đối với những sự dạy dỗ và/hoặc lối sống của họ. Mọi ví dụ Cựu Ước này đều liên hệ với những loại tội lỗi tình dục (2 Ti-mô-thê 3:từ câu 1; 2 Phi-e-rơ 2).

▣ **"chối bỏ thẩm quyền và nói phạm thượng đến các đấng vinh quang"** Có ba đặc tính của "những người này."

1. "làm ô uế xác thịt "
2. "chối bỏ thẩm quyền " (NASB, NKJV, NRSV) "khinh bỏ thẩm quyền của Đức Chúa Trời " (TEV) "coi thường Thẩm Quyền " (NJB)
3. "mắng nhiếc các bậc thiên sứ tôn trọng " (NASB) "nói điều gian ác đến những kẻ chức phận " (NKJV) "nói xấu những kẻ vinh hiển " (NRSV) "xúc phạm những ngôi vinh hiển trên cao " (TEV) "cũng xúc phạm những Bậc Vinh Hiển " (NJB)

Nó rõ ràng là điều đầu tiên cần giải quyết với những tội lỗi tình dục, nhưng còn điều thứ hai và thứ ba là gì? Sự định danh thứ hai, "chối bỏ bậc tôn trọng," được giải nghĩa trong ít nhất hai cách.

1. Từ Hy Lạp dùng cho "thẩm quyền" là *kuriotēa*, vốn liên hệ với từ "Chúa" (*kurios*); vì vậy một vài người liên hệ sự chối bỏ này (mặc dù các thể động từ là khác nhau) với sự chối bỏ Chúa Jesus trong Giu-đe câu 4 ("Đấng Chủ Tể và Chúa duy nhất của chúng ta, là Đức Chúa Jesus Christ")
2. Từ Hy Lạp được dùng cho "thẩm quyền" là *kuriotēta*, vốn liên hệ với từ *kuriotēs*, được sử dụng hai lần trong 2 Phi-e-rơ 2:10 (Ê-phê-sô 1:21; Cô-lô-se 1:16) để chỉ đến các thiên sứ

Trong văn mạch này có vẻ chỉ đến các thiên sứ, vì vậy mục số #2 phù hợp tốt nhất.

Sự định danh thứ ba sử dụng thuật ngữ Cựu Ước "vinh hiển" (*kabod*), vốn được dùng cho Đức Chúa Trời (Giu-đe 24,25; 2 Phi-e-rơ 1:3,17; 3:18) và mọi điều liên hệ với Đức Chúa Trời, đặc biệt trên thiên đàng hoặc sự sống (đời đời) sẽ đến. Trong trường hợp này, Giu-đe chọn lấy sự mở rộng trong thời kỳ giữa Cựu Ước và Tân Ước của khái niệm Cựu Ước này để chỉ đến các thực thể thiên sứ, những thực thể của quyền năng và thẩm quyền.

Điều này thậm chí có thể chỉ đến sự chối bỏ Luật Pháp Cựu Ước bởi vì Người Do Thái tin rằng các thiên sứ phục vụ như những nhân vật trung gian cho YHWH để ban Luật Pháp cho Môi-se trên Ngọn Si-nai (theo Công Vụ 7:35).

Điểm này chỉ về văn mạch của đời sống vượt ngoài giới hạn của những giáo sư giả "này" trong lĩnh vực của đạo đức và thẩm quyền. Danh sách của những đặc tính của những giáo sư giả vốn bắt đầu trong Giu-đe câu 1-4 được tiếp tục: (1) khinh thường thẩm quyền, 2 Phi-e-rơ 2:10; (2) giống như thú vật 2 Phi-e-rơ 2:12; (3) những kẻ tìm lạc thú, 2 Phi-e-rơ 2:13; (4) làm biến chất bữa tiệc yêu thương trong Giu-đe 13; (5) khiến những tín đồ

yêu đuổi phạm tội trong Giu-đe câu 14; và (6) hứa hẹn sự tự do nhưng họ là những nô lệ, Giu-đe 19.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 2 PHI-E-RO 2:10b-16**

**Bọn họ vốn lì lợm và kiêu căng, không sợ xúc phạm đến các bậc uy linh; <sup>11</sup> trong khi các thiên sứ, dù có sức mạnh và quyền năng hơn, cũng không dùng lời lẽ xúc phạm mà tố cáo các bậc đó trước mặt Chúa. <sup>12</sup> Nhưng, như những con thú vô tri, sống theo bản năng, được sinh ra để bị săn bắt và làm thịt, những người này xúc phạm cả đến những điều mà họ không biết, sẽ cùng bị diệt vong như thú vật, <sup>13</sup> và nhận tiền công cho hành vi bất chính của mình. Họ xem việc chèn chén giữa ban ngày là lạc thú. Họ là những dẫu dơ, vết bẩn, thích thú với đủ kiểu lừa dối khi ngồi ăn uống chung với anh em; <sup>14</sup> cặp mắt họ chứa đầy tư tưởng ngoại tình, phạm tội không biết chán. Họ dụ dỗ những người nhẹ dạ; tâm địa họ quen thói tham lam. Họ là những đứa con đáng nguyên rủa! <sup>15</sup> Họ đã bỏ con đường ngay thẳng nên bị lạc lối, đi theo con đường của Ba-la-am, con trai Bô-sô, là kẻ ham thích tiền công của tội ác. <sup>16</sup> Nhưng ông ta đã bị quả trách vì sự sai phạm của mình; một con lừa câm nói tiếng người đã ngăn cản sự điên rồ của nhà tiên tri đó.**

**2:10b "lì lợm (cả gan dám)"** (theo Mác 12:34; 15:43)

▣ "kiêu căng (chủ ý)" (Tít 1:7)

▣ "không sợ (họ không hề run sợ)" (theo Ma-thi-ơ 28:4; Lu-ca 8:47; Công Vụ 7:32; 1 Cô-rinh-tô 2:3).

Ba thuật ngữ đi trước này mô tả sự thiếu tôn trọng của những giáo sư giả đối với các quyền lực và thẩm quyền thuộc linh. Chúng có thể liên hệ với thần học mở rộng Trí Huệ giáo của các cấp bậc thiên sứ (*aeons*) và những tên bí mật của những thiên sứ này vốn cần thiết để vượt qua lãnh địa của họ một cách cố ý trên con đường đến với mối liên hệ với vị thần tối cao tốt lành.

NASB	"những bậc thiên sứ vĩ đại"
NKJV	"nói xấu về những chức sắc cao trọng"
NRSV	"nói hành những kẻ vinh hiển"
TEV	"không tôn trọng những kẻ vinh hiển trên cao"
NJB	"xúc phạm những bậc vinh hiển"

Hãy xem ghi chú trong phần trước đây từ Giu-đe về "những bậc vinh hiển" (*doxai*).

**2:11 "cũng không dùng lời lẽ xúc phạm mà tố cáo các bậc đó trước mặt Chúa"** Câu này song hành với Giu-đe 9, vốn có thể là một phần trích từ trong *The Assumption of Moses*. Nó liên hệ với một sự mâu thuẫn giữa Mi-ca-ên (Thiên Sứ Trưởng và thiên sứ bảo hộ của Y-sơ-ra-ên) và Sa-tan giành sau xác Môi-se (Phục Truyền 34:6).

Có một sự khác biệt bản thảo Hy Lạp trong cụm từ này.

1. trước Chúa (*para* với thuộc cách vị trí (locative), Ⲉ, B, C, K, P, cf. NASB, NKJV, TEV, NJB)
2. từ Chúa (*para* với thuộc cách công cụ (ablative), P<sup>72</sup>, cf. NRSV)

**2:12** Câu này song hành với Giu-đe câu 10. Giu-đe câu 9 mô tả sự chạm trán của Mi-ca-ên với Sa-tan. Câu này trong 2 Phi-e-rô và Giu-đe câu 10 mô tả cách các giáo sư giả phản ứng lại với các thẩm quyền và quyền lực thiên sứ

1. họ hành động như những thú vật không có ý thức
2. họ là những tạo vật với bản năng của loài vật

Những gì họ biết (và cách hành động của họ như thế nào) sẽ tiêu diệt họ.

▣ "sự hủy diệt (trong bản tiếng Anh). . . cùng bị diệt vong" Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt dưới đây.

**CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: HỦY PHÁ, LÀM HOANG TÀN, HƯ HỎNG (*phtheirō*)**

Ý nghĩa căn bản của động từ *phtheirō* có nghĩa Hủy phá, làm tan hoang, làm hư hỏng. Ví dụ như:

1. Tan hoang tài chính (thiệt hại, có thể trong II Cô-rinh-tô 7:2)

2. Hủy phá thuộc thể (xem I Cô-rinh-tô 3:17a)
3. Hư hỏng đạo đức (xem Rô-ma 1:23; 8:21; I Cô-rinh-tô 15:33,42,50; Ga-la-ti 6:8; Khải Huyền 19:2)
4. Cám dỗ tình dục (xem II Cô-rinh-tô 11:3)
5. Diệt vong đời đời (xem 2 Phi-e-rơ 2:12,19)
6. giáo huấn, hủ tục băng hoại của người (xem Cô-lô-se 2:22; I Cô-rinh-tô 3:17b)

Nhiều lúc thuật ngữ này được sử dụng trong ngữ cảnh phản diện, (negated opposite) (xem Rô-ma 1:23; I Cô-rinh-tô 9:25; 15:50,53). Xin để ý sự song hành giữa thân thể trần thế thuộc thể và thân thể thiên thượng đời đời.

1. hư hoại và không thể hư hoại I Cô-rinh-tô 15:42,50
2. ô nhục và vinh hiển I Cô-rinh-tô 15:43
3. yếu đuối và hùng mạnh I Cô-rinh-tô 15:43
4. cơ thể tự nhiên và cơ thể thuộc linh I Cô-rinh-tô 15:44
5. A-đam thứ nhất và A-đam cuối cùng, I Cô-rinh-tô 15:45
6. hình ảnh trần thế và hình ảnh thiên thượng, I Cô-rinh-tô 15:49

**2:13 "(chịu khổ cách sai trật như là sự) nhận tiền công cho hành vi bất chính của mình "** Đây là một cấu trúc ghép không thường xuyên, vốn là (1) một thành ngữ hoặc (2) một cách chơi chữ (*adikoumenoi*, có nghĩa là "chịu khổ cách sai trật" và *adikias*, được dịch là "của sự sai trật").

▣ "**(bộc lộ ra) giữa ban ngày** " Sự khoe khoang những hành động của họ cho tất cả mọi người cùng thấy. Cụm từ này và cụm từ cuối của 2 Phi-e-rơ 2:12 nói lên cùng một điều.

NASB	"vấy bẩn và tì vết "
NKJV	"tì vết và bị khuyết tật"
NRSV	"vết nhơ và khuyết tật "
TEV	"một sự xấu hổ và ô nhục"
NJB	"những vết nhơ xấu xí "

Từ đầu tiên *spilas* (và thể của nó) có hai nghĩa riêng biệt: (1) nguyên gốc nó chỉ đến những mối nguy hiểm không được nhìn thấy, theo nghĩa đen, bị che giấu hoặc những tảng đá ngầm cạn (Giu-đe 12) và (2) những tì vết hoặc vết nhơ (Ê-phê-sô 5:27; Gia-cơ 3:6; 2 Phi-e-rơ 2:13; Giu-đe câu 23).

Từ thứ hai trong một cách là từ đồng nghĩa. Nó sử dụng nghĩa bóng của "sự tì vết" hoặc "vết nhơ." Cả hai đều chỉ đến sự vô luân của những giáo sư giả về tình dục đang rình mò trên những tín đồ tại những bữa tiệc yêu thương Cơ Đốc (bữa ăn Lễ Tiệc Thánh).

NASB	"khi họ chèn chén với anh em "
NKJV, NRSV	"khi họ dự tiệc với anh em "
TEV	"tham dự trong những bữa ăn của anh em "
NJB	"ngay cả khi họ đang chia sẻ tại bàn của anh em "

Câu này song hành với Giu-đe 12. Bữa tiệc chỉ đến được gọi là "Bữa Tiệc Yêu Thương" (I Cô-rinh-tô 11:17-22), vốn là một Lễ Tiệc Thánh cộng đồng của cộng đồng đức tin.

**2:14 " cặp mắt họ chứa đầy tư tưởng ngoại tình "** Họ nhìn mọi người nữ tại bàn của Đấng Christ như là những đối tượng tình dục. Những giáo sư giả này đã mang tính cách lạm dụng tình dục (2 Phi-e-rơ 2:2,10,14,18). Những ra-bi cho biết rằng những đôi mắt chính là những cánh cửa sổ của linh hồn. Tội lỗi bắt đầu từ trong suy nghĩ cuộc sống. Những cặp mắt giáo sư giả này không bao giờ nghỉ!

▣ "**dụ dỗ những người nhẹ dạ**" Họ rình mò và gài bẫy những tín đồ yếu đuối hoặc mới (tin Chúa) (theo Ma-thi-ơ 18:6; 2 Ti-mô-thê 3:6).

▣ "**tâm địa họ quen thói tham lam** " Đây là một phân từ thụ động hoàn thành (perfect passive participle). Chúng ta có từ trong tiếng Anh "gymnasium (phòng tập thể thao)" từ thuật ngữ này. Họ thường xuyên được huấn luyện để có thể lây thêm và thêm nữa cho họ với bất cứ giá nào! Hãy xem CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: TÂM LÒNG tại Mác 2:6.

<b>NASB</b>	<b>"những con bị định tội "</b>
<b>NKJV</b>	<b>"và là những con bị định tội "</b>
<b>NRSV</b>	<b>"những con bị định tội "</b>
<b>TEV</b>	<b>"Họ ở dưới sự rửa sả của Đức Chúa Trời "</b>
<b>NJB</b>	<b>"Họ ở dưới một sự rửa sả "</b>

Đây là một thành ngữ Hê-bơ-rơ (Ê-phê-sô 2:3). Họ bày tỏ những phẩm chất và xác định tính cách của cha của họ, Ma Quỷ. Sự tích cực trái ngược với thành ngữ là "các con vâng phục" của 1 Phi-e-rơ 1:14!

**2:15 " bỏ con đường ngay thẳng "** Cụm từ này phản ánh thành ngữ Hê-bơ-rơ dùng cho "tội lỗi" (NRSV, TEV, NJB). Sự công chính được mô tả như là một lối đi hoặc một con đường. Khững kẻ tin kính đi theo lối đi đó (Thi 119:105; Châm Ngôn 6:23). Mọi sự chệch hướng khỏi con đường đều là tội lỗi.

▣ **" nên bị lạc lối "** Từ "lạc" chính là từ tiếng Anh của chúng ta "hành tinh," vốn có nghĩa là kẻ lang thang." Cụm từ này song hành với Giu-đe 13.

▣ **" con đường của Ba-la-am "** Cùng một sự kiện Cựu Ước được đề cập đến trong Giu-đe câu 11. Nó được ghi chép lại trong Dân Số Ký 22-25; 31:8,16. Cũng như Ba-la-am khao khát tiền bạc, thì các tiên tri giả cũng vậy (tham lam, 2 Phi-e-rơ 2:14).

<b>NASB, NKJV, TEV</b>	<b>"Beor"</b>
<b>NRSV, NJB</b>	<b>"Bosor (Bô-sô)"</b>

Cách đọc thứ nhất từ trong Bản Bảy Mươi (Septuagint) của Dân Số Ký 22 và được đọc trong bản MS B. Cách đọc thứ hai được thấy trong MSS P<sup>72</sup>, x<sup>2</sup>, A<sup>c</sup>, C, và UBS<sup>4</sup> đánh giá nó một điểm "A" (chắc chắn). Tuy nhiên, không có ví dụ nào của tên này ở bất cứ chỗ nào khác.

**2:16 " một con lừa câm nói tiếng người "** Câu này chỉ đến Dân Số Ký 22:24 và 31, một câu Kinh Thánh Cựu Ước liên quan đến một thiên sứ.

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 2 PHI-E-RO 2:17-22**

<sup>17</sup> Họ là những dòng suối không có nước, những đám sương mù bị bão cuốn đi; sự tối tăm mờ mịt đã dành cho họ. <sup>18</sup> Vì họ nói những lời khoe khoang rỗng tuếch, dùng những tham muốn đòi bại của xác thịt mà dụ dỗ những người vừa thoát khỏi tay những kẻ sống trong lầm lạc. <sup>19</sup> Họ hứa đem tự do đến cho người khác, nhưng chính mình lại làm nô lệ cho sự băng hoại; vì bất cứ điều gì đánh bại được một người thì người ấy trở thành nô lệ cho điều đó. <sup>20</sup> Vì nếu nhờ sự nhận biết Chúa và Cứu Chúa chúng ta là Đức Chúa Jê-sus Christ mà họ đã thoát khỏi sự ô uế của thế gian, nhưng nay lại bị lôi cuốn và phải quy phục những điều đó một lần nữa, thì tình trạng cuối cùng của họ còn tệ hại hơn lúc đầu. <sup>21</sup> Thà họ không biết con đường công chính còn hơn là đã biết mà còn quay lưng lại với điều răn thánh đã được truyền dạy cho mình. <sup>22</sup> Điều xảy đến cho họ thật đúng với câu tục ngữ: "Chó liếm lại đờ nó đã mưa" và "Heo tắm sạch, lại lăn lóc trong vũng bùn."

**2:17 " những dòng suối không có nước "** Cụm từ này song hành với Giu-đe 12. Chúng có sự hứa hẹn của sự phước hạnh (nước), nhưng đã mang đến chỉ có sự chết.

▣ **" sự tối tăm mờ mịt đã dành cho họ "** Cụm từ này nguyên văn là "sự tối tăm dày đặc của bóng tối " (2 Phi-e-rơ 2:4; Giu-đe 6,13). Động từ này là một thể chỉ định thụ động hoàn thành (perfect passive indicative) ngụ ý một sự đoán phạt và giam cầm vĩnh viễn bởi Đức Chúa Trời.

Cụm từ này cũng song hành với Giu-đe 13. Nó là một ẩn dụ sử dụng bóng tối của sự hình phạt đời đời (theo Ma-thi-ơ 8:12; 22:13; 25:30 và I Enoch 10:4-5; 63:6).

2:18

NASB "nói ra những lời kiêu ngạo của sự hư không "  
NKJV "nói những lời khoa trương to lớn của sự trống rỗng "  
NRSV "nói những sự vô nghĩa khoa trương "  
TEV "đưa những tuyên bố kiêu ngạo và ngu xuẩn "  
NJB "nói những lời khoa trương nhưng trống rỗng "

Câu này song hành với 2 Phi-e-rơ 2:17 và Giu-đe 12-13,16. Chúng xuất hiện có vẻ thuộc linh và đầy lẽ thật, nhưng nó là một sự giả dối, một sự lừa dối.

NASB "họ dụ dỗ bằng sự khao khát nhục dục "  
NKJV "họ quyến rũ bằng những thèm muốn nhục dục của xác thịt, thông qua sự phóng túng, dâm loạn "  
NRSV "với những khao khát dâm loạn của xác thịt, họ dụ dỗ "  
TEV "dụng những cơ thể đòi bại để gài bẫy "  
NJB "họ cám dỗ. . . bằng cách thực hành những sự thèm muốn trái trật tự của bản chất con người và trụy lạc của họ "

Điều này một lần nữa chính là những khía cạnh tình dục của những giáo sư giả. Họ chính là những sự sai trật không chỉ về khía cạnh thần học mà thôi, nhưng còn trên khía cạnh luân lý.

NASB "những kẻ chỉ trốn thoát "  
NKJV "những kẻ thực chất đã trốn thoát "  
NRSV "những người vừa mới trốn thoát "  
TEV "những kẻ vừa mới bắt đầu trốn thoát "  
NJB "những người chỉ vừa mới trốn thoát "

Có một sự khác biệt bản thảo Hy Lạp trong cụm từ này.

1. *oligōs*, có nghĩa là "hầu hết" (MSS P<sup>72</sup>,  $\kappa$ <sup>2</sup>, A, B, và những bản dịch Vulgate; Syriac, và Coptic)

2. *ontōs*, có nghĩa là "thật" hoặc "thực chất" (MSS  $\kappa$ <sup>\*</sup>, C, và những bản dịch Armenian và Slavonic). Yếu tố thần học chính là những tín hữu này đã bị dẫn dắt đi lạc (NKJV, NRSV, NIV) hoặc họ đã gần như là tín đồ (NASB, NRSV [phần ghi chú cuối trang], TEV)? Văn mạch của 2 Phi-e-rơ 2:20-21 chắc chắn ngụ ý rằng họ đã là những thánh đồ (câu điều kiện bậc một (first class conditional sentence)).

**2:19 "hứa đem tự do đến cho người khác "** Những giáo sư giả này hứa hẹn sự tự do trong hai nghĩa: (1) một sự tự do thần học dựa trên kiến thức bí mật về những lãnh vực thiên sứ và (2) một sự tự do khỏi một sự cầm giữ (ngăn cấm) dựa trên sự cứu rỗi chỉ liên quan đến sự đạt được về mặt tri thức (chủ nghĩa tự do phóng túng hoặc trí tuệ giáo vô luật pháp).

Phao-lô thúc giục các thánh đồ không được sử dụng sự tự do của họ như là một giấy phép để phạm tội (theo Ga-la-ti 2:16), cũng như là Phi-e-rơ (1 Phi-e-rơ 2:16). Sự tự do luôn luôn là trái cấm. Sự tự chủ (tiết độ) là một dấu chỉ của sự trưởng thành thuộc linh (theo Ga-la-ti 5:23). Đây không phải trong nghĩa Stoic của sự tự làm chủ trên bản thân mình, nhưng là một nghĩa Cơ Đốc của một tín đồ chịu đầu phục đối với Đức Thánh Linh sống bên trong và làm theo, biến đổi chính họ theo sự mặc khải của Đức Chúa Trời (Tân Ước). Câu hỏi thật sự ở đây là ai hoặc cái gì đang kiểm soát và/hoặc bày tỏ (những đặc điểm của) đời sống của chúng ta?

▣ " **sự băng hoại** " Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại 2 Phi-e-rơ 2:12.

**2:20 "nếu"** Đây là một từ điều kiện bậc một (first class conditional) vốn giả định là đúng từ quan điểm của tác giả hoặc cho những mục đích văn học của ông. Điều này ngụ ý rằng những nạn nhân của 2 Phi-e-rơ 2:18 chính là những tín đồ.

▣ " **họ đã thoát khỏi sự ô uế của thế gian** " Đây là một phân từ chủ động thì bất định (aorist active participle), vốn ngụ ý về một hành động hoàn tất (sự tuyên xưng đức tin của họ nơi Đấng Christ). Phúc âm đã phóng thích

họ khỏi quyền lực của bản chất sa ngã (Rô-ma 6).

▣ " **nhờ sự nhận biết Chúa** " Đây là từ *epignōskō*, vốn có nghĩa rộng của kiến thức trải nghiệm trọn vẹn (2 Phi-e-rơ 1:2). Những phương cách của sự cứu rỗi của họ chính là phúc âm vốn là một người (một Đấng), lẽ thật về người đó, và một lối sống giống như người đó. Các giáo sư giả đã vi phạm cả ba!

▣ " **nhưng nay lại bị lôi cuốn và phải quy phục** " Thể động từ đầu tiên là một phân từ thụ động thì bất định (aorist passive participle), trong khi thể động từ thứ hai là một dạng chỉ định thụ động thì hiện tại (present passive indicative). Chú ý thể bị động (passive voice), vốn hàm ý về một nhân tố bên ngoài (những giáo sư giả hoặc là ma quỷ). Văn mạch tức thời định nghĩa sự mắc bẫy ở đây như là những sự thêm muốn nhục dục và xác thịt. Để xem một bài thảo luận hay về câu này hãy xem quyển *Hard Sayings of the Bible*, ở trang 729-730. Tôi hoàn toàn tán thành với sự đánh giá của họ.

▣ " **tình trạng cuối cùng của họ còn tệ hại hơn lúc đầu** " Câu này có thể chỉ đến (1) các tân tín hữu (2 Phi-e-rơ 2:14b, 18b, 21) hoặc (2) các giáo sư giả (2 Phi-e-rơ 2:17, 18a). Cùng một sự mơ hồ tối nghĩa liên hệ với 2 Phi-e-rơ 2:19.

**2:21** Làm thế nào để tình trạng của họ có thể tệ hơn? (1) Họ trở nên miễn nhiễm với đức tin chân thực. Họ giống như Hê-bơ-rơ 2:1-4; 6:4-6 và 10:26-31 (những kẻ không tin ở trong sự hiện diện của ánh sáng vĩ đại); (2) Câu này có thể chỉ đến lối sống chứng nhân của những tín hữu yếu đuối hoặc mới mẻ đã bị mất đi hơn là (nói đến) sự cứu rỗi cá nhân của họ. Có một trận chiến cam go giữa những bản chất cũ và mới (Rô-ma 7), cả trước sự cứu rỗi và ngay cả sau đó.

▣ " **con đường công chính** " Cụm từ này chỉ đến phúc âm, cũng như "mạng lệnh thánh khiết" trong 2 Phi-e-rơ 2:21 và "kiến thức về Chúa (sự nhận biết Chúa)" trong 2 Phi-e-rơ 2:20 (2 Phi-e-rơ 3:2).

**2:22** " **đúng với câu tục ngữ** " Câu tục ngữ về chó từ trong bản MT, không có trong bản LXX của Châm Ngôn 26:11. Câu tục ngữ về một con lợn (thiến) có nguồn gốc từ trong quyển sách tiếng A-ram: sách khôn ngoan của Ahikan (8:18), vốn rất nổi tiếng đối với người Do Thái trong thời nô lệ A-si-ri. Ahikan được nhắc đến trong quyển sách Do Thái *Tobit* như một người khôn ngoan đến từ một trong mười bộ tộc phía bắc. Truyền thống Do Thái cho rằng ông đã lên trở thành một quan cai trị cao cấp (giống như Đa-ni-ên) trong suốt thời của San-chê-ríp và E-sạt-ha-đôn. Những giáo sư giả này nhìn có vẻ như họ là những tín đồ (những người khôn ngoan), nhưng những hành động của họ bày tỏ rằng nó chỉ là sự thay đổi bề mặt bên ngoài và không có sự ăn năn thật (Ma-thi-ơ 7 and 13).

## NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Có phải những giáo sư là những Cơ Đốc Nhân thật? (2 Phi-e-rơ 2:1)
2. Họ có phải là những người đi theo những Cơ Đốc Nhân?
3. Hãy liệt kê những đặc tính của những giáo sư giả này.
4. Tại sao việc nói về những thiên sứ lại rất quan trọng trong đoạn này?
5. Hàm ý của những câu 20-22 là gì?

## 2 PHI-E-RƠ 3

### NHỮNG CHỖ CHIA ĐOẠN TRONG CÁC BẢN DỊCH HIỆN ĐẠI

UBS <sup>4</sup>	NKJV	NRSV	TEV	NJB
Lời Hứa về Sự Trở Lại của Chúa	Lời Hứa Đức Chúa Trời Không Chậm Trễ Đầu	Ngày của Chúa	Lời Hứa về Sự Trở Lại của Chúa	Ngày của Chúa: Các Tiên Tri và Các Sứ Đồ
3:1-7	3:1-9	3:1-7	3:1-7	3:1-2  Ngày của Chúa: Những Giáo Sư Giả 3:3-7
3:8-13	Ngày của Chúa 3:10-13  Hãy Đứng Vững	3:8-10  3:11-13	3:8-9  3:10-13	3:8-10  Sự Kêu Gọi Mới đến Sự Thánh Khiết. Sự Ngợi Khen 3:11-18
3:14-18	3:14-18	3:14-18	3:14-16  3:17-18	

### CHU KỲ ĐỌC THỨ BA (trích từ tài liệu " Hướng Dẫn một Cách Đọc Kinh Thánh Tốt ")

#### THEO DÕI Ý ĐỊNH CỦA TÁC GIẢ NGUYÊN THỦY Ở CẤP ĐỘ ĐOẠN VĂN

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

1. Đoạn thứ nhất
2. Đoạn thứ hai
3. Đoạn thứ ba
4. V.v...

### NGHIÊN CỨU TỪ NGỮ VÀ CỤM TỪ

#### ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 2 PHI-E-RƠ 3:1-7

<sup>1</sup> Thừa anh em yêu dấu, đây là thư thứ hai tôi viết cho anh em. Trong cả hai thư, tôi đều nhắc nhở để khơi dậy trong anh em một tâm trí chân thực, <sup>2</sup> để khắc ghi những lời tiên báo của các nhà tiên tri thánh cũng như những điều răn của Chúa và Cứu Chúa chúng ta do các sứ đồ truyền lại. <sup>3</sup> Trước hết, anh em phải biết điều này: Trong những ngày cuối cùng, những kẻ nhạo báng sẽ đến với lời lẽ giễu cợt, sống theo dục vọng cá nhân. <sup>4</sup> Họ sẽ nói: "Lời hứa về sự quang lâm của Chúa ở đâu? Vì từ khi các tổ phụ chúng ta qua đời, mọi vật vẫn y nguyên như lúc bắt đầu cuộc sáng thế." <sup>5</sup> Họ cố ý không biết rằng các tầng trời đã hiện hữu từ rất lâu bởi lời Đức Chúa Trời, trái đất được hình thành từ nước và do nước; <sup>6</sup> cũng bởi nước mà thế giới thời ấy đã bị ngập lụt và bị hủy diệt. <sup>7</sup> Nhưng cũng bởi lời ấy mà trời đất hiện nay đã được dành cho lửa, và được giữ lại cho đến ngày phán xét và hủy diệt những kẻ vô luân.

**3:1 " anh em yêu dấu "** Từ này nguyên gốc được sử dụng bởi Đức Chúa Cha dành cho Con tại phép báp tem của Ngài (theo Ma-thi-ơ 3:17) và sự hóa hình của Ngài (theo Ma-thi-ơ 17:5 và 2 Phi-e-rơ 1:17). Nó trở thành một danh xưng cho dân sự của Đức Chúa Trời (Rô-ma 1:7). Nó chỉ được sử dụng duy nhất một lần trong 1 Phi-e-rơ (1 Phi-e-rơ 2:11; 4:12), nhưng được sử dụng rộng khắp trong 2 Phi-e-rơ 3 (2 Phi-e-rơ 3:1,8,14,15- 17). Từ này rất thông dụng trong 1 và 3 Giăng.

▣ **" thư thứ hai "** Cụm từ có vẻ nhắc đến 1 Phi-e-rơ, nếu bạn tin rằng Phi-e-rơ chính là nguồn tư liệu phía sau của cả hai sách 1 và 2 Phi-e-rơ, vốn tôi tin như vậy.

<b>NASB</b>	<b>"tâm trí chân thành "</b>
<b>NKJV</b>	<b>"tâm trí tinh sạch "</b>
<b>NRSV</b>	<b>"ý định tinh sạch của anh em "</b>
<b>TEV</b>	<b>"những ý tưởng tinh sạch của anh em "</b>
<b>NJB</b>	<b>"một sự hiểu biết không vắn đục "</b>

Từ này có thể có nghĩa là sự tinh sạch trong nghĩa của sự ngay thẳng đạo đức và chân thành (Phi-líp 1:10). Những giáo sư giả không hề tinh sạch trong bất kỳ nghĩa nào. Họ là những kẻ vô luân, đồi bại và tìm kiếm cho bản thân mình bằng cách chi phối, điều khiển người khác

▣ **" điều nhắc nhở "** Đây phần lớn chính xác là những từ trong 2 Phi-e-rơ 1:13-14 (cũng như Giu-đe 17). Trong Kinh Thánh con người thường được kêu gọi để ghi nhớ Đức Chúa Trời, Lời Ngài, và những hành động của Ngài, tuy nhiên, lại được khích lệ để quên đi tội lỗi của họ (Giê-rê-mi 31:34; Ê-sai 43:25; theo nghĩa bóng trong Thi 103:3; Ê-sai 1:18; 38:17; 44:22; Mi-chê 7:18).

**3:2 " khắc ghi những lời "** Đây là một nguyên mẫu thụ động thì bất định (aorist passive infinitive). Đây cũng là một sự nhấn mạnh mẽ trên việc nhận biết (1) Cựu Ước (2 Phi-e-rơ 1:21); (2) những lời phán của Chúa Jesus (2 Phi-e-rơ 2:21); và (3) những sự áp dụng sứ đồ của chúng (2 Phi-e-rơ 1:1). Câu này song hành với Giu-đe 17.

Sự nhận biết/ ghi nhớ luôn có ý nghĩa để tác động đến sự tin cậy của tín đồ vào Sự Tái Lâm và đời sống giống như Đấng Christ của họ!

▣ **" tiên báo của các nhà tiên tri "** Đây là một phân từ thụ động hoàn thành (perfect passive participle), vốn ngụ ý về một sự mặc khải vĩnh viễn (thì hoàn thành, theo Ma-thi-ơ 5:17-19; 1 Phi-e-rơ 1:25) được ban bởi Thánh Linh (thể bị động (passive voice), 2 Phi-e-rơ 1:20-21).

Câu này chỉ đến toàn bộ Cựu Ước. Người Do Thái tin rằng toàn bộ Lời Chúa được viết bởi các tiên tri. Đây là lý do vì sao Môi-se được gọi là nhà tiên tri trong Phục Truyền 18:15 và rằng Giô-suê cho đến Các Vua được gọi là "những sách tiên tri sớm."

▣ **" điều răn của Chúa và Cứu Chúa "** Đây là một thành ngữ chỉ về phúc âm ("điều răn thánh," 2 Phi-e-rơ 2:21; "mạng lệnh," 1 Ti-mô-thê 6:14). Nó liên hệ với thành ngữ "luật pháp của Đấng Christ " (theo Ga-la-ti 6:2).

▣ **" các sứ đồ "** Cũng như cách các tiên tri đã đem đến giao ước thứ nhất, Các Sứ Đồ đã đem đến giao ước thứ hai!

**3:3 " Trước hết, anh em phải biết điều này "** Cùng một cụm từ được sử dụng trong 2 Phi-e-rơ 1:20. Phi-e-rơ sử dụng thành ngữ văn học này để đánh dấu những điểm chính của ông.

▣ **" Trong những ngày cuối cùng "** Cụm từ Cựu Ước biểu thị một khoảng thời gian ngay trước sự kết thúc của lịch sử nhân loại. Phi-e-rơ có một chút mơ hồ về khoảng thời gian nào mà cụm từ này chỉ đến. Trong 2 Phi-e-rơ



2, ông nói về những sự dạy dỗ sai trật (tà giáo) "sẽ đến," nhưng chúng đã hiện diện từ trong thời của ông. Điều này tương tự về mặt thần học với "kẻ chống Chúa (antichrist)... những kẻ chống Chúa" của Giảng trong 1 Giảng 2:18. Những giáo sư giả và những kẻ nhạo báng này sẽ mô tả về mọi khoảng thời gian tương lai của lịch sử hội thánh, bắt đầu với thế kỷ thứ nhất. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 13:8.

▣ **"những kẻ nhạo báng sẽ đến với lời lẽ giấu cọt"** Câu này song hành với Giu-đe 18. Những danh cách và cách công cụ (nominative and instrumental form) của cùng một danh từ được dùng cho sự nhấn mạnh. Những giáo sư giả đang chế nhạo và sẽ tiếp tục nhạo báng những lời hứa trong Kinh Thánh về sự trở lại của Đấng Christ (2 Phi-e-rơ 3:4).

▣ **"theo dục vọng cá nhân (của chính họ)"** Những giáo sư giả là rất rõ ràng bởi vì những lời nói và hành vi của họ (theo Ma-thi-ơ 7:15-20 và 2 Ti-mô-thê 3:2-5). Đây là một sự song hành với Giu-đe câu 18.

**3:4 "Lời hứa về sự quang lâm của Chúa ở đâu"** Câu này có thể chỉ đến (1) Ngày Cựu Ước của YHWH Đến hoặc (2) Sự Tái Lâm Tân Ước của Đấng Christ.

NASB, NKJV	"những ông cha "
NRSV, TEV	"những tổ tiên của chúng ta "
NJB	"những Ông Cha của chúng ta "

Giai đoạn Cựu Ước này được nhắc đến trong 2 Phi-e-rơ 3:2, vì vậy "những Tổ Phụ" phải chỉ đến các Tổ Phụ Cựu Ước hoặc những lãnh đạo chi phái. Điều này được xác nhận bởi 2 Phi-e-rơ 3:4-6, vốn nói về sự sáng tạo (thế giới).

Văn mạch rõ ràng chỉ đến sự thăm viếng trong sự đoán phạt của Đức Chúa Trời (2 Phi-e-rơ 2). Cựu Ước khẳng định rằng con người một ngày kia sẽ giải trình trước Đức Chúa Trời cho sự quản trị món quà sự sống (Ma-thi-ơ 25:31-46; 20:11-15). Những kẻ nhạo báng không chỉ gièm pha sự nhập thể của Chúa Jesus, họ cũng cười nhạo về sự tái lâm của Ngài như Đấng Đoán Xét

▣ **"qua đời (ngủ)"** Đây là một uyển ngữ Cựu Ước dùng cho sự chết, vốn được tiếp tục trong Tân Ước (theo Ma-thi-ơ 27:53; Mác. 5:39; Giảng 11:11; 1 Cô-rinh-tô 11:30; 15:51; Ê-phê-sô 5:14; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 4:14).

▣ **"mọi vật vẫn y nguyên như lúc bắt đầu cuộc sáng thế"** Lịch sử nhân loại, mặc dù rất nhỏ bé về mặt thời gian trong sự so sánh với lịch sử địa chất, cũng đem lại cho con người ý tưởng của sự đều đặn. Đây là sự giả định của khoa học hiện đại (Chủ Nghĩa Đồng Dạng) rằng tiến trình tự nhiên và sự đều đặn của những quy luật tự nhiên có thể quan sát được cả (theo cả hai hướng) quay ngược (về quá khứ) và tiến tới (về tương lai) về mặt thời gian. Kinh Thánh khẳng định rằng có một sự khởi đầu với thế giới tạo hóa và cũng sẽ có một sự kết thúc. Đức Chúa Trời sáng tạo với một mục đích. Mục đích đó chính là mối quan hệ với những tạo vật đã được dựng nên theo hình ảnh của Ngài và bày tỏ về đặc tính của Ngài. Thế giới phải chịu trách nhiệm giải trình với một Đức Chúa Trời luân lý, đạo đức. Tuy nhiên, sự ảo tưởng về thời gian không bao giờ kết thúc và tính chất đều đặn của tự nhiên đã khiến cho các giáo sư giả đã chối bỏ sự mặc khải của Kinh Thánh, và những lời phán của Chúa Jesus, và sự công bố Sứ Đồ. Lịch sử của nhân loại và sự trường thọ của các nhân là kéo dài đủ để ru ngủ nhân loại rơi vào trong một sự lừa dối giả tạo của sự tự tin về một "ngày mai cũng giống như ngày hôm nay"!

<b>3:5</b>	
NASB	"nó thoát khỏi sự chú ý của họ "
NKJV	"họ sẽ cố ý quên đi "
NRSV, NJB	"họ chủ tâm chối bỏ "
TEV	"họ cố ý chối bỏ "

Thuật ngữ này có nghĩa rộng của việc quên đi một điều gì đó hoặc che giấu một điều gì đó; vì vậy, một ý định trong sự cố ý được bao hàm trong thuật ngữ (2 Phi-e-rơ 1:9; 3:5,8). Những giáo sư giả này "quên đi một

cách thoải mái "hoặc "chọn lựa để chối bỏ" sự xen vào của Đức Chúa Trời đối với thế giới tạo hóa của Ngài và ý định đã được định trước của Ngài đối với trách nhiệm giải trình của toàn bộ thế giới tạo vật (sự đoán phạt).

▣ **"bởi lời của Đức Chúa Trời"** Đây là sự sáng tạo bởi lời được phán (theo Sáng Thế Ký 1:3,6,8,14,20,24). Nó được gọi trong thần học bởi thuật ngữ La-tinh "fiat," vốn có nghĩa là "bởi những phương cách của lời phán," Hãy xem tác phẩm của John L. Walter, *The Lost World of Genesis One*, nơi ông khẳng định rằng Sáng Thế Ký 1 không phải là sự sáng tạo của thế giới vật chất, nhưng là một vũ trụ vận hành. Những giáo sư giả Trí Huệ Giáo chối bỏ rằng một Đức Chúa Trời thánh khiết lại có thể hình thành nên (thế giới) vật chất cùng tồn tại (với Ngài) đầy tội lỗi, thấp kém hơn rất nhiều.

<b>NASB, TEV</b>	<b>"trái đất được hình thành khỏi nước và bởi nước "</b>
<b>NKJV</b>	<b>"trái đất đứng lên khỏi nước và trong nước "</b>
<b>NRSV</b>	<b>"trái đất được hình thành khỏi nước và bởi những phương cách của nước"</b>
<b>NJB</b>	<b>"trái đất được hình thành bởi lời của Đức Chúa Trời ra khỏi nước và ở giữa nước"</b>

Nước là một yếu tố cực kỳ quan trọng trong Sáng 1:2 ( "vực sâu" và "các vực nước"). Nó không được đề cập đến như một lời được phán một cách cụ thể vào trong sự tồn tại. Giới từ Hy Lạp "qua" (*dia*) nước có thể có nghĩa "ở giữa," "được bao quanh," "ngay giữa," " hành động của," hoặc "được duy trì bởi" (Thi 24:2; 136:6). Cụm từ này có thể chỉ đến Sáng Thế Ký 1:2; 1:6; hoặc 1:9.

**3:6 " thế giới ... đã ... bị hủy diệt "** Câu này chỉ về trận lụt trong thời của Nô-ê (theo Sáng Thế Ký 6-8). Tôi đã thêm vào một bài viết ngắn từ quyển giải kinh của tôi trên Sáng Thế Ký 1-11.

## SÁNG THẾ KÝ

"Có một sự phỏng đoán rằng từ "lụt" có thể liên hệ với từ A-si-ri "hủy diệt." Có phải trận lụt trong thời của Nô-ê trên toàn cầu hay chỉ ở tại khu vực Cận Đông Cổ Đại? Từ "đất" thường được dịch là "vùng đất" theo nghĩa địa phương. Nếu nhân loại không tản ra khắp trên mọi phần của trái đất, vốn được ngụ ý đến trong trải nghiệm của Tháp Ba-bên của 2 Phi-e-rơ 10-11, thì một trận lụt địa phương có thể hoàn thành công việc này. Quyển sách hay nhất mà tôi đã đọc về những bằng chứng hợp lý cho một trận lụt địa phương (là quyển sách) của Bernard Ramm *The Christian View of Science and Scripture* (ở trang 62).

<b>3:7</b>	
<b>NASB</b>	<b>"bởi lời Ngài "</b>
<b>NKJV, NRSV</b>	<b>"bởi cùng một lời "</b>
<b>TEV</b>	<b>"bởi cùng một mạng lệnh "</b>
<b>NJB</b>	<b>"cùng một Lời "</b>

Cũng như cách Đức Chúa Trời đã tạo dựng bằng lời và cai trị bằng lời (Đấng Christ, Theo Giăng 1:1), chúng ta cũng đã được tái sinh bởi Lời hằng sống và ở trong của Đức Chúa Trời (1 Phi-e-rơ 1:23). Ngài cũng sẽ tẩy sạch bằng lời phán (sự đoán phạt bằng trận lụt, sự đoán phạt bằng lửa). Ấn dụ của Chúa Jesus trong Khải Huyền 19:15 về sự tái lâm với thanh gươm hai lưỡi từ miệng Ngài là một cách diễn tả khác của cùng một lẽ thật này.

▣ **" trời đất hiện nay đã được dành cho lửa "** Đây là một is a phân từ thụ động hoàn thành theo lối nói vòng (periphrastic perfect passive participle), vốn nói về một điều gì đó đã xảy ra. Ở đây nó được dùng trong một nghĩa tiên tri của sự chắc chắn về một sự kiện tương lai dựa trên sự đáng tin cậy của lời của Đức Chúa Trời.

Toàn bộ văn mạch này nhấn mạnh quyền năng và sự siêu việt của lời của Đức Chúa Trời (2 Phi-e-rơ 1:19; 3:5,7; 1 Phi-e-rơ 1:23; 2:8; 3:1).

Sự đoán phạt bằng lửa có thể đến từ hai nghĩa Cựu Ước: (1) những Nhà Thi Thiên nói về lửa đi trước Chúa (Thi 18:8; 50:3; 97:3) hoặc (2) những sự đoán phạt của YHWH trong sự lang thang trong hoang mạc (Lê-vi Ký 10:2; Dân Số Ký 11:1-3; 16:35; 26:10) hoặc (những sự đoán phạt) lai thể học (Đa-ni-ên 7:10; Ê-sai 30:27,30,33).

Lửa thường đi cùng với sự hiện diện của YHWH trong Cựu Ước. Điều này có thể đi cùng với (1) Đức Chúa Trời như nhân tố của kiến thức và sự mặc khải (ánh sáng);; (2) Đức Chúa Trời như một nhân tố thanh tẩy; hoặc (3) Đức Chúa Trời như một Đấng Đoán Xét (nhân tố hủy diệt).

## **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: LỬA**

Lửa có hàm ý cả tích cực và tiêu cực trong Kinh thánh.

### **A. Tích cực**

1. Sưởi ấm (xem Ê-sai 44:15; Giăng 18:18)
2. Soi sáng (xem Ê-sai 50:11; Ma-thi-ơ 25:1-13)
3. Nấu nướng (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 12:8; Ê-sai 44:15-16; Giăng 21:9)
4. Thanh tẩy (xem Dân-số Ký 31:22-23; Châm-ngôn 17:3; Ê-sai 1:25; 6:6-8; Giê-rê-mi 6:29; Ma-la-chi 3:2-3)
5. Thánh khiết (xem Sáng-thế Ký 15:17; Xuất Ê-díp-tô Ký 3:2; 19:18; Ê-xê-chi-ên 1:27; Hê-bơ-rơ 12:29)
6. Sự lãnh đạo của Đức Chúa Trời (xem Xuất Ê-díp-tô Ký 12:21; Dân-số Ký 14:14; I Các Vua 18:24)
7. Sự thêm sức của Đức Chúa Trời (xem Công-vụ 2:3)
8. Sự bảo vệ (xem Xa-cha-ri 2:5)

### **B. Tiêu cực**

1. Thiêu đốt (xem Giô-suê 6:24; 8:8; 11:11; Ma-thi-ơ 22:7)
2. Hủy diệt (xem Sáng-thế Ký 19:24; Lê-vi Ký 10:1-2)
3. Tức giận (xem Dân-số Ký 21:28; Ê-sai 10:16; Xa-cha-ri 12:6)
4. Sự trừng phạt (xem Sáng-thế Ký 38:24; Lê-vi Ký 20:14; 21:9; Giô-suê 7:15)
5. Dầu lạ giả trong thời tận thế (xem Khải-huyền 13:13)

### **C. Con giận của Đức Chúa Trời chống nghịch tội lỗi được bày tỏ qua những nghĩa bóng về lửa**

1. Con giận của Ngài thiêu đốt (xem Ô-sê 8:5; Sô-phô-ni 3:8)
2. Ngái đỏ ra lửa (xem Na-hum 1:6)
3. Lửa đời đời (xem Giê-rê-mi 15:14; 17:4)
4. Sự phán xét tận thế (xem Ma-thi-ơ 3:10; 13:40; Giăng 15:6; II Tê-sa-lô-ni-ca 1:7; II Phi-e-rơ 3:7-10; Khải-huyền 8:7; 13:13; 16:8)

### **D. Lửa thường xuất hiện trong những sự hiển thần**

1. Sáng 15:17
2. Xuất 3:2
3. Xuất 19:18
4. Thi 18:7-15; 29:7
5. Ê-xê-chi-ên 1:4,27; 10:2
6. Hê-bơ-rơ 1:7; 12:29

### **E. Cũng giống như những hình bóng khác được dùng trong Kinh thánh (như men, sư tử v.v) lửa có thể là sự chúc phước hay là nguyên rửa tùy thuộc vào văn mạch.**

▣ " **được giữ lại cho đến ngày phán xét ... những kẻ vô luân** " Đây là một phân từ bị động thì hiện tại (present passive participle). Cả 2 Phi-e-rơ 2 và Giu-đe đều nhấn mạnh rằng những thiên sứ gian ác và những con người gian ác được giữ cho đến ngày phải giải trình. Mọi tạo vật có ý thức (Phi-líp 2:9-11) sẽ một ngày kia sẽ phải chịu trách nhiệm giải trình như là kẻ quản trị món quà của sự sống (Ga-la-ti 6:7).

Ngày lai thể này chính là thời điểm của sự đoán phạt những kẻ không tin kính, nhưng là thời điểm của món quà vĩ đại cho các tín đồ.

Hội thánh bị bắt bớ cần nhớ rằng một ngày kia Đức Chúa Trời sẽ lập lại điều đúng trên tất cả mọi sự!

▣ " **hủy diệt** " Chúng ta có từ trong tiếng Anh Apollyon (Con Quỷ, Kẻ Hủy Diệt) từ từ này (Khải Huyền 9:11).

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 2 PHI-E-RO 3:8-10**

<sup>8</sup> Thưa anh em yêu dấu, đừng quên rằng, trước mặt Chúa một ngày như nghìn năm, nghìn năm như một ngày. <sup>9</sup> Chúa không chậm trễ về lời hứa của Ngài như một số người nghĩ đâu, nhưng Ngài kiên nhẫn đối với anh em, không muốn một người nào chết mất mà muốn mọi người đều ăn năn. <sup>10</sup> Tuy nhiên, ngày của Chúa sẽ đến như kẻ trộm; bấy giờ các tầng trời sẽ biến đi trong tiếng vang rền, các nguyên tố sẽ bị tan chảy trong lửa, đất và mọi công trình trên đó đều sẽ bị thiêu hủy.

**3:8**

**NASB** "đừng để cho một sự kiện này thoát khỏi sự chú ý của anh em "  
**NKJV** "đừng quên một điều này "  
**NRSV** "đừng bỏ qua một điều này "  
**TEV** "đừng quên một điều "  
**NJB** "có một điều ... anh em không bao giờ được quên"

Đây là một thể mệnh lệnh thì hiện tại (present imperative) đi cùng với một tiểu từ phủ định (negative particle), vốn thường có ngụ ý "dừng lại một hành động trong tiến trình." Bởi vì sự bắt bớ (1 Phi-e-ơ) và những giáo sư giả (2 Phi-e-ơ) các tín đồ bắt đầu đặt câu hỏi về sự đáng tin cậy của những sự kiện lai thể học Kinh Thánh.

▣ " **một ngày như nghìn năm** " Đây là một sự ngụ ý chỉ đến Thi 90:4. Nó khẳng định lẽ thật rằng thời gian không phải là một nhân tố với một Đức Chúa Trời. Chỉ có những vật thọ tạo của Ngài mới trải nghiệm quá khứ, hiện tại và tương lai. Chúng ta bị giới hạn bởi thời gian, và ý thức về thời gian. Các tín đồ phải bám chặt vào lẽ thật rằng những gì Đức Chúa Trời đã hứa, Đức Chúa Trời sẽ thực hiện (1 Các Vua 8:24,26,56). Chúng ta tin cậy vào đặc tính của Ngài, những lời hứa của Ngài, lời Ngài, và Con Ngài! Thời gian không tương quan với Ngài mặc dù Đức Chúa Trời sử dụng thời gian cho những kế hoạch trải ra (theo thời gian) của Ngài.

Thế hệ tín đồ đầu tiên trông đợi Chúa Jesus sẽ sớm quay trở lại (theo Mác 13:30). Đây là một lý do tại sao họ đã không chép lại những lời và hành động của Chúa Jesus (các sách Phúc Âm) trong nhiều năm. Nhưng với sự trì hoãn được tiếp diễn

1. Những nhân chứng tận mắt bắt đầu qua đời
2. Các giáo sư giả bắt đầu kết nên những bè đảng
3. Một vài (tín hữu) bắt đầu tự hỏi vì sao

Cả Phao-lô (2 Tê-sa-lô-ni-ca 2) và Phi-e-ơ (2 Phi-e-ơ 3) đề cập đến chủ đề về Sự Tái Lâm bị trì hoãn. Ngay cả trong những sự dạy dỗ của Chúa Jesus cũng có một sự căng thẳng (đối nghịch) giữa sự trở lại sắp sửa đến (theo Ma-thi-ơ 10:23; 24:27,34,44; Mác 9:1; 13:30) và "một vài sự kiện phải xảy ra trước "

1. Sự giảng tin lành ra trên khắp toàn cầu, theo Ma-thi-ơ 24:15; Mác 13:10
2. Sự hiện ra của "con người tội ác, " theo Ma-thi-ơ 24:15; 2 Tê-sa-lô-ni-ca 2; Khải Huyền 13
3. Con đại nạn (sự bắt bớ vĩ đại), theo Ma-thi-ơ 24:21,24; Khải Huyền 13

Phi-e-ơ liên hệ cách độc nhất sự trì hoãn này với sự thương xót của Đức Chúa Trời cho người hư mất! Đức Chúa Trời đang trì hoãn sự trở lại của Đấng Christ để rồi nhiều người hơn có thể ăn năn và quay trở lại với Ngài qua Đấng Christ. Những đời sống tin kính của các tín đồ để chỉ những kẻ chưa tin đến với Đức Chúa Trời!

**3:9 " Chúa không chậm trễ "** Cách sử dụng của từ "Chúa" phải chỉ đến YHWH. Kế hoạch trải dài của Đức Chúa Trời (Ha-ba-cúc 2:3) của sự sáng tạo và cứu chuộc có vẻ như thật chậm chạp với con người. Yếu tố thời gian cho phép chúng ta thực hành sự tin cậy qua thời gian. Khoảng thời gian của đời sống của chúng ta chỉ là khoảng thời gian duy nhất các tín đồ sống bởi đức tin, vốn làm vui lòng Đức Chúa Trời. Đời sống kiên trì và tin kính chính là sự bày tỏ và bằng chứng của sự kết ước đức tin/sự tin cậy của chúng ta đối với Ngài.

▣ " **nhưng Ngài kiên nhẫn đối với anh em** " Một trong những đặc tính của Đức Chúa Trời chính là sự kiên trì

chịu đựng hướng đến với cả những tội nhân và những thánh đồ. Tuy nhiên, sự kiên nhẫn của Ngài được tận dụng (bị lợi dụng) bởi cả hai nhóm. Sự kiên nhẫn của Ngài có một mục đích, sự phục hồi hình ảnh đã mất trong Sự Sa Ngã.

▣ " **không muốn một người nào chết mất** " Đây là một phân từ trung cách (đôi cách) thì hiện tại (Present middle (deponent) participle). Đức Chúa Trời muốn mọi người đều được cứu (Ê-xê-chi-ên 18:23,32; 33:11; Giăng 3:16; 4:42; Công Vụ 17:30; Rô-ma 11:32; 1 Ti-mô-thê 2:4,6; 4:10; Tít 2:11; Hê-bơ-rơ 2:9; 1 Giăng 2:2). Bởi vì mọi người đều được dựng nên trong hình ảnh của Ngài cho một mục tiêu mỗi tương giao cá nhân, Ngài được sai bởi Con Ngài để chịu chết để rồi tất cả mọi người đều có thể đáp ứng với Ngài (Rô-ma 5:12-21). Đây là một sự quân bình quan trọng đối với những hệ thống thần học vốn chú trọng về vai trò của Đức Chúa Trời trên sự cứu chuộc, nhưng lại giảm nhẹ sự đáp ứng giao ước cần thiết của con người. Tôi đã thêm vào đây những bài viết của tôi trích từ 1 Ti-mô-thê 2:4 (Tập 9, trang 25) liên hệ với chủ đề này.

---

## Những bài viết từ quyển giải kinh của tôi trong 1 Ti-mô-thê 2:4

**2:4 "Ngài muốn cho mọi người đều được cứu rỗi "** Các tín đồ cần phải cầu nguyện cho mọi người bởi vì Đức Chúa Trời muốn tất cả mọi người đều được cứu. Đây là một thông điệp đáng kinh ngạc đối với những giáo sư giả theo chủ nghĩa biệt riêng, cá biệt (sự cứu rỗi chỉ dành cho một số người đặc biệt) dù rằng họ là (những giáo sư giả) Trí Huệ Giáo hoặc Do Thái hoặc, có khả năng hơn, trong những thư tín chân bày, là một sự kết hợp cả hai. Đây là một lẽ thật vĩ đại về tình yêu của Đức Chúa Trời dành cho toàn bộ nhân loại (1 Ti-mô-thê 4:10; Ê-xê-chi-ên 18:23,32; 33:11; Giăng 3:16; Công Vụ 17:30; Rô-ma 11:22; 1 Ti-mô-thê 2:4,6; 4:10; Tít 2:11; Hê-bơ-rơ 2:9; 2 Phi-e-rơ 3:9; 1 Giăng 2:2). Câu này chỉ ra một sự không quân bình của một thuyết tiền định giáo điều, cực-sa ngã, hai lưỡi vốn nhấn mạnh về sự toàn năng tể trị của Đức Chúa Trời của một sự loại trừ bất cứ sự đáp ứng cần thiết nào của con người. Những lẽ thật được khẳng định của "năm điểm" theo thuyết Calvin, đặc biệt "ân điển không thể cưỡng lại" và "sự cứu chuộc giới hạn" đã vi phạm khía cạnh giao ước của đức tin theo Kinh Thánh. Thật không thích hợp để giảm nhẹ Đức Chúa Trời thành một Đấng bù nhìn của ý chí tự do của con người, cũng như không thích đáng để giảm nhẹ con người thành những kẻ bù nhìn của một ý định thiên thượng. Đức Chúa Trời trong sự toàn năng của Ngài đã chọn để liên hệ với con người sa ngã bởi những phương cách của giao ước. Ngài luôn luôn khởi đầu và cơ cấu giao ước (Theo Giăng 6:44,65), nhưng Ngài cũng bắt buộc rằng con người phải đáp ứng và tiếp tục đáp ứng trong sự ăn năn và đức tin (theo Mác 1:15; Công Vụ 3:16,19; 20:21), cũng như là sự vâng phục và kiên trì đứng vững (bền đỗ)!

Thường những thảo luận chủ đề thần học về sự toàn năng, tể trị của Đức Chúa Trời (sự tiền định) và sự tự do của con người sẽ làm bị làm hỏng biến thành một sự đối kháng (tranh cãi) theo kiểu dò vẩn tự (dựa trên câu chữ nhưng tách khỏi văn mạch Kinh Thánh). Kinh Thánh bày tỏ cách rất rõ ràng về sự toàn năng, tể trị của YHWH. Tuy nhiên, nó cũng mặc khải về tạo vật cao nhất của Ngài, con người, được dựng nên theo hình ảnh của Ngài, đã được ban cho một đặc tính cá nhân tuyệt diệu, đáng sợ của việc đưa ra quyết định đạo đức cá nhân. Nhân loại phải cộng tác với Đức Chúa Trời trong mọi lĩnh vực của cuộc sống.

Từ "nhiều" đã được dùng để khẳng định rằng Đức Chúa Trời đã chọn nhiều người (những kẻ được chọn) chứ không phải tất cả (mọi người); rằng Chúa Jesus đã chết cho nhiều người, không phải tất cả (mọi người). Một cách đọc cẩn thận những phần Kinh Thánh sau đây chỉ ra rằng những từ này được dùng trong những nghĩa song hành!

### Ê-sai 53

1. "mọi người (hết thảy)" (Ê-sai 53:6)
2. "nhiều người" (Ê-sai 53:11-12)

### Rô-ma 5

1. "mọi người" (Rô-ma 5:18)
2. "nhiều người (bản tiếng Anh)" (Rô-ma 5:19)

---

## **CHỦ ĐỀ ĐẶC BIỆT: KẾ HOẠCH CỨU CHUỘC ĐỜI ĐỜI CỦA YHWH**

Tôi phải thừa nhận với bạn đọc rằng tôi thiên lệch tại điểm này. Thần học hệ thống của tôi không phải là Người theo thuyết Calvin hay thuyết Giai Đoạn Thần Thị (Dispensationalism), nhưng là tư tưởng truyền giáo

theo Đại Mạng Lệnh (Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:46-47; Công Vụ 1:8). Tôi tin rằng Đức Chúa Trời đã có một kế hoạch vĩnh cửu để cứu chuộc tất cả nhân loại (ví dụ, Sáng thế Ký 3:15; 12:3; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:5-6; Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 18; 36:22-39; Công vụ Các sứ đồ 2:23; 3:18; 4:28; 13:29; Rô-ma 3:9-18,19-20,21-32), tất cả những người được tạo ra theo hình ảnh của Ngài (xem Sáng thế Ký 1:26-27). Những giao ước đều hiệp nhất trong Đấng Christ (xem Ga-la-ti 3:28-29; Cô-lô-se 3:11). Đức Chúa Giê-xu là sự mãn nhiệm của Đức Chúa Trời, đã bị che dấu nhưng bây giờ được giải bày (xem Ê-phê-sô 2:11-3:13)!

Quan điểm có trước này tác động tất cả mọi sự giải nghĩa Kinh Thánh của tôi. Tôi đọc tất cả các bản văn đều thông qua quan điểm này. Chắc chắn đó là một sự thiên lệch (tất cả các nhà giải kinh đều có), nhưng nó là một tiền giả định được lấy ra từ Kinh Thánh.

Tiền điểm của Sáng Thế Ký 1 – là Đức Chúa Trời tạo dựng một vị trí mà ở đó, Ngài và tạo vật cao cấp nhất là con người có được một thông công Sáng 1:26,27; 3:8). Tạo Hóa vật thể là sân khấu cho mục đích tương giao tâm linh.

1. Thánh Augustine miêu tả trong con người có một lỗ hồng chỉ có thể khóa lấp bởi Đức Chúa Trời.
2. Nhà văn Lewis gọi Trái Đất là hành tinh được “thiên tạo”, tức được chuẩn bị một cách đặc biệt cho con người bởi Đức Chúa Trời.

Có nhiều gợi ý trong Cựu Ước về mục đích này của Đức Chúa Trời:

1. Sáng Thế Ký 3:15 chứa đựng lời hứa đầu tiên của Đức Chúa Trời không để con người mãi mãi trong vũng bùn tội lỗi bạo loạn như nhớp. Lời hứa này không liên hệ tới Y-sơ-ra-ên, vì khi đó chưa có Y-sơ-ra-ên, chưa có dân tuyển cho đến Áp-ra-ham trong chương 12.
2. Sáng Thế Ký 12:1-3 chứa đựng sự kêu gọi Áp-ra-ham bởi Đức Chúa Trời, từ ông sẽ có dân tuyển. tuy nhiên, khi gọi Áp-ra-ham, con mắt của Đức Chúa Trời hướng về cả thế gian. Sáng 12:3!
3. Xuất Hành 20 (Phục Truyền 5) Đức Giê-hô-va ban Luật Pháp cho Mô-sê và dân tuyển. Trong Xuất 19:5-6, Đức Giê-hô-va mặc khải mối liên hệ đặc biệt của dân tuyển đối với Chúa, nhưng dân tuyển cũng như Áp-ra-ham, được chọn lựa để làm phước cho thế gian. (Xuất 19:5, "Cả thế gian thuộc về Ta"). Y-sơ-ra-ên trở nên phương tiện để thế gian biết đến và yêu mến Đức Chúa Trời. Thảm hại thay họ thất bại trong sứ mạng này. ( Ê-xê-chi-ên 36:22-38).
4. Trong 1 Kings 8 vua So-lo-môn cầu nguyện chúc phước cho Đền Thờ, để tất cả các dân có thể đến thờ lạy Đức Chúa Trời. ( 1 Các Vua 8:43,60).
5. Trong Thi Thiens – 22:27-28; 66:4; 86:9 (Khải Huyền 15:4)
6. Qua tất cả các tiên tri Đức Giê-hô-va tiếp tục bày tỏ chương trình cứu chuộc của Ngài.
  - a. Isaiah – 2:2-4; 12:4-5; 25:6-9; 42:6,10-12; 45:22; 49:5-6; 51:4-5; 56:6-8; 60:1-3; 66:18,23
  - b. Giê-rê-mi – 3:17; 4:2; 16:19
  - c. Mi-chê 4:1-3
  - d. Malachi 1:11

Sự nhấn mạnh tính đại chúng được thấy trong Giao ước mới ( Giê-rê-mi 31:31-34; Ê-xê-chi-ên 36:22-38), hướng về sự thương xót của Chúa thay vì công đức của con người. Xuất hiện các thuật ngữ mới như: “trái tim mới”, “tâm trí mới”, “tâm linh mới”. Sự vâng lời là điều trọng yếu, với các bằng chứng nội tâm hơn là thể hiện bên ngoài. ( Rô-ma 3:21-31).

Cựu Ước xác nhận chương trình cứu rỗi đại chúng qua một vài cách sau đây:

1. Đại Mạng Lệnh Truyền Giáo – Ma-thi-ơ 28:18-20; Lu-ca 24:46-47; Công Vụ 1:8
2. Chương Trình Đòi Đòi (Tiền định) – Lu-ca 22:22; Công Vụ 2:23; 3:18; 4:28; 13:29
3. Ước nguyện mọi người được cứu. – Giăng 3:16; 4:42; Công Vụ 10:34-35; 1 Tim. 2:4-6; Tít 2:11; 2 Phi-e-rơ 3:9; 1 Giăng 2:2; 4:14
4. Đấng Christ hiệp nhất Cựu Ước và Tân Ước. Ga-la-ti 3:28-29; Ê-phê-sô 2:11-3:13; Cô-lô-se 3:11. Tất cả sự chia cắt giữa con người đều bị dỡ bỏ. Chúa Giê-su là “điều huyền nhiệm của Đức Chúa Trời nay được bày tỏ” (Ê-phê-sô 2:11-3:13).

Tân Ước tập trung vào Chúa Giê-su, thay vì vào Y-sơ-ra-ên. Tính trọng tâm của Phúc Âm vượt qua mọi biên giới địa dư và ngôn ngữ. Chúa Giê-su là sự mặc khải tối hậu. ( Ma-thi-ơ 5:17-48).

Tôi hy vọng độc giả có thời gian đọc Chủ Đề Đặc Biệt: Vì sao hứa ngôn trong Tân Ước có vẻ khác với hứa ngôn trong Tân Ước.

▣ " **muốn mọi người đều ăn năn** " Hãy chú ý sự nhấn mạnh trên "mọi người," chứ không chỉ "nhiều người" (những người được chọn). Tất cả mọi người đều có khả năng (tiềm năng) được chọn trong Đấng Christ. Hãy xem CHÚ ĐỀ ĐẶC BIỆT: SỰ ĂN NĂN TRONG CỤU ƯỚC tại Mác 1:4.

**3:10 " ngày của Chúa sẽ đến như kẻ trộm "** Cụm từ "ngày của Chúa" chính là một cụm từ Cựu Ước được dùng cho ngày tận thế. Kẻ trộm thường được dùng như một ẩn dụ cho một sự viếng thăm bất ngờ (theo Ma-thi-ơ 24:43-44; Lu-ca 12:39; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:2; Khải Huyền 3:3; 16:15) bởi Đức Chúa Trời (Ngày Phán Xét/Sự Tái Lâm/Ngày Phục Sinh).

▣ " **các tầng trời sẽ biến đi** " Đây là một chủ đề thường xuyên (thế giới tạo hóa vật chất sẽ biến mất, nhưng lời của Đức Chúa Trời thì không như vậy, theo Mác 13:31; Ma-thi-ơ 5:18; 24:35) mô tả sự hữu hạn và tạm thời của thế giới tạo hóa vật chất (Khải Huyền 21:1).

<b>NASB, NJB</b>	"với một tiếng gầm rống "
<b>NKJV</b>	"với một tiếng rất lớn "
<b>NRSV</b>	"với một tiếng ồn ào "
<b>TEV</b>	"với một tiếng rất đau tai"

Từ này có nghĩa rộng của một âm thanh rít lên của một thứ gì đó di chuyển rất nhanh trong không trung. Sự kết thúc chung cuộc và tẩy sạch của thời đại mới sẽ đến với một âm thanh và ngọn lửa như là sự khởi đầu của thời đại mới tại Lễ Ngũ Tuần (theo Công Vụ 2:2-3).

▣ " **các nguyên tố** " Hầu hết những thuật ngữ được phát triển từ một nghĩa đen, vật lý thành một sự mở rộng theo nghĩa bóng. Thuật ngữ này (*stoicheia*) nguyên gốc chỉ đến một thứ gì trong một hàng, một chuỗi. Nó được phát triển thành một vài nghĩa rộng như sau:

1. Những khối nguyên tố cơ bản vật chất dựng nên thế giới (không khí, đất, và lửa, 2 Phi-e-rơ 3:10, 12).
2. Những sự dạy dỗ nguyên lý cơ bản trên một chủ đề (Hê-bơ-rơ 5:12; 6:1 dùng chỉ về Do Thái Giáo).
3. Những quyền lực thiên sứ đứng phía sau những thiên thể trên bầu trời (I Enoch 52:8-9; những giáo phụ đầu tiên; Cô-lô-se 2:8, 20; 1 Cô-rinh-tô 15:24) hoặc những cấp bậc thiên sứ (*aeons*) của những giáo sư giả Trí Huệ Giáo (theo Cô-lô-se 2:10, 15; Ê-phê-sô 3:10).
4. Sự thù nghịch của những thiên sứ đối với con người là những kẻ đã cố gắng ngăn chặn việc ban luật pháp cho Môi-se (theo Công Vụ 7:38; Hê-bơ-rơ 2:2).
5. Có lẽ cấu trúc không tập chú vào con người của thế giới sa ngã của chúng ta đã cho phép nhân loại sa ngã có thể xuất hiện cách độc lập với Đức Chúa Trời (giáo dục, chính phủ, y tế, tôn giáo v.v..., theo Ga-la-ti 4:3, 8-9 và theo Hendrik Berkhof trong quyển *Christ and the Powers* được viết bởi Herald Press, ở trang 32).

▣ " **sẽ bị tan chảy trong lửa** " Đây là một phân từ bị động thì hiện tại (present passive participle) ngụ ý chỉ về Đức Chúa Trời nhưng một Đấng thi hành ân danh. Đây là một từ trong ngành y tế chỉ về một cơn sốt cao.

<b>NASB</b>	"trái đất và mọi công việc nó đều sẽ bị thiêu đốt "
<b>NKJV</b>	"trái đất và những công việc trên nó sẽ bị thiêu đốt "
<b>NRSV</b>	"trái đất và mọi vật được làm trên nó đều sẽ bị phoi bầy"
<b>TEV</b>	"trái đất với mọi vật trên nó đều sẽ bị tiêu biến "
<b>NJB</b>	"trái đất và mọi điều nó chứa đựng đều sẽ bị thiêu cháy "

Có những khác biệt bản thảo Hy Lạp trong cụm từ này.

1. "đều sẽ bị khám phá" (MSS  $\kappa$ , B, K, P)
2. "sẽ được thấy bị hủy diệt" (MS P<sup>72</sup>)
3. "sẽ bị thiêu đốt " (MS A)

4. "sẽ bị giấu đi" (MS C)

Không chắc chắn về phần Kinh Thánh nguyên gốc Hy Lạp, hay thậm chí là có khả năng, trong cách dịch của cụm từ này.

**ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RVV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 2 PHI-E-RƠ 3:11-13**

<sup>11</sup> Vì mọi vật đều phải bị tiêu tan như thế, nên anh em càng phải sống cuộc đời thánh khiết và tin kính <sup>12</sup> trong lúc nóng lòng trông đợi ngày của Đức Chúa Trời mau đến. Đó là Ngày mà các tầng trời sẽ bị thiêu đốt và hủy diệt, các nguyên tố sẽ bị tan chảy trong lửa! <sup>13</sup> Nhưng theo lời hứa của Ngài, chúng ta trông đợi trời mới đất mới là nơi sự công chính ngự trị.

**3:11 " nên anh em càng phải sống "** Những giáo sư giả hạ thấp đạo đức và đời sống tin kính, vì vậy Phi-e-rơ tiếp tục nhấn mạnh những điều này.

▣ **" thánh khiết và tin kính "** Thuật ngữ "tin kính" là một khái niệm quan trọng trong 2 Phi-e-rơ cũng như khái niệm này trong Những Thư Tín Chấn Bậy. Tôi chép lại những bài viết của tôi từ 1 Ti-mô-thê 4:7 (Tập 9, trang 53). 2 Phi-e-rơ dùng danh từ trong 2 Phi-e-rơ 1:3,6,7 và 3:11 và trạng từ trong 2 Phi-e-rơ 2:9.

**Những bài viết từ trong quyển giải kinh của tôi trên 1 Ti-mô-thê**

▣ **"tin kính"** Đây là một thuật ngữ then chốt trong Những Thư Tín Chấn Bậy. Nó chỉ đến những sự ngụ ý về lối sống theo tín lý và hằng ngày của phúc âm (1 Ti-mô-thê 3:16). Nó mô tả về một sự ngoại lệ nhưng được trông đợi. Nó là một từ ghép từ "tốt lành" (*eu*) và "thờ phượng" (*sebomai*). Sự thờ phượng thật là một đời sống hằng ngày bởi những phương cách theo sự suy nghĩ thích đáng (1 Ti-mô-thê 4:16a). Hãy chú ý số lần từ này được dùng trong những Thư Tín Chấn Bậy:

1. Danh từ (*eusebeia*), 1 Ti-mô-thê 2:2; 3:16; 4:7,8; 6:3,5,6,11; 2 Ti-mô-thê 3:5; Tít 1:1
2. Trạng từ (*eusebēs*), 2 Ti-mô-thê 3:12; Tít 2:12
3. Động từ (*eusebeō*), 1 Ti-mô-thê 5:4
4. Thuật ngữ liên quan *theosebeia*, 1 Ti-mô-thê 2:10
5. Thuật ngữ phủ định (tiền tố phủ định, *asebeia*), 2 Ti-mô-thê 2:16; Tít 2:12

**3:12**

**NASB, NKJV**

**"trông đợi và và vội vã sự trở lại của Đức Chúa Trời"**

**NRSV**

**"chờ đợi và hồi thức sự đến của ngày của Đức Chúa Trời "**

**TEV**

**"khi anh em chờ đợi Ngày của Đức Chúa Trời và làm hết khả năng của anh em để khiến nó xảy ra sớm "**

**NJB**

**"khi anh em chờ đợi Ngày của Đức Chúa Trời đến, hãy cố gắng hồi thức nó đến "**

Cả hai là những phân từ chủ động thì hiện tại (present active participle), vốn mô tả về hai khía cạnh liên hệ với Sự Tái Lâm, được gọi duy nhất ở đây là "ngày của Đức Chúa Trời." Thuật ngữ thứ nhất cơ bản có nghĩa là "nhìn với sự trông đợi" (theo Công Vụ 3:5; 10:24) hoặc "chờ đợi với sự run sợ" (theo Lu-ca 21:26; Công Vụ 27:33; 28:6). Nó được sử dụng ba lần trong 2 Phi-e-rơ 3:12,13, và 14. Các tín đồ chờ đợi với sự trông mong, nhưng những kẻ không tin sợ hãi ngày của sự đoán phạt này.

Từ thứ hai có hai nghĩa liên quan đến cấu trúc ngữ pháp mà nó được thấy:

1. Nếu nó là một ngoại động từ ( transitive verb) (chuyển hành động sang một tân ngữ trực tiếp) thì nó có nghĩa là "thúc giục," "háo hức cho (một điều gì đó)" (phần ghi chú cuối trang của bản NRSV, ASV, NEB, NIV, Peshitta, và Bản New Century, tương tự với ý nghĩa đối với từ *maranatha* của hội thánh đầu tiên).
2. Nếu nó là một thể ghép ngữ pháp nội động từ (intransitive grammatical construction) (được mô tả như là một một tình trạng hiện hữu hoặc một sự tập chú trên tác nhân của hành động) nó có thể có nghĩa là "hồi thức " (theo Lu-ca 19:5; Công Vụ 22:18). Thần học rằng hành động của các tín đồ phải thúc giục



sự trở lại của Chúa được thấy trong Ma-thi-ơ 6:10 (lời cầu nguyện) và Công Vụ 3:19-20 (sự phẫn nung); Rô-ma 9-11 (đủ số Những Người Ngoại và Người Do Thái được cứu). Trong văn mạch này một lối sống tin kính của các tín đồ sẽ được khích lệ bởi một niềm hy vọng về sự tái lâm sắp sửa đến.

Đây là một cách mô tả khó bởi vì tâm trí hiện đại của chúng ta vốn giảm nhẹ những nghịch lý. Đức Chúa Trời là toàn năng, tể trị và đã định sẵn ngày trở lại của Đấng Christ, nhưng những hành động của tín đồ (sự cầu nguyện, làm chứng, tin kính) có thể thay đổi ngày đó (sớm hơn hoặc muộn hơn). Đây là khía cạnh giao ước của lẽ thật theo kinh thánh vốn thật bối rối với những người phương tây hiện đại. Đức Chúa Trời bị ảnh hưởng bởi con cái Ngài (trong cả cách tiêu cực và tích cực)! Tuy nhiên, chính là thật này là lý do vì sao những lời cầu nguyện cầu thay luôn có tác dụng.

▣ " (bởi vì điều đó) các tầng trời sẽ bị thiêu đốt và hủy diệt, các nguyên tố sẽ bị tan chảy trong lửa "Câu hỏi giải nghĩa là, "Những điều này ngụ ý theo nghĩa đen hay lai thế?" Những thông điệp hình bóng Cựu Ước này rất phổ biến trong Ê-sai 10:10-13; 34:4; 51:6; Giô-ên 2:28-32; Mi-chê 1:4. Văn mạch này đã chỉ đến vài lần sự kết thúc của thế giới hiện thực của thời gian và không gian này trong sự liên hệ với lửa. Sự tẩy sạch này thiết lập một nền tảng thuộc linh cho trời mới đất mới. Có phải chúng sẽ ở thể vật chất (vườn Ê-đen được phục hồi) hay là thuộc linh (1 Cô-rinh-tô 15:35-58)? Thật khó để mô tả những thực tại cuối cùng và thuộc linh trong những từ ngữ của con người xác thịt. Sự thực tại không bị ảnh hưởng bởi thể loại văn học!

**3:13 " Nhưng theo lời hứa của Ngài " (Ê-sai 65:17-25; 66:22-24)**

▣ " trời mới đất mới " (Ê-sai 11:6-9; 65:17; 66:22; Khải Huyền 21:1-27)

▣ " nơi sự công chính ngự trị " Đức Chúa Trời khao khát một sự thiết lập và một dân thánh tương thích với đặc tính của chính Ngài (Ê-sai 45:24-25). Một Đức Chúa Trời thánh khiết đòi hỏi một dân sự thánh khiết (Ê-sai 60:12; Ma-thi-ơ 5:48). Nó chính là một sự sáng tạo mới bởi vì nó trái nghịch với một thế giới sáng tạo đã bị sa ngã (theo Sáng Thế Ký 3).

#### **ĐOẠN TRÍCH KINH THÁNH BẢN RUV11 (BẢN TIẾNG ANH NASB) 2 PHI-E-RƠ 3:14-18**

<sup>14</sup> Vậy, thưa anh em yêu dấu, trong khi trông đợi những điều đó, anh em phải cố hết sức để Ngài thấy anh em không tì vết, không có gì đáng trách và sống trong sự bình an. <sup>15</sup> Hãy nhớ rằng sự kiên nhẫn của Chúa chúng ta là vì sự cứu chuộc của anh em. Cũng như Phao-lô, người anh yêu dấu của chúng ta, đã viết cho anh em theo sự khôn ngoan được ban cho mình. <sup>16</sup> Trong tất cả các thư tín, ông đều đề cập đến những điều này. Các thư của ông có một vài điều khó hiểu mà những kẻ dốt nát và không vững vàng đã xuyên tạc, như họ đã làm với các phần khác trong Kinh Thánh, để chuốc lấy sự hủy diệt cho chính mình. <sup>17</sup> Thưa anh em yêu dấu, anh em đã biết trước điều này; vậy, hãy thận trọng, kẻo anh em cũng bị lôi cuốn theo sự lầm lạc của những kẻ gian ác đó mà đánh mất lòng kiên quyết của mình. <sup>18</sup> Nhưng hãy tăng trưởng trong ân điển và sự hiểu biết Chúa và Cứu Chúa chúng ta là Đức Chúa Jêsus Christ. Cầu xin vinh quang thuộc về Ngài, từ nay cho đến đời đời! A-men.

**3:14 "phải cố hết sức để Ngài thấy (trong sự bình an) "** Đây là một thể mệnh lệnh chủ động bất định (aorist active imperative), vốn nhấn mạnh về tính cấp bách. Các tín đồ cần phải có trách nhiệm để sống những đời sống tin kính. Phải có một sự đáp ứng giao ước thích đáng với tình yêu của Đức Chúa Trời.

Thể động từ thứ hai là một nguyên mẫu thụ động thì bất định (aorist passive infinitive). Nó có chỉ đến "Ngày của Đức Chúa Trời" trong 2 Phi-e-rơ 3:12. Chúa Jesus thường sử dụng minh họa của các tín đồ như những kẻ quản trị được giao trách nhiệm trên những tài sản của chủ họ. Họ phải sẵn sàng vào bất cứ lúc nào cho sự trở lại của Ngài và vào lúc đó sẽ phải giải trình cho sự quản trị của họ (theo Mác 13:33- 37; Lu-ca 18:8).

Sự bình an chỉ có thể nêu (1) người đó đã đáp ứng với sự mời gọi phúc âm; (2) người đó hiểu thông điệp của phúc âm; và (3) Người đó sống hằng ngày bày tỏ phúc âm. Các giáo sư giả và những kẻ theo họ đã thất bại trong cả ba điều kể trên này và họ không có sự bình an!

▣ " **không tì vết** " Cụm từ này được sử dụng trong 1 Phi-e-rơ 1:19 để chỉ đến Đấng Christ (Theo Giăng 8:46; 14:30; Lu-ca 23:41; 2 Cô-rinh-tô 5:21; Hê-bơ-rơ 4:15; 7:26-27; 1 Phi-e-rơ 2:22; 3:18; 1 Giăng 2:2; 4:14). Nó là một ẩn dụ Cựu Ước để mô tả về sự thanh tẩy những của lễ sinh tế động vật (Lê-vi Ký 22:19-20). Chúng ta phải sống trong ánh sáng của (1) tấm gương của Đấng Christ, (2) những mạng lệnh của Đấng Christ, và (3) Sự trở lại của Đấng Christ!

**3:15**

**NASB, NRSV**

"tùy theo sự kiên nhẫn của Chúa chúng ta như là sự cứu rỗi "

**NKJV**

"và giải thích rằng sự kiên nhẫn của Chúa chúng ta chính là sự cứu rỗi "

**TEV**

"Hãy nhìn vào sự kiên nhẫn của Chúa chúng ta như là cơ hội Ngài sẽ ban cho anh em để được cứu "

**NJB**

"Hãy suy nghĩ về sự kiên nhẫn của Chúa chúng ta như là cơ hội của anh em để được cứu"

Điều này chỉ về ai (1) các Cơ Đốc Nhân là những người đã được cứu hoặc (2) những giáo sư giả bội nghịch và không tin kính và những kẻ theo họ? Nó rõ ràng là những sự nhìn lại về sự kiên nhẫn của Đức Chúa Trời trong 2 Phi-e-rơ 3:9. Một vài người đã lợi dụng sự thương xót của Đức Chúa Trời để phạm tội và sống những đời sống tập chú vào chính mình. Những người khác nắm lấy sự tha thứ của Đức Chúa Trời và sống bất chước theo đặc tính của Ngài.

▣ " **Cũng như Phao-lô, người anh yêu dấu của chúng ta** " Cụm từ này chỉ ra cách rõ ràng rằng không có bất kỳ sự căng thẳng nào giữa Phao-lô và Phi-e-rơ. Mỗi người trong học đã nhận ra sự kêu gọi và sự ban ân từ trên người còn lại (theo Ga-la-ti 2 7-10). Sự cố được chép lại trong Ga-la-ti 2:11-21 đã không gây ra một rạn nứt vĩnh viễn.

▣ " **đã viết cho anh em** " không chắc rằng điều này chỉ đến điều gì trong những lá thư của Phao-lô. Nếu những độc giả (Tiểu Á) giống với 1 Phi-e-rơ và Phao-lô đã viết Ga-la-ti để gửi đến nhóm những hội thánh ở phía bắc khu vực Tiểu Á, thì Ga-la-ti đã được viết sớm gửi đến cùng một khu vực mà sách 2 Phi-e-rơ được gửi đến, và lựa chọn có khả năng tốt nhất chính là sách Ga-la-ti. Nhưng trong thực tế thì chúng ta không biết.

Lựa chọn thứ hai là từ khi chủ đề chung của đoạn này chính là Sự Tái Lâm thì có lẽ những lá thư được viết từ sớm của Phao-lô gửi đến cho người Tê-sa-lô-ni-ca đang được chỉ đến ở đây. Lựa chọn thứ ba mà một vài người suy xét rằng phần Kinh Thánh trong Rô-ma đã thực chức năng nguyên gốc như một lá thư được gửi định kỳ. Đối với tôi, Ga-la-ti hoặc Rô-ma, vốn là những sách thần học theo khuynh-hướng-sự-cứu-rỗi nhiều hơn của Phao-lô, có lẽ là sự phỏng đoán tốt nhất.

**3:16 " (cũng như) trong tất cả các thư tín "** Rất nhiều những sự phê bình về sách 2 Phi-e-rơ được viết bởi Sứ Đồ Phi-e-rơ liên hệ với sự nhắc đến này về những thư tín của Phao-lô. Đúng là mọi lá thư của Phao-lô được tập hợp chung với nhau và lưu hành dưới danh xưng "Vị Sứ Đồ," nhưng điều này xảy ra rất muộn sau thời điểm qua đời của Phi-e-rơ trong thời hoàng đế Nê-rô (SC 64-68).

Tuy nhiên, phần Kinh Thánh này không khẳng định có bao nhiêu lá thư của Phao-lô mà Phi-e-rơ đang nói đến ở đây, cũng như sự nhắc đến này cũng không ngụ ý về sự lưu hành của toàn bộ tập thư tín.

▣ " **Các thư của ông có một vài điều khó hiểu** " Những điều nào?

(1) Sự mặc khải (theo 2 Phi-e-rơ 3:2); (2) những ngày sau rốt (2 Phi-e-rơ 3:3-4a); (3) sự sáng tạo (2 Phi-e-rơ 3:4b-5); (4) trận lụt trong thời Nô-ê (2 Phi-e-rơ 3:6); (5) ngày phán xét (2 Phi-e-rơ 3:7,10); (6) thời điểm của Đức Chúa Trời (2 Phi-e-rơ 3:9); (7) Sự Tái Lâm (2 Phi-e-rơ 3:12); (8) thời kỳ mới của sự công chính (2 Phi-e-rơ 3:12-13); (9) sự cứu rỗi cá nhân (2 Phi-e-rơ 3:14a, 15a); (10) đời sống tin kính (2 Phi-e-rơ 3:11,14b); hoặc (11) một điều gì đó trong đoạn một hoặc đoạn hai?

Dù cho nó có là sự hiểu sai của các giáo sư giả và bẻ cong nó thành sự hư mất của họ. Trong nghĩa này nó có thể là sự nhấn mạnh của Phao-lô trên sự cứu rỗi như là một món quà miễn phí từ Đức Chúa Trời tách khỏi những việc làm của sự công chính của con người (sự xưng công chính bởi đức tin). Có thể rằng Gia-cơ (theo Gia-cơ 2:14-26) đã sửa lại một sự hiểu sai khác của bài giảng của Phao-lô.

▣ **" những kẻ dốt nát và không vững vàng đã xuyên tạc, như họ đã làm với các phần khác trong Kinh Thánh "** "Thật giúp ích cho tôi để nhận ra rằng Các Sứ Đồ là những người đã bước đi cách cá nhân cùng với Chúa Jesus trong vài năm cũng đã không luôn luôn hiểu Ngài (theo Mác 9:32; Lu-ca 2:50; 9:45; 18:34; Giăng 2:22; 10:6; 12:16; 16:18). Cũng như không phải mọi Sứ Đồ đều luôn hiểu những tác phẩm được viết của những Sứ Đồ khác. Chúng ta được gọi là những chứng nhân trung tín và anh em giao ước tin kính! Không ai trong chúng ta hiểu được tất cả mọi điều.

Trong Tân Ước từ "Lời Chúa (Kinh Thánh)" luôn chỉ đến Cựu Ước. Tân Ước chưa hoàn tất và được biên tập lại cho đến cuối thế kỷ thứ nhất. Hầu hết những phần Kinh Thánh quen thuộc về sự thần cảm và đáng tin cậy của Kinh Thánh đều chỉ đến Cựu Ước (theo Ma-thi-ơ 5:17-19; 1 Cô-rinh-tô 2:9-13; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:13; 2 Ti-mô-thê 3:16; 1 Phi-e-rơ 1:23-25; 2 Phi-e-rơ 1:20-21).

Đây là một trong những chỗ rất hiếm nơi mà những tác phẩm Tân Ước được đặt ngang hàng với Kinh Thánh Cựu Ước. Phi-e-rơ khẳng định sự thần cảm của Phao-lô và thẩm quyền của những tác phẩm viết của ông bởi cụm từ này.

▣ **" chuốc lấy sự hủy diệt cho chính mình "** Kinh Thánh chính là sự tự-mặc-khải của Đức Chúa Trời cho một thế giới hư mất và thiếu thốn. Con người tội lỗi (những giáo sư giả) đã bẻ cong biến nó thành sự nguy ngập của họ. Sự đoán phạt đang đến gần; Chúa Jesus chính là niềm hy vọng duy nhất; mọi người một ngày kia đều sẽ phải đối diện với Đức Chúa Trời!

**3:17 " biết trước điều này "** Những giáo sư giả luôn luôn hiện diện! Những độc giả đã lo lắng về cách sử dụng Kinh Thánh (Cựu Ước) của những giáo sư giả và những tác phẩm viết Sứ Đồ (Các Thư Tín) (2 Phi-e-rơ 3:2). Có một vài cách theo Kinh Thánh để phân biệt một giáo sư giả.

1. Những dấu kỳ hoặc phép lạ, nhưng trong danh của một thần khác (Phục Truyền 13:1-5)
2. Những tiên đoán chính xác về tương lai nhưng trong danh của một thần khác (Phục Truyền 18:18-22)
3. Lối sống (Ma-thi-ơ 7; Gia-cơ, 1 Giăng, and 2 Phi-e-rơ)
4. Những phép lạ không đương nhiên là dấu đến từ Đức Chúa Trời (Ma-thi-ơ 24:24)
5. Thông điệp bắt buộc phải có Đấng Christ là trung tâm (1 Giăng 4:1-6)
6. Sự giải nghĩa sai về sự mặc khải của Đức Chúa Trời (2 Phi-e-rơ 3:2)

▣ **" hãy thận trọng "** Đây là một thể mệnh lệnh trung cách thì hiện tại (present middle imperative). Đây là một từ trong quân đội giống như 1 Phi-e-rơ 1:4. Các tín đồ có một trách nhiệm cá nhân để tiếp tục kiểm tra và đánh giá những gì mà người khác nói về Đức Chúa Trời/Đấng Christ. Có những kẻ lừa dối đến cùng (mối quan hệ) hoặc không có mối liên hệ (Ê-phê-sô 4:14; 6:11-12). Đừng trở nên khờ khạo thuộc linh!

▣ **" kéo anh em cũng bị lôi cuốn theo "** Đây là một phân từ thụ động thì bất định (aorist passive participle). Nó trái ngược với từ Cựu Ước dùng cho đức tin vốn có nghĩa là đứng vững vàng (sự kiên định hoặc vững vàng). Cùng một từ mô tả những hành động của chính Phi-e-rơ trong Ga-la-ti 2:13.

**3:18 " nhưng hãy tăng trưởng trong ân điển và sự hiểu biết Chúa và Cứu Chúa chúng ta "** Đây là một Thể mệnh lệnh chủ động hiện tại (present active imperative). Nó chính là chủ đề trung tâm của sách. Các tín đồ được gìn giữ chống lại sự sai trật bằng cách tăng trưởng trong sự hiểu biết về phúc âm và sống bày tỏ phúc âm. Câu này song hành với Giu-đe 20.

▣ **" Cầu xin vinh quang thuộc về Ngài "** Cụm từ này được sử dụng nhiều hơn hẳn cho Đức Chúa Cha (Hãy xem ghi chú tại 1 Phi-e-rơ 4:11, cf. Jude; 2 Phi-e-rơ 3:24-25), nhưng cũng thỉnh thoảng nói về Đấng Christ (2 Ti-mô-thê 4:18; 2 Phi-e-rơ 3:18; Khải Huyền 1:6).

Trong Cựu Ước từ Hê-bơ-rơ thông dụng nhất cho "vinh quang (vinh hiển)" (*kbd*) có nguồn gốc từ thuật ngữ thương mại vốn chỉ đến một cặp quả cân và có nghĩa "trở nên nặng." Điều này có nghĩa rằng thứ có sức nặng đó là quý giá hoặc có giá trị thực chất. Thường khái niệm của sự sáng được thêm vào để bày tỏ về sự oai nghi của Đức Chúa Trời (Xuất 19:16-18; 24:17; Ê-sai 60:12). Chỉ duy mình Ngài là xứng đáng và đáng trọng. Ngài quá siêu việt đối với con người sa ngã để ngắm xem (Xuất 33:17-23; Ê-sai 6:5). Đức Chúa Trời chỉ có thể được biết một cách thật sự qua Đấng Christ (Giê-rê-mi 1:14; Ma-thi-ơ 17:2; Hê-bơ-rơ 1:3; Gia-cơ 2:1).

Từ vinh quang trong một phương diện khá mơ hồ về nghĩa.

1. Nó có thể song hành với "sự công chính của Đức Chúa Trời"
2. Nó có thể chỉ đến sự thánh khiết và trọn vẹn của Đức Chúa Trời
3. Nó có thể chỉ đến hình ảnh của Đức Chúa Trời mà trong nó con người được tạo dựng (theo Sáng Thế Ký 1:26-27; 5:1; 9:6), nhưng sau này đã bị làm hư hỏng bởi sự bội nghịch (theo Sáng Thế Ký 3:1-22)

Từ này được sử dụng đầu tiên cho sự hiện diện của YHWH với dân sự Ngài trong Xuất 16:7,10; Lê-vi Ký 9:23; Dân Số Ký 14:10.

<b>NASB, NRSV</b>	<b>"cả bây giờ và cho đến ngày của sự đời đời "</b>
<b>NKJV</b>	<b>"cả bây giờ và đời đời "</b>
<b>TEV</b>	<b>" cả bây giờ và đời đời "</b>
<b>NJB</b>	<b>"đúng lúc và cõi đời đời "</b>

Từ này nguyên văn là "cả bây giờ và cho đến ngày của thời kỳ." Nó là một thể độc nhất của một sự kết thúc hình bóng, một mặt nào đó song hành với Giu-đe 1:25. Người Do Thái nhìn lịch sử trong những thuật ngữ của hai thời kỳ, một thời kỳ xấu xa, gian ác và một thời kỳ sẽ đến của sự công chính. Thời kỳ sắp đến này đồng nghĩa với vương quốc đời đời. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 13:8.

▣ **"A-men"** Từ này vắng mặt trong bản thảo Hy Lạp ông-xi-an B (Vaticanus), nhưng có trong bản P<sup>72</sup>, 8, A, và C. Hãy xem Chủ Đề Đặc Biệt tại Mác 3:28.

## **NHỮNG CÂU HỎI THẢO LUẬN**

Đây là tài liệu giải kinh hướng dẫn tự nghiên cứu, điều đó có nghĩa là bạn cần có trách nhiệm để đưa ra phần giải kinh riêng của chính mình cho Lời Kinh Thánh. Mỗi một người trong chúng ta cần phải bước đi trong ánh sáng chúng ta có. Bạn, Kinh Thánh, và Đức Thánh Linh là những ưu tiên hàng đầu trong việc giải kinh. Bạn không được phó mặc điều này cho các nhà giải kinh.

Những câu hỏi thảo luận này được cung cấp để giúp bạn suy nghĩ cách xuyên suốt qua những vấn đề chính yếu của phần này của sách. Chúng có mục đích đẩy lên những suy nghĩ, chứ không phải mang tính chất định nghĩa.

1. Tại sao Trí Huệ Giáo lại chối bỏ Sự Tái Lâm?
2. Thông điệp chính của Tân Ước về Sự Tái Lâm là gì?
3. Tại sao Phi-e-rơ lại đề cập đến những tác phẩm (sách) được viết của Phao-lô?

# MỘT SỐ ĐỊNH NGHĨA NGẮN GỌN VỀ CẤU TRÚC NGỮ PHÁP TIẾNG HY LẠP

Tiếng Hy-lạp Koine, thường được gọi là tiếng Hy-lạp của văn hóa Hy Lạp cổ, là một ngôn ngữ thông dụng của thế giới vùng Địa trung hải bắt đầu từ sự chinh phục của Alexander Đại đế (336-323 TCN) và kéo dài trong khoảng 800 năm (300 TCN-500 SCN). Không phải nó chỉ là một thứ tiếng đơn giản, cổ điển, nhưng trong nhiều phương diện nó là một dạng mới hơn của tiếng Hy-lạp và đã trở thành ngôn ngữ thứ hai của vùng Cận đông cổ (Ancient Near East) và thế giới vùng Địa trung hải.

Tiếng Hy-lạp trong Tân ước rất đặc biệt xét về một số mặt bởi vì những người sử dụng nó, trừ Lu-ca và tác giả sách Hê-bơ-rơ, có lẽ hầu hết sử dụng tiếng A-ram là chính. Vì vậy, lối viết của họ bị ảnh hưởng bởi các thành ngữ và cấu trúc của tiếng A-ram. Thêm vào đó, họ đọc và trích từ bản LXX (bản dịch Kinh thánh Cựu ước bằng tiếng Hy-lạp), là bản được viết bằng Koine. Nhưng bản LXX cũng được viết bởi các học giả Do thái là những người mà ngôn ngữ mẹ đẻ của họ không phải là tiếng Hy-lạp.

Điều này là một sự nhắc nhở cho chúng ta rằng chúng ta không nên thúc ép Tân ước vào một cấu trúc ngữ pháp quá chặt chẽ. Nó rất đặc biệt nhưng cũng có nhiều điểm tương đồng với (1) bản LXX; (2) các tài liệu văn chương của người Do thái như Josephus chẳng hạn; và (3) các bản chỉ thảo được tìm thấy ở Ai-cập.. Vậy thì chúng ta sẽ tiếp cận như thế nào với vấn đề phân tích ngữ pháp trong Tân ước?

Các đặc điểm ngữ pháp của tiếng Hy-lạp Koine và tiếng Hy-lạp Koine trong Tân ước rất ‘lỏng’ (hay thay đổi). Xét về một số mặt đây là thời điểm đơn giản hóa văn phạm. Ngữ cảnh sẽ là người hướng dẫn chính của chúng ta. Từ ngữ chỉ có ý nghĩa trong một ngữ cảnh rộng lớn hơn, vì vậy, các cấu trúc ngữ pháp chỉ có thể được hiểu dưới ánh sáng của (1) tính cách của một tác giả cụ thể; và (2) một ngữ cảnh cụ thể. Khó mà có được một định nghĩa cuối cùng về các dạng thức hay cấu trúc tiếng Hy-lạp.

Tiếng Hy-lạp Koine chủ yếu là ngôn ngữ theo động từ (verbal language). Thông thường chìa khóa để giải nghĩa là các loại hay dạng của các động từ này. Trong hầu hết các vế câu chính, động từ luôn xuất hiện trước, để cho thấy sự quan trọng của nó. Khi phân tích động từ tiếng Hy-lạp, có ba điều cần phải chú ý: (1) sự nhấn mạnh cơ bản về các thì, dạng (thụ động, chủ động...) và lối (mood) (hình thái học (accidence hoặc morphology); (2) nghĩa căn bản của một động từ cụ thể (từ điển học); và (3) tính trôi chảy của ngữ cảnh (cú pháp) (syntax).

## I. THÌ (TENSE)

- A. Thì bao gồm mối liên hệ của các động từ với một hành động đã hoàn tất hoặc chưa hoàn tất. Nó cũng thường được gọi là “hoàn thành” hay “chưa hoàn thành.”
1. Các thì hoàn thành tập trung vào sự xảy ra của một động từ. Không có một thông tin nào được cung cấp thêm ngoài việc biết rằng hành động đó đã xảy ra! Việc nó bắt đầu ra sau, có đang tiếp diễn hay đạt đến đỉnh điểm hay chưa thì không được nói đến.
  2. Các thì chưa hoàn thành tập trung vào một tiến trình đang diễn ra của một hành động. Nó được mô tả qua các hành động liên tiếp, hành động trong một khoảng thời gian, hành động tiếp diễn...
- B. Thì có thể được phân chia bởi cách người viết nhận thấy hành động diễn tiến ra sao
1. Đã xảy ra= QUÁ KHỨ (AORIST)
  2. Đã xảy ra và kết quả kéo đến hiện tại= HOÀN THÀNH (PERFECT)
  3. Đang xảy ra trong quá khứ và kết quả còn ảnh hưởng trong quá khứ, không phải trong hiện tại= HỒN HOÀN THÀNH (PLUPERFECT)
  4. Đang diễn ra= HIỆN TẠI (PRESENT)
  5. Đang diễn ra trong quá khứ= CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT)
  6. Sẽ diễn ra= TƯƠNG LAI (FUTURE)

Một ví dụ rõ ràng cho thấy các thì của động từ giúp cho việc giải nghĩa Kinh thánh là ví dụ về chữ “cứu.”

Nó được dùng với nhiều thì khác nhau để cho thấy cả tiến trình và điểm đỉnh của nó:

1. QUÁ KHỨ- ‘đã cứu’ (Rô-ma 8:24)
2. HOÀN THÀNH- ‘đã được cứu và kết quả còn trong hiện tại (Ê-phê-sô 2:5, 8)
3. HIỆN TẠI- “được cứu” (I Cô-rinh-tô 1:18; 15:2)
4. TƯƠNG LAI- ‘sẽ được cứu’ (Rô-ma 5:9, 10; 10:9)

C. Khi tập trung nghiên cứu các thì của động từ, người giải nghĩa tìm xem lý do gì khiến các trước giả nguyên thủy chọn diễn tả ý tưởng của mình qua thì của động từ đó. Thì tiêu chuẩn ‘không màu mè’ là thì QUÁ KHỨ. Đây là một dạng động từ thông thường “không cụ thể,” “không định lần ranh,” hoặc “không dễ ngã ngũ.” Khía cạnh của thì quá khứ chỉ có trong LỜI CHỈ ĐỊNH (INDICATIVE MOOD). Nếu một thì nào khác được dùng đến, thì có một điều gì đó cụ thể hơn được nhấn mạnh. Nhưng đó là gì?

1. THÌ HOÀN THÀNH (PERFECT TENSE) Thì này diễn tả một hành động đã hoàn tất và kết quả vẫn còn lại trong hiện tại. Nói nôm na, nó là sự kết hợp của THÌ QUÁ KHỨ và THÌ HIỆN TẠI. Thông thường trọng tâm của nó xoáy vào các kết quả hiện có hoặc là sự hoàn tất của hành động. Ví dụ: Ê-phê- sô 2:5 và 8, “các ngươi đã và vẫn tiếp tục được cứu.”
2. HƠN HOÀN THÀNH (PLUPERFECT) Thì này giống như thì HOÀN THÀNH nhưng kết quả theo sau đã chấm dứt. Ví dụ: “Phi-e-rơ đang đứng trước cửa ở bên ngoài” (Giăng 18:16).
3. HIỆN TẠI (PRESENT) Điều này diễn tả một hành động chưa hoàn tất. Sự tập trung thông thường là vào sự tiếp diễn của một sự kiện. Ví dụ: “Ai cứ ở trong Ngài thì không tiếp tục phạm tội,” “những người sanh bởi Đức Chúa Trời thì không tiếp tục phạm tội” (I Giăng 3:6 & 9).
4. CHƯA HOÀN THÀNH (IMPERFECT TENSE) Trong thì này mối liên hệ với THÌ HIỆN TẠI cũng gần giống với mối liên hệ giữa thì HOÀN THÀNH và HƠN HOÀN THÀNH (PLUPERFECT). Thì CHƯA HOÀN THÀNH nói đến một hành động chưa hoàn thành đang diễn ra nhưng đã chấm dứt hoặc sự bắt đầu của một hành động trong quá khứ. Ví dụ: “Cả Giê-ru-sa-lem vẫn tiếp tục đi đến với Ngài” hay là “cả Giê-ru-sa-lem đã bắt đầu đi đến với Ngài” (Ma-thi-ơ 3:5).
5. TƯƠNG LAI (FUTURE) Điều này nói đến một hành động thường được hoạch định trong một thời điểm trong tương lai. Nó tập trung vào triển vọng có thể xảy ra của hành động hơn là sự xảy ra thật sự. Nó cũng thường chỉ sự chắc chắn của một sự kiện. Ví dụ: “Phước cho...họ sẽ...” (Ma-thi-ơ 5:4-9)

## II. DẠNG (VOICE)

A. Dạng mô tả mối liên hệ giữa hành động của động từ và chủ thể của nó.

B. DẠNG CHỦ ĐỘNG (ACTIVE VOICE) là cách dùng thông thường, không nhấn mạnh để xác định một chủ thể nào đó đang làm một hành động nào đó.

C. DẠNG THỤ ĐỘNG (PASSIVE VOICE) có nghĩa là chủ từ nhận hành động của động từ sinh ra bởi một tác nhân khác ở bên ngoài. Tác nhân bên ngoài tạo ra hành động đó được chỉ định bằng các giới từ và trường hợp sau đây trong tiếng Hy-lạp của Tân ước:

1. Tác nhân trực tiếp có ngôi thứ (personal direct agent) sử dụng từ *hupo* với công cụ cách (ABLATIVE CASE) (Ma-thi-ơ 1:22; Công vụ 22:30).
2. Tác nhân trung gian có ngôi thứ (personal intermediate agent) sử dụng từ *dia* với công cụ cách (ABLATIVE CASE) (Matt 1:22)
3. Tác nhân không ngôi thứ (impersonal agent) thường dùng với từ *en* với công cụ cách (INSTRUMENTAL CASE).
4. Tác nhân có khi thuộc nhân cách hóa, có khi không và được dùng bởi chỉ công cụ cách (INSTRUMENTAL CASE).

D. DẠNG TRUNG CÁCH (MIDDLE VOICE) nghĩa là chủ từ làm ra hành động của động từ và cũng đồng

thời trực tiếp tham gia vào hành động đó. Nó cũng thường được gọi là dạng lợi ích cá nhân nâng cao (heightened personal interest). Cấu trúc nào nhấn mạnh chủ từ của một vế câu hay của cả câu trong một cách nào đó. Cấu trúc này không có trong tiếng Anh. Nó có một tầm ý nghĩa và cách dịch khá rộng trong tiếng Hy-lạp. Một vài ví dụ của nó được liệt kê như sau:

1. TỰ THÂN (REFLEXIVE)- hành động trực tiếp của chủ từ lên chính nó. Ví dụ: “tù treo cổ hấn” (Ma-thi-ơ 27:5)
2. NHẤN MẠNH (INTENSIVE)- chủ từ làm ra hành động cho chính nó. Ví dụ: “Chính quỷ Satan mạo làm thiên sứ sáng láng” (II Cô-rinh-tô 11:14).
3. QUA LẠI (RECIPROCAL) – sự tương giao qua lại giữa hai chủ từ. Ví dụ “họ bàn với nhau” (Ma-thi-ơ 26:4).

### III. LỜI (MOOD)

- A. Có bốn lời trong tiếng Hy Lạp Koine. Chúng cho thấy mối liên hệ giữa động từ và hiện thực, ít nhất là trong đầu của người viết. Các lời này được chia ra làm hai loại khá rộng: loại chỉ hiện thực (CHỈ ĐỊNH) (INDICATIVE) và loại chỉ điều có thể sẽ xảy ra (potentiality) (BÀN THÁI CÁCH, MỆNH LỆNH VÀ MONG MỎI) (SUBJUNCTIVE, IMPERATIVE, OPTATIVE).
- B. LỜI CHỈ ĐỊNH (INDICATIVE MOOD) là lời thông thường diễn tả hành động đã diễn ra hoặc đang diễn ra, ít ra là trong trí của người viết. Nó là lời duy nhất trong tiếng Hy-lạp diễn tả một thời gian xác định và ngay cả ở đây khía cạnh này chỉ là thứ yếu.
- C. LỜI BÀN THÁI (SUBJUNCTIVE MOOD) diễn tả hành động có thể có trong tương lai. Điều gì đó đã không xảy ra nhưng nó có cơ hội xảy ra. Nó có nhiều điểm chung với LỜI CHỈ ĐỊNH TƯƠNG LAI (FUTURE INDICATIVE). Điều khác nhau là LỜI BÀN THÁI diễn tả sự nghi ngờ ở một mức độ nào đó. Trong tiếng Anh, điều này thường được diễn tả qua các từ ngữ như “could,” “would,” “may,” hay “might.”
- D. LỜI MONG MỎI (OPTATIVE MOOD) diễn tả một sự mong ước trên lý thuyết có thể xảy ra. Nó được xếp xa hơn một bước so với LỜI BÀN THÁI. LỜI MONG MỎI bày tỏ sự có thể xảy ra trong một số điều kiện nào đó. LỜI MONG MỎI rất hiếm trong Tân ước. Cách nó thường được dùng là trong câu nói nổi tiếng của Phao-lô, “Chẳng hề như vậy” (KJV, “Lạy Trời đừng có chuyện như vậy”), được sử dụng 15 lần (Rô-ma 3:4, 6, 31; 6:2, 15; 7:7, 13; 9:14; 11:1, 11; I Cô-rinh-tô 6:15; Ga-la-ti 2:17; 3:21; 6:14). Các ví dụ khác được ghi lại trong I Tê-sa-lô-ni-ca 1:38; 20:16, Công vụ 8:20 và I Thess 3:11.
- E. LỜI MỆNH LỆNH (IMPERATIVE MOOD) nhấn mạnh một mệnh lệnh có thể xảy ra, nhưng nhấn mạnh đến ý định của người nói. Nó chỉ khẳng định sự xảy ra một cách tự nguyện trong điều kiện có một sự lựa chọn khác. Có một cách sử dụng đặc biệt của LỜI MỆNH LỆNH trong các lời cầu nguyện và trong các lời cầu xin ở ngôi thứ ba. Những loại mệnh lệnh như vậy chỉ có ở thì HIỆN TẠI và thì QUÁ KHỨ trong Tân ước.
- F. Một số sách ngữ pháp xếp loại ĐỘNG TÍNH TỪ (PARTICIPLES) vào một loại khác của lời trong động từ. Nó rất thông dụng trong tiếng Hy-lạp của Tân ước, thường là một động tính từ. Nó được dịch cùng với động từ chính mà nó liên hệ đến. Có một phạm vi rộng các cách dịch những động tính từ này. Tốt nhất là nên tham khảo nhiều bản dịch khác nhau. Cuốn *The Bible in Twenty Six Translations* xuất bản bởi nhà sách Baker là một công cụ rất hữu ích.
- G. CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE INDICATIVE) là một cách rất thông thường và “chưa được định lần ranh” để ghi lại một điều xảy ra. Các thì, dạng và lời khác cũng có một số ý nghĩa quan trọng nhất định mà trước giả nguyên thủy muốn dùng để chuyển tải ý tưởng của mình.

IV. Đối với những người chưa quen với tiếng Hy-lạp, những công cụ học tập sau đây sẽ cung cấp một số

thông tin cần thiết:

- A. Friberg, Barbara và Ti-mô-thê. *Analytical Greek New Testament* . Grand Rapids: Baker, 1988.
- B. Marshall, Alfred. *Interlinear Hy-lạp-English Tân Ước* . Grand Rapids: Zondervan, 1976.
- C. Mounce, William D. *The Analytical Lexicon to the Greek New Testament* . Grand Rapids: Zondervan, 1993.
- D. Summer, Ray. *Essentials of Tân Ước Hy-lạp*. Nashville: Broadman, 1950.
- E. Các môn học hàm thụ có tín chỉ có ở Viện Thánh Kinh Moody, Moody Bible Institute ở Chicago, Illinois.

## V. DANH TỪ (NOUNS)

- A. Xét về mặt cú pháp, các danh từ được xếp theo các cách (cases). Cách là biến dạng của danh từ để cho biết liên hệ của nó đối với động từ và các phần khác trong câu. Trong tiếng Hy-lạp Koine các chức năng của cách (cases) được diễn tả qua các giới từ. Bởi vì các dạng của cách (case form) có thể xác định một số liên hệ khác nhau, nên các giới từ phát triển thêm để cho thấy sự tách biệt rõ ràng hơn đối với các chức năng này.
- B. Các cách trong tiếng Hy-lạp được phân theo 8 loại sau đây:
  1. DANH CÁCH (NOMINATIVE CASE) được dùng để gọi tên và thông thường nó là chủ ngữ của một câu hay một vế câu. Nó cũng được dùng cho các danh từ và tính từ vị ngữ với các động từ nối “là” hay “trở thành.”
  2. SỞ HỮU CÁCH (GENITIVE CASE) được dùng để mô tả và thường gán cho một tính chất hay giá trị cho từ nó liên hệ đến. Nó trả lời câu hỏi, “Loại gì?” Nó thường được diễn tả bởi cách dùng chữ “of” trong tiếng Anh.
  3. CÔNG CỤ CÁCH (ABLATIVE CASE) có cùng cách chia giống như SỞ HỮU CÁCH, nhưng nó được dùng để chỉ sự phân cách. Nó thường chỉ sự phân cách trong một thời điểm, không gian, nguồn gốc, hay mức độ. Trong tiếng Anh, nó thường được sử dụng bằng chữ “from”
  4. TẶNG CÁCH (DATIVE CASE) dùng để diễn tả sở thích cá nhân. Nó có thể chỉ một khía cạnh tích cực hay tiêu cực. Thông thường đó là một bổ ngữ gián tiếp. Trong tiếng Anh, nó được diễn tả qua từ “to.”
  5. VỊ TRÍ CÁCH (LOCATIVE CASE) có cùng cách chia từ như TẶNG CÁCH, nhưng nó diễn tả vị trí trong không gian, thời gian hay những giới hạn lô-gích. Trong tiếng Anh, nó được diễn tả qua những từ “in, on, at, among, during, by, upon, beside.”
  6. CÔNG CỤ CÁCH (INSTRUMENTAL CASE) có cách chia từ giống với TẶNG CÁCH và VỊ TRÍ CÁCH. Nó diễn tả phương tiện hay sự liên hệ. Trong tiếng Anh, nó được diễn tả qua các giới từ “by” “with.”
  7. ĐỐI CÁCH (ACCUSATIVE CASE) dùng để diễn tả sự chấm dứt của một hành động. Nó diễn tả sự giới hạn. Sự sử dụng chủ yếu của nó là bổ ngữ trực tiếp (direct object). Nó trả lời câu hỏi, “Xa bao nhiêu?” hay là “Cho đến mức nào?”
  8. XUNG HỒ CÁCH (VOCATIVE CASE) được dùng để xưng hô trực tiếp.

## VI. CÁC LIÊN TỪ VÀ TỪ NỐI (CONJUNCTIONS, CONNECTORS)

- A. Tiếng Hy-lạp là một ngôn ngữ rất chính xác vì nó có rất nhiều từ nối. Chúng nối kết các ý tưởng (về câu, câu và đoạn). Nó xuất hiện rất thường đến nỗi sự vắng mặt của nó gây ảnh hưởng trong vấn đề giải kinh. Thật ra, các liên từ và từ nối này cho thấy hướng đi trong ý tưởng của các trước giả. Chúng rất hệ trọng trong việc quyết định điều các trước giả này thực sự muốn nói.
- B. Sau đây là danh sách của một số liên từ và từ nối và ý nghĩa của chúng (thông tin này được gộp nhặt từ sách của H.E. Dana và Julius K. Mantey *A Manual Grammar of the Greek New Testament*).
  1. Từ nối chỉ thời gian



- a. *Epei, epeid e, hopote, hos, hote, hotan* (bàn thái cách)- “khi”
  - b. *Hoes*- “trong khi”
  - c. *Hotan, epan* (bàn thái cách)- “bất cứ khi nào”
  - d. *Hoes, achri, mechri* (bàn thái cách)- “cho đến khi”
  - e. *Priv* (nguyên mẫu)- “trước”
  - f. *Hos* – “từ khi” “khi”
2. Từ nối chỉ sự lô-gích
- a. Chỉ mục đích
    - (1) *Hina, hopos, hos* (bàn thái cách)- “để mà”
    - (2) *Hoste* (nguyên mẫu đối cách)- “để”
    - (3) *Pros* (nguyên mẫu đối cách), *eis* (nguyên mẫu đối cách)- “để”
  - b. Chỉ kết quả (có một sự liên hệ mật thiết giữa dạng ngữ pháp thuộc mục đích và kết quả)
    - (1) *Hoste* (nguyên mẫu, đây là dạng thông dụng nhất)- “để mà”
    - (2) *Hiva* (bàn thái)- “để mà”
    - (3) *Ara*- “thì”
  - c. Chỉ hệ quả hay lý do
    - (1) *Gar* (nguyên nhân/hệ quả hay lý luận/kết luận)- “bởi vì”
    - (2) *Dioti, hotiy*- “bởi vì”
    - (3) *Epei, epeide, hos*- “vì”
    - (4) *Dia* (với đối cách) và (nguyên mẫu)- “bởi vì”
  - d. Hàm ý, ám chỉ
    - (1) *Ara, poinun, hoste*- “vì vậy”
    - (2) *Dio* (liên từ ám chỉ mạnh nhất)- “vì điều này,” “vì vậy”
    - (3) *Oun*- “vì vậy” “kết quả là”
    - (4) *Toinoun*- “do vậy”
  - e. Tương phản
    - (1) *Alla* (dạng tương phản mạnh)- “nhưng,” “trừ ra”
    - (2) *De*- “nhưng” “tuy nhiên,” “nhưng” “mặt khác”
    - (3) *Kai*- “nhưng”
    - (4) *Mentoi, oun*- “tuy nhiên”
    - (5) *Plen*- “tuy nhiên” (hầu hết là trong sách Lu-ca)
    - (6) *Oun*- “tuy nhiên”
  - f. So sánh
    - (1) *Hos, kathos* (giới thiệu các vế câu so sánh)
    - (2) *Kata* (trong các từ kép, *katho, kathoti, kathosper, kathaper*)
    - (3) *Hosos* (trong thư Hê-bơ-rơ)
    - (4) *E*- “hơn”
  - g. Tiếp diễn
    - (1) *De*- ‘và’ “bây giờ”
    - (2) *Kai*- ‘và’
    - (3) *Tei*- ‘và’
    - (4) *Hina, oun*- ‘rằng’
    - (5) *Oun*- ‘sau đó’ (trong sách Giăng)
3. Các cách nhấn mạnh
- a. *Alla*- “chắc chắn,” “vâng” “thật ra”
  - b. *Ara*- “thực sự” “chắc vậy” “thật vậy”
  - c. *Gar*- “nhưng thật ra” “chắc vậy” “thực sự”
  - d. *De*- “thực sự”
  - e. *Ean*- “ngay cả”
  - f. *Kai*- “ngay cả,” “thực sự,” “thật ra”
  - g. *Mentoi*- “thực sự”
  - h. *Oun*- “thật sự”

## VII. CÂU ĐIỀU KIỆN

- A. **CÂU ĐIỀU KIỆN** là câu chứa đựng một hay nhiều về câu chỉ điều kiện. Cấu trúc ngữ pháp này giúp cho việc giải nghĩa bởi vì nó cung cấp các điều kiện, lý do, hoặc các nguyên nhân tại sao hành động của động từ chính xảy ra hay không xảy ra. Có 4 loại câu điều kiện. Chúng giao động từ một trường hợp vốn cho là thật từ quan điểm của người viết hay để đạt mục đích của người viết đến trường hợp chỉ là sự mong ước.
- B. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC MỘT** diễn tả hành động hay trạng thái cho là thật từ quan điểm của người viết hay để đạt mục đích của người viết cho dù nó được diễn tả bằng chữ “nếu.” Trong một số trường hợp, nó có thể được dịch là “vì” (Ma-thi-ơ 4:3; Rô-ma 8:31). Tuy nhiên, nó không có nghĩa là tất cả các **BẬC MỘT** đều là thật trong thực tế. Thông thường nó được dùng để chứng minh một điểm nào đó trong một cuộc tranh luận hay để chỉ ra một sai lầm (Ma-thi-ơ 12:27).
- C. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC HAI** thường gọi là “đổi ngược sự kiện.” Nó nói đến một điều gì đó không có thật trong thực tế để chứng minh một điều gì đó. Ví dụ:
1. “Nếu hấn thật là một tiên tri, nhưng thật ra hấn không phải, hấn sẽ biết người phụ nữ đó là ai và như thế nào và là người đã nắm lấy hấn, nhưng hấn không biết” (Lu-ca 7:39)
  2. “Nếu các người thật sự tin Môi-se, là điều các người không có, người sẽ tin Ta, là điều các người không làm (Giăng 5:46).
  3. “Nếu tôi tìm cách để làm đẹp lòng con người, là điều tôi không làm, tôi sẽ không phải là nô lệ của Đấng Christ, là điều tôi đang làm” (Ga-la-ti 1:10).
- D. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BA** nói đến các hành động có thể xảy ra trong tương lai. Nó cho rằng các hành động này có thể xảy ra. Nó thường ám chỉ một sự dự phòng. Hành động trong động từ chính thường liên hệ đến hành động trong về câu theo bậc này. Ví dụ: I Giăng 1:6-10; 2:4, 6, 9, 15, 20, 21, 24, 29; 3:21; 4:20; 5:14, 16.
- E. **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** diễn tả bậc xa nhất của trường hợp có thể xảy ra. Nó rất hiếm trong Tân ước. Thật sự, không có một **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** hoàn chỉnh mà cả hai phần thỏa mãn định nghĩa này. Một ví dụ về một phần của **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** là về câu mở đầu trong I Phi-e-rơ 3:14. Một ví dụ khác về **CÂU ĐIỀU KIỆN BẬC BỐN** là về câu kết thúc trong Công vụ 8:31.

## VIII. LỖI NGĂN CẤM (PROHIBITIONS)

- A. **CÂU MỆNH LỆNH HIỆN TẠI** với **TIỀN TỐ ‘ME’** thường khi (không phải mọi lúc) nhấn mạnh sự ngưng một hành động đang diễn ra. Một số ví dụ như “ngưng chất chứa của cải người ở dưới đất...” (Ma-thi-ơ 6:19); “ngừng lo lắng về cuộc sống...” (Ma-thi-ơ 6:25); “ngưng giao cho tội lỗi các chi thể như là đồ dùng cho sự gian ác...” (Rô-ma 6:13); “người phải ngưng làm buồn Thánh Linh của Đức Chúa Trời...” (Ê-phê-sô 4:30); và “ngưng say rượu...” (5:18).
- B. **LỖI BÀN THÁI QUÁ KHỨ** với **TIỀN TỐ ‘ME’** nhấn mạnh “đừng nghĩ đến chuyện bắt đầu một hành động” Một vài ví dụ “Đừng ngay cả bắt đầu suy nghĩ...” (Ma-thi-ơ 5:17); “đừng bao giờ bắt đầu lo lắng...” (Ma-thi-ơ 6:31); “đừng bao giờ hổ thẹn...” (II Ti-mô-thê 1:8).
- C. **PHỦ ĐỊNH KÉP (DOUBLE NEGATIVE)** đi chung với **LỖI BÀN THÁI** mang tính phủ định tuyệt đối. “Không bao giờ, thật không bao giờ” hay là “không có trong bất cứ hoàn cảnh nào.” Một vài ví dụ như: “sẽ không có bao giờ nếm sự chết” (Giăng 8:51); “ta sẽ không bao giờ...” (I Cô-rinh-tô 8:13).

## IX. MẠO TỪ

- A. Trong tiếng Hy-lạp Koine, mạo từ xác định “the” giống với tiếng Anh. Chức năng chủ yếu của nó là

“một con trỏ,” một cách để gây sự chú ý về một từ, một tên, hay một cụm từ. Cách dùng của nó thay đổi theo các trước giả trong Tân ước. Mạo từ xác định cũng có các chức năng sau:

1. Một dụng cụ làm tương phản giống như một đại từ chỉ định (demonstrative pronoun);
  2. Một dấu hiệu chỉ một chủ đề hay một người đã được đề cập đến ở phần trước;
  3. Một cách để xác định chủ từ trong một câu với một động từ nối. Ví dụ: “Đức Chúa Trời là thần” Giăng 4:24; “Đức Chúa Trời là sự sáng” I Giăng 1:5; “Đức Chúa Trời là tình yêu thương” 4:8, 16.
- B. Tiếng Hy-lạp Koine không có một mạo từ bất định như “a” “an” trong tiếng Anh. Sự vắng mặt của một mạo từ xác định có thể có ý:
1. Tập trung vào bản chất hay giá trị của một điều gì đó
  2. Tập trung vào phân loại của một điều gì đó
- C. Các trước giả Tân ước sử dụng mạo từ rất khác nhau.

## X. CÁCH NHẤN MẠNH TRONG TIẾNG HY LẠP CỦA TÂN ƯỚC

- A. Kỹ thuật bày tỏ sự nhấn mạnh thay đổi theo các trước giả trong Tân ước. Các trước giả sử dụng có vẻ nhất quán và nghiêm chỉnh nhất là Lu-ca và trước giả sách Hê-bơ-rơ.
- B. Chúng tôi đã nói ở phần trước rằng LỐI CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ (AORIST ACTIVE INDICATIVE) là lối tiêu chuẩn, không bị gò bó để nhấn mạnh, nhưng bất cứ một thì nào, dạng nào, lối nào cũng có một tầm quan trọng của nó khi giải nghĩa. Điều này có nghĩa là LỐI CHỈ ĐỊNH CHỦ ĐỘNG QUÁ KHỨ vẫn thường được dùng đến trong một ý nghĩa ngữ pháp quan trọng. Ví dụ: Rô-ma 6:10 (hai lần).
- C. Thứ tự từ trong tiếng Hy-lạp Koine
1. Tiếng Hy-lạp Koine là một ngôn ngữ biến cách (inflected language) có nghĩa là nó không phụ thuộc vào thứ tự từ như trong tiếng Anh. Vì vậy, trước giả có thể thay đổi các thứ tự thông thường của nó để cho thấy:
    - a. Điều trước giả muốn nhấn mạnh
    - b. Điều trước giả nghĩ sẽ đem đến sự ngạc nhiên cho độc giả
    - c. Điều trước giả thật sự cảm nhận sâu xa
  2. Các trật tự từ tiêu chuẩn trong tiếng Hy-lạp vẫn là vấn đề chưa ngã ngũ. Tuy vậy, một thứ tự tạm gọi là thông thường sẽ là:
    - a. Đối với động từ liên kết:
      - (1) Động từ
      - (2) Chủ từ
      - (3) Bổ ngữ (complement)
    - b. Đối với ngoại động từ:
      - (1) Động từ
      - (2) Chủ từ
      - (3) Bổ ngữ (object)
      - (4) Bổ ngữ gián tiếp (indirect object)
      - (5) Cụm giới từ (prepositional phrase)
    - c. Đối với các cụm danh từ:
      - (1) Danh từ
      - (2) Từ bổ nghĩa (modifier)
      - (3) Cụm giới từ
  3. Thứ tự từ có thể mang ý nghĩa giải kinh vô cùng quan trọng. Ví dụ:
    - a. “tay hữu họ trao tôi và Ba-na-ba của sự thông công” (Ga-la-ti 2:9) Cụm từ “tay hữu của sự thông công” được tách ra và đặt phía trước để nhấn mạnh sự quan trọng của nó.

- b. “với Đấng Christ” (Ga-la-ti 2:20), được đặt trước. Sự chết của Ngài là trọng tâm.
- c. “Từng hồi từng lúc trong nhiều cách” (Hê-bơ-rơ 1:1) được đặt trước. Cách Đức Chúa Trời tự mặc khải chính Ngài là điều quan trọng hơn, đối lại với sự kiện mặc khải ở đây.

D. Sự nhấn mạnh ở các mức độ khác nhau được biểu hiện qua:

1. Sự lặp lại đại từ vốn đã có sẵn trong dạng động từ được chia. Ví dụ, “Ta, chính ta, sẽ chắc chắn ở cùng các ngươi...” (Ma-thi-ơ 28:20).
2. Sự vắng mặt các liên từ vốn thường được mong đợi, hoặc các từ nối giữa các từ, cụm từ, vế câu hay câu. Điều này gọi là sự bỏ liên từ (asyndeton) (“không bị ràng buộc”). Các từ nối thường được mong đợi phải có mặt, vì vậy nếu chúng vắng mặt sẽ tạo sự chú ý. Ví dụ:
  - a. Các phước lành, Ma-thi-ơ 5:3 và tiếp sau (nhấn mạnh danh sách này)
  - b. Giăng 14:1 (chủ đề mới)
  - c. Rô-ma 9:1 (phần mới)
  - d. II Cô-rinh-tô 12:20 (nhấn mạnh danh sách này)
3. Sự lặp đi lặp lại các từ hay cụm từ trong một số ngữ cảnh nào đó. Ví dụ: “ngợi khen sự vinh hiển Ngài” (Ê-phê-sô 1:6, 12, 14). Cụm từ này được dùng để chỉ công tác của mỗi thân vị trong Ba ngôi.
4. Cách sử dụng một thành ngữ hay một từ (một âm), cách chơi chữ giữa các từ.
  - a. Cách nói trại- thay thế từ cho những chủ đề cấm kỵ như “ngủ” để chỉ sự chết (Giăng 11:11-14) hay “chân” để chỉ bộ phận sinh dục nam (Ru-tơ 3:7-8; I Sa-mu-ên 24:3).
  - b. Lối nói vòng- thay thế chữ dùng cho danh của Chúa như “nước Trời” (Ma-thi-ơ 3:21) hoặc “tiếng từ trời” (Ma-thi-ơ 3:17).
  - c. Các hình thái Tân Ước từ:
    - (1) Sự nói thái quá (Ma-thi-ơ 3:9; 5:29-30; 19:24).
    - (2) Các câu nói gây đụng chạm (Ma-thi-ơ 3:5; Công vụ 2:36).
    - (3) Nhân cách hóa (I Cô-rinh-tô 15:55)
    - (4) Mía mai (Ga-la-ti 5:12)
    - (5) Đoạn văn thơ (Phi-líp 2:6-11)
    - (6) Chơi âm của các từ
      - i. “Hội thánh”
        - (a) “Hội thánh” (Ê-phê-sô 3:21)
        - (b) “kêu gọi” (Ê-phê-sô 4:1, 4)
        - (c) “được gọi” (Ê-phê-sô 4:1, 4)
      - ii. “tự do”
        - (a) “Người nữ tự do” (Ga-la-ti 4:31)
        - (b) “Sự tự do” (Ga-la-ti 5:1)
        - (c) “tự do” (Ga-la-ti 5:1)
  - d. Các thành ngữ- thường mang tính văn hóa và ngôn ngữ đặc trưng:
    - (1) Đây là cách nói bóng của từ “thức ăn” (Giăng 4:31-34)
    - (2) Đây là cách nói bóng của từ “đền thờ” (Giăng 2:19, Ma-thi-ơ 26:61).
    - (3) Đây là thành ngữ Hê-bơ-rơ chỉ sự thương xót, ‘ghen ghét’ (Sáng thế ký 29:31; Phục truyền luật lệ ký 21:15; Lu-ca 14:36; Giăng 12:25; Rô-ma 9:13).
    - (4) “Tất cả” và “một số.” So sánh Ê-sai 53:6 (“tất cả”) với 53:11 và 12 (“một số”). Những chữ này đều đồng nghĩa như trong Rô-ma 5:18 và 19 cho thấy.
5. Cách dùng một cụm từ đầy đủ các yếu tố ngữ học thay vì chỉ dùng một từ. Ví dụ: “Đức Chúa Jêsus Christ”
6. Cách dùng đặc biệt của chữ *autos*
  - a. Khi đi với một mạo từ (ở vị trí thêm giá trị (attributive position)), thì nó được dịch là “giống.”
  - b. Khi không kèm theo một mạo từ (ở vị trí bổ ngữ (predicate position)), nó được dịch như là một đại từ phản tỉnh nhấn mạnh- “chính anh ta,” “cô ta,” “chính nó.”

E. Những người không đọc được Hy-lạp có thể xác định được những lối nhấn mạnh qua các cách sau:

1. Sử dụng các từ điển phân tích hoặc các bản Anh/Hy Lạp đối chiếu.
2. Các bản dịch Anh ngữ đối chiếu, đặc biệt là từ các quan điểm dịch khác nhau. Ví dụ: so sánh bản dịch

theo “từng chữ” (KJV, NKJV, ASV, NASB, RSV, NRSV) với cách dịch “thoát theo lối tương đương” (Williams, NIV, NEB, REB, JB, NJB, TEV). Một cuốn sách hữu ích ở đây là *The Bible in Twenty-Six Translations* xuất bản bởi nhà xuất bản Baker.

3. Sử dụng cuốn *The Emphasized Bible* của Joseph Bryant Rotherham (Kregel, 1994).
4. Sử dụng bản dịch theo nghĩa đen
  - a. *The American Standard Version* năm 1901
  - b. *Young’s Literal Translation of the Bible* của Robert Young (Guardian Press, 1976).

Việc nghiên cứu ngữ pháp là một vấn đề rất tỉ mỉ, công phu, nhưng cần thiết để có thể giải nghĩa một cách hợp lý. Các định nghĩa, lời bình và các thí dụ ngắn ngủi này nhằm mục đích khuyến khích và trang bị cho độc giả không quen với tiếng Hy-lạp có thể tận dụng các chú thích ngữ pháp có trong tập sách này. Chắc chắn rằng những định nghĩa này rất đơn sơ. Đừng nên sử dụng chúng một cách cứng nhắc, giáo điều, nhưng chỉ là các viên đá bước tiếp đến một sự hiểu biết rõ hơn về các cú pháp Tân ước. Mong ước rằng các định nghĩa này cũng giúp độc giả hiểu được các lời giải thích trong các sách trợ giúp cho việc nghiên cứu chẳng hạn như các sách giải kinh chuyên môn về Tân ước.

Chúng ta phải xác định sự giải thích của chúng ta dựa trên những thông tin có được trong bản văn. Ngữ pháp là một trong những công cụ hữu hiệu nhất; các công cụ khác như bối cảnh lịch sử, ngữ cảnh, cách sử dụng từ và các đoạn văn đối xứng nhau.

# PHÊ BÌNH VĂN BẢN

Chủ đề này được bàn đến với mục tiêu giúp giải thích các chú thích về văn bản có trong tập sách này. Dàn ý sau đây sẽ được dùng đến:

- I. Các nguồn văn bản của Kinh thánh tiếng Anh
  - A. Cựu ước
  - B. Tân ước
- II. Giải thích ngắn về vấn đề và lý thuyết của “hạ phê bình” cũng gọi là “phê bình văn bản”
- III. Tư liệu đề nghị để đọc thêm

## II. Các nguồn văn bản của Kinh thánh tiếng Anh:

### A. Cựu ước

1. Bản Masoretic (MT)- Bản phụ âm Hê-bơ-rơ được bắt đầu bởi Rabi Aquiba vào năm 100 SCN. Các dấu nguyên âm, dấu nhấn, chú thích bên lề, chấm phẩy được bắt đầu thêm vào từ thứ kỷ thứ 6 SCN và hoàn tất vào thế kỷ thứ chín. Nó được thực hiện bởi một dòng các học giả Do thái gọi là Masorettes. Dạng văn bản họ sử dụng cũng giống với các bản trong Mishna, Talmud, Targums, Peshitta và Vulgate.
2. Bản LXX- Truyền thống cho rằng bản LXX được thực hiện bởi 70 học giả Do thái trong 70 ngày cho thư viện Alexandria dưới sự bảo trợ của vua Ptolemy II (năm 285-246 TCN). Người ta cho rằng bản dịch này được thực hiện bởi yêu cầu của một lãnh đạo Do thái sống ở Alexandria. Truyền thống này dựa vào “Lá thư của Aristeas.” Bản LXX thường dựa vào một truyền thống Hê-bơ-rơ khác với bản của Rabi Aquiba (MT).
3. Cuộn biển chết (DSS)- Cuộn biển chết được viết trong thời kỳ của đế quốc La mã trước Công nguyên (200 TCN-70 SCN) bởi một nhóm Do thái phân lập gọi là “Essenes.” Các bản tiếng Hê-bơ-rơ được tìm thấy ở nhiều nơi xung quanh khu vực Biển chết, cho thấy một trường phái văn bản có khác với cả hai trường phái MT và LXX.
4. Một vài ví dụ cụ thể cho thấy cách đối chiếu các bản văn giúp các nhà giải kinh hiểu hơn về Cựu ước
  - a. Bản LXX đã giúp các nhà dịch thuật và học giả hiểu thêm bản MT
    - (1) Ê-sai 52:14 của bản LXX, “khi nhiều người sẽ ngạc nhiên về người.”
    - (2) Ê-sai 52:14 của bản MT, “như nhiều người đã kinh ngạc về người”
    - (3) Trong Ê-sai 52:15 sự phân biệt đại từ được xác định trong bản LXX:
      - i. Bản LXX, “cũng vậy nhiều nước sẽ ngạc nhiên về người”
      - ii. Bản MT, “và người sẽ vậy rửa trên các nước”
  - b. Bản Cuộc biển chết (DSS) giúp các nhà dịch thuật và học giả hiểu thêm bản MT
    - (1) Ê-sai 21:8 của bản DSS, “người tiên tri la lên, tôi đứng trên một cái tháp canh...”
    - (2) Ê-sai 21:8 của bản MT, “và tôi la lên một con sư tử! Chúa tôi, tôi vẫn luôn đứng nơi tháp canh ngày này...”
  - c. Cả hai bản LXX và DSS giúp làm rõ ý nghĩa câu Ê-sai 53:11
    - (1) Bản LXX và DSS, “sau sự khốn khổ của linh hồn mình, người sẽ thấy ánh sáng, người sẽ được thỏa mãn”
    - (2) MT, “người sẽ thấy...sự khốn khổ của linh hồn mình, Người sẽ thỏa mãn”

### B. Tân ước

1. Có khoảng hơn 5.300 bản thảo của toàn bộ hay một phần Tân ước tiếng Hy-lạp còn lại ngày nay. Khoảng 85 bản được viết trên giấy papyrus và 268 bản viết bằng chữ viết hoa (uncials). Sau đó khoảng thế kỷ thứ 9 SCN, bản viết chữ nhỏ phát triển (minuscule). Các bản Hy-lạp ở dạng viết có khoảng 2.700 bản. Chúng ta cũng có khoảng 2.100 bản liệt kê các đoạn Kinh thánh dùng trong thờ phượng mà chúng ta gọi là những bài giảng theo năm (lectionaries).
2. Khoảng 85 bản tiếng Hy-lạp chứa một số phần của Tân ước viết trên giấy papyrus được lưu giữ trong các viện bảo tàng. Một số mang năm tuổi từ thế kỷ thứ hai SCN, nhưng hầu hết đều từ thế kỷ thứ ba hay thứ tư SCN. Không có một bản nào trong các bản này chứa đựng toàn bộ Tân ước.

Không phải bởi vì chúng là những bản cổ nhất thì đương nhiên chúng sẽ có ít dị bản. Nhiều bản trong số này được sao chép rất vội vã để dùng trong nội bộ. Người ta đã không thật sự cẩn thận trong quá trình sao chép. Vì vậy, nó có nhiều điểm khác nhau (variants).

3. Bản Codex Sinaiticus, được gọi theo chữ Hê-bơ-rơ a (*aleph*) hay là (01), được tìm thấy tại Tân Ước viện thánh Catherine trên núi Si-na-i bởi Tischendorf. Nó có năm tuổi từ thế kỷ thứ 4 SCN và chứa đựng cả Cựu ước của bản LXX và Tân ước tiếng Hy-lạp. Nó thuộc về dạng “văn bản Alexandrian.”
4. Bản Codex Alexandrinus, cũng được biết với tên gọi “A” hay là (02), là bản tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 được tìm thấy ở Alexandria, Ai cập.
5. Bản Codex Vaticanus, cũng gọi là “B” hay (03), được tìm thấy trong thư viện Vatican ở Roma và có năm tuổi từ giữa thế kỷ thứ 4 SCN. Nó chứa cả bản LXX Cựu ước và Tân ước tiếng Hy-lạp. Nó thuộc về dạng “văn bản Alexandrian.”
6. Bản Codex Ephraemi, cũng gọi là “C” hay (04), một bản bằng tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 và đã bị hủy đi một phần.
7. Bản Codex Bezae, cũng gọi là “D” hay là (05), là bản tiếng Hy-lạp ở thế kỷ thứ 5 hay 6. Nó là đại diện chính của cái gọi là “Bản Tây phương.” Nó chứa đựng nhiều phần thêm vào và là nhân chứng Hy-lạp chính cho bản dịch King Gia-cơ.
8. Các bản Tân ước có thể được nhóm thành 3 hoặc 4 gia đình có chung một số đặc tính:
  - a. Bản Alexandria từ Ai cập
    - (1) P<sup>75</sup>, P<sup>66</sup> (khoảng năm 200 SCN), ghi lại các sách Phúc âm
    - (2) P<sup>46</sup> (khoảng năm 225 SCN), ghi lại các lá thư của Phao-lô
    - (3) Bản P<sup>72</sup> (khoảng năm 225-250 SCN), ghi lại Phi-e-rơ và Giu-đê
    - (4) Bản Codex B, hay là Vaticanus (khoảng năm 325 SCN) bao gồm trọn Cựu ước và Tân ước
    - (5) Các câu trích của Origen từ loại văn bản này
    - (6) Các văn bản khác có loại văn bản a, C, L, W, 33
  - b. Bản Tây phương từ Bắc Phi
    - (1) Những phần trích từ những giáo phụ Bắc Phi, Tertullian, Cyprian, và bản dịch Old Latin (Tiếng La-tinh Cổ) translation
    - (2) Những phần trích bởi Irenaeus
    - (3) Những phần trích từ bản dịch Tatian và Old Syriac
    - (4) Bản Codex D "Bezae" đi theo thể loại văn bản này
  - c. Bản Đông Byzantine từ Constatinople
    - (1) Loại văn bản này được phản ánh trên 80% của 5,300 MSS
    - (2) Được trích bởi những giáo phụ tại Antioch Syria, Cappadoceans, Chrysostom, và Therodoret
    - (3) Bản Codex A, chỉ trong Các Sách Phúc Âm
    - (4) Bản Codex E (thế kỷ thứ 8) cho toàn bộ Tân Ước
  - d. Loại thứ tư “Caesarean” từ Palestine
    - (1) Chỉ được thấy chủ yếu trong sách Mác
    - (2) Các bằng chứng cho nó là bản P<sup>45</sup> và W

### III. Các vấn đề và lý thuyết của “hạ phê bình” hay “phê bình bản văn”

#### A. Các dị bản xảy ra như thế nào

1. Do sơ suất, tình cờ (phần lớn các trường hợp)
  - a. Trượt mắt khi chép tay dẫn đến việc nhìn chữ giống nhau nằm ở sau đó và do vậy bỏ mất những chữ nằm giữa hai chữ giống nhau này (homoioteleuton)
    - (1) Trượt mắt khiến bỏ mất một chữ đôi hay cụm từ đôi (haplography)
    - (2) Trượt đi trong trí khiến lặp lại một cụm từ hay một hàng trong bản Hy-lạp (dittography)
  - b. Nghe trượt khi chép xuống bởi một người đọc làm cho viết sai chữ (itacism). Thường thì chữ viết sai hàm ý hay viết một chữ Hy-lạp khác có cùng âm
  - c. Các bản tiếng Hy-lạp cổ nhất không có chia theo chương hay câu, ít hoặc không có các dấu chấm câu và không có khoảng cách giữa các chữ. Rất có thể có trường hợp các ký tự được tách ra ở những chỗ khác nhau dẫn đến việc tạo ra những chữ khác nhau.

2. Do chủ ý
  - a. Thay đổi để cải tiến dạng ngữ pháp của bản văn được sao chép
  - b. Thay đổi để làm cho bản văn đó hài hòa với các bản Kinh thánh khác (sự hài hòa đối xứng)
  - c. Thay đổi bằng cách kết hợp hai hay nhiều dị bản khác ghép lại thành một bản dài hơn (conflation)
  - d. Thay đổi để chỉnh lại một vấn đề được nhận ra trong bản văn (I Cô-rinh-tô 11:27 và I Giăng 5:7-8)
  - e. Một vài thông tin thêm vào liên quan đến bối cảnh lịch sử hay cách giải kinh đúng đắn cho bản văn được ghi ở ngoài lề bởi người sao chép trước nhưng lại được chép vào ngay bản văn bởi người sao chép sau đó (Giăng 5:4)
- B. Các điểm căn bản của phê bình bản văn (bảng hướng dẫn theo lô-gích để giúp xác định đâu là bản văn nguyên thủy khi vấn đề dị bản xuất hiện)
  1. Bản văn vụng về, ngượng ngịu, rất rối nhất hay bất thường nhất về mặt ngữ pháp có thể là bản nguyên thủy
  2. Bản ngắn nhất có thể là bản nguyên thủy
  3. Bản cổ hơn có trọng lượng hơn bởi vì nó gần với bản nguyên thủy hơn về mặt lịch sử, mọi điều khác đều như nhau
  4. Các bản phân tán khắp nơi về mặt địa lý thường có một bản nguyên thủy
  5. Các bản có tính giáo lý yếu hơn, đặc biệt là những bản liên hệ đến các cuộc bàn luận về các chủ đề thần học chính trong thời gian có sự thay đổi trong các bản văn, ví dụ như giáo lý Ba Ngôi trong I Giăng 5:7-8, là bản được chuộng hơn.
  6. Bản giải thích được rõ nhất nguồn gốc của các dị bản khác
  7. Có hai cấu trúc giúp cho thấy sự quân bình trong vấn đề dị bản gây khó khăn này
    - a. J. Harold Greenlee trong cuốn *Introduction to Tân Ước Textual Criticism* cho biết, “Không có một giáo lý Cơ-đốc nào treo trên một bản văn gây tranh cãi; và các học trò của Tân ước phải xem chừng việc mình muốn bản văn của mình chính thống hơn hay có tính giáo lý mạnh mẽ hơn là bản nguyên thủy được linh cảm” (trang 68).
    - b. W.A. Criswell nói với Greg Garrison trong tờ *The Birmingham News* rằng ông không tin mọi chữ trong Kinh thánh đều được linh cảm, “It ra là không phải mọi chữ đã được đưa ra cho công chúng hiện đại ngày nay bởi các nhà dịch thuật hàng thế kỷ trước.” Criswell nói tiếp, “Tôi cũng là một tín đồ của việc phê bình bản văn. Do đó, tôi nghĩ phần nửa cuối của chương 16 trong sách Mác là tà giáo; nó không được linh cảm, nó chỉ là sự bịa đặt... Khi ta so sánh các bản khác cổ hơn, không có cái gọi là phần kết luận của sách Mác. Một ai đó đã thêm vào...”

Ông tổ của trường phái cho rằng Kinh thánh không sai thuộc giáo hội Báp-tít nam phương này cũng tuyên bố rằng “sự tự thêm ý” có trong Giăng 5, chuyện Chúa Jê-sus ở ao Bê-tết-đa. Và ông cũng nói về hai ghi chép khác nhau về sự tự tử của Giu-đa (Ma-thi-ơ 27 và Công vụ 1): “Đó chỉ là các quan điểm khác nhau về sự tử tử,” Criswell nói, “nếu nó ở trong Kinh thánh, nó phải có lời giải thích cho điều này. Và cả hai sự tường thuật về sự chết của Giu-đa đều có trong Kinh thánh.” Criswell thêm, “Phê bình bản văn tự nó là một khoa học tuyệt vời. Nó không phải là chóng qua, nó không phải là vô lý. Nó năng động và quan trọng...”

#### IV. Các vấn đề về bản văn

##### A. Các sách đề nghị để đọc thêm

1. *Biblical Criticism: Historical, Literacy và Textual*, của R.H. Harrison
2. *The Text of the Tân Ước : Its Transmission, Corruption và Restoration*, của Bruce M. Metzger
3. *Introduction to Tân Ước Textual Criticism* của J. H. Greenlee



## LẬP TRƯỜNG VỀ TÍN LÝ

Tôi thực sự không chú tâm lắm đến các tuyên bố về đức tin hay tín lý. Tôi thà xác nhận chính Kinh thánh. Tuy nhiên, tôi nhận thấy rằng một bản tuyên bố về đức tin sẽ cung cấp cho những người không quen biết tôi có một điều gì đó để đánh giá quan điểm về tín lý của tôi. Trong thời đại ngày nay khi có rất nhiều sai lầm và lừa gạt về các vấn đề thần học, tôi đưa ra bản tóm tắt ngắn gọn sau đây để bày tỏ quan điểm thần học của tôi.

1. Kinh thánh, cả Cựu và Tân ước, đều được linh cảm, là lời vô ngộ, có thẩm quyền, là lời hằng sống của Đức Chúa Trời. Nó là sự tự mặc khải của Đức Chúa Trời được con người ghi lại dưới một sự hướng dẫn siêu nhiên. Nó là nguồn duy nhất trình bày lẽ thật rõ ràng về Đức Chúa Trời và mục đích của Ngài. Nó cũng là nguồn duy nhất về đức tin và sự thực hành cho Hội thánh của Ngài.

2. Chỉ có một Đức Chúa Trời đời đời, là đấng tạo hóa và là đấng cứu rỗi. Ngài là đấng tạo ra mọi điều, thấy được và không thấy được. Ngài bày tỏ chính Ngài là một đấng yêu thương và đầy sự quan tâm nhưng Ngài cũng công bằng và công chính. Ngài bày tỏ chính Ngài qua ba thân vị khác nhau: Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh; hoàn toàn riêng biệt nhưng có cùng chung bản chất.

3. Đức Chúa Trời đang tích cực điều khiển thể giới của Ngài. Có một chương trình đời đời cho tạo vật của Ngài là chương trình không thể thay đổi và một chương trình tập trung vào mỗi cá nhân, là chương trình cho con người có sự tự do trong ý chí. Không việc gì xảy ra mà Ngài không biết hay không có phép của Ngài, nhưng Ngài cũng cho phép sự lựa chọn cá nhân trong vòng con người và các thiên thần. Chúa Jêsus là Người Được Chọn của Đức Chúa Cha và mọi người đều có khả năng được lựa chọn trong Ngài. Sự biết trước của Đức Chúa Trời về những sự kiện xảy ra không hề làm giảm đi giá trị của con người như là một tấm giấy đã được viết sẵn lên. Mỗi chúng ta đều phải chịu trách nhiệm về những tư tưởng và hành động của mình.

4. Con người, mặc dù được tạo dựng theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời và được tự do khỏi tội lỗi, đã chọn chống nghịch lại Đức Chúa Trời. Mặc dù bị cám dỗ bởi một tác nhân siêu nhiên, A-đam và Ê-va vẫn phải chịu trách nhiệm về tính tự kỷ có chủ ý của chính họ. Sự chống nghịch của họ đã ảnh hưởng đến con người và tạo vật. Chúng ta thấy đều cần sự thương xót và ân điển của Đức Chúa Trời bởi điều kiện chung của chúng ta trong A-đam và bởi sự tự ý chống nghịch của mỗi cá nhân.

5. Đức Chúa Trời đã cung cấp một phương tiện để tha tội và phục hồi sự sa ngã của con người. Chúa Jêsus Christ, Con độc sanh của Đức Chúa Trời, đã trở thành người, sống một cuộc sống vô tội và bởi sự chết thể của Ngài, đã trả án phạt về tội lỗi của con người. Ngài là con đường duy nhất để đem đến sự phục hòa và mối tương giao với Đức Chúa Trời. Không có một phương tiện cứu rỗi nào khác ngoại trừ đức tin nơi công tác đã hoàn tất của Ngài.

6. Mỗi người trong chúng ta phải nhận món quà tha thứ và phục hồi của Đức Chúa Trời trong Chúa Jêsus một cách cá nhân. Điều này được thực hiện qua sự tự nguyện đặt niềm tin nơi lời hứa của Đức Chúa Trời qua Chúa Jêsus và chủ động từ bỏ tội lỗi biết được.

7. Tất cả chúng ta đều được tha tội và phục hồi dựa vào sự tin cậy của chúng ta nơi Đấng Christ và sự ăn năn tội lỗi của mình. Tuy nhiên, bằng chứng về mối liên hệ mới này phải được thấy qua một cuộc sống được thay đổi và đem đến sự thay đổi. Mục đích của Đức Chúa Trời cho con người không phải chỉ là thiên đàng trong một ngày nào đó, nhưng là sự giống với Đấng Christ ngay bây giờ. Những người thật sự được cứu, mặc dù thỉnh thoảng có phạm tội, sẽ tiếp tục sống trong đức tin và sự ăn năn suốt cuộc đời họ.

8. Đức Thánh Linh là “một Jêsus khác.” Ngài hiện diện trong thế giới này để dẫn đưa những người hư mất về với Đấng Christ và bồi đắp sự giống với Đấng Christ càng hơn trong đời sống của những người được cứu. Các ân tứ của Thánh Linh được ban cho ngay trong thời điểm nhận sự cứu rỗi. Chúng là đời sống và mục vụ của Chúa Jêsus phân chia ra giữa vòng thân thể Ngài, tức là Hội thánh. Các ân tứ này về cơ bản là những thái độ và động cơ của Chúa Jêsus cần được thúc đẩy bởi các bông trái Thánh Linh. Thánh Linh đang hoạt động trong thời đại ngày nay cũng như Ngài đã hoạt động trong thời của Kinh thánh.

9. Đức Chúa Cha đã khiến Chúa Jêsus Christ là đấng đã sống lại, làm quan án trên mọi sự. Ngài sẽ trở lại trái đất này để phán xét mọi người. Những ai đã tin cậy nơi Chúa Jêsus và tên của họ đã được ghi vào sách sự sống của Chiên Con sẽ nhận lấy một thân thể vinh hiển đời đời khi Ngài trở lại. Họ sẽ được ở với Ngài luôn luôn. Tuy nhiên, những ai đã khước từ lẽ thật của Đức Chúa Trời sẽ bị phân cách khỏi niềm vui tương giao với Ba Ngôi Đức Chúa Trời đời đời. Họ sẽ bị rủa sã cùng với ma quỷ và các thuộc hạ của nó.

Rõ ràng đây không phải là một bản tuyên bố hoàn toàn đầy đủ tuyệt đối nhưng tôi hy vọng nó sẽ cho anh chị em biết hương vị thần học từ chính tấm lòng của tôi. Tôi thích câu nói này:

“Trong cốt lõi- là sự hợp nhất, Trong những vấn đề ngoài lề- là sự tự do, Trong mọi điều- là tình yêu thương.”